

**Địa Tạng Bồ Tát  
Bốn Nguyên Kinh  
Khoa Chú**

**地藏菩薩本願經  
科注**

**Đường Tam Tạng sa-môn Thật Xoa Nan Đà dịch  
Cổ Diêm Khuông Am Thanh Liên bát-sô Linh Thừa soạn  
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang**

**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

*(trang trống)*







*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

**地藏菩薩本願經科注**

**Đường Tam Tạng sa-môn Thật Xoa Nan Đà dịch kinh**

**唐三藏沙門實叉難陀譯**

**Cổ Diêm Khuông Am Thanh Liên bật-sô Linh Thừa soạn**

**古鹽匡菴青蓮苾芻靈察父輯**

**Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**

**(theo bản in tháng Bảy năm 2017**

**của Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội, Đài Loan)**

**Giảo chánh: Đức Phong và Huệ Trang**

*Lời tựa cho bộ Địa Tạng Kinh Chú*

Địa Tạng Kinh Chú do Vận Hà Thừa Công, hiệu Thanh Liên pháp sư trước tác. Anh Ngài là hòa thượng Ngũ Sơn thâm giao với tôi đã lâu; do vậy, Ngài sai tôi viết lời tựa. Tôi tự nghĩ mình trọn chẳng thông thạo kinh sách nhà Phật, một khi miễn cưỡng dùng những lời lẽ mình không quen thuộc để viết lời Tựa, há chẳng mâu thuẫn với ý chỉ chân thành từ những lời lẽ trau chuốt do Sư đã viết ư? Lại nhớ thuở tráng niên, tôi từng theo tiên phụ đến thăm ngài Ngũ Sơn, gặp đúng dịp thầy Vận Hà cũng đến thăm anh mình. Vì thế, có dịp tiếp xúc mấy đêm, thưa hỏi lẽ vô cùng. Cha tôi hết sức khen ngợi Sư là bậc học rộng, căn cơ viên đốn, cười bảo ngài Ngũ Sơn: “*Cổ nhân ca ngợi Vô Trước và Thiên Thân, anh em hòa thượng chẳng lẽ không giống như vậy hay sao?*” Tới nay, thoáng chốc đã hơn ba mươi năm, nhớ lại thuở ấy, hội Linh Sơn vẫn nghiễm nhiên chưa tan, khôn ngăn nỗi buồn thương chưa báo đáp ân cha mà đã cô cút. Ngài Ngũ Sơn lại kể lời ngài Vận Hà tự thuật [nguyên do soạn bộ chú giải ấy]: “*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh là hiếu kinh do đức Phật đã nói. Do tự thân thờ đã lo du phương tham phởng bao năm, lỡ dịp phụng dưỡng song thân, bèn chú giải kinh này để tạo phước trong cõi âm [cho cha mẹ]*”. Tôi đang ôm nỗi buồn đau suốt kiếp, do nghe lời ấy, bèn nghẹn ngào, khóc lóc thất thanh, phủ phục dưới đất chẳng thể dậy nổi!

Trong bài Nguyên Đạo, ông Hàn Xương Lê (Hàn Dũ) chỉ dùng những chuyện hành xử thường nhật thuộc về nhân luân để tranh biện về

## *Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyễn Kinh Khoa Chú*

hai giáo (Nho và Phật), cho rằng “Nho có chuyện ấy (đạo hiếu), mà giáo kia (đạo Phật) thì bỏ sót; đạo Nho thông suốt chuyện này, còn đạo Phật thì khuất lấp”. Cũng như trong bài “*Dữ phù đồ Văn Suống Tự*” (lời tựa cho tác phẩm của nhà sư Văn Suống), ông ta lại còn biện định: “Có những kẻ mang tiếng là Nho sĩ mà hành theo Mặc Tử, có những kẻ theo thuyết Mặc Tử mà hành xử theo đạo Nho”. Nay thầy Vận Hà ngoài việc du phương [tham học], còn biết đến cội gốc, mong có cái để báo đền đạo hiếu, bèn sưu tập rộng rãi, sáng tối chẳng mệt. Kinh Thi có câu: “*Túc mi, dạ hưng, vô thiên nhĩ sở sanh*” (Dậy sớm, thức trễ; chẳng làm chuyện gì khiến đáng sanh ra ta phải hổ thẹn). Tuy hành vi thể hiện lòng hiếu của thầy Vận Hà chẳng phải là cách ứng xử theo đạo hiếu của Nho gia, nhưng cái tâm ấy có khác gì đạo Nho hay chẳng? Nay có những kẻ suốt ngày tuân phụng giáo huấn của Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Châu Công, Không Tử, nhưng [hành xử] cứ như “*xác sống, thình lạng nhìn đời*”, mong báo đáp ân nghĩa lòng lộng mà chẳng biết làm cách nào! Than ôi! Thiên kinh địa nghĩa là như thế nào mà lại chẳng bằng một vị áo thâm, ăn chay vậy thay! Xét lòng tự hỏi: “Gần như chưa xứng làm người, hơi đâu mà biện định Nho hay Mặc nữa!”

Tăng Tử bảo: “*Đạo hiếu thì cứ xét đến trọn hết biển Đông làm chuẩn, xét đến trọn hết biển Tây làm chuẩn, xét đến trọn hết biển Bắc làm chuẩn, xét đến trọn hết biển Nam làm chuẩn*”. Tây Trúc ở ngoài Lưu Sa<sup>1</sup> xa xôi, cách Trung Hoa chẳng biết mấy vạn dặm, nhưng giáo pháp nhà Phật lấy vô tướng làm Tông, lấy Không Vô Sở Hữu làm chân lý, chỉ riêng nói đạo hiếu thì thế gian lẫn xuất thế gian chẳng hề bỏ phước được! Đây gọi là “*cùng một tâm này, cùng một lý này*”. Bản chú giải của thầy Vận Hà đã nêu tỏ đạo của chính mình, lại còn giúp [hiển dương] kinh điển đạo Nho chẳng cạn! Há tôi có thể nài có chẳng quen học tập sách vở nhà Phật mà chẳng thốt một lời tán dương ư? Ngài Ngu Sơn thường sách tấn tôi: “*Hãy nên thấu hiểu tột cùng ý nghĩa của chuyện này*”, đây là đạo hiếu đó chẳng? Có phải chính là chuyện ấy hay chẳng? Hay chẳng phải vậy? Tôi đã là kẻ côi cút trợ trợ, có lắm nỗi thiếu sót, chỉ nghĩ tới thừa theo cha đi lại đây đó, càng cảm thấy anh em ngài Ngu Sơn anh xướng em họa du dương, đồng tâm nhất trí, mỗi vị đều đáng gọi là bậc rồng, hổ nơi kinh điển, giáo nghĩa; còn tôi là kẻ kém

---

<sup>1</sup> Lưu Sa vốn là thành ngữ chỉ hiện tượng cát lún (quicksand), tức là những vùng cát mà người hoặc vật bước lên đó sẽ bị lún sâu xuống, chết ngộp trong cát. Thừa trước, từ ngữ này thường được dùng để chỉ vùng sa mạc thuộc Tây Vực.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

cỏi, tài sơ, tuổi già lẩm bệnh, tinh thần suy lụn, bông lung, bất tài, chẳng thể giải ngộ chút nào, thua kém đến mức nào? Vì thế, lệ đẫm nghiên mực, giải bày đôi điều.

Đầu mùa Hạ năm Đinh Mão (1687) đời Khang Hy, cức nhân<sup>2</sup> Từ Trác xông hương, tẩm gội, lễ bái kính đề.

### ***Lời tựa cho bộ Địa Tạng Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Địa Tạng Bản Nguyên Kinh Khoa Chú do Vận Hà Thừa Công Thanh Liên đại sư trước tác, hậu duệ của ngài Thiên Thai Trí Giả là pháp sư Mãn Hy tìm kiếm suốt mười mấy năm mới tìm được, giao cho thợ khắc ván in ra vào mùa Thu năm Tân Ty (1881), bảo tôi viết lời tựa. Tôi từ tạ: “Lời tựa của ông Từ đã trọn hết lễ nhiệm, tôi còn nôi đuôi làm gì nữa?” Ngài Mãn Hy bảo: “Đúng là vậy, nhưng cũng chưa hoàn toàn đúng là như thế. Lời tựa ấy tuy hay, nhưng chưa phơi bày trọn hết những điều ẩn tàng. Ông là Nho sĩ mà hành đạo Thích, tuổi thiếu niên đã đỗ Tiến Sĩ, làm quan chỗ nổi tiếng, thông hiểu kinh sách hai nhà (Nho và Phật). Có một lời xác chứng của ông, sẽ hơn vạn vạn lần [những lời đoan quyết của] hàng Tăng sĩ!” Tôi thấp hương, lặng lẽ đọc [bộ sách chú giải này, nhận thấy]: “Đức Phật đã lên trời Đạo Lợi thuyết pháp cho mẹ, lại triệu vời Địa Tạng Đại Sĩ vĩnh viễn làm U Minh giáo chủ, để những kẻ có cha mẹ trong cõi đời, đều được báo đền nguồn cội, truy tiến cho cha mẹ đều được dự lên Cực Lạc”. Liên xếp sách, nức nở nói: - Đây là hiệu kinh của đạo Nho vậy! Người đời khinh mạn, chẳng suy xét, chỉ coi là kinh dạy suông về nhân quả, lảm lạp lảm thay! Phàm là hiệu như đạo Nho đã nói, thì trên là làm quan cao chức cả [khiến cho cha mẹ] được sắc phong vinh hiển, dưới là tìm kiếm những món ngon béo để cung phụng. Ngoài những chuyện ấy ra thì lặng thinh chẳng nghe nói chi khác nữa! So với đạo Thích khẳng khẳng thành tựu chính mình ngõ hầu thành tựu cha mẹ, [khác biệt] há chỉ một trời, một vực! Do người đời chẳng suy xét căn kẽ dấu vết xuất thế nơi tâm, chỉ thấy họ rời lìa cha mẹ để tham phỏng bậc danh sư liền quở trách: “Đấy là cái học đoạn tuyệt luân thường!” Chẳng biết như người vượt biển, bỗng gặp bão lốc, cả nhà chìm đắm, mạng trong khoảnh khắc, có một người đủ sức bơi được vào bờ, kiếm được một chiếc tàu to, cứu giúp người thân đều lên Cực Lạc.

---

<sup>2</sup> Cức nhân (棘人, người đau đớn như bị gai đâm trong lòng) là từ ngữ chỉ người đang trong giai đoạn cư tang cha hoặc mẹ.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

So với chuyện một mực cùng nhau cam chịu đắm chìm, chẳng cầu thoát ra, để rồi cùng nhau chết sạch là như thế nào vậy? Kinh này quả thật là hiếu kinh của nhà Phật, chẳng phải là như kinh Thi đã nói “*hiếu tử bất quý, dận tích nhĩ loại*” (hiếu tử chẳng bị thiếu thốn, trời cao vĩnh viễn ban ơn cho người) đây sao? Vì thế, viết lời tựa.

Ngày lành giữa tiết Thu năm Ất Dậu (1885) đời Quang Tự, Tiên Sĩ xuất thân, được ban thưởng cài hoa, bổ dụng làm tri phủ huyện An Cát thuộc phủ Hồ Châu tỉnh Chiết Giang là Lý Tông Nghiệp rửa tay kính soạn.

### ***Lời tựa tái bản bộ Địa Tạng Kinh Khoa Chú***

Kẻ bất hiếu với cha mẹ, không đáng làm người! Hiếu mà chẳng liễu sanh tử, chẳng đáng coi là hiếu! Vì lẽ nào? Không ân nào lớn hơn ân cha mẹ. Dầu nhọc nhằn chăm sóc, phụng dưỡng, chẳng bỏ sót một điều nhỏ nhặt nào, bất quá [chỉ nhỏ nhặt như] một cân từ quả núi, hoặc một giọt nước biển! Không nổi khổ nào bằng nổi khổ sanh tử, dầu thành ý chánh tâm, cúi xuống, ngẩng lên đều chẳng thẹn, khó tránh luân hồi trong các cõi, huống hồ con người chưa chắc đã hiếu thảo! Dầu hiếu thảo, chưa chắc đã tinh thuần!

Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Công Đức Kinh, gọi đại lược là kinh Địa Tạng, chính là hiếu kinh xuất thế do đức Phật nói ra. Từ khi thành đạo trở đi, đức Phật ôm lòng bi mẫn, rộng thực hiện hóa độ. Do vì thời nhập Niết Bàn sắp đến, mà ân mẹ chưa báo, Ngài bèn lên Đạo Lợi, vì mẹ thuyết pháp; thừa dịp ấy phóng quang, triệu tập vô số phân thân Địa Tạng tới cung trời, lại còn bốn lượt xung dương, rút cuộc ân cần dặn dò, giao phó trách nhiệm độ sanh nặng nề cho Bồ Tát. Bởi lẽ, lúc tu nhân, ngài Địa Tạng từng là cô gái Bà-la-môn và nàng Quang Mục, đều do cứu mẹ mới phát ra thế nguyện vĩ đại, giống như tâm Phật, phù hợp khít khao. Vì thế, [đức Phật] nói Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Công Đức Kinh để độ Phật mẫu Ma Da phu nhân, cũng như khiên cho đệ tử Phật trong mai sau, ai nấy đều hiếu thảo với cha mẹ, cùng đều lên bờ kia, thoát khỏi biển khổ sanh tử.

Kinh này có hai bản dịch: Một là do ngài Pháp Đăng và Pháp Cự dịch, niên đại lần thời gian đều chẳng rõ. Bản kia do Tam Tạng sa-môn xứ Vu Điền là Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường. Từ ngữ tuy đại đồng tiểu dị, nhưng Liên Trì đại sư phán quyết dùng bản dịch đời Đường

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện Kinh Khoa Chú***

làm bằng chứng. Gồm thâu những điểm cương yếu thì mười ba phẩm có thể chia thành bốn chương lớn:

1) Phẩm thứ nhất là Đạo Lợi Thiên Cung Thần Thông, và phẩm thứ hai là Phân Thân Tập Hội, nói rõ ngài Địa Tạng là vị hóa chủ, tức là Đại Sĩ phân thân vô lượng, thâm nhập Nê Lê (Naraka, địa ngục), là vị U Minh giáo chủ dùng lòng hiếu để giáo hóa, khiến [chúng sanh đang đọa địa ngục] được sanh vào đường trời, người.

2) Phẩm thứ ba, tức Quán Chúng Sanh Nghiệp Duyên, phẩm thứ tư là Diêm Phù Chúng Sanh Nghiệp Cấm, và phẩm thứ năm là Địa Ngục Danh Hiệu, nói rõ căn cơ được giáo hóa bởi Địa Tạng Bồ Tát, tức là những chúng sanh tội ác bất hiếu với song thân, chẳng tôn kính Tam Bảo, do tham, sân, si Hoặc mà tạo thân, khẩu, ý nghiệp, đang đọa trong Vô Gián.

3) Phẩm thứ sáu, tức Như Lai Tán Thán, phẩm thứ bảy là Lợi Ích Tồn Vong, phẩm thứ tám là Diêm La Vương Chúng Tán Thán, nói về cái duyên độ sanh, tức thấp hương, tụng kinh, tạo phan, tạc tượng, trai tăng cúng dường đại chúng, các thứ thiện duyên.

4) Phẩm thứ chín là Xưng Phật Danh Hiệu, phẩm thứ mười là Giáo Lượng Bồ Thí Công Đức Duyên, phẩm thứ mười một là Địa Thần Hộ Pháp, phẩm thứ mười hai là Kiến Văn Lợi Ích, phẩm thứ mười ba là Chúc Lụy Nhân Thiên, nói rõ cái nhân thành Phật, tức là dạy mọi người chí thành cung kính, niệm danh hiệu Phật, hoặc danh hiệu Bồ Tát, cho đến bồ thí tài hay bồ thí pháp, đều là chánh nhân Bồ Đề để độ trọn hết chúng sanh.

Nhân quả tường tận, rõ ràng, văn từ sáng sủa, trôi chảy, phô bày trọn vẹn diệu đế “*tâm, Phật, chúng sanh, cả ba vô sai biệt*”. Của quý báu tốt cùng trong đời Mạt Pháp không chi hơn được kinh này! Đời nhà Thanh, vị cổ đức trong tông Thiên Thai là pháp sư Thanh Liên đã soạn bộ Khoa Chú gồm sáu quyển, dung thông Giáo Quán, lại còn giải thích, giảng giải. Không chỉ khiến cho những kẻ sơ cơ dù Tăng hay tục đối với lòng đại từ đại hiếu của đức Phật và đại nguyện đại lực của ngài Địa Tạng vừa mở sách ra bèn hiểu rành rành, chẳng còn ẩn giấu mảy may, mà còn khiến cho những bậc long tượng trong biển Giáo cũng nương theo “sơ đồ hướng dẫn” này, tuân phụng như của báu bí mật. Đối với sự giáo hóa của đức Phật, công lao của bản chú giải này há có bờ bến? Tiếc là bản gốc do giấy đắt, giá thành cao, chẳng dễ phổ cập. Những vị cùng chí hướng thuộc Tô Châu Giác Xã đã thương lượng với Cổ Ngô Phật Kinh Lưu Thông Xứ và Thượng Hải Phật Học Thư Cục chiêu mộ rộng

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

rãi những vị cùng chí hướng, in lại sách này mấy ngàn bộ để rộng kết pháp duyên, mong sao những chốn hẻo lánh quê mùa đều có được một bản, sẽ do lòng hiếu thảo với cha mẹ mà từ mình nghĩ đến người khác, ngõ hầu cha mẹ ba đời còn sống thì nghiệp tiêu, Hoặc tận, lìa khổ được vui, đã khuất thì sẽ dự vào địa vị Bất Thoái, chứng Vô Sanh Nhân. Đây cũng là Tăng Na<sup>3</sup> “*địa ngục chưa trống, thề chẳng thành Phật*” đây chẳng? Khôn ngăn hoan hỷ tán thán, thuật bày duyên khởi như thế đó.

Đầu Hạ năm Bính Tý, tức năm Dân Quốc 25 (1936), Quý Thánh Nhất kính cẩn viết lời tựa.

### ***Duyên khởi của Địa Tạng Kinh Luân Quán Khoa Chú***

Địa Tạng Bản Nguyên Kinh chính là hiếu kinh do đức Phật đã nói. Nguyên do nói kinh này là để ngăn dứt sự báng bỏ sâu đậm [ràng đạo Phật] chẳng biết ân nghĩa, hòng dạy sâu xa đạo báo ân là cái gốc to tát. Vì thế, khi lửa úng hóa của đức Phật sắp tắt, Ngài bèn lên trời Đạo Lợi giảng kinh cho mẹ, khiến cho [chúng sanh] trông thấy dấu đạo ấy, chẳng phải là đã chỉ bày đại hiếu xuất thế ở ngay trong đạo Thích của chúng ta đó ư? Thừa dịp ấy, đức Phật phóng quang, triệu tập các phân thân của ngài Địa Tạng về cung trời, phô bày dáng vẻ đại hiếu. Do khi còn tu nhân, Đại Sĩ làm cô gái Bà-la-môn và cô Quang Mục, đều do cứu mẹ mới phát khởi hoàng thệ, đồng tâm nhất trí với tâm đức Phật. Vì thế, đức Phật nói kinh Địa Tạng Bản Nguyên. Hãy nên biết kinh này: Trên trời Đạo Lợi, đức Phật căn dặn, giao phó trời, người trong tương lai cho đức Địa Tạng, đợi tới khi ngài Di Lạc tại rừng hoa [thành Chánh Giác]. Đúng là thuyền Từ trong biển nghiệp, là bố đước to trong nẻo tối, là đường tắt để tiến nhập nhân thiên, là pháp môn trọng yếu để nhập Phật đạo. Vứt bỏ pháp này, sợ rằng sẽ lang thang không chốn quay về. Nay nêu tường tận nguyên do, ngõ hầu [người đọc] sẽ thấy được lẽ thật.

Tông yếu của cả bộ kinh, có thể chia đại lược thành bốn chương:

1) Trước hết là chỉ rõ đáng hóa chủ, tức là Đại Sĩ phân thân vào chốn Nê Lê, dùng lòng hiếu để giáo hóa, chủ yếu là khiến cho chúng sanh được sanh trong đường trời người.

---

<sup>3</sup> Tăng Na (Saṃnāha-saṃnaddha), còn phiên âm là Tăng Na Tăng Niết, là từ ngữ chỉ Tứ Hoàng Thệ Nguyên của Bồ Tát. Tăng Na là áo giáp, còn Tăng Niết là trang nghiêm. Do vậy, từ ngữ này có nghĩa là “khoác lấy giáp trụ thệ nguyện để trang nghiêm”.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

2) Kế đó, nói rõ căn cơ được Ngài giáo hóa, tức là những kẻ phạm tội bất hiếu song thân, [bất kính] Tam Bảo, tạo ác đọa khổ.

3) Thứ ba là nói rõ cái duyên độ thoát, tức là khiến cho những ai đọc bản kinh hiếu thuận, cúng dường tượng của bậc Đại Hiếu, sẽ tạo thành cái duyên cơ cảm độ thoát.

4) Thứ tư là nêu ra cái nhân thành Phật, tức là dạy họ hãy niệm danh hiệu của bậc hiếu thuận trong nhà Phật, bố thí, thuận theo điều phước, sẽ thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế, kinh Phạm Võng dạy: *“Thích Ca Mâu Ni Phật thành Vô Thượng Chánh Giác, đã kết quy điều đầu tiên trong Ba La Đề Mộc Xoa (giới cấm) cho hàng Bồ Tát là hiếu thuận cha mẹ, sư tăng, Tam Bảo”*. Há hạnh hiếu thuận chẳng phải là phần Chánh Tông của bộ kinh này? Phần Tựa nhằm dẫn nhập điều này, phần Lưu Thông nhằm lưu truyền điều này. Chẳng đầu, chẳng giữa, chẳng cuối đều tốt lành, thuần nhất vô tạp; đây chính là bản hoài xuất thế của đức giáo chủ, là đại sự nhân duyên của chư Phật. Không chỉ là [kinh này] có cùng công năng như kinh Pháp Hoa, mà đức còn to lớn hơn, càng khó có hơn nữa! Có sao pháp hóa chưa hưng thịnh mà pháp vận đã ngưng lấp. Kể từ thuở kinh được dịch từ tiếng Phạn vào đời Đường trở đi, cho tới nay, vẫn chưa được soạn tập, pháp môn rất thiếu sách vở, tiền nhân trọn chẳng quan tâm, lại là vì lẽ nào vậy?

Tôi xuất gia từ bé, chẳng được phụng dưỡng song thân. Tôi lớn lo đi tham học, càng ít có dịp hỏi han, thăm viếng. Sau này, mong đón về hầu hạ, cha mẹ đã hết nghiệp, ra đi, chỉ đành buồn sưng trước cảnh *“cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng”*, mong phụng dưỡng mà chẳng có cách nào! Bèn vào cuối Đông năm Kỷ Mùi (1679) trong niên hiệu Khang Hy, thấp hương, biên chép kỹ càng một bộ, vào mỗi dịp Thập Trai, đắp y, kính tụng một lượt để làm kế sách to lớn hồng ngâm giúp [cho hương hồn cha mẹ], dùng đó làm thường khóa để đền đáp thâm ân. Ngay trong lúc vừa mở kinh ra, phần lớn luôn có cảm giác tươi mới tràn trề. Nay đã quá tuổi *“nhĩ thuận”* (sáu mươi), quang âm sắp hết, nếu chẳng ngay lập tức lập ngôn, sợ sẽ thành nguyện niệm sưng! Dầu thiếu tài viết lách, phán định cao tột, rất thiếu tinh lực và tâm tư để tận lực tìm tòi như chư tổ, nhưng đối với bộ kinh viên mãn này, đâu nữ làm ngơ! Do vậy bèn viết phần Luân Quán để giải thích tựa đề kinh, lại còn soạn khoa chú để giải thích từng câu kinh văn. Điều chánh yếu là tỏ rõ bi tâm của đức Phật, tỏa rạng bản nguyện của đức Địa Tạng, bù đắp sự thiếu thốn sách vở cho pháp môn này, khơi gợi lòng hiếu thảo cho hàng hậu học đó thôi! Hoàn thành bản thảo, cho khắc ván, thỉnh giáo bậc cao minh, hiềm

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

rằng am của tôi vốn thiếu kinh điển, chẳng có người giúp sức, sao tránh khỏi chuốc tiếng chê cười “*nêu một điều, thiếu sót cả vạn!*” Những mong được bậc thông đạt chỉ bày cặn kẽ, rủ lòng soi xét chí hướng ngu thành của tôi. Ngưỡng mong ai nấy cùng tuân theo bản nguyện, noi dấu độ sanh, khiến cho Phật nhật mãi treo, soi tan sự tăm tối giữa hai rặng Thiết Vi, khiến cho cửa ải tối tăm luôn mở, tiêu trừ nỗi chua xót ức kiếp chôn Nê Lê, ngõ hầu chẳng phụ tấm lòng bi hiếu của đức Phật thuyết pháp, dẫn dò Đại Sĩ chôn thiên cung. Đây chính là chỗ để chúng ta báo ân. Vì thế, trần thuật duyên khởi để trình bày đại lược đầu mối vậy.

Từ ngày thượng nguyên năm Giáp Tý cho đến ngày Phật thành đạo vào tháng Chạp năm Đinh Sửu (1697) đời Khang Hy, người nói pháp Thiên Thai Giáo Quán Chánh Tông đời thứ năm là Thanh Liên bát-sô Linh Thừa soạn.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Luân Quán***

### **地藏菩薩本願經論貫**

#### ***I. Ngũ Trùng Huyền Nghĩa***

Bản thể của nhất niệm tự tánh vốn tĩnh lặng, cái Dụng của tâm tự tánh vốn rỗng rang, linh thông, vô tướng, vô danh, dứt bật nghĩ bàn, là chỗ y chỉ cho quần sanh, là cội nguồn của muôn pháp, danh hiệu rốt ráo là Trung Đạo Chánh Không, được xưng tụng là Đệ Nhất Nghĩa Đế. Chư Phật ngộ điều này, ba thân bèn hiển lộ trọn vẹn. Chúng sanh mê điều này, bèn xoay vần trong sáu nẻo. Tuy mê, ngộ cố nhiên sai khác, nhưng tâm tánh chẳng khác biệt. Vì thế, cổ đức nói: “*Hư không thế giới toàn là tự tâm của chính mình; xét báo ứng thiện ác, toàn là do cái tâm mê hoặc*”. Vốn là một tâm mà xuyên suốt các pháp; vì thế, trong pháp môn của đức Phật, chỉ lấy tâm làm đạo. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Tâm như công họa sư, tạo chủng chủng Ngũ Uẩn, nhất thiết thế gian trung, vô bất do tâm tạo*” (Tâm như thợ vẽ khéo, tạo các thứ Ngũ Uẩn, trong hết thấy thế gian, không gì chẳng tâm tạo). Luận Khởi Tín nói: “*Có pháp có thể dấy khởi tín tướng (tướng trạng tin tưởng) đối với Ma Ha Diễn (Đại Thừa). Pháp vừa nói đó chính là cái tâm của chúng sanh. Tâm ấy bao hàm hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian*”, đều là nói về ý này. Đây chính là như Địa Tạng Bồ Tát đã dạy: “*Hết thấy các pháp đều khởi từ tâm, cùng với tâm tạo ra tướng, hòa hợp mà có, cùng sanh, cùng diệt, đều cùng chẳng trụ. Do trong hết thấy cảnh giới, chỉ tùy thuận theo cái*



## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*tâm duyên vào đâu, mà sẽ liên tục tồn tại trong mỗi niệm, tạm thời hiện hữu”.* Đây chính là Ngài đã chỉ dạy ý chỉ nơi pháp môn tâm địa này.

Nay để ngộ lại đó, chỉ luận về mê. Trời, người, A Tu La do thiện phẩm mà nhẹ nhàng thăng tấn; còn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh do ác nghiệp mà chìm đắm, đọa lạc. Trong số những loài quỷ hay súc sanh đọa lạc ấy, lại chia thành nặng hay nhẹ [sai khác], còn kẻ chìm đắm trong địa ngục thì chẳng có lớn nhỏ sai biệt! Nói chung là do vô minh điên đảo, đên nổi có địa ngục chánh và phụ. Vì thế, phàm phu do mê muội nguồn tâm, thuận theo vọng niệm, xằng bậy tạo ác nghiệp, lầm lạc hứng chịu khổ báo. Chẳng nhờ vào lòng đại bi của bậc chí thánh, sao có thể giải trừ nổi khổ cùng cực bị treo ngược? Vì thế, đức Địa Tạng từ vương khăng khăng vào cõi U Minh, dùng lòng từ bi đồng thể, bao kiếp cứu vớt mà vẫn chưa xong. Thích Ca Văn Phật đặc biệt lên cõi trời Đao Lợi báo đáp ân đức thánh mẫu, ra rả căn dặn, giải bày, khiến cho kẻ hướng về Phật pháp dâng chút nước, chút hoa, đều thoát khỏi nổi khổ chón u đồ, ngộ hầu kẻ đối trước Đại Sĩ tạm chiêm ngưỡng, hoặc lễ một lay, đều được hưởng niềm vui nơi địa vị thù thắng. Công không chi lớn bằng, nghĩa há suy lường nổi ư? Linh Thừa tôi tuy sanh vào lúc pháp vận đã nhạt, may mắn gặp gỡ chân thừa, bèn vâng theo lòng tùy hỷ, viết lách hồng làm cơ sở tiếp dẫn, giải bày tri kiến hẹp hòi, giải thích đại lược tựa đề kinh, ngưỡng mong Tam Bảo thăm gia hộ, tổng hợp các lời nhận định hồng dung thông xuyên suốt. Nguyên khắp những ai thấy nghe, đều tiến nhập Cực Lạc.

Nay trước hết giải thích chung về tựa đề kinh, kể đó, nêu tổng quát quán pháp, điều thứ ba là giảng giải từng phần kinh văn riêng biệt. Chuẩn theo khuôn phép thom thảo giải thích kinh điển của Trí Giả đại sư, trước hết là nói về năm tầng huyền nghĩa: Một là giải thích tên kinh, hai là biện định cái Thể, ba là nêu rõ Tông, bốn là luận định cái Dụng, năm là phán định giáo tướng. Sở dĩ dùng năm tầng để giải thích, là vì đối với những nghĩa lý u huyền trong kinh, [muốn khiến cho] người đọc vừa xem liền có thể đối với cái danh năng thuyên (tựa đề kinh) mà nhận biết cái Thể được diễn tả bởi nó. Do muốn hiển lộ cái Thể ấy, cần phải nêu rõ tông yếu. Tông đã thành, Thể đã hiển lộ, diệu dụng đắc lực, sau đây mới phán định [bản kinh ấy] thuộc thời nào, pháp vị nào, bộ nào, giáo nào, thì nghĩa lý tông chỉ sẽ rành rành, rạng ngời nơi tâm mục. Ví như muốn xem núi, ngắm sông, trước hết phải xem xét bản đồ, đọc sách vở ghi chép, dấu chưa ra khỏi cửa, mà tình cảnh đã rành rành. Nay dùng Nhân và Pháp chẳng thể nghĩ bàn để đặt tên kinh, dùng tánh thức chẳng nghĩ

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

bàn làm Thể, dùng hạnh nguyện chẳng thể nghĩ bàn làm Tông, dùng phương tiện chẳng thể nghĩ bàn làm Dụng, khơi mở rạng rỡ vô thượng đề-hò làm giáo tướng.

### ***1.1. Thích Danh***

Trong phần Thích Danh (giải thích tên kinh), sáu chữ Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên là Biệt Đề, vì khác với các kinh. Một chữ Kinh trong tựa đề là Thông Đề, vì các kinh khác đều có. Trong Biệt Đề, lại chia thành Nhân và Pháp. Địa Tạng Bồ Tát là Nhân, Bản Nguyên là Pháp. Đối với bản kinh này, đức Phật vốn tự kết kinh danh thành ba loại [tên gọi]: Một là Địa Tạng Bản Nguyên, còn gọi là Địa Tạng Bản Hạnh, còn gọi là Địa Tạng Bản Thệ Lục Kinh. Nay chỉ nêu lên duy nhất danh xưng Địa Tạng Bản Nguyên, là vì đã có nguyện, ắt phải hành hạnh. Hạnh đã thành, ắt sẽ có lực dụng cứu bạt. Vì thế, chỉ nêu một mình danh xưng Bản Nguyên thì sẽ tùy ý bao hàm hai thứ kia.

Trong phần Nhân danh, lại chia thành Thông và Biệt, Địa Tạng là Biệt, Bồ Tát là Thông. Đối với danh xưng Địa Tạng, chuẩn theo Phật Thuyết Bát Đại Bồ Tát Mạn Đà La Kinh, phải nên đọc là Khất-sái Ha La Nhạ (Kṣitigarbha), dịch nghĩa là Địa Tạng. Nếu dựa theo các bản dịch khác, nên nói là Cù Tát (Kṣiti) dịch là Địa, Câu Xá (Garbha) hoặc [còn phiên âm là] Tỷ Ca, hay Trích Ca, dịch là Tạng. Kinh dạy: “*Như địa chur hữu tình, sở y nhất bất đoạn*” (Như đất là nơi các hữu tình nương tựa chẳng ngưng dứt). Đây là dựa trên thí dụ để đặt trên. Do đất là một vật mà có thể chứa đựng vô lượng; do vậy, nó đứng đầu Tứ Đại, là một hành (tức hành Thổ) trong Ngũ Hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ), sanh thành bởi nguyên khí, là tổ của vạn vật. [Trong Bát Quái], Quái của nó là Khôn (坤), đức của nó là Mẫu (mẹ). Sách Châu Dịch nói: “*Chí tai Khôn nguyên, vạn vật tư sanh, hàm hoàng quang đại, phẩm vật hàm hanh*” (Lớn lao thay đức Khôn, sanh thành muôn vật; rộng chứa những điều tươi đẹp nhất, muôn vật đều hanh thông). Thể và Dụng rộng sâu, đức to lớn, khó thể diễn tả được! Do vậy, đất có thể gìn giữ, có thể nuôi dưỡng, có thể chuyên chở, có thể sanh thành. Đây là giải thích dựa theo sách Nho. Nếu chuẩn theo phần giải thích về Thập Địa trong Tứ Niệm Xứ thì: “*Từ Sơ Địa có ba nghĩa là trụ trì (gìn giữ, duy trì), sanh trưởng, và gánh vác*”. Cho đến địa vị rốt ráo sau cùng thì cũng có ba nghĩa. Đây chính là

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

coi Tánh là Địa. Nhân tu vạn hạnh, quả viên mãn muôn đức, đều trọn đủ ba nghĩa.

Kinh Thập Luân dạy: *“Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, dĩ chư chủng tử, thực u hoang điền, hoặc u thực điền trung. Nhược cần doanh vụ, hoặc bất doanh vụ. Hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, thử thiện nam tử công đức diêu định, oai thần lực cố, linh bỉ nhất thiết quả thật phong năm. Sở dĩ giả hà? Thử thiện nam tử tăng quá vô lượng vô số đại kiếp, u quá số lượng Phật Thế Tôn sở, phát đại tinh tấn, kiên cố thệ nguyện. Do thử nguyện lực, vị dục thành thực chư hữu tình cố, thường phổ trụ trì nhất thiết đại địa, thường phổ trụ trì nhất thiết chủng tử, năng linh đại địa nhất thiết thảo mộc, căn, tu, nha, hành, chi, diệp, hoa, quả, giai tất sanh trưởng. Dược cốc miêu căn, hoa quả mậu thật, thành thực nhuần trạch, hương khiết nhuyễn mỹ”* (Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình đem các hạt giống gieo xuống ruộng hoang, hoặc trong ruộng thực<sup>4</sup>, hoặc là siêng năng chăm bón, hoặc chẳng siêng năng chăm bón. Nếu có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, thì vị thiện nam tử ấy (Địa Tạng Bồ Tát) do công đức, diêu định và sức oai thần, sẽ khiến cho hết thảy quả, hạt đều sum suê, chín rộ. Vì lẽ nào vậy? Vị thiện nam tử ấy đã từng trong vô lượng vô số đại kiếp, từng ở nơi vượt quá số lượng Phật Thế Tôn, phát ra thệ nguyện đại tinh tấn kiên cố. Do nguyện lực ấy, vì muốn thành thực các hữu tình, thường trụ trì trọn khắp hết thảy các đại địa, thường trụ trì trọn khắp hết thảy các chủng tử, có thể khiến cho hết thảy thảo mộc trên đại địa, rễ, tua, mầm, thân, cành, lá, hoa, quả, thảy đều sanh trưởng. Mầm rễ của thuốc, ngũ cốc, hoa quả sum suê, chắc hạt, chín muồi, tươi mọng, thơm sạch, mềm mại, ngon đẹp).

Lại nói: *“Thí như đại địa, nhất thiết chủng tử, thụ sơn, giá sắc, địa thân chúng sanh chi sở y chỉ. Thử thiện nam tử diệt phục như thị, nhất thiết thù diêu Bồ Đề Phần pháp chi sở y chỉ. Lương do Bồ Tát u quá khứ bất khả thuyết, bất khả thuyết vô số kiếp lai, tán ảnh phân hình, phóng quang thuyết pháp, hằng xứ u minh giới nội, thường giáo lục đạo chúng sanh, hoặc dĩ thành Phật đạo, hoặc cứu giai chân nhân, hoặc tạm trụ Thanh Văn, Duyên Giác, hoặc tại thiên thượng, nhân gian; nãi chí vị lai chúng sanh, thiên cung chúc linh độ thoát. Chánh như đại địa, nhất thiết lại dĩ trụ trì, sanh trưởng, hà phụ”* (Ví như đại địa là chỗ nương tựa

<sup>4</sup> “Ruộng thực”: Ruộng cấy cây đã lâu, đã gieo trồng nhiều năm.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

cho hết thảy các hạt giống, cây cối, núi non, ngũ cốc, ruộng vườn, và chúng sanh. Thiện nam tử này cũng giống như thế, là chỗ nương tựa cho hết thảy các pháp Bồ Đề phân thù thắng nhiệm mầu. Ấy là vì trong quá khứ bất khả thuyết bất khả thuyết vô số kiếp đến nay, Bồ Tát đã phân thân phóng quang, thuyết pháp, luôn ở trong cõi U Minh, thường dạy lục đạo chúng sanh, [các chúng sanh ấy] hoặc đã thành Phật đạo, hoặc đạt lên địa vị chân nhân (cái nhân chân chánh, tức từ Sơ Địa trở lên) đã lâu, hoặc tạm trụ nơi [các địa vị] Thanh Văn, Duyên Giác, hoặc ở trên cõi trời hay nhân gian, cho đến chúng sanh trong đời vị lai, Bồ Tát đã được đức Phật căn dặn cứu độ họ, giống hết như hết thảy đều nương cậy đại địa để duy trì, sanh trưởng, gánh vác). Vì thế kinh dạy: *“Tâm như đại địa, năng an nhất thiết. Dĩ cố Phật thuyết tâm lực vi đại”* (Tâm như đại địa, có thể an trụ hết thảy. Vì thế, đức Phật nói tâm lực là to lớn). Đây đều là dùng cái tâm để minh thị chữ Địa vậy.

Tạng (藏) cũng là dựa theo thí dụ để đặt tên; chính là dùng kho tàng bảy báu của thế gian để sánh ví Tam Đức bí tạng xuất thế. Kinh Niết Bàn dạy: *“Nhu nhân thất bảo, bất xuất dụng ngoại, danh chi vi Tạng. Kỳ nhân sở dĩ tàng tích thử bảo, vị vị lai cố. Sở vị cốc quý, tặc lai xâm quốc, trị ngộ ác vương, vi dụng thực mạng, tài nan đắc thời, nãi đương xuất dụng. Chư Phật bí tạng, diệc phục như thị”* (Nhu người ta đối với bảy báu chẳng đem sử dụng thì gọi là tích chứa. Sở dĩ người ta tích chứa những chất báu ấy là để vì tương lai, chẳng hạn như khi thóc gạo đất đỏ, giặc giã xâm lăng đất nước, gặp phải vua ác, sẽ dùng những thứ đó để chuộc mạng; hoặc khi tiền tài khó khăn, sẽ lấy ra dùng. Bí tạng của chư Phật cũng giống như thế đó). Do vậy, ngài Chương An<sup>5</sup> nói: *“Do ẩn kín nên gọi là Bí, do che đậy nên gọi là Tạng. Chúng sanh chẳng hiểu, nên gọi là Bí Mật. Bao hàm pháp giới, nhiếp hết thảy pháp, dùng chẳng thể hết, thì gọi là Tạng. Do tánh của chúng sanh sẵn có của báu tam thiên, khi bị sáu tên giặc phiền não che lấp, bị ác vương ý thức làm hại, bèn bỏ ra Tam Đức bí tạng này để chuộc cái mạng thường trụ”*. Nay danh hiệu của ngài Địa Tạng chính là dùng những ý nghĩa ấy để đặt

---

<sup>5</sup> Chương An tức là ngài Chương An Quán Đảnh (561-632), tự là Pháp Vân, pháp hiệu là Quán Đảnh, người xứ Chương An (tỉnh Chiết Giang), đồ đệ của tổ Trí Giả đại sư, được tôn xưng là tổ thứ tư của tông Thiên Thai, có công hiến rất lớn trong việc hệ thống, hoàn bị giáo nghĩa của tông Thiên Thai. Những trước tác của Ngài được đánh giá rất cao như các bộ Niết Bàn Huyền Nghĩa, Niết Bàn Kinh Sớ, Quán Tâm Luận, Thiên Thai Bát Giáo Đại Ý...

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

tên. Tam Đức bí tạng chất chứa trong thân tâm của hết thảy chúng sanh, chư Phật do đã ngộ bèn chứng đắc, chúng sanh do mê mất, bèn lưu chuyển. Nhưng bí tạng ấy trọn chẳng dời đổi. Vì thế, Địa Tạng Tát Đóa từ thuở ban sơ phát ra hồng nguyện, cho đến sau khi đã trụ trong địa vị Đẳng Giác, tự hành, hóa độ người khác, trọn chẳng lìa khỏi bí tạng nơi cái tâm này. Bí tạng nơi tâm ấy chính là Niết Bàn. Sách Phụ Hành nói: *“Bồ Tát sơ tâm thường quán Niết Bàn để hành đạo; đó phép tu tự hành ban đầu, và cũng khiến cho chúng sanh thường quán Niết Bàn hồng hóa độ những người khác mới tu, đặt yên các ông trong tạng bí mật. Đó là sự tấn nhập sau khi hóa độ người khác. Chẳng lâu sau, ta cũng tự trụ trong ấy. Đó là sự tấn nhập sau khi tự hành”*. Do vậy biết: Sơ tâm thì tự hay tha, không gì chẳng đều tu. Hậu tâm tự hay tha, không gì chẳng đều nhập. Nay chuẩn theo nghĩa này để giải thích tên kinh.

Ma Ha Bát Niết Bàn Na (Mahānirvāṇa) trong tiếng Phạn, được cõi này dịch là Đại Diệt Độ (大滅度). Đại chính là Pháp Thân, Diệt chính là Giải Thoát, Độ tức Bát Nhã. Trong ba pháp ấy, mỗi pháp đều có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; vì thế, gọi là Đức. Bốn đức ấy chẳng lìa khỏi tâm ta; bốn tạng ấy đều chẳng vượt khỏi Địa. Như lúc ngài Di Lạc thành Phật, cõi ấy có Chuyển Luân Vương tên là Nhưong Khư (Śaṃkha, còn gọi là Sương Khư (霜佉). Cõi này dịch là Bôi (貝, vô sò), tức là Kha Bôi (珂貝). Kinh Hiền Ngu thì [phiên âm chữ này] là Thắng Già, 勝伽), sống ở thành Xí Đầu Mạt. Khi đức Di Lạc thành Phật, có bốn đại bảo tạng đồng thời hiển lộ. Mỗi đại tạng đều có bốn ức tiểu tạng vây quanh. Y Bát La đại tạng (kho vàng) ở nước Càn Đà La, Ban Trục Ca đại tạng (kho bạc) ở nước Di Đề La, Tân Già La đại tạng (kho minh nguyệt châu) ở nước Tu La Trá, Nhưong Khư đại tạng (kho lưu ly, còn gọi là kho Kha Bôi) ở chỗ Cổ Tiên Sơn thuộc nước Ba La Nại. Bốn kho ấy đều thuộc cõi Diêm Phù Đề. Nay Tứ Đức ấy đều có sẵn trong A Lại Da Thức. Vàng ví như Thường đức vì màu sắc chẳng thay đổi. Bạc ví như Lạc đức vì khiến cho người ta đẹp lòng. Minh châu ví như Ngã đức, vì nó hiện sắc tự tại. Lưu Ly ví như Tịnh đức, vì trong ngoài đều thấu suốt.

Lại hãy nên biết: Khi bốn tạng ấy chưa hiển hiện, mỗi tạng đều có thân long bảo vệ chặt chẽ, gìn giữ chẳng để mất mát. Sau khi đã mở ra, không có người thủ hộ, mọi người trông thấy chẳng sanh lòng tham đắm. Điều này thật đúng như bảo tạng trong tâm địa, tuy lúc mê, nó ẩn kín, nhưng chẳng mất đi. Ngay trong khi ngộ, tuy chứng mà chẳng chấp trước. Vì thế biết tâm tạng trọn đủ các thứ báu, tức là *“Không, Già,*

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*Trung, không gì chẳng như ý. Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt*". Danh hiệu Địa Tạng có ý nghĩa như thế đó.

Do vậy, trong kinh Thập Luân, đức Phật bảo Hảo Nghi Vấn Bồ Tát: *"Nhu thị Đại Sĩ thành tựu như thị bất khả tư nghị chư công đức pháp, thị chư thù thắng công đức phục tạng, thị chư giải thoát trân bảo xuất xứ. Sở dĩ giả hà? Địa Tạng Bồ Tát lợi ích an lạc nhất thiết hữu tình; sở nguyện mãn túc như Như Ý bảo, diệc như phục tạng. Như thị Đại Sĩ vị dục thành thực chư hữu tình cố, cứu tu kiên cố đại nguyện, đại bi, dũng mãnh, tinh tấn, quá chư Bồ Tát. Thị cố nhữ đẳng ưng đương cúng dường"* (Bậc Đại Sĩ như vậy, thành tựu các pháp công đức chẳng thể nghĩ bàn như thế đó, chính là các kho báu công đức thù thắng, là chỗ sanh ra các món trân bảo giải thoát. Vì sao vậy? Địa Tạng Bồ Tát lợi ích, an lạc hết thảy hữu tình, sở nguyện viên mãn, giống như báu Như Ý, mà cũng giống như kho tàng. Bậc Đại Sĩ như thế vì muốn thành thực các hữu tình, cho nên tu đại nguyện đại bi kiên cố từ lâu, dũng mãnh, tinh tấn, vượt xa các vị Bồ Tát. Do vậy, các ông hãy nên cúng dường). Nay đức Phật ở trên cung trời Đao Lợi, ân cần căn dặn ngài Địa Tạng hãy khiến cho pháp giới chúng sanh trong thế giới Sa Bà cho đến khi Di Lạc xuất thế đều được giải thoát, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, gặp Phật thọ ký, chính là vì muốn khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, đặt yên trọn hết đại bảo Tứ Đức trong bí mật tạng!

*"Bồ Tát"* nói đầy đủ phải là Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva). Đại Luận (Đại Trí Độ Luận) giảng: *"Bồ Đề là Phật đạo, Tát Đỏa dịch thành chúng sanh. Có thể dùng trí để trên là cầu Bồ Đề, dưới là dùng lòng bi để cứu chúng sanh"*. Tồ Thiên Thai nói: *"Do dùng đạo của chư Phật để thành tựu chúng sanh, cho nên gọi là Bồ Đề Tát Đỏa"*. Nhưng danh xưng Bồ Tát có đủ cả bốn giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên), nay nói rõ ràng thì đích xác là nói đến [bậc Bồ Tát] trong Viên Giáo, lại còn bao gồm cả ý nghĩa *"danh hiệu chung (thông danh, tức Bồ Tát) của ngài Địa Tạng tuy là thông mà vẫn là biệt"*.

Kế đó, giải thích pháp Bản Nguyên. Bản tức là Bản Tích. Từ ngữ Ni Tri trong tiếng Phạn, được cõi này dịch là Nguyên, có ý nghĩa diễn tả điều mong mỏi, cần thiết, có chí hướng được thỏa mãn. Đây là vì xưa kia Bồ Tát thuở làm cô gái Bà-la-môn và cô Quang Mục, đã phát nguyện to lớn. Đây cũng chính là bản tánh, do Bồ Tát đã đặt vững cội rễ nơi tánh địa, khiến cho cội gốc của nguyện ấy được hưng thịnh, bền vững. Đây chính là ngược nhìn bậc đại giác bao kiếp độ sanh đều trọn chẳng lười nhác, mệt mỏi, hòng thỏa mãn cái nguyện nơi bản địa vậy. Đây lại còn là

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

lực dụng của bản tánh. Đại Sĩ lập nguyện tương xứng với căn bản, do tự tâm mà khởi tín, trở lại tin vào tự tâm. Ví như cây cối do đất mà mọc rễ, rễ sâu, gốc lớn, ắt cành lá sum suê, tươi tốt, hoa quả do đó mà chi chít, lúc liu. Cuồng phong dẫu lớn, chẳng thể động lay! Nguyện chẳng dựa trên Đé, thì gọi là “*cuồng nguyện*”. Đé chẳng xuất phát từ tâm, thì gọi là “*tà đé*”. Nay dùng tâm làm đất, Đé làm rễ, nguyện làm gốc; sau đây, cây trong rừng pháp mới trở cành Chánh Hạnh sum suê, lá Trợ Đạo mới um tùm, hoa Thất Giác Tịnh [nở rộ], kết quả Bát Chánh Đạo, kết hạt, trang nghiêm vườn hoa Tổng Trì. Vì thế, cần phải tương xứng với căn bản mà lập nguyện thì mới có thể chế ngự cái tâm. Dẫu gặp gió cảnh giới, nó vẫn chẳng thể ngăn trở, phá hoại [cái nguyện ấy] được. Đây là những nét chánh yếu về chuyện lập nguyện dựa theo căn bản vậy.

Nhưng nguyện có Thông và Biệt. Thông chính là Tứ Hoàng Thệ Nguyện. Đại Bi Sám có đoạn viết như sau: “*Phù Tứ Hoàng giả, y Tứ Đé khởi. Tứ Đé giả, nhị thị thế gian khổ nhân quả, nhị thị xuất thế lạc nhân quả. Nhất thiết Bồ Tát dục bạt thử khổ, dục dữ thử lạc; cố y chi lập Tứ Thệ dã. Y Khổ Đé lập vân ‘chúng sanh vô biên thệ nguyện độ’. Y Tập Đé lập vân ‘phiền não vô số thệ nguyện đoạn’. Y Đạo Đé lập vân ‘pháp môn vô tận thệ nguyện tri’. Y Diệt Đé lập vân: Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*” (Tứ Hoàng nương theo Tứ Đé mà khởi. Trong Tứ Đé thì hai Đé (Khổ và Tập) nhằm chỉ dạy nhân quả của sự khổ trong thế gian. Hai Đé (Diệt và Đạo) nhằm chỉ dạy nhân quả của niềm vui xuất thế. Hết thấy Bồ Tát muốn dẹp nỗi khổ ấy, mong ban niềm vui ấy, cho nên dựa theo đó mà lập ra Tứ Thệ. Do dựa theo Khổ Đé mà lập nguyện: “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”. Do dựa trên Tập Đé mà lập nguyện: “Phiền não vô số thệ nguyện đoạn”. Dựa trên Đạo Đé mà lập nguyện: “Pháp môn vô tận thệ nguyện biết”. Nương theo Diệt Đé mà lập nguyện: “Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”). Do hết thấy Bồ Tát đều phát [bốn nguyện ấy], nên gọi là Thông. Như trong kinh Thất Phật, hoặc là bốn nguyện, tám nguyện, mười hai nguyện, và Phật Di Đà thì bốn mươi tám nguyện, ngài Quán Âm có mười sáu nguyện v.v... [Những nguyện như vậy] riêng biệt nơi một vị, cho nên gọi là Biệt. Nếu chuẩn theo kinh này, cô gái Bà-la-môn và cô Quang Mục đều vì mẹ mà phát tâm cứu lục đạo, tức là dùng hiếu hạnh làm biệt nguyện của Đại Sĩ khi tu cội gốc. Hơn nữa, bốn nguyện do Địa Tạng Bồ Tát đã phát gồm trọn Thông và Biệt. Tổng là dùng Tứ Hoàng làm nguyện gốc, không lúc nào chẳng phát. Biệt là do bi tâm mà khăng khăng chịu khổ thay cho chúng sanh, vĩnh viễn làm U Minh giáo chủ. Do vậy, dù Thông hay Biệt, đều xuất phát từ bản

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

tánh. Tuy chia thành Thông và Biệt, không gì chẳng phải là nhân quả để dẹp khổ trong thế gian, là nhân quả để ban bố niềm vui xuất thế. Đối với Quyền, Thật, Thiên, Viên, chú trọng nơi Biệt. Ngài Tứ Minh<sup>6</sup> nói: “*Vấn cần phải biết rõ các tướng đầu, cuối, Thể và Tánh chính là lẫn nhau*”. Ngài Kinh Khê<sup>7</sup> nói: “*Sơ tâm nhiếp trọn khắp, quán Hoặc pháp giới, từ ngay nơi Hoặc mà thành trí, từ ngay nơi sanh mà thành diệt, thì gọi là Tứ Thệ của Viên Giáo*”. Vì thế, hiểu rõ hai thệ nguyện đầu [trong Tứ Hoàng Thệ] chính là dẹp trừ nỗi khổ nơi Tánh Đức; hai thệ nguyện sau là ban niềm vui thuộc về Tánh Đức. Khổ hay vui thuộc về tánh, cần gì phải dẹp trừ hay ban bố? Tức là vô tác thệ nguyện vậy! Nay Địa Tạng Đại Sĩ từ vô số kiếp trước, đã phát hoàng thệ nguyện, gánh vác chúng sanh tội khổ trong lục đạo, dạy họ trụ trì chánh pháp, sanh ra hết thảy công đức, cam chịu khổ nạn, đại từ đại bi. Vì thế, gọi là Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên. Giải thích Biệt Danh đã xong.

“*Kinh*” là tên chung của thánh giáo. Trừ Luật và Luận ra, đều gọi bằng danh xưng này. Sách Tây Vực Ký chép [kinh trong] tiếng Phạn là Tô-đát-lãm (Sūtra). Có người bảo không dịch [danh xưng này] vì nó bao hàm năm nghĩa, tức Dũng Tuyền (涌泉, suối phun trào, do nghĩa vị vô tận), Xuất Sanh (出生, vì sanh ra điều thiện mầu nhiệm), Thăng Mặc

---

<sup>6</sup> Tứ Minh là ngài Tri Lễ (960-1028), pháp hiệu Pháp Trí, cao tăng tông Thiên Thai. Do quê ở Tứ Minh (thuộc huyện Cạn, tỉnh Chiết Giang) nên thường được gọi là Tứ Minh Tôn Giả. Sư cùng với đại sư Tuân Thức là những nhân vật chủ chốt của Thiên Thai Xuất Gia Phái, đối lập với Sơn Ngoại Phái của Ngô Ân, Hồng Mẫn, Nguyên Thanh v.v... Sư chuyên tu Pháp Hoa Sám. Mỗi kỳ tu tập là hai mươi một ngày đêm hành trì liên tục. Sư còn chuyên tu Di Đà Sám Pháp năm mươi lần. Sư từng đốt ba ngón tay cúng Phật, mỗi năm tổ chức pháp hội niệm Phật thí giới. Sư trước tác rất nhiều, hiện còn giữ được các bộ Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao, Kim Quang Minh Kinh Văn Cú Ký, Giải Báng Tư, Đại Bi Sám Nghi, Tu Sám Yếu Chi, Quang Minh Sám Nghi, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Dung Tâm Giải, Quán Âm Biệt Hành Huyền Nghĩa Ký, Quán Âm Biệt Hành Sớ Ký...

<sup>7</sup> Ngài Kinh Khê Trạh Nhiên (711-782), pháp hiệu Trạh Nhiên, người xứ Kinh Khê, thuộc Tấn Lãng, Thường Châu (nay là huyện Nghi Hưng, tỉnh Giang Tô), là một vị cao tăng thuộc tông Thiên Thai. Ngài được tôn làm tổ thứ chín của tông Thiên Thai với mỹ hiệu Diệu Lạc đại sư. Ngài theo học Chỉ Quán từ bé với ngài Phương Nham, đến năm 20 tuổi, làm môn hạ của ngài Tả Khê Huyền Lãng, nhưng đến năm 38 tuổi mới thọ Cụ Túc Giới. Những trước tác nổi tiếng của Ngài là Pháp Hoa Văn Cú Ký, Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa Thích Thiêm, Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Văn Hoàng Quyết (tức sách Phụ Hành thường được ngài Thanh Liên Linh Thừa nhắc đến trong cuốn Khoa Chú này), Chỉ Quán Sư Yếu Ký, Chỉ Quán Đại Ý v.v...



## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

(繩墨, dây dím mực dùng để lấy dấu của thợ mộc, vì có thể phân định tà chánh rạch ròi), Hiển Thị (顯示, vì có thể chỉ bày chánh lý), Kết Man (結鬘, xâu tràng hoa, vì xuyên suốt các pháp), do bao hàm nhiều nghĩa nên không dịch. Hoặc có thuyết cho rằng có thể phiên dịch, dịch [Tô Đát Lãm] là Kinh, dịch là Luận, dịch thành Pháp Bản, dịch là Tuyền, dịch là Thiên Ngữ Giáo; những danh xưng ấy đều là dựa theo ý nghĩa để dịch. Tông Thiên Thai thì coi một danh xưng là đúng, chẳng khiến cho đôi bên có điều gì bức tức. Từ xưa tới nay, hễ dịch từ Phạn sang Hán, đều ghi là Kinh, do ở phương này, những lời dạy của Châu Công, Khổng Tử đều gọi là Ngũ Kinh. Tuy các kinh chỉ ghi tựa đề là Kinh, nhưng trong các bộ luận, đều nói là Khế Kinh, ý nói: “*Trên là khế hợp lý Nhị Đế, dưới là khế hợp ba loại căn cơ*”. Lại xét theo các phương diện Thường và Pháp để giải thích, thì mỗi thứ đều có ba nghĩa:

a) Ma và ngoại đạo chẳng thể thay đổi là Giáo Thường. Chân chánh chẳng tạp là Hạnh Thường. Trong lặng, bất động là Lý Thường.

b) Pháp có thể noi theo, Hạnh có thể noi theo, Lý có thể noi theo.

Như Phật Địa Luận giải thích Kinh là Quán Xuyên và Nhiếp Trì, tức là xét theo ý nghĩa Kết Man và Tuyền (sợi chỉ). Ngài Từ Ân [Khuy Cơ] nói: “[*Kinh*] là Thường, là Pháp, là Nhiếp, là Quán, khiến cho [*chúng sanh*] cùng thoát bờ khổ, rút cuộc trở về bờ giác”. [Vận dụng] một loại Nhân và Pháp, hai tầng Thông và Biệt, khéo mượn thí dụ mâu nhiệm để lập ra tựa đề kinh; vì thế, nói là Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh.

### ***1.2. Biện Thể***

Thứ hai là biện định tánh thức chẳng thể nghĩ bàn là Thể, lập ra ba ý:

- Căn cứ theo kinh luận.
- Căn nguyên của mê và ngộ.
- Bản thức của Bồ Tát.

1) Kinh này dạy: “*Nhất thiết chúng sanh vị giải thoát giả, tánh thức vô định, vi thiện, vi ác, trực cảnh nhi sanh*” (Hết thấy chúng sanh là những kẻ chưa giải thoát thì do tánh thức bất định, làm lành hay làm ác, đều là do chạy theo cảnh mà sanh). Lại nói: “*Niệm Phật, Bồ Tát danh tự, lịch lâm chung nhân nhĩ căn, hoặc văn tại bốn thức*” (Niệm danh tự của Phật, Bồ Tát, thoảng qua tai của người lâm chung, hoặc nghe nơi bốn

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

thức). “*Thức*” ở đây là nói về thức thứ tám. Vì thế, Tỳ Lô Tam Ma Địa Pháp và Kim Cang Đánh Liên Hoa Bộ Tâm đều nói: “*Thị tâm vi hà vật? Phiền não tập chủng tử, thiện ác giai do tâm. Tâm vi A Lại Da*” (Tâm này là vật gì? Chủng tử tập phiền não, thiện ác đều do tâm, tâm là A Lại Da). Luận Khởi Tín nói: “*Tâm sanh diệt là do dựa trên Như Lai Tạng, cho nên có tâm sanh diệt. Cái gọi là bất sanh bất diệt, hòa hợp cùng sanh diệt, chẳng một, chẳng khác, được gọi là A Lê Da Thức (A Lại Da Thức)*”. Tức là vô minh và pháp tánh cùng hợp làm nhân, chẳng phải là như vậy hay sao? Ngài Chân Đế xét theo danh, nên dịch là Vô Một Thức (無沒識, thức chẳng mất), [tức là] dựa theo ý nghĩa “chẳng mất” [của A Lại Da Thức]; còn ngài Huyền Trang xét theo nghĩa, bèn dịch thức này là Tạng Thức (藏識, cái thức có công năng chứa đựng), vì nó có thể bao hàm chủng tử của các pháp. Ấy là do bản thể của Thức này bao gồm ba pháp Năng Tàng (có thể chứa đựng), Sở Tàng (được chứa đựng), và Chấp Tàng (có công năng chứa đựng chấp giữ), cho nên gọi là Tạng. Do vậy, sách Tông Kính Lục nói: “*Bốn thức thứ tám rộng lớn vô biên, hiển lộ nguồn tâm không gì ra ngoài được, thông suốt bao hàm trọn khắp tánh tạng, chuyên gìn giữ danh tự của chủng tử, là cái chủ yếu của tổng báo, là cái Thể để kiến lập hữu tình, là cái nhân để tạo lập Niết Bàn*”. Dựa theo đó để làm Thể, thì các pháp đều được thu tóm, có thể nói là nắm lấy cổ áo thì [thân áo phải xuôi theo], nắm lấy dây chài chính của cái lưới [thì các mắt lưới đều căng ra].

2) Nói đến “*căn nguyên của mê và ngộ*” thì Khởi Tín Luận có nói: “*Nương theo A Lê Da Thức bèn nói ‘có vô minh bất giác dậy lên, có thể thấy, có thể hiện, có thể giữ lấy cảnh giới’. Do vậy, gọi thức này là Sở Tri Y (cái dựa vào để nhận biết), vì nó có thể làm căn cứ để có thể nhận biết các pháp là nhiễm hay tịnh. Nó còn được gọi là Chủng Tử Thức vì có thể duy trì chủng tử của các pháp thế gian và xuất thế gian*”. Đây chính là như kinh Duy Ma đã dạy: “*Tùng vô trụ bốn, lập nhất thiết pháp dã*” (Từ cái gốc vô trụ mà lập hết thấy các pháp). Ngài Kinh Khê giảng: “*Vô minh làm cội gốc của hết thấy các pháp. Vô minh chính là pháp tánh, vô minh lại lấy pháp tánh làm gốc*”. Hãy nên biết: Các pháp cũng lấy pháp tánh làm gốc, pháp tánh chính là vô minh, pháp tánh lại lấy vô minh làm gốc. Pháp tánh chính là vô minh, pháp tánh không có trụ xứ. Vô minh chính là pháp tánh, vô minh không có trụ xứ. Tuy vô minh và pháp tánh đều vô trụ, nhưng chúng lại là cái gốc cho hết thấy các pháp. Đây chính là đối với lẽ thường “*vô trụ, vô tướng, Lý, Sự*”

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

v.v... mà lập ra hết thảy các pháp mê hay ngộ sai khác. Do đó, kinh Chiêm Sát dạy: “Đản từng vô thỉ thế lai, dữ vô minh tâm câu, si ám nhân duyên huân tập lực cố, hiện vọng cảnh giới. Dĩ y vọng cảnh giới, huân tập nhân duyên cố, khởi vọng tương ứng tâm, kế Ngã, Ngã Sở, tạo tập chư nghiệp, thọ sanh tử khổ, thuyết bỉ Pháp Thân, danh vi chúng sanh. Nhược như thị chúng sanh trung, Pháp Thân huân tập nhi hữu lực giả, phiền não tiêm bạc, năng yếm thế gian, cầu Niết Bàn đạo, tín quy Nhất Thật, tu Lục Ba La Mật đẳng, nhất thiết Bồ Đề phần pháp, danh vi Bồ Tát. Nhược như thị Bồ Tát trung, tu hành nhất thiết thiện pháp, mãn túc cứu cánh, đắc ly vô minh thù giả, chuyển danh vi Phật. Đương tri như thị chúng sanh, Bồ Tát, Phật đẳng, đản y thế gian giả danh ngôn thuyết cố, nhi hữu sai biệt, nhi Pháp Thân chi Thễ tất cánh bình đẳng, vô hữu dị tướng” (Nhưng từ đời vô thỉ tới nay, do chung đặng với cái tâm vô minh, do sức huân tập của nhân duyên tâm tới mà hiện ra cảnh giới hư vọng. Do nương theo nhân duyên huân tập của cảnh giới hư vọng mà dấy lên cái tâm tương ứng với vọng, so đo Ngã và Ngã Sở, tạo tác, tích tập các nghiệp, hứng chịu nỗi khổ sanh tử, nói tới cái Pháp Thân ấy thì gọi là chúng sanh. Nếu trong các chúng sanh như vậy, Pháp Thân huân tập hữu lực thì phiền não mỏng dần, có thể chán nhàm thế gian, cầu đạo Niết Bàn, tin tưởng, quy hướng Nhất Thật, tu hết thảy các pháp thuộc Bồ Đề phần như sáu Ba La Mật v.v... bèn gọi là Bồ Tát. Nếu trong các vị Bồ Tát như vậy, có vị nào tu hành hết thảy các thiện pháp viên mãn rốt ráo, lìa khỏi giấc ngủ vô minh, sẽ đổi tên là Phật. Hãy nên biết chúng sanh, Bồ Tát, Phật như vậy, chỉ là nói theo giả danh của thế gian mà có sai biệt. Chứ cái Thễ của Pháp Thân rốt ráo bình đẳng, chẳng có tướng trạng sai khác). Do vậy biết: Chẳng thấu đạt thức tâm có đủ các đức ấy thì cần phải chuyên theo lý Chân Như để đoạn trừ chuyện tu nhiễm, tu ác trong chín pháp giới, làm sao gọi là “*chẳng thế nghĩ bàn*” cho được!

Vì thế, sách Tông Kính Lục nói: “*Thức này kiến lập hữu tình và vô tình, phát sanh nhiễm pháp và tịnh pháp. Nếu có hay biết, ắt chúng sanh giới sẽ dấy lên. Nếu chẳng suy tưởng, cái duyên của cõi nước sẽ sanh. Do nhiễm pháp mà xoay vần trong sáu nẻo, thuận theo tịnh pháp mà dự vào tứ thánh. Có thể nói đó chính là cái gốc của phàm và thánh, là nguyên do của căn khí. Hiểu rõ nguồn cội của cái thức này, pháp nào chẳng phải là ngộ? Chứng tâm tánh này, cảnh nào chẳng phải là thật!*” Có thể nói là một môn tuyệt học, là căn nhà để dưỡng thân. Do vậy, lập cái Thễ này làm cội nguồn của mê và ngộ, thì mới tỏ rõ [dụng tâm của] Đại Sĩ đã phân thân trong các cõi nước nhiều như cát sông Hằng, ở trong

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

biên sanh tử mà tùy cơ hướng dẫn, nhổ trừ tận gốc, cạn kiệt cái nguồn, chuyển mê thành ngộ, chính là vì muốn hiển thị cái Thể pháp tánh chẳng sanh diệt này ở ngay trong vọng tưởng sanh diệt vô minh! Vì thế, ngài Nam Nhạc nói: “*Đạo vốn chẳng xa, tánh hải chẳng xa, chỉ cầu nơi chính mình, đừng tìm từ nơi nào khác*” chính là nói đến điều này!

3) Nói đến “*bổn thức của Bồ Tát*”, sách Kim Quang Minh Kinh Huyền Nghĩa nói: “*A Lại Da Thức chính là Vô Một Thức, tức thức thứ tám, giống như có tùy miên phiền não (do có Miên (phiền não vi tế) liên tục, nên gọi là Tùy Miên) hòa hợp hoặc cách biệt với vô minh mà phân định như vậy; đó là Bồ Tát Thức*”. Đại Luận nói: “*Trong tâm Bồ Tát, [thức thứ tám chẳng có phiền não, vô minh], thì gọi là Bát Nhã*” chính là nói về nghĩa này. Bởi lẽ, cái thức này chính là cái gốc để Bồ Tát thấy tướng thù thắng của Phật. Do thân tướng cao minh của Như Lai đều có lượng bằng với hư không, bèn dùng nghiệp thức để thấy, dùng trung trí để quán. Do vậy, trên cung trời Đao Lợi, ngài Địa Tạng hợp nhất các phân thân để thấy Phật, chính là nhờ vào bổn thức này.

Hơn nữa, thức này lại là cái gốc tương ứng với Trung Đạo, là cái nguồn để khởi lên sự giáo hóa. Điều này được diễn tả là “*Xiển Đề chẳng đoạn điều thiện thuộc về Tánh Đức. Hễ gặp duyên, điều thiện sẽ phát khởi*”. Đức Phật cũng chẳng đoạn tánh ác, [thị hiện] giống như ác để hóa độ. Nay Địa Tạng Đại Sĩ đã liễu đạt những chuyện tu ác của hạng Xiển Đề, toàn bộ cái Thể chính là lý “*tánh ác*”. Dẫu lệch vào một bên, hay tà vạy, không gì chẳng phải là Trung Đạo, giải thoát từ ngay Ngũ Nghịch, hiện sắc thân trọn khắp, vào các đường giáo hóa, chỉ điểm nguồn mê này, khiến cho [chúng sanh] biết là bình đẳng. Chính nhờ vào bổn thức này mà dấy lên các sự hóa độ to lớn. Cái thức ấy thuộc vào địa vị ban sơ thì gọi chung là Lại Da (A Lại Da Thức); đã dự vào quả vị thì chỉ được gọi là Vô Cầu, bao gồm Bổn Trí lẫn Hậu Trí, là cửa ngõ để thành tựu lợi lạc cho ta lẫn người, công ấy há cạn cợt, ít ỏi ư? Do có ba nghĩa ấy, cho nên lập ra tánh thức chẳng thể nghĩ bàn, nay lấy nó làm chánh thể của kinh này.

Hỏi: Có vị sư cho rằng: “*Tánh thức thuộc về Sự, chẳng nên coi nó là Thể! Phải nên nói đến cái Lý của thức tánh thì mới đúng với ý nghĩa của Thể, ắt phải chuẩn theo tánh thức của kinh để lập. Tánh ấy chính là tập tánh hư vọng, sao có thể dựa vào đó để coi nó là cái Thể của kinh cho được?*” Lời ấy rất thích đáng, thầy lại cho là chẳng phải như thế, tức là dựa vào đâu để nói nhi?

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Đáp: Ý chỉ “*tánh thức là Thê*”, xét theo ý nghĩa thì có bằng chứng. Lập tánh thức [làm Thê] thì có kinh văn để làm chứng. Như ngài Thiên Thai giải thích chữ “*vô trụ bốn*” của kinh Duy Ma, đã coi cả hai thứ pháp tánh và vô minh đều là gốc. Điều này đã được trích dẫn, cho nên không bàn tới nữa! Còn như sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa giải thích hai Đé (Chân Đé và Tục Đé), đã coi pháp tánh là Chân Đé, còn vô minh và mười hai nhân duyên là Tục Đé. Tục ấy chẳng phải là Sự thì là gì vậy? Đây chính là Sự từ ngay nơi Lý, đã gọi là “*lý độc, tánh ác*”, cũng gọi là “*tánh nhiễm tùy duyên*”. Vì thế, sách [Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa] Thích Thiêm viết: “*Vô minh là khởi thủy của sự mê muội lẽ chân, pháp tánh hoàn toàn diễn nói vô minh từ vô thí đến nay có bao giờ chẳng phải là Chân!*” Tục là bách giới thiên như, Chân là đồng cư nhất niệm. Cần phải biết do là cùng một tánh, cho nên mới có thể đồng cư nhất niệm. Sách Phụ Hành nói “*tam thiên chẳng ngoài một niệm pháp tánh, tam thiên chẳng ngoài một niệm vô minh*” là nói về ý này. Huống chi tông Thiên Thai giải thích chữ “*tâm tạo*” trong kinh Hoa Nghiêm có hai ý:

- 1) Một là xét theo Lý, Tạo tức là trọn đủ.
- 2) Hai là xét theo Sự, Tạo chính là tạo thành sự biến đổi trong ba đời v.v...

Thế nhưng phải do Lý vốn đủ thì mới có Dụng về mặt Sự. Do đó, pháp tánh nhờ vào sức của vô minh thì mới thành nhiễm pháp trong sáu đường. Nay lập “*tánh thức là Thê*” chính là vì người lợi căn sẽ từ ngay nơi Sự mà hiện Lý. Vì vậy, kinh Đại Thừa nói: “*Mười hai nhân duyên được gọi là Phật Tánh. Vô minh và ái là hai thứ trung gian, tức là Trung Đạo*”, nhưng Lý chẳng tồn tại riêng biệt mà [hiện diện] trọn khắp trong Sự. Nay toàn thể Sự đã là Lý thì Thức chính là Tánh, sao không thể chấp thuận coi nó là Thê được ư? Vì thế biết thức tánh hay tánh thức đều có thể làm Thê. Nhưng ở đây, lại xét theo khía cạnh mê của A Lại Da thức, lấy vô minh làm gốc để lập luận. [Như vậy] thì đã phù hợp kinh luận, lại còn chẳng trái nghịch lời bảo ban của Tổ. Nếu cứ nói “*tánh chất của tánh thức là tập tánh hư vọng thì là chưa đúng ý*”, còn nói gì được nữa? Bởi lẽ, tập tánh hư vọng một mực vô định, nay lại còn quở trách nó là vô định ư? Nó đã là hư vọng, thì chí tánh tiếp đó do có tánh chất vô định thì cũng là hư vọng. Đã là tánh hư vọng, dùng “*chí*” làm chi nữa? Cần phải biết tánh ấy chính là pháp tánh. Pháp tánh đã bị vô minh che phủ, toàn bộ Thê đều thuộc về vọng. Do vậy, nói “*tánh thức*”, há chẳng phải là ý nghĩa “*Chân Như tùy duyên*” ư? Vì thế, sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Huyền Nghĩa dẫn kinh Kim Quang Minh [đề lập luận] như sau: “*Thế tướng của vô minh vốn tự chẳng có, do vọng tưởng làm nhân duyên hòa hợp mà có. Chẳng khéo tư duy những gì được tạo tác bởi tâm hạnh, như nhà ảo thuật ở ngã tư biển huyền các thứ như voi, ngựa, anh lạc, con người, vật dụng v.v... Kể si bảo những thứ đó là chân thật, người trí biết chúng chẳng thật. Vô minh huyền hóa y báo và chánh báo trong lục đạo*”. Hãy nên biết chúng vốn tự chẳng có, mà là do vô minh dấy khởi. Vì thế nói “*lục đạo sai biệt, chẳng tự tại*” v.v... đều là do cái một niệm tâm vô minh lưu xuất. Do vậy, lý điều này (tánh thức) làm Thế, chính là nhằm chỉ điểm cái mê trước kia, tạo thành cái ngộ trong hiện tại để giải quyết hết sạch chuyện “tu nhiễm, tu ác” v.v... Tức là duyên theo Phật Tánh, theo đường trở lại nhà, [đó] gọi là “*chẳng thế nghĩ bàn*”. Vì thế biết: Dùng tánh thức làm Thế thì mới khiến cho lục đạo phá vỡ cái vô minh, thành Pháp Tánh Thân. Do đó, trong phần khai thị chung, tôi đã nói: “*Nay hãy để ngộ lại đó, chỉ luận định mê*” chính là do ý này!

### **1.3. Minh Tông**

Thứ ba là nêu rõ “*[dùng] hạnh nguyện chẳng thế nghĩ bàn làm Tông*”. Trong kinh này, ngài Văn Thù hỏi đức Phật: “*Trong lúc tu nhân, Địa Tạng Bồ Tát đã làm hạnh gì, lập nguyện gì, mà có thể thành tựu chuyện chẳng thế nghĩ bàn?*” Lại nữa, trong quá khứ chẳng thế nói kiếp trước, Đại Sĩ từng làm một vị đại trưởng giả, do thấy tướng hảo trang nghiêm của Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai; bèn hỏi đức Phật ấy đã làm hạnh nguyện gì mà đạt được tướng ấy? Lại như khi đức Như Lai tự kết lại tên kinh, [đã dạy]: Một là Địa Tạng Bản Nguyên, hai là Địa Tạng Bản Hạnh. Vì thế biết hai pháp Hạnh và Nguyện chính là tông yếu của kinh này. Nguyện đã được giải thích như trong phần trên. Chữ Giá Lê Da (Cārya) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Hạnh.

“Hai pháp (Hạnh và Nguyện) ắt cùng lập” là như trong Đại Trí Độ Luận đã viết: “*Hỏi: Các vị Bồ Tát do nghiệp hạnh thanh tịnh, [đáng lẽ] tự đắc báo thanh tịnh, vì sao cần phải lập nguyện rồi mới đạt được? Ví như nhà nông [siêng năng cày cấy, vun xới bèn] thu hoạch ngũ cốc, há cần phải đợi nguyện! Đáp: Làm phước mà chẳng có nguyện, sẽ chẳng có gì để kiến lập. Nguyện là người hướng dẫn, lèo lái, [do nguyện] sẽ có thể đạt được thành tựu. Nay chuyện trang nghiêm Phật giới là chuyện to lớn, chỉ hành công đức, sẽ chẳng thể thành được. Cần phải có nguyện lực! Ví như sức bò tuy có thể kéo xe, cần phải có người điều khiển thì*

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*mới có thể đến đích. Nguyên thanh tịnh thế giới cũng giống như vậy”. Nhưng các vị Bồ Tát thuộc tứ giáo có hai loại nguyện Thông và Biệt; đối với sự ban vui bèn không gì chẳng phải là thượng, trung, hạ sai khác. Hạ nguyện sẽ tạo thành nhân duyên của sự vui trong thế gian thuộc đời này. Trung nguyện là nhân duyên tạo thành sự vui trong đời sau. Thượng nguyện là nhân duyên ban niềm vui Niết Bàn. Nay đã chỉ rõ bộ loại và giáo môn, tâm yếu trong việc lập nguyện chỉ là “*nuơng theo Nhất Thừa tối thượng, khiến cho pháp giới chúng sanh cùng đắc A Nậu Bồ Đề*”.*

Phát nguyện đã như vậy thì hành hạnh cũng thế, nhưng hạnh tướng có nhiều môn. Nêu đại lược ba pháp là Giới, Định, Huệ, đây là chiếc thang hoặc thêm bậc để xuất thế, là khuôn phép trong Phật pháp. Trụ trong ấy thì là Lục Độ. Kinh Pháp Hoa nói: “*Vì cầu Bồ Tát đạo giả thuyết, ưng Lục Ba La Mật, độ sanh tử lưu, đặng Niết Bàn ngàn, quảng tặc vạn hạnh, nãi chí bách thiên vạn ức*” (Vì người cầu đạo Bồ Tát mà nói, thì hãy nên [nói pháp] Lục Ba La Mật, vượt dòng sanh tử, lên bờ Niết Bàn, nói rộng thì là vạn hạnh, cho đến trăm ngàn vạn ức [pháp môn]). Đại Luận nói: “*Khi Bồ Tát hành Bát Nhã, tuy biết các pháp có cùng một tướng, mà cũng có thể biết các thứ tướng của hết thảy các pháp*”. Nay đều gom chung các pháp vào một bài kệ, cổ đức nói: “*Nhận biết xem xét ứng với thế gian, rộng nói cương mục của muôn hạnh, suy tưởng khế hợp lý, chỉ xướng lên bốn câu cương yếu*”. [Bốn câu ấy chính là như] Giới Kinh dạy: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo*” (Đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện, tự thanh tịnh ý mình, chư Phật dạy như thế). Sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa giảng: “*Các điều ác tức là bảy chi tội lỗi, nặng, nhẹ, chẳng đúng, chống trái. Giới ngăn ngừa những điều ác như thế. Các điều thiện chính là ba nghiệp thiện. Dù là tán thiện hay tĩnh thiện, phương tiện trước sau, công đức chi lâm<sup>8</sup> thảy đều thẳng tắn, cho nên gọi là thiện*”.

“*Tự tịnh kỳ ý*” là phá các tà vạy, điên đảo, biết pháp môn chánh trợ của nhân quả thế gian và xuất thế gian. Có thể trừ tâm cấu (chất nhơ trong tâm, tức phiền não), trừ sạch các tỳ vết, không gì hơn được Huệ. Ba thứ ấy (Giới, Định, Huệ) bao trùm trọn hết biên Phật pháp mênh mông, nhưng do quán sát căn cơ [mỗi chúng sanh có sự] ưa thích [khác

---

<sup>8</sup> Chi lâm công đức (支林功德) chính là công đức do Thiên Định. Nói đại lược thì đó là mười tám thứ pháp công đức thuộc về Tứ Thiên, chẳng hạn như Sơ Thiên có năm chi là Giác Chi, Quán Chi, Hỷ Chi, Lạc Chi, Nhất Tâm Chi v.v...

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

nhau] mà hành thiện khác biệt. Do ứng theo cơ nghi của chúng sanh mà dạy hạnh [cho mỗi chúng sanh] mỗi khác. Do xét theo căn tánh, mà chia ra tín pháp sai khác, chỉ bày hành tướng, phân thành Biệt và Viên khác biệt. Nay trước hết nói rõ Biệt Hạnh vì nói đối ứng với Viên. Sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa đã nêu ra năm hạnh được nói trong kinh Niết Bàn:

1) Thánh Hạnh, ý nói Giới, Định, Huệ là cái nhân để tự hành.

2) Phạm Hạnh, tức là từ, bi, hỷ, xả, là sự hóa tha trong khi tu nhân (hai pháp này là hạnh nhân của bậc Địa Tiên Bồ Tát).

3) Thiên Hạnh, nghĩa là từ Sơ Địa trở lên, chứng lý thiên nhiên Đệ Nhất Nghĩa Thiên. Từ lý thành hạnh, cho nên gọi là Thiên Hạnh (đây là hạnh của bậc Địa Trụ).

4) Anh Nhi Hạnh, tức là thị hiện hạnh giống như bảy phương tiện mà tam thừa đều tu tập.

5) Bệnh Hạnh, tức là thị hiện thân tướng có ba thứ chướng giống như chín pháp giới (hai hạnh này đều là hạnh từ quả mà ứng khởi. Do cùng sanh về bên thiện, nên gọi là Anh Nhi Hạnh, do đại từ căn mà phát khởi. Do giống như thuộc về bên phiền não, nên gọi là Bệnh Hạnh, phát khởi từ đại bi căn).

Nay Địa Tạng Đại Sĩ thấy các chúng sanh phá giới, tạo tội, đánh mất sự vui sướng trong nhân thiên và niềm vui Niết Bàn, tức là biết Tập. Qua lại sanh tử, thọ báo trong ác đạo, tức là biết Khổ. Khổ và Tập trái nghịch Giới, Định, Huệ, tức là không có Đạo. Do không có Đạo, cho nên chẳng đắc Niết Bàn, tức là chẳng có Diệt. Bồ Tát muốn nhổ trừ Khổ và Tập, bèn phát khởi đại bi, dấy lên hai thệ nguyện. Do muốn ban bố Đạo và Diệt, mà dấy khởi đại từ, hưng khởi hai thệ nguyện. Đã phát thệ nguyện rồi, kế đó bèn tu hành Tam Học, Lục Độ. Hạnh nguyện như thế đó để thành tựu chúng sanh, thanh tịnh cõi Phật. Nhưng Hạnh được gọi là tiến hướng; nếu chẳng có trí, sẽ chẳng tiến lên trước được. Trí giải hướng dẫn Hạnh, [hạnh tà vạy] chẳng phải là do cảnh chẳng chánh. Trí là mắt, Hạnh là chân, đến được ao thanh lương; nhưng Giải là cái gốc của Hạnh, Hạnh có thể thành tựu Trí. Vì thế, Hạnh mãn thì Trí sẽ viên. Trí có thể hiển Lý, thấu tột Lý thì Trí sẽ dứt. Cần phải là như thế; nếu không, sẽ chẳng phải là diệu hạnh. Nay Đại Sĩ thông đạt “tu ác” tức là “tánh ác”. Tánh ác dung thông, tùy ý nhiếp trì tánh thiện của Phật giới, chiếu hết thấy tội tướng, không gì chẳng phải là Thật Tướng. Thập Ác,



## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Ngũ Nghịch, Tứ Trọng, Bát Tà<sup>9</sup> đều là các pháp môn thuộc về “*Lý độc*”, đều là tác dụng vốn có của tánh nhiệm. Dùng diệu hạnh này để giáo hóa quần sanh. Hiểu tánh thức này là cảnh thể được chiếu, được hiển lộ. Dùng trí hạnh này làm diệu tông để có thể chiếu, có thể hiển lộ. Thoạt đầu là duyên theo Thật Tướng tạo cảnh thì chính là Trung, không gì chẳng chân thật. Pháp giới của chính mình, Phật giới, và chúng sanh giới cũng thế. Âm và Nhập đều Như, chẳng có khổ để có thể bỏ. Vô minh trần lao chính là Bồ Đề, chẳng có Tập để có thể đoạn. Lệnh về một bên hay tà vạy đều là trung chánh, chẳng có Đạo để có thể tu. Sanh tử tức Niết Bàn, chẳng có Diệt để có thể chứng, thuần nhất Thật Tướng, chẳng có pháp nào khác. Đây chính là lại có một hạnh gọi là Như Lai Hạnh, một hạnh là hết thảy các hạnh. Dùng trí để chiếu cảnh như thế, dùng cảnh để phát khởi trí. Quán Thật Tướng của nghiệp, thấy cội nguồn của tội. Pháp tánh vô minh, dung thông lẫn nhau, cùng mất đi, há chẳng phải là cái có thể quán chính là Nhất Tâm Tam Quán, cái được quán đều là Tam Đế nhất cảnh? Một mà luận thành ba, tuy là ba mà luận thành một, [tức là] ba pháp “*cảnh, trí, hạnh*” cùng gọi là Bí Tạng, như ba con mắt của thiên vương, như ba chấm của chữ Y [trong Phạm văn]. Dù một hay ba, đều chẳng khuyết giảm; tức Thể là cái Thể trong Thiên Tông. Do vậy, lấy “*hạnh nguyện chẳng thể nghĩ bàn*” làm Tông.

### ***1.4. Luận Dụng***

Điều thứ tư là luận định tác dụng “*phương tiện chẳng thể nghĩ bàn*”. Theo kinh này, đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: “*Ngô u ngũ trước ác thế, giáo hóa cang cường chúng sanh, linh tâm điều phục, phân thân thiên bách ức, quảng thiết phương tiện*” (Ta ở trong đời ác ngũ trước, giáo hóa chúng sanh ương ngành khiến cho tâm họ đều điều phục, phân thân trăm ngàn ức, rộng lập các phương tiện). Ngài lại bảo Tứ Thiên Vương rằng: “*Như thị Bồ Tát u Sa Bà thế giới Diêm Phù Đề trung, bách thiên vạn ức phương tiện nhi vi giáo hóa*” (Bồ Tát ở trong cõi Diêm Phù Đề của thế giới Sa Bà dùng trăm ngàn ức phương tiện để giáo hóa như

---

<sup>9</sup> Tứ Trọng là giết, trộm, dâm, dối. Theo bài Tây Phương và Thập Ác Bát Tà của Siêu Dương Phật Học Hội (không đề tên tác giả), thì Bát Tà là: Mắt tham sắc đẹp, tai mê nghe âm thanh hay, mũi ham ngửi mùi thơm, miệng ham ăn vật ngon ngọt, thân tham an nhàn, thích mặc áo đẹp, ý suy nghĩ tà vạy, làm chuyện phi lý phi nghĩa. Theo Đàn Kinh Tiên Chú của Đinh Phước Bảo thì Bát Tà là tám pháp tương phản với Bát Chánh Đạo.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

thế đó). Ngài lại bảo đức Địa Tạng: “*Nhữ tu bách thiên phương tiện, khuyến thị đặng nhân*” (Ông cần phải dùng trăm ngàn phương tiện để khuyến những người ấy). Lại nói: “*Bồ Tát dĩ phương tiện lực, bạt xuất căn bản nghiệp duyên. Hựu Bồ Tát phương tiện lực cố, sử linh giải thoát*” (Bồ Tát dùng sức phương tiện để dẹp trừ nghiệp duyên căn bản. Lại do sức phương tiện của Bồ Tát khiến cho họ đều được giải thoát). Ngài Địa Tạng tự nói: “*Ngã diệc bách thiên phương tiện, độ thoát thị nhân đặng*” (Con cũng dùng trăm ngàn phương tiện độ thoát những người ấy). Vì thế, lấy phương tiện làm Dụng của kinh này.

Chữ Âu Hòa Câu Xá La (Upāyakauśalya) trong tiếng Phạn, được cõi này dịch là Phương Tiện (方便). Tổ Trí Giả đã dùng ba ý để giải thích từ ngữ này [trong phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa]:

“1) *Phương là phương pháp, Tiện là dùng được; [ý nói] khéo dùng các pháp để thuận theo căn cơ mà lợi lạc chúng sanh.*

2) *Phương Tiện là Môn, Môn có nghĩa là ‘có thể thông qua’, tức là thông đến (dẫn đến) điều được thông. Phương Tiện là pháp quyền biến nhằm mở ra lối dẫn đến chân thật. Chân thật được hiển lộ nhờ công của Phương Tiện.*

3) *Phương là bí mật, Tiện là diệu (hay khéo). Khéo đạt nơi phương pháp, đó chính là bí mật thật sự”.*

*Hai cách giải thích trước trọn chẳng phải là ý của phẩm này; cách giải thích sau cùng chính là ý nghĩa của phẩm này”.*

[Đối với bộ kinh Địa Tạng này], cũng có thể dùng trọn cả ba ý đó. Chẳng hạn như những điều được nói trong kinh Duy Ma là khởi đầu cho thời Phương Đẳng. Vì thế, ngài Kinh Khê dùng chữ “*tán, thoái*” để giải thích [Phương Tiện], dung thông với lời bàn định [Phương Tiện] là môn bí mật. Nay kinh Địa Tạng cũng thế, tuy chủ yếu là những đàm luận bí mật, mâu nhiệm, nhưng cũng nói kèm theo pháp môn. Ba cách giải thích đều trọn đủ, ngõ hầu có thể gồm trọn ý nghĩa chánh yếu của kinh này. Vì sao nói vậy? Ấy là vì Địa Tạng Đại Sĩ trong các kiếp số nhiều như vi trần trước kia, đã hiện thân giáo hóa, khéo léo phù hợp từng căn cơ, chuyên dùng pháp thích ứng, đến khi thời cơ để hiển lộ Thật pháp đã đến, từ Quyền môn mà có thể nhập, phát khởi Bồ Đề tâm ngay trong A Lại Da Thức, chỉ điểm Như Lai Tạng trong cái tâm vô minh! Đây là khéo léo thông đạt phương tiện, chính là điều bí mật chân thật của Pháp Hoa.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Lại còn “*một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi, ta đều dần dần độ thoát, khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích to lớn*” [trong kinh Địa Tạng] chẳng hề thua kém “*giơ tay, cúi đầu, vun cát thành tháp, đều là do những điều thiện nhỏ nhất mà thành Phật*” trong kinh Pháp Hoa. Huống hồ nhóm họp đại chúng nơi cung trời, và họp lại các phân thân [của Địa Tạng Bồ Tát] còn nhiều hơn cát sông Hằng, khiến cho ngài Văn Thù chẳng thể suy lường được [số lượng] những người đã thành Phật đạo [do Địa Tạng Bồ Tát hóa độ], có khác gì “*phân thân dưới các cội cây, bậc thượng trụ Bồ Tát dường như từ dưới đất vọt lên*” [trong hội Pháp Hoa].

Vì thế, cả ba cách giải thích [chữ Phương Tiện] đều được gồm thấu, cho nên biết Đại Sĩ xuất Giả để lợi sanh, lấy phát Bồ Đề tâm làm nhân, vô duyên đại bi làm căn, không gì chẳng là phương tiện để rốt ráo lợi sanh. Nếu chẳng có phương tiện, sẽ như cứu kẻ chết đuối mà chẳng có thuyền; kẻ ấy đã khó thể thoát thân, mà chính mình cũng bị chìm lìm! Nếu có phương tiện, sẽ ngồi thuyền cứu người chết đuối, ta lẫn người đều ổn thỏa, già trẻ đều vui vẻ. Suốt ngày cứu bạt như vàng trắng báu dôi chuyễn chẳng ngừng trên hư không. Ưc kiếp độ người, hết như bóng nhận bay qua nước, chẳng lưu lại dấu vết. Lại là phương tiện khác lạ để giúp hiển thị Đệ Nhất Nghĩa. Dụng có công năng thành tựu Tông, Tông có sức hiển lộ Dụng. Vì thế, biết phương tiện chính là diệu dụng của lòng từ bi ban bố và cứu bạt. Do vậy, lấy phương tiện chẳng thể nghĩ bàn làm lực dụng [của bộ kinh này].

### ***1.5. Phán giáo***

Điều thứ năm: “*Phán định đề-hồ vô thượng là giáo tướng*”. Hễ nói đến giáo, thì đều nói theo đường lối chung, nhưng hễ có sự chỉ bày, phân định, phán quyết, biện luận, diễn tả thì đều gọi là Giáo. Sách Tứ Giáo Nghĩa nói: “*Phàm nói đến Giáo thì có nghĩa là nói đến những gì có thể diễn tả Lý, giáo hóa chúng sanh, nói ra cái Lý có thể diễn tả hòng chuyễn hóa cái tâm của chúng sanh. Vì thế gọi là Giáo. Chuyễn Hóa có ba nghĩa: Một là chuyễn ác thành thiện, hai là chuyễn mê thành giải (thấu hiểu), ba là chuyễn phàm thành thánh*”. Nay Địa Tạng Đại Sĩ hiện thân trong lục đạo, đối với bốn điều chẳng thể nói, bèn dùng Tứ Tát Đản để ứng duyên, tùy cơ thuyết giáo, chuyễn hóa cái tâm của chúng sanh, đại khái chẳng ra ngoài ba điều ấy (ba thứ chuyễn hóa vừa được nói trên đây). Vì thế, dựa theo những điều ấy để phán định giáo tướng.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Hỏi: Đại sư dùng Tam Chiếu<sup>10</sup> của Hoa Nghiêm, tách ý nghĩa của bình địa (đất bằng) thành ba nghĩa. Lại dùng ngũ vị của Niết Bàn<sup>11</sup> để đối ứng với Tam Chiếu của Hoa Nghiêm. Hai nghĩa của hai kinh thành tựu lẫn nhau, dùng đó để phán định giáo pháp suốt một đời đức Phật gồm tất cả năm thời:

- 1) Thời Hoa Nghiêm (đặt tên dựa theo kinh).
- 2) Thời Lộc Uyển (đặt tên dựa theo nơi chốn).
- 3) Thời Phương Đẳng (đặt tên theo pháp).
- 4) Thời Bát Nhã.
- 5) Thời Niết Bàn (đều dựa theo kinh để đặt tên).

Bốn thời trước sau được phán định theo vị [của sữa] thì có nhất định; những pháp chẳng thuộc vào thời trước hay thời sau [của thời Phương Đẳng] đều phán định thuộc thời Phương Đẳng, như các kinh Kim Quang Minh, Thắng Man, Đại Tập, Lăng Nghiêm v.v... thuộc về thể lệ này. Nay kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên cũng đáng nên thuộc vào thời thứ ba, tức thời Phương Đẳng, có gì lại phán định thuộc loại đề-hồ vậy?

---

<sup>10</sup> Tam Chiếu là một thuật ngữ do tông Thiên Thai đặt ra để phán định kinh Hoa Nghiêm hồng lâm y cứ cho thuyết Ngũ Thời Phán Giáo. Theo đó:

1. Chiếu cao sơn: Mặt trời vừa mới mọc bên chiếu đến núi cao trước, ví như đức Phật sau khi thành đạo bên nói kinh Hoa Nghiêm cao nhất, chỉ tiếp độ bậc tối thượng căn Bồ Tát.
2. Chiếu u cốc: Ánh nắng mặt trời chiếu đến hang tối. Đây là thời A Hàm, độ căn cơ Tiểu Thừa.
3. Chiếu bình địa: Như mặt trời chiếu khắp đại địa. Đây là các thời từ Phương Đẳng cho đến Pháp Hoa - Niết Bàn, lần lượt độ Quyền Tiểu quy hướng Viên Đốn.

<sup>11</sup> Trong kinh Niết Bàn, đức Phật dùng năm vị của sữa để phân định các thời thuyết pháp trong giáo pháp suốt một đời Ngài:

1. Sinh nhũ: Vị sữa tươi vừa vắt từ bò ra thì nhạt, ví như khi đức Phật thuyết kinh Hoa Nghiêm khi mới thành đạo, căn cơ của chúng sanh chưa chín muối, cho nên không lãnh hội kinh Hoa Nghiêm được!
  2. Lạc: Tức thời A Hàm, nhằm đối ứng căn cơ Tiểu Thừa.
  3. Sinh Tô: Chính là thời Phương Đẳng, sữa đã chế luyện, chuyển căn cơ đã chín muối từ Tiểu Giáo sang Thông Giáo.
  4. Thục Tô: Chính là thời Bát Nhã, chuyển từ căn cơ Thông Giáo chín muối sang Đại Thừa Biệt Giáo.
  5. Đề Hồ: Chính là thời Pháp Hoa và Niết Bàn. Căn cơ Biệt Giáo đã chín muối, chuyển thành Viên Giáo.
- Khi nói một kinh thuộc vị Đề Hồ, tức là nói kinh ấy thuộc pháp Viên Đốn.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Đáp: Điều này có căn cứ. Dựa theo sách Phật Tổ Thông Kỳ, đại sư [Chí Bàn] nói: “Vào năm thứ năm mươi ba, tức năm Nhâm Thân (thời Châu Mục Vương)<sup>12</sup>, đức Phật trước hết đã lên trời Dao Lợi, an cư ba tháng, sai ngài Văn Thù đến chỗ Phật mẫu, [thỉnh Phật mẫu] tạm khuất mình đến lễ kính Tam Bảo. Phu nhân Ma Da nghe nói, sửa tự tuôn ra, chảy thẳng tới miệng đức Phật; bà bèn cùng với ngài Văn Thù đến chỗ đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho bà, khiến cho bà đắc quả Tu Đà Hoàn. Ba tháng sắp hết, đức Phật sắp nhập Niết Bàn. Vì vậy, Đế Thích biến ra ba cái thang báu. Đức Phật từ biệt mẹ, dẫn theo đại chúng giáng hạ, trở lại Kỳ Hoàn (tinh xá Kỳ Viên)” (điều này trích từ Phật Thăng Dao Lợi Kinh).

Ngài Đông Hồ<sup>13</sup> giảng: “Theo kinh Hành Pháp, [đức Phật nói] ‘ba tháng nữa, ta sẽ nhập Niết Bàn’. Do vậy suy ra Ngài bắt đầu hành pháp là ngày Rằm tháng Mười Một năm Tân Mùi. Theo kinh Thăng Dao Lợi, [đức Phật] an cư ba tháng, cho nên suy ra hành pháp xong, Ngài ngay lập tức lên Dao Lợi trong ngày hôm ấy. Xét theo kinh này, khi ba tháng sắp hết, Ngài muốn nhập Niết Bàn, tức là ngày Mười Bốn tháng Hai năm ấy, [từ trời Dao Lợi] Ngài giáng hạ Diêm Phù Đề rồi nhập Niết Bàn vào ngày Rằm. Do vậy, kinh Niết Bàn nói: - Ngày Rằm tháng Hai sẽ nhập Niết Bàn”. Nay kinh này là do đức Phật nói ra khi Ngài ở trên trời Dao Lợi, vì mẹ thuyết pháp, đại chúng vân tập, hiện điềm lành, phân thân của ngài Địa Tạng nhóm họp. Vì thế, rõ ràng là kinh này đích xác [được nói] sau kinh Pháp Hoa, trước kinh Niết Bàn; chẳng thuộc vị đề-hồ thì xếp vào vị gì đây?

Hỏi: Xếp kinh theo thời như vậy thì rất có căn cứ, nhưng xét ra kinh văn trước sau trọn chẳng có từ ngữ nói rõ, sao có thể nói là kinh này có cùng một thời, một vị với hai kinh kia (Pháp Hoa và Niết Bàn) cho được?

---

<sup>12</sup> Châu Mục Vương (Cơ Mãn) làm vua từ năm 976-922 trước Công Nguyên. Như vậy là năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương là năm 921 trước Công Nguyên.

<sup>13</sup> Đông Hồ là tôn hiệu của ngài Tứ Minh Chí Bàn (không rõ năm sanh và năm mất), pháp hiệu là Đại Thạch. Sư là cao tăng tông Thiên Thai, tác giả bộ Phật Tổ Thông Kỳ. Thuở bé, Sư theo học với ngài Viên Cơ, về sau xuất gia theo Thiên Tông, nhưng chuyên tinh nghiên cứu Thiên Thai Giáo Quán, là truyền nhân của ngài Nhân Nhục thuộc phái Sơn Ngoại của tông Thiên Thai. Trước tác của Sư chỉ còn Phật Tổ Thông Kỳ và bộ Pháp Giới Phàm Thánh Thủy Lục Thắng Hội Tu Trai Nghi Quỹ.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Đáp: Pháp Hoa gồm thâm rộng lớn, Niết Bàn chọn lọc, những gì đáng ghi chép đều đã chép xong cả rồi. Nay đức Phật lên trời Đạo Lợi là vì ba sự:

1) Một là vì mẹ thuyết pháp hồng báo ân sanh dưỡng, đền đáp đức cù lao, ngô hầu khuyên nhắc những kẻ chẳng biết ân trong đời sau.

2) Hai là vì an ủi, từ biệt, để báo đáp các thiên thần đã ủng hộ trong suốt thời kỳ [đức Phật thị hiện thuyết pháp trong thế gian], và phó chúc các tỳ-kheo trong đời Mạt cho họ, dặn họ hãy bảo vệ cho các tỳ-kheo đừng gặp ma sự.

3) Ba là vì lục đạo khổ sở, chẳng có thở mong thoát ra được mà phó chúc ngài Địa Tạng dạy dỗ, bảo vệ họ, đợi cho đến khi đức Di Lặc hạ sanh, chính là vì hiển thị lòng từ bi của Phật thấu đến các kiếp sau.

[Vậy thì] cần gì phải có những đoạn văn nói rõ ràng, dứt khoát [thuộc về thời giáo nào] thì mới chấp nhận [kinh này] thuộc về vị đề-hồ! Hãy nên dùng các kinh như Tượng Pháp Quyết Nghi, Hành Pháp v.v... để phỏng theo mà xem xét thì các mối nghi sẽ tự dứt!

Hỏi: Ngài Cô Sơn phán định kinh Lăng Nghiêm thuộc vị đề-hồ, vì cái Nghe trong kinh ấy giống như tri kiến của Phật trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tợ hồ [lập luận như thế] có căn cứ. Vì sao ngài Đông Hồ chẳng nói “*sự giáo hóa suốt một đời [đức Phật] kết cục ở chỗ khai hiển, mà sự hay khéo khai hiển được quy vào công sức của Pháp Hoa?*” Còn như các kinh khác hễ nói đến viên pháp thì đều là nghĩa lý đàm luận viên dung thuộc về tứ giáo trong thời Phương Đẳng, thế mà ngài Cô Sơn lại muôn coi kinh Lăng Nghiêm có cùng một vị đề-hồ với kinh Pháp Hoa, chẳng nghĩ kinh ấy thuộc về thời Phương Đẳng, tức là đã đánh mất ý chỉ “*thuần nhất chẳng tạp*” của Pháp Hoa! Nay xét ra, đức Địa Tạng tùy cơ thuyết pháp, hoàn toàn đáng nên thuộc loại tứ giáo cùng đàm luận [về lẽ viên dung] trong thời Phương Đẳng; nhưng nay thầy lại phán định [kinh Địa Tạng] giống như kinh Pháp Hoa, há chẳng phải là phạm lỗi giống như ngài Cô Sơn ư?

Đáp: Trong kinh Lăng Nghiêm, phần kinh văn [trần thuật] khách chủ gạn hỏi, biện định cái Thấy nơi tâm, đích xác là tiếp nối phong cách chỉ trích, quở trách [những kiến chấp thiên, tiểu] của thời Phương Đẳng. Sau đó, kinh dạy về ba khoa, bảy đại, hoàn toàn phù hợp với cách nói “*quét sạch các tướng*” của thời Bát Nhã. Còn như do kinh ấy biện định về cái Nghe mà bảo là [kinh Lăng Nghiêm] tương ứng với kinh Diệu Liên Hoa, đáng thuộc về thời Pháp Hoa sau đó, thì đây chính là nghĩa lý “*[thời trước] dung thông với thời sau trong năm thời*”, há nên phán định

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

kinh ấy giống như kinh Pháp Hoa? Ngài Đông Hồ đã bác bỏ thuyết ấy, văn lẫn nghĩa [trong lời biện định của ngài Đông Hồ] đều thỏa đáng. Nay kinh Địa Tạng này được thuyết trong một thời tại thiên cung, tùy cơ mà chỉ dạy, chính là những lời lẽ phô rõ Bản và Tích<sup>14</sup>, giống hết như Pháp Hoa tỏ lộ Tích để hành Quyền, há giống như ngài Cô Sơn phạm lỗi [mâu thuẫn ý chỉ] “*thuần nhất chẳng tạp*” ư?

[Vạn rằng]: Nếu là như vậy thì kinh Du Hành trong Trường A Hàm cũng nói chẳng lâu sau, tức là ba tháng sau, đức Như Lai sẽ bát Nê Hoàn (nhập Niết Bàn), và cũng nói đến những chuyện sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, sao không phán định kinh ấy cũng thuộc vị đề-hồ vậy?

Đáp: Chẳng thể coi là cùng một lệ được, vì Tạng Giáo và Viên Giáo khác biệt vời vợi. Huống hồ những chuyện sau khi đức Phật nhập Niết Bàn trong thời A Hàm thuộc loại kinh văn chung cho cả năm thời, cho nên có thể thâm nhập vào bộ loại của kinh ấy (tức bộ A Hàm). Nay kinh này (kinh Địa Tạng) trọn chẳng có ý nghĩa hai loại thông (thông với thời sau và văn từ tương thông), sao có thể nêu ra kinh kia để bắt bẻ kinh này cho được? Do vậy biết kinh này nhất định lấy chuyện khai hiển (chỉ bày, tỏ lộ) vô thượng đề-hồ làm giáo tướng; nhưng đều nói là “*chẳng nghĩ bàn*”. Chuẩn theo những điều được nói trong kinh này thì oai thần, thệ nguyện, trí huệ, biện tài, các thứ phương tiện của vị Bồ Tát này đều là chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, tên kinh, Thệ, Tông, Dụng của kinh này, mỗi điều đều xứng tánh, đều dựa trên “*chẳng thể nghĩ bàn*” mà kiến lập.

## ***II. Quán Pháp***

Phần thứ hai là trình bày chung về cách quán. Phái Sơn Gia<sup>15</sup> [của tông Thiên Thai] lập pháp bèn có Giáo và Quán. Giáo để mở ra Giải, còn

---

<sup>14</sup> Bản Tích là nói tắt của Bản Địa Thùy Tích. Hàng Pháp Thân Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên đều có thể từ thân của chính mình bèn biến hóa nhiều thân ứng hóa để thích ứng các căn cơ hòng thuận tiện độ sanh. Thân chân thật là Bản Địa, thân ứng hóa là Thùy Tích (thị hiện dấu vết). Có thể hiểu theo nghĩa rộng Bản là Pháp Thân, Báo Thân, còn Tích là Ứng Thân. Khi nói đến Bản Môn và Tích Môn thì những gì giảng dạy nhằm dẫn đến pháp Viên Đốn tối hậu sẽ gọi là Tích Môn, còn pháp dạy thẳng thừng vào Viên Đốn thì gọi là Bản Môn.

<sup>15</sup> Vào cuối đời Đường, do chiến tranh liên miên, quân phiệt cát cứ thường đánh lẫn nhau, khiến cho tự viện điêu linh, một số lớn kinh sách của tông Thiên Thai bị thất lạc. Đến đầu thời Tống, có những vị đại đức tìm lại được các tài liệu ấy từ Triều Tiên hay Nhật Bản đem về, phục hưng tông Thiên Thai. Cuộc tranh luận bùng nổ trong tông Thiên Thai khởi nguồn từ bộ Kim Quang Minh Kinh Huyền Nghĩa của Trí Giả

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Quán là để khởi Hạnh, như dầu và ánh sáng dựa vào nhau, như chân và mắt giúp nhau, sẽ từ bốn cửa mà vào được ao thanh lương. Những người truyền thừa giáo pháp này trong đời sau, há có nên giữ suông văn từ, chẳng hiểu quán hạnh ư? Một bánh xe, một cái cánh, sao có thể đi xa cho được? Vì thế, nay tôi lược thuật những điều chánh yếu, ngõ hầu [độc giả] xem kinh chẳng đến nỗi nói suông, mà sẽ cùng trở về bí mật tạng vậy.

Giáo có Tạng, Thông, Biệt, Viên. Ba giáo trước là Quyền, là thô, một giáo sau cùng (Viên) là Thật, là vi diệu. Kinh này mở ra sự giải ngộ “*viên thường, chánh tín, diệu thật*”, do Quyền là cái Thô được khơi mở, còn Thật là cái Diệu có thể khơi mở. Đây chính vì giảm trừ ba thô, hiển lộ một diệu. Quán có Tích Không Quán và Thể Không Quán, tức là Quán lần lượt theo thứ tự và không có thứ tự. Nếu xét theo thứ tự để đối ứng với tứ giáo thì ba giáo đầu là có thể nghĩ bàn, một giáo sau là chẳng nghĩ bàn! Vì thế, nêu ra đủ cả bốn giáo là vì muốn loại trừ những giáo có thể nghĩ bàn, hòng hiển lộ giáo chẳng thể nghĩ bàn, nói trọn đủ là như các pháp Chỉ Quán v.v...

Nay kinh này đã được nói sau kinh Pháp Hoa, chỉ nói về thuần viên diệu giải, để dấy lên diệu hạnh chẳng thể nghĩ ngợi! Tức là trong mười chương của sách Ma Ha Chỉ Quán, sáu chương đầu nhằm khai giải, bốn chương sau là khởi hạnh, cũng giống như vậy đó. Vì thế, phần kinh văn trong các phẩm như Quán Chúng Sanh Nghiệp Duyên, Diêm Phù Nghiệp Cấm v.v... chính là dùng Không, Giả, Trung để hiển thị chuyện chẳng thể nghĩ bàn của đức Địa Tạng. Vậy thì chủ thể để quán (năng quán) không gì chẳng phải là Nhất Tâm Tam Quán, đối tượng được quán (sở quán) không gì chẳng phải là Tam Đế nhất cảnh. Xét theo ý nghĩa, Tam Quán chỉ có ba loại:

1) Một là dựa theo hạnh, tức là chỉ từ trong vạn cảnh mà quán nhất tâm. Vạn cảnh tuy khác biệt, nhưng lý diệu quán bình đẳng. Như quán các Âm v.v... tức là xét theo ý nghĩa này.

2) Hai là dựa theo pháp tướng, như phần kinh văn nói về quán Tứ Đế, Ngũ Hạnh. Nhập vào một niệm tâm, dùng đó để quán trọn vẹn.

---

đại sư, vì tác phẩm này có hai văn bản gọi là Lược Bản và Quảng Bản. Do các môn nhân trong tông phái có quan điểm bất đồng, dẫn đến sự phân liệt thành hai phái. Phái ủng hộ Quảng Bản tự xưng là Sơn Gia (hàm nghĩa họ là Thiên Thai Tông chính thống), gọi những người không tán thành quan điểm của họ là Sơn Ngoại.



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

3) Ba là cây vào sự tướng, như Vương Xá và Kỳ Xà Quật đều là đặt tên dựa trên Sự, mượn Sự để quán, hồng hướng dẫn tình kiến chấp trước. Như [các pháp quán] Phương Đăng, Phổ Hiền v.v... cứ phỏng theo lệ này sẽ biết.

Giải thích cặn kẽ thì: Ý nghĩa của ba loại quán pháp này được chứa đựng trong các bộ sớ giải về kinh điển, tổ Thiên Thai dựa theo các bộ kinh Đại Thừa, lập ra bốn loại tam-muội, tu thập thừa quán pháp, trực tiếp hướng đến Âm và tâm [để quán], hiển lộ pháp tam thiên. Đây chính là ý nghĩa quán theo Hạnh (tức loại thứ nhất). Lại nương theo các kinh, từ các câu, chữ trong kinh mà xét theo pháp sự tướng, nhập tâm thành quán. “Cây vào Sự” thì tâm là cái có thể nương cây (năng thác) nơi sự, còn những sự thuộc về chánh báo và y báo là đối tượng để nương cây (sở thác). “Nương cây pháp” (phụ pháp, 附法) thì tâm là cái có thể nương dựa (năng phụ), các pháp môn là đối tượng được nương cây (sở phụ). Đây chính là ý nghĩa của hai loại quán Sự và quán pháp. Ngài Kinh Khê khảo sát, suy lường ý nghĩa này, lập ra ba loại tên v.v... Lại còn chỉ rõ: Phép quán sự tướng cũng chỉ nhằm giúp cho phép Quán theo hạnh được thành tựu đó thôi! Nay dựa theo đoạn văn ấy, nêu đại lược ba nghĩa:

1) Nếu quán kinh này, tánh thức vốn là Như Lai Tạng, một niệm trọn đủ mười giới, trăm giới, ba ngàn tánh tướng. Điều này giống như Chỉ Quán lược bớt Giới và Nhập, chỉ còn quán gánh nặng Ngũ Âm. Trong Ngũ Âm như thế, trước hết lược bớt Sắc pháp, kế đó là lược bỏ các pháp tâm sở thuộc Thọ, Tưởng, Hành, chỉ quán Tâm Vương của thức thứ sáu, cho nên nói là “*nhất niệm*”. Do năm thức trước ắt phải nương theo thức thứ sáu là Ý Thức để đồng thời dấy lên thì mới có thể chấp giữ cảnh, tạo nghiệp thiện hay ác. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Lục vi tặc môi, tự kiếp gia bảo, Ý Căn, tặc chi cừ khôi dã, công lực thậm đại. Dĩ đệ thất thức vi sở y căn, dĩ tiền ngũ căn tương ứng hòa hợp, tạo chư thiện ác chi nghiệp, giai nạp đệ bát thức trung, như thương khổ tịnh vật, tùy thời xuất nạp*” (Sáu thức làm môi giới cho bọn giặc, tự cướp đoạt của báu trong nhà. Ý Căn là thủ lĩnh của bọn chúng. Do thức thứ bảy làm cái căn cho thức ấy, cùng với năm thức trước (Nhãn, Nhĩ, Ty, Thức v.v...) hòa hợp, tạo ra các nghiệp thiện hay ác, đều nạp vào thức thứ tám, như cái kho chứa các vật, tùy thời lấy ra hay gởi vào).

Thức thứ bảy thường luôn chấp giữ Kiến Phần của thức thứ tám làm nội tự ngã. Ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái, bốn loại Hoặc thường tụ tập, nên gọi là Nhiễm Ô Ý, vì chúng nó nhuốm bản chân tánh, khiến

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

cho thức thứ tám được đặt tên là Hàm Tàng Thức, hoặc A Lại Da Thức, nhằm chỉ rõ đây là tên gọi khi nó bị mê bởi vô minh. Nay quán thể tướng của vô minh vốn tự chẳng có, do nhân duyên vọng tưởng hòa hợp mà có. Thể của nhân duyên hư huyền, tướng của các pháp là vọng. Trung Luận nói: *“Pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói chính là không, cũng gọi là giả danh. Cũng gọi Trung Đạo nghĩa”*. Ngài Tứ Minh nói: *“Trước hết, xét theo hạnh thì trực tiếp gom về một niệm quán mười giới, trăm giới, diệu pháp thiên như. Tuy chính là một niệm, ngàn pháp rành rành, nhưng toàn thể chính là Không, ở ngay nơi đây chính là Giả, nhưng chẳng phải là hai bên. Lại chính là song chiếu (chiếu cả Không lẫn Hữu), chẳng thể nói là một hay nhiều, há có thể suy nghĩ là Có hay Không? Dù là hai bên, hay chính giữa, đều chẳng thể suy tính được. Do vậy, trong địa vị Quán Hạnh, nếu đã tiến nhập sâu thì thức thứ sáu và thức bảy đều chẳng chấp Ngã, chẳng phân biệt Ngã Không và Pháp Không, chuyển thành vô lậu, cho nên Kiến Tư ô nhiễm, thô cấu rơi rớt trước. Từ đây, tiến nhập Quán, giáo hóa chúng sanh, trở thành diệu Giả chẳng thể nghĩ bàn, phá Trần Sa vô tri. Tiến lên là phá vô minh, Ngã Chấp và Pháp Chấp bảm sanh vĩnh viễn chẳng thể dấy lên được, thành tựu Vô Sanh Nhân, vô công dụng đạo, tùy ý lưu nhập, liền bỏ cái danh xưng A Lại Da để riêng nhận cái tên thanh tịnh. Nhưng phá Hoặc, hiển lộ tánh là do công năng của sáu thức”*. Lời chỉ dạy của ngài Tứ Minh gần gũi, nhưng trọng yếu, là cái gốc của Sự, Lý, Giải, Hạnh. Như chặt cây mà tìm được gốc, châm cứu chữa bệnh tìm được đúng huyết. Đây chính là cảnh chẳng thể nghĩ bàn trong Sơ Quán của mười thừa, gọi là *“Quán dựa theo hạnh”*.

Nếu như cậy vào Sự, hoặc nhờ vào Pháp, thì bèn dựa vào Nhân và Pháp trong tựa đề chung (tổng đề) [của kinh này] tức là Địa Tạng Bồ Nguyên để quán. Nay trước hết quán Bồ Tát là Nhân, như trong lúc hành nhân chiêm ngưỡng, lễ bái đức Địa Tạng, cúng dường hoa, hương, chẳng biểu thị quán pháp thì dùng gì để dụng tâm? Nay chuẩn theo kinh Phật Thuyết Bát Đại Bồ Tát Mạn Đà La đã nói: *“Ư Như Lai tiền, quán Địa Tạng Bồ Tát, đầu quan, anh lạc, diện mạo hy di, tịch nhiên mãn niệm nhất thiết hữu tình. Tả thủ an tử hạ, thác bát, hữu thủ phục hiệp chưởng hướng hạ. Đại chỉ niệp đầu chỉ, tác an ủy nhất thiết chúng sanh tướng”* (Ở trước đức Như Lai, quán Địa Tạng Bồ Tát, đầu đội mào, đeo chuỗi ngọc, diện mạo rạng rỡ, hoan hỷ, tĩnh lặng, nghĩ thương xót hết thảy hữu tình. Tay trái đặt phía dưới rón ôm bát, tay phải thì các ngón xếp khít lại, hướng lòng bàn tay xuống dưới. Ngón cái chạm đầu ngón trỏ, tướng Ngài đang an ủi hết thảy chúng sanh).

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

Giải thích: Đầu chính là Nhất Thiết Chủng Trí, mào chính là Tỳ Lô pháp tánh. Anh Lạc (tiếng Phạn là Cát-do-la (Keyūra), hoặc Chỉ Do La), biểu thị Tổng Trì Tứ Đà La Ni (một là Pháp, hai là Nghĩa, ba là Chú Thuật, bốn là Nhân) nhằm biểu thị Chủng Trí do Pháp Tánh mà thành. Vì thế, có thể tổng trì hết thấy pháp môn. Diện mạo tươi sáng hoan hỷ, biểu thị tướng mạo từ bi được biểu hiện từ cái tâm; bởi đối với tướng nơi toàn thân, mặt là quan trọng nhất. Các pháp lấy Tâm làm Thê để nương tựa, tướng theo tâm mà sanh. Vì thế, dùng tướng để biểu thị cái tâm. “*Tĩnh lặng*”: Biểu thị Bồ Tát tự trụ trong Tam-ma-địa (Samādhi, Chánh Định). Lục đạo dùng khổ duyên để cảm; Bồ Tát dùng lòng đại bi để ứng. Hai tay trái và phải biểu thị hai trí Quyền và Thật. Thật Trí tự chiếu Lý bên trong, Quyền Trí soi xét căn cơ bên ngoài. Ôm bát ở dưới rón, biểu thị tánh thức trọn đủ Như Lai Tạng. [Cái bát ấy] bên trong rỗng không, bên ngoài có hình tròn, biểu thị Tự và Tha đều cùng có Không Như Lai Tạng, trọn vẹn như thái hư, chẳng bị khuyết giảm. Bên trong [cái bát ấy] có thể chứa vật, biểu thị Bát Không Như Lai Tạng, trọn đủ tánh công đức nhiều như cát sông Hằng. Ngón cái chạm ngón trỏ, biểu thị mê và ngộ giống hệt như nhau, nhân và quả phù hợp để an ủi lục đạo chúng sanh chớ ưu não!

Kê đó, quán pháp Bốn Nguyên. Kinh Chiêm Sát dạy: “*Nhược dục y nhất thật cảnh giới tu tín giải giả, ưng học tập nhị chủng quán đạo: Nhất, Duy Tâm Thức Quán; nhị, Chân Như Thật Quán. Duy Tâm Thức Quán giả, vị u nhất thiết thời, nhất thiết xứ, tùy thân khẩu ý, sở hữu tác nghiệp, tất giai quán sát, tri duy thị tâm, tùy nhất thiết cảnh giới, tùy tâm hữu sở duyên niệm, hoàn đương sử tâm tùy trực bỉ niệm, linh tâm tự tri. Tri kỷ nội tâm tự sanh tướng niệm, phi nhất thiết cảnh giới hữu niệm, hữu phân biệt dã, nhị nhất thiết cảnh giới vị tăng hữu tướng, khởi u phân biệt. Nhất thiết pháp duy tâm tướng sanh. Nhược sử ly tâm, tắc vô nhất pháp, nhất tướng, nhị năng tự kiến hữu sai biệt dã. Tri duy vọng niệm, vô thật cảnh giới, vật linh hư phé. Thị danh tu tập Duy Tâm Thức Quán. Chân Như Thật Quán giả, tư duy tâm tánh, vô sanh, vô diệt, bất trụ kiến, văn, giác, tri, vĩnh ly nhất thiết phân biệt chi tướng, tiệm tiệm năng quá tứ không đẳng cảnh giới tướng, đắc Tương Tự Không tam-muội. Đắc thử tam-muội, Thức, Tướng, Thọ, Hành năng phân biệt tướng, bất hiện tại tiền. Tùng thử tu học, vị thiện tri thức đại từ bi giả thủ hộ, trưởng dưỡng, ly chư chương ngại. Cần tu bất phé, năng nhập Tâm Tịch tam-muội, phục năng nhập Nhất Hạnh tam-muội. Nhập Nhất Hạnh tam-muội dĩ, kiến Phật vô số, phát thâm quảng tâm, trụ kiên tín vị.*

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*Ư Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, nhị chủng quán đạo, quyết định tín giải. Tùy sở tu học chư Thiên tam-muội chi nghiệp, vô sở nhạo trước, nãi chí biến tu nhất thiết thiện căn Bồ Đề phần pháp. Ư sanh tử trung, vô sở khiếp úy, bất nhạo Nhị Thừa. Dĩ y năng tập, hướng nhị quán tâm, tối diệu xảo tiện, chúng trí sở y hành căn bản cố”*

(Nếu muốn nương theo cảnh giới Nhất Thật để tu tín giải, hãy nên học tập hai loại quán đạo: Một là Duy Tâm Thức Quán, hai là Chân Như Thật Quán.

1) Duy Tâm Thức Quán nghĩa là trong hết thấy các thời, hết thấy các chỗ, đối với tất cả nghiệp đã tạo nơi thân, miệng, ý, thấy đều quán sát, biết chúng chỉ là tâm, thuận theo hết thấy cảnh giới, tùy theo cái tâm duyên niệm, lại khiến cho cái tâm truy đuổi niệm ấy, khiến cho cái tâm tự biết. Biết nó là tướng niệm tự sanh trong cái tâm của chính mình, chẳng phải là hết thấy cảnh giới có niệm, có phân biệt. Nhưng hết thấy cảnh giới chưa từng có tướng, dấy lên phân biệt. Hết thấy các pháp chỉ do tâm tướng sanh. Nếu muốn lìa tâm thì chẳng có một pháp, một tướng mà có thể tự thấy có sai biệt. Biết chỉ là vọng niệm, chẳng có cảnh giới thật sự, đừng để cho [sự quán sát ấy] ngưng bỏ. Đó gọi là tu tập Duy Tâm Thức Quán.

2) Chân Như Thật Quán là tư duy tâm tánh vô sanh, vô diệt, chẳng trụ trong “*thấy, nghe, hay, biết*”, vĩnh viễn lìa khỏi hết thấy các tướng phân biệt, dần dần có thể vượt khỏi tướng cảnh giới của tứ không, đặc Tướng Tự Không tam-muội. Đặc tam-muội ấy thì tướng phân biệt của Thức, Tướng, Thọ, Hành sẽ chẳng hiện ra trước. Từ đây tu học, được thiện tri thức đại từ bi thủ hộ, trưởng dưỡng, [cho nên] lìa các chương ngại, siêng tu chẳng bỏ, có thể nhập Tâm Tịch tam-muội, lại có thể nhập Nhất Hạnh tam-muội. Đã nhập Nhất Hạnh tam-muội, thấy Phật vô số, phát tâm sâu rộng, trụ nơi địa vị tín tâm kiên cố. Đối với hai thứ quán đạo là Xa-ma-tha (Chi) và Tỳ-bà-xá-na (Quán), quyết định tín giải, thuận theo các nghiệp Thiên tam-muội mà tu học, nhưng chẳng ưa đắm, cho đến tu trọn hết thấy các pháp thuộc thiện căn Bồ Đề phần. Ở trong sanh tử, chẳng khiếp nhược, sợ hãi, chẳng ưa thích Nhị Thừa, do có thể tu tập dựa theo hai thứ quán tâm. Hai thứ quán tâm ấy là phương tiện xảo diệu nhất, là căn bản để các trí nương vào mà hành).

Dựa trên hai pháp Quán ấy, cùng với ba thứ quán pháp của tông này (tông Thiên Thai), sẽ chẳng có chút sai quấy nào. Nương nhờ Sự, hoặc nương cậy pháp, hoặc là Sự Quán dựa theo hạnh sẽ giống như Duy Tâm Thức Quán. Lý Quán do dựa theo hạnh, sẽ giống như Chân Như

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Thật Quán. Đây chính là pháp tự tu của đức Địa Tạng, lại còn dạy hết thấy hãy tu theo. Quán ba chương Hoặc, Nghiệp, Khổ, đều là [quán] cái tâm này giống như cảnh, đều như huyễn hóa, há có gì là sanh tử lưu chuyển nữa ư?

Sách [Ma Ha] Chi Quán nói: “*Phát đại tâm (khuyên chúng sanh mê muội, điên đảo hãy tỉnh ngộ, thương cầu, hạ hóa), tu đại hạnh (khuyên họ hãy mạnh mẽ, tinh tấn dứt ác làm lành), cảm đại quả (cảm quả sanh lên Phạm Thiên, quả báo màu nhiệm khiến cho cõi lòng vui sướng), xé rách lưới lớn (kinh luận mở mắt cho con người, dung thông giải trừ những kết phược, thoát khỏi lòng giam), trở về đại xứ (pháp giới chẳng có đầu hay cuối, thông hay tắc, rỗng rang rạng ngời, chẳng bị ngăn ngại)*”. Đây chính là pháp bản nguyên của đức Địa Tạng.

Nhân và Pháp như thế đều ở trong một niệm tâm nhỏ nhoi, chính là Không, chính là Giả, chính là Trung. Tâm ta đã là như thế, chúng sanh và Phật cũng thế. Nhưng chúng sanh quá rộng, Phật pháp quá cao, sơ tâm khó thực hiện được, chỉ quán sự cao rộng nơi cái tâm của chính mình, hòng lãnh ngộ sự thánh ứng vô cùng. Do cơ đã thành thực, bèn dẫn đến sự cảm vời, bèn đạt được đại lợi; vì thế, cần phải quán tâm. Sách Quán Âm Huyền Nghĩa nói: “*Trong Ma Ha Diễn (Đại Thừa), thoát đầu là từ sơ tâm cho đến cuối cùng là hậu tâm, thường quán Nhân và Pháp đều Không. Do quán Nhân Không, tức là chứng tử của liễu nhân; quán Pháp Không, tức là chứng tử của duyên nhân*”. Vì thế, Luận nói: “*Thoạt đầu là giác Nhân Không, cuối cùng giác Pháp Không. Do quán Nhân và Pháp đều là Không, liền biết ba thứ Phật Tánh. Phật từ sơ phát tâm, quán Nhân Không và Pháp Không, tu ba thứ Phật Tánh, trải qua địa vị Lục Tức, thành Lục Tức Nhân Pháp*”. Nay quán Địa Tạng tức là Nhân và Pháp của bậc Phần Chứng Đẳng Giác. Hành nhân có thể quán Nhân và Pháp toàn là tự tâm, giống như Như Ý Châu, không gì chẳng trọn đủ. Tức là Không, Giả, Trung, khởi đầu từ Quán Hạnh cho tới Phần Chứng, là một mà hai, tuy hai mà một với bản nguyên của đức Địa Tạng. Vì thế nói: “*Chẳng biểu thị quán pháp thì sẽ dụng tâm như thế nào?*” Đây chính là phương cách to lớn của phép Quán nương cậy Sự hoặc nương nhờ Pháp.

Tông Đê (danh xưng chung của cả bộ kinh, tức tên kinh này) đã là như vậy, thì phần Biệt Văn (kinh văn của cả bộ kinh) cũng thế. Khởi đầu bằng Như Thị (như thị ngã văn) cho đến cuối cùng là “*nhi thoái*” (bèn lui ra), dù là Nhân hay Pháp, hoặc là thức tâm, hoặc thiện hay ác, hoặc là phàm hay thánh, tịnh hay uế, nhân hay quả, hương, hoa, ẩm thực, các thứ

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

pháp môn sai biệt trong ấy, không gì chẳng thể nhập tâm thành Quán!  
Nhu phá vỡ một vi trần, xuất hiện kinh quyền to bằng cõi đại thiên.

Vì thế, lắng nghe, đọc, tụng, lễ bái, cúng dường, tâm chẳng duyên theo pháp khác, từ trong tâm hiển lộ, phát khởi, mới xứng gọi là “*toàn tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh*”, khởi bị chê cười là kẻ nghèo kính trọng của báu [của người khác]. Vì thế, trước khi học vào kinh văn bèn chỉ điểm, dùng cái Thấy để lập giáo, chính là để quán tâm, cận kề thì như trong một giáo, đối với các bộ [kinh luận] lớn hay nhỏ, nếu muốn tu tập, cần phải thân cận bậc thầy tốt lành, diệu nhân Niết Bàn ở ngay nơi ấy mà thôi!

### ***III. Biệt giải kinh văn***

Phần thứ ba là giải thích riêng về kinh văn. Kinh này được chia thành ba quyển, hoặc chia thành hai quyển là Thượng và Hạ, đều do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch, gồm mười ba phẩm. Nay trước hết là giải thích chung về tựa đề các phẩm; sau đó, sẽ thuận theo kinh văn mà giải thích ý nghĩa.

Trước hết, giải thích phẩm Đào Lợi Thiên Cung Thần Thông chính là Tự Phần. Nay không ghi là phẩm Tự mà gọi thẳng là phẩm Đào Lợi Thiên Cung Thần Thông. Chữ “*Tự*” bao hàm ba loại [ý nghĩa] là Thứ Tự, Tự Do, và Tự Thuật:

1) Phần đầu của kinh có năm sự, theo thứ tự mà an lập, thì là Thứ Tự (phần Tự trình bày sự việc theo thứ tự).

2) Đức Phật thăng lên trời Đào Lợi vì mẹ thuyết pháp, chư Phật, Bồ Tát như mây tụ tập đến, ngầm muốn khởi phát nhân duyên giáo hóa của đức Địa Tạng. Vì thế, đức Như Lai mỉm cười, phóng quang, trong mây quang minh lại phát ra âm thanh, lại triệu tập đại chúng trời, rồng, quỷ thần v.v... nhằm hiển phát nhân duyên độ thoát của đức Địa Tạng. Những điều ấy đều là Tự Do (phần Tự nhằm trình bày duyên do của pháp hội giảng kinh).

3) Đức Như Lai và Văn Thù hỏi đáp về số lượng đại chúng, nêu bật nhân duyên cứu độ mẹ của đức Địa Tạng. Đây là Tự Thuật (trình bày công hạnh).

Vì thế, chỉ gọi [phẩm này] là Thần Thông Phẩm.

Đào Lợi (忉利) nói cho đầy đủ là Đa La Dạ Đẳng Lăng Xá (Trayastrimśa), cõi này dịch là Tam Thập Tam (ba mươi ba). Tịnh Danh Sớ giảng: “*Nhu Đê Thích trong thế gian này vào thời xưa kia, sau khi Phật*

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*Ca Diếp diệt độ, có một nữ nhân phát tâm tu Bồ Tát. Lại có ba mươi hai người phát tâm giúp cô ta tu Bồ Tát. Do công đức tu Bồ Tát, cô ta được làm Đạo Lợi Thiên Chúa. Những người giúp tu Bồ Tát thì làm quần thần phò tá. Vua và các đại thần được gọi chung thành Tam Thập Tam Thiên”. Điều này được nói trong Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh. Đế Thích trụ trong Thiên Pháp Đường Thiên, ba mươi hai cõi trời ở trên bốn đỉnh núi bao quanh, thường nói là Trụ Phong Thiên v.v... [Chư thiên trong] tiếng Phạn là Đề Bà (Deva), cõi này dịch là Thiên, [hàm nghĩa] “thiên nhiên, tự nhiên”, do họ hưởng vui thù thắng, thân thù thắng.*

“Cung” là “khung” (穹, kiến trúc cao vọt lên), [hàm nghĩa] nhà xây có thể trông thấy vượt khỏi tường vây, cao vọt lên. Trên thì cao vọt, dưới thì [các gian nhà được xây] vây quanh, người sống trong ấy. [Chữ Cung (宮)] trên là bộ Miên (宀, âm đọc là Miên, có nghĩa là nhà có mái che dài ra) giống như riềm che, dưới là hai chữ Khẩu (口), giống như giới hạn sự cách biệt giữa trong và ngoài. Sách Lập Thế A Tỳ Đàm chép: “Thành Thiên Kiến trên trời Đạo Lợi, chu vi là bốn vạn mười ngàn do-tuần, vàng ròng làm thành. Bốn mặt thành là lầu ngàn cửa. Thành vàng ở chính giữa là chỗ Đế Thích ở. Năm trăm cửa, trang hoàng bằng các thứ báu chẳng thể thuật trọn. Chính giữa thành là lầu báu gác chồng (lầu có nhiều tầng), tên là Bì Thiên Diên Đa. Lầu cao năm trăm do-tuần, rộng hai trăm năm mươi do-tuần... Lầu nhiều tầng Bì Thiên Diên Đa cao nhất, chính giữa là một căn nhà tròn, rộng ba mươi do-tuần, chu vi là chín mươi do-tuần, cao bốn mươi lăm do-tuần, là chỗ ở của Đế Thích, toàn là do lưu ly tạo thành, xen kín các thứ báu. Như Lai lên tòa ở nơi đây, vì thánh hậu thuyết pháp, là chỗ để Ngài hiện thân thông khi ấy”.

“Thần thông” có hai ý Thông và Biệt. Kinh Dịch nói: “*Dương Âm bất trắc chi vị Thần. Tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông. Thiên địa dữ đạo vi Thế dã. Kỳ diệu dụng viết Thần*” (Âm và Dương chẳng thể suy lường được thì gọi là Thần. Lặng lẽ, bất động mà hể cảm bèn thông. Trời, đất cùng với đạo làm Thế, diệu dụng của nó gọi là Thần). Đây là cách giải thích theo thế tục. Nay chuẩn theo kinh Anh Lạc dạy: “*Thần danh thiên tâm, Thông danh huệ tánh. Thiên nhiên chi huệ, triệt chiếu vô ngại; cố danh Thần Thông*” (Thần là cái tâm tự nhiên, Thông là huệ tánh. Trí huệ tự nhiên, chiếu thấu suốt vô ngại, nên gọi là Thần Thông). Thông có sáu loại: Một là Như Ý, hai là Thiên Nhãn, ba là Thiên Nhĩ, bốn là Tha Tâm, năm là Thức Túc Mạng Thông, sáu là Vô Lậu Thông. Ở

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

đây, [thần thông trong phẩm này] chính là [đức Như Lai] mỉm cười, phóng quang, chư thiên cùng tụ tập, đều là điều dụng từ huệ tánh chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai. Vì thế gọi là Thần Thông.

Tiếng Phạn là Bạt Cừ (Varga), cõi này dịch là Phẩm, có nghĩa là những thứ cùng loại, tương đồng, được tụ tập trong một đoạn, cho nên gọi là Phẩm. Chữ này cũng là danh xưng chung [cho mỗi chương], do đức Phật tự nói ra, hay do người kết tập [kinh điển] đặt, hoặc do người dịch thêm vào. Nay xét cách phân chia phẩm, dường như phần lớn là do các vị dịch sư tự đặt. Do đây là phẩm khởi đầu trong các phẩm, nên nói là “*đệ nhất*” (dựa theo Phật Thăng Đạo Lợi Thuyết Pháp Kinh thì đức Phật an cư suốt ba tháng dưới cội cây Viên Sanh (Pārijāta, Ba Lợi Chất Đa) trong vườn Hoan Hỷ, tứ chúng vây quanh).

Duyên do đã khởi, chánh sự hãy nên phô bày. Phân thân của đức Địa Tạng bèn thừa dịp nhóm tới. Chuyện này không gì chẳng đều vì đức Địa Tạng. Do vậy, [phẩm thứ hai là Phân Thân Tập Hội] là khởi đầu phần Chánh Tông. “*Thân*” là cảnh vực, cung điện, là căn khôn riêng của mỗi người. Quả tim dường như ở giữa thân, là chủ tể của thân; nhưng chúng ta do nghiệp cảm vờ, do vậy mà hòa hội, nương vào ba duyên để tạo thành thể chất, gom Tứ Đại thành hình hài. Đấy chính là cái nguồn của các điều ác, là cái gốc của mọi nỗi khổ. Thân Bồ Tát sanh từ vô lượng công đức, từ Trung Đạo nghiệp thức mà hiện tướng hảo, quang minh, tức là Pháp Thân.

“*Phân*” (分) là “ban bố, khác biệt”. Ví như biển là một nguồn, mà tách ra thành muôn dòng. Như một vàng trắng trên bầu trời, hiện bóng nơi trăm sông. “*Tập*” (集) là cùng nhau, là tụ lại; như trời sắp tối, các loài chim đều quay về, tụ tập trên cây nghỉ ngơi. “*Hội*” (會) là chung, là họp lại. Sách Châu Lễ chép: “*Thời kiến viết Hội*” (Có dịp gặp nhau thì là hội). Bởi lẽ, Phật nhật sắp lặn, đại địa sắp tối tăm, Bồ Tát điều vương dẫn các loài cùng về chỗ đậu lại nghỉ ngơi, cùng nhóm lại gặp gỡ. Bởi lẽ, phân tán vốn là từ Thể khởi Dụng, từ Bản hiện Tích. “*Tập hội*” là gom Dụng về Thể, gom Tích hội về Bản. Đang trong khi phân tán, một là vô lượng. Nay tập hội, vô lượng là một. “*Một là vô lượng*” thì một chẳng phải là một. “*Vô lượng là một*” thì nhiều chẳng phải là nhiều. Một và nhiều vô ngại, cuộn lại (rút gọn lại) hay duỗi ra (mở rộng ra) tự do. Oai đức thần thông chẳng thể nghĩ bàn, cảm ứng đạo giao, chủ và khách nhóm hội tốt lành. Vì thế nói là phẩm thứ hai, Phân Thân Tập Hội.



## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Phân thân của đức Địa Tạng đã nhóm họp, đức Như Lai xoa đỉnh đầu [Bồ Tát], bảo rằng: “*Ông đã bao kiếp phân thân siêng khổ*”, tạo nhân duyên an ủi Bồ Tát hãy cứu tế đời Mạt, nghĩ nhớ [đức Phật] đã phó chúc trên cung trời. Bồ Tát bèn họp các phân thân lại, lãnh nhận lời dạy, chờ cho đến khi gặp Di Lặc thọ ký, sẽ trọn hết thân mạng hộ trì. Ấy là vì lục đạo chúng sanh trong pháp giới do Hoặc, Nghiệp, Khổ mà quay cuồng trong ba đường, đến nổi trôi lăn trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh tam đồ! Nhưng nơi chúng sanh thọ khổ chính là cửa ngõ để Bồ Tát nhiếp hóa. Vì thế, tiếp đó nêu ra ba phẩm nghiệp duyên, nghiệp cảm, và danh hiệu địa ngục để làm đạo trọng yếu cho đồng thể từ bi, tạo cái duyên tốt lành cho đáng U Minh giáo chủ. Vì thế, nói [Địa Tạng Bồ Tát] chính là Tăng Thượng Duyên cho chúng sanh thành tựu Phật đạo, há phải là lời suông ư? Kinh Duy Ma chép: “*Chư Phật giải thoát, đương ư chúng sanh tâm hạnh trung cầu*” (Đạo giải thoát của chư Phật hãy nên cầu từ trong tâm hạnh của chúng sanh) là nói về điều này. Ba thứ chướng ấy lại bắt nguồn từ nhau và thành tựu lẫn nhau: Do Hoặc mà tạo nghiệp, do nghiệp mà chuốc khổ. Do vậy, ba phẩm liên tiếp khít khao theo thứ tự mà có.

Nay trước hết là giải thích về phẩm Quán Chúng Sanh Nghiệp Duyên. Chữ Bộc Hồ Thiện Na (Bahu-jana) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Chúng Sanh. Sách Pháp Hoa Văn Cú đã dựa theo ba cách giải thích trong kinh Trung A Hàm [để giải thích chữ Chúng Sanh]:

1) Thuở kiếp sơ, Quang Âm Thiên hạ sanh thế gian, không có nam, nữ, tôn quý, hèn hạ, mọi người cùng sống trong cõi đời. Vì thế nói là Chúng Sanh. Đây là nói theo thuở tối sơ.

2) Nếu nắm giữ các Ám bèn có “giả danh chúng sanh”. Đây là căn cứ trên một giai đoạn thọ báo [để nói].

3) Nếu nói “thọ sanh khắp nơi thì gọi là chúng sanh”, đây là dựa theo sự lưu chuyển trong năm đường.

“*Nghiệp*”: Tác động thì gọi là Nghiệp. Sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa nói: “*Tạo tác, lo toan, vận dụng ba nghiệp, kiến lập các điều ác thì gọi là Tác*”. Luận theo lẽ thật, Thể (bản chất của nghiệp) chính là Tư (思, suy nghĩ), suy nghĩ cho hành động nơi thân, suy nghĩ để nói năng, và chính sự suy nghĩ ấy, ba thứ đều được gọi là Nghiệp. Vì thế biết: Nơi thân không gì chẳng phải là nghiệp. Do suy nghĩ mà có hành động nơi thân v.v... thì mới gọi là Nghiệp.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

“Duyên” là danh xưng để chỉ sự bắt nguồn, nương nhờ lẫn nhau, gần gũi (tức là phụ trợ cho) cái nhân có thể sanh khởi [ra cái quả thì gọi là Duyên]. Thật ra, nó chính là cái tâm vô minh điên đảo đó thôi. Do tâm mà khởi nghiệp, do nghiệp mà thọ thân. Thân còn tạo nghiệp để nhận lấy hình hài, hình hài lại thuận theo sự sắp đặt của cái tâm mà thăng trầm theo nghiệp, khổ hay lạc là do cái tâm! Như bóng do hình mà cong hay thẳng, tiếng vọng do âm thanh mà to hay bé, chẳng sai sót mảy may! Vì thế, đức Phật bảo Trường Trảo Phạm Chí (Dirghanakha Brahmacārin) rằng: “*Thế do tự nghiệp, nghiệp vi năng thọ. Nghiệp vi sanh xứ, nghiệp vi thân tộc, nghiệp vi sở y*” (Cõi đời là do tự nghiệp, nghiệp là cái có thể nhận lãnh. Nghiệp là chỗ sanh khởi, nghiệp là thân tộc, nghiệp là chỗ để nương vào). Kinh Đại Thừa nói: “*Như mộc hữu hỏa, ngộ duyên tức phát, tắc tri hiện thế khổ lạc, do tiên thế nghiệp*” (Như gỗ có sẵn lửa, gặp duyên bèn phát khởi (bốc cháy). Cho nên biết khổ hay vui trong hiện đời là do nghiệp từ đời trước). Nghiệp do tham, sân, vô minh, cho nên gọi là Chúng Sanh Nghiệp Duyên. Nhưng nghiệp có Thông và Biệt. Thông là khổ và lạc trong mười pháp giới. Biệt thì sự khổ dữ dội trong tam đồ, đều là cảnh được quán bởi Bồ Tát. Chủ thể có thể quán (năng quán) chính là trí tam quán của Bồ Tát.

Trước hết, luận về Thông Quán, nói chung chẳng lìa khỏi tự tâm. Như Kim Quang Minh Kinh Sớ viết: “*Quán chắc thật một niệm tâm, tức Không, tức Giả, tức Trung, tức là ba thân. Vì sao vậy? Kinh Hoa Nghiêm nói: ‘Tâm như thợ vẽ khéo, tạo các thứ Ngũ Ấm’. Nếu tâm duyên theo chuyện phá giới, tức là thân địa ngục. Do không hổ thẹn, [lại còn] kiêu, mạn, nóng giận v.v... tức là thân súc sanh. Do siểm khúc [hòng đạt được] tiếng tăm, nên là thân ngạ quỷ. Do ganh tỵ, cạnh tranh, thì chính là thân Tu La. Do hành Ngũ Giới, ngăn ngừa Ngũ Ác, tức là thân người. Do Thập Thiện, ngăn ngừa Thập Ác, hành Thiện Định, ngăn ngừa tán loạn thì là thân trời. Do vô thường, khổ, không, không vô tướng nguyện, tức là thân Nhị Thừa. Do từ bi, Lục Độ, tức là thân Bồ Tát. Duyên theo Chân Như Thật Tướng, tức là thân Phật. Thân trong mười pháp giới đều do tâm tạo; vì thế, cần phải quán Duyên Khởi. Nếu quán riêng tam đồ địa ngục chúng sanh lên núi đao, lên non gươm, sẽ dẹp tan sắc tâm; quán ngạ quỷ nuốt nước đồng, ăn hòn sắt nóng, uống máu, nuốt mủ, quán súc sanh đội mai, mang vảy nuốt nhau, chở nặng, kéo xe, mắt Từ đã thấy, tâm Bi liền cứu. Đã chỉ là do tâm tạo, vô tánh duyên sanh; tánh của duyên sanh vốn là không thì nghiệp trong mười pháp giới há có thể đạt được ư?”*

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

Vì thế, quyển bốn mươi tám của kinh Hoa Nghiêm có nói: “*Bồ Tát tri chư nghiệp, bất tùng tứ duy, thượng, hạ lai, nhi cộng tích tập, chỉ trụ u tâm, đản tùng điên đảo sanh, vô hữu trụ xứ. Bồ Tát như thị quyết định minh kiến, vô hữu nghi hoặc. Chủng chủng chư nghiệp, nhi thật vô ngã, vô hữu ngã sở, lục thú quả báo, thập phương thời câu, tất bất khả đắc. Tùy hữu tu tập, tác thọ kỳ báo. Thí như huyễn sư, huyễn hoặc nhân nhân. Nhữ đẳng tích tại địa ngục, địa ngục cập thân, phi thập phương lai, đản do u nhữ điên đảo ác nghiệp, ngu si triền phược, sanh địa ngục thân. Thử vô căn bản, vô hữu lai xứ. Ký quán nhất Âm, không vô sở hữu, tác linh thập giới, giai bất khả đắc*” (Bồ Tát biết các nghiệp chẳng từ bốn phương, trên, dưới mà đến, nhưng chúng cùng nhau tích tập, an trụ nơi tâm, chỉ từ điên đảo mà sanh, chẳng có chỗ trụ. Bồ Tát thấy rõ ràng quyết định như thế, chẳng có nghi hoặc. Đủ mọi các nghiệp thật sự vô ngã, chẳng có ngã sở, đối với quả báo trong sáu đường bèn suy lường, tìm tòi khắp mười phương, nhưng đều trọn chẳng thể được. Hễ có tu tập, bèn hưởng quả báo. Ví như nhà ảo thuật huyễn hoặc mắt người. Các người trước kia ở trong địa ngục, mang thân địa ngục, chẳng do từ mười phương đến, chỉ vì các người bị ác nghiệp điên đảo, ngu si quán trối, sanh làm thân địa ngục. Chuyện này không có căn bản, chẳng có chỗ đến. Đã quán một Âm là “không, vô sở hữu”, thì [sẽ nhận biết] mười pháp giới đều chẳng thể được). Sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa nói: “*Quán thân do tâm, tâm do duyên khởi, sanh diệt nhanh chóng, chẳng thấy trụ xứ, tướng mạo, chỉ có tên gọi, mà tên gọi cũng là không. Vì thế, cần phải quán nghiệp duyên của chúng sanh*”.

Phẩm trên đây đã chỉ rõ “*do Hoặc mà tạo nghiệp*”, phẩm kế tiếp bèn nêu rõ “*do nghiệp mà cảm quả*”. Hình ngay thì bóng thẳng, nguồn bản ắt dòng chảy đục ngầu! Đạo cảm ứng chẳng sai một mảy! Diêm Phù nói đầy đủ thì phải là Diêm Phù Đề (Jambudvīpa), cõi này dịch là Thắng Kim (chất vàng thù thắng). Diêm Phù (Jambu) là tên một loài cây, Đề (Dvīpa) là từ ngữ chỉ một châu. Phía trên châu này có khu rừng mọc toàn loại cây ấy. Trong rừng có con sông, đáy phủ cát bằng vàng, gọi là Diêm Phù Đàn Kim (Jambunadasuvarṇa). Do cây Diêm Phù mà gọi [đại châu này] là Diêm Phù Châu. Có năm trăm tiểu châu vây quanh, gọi chung là Diêm Phù Đề.

Sách Tây Vực Ký nói: “*Nam Thiệm Bộ Châu (tức Nam Diêm Phù Đề), do cõi này [Trung Hoa] không có danh xưng tương đương, cho nên chẳng dịch nghĩa. Nếu chỉ ghi lại nghĩa theo văn tự mà dịch thành Uế Thụ (cây như bản) thì không thể hiện được ý nghĩa*”. Nay chuẩn theo

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

ngài Trường Thủy<sup>16</sup> có nói: “Nước quả Diêm Phù có thể biến vật khác thành vàng. Do nước ấy nhỏ xuống sông, đá bị dính nước ấy, biến thành vàng. Do vậy, lấy chuyện nước quả nhỏ giọt làm bản để làm danh xưng đẹp đẽ, chẳng lấy chuyện tiết Thu lá rụng bản ao để làm danh xưng xấu xí”. Tôi tra cứu, thấy Lập Thế A Tỳ Đàm<sup>17</sup> nói: “Xưa kia tại thành Vương Xá, có hai vị tỳ-kheo có sức thần thông, cùng kết bạn với nhau để đến xem cây ấy. Vì thế, họ đến chỗ cây đó, thấy quả đã chín, rơi xuống đất vỡ nát. Một vị tỳ-kheo bèn từ lỗ thủng ở cái cuống của quả mà thọc ngón tay vào trong, ngón dài nhất vẫn chưa chạm đến hạt, bèn rút ngón tay ra. Do bị nhuộm nước quả, móng tay đều đỏ. Khi đó, có một người tên là Trường Hinh (căng dài), đi tới bên cây, hái một quả đem về dâng lên đức Thế Tôn. Đức Phật nhận lấy quả ấy, bẻ thành nhiều miếng, chia cho đại chúng. Nước quả nhuộm tay Phật, đức Phật bèn dùng tay chà lên vách đá, đến nay sắc đỏ vẫn như xưa chẳng khác, vẫn ướt, chẳng khô, vết tay rành rành. Do xưa kia [đức Phật] đã tách quả thành từng miếng, nên gọi đá ấy là Phiến Phiến Nham”. Đoạn văn này đủ để chứng minh ý nghĩa “thấm nhuộm là Uế”.

“Cảm” (感) là thiên cơ xúc động. Từ chữ Tâm (心) và chữ Hàm (咸) mà ghép thành chữ Cảm, hàm nghĩa “cơ cảm lẫn nhau”. Con người và vạn vật trong trời đất có cùng một Thể. Chẳng phải là hai thì cái gì là cảm? Chẳng phải là một thì cái gì có thể cảm? Cảm sanh từ Tịch, vì thế

---

<sup>16</sup> Trường Thủy là mỹ hiệu của Lăng Nghiêm đại sư (967-1038). Sư họ Trịnh, người xứ Tiền Đường, Hàng Châu, hiệu là Đông Bình Tử Toàn, thường được tôn xưng là Trường Thủy tôn giả. Sư bẩm tánh thông minh hơn người. Lúc chín tuổi, Sư theo xuất gia với ngài Khế Tông chùa Phổ Huệ, học tập kinh Lăng Nghiêm. Mười hai tuổi, được thọ giới Sa Di, tròn hai mươi bèn được đặc cách thọ Cụ Túc Giới. Về sau, Sư lại đến chùa Linh Quang ở Tú Châu để học thêm Lăng Nghiêm với Hồng Mẫn, có sở ngộ, được ngài Hồng Mẫn ấn chứng. Về sau, Sư trụ tại chùa Trường Thủy, khai giảng kinh Lăng Nghiêm, Tăng tục theo học mấy ngàn người. Năm Thiên Thánh thứ tám (1030), Sư soạn bộ Lăng Nghiêm Nghĩa Sớ, lại soạn Kim Cang Kinh Toàn Yếu Khoa, Khởi Tín Luận Bút Tước Ký. Sau đó, Sư giảng các bộ Hạnh Nguyên Sao, Pháp Giới Quán, Viên Giác Kinh, Thập Lục Quán Kinh... mỗi loại mười mấy lượt. Năm Đại Trung Tường Phù thứ sáu (1013), Sư được vua ban áo cà sa tía và mỹ hiệu Trường Thủy Sớ Chủ Lăng Nghiêm Đại Sư.

<sup>17</sup> Bộ sách này có tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Lập Thế A Tỳ Đàm Luận, thể hiện vũ trụ quan Phật giáo, gồm hai mươi lăm phẩm. Luận này được ngài Chân Đế dịch sang tiếng Hán thành mười quyển vào đời Trần. Đôi khi sách còn được gọi bằng các danh xưng như Thiên Địa Ký Kinh, Lập Thế A Tỳ Đàm Tạng...

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

nói là “*tịch nhiên bất động*”. Do cảm bèn thông, tức là chủ vắng lặng mà cảm khách, người học hãy nên đặt vững cái căn cội tự nhiên này.

[Chữ Cảm lại do] Tâm và Hàm [ghép lại] thì có nghĩa là gì? “*Hàm*” là đều, tức là đều do trong tâm động mà có cảm. Luận Khởi Tín nói: “*Do chẳng biết pháp Chân Như là một, cho nên bất giác tâm động. Hễ động bèn có khổ, vì quả chẳng lia nhân*”. Ngài Nam Nhạc nói: “*Tùy duyên bất biến thì gọi là Tánh. Bất biến tùy duyên thì gọi là Tâm; há chẳng phải là do tâm động mà cảm ư?*”. Kinh dạy: “*Nhất thiết chúng sanh vị giải thoát giả, tánh thức vô định, vi thiện, vi ác, trược cảnh nhi sanh*” (Hết thấy chúng sanh là những kẻ chưa giải thoát, tánh thức bất định, làm lành, làm ác, thuận theo cảnh mà sanh) là nói đến ý này. Nếu luận định chung thì chúng sanh trong mười pháp giới đều là nghiệp cảm.

Sách Ma Ha Chỉ Quán viết: “*Nghiệp có ba loại là lậu nghiệp (của lục phàm), vô lậu nghiệp (của Nhị Thừa), phi lậu phi vô lậu nghiệp (của Bồ Tát), cảm vơi ba cõi là Phần Đoạn, Phương Tiện, và Thật Báo. Báo do ba thứ phiền não là Thủ Tướng (chấp giữ lấy tướng), Trần Sa, và Vô Minh*”. Dựa theo đó, Như Lai đã đoạn Tam Hoặc, huệ nghiệp vô lậu thanh tịnh, cảm sanh trong cõi Tịch Quang.

Sách Thập Di Ký nói: “*Tông này khéo giải thích ‘tâm tạo’ của Hoa Nghiêm có hai nghĩa: Một là Lý tạo, ‘tạo’ tức là trọn đủ. Hai là Sự tạo, thông cả ba đời, tạo thành mười pháp giới, tức là quá khứ tạo thành hiện tại, quá khứ và hiện tại tạo tương lai, hiện tại tạo hiện tại, đều do Lý trọn đủ thì mới có Sự tạo. Vì thế, thân trong mười pháp giới, mỗi mỗi đều là toàn tánh khởi tu. Tuy toàn là tu, nhưng do nhân đã thành cảm quả, chẳng có sai sót. Vì thế, thân trong mười pháp giới đều có giả và thật, cùng với y báo, chẳng có một vật nào tự dựng dấy lên*”. Kinh nói: “*Vị kiến tha tác ngã thọ, ngã tác tha thọ, nãi tự tác tự thọ nhĩ. Cổ Phật cáo Thủ Ca trưởng giả vân: - Nhất thiết chúng sanh hệ thuộc ư nghiệp, y chỉ ư nghiệp, tùy tự nghiệp chuyển, dĩ thị nhân duyên, hữu thượng, trung, hạ sai biệt*” (Chưa thấy người khác làm mà ta hứng chịu, ta làm mà người khác hứng chịu, mà là tự làm, tự chịu đó thôi! Vì thế, đức Phật bảo trưởng giả Thủ Ca rằng: “Hết thấy chúng sanh bị phụ thuộc, trói buộc bởi nghiệp, nương cậy nghiệp, bị xoay chuyển bởi nghiệp của chính mình, do nhân duyên ấy mà có thượng, trung, hạ sai khác”) là nói về ý này.

Hỏi: Nghiệp cảm thông thấu mười pháp giới, vì sao lại chỉ nói về chúng sanh trong Diêm Phù?

## *Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

Đáp: Bồ Tát nhất định dùng mười loại thân<sup>18</sup> để lợi lạc chúng sanh, dùng bốn cõi để nhiếp hóa các hữu tình. Nay riêng nói Diêm Phù là vì chúng sanh trong cõi này dễ tạo nghiệp cảm với sự khổ cùng cực. Vì thế, bi tâm của Đại Sĩ riêng hướng về họ. Vì sao biết vậy? Trong các quốc độ khác, hoặc thuần là Bồ Tát, hoặc ba thừa cùng cư trụ, tức là phàm và thánh cùng chung sống, hoặc là tạo nghiệp nhẹ ít. Chỉ có cõi Sa Bà, hẳn là chúng sanh ác nghịch không được mười phương quốc độ dung chứa thì đều thác sanh trong cõi này.

Lại nữa, đối với mỗi Tứ Thiên Hạ, [chỉ nói đến tội nghiệp nặng nề của Nam Diêm Phù Đề], trọn chẳng nói đến ba châu kia. Như kinh Trường A Hàm nói người ở châu Đông Phát Bà Đề (Pūrva-videha, Đông Thắng Thần Châu), kẻ đa dục thì trong một đời chỉ hành dâm tới sáu, bảy lần; cũng có người tu hành cho đến chết, trọn chẳng có dục sự. Người ở Tây Châu (Apara-godānīya, Tây Ngu Hóa Châu, Cù Đa Ni Châu) tạo nghiệp rất ít. Thánh nhân không sanh vào Bắc Châu (Uttara-kuru, Bắc Câu Lô Châu, Uất Đan Việt Châu); chỉ có người ở Nam Châu (Nam Diêm Phù Đề) khởi tâm động niệm, không gì chẳng phải là tội, dẫu đạt được thiện lợi, phần nhiều thoái thất cái tâm ban đầu. Nếu tạo ác duyên thì niệm niệm tăng trưởng. Do vậy, đặc biệt nêu ra [nghiệp cảm của họ], càng thấy rõ đức Địa Tạng đại thánh do lòng Từ bình đẳng, phân thân trong các cõi nhiều như cát sông Hằng, nhưng bi tâm riêng hướng về hữu tình của Nam Châu. Vì thế, nói ra phẩm thứ tư là Diêm Phù Chúng Sanh Nghiệp Cảm.

Nghiệp cảm được luận định trong phần trên là luận chung mười pháp giới, nay luận riêng trong lục đạo. Xét trong lục đạo, ba đường lành khổ lạc xen kẽ, ba đường ác thuần khổ chẳng vui! Ngay như trong tam đồ, nỗi khổ của ngạ quỷ và súc sanh nhẹ hơn, nỗi khổ trong địa ngục dữ dội nhất. Kinh này nói: *“Tội khổ chi sự, bất nhẫn xưng thuyết, bách thiên tuế trung, tốt bạch nan cánh”* (Chuyện tội khổ chẳng dễ nói kể, dẫu nói trong trăm ngàn năm cũng khó nói trọn hết được). Vì thế, ngài Phổ Hiền nghe phẩm Nghiệp Cảm xong, liền hỏi tên gọi của địa ngục là do ý này. Lập Thế A Tỳ Đàm Luận nói: *“Địa ngục, tiếng Phạn là Nê Lê*

---

<sup>18</sup> Mười loại thân là thân của Phật, Bồ Tát dùng để giáo hóa chúng sanh. Tùy theo từng địa vị mà có nhiều thân khác nhau. Ở đây, chỉ tạm nêu mười thân của Bát Địa Bồ Tát, tức chúng sanh thân, quốc độ thân, nghiệp báo thân, Thanh Văn thân, Độc Giác thân, Bồ Tát thân, Như Lai thân, trí thân, Pháp Thân, hư không thân. Thập Nhẫn Bồ Tát thì có Bồ Đề thân, nguyện thân, hóa thân, trụ trì thân, tướng hảo trang nghiêm thân, thể lực thân, như ý thân, phước đức thân, trí thân, Pháp Thân v.v...

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*Da (Naraka), âm đúng là Na Lạc Ca, hoặc là Nại Lạc Ca, cõi này dịch là Vô Hữu”. Tân Tỳ Bà Sa Luận nói: “[Sở dĩ gọi tên như vậy là] vì các hữu tình ấy không vui vẻ, không yêu mến, vô vị, chẳng có lợi ích, không vui sướng”. Cựu Tỳ Bà Sa Luận gọi [địa ngục] là Bất Tự Tại, ý nói những tội nhân ấy bị ngục tốt A Bàn<sup>19</sup> câu thúc, chế ngự, chẳng được tự tại. Đây là dựa theo ý nghĩa của chánh báo mà phiên dịch.*

Theo kinh này, địa ngục ở trong ba cái biển. Theo Tân Tỳ Bà Sa Luận, địa ngục ở phía dưới Thiệm Bộ Châu (châu Nam Diêm Phù Đề) này. Sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa nói: “*Địa ngục chánh nằm sâu hai vạn do-tuần dưới đất; còn các địa ngục phụ, hoặc ở trên mặt đất, hoặc ở trong khoảng giữa núi Thiết Vi*”. Nay do nói theo đa số, bèn gọi là địa ngục. Luận Tỳ Bà Sa lại nói: “*Nam Châu có các địa ngục chánh và phụ. Hai châu Đông và Tây chỉ có địa ngục phụ, không có địa ngục chánh. Bắc Châu thì địa ngục chánh lẫn phụ đều chẳng có. Người trong ba châu nếu tạo trọng tội, đều đến chánh ngục ở Nam Châu và các ngục phụ ở hai châu Đông và Tây vì địa ngục chánh thì nặng nề, địa ngục phụ thì nhẹ nhàng hơn*”.

“*Danh hiệu*” [ở đây] là danh xưng của địa ngục. “*Danh*” là tự gọi, hay đặt tên cho các vật. Xưa kia, Hoàng Đế đặt tên gọi chánh thức cho trăm vật. Do coi [những danh xưng đã đặt ấy] là lẽ đương nhiên, nên gọi là Chánh. Nhưng trăm vật đông đảo, sao lại từ Tịch (夕, buổi tối) và Khẩu (口) [ghép thành chữ Danh (名)]? Sách Châu Lễ nói: “*Quan đại tư mã chưởng quản các danh hiệu [trong quân đội] là vì đối với việc chỉ huy trong quân vào ban đêm, dấu tối tăm [nhưng do dựa vào khẩu lệnh khác nhau] vẫn có thể phân biệt được*”. “*Hiệu*” (號) là mệnh lệnh triệu tập của bề trên dùng để công bố tin tức quan trọng, giống như gió trong trời đất vậy. Nếu chẳng như vậy, sẽ không có gì để cổ vũ, hô hào mọi người, đó cũng là tên chung để gọi muôn vật, gom những cái khác biệt thành cái chung! Hay thay ý nghĩa tự đặt tên! Vua Diêm La bảo các tội nhân: “*Các người tự làm ác, chẳng phải là lỗi của cha mẹ, vua, trời, sa-môn, hay đạo nhân. Tội do chính các người tạo, bắt đắ dĩ vì không đạt được vui sướng cho nên mới thôi [tạo tội]! Nay [các người] phải hứng*

---

<sup>19</sup> A Bàn (阿傍), còn gọi là A Bàn La Sát, là tên gọi của lính canh địa ngục. Theo Ngũ Khô Chương Cú Kinh, A Bàn có hình đầu trâu, tay người, hai chân có móng như chân trâu, sức khỏe có thể lật ngược núi, tay cầm chìa ba bằng sắt nung, xiên trăm ngàn vạn tội nhân quăng vào chảo dầu sôi.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú***

chịu [những quả báo do tội lỗi ấy], bèn [dùng tên gọi của những quả báo ấy] làm danh xưng của địa ngục, đều là tự làm rồi tự đặt tên vậy”. Hay thay! Truyền lệnh thông báo tin như thế đấy!

Nếu Diêm Vương chẳng lập danh hiệu địa ngục, sẽ dùng gì để cảnh tỉnh, răn đe tội nhân? [Quả báo trong địa ngục] tơ hào chẳng sai, [nêu ra danh hiệu địa ngục] nhằm cổ vũ [chúng sanh] hãy sửa ác, theo lành! Tuy ai nấy đều tạo tội riêng biệt, nhưng nhất loạt đọa vào địa ngục chẳng sai! Do gộp chung những điều khác biệt thành tương đồng mà đều gọi là địa ngục. Nhưng chữ Ngục (獄) do chữ Ngôn (言) và hai chữ Khuyển (犬, chó) ghép lại, nhằm nói lên điều gì? Tranh cãi! Như hai con chó tranh tiếng sủa. Đây là nơi mất thân, mà cũng là nơi hồi tâm. Than ôi! Trong nhân gian, một kẻ bị giam vào ngục, sẽ khiến cho chín họ<sup>20</sup> kinh hoàng, thẳng thót. Lục thân đọa vào địa ngục, người nghe chuyện cứ ơ hờ, chẳng hoảng sợ, chẳng cảnh tỉnh, nhọc nhằn đức từ tôn Địa Tạng bao kiếp cứu bạt, ngục nào, ngục nấy càng tăng thêm! Đức Phổ Hiền thưa hỏi, xin [Địa Tạng Bồ Tát] nói ra, vì thấy đại hạnh chẳng ngưng nghỉ, biểu thị bi tâm [của đức Địa Tạng] chẳng hề gián đoạn. Đây chính là thâm ý thưa hỏi danh hiệu địa ngục vậy.

Trong những phần trên đã trần thuật nghiệp duyên và nghiệp cảm của chính mình, cho đến phẩm này, cũng được gọi là tam đạo, còn gọi là tam chương. Sở dĩ nói ra điều này là vì muốn khai hiển tam đạo, hoặc [chỉ bày] tam chương chính là tam đức. Như sách Ma Ha Chi Quán viết: *“Hỏi: Tam chương và tam đạo đều chương ba đức. Tam chương khai thông tới cùng cực, thì lẽ ra tam đạo cũng phải được khai thông tới cùng cực chứ? Đáp: Xét theo Sự, do Hoặc mà dậy lên nghiệp, do nghiệp mà cảm khổ, do khổ lại dậy lên Hoặc. Ba điều ấy là tu ác, tức là tánh thành ba thứ. Tánh [ở đây] là nói đến ba chương, cho nên có đủ cả ba. Tu từ tánh mà thành, cho nên thành ra ba pháp. Vì thế, tu ác trong tam đạo và tam ác trong tánh dung thông, tùy ý thâm nhiếp tam đức tánh thiện trong Phật giới”*. Do đó, đại sư nói: *“Hãy nên biết tam đạo, Thể của chúng*

---

<sup>20</sup> Chín họ bao gồm bốn họ bên cha, ba họ bên mẹ và hai họ bên vợ. Bốn họ bên cha bao gồm họ của ông nội, họ của bà nội, họ hàng thân quyến của anh em trai cha, họ hàng thân quyến của chị em cha. Ba họ bên mẹ là họ của ông ngoại, họ của bà ngoại, và họ của các anh em mẹ. Hai họ bên vợ là họ của bố vợ và họ của mẹ vợ. Cho đến đời Thanh mới có án tru di cửu tộc. Trên thực tế, khi một người phạm tội bị kết án tru di cửu tộc, sẽ xử trăm chính người ấy, cha, mẹ, vợ con, anh chị em (kể cả anh chị em nuôi) và con cái của họ, ông ngoại, bà ngoại, các dì, các cậu và con cái của họ, cùng với bố mẹ vợ.



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*chính là chân Thường Lạc Ngã Tịnh, chẳng hai, chẳng khác với ba đức*". Vì thế, khổ đạo chính là Pháp Thân, phiền não chính là Bát Nhã, kết nghiệp chính là Giải Thoát. Nêu ra ba phẩm ấy chính vì muốn khai thông thô trí lâu xa trong tứ ác và thế trí của nhân thiên; đừng mở ra sắc tâm giả thật trong địa ngục. Nếu chẳng khai thông, ắt tri kiến của Phật vĩnh viễn bị vùi lấp trong bốn nẻo, mai một dài lâu trong đường trời, người. Ba phẩm được khởi lên khúc chiết, liên kết, một đạo khơi rạng đã thành; vì thế, sức oai thần của đức Địa Tạng chẳng thể nghĩ bàn!

Ba phẩm Chúng Sanh Nghiệp Duyên v.v... trên đây đã mở bày *"tam đạo thành tam đức đều là do sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn của đức Địa Tạng"*. Vì thế, đức Như Lai đối trước đại chúng trời, người, đặc biệt giải bày, tán thán. Một là nhằm hiển thị thần lực từ bi của đức Địa Tạng từ vô số kiếp đến nay. Hai là khuyên chúng sanh trong đời vị lai cúng dường [Bồ Tát] sẽ được phước. Vì vậy mà có phẩm này. Tiếng Phạn Đa Đà A Già Đà (Tathāgata), hoặc [còn phiên âm] là Đát Thát A Kiệt, Hán dịch là Như Lai. Như Lai là giả danh. Danh ắt triệu vời cái thật, cho nên có Pháp, Báo, Hóa ba thân khác nhau. Kinh Kim Cang nói: *"Vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai giả"* (Không từ đâu đến, mà cũng không đi đến đâu, cho nên gọi là Như Lai); đó là nói về Pháp Thân. Nếu bảo *"Đệ Nhất Nghĩa Đế gọi là Như, Chánh Giác là Lai"*, đây là nói đến Báo Thân. Nếu nói *"thừa như thật đạo, lai thành Chánh Giác"* (nuông theo đạo như thật, đạt thành Chánh Giác) thì gọi là Như Lai; đây là nói về Ứng Thân. Nay [kinh chép] đức Phật tán thán ở cung trời là nói về thân nào? Cần phải biết kinh này [được nói] sau kinh Pháp Hoa, ắt đại chúng trong cung trời toàn là căn cơ viên mãn, đều dùng nghiệp thức để thấy tướng, trụ trong thật lý Trung Đạo. Đây chính là sắc ứng, chính là thân tôn quý đặc biệt, giống như long nữ [tám tuổi, thị hiện thành Phật trong hội Pháp Hoa], gọi là Pháp Thân thanh tịnh vi diệu, trọn đủ ba mươi hai tướng, mỗi tướng đều như biển, chẳng cần phải hiện khởi thì mới gọi là *"tôn đặc"* (tôn quý, đặc biệt), chính là cảnh bản định thân của đức Thích Ca, lại còn là chân thân của Viên Thật Bộ Chủ.

*"Tán"* (讚) là lời lẽ khen ngợi; do văn từ trong phẩm này mà kết thành chương kinh. *"Thán"* (歎) là than thở, chính là thuận theo tiếng mà ca vịnh. Địa Tạng Đại Sĩ oai đức vô cùng, từ bi thật lớn, tán dương chẳng trọn hết những điều bao hàm, cho nên lại thêm lời than thở. Hỏi: *"Vì lẽ gì đức Phật chẳng tán thán công đức Lục Độ của đức Địa Tạng,*

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

mà riêng tán thán sức từ bi oai thần vậy?” Đáp: Như Đại Luận nói: “*Chúng sanh có hai loại: Một là người thích thiện pháp, hai là người thích quả báo của thiện pháp. Vì người thích thiện pháp mà tán thán các công đức. Vì người thích quả báo của thiện pháp mà tán thán đại thần lực*”, đúng là có cùng một ý với kinh này. Vì thế gọi là phẩm thứ sáu, tức phẩm Như Lai Tán Thán.

Phẩm trên đây đã tán thán sức oai thần, nay nói về sự lợi ích cho kẻ còn và người mất để hiển thị sự thật. Bạc cổ thánh nói: “*Chỉ nói suông, chẳng bằng thấy sự thật*”. Nay nêu ra lợi ích cho kẻ còn, người mất, chính là để thấy sự thật. “*Lợi*” là quan tâm đến lợi ích của chính mình. Chúng sanh ai nấy đều mong được thỏa ý, sẽ dễ dẫn đến ích kỷ; [cho nên] cố nhân nghiêm cấm. Chữ Vật (物) được ghép thêm chữ Dao (刀) [thành chữ Lợi (利), hàm ý] “*cầu lợi thì sẽ dẫn đến điều hại!*” “*Ích*” (益) là tăng tấn. Cân nhắc khi rót nước vào bát, vừa đúng sức chứa của nó bèn ngưng; hễ còn thiếu thì vẫn có thể nhận thêm, hễ đầy thì sẽ chẳng chứa thêm nữa. Vì thế, Ích còn là “*lợi ích rộng khắp*”, chẳng phải là như thêm nước vào sẽ tràn đầy. “*Tồn*” (存) là hãy còn. Riêng giữ lấy chữ Tử (子) [bên trong chữ Tại (在)], nhằm thể hiện lòng lo lắng đau đầu của cha mẹ. Ý nghĩa của chữ Tồn này xét theo ý nghĩa của chữ Tài (才), tức là cha mẹ sanh con, thường sợ hãi chẳng biết con sẽ sống sót hay chết mất, may mà con chẳng chết yểu, cho đến khi con thành tài, [cha mẹ] sẽ vui mừng. [Từ chuyện này] mà có thể biết ý nghĩa [của Tồn]. “*Vong*” (亡) là mất đi. Con cái hãy còn, cha mẹ đã mất. Cha mẹ đã mất, đã chôn cất rồi, đứa con hiếu vẫn như cha mẹ hãy còn nằm đó. Đã chôn rồi, đâm ra dấu cầu [cha mẹ sống lại] cũng chẳng được! [Chữ Vong (亡) do Nhập (入) và Ân (亼) ghép lại, hàm ý: Cha mẹ chết đi] như vào trong chỗ ẩn kín, bèn dùng tế lễ để cầu, thờ người khuất y như còn sống, giống như mong cha mẹ đã đi rồi sẽ trở lại. Đây là cách giải thích theo thể tục.

Như sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa nói: “*Công đức lợi ích, một mà chẳng khác. Nếu phân biệt thì lợi ích cho chính mình sẽ gọi là công đức; lợi ích cho kẻ khác thì gọi là Lợi Ích*”. Nay Địa Tạng Bồ Tát tự khuyên mọi người, hãy vì bệnh nhân tu phước niệm Phật, thận trọng, đừng sát hại để bái tế quý thần. Ngài cùng ông trưởng giả Đại Biện nêu rõ nhân duyên tụng kinh, cúng cỗ chay khi sanh nở và khi có

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện Kinh Khoa Chú***

người đã khuất, đều chẳng vì chính mình, mà chỉ vì chúng sanh còn sống hay đã khuất, nên chỉ gọi là “*lợi ích*”. Tức là nói rõ có ba thứ lợi ích:

1) Một là viễn ích (lợi ích xa xôi), như đại chúng nhóm họp tại cung trời, từ chư Phật, Bồ Tát giải thoát đã lâu, cho tới các loại thiên long bát bộ căn cơ đã chín muồi, nhưng chưa giải thoát.

2) Hai là cận ích (lợi ích gần gũi): Từ thời Câu Lưu Tôn Phật trong Hiền Kiếp cho đến Phật Thích Ca, tức là từ bốn vị Phật cho tới nay, những chúng sanh do Địa Tạng Bồ Tát hóa độ có kẻ đã gieo thiện căn, có kẻ căn cơ đã chín muồi, có kẻ đã được độ thoát, họ đều là những người đến thiên cung để nghe pháp.

3) Thứ ba là văn ích (lợi ích do được nghe kinh này), tức là nghe xong phẩm kinh này, ngàn vạn ức na-do-tha quý thần trong cõi Diêm Phù đều phát vô lượng Bồ Đề tâm, và những người nghe pháp trước sau đều do nghe pháp mà đạt được lợi ích. Kinh này đã giống như kinh Pháp Hoa, cũng nên chuẩn theo Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa để nêu đại lược bảy thứ lợi ích, hoặc mở rộng thành mười thứ lợi ích. Nhưng từ xưa cho tới nay, luận định về công năng khơi mở, hiển thị cao tột thì chỉ đề cao kinh Pháp Hoa, ngay cả Niết Bàn cũng còn kém, há có thể đem lời phó chúc viên dung trên thiên cung sánh ngang lời đàm luận khơi mở, hiển thị cùng tột tại Linh Sơn? Ba món lợi ích gồm thấu căn cơ, nghĩa ấy tự toàn vẹn. Vì thế, nói phẩm thứ bảy là phẩm Lợi Ích Tồn Vong.

Phẩm Diêm Vương được xếp ngay sau đó là vì hai ý:

1) Một là từ đầu, khi các phân thân của đức Địa Tạng lên trời Đao Lợi, Diêm Vương và các loài quý đều cùng theo đến. Họ chẳng được kể tên trong số đại chúng vân tập vì chủ khách thù tạc, sự tích liên quan, chẳng rảnh để kể tên. Vì thế, trong phẩm này, bèn thừa dịp mà kể ra.

2) Đã nghe sức oai thần của ngài Địa Tạng, lại thấy đức Như Lai tán thán công đức, bèn thâm nghĩ Đại Sĩ thực hiện sự giáo hóa trong chốn U Minh, ta là bậc đàn chủ, há chẳng thừa dịp hỏi rõ về chuyện độ sanh cứu khổ của Ngài trong bao kiếp để bày tỏ sự tán thán ư?

Vì thế, có phẩm thứ tám là Diêm La Vương Chúng Tán Thán.

Diêm La nói đầy đủ là Diêm Ma La, hoặc Dạ Ma Lô Ca (Yama-rāja), cõi này dịch là Tổng Tư (總司) của Song Thế Quý Quan, hoặc là Diêm Ma La Xã, cõi này dịch là Song Vương. Anh trai và em gái đều làm chúa cõi địa ngục, anh cai quản chuyện của nam giới, em coi chuyện của nữ nhân. Lại còn do phải nhận lãnh khổ lẫn lạc, cho nên gọi là Song.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Nếu nói là Diêm La hay Diêm Ma thì chỉ là phiên âm sai khác. Vị này thuộc về đường quý, hoặc thuộc về đường địa ngục. Theo Tịnh Độ Tam Muội Kinh, xưa kia, Tỳ Sa Quốc Vương cùng vua Duy Đà Như Sanh giao chiến, binh lực không chống nổi địch thủ. [Vua Tỳ Sa] bèn thề nguyện làm chúa địa ngục. Mười tám người bày tôi là thủ lĩnh của trăm vạn quân sĩ, đầu có sừng, thân đều phủ hận; do vậy, họ thề nguyện mai sau sẽ phù tá [ngục chủ] trừng trị tội nhân. Vua Tỳ Sa nay là Diêm La Vương; mười tám vị đại thần nay là tiểu vương. Trăm vạn quân sĩ đều là các A Bàng.

Kinh Trường A Hàm nói: “*Diêm Phù Đề Nam, hữu Kim Cang sơn, nội hữu Diêm La vương cung, tung quang lục thiên do-tuần (Vấn Địa Ngục Kinh vân: “Trụ ngục gian, thành tung quang tam vạn lý, kim ngân sở thành”). Trú dạ tam thời, hữu đại đồng hoạch, tự nhiên tại tiền. Nhược hoạch nhập cung nội, vương kiến bố úy, xả xuất cung ngoại. Nhược hoạch xuất cung ngoại, vương nhập cung nội. Hữu đại ngục tốt, ngoại vương nhiệt thiết thượng, thiết câu tịch khẩu, dương đồng quán chi, từng yết triệt hạ, vô bất tiêu lạn. Sự cánh, hoàn dữ thái nữ cộng tương ngu lạc. Bỉ chư đại thần đồng thọ phước giả, diệc phục như thị. Thị tắc Diêm Vương dữ chúng thần tá, giai dục thoát minh giới chi khổ”* (Phía Nam của Diêm Phù Đề có núi Kim Cang, trong ấy có cung điện của vua Diêm La, ngang dọc sáu ngàn do-tuần (Vấn Địa Ngục Kinh nói: “Trụ trong ngục, thành có kích thước ba vạn dặm, do vàng và bạc tạo thành”). Ngày đêm ba thời, có vạc đồng lớn, tự nhiên hiện ra trước mặt. Nếu vạc vào trong cung, vua trông thấy sẽ kinh sợ, bỏ ra ngoài cung. Nếu vạc ra ngoài cung, vua liền vào trong cung. Có đại ngục tốt, đặt vua nằm trên sắt nóng, dùng móc sắt căng miệng ra, rót nước đồng sôi vào, từ cổ họng thấu xuống dưới, không gì chẳng cháy tan. Xong việc, vua lại cùng các cung nữ vui chơi. Các vị đại thần cùng hưởng phước cũng [chịu khổ] giống như thế. Vì vậy, Diêm Vương và các bày tôi đều mong thoát khỏi nỗi khổ chốn U Minh). Do đó, họ giải bày, tán thán, phát Bồ Đề tâm. Đây là nói về những người thật sự cảm sanh trong địa vị ấy. Chứ nếu xét theo bản tích của Chủ Mạng Quý Vương trong phần kinh văn kể đó thì Diêm Vương và các quý đều là bậc Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, trụ trong Vương tam-muội, ứng hiện trong ấy để độ thoát chúng sanh trong địa ngục. Nếu không, há có thể dự hội trên thiên cung mà thưa hỏi để giải quyết mọi hoài nghi, giải bày, tán thán ư?

Các phẩm trên đây, hoặc là vạch rõ tướng sai biệt trong lục đạo, hoặc tán thán sức oai thần của Địa Tạng, hoặc giảng rộng về lợi ích cho

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

kẻ còn, người mất. Nếu chẳng nêu rõ cái nhân thoát khỏi thành Phật, thì cái tâm cứu bạt ban sơ, cái nguyện mong cho chúng sanh cùng thành Phật quả của đức Địa Tạng sẽ chưa toàn vẹn. Mong thành Phật quả, ắt phải xưng niệm Phật. Vì thế có phẩm Xưng Phật Danh Hiệu. Chư Phật Đà (Buddha) trong tiếng Phạn, Hán dịch là Tri Giả, vì đối với hết thảy các pháp, Ngài đều hay biết rõ ràng. Có khi dịch là Giác Giả, vì Phật là bậc tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Ấy là vì đối với mê mà nói là Tri (biết), đối với ngu mà nói là Giác. Triệu pháp sư (ngài Tăng Triệu) nói: “*Phật là như thế nào? Chính là tiếng xưng hô bậc cùng lý tận tánh, đại giác*”. Phàm là giác ngộ sanh tử dài dằng dặc, ai có thể tự thức giác (tự giác)? Đã tự giác, lại còn giác ngộ người khác, chỉ có mình đức Phật đó chăng? Triệu vờ cái Thể thì là Danh, biểu thị đức thì là Hiệu; tức Danh là Biệt, mà Hiệu là Thông. Hết thảy chư Phật đều có đủ mười hiệu, vang rền nhân thiên. Nếu nói ra cái danh mà không có công năng đạt được vật, thì sẽ chẳng có vật để cái danh xứng với thật. Đây là nói đến pháp nhân duyên trong thế gian. Danh và vật đều vọng, cả hai đàng đều chẳng đạt được! Vì thế nói là đương nhiên! Nay danh hiệu của chư Phật thì danh và thật đều là chân thật. Do đó, hồng danh vừa nêu, muôn đức toàn bộ đều trọn. Vừa xưng danh hiệu tốt lành, các tội đều tiêu!

Nhưng niệm Phật và xưng Phật có chút sai khác. Niệm Phật đại khái là xét theo quán tâm, thành tựu Niệm Phật tam-muội. Đại sư lập ra bốn thứ tam-muội, đều gọi là Niệm Phật. Niệm là điều quán năng quán (chủ thể thực hiện sự quán tưởng), Phật là điều cảnh sở quán (đối tượng để quán). Thiên Bí Yếu Pháp Kinh chép: “*Hữu Thiên Nan Đề A La Hán vấn diệt tội pháp. Phật cáo Thiên Nan Đề, cập sắc A Nan: - Nhữ đẳng đương giáo vị lai chúng sanh tội nghiệp đa giả, vị trừ tội cố, giáo sử niệm Phật. Dĩ niệm Phật cố, trừ chư nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng. Niệm Phật giả, đương tiên đoan tọa, xoa thủ, bế mục, cử thiết hướng ngạc, nhất tâm hệ niệm. Tâm tâm tương chú, sử bất phân tán. Tâm ký định dĩ, tiên đương quán tượng*” (Có vị A La Hán tên là Thiên Nan Đề hỏi pháp diệt tội. Đức Phật bảo ngài Thiên Nan Đề và sắc truyền A Nan: - Các ông hãy dạy những chúng sanh nhiều tội nghiệp trong đời tương lai, để trừ tội thì hãy dạy họ niệm Phật. Do vì niệm Phật mà trừ các nghiệp chướng, báo chướng, và phiền não chướng. Niệm Phật thì trước hết hãy nên ngồi ngay ngắn, đan các ngón tay vào nhau, nhắm mắt, lưỡi co lên vòm họng, một lòng hệ niệm. Tâm tâm chuyên chú, khiến cho nó chẳng phân tán. Tâm đã định rồi, trước hết hãy nên quán tượng). Đức Phật lại nói: “*Phật diệt độ hậu, nhược chúng sanh dục diệt*

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*tội giả, Phật tuy bắt tại, hệ niệm, để quán hình tượng giả, chư ác tội nghiệp tốc đắc thanh tịnh”* (Sau khi đức Phật diệt độ, nếu chúng sanh muốn diệt tội thì tuy đức Phật chẳng tại thế, hãy hệ niệm, quán kỹ hình tượng, các ác tội nghiệp sẽ nhanh chóng được thanh tịnh). Vì thế, luận Bảo Vương nói: *“Tắm trong biển cả là đã dùng nước của trăm sông. Niệm danh hiệu Phật, ắt thành tam-muội. Cũng ví như thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong. Phật tượng gieo vào loạn tâm, loạn tâm chẳng thể không là Phật! Sau khi đã khế hợp, tâm lẫn Phật cùng mát, vậy thì vạn duyên, vạn cảnh, không gì chẳng phải là tam-muội”*.

Xưng Phật là như Tiểu Di Đà Kinh dạy: *“Văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhị nhật, nãi chí thất nhật, nhất tâm bất loạn...”* (Nghe nói A Di Đà Phật bèn chấp trì danh hiệu, hoặc là một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn...) Từ Vân Sám Chủ nói: *“Nói đến niệm Phật thì hoặc chỉ xưng danh hiệu, chấp trì chẳng tán loạn, sẽ cũng trong thân hiện đời bèn được thấy Phật”*. Trong cõi này, hiện thời, phần nhiều xưng danh hiệu Phật là tốt nhất. Như pháp sư Hoài Cảm một mực xưng danh hiệu A Di Đà Phật, bèn đắc tam-muội, thấy Phật trong hiện tiền. Vì thế, hiện thời, phổ biến là dạy cách xưng danh hiệu Phật, ắt cần phải chế ngự cái tâm, đừng để cho nó tán loạn. Niệm niệm nối tiếp, duyên chắc theo danh hiệu. Miệng từng tiếng gọi Phật, trong tâm từng chữ rõ ràng, hoặc là một trăm câu, ngàn câu, vạn câu, hoặc một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày, cần phải nhất tâm, nhất ý, tâm và miệng tiếp nối. Như thế thì mới đạt được *“một niệm diệt tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử”*. Nếu không, rất khó diệt tội!

Đại sư giải thích nhất tâm xưng danh có Sự và Lý. Nếu dụng tâm giữ cho cái niệm chẳng gián đoạn, thì gọi là Sự nhất tâm. Nếu đạt được cái tâm ấy, bốn thứ chẳng sanh (tự, tha, đồng (cùng), ly (lìa), tức là bốn thứ so đo về tánh), tương ứng với Không Huệ (đã lìa bốn tánh, liền biết Vô Sanh) thì là Lý nhất tâm. Do vậy, niệm Phật và xưng Phật tuy phân biệt mà chẳng phân biệt! Cho nên nói *“pháp chẳng có hình thể nhất định, muốn thật sự hiểu rõ sự thần diệu của nó thì phải do mỗi người tự lãnh hội!”* Nhưng kinh này riêng nêu danh hiệu của chư Phật, chứ các kinh khác đều tán thán A Di Đà Phật, bởi lẽ [chư Phật đều là] *“một thân, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế”*. Nếu chuyên niệm A Di Đà Phật, sẽ giống như xưng danh hiệu của chư Phật; nhưng vẫn là tùy theo ý thích của mỗi người, há nên hạn cuộc nhất định! Bởi lẽ, danh hiệu của chư

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

Phật đều do vạn hạnh vạn đức hợp thành. Dù niệm hay xung, dù Sự hay Lý, đều thoát khỏi vòng khổ, cùng sanh về Tịnh Độ! Vì thế nói phẩm thứ chín là phẩm Xung Phật Danh Hiệu.

Xung danh hiệu Phật cố nhiên là căn bản để thành Phật; nhưng nếu không có phước giúp sức, cội sẽ không sâu, gốc sẽ chẳng lớn, mong chi đơm hoa, kết trái ư? Vì thế, nói về chuyện so sánh công đức Bồ thí để chỉ rõ sự tạo duyên bổ trợ. “*Giảo*” (較) là không bằng nhau, “*lượng*” (量) là rộng rãi, rộng rang, chứa vật. Hễ là Lượng (đo lường) thì đều tính dung lượng theo cách đo của phép Hoàng Chung (tức là Hoàng Chung (黃鍾) trong Lục Luật. Tháng Mười Một được gọi là Chung (鍾), có nghĩa là rộng không. Trống rộng bên trong thì sẽ chứa được nhiều, cho nên [phát ra] âm thanh lớn. Sách Bạch Hồ Thông<sup>21</sup> viết: “*Chung chi ngôn động giả*” (Chung là nói đến động). Khí Âm hoạt động, vạn vật sanh thành). Thật sự là dùng hạt cự thử (hạt kê đen) ở phương Bắc để ước tính [thành các đơn vị] là Dục<sup>22</sup>, Hợp, Thăng, Đấu, Hộc để đo lường nhiều ít. Đơn vị Dục trong Hoàng Chung khởi nguồn dùng nước giếng để chuẩn định dung lượng của nó (Mạnh Khang nói: “*Muốn chuẩn định cho đúng thì dùng nước để định đoạt. Do nước giếng trong nên sẽ*

---

<sup>21</sup> Sách này có tên gọi đầy đủ là Bạch Hồ Thông Nghĩa. Vào năm Kiến Sơ thứ tư (79) đời Hán Chương Đế (Lưu Đát), một hội nghị được mở ra tại Bạch Hồ Quán ở kinh đô Lạc Dương, triệu tập các quan thái thường, tướng quốc, đại phu, bác sĩ, nghị lang, lang quan, và các Nho sinh hữu danh để trình bày các kiến giải cũng như giảng giải về sự khác biệt giữa Ngũ Kinh của Nho gia. Hán Chương Đế đích thân phê khảo các tấu chương nghị luận về chủ đề này. Những điều được hội nghị tán thành được ghi lại thành một bộ sách, đặt trên là Bạch Hồ Thông Nghĩa hay Bạch Hồ Thông Đức Luận. Sách này được coi là tác phẩm cơ sở để hiểu kinh điển Nho gia, đồng thời để thiết lập tính chủ đạo chánh thống của Nho gia trong xã hội.

<sup>22</sup> Theo Hán Thư, cổ nhân dùng hạt ngũ cốc làm chuẩn để đo lường. Một hạt kê đen (秬黍, cự thử, còn gọi là hắc thử) ở phương Bắc, nếu xét theo bề rộng của nó, coi đó là một Phân (分). Mười phân là một Thốn (寸, tấc), mười Thốn là một Xích (尺, thước), mười Xích là một Trượng (丈). Hoàng Chung (黃鍾) là chín mươi phân (từ đó mà phân định cao độ, trường độ của các nốt nhạc). Về dung lượng thì vật gì có thể chứa được một ngàn hai trăm hạt Cự Thử thì gọi là một Dục (龠), hai Dục là một Hợp (合). Mười Hợp là một Thăng (升, thung), mười Thăng là một Đấu (斗, đấu), ba Thăng là Đại Thăng (大升), ba Đấu là một Đại Đấu (大斗), mười Đại Đấu là một Hộc (斛). Đối với trọng lượng thì trọng lượng của một trăm hạt Cự Thử là một Thù (銖), hai mươi bốn Thù là một Lượng (兩), mười sáu Lượng là một Cân (斤) v.v...

dễ thấy được chuẩn mực”). Gom Dược thành Hợp (合, đúng ra phải đọc là Cáp), mười Hợp là một Thăng, mười Thăng là một Đẩu, mười Đẩu là một Học, năm đơn vị đo lường đã tốt đẹp rồi. Đo lường nhiều hay ít, chẳng đánh mất khuê toát<sup>23</sup> (Khuê là hình dáng tự nhiên, là khởi đầu của Âm Dương. Bốn Khuê là một Toát, [Toát là số lượng] có thể bốc lấy bằng ba ngón tay).

Bồ thí là phước xuất thế; [kinh Kim Cang dạy] “*phước đức chẳng phải là phước đức bèn gọi là phước đức*”, sao lại chú trọng so lường từng truy<sup>24</sup>, từng thù vậy? Hãy nên biết Bồ Tát Ma Ha Tát xét rõ [căn cơ của] đại chúng dự hội, do vậy, mà có lợi ích Tứ Tát Đàn. Do lòng đại bi, Ngài bèn dạy họ tu phước hạnh. Môn đầu tiên của phước hạnh là trước hết hãy hành Bồ Thí. Bồ Tát hành Bát Nhã Ba La Mật, trí huệ sáng suốt, nhạy bén, có thể phân biệt phước do bồ thí. Tuy phước bồ thí như nhau, nhưng phước đức nhiều hay ít, tùy thuộc cái tâm thù thắng hay kém cõi; do vậy, cần phải so lường. “*Bố*” (布) là rải. Sách Nhĩ Nhã ghi: “*Tế tinh*<sup>25</sup> viết *Bố*” (Cúng sao thì gọi là rải rác), ý nói rải thức ăn trên mặt đất, nhằm mô phỏng sự rải rác [của các ngôi sao trên bầu trời]. “*Thí*” (施) là ban cho; nhưng có hai hoặc ba loại bất đồng. Hai loại thì là Tài Thí và Pháp Thí. “*Tài*” (財) là nói đến ả thực, y phục, thậm chí vợ con, thân mạng! Hễ có người cần, thấy đều ban cho, đều gọi là Tài Thí. Pháp tức là các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, dùng cái tâm thanh tịnh mà vì người khác diễn nói, đều gọi là Pháp Thí. Ba loại thí thì là Tư Sanh (資生, những vật cần dùng cho cuộc sống), Vô Úy, và Pháp Thí. Tư Sanh Thí chính là Tài Thí trên đây. Vô Úy Thí là trì giới chẳng gây phiền não cho người khác, chẳng kết oán, nhân nhục, chẳng báo oán, cho nên Vô Úy (không sợ hãi). Pháp Thí là Tinh Tấn, thuyết pháp chẳng mỗi mệ. Thiển Định tức là thuyết pháp chẳng sai căn cơ. Trí Huệ là thuyết pháp chẳng điên đảo, giống như Pháp Thí trong phần trên. Nhưng bản thể của

---

<sup>23</sup> Khuê, Toát là hai đơn vị đo lường cực nhỏ trong dung lượng. Một Khuê (圭) là sáu mươi tư hột kê. Toát (撮) là bốn Khuê.

<sup>24</sup> Truy (銖) là một đơn vị đo lường về trọng lượng. Một Truy là nửa lạng.

<sup>25</sup> Tế Tinh (祭星), hay còn gọi là Thuận Tinh là một nghi thức tế lễ của thời cổ mang tánh chất nông nghiệp, thường cử hành vào ngày mồng Tám tháng Giêng. Xưa kia, vào ngày ấy, hoàng đế đích thân ra Đông Giao (phía Đông kinh thành) lập đàn, thắp đèn tế sao, nhằm cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Có lẽ vì vậy mà thành hình thói quen cúng sao Hội sau này trong lễ nhượng tinh giải hạn đầu năm.



## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

ba loại Thí này thông với Lục Độ. Nếu hành Đàn Na (Bố Thí Độ), sẽ bao gồm các độ kia. Đức Di Lặc có bài kệ Bát Nhã như sau: “Đàn nghĩa nhiếp u lục, tư sanh, vô úy, pháp, thủ trung nhất, nhị, tam, danh vi tu hành trụ” (Thí nghĩa nhiếp sáu độ, tư sanh, vô úy, pháp, một, hai, ba trong ấy, gọi là tu hành trụ), [nghĩa là]: Tư Sanh (Tài Thí) chính là một độ (tức Bố Thí), Vô Úy bèn có hai (Nhẫn Nhục và Trì Giới), Pháp Thí bèn có ba (Tinh Tấn, Thiền Định và Trí Huệ). Vì thế, hành môn trong Phật đạo tuy nhiều, nhưng Bố Thí bao gồm trọn hết. Bố Thí có công năng phá hết sáu điều tệ, có phẩm đức chứng Tam Đức. Vì thế nói là Công Đức Bố Thí.

“Duyên” tức là nhân duyên, có ý nghĩa “giúp cho sanh khởi”; tức là trong có tín tâm, ngoài có phước điền, giữa có tài vật. Ba sự hòa hợp, tâm sanh Xả pháp, có thể phá keo kiệt và tham lam, thì là Đàn Na (bố thí). Nếu ba sự mà thiếu một, Thí chẳng thành tựu. Vì thế, cần phải cậy vào duyên! Nếu được duyên để hành Thí, phước sẽ vô lượng. Do vậy, “so lường” là như ngài Địa Tạng bạch Phật: “Ngã quán nghiệp đạo chúng sanh, giáo lượng bố thí, hữu khinh, hữu trọng. Hữu nhất sanh, thập sanh thọ phước, hữu bách sanh, thiên sanh thọ đại phước lợi” (Con xem chúng sanh trong nghiệp đạo, so lường về sự bố thí thì có nhẹ, có nặng. Có người hưởng phước một đời, mười đời, có người trăm đời, ngàn đời, hưởng đại phước lợi). Vì thế, cần phải so lường. Một là dựa theo phước điền để so lường; hai là dựa theo tâm bố thí để so lường.

1) Xét theo phước điền, như kinh Tu Đạt và Tứ Thập Nhị Chương Kinh v.v... đều nói bố thí cho kẻ phạm phu trong cõi Diêm Phù, phước sao nhiều bằng thí cho tiên nhân? Tuy thí cho tiên nhân, chẳng bằng thí cho một vị Tu Đà Hoàn, cho đến tuy thí cho một trăm vị Bích Chi Phật, không bằng cúng thí Như Lai, phước càng nhiều hơn! Đại Luận nói: “Phước bố thí là do phước điền. Như vị A La Hán tên là Úc Nhĩ, xưa kia dùng một đóa hoa dâng cúng nơi tháp Phật, trong chín mươi một kiếp hưởng vui sướng trong cõi trời người. Do sức phước đức còn thừa, bèn đắc A La Hán”. Do thí điền (施田, ruộng bố thí, tức đối tượng nhận bố thí) màu nhiệm mà đạt được quả báo to lớn. Hãy nên biết phước to lớn sanh từ ruộng tốt.

2) Xét theo tâm, Luận nói: “Bố thí có hai loại, một là tịnh, hai là bất tịnh. Bất tịnh là chỉ thí mà thôi, hoặc là vì mất mát tài vật mà thí, hoặc vì [người nhận bố thí là người] thân yêu nên bố thí, hoặc là chẳng nhất tâm, chẳng cung kính, khinh rẻ kẻ nhận bố thí, do trái nghịch với

## **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú**

thanh tịnh, thì gọi là Bất Tịnh. Tịnh thì là do đối trị cái tâm mà Bồ thí, do ý trang nghiêm mà Bồ thí, do vì được lợi bậc nhất mà Bồ thí, sanh tâm thanh tịnh, có thể phân biệt, có thể giúp cho Niết Bàn cho nên Bồ thí. Ví như hoa mới chưa héo, đẹp đẽ, lại còn thơm tho. Tịnh tâm Bồ thí cũng giống như thế. Như ngài Xá Lợi Phất đem một bát cơm dâng lên Phật, Đức Phật liền đem thí cho chó, hỏi ngài Xá Lợi Phất: ‘Ông thí cơm cho ta, ta thí cơm cho chó, ai được phước nhiều?’ Ngài Xá Lợi Phất thưa: - Đức Phật thí cho chó được phước nhiều hơn!’ Do vậy biết: Đại phước là do tâm, chẳng ở nơi phước điền, vì tâm là chủ của phước điền, phước điền là chuyện bên ngoài! Vì thế, [Bồ thí] cho ruộng phước tốt lành, tuy được phước nhiều, nhưng chẳng bằng tâm, có sự sai biệt như vậy đó. Vì vậy, cần phải so lường. Điều cốt yếu là bốn tướng vốn là Không, đạt tam luân (người thí, người nhận, vật thí) vốn vắng lặng. Thấu hiểu Tài chính là Pháp, vô trụ sanh tâm; đây là Bồ Thí Đệ Nhất Nghĩa Môn. Vì thế, nói ra phẩm thứ mười là phẩm Giáo Lượng Bồ Thí Công Đức Duyên.

So lường phước Bồ thí giúp thành tựu Phật đạo, tức là đại ý của Địa Tạng bổn nguyện đã sáng tỏ rạn rỡ, phó chúc đã xong, Đại Sĩ đã vâng lãnh, tức là đại sự trong phần Chánh Tông của một kinh đã xong. Ba phẩm kế đó đều nhằm lưu thông kinh này. Địa Thần đứng đầu những vị hộ pháp, vì Nam Diêm Phù Đề do vị này làm chủ; cho nên Ngài dẫn đầu hộ trì, khiến cho đời sau tu hành chẳng có chướng ngại, [pháp môn này được] tuyên truyền, lưu thông khắp nơi. Nay trước hết nêu nguyên do có Đất; kế đó, giải thích ý nghĩa Địa Thần. Sách Bảo Phác Tử viết: “Đại cực sơ cấu, thanh trực thí phân, cổ thiên tiên thành, nhi địa hậu định” (Thái cực vừa mới hình thành, thanh và trực vừa mới chia, cho nên trời hình thành trước rồi đất mới được định lập sau). Ngụy Tử Tài chú thích: “Đại khí là bản chất. Có người thường nói: Lúc hỗn độn mới phân, cái nhẹ và trong là trời, còn cái nặng nề, ô trực là đất”. [Giải thích kiểu đó] tức là chẳng biết cội gốc vốn chẳng hai! Thiên chính là chỉ chung cho toàn thể vũ trụ, ở quanh thân ta. Khí không có ngăn mé, mà hình hài có ngăn mé. Vì thế, thân người bề ngoài thì có [xương thịt] bao bọc, nhưng trong tâm rộng rang. Đại khí của trời bao bọc vận chuyển, không gì ra ngoài được. Hình chất kết tụ trong ấy thành đất. Vạn vật không gì chẳng được trời và đất sanh dưỡng, cho nên nói là “Cần phụ, Khôn mẫu” (cha trời, mẹ đất). Thật ra, trời và đất là một thân. Đây là ý nghĩa tinh vi trong Nho gia; nhưng họ chẳng biết nguồn cội của trời đất là do được hình thành từ nghiệp cảm của chúng sanh!

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Kinh Lăng Nghiêm dạy: “Giác minh không muội, tương đãi thành dao, cố hữu phong luân, chấp trì thế giới. Nhân Không sanh dao, kiên minh lập ngại. Bĩ kim bảo giả, minh giác lập kiên, cố hữu kim luân, bảo trì quốc độ. Kiên giác bảo thành, dao minh phong xuất. Phong kim tương ma, cố hữu hỏa quang, vi biến hóa tánh. Bảo minh sanh nhuận, hỏa quang thượng chưng; cố hữu thủy luân, hàm thập phương giới. Nãi chí giao vọng phát sanh, đệ tương vi chủng, dĩ thị nhân duyên, thế giới tương tục” (Do chân giác đã khởi tướng sáng hư vọng, nên Chân Không biến thành tướng ngoan không tối tăm, [do vậy] sáng và tối đối đãi, tạo thành sự dao động, cho nên có phong luân gìn giữ thế giới. Do Chân Không đã sanh dao động [tạo thành phong luân], do cái vọng tâm chấp trước, khăng khăng chấp giữ cái tướng sáng hư vọng ấy mà thành ra ngăn ngại, [tạo thành Địa Đai]. Chất vàng báu [từ trong Địa Đai] là do vô minh vọng giác kiên cố, tạo thành tướng cứng chắc, ngăn ngại, cho nên có kim luân bảo vệ, gìn giữ cõi nước. Từ các chất báu do vọng giác kiên cố tạo thành ấy, do vọng minh và tối tăm khuynh đảo lẫn nhau, tạo thành gió, khiến các chất báu chà sát với nhau, cho nên có ánh lửa, biến thành tánh biến hóa. Bản thể của chất báu sáng sạch, gặp phải hơi nóng, bèn sanh ra nước. Ánh sáng từ hỏa đại hun đốt nước ấy, khiến nó bốc hơi lên, cho nên có thủy luân chứa trong khắp mười phương cõi nước... Những hiện tượng ấy liên tục biến hóa, lần lượt phát sanh Tứ Đại Chủng. Do nhân duyên ấy mà thế giới được duy trì liên tục)<sup>26</sup> chính là nói về ý này.

Đã có đất, ắt có vị thần chủ trì cõi đất. “Thần” có nghĩa là “chúa tể”, do được khí Dương của trời mà linh thông. Nhưng địa thần rất nhiều; nếu là chủ của Nam Diêm Phù Đề thì gọi là Kiên Lao Địa Thần (Pṛthvī). Nếu xét theo pháp môn để nói, dựa theo lời thưa hỏi của Tứ Thiên Vương trong phần Chánh Tông trước đó thì các vị ấy trụ trong đạo Thiệu Quyền, làm pháp phụ của chúng sanh, còn vị Địa Thần ở đây là lưu thông, tán dương, khuyến lơn, trụ trong đạo Thiệu Thật Trí, làm pháp mẫu của chúng sanh. Do Thiên Vương là Dương, nên là cha, Địa Thần là Âm, nên ví như mẹ. Đây là dựa theo Thế Giới Tát Đàn để giải thích. Ví như Âm, Dương, chở che cây cỏ. Trí Độ dưỡng dục, xuất sanh các điều thiện. Đây là dựa theo Vị Nhân Tát Đàn để giải thích. Các Độ

---

<sup>26</sup> Chúng tôi dịch đoạn này dựa theo lời giải thích của pháp sư Viên Anh trong bộ Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

(Ba La Mật) khác đều có điều chủ yếu, còn Thật Trí thì chiếu soi, vô tướng, vô danh. Đây là giải thích dựa theo Đối Trị Pháp Ác Tắt Đản. Các Độ khác thì có những pháp bằng hoặc cao hơn, chứ Trí Độ (Bát Nhã Ba La Mật) là vô thượng (không gì cao hơn), vô đẳng (không gì sánh bằng), là cứu cánh độ (là môn Ba La Mật rốt ráo). Đây là dựa theo Đệ Nhất Nghĩa Tắt Đản để giải thích. Do có đủ bốn nghĩa Tắt Đản, cho nên có thể làm thần, làm chủ Diêm Phù Đề để hộ trì pháp môn Bản Nguyên. Vì thế nói phẩm thứ mười một là Địa Thần Hộ Pháp.

Phẩm trước là hộ pháp, mở đầu sự lưu thông. Dù thấy hay nghe, đều được thấm đẫm lợi ích. Mắt nhìn thấy thì gọi là Kiến, Kiến thuộc về mắt. Từ tai thấm vào lòng thì gọi là Văn (nghe); Văn thuộc về tai. Do tác dụng mạnh nhất của tâm được thể hiện nơi tai và mắt, chưa hề có chuyện mắt và tai hẹp hòi mà tâm rộng rãi được. Chữ Kiến (見) do Mục (目) và Nhân (人) ghép thành, chủ của nó là Tâm, khiến cho hình hài của sự vật được nghe thấy (cảm nhận) bằng cách theo mắt, theo cửa mà vào (Chữ Văn (聞) do Mục (目) và Môn (門) ghép thành). Đây là dạy mọi người hãy mở rộng tâm lòng, đóng bốn cửa, dùng tai của thiên hạ làm tai của chính mình, mở rộng thành “cả thiên hạ là một nhà”. Tuy đây là cách giải thích theo thế tục, nhưng hết sức dung hội với đạo Phật của chúng ta. Nếu chúng ta trong lúc thấy sắc, nghe tiếng, biết rõ mỗi mỗi đều do tâm, tâm còn chẳng thể được, há còn có thấy nghe gì nữa hay chẳng? Tức là sự thấy nghe ấy chẳng phải là thấy nghe. Trong cái không thấy ấy, bèn trông thấy các thứ luân quang của Như Lai. Trong cái không nghe ấy, bèn nghe chuyện chẳng thể nghĩ bàn của đức Địa Tạng; tức là cái thấy nghe ấy chẳng phải là Không, chẳng phải là Giả, mà cũng là Không, là Giả. Chiếu hai bên, ngăn dứt hai bên, dứt nghĩ, dứt bàn. Vì thế, trong lúc thấy nghe, tức là đối trước thanh, sắc, bèn chế phục trọn vẹn Ngũ Tru, dự lên địa vị Ngũ Phẩm, hoặc là trước hết rơi rụng hai thứ cầu đề lục căn được thanh tịnh, hoặc nhanh chóng phá trừ vô minh để khai tri kiến của Phật, hoặc đoạn sạch vô minh để mau chóng trọn vẹn Phật quả. Tự ích (lợi ích tương tự), chân ích, nhân ích, quả ích, tiền lợi, hậu lợi, lợi cận, lợi sâu như thế hoàn toàn do thấy nghe mà tu, mà chứng. Vì thế nói phẩm thứ mười hai là phẩm Kiến Văn Lợi Ích.

[Hai phẩm] Địa Thần Hộ Pháp và Kiến Văn Lợi Ích trên đây đều nhằm lưu thông kinh này. Điều cốt yếu của Lưu Thông là chuyên vì lục đạo chúng sanh. Vì khi pháp tịch (pháp hội kinh Địa Tạng) sắp chấm dứt, [đức Phật] bèn chúc lụy đại chúng nhân thiên cho Địa Tạng Bồ Tát

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

cứu vớt lũ mê trong đời Mạt, đọi Di Lặc trong thuở tương lai. Đây chính là ý nghĩa nhắc lại Tông Thù của bản kinh này. Vì lẽ nào vậy? Trước đó, đức Phật đã triệu tập phân thân của đức Địa Tạng chính là vì chúng sanh trong đời Mạt Kiếp. Nay đức Như Lai sắp rời thiên cung để nhập diệt, lại đem trời người giao cho Bồ Tát, vì thế có phẩm Chúc Lụy Nhân Thiên. Chuẩn theo sách Pháp Hoa Văn Cú, có ba cách giải thích [chữ Chúc Lụy]:

1) Chúc (囑) là đức Phật phó chúc (付囑, giao phó, căn dặn). Lụy (累) là làm phiền ông hãy tuyên truyền. Đây là do thánh chỉ (ý chỉ của đức chí thánh, tức Phật) mà có tên như vậy.

2) Chúc là đánh lễ, nhận lấy lời căn dặn, Lụy là cam lòng thực hiện chẳng mệt mỏi. Đây là từ lòng kính thuận của Bồ Tát mà thành tên như vậy.

3) Chúc là do miệng vàng của đức Như Lai căn dặn, Lụy là Bồ Tát son sắt kính cẩn gánh vác.

Nay gộp chung việc truyền trao và tiếp nhận lại để luận định, sẽ có đủ cả ba ý ấy, cho nên gọi là Chúc Lụy. Trong kinh này, đức Như Lai xoa đầu [đức Địa Tạng] giao phó, căn dặn; đức Địa Tạng quỳ thẳng, vâng nhận, cũng trọn đủ ba ý này. Vì thế, gọi là phẩm thứ mười ba, tức phẩm Chúc Lụy Nhân Thiên.

“*Thiên*” được giải thích như trong phần trước. “*Nhân*” trong tiếng Phạn là Ma Nậu Xa (Maṇuṣya), cõi này dịch là Ý. Xưa kia, Đảnh Sanh Vương mới hóa hiện, đối với các hành động đều khéo suy nghĩ, khéo tính toán, khéo nghĩ nhớ. Tức là đúng như giáo pháp của vương đạo, đối với các việc làm, trước hết đều suy lường, nghĩ nhớ, [cân nhắc rồi mới làm]; vì thế, gọi Người là Ý. Nhân lại còn có thể hiểu là Nhân, đối với những chuyện thuận, nghịch trong cõi đời, con người có thể chịu đựng được. Nhưng nhân thiên trong mười phương thế giới nhóm họp tại cung trời Đao Lợi nhiều như cát sông Hằng, làm sao có thể nêu trọn cho được? Nay nói theo một cõi Sa Bà thì như luận Tỳ Bà Sa đã nói: “*Thiên có ba mươi hai loại. Dục Giới có mười loại, Sắc Giới có mười tám loại, Vô Sắc Giới có bốn loại, hợp thành ba mươi hai loại trời. Mười loại ở Dục Giới: Một là Thủ Thiên (có thuyết nói là Kiên Thủ), hai là Trì Hoa Man Thiên, ba là Thường Phóng Dật Thiên (còn gọi là Hằng Kiêu), bốn là Nhật Nguyệt Tinh Tú Thiên, năm là Tứ Thiên Vương Thiên, những vị trời khác như kinh đã nêu. Mười tám loại trời của Sắc Giới cũng như*

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*kinh đã kể. Bốn loại trời của Vô Sắc Giới: Một là Không Xứ, hai là Thức Xứ, ba là Vô Sở Hữu Xứ, bốn là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ”.*

Số lượng nhân loại càng nhiều, càng khó thuật trọn. Nếu nói theo phương vị thì có người trong Tứ Thiên Hạ. Nếu nói theo trụ xứ thì gộp lại có bốn ngàn tám trăm chỗ, tức là có bốn ngàn tám trăm giống người. Nếu trực tiếp nói theo một phương là Diêm Phù Đề thì như kinh Lô Thán đã nói, nói chung là có ba mươi sáu đại quốc, con người cũng giống như vậy. Nếu nói riêng biệt thì có hai ngàn năm trăm tiểu quốc, con người cũng giống như thế. Lại trong mỗi một nước, chủng loại bao nhiêu đó, Phiên, Hán, Khương, Hồ, Man, Di, Sở, Việt, mỗi loài tùy theo địa phương, sắc loại bất đồng. Lại nữa, chủng loại sai biệt trong Diêm Phù Đề gộp lại thì có sáu ngàn bốn trăm loại người. Nay chỉ nêu loài người trong Diêm Phù Đề vì đó là chỗ bi tâm của đức Phật riêng hướng về; do chúng sanh trong Nam Diêm Phù Đề chí tánh vô định, kẻ quen thói ác đông đảo. Dẫu phát khởi thiện tâm thì trong phút chốc bèn lui sụt. Do vì lẽ ấy, [đức Phật] ân cần phó chúc chúng trời người cho ngài Địa Tạng. Lại riêng nêu đại chúng trời người mà chẳng nhắc đến bốn đường ác là vì lẽ gì? Ấy vì trời người tiếp nhận giáo hóa dễ dàng, bốn đường ác tiếp nhận sự giáo hóa khó khăn. Sách Pháp Hoa Văn Cú trích dẫn kinh rằng: *“Phả hữu phát nguyện, linh ngũ đạo đồng nhật thành Phật phủ? Phật ngôn: ‘Bất khả dĩ phi khí chi thân thành Vô Thượng Đạo. Yếu tiên hóa tam thú, linh đắc nhân thiên. Nhiên hậu nãi khả như nguyện, tam thú phi thiện đạo, hà năng thành Phật? Như nhân cầu bảo tu, bất ư không trung cầu. Thị dĩ Phật Phật giai vân: - Ngã ư thiên nhân chúng trung, đắc Bồ Đề, chuyển pháp luân, nhập Niết Bàn dã”* (Có ai phát nguyện khiến cho năm đường cùng thành Phật trong một ngày hay chẳng? Đức Phật nói: “Chẳng thể khiến cho cái thân chẳng phải là căn khí thành Vô Thượng Đạo được. Phải là trước hết hóa độ ba đường, khiến cho họ được sanh trong đường trời người; sau đấy mới có thể như nguyện. Ba đường chẳng phải là thiện đạo, làm sao có thể thành Phật cho được? Như người cầu đồng của báu, chẳng thể cầu trong hư không được! Vì thế, đức Phật nào cũng đều nói: “Ta ở trong chúng trời người, đắc Bồ Đề, chuyển pháp luân, nhập Niết Bàn”).

[Nói] người trước trời sau lại là như thế nào? Đại Luận quyền thứ hai mươi bốn chép: *“Nếu thiện nam tử có thể hành Bát Nhã Ba La Mật sâu xa, hãy nên biết người ấy từ trong loài người mà sanh đến. Vì có sao vậy? Trong ba ác đạo, do nhiều tội khổ, chẳng thể hành Bát Nhã sâu xa được. Chư thiên Dục Giới đả chấp ngũ dục thanh tịnh màu nhiệm, tâm*

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*bền cuồng hoặc; cho nên không thể hành. Chư thiên Sắc Giới chấp sâu xa mùi vị Thiên Định, cho nên không thể hành. Chư thiên Vô Sắc Giới do vô hình nên không thể hành”*. Do vậy, trong lời tựa cho bộ Viên Giác Lược Sớ, ông Bùi Hưu viết: *“Than ôi! Sanh linh sở dĩ lui tới là do lục đạo. Quý thân chìm trong nổi khổ u sầu, chim thú ôm nổi xót xa phải bay, chạy, Tu La thì sân hận, chư thiên đang bận vui sướng. Có thể điều chỉnh tâm tư suy nghĩ, hướng đến Bồ Đề, chỉ có loài người là có thể mà thôi!”* Do vậy, nói người trước, trời sau. Bốn đường ác nếu được lợi ích, liền sanh trong trời, người, thì cũng thuộc vào trong số chúng sanh được phước, không phải chỉ là phước trời người!

Hỏi: Đại Luận nói: *“Phật đã đoạn pháp ái, cho đến [chứng đắc] Nhất Thiết Chứng Trí Niết Bàn, chẳng chấp, chẳng giữ lấy tướng”*. Nay do vì lẽ gì mà ân cần chúc lụy nhân thiên, giống như yêu đấm vậy? Đáp: Tâm chư Phật đại từ bi, từ sơ phát ý cho đến Niết Bàn môn, thường chẳng lìa bỏ. Nơi Sa La Song Thọ, Ngài dùng Kim Cang tam-muội, vì chúng sanh mà nát thân hạt mè, hạt gạo. Do sự giải thoát của chư Phật từ chúng sanh mà có. Vì thế, khi sắp nhập Niết Bàn, [đức Phật] lại chúc lụy ngài Địa Tạng cứu hộ!

Hỏi: Vì có gì chẳng căn dặn các vị như Văn Thù, Di Lặc, Quán Âm v.v... mà chỉ phiền một mình Địa Tạng Bồ Tát? Đáp: Luận nói: *“Chư đại Bồ Tát sau khi đức Phật diệt độ, mỗi vị đều phân tán tới các cõi nước có các chúng sanh đáng độ. Ngài Di Lặc trở về trời Đâu Suất, ngài Văn Thù cũng tới chỗ chúng sanh đáng được hóa độ, chỉ riêng ngài Địa Tạng phát nguyện làm U Minh giáo chủ, lòng Bi riêng hướng đến Nam Diêm Phù Đề, đối tượng giáo hóa và căn cơ được giáo hóa đều hiện diện, cho nên đặc biệt phước chúc. Như cha lâm chung, sẽ chẳng giao phó [gia nghiệp, trách nhiệm] cho những đứa con đang du học. Đặc biệt giao phó những đứa con thơ cho trưởng nam đang ở nhà; ắt đứa con ấy sẽ dạy dỗ [các em] thành tài, chẳng tổn hại lòng ta thương yêu”*. Đây là ý nghĩa chúc lụy nhân thiên vậy.

Sự sanh khởi đề mục của các phẩm như trên đây, giống như Luân Quán xuyên suốt, gìn giữ, một câu pháp ngôn, các vọng tiêu rớt. Các công đức đã tu tập, chẳng vì tự cầu, nguyện cho pháp giới chúng sanh cùng hướng đến Liên Trì Hải Hội, trang nghiêm Tịnh Độ, đích thân được thọ ký, sau đấy trở vào Sa Bà, phân thân trong các cõi nhiều như vi trần, cũng giống như đức Địa Tạng Tát Đỏa rủ lòng ứng hóa, cứu khổ chúng sanh trong lục đạo. Hư không hữu tận, nguyện của con vô cùng.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Triều Hoàng Thanh, năm Khang Hy 22 (1683), tức năm Quý Hợi, nhằm tiết Đại Hàn, vị đầu đà mắc bệnh là Linh Thừa viết tại Ưu Bát La Thất của Khuông Am ở Vũ Nguyên (huyện Hải Diêm).

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú Quyển Thượng***

Đại lược chia thành ba phần:

#### ***1. Giải thích tên kinh***

Giải thích cặn kẽ thì như trong phần trên đã nói.

#### ***2. Người dịch***

***Đường, Vu Điền quốc, Tam Tạng sa-môn Thất Xoa Nan Đà dịch.***

**唐，于闐國，三藏沙門，實叉難陀，譯。**

*(Đời Đường, Tam Tạng sa-môn Thất Xoa Nan Đà người xứ Vu Điền dịch).*

Đường là tên triều đại do họ Lý đặt sau khi có được thiên hạ. Do họ khởi nghiệp tại Tấn Dương là kinh đô cũ của Đào Đường Thị<sup>27</sup>, nên lấy quốc hiệu là Đường (ông nội của Lý Uyên là Lý Hồ, phù tá Châu Mẫn Đế (Vũ Văn Giác) thời Tây Ngụy [trước khi Mẫn Đế làm vua nhà Châu], được nhà Tây Ngụy truy tặng tước Đường quốc công. Lý Hồ sanh ra Lý Bình, Lý Bình sanh Lý Uyên, đều được kế tập, phong là Đường Công, bèn dùng phong hiệu ấy để lập quốc).

Vu Điền (Khotan), đọc đúng âm phải là Cù Tát Đát Na (Gos-thana)<sup>28</sup>, Hán dịch là Địa Nhữ (sữa của đất). Do vua chưa có con nối dõi,

---

<sup>27</sup> Đào Đường Thị (陶唐氏) vốn là tên gọi chánh quyền của Đế Nghiêu (con trai thứ hai của Đế Khốc và Khánh Đô). Vua Nghiêu họ Y Kỳ, tên là Phóng Huân. Năm mười ba tuổi, vua Nghiêu đã phù tá Đế Chí, do có công, nên lúc mười lăm tuổi, được phong ở đất Đào rồi chuyển sang đất Đường (nay là Lâm Phần tỉnh Sơn Tây). Vì thế, sử gọi chánh quyền của vua Nghiêu là Đào Đường Thị.

<sup>28</sup> Đây cũng là cách đọc biến âm, âm nguyên thủy là Godana hoặc Godaniya rồi diễn biến thành Khotan.



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

liền cầu đảo trước tượng Tỳ Sa Môn (Vaiśravaṇa, Đa Văn thiên vương). Từ trên trán [tượng thần] bèn nứt ra, sanh một đứa bé, chẳng uống sữa người. Đắt trước tượng thần bỗng đùn lên giống như một cái vú, đứa con của thần bú mút sữa từ đó cho đến khi trưởng thành. Vì thế, đặt tên nước như thế. [Vu Điền] lại còn gọi là Hoán Na, Ư Độn, Hoát Thu, hoặc Khuất Đan, đều là những cách phiên âm khác nhau của nước này. Trong Đại Tập Nguyệt Tạng Kinh, đức Thế Tôn phó chúc Nan Thắng Thiên Tử và một ngàn quyến thuộc, cùng với Tán Chi Đại Dạ Xoa (Pāñcika, Samjñeya) v.v... [cũng như] Tỳ Sa Môn thiên vương cùng hộ trì nước Vu Điền, vì xứ ấy có nhiều bậc thánh hiền xuất hiện. Đây chính là sanh quán của vị dịch sư.

Tam Tạng tiếng Phạn là Câu Xá, cõi này dịch là Tạng, như kho tàng trong cõi đời để chứa tiền tài. Tam Tạng trong Phật pháp để chứa đựng văn nghĩa. Tam Tạng bao gồm ba danh xưng, mỗi danh xưng đều chứa đựng hết thảy văn lý, cho nên gọi là Tạng. A Hàm (Āgama) tức là Định Tạng, Tỳ Ni (Vinaya) tức là Giới Tạng, A Tỳ Đàm (Abhidharma) tức là Huệ Tạng.

Sa-môn (Śramaṇa), âm đúng là Thất-ma-na-noa, cõi này dịch là Công Lao, ý nói người tu đạo có công, lại nhiều vất vả. Còn dịch là Tức Tâm (息心, dứt lòng vọng tưởng). Kinh Thụy Ứng nói: “*Tức tâm đạt bốn nguyên, cố hiệu vi Sa-môn*” (Dứt lòng thâu đạt nguồn cội căn bản, cho nên hiệu là Sa-môn) là nói tới ý này. Nhưng các vị dịch kinh đều được gọi là Pháp Sư. Nay xưng là Sa-môn tức là đức khiêm cung của vị dịch chủ.

Thật Xoa Nan Đà (Śikṣānanda), Hán dịch là Học Hỷ (學喜). Thuở ấy nhằm lúc Thiên Hậu (Vũ Tắc Thiên)<sup>29</sup> đề cao, tuyên dương Phật nhật, kính trọng Đại Thừa, do các xứ và các hội trong bản dịch cũ của kinh Hoa Nghiêm (bản dịch đời Tấn, tức Lục Thập Hoa Nghiêm) chưa hoàn

---

<sup>29</sup> Trong giai đoạn đầu, khi Đường Cao Tông (Lý Trị) bạc nhược, lười biếng chánh sự, Vũ Tắc Thiên đã giúp vua phê duyệt tấu chương. Càng về sau, nhà vua càng bị bà ta chi phối, hoàn toàn trở thành con rối trong tay bà ta. Cho đến năm Hiên Khánh thứ năm (660), khi đi tuần du ở quê nhà, Đường Cao Tông phát bệnh, đau đầu rất nặng. Do vậy, bà ta đã dùng danh nghĩa của nhà vua để xuống chiếu cho phép chính mình ngồi song song với vua nghe các quan tấu trình khi lâm triều. Sử gọi giai đoạn này là Nhị Thánh Lâm Triều cho đến khi Cao Tông chết (năm 683). Trong giai đoạn đó, vào năm Thượng Nguyên nguyên niên (674), tháng Tám, dưới sự đạo diễn của Vũ Hậu, Đường Cao Tông xuống chiếu, tự xưng là Thiên Hoàng, gọi Vũ Hậu là Thiên Hậu.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

bị, nghe nói xứ Vu Điền có bản tiếng Phạn của kinh ấy, bèn sai sứ nghênh thỉnh. Ngài Thật Xoa và kinh cùng đến [Trung Hoa]. Sư đến đất Lạc Dương dịch lại [kinh Hoa Nghiêm].

### **3. Tỳ văn diễn nghĩa (thuận theo kinh văn mà diễn giải ý nghĩa)**

Gồm ba phần: Tự, Chánh Tông, và Lưu Thông:

- Phẩm thứ nhất là Tự Phần.

- Chín phẩm từ phẩm Phân Thân Tập Hội đến phẩm Giáo Lượng Bồ Thí là phần Chánh Thuyết (Chánh Tông).

- Ba phẩm từ phẩm Địa Thần Hộ Pháp cho đến hết kinh là phần Lưu Thông.

Hỏi: Mỉm cười, phóng quang có thể gọi là Phát Khởi, phần vấn đáp nhân địa (hạnh nguyện khi còn đang tu nhân), trưởng giả phát tâm, thánh nữ cứu mẹ, theo đúng lý thì thuộc phần Chánh Tông. Còn như Địa Thần hộ pháp, và thấy nghe được lợi ích, đáng lẽ phải thuộc vào kinh văn của phần Chánh Tông, chỉ có phẩm Chúc Lụy đáng gọi là Lưu Thông. Nay chẳng [phán định] như vậy là do căn cứ vào nghĩa nào?

Đáp: Tổ của chúng ta là ngài Trí Giả dạy: “*Phân đoạn kinh văn vốn thuộc về tình chấp của con người. Theo thói quen, người ta cho phần Tự chưa biện định đạo, phần Lưu Thông là để kết thúc, chẳng luận nhân quả. Thế nhưng ba đoạn (Tự, Chánh Tông, Lưu Thông) chẳng thể đứt rời, cách tuyệt! Phần Tự vốn là để dẫn nhập phần Chánh Tông. Phần Chánh Tông vốn là để trình bày những pháp chánh yếu cho phần Tự và Lưu Thông. Phần Lưu Thông khiến cho phần Chánh Tông và Tự được lưu truyền thông suốt. Mỗi đoạn đều có ba nghĩa “sơ, trung, hậu thiện” (chặng đầu, chặng giữa và chặng cuối đều tốt lành). Nếu chúng bị đứt đoạn, cách biệt, há còn gọi là Thiện nữa chăng? Sao có thể chấp nhận phần Tự vô vị, phần Lưu Thông chỉ là kết thúc kinh ư?”*

Nay [trong phẩm thứ nhất], ngài Văn Thù do đại chúng nhóm họp đông đảo, bèn hỏi về hạnh nguyện xưa, đức Thế Tôn giải đáp chuyện ấy, chính là phần dẫn khởi cho chuyện phân thân nhóm họp, há có thể nói [phẩm thứ nhất chẳng] thuộc về Tự ư? Địa Thần hộ pháp, lợi ích do thấy nghe chính là điều trọng yếu trong Lưu Thông, sao lại nói vẫn thuộc về phần Chánh Tông, chẳng xét đến lời đại sư đã nói vậy? Chúng sanh đặc đạo, căn tánh bất định! Trong phần Tự nói đến Chánh thì cũng chẳng ngăn ngại gì! Trong phần Lưu Thông có [những nghĩa lý đáng thuộc phần] Chánh Tông, sẽ càng thêm đốc thúc, khích lệ [học nhân] tuyên

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

duyên, hành trì, chẳng trái nghịch ý kinh. Nay chuẩn theo lời Tổ răn dạy, há nên thuận theo thói đời u?

### ***3.1. Giải thích phẩm Tự***

#### ***3.1.1. Giải thích tên gọi và nội dung chánh yếu của phẩm kinh này***

***(Kinh) Đạo Lợi thiên cung thần thông, phẩm đệ nhất.***

**(經) 忉利天宮神通，品第一。**

***(Kinh: Phẩm thứ nhất: Thần thông trên cung trời Đạo Lợi).***

Giải thích [tên gọi và nội dung] của phẩm này như trong phần Luân Quán. Những phần sau sẽ phỏng theo lệ này.

#### ***3.1.2. Tự phần***

##### ***3.1.2.1. Thông Tự***

Do các kinh đều có [phần này, nên gọi là Thông Tự], còn gọi là Chứng Tín Tự, gồm có năm chuyện ấy thì người ta mới tin tưởng. Cũng gọi là Kinh Tiền Tự (phần tựa trước hết của kinh), vì được nêu ra đầu tiên trong một bản kinh. Lại còn gọi là Kinh Hậu Tự vì do các vị kết tập xếp đặt. Từ “*nhĩ thời thập phương*” (lúc bấy giờ, mười phương...) là Biệt Tự, tức lời tựa riêng của kinh này, còn gọi là Phát Khởi Tự, nhằm khởi đầu cho phần chánh thuyết.

Chứng Tín Tự lại gồm hai phần:

- Nêu ra năm sự để chứng tín.

- Nêu ra những gì đức Phật đã làm trong ba tháng an cư tại cung trời Đạo Lợi.

##### ***3.1.2.1.1. Nêu ra năm sự để chứng tín***

###### ***3.1.2.1.1.1. Sở văn pháp thể (pháp thể của cái được nghe)***

***(Kinh) Như thị.***

**(經) 如是。**

***(Kinh: Như thế).***

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Đại sư (Trí Giả đại sư) ngộ sâu xa kinh Pháp Hoa, xiển dương, tỏ rõ ý chỉ màu nhiệm, dùng năm tầng để giải thích tựa đề kinh, dùng bốn cách giải thích để chú giải từng câu kinh văn. Nay kinh này đã cùng thuộc vị đề-hồ, lời giải thích há sơ sài được ư? Huống hồ pháp được xướng suốt đứng đầu các kinh chính là lời luận đàm cùng tột của Pháp Hoa. Ngài Nam Nhạc [Huệ Tư] chuyên đọc kinh văn ba lượt, Thiên Thai nhất niệm quán trọn đủ. Lý đã là một Thể, văn gồm bốn phen. Xét vì người đời sau quen thói đơn giản, kẻ căn độn đời Mạt ngại phiền; vì thế, nay tôi chọn cách trung dung, chỉ [chọn lọc] ba, hai, hoặc một ý [từ cách giải thích của cổ nhân], cốt sao [người đọc] lãnh hội ý nghĩa, đỡ phải tốn công bút mực!

Như Thị là Tín Thành Tựu. Biền cả Phật pháp, do Tín có thể nhập. Tâm có tịnh tín (niềm tin trong sạch) bèn có thể vào biền pháp. Vì thế, kẻ không tin bèn nói “*sự bất như thị*” (chuyện chẳng phải là như thế), như da trâu chưa mềm, chẳng thể gập lại được! Kẻ đã tin bèn nói “*sự như thị*” (chuyện đúng như thế đó), như da trâu đã mềm, có thể tùy ý sử dụng. Đã tin thì sẽ thuận theo Lý được nói, hễ thuận thì đạo giữa thầy trò được thành. Vì thế, nêu ra điều này trước hết.

Lại nữa, Như là “*chẳng khác*”, Thị là “*không sai*”. Ngài A Nan truyền lại kinh viên mãn do đức Phật đã nói, ví như rót nước từ bình này sang bình khác chẳng khác [chẳng sót một giọt]. Những nghĩa lý trong kinh văn thích đáng, không sai, cho nên Văn thì Như (chẳng khác gì chính lời đức Phật đã nói) mà Lý thì Thị (chẳng sai); cho nên nói là Như Thị. Chỉ là Như Thị (đúng như thế ấy), không gì chẳng đều tương đồng. Do tánh thức chẳng thể nghĩ bàn chính là Thật Tướng của các pháp. Thể lìa bốn câu (Có, Không, Cũng Có Cũng Không, Chẳng Phải Có Chẳng Phải Không), tướng tuyệt bách phi; tâm, Phật, chúng sanh, cả ba chẳng sai biệt. Huống chi đầu các kinh do đức Phật để lại đều là như thế, vậy thì đầu bản kinh này cũng phải giống như thế. Đại Luận nói: “*Quá khứ pháp như, tức là vị lai, hiện tại pháp như. Hiện tại pháp như, tức là quá khứ, vị lai pháp như. Vị lai pháp như, tức là quá khứ, hiện tại pháp như. Vì có sao vậy? Do giống hệt như nhau, chẳng khác*”. Vì thế, đức Địa Tạng Bồ Tát từ lúc mới phát tâm ban đầu cho đến nay vâng lãnh lời phó chúc trên cung trời, đều là do Như Thị viên mãn mà tự tu, cũng dùng Như Thị viên mãn để lợi tha, gieo chủng tử, thành thực các căn cơ để họ thoát khỏi tam đồ, luôn luôn chẳng phế bỏ, không chuyện gì chẳng đều giống hệt như những chuyện thuộc về Bản Tích của đức Phật thì mới gọi là sự Như Thị được hiển lộ trong kinh này. Hành nhân có thể dùng

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Chánh Đệ viên thường này đề quán cái tâm “*một niệm trọn đủ*”. Từ ngay cái tâm trọn đủ ấy mà dấy lên tu ác thì là tánh ác, được gọi là “*ác pháp giới*”, không pháp nào chẳng gồm thấu. Thế là Tam Đức, còn gọi là Tam Đệ. Quán tương xứng với Đệ, chiếu cảnh chẳng sai khác, thì gọi là Như. Cảnh và Quán cùng mất, vĩnh viễn dứt tuyệt lâm lỗi, sai trái thì gọi là Thị. Tin như thế thì Tín được thành tựu!

#### ***3.1.2.1.1.2. Năng văn chi nhân (người nghe)***

***(Kinh) Ngã văn.***

**(經)我聞。**

***(Kinh: Tôi nghe).***

Ngã Văn là Văn Thành Tựu. Đây là ngài A Nan tự biểu lộ chính mình được đích thân truyền thừa, vĩnh viễn khác với ngoại đạo. Ngã ở đây có nghĩa là “*chủ thể*”. Ngã đứng đầu mười sáu thứ Kiến, là nguồn cội của năm Lợi Sử. Cho nên trong Nhân và Pháp, phàm phu và hàng Tiểu Thừa chấp Ngã, còn ngài A Nan là bậc Bồ Tát truyền pháp, trong hội Pháp Hoa được dự vào những vị được thọ ký, truyền bộ kinh viên mãn này, khéo thuận với Nhị Không (Nhân Không và Ngã Không), sao cũng nói là Ngã? Cần phải biết hàng phàm phu trọn đủ ba thứ Ngã Kiến, Ngã Mạn, và Ngã Danh Tựu, ngài A Nan đã chẳng có Kiến và Mạn, chỉ thuận theo tên gọi trong thế tục. Do không Ngã và không Nghe thì đạo giáo hóa bị dứt tuyệt. Vì thế, tuy biết là Vô Ngã, nhưng vì truyền thừa hóa đạo mà thuận theo cách nói giả danh của thế gian. Như trong cách mua bán, đem tiền bạc đổi lấy đồng, chẳng ai cười cợt.

Văn (nghe) là Nhĩ Căn chẳng hoại, tiếng ở nơi có thể nghe. Vận tâm lắng nghe, nhân duyên hòa hợp, cho nên có thể nghe. Đáng lẽ phải nói là “*tai nghe*”, nhưng vì Ngã là chủ thể của cái Nghe, Nghe là Dụng của Ngã. Chủ là giả nhân (do mỗi người là Tứ Đại và Ngũ Uẩn hòa hợp mà có, nên “*người*” là giả pháp), Dụng là thật pháp. Nếu hiểu ý nghĩa của Chủ, nghĩa của chữ Văn sẽ tự hiển lộ; nhưng Chủ là tổng luận duyên khởi, [nói] Văn chính để phân biệt với Thính Thuyết (nghe nói), không gì chẳng sai khác đôi chút. [Văn là] nay ngài A Nan thẳng thừng dấy khởi Chân Ngã trong pháp tánh để nghe bằng cái tâm, khiến cho kẻ khác thẳng thừng ngộ nhập. Nhưng Chân Ngã chẳng có ngã và ngã sở; tâm

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

nghe thì không có nghe và chẳng nghe. Vì lưu truyền, giáo hóa bất tuyệt, nên nói là Ngã Văn, Văn đã được thành tựu!

#### **3.1.2.1.1.3. Văn trì chi thời (lúc nghe nói, thọ trì)**

**(Kinh) Nhất thời.**

**(經)一時。**

**(Kinh: Một thời).**

Điều này tương ứng với chuyện ghi chép năm tháng; nay nói “nhất thời” là do Chánh Sóc (正朔, ngày đầu năm) của hai cõi (Trung Hoa và Ấn Độ) không giống nhau! [Thời điểm] nói kinh có trước, có sau sai khác; do vậy, dùng “nhất thời” để thâm nhiếp chung. Nhưng Nhất chính là thống thể (bản thể chung) của đạo, là thiên đức tinh thuần, là nguồn cội của hình và khí, là khởi điểm của số, là điều lạ lùng nơi Dịch. Sanh trời, sanh đất, vạn vật nhờ vào nó, chẳng có gì không khởi đầu từ Nhất. Vì thế, trong Hào và Quái của Phục Hy, trong văn tự của Thương Hiệt<sup>30</sup>, đều bắt đầu từ Nhất. Nhất là đại mẫu của chữ, ở trên thì như hình dáng che chở của trời. Ở dưới thì như hình thể đất nâng đỡ. Ở giữa thì dường như hình thể con người gánh vác.

“Thời” là biến đổi. Tạo hóa ngầm chuyên dời, loài người nhận biết, cái [thay đổi] có thể thấy ngay được thì không gì bằng ngày. Cho nên phải dùng ngày để tính toán, tức là [chữ Thời (時) có chữ Nhật (日)] thuộc loại hội ý. Do bản thể của trời quá lớn, điều màu nhiệm nằm ở chỗ vận dụng ngay nơi ngày. Vào thời đức Phật, nói đến Thời thì có hai loại:

1) Một là Ca La (Kalā), tức là Đoàn Thời, hoặc Thật Thời, để dạy hàng nội đệ tử theo đúng thời mà dùng cơm, gìn giữ minh tướng<sup>31</sup> v.v...

---

<sup>30</sup> Theo thần thoại Trung Hoa, Thương Hiệt (倉頡) là người sáng tạo chữ Hán, nên ông được người đời xưng tụng là Thương Hiệt tiên sư, hoặc Thương Hiệt thánh nhân, Thương Hiệt Chí Thánh, Hữu Sử Sáng Thánh Nhân v.v... Tương truyền, ông làm quan Hữu Sử của Hoàng Đế, sáng chế văn tự để ghi chép những sự việc quan trọng trong thời đó, thay cho lối thắt nút để ghi nhớ sự kiện trước đó. Theo thần thoại, do nhìn vào vết chân chim (có thuyết nói là do nhìn vào các đường vân trên mai rùa) mà Thương Hiệt nảy khởi ý nghĩ sáng chế văn tự.

<sup>31</sup> Minh Tướng (tướng trời sáng): Thường được tính từ lúc trời sáng có thể trông thấy rõ đường chỉ trên bàn tay cho đến lúc trời xẩm tối. Hàng đệ tử Phật không được dùng bữa điểm tâm trước khi trời có minh tướng.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

2) Hai là Tam Ma Da (Samaya), tức là Trường Thời, hoặc Giả Thời. Ngoại đạo chấp Thời là thật; vì thế, hiển thị Thời là giả.

Sách Phụ Hành nói: “*Các kinh ghi chép, phần nhiều nói chung là Nhất Thời, nhằm dẹp sạch [các tình chấp] dài, ngắn, nhiếp trọn sự tinh, thô*” là nói về ý này. Nay nói pháp vận của đức Giác Hoàng sắp chấm dứt, nhằm thuở pháp hội cao đẹp chốn thiên cung, người nghe cảm đức Phật thuyết pháp cho họ, người nói ứng cơ mà luận đàm. Nghe và nói xong xuôi, gọi chung là Nhất Thời. Tóm lại, chính là lúc khiến cho những chúng sanh căn cơ chín muồi trong lục đạo quy về nhất tâm. Đại sư nói: “*Nếu là trước nghĩ, sau giác, thì đây là hai, chẳng phải là một. Suy nghĩ, giác lẫn vọng đều đoạn thì là lúc hoát nhiên khai ngộ*”, nay [Nhất Thời] ở đây cũng thế.

### ***3.1.2.1.1.4. Phật cập trụ xứ (Phật và chỗ Ngài trụ)***

***(Kinh) Phật tại Đạo Lợi Thiên.***

**(經)佛在忉利天。**

***(Kinh: Đức Phật tại trời Đạo Lợi).***

Ngài Thiên Thai đã dạy Lục Túc Phật, nay xét theo nghĩa Cứu Cánh [Túc Phật] thì Phật có ba thứ:

- Nương theo Nhất Thiết Trí bèn có Phật thân cao trượng sáu.
- Nương theo Đạo Chung Trí bèn có Phật thân tôn quý, đặc biệt, cao một trượng sáu.
- Nương theo Nhất Thiết Chung Trí bèn có Pháp Thân Phật.

Ba loại Phật chẳng một, chẳng khác, chẳng phải là một hay khác mà chính là một và khác. Nay đã mở toang tạng Tổng Bí Mật, cùng là một vị Phật viên mãn thì một và khác đều mất, tạm thời nói là Tại. Dừng lại ở lâu một nơi nào thì gọi là Trụ, thường là nói như vậy. Nay dựa theo lời giải thích về chữ Trụ trong Đại Luận để giải thích chữ Tại. Trụ là một trong bốn oai nghi. Phật là người có thể trụ (năng trụ), còn cõi trời Đạo Lợi là chốn để trụ (sở trụ). Trụ xứ có hai thứ:

- Một là cảnh giới xứ, tức là chỗ để đi qua, là chỗ để giáo hóa tục nhân.
- Hai là y chỉ xứ, tức là chỗ để thống nhiếp chúng xuất gia.

Nay [Xứ ở đây] chính là cảnh giới xứ, nhưng Năng Trụ có bốn loại, tức là Thiên, Phạm, Thánh và Phật:

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

- Thiên Trụ là cõi trời Lục Dục, cái nhân của trụ xứ này là thiện tâm Thí, Giới.

- Phạm Trụ: Từ Sơ Thiên cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng. Cái nhân của trụ xứ này là Tứ Vô Lượng Tâm.

- Thánh Trụ tức những vị thuộc tam thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát). Cái nhân của trụ xứ này là ba môn tam-muội.

- Phật Trụ, tức Thủ Lăng Nghiêm, một trăm lẻ tám môn tam-muội v.v...

Nhưng ắt phải nương vào Đế mà Trụ, vì thế nói là “*thân Phật cao một trượng sáu, trụ Chân Đế*”. Toàn thân Phật trụ trong Chân Đế, Pháp Thân Phật thì trụ trong Trung Đạo. Như vậy thì trong nhất tâm, chúng ta tu trọn cả ba Quán, niệm niệm chẳng ngưng nghỉ, luôn luôn trụ trong Tam Đế, tức là Quán Hạnh Trụ. Vì thế biết là có thể thấu hiểu thần diệu tâm tánh, trong mỗi niệm, quả Bồ Đề đều viên mãn, mới khởi ý đôi chút, tác dụng lớn lao đã hiện tiền. Chẳng đạt được, chẳng nương cậy, chẳng lầy, chẳng bỏ, từ Chân mà khởi Hạnh, Thể và Dụng cùng thâm nhiếp, dùng Hạnh để khế hợp Chân, trong lúc cuộn duỗi<sup>32</sup>, tâm nào cũng tự nhiên hợp đạo, niệm nào cũng ngầm hợp lẽ Chân. Đối với từ ngữ Đạo Lợi Thiên, hãy xem phần giải thích tựa đề của phẩm này [trong phần Luân Quán].

#### ***3.1.2.1.2. Điểm tam nguyệt sở vi (chỉ ra những việc đức Phật đã làm trong ba tháng An Cư trên Đạo Lợi Thiên)***

Lập ra khoa này là vì lẽ nào? Do câu “*vì mẹ thuyết pháp*” tuy kinh văn thuộc phần Chứng Tín, nhưng lại bao hàm ý nghĩa Phát Khởi. Câu này chẳng thể xếp vào phần Thông Tự, mà cũng chẳng thể coi là thuộc phần Biệt Tự, cho nên lập riêng một khoa. Câu này chính là cội nguồn tông chỉ của việc đức Như Lai thăng lên Đạo Lợi, an cư ba tháng, chính là vì để phô rõ đức Địa Tạng đã từng vì mẹ phát nguyện. Một là vì ngăn trở sự hoài nghi, gièm báng của Lục Sư ngoại đạo. Kế đó là phát khởi lòng hiếu thảo cho tứ chúng trong đời sau. Tuy nói đại lược, nhưng ý thật bao la!

***(Kinh) Vị mẫu thuyết pháp.***

---

<sup>32</sup> Cuộn duỗi ở đây phải hiểu là lúc khởi tác dụng (duỗi) và trở về tịch tĩnh (cuộn).



**(經)為母說法。**

*(Kinh: Vì mẹ thuyết pháp).*

Theo kinh Quán Phật Tam Muội Hải, phụ vương bạch Phật: “Ngài sẽ tới Đạo Lợi Thiên vì mẹ thuyết pháp ư?” Đức Phật bảo: “Sẽ như hành pháp của Luân Vương chào hỏi vị Đàn Việt (thí chủ)”. Theo kinh Tăng Nhất A Hàm, do Đề Thích thỉnh cầu, thưa: “Chư Phật đều thăng lên Đạo Lợi vì mẹ thuyết pháp. Đức Như Lai cũng nên vì thánh mẫu thuyết pháp”. Do vậy, đức Như Lai cùng với một ngàn vị tỳ-kheo, ở bên thành Khúc Nữ (Kānyakubja) thuộc nước An Đạt La (Andhra), thăng lên trời Đạo Lợi, vì mẹ thuyết pháp nhằm báo ân sanh hạ.

Ma Ha Ma Da (Mahāmāyā) trong tiếng Phạn, Hán dịch là Đại Thuật, hoặc Đại Huyền; kinh Trường A Hàm dịch là Đại Hóa. Sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa nói: “Bà Ma Da là mẹ của một ngàn đức Phật, thuộc địa vị Đại Quyền Pháp Thân. Há có phàm phu nào mà có thể hoài thai một vị Na La Diên Bồ Tát ư?” Vì thế, trong kinh Hoa Nghiêm, bản dịch đời Tấn (Lục Thập Hoa Nghiêm), Ma Da phu nhân đã trả lời Thiện Tài rằng: “Ta đã thành tựu pháp môn Đại Nguyên Trí Huyền. Do đặc pháp môn này, làm mẹ của Lô Xá Na Như Lai. Ở trong cõi Diêm Phù Đề, nơi thành Ca Tỳ La, trong cung vua Tịnh Phạn, từ hông phải sanh ra Thái Tử Tất Đạt, hiển hiện thần lực tự tại chẳng thể nghĩ bàn!” Đây là cha mẹ [của đức Phật] được nói theo Tiểu Thừa.

Nếu xét theo Viên Tông, sẽ đều là như huyền hiện. Như đức Phật bảo thiên tử Nguyệt Thị rằng: “Kỳ Bồ Tát giả, bất niệm ư sanh, diệc vô sở khởi. Dụng bốn nguyện cố, hiện hữu sở sanh. Thiên vấn: ‘Bồ Tát bất niệm sở sanh, diệc bất vãng sanh, vân hà Như Lai tùy niệm sở sanh chi thân, thượng Đạo Lợi Thiên, nhất thời tam nguyệt. Như Lai bất vị tòng vương hậu Ma Da nhi do sanh hồ?’ Phật cáo thiên tử: - Bồ Tát bất tòng vương hậu Ma Da sở sanh, tòng Trí Huệ Độ vô cực sanh. Sở dĩ giả hà? Kỳ tam thập nhị đại nhân tướng, Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, Thập Bát Bất Cộng, nữ chí hư không Phật nhãn, thân tức thiện quyền, tư chư công đức, tất vi bất tòng vương hậu Ma Da nhi sanh, tất tòng Trí Huệ Độ vô cực nhi sanh” (“Bồ Tát chẳng nghĩ tới sanh, cũng chẳng dấy lên [ý niệm thị hiện giáng sanh]. Do dùng bốn nguyện, nên thị hiện được sanh ra”. Vị trời bèn hỏi: “Bồ Tát chẳng nghĩ tới được sanh, mà cũng chẳng sanh đến, có sao Như Lai rủ lòng nghĩ tới người sanh ra thân mình mà lên trời Đạo Lợi một phen suốt cả ba tháng? Há Như Lai chẳng phải là do vương

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

hậu Ma Da sanh ra hay sao?” Đức Phật bảo thiên tử: “Bồ Tát chẳng từ vương hậu Ma Da sanh ra, mà từ Trí Huệ Độ (Bát Nhã Ba La Mật) vô cực sanh. Vì có sao vậy? Ba mươi hai tướng đại nhân, Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, Thập Bát Bất Cộng, cho đến hư không Phật nhãn, thần túc thiện quyền, các công đức ấy đều chẳng do vương hậu Ma Da sanh ra, mà sanh từ Trí Huệ Độ vô cực”). Đây chính là pháp do đức Phật đã nói khi Ngài thăng lên trời Đạo Lợi vì thánh hậu (Ma Da phu nhân) mà thuyết pháp. Kinh có ba quyển, đều là đàm luận xứng với Bản.

#### ***3.1.2.2. Biệt Tự***

Kinh văn thuộc phần Phát Khởi do chẳng liên quan đến các kinh khác nên gọi là Biệt. Phần này chia thành ba đoạn:

- Phần thứ nhất là Quả Nhân Tập Tán Tự (Quả (chư Phật) và Nhân (Bồ Tát) vân tập, tán thán Phật Thích Ca).

- Từ “*thời Như Lai*” (khi ấy, đức Như Lai) trở đi là phần Tự nói về chuyện Hiện Tướng Tập Chúng (hiện tướng thần thông để triệu tập đại chúng).

- Từ chữ “*Thích Ca*” trở đi là phần Vấn Đáp Thích Nghi (vấn đáp để giải trừ nghi hoặc).

##### ***3.1.2.2.1. Quả nhân tập tán tự (Quả (chư Phật) và Nhân (Bồ Tát) vân tập, tán thán Phật Thích Ca)***

Nếu xét theo thứ tự lần lượt sanh khởi, thì từ phần chư Phật và các Bồ Tát nhóm họp, tán thán nhân hạnh của đức Phật Thích Ca, nhờ đức Thế Tôn phóng quang, các vị trời, rồng v.v... nhóm họp. Do đại chúng nhóm họp đông đảo, đức Thế Tôn bèn hỏi ngài Văn Thù về số lượng đại chúng. Ngài Văn Thù sanh nghi bèn thưa hỏi, đức Như Lai thuật chuyện xưa. Tức là “vấn đáp giải trừ nghi hoặc” là do “Phật hiện tướng triệu tập đại chúng:” [mà có]; “hiện tướng triệu tập đại chúng” là vì “chư Phật và Bồ Tát vân tập, tán thán Phật Thích Ca”. Nghịch thuận sanh khởi, nối liền nhau như mắt xích. Nếu duyên khởi lật tới lật lui chỉ là như thế, sẽ giống như một căn nhà trống, nhân duyên chưa được giải thích trọn vẹn; chuyện dựa theo Bản Tích trong giáo để quán tâm sẽ trọn không có chỗ để tiến đến, hướng về được! Cần biết ba phần Tự (trong đoạn Biệt Tự

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

này) thuộc về “*tứ nhất*”<sup>33</sup> của Chánh Tông và Tự Phần: [Phần kinh văn nói về] “chư Phật và Bồ Tát vân tập tán thán Phật Thích Ca” và “đại chúng [trời, rồng] nhóm họp” nhằm thuật bày “*nhân nhất*”. Hiện điềm lành nhằm trần thuật “*lý nhất*”. Nhân quả tán dương lẫn nhau, ngài Văn Thù nầy sanh nghi niệm là phần trần thuật “*hạnh nhất*”. Phần vấn đáp [giữa đức Phật và ngài Văn Thù] là “*giáo nhất*”. Đây chính là phần giải thích về nhân duyên.

Nếu xét theo Giáo, chẳng phải là Tam Tạng thông hay biệt, mà phần Tự nhằm giới thiệu, dẫn nhập phần Chánh Tông, tức là phần Tự nhằm làm cho phần Chánh Tông được viên mãn. Nếu xét theo Bản Tích, ngài Địa Tạng từ thuở ban sơ thuộc bất khả thuyết kiếp trước [đã phát nguyện], cho đến nay vâng lãnh lời phó chúc trên cung trời, tùy ý hành “*tứ nhất*”. Quán tâm [dựa theo đó] cũng sẽ biết, chẳng cần phải nhắc lại.

Hỏi: Pháp Hoa là vua trong các kinh, cho nên có tác dụng “*tứ nhất*”, nay kinh này sao có thể coi là giống như Pháp Hoa cho được?

Đáp: Miệng vàng của đức Như Lai tán thán đức Địa Tạng trí huệ, thân thông v.v... đều chẳng thể nghĩ bàn. Đại sư nói: “*Diệu danh chẳng thể nghĩ bàn*”. Vậy thì chẳng chấp thuận [kinh Địa Tạng này] trần thuật “*tứ nhất*” ư? Nếu xét theo phần luận định Bản và Tích đều có mười thứ diệu trong Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa, Bản Tích trong kinh này cũng đáng phải nên có mười điều chẳng thể nghĩ bàn; nhưng do [chúng sanh] đời Mạt chuộng đơn giản, cho nên tôi để lại đó chẳng bàn tới! Cần phải biết là đối với kinh viên đốn, đừng nên giải thích theo cách nào khác!

Phần Quả Nhân Tập Tán Tự (chư Phật (quả) và các Đại Bồ Tát (nhân) nhóm họp, tán thán đức Phật Thích Ca) này được chia làm hai:

#### ***3.1.2.2.1.1. Đồng lai tập hội (những vị cùng đến nhóm họp)***

---

<sup>33</sup> Tứ Nhất là một khái niệm do tông Thiên Thai đề ra nhằm đề cao đặc tánh độc đáo siêu việt của kinh Pháp Hoa:

1. Tất cả những lời dạy trong kinh Pháp Hoa nhằm xiển dương, chỉ dạy Nhất Thừa, đó là Giáo Nhất.
2. Các hạnh được dạy trong kinh Pháp Hoa đều là hạnh của Đại Thừa Bồ Tát, đó là Hạnh Nhất.
3. Tất cả những lời dạy đều nhằm khiến cho tính chúng đều khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, tức là trở thành cùng một căn tánh, đều hành Bồ Tát đạo, đó là Nhân Nhất.
4. Do tu theo kinh Pháp Hoa, sở chứng là lý Thật Tướng, đó là Lý Nhất.

*(Kinh) Nhĩ thời, thập phương vô lượng thế giới, bất khả thuyết bất khả thuyết nhất thiết chư Phật, cập đại Bồ Tát Ma Ha Tát giai lai tập hội.*

**(經)爾時，十方無量世界，不可說不可說一切諸佛，及大菩薩摩訶薩皆來集會。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, mười phương vô lượng thế giới, bất khả thuyết bất khả thuyết hết thấy chư Phật và các vị đại Bồ Tát Ma Ha Tát đều cùng nhóm đến).*

“*Nhĩ thời*” (爾時, lúc bảy giờ) chính là lúc đức Như Lai vì thánh mẫu thuyết pháp. Chư Phật đông đảo, khó thể biện định từng cõi nước riêng biệt được, cho nên nói chung là “*thập phương vô lượng thế giới*”. Vô Lượng là chẳng thể đo lường được, làm sao tính toán được? “*Thế*” (世) là đời, Giới (界) là phương vị. Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới là Giới. Quá khứ, vị lai, hiện tại là Thế. Có hai loại: Một là Chúng Sanh Thế Giới, tức chánh báo. Hai là Khí Thế Giới, tức y báo. To lớn thay! Y báo và chánh báo số lượng quá nhiều, chẳng thể nói được! Bất Khả Thuyết<sup>34</sup> là một trong một trăm hai mươi lăm con số được nói trong phẩm A Tăng Kỳ của kinh Hoa Nghiêm.

Trọn khắp là Nhất (一), tốt cùng ngần mé là Thiết (切), chẳng phải một thì là Chư (諸, các), tôn quý tốt bậc là Phật. Mỗi vị Phật mang theo một vị đại Bồ Tát làm thị giả, cho nên nói là “*cập*” (及, cùng với). Bồ (菩, Giác) là đạo, Tát (薩) là tâm, tự hành đạo này, lại có thể hóa độ người khác. Dựa trên địa vị thù thắng mà lập hạnh thù thắng; chính là bậc đại nhân trong Viên Giác, cho nên nói là Đại Bồ Tát Ma Ha Tát. Chủ và bạn cùng tụ họp, nhân theo quả mà nhóm họp. Chủ chẳng khác bạn, bạn chẳng khác chủ. Chủ chính là bạn, bạn chính là chủ, chẳng khác, chẳng đồng. Đến thì cùng nhau đến, nhóm họp thì cùng nhau tụ họp. Vì thế nói là “*giai lai tập hội*” (đều cùng nhóm đến). Lúc bảy giờ,

<sup>34</sup> Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết lại là một con số gấp bội lần của Bất Khả Thuyết. Bất Khả Thuyết lần Bất Khả Thuyết là một Bất Khả Thuyết Chuyển, Bất Khả Thuyết Chuyển lần Bất Khả Thuyết Chuyển là một Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết. Một Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết là sau số 1 sẽ có 18.609.191.940.988.822.220.653.298.843.924.824.064 con số 0.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

giống như quang minh từ các hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đế, trùng trùng vô tận; hành nhân một niệm thâm khế hợp trong ấy thì Thi Giác Trí và Bốn Giác Trí sẽ dung thông hợp nhất; vô minh tâm và Bồ Đề tâm cùng lưu lộ lẫn nhau; cho nên vô biên cõi nước nhiều như biển chẳng cách biệt mấy lông. Mười đời xưa nay, chẳng lìa một niệm trong hiện tại. Tâm là chủ của tổng trì, viên quán chẳng thể tạm lìa, xin mọi người hãy suy nghĩ!

***3.1.2.2.1.2. Cộng thân tán thán (cùng nhau thốt lời tán thán)***

***3.1.2.2.1.2.1. Đồng tán Thích Ca nan sự (cùng tán thán Phật Thích Ca đã làm những chuyện khó khăn)***

***(Kinh) Tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật, năng u ngũ trước ác thế, hiện bất khả tư nghị đại trí huệ thần thông chi lực, điều phục cương cường chúng sanh tri khổ lạc pháp.***

**(經)讚歎釋迦牟尼佛，能於五濁惡世，現不可思議大智慧神通之力，調伏剛強眾生知苦樂法。**

***(Kinh: Tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật có thể ở trong đời ác, hiện sức thần thông đại trí huệ chẳng thể nghĩ bàn, điều phục chúng sanh ương ngạnh khiến cho họ biết pháp khổ và vui).***

Thích Ca (Śākya) là họ. Kinh Bốn Khởi dịch thành Năng Nhân (能仁). Theo kinh Trường A Hàm, xưa kia vua Cam Giá (đây là họ), nghe lời sàm tấu của thứ phi, đuổi bốn Thái Tử. Họ tới phía Bắc Tuyết Sơn, tự lập thành quách để ở, dùng đức chiêu mộ đại chúng. Chẳng đầy mấy năm, đất nước hưng thịnh, trở thành cường quốc. Phụ vương sai sứ triệu hồi, bốn người con từ chối không về. Phụ vương ba lượt than thở: “Con ta Thích Ca (có thể dùng lòng nhân nhiếp hóa dân chúng)”. Do vậy, lấy chữ Thích Ca làm họ.

Mâu Ni (Muni) là tên; kinh Bốn Hạnh dịch là Tịch Mặc (寂默). Do những người họ Thích kiêu mạn, lảm miêng, nhưng hề trông thấy Thái Tử thấy đều nín lặng. Vua bảo hãy gọi tên tự của [Thái Tử] là “*Mâu Ni*”. Họ [Thích Ca] là do lòng từ bi lợi lạc chúng sanh; vì thế, chẳng trụ Niết Bàn, còn tên thì mang ý nghĩa trí huệ ngầm khế hợp Lý; do đó, chẳng trụ trong sanh tử. Khởi đầu [chư Phật và các vị đại Bồ Tát] tán thán chữ Năng [trong tên họ Năng Nhân] chính là do ý này.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

“*Ngũ trước ác thế*”: Ví như nước trong, ném bụi đất vào, trở thành đục ngầu, thì gọi là Trước (濁). Trước có năm tướng, tức là Kiếp Trước (Kiếp Trước không có cái Thể riêng, do bốn thứ trước kia mà thành tên), Kiến Trước (năm Lợi Sử làm Thể), Phiền Não Trước (năm Độn Sử làm Thể), Chúng Sanh Trước (do lấy quả báo của Kiến, Mạn mà đặt tên), Mạng Trước (liên tục giữ sắc và tâm làm Thể). Ngũ Trước lấy phiền não và Kiến làm căn bản. Từ hai thứ Trước này mà hình thành chúng sanh. Từ chúng sanh mà có thọ mạng được duy trì liên tục; khi đã có bốn thứ Trước ấy thì gọi là Kiếp Trước. Kiếp Trước loạn thời, chúng sanh cấu (phiền não) nặng nề, keo kiệt, tham lam, ganh ghét, thành tựu các bất thiện căn; vì thế gọi là Ác Thế.

Trong kinh Bi Hoa, Tịch Ý Bồ Tát hỏi: “*Kim ngã Thế Tôn, hà nhân, hà duyên xử tư bất tịnh, ngũ trước ác thế chi trung, thành A Nậu Bồ Đề, thuyết tam thừa pháp. Hà duyên bắt thủ thanh tịnh thế giới, viễn ly ngũ trước ác thế? Phật cáo Tịch Ý: - Bồ Tát dĩ bốn nguyện cố, thủ tịnh diệu quốc; diệt bốn nguyện cố, thủ bất tịnh độ. Bồ Tát thành tựu đại bi, thủ tư tề ác bất tịnh độ nhĩ. Thị cố, ngã dĩ bốn nguyện, xử thử bất tịnh uế ác thế giới, thành A Nậu Bồ Đề*” (“Nay đức Thế Tôn do nhân duyên gì mà ở trong cõi bất tịnh, đời ác ngũ trước này, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nói pháp tam thừa? Do duyên gì mà chẳng lấy cõi thế giới thanh tịnh, xa lìa đời ác ngũ trước?” Đức Phật bảo Tịch Ý Bồ Tát: “Bồ Tát do bốn nguyện mà lấy cõi nước tịnh diệu, cũng do bốn nguyện mà giữ lấy cõi bất tịnh. Bồ Tát thành tựu đại bi, giữ lấy cõi tề ác, bất tịnh này. Vì thế, ta do bốn nguyện, ở trong thế gian bất tịnh, dơ bẩn, xấu ác này, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”). Đại Luận nói: “*Lòng đại bi của chư Phật thấu triệt xương, tủy, chẳng vì thế giới tốt hay xấu, tùy theo người đáng độ mà giáo hóa; như từ mẫu thương con, tuy con chìm lìm trong hầm cầu, vẫn siêng gắng tìm cách cứu vớt, chẳng ngại bẩn thỉu!*” Vì thế, chư Phật, Bồ Tát tán thán [Phật Thích Ca] có thể ở trong đời ác ngũ trước điều phục bọn chúng sanh ương ngạnh!

“*Hiện*” là nói theo hóa nghi (hình thức, phương pháp giáo hóa chúng sanh), vốn là thân tướng giả đeo toàn anh lạc mà hiện thân xấu xí, dơ bẩn, tức là trụ trong Đại đề hành Tiểu vậy. Xét theo ý Phật, vốn là Viên Phật, mà hiện tướng mới thành Phật trong Tam Tạng (tức tướng thành Phật theo Tiểu Giáo), chính là ẩn Thật để hành Quyền. “*Đại trí huệ thần thông*”: Theo Đại Luận thì “*có thể hàng phục các vị thầy luận nghị hàng đầu của ngoại đạo và Thích Phạm thiên vương, cho nên gọi là*

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*đại trí huệ*”. Theo kinh Hiền Ngu, đức Phật hàng phục lục sư xong, Bình Sa Vương (Bimbisāra, Tần Bà Sa La) bạch Phật: “*Bọn lục sư là lũ mê, chẳng biết lượng sức mình, cứ đòi đức Thế Tôn thi đấu thần lực*”. Đức Phật hiện thần biến mâu nhiệm khó nghĩ bàn! Bọn lục sư bó tay, chẳng thể thi thố một pháp thuật nào, gieo mình xuống nước mà chết, đồ đệ của họ tan tác. Vì thế gọi là Đại Thần Thông. “*Lực*” là sức công đức nơi thân Phật, vượt xa muôn vạn bạch hương tượng bảo. Đây là sức nơi thân thể do cha mẹ sanh ra. Nếu là sức thần thông công đức, sẽ là vô lượng, vô hạn. Sức thần thông đại trí huệ như thế, tam thừa chẳng biết, nhân thiên khó suy đoán, cho nên gọi là “*bất khả tư nghị*” (chẳng thể nghĩ bàn).

Dùng sức trí huệ thần thông này để điều phục chúng sanh ương ngạnh. Cư sĩ Duy Ma nói: “*Thử độ chúng sanh kiên cường nan hóa, cố Phật vị thuyết cang cường chi ngữ dĩ điều phục chi. Ngôn thị địa ngục, thị súc sanh, thị ngạ quỷ, nữ chí thị ngu si, thị ngu si báo đặng, dĩ nan hóa chi nhân, tâm như viên hầu, hựu như tượng, mã, long lệ bất điều. Gia chư sở độc, nữ chí triệt cốt, nhiên hậu điều phục như thị cang cường nan hóa chúng sanh. Cố dĩ nhất thiết khổ thiết chi ngôn, nữ khả nhập luật. Cố ngã Phật, xưng Điều Ngự Thiên Nhân Sư*” (Chúng sanh trong cõi này ương ngạnh, khó giáo hóa, cho nên đức Phật phải nói lời cứng rắn để điều phục họ. Ngài nói họ là địa ngục, là súc sanh, là ngạ quỷ, cho đến là ngu si, là quả báo của ngu si v.v... Bởi lẽ, kẻ khó giáo hóa tâm như khỉ vượn, lại như voi, ngựa, rất hung ác. Phải hành hạ chúng, thậm chí đánh đòn tới thấu xương, thì sau đó mới điều phục được bọn chúng sanh ương ngạnh, khó giáo hóa như thế. Vì vậy, [đức Phật] dùng hết thầy lời lẽ khổ sở, thông thiết [để răn dạy] thì họ mới đi vào khuôn phép được. Do đó, đức Phật ta được gọi là bậc Điều Ngự Thiên Nhân Sư).

“*Khổ lạc*”: Tức là Sanh Diệt Tứ Đế trong Tam Tạng. Do mê Chân nặng nề, thuận theo những gì đã làm mà hứng chịu [quả báo] tương xứng. Nhưng Khổ Tập là một pháp, do phân định theo nhân quả bèn thành hai. Đạo Diệt cũng thế. Do hai Đế (Khổ và Tập) là nhân quả của sự khổ trong thế gian, hai Đế (Đạo và Diệt) là nhân quả của xuất thế lạc; vì thế, chỉ nói là “*khổ, lạc*”.

“*Pháp*” có nghĩa là quỹ trì (軌持, khuôn khổ, pháp tắc). Do pháp Tứ Đế chẳng do Phật, trời, người, sa-môn, Bà-la-môn tạo ra. Chỉ là do cái tâm vô minh điên đảo trong quá khứ, tạo tác các hành, đương nhiên

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

là có thể tạo ra khổ quả nơi lục đạo trong đời này, tự nhiên là tốt xấu khác nhau!

“Tri” (知, biết): Tức là khi tam chuyển pháp luân nơi Lộc Uyển, [đức Phật] đã hiện tướng mà nói: “*Đây là Khổ, các người nên biết*”. Đây là lúc Tiểu Giáo và Thi Giáo mới được thành lập, trước hết là hành phương tiện để điều phục căn tánh tam thừa. Dùng Tứ Đế để điều phục Thanh Văn, dùng nhân duyên để điều phục Duyên Giác, dùng Lục Độ để điều phục Bồ Tát. Đế, duyên, và hoàng thệ đều nương theo Tứ Đế. Vì thế, nói chung là “*tri khổ lạc pháp*” (biết pháp khổ và vui). Đây là bản lãnh của đức Phật Thích Ca, cho nên Phật và Bồ Tát cùng nhau tán thán.

#### **3.1.2.2.1.2.2. Các khiến thị giả vấn tẩn (chư Phật đều sai thị giả thưa hỏi)**

**(Kinh) Các khiến thị giả, vấn tẩn Thế Tôn.**

**(經)各遣侍者, 問訊世尊。**

**(Kinh: Mỗi vị Phật đều sai thị giả thưa hỏi đức Thế Tôn).**

“Thị giả” (侍者) là người thân cận vâng mạng mà làm việc. Trường A Hàm gọi Thị Giả là Chấp Sự (執事), tức là “*chư đồng bộc*” (các tôi tớ) trong kinh Pháp Hoa. Sớ nói: “*Đồng bộc là những người hầu hạ. Ví như phương tiện tri kiến, đều đã đầy đủ, hòa quang trong lục đạo, khéo tùy thuận mọi căn cơ, tức là đồng bộc của Thật Trí vậy. Do Thật Trí làm chủ bên trong, cho nên có thể sai khiến. Quyền Trí ở bên ngoài, cho nên bị sai khiến*”.

“Vấn tẩn” (問訊): “Vấn” là hỏi về cuộc sống thường ngày, “Tẩn” là hỏi han mọi chuyện.

Như [trong hội Pháp Hoa], phân thân chư Phật đều sai thị giả, thưa hỏi rằng: “*Thiếu bệnh, thiếu não, khí lực an lạc, cập Bồ Tát, Thanh Văn chúng tất an ổn phủ?*” (Ít bệnh, ít não, khí lực an lạc, và đại chúng Bồ Tát, Thanh Văn đều an ổn hay không?) Do cùng ứng hiện trong đời ác ngũ trược, cho nên hỏi về chuyện bệnh tật, phiền não, khí lực, vì Phật thị hiện giống như loài người vậy.

#### **3.1.2.2.2. Hiện tướng tập chúng (hiện tướng thân thông, triệu tập đại chúng)**

##### **3.1.2.2.2.1. Hiện thụy (hiện điềm tốt lành)**



“Thụy” (瑞, điềm lành) chỉ là tướng. Quả báo bí mật là Thụy, khác lạ là Tướng. Tướng biểu thị điều gì? Chỗ sâu kín của diệu lý, rất khó diễn tả. Con người vốn quen thói hời hợt, chẳng thể tôn trọng. Đáng cần phải dấy động thần thông, hiện ra thụy tướng, ngầm biểu thị Lý. Người đời cứ nghĩ nhện giăng tơ là sắp có chuyện vui, chim khách hót tức là có người từ xa đến; chuyện nhỏ nhặt mà còn có điềm báo, chuyện lớn sao chẳng có tướng lành? Dùng gần để biểu thị xa, cũng đáng nên như thế. Hiện tướng lành chia làm hai phần:

- Tỏa mây quang minh.
- Phát ra âm thanh vi diệu.

[Những điều này nhằm] biểu thị đức Phật hiện thân thuyết pháp, do muốn diễn bày duyên do của đức Địa Tạng, bèn trước hết dùng thần thông để [đại chúng] kinh hãi, chấn động; sau đó, dùng trí huệ biện tài để tuyên dương.

### **3.1.2.2.2.1.1. Phóng quang minh vân (tỏa ra mây quang minh)**

#### **3.1.2.2.2.1.1.1. Tổng thị (nêu chung)**

*(Kinh) Thị thời, Như Lai hàm tiếu, phóng bách thiên vạn ức đại quang minh vân.*

**(經) 是時，如來含笑，放百千萬億大光明雲。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Như Lai mỉm cười, tỏa ra trăm ngàn vạn ức mây đại quang minh).*

“Thị thời” (Khi ấy) là cảm ứng đạo giao, phát khởi Tích để hiển thị Bản, là dịp để đức Như Lai phó chúc, Đại Sĩ vâng mạng nhận lãnh trách nhiệm cứu vớt, nay đúng phải lúc. Như hoa Ưu Đàm đúng thời bèn hiện; nay đã đúng thời, cho nên đức Phật mỉm cười, phóng quang.

“Hàm” (含) là ngậm lại, tức ngậm miệng lại. Theo Đại Luận, Cười là từ miệng phát ra, hết thấy các lỗ chân lông đều mở ra, cho nên gọi là Cười. Do miệng cười hoan hỷ, hết thấy các lỗ chân lông đều mở ra. Nhưng vị Phật nào cũng đều có Thường Quang, Phóng Quang là trong những trường hợp riêng biệt. Thường Quang là bốn phía của thân Phật có quang minh chiếu xa một trượng, vừa sanh ra đã có tướng này. Đó là một trong ba mươi hai tướng, được gọi là Trượng Quang Tướng

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(丈光相, tướng quang minh chiếu xa một trượng). Các cõi khác thì Thường Quang vô lượng; do [trong cõi Sa Bà này], chúng sanh bạc phước không thể chịu nổi ánh sáng ấy, nên Phật Thích Ca nhận lấy thân tỏa quang minh một trượng. [Phóng quang minh] trong đoạn kinh văn này là Phóng Quang, nhằm biểu thị ứng theo căn cơ mà lập ra giáo pháp, phá Hoặc trừ nghi, từ Thế khởi Dụng.

Nhưng trong các kinh, [thường thấy là] đã tỏa ra quang minh xong, ắt sẽ thu lại quang minh; nay không thấy đoạn kinh văn nói đức Phật thu lại quang minh; vì phóng quang chiếu sự trong hiện tại, thu quang minh nhằm thể hiện chuyện trong tương lai. Nay kinh nói về chuyện trong hiện tại của đức Địa Tạng, nên lược đi phần nói về thu quang. Sách Kim Quang Minh Kinh Huyền Nghĩa nói: “*Bà-pha-bà (Prabhā) dịch là Quang. Uất-đa-ma (Uttama) dịch là Minh*”.

“*Vân*” (雲, mây) là khí của núi sông, là cái được hiển hiện trên bầu trời. Âm Dương tụ lại thành mây, bông bành giăng bủa ở bên trên, tự nhiên tạo thành hình dáng khác biệt. Sách Nội Kinh viết: “*Hơi đất bốc lên là mây, khí trời rơi xuống là mưa*”. Vì thế, từ chữ Vũ (雨, mưa) và Vân (云), ghép lại thành chữ Vân (雲), giống như hình thái xoay chuyển, biến đổi giáp vòng, biểu thị đức Như Lai hiện thân như mây, thuyết pháp như mưa. Do mây vô tâm mà ra khỏi hang núi, phiêu tán trên không, chẳng để lại dấu tích. Mây phủ dày đặc, mưa ngọt đậm dề, chính nhằm hiển thị Vô Phân Biệt Trí của Như Lai duyên theo [chúng sanh] cảm mà hiện thân, hễ có căn cơ thích ứng bèn thuyết pháp, khiến cho mầm Bồ Đề của chúng sanh tự nhiên sanh trưởng.

“*Bách thiên vạn ức*” (Trăm ngàn vạn ức) là nói số lượng mây quang minh khá nhiều! Đại Luận nói: “*Thân Quang là cái gốc của các quang minh. Từ gốc mà tỏa ra vô lượng vô số. Ví như con trùng Ca La Cầu La (Kalākula) thân nó bé tí, nếu trời nổi gió, sẽ chuyển thành to lớn. Quang minh cũng giống như thế, gặp chúng sanh có thể độ, bèn chuyển thành tăng trưởng vô hạn*”. Vì thế có trăm ngàn vạn ức. Cần biết quang minh của Như Lai vốn từ trí tâm lưu xuất, vậy thì một niệm tâm của chúng ta vốn sẵn đủ ba ngàn tánh tướng, bách giới, thiên như. Tâm quang lần lượt trọn đủ trăm ngàn vạn ức như thế, chẳng hai, chẳng khác với trí quang của Như Lai. Vì thế, tam thừa đều nhóm đến, lục đạo cùng mở ra, cùng một quang minh này, chẳng thể nghĩ bàn!

**3.1.2.2.1.1.2. Biệt minh** (nói từng quang minh riêng biệt)

**(Kinh) Sở vị: Đại viên mãn quang minh vân.**

**(經)所謂：大圓滿光明雲。**

**(Kinh: Tức là mây quang minh đại viên mãn).**

“Sở vị” (所謂) là từ ngữ dùng để chỉ ra (liệt kê). Xét theo kinh văn ở đây, “sở vị” là nói đến mười loại mây quang minh. Xét theo ý, [mười thứ mây quang minh ấy] là nói về Tánh Đức của chúng sanh, muốn cho chúng sanh quán hình mà biết ý, tận mắt thấy đạo ở chỗ nào, toàn tánh khởi tu, từ ngay nơi nhân mà thành quả, mới thấy đức Tỳ Lô Giá Na Phật trọn khắp hết thấy các chỗ. Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt. Vì thế, trong tông này, thêm vào thập thừa quán pháp [trong sách Ma Ha Chỉ Quán] nhằm đối ứng với mười loại mây quang minh, khiến cho người tu kiếm được cửa, chẳng uổng công nhìn ngó. Vì thế, ngài Tứ Minh nói: “Mười pháp ấy tuy là dường như tổ Trí Giả thay Phật tuyên dương, nhưng nếu lìa mười pháp ấy, sẽ chẳng có pháp nào để tu”. Nay chuẩn theo ý ấy để giải thích kinh văn, ngõ hầu mười pháp trở thành những cỗ xe để chở về chỗ có của báu.

“Đại viên mãn quang minh vân” đứng đầu mười loại quang minh, lưu xuất chín loại quang minh kia, tương ứng với cảnh chẳng thể nghĩ bàn, đứng đầu mười Thừa, là cái gốc của chín Thừa kia. “Đại viên mãn” là ba thân nơi quả đức của Như Lai, cùng với nhất niệm tam thiên của chúng sanh trọn đủ, chẳng giảm bớt. Từ ngay nơi cảnh ấy, không có pháp chẳng trọn đủ, cho nên nói là “viên mãn”. Cỗ xe lớn trong kinh Pháp Hoa chẳng phải là ở ngay nơi đây hay sao? Vì thế, dùng ngay thừa thứ nhất để đối ứng.

**(Kinh) Đại từ bi quang minh vân.**

**(經)大慈悲光明雲。**

**(Kinh: Mây quang minh đại từ bi).**

Mây quang minh đại từ bi đối ứng với người chân chánh phát Bồ Đề tâm. Đã quán diệu cảnh, dùng gì để phát tâm? Mười pháp này tuy đều là viên thường, nhưng viên nhân (người thuộc căn cơ Viên Giác) lại có ba loại căn tánh khác nhau. Thượng căn thì một pháp duy nhất, trung căn thì hoặc hai, hoặc bảy; hạ căn thì mới đủ mười. Nay căn cơ trung hạ, quán cảnh chẳng ngộ, cần phải thêm vào phát tâm. Vì thế, nương theo

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

diệu cảnh, phát ra Vô Tác Tứ Hoàng Thệ Nguyên, xót mình, thương người, thượng cầu, hạ hóa, tức là đức Như Lai từ bi đẹp khổ, ban vui, tức là cái tâm Bồ Đề do chúng ta đã phát. Tôi chẳng đối chiếu với kinh Pháp Hoa vì sợ quá rườm rà, những phần dưới đây đều lược đi [không đối chiếu].

**(Kinh) Đại trí huệ quang minh vân.**

**(經)大智慧光明雲。**

**(Kinh: Mây quang minh đại trí huệ).**

Mây quang minh đại trí huệ ứng với thừa thứ ba là “*thiện xảo an tâm Chỉ Quán*”. Nhân là Chỉ Quán, quả là Định Huệ. Do Huệ từ Định, nên gọi là “*đại trí huệ*”. Đại Luận nói: “*Trí huệ biết trọn khắp, không pháp nào chẳng tận. Trí lớn thì quang minh lớn, như hộp to thì nắp cũng to*”. Cho nên biết Phật trí nơi Phật quả là vô lượng, do nhân tâm (cái tâm làm nhân) mà khéo an lập Chỉ Quán. Quả và nhân hiển lộ lẫn nhau, Tu và Chứng thành tựu lẫn nhau. Vì thế, dùng [thừa thứ ba trong thập thừa quán pháp] để đối ứng.

**(Kinh) Đại Bát Nhã quang minh vân.**

**(經)大般若光明雲。**

**(Kinh: Mây quang minh Đại Bát Nhã).**

Mây quang minh Đại Bát Nhã, đối ứng với pháp thứ tư “*phá pháp trọn khắp*”. Tức là Tam Quán nhất tâm, không Hoặc (phiền não) nào chẳng phá. Đây là nói lấy Bát Nhã làm chánh tu. Bởi lẽ, pháp môn trong các giáo, đều lấy Vô Sanh làm đầu. Phá trọn khắp các Hoặc, lại dùng Vô Sanh để nhập các môn. Đọc lẫn ngang đều phá, khiến cho biết Thễ là trọn khắp. Biết Thễ trọn khắp chính là Thật Tướng Bát Nhã. “*Nhập các môn*” là quán chiếu Bát Nhã. Đọc lẫn ngang đều phá là Văn Tự Bát Nhã. Do vậy, dùng quán pháp này để đối ứng.

**(Kinh) Đại tam-muội quang minh vân.**

**(經)大三昧光明雲。**

**(Kinh: Mây quang minh đại tam-muội).**

***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

Mây quang minh đại tam-muội đối ứng với pháp Quán thứ năm, tức Thức Thông Tắc (biết là Thông hay Tắc). Đây chính là dùng Vương tam-muội, chiếu soi Khổ và Tập trong Tứ Đế, mười hai nhân duyên, cũng như sự bế tắc của sáu thứ ngăn lấp<sup>35</sup>, trần sa, vô minh, không gì chẳng đều trở thành Đạo và Diệt. Diệt do duyên theo Trí, Lục Độ, Nhất Tâm Tam Quán thông suốt. Pháp thông bèn gìn giữ, pháp tắc bèn phá trừ. Không pháp bế tắc nào chẳng phá trừ thì gọi là đại tam-muội. Tam-muội ngầm khế hợp Huệ, không pháp tắc nào chẳng thông! Vì thế, dùng pháp Quán này để đối ứng.

***(Kinh) Đại cát tường quang minh vân.***

**(經)大吉祥光明雲。**

***(Kinh: Mây quang minh đại cát tường).***

Mây quang minh đại cát tường đối ứng với pháp Quán thứ sáu là Đạo Phẩm Điều Thích. Đại sư nói: “Cát tường là từ ngữ nói về nghĩa lợi. Lợi ích trong hiện tại là Nghĩa. Lợi ích trong tương lai là Lợi”. Kinh Đại Bi Không Trí nói: “Cát tường là nói tới trí bất nhị”. Nay vô tác đạo phẩm, mỗi mỗi đều được điều hòa thích đáng, tùy nghi tiến nhập. Nay dùng vô lậu Bát Nhã để hướng dẫn Đệ duyên hồng độ hết thầy vạn hạnh, hồng đạt đến Tát Bà Nhã (Sarvajña, Nhất Thiết Trí). Bát Nhã hướng dẫn hạnh, tức là do trí Bất Nhị mà đạt đến Tát Bà Nhã, đạt được nghĩa lợi. Vì thế, dùng phép Quán này để đối ứng.

***(Kinh) Đại phước đức quang minh vân.***

**(經)大福德光明雲。**

***(Kinh: Mây quang minh đại phước đức).***

Mây quang minh đại phước đức ứng với phép Quán thứ bảy là Đối Trị Trợ Khai (đối trị để giúp cho chánh đạo được khơi mở). “Phước đức” tức là các trợ đạo như bố thí v.v... Vô Lậu Bát Nhã là chánh đạo. Do chánh đạo có nhiều chướng, viên lý chẳng khai, cần phải tu phước về mặt Sự để giúp khơi mở. Kinh Niết Bàn nói: “Chúng sanh phiền não phi nhất chủng, Phật thuyết vô lượng đối trị môn” (Phiền não của chúng

---

<sup>35</sup> Sáu thứ ngăn lấp (Lục Tế): Sáu thứ phiền não che lấp cái tâm thanh tịnh: Tham, phái giới, sân khuê, giải đãi, tán loạn, và ngu si.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

sanh không phải là một loại, đức Phật nói vô lượng môn đối trị). Phàm kẻ nào chẳng tin có cách đối trị, thì hãy nên biết kẻ đó chưa hiểu chánh hạnh. Vì thế, dùng phép Quán này để đối ứng.

***(Kinh) Đại công đức quang minh vân.***

**(經)大功德光明雲。**

***(Kinh: Mây quang minh công đức to lớn).***

Mây quang minh công đức to lớn, đối ứng với pháp Quán thứ tám, tức là Biết Địa Vị và Thứ Tự, ý nói: Người tu hành [phải biết địa vị và thứ tự] hòng tránh khỏi Tăng Thượng Mạn. Bởi mây quang minh này hễ ai trông thấy đều có công năng diệt ác, có đức sanh thiện, chẳng có quán trí cạn hay sâu, sáng suốt hay tăm tối sai khác! Kẻ Tăng Thượng Mạn cho mình đã bằng Phật, thật sự chưa chứng đắc mà tự nói là đã chứng đắc, không chỉ đánh mất địa vị, mà còn đọa vào Nê Lê (địa ngục). Nếu biết chúng sanh và Phật cùng một Thể, nhưng thật sự giống như nhân quả, trước sau chẳng xâm phạm, ắt sẽ trong thì siêng tu tập Tam Quán, ngoài thì thêm pháp Ngũ Hối<sup>36</sup>, hòng tránh khỏi Tăng Thượng Mạn, thành tựu công đức to lớn. Vì thế dùng phép Quán này để đối ứng.

***(Kinh) Đại quy y quang minh vân.***

**(經)大歸依光明雲。**

***(Kinh: Mây quang minh đại quy y).***

Mây quang minh đại quy y đối ứng phép Quán thứ chín là Có Thể An Nhẫn, tức là đối với những chuyện nghịch hay thuận, đều an nhiên bất động, sách tấn ngũ phẩm để nhập sáu căn. Do hành nhân viên quán mới dự vào ngoại phạm, ngoài chuốc lấy danh lợi, trong dấy động tức chướng; do vậy, bèn bị phá bại, há có thể tăng tấn nơi đạo ư? Nay thấy mây quang minh thị hiện hình tượng quy y, liền trở về tự tánh, nương

---

<sup>36</sup> Ngũ Hối (五悔): Năm chi của pháp Sám Hối dựa theo tinh thần tu tập Pháp Hoa Tam Muội, bao gồm: Sám Hối (phát lộ tội đã tạo, thề chẳng tái phạm), Khuyên Thỉnh (thỉnh mười phương Như Lai chuyển pháp luân), Tùy Hỷ, Hối Hướng và Phát Nguyện. Mở rộng ra, về sau, tu bất cứ pháp Quán nào, dù Hiền hay Mật, nghi thức luôn bao gồm Ngũ Hối. Chẳng hạn như Tịnh Độ Sám Nguyện của ngài Từ Vân, hay phương pháp tu Chuẩn Đề hoặc Ngũ Bộ Chú đều có Ngũ Hối.

***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

cây Tam Bảo, nhất thể quang nghiêm (trang nghiêm bằng quang minh thanh tịnh nhất thể), an trụ Vô Sanh, mặc lòng mà tiến. Vì thế, dùng phép Quán này để đối ứng.

***(Kinh) Đại tán tán quang minh vân.***

**(經)大讚歎光明雲。**

***(Kinh: Mây quang minh đại tán tán).***

Mây quang minh đại tán tán ứng với phép Quán thứ mười là Ly Thuận Đạo Pháp Ái, ý nói: Đừng chấp vào đạo tương tự Thập Tín, cần phải nhập lý Sơ Trụ chân thật. Do đã tu ly ái (lìa ái nhiễm), tiên nhập địa vị Đồng Luân (Thập Trụ), phân thân trong trăm cõi, một và nhiều chính là lẫn nhau, tự nhiên tùy ý lưu nhập biển Tát Bà Nhã, liền được tam thể Như Lai không vị nào chẳng tán tán, an ủi. Vì thế, dùng phép Quán này để đối ứng.

Hỏi: Mười thứ mây quang minh là Dụng của Quả Giác thần thông. Thập thừa quán pháp là pháp môn để người sơ tâm tấn tu trong Viên Giáo, đem quả đối ứng với nhân thì sự tu chúng đã mâu thuẫn mất rồi!

Đáp: Phàm luận về quán pháp; nếu chẳng dùng Quả Giác làm Thê, sẽ chẳng phải là viên hạnh. Nếu chẳng dùng ngay tánh của Quả Giác làm cảnh được chiếu thì chẳng phải là diệu cảnh, chẳng phải là lý tốt cùng! Nay chẳng chấp nhận sơ tâm và Quả Giác đồng thể, thì mây quang minh của Như Lai liên quan gì đến chúng sanh để rồi trời, rồng, quỷ thần đều nương theo quang minh mà nhóm đến trọn khắp? Nếu biết thuở đầu và lúc sau chẳng hai thì mới tỏ rõ “nhân quả cùng một đường”. Đó gọi là đức Phật nơi Tánh Đức của chúng sanh, chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, tức là cái Thê viên thường đại giác. Vì thế biết cái Thê viên minh của Quả Phật chính là Tánh Đức mà bọn phàm phu chúng ta vốn sẵn có. Vậy thì nói đến mây quang minh của Quả Phật chẳng phải là diệu dụng của sơ tâm trong Viên Giáo ư?

***3.1.2.2.2.1.2. Xuất vi diệu âm (phát ra âm thanh vi diệu)***

***3.1.2.2.2.1.2.1. Kết tiền khởi hậu (kết phần trước, dẫn khởi phần sau)***

***(Kinh) Phóng như thị đẳng bất khả thuyết quang minh vân dĩ, hựu xuất chủng chủng vi diệu chi âm.***

**(經)放如是等不可說光明雲已，又出種種微妙之音。**

(*Kinh*: Đã tỏa ra bất khả thuyết mây quang minh như thế rồi, lại phát ra các thứ âm thanh vi diệu).

Từ chữ “*phóng*” (放) trở đi, kết luận phần trước. Từ chữ “*hựu*” (又) trở đi, mở ra phần sau. Bà Xà Ni Sa Bà Lâm [trong tiếng Phạn], cõi này dịch là “*âm thanh*”. Theo kinh Ma Nhiếu Loạn, chữ Tỳ Lô trong tiếng Phạn dịch là “*âm thanh*”; sau này dịch là Hồng Âm (洪音, âm thanh to lớn, đây là tên đệ tử của Câu Lô Tàn Phật, tức Krakucchanda Buddha). Sách Bạch Hồ Thông nói: “*Thanh là tiếng kêu. Âm là Âm (uống). Cứng, mềm, trong, đục, hòa hợp cùng uống*”. Tinh Uẩn nói: “*Âm là do các tiếng phát triển thành. Lan truyền, phân tán là Thanh. Nếu chẳng phải vậy, sẽ chẳng thể chấn động. Hàm súc có thừa mà chẳng bộc lộ hết thì là Âm. Nếu chẳng phải vậy, nó sẽ chẳng thể hòa quyện vào nhau. Hô hai chữ [âm thanh] sẽ trọn đủ ý nghĩa khai phát và thâm tàng*”. Nay [kinh văn] nói đến âm thanh diễn tả các lý, [ở đây, những âm thanh ấy] được gọi là Âm. Tiếng do đức Phật phát ra, ngôn từ thanh nhã, người nghe không chán, nghe mãi chẳng đủ; có thể tạo thành nhân duyên “*ban vui, đẹp khổ*” cho hết thảy chúng sanh, không gì hữu ích bằng nghe tiếng. Tức là Ngài đã dùng lòng Từ để tu cái miệng, cho nên có “*bát âm*”: Một là cực hảo âm (âm thanh hay nhất), hai là nhu nhuyễn âm (âm thanh dịu dàng), ba là hòa thích âm (âm thanh hòa hợp, thích đáng), bốn là tôn huệ âm (âm thanh cao quý, tràn đầy trí huệ), năm là bất nữ âm (âm thanh không có giọng nữ), sáu là bất ngộ âm (âm thanh không lầm lạc), bảy là thâm viễn âm (âm thanh vang vọng sâu xa), tám là bất kiệt âm (âm thanh không cạn rere).

“*Chủng chủng vi diệu*” (Các thứ vi diệu): Trong đời trước, đức Phật đã gieo nhân duyên âm thanh tốt lành, cho nên đạt được yết hầu có Tứ Đại vi diệu, có thể phát ra các thứ âm thanh xa, gần, màu nhiệm hay đẹp nhất, trọn khắp mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng. Nay mây quang minh phát ra âm thanh vốn sẵn tuyên dương, lưu bố, dứt bật các tình kiến thuộc về tâm duyên lự, hiển lộ sự thần thông trí huệ vô phân biệt. Hòa hợp vang vọng lẫn nhau thì gọi là Vi, đây kia chẳng xen tạp là Diệu. Điều này biểu thị đức Địa Tạng tùy loại hiện thân, ứng cơ thuyết pháp. Cảnh đã chẳng phải là một, [cho nên] âm thanh cũng rất nhiều. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Chư quang minh trung xuất diệu âm, phổ*



### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*biến thập phương nhất thiết quốc, diễn thuyết Phật tử chư công đức, năng nhập Bồ Đề chi diệu đạo”* (Trong các quang minh phát ra âm thanh màu nhiệm trọn khắp mười phương hết thảy các cõi, diễn thuyết các công đức của Phật tử (Bồ Tát), có thể nhập đạo màu Bồ Đề) chính là nói đến chuyện này!

#### **3.1.2.2.1.2.2. Chánh minh chúng âm (nói rõ các âm thanh)**

**(Kinh) Sở vị: Đàn Ba La Mật âm, Thi Ba La Mật âm, Sạn Đề Ba La Mật âm, Tỳ Ly Da Ba La Mật âm, Thiên Ba La Mật âm, Bát Nhã Ba La Mật âm.**

**(經)所謂：檀波羅蜜音，尸波羅蜜音，羸提波羅蜜音，毗離耶波羅蜜音，禪波羅蜜音，般若波羅蜜音。**

*(Kinh: Tức là tiếng Đàn Ba La Mật, tiếng Thi Ba La Mật, tiếng Sạn Đề Ba La Mật, tiếng Tỳ Ly Da Ba La Mật, tiếng Thiên Ba La Mật, tiếng Bát Nhã Ba La Mật).*

“*Tuyên thuyết Lục Độ*” có hai ý:

- Một là biểu thị thân của Phật, Bồ Tát, tức Pháp Thân, sanh từ công đức của các pháp môn.

- Hai là biểu thị Phật, Bồ Tát thuyết pháp chẳng ra ngoài pháp môn như Lục Độ v.v... Dùng đại trí huệ để làm sư tử hồng, giăng mây, rền sấm, khiến cho muôn vật tươi nhuận, đại chúng nghiêm túc.

Đàn Na (Dāna) trong tiếng Phạn, Hán dịch là Bố Thí. “Đàn” là kho báu, là phước điền phú quý, an ổn. “Đàn” có thể phá khổ, ví như chiếc bè để đăc đạo Niết Bàn. Do lợi ích đặc biệt nhiều, cho nên dùng mây quang minh để tán thán đầu tiên.

Thi La (Śīla, Giới) dịch là Tánh Thiện, lại dịch là Chỉ Đắc (止得, ngưng dứt), ý nói “*dứt ác, làm lành*”. Nếu người nào cầu đại thiện lợi, hãy nên giữ vững giới, như tiếc của báu to lớn, như bảo vệ thân mạng. Ví như đại địa làm chỗ nương tựa cho hết thảy muôn vật, Giới là trụ xứ của hết thảy các thiện pháp. Do vậy, dùng mây quang minh để tuyên dương, lưu truyền.

Sạn Đề (Kṣānti) dịch là Nhẫn Nhục; có Sanh Nhẫn và Pháp Nhẫn. Bồ Tát hành Sanh Nhẫn, đạt được vô lượng phước đức. Hành Pháp Nhẫn đạt được vô lượng trí huệ. Phước đức và trí huệ trọn đủ, mọi sự đều được

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

như sở nguyện. Vì thế, dùng quang minh và âm thanh để tuyên dương, lưu truyền Nhân Độ.

Tỳ Lê Da (Virya)<sup>37</sup> dịch là Tinh Tấn. Thân tinh tấn, siêng tu thiện pháp. Tâm tinh tấn, siêng hành thiện đạo. Ấy là vì muốn thành Phật đạo, thì có hai môn: Một là phước đức, tức Thí, Giới, Nhẫn. Hai là trí huệ, tức Thật Tướng Bát Nhã. Nhập phước đức môn, trừ hết thảy các tội, các sở nguyện đều đạt được. Nhập trí huệ môn, chẳng chán sanh tử, chẳng ưa Niết Bàn. Muốn nhập Bát Nhã thì phải do Thiên Định. Muốn tu Thiên Định, ắt cần phải tinh tấn. Do vậy, dùng mây quang minh để tuyên dương rộng lớn hồng phát khởi mọi người tu tập Tinh Tấn Độ môn.

Thiên Na (Dhyāna), dịch là Tư Duy Tu. Lúc Bồ Tát hành Thiên, năm Ba La Mật hòa hợp, giúp cho Thiên Độ thành tựu. Trong mỗi môn Thiên, hành đại từ bi, dẹp tội trong vô lượng kiếp, đạt được trí Thật Tướng nơi các pháp. Vì thế, được mười phương chư Phật và đại Bồ Tát hộ niệm. Do đó, dùng quang minh và âm thanh để tuyên diễn hồng phát khởi môn Thiên Định cho mọi người.

Bát Nhã (Prajñā) dịch là Trí Huệ. Soi tỏ “hết thảy các pháp đều chẳng thể đạt được”, nhưng có thể thông đạt hết thảy vô ngại thì gọi là Trí Huệ. Chư Bồ Tát từ sơ phát tâm cầu Nhất Thiết Chủng Trí, sẽ học hết thảy các pháp, đạt được hết thảy trí huệ. Do vậy, quang minh và âm thanh tuyên dương điều này hồng phát khởi căn cội trí huệ cho chúng sanh.

Lục Độ tuy thông bốn giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên), nhưng do những Lý Sự vừa được triển khai trên đây, đều cùng trở thành Lục Độ thuần viên thuận lý.

***(Kinh) Từ bi âm, hỷ xả âm.***

**(經)慈悲音, 喜捨音。**

***(Kinh: Tiếng từ bi, tiếng hỷ xả).***

“*Từ bi âm, hỷ xả âm*”: Đây là tuyên dương Tứ Vô Lượng Tâm, các vị Bồ Tát thuộc bốn giáo đều tu [bốn tâm vô lượng ấy]. Có thể ban vui cho người khác thì gọi là “*từ tâm*”. Có thể dẹp khổ cho người khác

---

<sup>37</sup> Ở đây, pháp sư Linh Thừa lại phiên âm chữ này thành Tỳ Lê Da (毗梨耶), không phải là Tỳ Ly Da (毗離耶) như trong phần chánh kinh.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

thì gọi là “*bi tâm*”. Mừng vì người khác được vui sướng thì là “*hỷ tâm*”. Chăng ghét, chẳng yêu, thì gọi là “*xả tâm*”. Từ có ba loại:

1) Duyên Chúng Sanh: Quán sát hết thấy chúng sanh, tướng họ như cha mẹ.

2) Duyên Pháp: Thấy hết thấy các pháp đều sanh từ duyên.

3) Vô Duyên: Chẳng trụ vào Pháp Tướng và Chúng Sanh Tướng.

Bi cũng có ba loại, tên gọi giống như Từ. Đây là Tứ Vô Lượng Tâm của Như Lai, cho nên mỗi tâm đều gọi là Đại. Thật sự có thể ban vui, dẹp khổ cho những người trên đây, chẳng phải là giả tướng. Nay kể ra hai âm, [là vì] Từ Bi là căn bản của đạo Phật, Hỷ Xả do từ bi mà sanh, cho nên tách rời, vì thấy Từ Bi là trọng yếu. Nay mây quang minh tuyên nói, chính là vì bốn tâm Quyền Tiểu trên đây đều trở thành tứ đại vô lượng tâm duyên theo Thật Tướng của Như Lai.

*(Kinh) Giải thoát âm, vô lậu âm.*

**(經)解脫音, 無漏音。**

*(Kinh: Tiếng giải thoát, tiếng vô lậu).*

“*Giải thoát âm*”: Từ ngữ Mục Đê La trong tiếng Phạn, cõi này dịch là Giải Thoát. Tịnh Danh Sớ nói: “*Một là chân tánh, hai là thật huệ, ba là phương tiện*”. Kinh dạy: “*Chư Phật, Bồ Tát hữu giải thoát, danh Bất Tư Nghị. Nhược Bồ Tát trụ thử giải thoát giả, năng dĩ Tu Di chi cao quảng nạp giới tử đặng, tức thị tam chủng giải thoát bất tư nghị nghĩa. Hà giả? Bồ Tát giải thoát tức thị chân tánh, Bồ Tát trụ thử tức thị thật huệ. Tu Di nạp giới, tức thị phương tiện*” (Chư Phật, Bồ Tát có môn giải thoát tên là Chăng Nghĩ Bàn. Nếu Bồ Tát trụ trong môn giải thoát ấy, có thể nhét núi Tu Di cao rộng vào trong hạt cải, tức là ý nghĩa “ba loại giải thoát chẳng thể nghĩ bàn”. Vì sao? Giải thoát của Bồ Tát là chân tánh, Bồ Tát trụ trong ấy chính là thật huệ. Tu Di nhét vào trong hạt cải tức là phương tiện). Nay quang minh tuôn ra diệu âm, biểu thị diệu dụng thần thông chẳng thể nghĩ bàn của đức Địa Tạng.

“*Vô lậu âm*”: Ở đây, đáng lẽ phải nói là Nhân Duyên Tứ Đê và ba mươi bảy đạo phẩm; nay dùng Vô Lậu để gồm thâu. Ô Ba hoặc Tát Giá trong tiếng Phạn, cõi này dịch là Hữu. Hữu nghĩa là gì? Chính là hết thấy các pháp hữu lậu. Ở đây, chẳng xét theo Sanh Diệt Tứ Đê của Tiểu Thừa, coi Khổ và Tập là nhân quả hữu lậu, Đạo và Diệt là nhân quả vô

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

lậu. Vô Lậu ở đây là Vô Lậu trong Viên Giáo, tức là bảy phương tiện<sup>38</sup> đều gọi là Hữu Lậu! Do lục phạm rơi rớt bên Hữu, lưỡng giáo Nhị Thừa (Thanh Văn và Duyên Giác) rơi rụng bên Không, tam giáo Bồ Tát (Tạng, Thông, Biệt) rơi rớt hai bên. Nay mây quang minh tuyên dương, lưu truyền âm thanh vô lậu chân thật, gom bảy phương tiện đều trụ trong Trung Đạo, vĩnh viễn chẳng rò rỉ, rơi rớt hai bên nữa!

**(Kinh) Trí huệ âm, đại trí huệ âm.**

**(經)智慧音, 大智慧音。**

**(Kinh: Tiếng trí huệ, tiếng đại trí huệ).**

“*Trí huệ âm, đại trí huệ âm*”: Trí dùng sự thấu hiểu tột cùng những điều kín nhiệm để đặt tên, Huệ dùng sự chọn lựa dứt khoát để đặt tên. Nêu ra hai âm thanh này vì tiếng trí huệ thông với bảy phương tiện. Như sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa trong phần luận về “trí diệu” đã nêu ra hai mươi loại trí. “*Đại trí huệ âm*” là hai trí Quyền và Thật của Như Lai, tức là trí huệ rất sâu vô lượng của chư Phật Như Lai như kinh Pháp Hoa đã nói.

Hỏi: Trong phần trên đã nói đến Bát Nhã trong tiếng Phạn, Hán dịch là Trí Huệ, nay lại liệt kê Trí Huệ, há chẳng phải là trùng lặp ư?

Đáp: Kinh Đại Phẩm Bát Nhã đã nói: “*Dục đắc Đạo Huệ, Đạo Chứng Huệ, Nhất Thiết Trí, Nhất Thiết Chứng Trí, đương học Bát Nhã Ba La Mật*” (Muốn đạt được Đạo Huệ, Đạo Chứng Huệ, Nhất Thiết Trí, Nhất Thiết Chứng Trí, hãy nên học Bát Nhã Ba La Mật); tức là Bát Nhã có thể sanh ra trí huệ. Vì thế, dùng chữ ấy để phiên dịch, tức là ý nghĩa “*như mẹ có thể sanh ra con, bèn dùng con để đặt tên cho mẹ*”. Sách Phụ Hành nói: “*Chứng Trí Bát Nhã tự trọn đủ các pháp, có thể dứt bật các tướng*”. Tức là Bát Nhã vốn có đủ cả ba danh xưng như Thật Tướng v.v... nhưng trí huệ không gì chẳng phải là hai ý nghĩa như “*nhân, quả*”, “*Quyền, Thật*” v.v... cho nên chẳng trùng lặp. Nay quang minh

---

<sup>38</sup> Thất Phương Tiện ở đây có thể hiểu theo hai nghĩa:

1. Bảy địa vị Thanh Văn trước khi đạt đến địa vị Kiến Đạo, tức Ngũ Đình Tâm Quán, Biệt Tướng Niệm Trụ, Tổng Tướng Niệm Trụ, Noãn Pháp, Đảnh Pháp, Nhẫn Pháp, Thế Đệ Nhất Pháp.
2. Bảy địa vị chưa rốt ráo ở ngoài Viên Giáo theo cách phán giáo của tông Thiên Thai, tức là nhân thừa, thiên thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và các địa vị Bồ Tát thuộc Tạng, Thông, Biệt Giáo.

***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

và âm thanh tuyên nói pháp này, chính là khơi mở “các trí Quyền, Tiêu, Thiên, không gì chẳng phải là diệu trí như thật của Trung Đạo”. Đại Luận nói: “*Mười phương ba đời chư Phật, thân phóng đại quang minh, chiếu trọn khắp mười phương, phá các tối tăm. Tâm tỏa ra quang minh trí huệ, phá vô minh tối tăm của chúng sanh*”, chính là vì ý này!

***(Kinh) Sư tử hồng âm, đại sư tử hồng âm.***

**(經)師子吼音, 大師子吼音。**

***(Kinh: Tiếng sư tử rống, tiếng sư tử rống lớn).***

Tăng Già (Simha) trong tiếng Phạn, dịch là “*tiểu sư tử*”. Danh xưng Tăng Già Bỉ trong tiếng Phạn dịch là sư tử, hoặc “*đại sư tử*”. Đại Luận nói: “*Như vua sư tử, sanh trong dòng giống thanh tịnh, ở trong hang to nơi núi sâu*”.

“*Hồng*” (吼) là rít gào. Dùng miệng dũi đất, thể hiện đại oai thế, biểu thị sức mạnh của sư tử vương. Nay kinh nói “*sư tử âm*” chính là vì tam thừa mà nói pháp Quyền, Tiêu. “*Đại sư tử hồng*” là vì Biệt, Viên mà nói pháp Đại Thừa. Nói chung [sư tử hồng] là biểu lộ sự vô úy. Kinh Tân Hoa Nghiêm (Bát Thập Hoa Nghiêm) nói: “*Thí như đại sư tử hồng, tiểu sư tử vẫn tất giai dũng kiện. Nhất thiết cầm thú, viễn ty, thoán phục. Phật sư tử hồng, chư Bồ Tát đẳng nhược văn, tán thán Bồ Đề tâm thanh, trưởng dưỡng Pháp Thân. Vọng kiến chúng sanh, tầm phục thoái tán*” (Ví như đại sư tử cất tiếng rống, các sư tử bé nghe tiếng đều mạnh mẽ, cứng cáp. Hết thấy các loài cầm thú tránh xa, ẩn núp. Nêu các vị Bồ Tát được nghe sư tử hồng của đức Phật, đều tán thán Bồ Đề tâm thanh, nuôi lớn Pháp Thân. Chúng sanh tình kiến hư vọng đều hổ thẹn, khuất phục, lui tan). Đại Luận nói: “*Ví như sư tử có thể khiến cho các loài thú khiếp sợ, khuất phục*” là ý này. Nay quang minh tuyên dương, lưu bố, tức là muốn tuyên diễn các pháp như Lục Độ v.v... ắt có đủ đại trí huệ. Đại trí huệ đã đủ, sẽ hiện sư tử hồng, chúng sanh [nghe rồi được] nhuần thấm. Vì thế, dùng Vân Lô Âm để kết thúc [các âm thanh phát ra từ mây quang minh].

***(Kinh) Vân lô âm, đại vân lô âm.***

**(經)雲雷音, 大雲雷音。**

***(Kinh: Tiếng mây sấm, tiếng mây sấm lớn).***

“*Vân lôi âm, đại vân lôi âm*”: Kinh Pháp Hoa nói: “*Thí như đại vân, biến phủ nhất thiết, huệ vân hàm nhuận, điện quang hoảng diệu, lôi thanh viễn chấn, linh chúng duyệt dự. Kỳ vũ phổ đẳng, suất thổ sung hiệp*” (Ví như mây to che phủ khắp hết thảy, mây trí huệ chứa đựng đầy nước, ánh chớp lóe chói ngời, tiếng sấm rền xa, khiến cho đại chúng vui sướng. Mưa ấy tưới xuống bình đẳng, cả cõi đất đều được thấm đẫm). Mây ví như Ứng Thân nói mười hai bộ loại kinh, nên nói là “*huệ vân*” (mây trí huệ). Thân tỏa ra quang minh lớn, miệng rền bốn biện tài như chớp lóe sáng, sấm âm ì, tuyên xối mưa pháp, [khiến cho muôn loài] đều được lợi ích nhuần thấm, nhưng [mỗi loài chúng sanh] đạt được lợi ích sai khác. Vì thế, mây và sấm khác nhau, nhưng đều do cùng một đất sanh ra, một trận mưa thấm đẫm, sai biệt chính là vô sai biệt. Phần Hiện Tướng đã xong.

**3.1.2.2.2. Tập chúng (triệu tập đại chúng)**

**3.1.2.2.2.1. Kết tiền khởi hậu (kết lại phần trước, mở ra phần sau)**

**(Kinh) Xuất như thị đẳng, bất khả thuyết bất khả thuyết âm dĩ, Sa Bà thế giới cập tha phương quốc độ, hữu vô lượng ức thiên, long, quý, thần diệc tập đáo Đạo Lợi thiên cung.**

**(經)出如是等，不可說不可說音已，娑婆世界，及他方國土，有無量億天龍鬼神，亦集到忉利天宮。**

**(Kinh: Phát ra bất khả thuyết bất khả thuyết âm thanh như thế xong, thế giới Sa Bà và các quốc độ ở phương khác, có vô lượng ức trời, rồng, quý, thần cũng nhóm đến cung trời Đạo Lợi).**

Sách Tây Vực Ký chép: “*Tam thiên đại thiên quốc độ thuộc thế giới Sách Ha là chỗ nhiếp hóa của một đức Phật; trước kia dịch là Sa Bà*”. Kinh Bi Hoa nói: “*Hà danh Sa Bà? Thị trung chúng sanh, nhân thọ Tam Độc, cập chư phiền não. Năng nhân tư ác, cố danh Nhân Độ*” (Sao gọi là Sa Bà? Chúng sanh trong đó chịu đựng Tam Độc và các phiền não. Do có thể chịu đựng sự ác ấy, nên gọi là Nhân Độ). Lại nữa, vào lúc kiếp sơ, có Phạm vương tên là Nhân, cho nên đặt tên cõi này theo tên nhà vua ấy. Vì thế, kinh Lăng Già dịch [thế giới này] là Năng Nhân (có thể chịu đựng).

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Quốc độ trong tiếng Phạn gọi là Sát-ma, âm đúng là Xế-đa-la (Kṣetra), cõi này dịch là Thổ Địa. Vạn cảnh bất đồng, cũng gọi là Sát (刹), [tức là] lấy sự trang nghiêm sai biệt để đặt tên. “*Quốc*” (國) là một lãnh thổ, nhỏ thì gọi là Bang (邦), lớn thì gọi là Quốc. Vua thời cổ lập quốc để dân chúng sống, cân nhắc sao cho ứng hợp với trời đất, an định sao cho Âm Dương hòa hợp. Vì thế nói là Quốc Độ. Nhưng Pháp Thân chẳng giống như vậy, há có cuộc đất giả huyền nào để cư trụ? Do ứng với muôn vật mà có hình tướng, cho nên tùy theo từng nước mà hóa hiện.

Đại Luận nêu ra bốn loại Thiên:

1) Danh Thiên (vị trời chỉ có danh xưng sông). Nay quốc vương xưng là Thiên Tử, đời Châu xưng là Thiên Vương.

2) Sanh Thiên, tức là các vị sống trên hai mươi tám tầng trời.

3) Tịnh Thiên: Thánh nhân trong loài người.

4) Tịnh Sanh Thiên: Các thánh nhân trong Dục Giới Thiên, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, năm loại A Na Hàm trong Sắc Giới, và một loại A Na Hàm trong Vô Sắc.

Chữ Na Già (Nāga) trong tiếng Phạn, cõi này dịch là Long (rồng), là loài có vảy, thân dài, có thể ẩn, có thể hiện, có thể lớn, có thể bé, có thể dài, có thể ngắn. Tiết Xuân Phân, bèn bay lên trời, tiết Thu Phân bèn xuống vực. Loài rồng có vảy gọi là Giao Long (蛟龍), loài có cánh gọi là Ứng Long (應龍), có sừng gọi là Cầu Long (虯龍), không có sừng là Ly Long (螭龍), chưa bay lên trời thì gọi là Bàn Long (蟠龍). Rồng thuộc về Thiên chúng; vì thế, trong kinh luận, “*thiên, long*” luôn được nêu chung. Ngũ Phần Luật không tính rồng thuộc loại súc sanh vì nó có thể bảo vệ, giữ an ổn cho người dân trong nước, ủng hộ chánh pháp.

“*Quỷ thần*”: Trịnh Huyền<sup>39</sup> nói: “*Tinh và Khí của thánh nhân là Thần. Tinh và Khí của hiền nhân là Quỷ*”, đây cũng là một cách giải thích. Vì thế, Thi Tử<sup>40</sup> nói: “*Thiên thần gọi là Linh, địa thần gọi là Kỳ, nhân thần gọi là Quỷ*”. Quỷ (鬼) là quy (歸, trở về), vì cổ nhân coi chết

---

<sup>39</sup> Trịnh Huyền (127-200), tự là Khang Thành, người huyện Cao Mật, thuộc quận Bắc Hải (nay thuộc tỉnh Sơn Đông), là một bậc kinh học đại sư chuyên chú giải các kinh điển Nho gia trong thời Đông Hán.

<sup>40</sup> Thi Tử (tên thật là Thi Giáo) người nước Tấn, là một triết gia kiêm chính trị gia sống vào thời Xuân Thu Chiến Quốc. Ông vốn là môn hạ của Thương Ưởng (nhà chính khách theo chủ trương Pháp Trị). Thi Tử chủ trương thuyết chánh danh.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

là trở về. Quỷ còn có nghĩa là Úy (畏, sợ), hoặc Oai (威). Bản thân quỷ tự khiếp hãi, nhiều nỗi sợ, lại có thể khiến cho kẻ khác sợ oai của chúng. “Thần” là Năng (能, có khả năng). Thần có sức lớn thì sẽ có thể dời núi, lấp biển, sức nhỏ thì có thể biến hóa ẩn, hiện. [Thần và Quỷ] đều thuộc về quỷ đạo.

Nhưng các quốc độ ở phương khác chẳng phải là chỗ giáo hóa của đức Phật ta, có sao trời, rồng, quỷ thần cũng [từ đó] vân tập? Điều này có hai ý:

1) Một là do phân thân hóa hiện của đức Địa Tạng chẳng lúc nào ngưng hóa độ mọi người. Những kẻ ấy do thiện căn trong đời trước đã chín muồi, thiên tánh vốn sẵn tương quan. Do vậy, họ trông thấy quang minh, nghe âm thanh, bèn cùng lúc nhóm đến.

2) Hai là những người ấy được dự pháp hội, hãy nên xét theo bốn câu luận về Thừa và Giới, thiên thần cùng nhóm đến tức là “Thừa và Giới đều gặp”, rồng và quỷ cũng đến, tức là “Thừa và Giới đều hoãn” v.v... Đều cùng là khinh báo Nê Lê, sao chẳng cầu độ thoát? Số ấy chẳng cùng tận, vì thế nói là “hữu vô lượng ức” (có vô lượng ức).

#### **3.1.2.2.2.2.2. Chánh tập đại chúng (đại chúng vân tập)**

Phần này chia thành ba đoạn:

- Đại chúng trời, rồng v.v...
- Hết thấy các vị thần.
- Các vị đại Quỷ Vương.

#### **3.1.2.2.2.2.2.1. Thiên long đẳng chúng (đại chúng trời, rồng v.v...)**

##### **3.1.2.2.2.2.2.1.1. Biệt liệt tam giới thiên chúng (kể riêng các vị trời trong tam giới)**

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa nói: “Người thuộc địa vị Thiên Thừa tu Thập Thiện đạo tùy ý thuần thực, đều là cái nhân để sanh thiên. Nếu tu thêm Thiên Định, sẽ thăng tấn vào cõi cao hơn”. Quả trời trong ba cõi cao thấp khác nhau, tu nhân ắt có sâu, cạn sai khác. Trong phần này, lại chia thành ba tiểu đoạn:

##### **3.1.2.2.2.2.2.1.1.1. Lục Dục Thiên**



## **Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú**

Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Như thị lục thiên, hình tuy xuất động, tâm tích thượng giao. Tự thủ dĩ hoàn, danh vi Dục Giới*” (Sáu tầng trời như thế, tuy về hình (tức sắc thân khi sanh lên cõi trời) đã thoát khỏi sự dao động của dục vọng (tức là không do cha mẹ hành dâm sanh ra, không ở trong thai tạng, hoàn toàn là hóa sanh), nhưng tâm vẫn có dấu vết dính mắc cảnh (chưa hoàn toàn thoát khỏi dục niệm). Từ đó trở xuống, gọi là Dục Giới)<sup>41</sup>. Vì thế, luận Câu Xá nói: “*Sáu tầng trời cõi Dục [lần lượt từ thấp lên cao] lấy chuyện giao phối, ôm nhau, nắm tay, nhìn nhau cười là hành dâm*” (Sách Phụ Hành giải thích: “*Địa Cư Thiên thật sự giao phối, Dao Lợi coi chuyện gió thoát ra [từ thân thể sau khi hành dâm] là xong, Dạ Ma thì ôm ấp, Đâu Suất thì nắm tay, Hóa Lạc là nhìn nhau cười, trời Tha Hóa chỉ cần nhìn nhau*”). Tuy giữ lấy cảnh khác nhau, nhưng đều là chưa lìa tình dục! Vì thế, gọi chung là Lục Dục Thiên.

**(Kinh) Sở vị: Tứ Thiên Vương Thiên, Dao Lợi Thiên, Tu Diễm Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên.**

**(經)所謂：四天王天，忉利天，須燄摩天，兜率陀天，化樂天，他化自在天。**

**(Kinh: Đó chính là Tứ Thiên Vương Thiên, Dao Lợi Thiên, Tu Diễm Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên).**

Tứ Thiên Vương Thiên (Caturmahārājakāyikā) là cõi trời đầu tiên khi thăng lên thiên giới, là tầng trời thứ nhất so với hạ giới, ở ngang lưng núi Tu Di, gần mặt trời, mặt trăng. [Thiên vương trong tầng trời này] là ngoại thân (bây tôi bên ngoài của Đế Thích), tức là bốn vương gia trấn giữ bốn phương. Danh tự của họ sẽ được giải thích trong phần sau. Kinh Trường A Hàm nói: “*Tứ Thiên Vương đều kết hôn, hành dục giống như loài người (nam nữ căn tiếp xúc), con thơ hóa sanh ở trên đâu gói như đứa trẻ năm tuổi (trời Dao Lợi thì đứa bé hóa sanh ấy như trẻ sáu tuổi, cho đến trời Tha Hóa thì như mười tuổi). Chẳng lâu sau, tự nhiên đồ đựng bằng chất báu cảm trăm vị, nó ăn chất cam lộ của cõi trời. Ăn xong, thân hình nó to bằng chư thiên*”. Thân lượng và thọ mạng của chư

<sup>41</sup> Chúng tôi dịch câu này theo cách giảng của pháp sư Tịnh Giới.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

thiên trong sáu tầng trời như trong Câu Xá Tụng đã nói: “*Dục Thiên câu-lô-xá, tứ phần nhất nhất tầng*” (ý nói: Một phần tư của Câu-Lô-Xá (Krośa) là nửa dặm. Trong tầng trời thứ nhất, thân cao nửa dặm, năm tầng trời sau đó, cứ lên cao hơn một tầng thì cao thêm nửa dặm). Năm mươi năm trong nhân gian bằng một ngày một đêm trong tầng trời thấp nhất (Tứ Thiên Vương Thiên). Theo cách tính đó, họ thọ năm trăm năm. Năm tầng trời trên đó lần lượt gấp bội lần lên (Tứ Thiên Vương Thiên thọ năm trăm năm, mà năm mươi năm trong nhân gian bằng một ngày trong cõi đó. Cho đến Tha Hóa Thiên thọ mười sáu ngàn năm, coi một ngàn sáu trăm năm trong nhân gian là một ngày. Họ cũng lấy ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm). Nếu bỏ thí, giữ giới chẳng giết chóc, thanh tịnh thù thắng đôi chút, chán nhàm gia nghiệp, ưa thích nghe pháp, cúng dường người lành, sẽ sanh vào Tứ Thiên Vương Thiên.

Đao Lợi Thiên như đã nói trong phần trên. Đại Luận nói: “*Thích Ca Đề Bà Nhân Đề (Śakra-Devānāṃ-Indra), Hán dịch là Năng Thiên Chúa. Lúc làm người đã bỏ thí, lại còn giữ giới chẳng trộm cắp, cúng dường, và tôn trọng cha mẹ, tâm mong cầu thù thắng, sanh vào Tam Thập Tam Thiên, ở trên đỉnh núi Tu Di. Bốn phía đỉnh núi có ba mươi hai cõi trời*”. Đối với hai tầng trời trên đây, chỉ tu Thượng Phẩm Thập Thiên là được sanh vào đó.

Tu Diễm Ma Thiên (Suyāma, Dạ Ma Thiên): Đại Luận nói: “*Tên của Dạ Ma Thiên vương được dịch sang tiếng Hán là Diệu Thiên, do vua luôn kêu ‘sung sướng quá’, tuy hưởng thụ cảnh ngũ dục, nhưng biết thời hạn. Đây là do bỏ thí, cộng thêm trì giới chẳng dâm, tâm ý nhu hòa, bèn sanh vào Dạ Ma Thiên. Lại do khi còn ở trong nhân gian, động ít, tĩnh nhiều; sau khi mạng chung, an trụ rành rành trong hư không. Quang minh của mặt trời và mặt trăng còn chẳng chiếu tới. Những vị trời ấy tự có quang minh*”. Đây là tầng trời đầu tiên thuộc về Không Cư Thiên.

Đâu Suất Đà Thiên (Tuṣita), dịch theo lối mới<sup>42</sup> là Đồ Sử Đa. Đại Luận nói: “*Tên của San Đâu Suất Đà thiên vương được dịch sang tiếng Hán là Diệu Túc, do đối với ngũ dục bèn biết đủ mà ngưng nghỉ. Do xưa kia bỏ thí, cộng thêm giữ cho miệng chẳng phạm bốn lỗi, ưa thích đa*

---

<sup>42</sup> Dịch theo lối mới (Tân Dịch), tức là tuân theo cách phiên âm và dịch nghĩa do ngài Huyền Trang đề xướng; những cách phiên âm chữ Phạn trước thời ngài Huyền Trang gọi là Cựu Dịch.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

văn, phân biệt tốt, xấu, yêu chuộng Niết Bàn, nhưng tâm chấp vào công đức. Sau khi mạng chung, thăng lên cõi tinh vi, chẳng tiếp nhận cảnh nhân thiên thuộc những cõi dưới. Cho đến khi Kiếp Hoại, Tam Tai không gây hại tới. Đây là chỗ ở của bậc Bồ Xứ Bồ Tát. Vì thế, Phật Địa Luận gọi [cõi trời này] là Hỷ Túc vì hậu thân Bồ Tát giáo hóa trong ấy, phần nhiều tu Hỷ Túc”. “Tam Tai không lan tới nơi ấy” là nói theo Nội Viện, chứ Ngoại Viện của cõi trời ấy vẫn hứng chịu Tam Tai.

Hóa Lạc Thiên (Nirmānarati): Đại Luận nói: “Tu Niết Mật Đà, dịch sang tiếng Hán là Hóa Lạc, vì tự hóa hiện ngũ trần để hưởng vui sướng. Đây là do tâm bố thí sâu xa, trì giới, đa văn, tự lực sinh hoạt, sẽ sanh vào Hóa Lạc Thiên”.

Tha Hóa Tự Tại Thiên (Para-nirmita-vaśa-vartin): Tiếng Phạn là Bà Xá Bạt Đề. Do chư thiên cõi này đoạt lấy sự biến hóa của người khác để tự hưởng vui sướng [nên gọi là Tha Hóa Tự Tại]. Do xưa kia, lúc bố thí thanh tịnh, trì giới càng sâu, ưa chuộng đa văn, nhưng có lắm tình kiến quý trọng chính mình, chẳng thể tự chịu khổ, cầu sự vui sướng từ kẻ khác, lòng luôn suy nghĩ siêng tu tập phương tiện hồng đoạt lấy ngũ dục do người khác biến hóa ra để chính mình hưởng thụ tự tại. Vì thế, Biệt Hành Sớ viết: “[Cõi trời này] là cõi trời cao nhất của Dục Giới, biến những thứ do người khác tạo tác thành sự vui sướng của chính mình, tức là Ma Vương”. Sách Thù Dụ Ký<sup>43</sup> lại chép: “Trên tầng trời thứ sáu, có một cõi trời dành riêng cho Ma La ở, thuộc Tha Hóa Thiên”. Kinh luận nói khác nhau [như vậy đó].

Bốn cõi trời Không Cư trên đây, tu thượng phẩm Thập Thiện, kiêm tọa Thiên chưa đắc Định, bèn đọa sanh vào trong các cõi ấy. Sách Tướng Luật Cảm Thông Truyện<sup>44</sup> chép: “Đế Thích là chúa các tầng trời Địa Cư. Ma Vương là chúa tầng trời lục dục. Đế Thích và bốn thiên vương muốn hành Phật pháp, ma không chế ngự được!”

Hỏi: Hai cõi trời Địa Cư chủ yếu trụ trên đỉnh núi, các bầy tôi sống ở chân núi. Bốn tầng trời thuộc Không Cư dựa vào đâu để an lập?

Đáp: Theo Đại Luận, đất bảy báu của các cõi trời như Dạ Ma v.v... ở trong hư không, có phong luân giữ cho chúng an trụ. Cho đến

---

<sup>43</sup> Thù Dụ Ký là tác phẩm do pháp sư Cô Sơn Trí Viên biên soạn để chú thích bộ Tịnh Danh Lục Sớ của Tổ Thiên Thai.

<sup>44</sup> Tướng Luật Cảm Thông Truyện do ngài Đạo Tuyên Luật Sư biên soạn vào đời Đường, ghi chép về những vấn đáp giữa ngài Đạo Tuyên và một vị trời thị giả của Ngài.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

trời Tịnh Cư cũng giống như thế. Nghiệp Sớ<sup>45</sup> lại nói: “*Trên Đệ Tứ Thiên, mây phủ nhẹ mỏng, rải rác như sao, chẳng tụ tập dày đặc như các tầng trời phía dưới*”. Do vậy biết: Tuy là Không Cư, ắt phải nương vào mây, nhờ vào gió để duy trì. Do phước nghiệp mà được như vậy đây!

#### ***3.1.2.2.2.2.1.1.2. Sắc Giới Thiên***

Có tất cả mười tám cõi trời, chia thành Tứ Thiên. Sơ, Nhị, Tam Thiên, mỗi Thiên Thiên có ba tầng trời, Tứ Thiên có chín tầng trời. Đã lià đục thô tán, nhưng chưa ra khỏi lòng giam của Sắc, cho nên gọi là Sắc Giới (Rūpadhātu). Do tọa Thiên đấng Định, nên gọi là Thiên. Thân chánh báo [trong Sắc Giới Thiên] là sắc thanh tịnh, chẳng phải là sắc thân cấu nhiễm như trong Dục Giới.

***(Kinh) Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên, Đại Phạm Thiên.***

***(經)梵眾天, 梵輔天, 大梵天。***

***(Kinh: Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên, Đại Phạm Thiên).***

Đại Luận nói: “*Dục Giới tâm tán loạn, hành giả nương vào địa nào, do phương tiện nào để đắc? Hãy nên nương vào các môn Thiên Định thuộc Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Đối với Tứ Vô Lượng Tâm, Bát Bội Xả, Bát Thắng Xứ, Cửu Thứ Đệ Định, Thập Nhất Thiết Xứ Thí Tâm, biết nhu nhuyễn tự tại có như ý hay không? Ví như người huấn luyện thử ngựa, [cho đến khi ngựa đã] có thể điều khiển tùy ý, thì mới dùng nó để ra trận. Vì thế, thế gian và xuất thế gian dùng những món Thiên ấy làm căn bản*”.

“*Phạm*” (梵) là thanh tịnh, chẳng có dục nhiễm. Mười tám tầng trời đều thanh tịnh, vô dục. Trước tên của các cõi trời này đều có chữ Phạm. Phạm Chúng (Brahma-pāriṣadya-deva) là dân, Phạm Phụ (Brahma-purohita) là quần thần. Phạm Phụ còn gọi là Phạm Phú Lâu, cõi này dịch Tiền Ích Thiên (前益天), do họ thường đi trước Phạm Thiên, luôn suy nghĩ lợi ích của Phạm Thiên. Đại Phạm (Mahā-brahmā) tức là

---

<sup>45</sup> Nghiệp Sớ là tên gọi tắt của bộ Tứ Phần Luật Yết Ma Sớ do Sơ Tổ của Nam Sơn Luật Tông là ngài Đạo Tuyên soạn dưới đời Đường Thái Tông. Do Yết Ma (Karma) còn dịch là Nghiệp, nên bộ Sớ này thường được gọi tắt là Nghiệp Sớ.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

vua. Vì thế, sách Thứ Đệ Thiên Môn<sup>46</sup> nói: “Đức Phật vì các nhân vương nói mười tám cõi trời Phạm, cũng phải nên có dân và chúa khác nhau”. Theo đây, sau đó cũng nên tách ra thành dân chúng, các quan, và vua. Nhưng sách Pháp Uyển Châu Lâm luận định về chư thiên sang hèn, [từ Tứ Thiên Vương Thiên cho đến các tầng] trời Sắc Giới, chỉ riêng ba cõi trời Sơ Thiên là có sang hèn, Đại Phạm Thiên là vua... Chư thiên từ đây trở lên đều thọ báo bình đẳng như nhau, chẳng có sang hèn. Căn cứ theo đó, đối với ba cõi trời có chữ Quang và ba cõi trời có chữ Tịnh trong Sắc Giới, phải dùng công hạnh để luận định ưu việt hay kém cỏi. Đại Luận quyển chín nói: “Trời Phạm Thế, đối với sanh xứ thì có ba loại: Một là Phạm Chúng Thiên, là nơi sống của các tiểu phạm. Hai là Phạm Phụ Thiên, là chỗ sanh của các Phạm thiên sang quý. Ba là Đại Phạm Thiên, là chỗ sanh của bậc trung gian Thiên”.

Hỏi: Cùng ly dục giống nhau, sao lại có quý hèn khác chỗ?

Đáp: Ba loại trời trong Sơ Thiên: Tu Hạ Thiên sanh vào Phạm Chúng, tu Trung Thiên sanh vào Phạm Phụ, tu Thượng Thiên sanh vào Đại Phạm. Hạnh về lòng Từ cũng như vậy. Dùng đệ nhất thanh tịnh tâm để tu thượng Từ, bèn sanh làm Đại Phạm, thống lãnh đại thiên, làm bậc Thế Chủ (chúa tể của thế gian). Nhưng nói chung, có vạn ức Phạm Vương, nhưng trong cõi đại thiên này, Phạm Vương tên là Thi Khí (Śikhin), dịch sang tiếng Hán là Đảnh Kế (頂髻, búi tóc trên đỉnh đầu), làm chúa cõi đại thiên (đấy là nói theo chiều ngang). Lại nữa, Sơ Thiên vì bên trong có giác quán, cho nên bên ngoài sẽ có ngôn ngữ để thuận tiện thống lãnh các địa vị thấp hơn. Như Ma Hê Thủ La (Maheśvara), tuy được gọi là Đại Tĩnh Vương (ngài Quán Đảnh nói vị thiên vương này có tên là Oai Linh Đế), sống ở trên đỉnh của Sắc Giới, có quả báo thù thắng, cho nên làm chúa, nhưng không có ý nghĩa là một vị vua thống lãnh. Hai tầng Thiên Thiên trên đó không có pháp ngôn ngữ! Vì thế, các Thiên Thiên chỉ coi người có quả báo thù thắng là chúa, chẳng phải là bậc thống lãnh, cai trị (đấy là luận định theo chiều dọc). Như Niết Bàn Sớ viết: “Chúa của thế giới Sa Bà thật sự là Ma Hê Thủ La, Phạm Vương chỉ thống lãnh tiểu thiên mà thôi”. Đây chính là cách nói của các vị cổ đức, chẳng phải là chánh ý trong tông này. Đại Luận nói: “Có người bố thí, trì giới, khi người ấy tu bố thí, tâm lòng vui sướng. Nếu thí

---

<sup>46</sup> Sách này có tên gọi đầy đủ là Thích Thiên Ba La Mật Thứ Đệ Pháp Môn do tổ Trí Giả đại sư trước tác, chia thành mười chương, phân tích Thiên Ba La Mật theo quan điểm của tông Thiên Thai.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*nhiều, niềm vui cũng nhiều. Tư duy như thế, bỏ ngũ dục, trừ ngũ cái, nhập Sơ Thiên; cho đến Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Thiên cũng giống như thế!”*

**(Kinh) Thiếu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên, Quang Âm Thiên.**

**(經)少光天，無量光天，光音天。**

**(Kinh: Thiếu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên, Quang Âm Thiên).**

Nhị Thiên có ba tầng trời: Thiếu Quang (Parīttābha) là do quang minh ít ỏi. Vô Lượng Quang (Apramāṇābha) là quang minh tăng nhiều hơn, chẳng có hạn lượng. Quang Âm (Ābhāsvara, dịch theo lối mới là Cực Quang), vì dùng quang minh làm âm thanh, ngôn ngữ! Đại Luận, quyển thứ ba mươi ba chép: “*Như kinh nói tâm thanh tịnh thù thắng hay kém cõi, cho nên quang minh có thượng, trung, hạ. Tâm chư thiên thanh tịnh, bố thí, trì giới; cho nên thân có quang minh. Lại có người đốt đèn ở chỗ tối, và cũng cúng dường tôn tượng, tháp, chùa. Lại thường tu từ tâm, nghĩ tới trọn khắp chúng sanh. Lại tu Niệm Phật tam-muội, niệm quang minh thần đức của chư Phật. Lại tu Hỏa Nhất Thiết Nhập. Lại dùng quang minh trí huệ giáo hóa chúng sanh ngu ám, tà kiến. Do bởi nhân duyên của nghiệp ấy, đạt được ánh sáng trí huệ trong tâm, thân cũng có quang minh”. Vì thế, A Tỳ Đàm Luận nói: “Tướng báo thân của chư thiên đều chẳng có xương, thịt, cũng chẳng có đại tiểu tiện bất tịnh. Thân tỏa ra quang minh, chẳng phân biệt ngày hay đêm, đạt được quả báo Ngũ Thông, sắc thân không chướng ngại!” Vì thế biết: Luận định về quang minh trong ba cõi trời, nghĩa đã trọn khắp trước sau. Luận về tịnh trong Tam Thiên, ý nghĩa cũng giống như thế. Nói chung là tùy theo hạnh cao hay thấp mà đạt được địa vị cạn hay sâu!*

**(Kinh) Thiếu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên, Biến Tịnh Thiên.**

**(經)少淨天，無量淨天，徧淨天。**

**(Kinh: Thiếu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên, Biến Tịnh Thiên).**

Ba tầng trời thuộc Tam Thiên:

**Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú**

- Thiểu Tịnh (Parīttasubha), ly hỷ thọ lạc là Tịnh, do chẳng bằng địa vị cao hơn nên là Thiểu.

- Vô Lượng Tịnh (Apramāṇasubha): Do tịnh thù thắng hơn tầng trời trước (Thiểu Tịnh) chẳng thể lường được.

- Biến Tịnh (Śubhakarṣna): Lạc thọ tối thắng, tịnh trọn khắp.

Vì sao Tam Thiên được gọi là Tịnh? Đại Luận nói: “*Do duyên tịnh, nên là Tịnh. Tám sắc<sup>47</sup> là tịnh pháp, chưa bị luyện sẽ chẳng tịnh. Nay pháp Tam Thiên và Tứ Thiên đầy khởi, đều xúc chạm tám sắc ấy để làm tịnh duyên*”. Nói “*pháp Tam Thiên, Tứ Thiên*” v.v... là nói tới cái sắc cực tịnh trong Sắc Giới, dùng nó để duyên Xúc, tám sắc càng tịnh. Vì thế nói là “*do duyên tịnh, cho nên tịnh*”. Niềm vui ấy cảm thọ trọn khắp toàn thân, nên biết là Tịnh do Tam Thiên. Sách Ma Ha Chỉ Quán nói: “*Niềm vui trong Tam Thiên như đá giữa suối, sanh từ ngay trong nước. Niềm vui do Phạm hạnh cũng giống như thế. Niềm vui trong hai giới chẳng thể hơn [niềm vui trong] Tam Thiên được! Hễ cầu sanh lên trời, hãy lấy lạc làm gốc. Vì thế, gọi lạc thù thắng là Thiên*”.

**(Kinh) Phước Sanh Thiên, Phước Ái Thiên, Quảng Quả Thiên, Vô Tướng Thiên, Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Kiến Thiên, Thiện Hiện Thiên, Sắc Cứu Cánh Thiên.**

**(經)福生天, 福愛天, 廣果天, 無想天, 無煩天, 無熱天, 善見天, 善現天, 色究竟天。**

*(Kinh: Phước Sanh Thiên, Phước Ái Thiên, Quảng Quả Thiên, Vô Tướng Thiên, Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Kiến Thiên, Thiện Hiện Thiên, Sắc Cứu Cánh Thiên).*

Chín tầng trời thuộc Tứ Thiên: Ba tầng là trụ xứ của phàm phu, là chỗ ở của Vô Tướng ngoại đạo, năm tầng trời là chỗ ở của [thánh nhân] Tam Quả. Đối với ba tầng trời của phàm phu, kinh luận nói hơi sai khác. Như kinh Nhân Vương nói “*cửu Phạm*”, tức ba tầng trời được gọi là Tịnh (Thiểu Tịnh, Vô Lượng Tịnh, Biến Tịnh), ba tầng trời được gọi là Quang (Thiểu Quang, Vô Lượng Quang, và Quang Âm), và ba tầng trời Phạm (Phạm Chúng, Phạm Phụ, và Đại Phạm), năm tầng Hỷ Lạc Thiên. Sớ giải lại nói Vô Vân Thiên (Anabhraka) là khởi đầu [của Tứ Thiên],

<sup>47</sup> Tám sắc theo tổ Thiên Thai trong Thiên Môn Pháp Yếu là địa, thủy, hỏa, phong, xanh, vàng, đỏ, trắng.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

không có Phước Ái Thiên. Nay kinh này và kinh Lăng Nghiêm đều chẳng nhắc tới Vô Vân, mà đều coi Phước Ái là tầng trời thứ hai. Ấy là vì các vị dịch sư dịch thuật hơi sai khác vậy.

Phước Sanh (Puṇyaprasava): Do tướng thô nặng đã diệt, phước tánh thanh tịnh sanh ra. Đặt tên như vậy nhằm nêu tỏ cái nhân. Phước Ái: Xả tâm viên dung, ngộ giải thù thắng thanh tịnh. Trong cái phước chẳng bị ngăn che, đạt được sự tùy thuận màu nhiệm. Cõi trời trước coi xả lạc là phước; nay xả tâm chuyên biến càng thù thắng hơn, yêu thích phước ấy. So với Phước Sanh, sâu, cạn khác biệt! Quảng Quả (Bṛhatphala): Quả của phàm phu chẳng thể thù thắng hơn được. Vô Tướng (Asamjñasattva): Trong một khoảng thời gian, tâm tướng chẳng hiện hành.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Tùng thị thiên trung, hữu nhị kỳ lộ. Nhược ư tiên tâm, vô lượng tịnh quang, phước đức viên minh, tu chứng nhi trụ, danh Quảng Quả Thiên. Nhược ư tiên tâm, song yếm khổ lạc, thân tâm câu diệt, kinh ngũ bách kiếp giả, danh Vô Tướng Thiên. Thử tứ thắng lưu, nhất thiết thế gian chư khổ lạc cảnh, sở bất năng động. Tuy phi vô vi chân bất động địa, hữu sở đắc tâm, công dụng thuần thực, danh vi Tứ Thiên. Thử trung phục hữu ngũ Bất Hoàn Thiên, ư hạ giới trung, cứu phẩm tập khí câu thời diệt tận, khổ lạc song vong, hạ vô bức cư. Cố ư xả tâm chúng đồng phận trung, an lập cư xử”* (Từ trong cõi trời này, có hai con đường rẽ. Nếu đối với cái tâm trước đó, do vô lượng tịnh quang, phước đức viên minh, tu chứng bèn trụ [trong ấy] thì gọi là Quảng Quả Thiên. Nếu đối với cái tâm trước đó, chán ghét cả khổ lẫn lạc, thân lẫn tâm đều diệt, trải qua năm trăm kiếp, thì gọi là Vô Tướng Thiên. Đối với bốn dòng thù thắng ấy, hết thấy các cảnh khổ vui trong thế gian đều chẳng thể động. Tuy chẳng phải là địa vị bất động vô vi thật sự, nhưng do tâm có sở đắc, công dụng thuần thực, nên gọi là Tứ Thiên. Trong ấy lại có Ngũ Bất Hoàn Thiên, tức là cùng lúc diệt sạch chín phẩm tập khí thuộc về hạ giới, khổ và lạc cùng mất, chẳng chọn lựa chỗ ở trong các cõi dưới đó nữa. Vì thế trong Chúng Đồng Phận của xả tâm mà an lập, ở yên).

Đại Luận gọi [Bất Hoàn Thiên] là Tịnh Sanh Thiên (Śuddhāvāsa). Sắc Giới có năm loại A Na Hàm, Bất Hoàn Thiên là [nơi mà các vị thánh nhân Tiểu Quả sẽ] chẳng trở lại nơi ấy, tức là họ sẽ ở trong ấy mà đắc A La Hán. Tiếng Phạn [gọi Bất Hoàn Thiên] là Thủ Đà Bà (Śuddhāvāsa), dịch sang tiếng Hán là Tịnh Cư Thiên. Vì sao gọi là Tịnh Cư Thiên? Do Tứ Thiên có tám loại thì năm loại là trụ xứ của A Na Hàm, tức là Tịnh



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Cư, là nơi mà ba loại thánh nhân phàm phu<sup>48</sup> cùng ở. Do Tịnh Cư Thiên thường thương xót chúng sanh, họ thường khuyến thỉnh đức Phật thuyết pháp.

Vô Phiền (Avrha): Chẳng xen tạp Kiến Tư phiền não, đối với hai đàng khô và lạc, tâm chẳng có ý tưởng dính dáng đến chúng. Vô Nhiệt (Atapa): Chỉ có dấy khởi hoặc thâm tóm ý niệm, chẳng hề nghiên cứu niệm tâm, hoặc xen tạp ý niệm, chẳng có trái nghịch hay tùy thuận, là khởi nhiệt não. Vô Phiền dứt bật ngoại cảnh, Vô Nhiệt dứt bật nội tâm, sâu cạn khác hẳn! Thiện Kiến (Sudarśana): Đối với mười phương thế giới, đều thấy màu nhiệm viên mãn, lắng trong, mà cũng chẳng có hình bóng trần cảnh, cái Thấy tốt bậc sáng suốt, thấu triệt. Thiện Hiện (Sudṛśa): Cái Thấy tinh diệu đã hiện tiền, nặn đúc vô ngại (ý nói sức Định Huệ có thể tùy ý thành tựu vô ngại như người thợ gốm hoặc thợ đúc tùy tâm chế tác các vật), hình sắc càng thù thắng hơn, do có thể khéo biến hóa. Sắc Cứu Cánh (Akaṅkṣha): Hiểu rõ ráo mọi căn cơ, thấy tốt cùng tánh của sắc tánh, nhập vô biên tế, là tối cực trong sắc pháp. A Ca Ni Trá, hoặc A Ca Ni Sa trong tiếng Phạn, Hán dịch là Chất Ngại Cứu Cánh (質礙究竟) tức nói về cõi trời này vậy.

***(Kinh) Ma Hê Thủ La Thiên.***

**(經)摩醯首羅天。**

***(Kinh: Ma Hê Thủ La Thiên).***

Ma Hê Thủ La Thiên (Maheśvara), Đại Luận dịch là Đại Tự Tại. Chánh âm là Ma Ha Mạc Hê Y Tháp Phạt La (Mahā-īśvara)<sup>49</sup>, tám tay, ba mắt, cưỡi trâu trắng. Nhưng Phổ Môn Sớ nói: “*Kinh Lâu Thán gọi [vị trời này] là A Ca Ni Trá, kinh Hoa Nghiêm gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên*”. Như vậy thì Ma Hê Thủ La chính là Sắc Cứu Cánh Thiên; nay kể riêng biệt thì như kinh Bảo Vũ chép: “*Phục hữu Tịnh Cư thiên chúng, Ma Hê Thủ La nhi vi thượng thủ*” (Lại có thiên chúng Tịnh Cư, Ma Hê Thủ La làm thượng thủ). Nay kinh này nêu riêng tên vị này, nhằm tôn xưng vị chủ cõi trời ấy. Cũng có người cho rằng Ma Hê Thủ La là chúa cõi trời thứ sáu trong Dục Giới, nhưng các kinh luận phần đông gọi vị này là Đại

---

<sup>48</sup> Sớ dĩ gọi là “*thánh nhân phàm phu*” vì từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên mới được coi là thánh nhân xuất thế gian.

<sup>49</sup> Vị này chính là thần Shiva trong Ấn Độ giáo.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

Tự Tại, [ngự] trên đỉnh của Sắc Giới. Thích Luận nói: “*Qua khỏi tám chỗ ấy, có trụ xứ của Thập Trụ Bồ Tát, còn gọi là Tịnh Cư, [vị Bồ Tát ấy] hiệu là Đại Tự Tại thiên vương, là chủ của cõi đại thiên thế giới*”. Kinh Thập Trụ nói: “*Đại Tự Tại Thiên quang minh thắng nhất thiết chúng sanh. Có Thế Tôn Niết Bàn hiển cúng, Đại Tự Tại Thiên tối thắng*” (Đại Tự Tại Thiên quang minh vượt xa hết thầy chúng sanh. Vì thế, lúc đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, Đại Tự Tại Thiên hiển cúng thù thắng nhất). Do vậy biết Đại Tự Tại Thiên chẳng phải là Đệ Lục Thiên. Nay nói đến Tha Hóa Tự Tại thì ông ta nhờ vào những thứ do người khác biến hóa để tự mình hưởng thụ, được đại tự tại nơi cảnh giới, còn Ma Hê Thủ La ở tột đỉnh của Sắc Giới, huân tu Thiên tối thắng, đắc đại tự tại nơi Định. Một đấng là từ thế lực, Ma Vương thuộc vào Lục Thiên. Một đấng là từ Thiên Định, tôn quý tột bậc, đáng nên ngự tại tột đỉnh của Sắc Giới. Huống hồ Ba Tuần (Ma vương) thường cầu đức Thế Tôn nhập diệt, còn Tịnh Cư thường thỉnh Như Lai chuyển pháp luân. Vậy thì danh hiệu Tự Tại cố nhiên là giống như nhau, nhưng chuyện tự tại vĩnh viễn khác biệt. [Đại Tự Tại Thiên] chẳng phải là Lục Dục Thiên, những điều vừa nói đủ làm chứng cứ rồi.

Tỳ Bà Sa Luận nói: “*Phàm những ai sanh về cõi trời ấy, nếu là kẻ tiến hưởng quả A Na Hàm, thân đạt được Tứ Thiên, phát khởi vô lậu, dấy lên huân tập Thiên nghiệp, hoặc khởi một phẩm cho đến chín phẩm thì mới được sanh [về đó]. Phàm phu chẳng được huân tập bởi Thiên nghiệp này, cho nên chẳng được sanh về đó*”. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Thử Bất Hoàn Thiên, bỉ chư Tứ Thiên tứ vị thiên vương, độc hữu khâm vãn, bất năng tri kiến. Như kim thế gian khoáng dã, thâm sơn, thánh đạo tràng địa, giai A La Hán sở trụ trì cố, thế gian thô nhân, sở bất năng kiến dã*” (Bất Hoàn Thiên và bốn vị thiên vương thuộc Tứ Thiên đều riêng có thể nghe nhận, vâng hành ý chỉ của Phật, [người khác] chẳng thể thấy biết họ được. Như nơi đồng hoang, núi sâu, hoặc nơi thánh địa đạo tràng, đều có A La Hán duy trì, nhưng kẻ thô thiển trong thế gian chẳng thể trông thấy).

#### ***3.1.2.2.2.2.1.1.3. Vô Sắc Giới Thiên***

Nhàm chán sâu xa cái lòng Sắc, tu Tứ Không Định, sanh vào Tứ Không Thiên, gọi là Vô Sắc Giới (Ārūpya-dhātu). Do bốn cõi trời này chỉ có bốn Uẩn (không có Sắc Uẩn), cho nên gọi tên như vậy. Sách Phụ Hành, quyển sáu có chép: “*Từ Đệ Tứ Thiên, muốn nhập Không Xứ, ắt*

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

phải hành phương tiện, diệt ba thứ Sắc. Một là Khả Kiến Khả Đối Sắc (Sắc Trần), hai là Bất Khả Kiến Khả Đối Sắc (năm căn, bốn trần), ba là Bất Khả Kiến Vô Đối Sắc (chút phần của pháp nhập, tức là Vô Biểu Sắc)<sup>50</sup>. Ba thứ Sắc này hoàn toàn thuộc trong Sắc Giới, cho nên [Vô Sắc Giới] diệt ba thứ ấy, nhưng chỉ là không có thô sắc, chẳng phải là không có tế sắc”. Vì thế, ngài Diệu Lạc nói: “Vô Sắc tuy chẳng có sắc được tạo ra bởi Tứ Đại, nhưng những gì tạo tác bởi Định quả [trong Tứ Không Định] đều là tường vách” (đại sư dùng chữ “tường vách” trong kinh Pháp Hoa để ví von Ý Thức). Tam giới đều dùng Ý Thức để duy trì. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Thị Tứ Không Thiên, thân tâm diệt tận, Định tánh hiện tiền, vô nghiệp quả sắc. Tùng thử đãi chung, danh Vô Sắc Giới” (Tứ Không Thiên thân tâm diệt sạch, Định tánh hiện tiền, là vô nghiệp quả sắc. Từ đó cho đến khi mạng chung thì gọi là Vô Sắc Giới). Ngài Cô Sơn giảng rằng: “[Nói là] vô nghiệp quả sắc, cho thấy có Định quả sắc”.

**(Kinh) Nãi chí Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên.**

**(經)乃至非想非非想處天。**

**(Kinh: Cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên).**

“Nãi chí” (乃至, cho đến) là từ ngữ chỉ sự tinh lược. Trong ấy, đáng lẽ phải kể ra đầy đủ tên của bốn cõi trời, do vì giản tiện, nên nói là “nãi chí”.

Không Xứ Thiên (Ākāśānantyāyatana): Vừa mới lia ba thứ Sắc, tâm duyên theo hư không, đã tương ứng với Vô Sắc, cho nên gọi là Hư Không Định.

---

<sup>50</sup> Theo Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận, “Đối” có nghĩa là ngăn ngại. Như vậy, Khả Kiến Khả Đối Sắc là những thứ Sắc có thể thấy bằng mắt thường, nhưng khi bị vật chất ngăn ngại thì sẽ không thấy. Chẳng hạn như một quyển sách nếu được bọc kín trong bao bì, ta không thể thấy được; nhưng khi lột bỏ bao bì, ta có thể thấy quyển sách. Do vậy, sách là Khả Kiến Khả Đối Sắc. Bất Khả Kiến Khả Đối Sắc là những sắc chất không thể thấy bằng mắt thường, nhưng chúng có thể bị ngăn ngại. Chẳng hạn như mùi hương hay âm thanh đều là sắc chất, không thể thấy bằng mắt thường, nhưng chúng có thể bị ngăn ngại. Bất Khả Kiến Vô Đối Sắc là những sắc chất không thể thấy bằng mắt thường, không bị các sắc chất khác ngăn ngại. Loại này còn gọi là Vô Biểu Sắc, sanh bởi hữu biểu nghiệp, tức là những nghiệp có thể biểu hiện qua thân và ngữ.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Thức Xứ Thiên (Vijñānāntyāyatana): Xả Không, duyên Thức, lấy Thức làm nơi chốn. Chính là đặt tên theo chỗ sở duyên, cho nên gọi là Thức Xứ.

Vô Sở Hữu Xứ Thiên (Ākimcanyāyatana): Hành giả chán nhàm Thức Xứ vô biên. Do vậy, bèn bỏ nó, nhập vào Vô Sở Hữu Xứ, còn gọi là Bất Dụng Xứ. Khi tu môn Định này, chẳng dùng hết thấy cảnh giới trong hay ngoài (ngoại cảnh gọi là Không, nội cảnh gọi là Thức). Bỏ cả hai cảnh ấy, vì thế nói là Bất Dụng Xứ.

Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên (Naivasamjñānāsamjñāyatana) là tầng trời thứ tư: Môn Định này chẳng duyên theo Thức Xứ, nên là phi tướng (chẳng có tướng); do nó chẳng duyên Bất Dụng Xứ, nên là phi phi tướng (chẳng phải là không có tướng). Cổ nhân đối với tầng trời này có nhiều cách hiểu khác nhau. Nay dựa theo sách Ma Ha Chỉ Quán, bèn thấy [Trí Giả] đại sư tuy chưa được xem kinh Lăng Nghiêm, nhưng những điều Ngài giải thích khéo hợp ý kinh. Ngài nói: *“Thức tánh bất động, do diệt trừ sự nghiên cứu đến tột cùng, nên là phi tướng”*, há chẳng phải là không duyên theo Thức Xứ ư? *“Trong cái vô tận, phát khởi, tuyên thuyết cùng tận tánh, chính là phi phi tướng”*, há chẳng phải là không duyên theo Bất Dụng Xứ ư? Lại nói: *“Giống như tồn tại mà chẳng tồn tại, tức là Phi Tướng. Như là tận mà chẳng tận, tức là Phi Phi Tướng”*. Vì thế, Thiền môn nói: *“Trong Định này, chẳng thấy hết thấy tướng mạo; cho nên nói là Phi Tướng. Nếu cứ bảo là một mực chẳng có tướng thì chẳng khác gỗ, đá, vì sao có thể biết là vô tướng, cho nên nói là Phi Phi Tướng”*. Giải thích ý nghĩa như thế, tự nhiên phù hợp khít khao. Nếu [Trí Giả đại sư] chẳng phải là bậc cổ Phật tái lai, sao có thể phát lộ ý nghĩa màu nhiệm này? Gần đây, có kẻ do thấy đại sư không được xem kinh Lăng Nghiêm, [bèn vội vã cho là] Ngài hiểu sai nghĩa *“lục căn”* trong kinh Pháp Hoa, thốt lời bắt bẻ, phỉ báng, há chẳng phải là lưỡi [của những kẻ đó] sẽ bị nát trong miệng ư? Sách Phụ Hành, quyển chín nói: *“Nếu đối chiếu hai cõi Sắc và Vô Sắc thì Sắc Giới gọi là Thiên, Vô Sắc Giới được gọi là Định. Nếu so sánh chung hai giới trên với Dục Giới ở dưới, thì cả hai giới trên đều được gọi là Định Địa, hạ giới (Dục Giới) là Tán”*.

Những điều giải thích trên đây từ Tứ Thiên Vương cho đến Phi Phi Tướng tuy phân biệt là Định hay Tán, nhưng sanh tử chẳng khác gì nhau, há tránh khỏi luân chuyển trong tam đồ, khó trốn khỏi thăng trầm trong bảy đường! Tuy dùng hai môn Hân Yếm (ưa thích Tịnh Độ, chán

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

nhàm Sa Bà), vừa thấy tướng lành của mây quang minh, liền như chim ung, chim cắt (falcons peregrinus) bay liệng, cùng nhóm đến cung trời!

**3.1.2.2.2.2.1.2. Tổng chỉ bát bộ đẳng chúng** (nói chung về đại chúng như thiên long bát bộ v.v...)

**(Kinh) Nhất thiết thiên chúng, long chúng, quỷ thần đẳng chúng, tất lai tập hội.**

**(經)一切天眾，龍眾，鬼神等眾，悉來集會。**

**(Kinh: Hết thấy đại chúng trời, rồng, quỷ thần v.v... đều cùng nhóm đến).**

Đây là nói chung đại chúng thuộc bát bộ ở trong cõi này và các phương khác để kết lại phần vân tập này. Chữ Sa Bà (Sarva) trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Nhất Thiết (一切, hết thấy) có hai loại: Một là Danh Tự Nhất Thiết, hai là Thật Nhất Thiết; nay gồm thâu cả hai loại ấy. Trời, rồng, quỷ thần là giả danh. Danh mà có Ngũ Âm thì là thật pháp. “Chúng” (眾) nghĩa là “đông nhiều”. Cổ nhân dùng ý nghĩa “công cộng” để áp dụng vào chữ “𠂔” (chữ Chúng theo lối cổ). Vì thế, Chúng (眾) là do Ngâm (豸) và Mục (目, mắt) ghép thành, [hàm nghĩa] “mọi người đều cùng thấy”. Thiên chúng có năm loại:

- 1) Thiên vương trên thượng giới như Ma Hê Thủ La v.v...
  - 2) Chư thiên dạo chơi trong hư không như Nhật Thiên Tử (thần cai quản mặt trời) v.v...
  - 3) Chư thiên sống trong hư không như Ma Vương v.v...
  - 4) Địa Cư Thiên như chủ tạng thiên v.v...
  - 5) Địa Hạ Thiên<sup>51</sup> như Phục La Hứ Thiên (縛囉呬天) v.v...
- Mỗi loài đều có vô lượng thiên nam, thiên nữ, các quyền thuộc v.v...

“Long chúng”: Biệt Hành Sớ nói: “Có bốn loại rồng: Một là loài giữ gìn cho cung trời khỏi rơi xuống. Hai là loài nổi mây tuôn mưa, có ích cho loài người. Ba là địa long, đào sông, khơi ngòi. Bốn là loài

---

<sup>51</sup> Địa Hạ Thiên là những vị thần sống dưới mặt đất như các loài rồng, các vị thần kỳ, Diêm Vương v.v...

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*chuyên canh giữ kho tàng thuộc về phước báo của Chuyển Luân Vương*". Mỗi loài đều có rồng con, rồng cháu, các quyền thuộc.

“*Quý thần đấng chúng*”: Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, nói chung là có ba mươi sáu loài quý đối. Kinh Ma Ni La Đàn Chú liệt kê tên của chín mươi ba loại quý. Do hạnh nhân khác nhau, thọ báo mỗi loài mỗi khác. Sách Thuận Chánh Lý<sup>52</sup> lại nói [ngạ quý có ba loại] là Vô Tài, Thiếu Tài, và Đa Tài<sup>53</sup>, trong mỗi loại lại có ba loại. Vì thế, sách Trích Hoa Sao<sup>54</sup> nói [ngạ quý] gồm ba phẩm, chín loại. Du Già Sư Địa Luận nói [ngạ quý] gồm Nội Chương, Ngoại Chương, và Vô Chương, mỗi loài đều có quyền thuộc thống thuộc.

Nay nói “*bát bộ*” (Aṣṭasenā) thì do bộ loại khác nhau, bèn nói đại lược là tám bộ:

- Một là Trời (Devas).
- Hai là rồng (Nāga).
- Ba là Dạ Xoa (Yakṣa).
- Bốn là Càn Thát Bà (Gandharva).
- Năm là A Tu La (Asura, Hán dịch là Vô Đao Chánh).

---

<sup>52</sup> Thuận Chánh Lý là tên gọi tắt của bộ A Tỳ Đạt Ma Thuận Chánh Lý Luận (Abhidharma-Nyāyānusāriṇī) do ngài Chúng Hiền (Saṃghabhadra) thuộc Nhất Thiết Hữu Bộ trước tác. Bộ luận này được ngài Huyền Trang dịch sang tiếng Hán thành hai mươi chín quyển trong niên hiệu Vĩnh Huy đời Đường.

<sup>53</sup> Vô Tài Ngạ Quý: Loại ngạ quý này hoàn toàn không ăn uống được, hoàn toàn bị vây hãm trong sự đói khát triền miên. Dẫu có được thức ăn, vừa muốn ăn thì thức ăn bèn biến thành lửa cháy hừng hực. Vô Tài Ngạ Quý lại chia thành ba loại: 1) Cự Khẩu (Diêm Khẩu, nuốt thức ăn vào miệng bèn biến thành lửa). 2) Châm Khẩu (bụng rất to, cổ họng nhỏ tí như cái kim). 3) Xú Khẩu (miệng lở loét, hư nát, hôi thối).

Thiếu Tài Ngạ Quý chỉ ăn được thức ăn rất ít, lại là thức ăn bất tịnh, nên gọi là Thiếu Tài. Loại này lại chia thành ba loại: 1) Châm Mao (loài quý thân có lông cứng nhọn như kim). 2) Xú Mao là loài quý thân đầy lông, rất hôi thối, tỏa sức nóng thiêu đốt ruột gan. 3) Anh Quý tức loài ngạ quý cổ họng sanh bướu lớn, nung đốt, đau đớn khó kham.

Đa Tài Quý lại chia thành ba loại: 1) Hy Từ Quý là các quý có phước đức, được loài người cúng tế thực phẩm, tiền giấy... 2) Hy Khí Quý là các quý hưởng dụng những thứ vật thực do người ta vất đi, hoặc ăn những thứ đờm rãi, ói mửa, tinh khí của con người. 3) Đại Thê Quý là hàng đại lực quý vương như Dạ Xoa, La Sát v.v... Họ có thần thông và phước đức, có thể giáng họa, ban phước cho loài người.

<sup>54</sup> Trích Hoa Sao là tên gọi tắt của tác phẩm Vu Lan Bồ Đề Kinh Trích Hoa Sao do ngài Cô Sơn Trí Viên biên soạn.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

- Sáu là Ca Lô La (Garuḍa, dịch sang tiếng Hán là Kim Xí (金翅) – cánh vàng).

- Bảy là Khẩn Na La (Kinnara, dịch sang tiếng Hán là Nghi Thần (疑神), do đầu có sừng, khiến cho người ta sanh nghi [chẳng biết họ có phải là thần hay không]. Họ là thần tấu âm nhạc của Thiên Đế).

- Tám là Ma Hâu La Già (Mahoraga, dịch sang tiếng Hán là Đại Phúc Hành (大腹行, loài trùng lớn đi bằng bụng), tức là loài địa long bò trườn).

Nêu ra trời và rông trước hết vì họ tôn quý, có thể lực lớn, quý thần đáng nên xếp thành sáu bộ sau đó, vì thấy hạnh của họ thua kém, cho nên thuộc địa vị thấp hơn. Sở dĩ nêu ra tám bộ này vì đức Phật ta rử lòng giáo hóa, hướng dẫn, cứu vớt trăm loài hàm linh, thuyết pháp lợi người, lòng Từ trường dưỡng muôn phẩm. Ngài đi ra thì Đế Thích Thiên dẫn đường đằng trước; vào thì Phạm Vương đi theo đằng sau. Tả phụ đại tướng, hữu bật Kim Cang, tam thừa hiền thánh đều quy phục, tám bộ quý thần châu hầu, bảo vệ. Người từ các phương khác thấy mây lành bèn như các loài chim về rừng. Người trong cõi này nghe âm thanh phát ra từ quang minh mà như nước dồn vào hang nguồn. Do nay được cảm vời mà đều cùng đến, do cái duyên xưa kia mà nhóm họp trọn khắp.

#### ***3.1.2.2.2.2. Nhất thiết thần chúng (hết thấy các vị thần)***

***(Kinh) Phục hữu tha phương quốc độ cập Sa Bà thế giới, hải thần, giang thần, hà thần.***

***(經)復有他方國土及娑婆世界，海神，江神，河神。***

***(Kinh: Lại có các quốc độ ở phương khác và thế giới Sa Bà, thần biển, thần sông cái, thần sông nhỏ).***

Những vị thần này đều có chức trách, hoặc do nghiệp mà thật sự sanh [làm thân], hoặc do hóa độ mà quyền biến thị hiện. [Thần cai quản] biển, sông cái, sông con đều là thủy thần. Tích khí Âm làm nước, bốc lên trời thành sương, móc, ở dưới đất là sông ngầm. Đại Luận nói: “Trong hết thấy các vật, nước là lớn nhất. Do trên, dưới, bốn bên của đại địa, không chỗ nào chẳng có nước. Nếu hộ thế thiên vương chẳng hạn chế lượng mưa của trời, rông, lại chẳng có tiêu thủy châu thì trời đất đều bị chìm ngập! Lại do nước làm nhân duyên, những loài chúng sanh và chẳng phải chúng sanh trong thế gian đều được sanh trưởng. Vì

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

thế, nước là lớn nhất”. Nhưng biển là vua của trăm hang hóc; cho nên nói tới biển trước.

“*Hải*” là hồi (晦, tối tăm), chủ yếu là nhận lãnh những thứ uế trước, nên nước đen như bóng tối. Vì thế, Tôn Khanh Tử nói: “*Chẳng chứa các dòng nước nhỏ nhặt, sẽ không có gì để tạo thành biển*”. Nếu chỉ xét theo tứ thiên hạ này, Sa Kiệt La (Sāgara) trong tiếng Phạn, được phương này dịch là Hàm Hải (鹹海, biển mặn), bốn châu đều ở trong ấy. Vì thế, sách Bác Vật Chí<sup>55</sup> viết: “*Trời đất bốn phương, nước biển đều tương thông, đất ở trong ấy. Nhưng, Man, Di, Địch<sup>56</sup> hình loại khác nhau*”. Nói tổng quát là “*tứ hải*”. Thần biển là Hải Nhược (海若). Sách Sơn Hải Kinh nói: “*Vị thần ở hang Triều Dương tên là Thiên Ngô, là thủy thần. Ông ta thuộc loài thú, mười tám đuôi, tám đầu, tám mặt, tám chân*”. Trang Tử nói: “*Ba Thần, tức là thần của sóng to, tên là Dương Hâu, thần sóng nhỏ tên là Linh Tư*”.

“*Giang thần*”: Giang (江) là công (公, chung), [ngụ ý] dòng nước đổ vào sông sẽ thành của chung. [Giang] còn được giải thích là Cống (貢, dâng cống), [ý nói] những vật quý sanh từ sông có thể dùng để hiến tặng, dâng lên. Dưới đây, chỉ nói theo cõi Chấn Đán (Trung Hoa). Xét ra, các sách Thủy Kinh Chú và Kinh Châu Ký nói: “*Trường Giang (sông Dương Tử) từ Mân Sơn chảy ra, nguồn sông giống như miệng vò, có thể là chỗ phát nguyên của nó*”. Sách Châu Quan viết: “*Sông [Trường Giang] ở Dương Châu gồm ba con sông*”. Phần Địa Lý Chí của sách Hán Thư chú thích như sau: “*Mân giang (chi lưu bên bờ trái của Trường Giang) là sông lớn. Cửu giang là sông vừa. Từ Lăng là Bắc Giang. Ấy là từ một nguồn mà thành ba chi lưu*”. Ở các địa phương, khó khảo cứu tên của vị thần này. Ở phương này (Trung Hoa), các vị như Khuất Nguyên, Tiền Liêu, Hoắc Quang v.v... đều là những vị thần sông nhỏ.

---

<sup>55</sup> Bác Vật Chí là bộ sách gồm mười quyển do Trương Hoa soạn vào đời Tân ghi chép những kiến thức về núi, sông, địa lý, các loài chim, cá, côn trùng, thảo mộc, thần tiên, phương thuật, truyền thuyết lịch sử.

<sup>56</sup> Đây là cách gọi miệt thị của người Hán đối với các dân tộc sống chung quanh Trung Nguyên, Nhung (戎) là những sắc dân không phải người Hán sống ở phía Bắc Trung Hoa, Man (蠻) là các sắc dân ở phương Nam, Di (夷) ở phương Đông, Địch (狄) ở phương Tây.



## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

“*Hà thần*”: Hà (河) là hạ (下), ý nói: Theo thể đất mà chảy xuống. Hà thần là thủy thần. Trên là ứng với Thiên Hán (Ngân Hà), Hoàng Hà cùng với ba con sông Trường Giang, Hoài, và Tế hợp thành Tứ Độ (四瀆); chúng còn được gọi là Hà Tông, tức là bốn con sông lớn chánh yếu. Theo Thủy Kinh Chú, [các con sông ấy] bắt nguồn từ vùng đồi núi Côn Luân. Theo Tây Vực Ký: “*Trong cuộc đất của Thiệm Bộ Châu, tại phía Bắc ao A Na Bà Đáp Đa (Anavatapta, dịch sang tiếng Hán là Vô Nhiệt Nảo), nơi cửa khẩu Sư Tử bằng pha lê, chảy ra sông Ty Đa (Sītā), cuộn quanh ao một vòng, chảy vào biển Đông Bắc. Hoặc là nói nó chảy ngầm dưới đất rồi chảy ra Tích Thạch Sơn, tức là dòng sông Ty Đa, là khởi nguồn của các con sông tại Trung Hoa*”. Sách Phật Tô Thống Ký dùng thuyết này; nhưng sách Vũ Công Quảng Lãm nói: “*Tích Thạch Sơn không phải là đầu nguồn, nó là chỗ sông bắt đầu chảy trên mặt đất, cho nên nói sông bắt nguồn từ Tích Thạch, hoặc nói là sông chảy từ Tích Thạch*”. Bài tựa cho bộ Hưng Khởi Hạnh Kinh lại viết: “*Núi Côn Luân ở chính giữa cuộc đất của Diêm Phù Lợi (Diêm Phù Đề), suối lớn A Nậu, phía ngoài được núi Thiết Vi vây quanh, đất trong núi bằng phẳng, suối nằm nơi đó, con sông từ cửa Tượng Khẩu chảy ra chính là Hoàng Hà*”. Vì thế, sách Vũ Công Quảng Lãm nói: “*Sông phát xuất từ núi Côn Luân, Hoàng Hà chảy theo hướng Tây Nam (Hoàng Hà có nhiều mạch ngầm, nói sông tưới tắm theo hướng Tây Nam là nói về dòng chảy có thể trông thấy [trên mặt đất])*”. Tôi do thuyết này, bên cạnh bản đồ chung [của cả Trung Hoa], bèn ghi chú ba chữ “*Hoàng Hà nguyên*” (nguồn sông Hoàng Hà).

Từ phía Nam của ao [Vô Nhiệt Nảo], theo cửa Tượng Khẩu bằng chất vàng, chảy ra sông Tín Độ (Sindhu), đổ vào biển Tây Nam, do phù hợp với chuyện tưới tắm vùng Tây Nam; cho nên [đoạn văn này] phải là nói về chỗ bắt nguồn của Hoàng Hà. Thần tên là Mật Phi (theo Trường A Hàm, do duyên có nào mà có sông ngòi? Do mặt trời và mặt trăng có sức nóng, do hơi nóng mà [nước] bị nung nấu. Do bị nung nấu bèn có hơi nước. Do hơi nước mà tạo ra sông ngòi).

***(Kinh) Thụ thần, sơn thần, địa thần.***

**(經)樹神, 山神, 地神。**

***(Kinh: Thân cây, thân núi, thân đất).***

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

“*Thụ thần*”: “*Thụ*” (樹) là tên gọi chung của cây cối. Tăng Kỳ Luật chép: “*Phật ngôn: - Tả hữu hữu thụ mộc dĩ nhân đẳng giả, tiện vi tháp miếu. Thị cố thần kỳ nhạo lai y chỉ*” (Đức Phật nói: - Chung quanh chỗ ở mà có cây cối cao bằng thân người thì được coi là tháp miếu. Vì thế, thần kỳ thích đến đó nương gá). Tứ Phần Luật cũng không cho phép chặt cây cối được coi là chỗ ở của thần. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Đại thụ, Dạ Xoa, La Sát chi sở y chỉ, y thụ thọ lạc. Vô thụ tắc khổ. Nhược trì giới nhân, khuyến bất chước phạt, mạng chung sanh Hoan Lạc Thiên, dữ thiên nữ hoan lạc. Tùng thiên mạng chung, nhược đắc nhân thân, an ổn, cự phú*” (Cây to là chỗ nương ở của Dạ Xoa hoặc La Sát. Họ nương vào cây mà hưởng vui, không có cây sẽ khổ sở. Nếu là người trì giới, khuyên lơn đừng đốn, chặt, sau khi mất, sẽ sanh về cõi trời Hoan Lạc, cùng thiên nữ hoan lạc. Khi tuổi thọ trong cõi trời đã hết, nếu được làm thân người, sẽ an ổn, giàu to). Phải nên tôn xưng vị thần cây [đứng đầu] Diêm Phù Đề là thần của thụ vương ở Nam Châu vậy.

“*Sơn thần*”: Chữ Thế La (Śaila) trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Sơn (núi). Sách Dật Nhã<sup>57</sup> giải thích Sơn là Sản (產, sanh ra), còn Thuyết Văn Giải Tụ giảng Sơn là Tuyên (宣), [đều có nghĩa là] “*tuyên khí*” (dương khí) sanh ra muôn vật. Ngũ Nhạc<sup>58</sup> trấn giữ cõi đất, sách vở của Trung Hoa cổ nhiên nói cận kề. Bảy rặng núi vàng bao quanh [Tu Di], sách vở xứ Thiên Trúc có nói tường tận. Loại thần này được gọi tên theo núi. Thần núi Kỳ Xà Quật tên là Tỳ La.

“*Địa thần*”: Địa là đất. Do bản thể của đất là ở dưới đáy, chuyên chở muôn vật. [Địa] còn có nghĩa là Đế (諦, chân thật). Sanh ra năm cõi,

---

<sup>57</sup> Dật Nhã là tên gọi khác của bộ sách Thích Danh do Lưu Hy biên soạn vào thời Đông Hán. Đây là tác phẩm thuộc loại Huấn Hồ Học, chuyên giải thích ý nghĩa của các từ ngữ, cùng một thể loại với Thuyết Văn Giải Tụ.

<sup>58</sup> Ngũ Nhạc là năm quả núi được coi là trấn giữ, phân định Trung Nguyên xưa, bao gồm:

- Đông Nhạc, tức Thái Sơn (còn gọi là Đại Sơn), thuộc thành phố Thái An, tỉnh Sơn Đông.

- Tây Nhạc, tức Hoa Sơn (còn gọi là Thái Hoa Sơn, Hoa Âm Sơn), thuộc tỉnh Thiểm Tây.

- Bắc Nhạc, tức Hằng Sơn (còn gọi là Đại Mậu Sơn, Thường Sơn), thuộc tỉnh Hà Bắc.

- Nam Nhạc, tức Hành Sơn (còn gọi Thiên Trụ Sơn, Hoắc Sơn, Hoàn Sơn, Tiềm Sơn), thuộc tỉnh An Huy.

- Trung Nhạc, tức Tung Sơn, thuộc tỉnh Hà Nam.

***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

không ai chẳng tin chắc thật. Thần đất được gọi là Kỳ (祗, [hàm nghĩa] an ổn, to lớn), còn gọi là Hậu Thổ (后土)<sup>59</sup>. Vị thần đất làm chủ cõi Diêm Phù tên là Kiên Lao (堅牢).

***(Kinh) Xuyên Trạch thần, miêu giá thần.***

**(經)川澤神, 苗稼神。**

***(Kinh: Thần sông chằm, thần lúa mạ).***

“*Xuyên Trạch thần*”: [Xuyên Trạch] là chỗ nước nhỏ. Xuyên (川) là xuyên qua; [hàm ý sông rạch] chảy xuyên qua đất. Tây Chinh Ký chép: “*Vì thế, Tam Xuyên của đất Tần (Thiểm Tây) chính là nói tới các con sông Hoàng Hà, Lạc, và Y*”. Chỗ nước đọng tràn trề là Trạch (澤, cái chằm). Người ở Duyên Châu (nay là Tế Ninh thuộc tỉnh Sơn Đông) gọi Trạch là Chương (掌, bàn tay), vì nước dồn tụ giống như bàn tay. Chữ Trạch còn được giảng là Nhuận (潤), vì nhuận thấm vạn vật không gì hơn được nước! Loại thần này đều thuận theo tên của Xuyên hay Trạch mà đặt tên.

“*Miêu giá thần*”: Sách Thuyết Văn Giải Tự giảng [Miêu (苗) là]: “*Cỏ mọc trên ruộng*”. Thương Hiệt giảng [Miêu là]: “*Lúa còn chưa trưởng thành*”. Sách [Lạc Hà] Tinh Uẩn biện định [Miêu là]: “*Lúa mới sanh*”; ý nói: Lúa mới trổ một nửa, đem cấy xuống đồng (gieo mạ). Xưa kia giảng Miêu là Thảo, sai mất rồi! Phàm những thứ thảo mộc gây hại cho ngũ cốc, [nông dân] bèn gọi là Thảo, nhỏ trừ còn sợ chẳng kịp. Coi Miêu là Thảo, rất có hại cho ý nghĩa. Hơn nữa, gieo trồng là Giá (稼), khâu hoạch là Sắc (穡). Nêu lên từ ngữ Miêu Giá tức là trăm loài ngũ cốc

---

<sup>59</sup> Hậu Thổ là thần đất của Trung Hoa, cai quản tất cả các vị Địa Kỳ, Xã Tắc, Quốc Xã, Sơn Thần, Thành Hoàng, thần thổ địa các nơi. Đạo giáo phong tặng mỹ hiệu cho vị này là Thừa Thiên Hiệu Pháp Hậu Đức Quang Đại Hậu Thổ Địa Kỳ, được xếp ngang hàng với Ngọc Hoàng Đại Đế, Thiên Hoàng Đại Đế, Tử Vi Đại Đế, Trường Sanh Đại Đế, và Thanh Hoa Đại Đế, gọi chung là Lục Ngự. Tại Đài Loan, Hậu Thổ được đồng nhất với Địa Mẫu.

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

đều gồm thân. Vị thần [Miêu Giá] trong cõi này phải là Hậu Tắc (后稷)<sup>60</sup>, tức là vị tổ dạy dân trồng trọt, gặt hái vậy.

*(Kinh) Trú thân, dạ thân.*

**(經)晝神，夜神。**

*(Kinh: Thân ban ngày, thân ban đêm).*

“Trú thân, dạ thân”: Trú (晝) là chánh Ngọ. Thánh nhân ước định trời, dùng Tý, Ngọ, Mão, Dậu để hạn định. Thánh nhân đo lường đất, dùng Đông, Tây, Nam, Bắc để định. Ngày và đêm giáp ranh nhau, sáng và tối giáp ranh nhau. [Thoạt đầu], chữ Trú được viết là Trúu (晝), hàm nghĩa [mặt trời] sáng rực giữa bầu trời, [tức là chữ Nhật (日) được bọc] trong chữ Khẩu (口), nhằm chỉ rõ trên, dưới, trái, phải; giới hạn của chữ Trú tự sáng tỏ. Đòi sau thêm vào chữ Duật (聿), ý nghĩa [của chữ Trú] đậm ra vòng vèo, tối tăm. Loại thần này (như trong phẩm Thế Chủ Diêu Nghiêm của kinh Hoa Nghiêm có nói) khi mặt trời đã lặn, một ngày đã kết thúc, trong tối tăm làm sao mắt thấy được, phải nhờ vào công năng của đèn lửa hay ánh trăng [để thấy]. [Chữ Dạ thời cổ] gồm chữ Nhân (人), ý nói nhà cửa, ghép với Hỏa (火, lửa), ánh sáng nho nhỏ để chiếu trong nhà. Ghép thêm chữ Nguyệt (月), [hàm ý] sáng bùng. Ánh sáng ấy [từ đèn, lửa] chiếu hắt ra từ trong nhà, tức là đêm đã bắt đầu. Cõi đất coi giờ Tý là đúng giữa đêm, bầu trời một màu đen kịt. Ban ngày thì hết sức thông thuận, ban đêm thì luôn tĩnh lặng; đây chính là thiên đức chuyển vận vậy. Loại thần này thì như [trong kinh phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm có nói] Thiện Tài tham học với các vị như Chủ Dạ Thần Bà San Bà Diển Đễ (Vasanta-vayanti) v.v... có tất cả chín vị.

*(Kinh) Không thân, thiên thân.*

**(經)空神，天神。**

---

<sup>60</sup> Hậu Tắc họ Cơ tên Khí, người xứ Tắc Sơn (nay là huyện Tắc Sơn, thuộc Vân Thành, tỉnh Sơn Tây). Ông có tài trồng trọt, giữ chức y quan thời vua Nghiêu, được coi là người dạy dân trồng lúa mạch và lúa tẻ đầu tiên. Nhớ ơn, người đời sau tôn phong ông là thần bảo vệ mùa màng, và gọi ông là Hậu Tắc, Tắc Vương, Nông Tắc Đế Quân, Nông Tắc Thần v.v...

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

**(Kinh: Thân hư không, thiên thân).**

“*Không thân*”: Kinh Niết Bàn nói: “*Vật thể chất ngại, không tánh hư thông*” (Bản thể của vật là do có sắc chất ngăn ngại, tánh Không thì rỗng rang, thông suốt). Tiểu Thừa coi “sáng, tối” là Thể, Đại Thừa coi “hiển sắc của hư không” là Thể. Vị thần này có tên là Thuấn Nhã Đa (Śūnyatā). Duyệt Sớ nói: “*Chưa thấy chú giải căn kẽ, nhưng đáng phải nên là vị thần chứng quán hư không, nhưng [vị thần này] không có thân thô tướng; tuy vậy, cũng có sắc thân vi diệu. Vì thế, cũng tạm hiện thân trong quang minh của Như Lai*”.

“*Thiên thân*”: Thiên là “hiển nhiên, cao vòi, rạng rỡ”. Lại còn là “bình thân, thân nhiên, cao, xa”. Sách Ngũ Kinh Thông Nghĩa viết: “*Vị thần lớn nhất là Hạo Thiên Thượng Đế (tức là diệu phách bảo, còn gọi là Thiên Hoàng Đại Đế, cũng gọi là Thái Nhất). Bày tôi của Ngài là Ngũ Đế (Đông phương Thanh Đế Linh Oai Ngưỡng, Nam phương Xích Đế Xích Tiêu Nộ, Tây phương Bạch Đế Bạch Chiêu Cự, Bắc phương Hắc Đế Diệp Quang Kỳ, Trung Ương Hoàng Đế Hàm Xu Nữ)*”.

**(Kinh) Ẩm thực thân, thảo mộc thân.**

**(經)飲食神, 草木神。**

**(Kinh: Thân ẩm thực, thân cây cỏ).**

“*Ẩm thực thân*”: Ẩm (飲) là yếm (奄), [tức là] dùng miệng nuốt xuống họng. Thực (食) là thực (殖, trồng trọt); do nó có sự sanh trưởng. Vì thế, Phật Địa Luận nói: “*Gìn giữ gọi là Thực, ý nói là [do ăn uống] có thể duy trì sắc thân, trưởng dưỡng thiện pháp. Thân nương vào ăn uống mà duy trì, mạng nhờ vào ăn uống để tồn tại*”. Vị thần này chính là Táo Quân Hoàng Đế.

“*Thảo mộc thân*”: Thảo (艸) là thứ thực vật yếu ớt, dễ mọc, nhưng rễ chẳng vững. Mùa Đông chết sạch. Vì thế, chỉ dường như là thân, là sanh trưởng um tùm, nhưng chẳng bén rễ chắc chắn. Mộc là do khí sanh trưởng mà phát sanh, có phẩm đức là Nhân, ở giữa thì là thân cây ngay thẳng, dưới thì thể hiện cội rễ sâu chắc, phía trên thì cành tỏa xòe ra. Hễ thảo mộc tăng trưởng tươi tốt, ắt sẽ có quỷ thần nương gá; nhưng ắt phải tôn vị thần cỏ Nhãn Nhục ở Tuyết Sơn và vị thần cây Bồ Đề làm tông chủ.

*(Kinh) Như thị đẳng thần, giai lai tập hội.*

**(經)如是等神，皆來集會。**

*(Kinh: Các vị thần như thế đều cùng nhóm đến).*

Những vị thần được kể ra trên đây đều là nêu tên chung. Số lượng các vị thần trong ấy tính ra đã nhiều như cát sông Hằng; huống hồ còn có [các vị thần chưởng quản] gió, lửa, sấm, chớp, thuyền, xe, nhà cửa, quần áo, các món đồ đạc, cầu, đình, cỗ miếu, cổng làng, cửa thôn, đò, gò... Vì thế nói là “*như thị đẳng*” (giống như thế đó). Không có ai chẳng do trông thấy mây quang minh, thích nghe mưa pháp, mà đều đến tụ tập tại đại hội chốn thiên cung.

### **3.1.2.2.2.2.3. Đại Quỷ Vương chúng (các vị đại Quỷ Vương)**

*(Kinh) Phục hữu tha phương quốc độ cập Sa Bà thế giới, chư đại Quỷ Vương.*

**(經)復有他方國土及娑婆世界，諸大鬼王。**

*(Kinh: Lại có các vị đại Quỷ Vương trong các quốc độ ở phương khác và thế giới Sa Bà).*

Lược Tỳ Bà Sa nói: “*Có oai đức thì là quý, không có oai đức thì là hèn. Lại nữa, kẻ làm vua thì là quý, kẻ bị sai sử thì là hèn*”. Nay nói là “*đại Quỷ Vương*” tức là bậc cao quý có oai đức, giàu có, dư dật, đẹp đẽ, cơm áo tự nhiên, thân mặc áo trời, miệng xơi thức ăn cõi trời. Thân hình thường đẹp đẽ, thoải mái, cỡi ngựa, ngồi xe thông dong, mặc sức vui chơi, có khác gì chư thiên? Đây là do đời trước đã hành bố thí to lớn, cho nên đạt được quả báo oai vệ. Lại do đời trước siêng khức, chẳng thật, cho nên thọ thân trong quỷ đạo.

*(Kinh) Sở vị: Ác Mục Quỷ Vương, Đạm Huyết Quỷ Vương, Đạm Tinh Khí Quỷ Vương, Đạm Thai Noãn Quỷ Vương.*

**(經)所謂：惡目鬼王，噉血鬼王，噉精氣鬼王，噉胎卵鬼王。**

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Đó là *Ác Mục Quỷ Vương, Đạm Huyết Quỷ Vương, Đạm Tinh Khí Quỷ Vương, Đạm Thai Noãn Quỷ Vương*).

**Ác Mục Quỷ Vương:** Chữ Đát La (Tra) trong tiếng Phạn, phương này dịch là Mục (mắt), tức là đồng tử (瞳子, tròng mắt). Sự thần minh trong tâm được tỏ lộ nơi mắt. Thất khiếu là cửa ngõ của gan. Tròng mắt được trưởng dưỡng bởi thận, thận ngấm ngấm dưỡng thần. Mắt đẹp hay xấu là do lòng từ nhĩ trong tâm. Vị Quỷ Vương này do ôm lòng cứng cõi, cố chấp, mắt toát ra vẻ hung ác. Kinh Diệu Tý nói: “*Sân mục thị chi, nãi chí phá hoại thân mạng*” (Giận dữ tròng mắt nhìn cho đến phá hoại thân mạng) là nói về ý này.

**Đạm Huyết Quỷ Vương:** Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh gọi [Quỷ Vương] này là Thực Huyết Quỷ (食血鬼, quỷ ăn máu). Do sát sanh ăn thịt uống máu, chẳng thí cho vợ con, sẽ thọ thân quỷ này. Dùng máu bôi lên để cúng thì quỷ mới ăn được. Như đứa con nhỏ nhất của quỷ mẫu Ha Lợi (Hārīti) tên là Tát Lợi Diêm Ca La Dạ Xoa, do ác tâm thường uống máu con người. Kinh Thập Luân nói: “*Thập tam triệu Dược Xoa, hằng đạm chur huyết nhục*” (Mười ba triệu quỷ Dược Xoa (Dạ Xoa) thường ăn các máu thịt) là nói về loài quỷ này.

**Đạm Tinh Khí Quỷ Vương:** Tiếng Phạn là Tỳ Xá Xà (Pisāca), cõi này dịch là Đạm Tinh Khí (嗷精氣, ăn nuốt tinh khí), tức là ăn nuốt tinh khí của con người và ngũ cốc, tức là Điên Quỷ (顛鬼, quỷ gây nên chứng điên cuồng). Kinh Nguyệt Tạng nói: “*Địa tinh khí, chúng sanh tinh khí, chánh pháp thắng vị cam lộ tinh khí*” (Tinh khí của đất, tinh khí của chúng sanh, tinh khí của cam lộ vị thù thắng chánh pháp) là nói tới điều này!

**Đạm Thai Noãn Quỷ Vương:** “*Thai*” là khởi đầu. Phụ nữ cần nghén ba tháng, thai mới thành hình, nhưng hình thể vẫn chưa trọn vẹn. Chữ Thai (胎) là từ chữ Nguyệt (月) và Thai (台) ghép lại, hình thành âm đọc đó. Khi ấy, sanh khí chưa ổn định, hễ cảm điều tốt lành bèn là thiện, cảm điều ác bèn là ác. Cổ nhân có thuyết “*thai giáo*” (dạy con từ khi còn trong thai) nhằm bảo vệ thai trong khi còn hỗn độn [là vì lẽ này]. Noãn (trứng) ở đây phải hiểu là nhau thai (placenta). Như trứng gà trong cõi đời, khi lòng đỏ và lòng trắng chưa phân, giống như một khối hỗn độn. Sau khi trẻ được sanh ra, sẽ có vô số ác quỷ ăn nuốt nhau thai như trong phần sau [sẽ nói].

*(Kinh) Hành Bệnh Quỷ Vương, Nhiếp Độc Quỷ Vương.*

**(經)行病鬼王，攝毒鬼王。**

*(Kinh: Hành Bệnh Quỷ Vương, Nhiếp Độc Quỷ Vương).*

Hành Bệnh Quỷ Vương: Sứ giả gieo rắc ôn dịch, đều do Đông Nhạc Phủ Quân sai khiến, như loài Phú Đan Na (Pūtana) chuyên gây nhiệt bệnh trong nhân gian. Kinh Văn Thù Bảo Tạng Đà La Ni nói: “*Ưu hậu, Phật pháp diệt thời, ác pháp tăng trưởng, chủng chủng chư tai lưu hành u thế. Ác quỷ hạ giáng, biến vi nữ thân, dữ chư chủng sanh tác chủng chủng chư tạp đăng bệnh*” (Sau này, lúc Phật pháp diệt, ác pháp tăng trưởng, đủ thứ tai ương lưu hành trong cõi đời. Ác quỷ giáng xuống, biến thành thân nữ, gây tạo các thứ bệnh cho chúng sanh) là nói đến chuyện này.

Nhiếp Độc Quỷ Vương: Như [quỷ vương] Di Lật Đầu Kiên Già Địa, cõi này dịch là Thiện Phẩm, chuyên về cô độc, tức là đối với các thứ nọc rắn, các chất độc từ vàng, bạc v.v... vị này đều có thể thu nhiếp. Quỷ vương này chính là A Tu Luân Vương (A Tu La vương). Đối với các loài độc khí của rồng, nếu con người cầu nguyện, vị này sẽ khiến cho nó chẳng ảnh hưởng đến con người. Vì thế, [danh hiệu của Ngài] là từ đức mà lập danh.

*(Kinh) Từ Tâm Quỷ Vương, Phước Lợi Quỷ Vương, Đại Ái Kính Quỷ Vương.*

**(經)慈心鬼王，福利鬼王，大愛敬鬼王。**

*(Kinh: Từ Tâm Quỷ Vương, Phước Lợi Quỷ Vương, Đại Ái Kính Quỷ Vương).*

Từ Tâm Quỷ Vương: Như A La Nan Đà, đời Lương dịch là Hoan Hỷ, Tô Nê Đát La (Sunetra), cõi này dịch là Diệu Mục, đều là những vị từ tâm quỷ vương, thường ban bố chuyện vui, niệm niệm yêu thương, che chở chúng sanh. Vì thế, họ được gọi bằng danh xưng đẹp đẽ ấy.

Phước Lợi Quỷ Vương: Phước đối lập với họa, lợi đối lập tổn. Vị quỷ vương này chuyên ban bố chuyện lợi ích cho con người, chẳng giáng tai họa, chẳng gây hao tổn. Kinh Quỷ Tử Mẫu nói: “*Dục tòng Quỷ Tử Mẫu cầu nguyện giả, danh Phù Đà Ma Ni Bát, thiên thượng thiên hạ*



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

*quỷ, tứ hải nội thuyền xa, trị sanh tài sản, giai thuộc kỳ chủ. Ma Ni Bát đứ Phật kết yếu thọ giới, hộ nhân tài vật. Cố hữu Phước Lợi chi danh”* (Muốn cầu nguyện từ Quỷ Tử Mẫ, [hãy nên biết] vị ấy có tên là Phù Đà Ma Ni Bát. Quỷ ở trên trời, dưới đất, thuyền, xe trong bốn biển, tài sản để mưu sinh, đều do vị này làm chủ. Ma Ni Bát đã cam kết, thọ giới với Phật bảo vệ tài vật của con người. Vì thế, có danh xưng là Phước Lợi).

Đại Ái Kính Quỷ Vương: Ái chính là ái niệm (nghĩ nhớ, thương yêu); Kính tức kính trọng. Như kinh Diệu Tý đã nói: “*Nhược hữu hành nhân tu thử pháp giả, bỉ nhất thiết thiên, Dược Xoa, trì minh đại tiên, nữ chí Ca Lô La đẵng, nhược hữu kiến giả, cung kính, lễ bái, hiệp chưởng, tác ngôn: - Hy hữu! Hy hữu! Đại từ bi giả, mãn niệm nhất thiết chư hữu tình đẵng*”. (Nếu có hành nhân tu pháp này, thì hết thảy chư thiên, Dược Xoa, trì minh đại tiên, cho đến Ca Lô La v.v... Nếu có ai trông thấy, [sẽ đều] cung kính, lễ bái, chấp tay thưa: “Hiêm có! Hiêm có! Đáng đại từ bi nghĩ thương hết thảy các hữu tình”). Vị thiện quỷ vương này cũng giống như thế, cho nên có danh xưng này.

***(Kinh) Như thị đẵng Quỷ Vương, giai lai tập hội.***

***(經)如是等鬼王，皆來集會。***

***(Kinh: Các Quỷ Vương như thế đều đến nhóm hội).***

Tiếp đó là tổng kết đại chúng đến nhóm hội. “*Như thị đẵng*” (Như thế đó): Đặt tên thiện ác bất đồng, hành hạnh Từ hay nhẫn sai khác, nhưng đều dùng thân quỷ đến nghe pháp. “*Thừa cấp Giới hoãn*” như sách Ma Ha Chi Quán đã nói là dùng thân tam đồ để thấy Phật, nghe kinh; hoặc như trong kinh Hoa Nghiêm và Niết Bàn, quỷ, thần, rồng, súc sanh đều dự vào đại chúng [nghe pháp]. Nhân quả hơn kém như thế, thăng trầm chẳng phải một, lẽ đâu cật vấn rằng chỉ giữ giới theo Lý là đã đắc đạo, cần gì phải giữ giới theo sự tướng? May mắn được làm trời người lãnh nhận đạo, lẽ nào đành chịu khổ vào tam đồ ư? Đây chính là ý chỉ vì sao kinh lại liệt kê đại chúng vậy!

***3.1.2.2.3. Vấn đáp thích nghi tự (phần Tựa hỏi đáp để giải trừ nỗi nghi)***

***3.1.2.2.3.1. Lược vấn đáp dĩ phát khởi (hỏi đáp đại lược để phát khởi)***

***3.1.2.2.3.1.1. Vấn đáp sở tập chúng số (hỏi đáp về số lượng đại chúng đã nhóm họp)***

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

**3.1.2.2.3.1.1.1. Như Lai dĩ chúng số vấn** (Như Lai hỏi về số lượng đại chúng)

*(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát Ma Ha Tát: “Nhữ quán thị nhất thiết chư Phật, Bồ Tát, cập thiên, long, quỷ thần, thử thế giới, tha thế giới, thử quốc độ, tha quốc độ. Như thị kim lai tập hội đáo Dao Lợi Thiên giả, nhữ tri số phủ?”*

**(經)爾時，釋迦牟尼佛告文殊師利法王子菩薩摩訶薩：**

**汝觀是一切諸佛菩薩，及天龍鬼神，此世界，他世界，此國土，他國土。如是今來集會到忉利天者，汝知數不？**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát Ma Ha Tát: “Ông quán hết thầy chư Phật, Bồ Tát, và trời, rồng, quỷ thần trong thế giới này, thế giới khác, quốc độ này, quốc độ khác, những vị như thế nay nhóm họp đến trời Dao Lợi, ông có biết số lượng hay không?”)*

“Nhĩ thời” (Lúc bảy giờ) chính là lúc trời, rồng, quỷ thần đều nhóm đến. Đã là pháp hội nhân quả đầy nghẹt thiên cung, và phạm thánh xen lẫn, đại chúng hiện diện khi đó đều kinh ngạc, nghi hoặc, ai có thể nêu ra lời hỏi? Vì thế, đức Giác Hoàng bi tâm thương xót chúng sanh, mắt từ quán sát căn cơ, đổi mắt nhìn trọn khắp, ai có thể ứng đối với ta? Chỉ có ông Văn Thù này nổi tiếng đại trí đã lâu là có thể đối đáp về chuyện oai thần của đức Địa Tạng trong kiếp số nhiều như cát, cho nên đặc biệt bảo ban.

Phạn ngữ là Văn Thù Sư Lợi (Mañjuśrī), cõi này dịch là Diệu Đức, do Ngài đã thấy thấu suốt tam đức Phật tánh, chẳng dục, chẳng ngang. Chử Cựu Ma La Già (Kumāra-bhūta) trong tiếng Phạn, được cõi này dịch là Đồng Chân (童真, chân thật như trẻ thơ). Nội chứng chân thường, nhưng chẳng chấp trước, như trẻ thơ trong cõi đời tâm chẳng nhiễm ái, tức là danh hiệu Pháp Vương Tử vậy. Đại Luận nói: “*Văn Thù Sư Lợi, Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy v.v... đều trọn đủ Phật sự. Vì thế, trụ nơi địa vị Cựu Ma La Già (Đồng Chân)*”. Ngài La Thập nói: “*Diệu Đức thân đạo khắp nơi, chẳng biết Ngài sanh ở nơi đâu. Ngài lại đến dự vào địa vị Bồ Xứ thành Phật, cho nên gọi là Pháp Vương Tử*”. Ngài Kinh

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Khê viết: “Hỏi: Kinh gọi ngài Văn Thù là Pháp Vương Tử, nhưng các vị Bồ Tát, có vị nào chẳng phải là Pháp Vương Tử? Đáp: Có hai nghĩa: Một là từ trong các vương tử, đề cao đức của ngài Văn Thù. Hai là trong các kinh, ngài Văn Thù là Thượng Thủ của các vị Bồ Tát. Vì thế gọi là Pháp Vương Tử”.

Nói “nhữ quán” (ông xem) chẳng phải là chuyện dễ dàng! Bởi lẽ, chẳng phải là do trí nhãn (mắt trí huệ) của Văn Thù Sư Lợi mà có thể quán được! Đây chính là tiếng xung hô hoan hỷ, thân mật vậy. Từ “nhất thiết chư Phật” (hết thầy chư Phật) trở đi, kết lại phần chánh báo trên đây. Từ chữ “thử thế giới” (thế giới này) kết lại phần y báo. “Nhu thị đẳng” kết lại phần số lượng đại chúng, hỏi ngài Văn Thù có thể biết hay không?

#### **3.1.2.2.3.1.1.2. Văn Thù dĩ thần lực đáp (ngài Văn Thù dùng thần lực để đáp)**

**(Kinh) Văn Thù Sư Lợi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Nhược dĩ ngã thần lực, thiên kiếp trắc độ, bất năng đắc tri!**

**(經)文殊師利白佛言：世尊！若以我神力，千劫測度，不能得知。**

**(Kinh: Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nếu dùng thần lực của con để suy lường trong một ngàn kiếp, vẫn chẳng thể biết được).**

Đại Luận quyển ba mươi ba chép: “Văn Thù Bồ Tát dùng hai loại sức thần thông, tức là quả báo thần thông và tu đắc thần thông (thần thông do tu được) để trụ trong ấy. Dùng sức phước đức phương tiện, sức quang minh thân túc v.v... các thứ nhân duyên để khơi mở, hóa độ chúng sanh”. Nay do vì lẽ nào mà [Ngài thưa] “dùng thần lực của con để suy lường trong một ngàn kiếp vẫn chẳng thể biết” vậy? Đại chúng vẫn tập khó biết nổi, chính là vì hiển thị thần lực khó thể nghĩ ngợi của đức Địa Tạng!

Hỏi: Thiên cung tuy to, vì sao có thể dung nạp đại chúng nhiều như thế? Đáp: Đức Phật và ngài Địa Tạng có thần lực chẳng thể nghĩ bàn, [lại còn] có sức phước nghiệp tự nhiên của chư thiên. Ví như cái thất rộng một trượng của ngài Duy Ma, chứa đựng [ba vạn hai ngàn] tòa

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

su tử có khó khăn chi? Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Thí như nhất thất, nhiên ngũ bách đấng, quang minh bất tương bức bách. Chư thiên thủ trung, trí ngũ bách thiên, diệp phục như thị, bất trách, bất ngại*” (Ví như trong một căn phòng, thấp năm trăm ngọn đèn, ánh sáng của chúng chẳng bức bách lẫn nhau. Trong tay chư thiên, đặt năm trăm vị trời cũng giống như thế, chẳng chật hẹp, chẳng ngăn ngại). Lại nói: “*Bỉ Dạ Ma Thiên hoặc nhất bách, nhất thiên, cộng tụ tại nhất liên hoa tu đồng tọa, bất ái, bất trách, dĩ thiện nghiệp cố, tự nghiệp lực cố*” (Các vị trời Dạ Ma kia hoặc số đến một trăm, hoặc một ngàn, cùng tụ họp, ngồi trên một cái tua nhụy hoa sen cũng chẳng hẹp, chẳng chật, là do sức thiện nghiệp và nghiệp lực của chính họ). Đại Trí Độ Luận nói: “*Tầng trời thứ ba là Biến Tịnh Thiên, sáu mươi vị trời cùng ngồi trên đầu một cái kim để nghe pháp, chẳng trở ngại nhau*”. Nghiệp lực của chư thiên còn như thế đó, huống hồ sức chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai, hãy tự nên tin tưởng, ngưỡng mộ!

#### **3.1.2.2.3.1.1.3. Thế Tôn dĩ Phật nhãn chứng (đức Thế Tôn dùng Phật nhãn xác chứng)**

**(Kinh) Phật cáo Văn Thù Sư Lợi: - Ngô dĩ Phật nhãn quán cố, do bất tận số.**

**(經)佛告文殊師利：吾以佛眼觀故，猶不盡數。**

**(Kinh: Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: - Ta dùng Phật nhãn để quán mà còn chẳng thấy hết số lượng ấy).**

Chữ Đa La (Tra) trong tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán là Nhãn (mắt). Du Già Sư Địa Luận viết: “*Nhiều lượt xem các sắc, xem xong lại bỏ. Vì thế gọi là Nhãn, tức là ý nghĩa chiếu chúc (soi tỏ)*”. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nhãn tự bồ đào đóa*” (Mắt như quả nho). Hoặc nói: “*Như thu tuyền trì, hữu ngũ chủng: Nhục, thiên, huệ, pháp, Phật*” (Như ao hoặc suối nước mùa Thu, có năm loại là nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, và Phật nhãn). Đại Luận nói: “*Phật nhãn không chuyện gì chẳng biết, không chuyện gì chẳng nghe, không chuyện gì chẳng thấy, trong hết thấy các pháp, Phật nhãn thường chiếu*”. Nay nói “*ta dùng Phật nhãn để quán vẫn chẳng thấy hết số đó*” chính là đề thấp cái quả hòng đề cao cái nhân, hạ mình, đề cao người khác, càng tỏ rõ đại

### **Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú**

chúng được đức Địa Tạng hóa độ trùng trùng vô tận! Phật mà còn khó biết, huống hồ ngài Văn Thù, huống hồ những người khác ư?

**3.1.2.2.3.1.2. Điểm thị năng độ bốn tôn (chỉ ra vị bốn tôn có thể hóa độ)**  
*(Kinh) Thứ giai thị Địa Tạng Bồ Tát, cứu viễn kiếp lai, dĩ độ, đương độ, vị độ, dĩ thành tựu, đương thành tựu, vị thành tựu.*

**(經)此皆是地藏菩薩，久遠劫來，已度，當度，未度，已成就，當成就，未成就。**

*(Kinh: Đây đều là do Địa Tạng Bồ Tát từ bao kiếp lâu xa đến nay đã độ, đang độ, sẽ độ, đã thành tựu, đang thành tựu, sẽ thành tựu).*

Chỉ ra Bồ Tát đã trải nhiều kiếp độ người vô lượng. “Độ” (度) là pháp, mà cũng là độ thoát. Chữ Tát Địa (Siddhi) trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Thành Tựu. Sách Dật Nhã viết: “Thành là hưng thịnh, Tựu là cao”. Chữ Tựu (就) do Kinh (京) và Vưu (尤) ghép lại, ý nói là chỗ người ưu tú, cao quý tụ tập. Nay xét theo Lễ Ký: “Thiên tử hiếu viết Tựu, tựu chi vi ngôn Thành dã. Thiên tử đức bị thiên hạ, trạch cập vạn vật, thi chung thành tựu, tắc kỳ thân hoạch an” (Lòng hiếu của thiên tử gọi là Tựu, thực hiện hạnh hiếu thì gọi là Thành. Đức của thiên tử trọn khắp thiên hạ, thấm nhuần muôn vật, thành tựu từ đầu đến cuối, cho nên thân được yên vui). Nay đức Địa Tạng dùng hiếu đạo xuất thế, khiến cho ai nấy vượt thoát sông sanh tử, thành đạo Niết Bàn, chuyển phàm nhập thánh, làm bậc cao nhân, lên nơi cao. Vì thế nói là “thành tựu”.

“Đã độ, đã thành tựu” chính là bất khả thuyết chư Phật trong mười phương thế giới.

“Đang độ, đang thành tựu” chính là bất khả thuyết chư Bồ Tát trong mười phương thế giới.

“Chưa độ, chưa thành tựu” chính là vô lượng ức trời, rồng, quỷ thần trong thế giới Sa Bà và mười phương quốc độ. Đó gọi là “chúng thực thoát tam, thời thời bất phế” (luôn luôn chẳng bỏ chuyện gieo thiện căn, khiến cho thiện căn chín muồi hòng thoát khỏi tam đồ). Do căn cơ có nhanh chóng hay chậm lụt mà độ có trước hay sau. Đại Luận nói: “Vị như rung cây để hái quả, quả chín sẽ rụng trước. Nếu quả nào chưa chín, [sẽ đợi cho nó chín] rồi mới rung cây sau. Lại như bắt cá, thả lưới lần trước không hết, giăng lưới lần sau sẽ bắt được”.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

### **3.1.2.2.3.2. Quảng vấn đáp dĩ phát khởi (hỏi đáp rộng rãi để phát khởi)**

#### **3.1.2.2.3.2.1. Văn Thù thiết nghi vấn nhân địa (Văn Thù khởi nghi, hỏi về nhân địa của Địa Tạng Bồ Tát)**

Hai chương này chính là chuyện trọng yếu trong việc tu hành, là căn cội to lớn trong phép lợi sanh. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nhân địa bất chân, quả chiêu vu khúc*” (Tu nhân chẳng chân thật, sẽ chuốc lấy cái quả cong queo). Vì thế, khởi đầu bèn hỏi ngay chuyện này, vì đó là đầu mối khẩn yếu.

Phần này chia thành hai:

- Nêu ra câu hỏi.

- Từ chữ “*duy nguyện*” trở đi, là xin Phật hãy nói hạnh nguyện.

#### **3.1.2.2.3.2.1.1. Thiết từ hưng vấn (nêu ra câu hỏi)**

##### **3.1.2.2.3.2.1.1.1. Minh kỹ trí tín (nói rõ chính mình do trí huệ đã tin tưởng [sức thệ nguyện và sự nghiệp hóa độ của Địa Tạng Bồ Tát])**

(*Kinh*) Văn Thù Sư Lợi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã dĩ quá khứ cứu tu thiện căn, chứng vô ngại trí, văn Phật sở ngôn, tức đương tín thọ.

**(經)文殊師利白佛言：世尊！我已過去久修善根，證無礙智，聞佛所言，即當信受。**

(*Kinh*: Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con do trong quá khứ tu thiện căn đã lâu, chứng vô ngại trí, nghe lời Phật dạy, con liền tin nhận).

Cây vào đức Văn Thù nêu lời hỏi là vì các vị tiểu Bồ Tát còn chưa trừ sạch nỗi sợ gian khổ, chẳng thể hỏi Phật. Chỉ có ngài Văn Thù biết rõ quyền biến, trí sáng xét soi, biết căn cơ, biết thời tiết, có thể khơi động, phát khởi, thành tựu lợi ích, như voi lớn bẻ cây khiến cho voi con được no bụng. Vì thế, đức Phật tán thán ngài Văn Thù rằng: “*Ông nay thật sự là mẹ của ba đời Phật, hết thấy các Như Lai trong khi còn đang tu hành, đều từng được ông hướng dẫn mà phát khởi tín tâm ban đầu. Do nhân duyên ấy, những vị thành Chánh Giác trong mười phương quốc độ đều tôn Văn Thù là mẹ. Nhưng nay thân ông, do sức bốn nguyện mà hiện tướng Bồ Tát*”. Đó là bằng chứng Ngài tu thiện căn đã lâu.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Vô Ngại Trí: Theo Phật Tánh Luận, trí có hai loại tướng:

- Một là vô trước (không chấp trước), tức là thấy chúng sanh giới tự tánh thanh tịnh, là như lý trí tướng.

- Hai là vô ngại, có thể quán thông đạt vô biên thế giới, là như lượng trí tướng.

Nay đã quán đại chúng vân tập, bèn dùng Vô Ngại Trí. Tam Tạng pháp sư Huyền Trang đời Đường đã nói: “*Quán Hữu mà chẳng trụ Hữu, quán Không mà chẳng trụ Không. Nghe danh mà chẳng bị mê hoặc bởi danh, thấy tướng mà chẳng thuận theo tướng. Tâm chẳng thể động, cảnh chẳng thể chuyển, động hay chuyển chẳng rối loạn lẽ chân được!*” Có thể nói đó là vô ngại trí huệ. Bởi lẽ, ngài Văn Thù vốn là một vị cổ Phật, nay vì giúp đỡ [đức Phật] tuyên dương pháp hóa, liền quyền biến thị hiện hình hài đồng tử (bé trai). Vì thế, đức Phật nói ra chuyện độ sanh của ngài Địa Tạng, lẽ đâu Văn Thù Bồ Tát chẳng ngưỡng mộ, tin chắc, tự nhiên thông đạt vô ngại?

**3.1.2.2.3.2.1.1.2. Cử chúng nghi báng (nêu ra sự nghi hoặc, gièm báng của đại chúng)**

**(Kinh) Tiểu quả Thanh Văn, thiên long bát bộ, cập vị lai thế chư chúng sanh đẳng, tuy văn Như Lai thành thật chi ngữ, tất hoài nghi hoặc. Thiết sử danh thọ, vị miễn hưng báng.**

**(經)小果聲聞, 天龍八部, 及未來世諸眾生等, 雖聞如來誠實之語, 必懷疑惑。設使頂受, 未免興謗。**

**(Kinh: Tiểu quả Thanh Văn, trời rồng tám bộ, và các chúng sanh trong đời vị lai, tuy nghe lời thành thật của Như Lai, ắt ôm lòng ngờ vực. Dầu có vâng nhận, chưa khỏi dấy lòng báng bỗ).**

Trước hết, nêu ra những căn cơ hoài nghi, phi báng; kể đó, nêu ra ý dấy lòng phi báng. Ấy là do Tiểu Quả chỉ nghe Tứ Đế và Thập Nhị Nhân Duyên, kẻ huệ cạn giống như vết chân trâu, kẻ căn hẹp há biết biển thăm! Trời rồng tám bộ, tạp loại, hạ cơ (căn cơ bậc hạ), Thừa lẩn Giới đều thiếu vận dụng, mong chi họ biết sâu xa đại đạo? Chúng sanh đời vị lai thì chí tánh chẳng kiên cố, nghiệp chướng buộc ràng khó thoát, há biết suy lường oai thần? Vì thế biết là ba loại người ấy tuy nghe lời thành thật của đức Như Lai, ắt sẽ ôm lòng hồ nghi, rối ren, mê hoặc! Nói

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

ngược lại, thì tuy là [tỏ vẻ vâng nhận lời Phật dạy] như thế, chuyện có đúng như vậy hay chẳng? Bề ngoài tỏ vẻ kính cẩn nhận lãnh để hành trì, trong tâm ắt ngược ngạo sanh lòng gièm chê, phỉ báng. Nghi hoặc, phỉ báng là tội khiên nặng nề, ắt đọa vào A Tỳ! Vì thế, cần phải hỏi rõ nguyên do nơi nhân địa, xiển dương, phát khởi những chuyện thuộc về hạnh nguyện, thì mới khiến cho ba loại căn cơ nhất tâm tiếp nhận, chẳng đọa vào Xiển Đề, vĩnh viễn đạt đến Phật đạo.

**3.1.2.2.3.2.1.2. Nguyên thuyết hạnh nguyện** (xin đức Phật hãy nói hạnh nguyện của Địa Tạng Bồ Tát)

**(Kinh) Duy nguyện Thế Tôn, quảng thuyết Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nhân địa, tác hà hạnh, lập hà nguyện, nhi năng thành tựu bất tư nghị sự?**

**(經)唯願世尊，廣說地藏菩薩摩訶薩因地，作何行，立何願，而能成就不思議事？**

**(Kinh: Kính mong đức Thế Tôn nói rộng về nhân địa của Bồ Tát Ma Ha Tát, Ngài đã làm hạnh gì, đã lập nguyện gì mà có thể thành tựu chuyện chẳng thể nghĩ bàn?)**

“Nhân” (因) có nghĩa là gieo trồng. “Địa” (地) biểu thị tự tâm. Do vốn sẵn có ba cái nhân là chủng tử của Phật tánh, do Liễu Nhân chưa từng phát tâm, Duyên Nhân chưa từng gia hạnh, cho nên tánh và duyên cùng được gọi là Chánh Nhân, tức là ba cái nhân nơi Lý tánh vậy. Nay hỏi: “Vị Địa Tạng Bồ Tát này thoát đầu nơi nhân địa phát tâm, chẳng biết Ngài đã làm hạnh môn gì, lập nguyện niệm gì mà có thể thành tựu chuyện chẳng thể nghĩ bàn ấy?” Hai chữ Hà (何) [trong đoạn chánh kinh trên đây] là từ ngữ nghi vấn. Bởi lẽ, Bồ Tát trong tứ giáo, không ai chẳng tu hành phát nguyện.

Như ba giáo trước đều là hạnh nguyện Thiên, Quyền, đều thuộc nhân duyên sanh diệt. Nếu dùng cái tâm sanh diệt làm gốc để tu nhân, sao có thể thành tựu viên mãn tánh bất sanh diệt nơi quả địa cho được? Vì thế, xin hãy nói rộng cái nhân ấy, khiến cho hàng tiểu quả tin nhận, chẳng dấy tâm nghi ngờ, phỉ báng! [Hai chữ] “*hạnh nguyện*” đã được giải thích trong phần trước. Ất phải hỏi cả hai điều là vì Nguyện có thể dẫn khởi, Hạnh là thực hiện. Nếu có Nguyện mà chẳng có Hạnh, Nguyện sẽ hư dối. Nếu có Hạnh nhưng thiếu Nguyện, Hạnh sẽ trơ trọi. Do có



### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Nguyên cho nên Hạnh chẳng trợ trợ; do có Hạnh nên Nguyên chẳng rỗng tuếch! Nguyên và Hạnh giúp nhau, chứng quả càng nhanh chóng. Vì thế, phải hỏi cả hai!

#### **3.1.2.2.3.2.2. Thế Tôn cử nhân đáp độ nhân (Thế Tôn nêu cái nhân để đáp về người hóa độ)**

Phần này chia thành hai:

- Lược tán công đức (tán thán đại lược công đức).
- Quảng thuyết hạnh nguyện (nói cặn kẽ về đại nguyện).

##### **3.1.2.2.3.2.2.1. Lược tán công đức (tán thán đại lược về công đức)**

###### **3.1.2.2.3.2.2.1.1. Minh đại tiểu quả vị công đức (nói rõ công đức nơi quả vị lớn, nhỏ)**

###### **3.1.2.2.3.2.2.1.1.1. Cử dụ (nêu thí dụ)**

*(Kinh) Phật cáo Văn Thù Sư Lợi: - Thí như tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu thảo, mộc, tùng lâm, đạo, ma, trúc, vi, sơn thạch, vi trần, nhất vật nhất số, tác nhất Hằng hà. Nhất Hằng hà sa, nhất sa nhất giới. Nhất giới chi nội, nhất trần nhất kiếp. Nhất kiếp chi nội sở tích trần số, tận sung vi kiếp.*

**(經)佛告文殊師利：譬如三千大千世界，所有草木叢林，稻麻竹葦，山石微塵，一物一數，作一恆河。一恆河沙，一沙一界。一界之內，一塵一劫。一劫之內所積塵數，盡充為劫。**

*(Kinh: Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: - Ví như trong tam thiên đại thiên thế giới, tất cả cỏ, cây, rừng rậm, lúa, mè, tre, lau, đá núi, vi trần, cứ coi mỗi vật là một con số, mỗi số coi như một sông Hằng. Đối với cát trong một sông Hằng, coi một hạt cát là một thế giới. Trong mỗi thế giới đó, coi một hạt bụi là một kiếp. Số lượng bụi tích tụ trong một kiếp đều được coi là kiếp hết cả).*

Đại Luận viết: “Hỏi: Tam thiên đại thiên thế giới là như thế nào? Đáp: Nói phân biệt theo kinh Tạp A Hàm, một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng, một ngàn Diêm Phù Đề, cho đến một ngàn Đại Phạm Thiên,

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

được gọi là một tiểu thiên thế giới, tức là một Châu Lợi (chính là “tiểu thiên” trong tiếng Phạn). Coi một ngàn Châu Lợi thế giới là một đơn vị, đếm từ một tới một ngàn, thì gọi là nhị thiên trung thế giới. Coi nhị thiên trung thế giới là một đơn vị, đếm từ một đến một ngàn, gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Một ngàn thế giới là tiểu thiên, nhị thiên là trung thiên, loại thứ ba là đại thiên, do một ngàn nhân lên một ngàn nhân với một ngàn, nên gọi là đại thiên. Do hai lượt [một ngàn] đã nhân với nhau, lại nhân lên một ngàn nữa, nên nói là Tam Thiên (ba lần một ngàn nhân với nhau), tức là đặt tên theo cách kết hợp. Trăm ức nhật nguyệt, cho đến trăm ức Đại Phạm Thiên, gọi là tam thiên đại thiên thế giới”. Đại thiên thế giới ở trong hư không, nước ở trên gió, đất ở trên nước, người ở trên đất. Các loài thảo mộc v.v... ở trên mặt đất.

“Tùng” (叢) là tụ tập. Cây cối tụ tập gọi là Lâm (林, rừng). “Đạo, ma, trúc, vi” (Lúa, mè, tre, lau): Thí dụ có hai loại, một là giả dụ; hai là dùng sự thật làm thí dụ. Ở đây là giả dụ. Do bốn thứ ấy sanh trưởng rậm rạp, chi chít, chủng loại lại nhiều, người ta lại thường thấy, dễ tin tưởng. Đá núi, vi trần cũng thế. Nay trong khá nhiều vật như thế, tùy ý lấy một vật coi là một số, coi đó là một sông Hằng. Vật đã là vô lượng, [số lượng] sông làm sao có thể cùng tận cho được? Đây là dùng vật để coi là sông, sông làm sao có thể cùng tận cho được? Lại từ số lượng cát trong một sông Hằng (có bản nói là “sông Hằng chứa đầy cát”), tùy ý lấy một hạt cát, coi đó là một thế giới. Cát đã khó thể cùng tận [số lượng], há [số lượng] thế giới có thể cùng tận ư? Đây là dùng cát để đếm thế giới, thế giới chẳng thể cùng tận vậy! Lại trong mỗi thế giới thuộc số thế giới nhiều như cát ấy, tùy ý lấy một hạt bụi, coi đó là một kiếp. Số lượng bụi đã là khó biết, số lượng kiếp há tính lường nổi ư? Đây là dùng số lượng bụi trong một thế giới để đếm kiếp, kiếp chẳng thể cùng tận! Nay lại từ số bụi tích tụ trong một kiếp, coi hết số lượng ấy là kiếp. Thời gian trải qua đã lâu, số lượng bụi tích tụ rất nhiều. Dựa theo số kiếp nhiều như số bụi ấy, làm sao có thể tính nổi số lượng? Kiếp số chẳng thể nghĩ bàn! Tầng tầng ví dụ nêu tỏ như thế chính là vì để thấy Địa Tạng đại sĩ từ thuở ban đầu thệ nguyện phát tâm tới nay, dầu bậc thầy về tính toán, hay học trò của các bậc thầy tính toán, đối với con số như trong thí dụ trên đây, cùng nhau mong dùng cái trí lanh lợi và tài khéo để tính toán, rốt cuộc vẫn chẳng thể biết nổi!

At phải nêu ra Hằng hà [làm thí dụ] là vì sông Hằng có nhiều cát. Hơn nữa, nơi đức Phật sông, nơi Ngài du hành, đệ tử chính mắt thấy

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

[sông Hằng]. Hơn nữa, sông Hằng lớn nhất trong bốn con sông [ở xứ Ấn], mọi người đều coi đó là con sông phước đức, cát tường, cho rằng “vào trong đó tắm gội, tội cấu đều tiêu trừ”. Do mọi người kính trọng, tôn thờ con sông ấy, đều cùng nhận biết. Lại do [người đời] thích đổi tên các con sông, nhưng sông Hằng đời đời chẳng đổi tên. Vì thế, lấy sông Hằng làm thí dụ. Hỏi: Số lượng cát trong sông Hằng là bao nhiêu? Đáp: Hết thầy tính toán đều chẳng thể biết, chỉ có Phật và Pháp Thân Bồ Tát có thể biết.

Chữ Kiếp Ba (Kalpa) trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Phân Biệt Thời Tiết, có tiểu kiếp, trung kiếp, đại kiếp khác nhau! Nay dựa theo đại kiếp để nói!

#### ***3.1.2.2.3.2.2.1.1.2. Chánh minh (nói rõ nhân địa)***

***(Kinh) Địa Tạng Bồ Tát chứng Thập Địa quả vị dĩ lai, thiên bộ đa u thượng dụ, hà hướng Địa Tạng Bồ Tát tại Thanh Văn, Bích Chi Phật địa.***

**(經)地藏菩薩證十地果位已來，千倍多於上喻，何況地藏菩薩在聲聞，辟支佛地。**

***(Kinh: Kể từ khi Địa Tạng Bồ Tát chứng quả vị Thập Địa đến nay, [thời gian ấy] đã ngàn lần nhiều hơn thí dụ trên đây, hướng hồ [thời gian] Địa Tạng Bồ Tát còn thuộc các địa vị Thanh Văn và Bích Chi Phật).***

Trong đoạn kinh văn này, trước hết là nêu thí dụ về Đại Thừa, sau là nói “*hướng hồ khi Ngài còn đang tu Tiểu Quả*”. Chỉ nêu ra Thập Địa, lược đi các hiền vị (địa vị Tam Hiền) như Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, tức là chỉ dựa theo các địa vị chứng đắc trong Thập Thánh (từ Sơ Địa cho đến Thập Địa) để so sánh. Đây là luận định dựa theo Biệt Giáo. Nếu xét theo Viên Giáo, từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác có tất cả bốn mươi một địa vị đều là “*chân nhân vị*” (địa vị chân thật trong khi còn đang tu nhân). Nay vẫn nói theo Biệt Giáo: Một là Hoan Hỷ Địa, từ đây trở đi dùng Trung Đạo Quán, phá một phần vô minh, hiển lộ một phần Tam Đức (Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát). Đây là địa vị Kiến Đạo, lại còn là địa vị Vô Công Dụng. Làm Phật trong trăm thế giới, [thị hiện] tám tướng thành đạo, lợi ích chúng sanh, đi năm trăm do-tuần, mới nhập Thật Tướng vô chướng ngại độ, mới vào bảo sở (chỗ có của báu,

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

tức đạt đến quả vị rốt ráo), cho nên gọi là Hoan Hỷ. Hai là Ly Cấu, ba là Phát Quang, bốn là Diễm Huệ, năm là Nan Thắng, sáu là Hiện Tiền, bảy là Viễn Hành, tám là Bất Động, chín là Thiện Huệ, mười là Pháp Vân. Mỗi địa vị đều đoạn một phẩm vô minh, chứng một phần Trung Đạo... Nhưng Địa Tạng Bồ Tát chứng nhập như thế, dù Biệt hay Viên, đều thuộc quả vị Thập Địa. Cho đến hiện tại, kiếp số ấy dài lâu hơn số kiếp tính bằng số lượng bụi tích tập trong các thế giới trên đây không chỉ vượt quá ngàn lần! Huống hồ [thời gian Ngài trụ] trong các địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương của Đại Thừa, huống hồ trong các tiêu quả thuộc những địa vị Thanh Văn, Bích Chi Phật ư?

Nghe âm thanh nói về Tứ Đế Khổ Tập Diệt Đạo bèn chứng quả thì gọi là Thanh Văn (Śrāvaka), nhưng trong ấy có Quyền và Thật. Thật là như thường (là Thanh Văn thật sự). Quyền thì như kinh Thập Luân có nói Địa Tạng Bồ Tát và tám mươi trăm ngàn na-dữu-đa (nayuta) tầnbạt-la (vimvara)<sup>61</sup> Bồ Tát do sức thần thông, hiện hình tượng Thanh Văn từ phương Nam đến, lễ Phật, tán thán. Dựa theo hiện tại để ước đoán xưa kia, há chẳng phải là như vậy ư?

Chữ Bích Chi Ca La (Pratyekabuddha) trong tiếng Phạn được phương này dịch là Duyên Giác, [hàm ý] do quán duyên mà ngộ đạo. Còn dịch là Độc Giác, do vị ấy ra đời trong khi không có Phật. [Đối với Duyên Giác] cũng đáng nên luận định Quyền, Thật [như trên]. Ở đây, chẳng xét theo Đại, Tiểu để so sánh, chỉ nhằm tỏ rõ “*đã trải qua thời gian lâu xa*”. Nhân địa như thế, ai có thể tính lường là lâu xa hay gần đây cho được!

#### ***3.1.2.2.3.2.2.1.1.3. Kết hiển (kết lại phần hiển thị thời gian tu nhân)***

***(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thử Bồ Tát oai thần thệ nguyện, bất khả tư nghị.***

**(經)文殊師利! 此菩薩威神誓願, 不可思議。**

***(Kinh: Nay Văn Thù Sư Lợi! Oai thần và thệ nguyện của vị Bồ Tát này chẳng thể nghĩ bàn).***

---

<sup>61</sup> Một Na-dữu-đa (na-do-tha) là 10 lũy thừa 112, tức là sau con số 1 có 112 con số 0. Một Tầnbạt-la là mười triệu. Triệu ở đây không phải là Million như cách hiểu theo hệ thống tính toán của phương Tây, mà phải hiểu theo cách tính toán của cổ nhân Trung Hoa, tức mười ngàn là một vạn, vạn vạn là một ức, một ngàn ức là một triệu. Như vậy một triệu là sau con số 1 có đến 12 con số 0.

Đoạn này kết lại oai lực và thần thông “*hàng ma, chế phục ngoại đạo*”, nguyện tâm hoằng thệ rộng độ các phẩm vị [của Địa Tạng Bồ Tát] đều là hàng Tiêu Thừa chẳng thể suy lường được, những kẻ thuộc các địa vị thấp hơn sẽ chẳng thể nói được.

Vì thế, trong kinh Thập Luân, đức Phật đã bảo Hảo Nghi Vấn Bồ Tát: “*Như thị Đại Sĩ công đức thiện căn, nhất thiết thế giới thiên nhân đại chúng, giai bất năng trắc kỳ lượng thiên thâm. Nhược Như Lai quảng thuyết như thị Đại Sĩ công đức thiện căn, nhất thiết thế gian thiên nhân đại chúng giai sanh mê muội, hoặc bất tín thọ. Như thị Đại Sĩ thành tựu vô lượng bất khả tư nghị thù thắng công đức, thiện năng ngộ nhập Như Lai cảnh giới, u chư Phật pháp dĩ đắc tự tại, vị dục thành thực nhất thiết hữu tình, sở tại Phật quốc tất giai chỉ trụ*” (Công đức và thiện căn của vị Đại Sĩ như thế, đại chúng trời người trong hết thấy các thế giới đều chẳng thể tính lường sâu hay cạn được! Nếu đức Như Lai rộng nói công đức và thiện căn của vị Đại Sĩ như thế, đại chúng trời người trong hết thấy các thế gian đều mê man, hoặc chẳng tin nhận. Vị Đại Sĩ như thế thành tựu vô lượng công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, khéo có thể ngộ nhập cảnh giới của Như Lai, đã được tự tại trong pháp của chư Phật, vì muốn thành thực hết thấy hữu tình thấy đều an trụ trong các cõi Phật). Đại Luận gọi “*bất khả tư nghị*” là Bất Quyết Định, do chẳng thể quyết định chuyện giáo hóa ấy. Vì thế gọi là Bất Khả Tư Nghị (chẳng thể nghĩ bàn).

**3.1.2.2.3.2.2.1.2. Thị văn tán cúng tượng công đức (chỉ ra công đức do tán thán, cúng dường tượng Bồ Tát)**

*(Kinh) Nhược vị lai thế, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị Bồ Tát danh tự. Hoặc tán thán, hoặc chiêm lễ, hoặc xưng danh, hoặc cúng dường, nãi chí thái họa, khắc lữ, tổ tất hình tượng. Thị nhân đương đắc bách phản sanh u Tam Thập Tam Thiên, vĩnh bất đọa ác đạo.*

**(經)若未來世，有善男子，善女人，聞是菩薩名字。或讚歎，或瞻禮，或稱名，或供養，乃至彩畫刻鏤，塑漆形像。是人當得百返生於三十三天，永不墮惡道。**

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Nếu trong đời vị lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe danh tự của vị Bồ Tát này mà hoặc tán thán, hoặc chiêm lễ, hoặc xưng danh, hoặc cúng dường, cho đến vẽ vờ, chạm khắc, đắp, sơn hình tượng, người ấy sẽ được trăm lần sanh trong Tam Thập Tam Thiên, vĩnh viễn chẳng đọa ác đạo).

“Nhuợc” (若) là từ ngữ bất định, bởi kẻ làm ác thì nhiều, người hành thiện thì ít; mà cũng là lời lẽ diễn tả vui mừng khi gặp gỡ. Tức là nếu có nam nữ tu thiện, nghe danh tự của Địa Tạng Bồ Tát bèn cung kính, người ấy ắt sẽ vĩnh viễn đạt được phước to lớn. Chuyện này không hạn cuộc trong hai chúng tại gia, như trong kinh Thập Luân, Địa Tạng Bồ Tát được gọi là “*thiện nam tử*”, tức là cả bảy chúng<sup>62</sup> trong ba thừa đều có thể xưng hô như vậy. Do “*chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện*”, phạm là trong Phật pháp, có ai mà chẳng tuân hành? “*Nghe danh hiệu Bồ Tát...*”, nghe danh hiệu bèn gieo chủng tử, có cảm bèn ứng. Ví như hồng chung treo trên giá, hễ gõ liền kêu. Giải thích về chữ Danh thì như trong phần Luân Quán. Tự (字) [nghĩa gốc là] “*có sữa*”. Trai có vợ, gái có chồng, sau đó sanh con đẻ cái. Do chữ Miên (𠂔, giống như nhà cửa) và Tử (子) [ghép lại thành chữ Tự (字), diễn tả ý “người đàn bà đã có con, cơ thể sanh ra sữa”], thuộc loại Hội Ý. Nay mượn làm chữ Tự trong Danh Tự. Cổ nhân nói chuyện với nhau, nếu gọi thẳng tên là cách nói chất phác, người đời Châu đã chuộng gọi nhau bằng Tự, coi đó là cách nói bóng bẩy. Nhưng danh tự của Bồ Tát, tuy do đức mà lập, vẫn là giả đặt bày. Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: “*Bát Nhã Ba La Mật, dẫn hữu danh tự. Bồ Tát, diệt dẫn hữu danh tự. Thị danh tự bất tại nội, ngoại, trung gian, hòa hợp cố hữu. Bất sanh, bất diệt, dẫn dĩ thế gian danh tự cố thuyết*” (Bát Nhã Ba La Mật chỉ có danh tự. Bồ Tát cũng chỉ có danh tự. Danh tự ấy chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chặng giữa, do hòa hợp mà có. Chẳng sanh, chẳng diệt, chỉ vì danh tự thế gian mà nói). Do vậy biết danh tự ấy vốn là Không. Đã biết là không tịch, cho nên cảm ứng đạo giao. Vì thế, nghe danh tự của vị Bồ Tát này, hoặc dùng ngôn từ để tán thán, hoặc chiêm ngưỡng hình tượng thù thắng của bậc tôn thánh mà lễ bái, hoặc chuyên xưng danh tự, hoặc kiên thành tu cúng dường, hoặc chọn lựa tinh tể năm màu để vẽ vờ, hoặc khéo dẫn

<sup>62</sup> Bảy chúng: Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, thức-xoa-ma-na (học pháp nữ), ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện Kinh Khoa Chú***

các loại gỗ để chạm khắc, hoặc nhờ vào đất sạch để đắp nặn, hoặc nhờ vào keo sơn để tô phết, tạo thành hình tượng Ngài để cung kính. Người ấy trong đời tương lai, nhất định sẽ trăm lượt sanh vào Tam Thập Tam Thiên, vĩnh viễn chẳng đọa vào chốn tam ác đạo.

Tam Thập Tam Thiên thì có hai thuyết. Theo Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh, Đạo Lợi dịch là Tam Thập Tam. Đây là một tầng trời thuộc Địa Cư Thiên. Nếu sanh vào đó một trăm lần, tức là địa vị thấp kém, nơi chốn hẹp hòi, há có thể hiển lộ oai thần thế nguyện chẳng thể nghĩ bàn của đức Địa Tạng ư? Phải hiểu là ba mươi ba cõi trời như trong Quán Đảnh Chú Kinh đã liệt kê thì mới phù hợp kinh văn! Những cõi trời ấy chính là Cận Tế, Phổ Quán, Khoái Kiến, Vô Kết Ái, Sắc Cứu Cánh, Tịnh Quang, Phổ Đăng, Ái Thắng, Phước Ái, Cự Diệu, Quảng Diệu, Vi Diệu, Thủ Diệu, Tịnh Minh, Biến Tịnh, Ước Tịnh, Thủy Ứng Phạm, Thủy Vô Lượng Phạm, Thủy Vi Phạm, Thủy Hành Phạm, Ma Ha Phạm, Phạm Phụ Lộc, Phạm Chúng Diệu, Hóa Tự Tại, Hóa Ứng Thanh, Bát Kiêu Lạc, Đâu Suất Đà, Diêm Ma La, Đạo Lợi, Tỳ Sa Môn, Duy Chiêm Văn, Tỳ Lô Lặc, Đề Đầu Lại Trá. Đây là các tầng trời thuộc Dục Giới và Sắc Giới, từ Tứ Vương Thiên lên đến Ngũ Tịnh Cư, lại từ Ngũ Tịnh Cư trở xuống Tứ Thiên Vương Thiên, lần lượt sanh vào các tầng trời trong ấy, trong mỗi tầng trời đều hưởng hết thọ mạng trong tầng trời ấy. Một trăm lượt như thế, hưởng tốt cùng niềm vui trên cõi trời. Tu nhân ít mà thọ báo nhiều, trải qua thời gian ngắn mà hưởng phước lâu xa, mới hiển lộ thần lực chẳng thể nghĩ bàn của đức Địa Tạng. Nếu là như thế, há có nên sanh lên trời hưởng phước, lại còn vĩnh viễn lìa khỏi ác đạo hay chẳng? Hãy nên biết người căn cơ viên đốn, như vương tử ở trong thai, vừa nghe danh, tạc tượng, bèn sanh lên trời, lìa ác. Đây gọi là “*Thập Thiện Bồ Tát phát đại tâm, vĩnh viễn già biệt biển khổ trong tam giới*”, đó là ý chỉ của bản kinh này vậy.

***3.1.2.2.3.2.2.2. Quảng thuyết hạnh nguyện (rộng nói về hạnh nguyện)***

***3.1.2.2.3.2.2.2.1. Trưởng giả cầu Phật tướng hảo (trưởng giả cầu tướng hảo của Phật)***

***3.1.2.2.3.2.2.2.1.1. Đẳng tích kiến Phật phát nguyện (nêu rõ chuyện thấy Phật phát nguyện trong quá khứ)***

***3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.1. Tự viên kiếp Phật hiệu (trần thuật danh hiệu Phật trong kiếp lâu xa)***

*(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, v quá khứ cứu viễn bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp tiền, thân vi đại trưởng giả tử. Thời thế hữu Phật, hiệu viết Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai.*

**(經)文殊師利！是地藏菩薩摩訶薩，於過去久遠不可說不可說劫前，身為大長者子。時世有佛，號曰師子奮迅具足萬行如來。**

*(Kinh: Nay Văn Thù Sư Lợi! Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát trong bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp trước lâu xa trong đời quá khứ, làm thân đại trưởng giả. Lúc ấy, trong cõi đời có Phật, hiệu là Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai).*

Đoạn này trần thuật nguyên do phát tâm tối sơ. Chữ Tiền (前) [trong chánh kinh] mà coi là chữ đầu tiên trong câu kế tiếp thì chẳng hay như là chữ cuối trong câu trước đó. “Đại trưởng giả” là danh xưng chung của bậc tuổi cao đức trọng trong cả hai cõi. Như cuối đời Xuân Thu, nước ta có Trịnh trưởng giả. Những nhà có thế lực ở Tây Trúc đều được gọi là Trưởng Giả. Sách Pháp Hoa Văn Cú nói [trưởng giả] có mười đức:

- Một là dòng họ tôn quý ([chẳng hạn như] hậu duệ của hoàng đế, nhà quan lại).
- Hai là địa vị cao (bậc Thừa Tướng phụ bật (phù tá của nhà vua), là bậc hiền tài rường cột, quan dạy các hoàng tử).
- Ba là giàu to (núi đồng, hang vàng, giàu có, dư dật, chẳng thiếu thứ gì).
- Bốn là oai mãnh (nghiêm nghị, trang trọng, tự nhiên có oai).
- Năm là trí sâu (bụng như kho vũ khí (ý nói có tài dụng binh), quyền biến kỳ diệu, tài nghệ nổi bật).
- Sáu là tuổi cao (tóc đã hoa râu, nhưng sắc bén, phong thái được mọi người nể phục).
- Bảy là hạnh thanh tịnh (ngọc khuê trắng không tỳ vết, làm đúng như lời nói).
- Tám là trọn đủ lễ tiết (chùng mực tường tận, là tấm gương cho cõi đời nhìn vào).
- Chín là được người trên ca ngợi (được bề trên kính trọng).



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

- Mươi là kẻ dưới quy phục (bốn biên quy phục).

Có đủ mười đức ấy thì mới gọi là Trưởng Giả. Tử (子) là tiếng tôn xưng, như trong cõi đời nói Khổng Tử, Lão Tử v.v... [Trưởng giả tử] chẳng phải là con của ông trưởng giả!

Sư Tử Phấn Tấn là mượn dùng thí dụ để lập danh hiệu Phật, chẳng phải là sư tử thật sự. Như sư tử riêng là loài không sợ hãi trong các loài thú bốn chân, có thể chế phục hết thảy; Phật cũng giống như thế. Trong chín mươi sáu thứ ngoại đạo, Ngài hàng phục hết thảy, không sợ hãi, cho nên được gọi là Sư Tử. Phấn (奮) là phấn chấn. Tấn (迅) là nhanh chóng; mượn thí dụ để hiển thị pháp. Như sư tử trong cõi đời, phấn tấn có hai chuyện: Một là chân đạp tung bụi; hai là có thể đi trước, chạy nhanh, nhanh nhẹn khác hẳn các loài thú khác. Môn tam-muội này cũng giống như vậy, một là quét sạch những thứ Hoặc (phiền não) vô tri vi tế gây chướng ngại cho Định; hai là có thể xuất nhập nhanh chóng, chẳng gián đoạn.

Cụ Túc Vạn Hạnh: Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói “*nhất tâm cụ vạn hạnh*” (nhất tâm có đủ muôn hạnh) là nói về ý này. Một chính là hết thảy các danh đều trọn đủ; hết thảy chính là một danh trọn đủ. Đã trừ các thứ Hoặc gây chướng ngại cho Định, xuất nhập tam-muội nhanh chóng, tức là trong một có vô lượng, trong vô lượng có một. Do vậy biết Sư Tử Phấn Tấn tam-muội có thể trọn đủ muôn hạnh. Nếu là hành nhân sơ tâm, nắm được cái quả để thành tựu cái nhân, như kinh Niết Bàn dạy: “*Kim Cang bảo tạng, cụ túc vô giảm, đản hữu thiểu thâm minh muội chi thù*” (Kho báu Kim Cang trọn đủ, chẳng giảm, chỉ có cạn, sâu, thông hiểu, mê muội sai khác).

#### ***3.1.2.2.3.2.2.1.1.2. Chánh vấn nhân phát nguyện (thưa hỏi cái nhân rồi phát nguyện)***

Gồm hai phần:

- Hỏi do cái nhân nào mà [đức Phật] có được tướng [thù thắng].
- Phát nguyện độ sanh.

#### ***3.1.2.2.3.2.2.1.1.2.1. Vấn đức tướng chi nhân (thưa hỏi do cái nhân nào mà [đức Phật] đạt được tướng thù thắng)***

#### ***3.1.2.2.3.2.2.1.1.2.1.1. Trưởng giả vấn Phật (trưởng giả hỏi Phật)***

*(Kinh) Thời, trưởng giả tử, kiến Phật tướng hảo, thiên phước trang nghiêm, nhân vấn bỉ Phật tác hà hạnh nguyện, nhi đắc thử tướng?*

**(經)時，長者子，見佛相好，千福莊嚴，因問彼佛作何行願，而得此相？**

*(Kinh: Khi ấy, ông trưởng giả thấy tướng hảo của Phật, ngàn phước trang nghiêm, do đó bèn hỏi đức Phật ấy đã làm hạnh nguyện gì mà đạt được tướng ấy?)*

“*Kiến Phật*” (Thấy Phật) tức là gặp gỡ giữa đường, thấy tướng hảo của Ứng Thân Phật, giống như “*quán Phật tướng hảo bèn phát tâm*” trong sách Ma Ha Chỉ Quán. Nói “*nếu thấy thân do cha mẹ sanh ra của Như Lai, thân tướng rạng rỡ, tướng hảo đầy đặc, thượng câu, hạ hóa, phát Bồ Đề tâm*” chính là nói đến chuyện này. Nhìn vào có thể phân biệt được thì gọi là Tướng; trông thấy đáng yêu mến thì gọi là Hảo. Tướng là đại tướng hảo, còn Hảo là tiểu tướng hảo. Nếu Tướng không có Hảo, sẽ chẳng viên mãn; Hảo mà không có tướng, sẽ chẳng thể hiện lộ rạng rỡ được! Tướng và Hảo trang nghiêm lẫn nhau, Pháp Thân hiển lộ trọn vẹn.

“*Thiên phước*”: Dùng thân, khẩu, ý nghiệp thuộc điều thiện hữu lậu để tu hành Lục Độ, thành tựu một trăm phước đức. Dùng một trăm phước đức để thành tựu một tướng, dùng chuyện này để làm nghiệp nhân của ba mươi hai tướng. Sách Phụ Hành nói: “*Bồ Tát tu Thập Thiện, mỗi điều thiện đều có năm tâm, tức là hạ, trung, thượng, thượng thượng, thượng trung thượng (điều tốt nhất trong bậc thượng). Thoạt đầu là phát năm tâm, cho đến trọn đủ năm tâm. Một trăm tâm như thế được gọi là trăm phước*”. Nhưng phước có nhiều nghĩa, khó thể phán định dứt khoát! Có thuyết cho rằng “*chữa cho người mù trong đại thiên thế giới đều được sáng mắt*” là một phước v.v... Nói chung, dùng ba ngàn hai trăm phước để thành tựu ba mươi hai tướng đại nhân; vì thế nói là “*thiên phước trang nghiêm*” (ngàn phước trang nghiêm). Đại Luận nói: “*Dùng ba mươi hai tướng và tám mươi tùy hình hảo để trang nghiêm, bên trong thì có vô lượng công đức Phật pháp. Cho nên nhìn Phật không chán. Người thấy thân Phật sẽ quên bằng ngũ dục trong cõi đời, chẳng nhớ tới muôn sự. Nếu thấy một chỗ trên thân Phật sẽ yêu thích, không chán, chẳng thể dời mắt được*”. Công đức nơi thân Phật là như thế, cho nên

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

ông trưởng giả trông thấy, sanh lòng hoan hỷ cùng cực, lòng khát ngưỡng sâu xa; do vậy, thưa hỏi đức Phật ấy. Tướng hảo ấy chính là báo quả (cái quả do phước báo tạo thành) nơi thân Phật, quả ắt có nhân. Chẳng biết Ngài đã làm hạnh nguyện gì mà có thể đạt được tướng thù thắng, nhiệm màu như thế?

#### ***3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.1.2. Phật thị trưởng giả (Phật dạy trưởng giả)***

***(Kinh) Thời, Sư Tử Phấn Tấn Cự Túc Vạn Hạnh Như Lai, cáo trưởng giả tử: “Dục chứng thử thân, đương tu cứu viễn độ thoát nhất thiết thọ khổ chúng sanh”.***

**(經)時，師子奮迅具足萬行如來，告長者子：欲證此身，當須久遠度脫一切受苦眾生。**

***(Kinh: Khi ấy, Sư Tử Phấn Tấn Cự Túc Vạn Hạnh Như Lai bảo ông trưởng giả: “Muốn chứng thân này, hãy nên tu lâu dài phép độ thoát hết thủy chúng sanh đang chịu khổ”.***

Đây là dạy cách cầu tướng. Ba mươi hai tướng ấy chính là quả báo của lòng đại bi. Vì thế, cần phải độ thoát chúng sanh để làm căn bản cho tướng hảo! Đây là các kinh Đại Thừa rộng nói về tướng trạng trải bao kiếp tu hành của Bồ Tát. Đã là thực hiện dài lâu, hành theo thứ tự cách biệt, thì chính là pháp tu chúng của Đại Thừa Biệt Giáo. Kinh Niết Bàn nói: “*Tứ Đế nhân duyên hữu vô lượng tướng, phi Thanh Văn, Duyên Giác sở tri*” (Nhân duyên của Tứ Đế có vô lượng tướng, hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể biết được). Vì thế nói là “*cứu viễn*” (久遠, lâu xa).

Hỏi: Ngài Địa Tạng phát tâm đã là Biệt, nay vì sao phán giáo [pháp môn này] giống như Viên?

Đáp: Phát tâm vốn là Viên, nhờ vào Biệt để nói. Kinh Duy Ma dạy: “*Tuy tri chư Phật quốc, cập dữ chúng sanh không, nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa u quần sanh. Chư hữu chúng sanh loại, hình thanh cập oai nghi, vô úy lực Bồ Tát, nhất thời năng tận hiện*” (Tuy biết các cõi Phật và chúng sanh đều là không, nhưng thường tu Tịnh Độ, giáo hóa các quần sanh. Đối với các loài chúng sanh trong các cõi, bậc Bồ Tát có sức vô úy đều có thể trong cùng một lúc mà hiện trọn hết các hình tướng, âm thanh và oai nghi). “*Hạnh Biệt, tâm Viên*” đã được nói rõ

### **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú**

trong đoạn kinh văn ấy. Nhưng Phần Viên chính là Biệt, dung thông Biệt thì chính là Phần Viên, chẳng thể luận định ý nghĩa theo kiểu nhất loạt được!

#### **3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2. Phát độ sanh chi nguyện (phát nguyện độ sanh)**

*(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thời trưởng giả tử nhân phát nguyện ngôn: “Ngã kim tận vị lai tế, bất khả kế kiếp, vị thị tội khổ lục đạo chúng sanh, quảng thiết phương tiện, tận linh giải thoát, nhi ngã tự thân, phương thành Phật đạo”.*

**(經)文殊師利! 時長者子因發願言: 我今盡未來際, 不可計劫, 為是罪苦六道眾生, 廣設方便, 盡令解脫, 而我自身, 方成佛道。**

*(Kinh: Này Văn Thù Sư Lợi! Khi ấy, ông trưởng giả do vậy bèn phát nguyện: “Cho đến hết đời vị lai chẳng thể tính kiếp, con sẽ vì các chúng sanh tội khổ trong lục đạo mà rộng lập bày phương tiện, khiến cho họ được giải thoát rồi bản thân con mới thành Phật đạo”).*

Đây là nêu ra lời phát nguyện trong thưở xưa của vị trưởng giả. Hai câu kể từ “ngã kim” (con nay) nêu rõ lúc [bắt đầu] độ sanh. Câu “vị thị tội khổ” (vì những người tội khổ này) nói rõ căn cơ được hóa độ. Bốn câu từ “quảng thiết” (rộng lập bày) nêu bày điều Ngài phát nguyện. “Tội khổ lục đạo”: Kinh Pháp Hoa nói: “Kiến lục đạo chúng sanh, bản cùng vô phước huệ, nhập sanh tử hiểm đạo, tương tục khổ bất đoạn” (Thấy lục đạo chúng sanh, nghèo túng, không phước huệ, vào đường hiểm sanh, liên tục khổ chẳng ngừng). Tuy [sáu đường] phân chia thành thiện hay ác, nhưng đều chẳng tránh khỏi nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử!

“Quảng thiết phương tiện” (Rộng lập phương tiện) là chuyện trọng yếu để xuất Giả. Sách Ma Ha Chỉ Quán viết: “Nhân duyên để nhập Giả, nói đại lược thì có năm điều: Một là tâm từ bi sâu nặng. Hai là nhớ đến thế nguyện của chính mình. Ba là trí huệ nhạy bén. Bốn là phương tiện hay khéo. Năm là sức đại tinh tấn”. Nếu đối chiếu những điều trên đây với đoạn kinh văn ở đây thì mỗi mỗi đều trọn đủ. Căn cơ đã chẳng phải là một loại thì pháp cũng có nhiều môn. Vì thế, rộng lập phương tiện khiến cho bốn môn đều nhập. Đối với giải thoát mà nói là “tận linh” (khiến cho trọn hết) thì như kinh Tiểu Phẩm Bát Nhã đã nói: “Nhược

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

thai, noãn, thấp, hóa đấng, ngã giai linh nhập Vô Dur Niết Bàn” (Đối với các loài sanh bằng thai, trứng, thấp sanh, hóa sanh v.v... ta đều khiến cho họ nhập Vô Dur Niết Bàn) chính là ý này. Kinh Phổ Diệu dạy: “Vô ngũ thú, ngũ ám, lục suy, tắc thị Nê Hoàn” (Chẳng có năm đường, năm ám, sáu điều suy<sup>63</sup>, thì chính là Niết Bàn), đây chính là ý chỉ của kinh này. “Ngã phương thành Phật đạo” (Ta mới thành Phật đạo): Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tự vị đắc độ, tiên độ chúng sanh giả, Bồ Tát phát tâm dã” (Chính mình chưa đắc độ mà đã độ chúng sanh trước, đó là Bồ Tát phát tâm). Năm điều trong sách Ma Ha Chỉ Quán [như vừa trích dẫn trên đây] đã giải thích đại lược chuyện này. Nếu có tâm mong muốn như thế, dầu ở trong sanh tử phiền não, vẫn chẳng thể tổn hại trí huệ của ta được, [những thứ] ngăn chướng, gây nạn càng giúp cho hóa đạo [mạnh mẽ] vậy!

**3.1.2.2.3.2.2.1.2. Thị kim nhân vị độ sanh (chỉ ra sự độ sanh trong địa vị tu nhân trong hiện thời)**

**(Kinh) Dĩ thị u bỉ Phật tiền, lập tư đại nguyện. Ư kim bách thiên vạn ức na-do-tha bất khả thuyết kiếp thượng vi Bồ Tát.**

**(經)以是於彼佛前，立斯大願。於今百千萬億那由他不可說劫尚為菩薩。**

**(Kinh: Do Ngài đối trước đức Phật ấy, lập ra đại nguyện đó, cho đến nay, trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha bất khả thuyết kiếp vẫn làm Bồ Tát).**

Trong kinh Hoa Nghiêm, Hiền Thủ Bồ Tát nói: “Nhuộc hữu Bồ Tát sơ phát tâm, thế cầu đương chứng Phật Bồ Đề, bỉ chi công đức vô biên tế, bất khả xưng lượng, vô dữ đấng! Hà huống vô lượng vô biên kiếp, cụ tu địa độ chư công đức, Thập Lực nhất thiết chư Như Lai, tất cộng xưng dương bất năng tận. Dĩ thử Bồ Tát văn viên pháp, khởi viên tín, lập viên hạnh, trụ viên vị, dĩ viên công đức nhi tự trang nghiêm, dĩ viên lực dụng kiến lập chúng sanh” (Nếu có Bồ Tát sơ phát tâm, thế cầu chứng quả Bồ Đề của Phật, công đức của người ấy chẳng có ngần mé, chẳng thể kể lường, chẳng sánh bằng! Huống hồ trong vô lượng vô biên

<sup>63</sup> Sáu điều suy (lục suy) chính là lục trần (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp). Do sáu trần này dễ khiến vọng tâm sanh khởi, mê muội chân tánh, nên cũng gọi là Lục Suy.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

kiếp, tu đủ các công đức thuộc các địa vị và các độ (Ba La Mật) thì mười phương hết thấy các đức Như Lai đều cùng ca ngợi chẳng thể cùng tận. Do vị Bồ Tát ấy nghe pháp viên mãn, đầy lòng tin viên mãn, lập hạnh viên mãn, trụ nơi địa vị viên mãn, dùng công đức viên mãn để tự trang nghiêm, dùng sức viên mãn để kiến lập chúng sanh). Sơ tâm còn như thế, huống hồ trung, hậu tâm. Vì thế, sách Tứ Giáo Nghĩa viết: “*Do vậy, giảng kinh, thuyết pháp trong một tông, ắt cần phải khéo léo cởi gỡ [những nghi vấn] cho hàng sơ tâm. Nếu là người thuộc địa vị sâu xa của bậc hiền thánh, chỉ cần chỉ vẽ đôi chút là được rồi. Người học Phật đạo, chớ nên không biết!*”

#### ***3.1.2.2.3.2.2.2.2. Thị thánh nữ ức mẫu cảm Phật (dạy về thánh nữ nhớ mẹ cảm Phật)***

Phần này chia thành hai:

- Nêu bày hạnh nguyện.
- Từ “*Phật cáo Văn Thù*” (đức Phật bảo Văn Thù) trở đi, kết lại chuyện xưa nay.

#### ***3.1.2.2.3.2.2.2.2.1. Đăng tích hạnh nguyện (nêu rõ hạnh nguyện xưa)***

Phần này chia thành hai:

- Nêu ra chuyện đã làm trong lúc tu nhân.
- Tô rõ Bồ Tát phát nguyện rộng lớn.

#### ***3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1. Cử sở hành nhân sự (nêu ra chuyện đã làm trong lúc tu nhân)***

#### ***3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.1. Cử Phật hiệu kiếp thọ (nêu ra danh hiệu Phật, kiếp số, và thọ lượng)***

(*Kinh*) *Hựu ư quá khứ bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp, thời thế hữu Phật, hiệu viết Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai.*

**(經)又於過去不可思議阿僧祇劫，時世有佛，號曰覺華定自在王如來。**

(*Kinh*): *Lại trong quá khứ chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp, thuở ấy, trong cõi đời có Phật, hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai.*

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

A-tăng-kỳ (Asamkhyeya), hoặc A-tăng-xí-da, cõi này dịch là Vô Ương Số (Ương (央) là cùng tận). Kinh Bồ Tát Địa Trì nói: “*Nhất giả, nhật, nguyệt, trú, dạ, tuế số vô lượng. Nhị giả, đại kiếp vô lượng, danh A-tăng-kỳ*” (Một là ngày, tháng, ban đêm, ban ngày, năm, số lượng của chúng đều đến vô lượng. Hai là đại kiếp vô lượng, gọi là A-tăng-kỳ). Ý nghĩa của chữ Kiếp như đã nói trong phần trên. Nhưng A-tăng-kỳ kiếp chẳng thể nghĩ bàn như thế, đức Phật ta (Thích Ca Mâu Ni Phật) thấy giống như trong hiện thời. Sức Túc Mạng Trí há nghĩ bàn được ư? Như xưa kia, vua Phân Hòa Đàn đấu trí với đức Phật, đức Phật bảo nhà vua: “*Dùng nước biển làm nghiên mực, chặt cây làm bút để viết những kinh ta biết. Dù nước biển cạn khô, chặt sạch cây cối, kinh của ta chẳng hết. Vì có sao vậy? Phật có ba đạt trí (trí thông đạt), từ xưa đến nay không gì chẳng thông đạt*”. Đây là chuyện trong kiếp quá khứ nhiều như số vi trần, [Như Lai thấy rõ ràng] như nhìn quả Am-ma-lặc (quả xoài) đặt trong lòng bàn tay.

Giác Hoa Định Tự Tại Vương là dùng Định để đặt tên. Kinh Duy Ma nói: “*Giác ý tịnh diệu hoa*” (Hoa giác ý thanh tịnh, màu nhiệm). “*Giác*” chính là tánh Bản Giác. Nhục đoàn tâm (quả tim thịt) hình dạng như đóa hoa sen có tám cánh, tức là biểu thị tám thức Tâm Vương, mỗi cánh là một vị Như Lai. Kinh Như Lai Tạng nói: “*Phật quán nhất thiết phiền não tâm trung, hữu Như Lai kết già phu tọa, nghiêm nhiên bất động, đức tướng cụ túc*” (Phật quán trong hết thấy cái tâm phiền não có một vị Như Lai ngồi xếp bằng, nghiêm nhiên bất động, đức tướng trọn đủ). Đây chính là thiên nhiên Tánh Đức mà các hàm linh vốn sẵn có. Hễ mê thì là phàm, ngộ thì là thánh. Trong lúc tu nhân, đức Phật ấy thường quán giác hoa đó trong tam-muội. Vị Phật nào cũng đều đang ở trong Định. Giác tánh hiển lộ trọn vẹn, tâm hoa nở ngay lập tức. Hoặc là từ một căn mà nhập Chánh Thọ, từ các căn mà xuất Định. Hoặc từ các căn nhập Chánh Thọ, từ một căn xuất Định. Hoặc từ một căn vừa xuất vừa nhập, hoặc chẳng xuất nhập. Hoặc từ một căn, một trần liền xuất nhập, liền vừa xuất vừa nhập, hoặc chẳng xuất nhập. Cho đến các phương khác, cũng giống như thế. Dù y báo hay chánh báo, đều đắc đại tự tại, tức là Tam Muội Vương, cho nên hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, tức là Báo Thân Phật, do Đệ Nhất Nghĩa Đế mà gọi là Như, do Chánh Giác mà gọi là Lai.

**(Kinh) Bỉ Phật thọ mạng tứ bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ kiếp.**

**(經)彼佛壽命四百千萬億阿僧祇劫。**

*(Kinh: Thọ mạng của đức Phật ấy là bốn trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp).*

“*Bỉ Phật thọ mạng*” (Thọ mạng của đức Phật ấy): Phạm là Phật, ắt phải luận định ba thân, đối với mỗi thân, đều nói đến thọ mạng. Pháp Thân chẳng có thọ và phi thọ, chẳng phải là có số lượng, chẳng phải là không có số lượng. Nay đã luận về kiếp số thì chẳng phải là Pháp Thân. Ứng Thân nhiều lượt hiện sanh, hiện diệt. Nay đã nói “*bốn trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp*”, tức chẳng phải là Ứng Thân. Đây là nói về Báo Thân, cảnh và trí tương ứng thì gọi là Thọ, trí huệ là Mạng. Dùng Như Như Trí để khế hợp cảnh Như Như; Cảnh phát khởi Trí là Báo, Trí ngầm hợp Cảnh là Thọ. Cảnh đã là vô lượng biên, thường trụ bất diệt, Trí cũng như thế. HỘ to thì nắp cũng to. Nói “*ngã trí lực như thị, cứu tu nghiệp sở đắc, huệ quang chiếu vô lượng, thọ mạng vô số kiếp*” (trí lực ta như thế, nghiệp tu lâu bền đắc, huệ quang chiếu vô lượng, thọ mạng vô số kiếp) chính là thọ mạng của cái mạng Báo Thân Trí Huệ. Do vậy, đức Phật có thọ mạng lâu xa như thế đó.

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2. Thuật thánh nữ nhân hạnh (trường thuật nhân hạnh của thánh nữ)**

Phần này gồm hai phần:

- Trần thuật, khi mẹ còn sống, thánh nữ đã khuyên mẹ sanh chánh kiến.

- Trần thuật sau khi mẹ chết, bèn nhớ mẹ, mong biết chỗ mẹ sẽ sanh về.

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.1. Thuật sanh tiền khuyên mẫu chánh kiến (trần thuật, khi mẹ còn sống, thánh nữ đã khuyên mẹ sanh chánh kiến)**

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.1.1. Thánh nữ phước hậu (thánh nữ phước sâu dày)**

**(Kinh) Tượng Pháp chi trung, hữu nhất Bà-la-môn nữ, túc phước thâm hậu, chúng sở khâm kính, hành, trụ, tọa, ngọa, chư thiên vệ hộ.**



**(經)像法之中，有一婆羅門女，宿福深厚，眾所欽敬，行住坐臥，諸天衛護。**

*(Kinh: Trong đời Tượng Pháp, có một cô gái thuộc giai cấp Bà-la-môn, phước xưa sâu dày, được mọi người khâm phục, cung kính, đi, đứng, ngồi, nằm, chư thiên bảo vệ).*

Chỉ rõ sau khi đức Phật nhập diệt, vào đời Tượng Pháp kiên cố. Tượng (像) tức là có hình dạng hơi giống. Hàn Tử nói: “*Tượng (象, voi) là một loài thú lớn ở phương Nam, Trung Quốc chẳng biết, chỉ thấy hình vẽ rồi viết về nó. Vì thế, mượn nghĩa này nhằm giải thích ý nghĩa tương tự*”. Đừng hiểu Tượng [trong Tượng Pháp] phải viết là Tượng (像), [nếu hiểu như vậy] thì sai mất rồi! Nhưng do thói quen lưu truyền đã lâu, khó thể sửa đổi, [cho nên vẫn viết Tượng Pháp là “像法”].

Chữ Bà-la-môn (Brahman) được Phổ Môn Sớ dịch là Tịnh Hạnh. Chúng tộc này có từ thời kiếp sơ, tự hưởng thanh nhàn trong núi non, đồng vắng, nên mọi người gọi họ là Tịnh Hạnh. Trong tiếng Phạn, nữ được gọi là Na, ở đây dịch là Nữ, tức là cô gái chưa kết hôn. Câu này nhằm nêu ra chủng loại, câu kế tiếp tán thán đức hạnh. “*Túc phước thâm hậu*” nói rõ cái nhân thù thắng trong quá khứ. Đại Luận nói: “*Quả báo là phước. Nói đại lược thì có ba loại: Một là bố thí phước, tương phản với cái tâm keo kiệt. Hai là trì giới phước, tương phản với ác nghiệp. Ba là tu Định phước, tương phản với sân loạn trong Dục Giới*”. Vị thánh nữ này trong đời quá khứ đã tu ba phước sâu dày, khiến cho thân thích, họ hàng, người nhà, làng nước đều khâm phục, cung kính. Kinh Pháp Hoa nói: “*Đoan chánh hữu tướng chi nữ, túc thực đức bốn, chúng nhân ái kính*” (Người nữ có tướng đoan chánh, đời trước đã gieo cội đức, được mọi người kính yêu) chính là nói về ý này. Há chỉ là được mọi người khâm phục, cung kính? Phàm là trong bốn oai nghi, hết thấy chư thiên, thần, quý, không ai chẳng vây quanh bảo vệ, ủng hộ! Bởi lẽ phước lấy Bi và Kính làm khởi nguồn. Bi là thương xót những kẻ gian nan, cay đắng trong đường khổ, mong cứu giúp họ thoát lìa. Kính là biết Phật pháp khó thể gặp gỡ, lắng lòng tin tưởng, ngưỡng mộ rộng lớn. Do vậy, tuy là thiếu nữ, đã trọn đủ nguyện tâm của bậc Đại Sĩ, cho nên cảm chư thiên bảo vệ, ủng hộ!

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.1.2. Tà mẫu tội trọng (mẹ tà kiến, tội nặng)**

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.1.2.1. Thánh nữ phương tiện khuyến mẫu (thánh nữ dùng phương tiện khuyên mẹ)**

*(Kinh) Kỳ mẫu tín tà, thường khinh Tam Bảo. Thị thời thánh nữ, quảng thiết phương tiện, khuyến dụ kỳ mẫu, linh sanh chánh kiến.*

**(經)其母信邪，常輕三寶。是時聖女，廣設方便，勸誘其母，令生正見。**

*(Kinh: Mẹ cô ta tin theo tà thuyết, thường khinh Tam Bảo. Khi ấy, thánh nữ rộng lập phương tiện để khuyên nhủ mẹ, khiến bà sanh chánh kiến).*

Tín là sự chân thật nơi tâm. Ngũ Thường, Bách Hạnh, hễ tin thì sẽ thật sự có lý ấy. Chẳng tin bèn quên bẵng! Bà ta đã tin tà, chánh tín đã mất. “Tà” (邪) là tà kiến, tâm rong ruổi vượt ra ngoài lý. Bên trong đã chấp vào tà kiến, cho nên [thể hiện ra] ngoài là khinh miệt Tam Bảo, trở thành Nhất Xiển Đề (Icchantika), tạo tội Ngũ Vô Gian. Thuần Đà (Cunda Kammāraputra) hỏi Phật: “*Nhất Xiển Đề có nghĩa là như thế nào?*” Đức Phật dạy: “*Nhược hữu tứ chúng, phát thô ác ngôn, phỉ báng chánh pháp, ngôn vô Phật pháp chúng, bất tín nhân quả, bất tín nghiệp báo, bất thân thiện hữu, bất tùy chư Phật giáo giới, danh Nhất Xiển Đề*” (Nếu có tứ chúng thốt lời thô ác, phỉ báng chánh pháp, bảo là không có những người tin theo Phật pháp, chẳng tin nhân quả, chẳng tin nghiệp báo, chẳng thân cận bạn lành, chẳng tuân theo lời răn dạy của chư Phật, thì gọi là Nhất Xiển Đề). Bởi lẽ, Nhất Xiển (Icchan) là Tín, Đề (Tika) là “chẳng trọn đủ”. Lòng tin đã không trọn đủ thì gọi là Nhất Xiển Đề. Chẳng có lòng tin, tự nhiên sẽ thường khinh rẻ Tam Bảo, tội nghiệp sâu dày. Thánh nữ biết mẹ tà hạnh, ắt chìm đắm trong biển khổ. Do vậy, thiết tha kề cận, ân cần sáng tối, rộng nói pháp khéo léo, khuyến hóa, dẫn dụ, ắt khiến cho mẹ thường giữ được chánh kiến, tin tưởng, tôn trọng Tam Bảo để tránh khỏi nỗi khổ về sau. Ấy là vì Chánh Kiến đứng đầu Bát Chánh Đạo.

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.1.2.2. Tà mẫu tội trọng đọa khổ (bà mẹ tà kiến do tội nặng, đọa trong đường khổ)**

*(Kinh) Nhi thử nữ mẫu, vị toàn sanh tín. Bất cứu mạng chung, hồn thân đọa tại Vô Gián địa ngục.*

**(經)而此女母，未全生信。不久命終，魂神墮在無間地獄。**

*(Kinh: Nhưng mẹ của cô gái ấy chưa hoàn toàn sanh lòng tin tưởng. Chẳng lâu sau, mạng chung, hồn thân đọa trong địa ngục Vô Gián).*

Chữ A Ma trong tiếng Phạn, cõi này dịch là “*nữ mẫu*” (mẹ của cô gái). [Bà mẹ] do tạm thời được khuyên dụ mà tin đôi chút, nhưng vẫn theo thói cũ mà còn mang tâm tà kiến. Ác nghiệp đã sâu, tín tâm tự khuyết. Chẳng bao lâu sau, thọ mạng chấm dứt. Làm lành thì sanh lên trời, tạo ác ắt sa xuống vực. Do ác nghiệp đã chín muồi, hồn thân tẩm thức theo nghiệp đọa vào Vô Gián. Phật Thuyết Ha Điều A Na Hàm Kinh có nói: “*Bạch y bất tín Phật ngữ giả, tiện đương đọa Nê Lê trung*” (Kẻ bạch y (người tại gia) chẳng tin lời Phật, sẽ đọa trong địa ngục). Ngục Nê Lê trọn chẳng gọi người, người theo nghiệp mà tự hiện thân trong đó!

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2. Thuật tử hậu ức mẫu sanh giới** (trần thuật sau khi mẹ chết, con nhớ mẹ, chẳng biết mẹ sanh trong cõi nào)

Phần này gồm hai đoạn:

- Bán nhà để cúng dường, cảm trên không có tiếng an ủi, khuyên bảo.

- Vâng lời dạy niệm Phật, mộng thấy Quỷ Vương chỉ dạy.

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.1. Mại trạch hưng cúng** (bán nhà để cúng dường)

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.1.1. Vị mẫu mại trạch hưng cúng** (vì mẹ bèn bán nhà để cúng dường)

*(Kinh) Thời, Bà-la-môn nữ, tri mẫu tại thế, bất tín nhân quả, kế đương tùy nghiệp, tất sanh ác thú. Toại mại gia trạch, quảng cầu hương hoa, cập chư cúng cụ. Ư tiên Phật tháp tự, đại hưng cúng dường.*

**(經)時，婆羅門女，知母在世，不信因果，計當隨業，必生惡趣。遂賣家宅，廣求香華，及諸供具。於先佛塔寺，大興供養。**

*(Kinh: Khi ấy, cô Bà-la-môn biết mẹ lúc còn sống, chẳng tin nhân quả, xét theo nghiệp, ắt phải sanh trong đường ác. Liền bán nhà cửa để mua sắm nhiều thứ hương, hoa, và các vật cúng. Đối trước chùa, tháp thờ đức Phật trên đây mà cúng dường trọng thể).*

Chữ Tri (知, biết) chính là cội nguồn để cứu mẹ. Thiện ác đắp đổi, tội phước đối địch nhau! Ác thì gục xuống, đọa lạc, thiện thì thăng lên thơ thới. Do vậy, các pháp tội ác chớ nên chẳng trừ khử; công phước thiện há chẳng nên tạo? Hoảng dương điều thiện, nêu rõ sự vui sướng chốn thiên đường. Trùng phạt sự sai trái, tỏ rõ sự chua xót, đắng cay nơi địa ngục! Hiềm rằng kẻ tà kiến dây lên kiến chấp đoạn diệt, thốt lời bài bác nhân quả; cội nguồn do căn bệnh mê si. Bởi lẽ, kẻ ngu si chẳng biết nhân quả, làm lạc dây lên tà kiến, phá pháp thiện, ác, gọi là “*đoạn thiện căn*”, chắc chắn đọa vào địa ngục A Tỳ. Nay thánh nữ biết mẹ lúc còn sống, bệnh mê si đã nặng, thường khinh miệt Tam Bảo, suy ra chết đi, ắt sẽ theo nghiệp, sanh trong đường ác.

Từ ngữ A Ba Na Già Đê (Aparagati) trong tiếng Phạn, cội này dịch là “*ác thú*” (惡趣, đường ác). Đoạn này nói rõ bà mẹ mang tội, nghiệp chướng nặng nề; sau đó, nói ra phương pháp cứu mẹ. Người ta có nhà cửa là để an thân, nay vì cứu mẹ, rảnh đâu mà tiếc thân, cho nên bán sạch của cải để lấy tiền lo liệu hồng mua sắm rộng rãi các món vật cúng. Hương, hoa là những thứ đứng đầu để dâng cúng, là bước đầu để biểu lộ lòng thành. Hương có thể khử ô uế, hoa trọn đủ cái nhân viên mãn. Thiên tử Phí Thị<sup>64</sup> đã nói: “*Hoi thối trong loài người đã xông lên tận hư*

<sup>64</sup> Đây là một vị trời được nhắc đến trong bộ sách Tướng Luật Cảm Thông Truyện của ngài Đạo Tuyên. Theo đó, khi Tổ hỏi về các vị trời, một vị thiên nhân đã cho biết ông ta họ là Phí, là thuộc hạ của Vi Đà Bồ Tát. Vi Đà Bồ Tát họ Vi, tên là Côn, chính là một trong tám vị tướng quân của Nam Phương Thiên Vương, phát nguyện ủng hộ, hoảng dương Phật pháp sâu xa. Thiên nhân Phí Thị cho biết: “*Đệ tử vào thời Phật Ca Diếp, sanh trong Tứ Vương Thiên, làm thuộc hạ của Vi Tướng Quân (Vi Đà Bồ Tát). Chư thiên say sưa tham dục, con do sức tức nguyện nên chẳng bị say đắm bởi dục lạc cõi trời, giữ phạm hạnh thanh tịnh, kính trọng giới luật. Vi Tướng Quân đồng chân phạm hạnh, chẳng hưởng dục lạc cõi trời. Dưới mỗi vị thiên vương có*

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*không, chư thiên thanh tịnh không ai chẳng chán ghét, nhưng do vô ý nhận lời đức Phật dặn dò, giao phó, chư thiên chẳng dám không đến”. Vì thế, trong Phật pháp, hương là sứ giả của Phật. Hương, hoa đã đầy đủ, bèn soạn bày các món ăn ngon. Treo phan, lọng phát phơ, giăng chuỗi ngọc lóng lánh trước tháp thờ đức Phật đã nhập diệt là Giác Hoa Định Tự Tại Vương, khởi lên sự cúng dường rộng lớn trong pháp giới.*

Tháp Bà (Stūpa) là danh xưng trong tiếng Phạn, chính là nơi chôn giấu xương Phật. “Tự” (寺) là Tự (嗣, nối tiếp), [ý nói] là chỗ những người lo liệu công việc sẽ tiếp nối nhau trong ấy<sup>65</sup>, mà cũng là từ ngữ chỉ chung cảnh giới để hết thảy chúng tăng tu đạo trong mười phương.

### ***3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.1.2. Kiến tượng, mặc niệm, không thị (thấy tượng, thâm niệm, trên không có tiếng chỉ dạy)***

Phần này chia thành hai đoạn:

- Thấy Phật nổi lòng nghi.
- Trên hư không có tiếng chỉ dạy nơi chốn.

### ***3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.1.2.1. Kiến Phật hưng nghi (thấy Phật nổi lòng nghi)***

### ***3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.1.2.1.1. Kiến Phật lễ kính (thấy Phật bèn lễ kính)***

*(Kinh) Kiến Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, kỳ hình tượng tại nhất tự trung, tổ họa oai dung, đoan nghiêm tất bị. Thời Bà-la-môn nữ, chiêm lễ tôn dung, bội sanh kính ngưỡng.*

**(經)見覺華定自在王如來，其形像在一寺中，塑畫威容，端嚴畢備。時婆羅門女，瞻禮尊容，倍生敬仰。**

---

*tám vị tướng quân. Tứ Thiên Vương có tất cả ba mươi hai vị tướng quân, trọn khắp thiên hạ, lui tới bảo vệ những người xuất gia”. Những điều trích dẫn trong sách Khoa Chú về thiên nhân họ Phí đều trích từ sách ấy.*

<sup>65</sup> “Tự” theo nghĩa gốc là cơ quan làm việc, chẳng hạn Hồng Lô Tự, Đại Lý Tự, Thái Thường Tự, Quang Lộc Tự... trực thuộc sáu bộ. Chùa được gọi là Tự vì thoát đầu các vị Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan được Hồng Lô Tự Khanh mời tạm trụ tại dinh thự của Hồng Lô Tự. Nơi đó về sau biến thành Bạch Mã Tự.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Thấy hình tượng của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai trong một ngôi chùa, dung nhan oai thần được đắp vẽ tròn đủ đoan nghiêm. Khi ấy, cô gái Bà-la-môn chiêm ngưỡng, lễ bái tôn dung, sanh lòng kính ngưỡng bội phần).

Đoạn này nói [cô gái Bà-la-môn] đến chùa cúng dường, ngẩng đầu nhìn tượng Phật: Kim dung chói ngời, trang nghiêm hiển lộ đẹp đẽ. Trong lúc chiêm ngưỡng, lễ bái, kính ngưỡng bội phần. Cần phải biết: Chiêm ngưỡng, lễ bái tượng Phật, công đức khó nghĩ tượng! Như kinh Quán Phật Tam Muội nói: “*Quá khứ hữu Phật, hiệu Bảo Oai Đức Thượng Vương Như Lai. Thời hữu tỳ-kheo, dĩ cứu đệ tử vãng nghệ Phật tháp, kiến nhất bảo tượng, lễ dĩ tán thán. Hậu thời mạng chung, tất sanh Đông phương Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật quốc, đại liên hoa trung, hốt nhiên hóa sanh, tịnh tu phạm hạnh, đắc Niệm Phật tam-muội hải. Phật vị thọ ký, các đắc thành Phật. Kim Đông phương Thiện Đức Phật thị kỳ sư. Cửu phương Vô Ưu Đức Phật đẳng thị cứu đệ tử. Hựu Không Vương Như Lai Niết Bàn hậu, hữu tứ tỳ-kheo, đồng học Phật pháp, phiền não phú tâm, bất năng kiên trì, đa bất thiện nghiệp, đương đọa ác đạo. Không trung hữu thanh, ngữ tỳ-kheo ngôn: ‘Nhữ đẳng kim khả nhập tháp quán tượng, dĩ Phật tại thế đẳng vô hữu dị’. Văn không thanh dĩ, nhập tháp quán tượng mi gian hào tướng, tức tác niệm ngôn: ‘Như Lai tại thế, quang minh, sắc thân, dĩ thử hà dị? Phật đại nhân tướng, nguyện trừ ngã tội’. Do nhập tháp quán tượng hào tướng, sám hối nhân duyên, hậu bát thập ức A-tăng-kỳ kiếp, bất đọa ác đạo, thường kiến chư Phật, thọ ký thành Phật. Kim Đông phương A Súc, Nam phương Bảo Sanh, Tây phương Vô Lượng Thọ, Bắc phương Vi Diệu Thanh, tức tứ tỳ-kheo thị*” (Trong quá khứ có Phật, hiệu là Bảo Oai Đức Thượng Vương Như Lai. Khi ấy có vị tỳ-kheo và chín đệ tử đi đến tháp thờ Phật, thấy một tượng báu, lễ xong bèn tán thán. Về sau, mạng chung, đều sanh vào cõi của Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật tại phương Đông, ở trong hoa sen lớn, bỗng dung hóa sanh, tịnh tu phạm hạnh, đạt được biển Niệm Phật tam-muội. Đức Phật thọ ký cho các vị ấy đều được thành Phật. Nay Thiện Đức Phật ở phương Đông là vị thầy ấy, các vị như Vô Ưu Đức Phật v.v... ở chín phương là chín vị đệ tử. Lại nữa, sau khi Không Vương Như Lai nhập Niết Bàn, có bốn tỳ-kheo cùng học Phật pháp, do phiền não che lấp tâm, chẳng thể kiên trì, tạo nhiều nghiệp bất thiện, sắp đọa ác đạo. Trong hư không có tiếng bảo các vị tỳ-kheo: “Nay các ông có thể vào tháp quán tượng, sẽ chẳng khác gì Phật còn tại

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

thế”. Nghe tiếng nói trên hư không xong, họ bèn vào tháp, quán hào tướng giữa hai mày của tượng Phật, bèn suy nghĩ rằng: “Đức Như Lai tại thế thì quang minh và sắc thân khác với tượng này như thế nào? Phật là đấng có tướng đại nhân, nguyên trừ tội cho con”. Do nhân duyên vào tháp quán tướng bạch hào của Phật và sám hối, tám mươi ức A-tăng-kỳ kiếp sau, chẳng đọa ác đạo, thường thấy chư Phật, được thọ ký thành Phật. Nay Phật A Súc ở phương Đông, Phật Bảo Sanh ở phương Nam, Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây, Phật Vi Diệu Thanh ở phương Bắc chính là bốn vị tỳ-kheo). Do nhân duyên này, hành giả phải nên nhiều lượt quán Phật. Vì thế biết: Cúng dường, quán tượng, bà mẹ có tội được sanh lên trời chẳng nghi!

***3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.1.2.1.2. Tư niệm nghi tình (tự suy nghĩ, đầy lòng nghi)***

***(Kinh) Tư tự niệm ngôn: “Phật danh đại giác, cụ Nhất Thiết Trí. Nhược tại thế thời, ngã mẫu tử hậu, thăng lai vấn Phật, tất tri xứ sở”.***

**(經)私自念言：佛名大覺，具一切智。若在世時，我母死後，儻來問佛，必知處所。**

***(Kinh: Riêng tự nghĩ rằng: “Đức Phật là đấng Đại Giác, trọn đủ Nhất Thiết Trí. Nếu Ngài còn trên đời, sau khi mẹ tôi mất, nếu như tôi đến hỏi Phật, ắt sẽ biết nơi chốn”).***

“Tư” (私) là trong tâm tự hoài niệm, người khác chẳng biết. Tâm niệm Phật như tỉnh giác mộng lớn, đối với hết thấy các pháp, thấy biết vô ngại. Cao tột bậc nhất, gọi là Nhất Thiết Trí. Nếu như đức Phật còn trụ thế, mẹ ta đã khuất, nếu ta đến thưa hỏi Ngài chỗ mẹ sanh về, thăng, trầm, cao, thấp, nam, nữ, sang, hèn, ắt Ngài sẽ rủ lòng Từ chỉ dạy, an ủi ta.

***3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.1.2.2. Không thanh thị xứ (tiếng nói trên hư không dạy nơi chốn)***

Phần này chia làm hai:

- Khóc lóc, luyện mộ, nghe tiếng nói.

- Nghe tiếng nói, tự gieo mình xuống đất.

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.1.2.2.1. Khấp luyến văn thanh** (khóc lóc, luyến mộ, nghe tiếng nói)

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.1.2.2.1.1. Không thanh an ủy dụ** (tiếng nói trên hư không an ủi, phủ dụ)

**(Kinh) Thời, Bà-la-môn nữ, thùy khấp lương cứu, chiêm luyến Như Lai.**

**(經)時，婆羅門女，垂泣良久，瞻戀如來。**

**(Kinh: Khi ấy, cô Bà-la-môn lệ đẫm một lúc lâu, chiêm ngưỡng, luyến mộ Như Lai).**

Trước hết, trần thuật nỗi khổ tâm của thánh nữ. Không phát ra tiếng mà chảy nước mắt là Khấp (泣), tức là khóc thầm. “Chiêm” (瞻) là ngẩng lên nhìn, “luyến” (戀) là quyến luyến, hâm mộ. Lệ đẫm hồi lâu, chiêm ngưỡng, quyến luyến, chẳng rời đi, “mong Phật ắt dạy cho con biết mẹ đã sanh về đâu để độ thoát”. Kinh Quyết Định Tỳ Ni nói: “**Phật cáo Xá Lợi Phất: - Nhược trừ Như Lai trí huệ, cánh vô dư thừa nhi đắc độ thoát, đáo u Niết Bàn, năng thị chúng sanh giải thoát chi đạo, năng linh chúng sanh viễn ly tà đạo, thị hiện thánh đạo. Dĩ thị nghĩa cố, cố danh Như Lai**” (Đức Phật bảo Xá Lợi Phất: “Chỉ trừ trí huệ của Như Lai, trọn chẳng do thừa nào khác mà được độ thoát, đạt đến Niết Bàn, có thể dạy cho chúng sanh đạo giải thoát, có thể khiến cho họ xa lìa tà đạo, thị hiện thánh đạo. Do vì nghĩa này mà gọi là Như Lai”). Vì thế, chiêm ngưỡng, luyến mộ, mong sẽ ứng hiện cho con.

**(Kinh) Hốt văn không trung thanh viết: “Khấp giả thánh nữ, vật chí bi ai! Ngã kim thị nhữ mẫu chi khứ xứ”.**

**(經)忽聞空中聲曰：泣者聖女，勿至悲哀！我今示汝母之去處。**

**(Kinh: Bỗng nghe không trung có tiếng nói: “Này thánh nữ đang khóc lóc, đừng đau buồn quá mức! Ta nay sẽ dạy cho ngươi biết chỗ mẹ sanh về”).**



Kể đó, trần thuật chuyện tiếng nói trên không trung an ủi, phủ dụ. Đang ngay trong lúc [thánh nữ] sụt mướt, chiêm ngưỡng, luyến mộ, bỗng dung trong hư không có tiếng an ủi rằng: “Thánh nữ! Đừng buồn khóc, bi ai, quyến luyến quá mức! Người đã hành đại hiếu, dốc sạch của cải trong nhà để cúng dường, khóc lóc, luyến mộ, chiêm ngưỡng, nương cậy, ngậm ngậm mong được cảm thông chỉ dạy chỗ mẹ đã sanh về. Ta là bậc Đại Giác, trọn đủ Nhất Thiết Trí, sẽ dạy người chỗ mẹ đã sanh về, cần gì phải bi ai không nơi vậy?”

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.1.2.2.1.2. Vẫn không hà thần** (hỏi trên không trung là vị thần nào)

(Kinh) Bà-la-môn nữ hiệp chưởng hướng không, nhi bạch không viết: “Thị hà thần đức, khoan ngã ưu lự? Ngã tự thất mẫu dĩ lai, trú dạ ức luyến, vô xứ khả vấn, tri mẫu sanh giới”.

**(經)婆羅門女合掌向空，而白空曰：是何神德，寬我憂慮？我自失母已來，晝夜憶戀，無處可問，知母生界。**

(Kinh: Cô gái Bà-la-môn chấp tay, hướng lên không trung bạch rằng: “Là vị thần đức nào vui bớt nỗi lo nghĩ cho con? Kể từ khi con mất mẹ đến nay, ngày đêm nghĩ nhớ, không nơi nào để hỏi hòng biết chỗ mẹ sanh về”).

“Chấp tay hướng lên không trung”: Cảm kích tột bậc, vui mừng cùng cực. Như người đánh mất đồ vật, được chỉ dẫn bèn kiếm lại được; như người lạc đường được dẫn dắt quay về. Ý nghĩa của chữ Thần (神) như đã giải thích trong phần tựa đề kinh. Đức (德) là điều thiện vốn sẵn có, trực tâm là đức, là sự chánh trực vốn sẵn có trong tánh mạng. Vì thế, thuận theo lẽ trời là Thần, đều là bậc thông minh, chánh trực. “Khoan” (寬) là rộng, là thư thả. Trước kia, do nghĩ ngợi chôn mẹ sanh về, lo âu như bị vướng mắc vật gì; nay nghe tiếng nói trên hư không dạy bảo chỗ ấy, như vật thoát khỏi ngục, nhẹ nhàng, thơ thới vậy!

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.1.2.2.1.3. Không thanh cáo thị** (tiếng nói trên không trung dạy bảo)

*(Kinh) Thời, không trung hữu thanh, tái báo nữ viết: “Ngã thị nữ sở chiêm lễ giả, quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, kiến nữ ỨC MẪU BỘI U THƯỜNG TÌNH CHÚNG SANH CHI PHẦN, CỔ LAI CÁO THỊ”.*

**(經)時，空中有聲，再報女曰：我是汝所瞻禮者，過去覺華定自在王如來，見汝憶母倍於常情眾生之分，故來告示**

•

*(Kinh: Lúc bấy giờ, trên hư không có tiếng nói, lại báo thánh nữ rằng: “Ta là người mà người đang chiêm ngưỡng, lễ bái, tức quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, do thấy người nhớ mẹ gấp bội các chúng sanh thường tình, nên đến dạy bảo”).*

Có âm thanh mà không hiện tướng, hiển thị “*sanh mà vô sanh*”. Không có tướng mà có âm thanh, thị hiện “*diệt mà bất diệt*”. Nhớ mẹ gấp mấy lần thường tình, khen nài chí hiếu, cho nên cảm Phật đến dạy bảo. Nhưng mẹ chết mà con tưởng nhớ thì cũng là chuyện đương nhiên. Ngay khi con còn ở trong thai, mẹ đã chịu nỗi khổ mười tháng thai nghén. Tới khi con sanh ra, mẹ nhọc nhằn bú mớm suốt ba năm. Mao Thi<sup>66</sup> có viết: “*Ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao, vô phụ hà hồ, vô mẫu hà thị, xuất tặc hàm tuất, nhập tặc mị chí. Phụ hệ sanh ngã, mẫu hệ súc ngã, phủ ngã, súc ngã, trưởng ngã, dục ngã, cổ ngã, phúc ngã, xuất nhập phúc ngã. Dục báo chi đức, hạo thiên vông cực*” (Xót thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn. Không cha cậy ai? Không mẹ nhờ ai? Ta ra khỏi cửa, cha mẹ âu lo. Con về, yên dạ. Cha sanh ra ta, mẹ vỗ về ta, ẵm bồng, bú mớm, nuôi lớn thân ta, chăm sóc cho ta, ra vào bồng bế. Muốn báo ân đức, trời cao khôn thấu). Vì thế, Tăng Tử nói: “*Thân dã giả, phụ mẫu chi di thể dã*” (Thân ta là hình hài do cha mẹ để lại). Đã cùng là một Thể

---

<sup>66</sup> Mao Thi là kinh Thi do Mao Hanh và Mao Tranh biên tập, chỉnh lý dưới thời Tây Hán. Kinh Thi vốn là một tác phẩm sưu tập những bài dân ca thời Chiến Quốc Xuân Thu, do Khổng Tử biên tập, chỉnh lý. Sau khi Tần Thủy Hoàng đốt sách, chôn học trò, tác phẩm này cũng bị tàn khuyết ít nhiều. Do vậy, đến đời Hán, Khổng giáo đại thịnh, mới có chuyện chỉnh lý các bản kinh điển Nho gia bị tàn khuyết. Mao Hanh và Mao Tranh đã sưu tập các dị bản đương thời, đối chiếu, cân nhắc, chỉnh lý thành một bản kinh Thi hoàn chỉnh. Để phân biệt với công trình chỉnh lý kinh Thi của những người khác, bản này được gọi là Mao Thi. Bài thơ “*ai ai phụ mẫu*” nói ở đây chính là bài Lục Nga trong phần Tiểu Nhã của kinh Thi.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

với cha mẹ, mẹ đã chết, chẳng trở lại nữa, há con chẳng tưởng nhớ mẹ luôn nghĩ đến con ư? Nhưng thánh nữ đã bán nhà để cúng dường, lễ Phật cầu biết [chỗ mẹ sanh về], nhờ phước bố thí để hồi hướng cho mẹ, cây vào lòng Từ của Phật chỉ dạy nơi chốn. Cố nhiên là hạng thường tình chẳng thể mong sánh bằng, cho nên Phật thị hiện âm thanh trên không trung để bảo chỗ mẹ sanh về. Than ôi! Lòng thuần hiếu động trời, lòng chí thành cảm Phật. Xem ra, vị thánh nữ này hiển nhiên là như thế đấy!

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.1.2.2.2. Văn thanh tự phác** (nghe tiếng bèn gieo mình xuống đất)

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.1.2.2.2.1. Cầu thuyết mẫu sanh giới** (xin nói chỗ mẹ sanh về)

*(Kinh) Bà-la-môn nữ văn kỳ thanh dĩ, cử thân tự phác, chi tiết giai tổn, tả hữu phù thị, lương cứu phương tô, nhi bạch không viết: “Nguyện Phật từ miễn, tốc thuyết ngã mẫu sanh giới. Ngã kim thân tâm tương tử bất cứu”.*

**(經)婆羅門女聞此聲已，舉身自撲，支節皆損，左右扶侍，良久方蘇，而白空曰：願佛慈愍，速說我母生界。我今身心將死不久。**

*(Kinh: Cô gái Bà-la-môn nghe tiếng ấy xong, toàn thân tự gieo xuống đất, chân tay đều bị tổn thương, người chung quanh nâng đỡ, hồi lâu mới tỉnh, bèn hướng lên không trung, bạch rằng: “Nguyện Phật từ bi xót thương, mau nói chỗ mẹ con sanh về. Nay con thân tâm không lâu sau sẽ chết”).*

Tình dậy lên bên trong, tiếng cảm bên ngoài, toàn thân gieo sụp xuống lễ bái như Thái Sơn sụp lở! Nôn nóng muốn biết chỗ mẹ sanh về, đầu rảnh để tiếc nuôi hình hài, đến nỗi các đốt xương nơi chân tay đều bị tổn hoại mà ngất lịm đi. “Tả hữu phù thị”: “Tả” (Bên trái) là chỗ thiên đạo dấy lên, là nơi địa đạo ngưng nghỉ. [Chữ Tả (左) và chữ Hữu (右)] đều thể hiện ý nghĩa “gắn với thân thể” giống như hình thể đưa tay nâng đỡ. Tay trái không thuận tiện, cho nên mang ý nghĩa xa thân [hơn tay phải]. Tay phải thuận thể, dùng sức nhiều hơn. [Trong chữ Hữu] lại thêm chữ Khẩu (口), [nhằm thể hiện ý nghĩa] giúp đỡ lẫn nhau. Do các thị tỳ

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

(những người hầu gái, đầy tớ gái) vón quanh quần bên chủ nhân, nên họ liền nâng [cô chủ] dậy, chăm sóc. Tô (蘇) là chết rồi sống lại. Kinh Hoàng Đình nói: “*Lâm tuyệt hô chi diệc phục tô*” (Đã chết ngất rồi, kêu gọi bèn tỉnh lại). Theo thói quen thường viết Tô thành “甦” là sai. Đoạn này là vị trùng tuyên kinh thuật chuyện, kể đó là [thánh nữ] xin [đức Phật hãy] nói chỗ mẹ sanh về, nhưng cô ta nóng ruột, xin hãy mau nói, vì tự biết thân tàn, tâm khổ, không lâu sau sẽ chết.

#### ***3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.1.2.2.2.2. Thị phản xá niệm Phật (dạy hãy trở về nhà niệm Phật)***

***(Kinh) Thời, Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai cáo thánh nữ viết: “Nhữ cúng dường tất, dẫn tảo phản xá, đoan tọa tư duy ngô chi danh hiệu, tức đương tri mẫu sở sanh khứ xứ”.***

***(經)時，覺華定自在王如來告聖女曰：汝供養畢，但早返舍，端坐思惟吾之名號，即當知母所生去處。***

***(Kinh: Khi ấy, Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai bảo thánh nữ rằng: “Ngươi cúng dường xong, hãy mau trở về nhà, ngồi ngay ngắn, tư duy danh hiệu của ta, sẽ liền biết chốn mẹ sanh về”.***

“*Tảo phản xá*” (Sớm quay về nhà), “*phản*” (返) là trở lại. Xét theo Sự, đức Phật bảo cô hãy nhanh chóng quay về nhà. Xét theo pháp, Xá biểu thị Ngũ Âm, [tức là] dạy cô ta hãy trở lại quán Ngũ Âm, thì Tâm Vương Trí Độ Mẫu sẽ ngay lập tức tự hiện, cho nên bảo hãy “*đoan tọa tư duy*”. “*Đoan tọa*” (端坐) tức là ngồi theo thế Kim Cang Chánh Tọa (Vajrāsana), còn gọi là Toàn Già (Padmāsana, ngồi theo tư thế hoa sen, ngồi kiết già), hoặc Bán Già. Thiền Na (Dhyāna) được gọi là Tư Duy Tu, dụng ý dạy cô ta hãy tu Niệm Phật tam-muội. Vì thế, “ngồi suy nghĩ danh hiệu của ta, sẽ biết ngay chỗ mẹ đã sanh về!”

#### ***3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2. Thọ giáo niệm Phật, mộng Quý Vương chỉ thị (vâng lời dạy niệm Phật, mộng thấy Quý Vương chỉ dạy)***

#### ***3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.1. Quy xá ức mẫu niệm Phật (về nhà, nhớ mẹ niệm Phật)***

*(Kinh) Thời, Bà-la-môn nữ tâm lễ Phật dĩ, tức quy kỳ xá. Dĩ ức mẫu cố, đoan tọa niệm Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, kinh nhất nhật, nhất dạ.*

**(經)時，婆羅門女尋禮佛已，即歸其舍。以憶母故，端坐念覺華定自在王如來，經一日，一夜。**

*(Kinh: Khi ấy, cô Bà-la-môn vừa lễ Phật xong, liền trở về nhà mình. Do vì nhớ mẹ, ngồi ngay ngắn niệm Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai qua một ngày một đêm).*

Vừa lễ xong bèn trở về, biểu thị chuyển mê thành ngộ nhanh chóng. “Niệm” là Quán Huệ. Giác Hoa là tâm Phật (vị Phật ở trong tâm). Do vậy, quán điều này, “mẫu” chính là tâm mẫu, Phật tức tâm Phật. Tâm là mẹ, là Phật, tuy một mà ba, tuy ba mà một. Gì là tâm ta, gì là Phật, hay mẹ vậy thay? Kinh Phổ Hiền Quán dạy: “*Nhược dục sám hối giả, đoan tọa niệm Thật Tướng, chúng tội như sương lộ, huệ nhật năng tiêu trừ*” (Nếu muốn sám hối, hãy ngồi ngay ngắn, nghĩ tới Thật Tướng, các tội như sương, móc, mặt trời trí huệ có thể tiêu trừ). Vì thế, mặt trời biểu thị sự giác ngộ của thánh nữ chiếu rạng ngời như ban ngày. Đêm biểu thị sự mê muội của người mẹ đang mắc tội, tối tăm như đêm thâu. “*Nhất*” nói chung là biểu thị cái tâm, là cội gốc của mê và ngộ. Bà mẹ có tội tin theo tà kiến, bị vô minh che lấp cái tâm, xuôi theo trần lao, trái nghịch giác. Thánh nữ cúng dường, chánh trí nhập tâm, hợp cùng giác, trái nghịch trần lao. Tâm vốn là một, do mê hay ngộ mà sai khác!

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2. Đáo ngục tri mẫu sanh xứ (đến địa ngục biết chỗ mẹ sanh về)**

Hỏi: Đức Phật chẳng dạy ngay chỗ sanh về, cứ buộc thánh nữ đích thân đến địa ngục là vì lẽ nào?

Đáp: Ấy là do người đời bị vô minh che lấp, chẳng biết thiện ác nhân quả. Cho nên cậy thánh nữ chính mắt trông thấy chuyện khổ, hồng cảnh tỉnh kẻ ngu độn, ương bướng trong cõi đời. Như trong kinh Chánh Hạnh của bộ A Hàm [có nói] đức Phật tĩnh tọa, nghĩ đến con người do si, cho nên có sanh tử. Sao gọi là Si? Vốn từ si sanh đến, đời này làm người vẫn si! Tâm chẳng giải ngộ, chẳng mở mang, chẳng biết chết rồi sẽ hướng về đâu! Gặp Phật chẳng hỏi, thấy kinh chẳng đọc, thấy sa-môn

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

chẳng thừa sự, thấy cha mẹ chẳng kính, chẳng nghĩ thế gian khổ, chẳng biết trong Nê Lê tra khảo, trừng trị dữ dội, nên gọi là Si. Vì thế, có sanh tử chẳng ngơi! Do vậy, thánh nữ đích thân vào địa ngục, mới biết “*ác chớ nên làm, thiện phải nên làm!*” Đoạn kinh văn được chia thành ba phần:

- Đích thân đến cái biển có địa ngục.
- Quý Vương đón chào, tán thán.
- Hỏi đáp về chuyện trong ngục.

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.1. Thân đáo ngục hải (đích thân đến chỗ cái biển có địa ngục)**

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.1.1. Kiến ngục hải ác tướng (thấy tướng ác trong biển địa ngục)**

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.1.1.1. Ác thú phi trì thực đạm (ác thú bay đuổi, ăn nuốt)**

*(Kinh) Hốt kiến tự thân, đáo nhất hải biên. Kỳ thủy dũng phí, đa chư ác thú, tận phục thiết thân, phi tẩu hải thượng, đông tây trì thực. Kiến chư nam tử, nữ nhân, bách thiên vạn số, xuất một hải trung, bị chư ác thú, tranh thủ thực đạm.*

**(經)忽見自身，到一海邊。其水涌沸，多諸惡獸，盡復鐵身，飛走海上，東西馳逐。見諸男子女人，百千萬數，出沒海中，被諸惡獸，爭取食噉。**

*(Kinh: Bỗng thấy thân mình đến một bờ biển. Nước biển sôi trào, có nhiều ác thú, toàn thân bằng sắt, bay, chạy trên mặt biển, đuổi bắt đông, tây. Thấy các người nam, kẻ nữ, số đến trăm, ngàn, vạn, thoạt chìm, thoạt nổi trong biển, bị các ác thú giành nhau bắt lấy ăn nuốt).*

Đoạn này tường thuật: Trong Định, thấy tướng nơi cõi âm. Tự đến bên bờ biển là thân thức xuất từ Định [mà đến đó]. Nước biển sôi trào, ác thú bay chạy, đều là cảnh tượng tự từ trong thức tâm, theo nghiệp mà phát khởi. Đây là do sự thức của chúng sanh tạo tội đến nỗi mắc những khổ báo ấy. Kinh Lăng Già nói: “*Thí như cự hải lãng, tự do mãnh phong khởi, hồng ba cổ minh hác, vô hữu đoạn tuyệt thời*” (Thí như sóng biển lớn, là do gió mạnh thổi, sóng to vỗ hang tối, chẳng lúc nào ngừng nghỉ). Há chẳng phải là do trong biên tạng thức nổi gió, dậy sóng, cho nên nay

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

cảm biên nghiệp sôi sục như canh đang sôi. Ác thú và Dạ Xoa cũng từ nghiệp cảm. Do khi còn sống đã buông lung tham, sân, si, lại còn tạo đủ giết, trộm, dâm, dối, cho nên tới địa ngục, cảnh giới tự hiện. Nếu thấu đạt cảnh, tâm rỗng rang, biên cũng tự lặng. Tâm lẫn cảnh đều lặng, không chuyện gì chẳng chiếu. Giống như biển cả không có gió, sấm la rạng ngời minh bạch. Kinh Bảo Tích nói: “*Nhất thiết pháp hư vọng như mộng, dĩ duy niệm cố*” (Hết thấy các pháp đều hư vọng như mộng, chỉ là niệm). Vì thế biết là nếu thấu đạt duy tâm, các cảnh sẽ như huyễn hóa!

***3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.1.1.2. Dạ Xoa hình dị úy thị (quỷ Dạ Xoa hình dáng lạ lùng, trông đáng sợ)***

*(Kinh) Hựu kiến Dạ Xoa, kỳ hình các dị, hoặc đa thủ, đa nhãn, đa túc, đa đầu, khẩu nha ngoại xuất, lợi nhĩ như kiếm, khu chư tội nhân, sử cận ác thú. Phục tự bác quặc, đầu túc tương tự. Kỳ hình vạn loại, bất cảm cử thị.*

**(經)又見夜叉，其形各異，或多手多眼，多足多頭，口牙外出，利刃如劍，驅諸罪人，使近惡獸。復自搏攫，頭足相就。其形萬類，不敢久視。**

*(Kinh: Lại thấy Dạ Xoa hình dáng mỗi tên mỗi khác, hoặc nhiều tay, nhiều mắt, nhiều chân, nhiều đầu, răng chìa ra ngoài miệng, bén nhọn như gươm, xua đuổi các tội nhân đến gần bọn ác thú. Lại còn tự tay tóm bắt khiến họ đầu và chân quặp vào nhau. Hình dáng vạn loại, chẳng dám nhìn lâu).*

Dạ Xoa (Yakṣa) có nghĩa là Tật Tiệp (疾捷, nhanh nhẹn), tức là quỷ trong địa ngục. Đầu của chúng như trâu, ngựa, sư tử, voi, hổ, báo, sói, hình thù mỗi con quỷ mỗi khác. Hoặc là có hai tay, cho đến ngàn tay; hoặc chỉ có một mắt, cho đến ngàn mắt. Đầu và chân cũng phồng theo đó [mà biết]. Răng nanh chìa ra ngoài miệng, môi túm ngược lên, lộ cả chân răng, răng sắc bén như mũi dao, nhọn hoắt tựa gươm. Sách Pháp Uyển Châu Lâm nói: “*Đầu trâu, trợn mắt hung ác; ngục tốt nhe răng hung hăng*” là nói về chuyện này. “*Xua đuổi tội nhân đến gần thú dữ*” là để cho chúng nó ăn nuốt. Bác (搏) là dùng tay tóm lấy. Quặc (攫) là dùng móng vuốt giữ lấy, hoặc quăng chụp. Trang Tử nói: “*Tay trái chụp*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

lấy”. Ở đây là nói đến các loài Dạ Xoa không chỉ xua đuổi tội nhân đến gần bọn ác thú cho chúng nó ăn, lại còn dùng tay chụp, vươn móng vuốt nắm giữ, khiến cho tội nhân đầu và chân quặp vào nhau, trở thành hình thể rúm ró, đùa bỡn với thân hình của họ, hoặc có thể lúc làm cho thân họ to ra, hoặc ép nhỏ lại, hoặc vo nặn cho ngắn cùn lại, hoặc kéo duỗi dài ra, tung ngang, ném dọc, trong khoảnh khắc muôn thứ [hành hạ], chẳng thể nhìn lâu! Đấy chính là do tâm biến khởi, chẳng chân thật! Như Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh có nói: “*Diêm Ma La nhân, thị phi chúng sanh. Tội nhân kiến chi, vị thị chúng sanh. Thủ trung chấp trì diễm nhiên thiết kiềm. Bỉ địa ngục nhân ác nghiệp ký tận, bất phục kiến Diêm La ngục tốt, như du chú tận, tắc vô hữu đấng. Nghiệp tận diệt nhĩ, bất phục kiến ư Diêm La ngục tốt*” (Người trong cõi Diêm Ma La chẳng phải là chúng sanh, nhưng tội nhân trông thấy, cho đó là chúng sanh, [thấy họ] trong tay cầm nắm kìm sắt cháy rực. Những tội nhân trong địa ngục khi ác nghiệp đã hết, chẳng còn thấy ngục tốt Diêm La nữa, như dầu và bấc đã cháy hết, chẳng còn đèn nữa! Nghiệp hết cũng giống như thế, chẳng còn thấy Diêm La ngục tốt). Nay ác nghiệp của chúng sanh chưa hết, tự nhiên là từ trong không có gì mà hư vọng thấy [như thế đó].

#### **3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.1.2. Niệm Phật lực vô cụ (do sức niệm Phật bèn chẳng sợ hãi)**

**(Kinh) Thời, Bà-la-môn nữ, dĩ niệm Phật lực cố, tự nhiên vô cụ.**

**(經)時，婆羅門女，以念佛力故，自然無懼。**

**(Kinh: Khi ấy, cô Bà-la-môn do sức niệm Phật, tự nhiên chẳng sợ hãi).**

“Dĩ” (以) là “vì, do bởi”. Do sức niệm Phật, tuy thấy các thứ hình dáng [kinh khủng], tự nhiên không sợ hãi. Ấy là vì biết các cảnh do tâm, tâm do cảnh hiện. Tâm đã vốn là không, cảnh cũng làm sao có? Tâm tình đã mất, sợ hãi do đâu mà sanh? Trong kinh Tâm Địa Quán, đức Phật bảo ngài Văn Thù rằng: “*Thí như rừng lâm mông mịt mậu thịnh, sư tử, bạch tượng, hổ, lang, ác thú, tiềm trụ kỳ trung, độc phát hại nhân, huỳnh tuyệt hành tích. Thời hữu trí giả, dĩ hỏa thiêu lâm, chư đại ác thú, vô phục di dư. Tâm không, kiến diệt, diệt phục như thị*” (Ví như rừng rậm, um tùm, tươi tốt, sư tử, voi trắng, cọp, sói, ác thú, ẩn nấp trong ấy, tỏa chất độc hại người mất bật dấu vết. Khi ấy, có người trí dùng lửa đốt rừng, các



### *Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

loài ác thú to chẳng còn sót gì. Tâm không, kiến diệt, cũng giống như thế). Lại như kinh Ma Ha Diên Bảo Nghiêm nói: “*Thí như họa sư, tác quỷ thần tượng, tức tự khủng cụ. Như thị Ca Diếp, chư phạm ngu nhân tự tạo sắc, thanh, hương, vị, tế, hoạt chi pháp, luân chuyển sanh tử. Bất tri thủ pháp, diệt phục như thị*” (Ví như thợ vẽ tạo ra hình tượng quỷ thần rồi tự sợ hãi. Nay Ca Diếp, cũng như thế đó, những kẻ phạm ngu tự tạo ra các pháp sắc, thanh, hương, vị, mịn, trơn rồi luân chuyển trong sanh tử, chẳng biết những pháp ấy cũng giống như thế). Nay thánh nữ hiểu rõ hết thấy các pháp đều là do ý mà sanh ra hình tượng, do tâm mà hiện tướng, biết tâm như huyễn, chẳng có ý nghĩa nhất định, những gì ta thấy sai khác đều tùy tâm sanh diệt. Đã biết là như huyễn, há còn sợ hãi ư?

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.2.** *Quý vương nghênh tán (Quý vương đón tiếp, tán thán)*

*(Kinh) Hữu nhất Quý Vương, danh viết Vô Độc, khể thủ lai nghênh, bạch thánh nữ viết: “Thiện tai Bồ Tát! Hà duyên lai thử?”*

**(經)有一鬼王，名曰無毒，稽首來迎，白聖女曰：善哉菩薩！何緣來此？**

*(Kinh: Có một Quý Vương, tên là Vô Độc, đánh lễ đến đón tiếp, bạch với thánh nữ: - Lành thay Bồ Tát! Do duyên gì mà đến nơi đây?)*

“Độc” (毒) là hại. Trong cõi đời, có một loài cỏ hại người, được gọi là Đò Mãng (荼莽, thuộc loại dây leo dại), pháp hại người được gọi là Tam Độc. Vị quỷ vương này ôm lòng thương xót chúng sanh, quyền biến hiện thân quỷ, tâm chẳng độc hại, nên có danh hiệu tốt lành ấy để biểu thị. Nhưng trong kinh văn phần trước có [danh hiệu quỷ vương] Nhiếp Độc, phần sau có Ác Độc. Tuy cùng tên là Độc, nhưng dụng ý đều khác biệt; bởi lẽ, họ vốn lợi người, chẳng sai khác!

Lễ Ký chép: “*Hú chi, ấu chi, Xuân Hạ sở dĩ sanh trưởng dã. Swong chi, tuyết chi, Thu Đông sở dĩ thành thực dã, mạc phi thiên chi giáo dã*” (Sở dĩ Xuân và Hạ ẩm áp là vì [để cho muôn vật] sanh trưởng. Thu Đông có sương, tuyết để [ngũ cốc, trái cây] chín muồi, không gì chẳng là sự dạy bảo của trời vậy).

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

“*Khể thủ*” (稽首) là dùng đầu chạm đất (dập đầu lạy) trong chốc lát. Quý Vương lạy để tiếp đón vì trông thấy thánh nữ hình tướng phi phàm, oai nghi khác hẳn mọi người, suy đoán người này chẳng do mang tội mà đến, ắt là nhờ thần thông mà tới. Vì thế nói: “Lành thay Bồ Tát! Do duyên gì mà đến nơi đây?” Chữ Sa Độ (Sadhu) trong tiếng Phạn, cõi này dịch là Thiện Tai (lành thay), chính là pháp môn của Hoan Hỷ Vương Bồ Tát. Nếu hành nhân hằng ngày đối trước Phật xưng niệm một ngàn lượt, sẽ đạt được tâm thanh tịnh, được hết thầy Như Lai khen ngợi, tất cả các pháp đều được thành tựu. Chuyện này được chép tường tận trong bộ Thí Thực Thuyết Thứ Hương Nhũ Ký.

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3. Vấn đáp ngục xứ (hỏi đáp về nơi chốn của địa ngục)**

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.1. Thông vấn địa ngục hữu vô (hỏi chung là có địa ngục hay không)**

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.1.1. Lược vấn đáp (hỏi đáp đại lược)**

(*Kinh*) Thời, Bà-la-môn nữ, vấn Quý Vương viết: “*Thử thị hà xứ?*” Vô Độc đáp viết: “*Thử thị Đại Thiết Vi sơn, Tây diện đệ nhất trùng hải*”.

**(經)時，婆羅門女，問鬼王曰：此是何處？無毒答曰：此是大鐵圍山，西面第一重海。**

(*Kinh*: Khi ấy, cô gái Bà-la-môn hỏi Quý Vương rằng: “*Đây là chỗ nào?*” Vô Độc đáp rằng: “*Đây là tầng biển thứ nhất ở phía Tây núi Đại Thiết Vi*”).

Trước hết, thánh nữ hỏi [nơi đây] là chỗ nào, là lời lẽ kinh nghi, vì nơi này khác với [những nơi chính mình] thường thấy. Kế đó, Quý Vương đáp lời. Chữ Chá Ca La (Cakravāda-parvata) trong tiếng Phạn, được dịch là Luân Sơn, hoặc dịch theo lối cũ là Thiết Vi. “Vi” (圍) có nghĩa là “vây quanh”. Theo kinh Trường A Hàm, hoặc kinh Khởi Thế v.v... chính giữa bốn đại châu là núi Tu Di (Sumeru). Bên ngoài núi Tu Di có tám rặng núi khác. Cho đến ngoài núi là biển nước mặn, rộng rãi không ngần mé. Ngoài biển có núi, chính là Đại Thiết Vi sơn. Theo Lập Thế A Tỳ Đàm Luận, ngoài biển nước mặn lớn có núi, tên là Thiết Vi, [chân] núi chìm sâu trong nước đến ba trăm mười hai do-tuần, phần nổi

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

lên trên mặt nước cũng thế, cũng rộng dường ấy. Từ phía Nam của Diêm Phù Đề, cách núi Thiết Vi ba ức sáu vạn sáu trăm sáu mươi ba do-tuần. Từ núi Thiết Vi, nước mở rộng đến phía cực Tây, vùng nước được bao bọc bởi núi Thiết Vi có đường kính là mười hai ức hai ngàn tám trăm hai mươi lăm do-tuần. Chu vi của vùng nước vây phủ núi Thiết Vi là ba mươi sáu ức tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm do-tuần. Tầng biển thứ nhất nằm ở trong đó (theo các kinh luận, cung của vua Diêm La ở ngoài ranh giới, cho nên biển nghiệp cũng thế, tức là Hàm Thủy Nê Lê được nói trong kinh Nê Lê vậy).

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.1.2. Quảng vấn đáp (hỏi đáp chi tiết)**

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.1.2.1. Vấn đáp địa ngục hữu vô (hỏi đáp địa ngục có hay không)**

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.1.2.1.1. Vấn đáp địa ngục sự thật phủ (hỏi đáp địa ngục có phải là sự thật hay không)**

*(Kinh) Thánh nữ vấn viết: “Ngã văn Thiết Vi chi nội, địa ngục tại trung, thị sự thật phủ?” Vô Độc đáp viết: “Thật hữu địa ngục”.*

**(經)聖女問曰：我聞鐵圍之內，地獄在中，是事實不？**

**無毒答曰：實有地獄。**

*(Kinh: Thánh nữ hỏi rằng: “Tôi nghe nói trong núi Thiết Vi, địa ngục ở trong đó, có phải là sự thật hay không?” Vô Độc đáp rằng: “Thật có địa ngục”).*

Trước tiên là thánh nữ hỏi: “Tôi nghe kinh nói trong núi Thiết Vi có địa ngục, có phải là thật hay không?” Kế đó, Quỷ Vương đáp: “Chuyện ấy chân thật chẳng dối”. Ấy là vì địa ngục vốn hư huyền, con người tự biến địa ngục thành thật! Như trong kinh Thiết Thành Nê Lê, đức Phật răn các sa-môn rằng: “Ngã dĩ thiên nhãn, thị thiên hạ nhân sanh tử hảo xú, đắc hảo đạo giả, đắc ác đạo giả, nhân u thế gian, thân tác ác, khẩu ngôn ác, tâm niệm ác, thường háo phan sát, từ tự quý thân giả, thân tử đương nhập Nê Lê trung” (Ta dùng thiên nhãn thấy người trong thiên hạ sống chết, tốt, xấu, được sanh vào đường lành, được sanh vào đường ác là vì người ta ở trong thế gian, thân làm ác, miệng nói lời ác, tâm nghĩ chuyện ác, thường thích giết chóc để nấu nướng, cúng tế

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

quỷ thân, thân chết đi sẽ vào trong Nê Lê), há chẳng phải là tự biến địa ngục thành sự thật ư?

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.3.1.2.1.2.** *Vấn đáp ngã hà đáo ngục (hỏi đáp vì sao tôi đến địa ngục được)*

*(Kinh) Thánh nữ vấn viết: “Ngã kim vân hà đắc đáo ngục sở?” Vô Độc đáp viết: “Nhược phi oai thân, tức tu nghiệp lực. Phi thử nhị sự, chung bất năng đáo”.*

**(經) 聖女問曰：我今云何得到獄所？無毒答曰：若非威神，即須業力。非此二事，終不能到。**

*(Kinh: Thánh nữ hỏi rằng: “Nay tôi vì sao đến chỗ địa ngục?” Vô Độc đáp rằng: “Nếu chẳng do oai thân, thì phải do nghiệp lực. Chẳng do hai chuyện ấy, trọn chẳng thể đến được”).*

Thoạt đầu, thánh nữ kinh nghi, tự nghĩ địa ngục là chốn lao ngục bắt giữ tội nhân. Tôi tự xét lòng, kính tin Tam Bảo, một thân vô tội, do duyên gì mà nay tôi cũng đến chốn địa ngục này? Kế đó, Quỷ Vương đáp: “Phàm những ai đến đây thì có hai loại người: Một là người có oai đức, thần thông, hoặc vì cứu độ, hoặc vì đến thăm. Hai là kẻ ác nghiệp chín muồi, đáng chịu thân địa ngục, do vậy mà đến. Trừ hai loại đó ra, trọn chẳng có ai có thể đến được!”

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.3.1.2.1.3.** *Vấn đáp ngục hải khổ cảnh (hỏi đáp về cảnh khổ trong biển địa ngục)*

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.3.1.2.1.3.1.** *Ước cảnh nghi vấn (xét theo cảnh mà nổi lòng nghi hỏi han)*

*(Kinh) Thánh nữ hựu vấn: “Thử thủy hà duyên, nhi nãi dũng phí, đa chur tội nhân, cập dĩ ác thú?”*

**(經) 聖女又問：此水何緣，而乃涌沸，多諸罪人，及以惡獸？**

*(Kinh: Thánh nữ lại hỏi: Do duyên gì mà nước biển sôi sùng sục, có nhiều tội nhân và ác thú vậy?)*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Đây là trần thuật cảnh giới trông thấy tại ven biển. [Hỏi về] nước biển là hỏi chung. “*Hà duyên*” (Duyên gì) là từ ngữ nghi vấn. [Thánh nữ] nghi hoặc, một là do duyên gì mà nước này sôi trào? Hai là nghi do duyên gì mà trong nước biển có nhiều tội nhân? Ba là nghi do duyên gì mà tại ven nước biển có nhiều loài ác thú? Theo kinh Thủ Lăng Nghiêm, đây đều là do tự nghiệp của các chúng sanh ấy cảm vờ, tạo mười tập nhân (tập khí làm cái nhân), thọ sáu giao báo. Nước sôi sùng sục vì mạn tập (tập khí kiêu mạn), phát khởi thành sự dựa dẫm, rong ruổi chẳng ngại. Vì thế có chuyện tung vọt lên, rào chạy, tích sóng thành nước; cũng do tập khí cuồng ngạo khinh khi lẫn nhau, đến nỗi có các chuyện như chết chìm, tung quật, bay lên, rơi xuống, phiêu giạt. Ác thú là do xúc báo mà chuốc vờ ác quả. Vì thế dẫn đến thần thức [của tội nhân] trông thấy, nhận biết [địa ngục có các hình tướng như] thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, hổ, sói, sư tử v.v... là do như thế đó.

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.3.1.2.1.3.2. Cú sự trực đáp** (theo sự việc mà trả lời thẳng thừng)

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.3.1.2.1.3.2.1. Chánh đáp** (đáp thẳng vào câu hỏi)

**(Kinh) Vô Độc đáp viết:** “*Thử thị Diêm Phù Đề, tạo ác chúng sanh, tân tử chi giả, kinh tứ thập cửu nhật hậu, vô nhân kế tự, vị tác công đức, cứu bạt khổ nạn. Sanh thời hựu vô thiện nhân, đương cứ bốn nghiệp, sở cảm địa ngục, tự nhiên tiên độ thử hải*”.

**(經)無毒答曰：此是閻浮提，造惡眾生，新死之者，經四十九日後，無人繼嗣，為作功德，救拔苦難。生時又無善因，當據本業，所感地獄，自然先渡此海。**

**(Kinh: Vô Độc đáp rằng:** - Đây là chúng sanh tạo ác trong Diêm Phù Đề, là những kẻ mới chết, sau bốn mươi chín ngày mà không có người nối dõi vì họ làm công đức để cứu dẹp khổ nạn. Lúc sống lại chẳng có nhân lành, cứ theo nghiệp của họ mà cảm vờ địa ngục, tự nhiên qua cái biển này trước).

“*Diêm Phù Đề*”: Kinh Trường A Hàm nói: “*Tu Di sơn Nam, hữu thiên hạ danh Diêm Phù Đề, kỳ thổ Nam hiệp, Bắc quảng, tung quảng thát thiên do-tuần. Hữu đại thụ vương, danh Diêm Phù Đề, vi thát do-*

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*tuần, cao bách do-tuần, chi diệp tứ bố ngũ thập do-tuần”* (Phía Nam núi Tu Di có thiên hạ gọi là Diêm Phù Đề. Cuộc đất ấy phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, kích thước là bảy ngàn do-tuần. Có một thụ vương to tên là Diêm Phù Đề, chu vi bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá xòe ra bốn phía, rộng năm mươi do-tuần). Kinh Khởi Thế nói hơi khác. “*Tạo ác chúng sanh*” tức là kẻ tạo đủ Thập Ác. Chử Cưu Na La (Kunāla) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Ác Nhân, cũng chẳng phải là người tốt. Có thể diệt các căn thì gọi là Tử. Vì thế, kinh Niết Bàn nói: “*Tử giả, xả sở thọ thân, hữu nhị chủng: Nhất giả, mạng tận tử, hữu tam: Nhất, mạng tận, phi thị phước tận. Nhị, phước tận, phi thị mạng tận. Tam, phước mạng câu tận. Nhị giả, ngoại duyên tử, diệc hữu tam: Nhất, phi phận tự hại tử. Nhị, hoạnh vi tha tử. Tam, câu tử. Phục hữu tam chủng tử: Nhất, phóng dật tử. Nhị, phá giới tử. Tam, hoại mạng căn tử*” (Chết là bỏ cái thân đã thọ. Có hai loại: Một là chết vì mạng đã hết, [trong loại này] lại có ba loại: Một là mạng hết, chẳng phải là phước hết. Hai là phước hết, chẳng phải là mạng hết. Ba là phước lẫn mạng đều hết. Hai là do ngoại duyên mà chết, cũng có ba loại: Một là chẳng phải đến số mà tự hại chết. Hai là chết ngang xương vì bị kẻ khác hại chết. Ba là chết vì cả hai nguyên nhân ấy. Lại có ba loại chết: Một là chết vì buông lung. Hai là chết vì phá giới. Ba là chết vì mạng căn bị hư hoại).

“*Bốn mươi chín ngày*”: Theo Du Già Sư Địa Luận, người đã chết bèn có thân Trung Hữu (Trung Hữu chính là Trung Âm Thân (Antarābhava). Nếu là người cực thiện liền sanh về Tịnh Độ, hay sanh lên trời. Kẻ cực ác liền đọa địa ngục. [Hai hạng người ấy] đều không trải qua thân Trung Âm. Nếu thiện ác bất định, liền thọ thân Trung Âm, phải trải qua các ty trong cõi âm). Nếu chưa có duyên tái sanh, tối đa là [thân Trung Âm] tồn tại bảy ngày, chết rồi lại sanh [một thân Trung Âm khác]. Sống chết xoay vần như thế, tới bốn mươi chín ngày, quyết định được tái sanh. Nếu có duyên được sanh [trước khi tròn bốn mươi chín ngày] thì không nhất định. Sách Thích Thi Yếu Lãm nói: “*Nay đối với người chết, cứ mỗi bảy ngày, ắt phải lo liệu cỗ chay để tạo phước cho người đã mất, gọi là “traị thất”, khiến cho trong thời gian ấy, [người mất sẽ] có chủng tử chẳng chuyển sanh trong đường ác*”. Nay sau khi đã trải qua bốn mươi chín ngày, hoàn toàn chẳng có người kế tục, thừa tự vì người đã mất làm công đức, khiến cho người ấy được diệt ác, sanh thiện, ai sẽ cứu bạt khổ nạn? Đây là nói những người đã chết, không có người thân vì mình tạo phước trong cõi âm, ắt sẽ đến nỗi đọa trong cảnh khổ.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Kể đó là nói người đã chết lúc còn sống tự mình chẳng tu mấy may điều thiện nào, ắt sẽ phải đọa trong cảnh khổ. Cho đến khi vua cõi âm tra xét, so lường thiện ác, sẽ căn cứ theo nghiệp [do kẻ ấy] đã tạo từ trước thì kẻ đáng đọa vào địa ngục ắt sẽ vào địa ngục. Kinh Na Tiên Tỷ Kheo Sở Vấn nói: “*Nhân sở tác thiện ác tùy nhân, như hình ảnh tùy thân. Nhân tử, đản vong kỳ thân, bất vong kỳ hạnh. Thí như nhiên hỏa dạ thur, hỏa diệt tự tồn, hỏa chí phục thành. Kim thể tác hạnh, hậu thể thành chi*” (Chuyện thiện ác do một người đã làm sẽ đi theo người đó, như hình bóng theo thân. Người chết, chỉ mất cái thân, chứ những gì đã làm chẳng mất. Ví như ban đêm đốt lửa viết chữ, lửa tắt, chữ còn. Thắp lửa lên, chữ lại hiện ra. Những gì đời này đã làm sẽ thành [cái quả] trong đời sau) là nói về ý này. “*Tự nhiên*” [thể hiện] ý nghĩa trọn chẳng có nhờ cậy, miễn cưỡng. Diêm Vương quở trách tội nhân: “*Tội do chính người tạo, nay phải hứng chịu*”. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Nhữ tà kiến ngu si, si quuyến sở phược nhân, kim đọa thử địa ngục, tại ư đại khổ hải*” (Người tà kiến, ngu si, lưới si trói buộc người, nay đọa trong địa ngục này, ở trong biển khổ lớn). Vì thế nói là “*tự nhiên tiên độ thử hải*” (tự nhiên trải qua cái biển này trước).

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.1.2.1.3.2.2. Chỉ loại (chỉ dạy các loại địa ngục)**

***(Kinh) Hải Đông thập vạn do-tuần, hựu hữu nhất hải, kỳ khổ bội thử. Bĩ hải chi Đông, hựu hữu nhất hải, kỳ khổ phục bội.***

**(經)海東十萬由旬，又有一海，其苦倍此。彼海之東，又有一海，其苦復倍。**

***(Kinh: Ở phía Đông của biển này, cách đây mười vạn do-tuần, lại có một cái biển, sự khổ gấp bội nơi đây. Phía Đông của biển đó, lại có một biển nữa, sự khổ gấp bội).***

Trong phần trước đã nói [chỗ thánh nữ gặp quý vương Vô Độc] là tầng biển thứ nhất ở phía Tây núi Thiết Vi, đã bao hàm hai tầng này. “*Sự khổ tăng gấp bội*”: Kinh Nê Lê nói: “*Hàm thủy Nê Lê tung hoành sở thiên lý thủy, hàm thủy như diêm, nhiệt phí dũng dược. Thủy trung hữu điểu, uế như thiết sanh, trác nhân cơ, giảo nhân cốt, nhân bất năng nhĩn thị thổng, tiện độ thủy khứ. Thủ Nê Lê quý ngôn: ‘Tử ác nhân, nhữ hà*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

đăng câu sách?’ Nhân ngôn: ‘Ngã khổ cơ khát’. Quý tức dĩ câu, câu kỳ thương hạ ngân, khẩu giai tha khai. Phục dĩ tiêu đồng, quán nhập khẩu trung, thần thiết yết phúc giai tiêu tận, đồng tiện hạ khứ. Kỳ nhân bất năng phục nhĩn, hoàn nhập phí hàm thủy trung. Kỳ nhân bình sanh, ư thế gian tác ác thậm, cố câu giải bất đắc giải, tùy ba thương hạ, hồi phục trăm một. Kỳ khổ bội tăng, khả thắng ngôn tai” (Địa ngục nước mặn có kích thước đến mấy ngàn dặm nước, nước mặn như muối, nóng sôi sùng sục. Trong nước có chim, mỏ như bằng sắt, mỏ bắt thịt con người, nhai xương người, tội nhân chẳng thể chịu nổi sự đau đớn ấy, liền vượt nước mà chạy. Quý giữ Nê Lê nói: ‘Những kẻ ác đã chết kia, người tìm cầu điều gì?’ Người nói: “Tôi khổ sở vì đói khát”. Quý liền dùng cái móc, móc vào nướu răng trên và dưới để vạch miệng [tội nhân] ra, lại dùng nước đồng sôi rót vào trong miệng, môi, lưỡi, họng, bụng đều cháy rụi, nước đồng liền chảy xuống dưới. Người ấy chẳng chịu nổi nữa, lại gieo mình vào nước mặn đang sôi sục. Kẻ ấy khi sống, ở trong thế gian làm ác quá đáng, cho nên cầu được thoát khỏi mà chẳng thể thoát khỏi, đập dềnh theo sóng, nổi lên, chìm xuống. Nỗi khổ tăng gấp bội, sao có thể nói trọn cho được).

#### **3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.1.2.1.3.2.3. Kết danh (kết lại tên gọi)**

(*Kinh*) Tam nghiệp ác nhân chi sở chiêu cảm, cộng hiệu “nghiệp hải”, kỳ xứ thị dã.

**(經)三業惡因之所招感，共號業海，其處是也。**

(*Kinh*: Do cái nhân cả ba nghiệp đều ác cảm vờ, cùng gọi là “biển nghiệp”, chính là chỗ này vậy).

“Tam nghiệp ác nhân” chính là ba chi thân, khẩu, ý trong mười ác nghiệp. Do vì cái nhân ấy, chuốc lấy quả báo trong biển địa ngục. Nhưng chiêu là tự chiêu, cảm là tự cảm. Kinh Hưng Khởi Hạnh nói: “Tiên thế tự tạo thử duyên, yếu đương thọ chi, vô khả đào tỵ xứ” (Đời trước đã tự tạo duyên này thì sẽ phải hứng chịu, không có chỗ trốn tránh). Điều này đúng lắm, cũng chẳng do cha làm, mẹ làm, vua làm, trời làm, mà cũng chẳng do sa-môn, Bà-la-môn làm ra; vốn do ta tự tạo, nay tự hứng chịu. Vì thế, đức Phật dạy chúng sanh có hai điều trọng yếu: Một là làm cái gì sẽ hứng chịu cái đó. Hai là chẳng làm cái gì thì không bị hứng chịu cái đó.



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Tội cấu khổ não trong năm đường của tam giới chẳng lìa hành vi tạo tác, hết thấy đều chẳng phải là bổng dung mà có! Tội phước đã tạo như bóng theo hình, như tiếng vang ứng với âm thanh, chẳng hề mất đi như râu tóc. Vì thế, ba nơi ấy đều gọi là Nghiệp Hải. Trước kia thánh nữ đã từng nghe nói, nay đích thân đến chỗ này.

**3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.3.1.2.2.** *Vấn đáp địa ngục hà tại (hỏi đáp địa ngục ở chỗ nào)*

*(Kinh) Thánh nữ hựu vấn Quỷ Vương Vô Độc viết: “Địa ngục hà tại?” Vô Độc đáp viết: “Tam hải chi nội thị đại địa ngục. Kỳ số bách thiên, các các sai biệt”.*

**(經)聖女又問鬼王無毒曰：地獄何在？無毒答曰：三海之內是大地獄。其數百千，各各差別。**

*(Kinh: Thánh nữ lại hỏi quỷ vương Vô Độc rằng: “Địa ngục ở chỗ nào?” Vô Độc đáp rằng: “Trong ba cái biển là đại địa ngục, số đến trăm ngàn, mỗi ngục mỗi khác”).*

Trước hết, thánh nữ hỏi: “Đã nói trong núi Thiết Vi thật sự có địa ngục, nay vì sao chỉ thấy biển nghiệp, chẳng biết địa ngục lại ở chỗ nào?” Tiếp đó, Quỷ Vương đáp: - Ở trong ba cái biển, chính là đại địa ngục, há có phải là bỏ nơi này mà có nơi nào khác ư? Đây là do chúng sanh từ trong biển tạng thức nổi gió, cuộn trào sóng Tam Độc, cho nên cảm địa ngục ở ngay trong ba cái biển! Nhưng khảo cứu các kinh luận, [thì thấy] có thể dùng ba loại để gồm thâu trọn hết các thứ địa ngục: Một là nhiệt, hai là hàn, ba là biên. Tám nhiệt ngục ở phía dưới châu Diêm Phù Đề, chất chồng lên nhau, chịu nổi khổ não vì nóng. Tám hàn ngục ở chân núi Thiết Vi, được sắp xếp ngửa lên, chịu đựng nổi khổ rét cứng. Biên ngục thì có ba loại: Ở giữa núi, ở trong nước, và nơi đồng hoang, hứng chịu nghiệp báo riêng biệt. Loại này ứng với sự hứng chịu lạnh, nóng xen lẫn! Nay nói “đại ngục mười tám chỗ”, lại nói năm trăm chỗ, trăm ngàn chỗ là vì lẽ nào? Ấy là nói ước định nơi chốn, như trong phần trên đã nói, nói theo chỗ bất định, chẳng ngại cùng nêu chánh ngục và biên ngục, hứng chịu hàn nhiệt xen lẫn. Nếu không, chánh địa ngục và biên địa ngục dùng gì để phân biệt ư? “Ba cái biển” là nói chung. Tám địa ngục lạnh và tám địa ngục nóng, mỗi ngục đều có mười sáu du tăng

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

địa ngục<sup>67</sup>, đại lược là một trăm ba mươi sáu ngục, nói rộng thì số đến trăm ngàn!

“*Các các sai biệt*” (Mỗi ngục mỗi khác): Tạo nghiệp thì đều có nặng, nhẹ. Nặng thì [chịu tội] trọn khắp [trong mỗi ngục ấy], trung (chẳng nhẹ chẳng nặng) thì chẳng trọn khắp, bậc hạ thì lại giảm bớt. Số kiếp [thọ tội] phải trải qua thì cũng có dài ngắn [khác nhau]!

**(Kinh) Sở vị: Đại giả cụ hữu thập bát, thứ hữu ngũ bách, khổ độc vô lượng. Thứ hữu thiên bách, diệc vô lượng khổ.**

**(經)所謂：大者具有十八，次有五百，苦毒無量。次有千百，亦無量苦。**

**(Kinh: Nói tới địa ngục lớn thì có mười tám chỗ. Kế đó có năm trăm chỗ, khổ độc vô lượng. Kế đó có trăm ngàn ngục, cũng là vô lượng khổ).**

Từ “*sở vị*” trở đi là phần giải thích riêng. “*Địa ngục lớn có mười tám chỗ*”, có hai cách giải thích:

- Một là dựa theo kinh Vấn Địa Ngục, mười tám vị vua làm chủ thống lãnh mười tám địa ngục, tức là: Một là Ca Diên cai quản ngục Nê Lê, cho đến vị thứ mười tám là Quán Thân cai quản ngục Dương Đồng (nước Đồng Sơn). Tức là đối với các ngục có kể tên vị chủ ngục thì hạn cuộc trong con số mười tám.

- Nếu dựa theo kinh Quán Phật Tam Muội Hải, địa ngục A Tỳ có mười tám tiểu địa ngục. Trong mỗi tiểu địa ngục, đều có mười tám hàn băng địa ngục, hắc ám tiểu nhiệt, cho đến Âm Đồng (uống nước đồng sơn), mỗi chỗ đều có mười tám ngục. Như vậy là trong đại địa ngục A Tỳ có mười tám địa ngục ấy. Trong mỗi ngục, lại có riêng mười tám ngăn, bắt đầu từ Hàn Băng cho đến Âm Đồng, tổng cộng là ba trăm bốn mươi hai ngăn địa ngục.

Nay do kinh ấy coi địa ngục A Tỳ là lớn nhất, cho nên coi chuyện mỗi ngục có mười tám ngục nhỏ là nhỏ. Nay kinh này nói “*lớn thì có*

---

<sup>67</sup> Du tăng địa ngục (游增地獄) là các tiểu địa ngục phụ thuộc tám đại nhiệt địa ngục. Ở ngoài cửa bốn phía đại địa ngục, mỗi phía có bốn ngục nhỏ, tổng cộng là mười sáu tiểu địa ngục. Tội nhân đã chịu tội trong đại địa ngục xong, phải trải qua các tiểu địa ngục này chịu khổ não tiếp nên gọi là Du Tăng (lần lượt trải qua là Du, chịu thêm hình phạt khổ não, nên gọi là Tăng).

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*muời tám chỗ*” thì có lẽ là do chẳng so với A Tỳ, cho nên mỗi ngục đều được gọi là “đại”. Chẳng hạn như các vị vua trong thế gian, nếu chẳng so với thiên tử, ai nấy đều xưng là “đại vương”. Nếu so với bậc chí tôn thì đều xưng là tiểu vương cả. Kinh nói khác nhau, chẳng cần phải giải thích gượng ép. Kế đến có năm trăm ngục, cũng là con số nhất định. Nhưng kinh Quán Phật Tam Muội bèn nói: Năm trăm ức địa ngục Kiếm Lâm (劍林, rừng gươm), Thích Lâm (刺林, rừng đâm thọc, rừng gai góc), Đồng Trụ (銅柱, cột đồng), Thiết Cơ (鍊機, máy sắt), Thiết Võng (鍊網, lưới sắt), mỗi loại đều là năm trăm ức. Như vậy là số lượng giữa hai kinh khác biệt rất xa, cũng chẳng cần miễn cưỡng dung hội.

“*Khổ độc vô lượng*”: Theo kinh Nê Lê, đức Phật dạy: “*Dục tri căn khổ tối bất khả nhẫn giả, độc hữu Nê Lê. Nê Lê giả, cực khổ bất khả cụ ngôn. Như thế nghịch tặc, vị trưởng lại sở bộ, tương chí vương tiền, bị tam bách mâu, ninh độc thống phủ? Tỳ-kheo đáp viết: ‘Nhân bị nhất sang, cử thân giai thống, hà hồng bị tam bách sang’.* Phật ngôn: - *Nê Lê trung thống, dĩ mâu sang thống, ức ức vạn bội, thượng bất như Nê Lê thống. Địa ngục chi trung, ngục quý gia thống, độc vô bất chí dã*” (“Muốn biết chỗ khổ sở khó thể chịu đựng nhất thì chỉ có Nê Lê. Nê Lê có nghĩa là khổ sở cùng cực, chẳng thể nói trọn! Như kẻ giặc phản nghịch trong cõi đời, bị quan trên bắt được, đưa tới trước vua, bị đâm ba trăm ngọn mâu, có đau đón hay không?” Tỳ-kheo đáp rằng: “Người ta bị một vết thương, toàn thân đều đau, huống hồ bị ba trăm vết thương”. Đức Phật dạy: “Nỗi đau đón trong Nê Lê so với sự đau đón vết thương do bị mâu đâm ức ức vạn lần, vẫn chẳng bằng nỗi đau trong Nê Lê! Trong địa ngục, nỗi đau do ngục quý hành hạ tàn độc không gì chẳng trọn thấu!”). Trăm ngàn ngục cũng là vô lượng khổ, so ra thì nỗi khổ trong năm trăm ngục giảm bớt đôi chút, nhưng nỗi khổ thế gian đem so với nỗi khổ ấy thì vạn phần chẳng bằng, khổ đến vô lượng! Phần hỏi tổng quát về địa ngục có hay không đã xong.

***3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.3.2. Chánh vấn ngã mẫu sanh giới (hỏi về chỗ mẹ tôi sanh về)***

***3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.3.2.1. Thánh nữ vấn mẫu sanh thú (thánh nữ hỏi mẹ sanh về đường nào)***

***(Kinh) Thánh nữ hựu vấn đại Quý Vương viết: - Ngã mẫu tử lai vị cứu, bất tri hồn thần đương chí hà thú?***

**(經) 聖女又問大鬼王曰：我母死來未久，不知魂神當至何趣？**

(*Kinh*: Thánh nữ lại hỏi đại Quỷ Vương rằng: - Mẹ tôi chết chưa lâu, chẳng biết hồn thần sẽ đi vào đường nào?)

Tứ Phần Luật nói: “Nhất thiết chư thế giới, vô hữu bất lão tử, chúng sanh thị thường pháp, sanh sanh giai quy tử” (Trong hết thảy các thế giới, không có thế giới nào chẳng có già, chết. Pháp thường hằng của chúng sanh là đời đời đều sẽ chết). Mẹ tôi tuy chết chưa lâu, trọn chẳng biết hồn thần nay đã đi vào đường nào? Thiên sách Tề Nghĩa [trong Lễ Ký] giảng: “Khí là Thần hưng vượng, Hồn là quỷ hưng vượng”. Kinh Đạo giáo nói: “Hồn là Thần của Khí, Phách là Thần của Tinh, Dương thần là Nhật Hồn, Âm thần là Nguyệt Phách”. Đạo Phật của chúng ta gọi hồn thần là thức thứ tám. Kinh Pháp Cú dạy: “Thị thân vi tử vật, tinh thần vô hình pháp, tự tác thọ khổ lạc, thân tử thân bất táng. Thức thân tạo tam giới, thiện, bất thiện, tam xứ, Ám hành nhi mặc chí, sở vãng như hương ứng” (Thân này là vật chết, tinh thần không hình, pháp. Tự tạo, chịu khổ vui. Thân chết, thức chẳng chết. Thần thức tạo tam giới, thiện, bất thiện, ba chỗ. Ám, Hành lạng lẽ đến, chỗ đến như tiếng vọng). Do vậy biết là ắt phải theo nghiệp mà đi vậy.

3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.2.2. *Quỷ Vương trung kỳ lai lịch (Quỷ Vương gạn hỏi hành vi của bà ta)*

3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.2.2.1. *Vấn đáp hạnh nghiệp (hỏi đáp về hạnh nghiệp)*

3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.2.2.1.1. *Vấn (hỏi han)*

(*Kinh*) *Quỷ Vương* *vấn* *thánh nữ* *viết*: - *Bồ Tát* *chi* *mẫu*, *tại* *sanh* *tập* *hà* *hạnh* *ngiệp*?

**(經) 鬼王問聖女曰：菩薩之母，在生習何行業？**

(*Kinh*: Quỷ Vương hỏi thánh nữ rằng: - Mẹ của Bồ Tát khi còn sống quen làm hạnh nghiệp gì?)

“Hạnh” là tiến đến. Nghiệp là tạo tác, tức là ba nghiệp tạo nên chuyện thiện hay ác. Kinh Pháp Cú dạy: “Tùy kỳ sở tạo nghiệp, tội phước hữu quả báo. Ác nghiệp đọa địa ngục, thiện nghiệp sanh thiên

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

thượng. Cao hạnh sanh thiện đạo, đấng vô lậu Niết Bàn” (Tùy theo nghiệp đã tạo, tội phước có quả báo. Ác nghiệp đọa địa ngục, thiện nghiệp sanh lên trời. Cao hạnh sanh thiện đạo, đấng vô lậu Niết Bàn). Chẳng biết mẹ của Bồ Tát làm hạnh nghiệp gì nơi ba nghiệp?

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.3.2.2.1.2. Đáp**

*(Kinh) Thánh nữ đáp viết: - Ngã mẫu tà kiến, cơ hủy Tam Bảo. Thiết hoặc tạm tín, toàn hựu bất kính. Tử tuy nhật thiện, vị tri sanh xứ.*

**(經)聖女答曰：我母邪見，譏毀三寶。設或暫信，旋又不敬。死雖日淺，未知生處。**

*(Kinh: Thánh nữ đáp rằng - Mẹ tôi tà kiến chê gièm, hủy báng Tam Bảo. Dẫu có tạm tin, rồi lại bất kính. Tuy chết chưa lâu, chẳng biết sanh về đâu?)*

Thánh nữ đáp rằng: Mẹ tôi chấp trước tà kiến, chê bai, hủy báng Tam Bảo. Thành Thật Luận nói: “*Ninh chi bất hành, vật hành tà đạo. Thân hoại mạng chung, đọa u ác thú*” (Thà thôi không làm, đừng hành theo tà đạo. Khi thân hoại, mạng hết, sẽ đọa trong đường ác). Hơn nữa, chẳng giữ lòng thường hằng, chẳng lập tánh quyết định, đôi khi nghe theo lời khuyên mà tạm tin tưởng, thoáng chốc lại theo bọn tà mà chê bai, hủy báng. Nay tuy chết chưa lâu, xét ra, ắt sẽ đọa vào nghiệp khổ. Vì thế, tôi nóng lòng muốn tìm biết chỗ mẹ tôi sanh về mà chẳng thể được!

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.2.2.2. Vấn đáp tánh thị (hỏi đáp về chủng tánh, họ tên)**

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.2.2.2.1. Vấn**

*(Kinh) Vô Độc vấn viết: - Bồ Tát chi mẫu, tánh thị hà đẳng?*

**(經)無毒問曰：菩薩之母，姓氏何等？**

*(Kinh: Vô Độc hỏi rằng: - Mẹ của Bồ Tát chủng tánh, tên họ như thế nào?)*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

[Tại Trung Hoa], “*tánh*” là xét theo trăm đời thuộc về dòng họ nào. “*Thị*” là để nhận biết nguồn gốc của con cháu<sup>68</sup>. Tại đất Ấn, có bốn tộc tánh (Varṇa, chủng tánh, giai cấp chánh): Một là Sát-đế-lợi (Kṣatriyah), tức dòng dõi vua chúa. Hai là Bà-la-môn (Brahmin), tức tịnh hạnh. Ba là Phệ-xa (Vaishya), cựu dịch là Tỳ-xá, tức thương nhân. Bốn là Tuất-đà-la (Shudra), cựu dịch là Thủ-đà, tức là đại chúng. Hai tộc tánh trước cao quý, hai tộc tánh sau hèn mọn. Nay chẳng rõ mẹ của Bồ Tát thuộc tộc tánh gì, có họ là gì, là hèn hạ hay cao quý. Hiểu rõ tộc tánh và tên họ, sẽ dễ tra xét; do vậy, ắt phải hỏi tộc tánh và dòng họ.

#### **3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.2.2.2.2. Đáp**

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.2.2.2.2.1. Trục đáp tánh thị** (trả lời thẳng về tộc tánh và dòng họ)

*(Kinh) Thánh nữ đáp viết: - Ngã phụ, ngã mẫu, câu Bà-la-môn chủng. Phụ hiệu Thi La Thiện Hiện, mẫu hiệu Duyệt Đế Lợi.*

**(經) 聖女答曰：我父我母，俱婆羅門種。父號尸羅善現，母號悅帝利。**

*(Kinh: Thánh nữ đáp rằng: - Cha và mẹ tôi đều thuộc chủng tánh Bà-la-môn. Cha tên là Thi La Thiện Hiện, mẹ là Duyệt Đế Lợi).*

“*Phụ*” là Phủ (甫)<sup>69</sup> [hàm nghĩa] người khởi đầu sanh ra ta; *Mẫu* là Mạo (冒) [ý nói] “chứa đựng, sanh dưỡng ta”. [Cha mẹ của thánh nữ]

---

<sup>68</sup> Thoạt đầu, Tánh và Thị có sự khác biệt lớn. Thời cổ, Tánh chính là tên của bộ lạc, thường được đặt tên theo đất, hay theo tên của tù trưởng, nhằm phân biệt giữa bộ lạc này với bộ lạc khác. Con cháu về sau, do sinh sôi nảy nở đông nhiều mà có Thị nhằm phân biệt quan hệ trực hệ hay bàng hệ với thủ lãnh, do chi phái nào sinh ra. Dần dần, hình thành những dòng họ riêng. Cho đến hiện thời, hễ nói đến Tánh thì thường bị coi là đồng nghĩa với Thị. Đôi khi, Tánh và Thị dùng để phân biệt giữa họ chồng và họ thật của mình. Chẳng hạn như nếu đèn lồng treo trước cửa nhà có tang, đề là “*Diêu môn Ngụy Thị*” thì biết người đã mất là phụ nữ, có họ là Ngụy, làm dâu nhà họ Diêu.

<sup>69</sup> Phủ là tiếng để tôn xưng một người nam. Chẳng hạn Không Tử được gọi là Ni Phủ vì ngài có tên tự là Trọng Ni. Phủ lại còn là kính từ để gọi cha người khác như tôn phủ, hoặc phủ quân. Do Phủ còn có nghĩa là “vừa mới” nên ngài Linh Thừa dùng chữ này để giải thích chữ Phụ với hàm nghĩa do có cha thì mới chúng tử sanh ra ta,

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

đều thuộc chủng tánh Bà-la-môn, tự nhiên là chấp tà, báng chánh. Ngoại đạo ở Tây Thiên (Ấn Độ) chuyên chấp trước “chủng tánh Bà-la-môn tôn quý bậc nhất”, như kinh Phạm Chí Át Ba La Diên Vấn Chúng Tôn nói: *“Bốn sơ khởi địa thượng nhân thời, giai thị ngã tào Bà-la-môn chủng. Ngã tào chủng tối tôn, sơ tòng khẩu trung xuất, thể nhân tòng hạ xuất. Ngã chủng, thị đệ thất Phạm thiên tử tôn. Phật phản ngôn thiên hạ nhất chủng, trì ngã tào chủng dữ Sát-đế-lợi, điền gia, công sư chủng đẳng! Ngã tào tử, giai sanh Phạm Thiên, Phật phản trì ngã tào dữ phạm nhân đẳng? Phật ngôn: - Ngã kinh trung dĩ thi hành vi bốn. Thi hành thiện giả, tối vi đại chủng. Kỳ thiên hạ tôn quý giả, giai thi hành thiện đắc, bất dĩ chủng đắc dã”* ([Phạm Chí cật vấn]: “Lúc ban sơ mới có loài người trên mặt đất, đều là chủng tánh Bà-la-môn của chúng tôi. Chủng tánh của chúng tôi tôn quý nhất, thoát đầu từ miệng [của Đại Phạm Thiên] sanh ra. [Sau đó], các chủng tánh khác sanh từ những phần dưới [của thân Đại Phạm Thiên]. Chúng tôi là con cháu của vị Phạm Thiên thứ bảy, Phật nói ngược ngạo thiên hạ là một chủng tánh, coi chủng tánh của chúng tôi ngang hàng với Sát-đế-lợi, nông dân, thợ thuyền... Chúng tôi chết đi, đều sanh lên trời Phạm Thiên, Phật lại ngược ngạo bảo chúng tôi bình đẳng với những kẻ bình phạm!” Đức Phật dạy: “Trong kinh của ta, coi hành vi là gốc. Kẻ làm lành là chủng tánh tôn quý nhất. Những người tôn quý trong thiên hạ đều do làm lành mà đạt được, chẳng vì chủng tánh của họ!”)

Thi La (Śīla) trong tiếng Phạn, được dịch là Tánh Thiện, do thích hành thiện đạo, chẳng tự buông lung. Thiện Hiện là chữ Hán, tiếng Phạn là Tu Bồ Đề (Subhūti). Duyệt Đế Lợi chưa rõ. Danh hiệu của họ đều tốt đẹp, nhưng đều giữ lòng tà. Đại Trí Độ Luận nói: *“Do tà kiến là tội nặng, dẫu trì giới, thân, khẩu, nghiệp... tốt đẹp, nhưng đều thuận theo ác tâm, tà kiến, như gieo hạt cây đắng, sẽ đều có vị đắng. Kẻ tà kiến dẫu trì giới, tinh tấn, đều thành ác pháp. Chẳng bằng không chấp mà hành huệ thí (bồ thí bằng trí huệ)”*. Huống hồ mẹ của thánh nữ trong tâm chấp trước tà kiến, bên ngoài thì thường chê bai, hủy báng ư? Nhưng Quý Vương hỏi về chủng tánh, tên họ của mẹ, thánh nữ nêu tên cha trước là vì vợ thường được gọi tên theo chồng vậy!

---

cổ nhân thường nói “cha sanh mẹ dưỡng” là vì lẽ này. “Mạo” ở đây có nghĩa là che trùm. Dùng Mạo để tôn xưng mẹ với hàm ý mẹ mang thai ta, nuôi nấng, che chở ta.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.2.2.2.2.2. Quỷ Vương ủy thuyết sanh thiên** (Quỷ Vương nói tường tận mẹ thánh nữ đã sanh lên trời)

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.2.2.2.2.2.1. Chánh thuyết kỳ do** (nói thẳng vào nguyên do)

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.2.2.2.2.2.1.1. Nguyên thánh giả phản bản** (xin đức thánh hãy quay về)

**(Kinh) Vô Độc hiệp chưởng, khai Bồ Tát viết: - Nguyên thánh giả khước phản bản xứ, vô chí ưu ức bi luyến.**

**(經)無毒合掌，啟菩薩曰：願聖者卻返本處，無至憂憶悲戀。**

**(Kinh: Vô Độc chắp tay thưa với Bồ Tát rằng: - Xin đức thánh hãy trở về chỗ mình, đừng lo âu, thương nhớ, buồn bã, quyến luyến quá mức).**

Chắp tay nhằm biểu hiện oai nghi chúc mừng, an ủi. “Phản bản xứ”: Chỗ này chẳng phải là nơi Bồ Tát nên ở. Thoạt đầu, Ngài vì mẹ mà tới, nay đã biết rồi, hãy nên lập tức quay về chỗ mình ở, chẳng cần phải lo âu, thương nhớ, xót xa, quyến luyến nữa!

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.2.2.2.2.2.1.2. Minh tội nữ sanh thiên** (nói rõ tội nữ đã sanh lên trời)

**(Kinh) Duyệt Đế Lợi tội nữ, sanh thiên dĩ lai, kinh kim tam nhật. Vân thừa hiếu thuận chi tử, vị mẫu thiết cúng, tu phước bố thí Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai tháp tự.**

**(經)悅帝利罪女，生天以來，經今三日。云承孝順之子，為母設供，修福布施覺華定自在王如來塔寺。**

**(Kinh: Tội nữ Duyệt Đế Lợi từ khi sanh lên trời đến nay đã là ba ngày. Nghe nói nhờ đứa con hiếu thuận, vì mẹ cúng dường, tu phước bố thí nơi chùa tháp của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai).**

Quỷ Vương đáp rằng: “Thoạt đầu, tôi không biết là ai; chứ nếu là tội nữ Duyệt Đế Lợi thì đã thoát khổ, sanh lên trời được ba ngày rồi!” Sau đó, chỉ ra nguyên do sanh thiên: Do đứa con hiếu thuận cúng dường,



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

tu phước nơi chùa, tháp của Như Lai. Khéo phụng sự cha mẹ là Hiếu, hiếu đứng đầu trăm hạnh, là cái tâm tốt lành chân thật, thiết tha nhất. Thân ta chẳng từ trên trời rơi xuống, chẳng từ dưới đất sanh ra. Vì thế, chẳng thể nào không thân thiết với cha mẹ. Tổ sư nói: “*Phụ mẫu phi ngã thân, thùy thị tối thân giả*” (Cha mẹ chẳng phải là người thân của ta, ai là người thân thiết nhất). “*Thuận*” là chẳng trái nghịch. Tăng Tử nói: “*Hiếu tử chi dưỡng thân dã, lạc dự kỳ tâm, bất vi kỳ chí, lạc kỳ nhĩ mục, an kỳ tâm thực*” (Con hiếu phụng dưỡng cha mẹ, đoán biết sẵn những điều làm cho cha mẹ vui lòng, chẳng trái nghịch ý chí của họ, khiến cho cha mẹ vui tai, sướng mắt, sắp đặt yên ấm chuyện ăn ngủ cho cha mẹ). Vì thế, kinh Phạm Võng nói: “*Hiếu thuận, chí đạo chi pháp*” (Hiếu đạo là pháp đạo tột bậc). Sách Hiếu Kinh Viện Thần Khê<sup>70</sup> viết: “*Nguyên khí hỗn độn, hiếu ở trong đó. Vì thế, tâm tình kính yêu thân ái đáng nên vâng giữ*”. [Nhưng thời cổ, tại Trung Hoa] đạo hiếu chỉ để dạy con trai, chẳng dạy con gái. Nay thánh nữ thoát đầu khuyển mẹ hãy chánh tín, trong khoảng giữa thì cúng dường cảm Phật, cuối cùng là mẹ nhờ phước được sanh lên trời, có thể nói là cô ta đã có thể khuyên dụ mẹ hướng về đạo, cứu mẹ thoát khổ, một thân trọn đủ pháp thế gian và xuất thế gian, cái danh hiếu thuận trọn khắp pháp giới chẳng mòn, trải bao kiếp nhiều như cát mà chẳng mất vậy!

***3.1.2.2.3.2.2.2.1.1.2.2.2.2.3.2.2.2.2.1.3. Thị đồng tội thọ lạc (chỉ ra những người cùng chịu khổ đều được hưởng vui)***

***(Kinh) Phi duy Bồ Tát chi mẫu đắc thoát địa ngục, ung thị Vô Gian tội nhân, thử nhật tất đắc thọ lạc, câu đồng sanh ngật.***

***(經)非唯菩薩之母得脫地獄，應是無間罪人，此日悉得受樂，俱同生訖。***

***(Kinh: Không chỉ mẹ Bồ Tát được thoát địa ngục, mà ngay cả những tội nhân trong ngục Vô Gian, trong ngày hôm ấy đều được hưởng vui, đều cùng sanh lên trời cả rồi).***

Ngục lớn Vô Gian thành sắt nhot kín, mờ mịt, âm u, khó có dịp ân xá. Nay do phước lực bố thí giúp cho mẹ của chính mình mà mẹ được

---

<sup>70</sup> Tác phẩm này do Vô Danh Thị soạn vào đời Hán, thuộc loại sách sám vĩ, do được biên tập bởi nhiều người khác nhau qua các đời nên có nhiều dị bản.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

sanh lên trời; thiện duyên trong lúc ấy khiến cho những kẻ cùng nghiệp [trong địa ngục] cũng được hưởng vui lây. Lòng hiếu thảo tốt cùng, phước lực rộng lớn! Đúng là tấm gương báo đền ân mẹ, thật sự là khuôn phép để giúp cõi âm vậy.

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.3.2.2.2.2.2.2. Ngôn tất nhi thoái** (nói xong bèn lui)

*(Kinh) Quỷ Vương ngôn tất, hiệp chưởng nhi thoái.*

**(經) 鬼王言畢，合掌而退。**

*(Kinh: Quỷ Vương nói xong, chấp tay lui ra).*

Nói xong, chấp tay, kính trọng, ngưỡng mộ tốt bậc, lòng hiếu cảm động người khác sâu xa. Phần nói về những chuyện thuộc nhân hạnh đã xong.

**3.1.2.2.3.2.2.2.2.1.2. Hiện sở phát hoàng nguyện** (hiển thị hoàng nguyện đã phát)

*(Kinh) Bà-la-môn nữ tầm như mộng quy, ngộ thử sự dĩ, tiện ư Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai tháp tượng chi tiền, lập hoàng thệ nguyện: “Nguyện ngã tận vị lai kiếp, ung hữu tội khổ chúng sanh, quảng thiết phương tiện, sử linh giải thoát”.*

**(經) 婆羅門女尋如夢歸，悟此事已，便於覺華定自在王如來塔像之前，立弘誓願：願我盡未來劫，應有罪苦眾生，廣設方便，使令解脫。**

*(Kinh: Cô Bà-la-môn như vừa tỉnh giấc mộng, đã hiểu chuyện ấy rồi, liền đối trước tượng trong tháp thờ đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, lập thệ nguyện rộng lớn: “Nguyện con đến hết kiếp vị lai, nếu có chúng sanh tội khổ, con sẽ rộng lập phương tiện khiến cho họ giải thoát”.*

“Tầm” (尋) là vừa mới, [ý nói] trong khoảnh khắc, ngay lập tức trở lại như cũ; tức là trong khoảnh khắc bèn như vừa trở về từ giấc mộng. Mộng là cảnh hiện trong giấc ngủ, bị vô minh che lấp. Nhưng ngủ

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

mơ là do tâm động, động là do Thức ở bên trong, cảnh là do từ bên ngoài huân tập. Nay do cô ta suy tưởng chỗ mẹ sanh về, cho nên cảm Phật hiện thân thông. Đã ngộ sự cảm ứng do mộng, đạo tâm ngay lập tức phát khởi. Vì thế, liền đối trước tôn tượng, lập Tứ Hoàng Thệ Nguyên, từ ngày nay cho đến tột cùng đời vị lai, nếu có ai tạo tội chịu khổ, bất luận kẻ oán hay người thân, tôi đều rộng lập pháp phương tiện, khiến cho họ đều giải thoát khỏi cảnh trầm luân hết cả! Đây chính là hoàng nguyện tối sơ, là phần dẫn khởi cho phần Chánh Tông.

#### ***3.1.2.2.3.2.2.2.2. Kết hội cổ kim (kết lại để dung hội xưa và nay)***

***(Kinh) Phật cáo Văn Thù Sư Lợi: - Thời Quỷ Vương Vô Độc giả, đương kim Tài Thủ Bồ Tát thị, Bà-la-môn nữ giả, tức Địa Tạng Bồ Tát thị.***

**(經)佛告文殊師利：時鬼王無毒者，當今財首菩薩是，婆羅門女者，即地藏菩薩是。**

***(Kinh: Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: - Quỷ Vương Vô Độc khi ấy nay là Tài Thủ Bồ Tát, cô gái Bà-la-môn chính là Địa Tạng Bồ Tát).***

“Tài” là thứ được mọi người cùng quý báu, bởi không có tiền tài sẽ nghèo túng. Cổ nhân nói: “*Thậm hỹ! Bản chi vi bệnh dã*” (Đúng lắm thay! Nghèo là bệnh). Nhưng những món quý báu được phạm tục trần quý chính là thứ chúc phiền quyền họa; chỉ có pháp bảo từ đầu đến cuối luôn được an ổn. Kinh Tịnh Danh nói: “*Phú hữu thất bảo tài, giáo thọ dĩ tư tức. Thất tài giả, nhất Tín, nhị Giới, tam Đa Văn, tứ Xả, ngũ Huệ (thứ ngũ vi Bảo), lục Tâm, thất Quý (thứ nhị vi thủ tài nhân)*” (Giàu có bảy thứ tài bảo, truyền dạy để dứt trừ những [nỗi khổ họa] ấy. Thất tài: Một là Tín, hai là Giới, ba là Đa Văn, bốn là Xả, năm là Huệ (năm thứ này là của báu), sáu là Tâm, bảy là Quý (hai thứ này là người gìn giữ tài bảo). Nhưng đối với bảy món tài bảo ấy, Tín đứng đầu. Do Tín nên trì giới, do thiện nên đa văn, do đa văn nên có thể xả, do xả bèn sanh huệ. Vì thế, Tín đứng đầu các thánh tài. Xưa kia, [quỷ vương] có tên là Vô Độc, cố nhiên hành Thập Thiện Đạo. Nay nêu ra danh hiệu Tài Thủ, đủ chứng tỏ Ngài [tối thiểu] thuộc địa vị Thập Tín. Nếu xét theo lục luân trong kinh Anh Lạc để phán định địa vị thì Thiết Luân ứng với Thập Tín, Đồng

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Luân ứng với Thập Trụ, Ngân Luân ứng với Thập Hạnh, Kim Luân ứng với Thập Hội Hướng, Lưu Ly Luân ứng với Thập Địa, Ma Ni Luân ứng với Đẳng Giác và Diệu Giác, đều cùng tôn Ma Ni đứng đầu. Như vậy thì Tài Thủ thuộc hàng Đẳng Giác vậy! Vì sao biết thế? Theo kinh Quán Phật Tam Muội, trong đời quá khứ xưa kia có Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Sau khi Ngài diệt độ, có vương tử tên là Kim Trạng, kiêu mạn, tà kiến, chẳng tin Phật pháp. Khi ấy, có tỳ-kheo tên là Định Tự Tại, bảo vương tử rằng: “Trong đời có tượng Phật, tốt bậc khả ái, Ngài có thể tạm thời vào tháp xem hình tượng Phật”. Vương tử liền cùng vào trong tháp, thấy tướng hảo của Phật, bạch rằng: “Tượng Phật đoan nghiêm đến thế, huông hồ đức Phật thật!” Tỳ-kheo nói: “Ngài thấy tượng chẳng lẽ, hãy nên chấp tay xưng Nam-mô Phật”. Vương tử liền chấp tay xưng Phật. Trở về cung, nghĩ đến tượng, cuối đêm bèn mộng thấy, hoan hỷ bỏ tà kiến, quy y Tam Bảo. Do thiện căn vào tháp xưng niệm Phật, mạng chung gặp chín trăm vạn ức na-do-tha Phật, đạt được Niệm Phật tam-muội rất sâu, chư Phật hiện tiền, vì vương tử thọ ký. Từ đấy trở đi, trải qua trăm vạn A-tăng-kỳ kiếp, chẳng đọa ác đạo. Cho đến ngày nay, đạt được Thủ Lăng Nghiêm Định rất sâu. Vị vương tử xưa kia, nay là Tài Thủ Bồ Tát. Đức Phật đã nói Bồ Tát đắc Thủ Lăng Nghiêm Định rất sâu, nếu chẳng phải là Đẳng Giác thì là gì vậy?

Xưa kia, cô gái Bà-la-môn do rộng hành hiếu đạo, thành thân Địa Tạng. Vì thế, hạnh hiếu theo chiều dọc trần lấp trời đất, theo chiều ngang phô khắp bốn biển, thực hiện mãi đến đời sau chẳng phân sáng tối, tỏa rộng tựa hồ biển Đông. Phương Tây, Nam, Bắc cũng giống như thế. Vì thế, trên là từ đế vương, dưới là đến thứ dân, sang, hèn tuy khác, hành hiếu đều giống hết như nhau. Như đất là chỗ để muôn vật nương tựa, như kho tàng là chỗ để muôn người thọ dụng. Vì thế biết danh hiệu Địa Tạng toàn là danh hiệu hiếu thuận. Đây là do ngài Văn Thù thưa hỏi nhân địa của ngài Địa Tạng, [đức Phật] bèn nêu đại lược, khái quát đôi nét tiêu biểu như thế, há có thể nói trọn hết được ư?

### ***3.2. Chánh Thuyết Phần***

Chia thành bốn đoạn:

- Phẩm Phân Thân Tập Hội, nói về vị hóa chủ.
- Ba phẩm Nghiệp Duyên, Nghiệp Cảm, Văn Ngục nói rõ những căn cơ được hóa độ.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

- Ba phẩm Như Lai Tán Thán, Lợi Ích Tồn Vong, và Diêm La Tán Thán nói về duyên độ thoát.

- Hai phẩm Xung Danh Hiệu Phật và Giáo Lượng Bồ Thí nói về cái nhân thành Phật.

#### **3.2.1. Kinh đề (tên gọi của phẩm kinh)**

**(Kinh) Phân thân tập hội, phẩm đệ nhị.**

**(經)分身集會，品第二。**

**(Kinh: Phẩm thứ hai: Phân thân tập hội).**

##### **3.2.1.1. Phẩm văn (kinh văn trong phẩm này)**

##### **3.2.1.1.1. Địa Tạng lai nghi (Địa Tạng Bồ Tát đến dự pháp hội)**

##### **3.2.1.1.1.1. Tự phân thân Địa Tạng (trần thuật phân thân của Địa Tạng Bồ Tát)**

**(Kinh) Nhĩ thời, bách thiên vạn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng A-tăng-kỳ thế giới, sở hữu địa ngục xứ, phân thân Địa Tạng Bồ Tát, câu lai tập tại Đào Lợi thiên cung.**

**(經)爾時，百千萬億不可思，不可議，不可量，不可說，無量阿僧祇世界，所有地獄處，分身地藏菩薩，俱來集在忉利天宮。**

**(Kinh: Lúc bấy giờ, phân thân của Địa Tạng Bồ Tát ở tất cả các chỗ có địa ngục trong trăm ngàn vạn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết<sup>71</sup>, vô lượng A-tăng-kỳ thế giới, đều nhóm đến cung**

<sup>71</sup> Đây đều là những con số lớn. Theo phẩm A Tăng Kỳ trong kinh Hoa Nghiêm, một trăm lặc-xoa (một trăm ngàn) là một câu-chi. Câu-chi lần câu-chi là một A-du-đa. A-du-đa lần A-du-đa là một Na-do-tha, lần lượt như thế cho đến Chí lần Chí là một A Tăng Kỳ. A Tăng Kỳ lần A Tăng Kỳ là một A Tăng Kỳ Chuyển. A Tăng Kỳ Chuyển lần A Tăng Kỳ Chuyển là một Vô Lượng. Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Lượng Chuyển. Vô Lượng Chuyển lần Vô Lượng Chuyển là một Vô Biên. Vô Biên lần Vô Biên là một Vô Biên Chuyển, Vô Biên Chuyển lần Vô Biên Chuyển là một Vô Đẳng. Vô Đẳng lần Vô Đẳng là một Vô Đẳng Chuyển. Vô Đẳng Chuyển lần Vô Đẳng Chuyển là một Bất Khả Số. Bất Khả Số lần Bất Khả Số là một Bất Khả Số Chuyển. Bất Khả Số Chuyển lần Bất Khả Số Chuyển là một Bất Khả Xung. Lần lượt

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

trời Đạo Lợi).

“*Nhĩ thời*” (Lúc bấy giờ) chính là lúc đức Như Lai mỉm cười, phóng quang, mây quang minh phát ra âm thanh, trời, rồng, quỷ, thần cùng tụ tập. Bởi lẽ, phân thân của đức Địa Tạng trong các cõi nước khắp mười phương nhiều như cát, đã trông thấy quang minh và nghe âm thanh, liền cùng đại chúng nhóm đến. Chỉ là không nói rõ ngay, cho nên thành ra nói có trước sau, chẳng phải là [đức Phật và ngài Văn Thù] hỏi đáp xong xuôi mới đến. “*Trăm ngàn vạn ức*” là số lượng. Theo toán kinh (sách dạy tính toán) của Chấn Đán (Trung Hoa), bắt nguồn từ thời Hoàng Đế, số đếm có đến mười mấy loại: Ưc, triệu, kinh, tỷ, cai, nhượng, câu, gián, chánh, tải. Nói theo thói quen thì từ ngàn sanh ra vạn (萬), vạn sanh ức (億), ức sanh triệu (兆), triệu sanh kinh (京), kinh sanh tỷ (秭), tỷ sanh cai (垓), cai sanh nhượng (壤), nhượng sanh câu (溝), câu sanh gián (澗), gián sanh chánh (正), chánh sanh tải. Tải (載) [ngụ ý] “đắt chẳng thể chở nổi!” Nay nói rõ về bốn con số đầu tiên. Ưc chia thành bốn loại:

- 1) Mười vạn là một Ưc.
- 2) Một trăm vạn là một Ưc.
- 3) Một ngàn vạn là một Ưc.
- 4) Một vạn vạn là một Ưc.

Ở đây, Ưc được hiểu theo cách thứ tư, [kinh nói là] “*bách thiên vạn ức*”. Con số như vậy còn khó thể thấu hiểu cùng tận được, huống hồ còn nói là trong “*trăm ngàn vạn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết vô lượng A-tăng-kỳ thế giới, phàm là tất cả các chỗ có địa ngục, phân thân trong mỗi ngục đều đến nhóm hội*”, đông đảo lắm thay! Điều này tỏ rõ thế giới khó lường, càng thấy rõ địa ngục rất nhiều! Địa ngục đã nhiều, càng tỏ rõ phân thân khó lường; đây là cơ sở cho những lời vấn đáp kế tiếp. Đây chính là chuyện chẳng thể nghĩ bàn của bậc đại Bồ Tát, ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác còn chẳng thể biết, huống hồ những địa vị thấp hơn và phàm phu mà có thể suy lường, nhận biết nổi ư!

---

tính lên như vậy, ta có các con số Bất Khả Xưng Chuyển, Bất Khả Tư Chuyển, Bất Khả Tư, Bất Khả Tư Chuyển, Bất Khả Lượng, Bất Khả Lượng Chuyển, Bất Khả Thuyết, Bất Khả Thuyết Chuyển.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Như sách Quảng Dur<sup>72</sup> ghi chép, vào niên hiệu Chí Đức (756-758) đời Đường, xứ Tân La (Silla)<sup>73</sup> có một vị Tăng, tên là Kim Địa Tạng, vượt biển tìm đến [Trung Hoa], dừng lại ở núi Cửu Hoa, huyện Thanh Dương, thuộc Trục Lệ<sup>74</sup> Trì Châu Phủ. Sư thường lấy đất trắng giữa vách núi trộn lẫn với cơm mà ăn. Mọi người đều lấy làm lạ. Lúc Ngài chín mươi chín tuổi, bỗng triệu tập đồ chúng cáo biệt, ngồi trong hộp qua đời. Ba năm sau, [đồ chúng] lại mở ra xem, thấy diệm mạo như lúc còn sống. Nâng [thi thể của Ngài] lên, các khớp xương vẫn chuyển động được. Đây cũng là một phân thân của Ngài.

“*Câu tập thiên cung*” (Cùng nhóm đến cung trời): Như kinh Tâm Địa Quán nói: “*Dĩ thân thường xử u địa ngục, phi bất thân cận đại từ tôn. Dĩ thân thường xử u luân hồi, phi bất thân viễn vi diệu pháp. Dĩ thị nhân duyên chư Phật tử, hệ tâm thường niệm Thiên Nhân Sư*” (Do thân thường ở trong địa ngục, chẳng phải là không thân cận đức đại từ tôn. Do thân thường ở trong luân hồi, chẳng phải là không đích thân nghe pháp vi diệu. Do nhân duyên này, chư Phật tử tâm khăng khăng thường niệm đấng Thiên Nhân Sư). Do vậy, [phân thân của Bồ Tát cùng đại chúng] bèn nhóm họp nhiều như mè, tràn ngập cung trời Đao Lợi; đúng là chuyện hiếm lạ, đặc biệt, xưa nay chưa từng nghe đến!

---

<sup>72</sup> Sách này có tên gọi đầy đủ là Quảng Dur Ký do Thái Phương Bình biên soạn dưới đời Thanh, hoàn tất bản cáo vào năm Khang Hy 25 (1686), nội dung ghi chép ranh giới, địa hình, sông núi, thổ sản, chùa miếu, các bậc danh thần, nhân vật, liệt nữ v.v... của mười lăm tỉnh và đặc khu: Trục Lệ, Giang Nam, Chiết Giang, Giang Tây, Phước Kiến v.v... Chí Đức là niên hiệu của Đường Túc Tông (Lý Tự Thăng) từ năm 756 đến năm 758.

<sup>73</sup> Tân La là một vương triều tồn tại từ năm 57 trước Công Nguyên cho đến năm 950 công nguyên, có địa bàn thuộc miền Nam và Trung phần của bán đảo Đại Hàn. Cùng với Bách Tế (Baekje) và Cao Câu Ly (Goguryeo), hình thành Tam Hàn (Tam Quốc) trong cổ sử Đại Hàn. Vương triều này do Phác Hách Cư Thế (Park Hyeokgeose) sáng lập. Phật giáo được truyền vào Tân La vào năm 528. Cho đến thế kỷ thứ bảy, tại Tân La đã có các tông phái Niết Bàn, Pháp Tướng, Hoa Nghiêm, Pháp Tánh. Cuối thế kỷ thứ chín, Thiền Tông Tân La đã hình thành chín phái (thường gọi là Cửu Sơn). Ngài Kim Kiều Giác (696-794) thuộc hoàng thất Tân La.

<sup>74</sup> Trục Lệ là một đơn vị hành chính đặc biệt đặt ra dưới đời Minh, có ý nghĩa “trực thuộc quyền quản trị trực tiếp của trung ương”, không thiết lập chức Thừa Tuyên Bố Chánh Sứ Ty như các tỉnh khác. Dưới thời Minh, Trục Lệ Trì Châu Phủ có phạm vi bao gồm các huyện Trì Châu, Đồng Lăng, Thanh Dương, Thạch Đài, Đông Chí...

**3.2.1.1.1.2. Tự nghiệp đạo chúng cơ** (trần thuật căn cơ của chúng sanh trong các nghiệp đạo)

**3.2.1.1.1.2.1. Suất chúng đồng lai cúng Phật** (dẫn đại chúng cùng đến cúng dường Phật)

*(Kinh) Dĩ Như Lai thần lực cố, các dĩ phương diện, dữ chư đấng giải thoát từng nghiệp đạo xuất giả, diệc các hữu thiên vạn ức na-do-tha số, cộng trì hương hoa, lai cúng dường Phật.*

**(經)以如來神力故, 各以方面, 與諸得解脫從業道出者, 亦各有千萬億那由他數, 共持香華, 來供養佛。**

*(Kinh: Do thần lực của Như Lai, mỗi phân thân đều từ mỗi phương, cùng với những người đã được giải thoát từ nghiệp đạo thoát ra, số lượng cũng đều là ngàn vạn ức na-do-tha tại mỗi phương, cùng cầm hương hoa đến cúng dường đức Phật).*

[Trong đoạn kinh văn trên đây], chữ Dĩ (以) trước nhằm giới thiệu cái nhân, chữ Dĩ sau nhằm nói đến những người cùng đi theo các phân thân. Do sức thần thông trọn khắp từ các vầng mây âm thanh của đức Phật, cho nên mỗi vị phân thân đều cùng với chúng sanh được Ngài hóa độ từ bốn phương nhóm đến. Giải thoát có lớn và nhỏ sai khác. Theo như trong phần sau là “*bất thoái A Nậu Bồ Đề*” thì hoàn toàn là đại giải thoát chẳng thể nghĩ bàn! “*Trì hương hoa cúng dường*” (Cầm hương hoa cúng dường). Chữ Kiện Đạt (Gandha) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Hương. Theo kinh Giới Đức Hương thì có căn hương (hương trích từ rễ cây), chi hương (hương trích từ tinh dầu gỗ hay vỏ của cành cây), và hoa hương (hương phối chế từ tinh dầu của các loại hoa) khác nhau. Chữ Bồ Sát Ba (Puṣpa) trong tiếng Phạn, cõi này dịch là Hoa. Theo kinh Đại Phẩm Bát Nhã, có thiên hoa (hoa trên cõi trời), sanh hoa (hoa trong nhân gian), và tâm hoa (hoa do tâm vận tượng, hay hoa do giới đức) khác nhau. Nay người cầm [hương, hoa] cúng dường, biểu thị đã trọn đủ Bồ Tát đạo, nguyện thành tựu Như Lai hương, trong sạch, lan xa, ngậm thông, quả và nhân khế hợp nhất trí. Theo kinh Thập Luân, cúng dường có ba thứ:

1) Một là lợi ích, tức là dùng tứ sự (thức ăn, quần áo, đồ trải nằm, thuốc men) v.v...

2) Hai là kính tâm (tâm tôn kính), dùng hoa để biểu lộ tâm ý.



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

3) Ba là tu hành. Nếu có ai vâng giữ, truyền nói [lời Phật dạy] thì chính là cúng dường.

[Những điều ấy] đều nhằm biểu lộ lòng thành kính vậy.

**3.2.1.1.2.2. Nhân hóa bất thoái Bồ Đề** (do được Bồ Tát giáo hóa mà chẳng thoái chuyển đạo Bồ Đề)

*(Kinh) Bỉ chư đồng lai đẳng bối, giai nhân Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa, vĩnh bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

**(經)彼諸同來等輩，皆因地藏菩薩教化，永不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。**

*(Kinh: Những người cùng đến ấy đều do Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa mà vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Đây là nêu ra ý nghĩa cúng dường. Bởi lẽ, những người cảm hương hoa cúng dường đều do Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa mà được vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Bồ Đề. Bất Thoái Chuyển sẽ được giải thích trong phần sau. A dịch là Vô, Nậu Đa La dịch là Thượng. Tam Miệu dịch là Chánh. Tam là thiên (thiên vị), hoặc Đẳng (bình đẳng). Bồ Đề dịch là Giác. Ngài Cô Sơn nói: “Do cực quả có cái nhân siêu việt nên nói là Vô Thượng, Chánh là Chánh Quán Trung Đạo. Đẳng là cùng chiếu hai bên; đây chính là ba trí nơi quả vậy”. Kinh Bi Hoa quyển bốn chép: “Nguyên ngã đắc Thủ Lăng Nghiêm tam-muội. Dĩ tam-muội lực cố, hóa tác địa ngục chi thân, nhập địa ngục trung, dĩ địa ngục chúng sanh thuyết vi diệu pháp, khuyến linh phát Bồ Đề tâm. Bỉ chúng văn thị pháp dĩ, tâm phát Bồ Đề chi tâm, tức tiện mạng chung, sanh u nhân trung. Tùy sở sanh xứ, thường đắc trị Phật, thánh pháp, tức đắc bất thoái chuyển địa. Càn Thát Bà, nãi chí nhân phi nhân đẳng, thiên, long, quỷ thần, nãi chí súc sanh, ngạ quỷ đẳng chúng, diệc phục như thị, giai linh phát Bồ Đề tâm” (Nguyên tôi đắc Thủ Lăng Nghiêm tam-muội. Do sức của tam-muội, hóa ra thân địa ngục, vào trong địa ngục để nói pháp vi diệu cho chúng sanh trong địa ngục, khuyến họ phát Bồ Đề tâm. Các chúng sanh ấy nghe pháp đó xong, liền phát Bồ Đề tâm. Họ lập tức mạng chung, sanh trong loài người. Sanh ở bất cứ nơi đâu, thường được

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

gặp Phật, nghe pháp, liền đạt được địa vị Bất Thoái Chuyên. Đối với Càn Thát Bà cho đến nhân, phi nhân v.v... trời, rồng, quỷ thần, cho đến các loài súc sanh, ngạ quỷ v.v... cũng đều như vậy, đều khiến cho họ phát Bồ Đề tâm). Đây chính là những chúng sanh trong nghiệp đạo do được Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa mà chẳng thoái chuyển đạo Bồ Đề.

#### **3.2.1.1.1.2.3. Chí thiên, tâm hỷ quán Phật (tới cõi trời, tâm hoan hỷ quán Phật)**

**(Kinh) Thị chư chúng đấng, cửu viễn kiếp lai, lưu lãng sanh tử, lục đạo thọ khổ, tạm vô hưu tức.**

**(經)是諸眾等，久遠劫來，流浪生死，六道受苦，暫無休息。**

**(Kinh: Các chúng sanh ấy từ kiếp lâu xa đến nay trôi lãng trong sanh tử, chịu khổ trong sáu đường chưa từng được tạm ngơi).**

Kinh văn [trong phần này] được chia thành ba tiểu đoạn:

[Tiểu đoạn thứ nhất], trước hết, nói về sự lưu chuyển trong lục đạo là do trái nghịch cái giác tâm ấy. Bởi lẽ, giác tâm ấy chính là diệu đạo do chư Phật đã chứng, là cội nguồn mà chúng sanh đã mê hoặc. Phàm phu từ kiếp lâu xa đến nay, trôi giạt trong sanh tử là do chẳng phát cái tâm ấy. Sự lưu chuyển ấy có bốn thứ: Một là Kiến Lưu (kiến chấp về tam giới), hai là Dục Lưu (các Hoặc trong Dục Giới, trừ Kiến và Si), ba là Hữu Lưu (các Hoặc trong hai giới trên, tức Sắc Giới và Vô Sắc Giới, trừ Kiến và Si), bốn là Vô Minh Lưu (Si trong tam giới).

Từ ngữ Xà Đề Xà (Jātika) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là “sanh tử”. Kinh Thắng Man nói: “Sanh giả tân, chư căn sanh. Tử giả cố, chư căn diệt” (Sanh là mới vì các căn được sanh ra. Chết là cũ vì các căn đã diệt mất). Do sóng gió ấy, trôi hụp mãi trong sanh tử. Vì thế, kinh Niết Bàn nói: “Ngã tích dữ như đặng, bất kiến Tứ Chân Đế. Thị cố cửu lưu chuyển, sanh tử đại khổ hải” (Xưa kia ta và các người do chẳng thấy bốn Chân Đế, cho nên lưu chuyển đã lâu trong biển khổ sanh tử lớn). Theo Đại Luận, chúng sanh có ba thứ khổ: Một là thân khổ, tức già, bệnh, chết. Hai là tâm khổ, tức tham, sân, si. Ba là hậu khổ (nỗi khổ trong thân đời sau), tức địa ngục, quỷ, súc sanh. Vì thế, cầu được tạm ngưng dứt trong ba sự khổ ấy, há có được chăng?

*(Kinh) Dĩ Địa Tạng Bồ Tát, quảng đại từ bi, thâm thệ nguyện cố, các hoạch quả chứng.*

**(經)以地藏菩薩，廣大慈悲，深誓願故，各獲果證。**

*(Kinh: Do Địa Tạng Bồ Tát từ bi rộng lớn, thệ nguyện sâu xa, cho nên ai nấy đều được chứng quả).*

Kể đó, [trong tiểu đoạn thứ hai, chỉ rõ những người ấy] do Địa Tạng Bồ Tát mà được chứng quả. Đây là nói chúng sanh trong lục đạo, xưa kia thì muôn loài trầm mê, trôi lăn trong ba đường. Nay thì ngộ giải vượt hẳn Thập Lực, chứng tam thân viên thông. Đó là công sức của ai? Đều là do lòng vô duyên từ bi, sức thệ nguyện vô tác của đức Địa Tạng vậy.

*(Kinh) Ký chí Dao Lợi, tâm hoài dững dưng, chiêm ngưỡng Như Lai, mục bất tạm xả.*

**(經)既至忉利，心懷踊躍，瞻仰如來，目不暫捨。**

*(Kinh: Đã tới trời Dao Lợi, ôm lòng hờn hờ, chiêm ngưỡng Như Lai, mắt chẳng tạm rời).*

Tiểu đoạn thứ ba, nói rõ [những người ấy] cảm kích ân sâu của đức Phật. Đã được nương vào thần lực của Như Lai, nên được theo ngài Địa Tạng cùng đến. Trong tâm họ hờn hờ sâu xa, bộc lộ ra bên ngoài thành dáng vẻ chiêm ngưỡng ân cần. “Chiêm” (瞻) là [ngắm nhìn] tướng hảo vi diệu, xem ngắm chẳng chán! “Ngưỡng” (仰) là đối với trí huệ sâu xa bèn ngưỡng mộ, mong mỏi. Đại Luận nói: “Đức Phật ngồi trên tòa sư tử, hiện thân tối thắng, quang minh, sắc tượng, oai đức vòi vọi, dùng thần lực ấy cảm động chúng sanh. Nếu có ai tin tưởng, sẽ đều đạt tới A Nậu Bồ Đề”. Đây là “chiêm ngưỡng, chẳng thể tạm rời” vậy!

**3.2.1.1.2. Thích Ca chiếu cáo (đức Thích Ca truyền dạy, bảo ban)**

**3.2.1.1.2.1. Như Lai ma đánh phó chúc (Như Lai xoa đầu giao phó, căn dặn)**

**3.2.1.1.2.1.1. Kinh gia tự thông (người trùng tuyên kinh tường thuật)**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn thư kim sắc tỳ, ma bách thiên vạn ức*

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

*bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng A-tăng-kỳ thế giới, chư phân thân Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát dẫn.*

**(經)爾時，世尊舒金色臂，摩百千萬億不可思，不可議，不可量，不可說，無量阿僧祇世界，諸分身地藏菩薩摩訶薩頂。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn duỗi cánh tay sắc vàng, xoa đỉnh đầu của các vị phân thân Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát trong trăm ngàn vạn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng A-tăng-kỳ thế giới).*

Đức Phật dùng một cánh tay Mầu Đà La<sup>75</sup>, tay Đâu La Miên mà xoa trọn khắp đỉnh đầu của vô lượng A-tăng-kỳ phân thân Địa Tạng Bồ Tát đã vân tập; đây chính là thần lực chuyển biến từ Thánh Như Ý Thông. Vì thế, một tay mà có thể xoa trọn khắp vô lượng đỉnh đầu để úy lạo, vỗ về. Đại Luận nói: “Trong tay có chữ Đức, trang nghiêm bằng màng lưới, sẽ dùng cánh tay ấy để an ủi chúng sanh, khiến cho họ chẳng sợ hãi” chính là nói về chuyện này.

**3.2.1.1.2.1.2. Phát ngôn phó chúc (thốt lời giao phó, căn dặn)**

**3.2.1.1.2.1.2.1. Minh kỹ sở hóa chúng** (nói về chuyện giáo hóa chúng sanh của chính mình)

**3.2.1.1.2.1.2.1.1. Tổng thị hóa môn điều cơ** (dạy chung về cách giáo hóa, điều phục các căn cơ)

*(Kinh) Nhi tác thị ngôn: - Ngô ư Ngũ Trược ác thế, giáo hóa như thị cang cường chúng sanh, linh tâm điều phục, xả tà quy chánh, thập hữu nhất, nhị, thượng ác tập tại.*

**(經)而作是言：吾於五濁惡世，教化如是剛強眾生，令心調伏，捨邪歸正，十有一二，尚惡習在。**

---

<sup>75</sup> Mầu Đà La (Mudra) là thủ ấn. “Cánh tay Mầu Đà La” là cánh tay kết ấn. Đâu La Miên là sợi tơ từ Đâu La (Tūla), tức Dương Hoa, hoặc sợi tơ mịn của một loại tằm. Cả hai từ ngữ đều nhằm ca ngợi cánh tay đẹp để luôn ban bố ân đức, mềm mại của đức Phật.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Mà nói như sau: - Ta ở trong đời ác Ngũ Trược, giáo hóa chúng sanh ương bướng như thế, khiến cho tâm họ điều phục, bỏ tà quy chánh, mười phần thì có một hai phần vẫn còn tập khí ác).

Đây là nói đức Phật điều phục các căn cơ trong đời ác trược. Như trong kinh Hiền Ngu, người huấn luyện voi tên Tán Xà đã nói: “*Phật Thế Tôn giả, nhị chủng tánh sanh: Nhất giả, trí huệ. Nhị giả, đại bi. Cần hành lục sự, sở vị Lục Ba La Mật. Công đức, trí huệ tất cụ túc dĩ, hiệu chi vi Phật. Ký tự năng điều, diệt điều chúng sanh. Cố vân ngã thị Vô Thượng Điều Ngự Sư, chuyển chánh pháp luân châu thế giới, hóa độ vô lượng chư chúng sanh*” (Phật Thế Tôn sanh từ hai chủng tánh: Một là trí huệ, hai là đại bi. Siêng hành sáu sự, tức là sáu Ba La Mật. Công đức và trí huệ đều đã trọn đủ, thì gọi là Phật. Đã có thể tự điều phục, lại còn điều phục chúng sanh. Vì thế nói: “Ta là Vô Thượng Điều Ngự Sư, chuyển chánh pháp luân trọn khắp thế giới, hóa độ vô lượng các chúng sanh”). Hãy nên biết: Do ngộ tâm địa quán, nên có thể điều phục chúng sanh ương ngạnh, tức là dùng Tứ Đế để chỉ, dùng Tam Học để dạy, dùng Giới điều phục thân họ, dùng Định và Huệ điều phục tâm họ. Đã tu Tam Học, tự đoạn hai thứ Hoặc.

Sách Phụ Hành viết: “*Xưa kia do không được lười câu Tín móc lấy, đến nỗi tạo trọng tội. Như voi cuồng không có móc sắt [của người luyện voi], không thể khống chế được. Nay lấy móc câu Hồ Thẹn để móc lấy con voi ‘tâm không hồ thẹn’. Vì thế nói là khiến cho cái tâm điều phục*”.

“*Xả tà quy chánh*”: Kinh Nhất Thiết Pháp Cao Vương nói: “*Đại tỳ-kheo chúng nhất thiên nhị bách ngũ thập nhân, kỳ tiên tất thị biện phát phạm-chí, chư lậu dĩ tận, vô phục phiền não, nhất thiết tâm đắc tự tại, đáo đệ nhất bỉ ngạn*” (Một ngàn hai trăm năm mươi vị đại tỳ-kheo trước kia đều là hàng phạm-chí<sup>76</sup> bụi tóc, đã hết các lậu, chẳng còn phiền não, hết thấy tâm được tự tại, đạt đến bờ kia bậc nhất). [Những vị theo Địa Tạng Bồ Tát đến dự pháp hội] đều đã xả tà quy chánh, đã được thọ ký làm Phật. Điều này cho thấy những người đã được điều phục thì trong mười phần có đến bảy tám phần. Những kẻ có tập khí ác sâu nặng, khó thể điều phục, trong mười phần chỉ có một hai phần. Như hội Pháp Hoa vừa mới bắt đầu, năm ngàn người đứng lên bỏ đi, và các đệ tử của Điều

---

<sup>76</sup> Phạm Chí (梵志, Brahmacharin) thường được giải thích là “*chí hướng Phạm Thiên*” tức là những người tu theo đạo Bà La Môn, mong sanh lên trời Phạm Thiên. Đây cũng là từ ngữ chỉ chung các ngoại đạo.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Đạt (Đề Bà Đạt Đa), phạm vương Loa Kế v.v... “Tập” (習) là tập khí; chánh sử (正使, các phiên não chánh yếu, tức Thập Sử) tuy đã đoạn, vẫn còn sót lại tập khí. Thân tuy đã điều phục, tâm còn chưa điều phục.

**3.2.1.1.2.1.2.1.2. Biệt minh phân thân độ thoát** (nói riêng về sự độ thoát của các phân thân)

**3.2.1.1.2.1.2.1.2.1. Lược minh** (nêu đại lược)

*(Kinh) Ngô diệc phân thân thiên bách ức, quảng thiết phương tiện. Hoặc hữu lợi căn, văn tức tín thọ.*

**(經)吾亦分身千百億，廣設方便。或有利根聞即信受。**

*(Kinh: Ta cũng phân thân trăm ngàn ức, rộng lập phương tiện. Nếu có kẻ lợi căn nghe xong liền tin nhận).*

Điều này cũng giống hệt như phương tiện phân thân độ sanh của Địa Tạng Bồ Tát. Vì thế nói là “cũng”. Kinh Phạm Động nói: “*Như Lai tự tri sanh tử dĩ tận, sở dĩ hữu thân, vị dục phước độ chư thiên nhân có. Nhược kỳ vô thân, tắc chư thiên, thế nhân, vô sở thị hổ. Do như Đa La thụ, đoạn kỳ đầu giả, tắc bất phục sanh. Phật diệc như thị, dĩ đoạn sanh tử, vĩnh bất phục sanh*” (Như Lai tự biết sanh tử đã tận, cho nên có thân là vì muốn tạo phước để độ hàng trời, người. Nếu chẳng có thân thì chư thiên, người đời sẽ không có ai để nương cậy! Ví như cây Đa La, hễ chặt ngọn của nó, nó sẽ chẳng mọc lại được. Phật cũng giống như thế, do đã đoạn sanh tử, vĩnh viễn chẳng sanh nữa). Nay sở dĩ phân thân chính là vì hiển thị Như Lai do pháp mà rủ lòng ứng hiện, ứng với các căn cơ lớn hay nhỏ mà hiện thân thù thắng hay kém cỏi. Từ một thân mà phát xuất thành vô lượng thân; gom Dụng về Thể, chẳng lìa một tánh. Đại Luận quyển ba mươi nói: “*Nếu nương theo Thiên Định, đắc Tử Vô Lượng, Bội Xả, Thắng Xứ, thần thông, biện tài v.v... các công đức rất sâu thấy đều trọn đủ, tùy ý mà hành, không gì chẳng thể làm, hóa thành đủ loại thân cảm thú, nhưng chẳng nhận lấy các pháp của chúng nó. Hoặc có lúc thân đầy chật hư không, hoặc có lúc thân như vi trần, hoặc nhẹ như lông hồng, hoặc nặng như Thái Sơn. Sức thần thông biến hóa như thế đều do Thiên mà đạt được*”. Đây là từ Thân Luân mà hiện thần thông.

“*Quảng thiết phương tiện*” (Rộng lập phương tiện) tức là Ý Luân soi xét căn cơ, thực hiện tác dụng hay khéo mà không cần mưu tính, quán tánh và tướng của mười pháp giới, và dùng Khẩu Luân để tuyên

***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

nói các thứ pháp, khiến cho người căn cơ đã chín muồi sẽ giải thoát, người [căn cơ] chưa chín muồi sẽ chín muồi, người chưa gieo [thiện căn] sẽ gieo. Vì thế, Đại Luận nói: “*Thích Ca Mâu Ni Phật hóa ra các thứ thân trong một thế giới, dùng đủ mọi phương tiện để độ chúng sanh*”.

Đây là chỉ bày tổng quát về phương tiện phân thân, dưới đây là nói riêng về chuyện điều phục các căn cơ khó hay dễ. “*Căn*” là “*căn tánh*” thuộc về quá khứ. Đời này, căn tánh lợi hay độn, nói chung là do túc chướng nặng hay nhẹ. Nếu xét theo tứ sanh để luận định lợi hay độn thì như trong kinh Xử Thai, đức Phật bảo Hỷ Kiến Bồ Tát: “*Như ngã kim nhật tại mẫu thai trung, dữ chư thập phương thần thông Bồ Tát, thuyết bất thoái chuyển nan hữu chi pháp, diệc dĩ thần thông, nhập thiên tứ sanh, địa ngục tứ sanh, ngạ quỷ tứ sanh, súc sanh tứ sanh. Ư tứ sanh trung, thai hóa nhị sanh tận lậu đắc tột, thấp noãn nhị sanh tận lậu sảo trì. Hóa sanh, thai sanh thị lợi căn nhân, thấp sanh, noãn sanh thị độn căn nhân*” (Như ta ngày nay ở trong thai mẹ, cùng các vị thần thông Bồ Tát trong mười phương nói pháp bất thoái chuyển khó có, cũng dùng thần thông vào trong thiên tứ sanh, địa ngục tứ sanh, ngạ quỷ tứ sanh, và súc sanh tứ sanh. Ở trong tứ sanh, thai sanh và hóa sanh, đạt được Lưu Tận nhanh chóng, thấp sanh và noãn sanh thì Lưu Tận chậm hơn. Hóa sanh và thai sanh là người lợi căn; thấp sanh và noãn sanh là kẻ độn căn). Vì thế, Đại Luận nói: “*Chư Phật trước hết đã quan sát, biết có kẻ hết thấy phương tiện đều chẳng thể độ được; hoặc là có kẻ khó độ, hoặc dễ giáo hóa; hoặc lại có kẻ [tiếp nhận sự giáo hóa] chậm chạp hay nhanh chóng. Hoặc dùng quang minh, hoặc dùng thần túc, đủ mọi nhân duyên để độ chúng sanh*” chính là nói về điều này. Nếu xét theo bốn châu để luận định lợi độn thì như thiên nhân Phí Thị đã nói: “*Châu ở phía Bắc ít có Phật pháp, Phật pháp hồng dương rộng lớn ở ba châu kia. Đông thiên hạ và Tây thiên hạ ít có kẻ trí huệ sắc sảo, phiền não khó hóa độ. Một châu ở phương Nam (Nam Diêm Phù Đề) tuy có lắm kẻ phạm tội, nhưng [có thể] giáo hóa khiến cho họ tuân theo điều lành, tâm dễ điều phục*” là nói về chuyện này. Theo sách Ma Ha Chỉ Quán, lợi căn là căn cơ pháp hạnh, độn căn là căn cơ tín hạnh. Như nghe nói “*hết thấy chúng sanh vốn có Phật tánh*”, họ bèn tin lập tức. Đã tin, bèn lập tức tu; Tam Huệ (Văn, Tư, Tu) nhanh chóng thành tựu, đó là hạng lợi căn!

***(Kinh) Hoặc hữu thiện quả, cần khuyến thành tựu.***

***(經)或有善果，勤勸成就。***

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Hoặc là kẻ có thiện quả, bèn siêng gắng khuyên lơn khiến họ thành tựu).*

“*Hoặc hữu thiện quả, cần khuyến thành tựu*” tức là có kẻ ngưỡng mộ, tin tưởng lý ấy, tư duy, tu tập, Tam Huệ tiến dần dần thì là phùng độn căn. Đại Luận nói: “*Nếu chúng sanh toan tạo trọng tội, dạy bảo bằng cách tốt lành họ chẳng nghe theo, bèn dùng lời cay đắng để can gián. Tuy họ khởi sân hận, nhưng về sau sẽ được an ổn. Đây chính là cách để dạy kẻ độn căn*”. “*Thiện quả*” là nói đến Bồ Đề tâm. Các vị như Thân Tử (Xá Lợi Phất) v.v... là kẻ độn căn tốt bậc, trải qua trọn đủ năm thời (Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, và Pháp Hoa) mới nhanh chóng phát khởi ba cái nhân, được thọ ký vậy!

*(Kinh) Hoặc hữu ám độn, cứu hóa phương quy; hoặc hữu nghiệp trọng, bất sanh kính ngưỡng.*

**(經)或有暗鈍，久化方歸；或有業重，不生敬仰。**

*(Kinh: Hoặc có kẻ ám độn giáo hóa lâu ngày thì mới quy hướng; hoặc có kẻ nghiệp nặng, chẳng sanh lòng kính ngưỡng).*

“*Ám độn cứu hóa phương quy*” (Ám độn, giáo hóa lâu ngày thì mới quy hướng) là như ngài Sa Già Đà (Sāgata, cõi này dịch là Tiêu Lộ Biên Sanh). “*Nghiệp nặng chẳng kính ngưỡng*” là như Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa, Devadatta) v.v... Đại Luận, quyển thứ hai mươi sáu nói: “*Như người chết thì các thứ trang nghiêm dần dần chuyển thành hư nát, trọn chẳng thể khiến cho sống lại. Đề Bà Đạt Đa cũng như thế; Phật hằng ngày giáo hóa đủ mọi cách, ác tâm [của ông ta] càng chuyển thành dữ dội hơn. Ác bất thiện pháp mỗi ngày một tăng thêm, thậm chí tạo tam nghịch tội*”. Lại nói: “*Thành Xá Vệ có chín ức nhà, có ba ức nhà mắt thấy Phật, ba ức nhà tai nghe nói có Phật, ba ức nhà chẳng thấy, chẳng nghe!*” Đức Phật ở tại Xá Vệ (Śrāvastī) hai mươi lăm năm, mà những chúng sanh ấy chẳng nghe, chẳng thấy, hưởng hò kẻ ở xa! Lại như bà lão nghèo không có nhân duyên được hóa độ, chẳng được thấy Phật! Nếu có nhiều lòng tin, lợi ích sẽ vô cùng. Đức Phật giáo hóa, điều phục căn cơ còn như thế, cho nên biết đức Địa Tạng phân thân chẳng dễ dàng! Do vậy, [đức Phật] đặc biệt dùng hành vi của chính mình để hiển thị thần lực khó thể nghĩ tưởng của Bồ Tát!



**3.2.1.1.2.1.2.2. Quảng thị** (chỉ bày chi tiết)

**3.2.1.1.2.1.2.2.1. Kết tiền khởi hậu** (kết lại phần trước để phát khởi phần sau)

“Đây là do căn cơ của chúng sanh lợi độn khác nhau, tin tưởng hay hủy báng chẳng giống như nhau; cho nên ta phân thân độ thoát”, [đức Phật nói những lời ấy] nhằm kết lại đoạn kinh văn trên đây. Cũng do chúng sanh mỗi mỗi sai khác, cho nên ta phân thân hóa hiện thành nam, nữ v.v... nhằm phát khởi đoạn kinh văn tiếp theo.

*(Kinh) Như thị đẳng bối chúng sanh, các các sai biệt, phân thân độ thoát.*

**(經)如是等輩眾生，各各差別，分身度脫。**

*(Kinh: Các loại chúng sanh như thế ấy, mỗi mỗi sai biệt, [ta đều] phân thân độ thoát).*

“Phân thân độ thoát” là như trong kinh Xử Thai, đức Phật bảo Trí Tích Bồ Tát: “Ngã túc mạng sở hành, giới đức cứu cụ, đắc thành Phật thân, biến hóa tự tại, vô sở bất nhập; diệc nhập ư Kim Xí Điều, diệc nhập ư long tử, diệc nhập ư ngư miết, ngoan, đà, sở hóa như thị” (Trong đời trước, ta do đã hành giới đức rất ráo trọn đủ, được thành thân Phật, biến hóa tự tại, không gì chẳng vào, cũng vào trong loài Kim Xí Điều, cũng vào trong các loài rồng, cũng vào trong các loài cá, ba ba, đồi mồi, cá sấu, những loài được giáo hóa như thế đó). Vì thế, đức Phật hỏi ngài Di Lặc: “*Tâm hữu sở niệm, kỷ niệm, kỷ tướng thức da?*” (Tâm có ý niệm thì là bao nhiêu niệm, bao nhiêu thức có hình tướng vậy?) Ngài Di Lặc thưa: “*Cử thủ đàn chỉ chi khoảnh, tam thập nhị ức bách thiên niệm. Niệm niệm thành hình, hình hình giai hữu thức*” (Trong khoảng giờ tay lên khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Mỗi niệm thành hình, mỗi hình đều có thức). Thức niệm tốt bậc vi tế, chẳng thể chấp trì. Do oai thần của đức Phật mà vào trong thức ấy, đều khiến cho đắc độ. Do thức ấy mà giáo hóa, chẳng phải là không có thức. Vì thế nói: “*Đạo sư xuất hiện trong cõi đời, chẳng có duyên, sẽ không giáng thân (hạ sanh trong nhân gian). Do muốn độ kẻ chưa độ, bèn thị hiện tòa thành vô vi*”. Như Lai phân thân có thể nghĩ bàn nổi chăng?

**3.2.1.1.2.1.2.2.2. Phổ hiện sắc thân** (hiện khắp các sắc thân)

*(Kinh) Hoặc hiện nam tử thân, hoặc hiện nữ nhân thân, hoặc hiện thiên long thân, hoặc hiện thần quý thân, hoặc hiện sơn, lâm, xuyên, nguyên, hà, trì, tuyền, tỉnh, lợi cập u nhân, tất giai độ thoát.*

**(經)或現男子身, 或現女人身, 或現天龍身, 或現神鬼身, 或現山林川原, 河池泉井, 利及於人, 悉皆度脫。**

*(Kinh: Hoặc hiện thân nam tử, hoặc hiện thân nữ nhân, hoặc thân trời, rồng, hoặc hiện thân thần, quý, hoặc hiện núi, rừng, sông, đồng bằng, rạch, ao, suối, giếng để lợi lạc cho mọi người đều được độ thoát).*

Đây là nêu ra các căn cơ liên quan đến lòng từ bi của đức Phật. Do sức của Vương tam-muội, tuy pháp tánh bất động mà đến ứng hiện. Như trong kinh Xử Thai, đức Phật bảo những người đến dự hội rằng: “Ngô tòng vô số A-tăng-kỳ kiếp, năng đại, năng tiểu, nhập tế vô ngại, hoặc tại thiên thượng, kiếp số giáo hóa. Hoặc tại nhân trung, đại bỉ thọ khổ. Hoặc tại súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục giáo hóa, vô sở bất nhập” (Ta từ vô số A-tăng-kỳ kiếp, có thể lớn, có thể nhỏ, vào những chỗ nhỏ nhất vô ngại, hoặc ở trên trời giáo hóa bao kiếp. Hoặc ở trong nhân gian, thay họ chịu khổ. Hoặc ở trong súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục để giáo hóa, không đâu chẳng vào). Điều này đã hiển lộ diệu dụng hóa thân của Như Lai.

Trước hết là hiện thân nam tử. Nam là đại tượng phu khỏe mạnh, có gia đình. Người sống trên đời chẳng thể không theo đuổi việc gì. Do vậy, ghép Lực (力, sức mạnh) và Điền (田, ruộng) thành chữ Nam (男), hàm ý [đó là] chức phận phải đảm đương [của nam nhân]. “Tử” (子) là cành nhánh thân thiết. Tử có nghĩa là “sanh”, “thiên khai u Tý” (trời mở mang từ Tý)<sup>77</sup>, tinh đến tốt bậc mà lại động.

Kế đó là hiện làm trời, rồng. Kinh Bi Hoa nói: “Nhuộc hữu chúng sanh, sự Ma Hê Thủ La thiên, ngã nguyện hóa thân như Ma Hê Thủ La. Sự bát tý giả, hóa vi bát tý thiên thân. Sự nhật, nguyệt, Phạm Thiên, diệc hóa vi nhật, nguyệt, Phạm Thiên nhi giáo hóa chi, linh trụ thiện pháp” (Nếu có chúng sanh thờ trời Ma Hê Thủ La (Maheśvara), ta nguyện hóa thân như Ma Hê Thủ La. Có kẻ thờ thần tám tay<sup>78</sup>, ta bèn hóa thành thân

<sup>77</sup> Tử (con) và Tý trong Thiên Can (Tý, Sửu, Dần...) là cùng một chữ “子”.

<sup>78</sup> Bát Tý Thiên (Nārāyaṇa) còn gọi là Na La Diên, hoặc Đại Lực Thiên Thần, là một danh xưng khác của Tỳ Nữ Thiên (Vishnu).

***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

trời tám tay. Đối với kẻ thù mặt trời, mặt trăng, Phạm Thiên, ta cũng hóa làm mặt trời, mặt trăng, Phạm Thiên để giáo hóa, khiến cho họ trụ trong thiện pháp). Đại Trí Độ Luận nói: “*Như đích thân Bồ Tát từng làm đại lực độc long. Lại làm long vương tên là Mã Kiên, là do đại Bồ Tát vì bản nguyện mà sanh trong loài rồng*”.

Kể đó, hiện thân thần quý. Như Uế Tích Đại Quyền Thần Vương (Vajra Krodha Mahābala Ucchuṣma, Ô Sô Sắt Ma Minh Vương), Đại Lực Minh Vương (Mahābala Vidyārāja) v.v... hoặc như hiện làm đại quý để hàng phục quý Khoáng Dã v.v... Núi, rừng, sông, đồng bằng, rạch, ao, suối, giếng, đày là hiện làm y báo để độ người. Như kinh Bi Hoa nói: “*Phật nhân trung vị cứu Diêm Phù Đề nhân dân cơ nạn, tư duy xả thân thể huyết nhục. Trung lộ hữu sơn, danh Thủy Ái Hộ, tự đầu kỳ thân, tức thành nhục sơn, cao nhất do-tuần, nãi chí cao thiên do-tuần*” (Trong lúc tu nhân, vì cứu nhân dân trong Diêm Phù Đề bị đói kém, Bồ Tát suy nghĩ xả thân thể huyết nhục. Giữa đường có một quả núi tên là Thủy Ái Hộ, Ngài bèn tự gieo mình, liền trở thành một núi thịt, cao một do-tuần cho đến cao một ngàn do-tuần).

***(Kinh) Hoặc hiện thân thiên đế, hoặc hiện Phạm vương thân, hoặc hiện Chuyển Luân Vương thân, hoặc hiện cư sĩ thân, hoặc hiện quốc vương thân, hoặc hiện tể phụ thân, hoặc hiện quan thuộc thân.***

**(經)或現天帝身, 或現梵王身, 或現轉輪王身, 或現居士身, 或現國王身, 或現宰輔身, 或現官屬身。**

***(Kinh: Hoặc hiện thân thiên đế, hoặc hiện thân Phạm vương, hoặc hiện thân Chuyển Luân Vương, hoặc hiện thân cư sĩ, hoặc hiện thân quốc vương, hoặc hiện thân tể phụ, hoặc hiện thân quan lại).***

“*Thiên đế*” là như xưa kia Đế Thích cùng với a-tu-la La Ha giao chiến, do sức từ nhẫn mà Đế Thích chiến thắng. Xưa kia [đức Phật] làm Phạm vương ngồi dưới gốc cây Trú Độ (Pāracitra, Ba Lợi Chát Đa La) thành đạo. Từ ngữ Chước Ca La Phạt Lạt Đề Hạt La Xà (Chakravartin-rājah) trong tiếng Phạn, được cõi này dịch là Chuyển Luân Vương. Thi Thiết Túc Luận<sup>79</sup> nói phải nên phân biệt có kim, ngân, đồng, thiết luân

---

<sup>79</sup> Thi Thiết Túc Luận (施設足論) là một bộ luận do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường, chia thành bảy quyển. Tương truyền tác giả của bộ luận này là tôn giả Ca

## *Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

vương theo thứ tự. Tính ngược theo thứ tự trên đây thì các vua ấy sẽ lần lượt thống lãnh một, hai, ba, bốn đại châu (theo kinh Xử Thai, trong vô số A-tăng-kỳ kiếp, [Bồ Tát] lần lượt làm Đại Phạm Thiên, Đế Thích, Luân Vương, mỗi địa vị là ba mươi sáu lần, độ chúng sanh chẳng đọa vào Nhị Thừa hay đường ác).

Ca La Việt (Kulapati) [trong tiếng Phạn] được dịch là Cư Sĩ, tức là người thích nói những lời danh ngôn, trụ trong hạnh thanh tịnh. Phạm là người tích chứa nhiều của cải, hàng hóa, sản nghiệp sung túc thì đều được gọi bằng danh xưng này. “*Quốc vương*” chính là Túc Tán Vương<sup>80</sup>. Đát phong của chư hầu gọi là Quốc, từ chữ Vi (匚) bỏ Hoặc (或) vào trong [thì thành chữ Quốc (國)] nhằm minh thị mỗi vị [chư hầu] có lãnh thổ được phân phong, hãy đời đời gìn giữ, đừng xâm phạm lẫn nhau. “*Vương*” là người đứng đầu Tam Tài. Từ chữ Cồn (丨) xuyên thấu chữ Tam (三) [thành Vương (王)], lập thành đạo “thiên, địa, nhân”. Như vua Đại Quang Minh xả đầu, vua Nguyệt Quang xả mắt, vua Ca Thi phá ngực moi tim, vua Kiên Ý xả tay v.v...

“*Tể*” (宰) là chủ, là nấu nướng. Đó là danh xưng chỉ sự nếm nếm các món ăn ngon. Theo Châu Lễ, Trùng Tể (冢宰)<sup>81</sup> có thể điều hòa các quan, nên gọi là Tể. Phụ (輔) có nghĩa gốc là hai thanh gỗ kẹp hai bên thành xe. Trong triều đình có bốn vị “*phụ quan*” (quan phụ tá) gọi là Tả Phụ, Hữu Bật, Tiền Điện, và Hậu Thừa. Do vậy, vị chủ tể quản tịch (群辟, chư hầu bốn phương và trăm quan), giúp đỡ cho sự giáo hóa của vua, như trong quan chế của nhà Châu, Thái Sư, Thái Phó, và Thái Bảo

---

Chiên Diên, nhưng lại có thuyết khác cho rằng tác giả phải là tôn giả Mục Kiền Liên. Bộ luận này chú thích kinh Lâu Thán trong Trường A Hàm.

<sup>80</sup> Túc Tán Vương (粟散王) là những vị vua hay hoàng đế không phải là Chuyển Luân Vương. Do thế gian có nhiều quốc gia, thậm chí từ trường một số bộ tộc hay thị tộc cũng xưng vương. Nhất là trong các quốc gia như Ấn Độ hay Trung Hoa, số lượng vương gia, thân vương, tiểu vương quá nhiều, giống như gạo rải rác khắp nơi, nên được gọi là Túc Tán Vương.

<sup>81</sup> Trùng Tể là chức quan được đặt ra từ thời Tây Châu, thấp hơn Tam Công (Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo), đứng đầu Lục Khanh (Thái Tể, Thái Tông, Thái Sử, Thái Chúc, Thái Sĩ, Thái Bộc), tức là người đứng đầu các quan. Nói cách khác, đây là người thay thiên tử xử lý thường vụ mọi việc triều chính. Về sau, danh xưng này chuyên chỉ Lại Bộ Thượng Thư và vai trò của Lại Bộ Thượng Thư hoàn toàn chỉ giới hạn trong việc bổ nhiệm, thăng thưởng, cách chức các quan...

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

là Tam Công. Kinh Thư chép: “*Duy tư tam công, luận đạo kinh bang*” (Chỉ có ba vị thuộc ngôi tam công ấy nghiên cứu đạo trị quốc, giúp cho việc cai trị, phát triển nước nhà). Đức Phật từng làm đại thần Cù Tàn, chia Diêm Phù Đề thành bảy phần để chấm dứt sự tranh chấp.

“*Quan*” (官) là “*hoạn*” (宦, [nghĩa gốc là] bầy tôi, tôi tớ trong một gia đình. Người làm quan là tôi tớ của vua nên làm quan gọi là “*hoạn*”). Thái giám là người hầu phục dịch vua, nên cũng gọi là “*hoạn quan*”), hoặc là “*công*” (公). “*Thuộc*” (屬) là quan liêu, bộ khúc<sup>82</sup>. Chức vị của các chư hầu và trăm quan đều thuộc quyền cai quản của Tam Công. Từ thời Hán - Ngụy đến nay, Tam Sư (Tam Công) đều mở phủ, đặt ra các liêu thuộc. Trên đây đều là những người chưa tiếp nhận đạo. Dưới đây toàn là những địa vị đã tiếp nhận đạo.

*(Kinh) Hoặc hiện tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thân, nữ chí Thanh Văn, La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát đẳng thân, nhi dĩ hóa độ.*

**(經)或現比丘, 比丘尼, 優婆塞, 優婆夷身, 乃至聲聞, 羅漢, 辟支佛, 菩薩等身, 而以化度。**

*(Kinh: Hoặc hiện thân tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cho đến thân Thanh Văn, La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát v.v... để hóa độ).*

Tỳ-kheo (Bhikṣu) gọi là Khất Sĩ, sống cuộc đời thanh tịnh. Kinh Tịnh Danh dịch tỳ-kheo thành Trừ Căn (除糞, trừ khử đống kén), tức bậc xuất gia có giới hạnh, là ruộng phước tốt, có thể sanh ra vật tốt lành, trừ sự đống kén, thiếu hụt về nhân quả! “*Ni*” (尼) là nữ. Đại Luận nói: “*Ni đắc vô lượng luật nghi, kém hơn tỳ-kheo*”.

“*Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di*”: Tây Vực Ký<sup>83</sup> phiên âm là Ô Ba Sách Ca (Upāsaka), dịch sang tiếng Hán là Cận Sự Nam (近事男). Ô Ba Tư Ca

<sup>82</sup> Bộ Khúc (部曲) là danh từ có từ thời Ngụy Tấn, còn gọi là Khách, để chỉ những thuộc hạ, chủ yếu là gia binh (binh lính riêng, dũng sĩ hộ vệ riêng của các đại quan, đại gia).

<sup>83</sup> Sách này có tên là Đại Đường Tây Vực Ký gồm mười hai quyển do ngài Huyền Trang biên soạn. Sách được hoàn thành vào năm Trinh Quán 20 (646), ghi chép những điều mắt thấy tai nghe trong cuộc thỉnh kinh kéo dài mười chín năm của ngài

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(Upāsikā) là Cận Sự Nữ (近事女), ý nói họ thân cận, thừa sự pháp của chư Phật.

A La Hán (Arhat) dịch là Sát Tặc, Ứng Cúng, hay Bất Sanh. Như trong kinh A Bát thì dịch là Ứng Chân (應真), kinh Thụy Ứng dịch là Chân Nhân (真人), toàn là dùng ý nghĩa Vô Sanh để giải thích từ ngữ A La Hán. Thanh Văn là như trong phần trước [đã giải thích]. Câu “*nhi dĩ hóa độ*” (để hóa độ) xuyên suốt cả những câu kinh văn trước đó.

**(Kinh) Phi đản Phật thân, độc hiện kỳ tiền.**

**(經)非但佛身，獨現其前。**

**(Kinh: Không chỉ là riêng một thân Phật hiện trước mặt họ).**

Câu “*phi đản Phật thân*” (chẳng phải chỉ có thân Phật) nhằm chỉ rõ không chỉ có một thân tướng hiển hiện, tức là: Há có phải chỉ hiện riêng một thân Phật hiện trước các căn cơ, mà là thuận theo sự cơ cảm của chúng sanh để hiện khắp các sắc thân. Kinh Bảo Vũ nói: “*Như Lai thành tựu vô lượng sắc thân, nhược chư hữu tình ưng dĩ Như Lai sắc thân nhi giáo hóa giả, Như Lai tức năng ư nhất sát-na (danh cực thiểu, thời cực thiểu), hoặc nhất Lạp Phục (tức Ca La, nhất thiên lục bách sát-na danh nhất Ca La), nhất Mâu Hô Lật Đa (lục thập Ca La danh Mâu Hô Lật Đa), các các ư bỉ hữu tình chi sở, thị hiện Như Lai sắc thân chi tướng. Nhược ưng kiến chủng chủng biệt loại hữu tình thân tướng, Như Lai tức ư nhất sát-na, nãi chí thị hiện chủng chủng biệt loại hữu tình sắc thân chi tướng*” (Như Lai thành tựu vô lượng sắc thân. Nếu các hữu tình đáng nên dùng sắc thân Như Lai để giáo hóa, Như Lai liền có thể trong một sát-na (kṣaṇa, tức là ít nhất, trong khoảng thời gian ít nhất), hoặc một Lạp Phục (Lava, tức Ca La (Kala), một ngàn sáu trăm sát-na gọi là một Ca La), hoặc một Mâu Hô Lật Đa (Muhūrta, sáu mươi Ca La gọi là Mâu Hô Lật Đa), mỗi mỗi đều ở chỗ hữu tình ấy, thị hiện

---

Huyền Trang, bao gồm địa lý, khí hậu, sản vật, văn hóa, tín ngưỡng, phong tục, tập quán v.v... của hơn một trăm bốn mươi quốc gia từ Tân Cương cho đến Nam Ấn Độ. Tương truyền, do Đường Thái Tông thường đến đạo tràng dịch kinh của Ngài hỏi han đủ thứ về phong tục Tây Vực, khiến Ngài không thể chuyên tâm dịch kinh được, nên Ngài bèn soạn sách này để nhà vua đọc. Đây là một sử liệu hết sức giá trị đã được các triều đại khắc in rất nhiều lần và đã được dịch sang tiếng Anh, tiếng Pháp, và tiếng Nhật.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

tướng sắc thân của Như Lai. Nếu đáng nên thấy các thứ thân tướng của các loại hữu tình khác biệt, Như Lai sẽ liền trong một sát-na, cho đến thị hiện đủ mọi tướng sắc thân của các loại hữu tình khác nhau), đây chính là ý được nói trong đoạn kinh [Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên] này, đều là do thần trí của chư Phật cảm vời.

**3.2.1.1.2.1.2.2. Phó chúc vị điều chúng sanh** (phó chúc [Bồ Tát hãy độ thoát những] chúng sanh chưa được điều phục)

**3.2.1.1.2.1.2.2.1. Sắc quán lũy kiếp độ sanh** (sắc truyền hãy quán chuyện đức Phật độ sanh trong bao kiếp)

*(Kinh) Nhữ quán ngô lũy kiếp cần khổ, độ thoát như thị đẳng nan hóa cang cường tội khổ chúng sanh.*

**(經)汝觀吾累劫勤苦，度脫如是等難化剛強罪苦眾生。**

*(Kinh: Ông hãy xem ta bao kiếp siêng khổ, độ thoát bọn chúng sanh tội khổ ương ngạnh khó giáo hóa như thế đó).*

Đây là đức Phật tự nói khi Ngài còn thuộc địa vị Bồ Tát, trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đã siêng khổ vô lượng. Đại Kinh nói: “Ngã u vãng tích chủng chủng khổ hạnh, kim đắc như thị vô thượng phượng tiện, vị nhữ đẳng cố, vô lượng kiếp trung xả thân, thủ, túc, đầu, mục, tủy, não” (Ta trong quá khứ đã tu tập đủ mọi khổ hạnh, nay đạt được phượng tiện vô thượng như thế, đã vì các người mà trong vô lượng kiếp xả thân, chân, tay, đầu, mắt, tủy, óc). Lời Sớ viết: “Thân mạng thì có ai mà chẳng coi trọng. Ta coi nhẹ sống chết, dẫu so với núi, với đất thì hài cốt [đã thí xả] vẫn nhiều gấp bội. Dẫu so với sông, với biển, thì tủy, não [đã thí xả] chẳng thể sánh ví nổi. Huống hồ vợ, con, quốc thành đã buông bỏ vô số. Ân đức như thế chỉ vì các người buông lung, chẳng thẹn, bị giam chặt trong nhà tù, chẳng được giải thoát!” Há chẳng phải là đã bao kiếp siêng khổ chỉ nhằm độ thoát bọn chúng sanh tội khổ ương ngạnh khó giáo hóa như thế ư? Như Ưng Quật Ma La (Angulimala) nghe theo lời dạy của tà sư [mà giết chết bao người, cắt lấy xương ngón tay làm chuỗi đeo], đức Phật bèn dùng thần lực hóa độ, ông ta liền bỏ tà đạo, [theo Phật] xuất gia. Phạm vương tán thán: “Lạ thay, đáng Điều Ngự Thiên Nhân Sư, đức Như Lai khéo điều phục Ưng Quật Ma La, ví như rắn độc thấy vị thầy giỏi chú thuật bèn phun khí nhả độc [mà vị thầy giỏi chú thuật] chẳng sợ hãi”.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Đối với tội khổ, Đại Luận chỉ ra hai thứ:

- Gậy gộc đánh đập, lạnh, nóng... là thân khổ.
- Sốt thừa, tàn tạ là tâm khổ.

Các vị thánh nhân do sức trí huệ, chẳng có những nỗi khổ trong tâm như ưu sầu, ganh tỵ, sân hận v.v..., nhưng có những nỗi khổ nơi thân như già, bệnh, đói khát, nóng, lạnh v.v... (ngài Xá Lợi Phất khổ vì bệnh phong nhiệt, ngài Tất Lăng Già Bà Tha (Pilinda-vatsa) khổ vì chứng đau mắt, ngài La Bà Na Bạt Đề (Lakuṇṭaka Bhaddiya) khổ vì bệnh trĩ). Nhưng nỗi khổ nơi thân cũng nhẹ, ít; như người biết mình mắc nợ người khác thì phải trả, chẳng thấy đó là khổ. Kẻ phàm phu chẳng nhớ đã mang nợ. Vì thế, thân tâm đều chịu nỗi khổ trong hiện tại, thân sau lại có nỗi khổ trong tam đồ. Do vậy nói là “*tội khổ chúng sanh*”.

### **3.2.1.1.2.1.2.2. Linh ức thiên cung phó chúc (dạy hãy nhớ sự phó chúc trên cung trời)**

**(Kinh) Kỳ hữu vị điều phục giả, tùy nghiệp báo ứng. Nhược đọa ác thú, thọ đại khổ thời.**

**(經)其有未調伏者，隨業報應。若墮惡趣，受大苦時。**

**(Kinh: Có những kẻ chưa điều phục theo nghiệp báo ứng. Nếu khi họ đọa vào đường ác, chịu khổ to lớn).**

Bốn câu đầu nói đến bọn nghiệp nặng trên đây. “*Tùy nghiệp*” (Theo nghiệp) là như kinh Ngũ Mẫu Tử nói: “*Thế gian nhân bất tri hữu hậu thế sanh, dẫn ngôn tử nhĩ. Tác thiện tự đắc phước, tác ác tự đắc ương, nhập ác đạo trung, hồi vô sở cập, hồn thân không khứ. Tùy kỳ thi hành, nghiệp báo thọ khổ, như ảnh tùy hình*” (Người thế gian chẳng biết có đời sau, chỉ nói chết [là hết]. Làm lành tự được phước, làm ác mắc ương họa, vào trong đường ác, hồi hận chẳng kịp, hồn thân trợ trợ. Tùy theo những gì mình đã làm mà chịu khổ bởi nghiệp báo như bóng theo hình) là nói về ý này.

**(Kinh) Nhữ đương ức niệm Ngô tại Dao Lợi thiên cung, ân cần phó chúc, linh Sa Bà thế giới, chí Di Lạc xuất thế dĩ lai chúng sanh, tất sử giải thoát, vĩnh ly chư khổ, ngộ Phật thọ ký.**

**(經)汝當憶念吾在忉利天宮，殷勤付囑，令娑婆世界，至彌勒出世已來眾生，悉使解脫，永離諸苦，遇佛授記。**



## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*(Kinh: Ông hãy nên nghĩ nhớ ta ở tại cung trời Đao Lợi đã ân cần phó chúc khiến cho chúng sanh trong thế giới Sa Bà cho đến khi Di Lặc xuất thế đều được giải thoát, vĩnh viễn lìa các khổ, gặp Phật thọ ký).*

Từ “*nhữ đương*” (ông hãy nên) trở đi là đức Phật căn dặn, giao phó: Sau khi ta diệt độ, khi hạng người ấy đọa lạc, chịu khổ, ông hãy nên nghĩ nhớ, tưởng niệm: “Xưa kia, ta ở tại cung trời Đao Lợi, đích thân được đức Thế Tôn ân cần ra rả căn dặn, giao phó: Trong tiểu kiếp thứ mười nơi thế giới Sa Bà, cho đến khi ngài Di Lặc xuất thế thành đạo, trong khoảng ấy, đối với những kẻ đã từng được giáo hóa, hoặc chưa giáo hóa, hãy đều khiến cho họ được giải thoát khỏi ác đạo, vĩnh viễn lìa khỏi các nỗi khổ trong tam đồ, bát nạn. [Đối với những kẻ] cơ duyên chín muồi, gặp Phật thọ ký, hãy [giúp cho họ] tự nên khẳng khái vững giữ, chẳng để đến nỗi mất đi, đọa lạc”. Sách Tây Vực Ký nói Di Lặc<sup>84</sup>

[trong tiếng Phạn, chánh âm là] Mai Lý Lê Da (Maitreya), Hán dịch là Từ Thị. Trong quá khứ, Ngài làm vua tên là Đàm Ma Lưu Chi (Dharmaruci, cõi này dịch là Pháp Hy (法希), cũng dịch là Pháp Lạc), dùng lòng Từ nuôi dưỡng dân trong nước. Từ ấy đến nay, Ngài thường có tên là Từ Thị.

Kinh Di Lặc Hạ Sanh nói: “*Di Lặc thành đạo dĩ (chuẩn Xứ Xứ kinh vân: “Di Lặc vị hạ, nhược đương lai hạ, dư hữu ngũ thập ức thất thiên lục bách vạn tuế”)*, vô lượng thiên vạn ức chúng sanh kiến thế khổ não, giai u Phật pháp trung xuất gia. Di Lặc kiến chư đại chúng, tác thị niệm ngôn: ‘*Thị chư chúng sanh giai u Phật pháp trung chủng chư thiện căn, Thích Ca Mâu Ni Phật khiến lai phó ngã, ngã kim thọ chi. Thiện tai*

---

<sup>84</sup> Theo tiên sinh Quý Dĩ Lâm, chữ Di Lặc (彌勒) được phiên âm dựa theo từ ngữ Metrak trong ngôn ngữ Tocharian, tức là cách đọc trại chữ Maitreya. Tocharian (Tokharian, Thổ Hỏa La ngữ) là ngôn ngữ chánh yếu của các xứ thuộc Tây Vực quanh bồn địa (vùng đất trũng) Thấp Lý Mộc (Tarim Basin thuộc Tân Cương) như Cao Suong (Turpan, Thổ Lỗ Phồn), Quy Tư (Kuche, quê hương của ngài Cư Ma La Thập) v.v... Đa số các vị cao tăng dịch kinh thời đầu xuất phát từ những xứ này, cho nên mới hình thành cách phiên âm như thế. Sau khi người Uighurs (Duy Ngô Nhĩ, thuộc hệ ngôn ngữ Turkic) và các sắc dân theo Hồi giáo tiến nhập vùng Tân Cương, cùng với sự diệt vong của các quốc gia tại Tây Vực, cũng như dưới sự xâm lấn mạnh mẽ của các sắc dân Hồi giáo, những kẻ thống trị mới cưỡng ép không khoan nhượng dân chúng địa phương cải đạo sang Hồi giáo, ngôn ngữ Tocharian dần dần suy vi và hoàn toàn mất hẳn.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*Thích Ca Mâu Ni Phật, năng thiện giáo hóa như thị đấng bách thiên vạn ức chúng sanh, kim chí ngã sở'. Như thị tam xung tán Thích Ca Mâu Ni Phật, nhiên hậu vị thuyết Tứ Đế, văn giả đồng thời đắc đạo. Thời hoa lâm viên, sơ hội thuyết pháp, cửu thập lục ức nhân đắc A La Hán. Đề nhị hội thuyết pháp, cửu thập tứ ức nhân đắc A La Hán. Đề tam hội thuyết pháp, cửu thập nhị ức nhân đắc A La Hán*” (Di Lặc đã thành đạo (theo kinh Xứ Xứ nói: “Di Lặc chưa giảng thế. Nếu trong tương lai, Ngài giảng thế thì cách hiện tại năm mươi ức bảy ngàn sáu trăm vạn năm”), vô lượng ngàn vạn ức chúng sanh thấy cõi đời khổ não, đều xuất gia trong Phật pháp. Ngài Di Lặc thấy các đại chúng, bèn nghĩ như thế này: ‘Các chúng sanh này đều gieo các thiện căn trong Phật pháp, Thích Ca Mâu Ni Phật giao phó họ cho ta, ta đều tiếp nhận. Lành thay Thích Ca Mâu Ni Phật! Có thể khéo giáo hóa trăm ngàn vạn ức chúng sanh như thế đó, nay đến chỗ ta’. Ba lượt xung dương, tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật như thế. Sau đó, vì họ nói Tứ Đế, những người đã nghe đều đồng thời đắc đạo. Khi ấy, ở trong vườn Hoa Lâm, hội thuyết pháp đầu tiên, chín mươi sáu ức người đắc A La Hán. Hội thuyết pháp thứ hai, chín mươi bốn ức người đắc A La Hán. Hội thuyết pháp thứ ba, chín mươi hai ức người đắc A La Hán).

Vì thế, trong kinh Xứ Thai, đức Phật bảo ngài Di Lặc rằng: “*Nhữ sở tam hội nhân, thị ngô tiên sở hóa. Cửu thập lục ức nhân, thọ ngô Ngũ Giới giả. Thứ thị Tam Quy nhân, cửu thập nhị ức giả, nhất xung Nam-mô Phật, giai đắc thành Phật đạo*” (Người trong ba hội [thuyết pháp] của ông là những người được ta hóa độ trước kia. Chín mươi sáu ức người thọ Ngũ Giới của ta; kể đó là chín mươi hai ức người thọ Tam Quy, xung Nam-mô Phật một lần, đều được thành Phật đạo) chính là nói về ý này.

Hòa Già Na (Vyākaraṇa) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Thọ Ký (授記). Ngôn thuyết của bậc thánh là Thọ, quả và tâm phù hợp thì gọi là Ký; tức là được huyền ký sẽ đắc Sơ Trụ vậy. Đây đều là những người được đức Phật ở tại cung trời phó chúc ngài Địa Tạng [hóa độ] cho đến khi ngài Di Lặc xuất thế.

**3.2.1.1.2.2. Địa Tạng hợp thân lãnh giáo** (ngài Địa Tạng hợp các phân thân lại, vâng nhận lời Phật dạy)

**3.2.1.1.2.2.1. Địa Tạng chánh lãnh** (Địa Tạng vâng nhận)

**3.2.1.1.2.2.1.1. Tự hợp thân tông bản** (trần thuật chuyện hợp các phân thân lại để tỏ rõ cái gốc)

*(Kinh) Nhĩ thời, chư thể giới phân thân Địa Tạng Bồ Tát, cộng phục nhất hình, thể lệ ai luyện.*

**(經)爾時，諸世界分身地藏菩薩，共復一形，涕淚哀戀**

•

*(Kinh: Lúc bảy giờ, phân thân của Địa Tạng Bồ Tát trong các thể giới cùng hợp thành một thân, ứa nước mắt, buồn thương, quyến luyến).*

Kinh Thập Luân nói: “*An nhĩ bất động, do như đại địa*” (An trụ, nhĩ nhục bất động ví như đại địa). Nay Địa Tạng đại sĩ từ kiếp số xưa kia nhiều như cát, bụi, đã phát nguyện tiếp nhận lời phó chúc cho đến khi ngài Di Lạc thành đạo, sẽ nhĩ nại ở trong chốn trước uế để hóa độ [chúng sanh trong] Nê Lê, [hạnh an nhĩ ấy] khác nào đại địa?

“*Hợp các phân thân làm một thân*”, một thân chính là gốc của các thân. Vì thế, hợp các “ngọn” (phân thân) lại để đề cao cái “gốc” (chân thân). Đây là do khi ngài Địa Tạng hành Bát Nhã, tu thần thông, Ba La Mật, thọ các chuyện như ý, biến một thân thành vô số thân, vô số thân lại trở thành một thân, ản hiển tự tại! Nhưng cũng chẳng chấp trước môn Như Ý Thần Thông ấy, do tự tánh là Không, do lìa, do vô sanh, chẳng có “trụ xứ, trong, ngoài, lớn, nhỏ”. Do sức Thiên Định, nhanh chóng [biến ra] trọn khắp các thân, các thân cũng nhanh chóng trở lại [thành một thân]. Trong kinh Trường A Hàm, quyển thứ mười hai, ngài Xá Lợi Phất nói: “*Thần Túc chứng giả, tùy tam-muội tâm, tác vô số thần lực, biến nhất thân vi vô số thân, dĩ vô số thân hợp vi nhất thân. Xưng thị thần lực giả, ty lậu hạ liệt phàm phu sở hành, phi thị hiền thánh chi sở tu tập. Ư chư thể gian, ái sắc, bất ái sắc, nhị câu xả dĩ, tu bình đẳng hộ, chuyên niệm bất vong. Tư nãi danh viết hiền thánh thần túc*” (Người chứng Thần Túc do tùy tâm tam-muội mà hiện vô số thần lực, biến một thân thành vô số thân, đem vô số thân hợp thành một thân. Gọi đây là “thần lực” thì [chuyện ấy chỉ] là chuyện làm của hạng phàm phu thô lậu, hèn kém, chẳng phải là chuyện tu tập của bậc hiền thánh. Ở trong các thể gian, yêu sắc, chẳng yêu sắc, hai đẳng đều đã bỏ, tu hộ trì bình đẳng, chuyên niệm chẳng quên. Đây gọi là Thần Túc của bậc hiền thánh).

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Tiêu Thừa còn như thế, huống hồ bậc đại Bồ Tát ư? Một vàng trắng in bóng trong hết thấy các chỗ có nước. Hết thấy bóng trắng trong nước gom về một vàng trắng, đây chính là ý chỉ “*hợp các phân thân thành một thân*”.

“*Ưu lễ, đau buồn, quyến luyến*” có bốn ý:

- 1) Buồn vì lục đạo tạo nghiệp chẳng hồi cải.
- 2) Buồn vì chúng sanh ương ngạnh khó giáo hóa.
- 3) Buồn vì vàng mặt trời Như Lai trí huệ sắp lặn.
- 4) Buồn vì phó chúc trên cung trời là chuyện lớn.

Do vậy, ứa nước mắt, đau buồn, quyến luyến, quả thật là chuyện không thể nào tránh khỏi!

**3.2.1.1.2.2.1.2. Thân hóa sự thọ chỉ** (*thừa trình sự giáo hóa của chính mình, vâng nhận ý chỉ của Phật*)

**3.2.1.1.2.2.1.2.1. Phật dẫn sử hoạch thần huệ** (*do được Phật tiếp dẫn mà đạt được thần thông, trí huệ*)

(*Kinh*) **Bạch kỳ Phật ngôn:** - *Ngã từng cứu viễn kiếp lai, môn Phật tiếp dẫn, sử hoạch bất khả tư nghị thần lực, cụ đại trí huệ.*

**(經)白其佛言：我從久遠劫來，蒙佛接引，使獲不可思議神力，具大智慧。**

(*Kinh*: **Bạch cùng đức Phật rằng:** - *Con từ kiếp lâu xa đến nay, được Phật tiếp dẫn, khiến cho con đạt được thần lực chẳng thể nghĩ bàn, trọn đủ đại trí huệ.*)

Ở đây, ngài Địa Tạng tự thuật chính Ngài đạt được thần thông và trí huệ giống như thần thông và trí huệ của Phật. Ngài nói: “Từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, con được Phật tiếp dẫn, tế độ, giáo dưỡng, khiến cho con đạt được thần thông và trí huệ như Phật. Nay Phật giao phó chúng sanh đời Mạt cho con, con tự biết đáng nên dùng sự tiếp dẫn giống như Phật để tiếp dẫn họ, khiến cho họ cũng đạt được thần thông và trí huệ ấy. Đây chính là chuyện thuộc về bổn phận của con. Con phải tự nên nắm vững căn cội huyền nhiệm để dìu dắt những kẻ yếu đuối đang chìm đắm vậy!”

**3.2.1.1.2.2.1.2.2. Hóa thân sa giới lợi sanh** (hóa thân trong các cõi nhiều như cát để lợi lạc chúng sanh)

**3.2.1.1.2.2.1.2.2.1. Phân thân độ nhân** (phân thân độ người khác)

*(Kinh) Ngã sở phân thân, biến mãn bách thiên vạn ức Hằng hà sa thế giới. Mỗi nhất thế giới, hóa bách thiên vạn ức thân. Mỗi nhất thân, độ bách thiên vạn ức nhân, linh quy kính Tam Bảo, vĩnh ly sanh tử, chí Niết Bàn lạc.*

**(經)我所分身，遍滿百千萬億恆河沙世界。每一世界，化百千萬億身。每一身，度百千萬億人，令歸敬三寶，永離生死，至涅槃樂。**

*(Kinh: Phân thân của con đầy khắp trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa thế giới. Trong mỗi thế giới, hóa hiện trăm ngàn vạn ức thân. Mỗi thân độ trăm ngàn vạn ức người, khiến cho họ quy y, kính ngưỡng Tam Bảo, vĩnh viễn lìa khỏi sanh tử, đạt tới niềm vui Niết Bàn).*

Kinh văn trong đoạn này bao gồm hai ý:

- Phân thân trong các cõi nhiều như cát, cho thấy thần lực chẳng thể nghĩ bàn.

- Độ người khác chúng quả, cho thấy trí huệ chẳng thể nghĩ bàn.

Thần lực và trí huệ là căn bản để phân thân độ người khác. Kinh Thập Luân nói đại lược như sau: “*Thử thiện nam tử thành tựu bất khả tư nghị chư công đức pháp, kiên cố thệ nguyện, dũng mãnh, tinh tấn, vì dục thành tựu chư hữu tình cố. Ư thập phương giới, hoặc thời hiện tác Đại Phạm Vương thân, nữ chí hoặc tác địa ngục ngục tốt, chư hữu tình thân. Hiện tác thị đẳng vô lượng vô số dị loại chi thân, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Tùy kỳ sở ứng, an trí tam thừa bất thoái chuyển vị*” (Vị thiện nam tử này thành tựu các pháp công đức chẳng thể nghĩ bàn, thệ nguyện kiên cố, dũng mãnh, tinh tấn, vì muốn thành tựu các hữu tình. Trong các cõi ở khắp mười phương, [vị thiện nam tử ấy] hoặc có lúc hiện làm thân Đại Phạm Vương, cho đến hoặc làm ngục tốt hay thân các hữu tình trong địa ngục. Hiện làm vô lượng vô số thân dị loại như thế, vì các hữu tình mà thuyết pháp đúng lẽ. Tùy theo căn cơ của họ đáng nên độ như thế nào mà đặt yên họ trong địa vị chẳng thoái chuyển của tam thừa). Vì thế, Đại Luận nói: “*Bạc trọn đủ thần thông ở trong các thế giới nhiều như cát sông Hằng khắp mười phương, trong một lúc có thể*

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*biến hóa vô lượng thân để cúng dường chư Phật, nghe pháp, thuyết pháp, độ chúng sanh. Những vị như vậy, trừ Phật ra, không ai có thể sánh bằng. Đó là thân cuối cùng của Bồ Tát. Vì thế, có thể rộng độ người ngoài”.*

“*Quy kính Tam Bảo*”: Quy (歸) có nghĩa là “quay trở về”; khiến cho họ phản tà quy chánh. “*Kính*” (敬) có nghĩa là “*chuyên thành*” (專誠, chuyên ròng chân thành), khiến cho họ bỏ vọng trở về với chân. Tam Bảo chính là trận đầu tiên để trừ ác, là chương đầu tiên để nhập đạo, là tàu thuyền để vượt biển khổ, là đạo trọng yếu để đạt tới Niết Bàn. Vì thế, cần phải quy y. “*Vĩnh ly*” (永離, vĩnh viễn lìa khỏi) tức là hai thứ sanh tử đều đoạn, ngũ trụ phiền não mất sạch, Tam Đức bí tạng cùng chứng trọn vẹn. Kinh Ngũ Mâu Tử nói: “*Bạt kỳ căn châu, tiện khả đắc thoát. Như nhân bất chủng, dẫn đương Nê Hoàn, Nê Hoàn khoái lạc*” (Nhỏ trừ gốc cội, sẽ được giải thoát. Như người chẳng gieo mà đạt được Niết Bàn, hưởng sự vui sướng của Niết Bàn) chính là nói về ý này.

#### ***3.2.1.1.2.2.1.2.2.2. Tiểu thiện hoạch lợi (do điều lợi nhỏ mà đạt được lợi ích)***

***(Kinh) Dẫn u Phật pháp trung, sở vi thiện sự, nhất mao, nhất đế, nhất sa, nhất trần, hoặc hào phát hứa, ngã tiệm độ thoát, sử hoạch đại lợi.***

**(經)但於佛法中，所為善事，一毛一滸，一沙一塵，或毫髮許，我漸度脫，使獲大利。**

***(Kinh: Chỉ cần là họ ở trong Phật pháp làm thiện sự như một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi, hoặc chùng bằng một mảy tóc, con sẽ dần dần độ thoát, khiến cho họ đạt được lợi ích to lớn).***

Làm lành trong Phật pháp có thù thắng và kém cõi khác nhau. Nay người làm thiện sự kém cõi, một sợi lông rất nhẹ, một giọt nước cực ít, một hạt cát rất bé, một hạt bụi cực nhỏ, chùng bằng mảy tóc, điều thiện càng ít ỏi hơn. Nhưng con cũng khiến cho [người đã làm điều thiện nhỏ nhoi ấy] thoát khỏi sanh tử, đạt được lợi ích to lớn. Trong kinh Hiền Ngu, đức Phật bảo ngài A Nan: “*Nhược hữu chúng sanh, u Tam Bảo phước điền trung, chủng thiểu thiểu chi thiện, đắc vô cực quả*” (Nếu có

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh Khoa Chú***

chúng sanh từ trong ruộng phước Tam Bảo mà gieo chút ít điều thiện, sẽ đạt được cái quả chẳng có cùng cực). Đây chính là gom những điều lành nhỏ nhoi của trời, người về Nhất Thừa rộng lớn, tức là giống như kinh Pháp Hoa mở rộng khắp sáu đường, [những ai đối trước Tam Bảo mà] cúi đầu, gơ tay, khảy ngón tay, rải hoa [đều tạo là cái nhân để thành Phật]. Vốn là phước thuộc đường trời người, nay mở rộng ra thành duyên nhân<sup>85</sup> Phật chúng, khiến cho họ đạt được lợi ích to lớn, há còn nghi nữa chăng?

#### ***3.2.1.1.2.2.1.3. Ủy Thế Tôn vật lự (an ủi đức Thế Tôn đừng lo lắng)***

*(Kinh) “Duy nguyện Thế Tôn, bất dĩ hậu thế ác nghiệp chúng sanh vi lự”. Như thị tam bạch Phật ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn, bất dĩ hậu thế ác nghiệp chúng sanh vi lự”.*

**(經)唯願世尊，不以後世惡業眾生為慮。如是三白佛言：  
：唯願世尊，不以後世惡業眾生為慮。**

*(Kinh: “Kính mong đức Thế Tôn chớ nên vì chúng sanh ác nghiệp đời sau mà lo lắng”. Bồ Tát bạch cùng đức Phật ba lần như thế này: “Kính mong đức Thế Tôn chớ nên vì chúng sanh ác nghiệp đời sau mà lo lắng”).*

“Ủy vật lự” (An ủi đừng lo) nhằm nói rõ: Đây là chuyện thuộc về trách nhiệm của chính mình. Bởi lẽ, những cái gọi là “*hết thấy phiền não, sáu mươi hai kiến*” v.v... đều là chủng tử của Như Lai, tức là kẻ Nhất Xiển Đề cũng chẳng đoạn tánh thiện. Nếu gặp pháp duyên, thiện căn lại phát khởi. Một điều thiện nếu dấy lên, muôn điều ác sẽ hoàn toàn tiêu! Ví như một đóm lửa đốt rụi củi chất vụn khoảnh, thất độ<sup>86</sup> khiến nhiều người mất mạng! Như kinh Thập Luân nói: “*Tùy sở trụ xứ, nhược chư hữu tình, tham, sân, si đẳng giai mãnh lợi cố, tạo tác Thập Ác nghiệp đạo, hữu năng chí tâm xưng danh niệm tụng, quy kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát giả, nhất thiết phiền não tất giai tiêu diệt, viên ly Thập Ác, thành tựu Thập Thiện. Ư chư chúng sanh, khởi từ bi tâm,*

---

<sup>85</sup> “Duyên nhân” là cái nhân để giúp cho cái nhân chủ yếu (chánh nhân) được thành tựu. Như hạt lúa giống là chánh nhân để sinh ra cây lúa mới, các yếu tố phụ trợ như đất, nước, phân bón, ánh sáng mặt trời, công sức của nông dân v.v... là duyên nhân.

<sup>86</sup> “Thất độ” là bảy thứ phiền não, tức tham, sân, si, mạn, nghi, tật đố (ganh ghét), và dâm dục.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú**

*cập lợi ích tâm. Thử thiện nam tử thành tựu như thị công đức diệu định oai thần chi lực, dũng mãnh, tinh tấn. Ư nhất thực khoảnh, năng u vô lượng vô số Phật độ, nhất nhất độ trung, dĩ nhất thực khoảnh, giai năng độ thoát vô lượng vô số Căng Già sa đảnh sở hóa hữu tình, linh ly chúng khổ, giai đắc an lạc. Tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên Niết Bàn chi đạo”* (Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình tham, sân, si v.v... mạnh mẽ, sắc bén, tạo tác Thập Ác nghiệp đạo, mà có kẻ chí tâm xung danh, niệm tụng, quy y, kính ngưỡng, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát thì hết thấy phiền não thấy đều tiêu diệt, xa lìa Thập Ác, thành tựu Thập Thiện. Đối với các chúng sanh, dấy tâm từ bi và tâm lợi ích, thiện nam tử ấy sẽ thành tựu sức công đức diệu định oai thần, dũng mãnh, tinh tấn. Trong khoảng một bữa ăn, có thể trong vô lượng vô số cõi Phật, trong mỗi cõi, dùng khoảng thời gian chừng một bữa ăn, đều có thể độ thoát vô lượng Hằng hà sa các hữu tình đáng hóa độ, khiến cho họ lìa các nỗi khổ, đều được an vui. Tùy theo căn cơ đáng nên độ mà đặt yên họ nơi đường sanh lên trời hoặc Niết Bàn). Vì thế, chẳng còn phải lo sầu cho chúng sanh ác nghiệp trong đời mai sau nữa!

#### **3.2.1.1.2.2.2. Như Lai tán hỷ (Như Lai tán thán, hoan hỷ)**

*(Kinh) Nhĩ thời, Phật tán Địa Tạng Bồ Tát ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Ngô trợ nhữ hỷ. Nhữ năng thành tựu cứu viễn kiếp lai, phát hoằng thệ nguyện, quảng độ tương tất, tức chứng Bồ Đề”.*

**(經)爾時，佛讚地藏菩薩言：善哉！善哉！吾助汝喜。**

**汝能成就久遠劫來，發弘誓願，廣度將畢，即證菩提。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Lành thay! Lành thay! Ta giúp cho ông được toại nguyện. Ông có thể từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, đã phát thệ nguyện rộng lớn, khi độ xong tất cả chúng sanh, ông sẽ liền chứng Bồ Đề”).*

Ngài Địa Tạng đã vâng lãnh lời phó chúc và an ủi đức Phật, đức Như Lai liền tán thán, hoan hỷ phụ trợ. Tán thán “*thiện tai*” hai lượt là vì:

1) Bồ Tát có thể thấu hiểu Phật tâm, kính cẩn, vâng theo mệnh lệnh nghiêm cẩn.



## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

2) Bồ Tát dùng phân thân lợi lạc chúng sanh, chẳng bỏ sót mảy may phước nào.

Vì thế, đức Phật hoan hỷ, “ông khiến cho tâm ta được toại, nguyện của ông được mãn”. Từ hai chữ “*quảng độ*” trở đi, chính là lời hứa khả của đức Phật, mà cũng là tự biết đúng thời vậy. Như kinh Phổ Diệu nói: “*Bất xử sanh tử, bất trụ Nê Hoàn, tiên thọ Bồ Đề quyết*” (Chẳng trụ trong sanh tử, chẳng trụ trong Niết Bàn, liền được thọ ký Bồ Đề). Như vậy là ngài Địa Tạng đã chúng đại Bồ Đề từ lâu, cần gì phải chờ rộng độ chúng sanh xong xuôi nữa ư?

### **3.2.2. Minh sở hóa chi cơ (nói rõ căn cơ được Bồ Tát hóa độ)**

Nói chung [những căn cơ được hóa độ] là lục đạo, nói riêng thì chỉ có tam đồ, đích xác là nói tới địa ngục. Tức là do ba nghiệp thân, miệng, ý, tạo trọn đủ thượng phẩm Thập Ác, cho nên chuốc lấy nỗi khổ địa ngục! Kinh văn chia làm ba phần:

- 1) Chỉ dạy nghiệp duyên sai khác.
- 2) Chỉ dạy nghiệp cảm sai khác.
- 3) Chỉ dạy nghiệp báo sai khác.

Đấy là theo thứ tự đối ứng với ba đường Hoặc, Nghiệp, Khổ mà luận định căn cơ được giáo hóa.

#### **3.2.2.1. Thị nghiệp duyên sai biệt (dạy về nghiệp duyên sai biệt)**

##### **3.2.2.1.1. Phẩm đề (tên gọi của phẩm kinh)**

**(Kinh) Quán chúng sanh nghiệp duyên, phẩm đệ tam.**

**(經) 觀眾生業緣，品第三。**

**(Kinh: Phẩm thứ ba: Quán chúng sanh nghiệp duyên).**

##### **3.2.2.1.2. Phẩm văn (kinh văn trong phẩm này)**

###### **3.2.2.1.2.1. Thánh mẫu khải vấn (thánh mẫu thưa hỏi)**

**(Kinh) Nhĩ thời, Phật mẫu Ma Da phu nhân, cung kính hiệp chưởng, vấn Địa Tạng Bồ Tát ngôn: “Thánh giả! Diêm Phù chúng sanh tạo nghiệp sai biệt, sở thọ báo ứng, kỳ sự vân hà?”**

**(經)爾時，佛母摩耶夫人，恭敬合掌，問地藏菩薩言：**

**聖者！閻浮眾生造業差別，所受報應，其事云何？**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Phật mẫu Ma Da phu nhân chấp tay cung kính, hỏi Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Thưa thánh giả! Chúng sanh trong Diêm Phù tạo nghiệp sai khác, hứng chịu báo ứng, chuyện ấy là như thế nào?”)*

Thánh mẫu nghe nói “chúng sanh mỗi người mỗi khác, cho nên đức Như Lai phân thân độ thoát”. Lại nghe ngài Địa Tạng thưa “[kính mong Thế Tôn] đừng lo nghĩ vì chúng sanh ác nghiệp đời sau”, cho nên mới thừa cơ thưa hỏi. Nhưng thánh mẫu đứng ra hỏi đầu tiên là vì Như Lai lên cung trời chính là vì thánh mẫu [thuyết pháp]. Huống hồ mẹ của đức Phật thì càng đáng nên đứng đầu đại chúng. Chử A Ly Dã (Ārya) trong tiếng Phạn được coi này dịch là Thánh Giả. Không chuyện gì chẳng thông suốt thì gọi là Thánh. Khổng Tử nói với Lỗ Ai Công<sup>87</sup>: “Được gọi là thánh nhân là do trí thông suốt đại đạo, ứng biến không cùng tận, suy lường được tình và tánh của muôn loài”. Nay ngài Địa Tạng dùng phương tiện chẳng thể nghĩ bàn, ứng biến không ngần mé, cho nên được gọi là “*thánh giả*”. Từ “*Diêm Phù chúng sanh*” trở đi chính là lời lẽ trình bày mối nghi: Hết thấy chúng sanh do tự chuyển theo nghiệp mà có thượng, trung, hạ sai khác. Trong kinh Chiêm Sát, Địa Tạng Bồ Tát đã nói: “*Sở quán tam thế quả báo thiện ác chi tướng, hữu nhất bách bát thập cửu tướng*” (Quán tướng thiện ác của quả báo ba đời thì có một trăm tám mươi chín tướng). Người tu hãy nên tự tra cứu!

**3.2.2.1.2.2. Địa Tạng kính đáp (Địa Tạng kính cẩn đáp)**

**3.2.2.1.2.2.1. Thông thị chư giới nghiệp duyên (chỉ dạy chung về nghiệp duyên của các giới)**

**(Kinh) Địa Tạng đáp ngôn: “Thiên vạn thế giới, nữ cập quốc độ, hoặc hữu địa ngục, hoặc vô địa ngục. Hoặc hữu nữ nhân, hoặc vô**

---

<sup>87</sup> Lỗ Ai Công (508-468) tên thật là Cơ Tương, là vua thứ hai mươi sáu của nước Lỗ (quê hương Khổng Tử). Trong giai đoạn này, nhà vua chỉ có hư vị vì quyền cai trị nước Lỗ nằm trong ba dòng quý tộc (Sử gọi là Tam Hoàn, tức là hậu duệ của ba con trai Lỗ Hoàn Công). Nhà vua cố gắng khôi phục quyền lực, nhưng bị họ tấn công đến nỗi phải lưu vong sang nước Triệu, rồi cuối trốn sang nước Việt rồi chết tại đó.

*nữ nhân. Hoặc hữu Phật pháp, hoặc vô Phật pháp. Nãi chí Thanh Văn, Bích Chi Phật, diệc phục như thị, phi đản địa ngục tội báo nhất đẳng”.*

**(經)地藏答言：千萬世界，乃及國土，或有地獄，或無地獄。或有女人，或無女人。或有佛法，或無佛法。乃至聲聞，辟支佛，亦復如是，非但地獄罪報一等。**

*(Kinh: Địa Tạng đáp rằng: - Ngàn vạn thế giới cho đến quốc độ, hoặc có địa ngục, hoặc không có địa ngục. Hoặc có nữ nhân, hoặc không có nữ nhân. Hoặc có Phật pháp, hoặc không có Phật pháp. Cho đến Thanh Văn, Bích Chi Phật cũng [sai biệt] giống như thế, không chỉ riêng tội báo trong địa ngục sai khác mà thôi).*

Phàm chủ khách xướng họa, như đe và búa đập vào nhau, nay hỏi và đáp chẳng phù hợp, là vì lẽ nào? Ấy là vì lời hỏi của thánh mẫu có chỗ chưa thấu triệt. Bởi lẽ, thế giới vô biên, quốc độ vô lượng, chúng sanh vô tận, nghiệp quả không ngăn mé. Nay chỉ hỏi nghiệp báo sai biệt của chúng sanh trong Diêm Phù, chẳng phải là quá hạn cuộc ư? Trước tiên, Bồ Tát trả lời [bằng cách nói đến] ngàn vạn thế giới, dụng ý ấy suy ra sẽ biết ngay. Có địa ngục là như Sa Bà; không có địa ngục là như Cự Lạc. Cõi A Súc Phật tuy có nữ nhân, nhưng chẳng có ý tưởng tà dục. Quốc độ Cự Lạc và [như các] kinh Bát Dương Thân Chú, kinh Bát Cát Tường, kinh Bát Phật Danh Hiệu, [đều nói trong quốc độ] của tám vị Phật ở phương Đông, trong mỗi cõi đều chẳng có nữ nhân. Trong cõi nước không có nữ nhân, sẽ là thanh tịnh nhất. Đại Trí Độ Luận nói: “*Bồ Tát quán dục có đủ mọi thứ bất tịnh. Trong các thứ suy bại, suy bại vì nữ nhân là nặng nhất. [Sánh ví nữ nhân như] dao đánh lửa, sấm chớp, sét đánh, oán gia, rắn độc thì vẫn là tạm gần giống. Nữ nhân keo kiệt, đố kỵ, sân hận, siểm khúc, lẳng lơ, uế ác, tranh chấp, tham lam, ghen ghét, chớ nên thân cận”.*

“*Có Phật pháp, không có Phật pháp*”: Đại Luận viết: “*Hỏi: Vì sao coi trọng thế giới có Phật, coi thường cõi nước không có Phật? Đáp: Phật là trang nghiêm thế giới chủ. Nếu chư Phật chẳng xuất thế, ắt chẳng có đạo tam thừa Niết Bàn. Nếu cõi đời có Phật, chúng sanh thường thoát khỏi lao ngục tam giới. Chúng sanh biết có tội phước, thọ Tam Quy, Ngũ Giới, Bát Trai, và có năm chúng xuất gia v.v... các thứ*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

thiện pháp. Nếu một cõi nước chẳng có Phật, thì ngay cả trời, người cũng chẳng thể tu thiện”.

“*Nãi chí Thanh Văn*” (Cho đến Thanh Văn) là từ ngữ nói giản lược. Theo kinh Bi Hoa, hoặc là có thế giới thuần là các Bồ Tát, chẳng có danh xưng Thanh Văn, Duyên Giác, hoặc là có Thanh Văn và Bích Chi Phật Thừa, hay là có hoặc không có Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, hoặc là Ngũ Trược tề ác, hoặc là thanh tịnh vi diệu, hoặc là hèn tẻ, thô lậu, bất tịnh, hoặc trang nghiêm thanh tịnh diệu hảo, hoặc thọ mạng vô lượng, hoặc thọ mạng ngắn ngủi, đủ mọi thứ sai khác. Vì thế nói là “*nãi chí*”. Do đó, biết lời hỏi của thánh mẫu chưa trọn vẹn cho mấy!

**3.2.2.1.2.2.2. Đích thị Diêm Phù ác thú** (dạy đích xác về đường ác trong Diêm Phù)

**3.2.2.1.2.2.2.1. Thánh mẫu trùng bạch** (thánh mẫu lại thưa bày)

(*Kinh*) *Ma Da phu nhân trùng bạch Bồ Tát: “Thả nguyện văn u Diêm Phù tội báo, sở cảm ác thú”.*

**(經)摩耶夫人重白菩薩：且願聞於閻浮罪報，所感惡趣**

•

(*Kinh*: *Ma Da phu nhân lại thưa cùng Bồ Tát: “Vẫn mong nghe về tội báo trong Diêm Phù chiêu cảm đường ác”.*)

“*Thả*” (且) là từ ngữ diễn tả sự trình bày thô thiển, đại lược, chưa rõ ràng. Ý nói: “Không phải là tôi chẳng muốn nghe chuyện trong các quốc độ. Tôi nay đã nghe về tội báo của chúng sanh trong Diêm Phù, bèn hỏi Nam Châu cảm vờ đường ác như thế nào đó thôi!”

**3.2.2.1.2.2.2.2. Địa Tạng tái đáp** (ngài Địa Tạng lại trả lời)

**3.2.2.1.2.2.2.2.1. Bử thử khiêm cung** (đôi bên khiêm cung lẫn nhau)

(*Kinh*) *Địa Tạng đáp ngôn: “Thánh mẫu! Duy nguyện thỉnh thọ, ngã thô thuyết chi”.* *Phật mẫu bạch ngôn: “Nguyện thánh giả thuyết”.*

**(經)地藏答言：聖母！唯願聽受，我麤說之。佛母白言：願聖者說。**

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Ngài Địa Tạng đáp rằng: “Thưa thánh mẫu! Xin hãy nghe nhận, tôi sẽ nói thô thiển về chuyện đó”. Phật mẫu bạch rằng: “Mong thánh giả hãy nói”).

“**Nguyên thỉnh thọ**”: Mong thánh mẫu hãy đại diện cho các chúng sanh [mà lắng nghe]. “**Thô thuyết**” có hai ý:

1) Một là danh hiệu địa ngục quá nhiều, chuyện khổ vắn vít. Nếu muốn nói cặn kẽ, dẫu suốt một kiếp vẫn chẳng thể hết được.

2) Hai là nói Không, Vô Tướng v.v... thì gọi là từ ngữ mềm mỏng, dịu dàng; nói những chuyện trong địa ngục thì gọi là từ ngữ thô tháp.

“**Nguyên thuyết**”: Vì tôi thật sự mong mỗi Ngài nói về chuyện này, xin đừng cố sức khiêm tốn nữa!

**3.2.2.1.2.2.2.2.2. Đáp minh tội báo** (đáp rõ về tội báo)

**3.2.2.1.2.2.2.2.2.1. Địa Tạng tường thị** (ngài Địa Tạng dạy rõ)

**3.2.2.1.2.2.2.2.2.1.1. Tổng thị** (chỉ dạy tổng quát)

(**Kinh**) **Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát bạch thánh mẫu ngôn: - Nam Diêm Phù Đề tội báo, danh hiệu như thị.**

(**經**)爾時，地藏菩薩白聖母言：南閻浮提罪報，名號如是。

(**Kinh:** Lúc bấy giờ, Địa Tạng Bồ Tát bạch cùng thánh mẫu: - Danh hiệu của tội báo trong Nam Diêm Phù Đề là như thế này).

Ý nghĩa đã rõ.

**3.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2. Biệt minh** (nói riêng)

**3.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2.1. Chánh đáp Diêm Phù tội báo** (đáp thẳng vào tội báo của Diêm Phù)

**3.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2.1.1. Biệt minh tội báo** (nói riêng từng tội báo)

**3.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2.1.1.1. Bất hiếu nhĩ thân** (bất hiếu với song thân)

(**Kinh**) **Nhược hữu chúng sanh, bất hiếu phụ mẫu, hoặc chí sát hại, đương đọa Vô Gian địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.**

**(經)若有眾生，不孝父母，或至殺害，當墮無間地獄，千萬億劫，求出無期。**

*(Kinh: Nếu có chúng sanh chẳng hiếu thảo với cha mẹ, hoặc còn đến nỗi giết hại, sẽ đọa trong địa ngục Vô Gian ngàn vạn ức kiếp, chẳng có thuở nào mong thoát ra được).*

Trước tiên, nêu ra tội đã tạo. Từ “*đương đọa*” (sẽ đọa) trở đi là nói đến quả báo cảm vời. Những đoạn sau đều phỏng theo lệ này. Trước hết, nêu lên tội bất hiếu cha mẹ, vì thấy tội ấy cực lớn, cực nặng. Đó là vì cha mẹ ví như trời đất. Kinh Ân Trọng nói: “*Nhân sanh tại thế, phụ mẫu vi thân, phi phụ bất sanh, phi mẫu bất dục*” (Người sống trên cõi đời, cha mẹ là chí thân. Không có cha, sẽ chẳng sanh ra ta, không có mẹ, không người nuôi nấng ta). Do vậy, kinh Nan Báo nói: “*Tả kiên trì phụ, hữu kiên trì mẫu, kinh lịch thiên niên, tiện lợi bối thượng, do bất năng báo phụ mẫu chi ân*” (Vai trái cõng cha, vai phải cõng mẹ, trải suốt ngàn năm, cha mẹ tiêu tiêu trên lưng, vẫn chẳng thể báo được ân cha mẹ). Hơn nữa, làm con tận hiếu là thiên lý thường hằng, là cội rễ của nhân luân. Nếu làm con mà bất hiếu, ắt cha mẹ chẳng còn mong đợi gì nơi con được nữa, chẳng bằng loài cầm thú, mọi rợ, sao đáng gọi là người ư? Do đó, kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Hữu tứ chủng ân, thậm vi nan báo! Nhất mẫu, nhị phụ, tam Như Lai, tứ thuyết pháp sư. Nhược hữu cúng dường thử tứ chủng nhân, đắc vô lượng phước. Hiện tại vị nhân tán thán, vị lai năng đắc Bồ Đề*” (Có bốn thứ ân khó báo đáp nhất. Một là mẹ, hai là cha, ba là Như Lai, bốn là thầy thuyết pháp. Nếu có người cúng dường bốn loại người ấy, sẽ được vô lượng phước. Hiện tại được người khác tán thán, trong tương lai sẽ đắc Bồ Đề).

Nay đã chẳng thể cúng dường, báo ân, tức là đã đánh mất trách nhiệm của kẻ làm con, huống hồ dám làm chuyện đại nghịch đến nỗi giết hại ư? Than ôi! Cha mẹ là người như thế nào? Giết hại họ, đáng gọi là gì đây? Sát (殺) là tru diệt. Có tội mà bị hành hình giết chết thì là theo đúng pháp. “*Hại*” (害) là tổn thương. Có oán ắt báo, xét về tình còn chưa nên! Nay cha mẹ có tội gì, có oán gì, mà đến nỗi giết hại vậy? Theo kinh Vị Sanh Oán, vua A Xà Thế muốn hại cha. Vua cha nói: “*Mỗi khi người bị bệnh, ta lo lắng cháy lòng, muốn dùng thân mạng để cứu nguy thay cho người*”. Ân nhân từ của cha mẹ, chỉ có trời là hơn! Người ôm cái tâm gì mà nở lòng ác nghịch? Những kẻ giết cha mẹ, chết rồi sẽ vào Thái Sơn

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

[chịu tội]<sup>88</sup>. Vì thế kinh nói: “*Bất hiểu chi tội, chúng tội chi thượng. Tự ung đọa Vô Giác ngục trung, thọ khổ thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ dã*” (Tội bất hiểu cao hơn các tội, đáng đọa vào địa ngục Vô Giác, chịu khổ ngàn vạn ức kiếp, chẳng mong có thuở thoát ra).

#### **3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.1.1.2. Bất kính Tam Bảo**

*(Kinh) Nhược hữu chúng sanh, xuất Phật thân huyết, hủy báng Tam Bảo, bất kính tôn kinh, diệc đương đọa u Vô Giác địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.*

**(經)若有眾生，出佛身血，毀謗三寶，不敬尊經，亦當墮於無間地獄，千萬億劫，求出無期。**

*(Kinh: Nếu có chúng sanh làm thân Phật chảy máu, hủy báng Tam Bảo, chẳng kính trọng kinh điển, cũng sẽ đọa trong địa ngục Vô Giác ngàn vạn ức kiếp, chẳng mong có thuở thoát ra).*

“*Xuất Phật thân huyết*” (Làm thân Phật chảy máu) là như Đê Bà Đạt Đa đẩy núi toan đè chết Phật. Kim Cang Lục Sĩ (tức thần núi Kỳ Xà Quật, tên là Tỳ La) dùng chày Kim Cang từ xa quăng tới, đá vỡ nát văng ra, làm tổn thương ngón chân của Phật. Xe bốc lửa đến đón [Đê Bà Đạt Đa] đọa địa ngục ngay trong khi còn sống. Nếu người đời thiêu đốt kinh, tượng, sẽ bị phán cùng một tội. Hủy báng Tam Bảo là do không có lòng tin. Kinh Thập Luân, quyển bốn nói: “*Hữu Sát-đế-lợi Chiên Đồ La vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng, tùy ác hữu hành, thiện căn vi thiếu, siểm khúc, ngu si, hoài thông minh mạn, u Tam Bảo sở vô thuần tịnh tâm, bất kiến, bất úy hậu thế ác quả. Tự vị thông mãn, u ngã sở thuyết Thanh Văn, Duyên Giác, cập Đại Thừa pháp, hủy tư phi báng, bất thính chúng sanh thọ trì, độc tụng, hạ chí nhất tụng. Như thị đẳng nhân, danh vi hủy báng Phật chánh pháp giả, khiêu hoại vô lượng chúng sanh pháp nhĩn. Thị nhân bất cứu, tiện đương chi thể phế khuyết, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhĩn. Mạng chung định sanh Vô Giác đại ngục*” (Có loại vua Chiên Đồ La trong dòng Sát-đế-lợi, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn

---

<sup>88</sup> Theo niềm tin truyền thống của Trung Hoa, Đông Nhạc Đại Đế là thần núi Thái Sơn chưởng quản sanh tử. Tất cả các thành hoàng đều trực thuộc quyền cai quản của Đông Nhạc Đại Đế.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú**

v.v... làm theo bạn ác, thiện căn kém ít, siêng khức, ngu si, ôm lòng ngạo mạn, tự cho là thông minh, đối với Tam Bảo chẳng có tâm thuần tịnh, chẳng thấy, chẳng sợ ác quả đời sau, tự cho là thông thái, mẫn tiệp, đối với các pháp Thanh Văn, Duyên Giác và Đại Thừa do ta đã nói bèn hủy báng, chê bai, phi báng, chẳng cho phép chúng sanh thọ trì, đọc tụng, dẫn chỉ một bài kệ. Hạng người như thế gọi là kẻ hủy báng chánh pháp của Phật, chọc mù pháp nhãn của vô lượng chúng sanh. Kẻ ấy chẳng bao lâu, các chi thể sẽ bị hư hoại, sút thiếu, cứng lưỡi chẳng nói được, chịu đựng các thứ khổ độc, đau đớn cùng cực, khó thể chịu đựng nổi! Mạng chung nhất định sẽ sanh vào ngục lớn Vô Gián).

“*Bất kính tôn kính*” là như kinh Văn Sự Phật Cát Hung đã nói: “*Hữu nhân sự Phật, bất kính Phật kính, trì trước tỳ khiếp, y phục bất tịnh chi trung, hoặc trước thê tử sàng thượng, bất tịnh chi xứ, hoặc trì quải bích thượng, vô hữu tòa tịch cung kính chi tâm, dữ thế gian phàm phu vô dị*” (Có kẻ thờ Phật mà chẳng tôn kính kính Phật, để kinh trong rương nát, quần áo chẳng sạch, hoặc bỏ trên giường của vợ con là chỗ bất tịnh, hoặc treo móc trên vách, chẳng tôn trọng, cung kính, chẳng khác sách vở tầm thường trong thế gian). A Nan Thỉnh Giới Luật Luận nói: “*Hàng tăng ni, bạch y (tại gia cư sĩ) v.v... đọc kinh, luật, luận, đang trong lúc đi và nói mà tay cầm [quyển kinh] lật mở, sẽ tính theo số năm trên trời Đạo Lợi [để kết tội kẻ ấy] phạm tội Đột Cát La<sup>89</sup>, bàng báo (báo ứng kèm theo) là hai ức năm, đọa làm loài cheo, nai, luôn bị cong gập xương sống, đau khổ khó thể chịu đựng nổi. Vô tâm nói đùa, cầm nắm kinh luật luận [để đùa bỡn], cũng chuốc lấy báo ứng như trên. Hoặc để kinh, tượng ở dưới mái thêm nhà cửa hoặc điện đường, tính theo kiếp số nơi trời Đạo Lợi, phạm trọng tội Đột Cát La tám trăm năm, bàng báo hai ức năm, đọa trong loài lợn, chó. Nếu được làm thân người, trong một ức năm, sẽ làm thân ăn nhờ ở đậu lênh đênh, chẳng được tự tại*”. Do vậy, nói là “*cũng sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián*” v.v...

### **3.2.2.1.2.2.2.1.2.1.1.3. Xâm tổn tâm ô**

***(Kinh) Nhược hữu chúng sanh, xâm tổn thường trụ, điểm ô tăng ni. Hoặc già lam nội, tứ hành tâm dục, hoặc sát, hoặc hại. Như***

---

<sup>89</sup> Đột Cát La (Duṣkṛta), còn phiên âm là Đột Sát Nhi Lý Đa, hoặc Đột Thắng Kiết Lật Đa, hoặc Độc Kha Đa, tức là các tội nhẹ thuộc về làm ác và nói lời ác ngoài Tứ Trọng (giết, trộm, dâm, dối).



*thị đẳng bôi, đương đọa Vô Gián địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.*

**(經)若有眾生，侵損常住，點污僧尼。或伽藍內，恣行婬欲，或殺或害。如是等輩，當墮無間地獄，千萬億劫，求出無期。**

*(Kinh: Nếu có chúng sanh xâm phạm, tổn hại thường trụ, làm ô uế tăng ni. Hoặc ở trong chốn chùa chiền, phóng túng làm chuyện dâm dục, hoặc giết, hoặc hại. Hạng người như thế sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián ngàn vạn ức kiếp, chẳng mong có thuở thoát ra).*

“*Thường trụ*”: Tiếng Phạn là Tăng-kỳ (Sāṃghika), cõi này dịch là Tứ Phương Tăng Vật (vật dụng của tăng chúng bốn phương). Luật Sao<sup>90</sup> nói có bốn loại Thường Trụ:

1) Thường trụ thường trụ (tức là tự xá, cây cối, ruộng, vườn, nô bộc, thú nuôi của tăng chúng, chỉ hạn cuộc trong chỗ chùa chiền ấy, chẳng thông với những nơi khác. [Tăng chúng ở ngôi già-lam ấy] chỉ được thọ dụng, không được chia chác để bán đi. Vì thế, nói trịnh trọng là “*thường trụ*”).

2) Thập phương thường trụ (những thứ thường ăn để dâng cho chúng tăng trong nhà chùa, áp dụng chung cho mười phương, [quyền sở hữu] chỉ hạn cuộc nơi ấy). Hai thứ này được gọi là Tăng Kỳ Vật.

3) Hiện tiền hiện tiền (những vật được bố thí, chỉ thí cho những tăng chúng đang hiện tiền ở nơi ấy).

4) Thập phương hiện tiền (vật dụng của năm loại tăng chúng đã mất. Nếu chưa bạch Yết Ma [mà tự tiện chiếm dụng] thì mắc tội với thập phương Tăng; đã bạch Yết Ma thì [tự tiện chiếm dụng], sẽ mắc tội với hiện tiền Tăng).

Hai thứ này được gọi là Hiện Tiền Tăng Vật. Kinh Thập Luân nói: “*Nhược hữu tứ phương Tăng vật, tự sanh, tạp vật đẳng, trì giới, phá giới, như thị nhân đẳng tất bất dữ chi, mạng chung dĩ hậu, giai đọa A Tỳ*

---

<sup>90</sup> Luật Sao là gọi tắt của bộ Tứ Phần Luật Hành Sự Sao do sơ tổ của Nam Sơn Luật Tông là đại sư Đạo Tuyên biên soạn, nhằm giải thích bộ luật Tứ Phần. Bộ sách này lại được rất nhiều người chú thích như Tứ Phần Luật Sao Phê của Đại Giác soạn vào đời Đường, Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Sư Huyền Lục của Chí Hồng soạn vào đời Đường, Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Giải Chánh Ký của Cảnh Tiêu soạn, Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký do Nguyên Chiếu soạn dưới đời Tống...

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*địa ngục*” (Nếu có vật dụng, đồ dùng cần cho cuộc sống, các vật dụng thông thường v.v... thuộc về tăng chúng bốn phương mà đối với người trì giới hay phá giới đều không chia cho họ, sẽ đều đọa vào địa ngục A Tỳ).

“*Điểm ô tăng ni*”: Chữ Điểm (點) ở đây giống như Điểm (玷), tức là bôi đen. Tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na (học pháp nữ), sa-di-ni chính là hậu duệ của di mẫu đức Phật, kẻ tham dục chẳng biết tội phước, cưỡng bức họ làm chuyện ô nhục, dẫu ngàn đức Phật ra đời, cũng chẳng thể sám hối được!

“*Tăng-già-lam*” (Saṅghārāma) trong tiếng Phạn được dịch là Chúng Viên (眾園, vườn của đại chúng). Tăng Sử Lược<sup>91</sup> nói: “*Làm chỗ vườn tược cho mọi người, là chỗ gieo trồng*”. Đệ tử Phật chính là [những người đang] gieo trồng mầm đạo, thánh quả. Luật Tứ Phần nói: “*Vân hà u thanh tịnh pháp trung, hành bất tịnh da? Thân hoại, mạng chung, đọa tam ác đạo*” (Vì lẽ nào mà ở trong pháp thanh tịnh lại làm chuyện bất tịnh? Thân hư, mạng chết, đọa trong ba đường ác). Trong kinh Nga Quỷ Báo Ứng, một con quỷ hỏi ngài Mục Liên rằng: “*Nam căn của tôi thường bị lở loét, hư nát, do tội gì mà đến nỗi ấy?*” Ngài đáp: “*Khi người làm người, đã hành dâm nơi chỗ tháp miếu. Nay chịu hoa báo, quả báo là trong địa ngục*”. Xem đó, há nên phóng túng làm ác ư?

“*Hoặc là sát hại*”: Hoặc là do tham đắm dâm dục mà đến nỗi giết người, hại mạng, sát hại sanh linh. Như vào đời Đường, tại chùa Cảnh Đức ở Lạc Châu, tỳ-kheo-ni Nhậm Ngũ Nương chết đi, em bà ta thường nghe nơi linh tòa (chỗ thờ vong linh bà ta) có tiếng rên siết, bèn hỏi han. Hồn ma nói: “*Lúc ta còn sống, đã làm chuyện sai trái trong nhà, ham ăn thịt, sát hại chúng sanh. Lại còn bắt cá sông làm chả, do những chúng sanh bị sát hại đòi mạng, phải thọ thân trong địa ngục Đao Kiếm. Trên thân có bảy chiếc đao gãy, đau thấu xương tủy. Mong em hãy đem bán sạch đồ đạc trong nhà [mà ta sở hữu] khi còn sống, để cầu đại sư Bảo*

---

<sup>91</sup> Bộ sách này có tên gọi đầy đủ là Đại Tổng Tăng Sử Lược, do ngài Tấn Ninh (930-1001) biên soạn vào đời Tống trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thời Tống Thái Tông, nay được đưa vào tập năm mươi ba của bộ Đại Chánh Đại Tạng Kinh. Theo lời tựa, do ngài Tấn Ninh không tán đồng cách biên soạn của các bộ sử Phật giáo như Hoàng Minh Tập và Cao Tăng Truyện, nên đã soạn ra bộ sách này, nhằm ghi chép rõ ràng chế độ giáo đoàn, tăng lễ, giới luật, sám pháp, cũng như các chi tiết lịch sử về việc truyền trì Phật giáo từ Thiên Trúc sang Đông Độ, việc phiên dịch kinh luận, quy chế xuất gia, các thể chế cai quản tăng đoàn tại Trung Hoa, tăng phục, quy củ giới đàn, kết xã (các hình thức hiệp hội cộng tu)...

### *Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

Hiền chùa Tịnh Độ chép bảy quyển kinh Kim Cang, đổi trước Phật sám hối”. Em bà ta vâng lời, bán đồ đạc, chép một quyển kinh, đao bèn rút bớt một chiếc. Chép kinh viên mãn, đao bèn rút hết, các sanh linh [bị Ngũ Nương sát hại] bèn thoát sanh vào thiện đạo, Ngũ Nương cũng lìa địa ngục. Xem chuyện này, há có nên vì dâm dục mà sát hại ư? Trong phần sau là nói về quả báo.

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.1.1.4. Phá giới cuồng nhân (phá giới, lừa gạt người khác)**

*(Kinh) Nhược hữu chúng sanh, ngụy tác sa-môn, tâm phi sa-môn, phá dụng thường trụ, khi cuồng bạch y, vi bội giới luật, chủng chủng tạo ác. Như thị đẳng bối, đương đọa Vô Gián địa ngục thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.*

**(經)若有眾生，偽作沙門，心非沙門，破用常住，欺誑白衣，違背戒律，種種造惡。如是等輩，當墮無間地獄，千萬億劫，求出無期。**

*(Kinh: Nếu có chúng sanh giả vờ làm sa-môn, tâm chẳng phải là sa-môn, tiêu xài phung phí của thường trụ, gạt gẫm hàng tại gia, trái nghịch giới luật, làm ác đủ thứ. Hạng người như thế sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián ngàn vạn ức kiếp, chẳng mong có thuở thoát ra).*

Sa-môn (Śramaṇa), theo Du Già Sư Địa Luận, có bốn loại: Một thẳng đạo sa-môn, tức Phật v.v... Hai là thuyết đạo sa-môn, tức là người nói chánh pháp. Ba là hoạt đạo sa-môn, tức người tu các thiện phẩm. Bốn là ô đạo sa-môn, tức là kẻ có hành vi bất chánh.

“Ngụy” (偽) là quỷ quyết, dối trá. Bề ngoài ra vẻ tu hành, trong tâm chất chứa những ý tưởng như nhuốc, tức hạng ô đạo sa-môn vậy. Bốn câu kệ đó nhằm giải thích “ngụy” là như thế nào: Lạm dụng vật dụng của thường trụ v.v... Đây là luật nghi giới. Đại Luận nói: “*Luật nghi giới có thể khiến cho các ác chẳng được tự tại, vì dùng giới cấm để ước thúc*”.

Tỳ Ni (Vinaya) dịch là Luật Luật (律律), tức là khuôn phép. Phán quyết nặng, nhẹ, khai, giá, trì, phạm, phi pháp, bất định. [Giới luật] là chỗ nương tựa của hết thầy người xuất gia, là nhân duyên đầu tiên để đạt

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

đến Niết Bàn. Vì thế, đức Phật bảo tỳ-kheo Tăng Hộ rằng: “Trì giới tối vi lạc, thân bất thọ chư não, tùy miên đắc an ổn, ngũ tắc tâm hoan hỷ” (Trì giới vui sướng nhất, thân chẳng chịu các não, ngũ nghề được an ổn, tinh giác, tâm hoan hỷ). Nay đã trái nghịch, ắt con đường nhân thiên chấm dứt, cửa địa ngục mở ra, vì thế nói là “sẽ vào trong Vô Gián” v.v... Nhưng thiên nhân Phí Thị nói: “Một châu ở phương Nam tuy có nhiều kẻ phạm tội, nhưng theo thiện, dễ điều phục”. Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, [Địa Tạng Bồ Tát] đích thân nhận lãnh phó chúc, lại còn thủ hộ, chẳng để cho ma quấy nhiễu [các đệ tử Phật]. Nếu chẳng thủ hộ kẻ phá giới như thế, có ai hành giáo pháp của ta? Tuy thấy [những kẻ ấy] hủy hoại giới cấm, vẫn xót thương, bảo vệ. Thấy họ có một điều thiện, bèn đối với muôn điều lầm lỗi của họ chẳng quở trách, coi như quên mất tỳ vết, chẳng nghĩ đến lỗi đã qua. Trong ba mươi hai vị tướng [của Tứ Thiên Vương], Vi Tướng Quân (ngài Vi Đà Hộ Pháp) hoàng dương, hộ trì nhiều nhất. Có nhiều ma tử và ma nữ khinh giỡn hàng tỳ-kheo, những người đạo lực yếu ớt hoàn toàn bị chúng nó rối loạn, mê hoặc. Tướng quân (ngài Vi Đà) hoảng hốt xông tới, ứng theo căn cơ mà trừ dẹp, dùng hạnh Đồng Chân bảo vệ chánh pháp.

#### **3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.1.1.5. Thân thường trụ vật (ăn cấp đồ đặc của thường trụ)**

*(Kinh) Nhược hữu chúng sanh, thân thiết thường trụ tài vật, cốc mễ, ẩm thực, y phục, nãi chí nhất vật bất dữ thủ giả, đương đọa Vô Gián địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.*

**(經)若有眾生，偷竊常住財物，穀米，飲食，衣服。乃至一物不與取者，當墮無間地獄，千萬億劫，求出無期。**

*(Kinh: Nếu có chúng sanh trộm cắp tài vật, thóc gạo, thức ăn, quần áo của thường trụ. Cho đến một vật chẳng cho mà lấy, sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián ngàn vạn ức năm chẳng mong có thuở thoát ra).*

“Thân” (偷) và “thiết” (竊) đều là trộm cắp (Chữ Đạo (盜, trộm cắp) là do chữ Thứ (次, thời cổ có nghĩa là nước miếng) và chữ Mãnh (皿, bát đựng) ghép lại, thể hiện ý nghĩa “con chuột chảy nước rãi trên đồ đựng”), ý nói: Không cho mà lấy. Công khai không cho mà lấy thì gọi là

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

Kiếp (劫, cướp), không cho mà cứ ngấm ngấm trộm lấy thì gọi là Đạo (盜). “Vật” (物) là các đồ dùng cần thiết cho cuộc sống, các món vật dụng thông thường. Phàm sống trong vòng trời đất, có hình mạo, thanh sắc thì đều là “vật”. Nay tài vật là những món để cho Tăng sử dụng. Thóc gạo, đồ ăn thức uống chính là thứ để nuôi sống Tăng. Y phục là để cho Tăng che phủ thân thể. Hoặc là công khai cướp đoạt, hoặc ngấm ngấm lấy trộm, tội này nặng lắm!

Theo kinh Quán Phật Tam Muội, trộm đồ vật của Tăng Kỳ (thường trụ) còn nặng hơn giết tám vạn bốn ngàn cha mẹ! Hoa Tụ Bồ Tát nói: “*Ngũ Nghịch, Tứ Trọng, ngã diệc năng cứu. Đạo tăng vật giả, ngã bất năng cứu*” (Tội Ngũ Nghịch, Tứ Trọng ta vẫn có thể cứu được; nhưng trộm cắp vật dụng của Tăng, ta chẳng thể cứu được). Bởi lẽ, lấy trộm bất cứ vật nào đều là [trộm cắp] của mười phương phàm thánh, thuận theo cảnh mà thành vô biên, kết thành tội lỗi vô biên. Đối với những thứ vi tế như vi trần còn biết nổi số, chứ tội này chẳng thể đo lường, suy tính nổi! Cho nên đặc biệt nặng nề!

Phân kế tiếp là chỉ dạy về quả báo. Như trong phẩm Tế Long (phẩm Cứu Rồng của kinh Quán Phật Tam Muội), các con rồng tự nghĩ đến nghiệp của chính mình trong quá khứ: Ở trong Phật pháp, hoặc làm kẻ thế tục, hoặc do nhân duyên nghe pháp mà lui tới [tự viện], đối với tất cả các thứ hoa, quả, thức ăn do người có tín tâm xả thí dâng cho các vị tỳ-kheo, [những con rồng ấy tuy là thân phận tại gia] cứ theo thứ tự mà ăn, ăn hoa, quả, thức ăn của tăng chúng bốn phương v.v... Do nhân duyên của nghiệp ấy, trải vô lượng kiếp trong địa ngục, bị lửa dữ nung đốt, uống nước đồng nung, nuốt hòn sắt. Từ địa ngục thoát ra, đọa vào súc sanh hay ngạ quỷ. Do ác nghiệp chưa hết, sanh vào loài rồng, thường hứng chịu khổ não.

Đức Phật bảo các con rồng: “*Ác nghiệp ấy chẳng khác gì ác nghiệp trộm cắp đồ vật của Phật*”. Than ôi! Con sóng cuồn cuộn này cuồn cuộn quá đời, ai có thể chế ngự được nổi!

***3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.1.2. Kết hiển đọa khổ (kết lại để chỉ rõ nỗi khổ vì đọa lạc)***

***(Kinh) Địa Tạng bạch ngôn: - Thánh mẫu! Nhược hữu chúng sanh tác như thị tội, đương đọa Ngũ Vô Gian địa ngục, cầu tạm đình khổ, nhất niệm bất đắc.***

**(經)地藏白言：聖母！若有眾生作如是罪，當墮五無間地獄，求暫停苦，一念不得。**

*(Kinh: Địa Tạng bạch rằng: “Thánh mẫu! Nếu có chúng sanh tạo tội như thế, sẽ đọa vào địa ngục Ngũ Vô Gian cầu tạm ngưng khổ trong một niệm cũng chẳng được”).*

Năm thứ nghiệp trên đây nói chung là thượng phẩm Thập Ác! Vì thế, kinh Địa Trì nói rộng về nghiệp Thập Ác, ắt đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Được sanh trong loài người, ai nấy đều có quả báo của hai thứ dư nghiệp. Đối với mỗi điều ác, kinh đều nói rõ năm thứ báo. Vì thế, Địa Tạng Bồ Tát trả lời thánh mẫu rằng: “*Nếu có chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề mà tạo những tội như đã nói trên đây, sẽ đều đọa vào địa ngục Vô Gian. Trong ngàn vạn kiếp, cầu mong tạm ngưng nỗi chua xót, khổ sở, dẫu chỉ trong một niệm tội bậc ngàn người, há có được hay chăng?*” Đại Luận dẫn lời đức Phật dạy: “*Ngã thế thế tăng tác tiểu trùng, ác nhân, tiệm tiệm tập chư thiện bốn, đắc đại trí huệ. Kim tự trí tác Phật, thân lực vô lượng, tối thượng, tối đại. Nhất thiết chúng sanh diệc khả đắc nhĩ, vân hà không thọ cần khổ nhi đọa tiểu xứ, tự ưng nỗ lực cần tu, các cầu xuất ly dã*” (Ta đã đời đời từng làm tiểu trùng, kẻ ác, dần dần gom góp các tội lành, đạt được đại trí huệ. Nay tự đạt đến mức làm Phật, thân lực vô lượng, tối thượng, tối đại. Hết thảy chúng sanh cũng có thể đạt được, sao lại uổng công siêng khổ để rồi đọa trong chỗ nhỏ hẹp. Hãy tự nên nỗ lực siêng tu, ai nấy cầu xuất ly).

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2. Trùng vấn Vô Gian ngục danh (hỏi lại tên của địa ngục Vô Gian)**

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.1. Thánh mẫu vấn (thánh mẫu thưa hỏi)**

*(Kinh) Ma Da phu nhân trùng bạch Địa Tạng Bồ Tát ngôn: “Vân hà danh vi Vô Gian địa ngục?”*

**(經)摩耶夫人重白地藏菩薩言：云何名為無間地獄？**

*(Kinh: Ma Da phu nhân lại bạch cùng Địa Tạng Bồ Tát rằng: - Vì sao gọi là địa ngục Vô Gian?)*

Do trong các đoạn kinh văn trên đây nhiều lần nói “sẽ đọa vào địa ngục Vô Gian”, chẳng biết tên gọi Vô Gian do dựa theo nghĩa nào mà thành lập?

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2. Địa Tạng thích** (đức Địa Tạng giải thích)

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.1. Tổng thị chư ngục** (dạy chung về các ngục)

*(Kinh) Địa Tạng bạch ngôn: - Thánh mẫu! Chư hữu địa ngục tại Đại Thiết Vi sơn chi nội. Kỳ đại địa ngục, hữu nhất thập bát sở. Thứ hữu ngũ bách, danh hiệu các biệt. Thứ hữu thiên bách, danh hiệu diệc biệt.*

**(經)地藏白言：聖母！諸有地獄在大鐵圍山之內。其大地獄，有一十八所。次有五百，名號各別。次有千百，名號亦別。**

*(Kinh: Đức Địa Tạng bạch rằng: - Thưa thánh mẫu! Địa ngục trong các Hữu thì đều ở trong núi Đại Thiết Vi. Đại địa ngục thì có mười tám chỗ. Kế đó là có năm trăm chỗ, danh hiệu mỗi ngục mỗi khác. Kế đó có ngàn trăm ngục, danh hiệu cũng khác).*

“Chư hữu” là nói chung tất cả các Hữu, nói đích xác là hai mươi lăm Hữu, nhân quả chẳng mất! Kinh Pháp Cú nói: “Sở tác thiện ác, giai hữu nhân quả, kinh cứu bất vong” (Thiện ác đã làm, đều có nhân quả, lâu ngày chẳng mất). Có bài tụng [để dễ ghi nhớ] hai mươi lăm Hữu như sau: “Tứ châu, tứ ác thú, lục dục tịnh Phạm Thiên, Tứ Thiên, Tứ Không Xứ, Vô Tướng, Ngũ Na Hàm” (Bốn châu, bốn đường ác, lục dục và Phạm Thiên, Tứ Thiên, Tứ Không Xứ, Vô Tướng, Ngũ Bất Hoàn). Vì thế, trong phần sau có nói: “Bất vấn nam tử nữ nhân, nãi chí tội hạnh nghiệp cảm, tất đồng thọ chi” (Chẳng cần biết là đàn ông hay đàn bà, cho đến do tội hạnh nghiệp cảm, ắt sẽ cùng hứng chịu [giống như nhau]). Vì thế, trong hai mươi lăm Hữu, hề tạo tội liền có địa ngục, [địa ngục] đều ở trong núi Thiết Vi. Những điều khác như đã giải thích trong phần trên.

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.2. Biệt minh Vô Gián** (nói riêng về Vô Gián)

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.2.1. Chánh minh nghiệp báo** (nói thẳng vào nghiệp báo)

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.2.1.1. Chánh khai** (nói thẳng vào vấn đề)

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.2.1.1.1. Thị ngục thành danh xuất** (dạy về thành quảch trong địa ngục, nêu ra danh hiệu)

*(Kinh) Vô Gian ngục giả, kỳ ngục thành châu táp bát vạn dư lý. Kỳ thành thuần thiết, cao nhất vạn lý. Thành thượng hỏa tụ, thiểu hữu không khuyết. Kỳ ngục thành trung, chư ngục tương liên, danh hiệu các biệt. Độc hữu nhất ngục, danh viết Vô Gian.*

**(經)無間獄者，其獄城周匝八萬餘里。其城純鐵，高一萬里。城上火聚，少有空缺。其獄城中，諸獄相連，名號各別。獨有一獄，名曰無間。**

*(Kinh: Địa ngục Vô Gian, thành ngục giáp vòng hơn tám vạn dặm. Thành ấy thuần bằng sắt, cao một vạn dặm. Lửa trùm trên thành ít có chỗ nào chừa sót. Trong thành địa ngục, các ngục kề nhau, danh hiệu mỗi ngục mỗi khác. Chỉ có một ngục tên là Vô Gian).*

Theo kinh Ván Địa Ngục, bốn phía thành của vua Diêm La đặt các địa ngục. Khi một người mạng chung, đã bỏ Tử Âm (thân trước khi chết), chưa có Sinh Âm (thân trong đời sau), mang thân Trung Âm vào thành Nê Lê (Hán dịch là Ký Điều Thành (寄條城), còn gọi là Bé Thành, 閉城). Trong khi chưa thọ tội, [Trung Âm thân] cùng tụ tập tại chỗ ấy. Xảo phong thổi qua, tùy theo nghiệp nhẹ hay nặng mà thọ thân lớn hay nhỏ. Gió thổi thổi qua, thành tựu hình dạng tội nhân thô kệch, xấu xí. Gió thơm thổi qua, thành tựu thân thể vi tế của người có phước. Dựa theo đó, kẻ chịu khổ trong thành đều có hình tướng thô kệch, xấu xí. Kẻ sanh lên trời, thân thể đều thanh tịnh vi tế.

“Chư ngục tương liên” (Các ngục liên tiếp) tức là bảy ngục lớn như Đẳng Hoạt v.v... và ngục thứ tám là ngục Vô Gian, được gọi là “tám địa ngục nóng”. Mỗi ngục đều có những ngục phụ thuộc liên tiếp. “Độc hữu nhất ngục” (Chỉ có một ngục) là nói thẳng vào ngục Vô Gian. Do vậy, luận Câu Xá nói: “Do ở trong ấy thọ khổ chẳng gián đoạn, chẳng giống như bảy đại Nại Lạc Ca<sup>92</sup> kia không luôn luôn thọ khổ. Vì thế, gọi là Vô Gian”. Do vậy, dùng “độc hữu nhất ngục” để chỉ bày.

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.1.1.2. Minh ngục tướng, hiển báo (nói rõ tướng địa ngục, hiển thị quả báo)**

---

<sup>92</sup> Nại Lạc Ca là phiên âm khác của chữ Nê Lê (Nāraka).



**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.1.1.2.1. Thị Tướng** (chỉ bày tướng trạng)

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.1.1.2.1.1. Thị** (chỉ bày)

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.1.1.2.1.1.1. Ngục hỏa tướng** (tướng lửa trong ngục)

(*Kinh*) Kỳ ngục châu táp vạn bát thiên lý, ngục tường cao nhất thiên lý, tất thị thiết vi. Thượng hỏa triệt hạ, hạ hỏa triệt thượng. Thiết xà, thiết cầu, thổ hỏa trì trục, ngục tường chi thượng, đông tây nhi tẩu.

**(經)其獄周匝萬八千里，獄牆高一千里，悉是鐵為。上火徹下，下火徹上。鐵蛇，鐵狗，吐火馳逐，獄牆之上，東西而走。**

(*Kinh*: Ngục ấy giáp vòng một vạn tám ngàn dặm, tường ngục cao một ngàn dặm, đều là bằng sắt. Lửa từ trên lan xuống dưới, lửa từ dưới bốc lên trên. Rắn sắt, chó sắt phun lửa chạy đuổi nhau trên tường ngục, rảo chạy đông tây).

Sắt được gọi là “hắc kim”, tánh chất cứng mà lạnh, biểu thị kẻ ác tàn nhẫn, tánh cứng cõi, tâm lạnh lùng. Cho nên chỗ cảm báo đều thuần bằng sắt. “Lửa bốc lên cao, lan xuống thấp”: Kinh Khởi Thế nói: “Dĩ bất thiện báo cố, Đông phương hữu đại hỏa tự xuất sanh. Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng, hạ, các các như thị. Tùng Đông bích xuất đại hỏa diễm, trục xạ Tây bích, đảo dĩ nhi trụ. Tây bích xuất hỏa, xạ Bắc bích. Bắc bích xuất hỏa, xạ Nam bích. Tùng hạ ư thượng, tự thượng ư hạ, tung hoành tương tiếp, thượng hạ giao xạ. Cố triệt hạ, triệt thượng dã” (Do quả báo bất thiện, phương Đông sanh ra đồng lửa. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn phương, trên, dưới, mỗi phương đều như thế. Từ vách phía Đông sanh ra ngọn lửa lớn bắn thẳng vào vách phía Tây, bắn đến nơi, bèn ngưng ở đó. Vách phía Tây xẹt lửa, bắn vào vách phía Bắc. Vách phía Bắc xẹt lửa, bắn vào vách phía Nam. Từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới, ngang dọc tiếp giáp, trên dưới bắn lẫn nhau. Vì thế, lửa từ trên lan xuống dưới, từ dưới bốc lên trên).

“Rắn sắt, chó sắt”: Kinh Quán Phật Tam Muội Hải nói: “Thiết thành nhị cách gian, hữu bát vạn tứ thiên thiết mãng đại xà, thổ độc hỏa trung, thân mãn thành nội. Kỳ xà hào hồng, như thiên chấn lôi, vũ đại thiết hoàn. Tứ giác hữu tứ đại đồng cầu, quảng trường tứ thập do-tuần.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*Mục như xé điện, nha như kiếm thụ, xỉ như đao sơn, thiết như thiết thích. Nhất thiết thân mao giai nhiên mãnh hỏa, kỳ yên xú ác. Ký thổ độc hỏa, phục tranh trì tương trực u ngục tường chi thượng, Đông Tây cấp tẩu, sử chư tội nhân, úy ty vô sở”* (Thành sắt có hai ngăn, có tám vạn bốn ngàn đại mãng xà sắt, phun lửa độc, thân đầy chát cả thành. Những con rắn ấy gào thét như tiếng trời nổi sấm, tuôn ra những hòn sắt to. Bốn góc thành có bốn con chó lớn bằng đồng, cao rộng bốn mươi do-tuần. Mắt như chớp xẹt, nanh như cây cối đầy gươm, răng như núi đao, lưỡi như dùi sắt. Hết thầy lông trên thân đều cháy bùng lửa mạnh, mùi khói hôi thối. Đã phun ra lửa độc, lại còn giành nhau đuổi chạy trên tường ngục, rảo chạy đông tây, khiến cho các tội nhân sợ hãi mà không có chỗ tránh né).

#### **3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.1.1.2.1.1.2. Ngục sàng tướng (tướng trạng của giường trong địa ngục)**

*(Kinh) Ngục trung hữu sàng, biến mãn vạn lý. Nhất nhân thọ tội, tự kiến kỳ thân, biến ngọa mãn sàng. Thiên vạn nhân thọ tội, diệc các tự kiến, thân mãn sàng thượng.*

**(經)獄中有牀，遍滿萬里。一人受罪，自見其身，遍臥滿牀。千萬人受罪，亦各自見，身滿牀上。**

*(Kinh: Trong ngục có giường tròn khắp vạn dặm. Một người chịu tội tự thấy thân mình nằm chát cả giường. Ngàn vạn người chịu tội, ai nấy cũng tự thấy thân chát cả giường).*

Như trong phần Thiết Sàng ở đoạn sau sẽ nói.

#### **3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.1.1.2.1.2. Kết (tiểu kết)**

*(Kinh) Chúng nghiệp sở cảm, hoạch báo như thị.*

**(經)眾業所感，獲報如是。**

*(Kinh: Do các nghiệp cảm vờì mà đạt được báo như thế).*

Kinh Thập Luân nói: “Hữu Ngũ Nghịch tội, vi tối cực ác. Cố tâm sát phụ mẫu, sát A La Hán, phá hoại Thanh Văn hòa hợp tăng sự, nãi chí ác tâm xuất Phật thân huyết, thị danh Ngũ Nghịch. Phục hữu tứ

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

chủng đại tội, đồng u Tứ Nghịch, phạm căn bản tội. Sát Bích Chi Phật, thị danh sát sanh, phạm căn bản tội. Dâm A La Hán tỳ-kheo-ni, thị danh tà dâm, phạm căn bản tội. Nhược nhân xả tài dữ Phật, Pháp, Tăng, chủ chường thử vật nhi triếp dụng chi, thị danh đạo, phạm căn bản tội. Nhược nhân đảo kiến, phá hoại tỳ-kheo tăng, thị danh phá tăng, phạm căn bản tội. Kỳ nhân ký phạm nghịch tội, hựu phạm căn bản tội, thí như thiết hoàn, tuy trích không trung, chung bắt tam trụ, tốc tạt đầu địa. Như thị Ngũ Nghịch, phạm tứ trọng cấm, cập nhị chủng chúng sanh, hủy hoại chánh pháp, phỉ báng hiền thánh. Như thị đặng thập nhất chủng nhân, phạm nhất nhất tội giả, thân hoại mạng chung, giai đọa Vô Gián ngục trung” (Có tội Ngũ Nghịch là nặng nề nhất. Có ý giết cha mẹ, giết A La Hán, phá hoại sự hòa hợp của Thanh Văn Tăng, cho đến ác tâm làm thân Phật chảy máu, thì gọi là tội Ngũ Nghịch. Lại có bốn loại đại tội, giống như Tứ Nghịch, phạm căn bản tội: Giết Bích Chi Phật, thì gọi là sát sanh, phạm căn bản tội. Dâm ô A La Hán, tỳ-kheo-ni thì gọi là tà dâm, phạm căn bản tội. Nếu có người xả tiền của để cúng cho Phật, Pháp, Tăng, những kẻ trông nom những vật ấy bèn tùy tiện sử dụng, thì gọi là Trộm, phạm căn bản tội. Nếu kẻ nào kiến giải điên đảo, phá hoại tỳ-kheo tăng, thì gọi là phá tăng, phạm căn bản tội. Kẻ ấy đã phạm tội nghịch, lại phạm tội căn bản, ví như hòn sắt, dầu quăng lên không trung, trợn chẳng ngừng chút nào mà sẽ nhanh chóng rơi xuống đất. Phạm Ngũ Nghịch, bốn trọng cấm, và hai loại chúng sanh hủy hoại chánh pháp, phỉ báng hết thầy hiền thánh như thế. Mười một loại người như thế đó, phạm mỗi một tội thì khi thân hoại, mạng chung, đều đọa vào địa ngục Vô Gián). Há chẳng phải là do các nghiệp cảm vùi mà mắc phải quả báo như thế hay chăng?

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.1.1.2.2. Hiền báo**

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.1.1.2.2.1. Tiêu (nêu ra)**

**(Kinh) Hựu chư tội nhân, bị thọ chúng khổ.**

**(經)又諸罪人，備受眾苦。**

**(Kinh: Lại nữa, các tội nhân chịu đủ các nỗi khổ).**

Kinh Trường A Hàm nói: “Kỳ trung tội nhân, cử mục sở kiến, đản kiến ác sắc, nhĩ văn ác thanh, ty văn xú khí, thiệt thường ác vị, thân xúc khổ thống, ý niệm ác pháp, đản chỉ chi khoảnh, vô bất khổ thời, danh Vô

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*Gián địa ngục*” (Tội nhân trong ấy, ngược mắt mà nhìn, chỉ thấy sắc ác, tai nghe tiếng ác, mũi ngửi mùi hôi thối, lưỡi nếm vị xấu ác, thân tiếp xúc đau khổ, ý nghĩ đến pháp ác, trong khoảng khủy ngón tay, không có lúc nào chẳng khổ, gọi là địa ngục Vô Gián). Vì thế, tội nhân đến đó, chẳng ai không vướng vào đủ các nỗi khổ!

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.2.1.1.2.2.2. Thích (giải thích)**

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.2.1.1.2.2.2.1. Dạ Xoa ác quỷ báo khổ (khổ báo vì Dạ Xoa, ác quỷ)**

*(Kinh) Thiên bách Dạ Xoa, cập dĩ ác quỷ, khẩu nha như kiếm, nhân như điện quang, thủ phục đồng trảo, đà duệ tội nhân. Phục hữu Dạ Xoa, chấp đại thiết kích, trúng tội nhân thân, hoặc trúng khẩu, ty, hoặc trúng phúc bối, phao không phiên tiếp, hoặc trí sàng thượng.*

**(經)千百夜叉，及以惡鬼，口牙如劍，眼如電光，手復銅爪，拖拽罪人。復有夜叉，執大鐵戟，中罪人身，或中口鼻，或中腹背，拋空翻接，或置牀上。**

*(Kinh: Ngàn trăm Dạ Xoa cùng với ác quỷ, miệng nhe nanh như kiếm, mắt như tia chớp, tay lại có móng đồng, lôi tóm tội nhân. Lại có Dạ Xoa cầm kích sắt lớn đâm vào thân tội nhân, hoặc trúng vào miệng, mũi, hoặc trúng bụng, lưng, quăng nhồi trên không rồi đỡ lấy, hoặc đặt lên giường).*

Dạ Xoa chính là quỷ, lại nói đến Ác Quỷ là vì những con quỷ càng ác hơn Dạ Xoa quá đỗi. Kinh Nê Lê gọi [những con quỷ ấy] là Thú Quỷ (獸鬼). Sách Ngũ Khổ Chương Cú gọi chúng là A Bàn (阿旁), đầu trâu, tay người, hai chân có móng trâu, có sức mạnh lật núi, cầm chĩa ba bằng thép. Kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Ngục tốt bắt đầu, lục thập tứ giác, giác đầu hỏa nhiên, hóa thành đao luân, tại hỏa diễm gian, mãn A Tỳ thành” (Ngục tốt tám đầu, sáu mươi bốn sừng, chót sừng bốc lửa, hóa thành vàng đao ở trong các ngọn lửa đầy khắp thành A Tỳ). “Miệng nhe nanh”: Miêu tả tướng trạng hung ác. “Móng tay bằng đồng” là nói thân lực mạnh mẽ. Do nghiệp lực mà sanh ra điều này. Đại đức Pháp Thiện Hiện nói: “Thường ôm lòng phẫn nộ, độc ác, quen thói thích làm các ác nghiệp, thấy kẻ khác khổ sở liền sanh lòng vui sướng, chết đi sẽ

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

là ngục tốt của Diêm Ma”. Luận Tân Tỳ Bà Sa nói: “Hỏi: Các ngục trong địa ngục thuộc về hữu tình hay là vô tình? Đáp: Nếu dùng xiềng sắt để trói buộc, mới sanh vào địa ngục, đến chỗ Diêm Ma thì thuộc loài hữu tình. Nếu dùng đủ mọi dụng cụ hành hình, ở trong địa ngục hại các hữu tình thì là chẳng thuộc về hữu tình”. Diệu Lạc nói: “Hữu tình và phi tình đều là do cộng nghiệp cảm vờ, do tâm biến ra”. Đây chính là như kinh Lăng Nghiêm nói: “Xúc báo chiêu cảm, dẫn khởi ác quả”. Thần thức tự thấy ngục tốt đầu trâu, La Sát đầu ngựa, tay cầm giáo, mác, lửa [tội nhân] vào Vô Gian.

“Móng tay đồng lôi, tóm”: Móng tay bằng đồng lôi tóm chưa đủ làm khổ tội nhân; lại lấy kích bằng sắt đâm vào thân khiến họ chịu khổ cùng cực. “Kích” là một thứ binh khí. [Vũ khí cán dài có] một nhánh thì gọi là Qua (戈, giáo), hai nhánh thì gọi là Kích (戟). “Kích” [nghĩa gốc] là “có nhánh”, vì hai bên [lưỡi Kích] có phân nhánh (hai bên đầu cây kích có lưỡi nhọn bè ngang ra, dài sáu tấc. Lưỡi nhọn chính giữa dài bảy tấc rưỡi. Lưỡi kích bè ngang, chỗ giáp với cán kích dài bốn tấc rưỡi, rộng một tấc rưỡi). Ở đây là nói tới cái kích sắt lớn, to, dài, nung đỏ, kích trong thế gian chẳng thể sánh bằng! Chỗ bị kích đâm trúng, đau đớn khó chịu đựng nổi. Lại đem tội nhân quăng ném lên không trung, lật tay đón lấy, bỏ lên giường sắt. Theo kinh Lăng Nghiêm, “do u oán tập giao hiềm, phát u hàm hận, nhị tập tương thôn, cố hữu đầu trích cầm tróc kích xạ phao toát chư sự, tuần nghiệp phát hiện nhĩ” (do tập khí oán hận hiện hành, giao xen với tập khí trong hiện tại, tạo thành sự ghét bỏ, phát sanh thành hận thù trong nội tâm. Do hai thứ tập khí ấy va chạm nhau, cho nên có các chuyện quăng, ném, nắm bắt, đập, bắn, tung, chụp, theo nghiệp mà phát khởi)<sup>93</sup>.

***3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2. Thiết ưng, thiết xà báo khổ (quả báo khổ sở vì chim ưng sắt, rắn sắt)***

***(Kinh) Phục hữu thiết ưng, đạ tội nhân mục. Phục hữu thiết xà, kiểu tội nhân cảnh. Bách chi tiết nội, tất hạ trường đình. Bạt thiết canh lê, trửu trường tỏa trảm. Dương đồng quán khẩu, nhiệt thiết triền thân.***

---

<sup>93</sup> Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của pháp sư Viên Anh trong bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa.

(經)復有鐵鷹，啗罪人目。復有鐵蛇，繳罪人頸。百肢節內，悉下長釘。拔舌耕犁，抽腸剉斬。烱銅灌口，熱鐵纏身。

(*Kinh*: Lại có chim ưng sắt, ăn mắt tội nhân. Lại có rắn sắt, xiết cổ tội nhân. Nơi các đốt xương đều đóng đinh dài. Kéo lưỡi ra để cày bừa. Rút ruột bằm chặt. Nước đồng sôi rót vào miệng, sắt nóng quấn thân).

“Ưng” (鷹) là một loài chim dữ; tên gọi khác là Sảng Cưu (鷲鳩). Kinh Nê Lê nói: “Nê Lê hữu điểu, uế như thiết sanh, trác nhân đầu, đạ nhân nảo, độc thổng bất khả nhân” (Trong Nê Lê có chim mỏ bằng sắt, mỏ đầu người để ăn óc người, đầu đón chẳng thể chịu đựng nổi). “Rắn sắt” như đã nói trong phần trước. Kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Thử do ngu si chúng sanh, hủy nhục bố thí, ngôn thí vô báo, khuyến nhân tàng tích; hướng quốc vương, đại thần, nhất thiết chúng sanh, thuyết thí vô nhân, diệc vô quả báo. Cố cảm sanh thử ngục” (Đây là do chúng sanh, hủy báng, nhục mạ chuyện bố thí, khuyến người khác tom góp, chắt chừa, hướng về quốc vương, đại thần, và hết thấy chúng sanh nói bố thí chẳng có nhân [sanh quả lành], mà cũng chẳng có quả báo, cho nên cảm vùi sanh trong ngục này).

Như Minh Báo Ký<sup>94</sup> chép, đời Đường, tại thành Tào Châu, một binh sĩ tên là Phương Sơn Khai thuở trẻ thích săn bắn, giết chóc vô số. Năm Trinh Quán thứ mười một (637), chết qua một đêm. Lúc sống lại, ông ta nói: “Lúc mới chết, có hai người dẫn lên một quả núi, trèo từng bậc lên tới đỉnh. Chợt có một con chim ưng trắng lớn, mỏ và vuốt bằng sắt, bay tới quặp sứt má trái [của ông ta] bay đi. Lại có một con chim ưng đen, quặp sứt vai phải bay đi. Hai người ấy liền dẫn ông ta đi về phương Nam, tới một cái thành, hết sức hiểm trở, chênh vênh. Hai người gõ cửa thành, cửa Bắc liền mở. Trong thành luôn có lửa cháy dữ dội. Bên cửa có mấy con rắn độc, đều dài mười mấy trượng, đầu to bằng năm cái đầu, trong miệng phun lửa bắn vào người. Sơn Khai hoảng sợ, chỉ dập đầu niệm Phật, cửa liền tự đóng lại. Thấy có một vị quan toan bắt ông ta chịu tội. Người hầu can gián: ‘Gã này chưa đáng chết, chỉ sợ hễ

<sup>94</sup> Minh Báo Ký là tác phẩm ghi lại những câu chuyện thật về tội phước báo ứng do Đường Lâm biên soạn trong niên hiệu Vĩnh Huy đời Đường Cao Tông.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

vào thành này, chẳng thể ra được! Chẳng bằng thả ra, cho hần tu công đức'. Viên quan thả đi, trong khoảnh khắc, bèn sống lại". [Trên thân ông ta còn hần] dấu vuốt chim rất sâu, suốt đời chẳng mất. Về sau, ông ta bỏ vợ con xuất gia, biến nhà thành chùa, thường xuyên đọc tụng.

Nhưng ung mỗ, rắn quắn, chịu khổ cùng cực. Tiếp đó, các nỗi khổ đua nhau tụ tập, bức bách khó kham! "*Nơi các đốt xương đều đóng đinh dài*": Kinh Trường A Hàm nói: "*Thiết đinh địa ngục, ngục tốt phác chi, yển nhiệt thiết thương, thư quyển kỳ thân, dĩ đinh đinh thủ túc, châu biến thân thể, tận ngũ bách đinh, khổ độc hào ngâm, do bất phục tử*" (Địa ngục đinh sắt: Ngục tốt quăng tội nhân đè lên sắt nóng, kéo giãn, cuộn tròn thân họ. Dùng đinh đóng xuống chân, tay, trọn khắp thân thể đóng hết năm trăm cây đinh. [Tội nhân] đau đớn khổ sở rên xiết mà vẫn chẳng chết).

"*Bạt thiết canh lê*" (Kéo lưỡi ra để cày bừa trên đó) như trong phần sau [sẽ nói].

"*Trừu trường tỏa trảm*" (Rút ruột bằm chặt): Đây chính là địa ngục Rút Ruột Rút Phôi, đó gọi là "*chĩa ba dài đè xương sườn, nghiền giã tim, gan, xé mật, rút ruột, xẻ thân, bằm thịt, bằm vằm, [khiến cho] hình dạng [của tội nhân] nát vụn như bột*". Đây đều là do vọng ngữ gây ra, và do các ác nghiệp khác cảm vời.

"*Dương đồng quán khẩu*" (Nước đồng sôi rót vào miệng) như trong phần sau [sẽ giải thích].

"*Nhiệt thiết triền thân*" (Sắt nóng quán thân) tức Thiết Bề địa ngục (địa ngục lược sắt). Lược sắt nung đỏ trong ngoài xuyên thấu, ghim chặt thân tội nhân. Trong thì rót nước đồng sôi, ngoài thì là sắt nóng, các nghiệp khác chưa hết thì vẫn chưa chết được!

#### **3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.1.1.2.2.3.1. Sanh tử vạn thiên (ngàn muôn lần sống chết)**

**(Kinh) Vạn tử thiên sanh, nghiệp cảm như thị.**

**(經)萬死千生，業感如是。**

**(Kinh: Vạn lần sống, ngàn lần chết, nghiệp cảm như thế đó).**

Tội nhân trong địa ngục hoặc bị ác quỷ nung nấu, chặt, chém mà chết, hoặc tội nhân tự sanh móng tay bằng sắt cấu xé thịt lẫn nhau cho rơi rớt mà chết. Hoặc ngục tốt gọi "sống lại", hoặc gió lạnh thổi qua mà

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

sống lại. Sanh tử như thế, ngàn vạn lần chẳng cùng tận. Vì thế, kinh Khởi Thế nói: “*Nhược nhân thân, khẩu, ý tạo nghiệp, tác dĩ nhập u ác đạo trung, kinh lịch vô số thiên ức tuế. Tử dĩ, tu du hoàn phục hoạt. Oán thù các các tương báo đối, do thử chúng sanh cánh tương sát. Nhiên kỳ trung thọ khổ giả, tùy kỳ tác nghiệp, các hữu khinh trọng, kinh kiếp số đẳng. Kỳ tối trọng xứ, nhất nhật, nhất dạ, bát vạn tứ thiên sanh tử, kinh kiếp vô lượng. Tác thượng phạm Ngũ Nghịch Thập Ác giả, cảm thử đạo thân*” (Nếu kẻ nào do thân, miệng, ý tạo nghiệp, đã tạo rồi, sẽ vào trong đường ác, trải qua vô số ngàn ức năm. Chết rồi, trong khoảnh khắc sống lại. Mỗi kẻ oán thù đều báo trả nhau. Do vậy, chúng sanh giết chóc lẫn nhau. Nhưng kẻ chịu khổ trong ấy tùy theo tạo nghiệp nặng hay nhẹ mà trải qua kiếp số tương ứng. Chỗ nặng nề nhất thì trong một ngày một đêm, tám vạn bốn ngàn lần sống chết, trải qua vô lượng kiếp. Kẻ tạo Ngũ Nghịch Thập Ác thượng phạm sẽ cảm thân trong đường này).

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.2.1.1.2.2.3.2. Khổ báo ức kiếp (khổ báo ức kiếp)**  
*(Kinh) Động kinh ức kiếp, cầu xuất vô kỳ. Thử giới hoại thời, ký sanh tha giới. Tha giới thứ hoại, chuyển ký tha phương. Tha phương hoại thời, triển chuyển tương ký. Thử giới thành hậu, hoàn phục nhi lai.*

**(經)動經億劫，求出無期。此界壞時，寄生他界。他界次壞，轉寄他方。他方壞時，展轉相寄。此界成後，還復而來。**

*(Kinh: Trải qua ức kiếp, chẳng mong có thuở thoát ra. Khi cõi này hoại, gửi nhờ sang cõi khác. Đến phiên cõi khác hoại, lại gửi nhờ sang cõi khác. Khi cõi khác hoại, sẽ lần lượt gửi nhờ những cõi khác. Sau khi cõi này hình thành, bèn quay trở lại).*

Động đối lập với tĩnh; tâm thể vốn tĩnh, người tự lay động. Luận Khởi Tín nói: “*Chẳng biết pháp Chân Như là một, nên động. Hễ động bèn có khổ, do quả chẳng lìa nhân. Nghiệp tương vừa động, sẽ dần dần dẫn đến khởi Hoặc, tạo nghiệp, thọ báo*”. Tự Thư<sup>95</sup> nói: “*Lực nặng là*

---

<sup>95</sup> Tự Thư ở đây chính là bộ Can Lộc Tự Thư do Nhan Nguyên Tôn soạn vào đời Đường. Đây là một loại tiểu tự điển nhằm giúp các sĩ tử nhận biết chữ viết như thế nào là đúng quy cách trong các văn bản chính thức của triều đình và học viện. Do



## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*động. Phàm phu nghiệp lực quá sâu, cho nên động thành tuổi thọ ước kiếp trong địa ngục!”* Trong kinh Khởi Thế, đức Phật dạy: “*Như Kiều Tát La quốc học lượng hồ ma, mãn nhị thập học, cao thịnh bất khái. Hữu nhất trọng phu, mãn bách niên dĩ, thủ nhất hồ ma. Như thị thứ đệ, mãn bách niên dĩ, phục thủ nhất lap, trịch trước dư xứ. Trịch mãn nhị thập học hồ ma, tận dĩ, ngã thuyết kỳ thọ do vị tất tận. Như thị nhị thập ngạch phù đà thọ, vi nhất nê la phù đà thọ, nãi chí nhị thập tam ba đầu ma thọ, vi nhất trung kiếp”* (Như dùng cái học của nước Kiều Tát La để đong mè đen, trồn hai mươi học, [số lượng mè chứa lại] cao và nhiều chẳng thể ước lượng được. Có một trọng phu cứ hết một trăm năm, lấy một hạt mè. Theo thứ tự như thế, cứ đủ một trăm năm, lại lấy một hạt, quãng sang chỗ khác. Quãng hết sạch hai mươi học mè đen, đã hết rồi, ta nói tuổi thọ của kẻ ấy vẫn còn chưa hết. Tuổi thọ trải qua hai mươi địa ngục Ngạch Phù Đà (Arbuda) như thế là một thọ mạng trong địa ngục Nê La Phù Đà (Nirarbuda), cho đến tuổi thọ trong hai mươi ba ngục Bát Đầu Ma (Padma) là một trung kiếp).

Từ chữ “*thử giới*” (cõi này) trở đi nhằm giải trừ nghi hoặc, ý nói: Địa ngục đã ở phía dưới châu Diêm Phù, khi kiếp hỏa cháy tan trời Sô Thiên, địa ngục bị hoại trước, lại chứa tội nhân ở nơi đâu? Giải rằng: Khi hỏa tai xảy ra, kẻ chưa hết tội nghiệp sẽ gởi thân chịu tội trong cõi khác. Lại nghi: Cõi khác cũng có hỏa tai dậy lên, chẳng biết lại đặt [những kẻ ấy] nơi đâu? Lại giải thích: Nếu cõi khác theo thứ tự mà hoại, lại lần lượt gởi họ sang địa ngục trong cõi chưa hoại. Lại nữa, cõi họ được gởi sang đó lại bị hỏa tai dậy lên, sẽ gởi nơi đâu? Lại giải thích: Nếu phương khác hỏa tai cũng dậy lên, thì vẫn giống như trên mà gởi họ sang cõi chưa hư hoại. Lại vặn hỏi ngược lại: Nếu thế giới ở phương này lại hình thành, những tội nhân đã được gởi đi có trở lại thế gian này hay không? Lại giải thích: Thế giới này đã hình thành, tự nhiên [những tội nhân ấy] trở lại địa ngục to lớn trong cõi này để chịu khổ. Đây là nói theo phía những kẻ chưa thọ hết tội.

---

trong đời Đường, mỗi chữ viết thường có ba loại: Chánh (chữ viết đúng quy cách, mẫu mực, dùng cho chiếu, biểu, thông cáo, sắc phong, gia phả, sử liệu, bài thi), Thông (chữ viết theo lối thông dụng để tiện ghi chép, không dùng cho các văn bản chính thức. Đôi khi được sử dụng khi ghi chép, thư từ cho những người cùng hàng, hoặc các bằng khoán, giấy nợ), và Tục (những chữ chỉ dùng trong dân gian, không được phép dùng trong sách vở, ghi chép chính thức). Can Lộc Tự Thư được hình thành nhằm tiêu chuẩn hóa cách viết cho các chữ thông dụng thời bấy giờ.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Còn như kinh Trường A Hàm nói: “Hỏa tai khởi thời, từng địa ngục tử, giai sanh nhân trung, tu đệ nhị Thiên. Từng nhân trung tử, giai sanh Quang Âm Thiên. Thủy phong nhị tai diệt nhiên” (Khi hỏa tai dậy lên, từ địa ngục chết đi, đều sanh trong loài người, tu đệ nhị Thiên. Từ trong loài người chết đi, đều sanh vào Quang Âm Thiên. Thủy tai và phong tai cũng thế). Đây là nói theo phía những người đã chịu tội xong. Vì thế, kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: “Thị nhân hủy tư tam thế chư Phật Nhất Thiết Trí, khởi phá pháp nghiệp nhân duyên cố, tập vô lượng bách thiên vạn ức tuế, đọa đại địa ngục trung, từng nhất đại địa ngục, chí nhất đại địa ngục. Nhược hỏa kiếp khởi thời, chí tha phương đại địa ngục trung. Như thị biến thập phương ngục, nãi chí hoàn lai thị gian đại địa ngục trung” (Người ấy do hủy báng, chê bai Nhất Thiết Trí của ba đời chư Phật, dậy lên nhân duyên tạo nghiệp phá pháp, tích tập vô lượng trăm ngàn vạn ức năm, đọa trong đại địa ngục, từ một đại địa ngục này sang một đại địa ngục khác. Nếu khi hỏa kiếp dậy lên, sẽ đến đại địa ngục ở phương khác. Trọn khắp các ngục trong mười phương như thế, cho đến trở lại đại địa ngục trong thế gian này). Do từ một đại địa ngục này đến một đại địa ngục khác, cho nên nói là “động kinh ức kiếp”. Dầu mong thoát khỏi, chỉ sợ chẳng có thưở nào được ân xá!

#### **3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.1.2. Kết thị (kết lại lời dạy)**

**(Kinh) Vô Gian tội báo, kỳ sự như thị.**

**(經)無間罪報，其事如是。**

**(Kinh: Tội báo trong Vô Gian là như thế đó).**

Hai chữ “*như thị*” (như thế) diễn tả ý thảm đạm! Cho nên kết lại lời dạy, mong sao mọi người sẽ sớm sợ hãi mà tu thiện.

#### **3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.2. Trùng thị nghiệp cảm (lại dạy về nghiệp cảm)**

#### **3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.2.1. Tiêu cử (nêu bày)**

**(Kinh) Hựu ngũ sự nghiệp cảm, cố xưng Vô Gian.**

**(經)又五事業感，故稱無間。**

**(Kinh: Lại do có năm sự nghiệp cảm, nên gọi là Vô Gian).**

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

“Ngũ Vô Gián nghiệp” như đã nói trong phần trước. Vô Gián ở tầng thấp nhất trong tám ngục nóng. Theo Tát Bà Đa Bộ (Sarvāsti-vāda, Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ) có tám đại địa ngục. Một là Đẳng Hoạt (等活, Sañjīva, chết đi sống lại), hai là Hắc Thằng (黑繩, Kālasūtra, dây đen), ba là Chúng Hợp (眾合, Saṃghāta, các thứ ép lại), bốn là Khiếu Hoán (叫喚, Raurava, kêu gào), năm là Đại Khiếu Hoán (大叫喚, Mahāraurava, gào to), sáu là Nhiệt (熱, Tapana, nóng), bảy là Chúng Nhiệt (眾熱, Pratāpana, các thứ nóng bức), tám là Vô Trạch (無擇, Avīci, không chọn lựa), còn gọi là Vô Gián. Hễ gieo mình vào lửa khô, vĩnh viễn chẳng có lúc nào an vui. Đã khổ sở chẳng gián đoạn, có chỗ nào để có thể chọn lựa? Tám địa ngục này ở phía dưới châu Diêm Phù, chồng chất lên nhau mà trụ. Theo Tam Pháp Độ Luận, hai ngục đầu tiên có người chưởng quản, ba ngục kế đó có ít người chưởng quản, ba ngục cuối không có người chưởng quản.

Theo Tân Tỳ Bà Sa Luận: “*Hỏi: Ngục lớn ở dưới cùng vì sao gọi là Vô Gián? Đáp: Trong chỗ ấy luôn chịu Khổ Thọ, chẳng có lúc nào hỷ lạc, nên gọi là Vô Gián. Hỏi: Trong các địa ngục khác, há có ca, múa, ăn uống, tiếp nhận sự hỷ lạc dị thực gián u? Đáp: Trong các địa ngục khác, tuy chẳng có dị thực hỷ lạc, nhưng có đẳng lưu hỷ lạc. Như trong địa ngục Đẳng Hoạt, có lúc gió mát thổi qua, huyết nhục bèn sanh trở lại. Có lúc [ngục tốt] xướng “sống lại”, [tội nhân đã chết] bèn sống lại. Khi huyết nhục sanh trở lại và lúc được sống lại, sẽ là tạm thời hỷ lạc trong khi đang hứng chịu Khổ Thọ, cho nên chẳng gọi là Vô Gián”.*

**3.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.2. Trung thích** (gạn hỏi và giải thích)

**3.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.2.1. Trung** (gạn hỏi)

**(Kinh) Hà đẳng vi ngũ?**

**(經)何等為五?**

**(Kinh: Những gì là năm?)**

**3.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.2. Thích** (giải thích)

**3.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.2.1. Thời vô gián** (thời gian chẳng gián đoạn)



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

như trên. Phương Nam, Tây, Bắc cũng giống như thế. Thân đầy chật trong ngục A Tỳ, tứ chi cũng đầy áp trong mười tám ngục. Địa ngục chẳng lớn, thân ấy chẳng nhỏ).

Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ: “*Kỳ thân trường đại, ngũ bách do-tuần, tạo tứ nghịch nhân, tứ bách do-tuần. Nãi chí tạo nhất nghịch nhân, nhất bách do-tuần. Nhất nhân ký nhĩ, đa nhân diệc nhiên, các kiến thân hình vô gián đoạn xứ, danh hình vô gián dã*” (Thân [của người tạo tội Ngũ Nghịch] cao to năm trăm do-tuần. Kẻ tạo bốn tội nghịch [cao to] bốn trăm do-tuần. Cho đến kẻ tạo một tội nghịch [thân hình cao] một trăm do-tuần. Một người đã là như vậy, nhiều người cũng thế, mỗi người đều thấy thân hình chẳng có chỗ gián đoạn, cho nên gọi là “hình vô gián”).

**3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.3. Khổ vô gián (khổ sở chẳng gián đoạn)**

**(Kinh) Tam giả, tội khí xoa, bổng, ưng, xà, lang, khuyển, đói, ma, cú, tạc, tảo chước, hoạch thang, thiết võng, thiết thằng, thiết lư, thiết mã.**

**(經)三者，罪器叉，棒，鷹，蛇，狼，犬，碓，磨，鋸鑿，剉斫，鑊湯，鐵網，鐵繩，鐵驢，鐵馬。**

**(Kinh: Ba là dụng cụ để trị tội như chĩa ba, gậy, chim ưng, rắn, sói, chó, cối giã, cối xay, cưa, đục, chém, chặt, vạc nấu sôi, lưới sắt, dây sắt, lừa sắt, ngựa sắt).**

Đây là nói đến những món dụng cụ dùng để hành hình, không vật gì chẳng sẵn đủ. Vì thế, Nê Lê được dịch là Khổ Cụ (苦具, dụng cụ để trị tội, hành hình). Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Trá tập giao du, phát u tương điều, dẫn khởi bất trụ. Cố hữu nữu, giới, già, tảo, tiên, trượng, trá, bổng*

---

Ba Ba (Apapa hoặc Hahava), A Hâu Hâu (Huhuva, hoặc Hahadhara), Thanh Liên (Utpala, Ưu Bát La), Hồng Liên (Padma, Ba Đầu Ma), Đại Hồng Liên (Mahapadma), Bạch Liên (Pundarika), và Tô Kiện Đà Cồ (Soghandhika). Kinh Thập Bát Nê Lê nêu tên mười ngục lạnh hơi khác, tức là Ô Cánh Đò, Nê Lô Đò, Ô Lược, Ô Mãn, Ô Tạ, Ô Hồ, Tu Kiện Cù, Mạt Đầu Càn Trục Hộ, Âu Bô Đò, Thảm Mạc. Có kinh, luận lại cho rằng chỉ có tám địa ngục nóng và tám địa ngục lạnh. Ngu ý cho rằng do nói tách ra, hay gộp vào bèn có sai khác, tức là như trong phần trước đã nói, có thể kể gộp chung các loại du tăng địa ngục và cô độc địa ngục vào đó mà thành ra mười tám, năm trăm, hoặc trăm ngàn địa ngục.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*chư sự*” (Do tập khí gian trá trong quá khứ nay lại phát khởi hiện hành, giao xen lẫn dụ tập khí trong hiện tại mà phát khởi. Cho nên có các chuyện gông, cùm, xiềng, xích, roi, trượng, đòn vọt). Chim ưng, sói, chó, lừa sắt, ngựa sắt, những thứ ấy do xúc báo chiêu cảm, dẫn khởi như trong phần trước và phần sau có giải thích.

Giã, xay, cưa, đục là do tập khí gây oan uổng và tập khí sân hận cảm vời. “*Đối*” (碓, cối giã) tức địa ngục Đao Đối (搗碓, nghiền giã). Lập Thế A Tỳ Đàm Luận nói: “*Khi ấy, ngục tốt nói với đồng bạn: ‘Ta nay cùng với người, trong một cái khay ngón tay, giã, nghiền tội nhân’. Liền bắt các tội nhân, bỏ vào trong thuyền sắt nóng, dùng chày sắt nóng nghiền nát thân họ trong khoảng một cái khay ngón tay. Người ấy thọ năm trăm năm*”. Xay, cưa, chặt, chém đều như trong phần sau [sẽ giải thích]. Trong kinh Tội Nghiệp Báo Ứng, Tín Tướng Bồ Tát bạch Phật rằng: “*Kim hữu thọ tội chúng sanh, vị chư ngục tốt tảo chước trăm thân, từng đầu chí túc, nãi chí kỳ đảnh. Trảm chi dĩ ngật, xảo phong xuy hoạt, nhi phục trảm chi, hà tội sở trí? Phật ngôn: - Dĩ tiền thế thời, sanh bất tín tam tôn, bất hiếu phụ mẫu, đồ nhi khôì khoái, trảm tiết chúng sanh, cố hoạch tư tội*” (“Nay có chúng sanh thọ tội, bị các ngục tốt băm, vằm, chém thân, từ đầu đến chân, cho đến đỉnh đầu. Chém xong rồi, xảo phong thổi cho sống lại, rồi lại bị chém. Do tội gì mà đến nỗi như thế?” Đức Phật dạy: “Do trong đời trước, lúc sống chẳng tin Tam Bảo, chẳng hiếu thảo với cha mẹ, làm đồ tể, đao phủ cắt, chặt chúng sanh, cho nên mắc phải tội ấy”).

“*Hoạch thang*” (鑊湯, vạc sôi) sẽ giải thích trong phần sau. “*Thiết võng*” (鐵網, lưới sắt): Trong ngục có bảy tầng lưới sắt giăng phủ bên trên. Ngục tốt lấy lưới sắt nóng quấn chặt thân tội nhân, đốt nóng [khiến cho thân thể tội nhân] bị đốt cháy tan nát. “*Thiết thằng*” (鐵繩, dây sắt): Kinh Trường A Hàm nói: “*Ngục tốt tróc bỏ tội nhân, phác nhiệt thiết thượng, dĩ nhiệt thiết thằng, bính chi sử trực. Dĩ nhiệt thiết phủ, trực thằng đao, chước tội nhân tác bách thiên đoạn. Phục dĩ thiết thằng, bính cứ cứ chi. Phục huyền nhiệt thiết thằng, giao hoành vô số, khu bách tội nhân, sử hành thằng gian. Ác phong bạo khởi, xuy chư thiết thằng lịch lạc kỳ thân, thiêu bì, triệt nhục, tiêu cốt, phí tủy*” (Ngục tốt bắt tội nhân, quăng lên sắt nóng, dùng dây sắt nóng buộc cho thằng. Dùng búa sắt nóng, căn theo đường dây mà chặt tội nhân làm trăm ngàn khúc. Lại dùng dây sắt, buộc vào cưa để cưa. Lại treo dây sắt nóng, giăng ngang dọc vô số, xua ép tội nhân chạy vào khoảng giữa các dây. Gió dữ nổi

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

lóc, thổi các dây sắt chằng néo thân họ, đốt da, thâu thịt, tiêu xương, sôi tủy).

*(Kinh) Sanh cách lạc thủ, nhiệt thiết kiều thân. Cơ thôn thiết hoàn, khát ẩm thiết tráp. Tùng niên cánh kiếp, số na-do-tha. Khổ sở tương liên, cánh vô gián đoạn, cố xưng Vô Gián.*

**(經)生革絡首，熱鐵澆身。饑吞鐵丸，渴飲鐵汁。從年竟劫，數那由他。苦楚相連，更無間斷，故稱無間。**

*(Kinh: Da sống niềng đầu, sắt nóng rưới thân. Đói nuốt hòn sắt, khát uống nước sắt. Từ năm đến kiếp, số đến na-do-tha. Khổ sở liên tiếp, trọn chằng gián đoạn, vì thế gọi là Vô Gián).*

“Sanh cách lạc thủ” (Da sống niềng đầu): Kinh Trường A Hàm nói: “Ngục tốt tróc tội nhân, bác thủ kỳ bì, triền tội nhân thân, trước hỏa xa thượng, luân triền nhiệt địa, châu hồi vãng phản. Thân thể toái lạn, bì nhục đọa lạc. Ký dĩ sanh cách lạc thủ, phục dĩ thiết tráp kiều thân, sử linh tạt trì” (Ngục tốt bắt tội nhân, lột lấy da họ để bó chặt thân họ, bỏ lên xe bốc lửa, bánh xe nghiền họ trên đất nóng, xoay vùn qua lại. Thân thể tan nát, da thịt rơi rụng. Đã dùng da sống niềng đầu, lại dùng nước sắt nung chảy để rưới lên thân khiến cho họ rảo chạy).

“Đói nuốt hoàn sắt”: Theo như kinh Khởi Thế nói: “Tùng Ngũ Xoa tiểu địa ngục xuất, nghệ hương Cơ Ngạ địa ngục trung. Thủ ngục giả tức vấn: ‘Nhữ đẳng hà dục?’ Đáp ngôn: ‘Ngã đẳng cơ ngạ’. Thủ ngục giả tức tiện thủ địa ngục chúng sanh, phác trước xí nhiên nhiệt thiết địa thượng, linh kỳ ngưỡng ngọa. Tiện dĩ thiết kiềm, khai trương kỳ khẩu. Dụng nhiệt thiết hoàn, trịch trước khẩu trung, thần khẩu ứng thời thiêu nhiên. Thứ đệ thiêu thiết, thiêu ngạc, nãi chí kinh quá tiểu tràng, hướng hạ nhi xuất, kỳ hoàn thượng xích. Tùng Cơ Ngạ địa ngục xuất, nghệ hương Tiêu Khát địa ngục trung, thủ ngục giả vấn ngôn: ‘Nhữ đẳng kim hà sở tu?’ Đáp ngôn: ‘Ngã kim thậm khát’, tức thủ phác trước nhiệt thiết địa thượng, tại mãnh điểm trung, ngưỡng nhi ngọa chi, tiện thủ thiết kiềm, khai trương kỳ khẩu, dụng xích đồng tráp, quán kỳ khẩu trung. Thần khẩu tức tiện tiêu lạn. Nãi chí thiêu tràng, thiêu vị, trực phá tiểu tràng, hướng hạ nhi xuất. Do vãng tích sở tạo nhược nhân phi nhân thân trung nhất thiết ác nghiệp, ư ngục trung thứ đệ nhi thọ, độc thống bất khả nhẫn. Nê Lê trung như thị căn khổ, kinh na-do-tha kiếp, lược vô

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

ty hào lạc gian, danh Vô Gián dã” (Từ tiêu địa ngục Ngũ Xoa thoát ra, đi vào trong địa ngục Cơ Nga (đói). Kẻ giữ ngục liền hỏi: “Các người muốn gì?” Đáp: “Chúng tôi đói bụng”. Kẻ giữ ngục bèn bắt lấy chúng sanh trong địa ngục, quăng lên chỗ đất bằng sắt nóng đang cháy bùng bùng, ép họ nằm ngửa, liền dùng kim sắt banh miệng họ ra. Dùng hòn sắt nóng, quăng vào trong miệng, miệng, môi ngay lập tức cháy xém. Lăn lượt đốt lưỡi, đốt vòm họng, cho đến đi qua ruột non, theo phía dưới thoát ra, hòn sắt ấy vẫn còn nóng đỏ. Từ địa ngục Cơ Nga thoát ra, đi vào trong địa ngục Tiêu Khát (khát khô cổ), kẻ giữ ngục hỏi: “Nay các người cần gì?” Đáp rằng: “Chúng tôi khát quá!” [Ngục tốt] liền bắt họ quăng lên chỗ đất bằng sắt nóng, ở trong lửa dữ, nằm ngửa ra, liền lấy kim sắt banh miệng họ ra, nước đồng chảy nóng đỏ rót vào trong miệng họ. Môi, miệng liền cháy nát, cho đến đốt trụi ruột, đốt dạ dày, phá toang ruột non, theo phía dưới thoát ra. Do hết thấy các ác nghiệp đã tạo trước kia khi làm thân người hoặc chẳng phải người mà lần lượt thọ tội trong các ngục, đau đớn chẳng thể chịu đựng được. Ở trong Nê Lê khổ sở như thế, trọn chẳng có mây may vui sướng nào, nên gọi là Vô Gián).

#### **3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.2.4. Quả vô gián (quả báo chẳng gián đoạn)**

**(Kinh) Tứ giả, bất vấn nam tử, nữ nhân, khương, hồ, di, địch, lão, ấu, quý, tiện, hoặc long, hoặc thần, hoặc thiên, hoặc quý, tội hạnh nghiệp cảm, tất đồng thọ chi, cố xưng Vô Gián.**

**(經)四者，不問男子女人，羌胡夷狄，老幼貴賤，或龍或神，或天或鬼，罪行業感，悉同受之，故稱無間。**

**(Kinh: Bốn là chẳng cần biết là nam, nữ, khương, hồ, di, địch<sup>97</sup>, già, trẻ, sang, hèn, hoặc rồng, hoặc thần, hoặc trời, hoặc quý, do hạnh nghiệp tội lỗi chiêu cảm, đều cùng thọ tội, vì thế gọi là Vô Gián).**

<sup>97</sup> Khương, Hồ, Di, Địch là các sắc dân thiểu số. Khương (còn gọi là Nhĩ Mã) là sắc dân thiểu số sống ở vùng Tây Nam Trung Hoa. Ngôn ngữ của họ thuộc hệ Hán - Tạng, nhưng văn tự đã thất truyền. Họ theo ngả Tây Bắc di cư vào Trung Hoa dưới đời Tần. Trong lịch sử, một lãnh tụ người Khương là Diêu Trình đã sáng lập vương triều Hậu Tần (sử thường gọi là nhà Diêu Tần). Hồ là tiếng chỉ chung các sắc dân ngoại lai tại Trung Á và Tây Á. Do vậy, trong lịch sử, các sử gia Trung Hoa đã phân biệt người Hồ thành Sơn Nhung, Khuyển Nhung, Đông Hồ, Nhục Chi, Ô Hoàn, Tiên Ty, Hung Nô, Đê, Yết, Đột Quyết, Hồi Hột v.v... Di là những người thiểu số ở phía



“*Lão*” là người tuổi cao, suy yếu. Bảy mươi thì gọi là Lão; [dùng chữ này làm] cái gốc để chế chữ [diễn tả lòng] yêu thương cha mẹ. Vì thế, [chữ Lão (老)] dùng chữ Hiếu (孝) và Chủy (匕, đây là chữ Hóa thời cổ) để tạo thành. Đã lo vì [cha mẹ] suy yếu, lại lo họ bị chết, thật sự tiếc nuối ngày tháng, há có nguôi lòng? “*Áu*” (幼) là đã trẻ lại càng non nớt hơn. Huyết khí chưa đầy đủ, vì thế [chữ Áu] do Lực (力) và Yêu (幺, ít ỏi) ghép lại, [diễn tả] ý “đã nhỏ lại còn non nớt”. Mười năm đầu trong đời người là Áu, chính là lúc được cha mẹ yêu thương nhất. “*Quý*” (貴) là địa vị cao, được tôn trọng. “*Tiền*” (賤, hèn), tương phản với Quý. [Cả hai chữ Quý và Tiền] đều có bộ Bôi (貝, vỏ sò, được dùng làm tiền trong thời cổ) là thứ mọi người đều coi là quý. Chữ Quý do Trung (中) [và Bôi ghép lại], lại có chữ Nhất (一) ở chính giữa, như hình dạng người đang gồng gánh, [thể hiện ý] nắm giữ, gồng gánh tiền, mọi người đều tôn trọng; cho nên tôn quý, cao vòi. Nếu phải cầm Giáo (tức chữ Qua, 戈) để tranh Bôi (tiền bạc) [tức là chữ Tiền (賤) gồm Bôi và hai chữ Qua ghép lại] thì mọi người đều ghét, cho nên bị coi rẻ.

“*Long, quý, thần*” vốn thuộc bốn đường, đọa vào địa ngục chẳng có gì là lạ! Thiên cũng đọa là vì lẽ nào? Đại Luận nói: “*Chư thiên từ Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên chết đi, sẽ đọa vào trong địa ngục A Tỳ*”. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Đế Thích phục quán nghiệp quả u điện trung, Khiếu Hoán đại địa ngục thập bát cách xứ, sát sanh, tà dâm, vọng ngữ nghiệp, đọa thử địa ngục, cụ thọ chúng khổ*” (Đế Thích lại quán nghiệp quả [sau khi mất của chư thiên] trong cung điện, [thấy tội nhân trong] mười tám ngục thuộc đại địa ngục là do các nghiệp sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối mà đọa vào địa ngục ấy, thọ đủ các khổ). Vì thế, [địa ngục] chẳng bỏ sót chư thiên! Thành Thật Luận viết: “*Hỏi: Người sanh lên trời là ác, tích thiện, sau khi báo hết, sao lại vào ngay trong tam đồ? Đáp: Phàm phu từ vô thủy đến nay, ác nghiệp vô*

---

Đông Trung Hoa. Vua khai sáng nhà Châu là Châu Văn Vương thuộc tộc Đông Di. Từ đời Hán trở đi, chữ Di dùng để chỉ người Đại Hàn, Oa nhân (người Nhật), Ốc Thư (Okjeo, một sắc dân tại Đại Hàn), dân cư trên đảo Lưu Cầu (Ryukyu), và thổ dân tại Đài Loan. Dịch là từ ngữ chỉ các sắc dân sống ở phía Bắc Trung Hoa mà không phải là người Hán. Thời Xuân Thu, người Dịch chia thành Bạch Dịch, Xích Dịch, và Trường Dịch.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

cùng. Một ngày tham, sân, còn chịu tội nơi ngàn thân. Huống hồ ác đã nhiều, tạm chế phục nghiệp kết mà sanh [trong đường lành]. Khi phước do thiện báo đã hết, nghiệp cũ đã đến lúc chín muồi, vẫn đọa vào tam đồ, có gì đáng ngờ?” Kinh Niết Bàn dạy: “Tuy phục đắc Phạm Thiên chi thân, nãi chí Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, mạng chung chi hậu, hoàn đọa tam ác đạo trung” (Tuy được làm thân Phạm Thiên, thậm chí Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, sau khi mạng chung, vẫn đọa trong ba ác đạo). Do quả báo chẳng gián đoạn, cho nên gọi là Vô Gián.

#### **3.2.2.1.2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.2.5. Mạng vô gián (mạng chẳng gián đoạn)**

*(Kinh) Ngũ giả, nhược đọa thử ngục, từng sơ nhập thời chí bách thiên kiếp, nhất nhật, nhất dạ, vạn tử, vạn sanh, cầu nhất niệm gian, tạm trụ bất đắc, trừ phi nghiệp tận, phương đắc thọ sanh, dĩ thử liên miên, cố xưng Vô Gián.*

**(經)五者，若墮此獄，從初入時至百千劫，一日一夜，萬死萬生，求一念間，暫住不得，除非業盡，方得受生，以此連綿，故稱無間。**

*(Kinh: Năm là nếu đọa vào ngục này, từ lúc mới vào cho tới trăm ngàn kiếp, một ngày, một đêm, vạn lần chết, vạn lần sống, cầu tạm ngừng trong một niệm chẳng được, trừ phi nghiệp hết mới được thọ sanh, do thọ khổ liên miên, nên gọi là Vô Gián).*

Kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Địa ngục nhất nhật nhất dạ thọ tội, như Diêm Phù Đề lục thập tiểu kiếp, như thị nhất đại kiếp. Thử đẳng tội nhân, kinh bát vạn tứ thiên đại kiếp” (Thọ tội trong địa ngục một ngày một đêm giống như sáu mươi tiểu kiếp trong Diêm Phù Đề, tức là một đại kiếp như thế. Những tội nhân ấy [chịu tội] trải qua tám vạn bốn ngàn đại kiếp). Kinh Trường A Hàm nói: “Cửu thọ khổ dĩ, từng Vô Gián xuất, nãi chí Hàn Băng địa ngục, nhĩ nãi mạng chung. Vi trọng tội hành, sanh ác thú nghiệp, cố đọa Vô Gián địa ngục, thọ khổ bất khả xưng kể” (Chịu khổ đã lâu, từ Vô Gián thoát ra, [sanh vào địa ngục khác, lần lượt như thế] cho đến [sanh vào] địa ngục Hàn Băng thì mới mạng chung. Do đã gây tội nặng, tạo nghiệp sanh vào đường ác, cho nên đọa vào địa ngục Vô Gián, chịu khổ chẳng thể tính kể).

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Theo kinh Lăng Nghiêm: “Do tư báo chiêu dẫn ác quả, kết xúc, tác vi nhất nhật trung vạn tử, vạn sanh. U nhất thiết thời, vô hữu tu du tạm thọ an lạc như đàn chỉ khoảnh” (Do ý thức tạo nghiệp, chiêu cảm, dẫn khởi ác quả, kết thành Xúc báo, cho nên trong một ngày vạn lần sống, vạn lần chết. Trong hết thảy các thời, chẳng hề được tạm hưởng an vui trong khoảnh khắc chừng bằng một cái khảy ngón tay). Vì thế mới nói: “Nhất niệm tạm trụ bất đắc” (Chẳng tạm ngưng trong một niệm được).

“Nghiệp tận thọ sanh” là từ ngữ nói theo thời gian xa xôi. Theo kinh Thiết Thành Nê Lê, từ Nê Lê thứ nhất thoát ra, cho đến lần lượt vào trong Nê Lê thứ tám. Lại từ Nê Lê thứ tám, trở ngược lại Nê Lê thứ bảy, cho đến ngục thứ nhất là A Tỳ Ma Nê Lê. Đến đó, người ta thấy thành sắt từ xa, đều hoan hỷ hô to “vạn tuế”. Vua Diêm La liền gọi tội nhân đến trước mặt, [phán quyết] “nếu chẳng có oán đối, sẽ cho người đi”. [Người ấy] sẽ lại sanh làm người, sẽ hiểu thuận, sẽ phụng sự lâu năm, sẽ sợ điều răn cấm của đế vương, sẽ thừa sự sa-môn đạo nhân, tâm, miệng, thân đều đoan chánh. Người đắc A La Hán thì các đường Nê Lê đều đóng lấp. Do vậy, từ Nê Lê thoát ra, đều sanh trong đường lành. Vì thế nói là “nghiệp tận thọ sanh”. Do từ thuở đầu cho đến khi nghiệp hết sạch, cứ sanh tử liên miên, cho nên gọi là Vô Gian.

#### **3.2.2.1.2.2.2.2.2.2.3. Quảng thuyết bất tận (nói chi tiết thì sẽ chẳng thể nói trọn hết được)**

**(Kinh) Địa Tạng Bồ Tát bạch thánh mẫu ngôn: “Vô Gian địa ngục thô thuyết như thị. Nhược quảng thuyết địa ngục tội khí đặng danh, cập chư khổ sự, nhất kiếp chi trung, cầu thuyết bất tận”.**

**(經)地藏菩薩白聖母言：無間地獄麤說如是。若廣說地獄罪器等名，及諸苦事，一劫之中，求說不盡。**

**(Kinh: Địa Tạng Bồ Tát bạch thánh mẫu rằng: “Nói thô thiển về địa ngục Vô Gian như thế đó. Nếu nói cặn kẽ về tên gọi của những dụng cụ hành tội và các sự khổ trong địa ngục thì suốt cả một kiếp, chẳng mong nói trọn hết được”).**

Vì sao những chuyện như tên gọi của các dụng cụ hành tội nói suốt một kiếp chẳng tận? Do các tội nhân lúc sống, ác tâm trọn khắp,

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

ngày đêm liên tục, đến nỗi đọa vào địa ngục, sẽ theo nghiệp mà [các chuyện đày đọa] hiện ra, tự nhiên những dụng cụ để hành tội và các chuyện khổ sẽ rộng nhiều, khó thể trọn hết được! Than ôi! Người sa vào Nê Lê, khổ sở, cay đắng muôn mối. Ai nấy hãy tự suy nghĩ, cũng đều nên làm lành vậy thay!

#### ***3.2.2.1.2.2.2.2.2.2. Thánh mẫu lễ thoái (thánh mẫu làm lễ, lui ra)***

***(Kinh) Ma Da phu nhân văn dĩ, sầu ưu hiệp chưởng, đánh lễ nhi thoái.***

**(經)摩耶夫人聞已，愁憂合掌，頂禮而退。**

***(Kinh: Ma Da phu nhân nghe xong, lo sầu, chấp tay, đánh lễ, lui ra).***

Đây là người trùng tuyên kinh điển trần thuật thánh mẫu nghe xong, lui ra, buồn vì tội nhân chịu khổ chẳng cùng tận, lo vì sức mình cứu giúp chẳng xuể. “Chấp tay” biểu thị tự tâm chẳng tán loạn. “Đánh lễ” là bái tạ Địa Tạng Bồ Tát [là đấng] có thể tuyên thuyết. Lại còn lui khỏi chỗ ngồi để âm thầm suy nghĩ, vẫn mong do duyên sau sẽ lại diễn nói.

#### ***3.2.2.2. Thị nghiệp cảm sai biệt (chỉ dạy nghiệp cảm sai khác)***

##### ***3.2.2.2.1. Phẩm đề (tựa đề của phẩm kinh này)***

***(Kinh) Diêm Phù chúng sanh nghiệp cảm, phẩm đệ tứ.***

**(經)閻浮眾生業感，品第四。**

***(Kinh: Phẩm thứ tư: Nghiệp cảm chúng sanh trong Diêm Phù).***

[Ý nghĩa của] đề mục phẩm này xem trong phần Luân Quán. Cây Diêm Phù chính là thụ vương (樹王, cây chúa) trong Nam Châu (Nam Thiệm Bộ Châu). Vì thế, tôi ghi ra đầy đủ những điều đã khảo cứu được đề đọc giả xem xét. Kinh Trường A Hàm nói: “Sở dĩ danh Diêm Phù giả, hạ hữu Kim Sơn, cao tam thập do-tuần. Do Diêm Phù thụ cố, danh vi Diêm Phù kim. Thụ hữu ngũ đại cô, tứ diện tứ cô, thượng hữu nhất cô. Quả đại như Ma Già Đà quốc nhất học chi ung. Trích kỳ quả thời, trấp tùy lưu xuất, sắc bạch như nhũ, vị cam như mật. Kỳ Đông cô quả, Càn

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*Thát Bà sở thực. Kỳ Nam cô giả, thất quốc nhân sở thực. Nhất Câu Lô (thử vân Bất Chánh Khiếu), nhị Câu La Bà (vân Khiếu Hoán), tam Tỳ Đê (vân Bất Chánh Thê), tứ Thiện Tỳ Đê (vân Hiền), ngũ Mạn Đà (vân Thiện Hiền), lục Bà La (vân Lao), thất Bà Lê (vân Thắng). Tây cô quả, hải trùng sở thực. Bắc cô quả, cầm thú sở thực. Thượng cô quả, tinh tú thiên sở thực”* (Sở dĩ gọi là Diêm Phù vì phía dưới có Kim Sơn, cao ba mươi do-tuần. Do cây Diêm Phù, mà gọi tên là vàng Diêm Phù. Cây có năm nhánh lớn, bốn phía là bốn nhánh, phía trên có một nhánh. Quả to như cái vò có thể chứa được một hộc của nước Ma Già Đà (Maghada, Ma Kiệt Đà). Khi hái quả ấy, nhựa cây sẽ chảy ra thành dòng, màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Quả nơi nhánh phía Đông do Càn Thát Bà ăn. Nhánh phía Nam dành cho người trong bảy nước ăn, một là Câu Lô (cõi này dịch là Bất Chánh Khiếu), hai là Câu La Bà (dịch là Khiếu Hoán), ba là Tỳ Đê (dịch là Bất Chánh Thê), bốn là Thiện Tỳ Đê (dịch là Hiền), năm là Mạn Đà (dịch là Thiện Hiền), sáu là Bà La (dịch là Lao), bảy là Bà Lê (dịch là Thắng). Quả của nhánh phía Tây để cho hải trùng ăn. Quả nơi nhánh phía Bắc dành cho chim, thú ăn. Quả nơi nhánh phía trên dành cho tinh tú thiên ăn).

Kinh Quán Phật Tam Muội nói: *“Diêm Phù Đê quả, vô dĩ vi thí. Kỳ hình đoàn viên, mãn bán do-tuần. Bà-la-môn thực, tức đắc tiên đạo, ngũ thông cụ túc, thọ mạng nhất kiếp. Phạm phu thực chi, đắc tứ Sa-môn quả, tam minh, lục thông vô bất tất bị”* (Quả Diêm Phù Đê chẳng thứ gì có thể sánh ví được. Hình dạng của nó tròn trặn, to bằng nửa do-tuần. Bà-la-môn ăn vào liền đạt được tiên đạo, trọn đủ Ngũ Thông, thọ mạng một kiếp. Phạm phu ăn vào liền đắc tứ quả Sa-môn (Tứ Quả của Thanh Văn), tam minh, lục thông không gì chẳng đều trọn đủ). Lập Thế A Tỳ Đàm Luận nói: *“Cây này sanh ở rìa Bắc cõi đất Diêm Phù Đê, bên bờ Nam của sông Né Dân Đà La (Nimindhara). Cội chính của cây ấy nằm ở chính giữa Nam châu. Từ chính giữa của cội cây, khoảng cách giữa hai góc Đông và Tây là một ngàn do-tuần. Cây sanh trưởng hoàn chỉnh, hình dạng đáng yêu. Lá che rợp cành, lâu ngày chẳng rụng; lần lượt che phủ, cao một trăm do-tuần. Phần dưới gốc to thẳng, trọn chẳng có máu đốt. [Tính từ gốc lên cao] năm mươi do-tuần, mới có cành, nhánh. Thân cây có đường kính là năm do-tuần, chu vi là mười lăm do-tuần. Cành xòe ngang ra [mỗi phía] rộng năm mươi do-tuần. Đường kính ở chính giữa cây là một trăm do-tuần, chu vi là ba trăm do-tuần. Quả của nó ngon ngọt khôn sánh. Hạt của nó to như hạt cây Diêm Phù trong thế*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

gian<sup>98</sup>. Phía trên có hình chim thú. Rễ của nó được phủ bằng kim sa (cát bằng vàng). [Ở dưới tán cây Diêm Phù], mùa Xuân chẳng dột nước, mùa Hè chẳng nóng, mùa Đông chẳng có gió lạnh. Thần Càn Thát Bà và Dược Xoa nương vào cây để ở”.

Cái tên Uế Thụ của cây này đã được giải thích đại lược trong phần trước. Nay giải thích thêm. Lập Thế Luận nói: “Một người nương vào thần thông, muốn đến chỗ cây Diêm Phù Đề, liền tạ từ đức Phật, đi theo hướng Bắc, đi qua bảy rặng núi. Tới bên rặng Kim Sơn thứ bảy, lên đỉnh núi, hướng về phía Bắc, vươn mình nhìn ra xa, chỉ thấy tối đen, bèn sợ hãi quay về. Đức Phật bảo: ‘Chỗ hắc ám ấy chính là cây Diêm Phù (ở đây coi hắc ám là Uế). Lại nữa, mùi thơm của quả ấy có thể làm tâm người ta bị nhiễm, trở thành điên cuồng (đấy là coi ô nhiễm là Uế)’”.

Kinh Trường A Hàm nói: “Hà duyên nguyệt hữu hắc ảnh? Do Diêm Phù thụ ảnh, tại u nguyệt trung, cố nguyệt hữu ảnh, khởi phi nguyệt cung bốn tự quang minh, nhân thụ cố hiện hắc ảnh” (Vì sao mặt trăng có bóng đen? Do bóng cây Diêm Phù in giữa mặt trăng, cho nên mặt trăng có bóng, há chẳng phải là nguyệt cung vốn có quang minh, do cây [Diêm Phù soi vào] mà hiện bóng đen”), cái tên Uế Thụ há chẳng phải là do nói theo nghĩa này ư? Nay dựa theo hai cách giải thích trên đây ngô hầu chẳng bị sai lạc! Vì thế, chép tường tận ra, mong chư hiền chứng biết!

#### **3.2.2.2.2. Phẩm văn (kinh văn thuộc phẩm này)**

##### **3.2.2.2.2.1. Địa Tạng trùng thuật phó chúc (Địa Tạng nhắc lại lời phó chúc)**

###### **3.2.2.2.2.1.1. Đại sĩ thuật sự (Đại sĩ thuật chuyện)**

###### **3.2.2.2.2.1.1.1. Thuật (trần thuật)**

###### **3.2.2.2.2.1.1.1.1. Tích thừa Phật lực phân hóa (xưa kia đã nhờ Phật lực mà phân thân hóa độ)**

---

<sup>98</sup> Nói là “cây Diêm Phù trong thế gian” tức là nói tới loại cây Jambolan thường mọc ở Ấn Độ và Đông Nam Á, cũng thường gọi là cây Diêm Phù. Jambolan là một trong các loại cây thuộc họ Trâm, thường được gọi là cây Trâm Mốc trong tiếng Việt. Cây này có tên khoa học là Syzygium Cumini, còn gọi là Java Plum, hay Black Plum. Cây có thể cao hơn ba mươi mét. Trái có hình bầu dục, thon dài, chính giữa có hạt cứng, chuyển từ màu xanh sang hồng nhạt cho đến tím rậm khi chín. Chất dịch trái này sẽ khiến cho lưỡi người ăn có màu tím.

*(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã thừa Phật Như Lai oai thần lực cố, biến bách thiên vạn ức thế giới, phân thị thân hình, cứu bạt nhất thiết nghiệp báo chúng sanh”.*

**(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩白佛言：世尊！我承佛如來威神力故，徧百千萬億世界，分是身形，救拔一切業報眾生**

◦

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch với đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nương vào sức oai thần của Phật, phân thân hình trọn khắp trăm ngàn vạn ức thế giới để cứu vớt hết thầy chúng sanh nghiệp báo”).*

Khi thánh mẫu vừa hỏi về địa ngục Vô Gián xong, ngài Địa Tạng lại trần thuật [chuyện độ sanh]. Ấy là vì chuyện phó chúc trước đó chưa xong, thế mà thánh mẫu đã hỏi ngay chuyện quả báo trong địa ngục, đúng là chỉ xâu vào kim, liên kết khít khao, nay [kinh văn] lại trần thuật [chuyện độ sanh] hòng nghĩa lý đừng bị gộp chung sai lạc. Đức Thế Tôn lại dạy rằng “[chúng sanh] tánh thức vô định, đến nổi luân chuyển trong năm đường”, sẽ càng thấy ý nghĩa liên kết với phần nghiệp cảm Vô Gián trong đoạn kinh văn trước đó. Vì thế, hai phẩm này móc vào nhau như mắt xích, chẳng thể đứt lia được! Do đó, sau phần Nghiệp Duyên, trước phần Nghiệp Cảm, bèn trần thuật [chuyện hóa độ] nhằm phát khởi phần kinh văn tiếp theo. Trước hết, [Địa Tạng Bồ Tát] trần thuật: Con cấy vào Phật lực mà phân thân. “Oai” (威) là Tứ Vô Úy<sup>99</sup>. “Thần” (神) chính là Lục Thần Thông. “Lực” (力) chính là Thập Lực. Trí Thập Lực của đức Phật sung mãn bên trong, cho nên đối trước ngoại duyên chẳng kinh sợ, rộng phát khởi thần thông hóa độ chúng sanh. Đây là pháp của chư Phật, chứ Bồ Tát chưa đắc. Nay [hàng Bồ Tát] cũng có thể phân thân trong các

---

<sup>99</sup> Tứ Vô Úy: Khi đức Phật thuyết pháp, trọn đủ bốn loại công đức không sợ hãi:

1. Chánh Đẳng Giác vô úy: Do Nhất Thiết Trí không sợ hãi, đức Phật nói với đại chúng: “Ta là đáng Nhất Thiết Trí, tâm không sợ hãi”.
2. Lậu vĩnh tận vô úy: Không sợ hãi vì đã đoạn hết các lậu (phiền não).
3. Thuyết chướng pháp vô úy: Nói các pháp gây chướng ngại giải thoát như phiền não, tam độc v.v... không sợ hãi.
4. Thuyết xuất đạo vô úy: Nói ra đạo giải thoát hết khổ mà không sợ hãi.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

cõi nhiều như cát, đều là do Từ lực của Như Lai ban cho, chẳng phải do khả năng của chính mình. Vì thế nói là “ngã thừa” (con nương vào). Nhưng phân thân cứu vớt chúng sanh chính là Đồng Sự Nhiếp trong Tứ Nhiếp. Do Pháp Nhân của Bồ Tát mà thấy rõ căn duyên của chúng sanh, hễ có người cùng ưa thích, bèn phân hình tán ảnh (phân thân), hòa quang trọn khắp, cùng làm những sự nghiệp giống như họ, khiến cho ai nấy đều nhuần thấm lợi ích. Do cái nhân là sanh tâm thân ái, cho nên có thể cứu bạt nghiệp báo.

**(Kinh) Nhược phi Như Lai đại từ lực cố, tức bất năng tác như thị biến hóa.**

**(經)若非如來大慈力故，即不能作如是變化。**

**(Kinh: Nếu chẳng do sức đại từ của Như Lai, sẽ chẳng thể biến hóa như thế).**

Tiếp đó, Ngài chỉ rõ: [Chi cấy vào] sức của chính mình, sẽ khó thể giáo hóa. Như Đại Luận nói: “*Chư Bồ Tát tu chuyện khổ hạnh, [do thấy] khó thực hiện, khó thành tựu, cho nên toan giải đãi. Đức Phật an ủi rằng: - Đừng nên chán mệt, hãy nên siêng tinh tấn. Hành Thập Lực này, sẽ đắc vô lượng quả báo*”. Vì thế, nói: “*Nếu chẳng có sức đại từ của Như Lai, sẽ chẳng thể biến hóa như thế*”. Dời chuyển, thay đổi lẫn nhau là Biến (變), đang là Không mà bỗng biến thành Có thì là Hóa (化). Đây là trong Nhất Thiết Hạnh Thiên thì Vô Ký Hóa Hóa Thiên<sup>100</sup> có thể hiện tám thứ biến hóa:

- Một là có thể biến nhỏ.
- Hai là có thể biến lớn.
- Ba là có thể biến thành nhẹ.
- Bốn là có thể tự tại.
- Năm là có thể làm chủ.
- Sáu là thể đến nơi xa.
- Bảy là có thể động cõi đất.

---

<sup>100</sup> Vô Ký Hóa Hóa Thiên là một loại Thiên Định có thể tự nhiên vô ngại biến hóa vô cùng. Theo Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa và Pháp Giới Thứ Đệ Sơ Môn, có chín loại Thiên lớn. Trong đó, loại thứ sáu là Nhất Thiết Hạnh Thiên, được coi là bao gồm hết thảy các hành pháp Thiên Định của Đại Thừa. Nhất Thiết Hạnh Thiên lại được chia nhỏ thành mười ba loại, trong đó, loại thứ hai là Vô Ký Hóa Hóa Thiên.



### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

- Tám là có thể tùy ý mà làm.

[Tám loại này] còn được gọi là Bát Tự Tại Ngã. Đây là do Bồ Tát khéo trụ trong pháp hòa kính, [hòa hợp] với hết thảy như nước và sữa, muốn sanh cái tâm hy hữu cho chúng sanh. Vì thế, hiện sức đại thần thông, như chuyện được biến hóa bởi hóa nhân vốn chẳng có thật. Do vậy, kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: “*Hết thảy các pháp đều là hóa*”. Vì thế, trong các pháp, bèn có pháp biến hóa của Thanh Văn, Bích Chi, Bồ Tát, và chư Phật, có phiền não pháp biến hóa, có nghiệp nhân duyên pháp biến hóa. Như Niết Bàn chẳng sanh, chẳng diệt, không có tướng đối gạt thì là pháp chẳng biến hóa, do hết thảy đều bình đẳng. Nay nói là “*biến hóa*” tức là dựa theo sự sanh diệt do tình kiến mà nói đó thôi!

#### **3.2.2.2.1.1.2. Kim mông Phật chúc độ sanh (nay mong được đức Phật phó chúc độ sanh)**

*(Kinh) Ngã kim hựu mông Phật phó chúc, chí A Dật Đa thành Phật dĩ lai, lục đạo chúng sanh, khiến linh độ thoát.*

**(經)我今又蒙佛付囑，至阿逸多成佛已來，六道眾生，遣令度脫。**

*(Kinh: Nay con lại mong đức Phật phó chúc, sai con độ thoát chúng sanh trong lục đạo cho đến khi ngài A Dật Đa thành Phật).*

Chữ Kim (今, nay) tương ứng với vô ương số kiếp. A Dật Đa (Ajita) cõi này dịch là Vô Năng Thắng (không ai có thể hơn được), là họ của ngài Di Lặc. Tịnh Danh Sớ nói: “*Có thuyết nói A Dật Đa là tên. Đã chẳng thể đích thân thấy chánh văn [trong tiếng Phạn] thì không thể chấp chặt một bề được*”. Xét theo kinh Di Lặc Hạ Sanh, “*thời Tu Phạm Ma tức dĩ tử lập tự, danh viết Di Lặc*” (khi ấy, ông Tu Phạm Ma đặt tên cho con là Di Lặc). Vậy thì “*A Dật Đa là họ*” đã là chuyện đích xác rồi!

#### **3.2.2.2.1.1.2. Ủy (an ủi)**

*(Kinh) Dục nhiên! Thế Tôn! Nguyên bất hữu lự.*

**(經)唯然！世尊！願不有慮。**

*(Kinh: Thưa vâng! Thế Tôn! Xin đừng lo lắng).*

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

“Dụ” (唯) là từ ngữ thể hiện ý đáp ứng nhanh chóng. Nay đức Phật chẳng gọi, sao [Bồ Tát] lại nhanh chóng thưa? Vì đây chính là từ ngữ thường nói của người Tây Vực vậy.

**3.2.2.2.2.1.2. Như Lai thị ý (đức Như Lai bày tỏ ý Ngài)**

**3.2.2.2.2.1.2.1. Sanh tánh vô định (tánh của chúng sanh bất định)**

**3.2.2.2.2.1.2.1.1. Pháp thị (chỉ dạy về pháp)**

**(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát: “Nhất thiết chúng sanh vị giải thoát giả, tánh thức vô định, ác tập kết nghiệp, thiện tập kết quả”.**

**(經)爾時，佛告地藏菩薩：一切眾生未解脫者，性識無定，惡習結業，善習結果。**

**(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: “Trong hết thảy chúng sanh, những kẻ chưa giải thoát tánh thức bất định, do huân tập điều ác mà kết thành nghiệp, do huân tập điều thiện mà kết thành quả”).**

Câu đầu tiên là căn bản của lời phó chúc. Giải thoát có hai loại:

- Nếu nói theo những người đã đắc A La Hán thì các đường Nê Lê đều bị bế tắc. Đây là sự giải thoát của Tiểu Thừa.

- Nếu nói “ta đều khiến cho họ nhập Vô Dư Niết Bàn để diệt độ” thì là sự giải thoát của Đại Thừa.

Từ chữ “tánh thức” trở đi nhằm giải thích căn nguyên [vì sao] chưa giải thoát: “Do tánh thức vô định”. “Vô định” là định tánh chẳng vững vàng. Kinh Tứ Tụ Xâm nói “học giả do dự, tâm bất chuyên hằng, hoặc tán, hoặc thoái, cố sử mê hoặc, vãng lai bất tuyệt” (kẻ học do dự, tâm chẳng chuyên ròng, thường hằng, hoặc tiến, hoặc lùi, khiến cho bị mê hoặc, qua lại chẳng dứt) là nói về ý này.

Từ chữ “ác tập” trở đi, giải thích nguyên do. “Tập” (習) là huân tập. Kinh Chiêm Sát nói: “Chúng sanh dĩ vô minh si ám huân tập nhân duyên, hiện vọng cảnh giới” (Chúng sanh do nhân duyên vô minh si ám huân tập mà hiện ra các cảnh giới hư vọng). Do huân tập điều ác, sẽ tạo các ác nghiệp như giết, trộm v.v... kết thành ác quả trong tam đồ. Do huân tập điều thiện, tạo các thiện nghiệp như Thí, Giới v.v... bèn kết thành thiện quả trời, người. [Trong đoạn kinh văn trên đây], trong phần

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

nói về cái nhân ác thì lược đi chẳng nói đến cái quả, trong phần nói về thiện quả thì lược đi chẳng nói đến cái nhân. Kinh Trường A Hàm nói: “*Bĩ Thiên Nhân tịnh, kiến chư chúng sanh tử thử, sanh bĩ, tòng bĩ sanh thử, hình sắc hảo xú, thiện ác chư quả, tôn, ty, quý, tiện, tùy sở tạo nghiệp, báo ứng nhân duyên, giai tất tri chi. Thử nhân thân hành ác, khẩu ngôn ác, ý niệm ác, phi báng hiện thánh, tín tà đảo kiến. Thân bại, mạng chung, đọa tam ác đạo. Thử nhân thân hành thiện, khẩu ngôn thiện, ý niệm thiện, bất báng hiện thánh, kiến chánh tín hạnh. Thân hoại, mạng chung, sanh thiên nhân trung. Dĩ Thiên Nhân tịnh, kiến chư chúng sanh tùy sở nghiệp duyên, vãng lai ngũ đạo*” (Do người ấy Thiên Nhân thanh tịnh, thấy các chúng sanh chết đây, sanh kia, từ nơi kia sanh vào nơi đây, hình sắc xấu, đẹp, các quả thiện, ác, cao, thấp, sang, hèn, tùy theo nghiệp đã tạo, nhân duyên báo ứng, thấy đều biết rõ. Người ấy thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, phi báng hiện thánh, tin tưởng kiến giải tà vạy, điên đảo. Thân bại, mạng chung, đọa trong ba đường ác. Người ấy thân hành thiện, miệng nói lời lành, ý niệm tốt lành, chẳng báng bỏ hiện thánh, kiến giải chánh đáng, có tín hạnh, [đến khi] thân hoại, mạng chết, sẽ sanh trong đường trời người. Do Thiên Nhân thanh tịnh, bèn thấy các chúng sanh thuận theo nghiệp duyên đã tạo, qua lại trong năm đường).

Đây là chỉ dạy: “Do Hoặc tạo nghiệp”. Nghiệp là tâm suy nghĩ; thân và miệng lấy tâm làm chủ. Vì thế, kinh nói: “*Chư pháp tâm vi bản, chư pháp tâm vi thắng, ly tâm vô chư pháp, duy tâm thân, khẩu danh. Dĩ y tâm cố, thiện ác nghiệp thành*” (Các pháp tâm làm gốc, tâm hơn hẳn các pháp. Lìa tâm, không có các pháp. Duy tâm, gọi là thân, miệng. Do vì nương vào tâm, nghiệp thiện, ác được thành). “*Kết*” (結) là Hoặc và Nghiệp nương vào nhau, như cái khăn thắt thành nút; nếu muốn tháo nút, ắt phải kéo ở giữa. Vì thế, quốc sư Nam Dương Huệ Trung nói: “*Khi mê, thắt tánh thành tâm. Khi ngộ, tháo gỡ tâm thành tánh*”, đó là lời nói trúng ngay vào cội gốc vậy!

*(Kinh) Vi thiện, vi ác, trực cảnh nhi sanh. Luân chuyển ngũ đạo, tạm vô hưu tức. Động kinh trần kiếp, mê hoặc chướng nạn.*

**(經)為善為惡，逐境而生。輪轉五道，暫無休息。動經塵劫，迷惑障難。**

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

***(Kinh: Làm lành, làm ác, theo cảnh mà sanh. Luân chuyển trong năm đường, chẳng có lúc tạm ngưng nghỉ. Trải qua các kiếp nhiều như vi trần, mê hoặc, chướng nạn).***

Hai câu “làm lành...” nhằm chỉ rõ [chúng sanh tánh thức] vô định, do nghiệp thiện hay ác đều ruồi theo cảnh mà sanh. Thiện tâm sanh thì đủ mọi thiện pháp sanh. Ác tâm sanh thì đủ mọi ác pháp sanh. Vì thế, kinh Mật Nghiêm dạy: “*A Lại Da Thức, từng vô thi thể lai, vi hý luận huân tập, chư nghiệp sở hệ, luân hồi bất dĩ. Như hải nhân phong, khởi chư thức lãng, hằng sanh, hằng diệt, bất đoạn, bất thường, nhi chư chúng sanh, bất tự giác tri, tùy u tự thức, hiện chúng cảnh giới*” (A Lại Da Thức từ đời vô thi đến nay bị hý luận huân tập, bị các nghiệp buộc ràng, luân hồi chẳng ngơi. Như biển do gió mà khởi các sóng thức, luân sanh, luân diệt, chẳng đoạn, chẳng thường, nhưng các chúng sanh chẳng tự hay biết, thuận theo cái thức của chính mình mà hiện ra các cảnh giới). Ấy là vì do Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh, thuận theo duyên nhiệm hay tịnh, chẳng hợp mà hợp. Do đó, luân chuyển trong năm đường.

Đại Luận viết: “*Hỏi: Kinh nói có năm đường, có sao nói là lục đạo? Đáp: Đức Phật đã lìa thế gian lâu xa, kinh pháp lưu chuyển, năm trăm năm sau, bộ loại sai biệt khác nhau. Hoặc nói là năm đường, là vì trong kinh đức Phật nói gộp là năm. Hoặc nói là lục đạo, vì trong kinh đức Phật đã nói rộng thành sáu*”. Nay nói là “năm” (ngũ đạo) là như Phật Thuyết Ngũ Khổ Chương Cú Kinh đã chép: “*Tam giới ngũ đạo, sanh tử bất tuyệt. Phạm hữu ngũ khổ: Nhất viết chư thiên khổ, nhị viết nhân đạo khổ, tam viết súc sanh khổ, tứ viết ngạ quỷ khổ, ngũ viết địa ngục khổ*” (Năm đường trong ba cõi sanh tử chẳng dứt. Có năm thứ khổ: Một là chư thiên khổ, hai là nhân đạo khổ (khổ trong loài người), ba là súc sanh khổ, bốn là ngạ quỷ khổ, năm là địa ngục khổ) là nói đến điều này. Năm đường như thế giống như cái trục quay để kéo nước giếng, xoay tròn lên cao xuống thấp. Vì thế nói là “*luân chuyển*”. Đó là vì tướng của nghiệp thiện ác chẳng thể chuyển, trong ức ngàn vạn đời, nó cứ theo sát, chẳng bỏ, như chủ nợ đi theo con nợ. Khi nhân duyên trọn đủ, liền tạo thành quả báo, khiến cho [người đã tạo nghiệp] thọ sanh trong năm đường, nhanh chóng như tên bay, cho nên nói là “*tạm vô hưu tức*” (chẳng hề tạm ngưng nghỉ).

“*Động kinh trần kiếp, mê hoặc chướng nạn*” (Trải qua kiếp số nhiều như vi trần, mê hoặc, chướng nạn): “*Mê hoặc*” là nói Thập Sử. Do trong Thập Sử, năm lợi sử thuộc Kiến, năm độn sử thuộc Tư. Do Thập

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Sử mà khiến cho con người dấy lên Kiến Tư, hôn mê, Hoặc loạn. “Chướng” (障) là ba chướng, “nạn” (難) là tám nạn. Từ thời vô thi đến nay, trôi lăn trong sanh tử, chẳng thể đoạn Lậu, chẳng thể đạt được quả xuất thế, đến nỗi Thập Sử phiền não có thể chướng ngại lý Tứ Chân Đế. Lại tạo nghiệp chướng, chướng xuất thế pháp. Nghiệp đã thành, sẽ chuốc khổ, quả báo là sanh trong tám nạn trải qua kiếp số nhiều như vi trần, khó thể thoát ra. Do vậy, kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Tam giới như luân chuyển, nghiệp hệ luân bất đoạn. Thị cố xả ái dục, ly dục đắc Niết Bàn*” (Tam giới như bánh xe xoay, nghiệp ràng buộc luân xoay chuyển chẳng ngừng. Vì thế bỏ ái dục, lìa dục đắc Niết Bàn). Ai nấy hãy nên nghe điều này rồi tự suy nghĩ tu tập vậy!

#### **3.2.2.2.1.2. Dụ hiển (dùng thí dụ để nói rõ)**

**(Kinh) Như ngư du võng, tương thị trường lưu. Thoát nhập tạm xuất, hựu phục tao võng.**

**(經)如魚遊網，將是長流。脫入暫出，又復遭網。**

**(Kinh: Như cá bơi trong lưới theo dòng nước dài, tạm được thoát ra rồi lại mắc lưới).**

“Cá” ví như năm đường. “Lưới” ví như tam giới. “Trường lưu” (Dòng nước dài) ví như nghiệp quả. “Thoát nhập” (Thoát khỏi lưới) ví như sanh tử luân chuyển. Cá là động vật thuộc loại thủy tộc, ví như chúng sanh tánh thức vô định. Bầy cá do tham ăn mà mắc phải lưới dây. Chúng sanh do ái mà rơi vào lưới ma. Kinh Nhật Minh Bồ Tát nói: “*Hựu như mật võng, chúng ngư đầu chi, khoa tràng, trở kỷ*” (Lại như chiếc lưới dây, những con cá sa vào đó, bị mổ bụng khoét ruột, phơi mình trên thớt). Kinh Tứ Tụ Xâm nói: “*Thân nhược họa bình, nội mãn bất tịnh, bất tri nội ngoại, thân đương quy tận. Thường dĩ thái sắc chi phần trang nghiêm, tự vị đoan chánh, nhan mạo vô song. Tư đẳng chi nhân, la võng sở triền, mạc năng quán thân*” (Thân như cái bình tô vẽ đẹp đẽ, bên trong chứa đầy những thứ bất tịnh! Chẳng biết trong, ngoài, thân sẽ đều chết sạch. Thường dùng màu sắc, phần sấp để trang nghiêm, tự cho là đoan chánh, có nhan sắc và hình dáng chẳng ai bằng. Những kẻ như thế bị lưới rập ràng buộc, chẳng thể quán thân). Vì thế, Đại Luận nói: “*Lưới dâm giảng bủa, ai nấy đều dẫn mình vào. Đây là do nghiệp cảm quả, đối ứng với Khổ Đế*”.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

“*Tương thị trường lưu*” (Xuôi theo dòng nước dài): “*Tương*” (將) là thuận theo. Chữ Thị (是) chỉ A Lại Da Thức. Do chủng tử thiện hay ác trong cái Thức ấy huân tập hiện hành, khiến tạo ra nghiệp quả thiện hay ác liên miên chẳng ngừng, cũng giống như cá bơi theo dòng nước dài, hễ đi bèn chẳng trở lại. Vì thế, Duy Thức nói: “*Như nước chảy xiết, các vật trên dưới như cá, cỏ v.v... đều bị cuốn theo dòng chẳng bỏ. Thức này cũng vậy, cùng với các tập khí bên trong, các pháp bên ngoài như Xúc v.v... luôn liên tục lưu chuyển*” (A Lại Da Thức từ vô thi đến nay luôn tương ứng với năm thứ Tâm Sở là Tác Ý, Xúc, Thọ, Tưởng, và Tư). Đây là do Hoặc mà tạo nghiệp, đối ứng với Tập Đé. Sách Kim Quang Minh Kinh Văn Cú cũng dùng nước để đối ứng với Tập Đé, vì bản thể của nước là thâm nhuân chúng sanh, như Tập có thể giúp Khổ. “*Trường lưu*”: Một nghiệp nếu thành, tội chẳng có ngần mé, trăm ngàn vạn đời, thọ báo chẳng tận.

“*Thoát nhập tạm xuất*” (Tạm được thoát ra): Từ tam đồ mà thăng lên nhân thiên. “*Hựu phục tao vãng*” (Lại bị mắc lưới): Từ nhân thiên lại đọa vào tam đồ. Do vậy, kinh Ngũ Khổ Chương Cú nói: “*Tam ác đạo giả, thị vi nhất thiết chúng sanh chi gia, tạm đắc vi thiên, tạm đắc vi nhân, thị như tác khách. Tác khách nhật thiếu, quy gia nhật đa*” (Ba ác đạo chính là nhà của hết thảy chúng sanh. Tạm được làm trời, tạm được làm người, ví như làm khách. Làm khách thì ít, về nhà thì nhiều). Người học hãy suy nghĩ, gắng sức tinh tấn, hòng được thoát khổ; đây chính là nói về chuyện này đây.

#### **3.2.2.2.1.2.1.3. Hợp minh (nói gộp chung lại)**

**(Kinh) Dĩ thị đẳng bối, ngô đương ưu niệm.**

**(經)以是等輩，吾當憂念。**

**(Kinh: Do những kẻ ấy mà ta phải lo nghĩ).**

Đức Phật dạy: “*Khó được thân người, khó trọn đủ sáu tình thức, miêng khó biện luận trúng, khó đạt được tài cán, thông minh, khó đạt được thọ mạng [lâu dài], khó gặp người sáng suốt, khó có lòng tin thẳng thắn, khó phát đại tâm, khó nghe kinh pháp, khó gặp đức Như Lai*”. Thế gian có loài cây tên là Ưu Đàm Bát (Udumbara, Linh Thụy Hoa), chỉ có trái, không có hoa. Như Lai xuất thế, cây mới có hoa. Đã được làm thân người, có đủ sáu tình thức, miêng biện luận thông suốt, hay khéo, thọ

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

mạng lâu dài, gặp gỡ người sáng suốt, phát Bồ Tát tâm, niềm tin ngay thẳng không lui sụt, nghe trọn kinh pháp, gặp Như Lai tại thế; đây là những người đã từng tu hành phước đức trong đời trước, từ chỗ sáng vào chỗ sáng, noi theo dấu chân của Như Lai, hành mãi chẳng ngừng, sẽ ở trong đạo tràng, chẳng hủy căn cội, chẳng quên mất công sức trước kia. Hễ đánh mất đạo ý, sẽ trải bao kiếp số; cho nên đức Như Lai lo nghĩ tới họ. Bởi lẽ, đức Phật quán chúng sanh trong khắp cõi đất khác nào con một. Đức Phật lo họ tánh thức vô định, lại kết nghiệp quả thiện ác, nghĩ họ tạm thoát ra, sanh trong đường trời, người, rồi lại mắc phải lưới dây tam đồ! “*Vì thế, ta ân cần phó chúc ông hãy cứu giúp, giải thoát họ!*”

#### ***3.2.2.2.1.2.2. Nhữ nguyện độ tội (ông nguyện hóa độ chúng sanh tội khổ)***

***(Kinh) Nhữ ký tất thị vãng nguyện, lũy kiếp trọng thệ, quảng độ tội bôi, ngô phục hà lự?***

***(經)汝既畢是往願，累劫重誓，廣度罪輩，吾復何慮？***

***(Kinh: Ông đã trọn nguyện xưa ấy, nhiều kiếp phát trọng thệ rộng độ những kẻ tội khổ, ta còn lo chi nữa?)***

Chuẩn theo kinh văn trong phần trên, [từ ngữ] “tội bôi” (罪輩, những kẻ tội khổ) chỉ chung năm đường. “*Ta lo nghĩ chính là vì những kẻ ấy. Ông nay đã phát nguyện độ họ, ta còn lo lắng chi nữa!*”

Hỏi: Chư thiên thăng lên chón thanh tịnh, tu ròng Thiên Định, thất chúng [Tăng tục] đoan nghiêm, cung kính vâng giữ luật nghi, vì sao cũng gọi là “tội bôi”?

Đáp: Trên cõi trời cũng có các nỗi khổ, tức cũng là khinh báo Nê Lê (địa ngục chịu báo ứng nhẹ). Lại nữa, lúc ở trong loài người, do chẳng học hiểu, luôn mê muội đối với đạo pháp, tuy tu các điều thiện, chẳng trừ tà báo. Vì thế, luận Câu Xá nói: “*Kẻ tại gia do giữ lấy Ngũ Trần, cho nên dấy lên đấu tranh. Hàng xuất gia do giữ lấy các kiến giải, cho nên dấy lên đấu tranh*”. Thành Thật Luận nói: “*Nếu người nào trì giới mà chấp đó là thanh tịnh, thì gọi là Giới Thủ Kết, tức là cho rằng các thứ do chính mình chấp giữ mới là chân thật, những thứ khác đều là vọng ngữ, thì gọi là Kiến Thủ Kết*”. Hai điều ấy chính là căn bản cho sự đấu tranh của người xuất gia. Hơn nữa, Giới Thủ là sự trói buộc của người xuất gia; các dục là sự trói buộc của người tại gia. Vì thế, những

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

thứ như Giới Thủ v.v... chỉ là điều lành thế gian, chuốc lấy cái quả sanh tử; do vậy gọi là Tùy Khổ (thuận theo sự khổ), chẳng phải là đạo pháp chân thật. Kẻ ngu lảm mê, do chấp trước hư vọng mà sanh ra tội. Theo đó, [người xuất gia] há chẳng thuộc vào bọn tội khổ ư? Vì thế biết là thật chúng thuộc nội giáo hễ có chấp trước thì đều là sai! Lục sư ngoại đạo hễ chẳng chấp thì đều là chánh. Nếu đã thấu hiểu các pháp và nhân đều là Không, Nhất Chân vốn tịch diệt, nhập bình đẳng môn, dạo chơi trong nhà vô vi, hết thấy vô ngại, một đường thoát khỏi sanh tử, thì cái danh xưng “tội bói” há còn có ta trong ấy nữa hay chăng?

**3.2.2.2.2.2. Đương cơ chánh vấn thế nguyện** (bậc đương cơ hỏi về thế nguyện)

**3.2.2.2.2.2.1. Tự Tại vấn lũy kiếp phát hà nguyện** (ngài Định Tự Tại Vương hỏi trong bao kiếp [Địa Tạng Bồ Tát] đã phát nguyện gì)

**3.2.2.2.2.2.1.1. Dĩ Địa Tạng các phát hà nguyện vấn** (hỏi ngài Địa Tạng đã phát nguyện gì)

(*Kinh*) **Thuyết thị ngữ thời, hội trung hữu nhất Bồ Tát Ma Ha Tát, danh Định Tự Tại Vương, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Địa Tạng Bồ Tát lũy kiếp dĩ lai, các phát hà nguyện, kim mônng Thế Tôn ân cần tán tán? Duy nguyện Thế Tôn, lược nhi thuyết chi”.**

**(經)說是語時，會中有一菩薩摩訶薩，名定自在王，白佛言：世尊！地藏菩薩累劫已來，各發何願，今蒙世尊殷勤讚歎？唯願世尊，略而說之。**

(*Kinh*: Nói lời ấy xong, trong hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Định Tự Tại Vương, bạch cùng đức Phật rằng: “Thưa đức Thế Tôn! Địa Tạng Bồ Tát từ bao kiếp đến nay, đã phát những nguyện gì mà nay được đức Thế Tôn ân cần tán tán? Kính mong đức Thế Tôn hãy nói đại lược”).

Trước tiên là giải thích về danh xưng [của bậc đương cơ]. Bậc đại sĩ Định Tự Tại Vương là rồng trong loài người. Thế gian có ái, Ngài đều xa lìa, đã giải thoát các trói buộc, các lậu đã hết, “*Na Già thường tại Định, chẳng có lúc nào không định!*” Được tự tại nơi Định, nên gọi là Định Tự Tại Vương. Từ “*bạch Phật*” trở đi là lời hỏi: Vừa mới nghe đức Thế Tôn nói Địa Tạng Bồ Tát đã phát nguyện ấy, phát ra trọng thế



### **Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện Kinh Khoa Chú**

suốt bao kiếp, chẳng biết trong bao kiếp ấy, Ngài đã phát những nguyện gì, khiến cho nay Ngài được đức Thế Tôn không ngớt lời tán thán trong đại hội vậy? Từ “*duy nguyện*” trở đi, là lời thỉnh cầu xin hãy nói nguyện trong bao nhiêu kiếp [của Địa Tạng Bồ Tát], xin hãy nói đại lược. Đức Phật thuyết pháp có hai môn là căn kẽ và đại lược, nay [Định Tự Tại Vương Bồ Tát] thỉnh Phật nói đại lược.

**3.2.2.2.2.1.2. Ước chúng sanh nghiệp cảm phát tâm đáp** (trả lời: Do xét theo nghiệp cảm của chúng sanh mà phát tâm)

**3.2.2.2.2.1.2.1. Giới thính, hứa thuyết** (răn bảo hãy lắng nghe, hứa nói)

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Định Tự Tại Vương Bồ Tát: “Đế thính, đế thính, thiện tư niệm chi! Ngô đương vị nhữ, phân biệt giải thuyết”.*

**(經)爾時，世尊告定自在王菩薩：諦聽，諦聽，善思念之！吾當為汝，分別解說。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát: - Lắng nghe, lắng nghe. Hãy khéo nghĩ nhớ! Ta sẽ vì ông phân biệt, giải nói).*

Răn dạy hãy lắng nghe, khéo nghĩ nhớ, vì Phật pháp rộng sâu, nguyện môn rộng lớn, chỉ do tín lực thì mới có thể tiếp nhận. Đại Luận nói: “*Chuyên nhìn, nghe pháp như khát muốn uống, nhất tâm nhập vào ý nghĩa của từ ngữ. Hón hở nghe pháp, tâm buồn vui lẫn lộn. Đối với người như thế thì đáng nên nói*”. Do “*lắng nghe, khéo suy nghĩ*” có thể thành tựu Tam Huệ. Tiếp đó là hứa nói. Hết thầy các pháp vốn chẳng thể nói, bất sanh, bất diệt, pháp như Niết Bàn; nay do nhân duyên mà phân biệt, giải nói.

**3.2.2.2.2.1.2.2. Đăng tích nguyện sự** (nêu bày nguyện xưa)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1. Chánh mình tích nguyện lợi ích** (nêu bày lợi ích do nguyện xưa)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1. Thuật tích thệ nguyện** (thuật lại thệ nguyện xưa)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.1. Tiểu quốc vương sở phát nguyện** (lời phát nguyện của tiểu quốc vương)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.1.1. Thuật vương Phật, kiếp, hiệu** (nêu ra Phật hiệu, kiếp số và danh hiệu của vua)

*(Kinh) Nãi vãng quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ na-do-tha bất khả thuyết kiếp. Nhĩ thời, hữu Phật, hiệu Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Kỳ Phật thọ mạng lục vạn kiếp.*

**(經)乃往過去無量阿僧祇那由他不可說劫。爾時，有佛，號一切智成就如來，應供，正徧知，明行足，善逝，世間解，無上士，調御丈夫，天人師，佛，世尊。其佛壽命六萬劫。**

*(Kinh: Quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ na-do-tha bất khả thuyết kiếp về trước. Lúc bảy giờ, có Phật, hiệu là Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị Phật ấy thọ sáu vạn kiếp).*

Trước hết, trần thuật kiếp số lâu xa. Từ “*nhĩ thời*” (lúc bảy giờ) trở đi, nêu ra danh hiệu của Phật. “*Hiệu*” (號) là do Khẩu (口) và Khảo (考) ghép lại; nếu thêm vào chữ Hồ (虎), sẽ có âm đọc giống như Hào (毫), thì có nghĩa là “âm thanh giận dữ của con cọp”. Lại có nghĩa là “hồ lớn, gầm thét”. Xưa nay sai lầm chắt chửa, rất khó thay đổi!

Chữ Tát Bà Nhã Đa (Sarvajñāna) trong tiếng Phạn, kinh Ban Châu phiên âm là Tát Vân (薩雲), dịch sang tiếng Hán là Nhất Thiết Trí Tướng, do trong nhất tâm mà đắc ba trí. Đã đắc trí huệ như thật thành tựu, bèn nương vào trí ấy để thành Chánh Giác, cho nên có danh hiệu là Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai. Đáng nhận đồ cúng dường tối thượng của chư thiên và người đời thì gọi là Ứng Cúng (Arhat). Chánh (正) là “*các pháp bất động, bất hoại*”. Biến (徧) là “*chẳng phải là một pháp hay hai pháp*”. Do đều biết tất cả hết thảy các pháp chẳng còn sót thừa, nên gọi là Chánh Biến Tri (正徧知, Samyak-sambuddha).

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

“*Minh*” là Tam Minh, như sẽ giải thích [trong phần sau]. Hạnh là Bồ Tát từ sơ phát ý cho đến [chứng đắc] Kim Cang tam-muội, thân nghiệp và khẩu nghiệp thanh tịnh, tùy ý mà hành, cho nên gọi là Minh Hạnh Túc (明行足, Vidyā-carāṇa Sampanna). Như hành xứ của các vị Phật trước đó, nay đức Phật [Thích Ca] cũng hành như thế, vượt lên bậc nhất, vĩnh viễn chẳng trở lại (chẳng lui sụt thành Bồ Tát hoặc Nhị Thừa trong thế gian này) thì gọi là Thiện Thệ (善逝, Sugata). “*Giải*” tức là biết. Biết chúng sanh giới trong thế gian, hết thấy các phiền não và thanh tịnh thì gọi là Thế Gian Giải (世間解, Lokavid). Trong các pháp, Niết Bàn vô thượng, Phật là vô thượng trong các chúng sanh. Do không có gì để đoạn, nên gọi là Vô Thượng Sĩ (無上士, Anuttara). Phật có thể điều phục chúng sanh, khéo gìn giữ căn môn. Kinh Trường A Hàm nói: “*Thiện ngự lục xúc, hộ trì điều phục, do như bình địa. Hạ tứ mã xa, thiện điều ngự giả, chấp tiên trì không, sử bất thất triệt*” (Khéo điều ngự sáu xúc (sáu cảm thọ do sáu căn tiếp xúc sáu trần), bảo vệ, gìn giữ, điều phục, giống như đất bằng. Điều khiển cỗ xe bốn ngựa kéo, người khéo điều khiển sẽ cầm roi không chể, khiến cho xe chẳng bị trật bánh). Nếu nói là “*điều ngự nữ nhân*” thì chẳng tôn trọng. Do vậy, gọi là Điều Ngự Trượng Phu (調御丈夫, Puruṣa-damyā-sārathi). Đức Phật độ chúng sanh trong những đường khác thì ít, độ chúng sanh trong đường trời, người thì nhiều. Vì thế, gọi là Thiên Nhân Sư (天人師, Śāsta deva-manuṣyāṇam). Hết thấy trí huệ thành tựu, biết chúng sanh, phi chúng sanh số, các pháp thường, vô thường v.v... nên gọi là Phật (Buddha). Có đủ mười hiệu như trên đây, được cõi đời cùng tôn trọng, cho nên gọi là Thế Tôn (世尊, Bhagavat).

“*Thọ mạng sáu vạn kiếp*” có phải là thọ mạng của thắng ứng thân Phật trong quốc độ thanh tịnh đó chăng? Nhưng xét theo thời số, kiếp có bốn loại: Một là biệt kiếp, hai là thành kiếp, ba là hoại kiếp, bốn là đại kiếp. Nếu lại phân tích rộng hơn, thì có sáu loại kiếp: Một là biệt, hai là thành, ba là trụ, bốn là hoại, năm là không, sáu là đại. Nếu nói gọn lại thì có ba loại kiếp: Một là tiểu, hai là trung, ba là đại. Từ lúc con người thọ mười tuổi, dần dần [tăng lên] cho đến tám vạn tuổi; tới lúc tám vạn tuổi, lại dần dần giảm xuống mười tuổi; đó là một Biệt Kiếp (do đối với Tổng mà gọi là Biệt, tức là Tăng Giảm Kiếp). Tiểu kiếp tức là Biệt Kiếp. Trung kiếp là nói một kiếp thành hay hoại, đại kiếp là nói gộp chung cả Thành và Hoại. Nói gộp lại thì tám mươi biệt kiếp là một đại kiếp. Nay

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

nói sáu vạn kiếp thì phải xét theo tuổi thọ dài lâu như vị Phật trong cõi Cực Lạc, chẳng nên dùng ba loại kiếp trong cõi này để phán định; nhưng chỉ có Phật với Phật thì mới có thể biết mà thôi!

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.1.2. Đẳng tích vương nguyện sự** (nêu bày chuyện phát nguyện của hai vị vua khi xưa)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.1.2.1. Tự nhị vương hữu thiện** (thuật chuyện hai vua chơi thân với nhau)

*(Kinh) Vị xuất gia thời, vi tiểu quốc vương, dĩ nhất lân quốc vương vi hữu, đồng hành Thập Thiện, nhiều ích chúng sanh.*

**(經)未出家時，為小國王，與一鄰國王為友，同行十善，饒益眾生。**

*(Kinh: Khi chưa xuất gia, làm một tiểu quốc vương, kết bạn với vị vua nước láng giềng, cùng hành Thập Thiện lợi ích chúng sanh).*

Kinh Hiền Ngu nói: “Nhược thính nhân dân, nhược tự kỷ thân, xuất gia nhập đạo, công đức vô lượng, phi thí vi tỷ, cao ư Tu Di, thâm ư cự hải, quảng ư hư không. Do xuất gia cố, tất thành Phật đạo” (Nếu cho phép nhân dân xuất gia nhập đạo thì sẽ như chính mình xuất gia nhập đạo, công đức vô lượng, không thí dụ nào có thể sánh ví được! [Công đức ấy] cao như Tu Di, sâu như biển cả, rộng như hư không. Do vì xuất gia, ắt thành Phật đạo). Đại sư (Trí Giả đại sư) bảo có bốn loại xuất gia:

- 1) Thân lẫn tâm đều chẳng xuất.
- 2) Thân xuất, tâm chẳng xuất.
- 3) Thân chẳng xuất, tâm xuất (quán hạnh xuất gia).
- 4) Thân lẫn tâm đều xuất, có thể thấy Phật Tánh, ra khỏi nhà Nhị Tử (Phản Đoạn sanh tử và Biến Dịch sanh tử) thì mới là xuất gia chân thật.

Vị vua xưa kia [được nhắc đến trong đoạn chánh kinh trên đây] là hạng người thứ tư, cho nên có thể thành Phật. “Hữu” (友) là chí hướng tương hợp. Chí tương hợp, sẽ giúp ích lẫn nhau. Vì thế, chữ Hữu gồm hai chữ Hựu (又) trên dưới ghép lại, biểu thị ý nghĩa “hiệp lực”. Hai câu “đồng hành...” nhằm giải thích đạo bè bạn: “Chí đồng, đạo đồng”. Thập Thiện tương phản với Thập Ác. Phạm là bốn loại Luân Vương (Kim, Ngân, Đồng, Thiết) đều dùng Thập Thiện để giáo hóa nhân dân

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

thành tập tục; bởi Thập Thiện chính là cái gốc để sanh lên cõi trời. Nay những vị tiêu vương đồng hành Thập Thiện, đều có cái tâm Phổ Từ (tâm Từ trọn khắp). Kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung nói: “*Thập Ác oán gia, Thập Thiện hậu hữu, an thần đắc đạo, giai từng thiện sanh. Hữu năng thủ tín, phước báo tự nhiên. Từng thiện chí thiện, phi thần thọ dữ. Có ban tuyên pháp giáo, thị hiện nhân dân, vị tác phước điền. Tín giả đắc thực, hậu sanh vô ưu*” (Thập Ác là oán gia, Thập Thiện là bạn thân thiết. An tâm đắc đạo, đều do thiện sanh ra. Có ai có thể giữ chữ tín thì phước báo tự nhiên. Do thiện mà đạt đến thiện, chẳng phải do thần trao cho. Vì thế, ban bố, tuyên nói pháp giáo, chỉ bày cho nhân dân, vì họ làm ruộng phước. Người tin tưởng bền vun trồng [Thập Thiện], sẽ chẳng phải lo âu cho đời sau). Tạo lợi ích cho lê dân như thế, chẳng đánh mất sự giáo hóa của bậc nhân vương vậy!

***3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.1.2.2. Thuật nhị vương phát nguyện (thuật lời phát nguyện của hai vị vua)***

***3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.1.2.2.1. Xuất nguyện bản (nêu ra cái gốc của sự phát nguyện)***

***(Kinh) Kỳ lân quốc nội, sở hữu nhân dân đa tạo chúng ác. Nhị vương nghị kế, quảng thiết phương tiện.***

***(經)其鄰國內，所有人民多造眾惡。二王議計，廣設方便。***

***(Kinh: Trong nước lân cận, tất cả nhân dân phần nhiều tạo các điều ác. Hai vua bàn kế, rộng lập phương tiện).***

Nhân dân là cái gốc của nước nhà. “*Dân*” là chúng sanh. Lúc trời đất mới sanh ra con người, bề ngoài họ chất phác, nội tâm chân thuần, ai nấy đều toàn là một khối hỗn độn. Các vị trời [hiện hữu] lúc trời được mở ra thì là “*thiên dân*”. Nhân loại sanh thành thì là “*phàm dân*”, cho nên gọi là “*nhân dân*”. “*Chúng ác*” (Các điều ác) tức là tạo đủ các nghiệp Thập Ác, hết sức tương phản với Thập Thiện. Kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung nói: “*Ký bất thiêu hương, nhiên đặng, lễ bái, hằng hoài hồ nghi, sân khuyển, mạ lỵ, ác khẩu, tật hiên. Hựu bất Lục Trai, sát sanh thú thủ, bất kính Phật kinh. Nhược tật bệnh giả, tiện hô vu sự, bốc vẩn, giải tẩu, từ tự tà thần. Thủ từng tức hạnh ác đạo trung lai, hiện thế*

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*tội nhân, tử nhập Nê Lê, bị khảo lược trị, khóc bất khả ngôn. Giai do tích ác, kỳ hạnh bất thiện”* (Đã chẳng thấp hương, đốt đèn, lễ bái, lại còn luôn hồ nghi, nóng giận, chửi rủa, nói lời thô ác, ghen ghét người hiền. Lại chẳng giữ sáu ngày trai giới, thích sát sanh, chẳng kính trọng kinh Phật. Nếu bị bệnh tật, liền gọi thầy đồng bói toán, giải hạn, [viết số] tâu trình, cúng tế tà thần. Đây là kẻ quên thói từ xưa, từ trong ác đạo mà sanh đến. Tội nhân trong đời này, chết đi vào Nê Lê, bị tra khảo, hành hạ, trừng trị, đau đớn tàn khóc chẳng thể diễn tả được. Đây đều là do điều ác tích tập, hành vi bất thiện). Vì thế, hai vua thương nghị, tính toán, rốt cuộc làm như thế nào để rộng lập phương pháp thuận tiện, hay khéo để cứu những người dân ác ấy, hòng chẳng đánh mất sự giáo hóa của vua, của thầy!

#### ***3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.1.2.2. Chánh phát nguyện***

[Phần này gồm hai ý]:

- Một vị vua phát nguyện thành Phật trước.
- Một vị vua phát nguyện độ chúng sanh trước.

Vốn chia thành hai khoa, nay nói gộp lại để giải thích kinh văn cho tiện.

***(Kinh) Nhất vương phát nguyện, tảo thành Phật đạo, đương độ thị bối, linh sử vô dư.***

***(經)一王發願，早成佛道，當度是輩，令使無餘。***

***(Kinh: Một vua phát nguyện sớm thành Phật đạo, sẽ độ những hạng người ấy chẳng còn thừa sót).***

Đại Luận nói: “Thành tựu chúng sanh có hai loại: Có người thì tự thành tựu công đức trước, sau đây mới độ chúng sanh. Có người thành tựu chúng sanh trước rồi sau đó mới thành tựu công đức của chính mình”. Đây chính là ý chỉ phát nguyện của hai vị vua. Do thành Phật chính là căn bản để độ chúng sanh, [đã thành Phật] thì mới có thể rộng hóa đạo. Vì thế, nguyện thành Phật. Do đó, kinh dạy: “*Nhất nhân xuất thế, đa nhân mong khánh, phước lạc nhiều ích, Phật Thế Tôn dã*” (Một người xuất thế, nhiều người được nhờ ơn, phước lạc trọn đầy, đó chính là Phật Thế Tôn). Vì thế, tự thành tựu trước thì mới có thể độ những kẻ

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

ác ấy đều nhập Diệt Độ chẳng còn thừa sót. Đây chính là lúc mới phát tâm liền thành Chánh Giác.

*(Kinh) Nhất vương phát nguyện: “Nhuộc bất tiên độ tội khổ, linh thị an lạc, đắc chí Bồ Đề, ngã chung vị nguyện thành Phật”.*

**(經)一王發願：若不先度罪苦，令是安樂，得至菩提，我終未願成佛。**

*(Kinh: Một vị vua phát nguyện: “Nếu chẳng độ kẻ tội khổ trước, khiến cho họ được an lạc, đạt đến Bồ Đề, tôi nguyện trọn chẳng thành Phật”).*

Một vị vua suy nghĩ: Chính mình chưa đắc độ, hãy độ chúng sanh trước, thì mới là Bồ Tát phát tâm, há có nên vì chính mình trước ư? Như Đại Luận nói: “Đức Phật nói ta dùng thiên nhãn thanh tịnh, thấy các chúng sanh chết đây, sanh kia, theo nghiệp thiện hay ác mà hứng chịu các quả báo. Ta nay hãy nên độ thoát những kẻ có tội trước, khiến cho họ đạt được niềm vui vô thượng Niết Bàn. Thà ở trong sanh tử dài lâu, thề trọn chẳng nguyện thành Phật”. Đây chính là cái tâm phát khởi hoàng nguyện ban đầu, rốt cuộc do lòng đại bi mà vào chốn hoạn nạn. Do vậy, hai vị vua phát nguyện, dường như bất đồng!

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.1.3. Kết nhị vương kim cổ** (kết lại, biện định bản thân của hai vua xưa và nay)

*(Kinh) Phật cáo Định Tự Tại Vương: - Nhất vương phát nguyện tạo thành Phật giả, tức Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai thị. Nhất vương phát nguyện vĩnh độ tội khổ chúng sanh, vị nguyện thành Phật giả, tức Địa Tạng Bồ Tát thị.*

**(經)佛告定自在王：一王發願早成佛者，即一切智成就如來是。一王發願永度罪苦眾生，未願成佛者，即地藏菩薩是。**

*(Kinh: Đức Phật bảo ngài Định Tự Tại Vương: - Một vị vua phát nguyện sớm thành Phật, chính là Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai.*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*Một vị vua phát nguyện vĩnh viễn độ chúng sanh tội khổ, chưa nguyện thành Phật, tức là Địa Tạng Bồ Tát).*

Nhân vương phát nguyện thành đạo như cầm bằng khoán nhận vật. Vì thế nói: “*Pháp tánh như biển cả, chẳng nói có đúng, sai. Phàm phu, bậc hiền thánh, bình đẳng chẳng cao thấp. Chỉ do tâm cấu đã diệt, bèn chứng đắc [dễ dàng] như lật bàn tay*”. Xét ra, vị quốc vương ấy đúng là như thế. Nhưng chuyện trong trần sa kiếp, giống hết như ngày hôm nay; đây chính là Phật nhãn không pháp nào chẳng biết, không chuyện gì chẳng thấy.

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2. Quang Mục nữ sở phát nguyện (cô Quang Mục phát nguyện)**

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.1. Thuật Phật hiệu, kiếp, thọ (thuật Phật hiệu, kiếp số, thọ mạng)**

*(Kinh) Phục ư quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai. Kỳ Phật thọ mạng tứ thập kiếp.*

**(經)復於過去無量阿僧祇劫，有佛出世，名清淨蓮華目如來。其佛壽命四十劫。**

*(Kinh: Lại trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp đời quá khứ, có Phật xuất thế, tên là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai. Đức Phật ấy thọ mạng bốn mươi kiếp).*

Đức Phật xuất thế, nay dùng Phật Thích Ca để suy ra các vị cô Phật. Như kinh Nhân Quả nói: “*Bồ Tát công hạnh mãn túc, vị đấng Thập Địa, tại nhất sanh bổ xứ, sanh Đâu Suất Thiên. Kỳ vận tương chí, đương hạ tác Phật, tức quán ngũ sự: Nhất, quán sanh thực dữ vị thực? Nhị, quán thời chí dữ vị chí? Tam, quán hà quốc xứ trung? Tứ, quán hà tộc quý thịnh? Ngũ, quán quá khứ nhân duyên, thù vi phụ mẫu? Quán dĩ, hạ sanh*” (Bồ Tát công hạnh trọn đủ, địa vị đạt tới Thập Địa, thuộc về Nhất Sanh Bổ Xứ, sanh vào trời Đâu Suất. Khi pháp vận sắp đến, sắp giáng sanh thành Phật, Ngài liền quán năm sự: Một là quán căn cơ của chúng sanh chín muồi hay chưa? Hai là quán đã đến thời hay chưa? Ba là quán sẽ ở trong nước nào? Bốn là quán dòng dõi nào cao quý, thịnh vượng? Năm là quán nhân duyên quá khứ, ai là cha mẹ? Quán xong bèn



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

giáng sanh). Dùng chuyện nay để suy lường chuyện xưa, [các vị cô Phật xuất thế] cũng giống như thế.

“*Thanh Tịnh Liên Hoa Mục*” (mặt như hoa sen thanh tịnh) là một trong ba mươi hai tướng. Như bảo nữ hỏi đức Phật: “*Như Lai có ba mươi hai tướng đại nhân, tiền thế túc mạng đã hành công đức gì mà dẫn đến có tướng [cao quý, đẹp đẽ] trọn khắp thân thể?*” Đức Phật bảo: “*Tướng đại nhân ‘tròng mắt của Như Lai có màu xanh ánh đỏ (cám thanh)’ là do đời xưa kia thường dùng mắt Từ nhìn mọi người. Tướng đại nhân ‘mắt của Như Lai như trắng non’ là do trong đời quá khứ không có tâm thô bạo, tâm tánh hòa thuận*”. Đức Phật ấy đã dùng tướng đạt được để lập danh hiệu. Đó gọi là “*diện như tịnh mãn nguyệt, mục như thanh liên hoa*” (mặt như trăng tròn sạch, mắt như hoa sen xanh), ấy là vì Báo Phật (Báo Thân Phật) được gọi là Tịnh Mãn (Rocana, Lô Xá Na). Các ác đều tận, các đức đều trọn, vì được diệu mục thiên nhiên (mắt màu nhiệm tự nhiên) như hoa sen thanh tịnh.

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2. Đẳng La Hán độ sanh** (*thuật chuyện La Hán cứu độ chúng sanh*)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1. Tự tích nguyện sự** (*thuật chuyện phát nguyện xưa kia*)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1. Tội mẫu đọa khổ** (*bà mẹ phạm tội đọa vào cảnh khổ*)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.1. Cử năng độ La Hán** (*nêu ra vị La Hán có thể hóa độ*)

**(Kinh) Tượng Pháp chi trung, hữu nhất La Hán, phước độ chúng sanh.**

**(經)像法之中，有一羅漢，福度眾生。**

**(Kinh: Trong thời Tượng Pháp có một vị La Hán phước độ chúng sanh).**

Tượng Pháp (Sad-dharma-pratirūpaka) là [thời kỳ] ở giữa Chánh Pháp (Sad-dharma) và Mạt Pháp (Sad-dharma-vipralopa), chính là thời “*thấp tự kiên cố*”, do chỉ tu chuyện phước đức hữu vi, tức là như câu chuyện tạc vẽ hình tượng trong đoạn kinh tiếp theo. La Hán: Do cái nhân là Khất Sĩ, thành cái quả là Ứng Cúng. Kinh Nhất Thiết Pháp Cao Vương nói: “*Từ hạnh, từ đắc, bát Phú-già-la, ưng thọ thế gian thiên*



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện Kinh Khoa Chú***

hội tụ của huyết khí. Vì thế, tỳ mà hư thì tinh khí của ngũ tạng<sup>102</sup> đều mất chỗ cai quản, chẳng thể quy tụ, chẳng thể tỏa sáng nơi mắt được. Nay thánh nữ đã có thể hiểu thuận song thân, cung kính Tam Bảo, tự nhiên có thần cao, thần thủy, thần quang, chân khí, chân huyết, chân tinh, bồi đượm chất dịch của mắt, [khiến cho mắt] tỏa sáng dị thường. Nếu luận theo pháp, mắt biểu thị Định, quang biểu thị Huệ. Do Định phát Huệ, Huệ quang chuyên chú nơi mắt, nên có tên gọi cao đẹp (Quang Mục) này.

“*Thiết thực cúng dường*”: Thức ăn chính là ngoại mạng của chúng sanh. Người cảm thức ăn thí cho người khác, sẽ có năm công đức, sẽ đắc đạo: Một là thí mạng, hai là thí sắc, ba là thí lực, bốn là thí an (thí yên ổn), năm là thí biện (ban cho biện tài), đây là năm phước. Nếu thí cho La Hán, phước gấp trăm lần! Như xưa kia, ngài A Na Luật (A Nậu Lô Đà, Aniruddha) dâng thí một chén cơm cho vị Bích Chi Phật, bèn cảm quả báo chín mươi một kiếp chẳng nghèo túng; lại còn đắc đạo quả. Do đó, cần phải cúng dường!

#### ***3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.2. Vấn nguyện (hỏi về ước nguyện)***

***(Kinh) La Hán vấn chi, dục nguyện hà đẳng?***

***(經)羅漢問之，欲願何等？***

***(Kinh: La Hán hỏi rằng: “Muốn nguyện những gì?”)***

Thời đức Phật, khuôn phép thông thường khi tiếp nhận cúng dường là ăn xong, ắt phải hỏi [thí chủ] mong muốn gì. Như ngài Ca Diếp hỏi bà mẹ nghèo: “*Nay ý cụ mong muốn những gì? Giàu sang, có thể lực trong thế gian, Chuyển Luân Thánh Vương, và Tứ Thiên Vương, Thích Phạm chư thiên, nếu muốn đắc quả Tu Đà Hoàn cho đến Chánh Giác đều có thể thỏa nguyện*” là như vậy đó.

#### ***3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3. Bạch sự (thưa trình sự việc)***

#### ***3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.1. Hiểu nữ trần sự (hiểu nữ thưa chuyện)***

***(Kinh) Quang Mục đáp ngôn: “Ngũ dĩ mẫu vong chi nhật, tư phước cứu bạt, vị tri ngã mẫu sanh xử hà thú?”***

<sup>102</sup> Ngũ tạng là tim, gan, tỳ, phổi, thận.

**(經)光目答言：我以母亡之日，資福救拔，未知我母，生處何趣。**

*(Kinh: Quang Mục đáp rằng: “Trong ngày mẹ con mất, con đã làm phước để cứu bạt, chẳng biết mẹ con sanh vào đường nào?”)*

“Vong” (亡) là đã mất, chẳng còn. Chữ “vong” là do Nhập (入, vào) và Ân (𠂔) ghép lại, ý nói: “Vào chỗ ản kín”. Mẹ chết, con làm phước giúp cho, đây chính là chuyện chánh yếu của người con hiếu thảo. Cha mẹ sanh ra thân ta, ta nương nhờ bú mớm mà khôn lớn thành người. Ân ấy, đức ấy, trải bao kiếp khó đền! Kinh Niết Bàn dạy: “Tri ân giả, đại bi chi bản. Bất tri ân giả, thậm ư súc sanh” (Biết ơn là cái gốc của lòng đại bi. Kẻ chẳng biết ơn, tệ hơn súc sanh). Nay cô Quang Mục muốn biết chỗ mẹ thác sanh, có thể nói là biết được cái gốc để báo ân, vượt xa những tình kiến thông thường vậy.

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2. La Hán nhập Định**

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.1. Thuật định trung kiến mẫu (La Hán thuật chuyện trong Định thấy mẹ [của cô Quang Mục])**

*(Kinh) La Hán mãn chi, vị nhập Định quán, kiến Quang Mục nữ mẫu đọa tại ác thú, thọ cực đại khổ.*

**(經)羅漢愍之，為入定觀，見光目女母墮在惡趣，受極大苦。**

*(Kinh: La Hán thương xót, bèn nhập Định để quán, thấy mẹ cô Quang Mục đọa vào đường ác, chịu khổ cực lớn).*

[La Hán] thương xót cô hiếu thảo gấp bội lẽ thường; vì thế, nhập Định quán mẹ cô ta sanh về đâu. Chữ Kiến (見) ở cuối câu trước, hiển thị huệ nhãn có thể quán. Mẹ cô ta chính là cảnh khổ để quán. Tuân theo cách giải thích bài kệ “ngã dĩ Phật nhãn quán kiến lục đạo chúng sanh” trong kinh Pháp Hoa của đại sư (Trí Giả đại sư) để tách chữ Kiến thuộc về câu trên thuộc về khoa “minh Phật hữu năng kiến nhãn” (chỉ ra: Phật có mắt có thể thấy), còn “lục đạo chúng sanh” thuộc về Ngũ Trược được thấy. Trong bài kệ năm chữ của kinh ấy, còn tách chữ Kiến thuộc

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

về câu sau; huông chi kinh văn ở đây liên tiếp, há chẳng đọc theo cách này ư? Nếu không, coi hai chữ “*quán kiến*” thuộc câu kế tiếp thì càng thông thuận hơn, vì trí và cảnh ngầm khế hợp. “*Cực đại khổ*” tức là đại địa ngục Vô Gian.

Hỏi: Theo Đại Luận, Huệ Nhãn chẳng thấy tướng “*tận diệt, một, khác*” của chúng sanh, chẳng thọ hết thấy các pháp. Huệ Nhãn chẳng thể độ chúng sanh, chẳng có gì phân biệt, cho nên sanh ra Pháp Nhãn. Nay Huệ Nhãn của La Hán liễu tri không tịch, làm sao có thể thấy mẹ cô ta chịu khổ cho được?

Đáp: Huệ Nhãn biết Không, tức là chẳng chấp nơi cảnh Không, há có phải là giống như mù từ lúc bầm sanh, hoàn toàn chẳng thấy gì ư? Vì thế, kinh Đại Phẩm Bát Nhã dạy: “*Huệ Nhãn Bồ Tát, vô pháp bất kiến, vô pháp bất tri, vô pháp bất thức, thị vi Huệ Nhãn tịnh*” (Huệ Nhãn Bồ Tát không pháp nào chẳng thấy, không pháp nào chẳng biết; không pháp nào chẳng nhận rõ. Đây là Huệ Nhãn tịnh), kinh văn đã nói rõ, có thể dựa theo đó [để biện định]. Huông hồ là vị La Hán lần lượt giáo hóa, tức là đã thuộc ý nghĩa “*Bồ Tát xuất Giả*”! Bởi lẽ, A La Hán đã giống như Thập Hạnh của Biệt Giáo cùng trừ Tứ Trụ [phiền não], tự có thể có tiến cao hơn, đoạn trừ Trần Sa trong pháp giới. Do vậy, ngài Tứ Minh nói: “*Cũng có pháp duyên từ bi, thuận theo cõi đời để lợi lạc chúng sanh*”.

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2. Thuật xuất Định vấn đáp (trường thuật chuyện xuất Định vấn đáp)**

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.1. Vấn hạnh nghiệp (hỏi hạnh nghiệp của mẹ cô ta)**

**(Kinh) La Hán vấn Quang Mục ngôn: “Nhữ mẫu tại sanh, tác hà hạnh nghiệp? Kim tại ác thú, thọ cực đại khổ”.**

**(經)羅漢問光目言：汝母在生，作何行業？今在惡趣，受極大苦。**

**(Kinh: La Hán hỏi Quang Mục rằng: “Mẹ cô khi còn sống đã làm hạnh nghiệp gì? Nay bà ta đang ở trong đường ác chịu khổ tội bậc”).**

“*Tác*” (作) là tạo tác. Như đức Phật đã nói: Tam giới, ngũ đạo, tội cấu khổ não, không gì chẳng do Tác! Hết thấy những thứ ngang trái chẳng phải do trời ban bố, mà là do tự làm, tự chịu! “*Hạnh*” có nghĩa là

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

“*chuyển đời*”, là Tâm Sở pháp thuộc vào Ngũ Âm. Do Vô Minh Hoặc từ quá khứ, dấy từ ba nghiệp, tạo tác các pháp, cho nên gọi là “*hạnh nghiệp*”. Nghiệp thành, báo hiện, cho nên ở trong đường ác, hứng chịu nỗi khổ to lớn tội bậc!

3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2. **Đáp sở tập** ([*Quang Mục*] *đáp về những chuyện mẹ đã từng làm*)

3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.1. **Thuật sự, cầu cứu** (*thuật chuyện, xin cứu giúp*)

(*Kinh*) **Quang Mục** *đáp ngôn*: “*Ngã mẫu sở tập, duy háo thực đạm ngư miết chi thuộc. Sở thực ngư miết, đa thực kỳ tử, hoặc sao, hoặc chủ, tứ tình thực đạm. Kế kỳ mạng số, thiên vạn phục bội.*

**(經)光目答言：我母所習，唯好食噉魚鼈之屬。所食魚鼈，多食其子，或炒，或煮，恣情食噉。計其命數，千萬復倍。**

(*Kinh*: *Quang Mục* *đáp rằng*: “*Mẹ con quen thói chỉ thích ăn những loài cá và ba ba. Ăn cá, ba ba thì phần nhiều ăn cá con, ba ba con, hoặc chiên, hoặc nấu, mặc sức ăn nuốt. Tính theo sanh mạng, gấp ngàn vạn lần!*”)

“*Sở tập*” là tập tánh, tập khí. Chủng tử của tập khí ác huân tập bên trong, hiện hành chuyển tập khí thành điều ác. Tiếp đó, [kinh văn] nói đến chuyện tạo nghiệp. “*Duy*” (唯) nghĩa là chỉ có. “*Háo*” (好) là ham thích chẳng thể buông bỏ được. Nữ nhân tánh dịu dàng, nhưng dễ vương mắc, hễ ham thích gì sẽ đắm đuối, chẳng bỏ được! Nay mẹ cô Quang Mục chỉ ham ăn nuốt cá và ba ba, không thể bỏ được ý thích ấy. Sách Tỳ Nhã<sup>103</sup> nói: “*Miết dĩ nhãn thính, khung tích liên hiếp, giáp trùng dã. Nhất danh Thần Thủ (ngư mẫn tam bách lục thập, long vi dẫn phi xuất thủy, nội miết tắc bất khứ)*” (Ba ba dùng mắt để nghe, mai khom thành hình vòm, nối liền với hông, thuộc loại động vật có vỏ cứng, còn gọi là Thần Thủ - hễ cá đủ số ba trăm sáu mươi con thì rồng sẽ dẫn chúng bay

<sup>103</sup> Tỳ Nhã (埤雅) là một bộ từ điển được Lục Điền biên soạn dưới đời Bắc Tống, gồm hai mươi quyển, chủ yếu là ghi chép những điều tìm tòi của Lục Điền đối với các danh xưng động vật và thực vật trong Kinh Thi.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

vượt khỏi nước, nhưng trong chỗ nước ấy mà có ba ba thì cá chẳng thể vượt ra được). Sách Cổ Kim Chú<sup>104</sup> nói: “Ba ba là người hầu của Hà Bá” (trong thơ Phóng Sanh của ông Đào Hiết Am ở Cối Kê có câu: “Làm quan sâu giam hãm, thủy tộc khổ bị bắt”). Kinh Thi có câu “bào miết tiên ngư” là nói đến gỏi cá tươi. “Bào miết, khoái lý” (鮑醃膾鯉) tức là món nấu chín thì có ba ba nướng, món ăn tanh (ăn sống) thì có gỏi cá chép. Mẹ cô Quang Mục thường thích ăn những thứ ấy đó chẳng? Đây là nói về chuyện sát sanh, kể đó nói về cách ăn.

“Duy háo ngư miết chi tử, sao chủ tứ thực” (Chỉ chuộng cá con, ba ba con, mặc tình chiên, nấu để ăn) tức là khiến cho mẹ lẫn con đều chết. Nhưng mạng mẹ là một, mạng con chẳng biết là bao nhiêu! Từ khi lập gia đình cho đến lúc chết, bà ta luôn quen thói làm như vậy, sát hại sanh mạng của mẹ con (cá, ba ba) chẳng thể tính toán được. Vì thế nói là “thiên vạn phục bội” (gấp mấy ngàn vạn lần). Đây là đánh đổi tánh mạng của bao nhiêu con vật để cung phụng cho một bữa ăn. Không chỉ là nhân tâm, lại còn tổn phước! Ông Tô Đông Pha nói: “Đao xẻ cá, ba ba để làm một bữa ngon, người ăn thật đã, kẻ chết thật khổ!” Châu Ngung nói: “Tánh mạng đối với chúng cực khẩn thiết, ta lại phung phí tánh mạng chúng vì vị ngon”. Đây đều là những lời lẽ buốt dạ của người có lòng nhân. “Tình” là do thiên chân (tâm tình thuần phác của mỗi người) cảm vật mà dấy động, là sự ham muốn nơi tánh. Nhân dục (lòng ham muốn của con người) chẳng thể gọi là “tình” được, vì khí chất của nó vọng động, cho nên trái nghịch thiên chân gấp bội tình. Ai thường kiềm chế, kiềm điễm, sẽ sợ hãi mà thả loài vật. Nếu một khi đã buông lung, sẽ chẳng thể nào ngăn dứt được! Vì vậy, Phó Đại Sĩ bảo: “Độc tự tình, kỳ thật ly thanh danh, thôi kiểm tứ vận tịnh vô sanh, kinh cực tòng lâm hà xử sanh?” (Tự tánh thanh tịnh tâm tịnh diệu, thật sự lìa khỏi ngôn thuyết, danh tự. Suy lường tứ vận<sup>105</sup> hoàn toàn là vô sanh, rùng rậm gai góc còn sanh từ đâu được nữa?) Có thể nói là “khéo chế ngự vọng tình, tuân theo thiên chân” vậy.

---

<sup>104</sup> Cổ Kim Chú là tác phẩm do Thôi Báo biên soạn dưới đời Tấn, nhằm giải thích những sự vật thuộc cổ đại và thời ấy, chia thành nhiều thể loại như đô ấp, âm nhạc, điều thú, ngư trùng, thảo mộc v.v...

<sup>105</sup> Tứ Vận tức là tứ vận tâm. Khi con người khởi niệm thì có bốn loại: Vị niệm (chưa niệm), dục niệm (muốn niệm, sắp niệm), niệm (khởi lên ý niệm), niệm dĩ (ý niệm đã dấy lên xong).

*(Kinh) Tôn giả từ mẫn, như hà ai cứu?*

**(經)尊者慈愍，如何哀救？**

*(Kinh: Tôn giả thương xót, [xin hãy chỉ dạy] cứu vớt bằng cách nào?)*

Từ chữ “tôn giả” trở đi là câu xin hãy rủ lòng Từ cứu vớt. Vì mẹ con đã nghiệp sâu, tội nặng, hứng chịu nỗi khổ to lớn ấy. Nay khẩn cầu tôn giả từ bi xót thương, rốt cuộc con nên xót xa cứu vớt như thế nào đây?

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.2. Phương tiện độ thoát**

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.2.1. Niệm Phật, tạc tượng**

*(Kinh) La Hán mẫn chi, vị tác phương tiện. Khuyến Quang Mục ngôn: “Nhữ khả chí thành niệm Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, kiêm tô họa hình tượng, tôn vong hoạch báo”.*

**(經)羅漢愍之，為作方便。勸光目言：汝可志誠念清**

**淨蓮華目如來，兼塑畫形像，存亡獲報。**

*(Kinh: La Hán thương xót, vì cô ta lập ra phương tiện. Khuyến Quang Mục rằng: “Con hãy nên chí thành niệm Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, và đắp, vẽ hình tượng thì kẻ còn lẫn người mất đều được thiện báo”.*

Niệm Phật, đắp tượng chính là phương cách để xót xa cứu vớt. Điều được duy trì trong tâm thì gọi là Chí, chữ Chí (志) gồm Tâm (心) và Chỉ (止) ghép lại, hàm ý: “Thâm trầm, kiên định”. Đứcc chân thật thì gọi là Thành (誠, chân thành), đó là cội rễ của tánh mạng. Do trời đạt được điều này (Thành) mà thành trời, do đất đạt được Thành mà thành đất, con người do đạt được Thành mà tự thành tựu. Chẳng Thành, chính là tự hoại, tuyệt trừ căn cội của tánh mạng, sụp lở, hư nát thiên địa của chính mình. [Chữ Thành (誠)] từ Thành (成) mà lập ý, chỉ thẳng chân tâm của con người; lại còn ghép thêm bộ Ngôn (言), nhằm lan truyền lòng thành của ta, chẳng khác gì thốt lời tiết lộ căn cội của trời vậy. Ghép hai chữ Thành (成) và Ngôn (言) để tạo thành chữ Thành (誠), nhằm diễn tả:



### *Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

Không chuyện gì chẳng chân thật. Thốt ra lời nói hay hành động, đều là vận dụng lòng Thành của ta, đều có công năng đạt đến nhất trí [giữa tâm niệm và hành vi, ngôn ngữ]. Niệm Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai chính là căn cội để khắc nhỏ, bỏ đi tà kiến điên đảo, là cái gốc để nhỏ trừ tham, sân, là cái nhân để tu niệm Phật, là cái quả để chứng thấy Phật. Vì thế, đức Phật dạy các tỳ-kheo: “*Ngã diệt độ hậu, nhược xưng ngã danh, sở hoạch phước đức vô lượng vô biên. Cố giáo linh xưng Bốn Sư Phật danh dã*” (Sau khi ta diệt độ, nếu xưng danh ta, sẽ đạt được phước đức vô lượng vô biên. Vì thế, dạy xưng danh của đức Bốn Sư Phật).

“*Tổ họa hình tượng*” (Đắp, vẽ hình tượng): Nhồi đất để tạo hình tượng là Tổ (塑), dùng ngũ sắc để vẽ vời là Họa (畫). Như vua Ưu Điền (Udayana) hỏi đức Phật rằng: “Như sau khi đức Phật diệt độ, nếu có chúng sanh tạo hình tượng của Phật, sẽ đạt được phước gì?” Đức Phật bảo nhà vua rằng: “*Nhược đương hữu nhân tác Phật hình tượng, công đức vô lượng, bất khả xưng kể, thể thể sở sanh, bất đoạ ác đạo. Thiên thượng, nhân trung, thọ phước khoái lạc, nãi chí tác Đại Phạm Vương, đoan chánh vô tỷ, hậu giai đắc sanh Vô Lượng Thọ Phật quốc, tác đại Bồ Tát, tối tôn đệ nhất, đương đắc thành Phật, nhập Nê Hoàn đạo*” (Nếu trong tương lai có người tạo hình tượng Phật, [người ấy] công đức vô lượng, chẳng thể tính kể: Đời đời sanh ra chẳng đoạ vào đường ác. Ở trên cõi trời, hay trong cõi người, hưởng phước vui sướng, cho đến làm Đại Phạm Vương, đoan chánh khôn sánh. Về sau, sẽ đều được sanh vào cõi Phật Vô Lượng Thọ, làm đại Bồ Tát, tôn quý bậc nhất, sẽ được thành Phật, nhập đạo Niết Bàn). Vì thế, nay [La Hán] khuyên [Quang Mục] làm hai chuyện ấy khiến cho người mất lần kẻ còn đều được báo ứng tốt đẹp.

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.2. Họa tượng, cúng lễ** (vẽ tượng, cúng dường, lễ bái)

(*Kinh*) *Quang Mục văn dĩ, tức xả sở ái, tầm họa Phật tượng, nhi cúng dường chi. Phục cung kính tâm, bi khắp, chiêm lễ.*

**(經)光目聞已，即捨所愛，尋畫佛像，而供養之。復恭敬心，悲泣瞻禮。**

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Quang Mục nghe xong liền bỏ ngay những vật mình yêu thích, vẽ tượng Phật để cúng dường. Lại dùng tâm cung kính, buồn khóc, chiêm ngưỡng, lễ bái).*

Vẽ tượng, cúng dường thì mọi người dễ làm; bỏ ngay những thứ chính mình yêu thích, người ta khó làm được! Nay đã bỏ vật yêu thích để vẽ tượng, cung kính, khóc lóc, lễ bái, cây Phật cứu mẹ, dùng đạo để báo tình thân, cái tâm thuần hiếu sáng ngời thiên cổ vậy!

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.2.3. Dạ mộng kiến Phật (đêm mộng thấy Phật)**

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.2.3.1. Hiếu nữ kiến Phật cáo ngữ (hiếu nữ thấy Phật báo ban)**

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.2.3.1.1. Nữ kiến thắng tướng (cô gái thấy tướng thù thắng)**

*(Kinh) Hốt ư dạ hậu, mộng kiến Phật thân, kim sắc hoảng diệu, như Tu Di sơn, phóng đại quang minh.*

**(經)忽於夜後，夢見佛身，金色晃耀，如須彌山，放大光明。**

*(Kinh: Chợt vào cuối đêm, mộng thấy thân Phật sắc vàng chói ngời như núi Tu Di, phóng đại quang minh).*

“Đêm mộng thấy Phật”: Kinh Tạp Bảo Tạng nói: “Phật pháp khoan quảng, tế độ vô ngại. Chí tâm cầu đạo, vô bất hoạch quả. Nãi chí hý tiếu, phước bất đường quên” (Phật pháp mênh mông, tế độ chẳng ngần mé. Chí tâm cầu đạo, không ai chẳng đắc quả. Cho đến cười giỡn, phước chẳng luống uổng). Vì thế, hiếu nữ bỏ vật ưa thích để vẽ tượng, buồn khóc, chiêm ngưỡng, lễ bái, Phật liền hiện thân, còn phóng quang minh. Do người có cảm, [Phật, Bồ Tát] từ bi ứng hiện phù hợp căn cơ. Sắc tướng, quang minh [hiển hiện] trong mộng để an ủi kẻ có lòng buồn thương, khẩn thiết. Theo luật Thiện Kiến<sup>106</sup>, có bốn loại mộng:

---

<sup>106</sup> Luật Thiện Kiến có tên gọi đầy đủ là Nhất Thiết Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa (Samantapāsādikā), hoặc gọi tắt Thiện Kiến Luật Chú, là chú giải của Luật Tạng theo truyền thống Phân Biệt Thuyết Bộ của Phật giáo Nam Truyền. Bộ luật số này

### **Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú**

1) Mơng do Tứ Đại bất hòa (thấy núi lở, bay lên không trung, cạp, sói, giặc giã rượt đuổi v.v...)

2) Mơng thấy những gì trước đó đã thấy (ban ngày thấy đen, trắng, nam, nữ, đêm liền mơng thấy [những hình ảnh đó]).

3) Mơng thấy chư thiên (chư thiên hiện ra giấc mơng thiện, ác để dạy con người biết chuyện thiện, ác).

4) Mơng do nghĩ tưởng (đời trước có phước hay tội chướng, nay hiện thành giấc mơng đẹp đẽ hay ác mơng).

Hai loại đầu chẳng thật, hai loại sau chân thật. [Giấc mơng của cô Quang Mục] thuộc hai loại sau. Kinh Xuất Sanh Bồ Đề Tâm nói: “*Nhược hữu mơng kiến Phật hình tượng, chư tướng cụ túc trang nghiêm thân, chúng sanh kiến giả ưng hoan hỷ, niệm đương tất tác Điều Ngự Sư*” (Nếu nằm mơng thấy hình tượng Phật, thân có các tướng trọn đủ trang nghiêm, hãy nên hoan hỷ, nghĩ ta ắt sẽ làm bậc Điều Ngự Sư). Nay Quang Mục nằm mơng, há chẳng phải là thuận vì lòng đại hiếu xuất thế, cảm cách Đệ Nhất Nghĩa Thiên (Phật), đến nỗi có sự ứng hiện tốt lành đó ư? “*Kim sắc...*”: Phía Đông núi Đại Tu Di và bảy núi vàng tiểu Tu Di thuận là vàng ròng. Thân Phật chói ngời cũng giống như những núi ấy. Lại còn phóng quang minh, sắc tướng càng màu nhiệm!

### **3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.3.1.2. Phật cáo sanh xứ (Phật bảo chỗ mẹ cô Quang Mục sanh về)**

(*Kinh*) *Nhi cáo Quang Mục: “Nhữ mẫu bất cứu, đương sanh nhữ gia, tài giác cơ hàn, tức đương ngôn thuyết”.*

**(經)而告光目: 汝母不久, 當生汝家, 纔覺饑寒, 即當言說。**

(*Kinh*: *Bèn bảo Quang Mục: “Chẳng bao lâu mẹ con sẽ sanh vào nhà con, vừa mới biết đói lạnh, sẽ liền nói năng).*

Mơng thấy thân Phật phóng quang dạy chỗ mẹ đã sanh về, là chuyện tuyệt lạ! “*Sanh vào nhà con*”: An ủi, dạy chỗ mẹ sanh về. “*Tức ngôn thuyết*” (Liền nói năng): Ngầm chỉ mẹ sẽ cầu cứu.

---

được dịch sang tiếng Hán vào năm Vĩnh Minh thứ bảy (489) đời Nam Tề do hai vị Tăng Già Bạt Đà La và Tăng Y hợp dịch, gồm mười tám quyển.

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.2.3.2.** *Tội mẫu thác sanh tỳ gia (người mẹ có tội thác sanh vào nhà đầy tớ)*

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.2.3.2.1.** *Sanh xuất cầu cứu (sinh ra bên cầu cứu)*

*(Kinh) Kỳ hậu gia nội, tỳ sanh nhất tử. Vị mãn tam nhật, nhi nãi ngôn thuyết, khể thủ, bi khắp, cáo u Quang Mục.*

**(經)其後家內，婢生一子。未滿三日，而乃言說，稽首悲泣，告於光目。**

*(Kinh: Về sau trong nhà ấy, người hầu gái sinh một con trai. Chưa đầy ba ngày, đã có thể nói, nó dập đầu, buồn khóc, báo Quang Mục).*

Kinh văn chia thành ba tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất nói về cái duyên sanh hạ. Từ chữ “*sanh tử*” (sống chết) trở đi, [là tiểu đoạn thứ hai], tường thuật cảnh khổ. Từ “*mông nhữ*” (mong người) trở đi [là tiểu đoạn thứ ba] trần thuật sự nhờ cậy, cầu cứu. “*Tỳ tử*” (con của người tớ gái): Nô phụ (奴婢, vợ người đầy tớ) là mẹ sanh ra đứa bé ấy. Chữ Đà Sách Ca (Dāsaka) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Nô (奴, đầy tớ). Sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: “*Kẻ nam mắc tội [phải làm tôi tớ] là nô, kẻ nữ mắc tội là tỳ*”. Chữ Tỳ (婢) gồm chữ Nữ (女) và Ty (卑, kém hèn) ghép lại. Kinh Trường A Hàm nói: “*Sanh tử đọa địa năng ngôn, cố danh Thanh Vương*” (Sanh con ra, đứa bé rơi xuống đất bên có thể nói, nên gọi là Thanh Vương). Nay mà trẻ mới sanh liền có thể nói, ai nấy đều sợ hãi, gọi là Đáng Sợ. Nay đứa trẻ mới sanh ba ngày, liền dập đầu, khóc lóc, kê lễ cũng là chuyện quái dị. Phật lực khiến thành ra như vậy để kể ấy dùng mê mất túc duyên.

*(Kinh) Sanh tử nghiệp duyên, quả báo tự thọ. Ngô thị nhữ mẫu, cửu xử ám minh. Tự biệt nhữ lai, lữ đọa đại địa ngục.*

**(經)生死業緣，果報自受。吾是汝母，久處暗冥。自別汝來，累墮大地獄。**

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh**: *Nghiệp duyên sanh tử, quả báo tự chịu. Ta là mẹ ngươi, ở trong chốn tối tăm đã lâu. Từ khi già biệt ngươi đến nay, đọa mãi trong đại địa ngục*).

Hai câu “*sanh tử...*” [diễn tả] tình lý thâm đậm. Bậc hiền nhân thuở xưa đã nói: “*Tử sanh cũng lớn thay*”, há chẳng đau lòng ư? Nghiệp duyên là cái nhân của Thập Ác, quả báo ở trong tam đồ. Thập Địa Luận nói: “*Giết chóc có ba quả báo. Một là dị thực quả, tức ba ác đạo. Hai là đặng lưu quả, tức là trong đời người nhiều bệnh tật, đoản mạng. Ba là tăng thượng quả, tức là cảm ngoại vật đều kém tươi nhuận, chẳng tồn tại lâu dài*”. Kinh Thụ Đề nói: “*Hà vật tối uế trước? Sanh tử tối uế trước. Hà vật lạc địa ngục? Thập Ác lạc địa ngục. Tự tác, tự thọ; vô đại thọ giả*” (Vật gì dơ bẩn nhất? Sanh tử dơ bẩn nhất! Vật gì đọa địa ngục? Thập Ác đọa địa ngục. Tự làm tự chịu, không ai chịu thay!) Kinh dạy: “*Tác thị đắc thị, giai hành sở trí. Vô hoạnh dữ giả*” (Làm gì được quả nấy, đều do đã làm mà ra, chứ không chuyện gì bỗng dưng mà có), chuyện ấy đã quá rõ ràng. Vì thế, luôn là chuyện đáng than thở cảm thương!

“*Cửu xử ám minh*” (Ở trong chốn tối tăm đã lâu): Kinh Ngũ Khổ Chương Cú nói: “*Đản tọa xan tham thực, cố đọa Hắc Thằng thành, Thiết Vi lưỡng sơn gian, yếu yếu hà minh minh. Thần thức đọa kỳ trung, bất đồ nhật nguyệt tinh, triển chuyển bất tương kiến, dẫn văn khiêu hô thanh*” (Chỉ vì tham ăn uống, nên đọa ngục Hắc Thằng, giữa hai tầng núi Thiết Vi, mù mịt tối âm thâm, chẳng thấy ánh mặt trời, mặt trăng, xoay vần chẳng trông thấy, chỉ nghe tiếng thét gào) là nói về chuyện này.

“*Tự biệt*” (Từ khi cách biệt): “*Tự*” (自) là kể từ khi. Vô Thường Kệ có đoạn: “*Thân tri hàm khí xả, nhậm bỉ thằng khiên khí, tương chí Diêm Ma Vương, tùy nghiệp nhi thọ báo, ác nghiệp đọa Nê Lê, tạo nghiệp khổ thiết thân*” (Thân quyến đều buông bỏ, mặc dây thừng lôi đi, đến chỗ vua Diêm Ma, theo nghiệp mà thọ báo, ác nghiệp đọa Nê Lê, tạo nghiệp khổ cùng cực). Vì thế, từ đại địa ngục này sang một đại địa ngục khác!

(**Kinh**) *Mông nữ phước lực, phương đắc thọ sanh, vi hạ tiện nhân. Hựu phục đoản mạng, thọ niên thập tam, cánh lạc ác đạo. Nhữ hữu hà kế, linh ngô thoát miễn?*

(經)蒙汝福力，方得受生，為下賤人。又復短命，壽年

### **十三，更落惡道。汝有何計，令吾脫免？**

*(Kinh: Nhờ phước lực của người mới được thọ sanh, làm kẻ hạ tiện. Lại còn đoản mạng, thọ mười ba năm, lại rơi vào ác đạo. Người có cách gì khiến cho ta được thoát khỏi hay không?)*

Từ “*mông nhữ*” trở đi, trước hết cho biết: Nhờ vào phước lực mà thoát tội trong quá khứ. Sau đây mới cầu cứu hòng thoát nỗi khổ trong tương lai. Phước lực chính là [phước báo của việc] xưng danh, tạc tượng, [cho nên] thoát khỏi địa ngục, thọ sanh. “*Hạ tiện, đoản mạng*” là báo nhẹ của nghiệp nặng. “*Cánh lạc ác đạo*” (Lại rơi vào ác đạo) chính là dư ương chưa hết.

Chữ Tát Câu Lô Đề trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Mại Tánh, tức kẻ hạ tiện. Kinh Tứ Nhân Xuất Hiện nói: “*Hoặc hữu nhân sanh ty tiện gia, cập dư bản tiện gia, vô hữu ẩm thực. Tuy phục đắc thực, xú uế nan thường. Sanh như thử gia, bỉ thân khẩu ý hành ác cố dã*” (Hoặc có người sanh vào gia đình hèn kém và những gia đình nghèo hèn khác, chẳng có đồ ăn thức uống. Tuy có được đồ ăn, lại hôi thối khó nuốt. Kẻ sanh vào những gia đình như vậy là do thân, miệng, ý đã làm ác).

“*Đoản mạng*”: Thọ mạng trong thế gian có ba hạng: Hạ phương là sáu mươi, trung phương là tám mươi, thượng phương là một trăm hai mươi tuổi. Nay tuổi thọ đã thuộc bậc hạ mà còn bị giảm bớt, chẳng phải là đoản mạng thì là gì? “*Mạng*”, theo kinh Đại Tập, nói về giai đoạn Ca La La<sup>107</sup>, bèn có ba sự: Một là mạng, hai là hơi ấm, ba là thức. Thở ra hít vào thì gọi là Mạng, chủng tử của thức ấy được gọi là Thời Mạng Căn. Nương theo tâm mà giả lập, Mạng là năng y (chủ thể thực hiện sự nương tựa), tâm là sở y (cái để mạng nương vào). Nay đã sanh làm kẻ hạ tiện, lại còn đoản mạng, rồi lại rơi vào ác đạo. Ba quả trọn đủ, há chẳng khổ ư? Vì thế, liền cầu phương cách hòng thoát được, tránh khỏi!

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.2.3.2.2. Thảm vấn nghiệp hạnh**  
*(tra hỏi nghiệp hạnh)*

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.2.3.2.2.1. Chánh vấn bản tội** *(hỏi thẳng tội gốc)*

---

<sup>107</sup> Ca La La (Kalala) còn phiên âm là Yết La Lam, Yết Lạt Lam, dịch sang tiếng Hán là Ngưng Hoạt, Tạp Uế v.v... là lúc cha mẹ giao phối, tinh cha huyết mẹ ngưng kết thành phôi thai, mà cũng là lúc thần thức nương gá vào phôi thai ấy.

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.3.2.2.1.1. Dĩ tác hà hạnh nghiệp trung** (gạn hỏi đã tạo hạnh nghiệp gì)

(*Kinh*) **Quang Mục** văn thuyết, tri mẫu vô nghi, ngạnh yết bi đề, nhi bạch tỳ tử: “**Ký thị ngã mẫu, hợp tri bản tội, tác hà hạnh nghiệp, đọa w ác đạo?**”

**(經)光目聞說，知母無疑，哽咽悲啼，而白婢子：既是我母，合知本罪，作何行業，墮於惡道？**

(*Kinh*: **Quang Mục** nghe nói, biết là mẹ chẳng nghi, ghen ngào, buồn khóc, thưa với đũa con của đày tớ: “**Đã là mẹ tôi, ắt biết tội mình đã tạo hạnh nghiệp gì mà đọa trong ác đạo?**”)

Trước hết là thuật chuyện. Đã nghe nói như trên, sự thật, tình thật, đã biết đúng là mẹ, chẳng còn hồ nghi! Vì thế, rề giọng, ghen lời, kêu khóc, buồn thương, Từ chữ “*ký thị*” (đã là) trở đi là gạn hỏi. Sách Thuyết Văn Giải Tự giảng “*ký*” (既) có nghĩa là Đã. Đã là mẹ tôi, phải biết đã tạo tội gì, lại gạn hỏi là vì sợ có chuyện trá ngục.

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.3.2.2.1.2. Dĩ sát mạ thọ báo đáp** (trả lời: Do giết chóc và chửi bới mà thọ báo)

(*Kinh*) **Tỳ tử** đáp ngôn: “**Dĩ sát hại, hủy mạ, nhị nghiệp thọ báo. Nhược phi môn phước cứu bạt ngô nạn, dĩ thị nghiệp cố, vị hợp giải thoát**”.

**(經)婢子答言：以殺害毀罵，二業受報。若非蒙福救拔吾難，以是業故，未合解脫。**

(*Kinh*: **Đũa con của người tớ gái** đáp rằng: “**Do hai nghiệp sát hại và hủy báng chửi bới mà thọ báo. Nếu chẳng nhờ phước của người cứu vớt nạn cho ta, do vì nghiệp ấy, sẽ chưa được giải thoát**”).

Trước hết, trả lời ngay về cái nghiệp của chính mình mà thọ báo. Chỉ vì sát sanh và hủy mạ (hủy báng, chửi bới), tức hai nghiệp thân và miệng mà đến nỗi mắc quả báo địa ngục. Vì thế, trong kinh Hiền Ngu, cô Tô Mạn bảo các con: “**Sát sanh chi tội đương nhập địa ngục, thọ chư khổ não, số thiên vạn tuế. Thường vi lộc đầu, thố đầu, chư cầm thú đầu.**

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*A Bàng ngục tốt chi sở liệp xạ, vô ương số tuế. Tuy tư giải thoát, kỳ hà do hồ?”* (Do cái tội sát sanh sẽ vào địa ngục, chịu các khổ não mấy ngàn vạn năm! Thường làm thân nai, thân thỏ, thân các loài cầm thú, bị A Bàng ngục tốt săn bắt trải qua vô ương số năm. Tuy mong giải thoát, biết nhờ vào đâu?) Tuân Tử nói: *“Dĩ nhân thiện ngôn, noãn ư bố bạch. Thương nhân chi ngôn, thâm ư mâu kích”* (Nói lời tốt lành với người khác, ấm áp hơn vải vóc. Nói lời tổn thương người khác, sâu hơn mâu, kích), huông hồ hủy báng, chửi bới ư?

Vì thế, Thành Thật Luận nói: *“Nếu kẻ nào ác khẩu, mạ lỵ nhiều cách, sẽ do những lời ấy mà thọ báo”*. Vì thế, do hai nghiệp ấy mà gánh tội trong địa ngục. Từ chữ *“nhược phi”* (nếu không) trở đi, chỉ rõ: Do phước lực cứu vớt mà được giải thoát. Sát sanh đứng đầu các tội, hủy mạ đứng đầu muôn điều ác. Nếu chẳng do con gái ta được La Hán chỉ dạy, nhờ vào phước lợi do xưng danh, tạc tượng để cứu bạt hoạn nạn của ta, thì do báo ứng của hai nghiệp giết chóc và chửi bới, há có lúc giải thoát được chăng?

#### **3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.1.2.3.2.2.2.2.3.2.2.2. Chuyển trung ngục báo (chuyển sang nạn hỏi tội báo trong địa ngục)**

*(Kinh) Quang Mục vấn ngôn: “Địa ngục tội báo, kỳ sự vân hà?”*  
*Tỳ tử đáp ngôn: “Tội khổ chi sự, bất nhẫn xưng thuyết. Bách thiên tuế trung, tốt bạch nan cánh”*.

**(經)光目問言：地獄罪報，其事云何？婢子答言：罪苦之事，不忍稱說。百千歲中，卒白難竟。**

*(Kinh: Quang Mục hỏi rằng: “Chuyện tội báo trong địa ngục là như thế nào?” Đứa con của người tớ gái đáp rằng: “Chuyện tội khổ chẳng nỡ nói kể. Trong trăm ngàn năm, khó thể nói trọn hết được”*).

Trước hết là Quang Mục hỏi, kẻ đó là đứa con của người tớ gái đáp. *“Bất nhẫn”* là những lời quá đáng chẳng thể thốt ra miệng hay nghe lọt vào tai nổi! Dù muốn nói ra, cũng chẳng thể hình dung được một phần. *“Tốt”* (卒) là trọn hết. *“Cánh”* (竟) là kết thúc. Dầu trong trăm ngàn năm, chỉ sợ chẳng thể kể trọn hết những chuyện khổ được!



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.2. Hiếu nữ phát nguyện** (người con gái hiếu thảo phát nguyện)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.2.1. Quang Mục văn khổ, vì mẫu phát nguyện** (Quang Mục nghe kể khổ, vì mẹ phát nguyện)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.2.1.1. Khấp hướng không giới, trần mẫu khổ báo** (khóc hướng lên không trung, thuật khổ báo của mẹ)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.2.1.1.1. Nguyên thoát hiện sanh báo** (nguyên mẹ thoát khỏi khổ báo trong đời này)

**(Kinh) Quang Mục văn dĩ, đề lệ hào khấp, nhi bạch không giới: “Nguyên ngã chi mẫu, vĩnh thoát địa ngục. Tất thập tam tuế, cánh vô trọng tội, cập lịch ác đạo”.**

**(經)光目聞已，啼淚號泣，而白空界：願我之母，永脫地獄。畢十三歲，更無重罪，及歷惡道。**

**(Kinh: Quang Mục nghe xong, thôn thức, trào nước mắt, gào khóc, mà bạch cùng hư không: “Nguyên cho mẹ con vĩnh viễn thoát khỏi địa ngục. Hết [tuổi thọ] mười ba năm, chẳng còn trọng tội và trải qua ác đạo nữa”).**

“Hào” (號) là khóc to. Trong tâm đau xé dạ, ngoài khóc lóc, kêu gào. Khóc hồi lâu tắt tiếng, thì gọi là Khấp (泣). Ôm lòng đau khổ, bạch cùng hư không: “Nguyên cố mẫu của con vĩnh viễn thoát khỏi địa ngục. Hết tuổi thọ mười ba năm ngắn ngủi, sẽ tiêu nỗi khổ dài lâu trong mười tám ngục, chẳng còn trải qua ác đạo, thọ khổ vô lượng nữa!”

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.2.1.1.2. Nguyên thoát hậu sanh báo** (nguyên thoát báo trong đời sau)

**(Kinh) Thập phương chư Phật từ ai mãn ngã, thính ngã vị mẫu sở phát quảng đại thệ nguyện: Nhược đắc ngã mẫu vĩnh ly tam đồ, cập tư hạ tiện, nãi chí nữ nhân chi thân, vĩnh kiếp bất thọ giả.**

**(經)十方諸佛慈哀愍我，聽我為母所發廣大誓願：若得我母永離三塗，及斯下賤，乃至女人之身，永劫不受者。**

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Mười phương chư Phật từ bi thương xót con, hãy nghe con vì mẹ phát thệ nguyện rộng lớn: Nếu mẹ con được vĩnh viễn thoát khỏi tam đồ và thân hạ tiện, cho đến muôn đời chẳng thọ thân nữ nhân).*

Cầu mười phương chư Phật hiện đang trụ trong hà sa thế giới trong đời này, một là hiện thị tâm thệ nguyện rộng lớn, hai là khẩn thiết cầu Phật rủ lòng Từ thương xót. “Tam đồ, hạ tiện” là như kinh Tâm Địa Quán đã nói: “*Hoặc hữu dĩ tham đa tài, nhi vi khủng bố. Tự kỷ tài bảo hằng cầu tích tụ, nhi bất thọ dụng, hà huống năng thí bản pháp chúng sanh. Ư kỷ tài bảo, thâm sanh tham trước. Ư tha tài bảo, dục linh tôn giảm. Dĩ thị nhân duyên, mạng chung chi hậu, đọa đại địa ngục, thọ vô lượng khổ. Như thị khổ báo, danh vi đệ nhất chánh cảm chi quả. Tùng địa ngục xuất, thọ súc sanh thân. Thân thường lao khổ, thủy, thảo bất túc, kinh đa thời trung, thù tổn tha tài. Như thị chúng sanh, danh vi đệ nhị chánh cảm chi quả. Thọ thị tội dĩ, sanh ngạ quỷ trung, khốn cơ khát khổ, vô lượng thiên kiếp bất văn tương thủy âm thực chi danh. Kỳ yết như chiêm, kỳ phúc như sơn. Túng đắc âm thực, tùy biến vi hỏa. Như thị khổ thân, danh vi đệ tam chánh cảm chi quả. Tất thị tội dĩ, lai sanh nhân gian, bản cùng hạ tiện, vị tha sở sử. Ư chư tài bảo, sở cầu nan đắc. Ư nhất thiết thời, nhi bất tự tại. Như thị dư báo, danh tương tự quả*” (Hoặc có kẻ do tham nhiều của cải, nên sợ hãi. Đối với của cải của chính mình, luôn mong tích tụ mà chẳng hưởng dụng, huống hồ có thể thí cho chúng sanh nghèo thiếu! Đối với của cải của chính mình bèn sanh lòng tham đắm sâu xa; đối với tài sản của người khác, cứ muốn họ bị hao tổn, giảm bớt. Do nhân duyên ấy, sau khi mạng chung, đọa vào đại địa ngục, chịu khổ vô lượng. Khổ báo như thế gọi là cái quả chánh cảm thứ nhất. Từ địa ngục thoát ra, làm thân súc sanh. Thân thường nhọc nhằn, khổ sở, cỏ, nước chẳng đủ. Trải qua nhiều lần [như vậy] để đền cái tội hao tổn tài sản của người khác. Chúng sanh như thế được gọi là cái quả chánh cảm thứ hai. Thọ tội ấy xong, sanh làm ngạ quỷ, khốn khổ vì đói khát, trong vô lượng ngàn kiếp, chẳng được nghe tên gọi của các thứ chất dịch, nước, đồ ăn thức uống. Cổ họng như cái kim, bụng to như núi. Dầu được thức ăn, chúng sẽ biến thành lửa. Thân khổ sở như thế gọi là cái quả chánh cảm thứ ba. Tội ấy hết rồi, sanh vào nhân gian, nghèo túng, hạ tiện, bị kẻ khác sai khiến. Đối với các của cải, mong cầu mà khó được. Trong hết thảy các thời, chẳng được tự tại. Dư báo như thế, được gọi là cái quả tương tự), hết sức phù hợp [với những điều đang được nói] trong đoạn này. Chữ Giả (者) nhằm nhắc lại những chuyện trên đây, ý nói:

**Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú**

Nếu như mẹ con thoát khỏi quả báo trong thân hiện tại và thân sau, con liền đối trước đức Phật phát nguyện độ sanh rộng lớn!

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.2.1.2. Nguyên đối bốn Phật, phát ngã thế tâm (nguyên đối trước đức Phật mà phát ra cái tâm thế nguyện của ta)**

*(Kinh) Nguyên ngã tự kim nhật hậu, đối Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai tượng tiền, khước hậu bách thiên vạn ức kiếp trung, ưng hữu thế giới, sở hữu địa ngục cập tam ác đạo, chư tội khổ chúng sanh, thế nguyện cứu bạt, linh ly địa ngục, ác thú, súc sanh, ngạ quỷ đẳng.*

**(經)願我自今日後，對清淨蓮華目如來像前，卻後百千萬億劫中，應有世界，所有地獄及三惡道，諸罪苦眾生，誓願救拔，令離地獄惡趣，畜生餓鬼等。**

*(Kinh: Nguyên con từ nay trở đi, đối trước tượng của Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, trong trăm ngàn vạn ức kiếp sau này, trong những thế giới nào mà có tất cả các chúng sanh tội khổ trong địa ngục và ba ác đạo, con thế nguyện cứu bạt khiến cho họ lìa khỏi địa ngục, đường ác, súc sanh, ngạ quỷ v.v...)*

“Từ ngày hôm nay trở đi”: Nêu ra cái tâm ban đầu, bởi lẽ, mong đạt được vạn dặm, mà bước đầu chẳng cất bước, công [tu tập] trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chẳng do phát tâm ban đầu thì làm sao đạt được? Vì thế, luận Cự Tỳ Bà Sa<sup>108</sup> nói: “Nếu lìa sơ tâm, sẽ chẳng thành đạo vô thượng. Hết thấy công đức đều do sơ tâm”. Vì thế, biết kinh này trước sau bốn lượt nêu rõ sự phát tâm của ngài Địa Tạng. [Trong chánh kinh] “hậu” đã là “tiền” (trước), “kim” là lúc ban đầu. Vì thế nói “tự kim” (từ nay). “Đối Phật tượng tiền” (Đối trước tượng Phật): Nêu ra chỗ chủ yếu [để Quang Mục] nương vào mà phát tâm. “Bách thiên vạn ức kiếp”

<sup>108</sup> A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận (Abhidharma-mahavibhāsa-sāstra) có hai bản dịch:

1. Bản dịch thứ nhất vào đời Bắc Lương, do các vị Phù Đà Bạt Ma và Đạo Thái cùng dịch, gồm một trăm quyển, hiện thời chỉ còn sáu mươi quyển, được gọi là Cự Tỳ Bà Sa.
2. Bản dịch thứ hai của ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường, gồm hai trăm quyển, được gọi là Tân Tỳ Bà Sa.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(Trăm ngàn vạn ức kiếp) là thời gian trải qua. “*Ung hữu thế giới*” (Hễ có thế giới): Nhằm nói trọn hết các quốc độ y báo. “*Địa ngục...*” ý nói: Đều độ hết những chúng sanh chịu khổ.

*(Kinh) Như thị tội báo đặng nhân, tận thành Phật cánh, ngã nhiên hậu phương thành Chánh Giác.*

**(經)如是罪報等人，盡成佛竟，我然後方成正覺。**

*(Kinh: Những kẻ tội báo như thế đều thành Phật hết rồi, sau đấy, con mới thành Chánh Giác).*

Từ chữ “*như thị*” trở đi nói rõ: Độ xong hết chúng sanh rồi mới tự thành Chánh Giác. Nhiều phen phát nguyện, không gì chẳng đều như thế. Vì thế biết: Công đức phát tâm ban đầu, dầu ức kiếp xung tưng, tán dương, vẫn chẳng thể trọn hết được!

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.2.2. Không Phật cảm hiếu, tán nguyện, cáo sanh** (*đức Phật ở trên hư không cảm động vì lòng hiếu thảo, tán thán lời phát nguyện, và bảo cho biết chỗ mẹ sẽ sanh về*)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1. Ấn chứng tiền nguyện** (*ấn chứng lời nguyện trên đây*)

*(Kinh) Phát thị nguyện dĩ, cụ văn Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai nhi cáo chi viết: - Quang Mục! Nhữ đại từ mẫu, thiện năng vị mẫu phát như thị đại nguyện.*

**(經)發是願已，具聞清淨蓮華目如來而告之曰：光目！**

**汝大慈愍，善能為母發如是大願。**

*(Kinh: Phát lời nguyện ấy xong, cô nghe trọn vẹn lời đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai bảo rằng: “Này Quang Mục! Con đại từ mẫu, khéo có thể vì mẹ phát nguyện to lớn như thế”).*

“Cụ” (具) là cùng với, đầy đủ. [“Cụ văn”] là nghe trọn đủ lời dạy ấy. “Đại từ mẫu” vì [lời phát nguyện] duyên pháp giới. “Thiện năng vị mẫu phát nguyện” (Khéo có thể vì mẹ phát nguyện): Tán thán cô Quang Mục đã phát tâm với trí huệ mẫu tiếp ấy. Nếu chỉ vì mẹ phát tâm, thì có hay khéo gì? Chính là vì cô ta đã dùng cái tâm độ rộng khắp, cầu cho mẹ

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

sạch hết tội, ví như nước to ắt dập tắt lửa nhỏ, há có chuyện chẳng diệt u? Vì thế, tán thán [lời phát nguyện của cô] đã hay lại khéo.

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.1.2.2.2. Cáo chuyển hậu báo (bảo cho biết báo ứng thân sau)**

Gồm hai ý:

- Chuyển thân hiện tại thành phạm chí [trong thân sau].
- Chuyển thân sau thành Phật quả.

Nay gộp cả hai khoa lại để giải thích vì kinh văn tuy tách biệt mà ý nghĩa liên quan.

*(Kinh) Ngô quán như mẫu, thập tam tuế tất, xả thử báo dĩ, sanh vi Phạm Chí, thọ niên bách tuế. Quá thị báo hậu, đương sanh Vô Ưu Phật quốc, thọ mạng bất khả kể kiếp.*

**(經)吾觀汝母，十三歲畢，捨此報已，生為梵志，壽年百歲。過是報後，當生無憂國土，壽命不可計劫。**

*(Kinh: Ta quán mẹ con, sau khi mười ba tuổi, xả báo thân này, sanh làm Phạm Chí, tuổi thọ trăm năm. Hết báo thân ấy, sẽ sanh vào cõi Phật Vô Ưu, thọ mạng chẳng thể tính kiếp).*

Lìa nhà hạ tiện, sanh trong dòng Tịnh Hạnh; đổi thân đoản mạng thành bậc Trường Thọ Tiên. Đây là do sức niệm Phật và tạc tượng của hiếu nữ. “Phạm Chí” (Brahmachārin): Dịch sát nghĩa là Tịnh Duệ (淨裔), tức là dòng dõi của bậc tịnh phạm (phạm hạnh thanh tịnh), kế thừa, tu tập pháp của Phạm Thiên. Họ tự nói sanh từ miệng của Phạm Thiên, cho nên riêng họ có danh xưng là Phạm. Chỉ riêng Ngũ Thiên Trúc có [chủng tánh này], các nước khác không có. Kinh Trường A Hàm gọi họ là Bà-la-môn. Con vừa cầu Phật, phát tâm, ba báo của mẹ đều chuyển. Sanh ra liền là kẻ hạ tiện để chuyển báo trước. Lại sanh làm Phạm Chí, để chuyển báo trong hiện tại. Về sau thành tựu quả Phật, nhằm chuyển hậu báo. Quốc độ Vô Ưu tức là Cực Lạc, vì chuyển ưu thành lạc. Bởi lẽ, hễ sanh vào địa ngục, do bị thiêu đốt nên ưu sầu. Kế đó, sanh trong nhà kẻ tội tở, bèn lo sầu vì hạ tiện. Hết tuổi thọ mười ba, lại lo sầu vì đọa vào ác đạo lần nữa. Sau đó sanh làm Phạm Chí, sẽ lo sầu vì tà hạnh, tự đại. Nay các mối lo sầu đều dứt, cho nên sanh vào quốc độ

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Vô Ưu. Đức Phật và nhân dân trong cõi ấy thọ mạng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cho nên nói là “*thọ mạng bất khả kể kiếp*” (thọ mạng chẳng thể tính kiếp).

*(Kinh) Hậu thành Phật quả, quảng độ nhân thiên, số như Hằng hà sa.*

**(經)後成佛果，廣度人天，數如恆河沙。**

*(Kinh: Về sau thành Phật quả, rộng độ trời người, số nhiều như cát sông Hằng).*

“*Quảng độ nhân thiên*” (Rộng độ trời người): Xưa kia là người mẹ có tội, là tử tù được độ từ địa ngục, mai sau làm Như Lai, chính là bậc Đại Giác có thể hóa độ trời, người. Phát tâm tạc tượng, công không chi to bằng! Vì thế, trong kinh Nhất Thiết Pháp Cao Vương, đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: “*Sơ phát Bồ Đề chi tâm, Bồ Tát Ma Ha Tát, tức phát tâm nhật, dĩ thị nhất thiết Thanh Văn, Duyên Giác, chúng sanh phước điền. Nhất thiết chúng sanh giai ư Bồ Tát trung sanh, Bồ Tát sở hóa*” (Bồ Tát Ma Ha Tát sơ phát tâm Bồ Đề, ngay trong ngày phát tâm đã là phước điền của hết thầy Thanh Văn, Duyên Giác, và chúng sanh. Hết thầy chúng sanh đều do Bồ Tát mà sanh, được Bồ Tát hóa độ). Vì thế, chúng sanh được hóa độ nhiều như số lượng cát trong sông Hằng.

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2.2. Kết hội cổ kim** (kết lại để dung hội xưa và nay)

*(Kinh) Phật cáo Định Tự Tại Vương: - Nhĩ thời, La Hán phước độ Quang Mục giả, tức Vô Tận Ý Bồ Tát thị. Quang Mục mẫu giả, tức Giải Thoát Bồ Tát thị. Quang Mục nữ giả, tức Địa Tạng Bồ Tát thị.*

**(經)佛告定自在王：爾時，羅漢福度光目者，即無盡意菩薩是。光目母者，即解脫菩薩是。光目女者，即地藏菩薩是。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Định Tự Tại Vương: - Vị La Hán phước độ Quang Mục lúc bấy giờ chính là Vô Tận Ý Bồ Tát. Mẹ của Quang Mục chính là Giải Thoát Bồ Tát. Cô Quang Mục chính là Địa Tạng Bồ Tát).*

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

Xưa kia thành tựu tiểu quả, nay làm bậc Đại Thừa, hồi Tiểu hướng Đại vậy. Vô Tận Ý (Akṣayamati) thì như trong Biệt Hành Sớ<sup>109</sup> đã giải thích. Nay theo lời Ký thì: “*Do nguyện và hạnh đều vô tận, đều là vô tác, cho nên có tên là Vô Tận, do đều chính là pháp giới, đều chứa đựng hết thảy Phật pháp*”. Giải Thoát Bồ Tát (Vimokṣa) xưa kia đọa vào thiết thành (thành bằng sắt), trải đủ mọi nỗi cay đắng. Lại sanh vào nhà tớ gái, lại còn đoản mạng. Về sau, làm Phạm Chí, rốt cuộc đọa vào dòng tà. Nay trở ngược lại làm bậc đại giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, có thể mong thành Phật quả. Còn Quang Mục do được La Hán chỉ dạy, mẹ cô ta do Quang Mục mà được siêu thăng. Nay đức Phật sắp kết thúc sự giáo hóa [trong cõi Sa Bà], sau khi thăng lên trời Đao Lợi, người hóa độ và kẻ được hóa độ đều cùng đến, con và mẹ cùng tới, cách biệt kiếp số dài lâu nhiều như cát trong sông Hằng, thế mà một hội nghiêm nhiên! “*Đánh trống, gảy đàn tỳ bà, trở về cùng một nhà*”<sup>110</sup>, đó có phải là nói về chuyện này đây chăng?

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.2. Thị kim lợi ích** (chỉ dạy sự lợi ích trong hiện tại)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.2.1. Kết chỉ đại nguyện** (kết lại phần chỉ bày đại nguyện)

Tiết này giống như trong phần tiểu kết của đoạn văn trước, hòng mở đầu cho khoa kế tiếp, tức là tiểu kết phần chỉ bày đại nguyện, chính là nhằm làm cho chúng sanh tạo ác trong đời vị lai sẽ quy kết về cội gốc để thoát khổ. Đối với chỗ hay khéo của việc lập thành từng khoa mà ý nghĩa vẫn nhất quán, các bậc hậu hiền chớ nên không biết!

**(Kinh) *Quá khứ cửu viễn kiếp trung, như thị từ mãn, phát Hằng hà sa nguyện, quảng độ chúng sanh.***

**(經)過去久遠劫中，如是慈愍，發恆河沙願，廣度眾生**

◦

---

<sup>109</sup> Biệt Hành Sớ là tên gọi tắt của bộ Quán Âm Nghĩa Sớ. Do sau khi đã viết bộ Pháp Hoa Văn Cú xong, tổ Trí Giả lại giảng riêng phạm Phổ Môn, môn nhân là ngài Quán Đảnh ghi lại lời giảng, tạo thành tác phẩm này. Do vậy gọi là Biệt Hành Sớ, hoặc Quán Âm Kinh Sớ. Lời Ký trong câu tiếp theo được trích dẫn từ tác phẩm ấy.

<sup>110</sup> Câu này dựa theo ý thành ngữ: “*Đả cổ, lộng tỳ bà, tương phùng cộng nhất gia*” (Đánh trống, gảy tỳ bà, gặp gỡ trong một nhà), ý nói: Gặp gỡ, hoan hỷ trong một lúc rồi ai nấy mỗi người đi mỗi ngả.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Trong kiếp lâu xa về đời quá khứ, đã từ mãi như thế, phát nguyện nhiều như cát sông Hằng, rộng độ chúng sanh).

Từ thuở đầu phát tâm [cho đến] sau khi được phó chúc, số kiếp dài lâu, há có thể tính toán, dò lường nổi ư? Câu “*nhu thị từ mãi*” (từ bi xót thương như thế) nhằm tiểu kết đại lược bốn phen [phát nguyện] trên đây, [chỉ rõ Bồ Tát] đã phát nguyện rộng lớn trong Hằng sa kiếp. Diêu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa dẫn kinh Đại Thừa rằng: “*Nếu có người hỏi: ‘Gì là căn bản của hết thảy các điều thiện?’ Hãy nên nói là lòng Từ! Lòng Từ nếu chẳng trọn đủ Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, ba mươi hai tướng của Phật thì là lòng Từ của Thanh Văn. Nếu trọn đủ [những điều ấy] thì là lòng Từ của Như Lai, tức là đại pháp tu, tức là đại Niết Bàn. Sức Từ rộng sâu, trọn đủ hết thảy phước đức trang nghiêm*”. Nay Địa Tạng Bồ Tát dùng cái tâm đại Niết Bàn để tu thánh hạnh, đạt được địa vị Vô Úy, có đủ hai mươi lăm phép Vương tam-muội, đại dụng không ngần mé, là phạm hạnh chân thật. Vì thế, vừa nói “*từ mãi*” thì công đức đã trọn đủ!

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.2.2. Tán khuyến quy kính** (*tán thán, khuyên hãy quy kính*)

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.1. Ác giả quy kính thoát báo** (*kẻ ác do quy kính mà thoát khỏi ác báo*)

(**Kinh**) *Vị lai thế trung, nhược hữu nam tử, nữ nhân, bất hành thiện giả, hành ác giả.*

**(經)未來世中，若有男子女人，不行善者，行惡者。**

(**Kinh:** Trong đời vị lai, nếu có nam tử, nữ nhân, là kẻ chẳng làm lành, chuyên làm ác).

Phần đầu đoạn kinh văn này phân loại, liệt kê những kẻ ác. Từ chữ “*nhược ngộ*” (若遇, nếu gặp) [trong phần sau, tức từ “*nhược ngộ thiện tri thức, khuyến linh...*” (nếu gặp thiện tri thức khuyến...)] trở đi, [nói rõ]: Do quy y mà chuyển đổi quả báo. Hai pháp thiện và ác được sanh thành từ Ý. Ví như nước và lửa được sử dụng khác nhau. Vì thế, kinh dạy: “*Thiện nghiệp ưng tu, ác hạnh ưng ly*” (Nên tu thiện nghiệp, nên lìa hạnh ác). Thiện phước theo sát con người như bóng theo hình, chẳng thể rời được! Chuyện tội hay phước cũng đều y hệt như thế, chớ nên hò



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

nghe, kéo tự đọa vào ác đạo! Tội, phước phân minh, tin chắc chẳng mê, sẽ trụ nơi an ổn dài lâu. Lời Phật chí thành, trọn chẳng lừa người! Kẻ chẳng tin nhân quả chính là Nhất Xiển Đề. Như Bà-la-môn Tệ Túc (Pāyāsi) thường ôm giữ những kiến giải khác lạ, nói “chẳng có đời khác, mà cũng chẳng có tái sanh, chẳng có thiện báo hay ác báo”, thường bảo người khác: “Bọn sa-môn dị kiến cứ nói kẻ sát sanh cho đến tà kiến thân hoại mạng chung, đều đọa trong địa ngục. Họ bảo kẻ chẳng sát sanh cho đến kẻ chẳng tà kiến thì thân hoại mạng chung đều sanh lên trời. Chưa từng thấy người chết trở lại kẻ về chỗ họ đọa vào. Vì vậy, ta chẳng tin có đời sau và thiện báo hay ác báo”. Ấy là vì ông ta chẳng hiểu nghiệp báo sai khác, cho nên mới rêu rao những lời lẽ bài bác, cho là không có nhân quả!

*(Kinh) Nãi chí bất tín nhân quả giả, tà dâm, vọng ngữ giả, lưỡng thiệt, ác khẩu giả, hủy báng Đại Thừa giả. Như thị chư nghiệp chúng sanh, tất đọa ác thú.*

**(經)乃至不信因果者，邪婬妄語者，兩舌惡口者，毀謗大乘者。如是諸業眾生，必墮惡趣。**

*(Kinh: Cho đến kẻ chẳng tin nhân quả, kẻ tà dâm, nói dối, kẻ nói dối chiều, nói lời thô ác, hủy báng Đại Thừa. Các chúng sanh tạo nghiệp như thế, ắt đọa trong đường ác).*

“Nãi chí” (Cho đến): Chuyện ác lắm nổi, chẳng thể nói đại khái bằng một hai điều được! Nhưng bất tín là tội nặng, cho nên đặc biệt chỉ ra. Tà dâm là đầu mối của ba ác nghiệp nơi thân. Chẳng phải là có dính líu tới ngoại sắc thì mới là tà, chỉ cần khởi tâm, đã là dâm dật, chẳng chánh đáng. Ấy là vì người đời chẳng biết toàn thân bất tịnh, làm lạc đắm đuối về đẹp cuốn hút, trái nghịch đạo Phạm Thiên (tịnh hạnh), chướng ngại Bồ Đề nghiệp, tạo thành cái nhân cho tứ sanh, thành tựu cái quả trong tam đồ, vun tưới khiến cho nghiệp càng thêm nặng. Vì thế, tội tà dâm đứng đầu trong những điều răn cấm của thánh đạo.

“Vọng ngữ” là hư vọng, chẳng thật. Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, vọng ngữ khiến cho kẻ khác phiền não, sẽ đánh mất công đức chân thật, thường như [ở trong chôn] tối tăm, dầu còn sống mà như đã chết, cứ nói đao cắt lưỡi mình, [đau khổ] còn hơn lửa mạnh, rắn độc. Sau khi chết đi, đọa vào địa ngục, miệng tuôn máu, máu v.v...

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Luồng Thiệt là một miệng nói hai lời, dường như có hai cái lưỡi! Kinh dạy: “*Thái hỷ đa ngôn ngữ, tăng tham linh tha úy, khẩu quá tự khoa đản, lưỡng thiệt đệ nhất xử*” (Quá thích nói năng nhiều, tăng tham, khiến người sợ. Miệng phạm lỗi khoe, dối, lưỡng thiệt tội đứng đầu).

Ác Khẩu là thô ác rủa xả người khác. Kinh Pháp Cú nói: “*Tuy vi sa-môn, bất nhiếp thân khẩu, thô ngôn, ác thuyết, đa sở trúng thương, chúng sở bất ái, trí giả bất tích, thân tử thân khứ, luân chuyển tam đồ. Tự tử, tự sanh, khổ não vô lượng. Chư Phật thánh hiền, sở bất ái tích*” (Tuy làm sa-môn, chẳng nhiếp thân miệng, nói lời thô ác, tổn thương nhiều kẻ, mọi người chẳng mến, người trí chẳng tiếc. Thân chết, tâm đi, luân chuyển tam đồ. Tự chết, tự sống, khổ não vô lượng. Chư Phật thánh hiền, đều chẳng yêu tiếc). Giả sử thân chẳng phạm làm lỗi, nhưng khẩu nghiệp chẳng thận trọng, vẫn đọa ác đạo! Đại Luận nói: “*Một con quỷ đầu như đầu lợn, trùng thối từ miệng bò ra, thân có quang minh kim sắc. Con quỷ ấy đời trước là tỳ-kheo, ác khẩu chửi bới vị khách tỳ-kheo. Do thân giữ tịnh giới, cho nên có quang minh; do miệng thốt lời ác, cho nên trùng thối từ miệng rơi ra*”. Vì thế, kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “*Ninh dĩ lợi kiếm tiệt cát kỳ thiệt, bất dĩ ác ngôn thô ngữ, đọa tam ác đạo*” (Thà dùng gươm bén cắt phăng cái lưỡi, chẳng vì lời lẽ thô ác mà đọa trong ba ác đạo). Hủy báng Đại Thừa như trong phần trước và phần sau đã giải thích. “*Các chúng sanh tạo nghiệp như thế*”: Tổng kết những kẻ bất thiện ắt đọa vào đường ác, kết thành tội xử.

**(Kinh) Nhược ngộ thiện tri thức, khuyến linh nhất đàn chỉ gian, quy y Địa Tạng Bồ Tát, thị chư chúng sanh, tức đắc giải thoát tam ác đạo báo.**

**(經)若遇善知識，勸令一彈指間，歸依地藏菩薩，是諸眾生，即得解脫三惡道報。**

**(Kinh: Nếu gặp thiện tri thức, khuyến hãy quy y Địa Tạng Bồ Tát trong khoảng một cái khảy ngón tay, các chúng sanh ấy liền được giải thoát quả báo trong ba ác đạo).**

Từ “*nhược ngộ thiện tri thức*” (nếu gặp thiện tri thức) trở đi, nói về sự giải thoát. “*Nhược*” (Nếu) là từ ngữ bất định. Trong ác mà nếu có mấy thiện thì hoặc là có thể gặp [thiện tri thức]; nếu không thì khó gặp! Sách Pháp Hoa Văn Cú viết: “*Hoặc nói Tri là Thức, hoặc nói nghe tiếng là Tri, thấy hình dáng là Thức*”. Nay [thiện tri thức] dạy [những kẻ ấy]

### *Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

trong khoảng một cái khảy ngón tay, hãy quy y Địa Tạng Bồ Tát, đây là thiện tri thức thật sự, [những kẻ có tội ấy] liền được thoát khỏi ba ác báo. Theo Ma Ha Tăng Kỳ Luật (Sāṃghikavinaya), hai mươi niệm là một cái chớp mắt. Hai mươi cái chớp mắt là một cái khảy ngón tay. Theo luận Tân Tỳ Bà Sa, trong khoảng trảng sĩ khảy ngón tay đã trải qua sáu mươi bốn sát-na; nhưng quy y chỉ trong khoảng một cái khảy ngón tay đã giải thoát ngàn đời trong ác đạo! Sức quy y chẳng thể lường ngần mé; vì thế, khuyên hãy quy y.

**3.2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.2. Chí tâm phụng sự thọ phước (chí tâm phụng sự sẽ được phước)**

*(Kinh) Nhược năng chí tâm quy kính, cập chiêm lễ, tán thán, hương, hoa, y phục, chủng chủng trân bảo, hoặc phục ẩm thực, như thị phụng sự giả.*

**(經)若能志心歸敬，及瞻禮讚歎，香華衣服，種種珍寶，或復飲食，如是奉事者。**

*(Kinh: Nếu có thể chí tâm quy kính và chiêm ngưỡng, lễ bái, tán thán, dùng hương, hoa, y phục, các thứ trân bảo, hoặc lại dùng thức ăn, phụng sự như thế).*

Trước hết, nói đến sự cúng dường. Câu đầu tiên là nói chung. Những câu như “chí tâm...” ý nghĩa đã rõ. “Hương, hoa”, theo Mật Bộ, hương có thể giúp đạt được hoan hỷ tam-muội. Dùng thứ ấy để cúng dường, liền đạt được trí vô ngại của Như Lai. Hoa là bảo trang nghiêm tam-muội. Dùng nó để cúng dường, sẽ mau chóng đạt được được ba mươi hai diệu tướng của Như Lai. Từ ngữ Chấn Việt (Cīvara) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Y Phục. Y (衣, áo) là Y (依, nương nhờ); do nó có thể ngăn nóng lạnh, che giấu điều xấu xí. “Chủng chủng trân bảo” (Các thứ trân bảo): Phật Địa Luận có nói đến vô lượng món bảy báu.

“Ẩm thực”: [Tiếng Phạn là] Bán Giả Bồ Thiện Ni (Pañcabhojanīya), tiếng Hán là Ngũ Đạm Thực (五噉食, năm thứ ăn nuốt), tức là cơm, bánh, bột rang v.v... Những thứ ấy gọi là Chánh Thực. Từ giờ Thìn tới giờ Ngọ, tùy ý ăn dùng. Sau giữa trưa, không được ăn nữa. Bán Giả Kha Đản Ni (Pañcakhādanīya), dịch sang tiếng Hán là Ngũ Tước

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Thực (五嚼食, năm món để cắn xé), tức là những thứ củ, thân, lá, hoa, quả v.v... Những món ấy được gọi Bất Chánh Thực. Sau khi thọ trai, không được ăn trái cây, rau dưa. Câu “*như thị phụng sự*” (phụng sự như thế) nhằm kết lại những thứ cúng dường trên đây để nhắc lại.

*(Kinh) Vị lai bách thiên vạn ức kiếp trung, thường tại chư thiên, thọ hưởng diệu lạc. Nhược thiên phước tận, hạ sanh nhân gian, do bách thiên kiếp thường vi đế vương, năng ức túc mạng, nhân quả bổn mật.*

**(經)未來百千萬億劫中，常在諸天，受勝妙樂。若天福盡，下生人間，猶百千劫常為帝王，能憶宿命，因果本末。**

*(Kinh: Trong trăm ngàn vạn ức kiếp nơi đời vị lai, thường làm chư thiên, hưởng diệu lạc thù thắng. Nếu phước trời đã hết, bèn sanh trong nhân gian, vẫn trong trăm ngàn kiếp thường làm đế vương, có thể nhớ túc mạng và nhân quả đầu đuôi).*

Từ “vị lai” trở đi là nói về phước báo, nói rõ “sanh lên trời hưởng phước”. Từ “*nhược thiên phước*” (nếu phước trời) trở đi, nói rõ về dư phước. Như kinh Bách Duyên [có chép] một người do nhân duyên hái hoa cúng Phật, mạng chung, sanh về Đạo Lợi Thiên. Lại nữa, tỳ-kheo Chiên Đàn Hương lúc sanh ra, các lỗ chân lông trên thân tỏa mùi hương Chiên Đàn, miệng tỏa mùi thơm như hoa Ưu Bát La (Utpala, hoa sen xanh). Đây là do Ngài đã dùng hương Chiên Đàn cúng dường tháp của Tỳ Bà Thi Phật (Vipaśyin). Đúc dường như trời đất thì gọi là Đế (帝), do nhân nghĩa sanh ra thì gọi là Vương (王); như Ngũ Đế Tam Vương<sup>111</sup> trong thế gian.

“*Ức túc mạng...*” (Nhớ túc mạng) là đắc Túc Mạng Trí. Như trong kinh A Ma Họa, đức Phật dạy: “*Bĩ dĩ tâm định, thanh tịnh vô uế, nhu nhuyễn, điều phục, tiện năng ức thức túc mạng vô số nhược can chủng sự. Năng ức nhất sanh chí vô số sanh, kiếp số thành bại, tử thử,*

---

<sup>111</sup> Ngũ Đế Tam Vương là các vị vua được tôn là thánh vương trong huyền sử Trung Hoa. Tam Vương (hay Tam Hoàng) là Toại Nhân, Phục Hy, và Thần Nông (có thuyết nói là Thiên Hoàng, Địa Hoàng và Nhân Hoàng). Ngũ Đế là Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn. Lại có thuyết chủ trương Tam Vương phải là Hạ Vũ, Thành Thang và Châu Văn Vương.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*sanh tử, danh tánh, chủng tộc, âm thực, hảo ó, thọ mạng trường đoản, sở thọ khổ lạc, hình sắc, tướng mạo, giai tất ức thức”* (Người ấy do cái tâm đã định, thanh tịnh, chẳng như, nhu nhuyễn, điều phục, liền có thể nhớ biết vô số chuyện chùng đó trong đời trước. Có thể nhớ từ một đời đến vô số đời, kiếp số thành bại, chết đây, sanh kia, danh tánh, chủng tộc, các thứ ăn uống, ưa ghét, thọ mạng dài hay ngắn, khổ hay vui đã hứng chịu, hình sắc, tướng mạo, thấy đều nhớ biết). Vì thế, tuy từ cõi trời giáng hạ, làm bậc đế vương, nhưng hiểu rành rẽ, nhớ biết trăm ngàn kiếp trước! Thoạt đầu là do cái nhân chiêm ngưỡng, lễ bái đức Địa Tạng mà cảm cái quả sanh lên cõi trời. Cái gốc là thoát đầu sanh lên trời, cái ngọn là nay làm vua, không chuyện gì chẳng nhớ biết và hiểu rõ. Ví như có người từ thôn xóm của mình đến quốc ấp khác, ở tại nơi ấy, đi, đứng, nói năng, im lặng. Lại từ cõi ấy đến nước khác, xoay vần như thế; sau đây, trở về nước mình, chẳng nhọc tâm trí, mà có thể nhớ biết trọn hết những nước đã từng đi qua. Từ cõi này sang cõi kia, từ cõi kia sang chốn này, đi, đứng, nói năng, im lặng, thấy đều nhớ hết. Đây chính là sức oai thần của ngài Địa Tạng, há có thể nghĩ bàn nổi chăng? Phần nói về lợi ích đã xong.

**3.2.2.2.2.1.2.2.2. Kết hiển thần lực thông kinh** (kết lại phần nói về thần lực, dạy hãy lưu thông kinh này)

**3.2.2.2.2.1.2.2.2.1. Như Lai kết hiển** (Như Lai kết lại phần nói về thần lực)

**(Kinh) Định Tự Tại Vương! Như thị Địa Tạng Bồ Tát, hữu như thử bất khả tư nghị đại oai thần lực, quảng lợi chúng sanh. Nhữ đẳng chư Bồ Tát, đương ký thị kinh, quảng tuyên lưu bố.**

**(經)定自在王！如是地藏菩薩，有如此不可思議大威神力，廣利眾生。汝等諸菩薩，當記是經，廣宣流布。**

*(Kinh: Đây Định Tự Tại Vương! Như đức Địa Tạng Bồ Tát này có sức oai thần to lớn chẳng thể nghĩ bàn như vậy, rộng lợi ích chúng sanh; hàng Bồ Tát các ông hãy nên ghi nhớ kinh này, lưu thông, truyền bá rộng rãi).*

Câu “*như thị*” kết lại phần nói về đáng có thể hóa độ. Câu “*hữu như*” nói rõ tác dụng ban bố [lợi ích]. Kinh nói về nhân và pháp chẳng

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

thể nghĩ bàn như thế, há có nên chẳng ghi tạc trong tâm, lưu thông, truyền bá rộng rãi hay chẳng?

**3.2.2.2.2.1.2.2.2.2. Đương cơ thừa mạng** (bậc đương cơ vâng lãnh mạng lệnh)

**3.2.2.2.2.2.1.2.2.2.2.1. Ủy Phật, thông kinh** (an ủi đức Phật, hứa nguyện lưu thông kinh này)

**(Kinh) Định Tự Tại Vương bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nguyện bất hữu lự. Ngã đẳng thiên vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát, tất năng thừa Phật oai thần, quảng diễn thị kinh u Diêm Phù Đề, lợi ích chúng sanh”.**

**(經)定自在王白佛言：世尊！願不有慮。我等千萬億菩薩摩訶薩，必能承佛威神，廣演是經於閻浮提，利益眾生。**

**(Kinh: Ngài Định Tự Tại Vương bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Xin đừng lo âu. Ngàn vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát chúng con ắt có thể nương vào oai thần của Phật mà rộng diễn kinh này trong Diêm Phù Đề hòng lợi ích chúng sanh”).**

Phật pháp phải nên lưu thông khắp các cõi nhiều như cát, lợi ích chẳng hạn cuộc trong Diêm Phù! Nhưng người ở Nam châu, tánh thức vô định, ác nghiệp đặc biệt nhiều, cho nên phải phiên các vị Phật, Bồ Tát đặc biệt hướng đến Nam Thiệm Bộ Châu vậy!

**3.2.2.2.2.2.1.2.2.2.2.2. Bạch dĩ kính thoái** (bạch xong, cung kính lui ra)

**(Kinh) Định Tự Tại Vương Bồ Tát bạch Thế Tôn dĩ, hiệp chưởng cung kính, tác lễ nhi thoái.**

**(經)定自在王菩薩白世尊已，合掌恭敬，作禮而退。**

**(Kinh: Định Tự Tại Vương Bồ Tát bạch Thế Tôn xong, chắp tay, cung kính, làm lễ lui ra).**

Ý nghĩa đã rõ, ngài Định Tự Tại Vương vấn đáp đã xong.

**3.2.2.2.2.2.2. Thiên vương vấn hà cánh lập thế nguyện** (thiên vương hỏi vì sao Bồ Tát còn lập thế nguyện)

**3.2.2.2.2.2.1. Thiên vương nhiếp tiền nghi vấn** (thiên vương dựa theo những điều đã nói trước đó để nêu nghi vấn)

**3.2.2.2.2.2.1.1. Kinh gia tự nghi** (người trùng tuyên kinh trần thuật)

*(Kinh) Nhĩ thời, tứ phương thiên vương, câu tùng tòa khởi, hiệp chưởng cung kính.*

**(經)爾時，四方天王，俱從座起，合掌恭敬。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, thiên vương bốn phương đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, cung kính).*

[Do các vị thiên vương ấy] ủng hộ cuộc đất thuộc bốn đại châu, ngăn ngừa ác quỷ xâm lăng, cho nên gọi là “*tứ phương thiên vương*”. Theo kinh Thế Ký, núi chúa Tu Di có bốn mặt, cao bốn vạn hai ngàn do-tuần. Cung điện nơi tứ thiên đại vương ngự có bảy tầng thành báu. Lan can, lưới mảnh, hàng cây, linh báu, mỗi thứ đều có bảy tầng. Vô số các loài chim cùng hòa tiếng hót.

Vách núi phía Đông là hoàng kim, có thiên vương tên là Đê Đầu Lại Trá (Dhṛtarāṣṭra), cõi này dịch là Trì Quốc (持國), do vị này hộ trì quốc độ, thống lãnh Càn Thát Bà (Ghandarva, Hán dịch là Tầm Hương Hành, họ là nhạc thần thể tục của Thiên Đế) và Phú Đan Na (Bhūtana, Hán dịch là Xú (hôi thối), là loài mạnh mẽ nhất trong các nạ quỷ, chuyên gây ra nhiệt bệnh).

Mặt phía Nam bằng lưu ly, có thiên vương tên là Tỳ Lưu Lặc Xoa (Virūdhaka), Hán dịch là Tăng Trưởng (增長), do Ngài khiến cho thiện căn của chính mình lẫn người khác tăng trưởng, thống lãnh Cưu Bàn Trà (Kumbhāṇḍa, Hán dịch là Ung Hình (甕形, [nghĩa là] có hình dạng như cái vò, là loài yếm mị quỷ) và Bệ Lệ Đa (Preta, hoặc Pitṛ, Hán dịch là Tổ Phụ Quỷ, là loài thấp kém nhất trong các nạ quỷ).

Mặt phía Tây của núi bằng bạch ngân, có thiên vương tên là Tỳ Lưu Bác Xoa (Virūpākṣa), Hán dịch là Tạp Ngữ (雜語), do vị này có thể nói các thứ ngôn ngữ, thống lãnh Tỳ Xá Xà (Piśāca, Hán dịch là Đạm Tinh Khí Quỷ (quỷ ăn tinh khí), còn gọi là Diên Cuồng Quỷ) và rỗng độc (mắt độc, âm thanh độc, hơi độc, chạm vào sẽ bị trúng độc).

Vách núi phương Bắc bằng thủy tinh, thiên vương tên là Tỳ Sa Môn (Vaiśravaṇa), Hán dịch là Đa Văn (多聞), do tiếng tăm phước đức vang dội bốn phương, thống lãnh Dạ Xoa (Yaksa, Hán dịch là Khinh Tiệp

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(輕捷, nhẹ nhàng, nhanh nhẹn) vì chúng có thể bay rất nhanh trong hư không), La Sát (Rākṣasa, Hán dịch là Khả Úy (可畏, đáng sợ), còn gọi là Bạo Ác).

Bốn thiên vương mỗi vị đều có chín mươi một đứa con, đều tên là Nhân Đà La (Indra), có đại thần lực; nhưng trong bốn vị trời này, Tỳ Sa Môn tôn quý nhất. Nếu Tỳ Sa Môn nghĩ tới họ, thiên vương ba phương đều nghiêm trang, ngự xa giá tới chỗ thiên vương Tỳ Sa Môn, đứng ở một bên. Vì thế, thiên vương phương Bắc thống lãnh ba phương kia. “*Tùng tòa nhi khởi*” (Từ chỗ ngồi đứng lên): Khâm thừa pháp yếu, do trong tâm khát ngưỡng, nên chấp tay, cung kính.

#### **3.2.2.2.2.2.1.2. Thiên vương thuật nghi (thiên vương thưa bày điều nghi)**

**(Kinh) Bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Địa Tạng Bồ Tát từ cứu viễn kiếp lai, phát như thị đại nguyện, vân hà chí kim, do độ vị tuyệt, cánh phát quang đại thế ngôn?”**

**(經)白佛言：世尊！地藏菩薩於久遠劫來，發如是大願，云何至今，猶度未絕，更發廣大誓言？**

**(Kinh: Bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Địa Tạng Bồ Tát từ kiếp lâu xa đến nay đã phát đại nguyện như thế, có sao cho đến giờ vẫn độ chưa hết, lại còn phát lời thề rộng lớn?”)**

Do [nghe đức Phật trần thuật] bốn phen hoảng thê, bèn dựa theo những điều đáng nghi trên đây để thưa hỏi. Bởi lẽ, vị Đại Sĩ này từ kiếp lâu xa đến nay đã phát đại nguyện ấy, lẽ ra phải độ hết chúng sanh rồi. Nay đã độ chẳng hết, lại còn phát nguyện lần nữa, có phải là do nguyện lực chưa đạt tới? Hay là do chúng sanh khó độ ư? Vì thế nói là “*vân hà*” (có sao).

#### **3.2.2.2.2.2.1.3. Nguyện Phật vị thuyết (xin đức Phật hãy nói cho)**

**(Kinh) Duy nguyện Thế Tôn, vị ngã đẳng thuyết.**

**(經)唯願世尊，為我等說。**

**(Kinh: Kính mong đức Thế Tôn hãy nói cho chúng con biết).**



## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

“*Vị ngã đẳng thuyết*” (Vì chúng con mà nói) là vì chuyện có mối tương quan. Do chúng con đang hộ trì bốn phương, mà Nam Châu đặc biệt lắm ác nghiệp. Vị Bồ Tát ấy tuy ôm tấm lòng cứu vớt của bậc đại sĩ, con cũng giữ tâm tư hộ trì thế giới khỏi tai ương. Vì thế, kính xin đức Phật hãy nói để chúng con thoát khỏi nghi thành, an ủi chúng sanh trong đời vị lai.

**3.2.2.2.2.2.2.2. Như Lai vị hậu đáp thích** (*Như Lai vì chúng sanh trong đời mai sau mà trả lời, giải thích*)

**3.2.2.2.2.2.2.2.1. Tán hứa** (*khen ngợi, chấp thuận*)

*(Kinh) Phật cáo tứ thiên vương: - Thiện tai! Thiện tai! Ngô kim vị như, cập vị lai, hiện tại thiên nhân chúng đẳng, quảng lợi ích cố, thuyết Địa Tạng Bồ Tát ư Sa Bà thế giới, Diêm Phù Đề nội, sanh tử đạo trung, từ ai cứu bạt, độ thoát nhất thiết tội khổ chúng sanh phương tiện chi sự.*

**(經)佛告四天王：善哉！善哉！吾今為汝，及未來現在天人眾等，廣利益故，說地藏菩薩於娑婆世界，閻浮提內，生死道中，慈哀救拔，度脫一切罪苦眾生方便之事。**

*(Kinh: Đức Phật bảo bốn vị thiên vương: - Lành thay! Lành thay! Ta nay sẽ vì lợi ích rộng rãi cho các ông và đại chúng trời người trong hiện tại và vị lai mà nói những sự phương tiện do Địa Tạng Bồ Tát từ bi, thương xót độ thoát hết thảy chúng sanh tội khổ trong đường sanh tử nơi Diêm Phù Đề của thế giới Sa Bà).*

Tán tán thiên vương gồm hai điều: Một là vì họ thưa hỏi hay khéo, hai là vì họ khéo hộ trì thế gian. Nói Sa Bà là bao gồm cõi đại thiên (tam thiên đại thiên thế giới). Nêu ra Diêm Phù tức là đặc biệt chú trọng Nam Châu (Nam Thiệm Bộ Châu). “*Sanh tử đạo trung*” (Trong đường sanh tử): Do lục đạo đều có sanh, lão, bệnh, tử; nay dùng sanh để bao gồm lão, dùng tử để nhiếp bệnh; vì thế, chỉ nói trước, sau, lược bớt trung gian. Thăng trầm đáp đối, khổ lạc tương thông, sanh tử tuần hoàn, chưa từng ngưng nghỉ. Vì thế, Địa Tạng Bồ Tát vận dụng vô duyên đại từ để cứu vớt, tế độ.

“*Chúng sanh tội khổ*”: Đức Phật nói: “*Nhất thiết chúng sanh thường tại trường ngục, thập nhị trùng thành vi chi, tam trùng cức ly ly*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

chi, lục tặc bạt đao tý chi, năng ư kỳ trung đắc thoát xuất giả, thậm nan, thậm nan!” (Hết thấy chúng sanh thường ở trong ngục dài, mười hai lớp thành vây bọc, ba tầng rào gai rào kín, sáu tên giặc tuốt đao truy tìm, kẻ có thể từ trong đó mà thoát ra rất ư là khó). “*Trường ngục*” là tam giới, “*mười hai lớp thành*” là mười hai nhân duyên, “*ba tầng rào gai*” là Tam Độc. Nay ngài Địa Tạng do vì những chúng sanh ấy mà tạo phương tiện độ thoát, khiến cho họ hiểu tam giới là Không, chẳng hành theo những tập quán của tam hữu (ba cõi) nữa, tức là “*độ thoát tam giới*”. Họ biết sự khởi diệt của mười hai nhân duyên, có thể vượt thoát gốc si, sẽ thoát khỏi mười hai lớp thành. Biết dâm, giận, si thì tam cấu sẽ không trói buộc nữa, ý chẳng còn đả chấp, tức là dẹp được ba lớp rào gai. Hiểu rõ sáu tình thức đều chẳng có gốc ngọn, bèn lìa khỏi sáu tên giặc đang tuốt đao. Đây đều là những chuyện Đại Sĩ khéo tạo phương tiện để độ thoát vậy.

#### **3.2.2.2.2.2.2.2.2. Nguyên văn (tứ thiên vương mong được nghe)**

(*Kinh*) *Tứ thiên vương ngôn: “Dụy nhiên! Thế Tôn! Nguyên nhạo dục văn”*.

**(經)四天王言：唯然！世尊！願樂欲聞。**

(*Kinh*: *Tứ thiên vương thưa: “Thưa vâng! Thế Tôn! Con ưa thích mong được nghe”*).

Trong kinh Hoa Nghiêm, Giải Thoát Nguyệt Bồ Tát nói: “*Tương thị hàm cung kính, nhất tâm tất chuyên ngưỡng, như phong niệm hảo mật, như khát tư cam lộ*” (Nhìn ngắm, đều cung kính, nhất tâm chuyên chiêm ngưỡng, như ong nghĩ mật ngon, như khát mơ cam lộ). Nay [tứ thiên vương] cũng giống như thế; vì thế nói là “*nguyên nhạo dục văn*”.

#### **3.2.2.2.2.2.2.2.3. Chánh cáo (dạy bảo)**

**3.2.2.2.2.2.2.2.3.1. Lược thị trùng phát nguyện ý (dạy sơ lược về ý nghĩa vì sao Bồ Tát phát nguyện nhiều lượt)**

(*Kinh*) *Phật cáo tứ thiên vương: “Địa Tạng Bồ Tát cứu viễn kiếp lai, ngật chí ư kim, độ thoát chúng sanh, do vị tất nguyện. Từ mãn thử thế tội khổ chúng sanh, phục quán vị lai vô lượng kiếp trung, nhân mạn bất đoạn. Dĩ thị chi cố, hựu phát trọng nguyện”*.

**(經)佛告四天王：地藏菩薩久遠劫來，迄至於今，度脫眾生，猶未畢願。慈愍此世罪苦眾生，復觀未來無量劫中，因蔓不斷。以是之故，又發重願。**

*(Kinh: Đức Phật bảo tứ thiên vương: “Địa Tạng Bồ Tát từ kiếp lâu xa mãi cho đến nay độ thoát chúng sanh, nhưng nguyện vẫn chưa trọn hết. Ngài từ bi xót thương chúng sanh tội khổ trong đời này, lại quán trong vô lượng kiếp nơi đời vị lai, cứ dây dưa chẳng dứt. Do vì lẽ ấy, Ngài lại phát trọng nguyện”).*

Trước hết, thuật nguyện từ bi thưở trước, kể đến là nêu ra ý nghĩa vì sao Ngài lại phát nguyện. “*Từ mẫn thử thế*” (Từ bi, thương xót đời này): Kinh A Nan Phân Biệt chép: “*Phật ân phi bất đại, tội do chúng sanh cố. Thế trước đa ác nhân, hoàn tự đọa điên đảo. Tự tác chúng tội bản, mạng tận vãng vô trách. Dao kiếm giải thân hình, dương đồng ốc kỳ khẩu. Tao ngộ chúng ách nạn, độc thống bất khả ngôn. Nhược sanh hoàn vi nhân, hạ tiện bản cùng trung*” (Chẳng phải là ơn Phật không lớn, mà là do chúng sanh tự tạo tội. Đời trước có lắm kẻ ác, vẫn tự đọa vào điên đảo. Tự gây các gốc tội, khi mạng hết, sẽ ra đi không thể chọn lựa. Dao, gươm xẻ thân hình, nước đồng sôi rót đầy miệng. Gặp gỡ các thứ ách nạn, đau khổ dữ dội chẳng thể nói được. Nếu lại được làm người, thì là kẻ hạ tiện, nghèo túng). Vì thế, Đại Sĩ từ mẫn độ thoát họ.

“*Phục quán vị lai*” (Lại thấy trong tương lai): Như kinh nói: “*Thương sanh ngọt mạng, kỳ tội mạc đại, oán đối tương báo, vô hữu đoạn tuyệt. Hiện thế bất an, số phùng tai hung. Tử nhập địa ngục, xuất ly nhân hình, dương đọa súc sanh, vị nhân đồ cát, dĩ nhục cung nhân, vô hữu cánh thời. Thế thế vi oán, hoàn tương báo thường. Thần đồng hình dị, tội thâm như thị. Ký do nghiệp duyên, triển chuyển tương nhân, thí như cát lũy, lũy ư cù mộc, oanh khiên bất đoạn*” (Tổn hại sanh mạng, không tội nào lớn hơn, oán đối báo đền, chẳng có lúc nào chấm dứt. [Người phạm tội ấy] đời hiện tại bất an, nhiều lượt gặp tai nạn hung hiểm. Chết rồi đọa vào địa ngục, đánh mất thân người, sẽ đọa làm súc sanh, bị người khác cắt xẻ để lấy thịt cung ứng cho kẻ khác, chẳng có lúc nào xong. Đời đời bị kẻ oán trả thù. Thân thức chẳng đổi, thân hình đã khác. Tội sâu như thế là do nghiệp duyên, xoay vần làm nhân, ví như dây leo, bám vào cây to, quấn quít chẳng dứt).

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

“Mạn” (蔓) thuộc loại dây leo. Ý nói như dây leo tràn lan. Tả Truyện viết: “*Vô sử tư mạn, mạn, nan đồ dã*” (Chớ để cho chuyện xấu phát triển tràn lan; nó đã tràn lan thì khó thể thâm nhập được). Nay nghiệp chẳng néo cái thân, hết như dây leo mọc tràn lan trong hang, chỉ thấy lá nó um tùm, chẳng có chỗ nào ngưng dứt! Đây là do Hoặc vun bồi nghiệp, do nghiệp được phiền não vun bồi mà sanh ra cái quả trong vị lai, do sanh trong vị lai nên lại tạo nghiệp, do nghiệp lại đọa vào khổ. Do vì lẽ ấy, lại nhọc nhằn Địa Tạng Đại Sĩ phát nguyện cực trọng lần nữa, cũng như dây leo tràn lan, phủ kín cả hang chẳng biết đâu vào với đâu!

**3.2.2.2.2.2.2.3.2. Quảng minh tùy cơ thuyết pháp** (nói chi tiết về việc Đại Sĩ tùy cơ thuyết pháp)

**3.2.2.2.2.2.2.3.2.1. Đại sĩ độ thoát**

**3.2.2.2.2.2.2.3.2.1.1. Tổng thị phương tiện** (dạy chung về phương tiện)

**(Kinh) Như thị Bồ Tát, ở Sa Bà thế giới Diêm Phù Đề trung, bách thiên vạn ức phương tiện, nhi vì giáo hóa.**

**(經)如是菩薩，於娑婆世界閻浮提中，百千萬億方便，而為教化。**

**(Kinh: Trong Diêm Phù của thế giới Sa Bà, Bồ Tát dùng trăm ngàn vạn ức phương tiện để giáo hóa như thế đó).**

Quang minh giáo hóa ứng khắp các căn cơ, ứng hiện trọn khắp Sa Bà. Bi nguyện tuyên dương rộng lớn, đặc biệt lưu truyền nơi Nam Thiệm Bộ Châu. Sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa nói: “*Ba nghiệp của Bồ Tát không gì chẳng lợi lạc chúng sanh. Nay chỉ nói đến thân thuyết pháp, chẳng nói đến ý, mà dùng hai nghiệp kia để ứng hợp khí khai căn cơ của chúng sanh, đây chính là sự thiện xảo của ý vậy. Nay dùng phương tiện thích đáng với thân luân và ý luân, nhằm xét soi thông suốt căn cơ*”. Câu kế tiếp chính là nói đến khẩu luân thuyết pháp. “*Trăm ngàn vạn ức*” nhằm tỏ rõ: Nghiệp dụng bất đồng của cái tâm, thực hiện phương tiện hóa độ đối với mỗi căn cơ mỗi khác. Như quyển thứ mười bảy của bộ Đại Luận có viết: “*Pháp Thân Bồ Tát biến hóa vô lượng thân vì chúng sanh thuyết pháp, nhưng tâm Bồ Tát chẳng có phân biệt. Như cây đàn của A Tu La thường tự phát ra tiếng, tùy ý tấu nhạc, chẳng cần*

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh Khoa Chú***

*người khảy, chẳng tán tâm, chẳng nhiếp tâm, do phước đức báo sanh, cho nên có thể tùy ý người nghe mà phát ra tiếng”. Pháp Thân Bồ Tát cũng giống như thế, chẳng phân biệt, cũng chẳng tán tâm, cũng chẳng có tướng thuyết pháp, do vô lượng phước đức, Thiên Định, trí huệ, tùy ý phát ra đủ mọi âm thanh. Vì thế, kinh Thập Luân tán thán: “Hiện tác chủng chủng thân, vị chúng sanh thuyết pháp, cụ túc Thí công đức, bi mãn chư chúng sanh” (Hiện đủ mọi thứ thân, vì chúng sanh thuyết pháp, trọn đủ công đức Thí, thương xót các chúng sanh) là nói về ý này vậy.*

***3.2.2.2.2.2.2.3.2.1.2. Biệt minh thuyết pháp (nói riêng về các phương tiện thuyết pháp)***

***3.2.2.2.2.2.2.3.2.1.2.1. Chánh minh tùy cơ thuyết hóa (nói về sự tùy thuận căn cơ để thuyết pháp, hóa độ)***

Phàm là bậc có thể thuyết pháp thì có duyên ngữ và khổ ngữ sai khác; giáo pháp được ban bố có Chân Đế và Tục Đế khác biệt. Do căn cơ phức tạp, hạnh sai khác, khiến cho giáo pháp khác biệt và cách hóa độ không giống nhau.

Hỏi: Nghiệp báo khổ ấy đã chẳng phải là thiện sự, [vậy thì] chẳng bằng nói thẳng vào điều thiện khiến cho họ tu tập, cần gì phải xúng theo tình kiến của họ để nói những nghiệp khổ?

Đáp: Nhân, quả, thiện, ác cần phải đối ứng với pháp. Nếu không nói lỗi của tham, sân v.v... sẽ do đâu mà hiển thị những thiện pháp? Nếu không tuyên xưng tam đồ là khổ, sẽ chẳng có cách nào hiển thị niềm vui trong cõi nhân, thiên! Vì thế, cần phải nói ra những hành vi tạo tội của phàm phu để người ta hay biết, sẽ chán lìa, trở về với thiện. Nếu là kẻ độn căn, nghe những nghiệp khổ ấy, khi họ sanh lòng chán nhàm, sẽ liền cầu niềm vui thế gian. Do đó, họ chuyển tâm, tu các phước nghiệp. Nếu là bậc lợi căn, nghe những khổ nghiệp ấy, khi sanh tâm chán nhàm, liền cầu giải thoát. Do vậy mà chuyển tâm, có thể tu đạo quán, liền có thể từ trong Hoặc, dấy lên cái nhân xuất ly. Vì thế, kinh dạy: “*Nhất thiết phiền não giai thị Phật chủng*” (Hết thấy phiền não đều là chủng tử để thành Phật). Do đó, biết khổ nghiệp chính là cái gốc để chán lìa, là cái duyên để dấy lên điều thiện; vì vậy, cần phải nói ra. Nếu chẳng nói những ác nghiệp, những hành vi tạo tội ấy, chúng sanh do chẳng nhận biết, sẽ cứ thường làm chẳng dứt. Tuy xúng theo tình kiến của họ mà nói các lỗi ác, nhưng ngoài tâm, chẳng có nghiệp khổ nào khác. Do kẻ ngu chưa thấu

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

hiều, cho nên nhất định cần phải nói đến tội. Vì thế, nương theo Tục Đế, thốt lời cay đắng, thiết tha để giáo hóa họ. Nay luận bàn về điều thứ nhất.

*(Kinh) Tứ thiên vương! Địa Tạng Bồ Tát, nhược ngộ sát sanh giả, thuyết túc ương đoản mạng báo. Nhược ngộ thiết đạo giả, thuyết bản cùng khổ sở báo. Nhược ngộ tà dâm giả, thuyết tước, cấp, uyên ương báo.*

**(經)四天王！地藏菩薩，若遇殺生者，說宿殃短命報。  
若遇竊盜者，說貧窮苦楚報。若遇邪婬者，說雀鴿鴛鴦報。**

*(Kinh: Này tứ thiên vương! Địa Tạng Bồ Tát nếu gặp kẻ sát sanh, bèn nói báo ứng đoản mạng do túc ương (ương họa trong quá khứ). Nếu gặp kẻ trộm cắp, sẽ nói bị báo ứng bản cùng, khổ sở. Nếu gặp kẻ tà dâm, sẽ nói báo ứng làm chim công<sup>112</sup>, bồ câu, uyên ương).*

Trước hết, nêu lên quả báo của Thập Ác. Giết, trộm, dâm là ba điều ác nơi thân. Sát sanh là tội nặng, nên nêu ra trước hết. Ai nấy đều yêu quý mạng sống, con vật nào cũng đều tham sống, ngay cả những thứ hàm linh ngộ ngoạ (sâu bọ) cũng đều có Phật tánh. Giết chúng để ăn, tức là giết chư Phật. [Do vậy], thường đọa trong tam đồ, chịu vô lượng khổ. Nếu được làm người, các căn chẳng đầy đủ, thọ mạng tổn giảm. Như một con quý hỏi ngài Mục Liên: “Tôi sanh ra con trai, con gái, nhưng chúng nó đều chết sớm, nghĩ tưởng [dòng dõi sẽ bị] đoạn tuyệt. Do tội gì mà đến nỗi như thế?” Ngài Mục Liên đáp: “Khi người làm người, thấy con cái sát sanh, bèn giúp cho chúng nó vui thích, cùng nhau ăn thịt những con vật ấy. Do giết chóc nên đoản mạng, do hoan hỷ nên đau đớn”.

“Thiết đạo” (竊盜, trộm cắp): Tuân Tử nói: “Lén lấy vật dụng thì gọi là Đạo”. Tiền bạc, ngọc, lụa, là những thứ để nương cậy bên ngoài. Phan, hoa, vật dụng của Tăng là những thứ nội cúng dường. Trộm những thứ bên ngoài thì có thể sám hối, ăn cắp những thứ nội cúng dường, sẽ khó cứu nổi! [Do tội báo ấy] thường ở trong tam đồ, chịu khổ vô lượng. Nếu được làm người, sẽ bản cùng, khôn khổ, chư thiên lừa bỏ. Tức là ngoài không có gì để nương cậy, trong thì không có phước đức; cho nên

<sup>112</sup> Thông thường, Tước là con chim sẻ, nhưng trong lời chú giải, ngài Linh Thừa giảng là Không Tước, nên chúng tôi ghi theo cách diễn giải của Ngài.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

đền nổi bản cùng, khổ sở. Kinh Đẳng Chỉ nói: “*Đương tri bản cùng tử u địa ngục. Bản cùng cấu sanh, dữ tử vô biệt. Tân khô đồ độc, thể sở vô ngẫu*” (Hãy nên biết nghèo túng ví như địa ngục. Nếu sống bản cùng khác gì đã chết. Đẳng cay, nhọc nhằn, khổ sở, trong đời không có gì sánh bằng). Kinh có mấy ngàn lời để rộng cảm thán nổi khổ sở vì bản cùng.

Tà dâm như đã nói trong phần trên. Từ ngữ Ma Do La (Māyūra) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Khổng Tước (孔雀, chim công). Tánh nó đố kỵ, thích khoe đuôi, không cần bạn phối ngẫu, ăn nằm với cả rắn, là loài vật dâm dục. Chũ Ca Bô (Kapotaka) trong tiếng Phạn, Hán dịch là Cáp (鶻, chim bồ câu). Bồ câu thích giao phối nhất. Thông thường thì chim trống đập chim mái, loài này thì chim mái đè chim trống. Vì thế, “*chim công bốn mùa có con, bồ câu mỗi tháng đều sanh con*”. Chũ Chước Ca La Bà (Cakravāka) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Uyên Ương, tức là một loài chim luôn có cặp. Đậu thì cùng sánh đôi, bay thì cùng bay đôi, chim trống và chim mái chưa từng rời nhau. Nếu người ta bắt mất một con, con còn lại sẽ nhớ thương rồi chết. Vì thế nói: “*Chim khách thích vụng trộm bên ngoài, uyên ương thích tưởng nhớ nhau*”. Thế tục nói chim trống gọi là Uyên (鶯), chim mái gọi là Ương (鴛). Nếu sanh trong loài người, sẽ mắc hai thứ quả báo sau đây: Bản thân hay bị thừa kiện, bị vương pháp trừng phạt.

***(Kinh) Nhược ngộ ác khẩu giả, thuyết quyền thuộc đấu tránh báo. Nhược ngộ hủy báng giả, thuyết vô thiệt, sang khẩu báo.***

**(經)若遇惡口者，說眷屬鬪爭報。若遇毀謗者，說無舌瘡口報。**

***(Kinh: Nếu gặp kẻ ác khẩu, [báo họ] sẽ bị báo ứng quyền thuộc đấu đá, tranh chấp. Nếu gặp kẻ hủy báng, nói sẽ bị báo ứng không lưỡi, miệng lở).***

Đây là bốn quả báo nơi miệng. Ác khẩu là một loại, còn “*hủy báng*” bao gồm cả ba thứ. Do khi hủy báng, sẽ trọn đủ vọng ngôn, lưỡng thiệt v.v... Về sau, được sanh làm người, sẽ có hai dư báo: Thường nghe tiếng ác, và luôn bị thừa kiện. Vì thế, trong kinh Báo Ân, đức Phật bảo ngài A Nan: “*Nhân sanh thế gian, họa tùng khẩu xuất. Đương hộ u*

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*khẩu, thậm ư mãnh hỏa. Mãnh hỏa xí nhiên, thiêu thế gian tài. Ác khẩu xí nhiên, thiêu thất thánh tài*” (Người sống trong thế gian, họa từ miệng ra. Hãy nên giữ gìn cái miệng vì [lỗi họa do miệng] còn hơn lửa dữ. Lửa dữ cháy hừng hực, đốt của cải thế gian. Ác khẩu cháy hừng hực, đốt rụi thất thánh tài). Tai họa của hết thảy chúng sanh do miệng mà ra; “*lưỡi búa hủy thân, cái họa diệt thân*” chính là nói đến chuyện này!

“*Hủy báng*” là hủy nhục, phỉ báng. Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì nói: “*Báng pháp chi nhân, cực đại trọng nghiệp, đọa tam ác đạo, nan khả xuất ly. Dĩ báng tha cố, thất thập kiếp trung, thọ đại khổ não, hưởng bỉ ngu nhân thật vô sở tri, nhi tự cống cao. Nãi chí phỉ báng nhất tứ cú kệ, định đọa địa ngục, vĩnh bất kiến Phật, đắc vô nhân, vô thiệt chi báo. Cố bất khả bất thận dã!*” (Kẻ báng pháp tạo nghiệp tội bậc to nặng, đọa vào ba ác đạo, khó thể thoát lìa. Do báng kẻ khác, trong bảy mươi kiếp, hứng chịu khổ não to lớn. Huống chi kẻ ngu ấy thật sự chẳng biết gì, mà còn tự kiêu căng. Dầu chỉ phỉ báng một bài kệ bốn câu, nhất định đọa vào địa ngục, vĩnh viễn chẳng thấy Phật, mắc quả báo không mất, không lưỡi. Vì thế, chớ nên không cẩn thận).

*(Kinh) Nhược ngộ sân khuể giả, thuyết xú lậu lung tàn báo. Nhược ngộ xan lận giả, thuyết sở cầu vi nguyện báo. Nhược ngộ ẩm thực vô độ giả, thuyết cơ khát yết bệnh báo.*

**(經)若遇瞋恚者，說醜陋癡殘報。若遇慳吝者，說所求違願報。若遇飲食無度者，說饑渴咽病報。**

*(Kinh: Nếu gặp kẻ nóng giận, nói sẽ bị báo ứng xấu xí, tàn phế. Nếu gặp kẻ keo kiệt, nói sẽ bị báo ứng mong cầu chẳng được toại ý. Nếu gặp kẻ ăn uống vô độ, nói sẽ bị báo ứng đói khát, mắc bệnh về họng).*

Đây là chỉ dạy về ba quả báo thuộc về ý. Kinh Phân Biệt Thiện Ác Sở Khởi nói: “*Nhân ư thế gian thường hỷ sân khuể, bất biệt thiện ác, tử nhập Thái Sơn, sở thiên vạn tuế. Xuất sanh vi nhân, diện mục thường ác. Kim kiến ác sắc nhân, giai tức mạng sân khuể sở trí*” (Người ở trong thế gian mà thường thích nóng giận, chẳng phân biệt thiện, ác, chết rồi sẽ vào Thái Sơn mấy ngàn vạn năm. Sanh ra làm người thì diện mạo thường hung ác. Nay thấy kẻ sắc diện hung ác đều là do đời trước nóng giận mà ra).



## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

“*Xan lận*” (Keo kiệt): Bản kinh vừa trích dẫn trên đây có chép: “*Nhân đắc tài sản, xan tham, bất khăng bố thí, bất ái thị chư gia. Bản cùng giả bất cấp dĩ, bất cúng sự sa-môn, đạo sĩ, bất dĩ khát nhi, bệnh nhân. Thực ẩm bất cảm tự bão, y bị bất cảm tự hoàn. Nhân hô thủ tài nô, hằng hà tầm quý. Tử đạo nga quý, kiến thủy tẩu ẩm, tiện hóa tiêu đồng, nùng huyết. Sanh xuất vi nhân, bản cùng đồng nga, hung bất năng đắc. Kim hữu bản cùng khát nhân, giai túc thế xan tham si chủng sở trí*” (Người có tài sản, nhưng keo kiệt, tham lam, chẳng chịu bố thí, chẳng biết xem xét, thương mến người khác. Đối với kẻ bản cùng chẳng ban cho, chẳng cúng dường, phụng sự sa-môn, đạo sĩ, chẳng cho kẻ ăn mày hay người bệnh. Tự mình chẳng dám ăn no; áo, mền chẳng dám có đủ. Người khác gọi kẻ đó là “đây tở giữ cửa”, luôn ôm nỗi hổ thẹn. Chết đi, đạo làm nga quý, trông thấy nước bèn chạy đến uống, nước liền hóa thành đồng nung chảy, máu mủ. Được sanh làm người, sẽ nghèo túng, chết rét, chẳng có gì để bỏ bụng. Nay có những kẻ ăn mày nghèo túng, đều là do chủng tử keo kiệt, tham lam, si mê trong đời trước tạo ra).

Ăn uống cố nhiên là chuyện chẳng thể thiếu trong cuộc đời, nhưng ắt phải có lúc, có hạn lượng. Kinh Cửu Hoạnh có nói chuyện ăn không có chừng mực. Du Già Sư Địa Luận nói ăn quá mức sẽ dẫn đến cái chết ngang xương. Vì thế, cần phải biết điều độ (chẳng có điều độ thì chính là si). Tuân Tử nói: “*Lười nhác, mong sống an nhàn, trốn việc, vô liêm sỉ, mà tham ăn tục uống thì có thể gọi là một gã trai trẻ xấu xa vậy*”. Kinh Ngũ Khổ Chương Cú nói: “*Thực vô tiết độ, ẩm tửu, tham vị, thị như trọng đảm. Bất xả đảm giả, hậu nhập địa ngục*” (Ăn không có chừng mực, tham vị ngon, chính là gánh nặng của người. Chẳng bỏ gánh nặng, sau đó, sẽ vào địa ngục). Dựa theo đó, đói khát, bệnh về họng chỉ mới là hoa báo.

Chữ Yết (咽) trong Yết Hầu (咽喉) đọc là Yết. Yết hầu có hai lỗ hờ, cùng dẫn vào khoang bụng, nhưng vận hành khác nhau. Phía trước họng (chỗ có lưỡi gà đập khí quản) chủ xuất, tức là con đường quan trọng để hơi thở ra vào. Phía sau yết hầu thì chuyên để nuốt, là cửa ải để vận chuyển đồ ăn thức uống. Chữ Yết trong “*yết bệnh*” (咽病, bệnh về họng), nghĩa bé tắc, tức là bệnh ăn bị nghẹn (hoặc nuốt đồ ăn khó khăn, ăn vào sẽ ói ra). Đây chính là khí hóa ở vùng tam tiêu [trong cơ thể] không vận hành đúng mức, đến nỗi bị nghịch khí ở giữa ngực, chẳng nuốt đồ ăn thức uống xuống được. Kinh Đại Bảo Tích nói: “*Như yết tắc*

bệnh, tức năng đoạn mạng” (Nếu bị bệnh nghẽn yết hầu thì có thể mất mạng); đúng là giống như tướng trạng của nga quý trong phần trước.

*(Kinh) Nhược ngộ diên liệp tứ tình giả, thuyết kinh cuồng táng mạng báo. Nhược ngộ bột nghịch phụ mẫu giả, thuyết thiên địa tai sát báo. Nhược ngộ thiêu sơn lâm mộc giả, thuyết cuồng mê thủ tử báo. Nhược ngộ tiền hậu phụ mẫu ác độc giả, thuyết phản sanh tiên thất hiện thọ báo. Nhược ngộ võng bộ sanh sô giả, thuyết cốt nhục phân ly báo.*

**(經)若遇畋獵恣情者，說驚狂喪命報。若遇悖逆父母者，說天地災殺報。若遇燒山林木者，說狂迷取死報。若遇前後父母惡毒者，說返生鞭撻現受報。若遇網捕生雛者，說骨肉分離報。**

*(Kinh: Nếu gặp kẻ mặc sức săn bắn, bèn nói sẽ bị báo ứng kinh hãi, diên cuồng, mất mạng. Nếu gặp kẻ trái nghịch cha mẹ, bèn nói sẽ bị báo ứng trời đất giáng tai ương giết chết. Nếu gặp kẻ đốt núi rừng, cây cối, bèn nói sẽ bị báo ứng cuồng mê đến chết. Nếu gặp kẻ làm cha mẹ kẻ mà ác độc [đối với con riêng của chồng hay vợ], bèn nói sẽ bị báo ứng sanh trở lại [làm con cái của chúng nó] để bị đánh đập. Nếu gặp kẻ giăng lưới săn bắt chim non, bèn nói sẽ bị báo ứng cốt nhục chia lìa).*

Kể đó, nói về quả báo của các nghiệp khác nhau. Săn bắn được khởi xướng bởi Mật Hy Thị<sup>113</sup>. Do trong thiên hạ có nhiều loài thú, ông ta bèn dạy dân săn bắn, truy đuổi cầm thú, để trừ hại cho ruộng nương. Vì thế, xuân suu, hạ miêu, thu tiển, đông thú<sup>114</sup> đều gọi là Liệp (獵, săn bắn). Nay săn bắn chỉ nhằm cầu lợi và thỏa thích cái miệng, mặc tình sát hại, cho nên đọa trong tam đồ. Sinh ra làm người, ắt bị quả báo kinh hãi,

---

<sup>113</sup> Mật Hy (宓義) chính là Phục Hy (伏羲), còn gọi là Bào Hy, Bao Hy, Hy Hoàng, Thái Hạo v.v... Ông là một vị thánh vương trong huyền sử Trung Hoa, được tôn là Thiên Hoàng trong Tam Hoàng, cũng như được coi là thi tổ của nền văn minh Hoa Hạ, dạy dân săn bắn và đánh cá. Theo huyền thoại, do chiêm nghiệm Hà Đồ và Lạc Thư, ông đã sáng chế quẻ Tiên Thiên Bát Quái và đặt nền móng cho kinh Dịch.

<sup>114</sup> Những danh xưng này đều có nghĩa là “săn bắn”, do tùy theo mỗi mùa mà có tên gọi khác nhau; nhưng đều có mục đích là trừ các giống cầm thú gây hại cho mùa màng.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

điên cuồng, mất mạng, như ngã xuống sông, rơi xuống hào, bị ngựa giẫm, xe đụng bị thương v.v... (Xưa kia, có một ông trưởng giả giàu có, chỉ sanh được một trai. Nó vừa mới cưới vợ được bảy ngày, do hái hoa cho vợ mà té khỏi cây chết tươi! Trưởng giả hỏi nguyên do, đức Phật dạy: “*Xưa kia có một đứa trẻ giương cung bắn chim sẻ, bên cạnh có ba người cổ vũ tạo hứng cho nó. Hiện thời, cha mẹ và vợ [của đứa con đã chết] chính là ba người xưa kia đã cổ vũ*”).

Ồ Ba Đệ Thước trong tiếng Phạn, cõi này dịch Phụ Mẫu. Bột (孝) là đứa con trái nghịch. Chữ Bột do Tử (子) và Xuất (出) ghép lại, [hàm ý: Con cái] chẳng ngó ngàng đến cha mẹ. Lòng hiếu vốn là đối với đáng sanh ra ta, lòng nhân bắt nguồn từ đó. Đây gọi là Thuận Đức, chẳng thuộc về loài người. Đã hành tà đạo, tự nhiên sẽ bị tai ương trời tru đất diệt! (Theo Quy Tâm Lục ghi chép, vào đời Tề, Hà Quân Bình ở Tương Châu, mẹ là Bùi Thị đẻ ra Bình lúc còn rất trẻ, sau đó không mang thai được nữa. Cha mẹ yêu quý Quân Bình như tròng mắt. Cho đến lúc hai mươi tuổi, không cho con ở phòng khác. Cha do đi sứ phải xuất ngoại, mẹ con gian dú với nhau. Về sau, cha trở về nhà, Quân Bình bèn cùng mẹ giết cha, chôn ở vườn sau. Trời giáng sấm sét, lộ xác cha ra. Sau đó, sét đánh xuống thân Quân Bình, ghi rõ nhân duyên. Họ hàng, láng giềng báo quan, truyền đến tai hoàng đế. Vua sắc truyền giết Bùi Thị, không cho thu nhật hài cốt mai táng. Đây chính là tội dâm mẹ, giết cha, trái lý, nghịch luân thường, phạm tội bậc thượng như loài lợn, chó. Vì thế, phơi thây để hạch tội như thế).

“*Thiên núi rừng, cây cối*”: Tôn thương sanh mạng quá nhiều! Kinh Phạm Võng dạy: “*Nhược Phật tử dĩ ác tâm cố, phóng hỏa phần thiêu sơn lâm, khoáng dã, nhất thiết hữu tình vật bất đắc cố thiêu, đản nhất thiết thế nhân tâm hoài thâm độc, phần thiêu sơn dã. Hoặc nhân phong phóng hỏa, nã hại nhất thiết; cố đắc mê cuồng thủ tử chi báo*” (Nếu Phật tử do ác tâm mà phóng hỏa thiêu đốt núi rừng, đồng hoang, đối với hết thảy loài vật hữu tình, chẳng được cố ý thiêu đốt, nhưng hết thảy người đời ôm lòng thâm độc, thiêu đốt núi non, rẫy bãi, hoặc theo hướng gió mà phóng hỏa, nã hại hết thảy. Vì thế, mắc phải báo ứng cuồng mê đến chết). Xưa kia, quan Tư Mã họ Đổ xứ Cù Châu, thoát đầu làm quan úy tại Lạc Dương. Vùng Ngộ Kiều ở phía Nam thành [Lạc Dương] có nhà dân bị hỏa hoạn, thiêu chết mấy người. Chợt có một người chạy loạng choạng đến cửa huyện nha, chạy vọt ra rồi lại chạy

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

vào. Ông Đỗ sai người bắt lấy tra hỏi, hắn ta thưa: “Tôi chính là người giết cư dân ở Ngộ Kiều. Tôi kết bè kéo đảng với năm đứa khác, cướp tài vật cả mấy trăm ngàn, rồi thừa cơ phóng hỏa đốt trụ. Khi sắp trốn thoát, chân chẳng thể bước lên được. Sáng ra, đi về phía Nam, có lửa cản đường. Do vậy, chạy về phía Bắc, lại có lửa nung tâm, xua chạy vào cửa huyện nha, tự biết chẳng thoát khỏi được!” Ông Đỗ bèn bắt trọn băng cướp, giải lên quận tử hình). Theo Tam Pháp Độ Luận, Khốc địa ngục chính là chỗ trả báo của những kẻ hỏa thiêu đồng hoang và hun đốt hang động của chúng sanh.

“*Tiền hậu phụ mẫu*” tức là cha hay mẹ kế. Do nó chẳng phải là con do chính mình đẻ ra, bèn đối xử ác độc. Như kế mẫu của Đại Thuần hoặc Mẫn Tôn (Mẫn Tử Khiên) là hạng người ấy. “*Phản sanh tiên thát hiện thọ*”: Tạo hóa xoay chuyển vô thường, thế cuộc xoay vần, [cha mẹ ghẻ độc ác ắt phải] đền trả trong đời khác, hoặc ngay trong đời hiện tại, [do đánh đập] lỡ tay đến nỗi con bị chết mất, đành phải chịu tội chôn công đình. Hoặc con bị dồn ép căm phẫn quá mức, đánh đấm ngược lại, làm sao có thể nói nhất định cho được? Người đời nay chẳng biết lý này, cứ mặc sức đòn vọt, chỉ sợ là ngay trong đời này báo ứng chẳng sai!

“*Võng bộ sanh sô*” (Giăng lưới bắt chim non): “*Sô*” (雛) là chim non. Chim mới sanh có thể tự mổ thì gọi là Sô. Hoặc giăng lưới để bẫy, hoặc bắt sống, đều chuốc lấy báo ứng cốt nhục chia lìa. Do người và chim thân hình tuy khác, tình mẹ con giống hệt như nhau (Xứ Tân Cam có Dương Sanh sống bằng nghề bắt chim sẻ. Một hôm, có con chim én đậu trên cây, Sanh cầm sào có nhựa dính treo lên [toan bắt], cành gãy bèn ngã xuống, đầu đâm vào sào, thấu tới óc, chảy máu đầm đìa mà chết). Vì thế, Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều răn cấm chuyện này!

*(Kinh) Nhược ngộ hủy báng Tam Bảo giả, thuyết manh, lung, ẩm, á báo. Nhược ngộ khinh pháp mạn giáo giả, thuyết vĩnh xử ác đạo báo. Nhược ngộ phá dụng thường trụ giả, thuyết ức kiếp luân hồi địa ngục báo. Nhược ngộ ô phạm vu tăng giả, thuyết vĩnh tại súc sanh báo.*

**(經)若遇毀謗三寶者，說盲聾瘖瘂報。若遇輕法慢教者，說永處惡道報。若遇破用常住者，說億劫輪迴地獄報。若遇污梵誣僧者，說永在畜生報。**

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Nếu gặp kẻ hủy báng Tam Bảo, nói sẽ bị báo ứng mù, điếc, ngọng, câm. Nếu gặp kẻ khinh mạn giáo pháp, nói sẽ bị báo ứng vĩnh viễn ở trong ác đạo. Nếu gặp kẻ xài phung phí của thường trụ, bèn nói sẽ bị báo ứng ức kiếp luân hồi trong địa ngục. Nếu gặp kẻ ô nhục, mạo phạm, vu hãm Tăng Già, nói sẽ bị báo ứng vĩnh viễn làm súc sanh).

Đây là nói về quả báo đối với Tam Bảo. Phật như y vương, pháp như thuốc hay, Tăng như người xem bệnh. Nay hủy báng tức là chẳng có tín tâm. Kinh Thập Luân nói: “*Nhược hữu Sát-lợi Chiên-đà-la, u Tam Bảo sở khởi u ác tâm, nhất thiết chư Phật sở bất năng cứu, thường đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nhược đắc vi nhân, manh, lung, ám, á*” (Nếu có kẻ Chiên-đà-la trong dòng Sát-lợi khởi tâm ác đối với Tam Bảo, hết thấy chư Phật đều chẳng thể cứu, thường đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu được làm người thì mù, điếc, ngọng, câm). Than ôi! Mù thì vĩnh viễn chẳng thấy tướng Tam Bảo. Điếc thì vĩnh viễn chẳng nghe danh tự Tam Bảo. Ngọng câm thì vĩnh viễn chẳng thể tán dương đức của Tam Bảo được. Tuy sống mà như đã chết, tối tăm như trong đêm dài. Vì thế, kinh dạy: “*Ninh thôn nhiên thán, vô báng tam tôn dã*” (Thà nuốt than hồng, chẳng báng Tam Bảo).

“*Khinh pháp mạn giáo*”: Như trong kinh Kiên Ý, đức Phật bảo ngài A Nan: “*Ngã kim Thiên Định, lân thương thế nhân, bất tri Phật đạo chân chánh hoằng thâm, nhi dĩ thiểu ngụy khinh bạc chi ngôn, dục thiết tật tâm, báng hủy đạo căn, hoặc hoại đạo pháp, khinh hủy sa-môn, cập Ưu-bà-tắc, ác khẩu, vọng ngôn. Đương minh thử nhân, vi tội sở khiên*” (Ta nay trong Thiên Định, thương xót người đời do chẳng biết Phật đạo thật sự rộng sâu, bèn dùng lời lẽ nông cạn, hư ngụy, khinh bạc, toan dùng cái tâm ganh ghét để hủy báng gốc đạo, khinh hủy sa-môn và Ưu-bà-tắc, ác khẩu, nói dối. Hãy nên biết người ấy bị tội lỗi dấy). Kinh Thắng Thiên Tử nói: “*Nhược hữu pháp sư lưu thông thử kinh, thử địa tức thị Như Lai sở hành. Ư bỉ pháp sư, đương sanh thiện tri thức tâm, tôn trọng chi tâm, do như Phật tâm. Ngã nhược trụ thế nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp, thuyết thị lưu thông thử kinh pháp sư công đức, bất năng cứu tận*” (Nếu có pháp sư lưu thông kinh này, nơi ấy chính là chỗ Như Lai đi, hãy nên đối với pháp sư mà sanh tâm coi như thiện tri thức, tâm tôn trọng, tâm coi như Phật. Nếu ta trụ thế một kiếp, hoặc ít hơn một kiếp, nói công đức của vị pháp sư lưu thông kinh này, chẳng thể nói trọn hết được).

Nay đã khinh mạn giáo pháp, ai cứu giúp, che chở được? Vĩnh viễn ở trong ba ác đạo, hứng chịu ngàn vạn ức khổ não; muốn được làm thân người, [khó khăn] như rùa mù [từ đáy biển ngoi lên] gặp đúng bông cây nổi vậy!

“*Phá dụng thường trụ*” (Xài phung phí của thường trụ) như trong phần trên [đã giải thích]. “*Ô phạm*” như trong phần trước [đã giải thích]. “*Vu táng*” (Vu báng táng) là dùng vô căn ba-la-di<sup>115</sup>, báng các vị tỳ-kheo. Như ông Câu Già Ly (Kokālika) báng bỏ ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) và Mục Liên hành bất tịnh hạnh, bèn cảm thân sanh ghê độc, đọa vào địa ngục Đại Liên Hoa, thè lưỡi to lớn, năm trăm cái đinh đóng xuống, năm trăm lưỡi cày cày lên! Vậy thì vĩnh viễn làm súc sanh vẫn là dư báo sau khi làm quỷ trong địa ngục vậy!

*(Kinh) Nhược ngộ thang, hỏa, trảm, chước thương sanh giả, thuyết luân hồi đệ thường báo. Nhược ngộ phá giới phạm trai giả, thuyết cầm thú cơ nạ báo. Nhược ngộ phi lý hủy dụng giả, thuyết sở cầu khuyết tuyệt báo.*

**(經)若遇湯火斬斫傷生者，說輪迴遞償報。若遇破戒犯齋者，說禽獸饑餓報。若遇非理毀用者，說所求闕絕報。**

*(Kinh: Nếu gặp kẻ dùng nước sôi, lửa, chặt, chém tổn thương chúng sanh, bèn nói sẽ bị báo ứng luân hồi đền trả. Nếu gặp kẻ phá giới, phạm trai, bèn nói sẽ bị báo ứng làm cầm thú đói khát. Nếu gặp kẻ phi lý hủy hoại vật dụng, bèn nói sẽ bị báo ứng những thứ cần dùng bị thiếu thốn hoặc chẳng có).*

Đây là nói về quả báo của các nghiệp khác nhau. “*Thang, hỏa, trảm, chước*” là cách để sát sanh. Dùng nước sôi (thang) để vật lông, dùng lửa (hỏa) để nướng thân, hoặc chặt đầu (trảm), hoặc chém chân (chước). Kinh nói: “*Dĩ nhân thực dương, dương tử vi nhân, hổ tương thôn đạm, vô hữu cùng dĩ*” (Do người ăn dê, dê chết thành người, ăn

---

<sup>115</sup> Vô Căn Ba La Di là phi báng mà không có sự thật nên gọi là Vô Căn. Ba La Di (Pārājika), dịch sang tiếng Hán là Khu Tẫn (xua đuôi), Khí (vứt bỏ), Đoạn Đầu (đứt đầu), Bất Cộng Trụ (không thể ở chung) v.v... là danh xưng cho loại trọng tội bậc nhất trong giới Cụ Túc; nội dung chẳng ngoài bốn thứ giết, trộm, dâm, dối. Do tội phi báng vô căn cứ ở đây thuộc về đại vọng ngữ, nên gọi là Vô Căn Ba La Di.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

nuốt lẫn nhau, chẳng có cùng tận). Vì thế nói “luân hồi đệ thường” (luân hồi lần lượt đền trả).

“*Phá giới*”: Nếu phá luật nghi, thô tội dễ thấy; nếu như [kẻ ấy] mang hình tượng tương tự trì giới thì tế ác (điều ác vi tế) sẽ khó biết. Trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, đức Phật bảo ngài Ca Diếp: “*Hữu tứ chủng phá giới tỳ-kheo, tự như trì giới. Nhất, hữu tỳ-kheo u giới kinh trung, tận năng cụ hành, nhi thuyết hữu ngã. Nhị, hữu tụng trì kinh luật, thủ hộ giới hạnh, u thân kiến trung bất động, bất ly. Tam, hữu cụ hành thập nhị Đầu Đà, nhi kiến chư pháp định hữu. Tứ, hữu duyên chúng sanh hành từ tâm, văn chư hành vô sanh tướng, tâm tắc kinh bố. Thị danh phá giới tự như trì giới*” (Có bốn loại tỳ-kheo phá giới mà dường như trì giới. Một là có tỳ-kheo đối với giới kinh đều có thể hành trọn đủ, nhưng nói có Ngã. Hai là có tỳ-kheo tụng trì kinh luật, thủ hộ giới hạnh, nhưng đối với Thân Kiến chẳng động, chẳng lìa. Ba là có kẻ hành trọn mười hai hạnh Đầu Đà, nhưng thấy ‘các pháp nhất định là có’. Bốn là có kẻ hành từ tâm đối với chúng sanh, nhưng nghe các hành chẳng có tướng sanh, tâm bèn kinh sợ. Đó gọi là phá giới mà giống như trì giới).

“*Phạm trai*” là như đức Phật trả lời ngài Xá Lợi Phất: “*Phi thời thực thị phá giới nhân, thị phạm đạo nhân. Dữ giả diệc nhiên, phi ngã đệ tử, thị danh đạo thực phi pháp chi nhân. Đạo dữ, đạo thọ phiền diêm, phiền tác, giai tử đạo Tiêu Tràng địa ngục, thôn nhiệt thiết hoàn. Tùng địa ngục xuất, sanh trụ cầu trung, thực chư bất tịnh. Hựu sanh ác điều, nhân quái kỳ thanh. Nãi chí ngạ quỷ thực phân, nhân trung bản tiện*” (Kẻ ăn phi thời là người phá giới, là kẻ phạm tội trộm cắp! Người cho [kẻ ấy ăn] cũng giống như thế, chẳng phải là đệ tử của ta, mà gọi là “*kẻ trộm ăn, phi pháp*”. Trộm cho, trộm nhận chút muối, chút dấm, chết đi đều sẽ đọa vào địa ngục Cháy Ruột, nuốt hòn sắt nóng. Từ địa ngục thoát ra, sanh trong loài lợn, chó, ăn những thứ bất tịnh. Lại sanh làm chim ác, người ta ghét sợ tiếng của nó. Cho đến làm quỷ đói ăn phân, hoặc là kẻ bản tiện trong loài người). Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, thọ thân chim Giá Tra Ca (Caṭaka, sợ là tên tiếng Phạn của chim ngói, vẫn đợi người tra cứu), chỉ uống nước mưa từ trời, ngừa mỏ mà đợi, chẳng thể uống những thứ nước khác. Do vậy, chúng thường bị đói khát!

“*Phi lý hủy dụng*” (Phi lý hủy hoại vật dụng): “*Dụng*” [ở đây] là vật dụng. Hoặc do tức tối mà tự hủy hoại, hoặc do ác tâm làm tổn hại người khác. Ấy là vì những vật dụng là những món cần thiết của con người. Cây cày thì phải có lưỡi cày, cái bừa, thợ thuyền thì phải có búa, đục, trong nhà thì có những thứ gia dụng, đi đường thì có những thứ dùi,

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

lọng, các vật dụng để đi đường. Thuyền xe thì sào, mái chèo, đòn ngang, càng xe<sup>116</sup>. Nay bỗng dưng vô có hủy hoại, sẽ tự cảm vùi quả báo những thứ cần dùng thiếu thốn hoặc chẳng có! (Xưa kia, tại vùng Sa Đầu huyện Thái Thương, có gã họ Trầm, hàng xóm có các thứ lưới đánh cá, hoặc lưới cày có bánh xe v.v... hần đều mượn rồi ngầm phá hư. Một hôm, vợ của đứa con trai về thăm bố mẹ ruột, [cô ta] đi chưa được một dặm, bỗng mưa bão, sấm sét âm ầm. Một con rồng lọt vào nhà hần, cuộn quấy, phá sạch sành sanh, trọn chẳng còn sót lại gì. Cả một nhà lớn bé chết sạch).

***(Kinh) Nhược ngộ ngô ngã công cao giả, thuyết ty sử hạ tiện báo. Nhược ngộ lưỡng thiệt đầu loạn giả, thuyết vô thiệt, bách thiệt báo. Nhược ngộ tà kiến giả, thuyết biên địa thọ sanh báo.***

**(經)若遇吾我貢高者，說卑使下賤報。若遇兩舌鬪亂者，說無舌百舌報。若遇邪見者，說邊地受生報。**

*(Kinh: Nếu gặp kẻ hợm hĩnh, kiêu căng, bèn nói sẽ bị báo ứng hèn hạ, bị người khác sai khiến. Nếu gặp kẻ nói đâm thọc khiến mọi người gây gổ, bèn nói sẽ bị báo ứng không lưỡi, hoặc trăm lưỡi. Nếu gặp kẻ tà kiến, bèn nói sẽ bị báo ứng thọ sanh nơi biên địa).*

“Ngô ngã công cao”: Ngô ngã (吾我) là khoe khoang chính mình. Công (貢) là dâng hiến. Kẻ dưới dâng vật gì đó lên người trên thì gọi là Công, ắt phải đưa lên cao để dâng. Nay chấp ngã tự đại, tự cao, hạ thấp kẻ khác, giống như hình dạng dâng hiến đồ vật, [cho nên gọi là “công cao”]. Đây chính là cội rễ của sanh tử. Vì thế, kinh Đại Bảo Tích nói: “Nhất thiết kiến trung, duy hữu ngã kiến, tức thời năng đoạn u trí huệ mạng” (Trong hết thấy các kiến, chỉ có ngã kiến là có thể ngay lập tức đoạn trí huệ mạng). Kinh Ngũ Khổ Chương Cú nói: “Chỉ đại chủng tánh, công cao, kiêu mạn, thị trí miệt ngu, khinh mạo tha nhân, thị như trọng đảm. Bất xả đảm giả, hậu nhập địa ngục. Có kỳ từng địa ngục xuất, thăng đắc vi nhân, tất sanh ty sử hạ tiện chi gia” (Còn như kẻ

---

<sup>116</sup> Nguyên văn là Nghê (輓) và Ngột (輓): Ngột là thanh gỗ dài cong, hoặc bằng sắt dùng nối thùng xe với cái ách để thắng ngựa, Nghê là thanh ngang để Ngột móc vào, trên Ngột có đóng ách để thắng ngựa kéo xe. Có thuyết lại nói Nghê là hai cái càng xe để kéo thùng xe, còn Ngột là thanh ngang để đóng ách bò hay ngựa. Nói chung Nghê và Ngột là những bộ phận chủ yếu để mắc ách đóng ngựa, hay trâu, bò kéo xe.



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

thuộc chủng tánh lớn, ngạo nghễ, kiêu mạn, cậy mình là trí, khinh miệt kẻ ngu, coi rẻ người khác. Đó là gánh nặng của ông. Kẻ chẳng bỏ gánh nặng, về sau sẽ vào địa ngục. Cho nên kẻ ấy từ địa ngục thoát ra, nếu được làm người, ắt sanh vào nhà tôi tớ, hạ tiện). Tuân Khanh có nói: “*Kiêu mạn là mối hại của con người*”, ứng nghiệm những điều đang nói ở đây!

“*Luỡng thiệt đấu loạn*” (Nói đâm thọc khiến người khác gây gỗ): Coi cong là thẳng, coi thẳng là cong. Hướng đến người kia nói chuyện người này, hướng đến người này nói chuyện kẻ kia. Đâm thọc thị phi, hoại loạn cương thường. Kinh Thập Luân nói: “*Hữu vô lượng chủng đấu tụng vi tránh, hồ tương khi lưỡng. Thô ác quai ly, vu vọng kiểu loạn. Sanh thời ký dĩ lưỡng thiệt đấu loạn, tha thế tự cảm vô thiệt, bách thiệt chi báo*” (Có vô lượng thứ đấu đá, kiện tụng, tranh chấp, lừa dối, lẩn hiếp lẫn nhau. Thô ác chống trái, đặt điều, vu khống, lưỡng gạt. Lúc sống đã dùng cách nói đôi chiều để đấu đá, gây rối, đời khác sẽ tự cảm quả báo không lưỡi, trăm lưỡi).

“*Tà kiến*”: Hết thấy những gì trái lý mà dấy lên thì đều là tà kiến. Nay nói riêng về điều này là do thứ kiến giải này độc ác nhất, nó có thể đoạn thiện căn. Trung Luận nói có hai thứ tà kiến: Một là phá sự vui trong thế gian, [tức là] nói “không có tội, phước, thánh hiền” v.v... Hai là phá Niết Bàn đạo, tham chấp Ngã, phân biệt “có, không”, đều gọi là tà kiến. Vì thế, cảm lấy dư báo, sanh vào chốn biên cương. Kinh Ngũ Khổ Chương Cú nói: “*Biên địa vô nghĩa lý, phụ tử tương hỷ như, gia thất hồ tương mai, thuộc nhân vi nô tỳ, hằng đương cấp khu sử, động tĩnh gia trượng sở. Tuy đắc vi nhân hình, súc sanh cộng đồng lữ*” (Chốn biên địa không có nghĩa lý, cha con cùng nhau đùa bỡn gái, bán thê thiếp cho nhau, đem kẻ thân thuộc làm nô tỳ, luôn đem họ cho người khác sai khiến, hở ra là đánh đập. Tuy được làm thân người, mà khác nào súc sanh). Vì thế, hành giả Đại Thừa vẫn sợ bị thọ sanh nơi biên địa. Nhưng nêu ra sát sanh trước tiên, vì nó là cội gốc to lớn của các điều ác; cuối cùng nói đến tà kiến vì nó là cái hang to lớn để dòng nghiệp [đổ vào] vậy.

***3.2.2.2.2.2.3.2.1.2.2. Kết thị nghiệp cảm sai biệt (kết lại lời dạy về nghiệp cảm sai biệt)***

***(Kinh) Như thị đẳng Diêm Phù Đề chúng sanh, thân, khẩu, ý nghiệp, ác tập kết quả, bách thiên báo ứng, kim thô lược thuyết.***

**(經)如是等閻浮提眾生，身口意業，惡習結果，百千報應，今麤略說。**

(*Kinh: Do tập khí ác nơi thân, khẩu, ý nghiệp của chúng sanh trong Diêm Phù Đề mà kết thành cái quả trăm ngàn báo ứng như thế đó, nay chỉ nói đại lược.*)

Câu đầu tiên nêu chung về người tạo ác. “*Thân, khẩu, ý nghiệp*” là nói về nghiệp nhân. Câu “*ác tập*” (tập khí ác) nói về tập quả (cái quả của tập khí). “*Bách thiên báo ứng*” (Trăm ngàn báo ứng) là nói về báo quả. “*Thân, khẩu...*”: Phạm phu tạo nghiệp bèn có nhiều thứ: Có trường hợp là thân và miệng tương xứng với tâm; có trường hợp thân, miệng trái nghịch cái tâm. Hễ thân và miệng đầy động, đều là do cái tâm sai khiến. Vì thế, ba nghiệp đều lấy tâm làm căn bản. “*Ác tập kết quả*”: Theo Di Lặc Văn Kinh, có ba loại:

- Một là Quả Báo Quả, sanh vào địa ngục v.v...

- Hai là Tập Khí Quả, sanh trong loài người, do sát sanh mà bị quả báo đoạn mạng, cho đến do tà kiến mà si tâm tăng thượng (Tát Bà Đa Luận nói: “*Tỳ-kheo Nguru Ty từ loài trâu sanh [vào nhân gian, nên miệng luôn nhai nhóp nhép. Một tỳ-kheo khác] thường dùng gương để tự soi, do kiếp trước là dâm nữ. Ngài Mục Liên hay đùa bỡn nhảy nhót là do từ loài khỉ vượn sanh đến*” v.v...)

- Ba là Tăng Thượng Quả. Do mười thứ nghiệp đạo bất thiện mà hết thảy ngoại vật chẳng có được dồi dào, sung túc.

“*Bách thiên báo ứng*”: Theo kinh Ưu Bà Tắc Giới, chúng sanh tạo nghiệp có bốn loại:

- Một là hiện báo (Thân hiện tại tạo nghiệp, liền hứng chịu quả báo ngay trong thân này).

- Hai là sanh báo (thân hiện tại tạo nghiệp, thân kế tiếp sẽ thọ báo).

- Ba là hậu báo (đời này tạo nghiệp, hai, ba đời sau mới thọ báo).

- Bốn là vô báo (Do tạo các nghiệp vô ký v.v...)

Vô báo lại có bốn loại:

- Một là thời nhất định, nhưng báo không nhất định (loại này là đối với tam tế (tức quá khứ, hiện tại, vị lai) quyết định không thay đổi, nhưng do nghiệp có thể chuyển, cho nên báo bất định).

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

- Hai là báo định, thời bất định (do nghiệp lực nhất định, quả báo chẳng thể thay đổi, nhưng thời có thể chuyển, cho nên thời bất định).

- Ba là thời và báo đều định (do nghiệp là nhất định, nên thời cũng định).

- Bốn là thời và báo đều bất định (do nghiệp chẳng quyết định, nên thời và báo chẳng nhất định).

Kinh Niết Bàn lại nói đến dư báo của phiền não v.v... Trăm ngàn báo ứng như thế, nay chỉ nói đại lược thô thiển đó thôi!

*(Kinh) Như thị đẳng Diêm Phù Đề chúng sanh, nghiệp cảm sai biệt, Địa Tạng Bồ Tát bách thiên phương tiện, nhi giáo hóa chi.*

**(經)如是等閻浮提眾生，業感差別，地藏菩薩百千方便，而教化之。**

*(Kinh: Chúng sanh Diêm Phù Đề nghiệp cảm sai biệt như thế đó, Địa Tạng Bồ Tát dùng trăm ngàn phương tiện để giáo hóa họ).*

Từ “*như thị*” trở đi, kết lại sự sai biệt. Do chúng sanh tạo nghiệp [có hai loại] là trọn đủ và không trọn đủ. Nếu nghĩ trước rồi làm sau thì gọi là “*tác cụ túc*” (làm trọn đủ). Nếu trước hết chẳng nghĩ, mà trực tiếp tạo tác ngay thì gọi là “*tác bất cụ túc*” (làm chẳng trọn đủ). Lại có “*tác bất dĩ diệt cụ túc*”, có nghĩa là đã tạo nghiệp rồi, nhưng quả báo bất định. Lại “*tác dĩ diệt cụ túc*” (làm rồi mà cũng trọn đủ) thì thời (thời điểm sẽ thọ báo) lẫn báo đều nhất định. Nghiệp cảm của chúng sanh đã là sai biệt, cho nên Bồ Tát giáo hóa cũng lập ra trăm ngàn phương tiện. Như trong kinh Thập Luân, đức Phật bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát rằng: “*Thử thiện nam tử, phát tâm dĩ lai, bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp, cứu dĩ năng độ Tát Bà Nhã hải, dẫn y bốn nguyện cố, hóa ứng thập phương. Nhi u ngũ trước ác thế, hóa ích thiên hậu. Diệt y bốn nguyện lực sở huân tập, cập chúng sanh ưng thọ hóa nghiệp, cố từng thập nhất kiếp lai, trang nghiêm thử thế giới, thành thực chúng sanh. Thị cố tại tư hội trung, thân tướng đoan nghiêm, oai đức thù thắng. Duy trừ Như Lai, vô năng quá giả. Hựu sở khởi hóa nghiệp, duy trừ Biến Cát, Quán Âm đẳng, chư đại Bồ Tát giai bất năng cập. Dĩ thị Bồ Tát bốn thế nguyện lực, tốc mãn chúng sanh nhất thiết sở cầu, năng diệt chúng sanh nhất thiết trọng tội, trừ chư chướng ngại, hiện đắc an ổn. Hựu danh vi thiện an ủy thuyết giả, xảo diễn thâm pháp, năng thiện khai đạo. Sơ học phát ý cầu Đại Thừa giả,*

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*linh bất kiếp nhục*” (Vị thiện nam tử này từ khi phát tâm đến nay, trong chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp, đã có thể vượt biển Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí) từ lâu, chỉ do nương theo bản nguyện, nên hóa hiện ứng khắp mười phương. Nhưng trong đời ác ngũ trược, Ngài càng hóa độ tạo lợi ích đặc biệt sâu đậm. Cũng do nương vào sự huân tập của sức bản nguyện, và nghiệp đáng nên tiếp nhận giáo hóa của chúng sanh, cho nên Ngài có thể từ mười một kiếp đến nay trang nghiêm thế giới này, thành thực chúng sanh. Vì thế, ở trong hội này, Ngài có thân tướng đoan nghiêm, oai đức thù thắng; chỉ trừ Như Lai, không ai hơn được! Lại nữa, nghiệp giáo hóa do vị ấy đẩy lên, chỉ trừ những vị như Biến Cát, Quán Âm v.v... chứ các đại Bồ Tát khác đều chẳng thể sánh bằng. Do sức thể nguyện của vị Bồ Tát ấy, có thể nhanh chóng thỏa mãn hết thảy những điều mong cầu của chúng sanh, có thể diệt hết thảy trọng tội của chúng sanh, trừ các chướng ngại, hiện thời được an ổn. Ngài lại có tên là đáng khéo nói lời an ủi, đáng khéo diễn nói pháp sâu, đáng khéo khơi mở, chỉ dạy, khiến cho kẻ sơ học phát tâm cầu Đại Thừa chẳng kiếp nhục).

Do nhân duyên như thế, chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa [của Ngài bèn] đắc độ. Trăm ngàn phương tiện giáo hóa là như thế đó!

**3.2.2.2.2.2.3.2.2. Khuyến thiên vương ủng hộ (khuyến thiên vương hãy nên ủng hộ)**

**(Kinh) Thị chư chúng sanh, tiên thọ như thị đẳng báo, hậu đọa địa ngục, động kinh kiếp số, vô hữu xuất kỳ.**

**(經)是諸眾生，先受如是等報，後墮地獄，動經劫數，無有出期。**

**(Kinh: Các chúng sanh ấy, trước hết đã thọ quả báo như thế, sau đấy, sẽ đọa địa ngục trải qua nhiều kiếp chẳng có thuở thoát ra).**

Trước hết, nêu ra ý hộ trì. Vì sao khuyến thiên vương ủng hộ? Do chúng sanh trước hết sẽ thọ những hoa báo vừa nói trên đây. Sau đây, sẽ đọa vào địa ngục để chịu quả báo. Kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: “*Hữu nhân bất giải như thị nghiệp duyên, vô lượng thế trung lưu chuyển sanh tử. Tuy sanh Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, thọ bát vạn kiếp, phước tận, hoàn đọa tam ác đạo cố. Động kinh kiếp số, vô xuất kỳ giả*” (Có kẻ chẳng hiểu nghiệp duyên như thế, trong vô lượng đời trôi lăn sanh tử. Dẫu sanh vào trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, thọ tám vạn kiếp,

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

phước hết thì vẫn đọa vào ba ác đạo trải qua nhiều kiếp, chẳng có thuở thoát ra). Như kinh Cựu Tạng Thí Dụ đã chép: “*Tích hữu lục nhân, vi bạn tạo tội, câu đọa địa ngục. Phật kiến chi tiểu, Mục Liên vấn: “Hà có tiểu?” Phật ngôn: - Lục nhân đọa ngục, cộng tại nhất phủ, các dục thuyết bốn tội. Nhiệt thang phí dưỡng, các nhất ngữ tiện hồi hạ. Nhất ngôn Sa giả, thế gian lục thập ức vạn tuế, Nê Lê thị vi nhất nhật, hà thời đương cánh? Nhị ngôn Na giả, vô hữu xuất kỳ, bất tri hà thời đắc thoát? Tam ngôn Đặc giả, đốt, đốt, ngã đương dụng trị sanh, bất năng tự chế ý, đoạt ngũ gia phần, cúng dường tam tôn, ngu tham vô túc. Kim hỏi hà ích? Tứ ngôn Thiệp giả, ngôn ngã trị sanh, diệc bất trí thành, tài sản thuộc tha, vi đắc khổ thống. Ngũ ngôn Cô giả, thùi đương bảo ngã, tòng địa ngục xuất, tiện bất phạm đạo cấm, đắc sanh thiên lạc. Lục ngôn Đà-la giả, thị sự thượng đầu, bốn bất vi tâm kế. Thí như ngự xa thất đạo, chiết trục xa hoại, hỏi vô sở cập”* (Xưa kia có sáu người, kết bạn cùng nhau tạo tội, đều đọa địa ngục. Đức Phật trông thấy bèn cười. Ngài Mục Liên hỏi: “Vì sao Ngài cười?” Đức Phật bảo: - Sáu người đọa vào địa ngục, cùng ở trong một cái nôi, mỗi người đều muốn nói tội của chính mình. Nước sôi sùng sục, mỗi người chỉ nói được một câu rồi bị [nước nóng] xoáy chìm xuống dưới. Người thứ nhất nói Sa (cát), [ý muốn nói]: “Sáu mươi ức vạn năm trong thế gian chỉ là một ngày trong Nê Lê, đến lúc nào mới xong [hết tội]?” Người thứ hai nói Na, [ngụ ý]: “Chẳng có thuở thoát ra, chẳng biết lúc nào mới được thoát khỏi?” Người thứ ba nói “Đặc”, ngụ ý: “Chao ôi! Than ôi! Ta chẳng thể không chế tâm ý, chiếm đoạt tài vật cúng dường Tam Bảo, những món tài vật ấy thuộc về năm nhà (tức vua, giặc, nước, lửa, con bất hiếu), ngu si, tham lam, chẳng chán đủ. Nay hỏi hận ích gì?” Người thứ tư nói “Thiệp”, có nghĩa là “ta lo kinh doanh kiếm sống cũng chẳng chân thành, [nay chết đi] tài sản thuộc về người khác, còn chính mình chịu đau khổ”. Người thứ năm nói “Cô”, ý nói: “Ai có thể bảo đảm tôi thoát khỏi địa ngục, tôi sẽ chẳng phạm giới cấm, sẽ được hưởng niềm vui sanh lên trời!” Người thứ sáu nói: “Đà-la”, ý nói: “Đối với chuyện này thuở đầu vốn chẳng suy xét đến. Ví như đánh xe đi sai đường, trục gãy, xe hư, dẫu hỏi chẳng kịp!”)<sup>117</sup> Vì thế, trải qua kiếp số nhiều như vi trần, chẳng có lúc thoát khỏi địa ngục.

---

<sup>117</sup> Chúng tôi dịch đoạn này theo lời giải thích của cư sĩ Vương Văn Nguyên trong bộ Phật Điển Thí Dụ Kinh Toàn Tập (佛典譬喻经全集).

**(Kinh) Thị cố nhữ đẳng, hộ nhân, hộ quốc, vô linh thị chư chúng nghiệp mê hoặc chúng sanh.**

**(經)是故汝等，護人護國，無令是諸眾業迷惑眾生。**

*(Kinh: Vì thế, các ông là bậc hộ trì mọi người, hộ trì đất nước, hãy khiến cho các nghiệp ấy chẳng mê hoặc chúng sanh).*

Từ “*thị cố*” (vì thế) trở đi là lời khuyên. Dùng hai chữ ấy để tiếp nối ý trên đây, nhằm nêu bày ý nghĩa khuyên nhủ thiên vương hãy hộ trì. “*Hộ nhân...*”: Theo Kim Quang Minh Kinh Sớ, trong phần chú giải phẩm Quán Tâm, đã giải thích về Hộ Thế Tứ Thiên Vương như sau: “*Đông Tập, Nam Khổ, Tây Đạo, Bắc Diệt. Tứ đế lý (Khổ, Tập, Diệt, Đạo) là tứ thiên, trí quán Tứ Đế là bốn vị thiên vương. Gìn giữ cảnh Tứ Đế thì gọi là Hộ Quốc. Hộ trì tâm số (các pháp tâm số) tức là ‘hộ chúng sanh’. ‘Thế’ [trong Hộ Thế] nghĩa là người khác. Vì kẻ khác mà nói tâm số, thì gọi là ‘hộ trì chúng sanh khác’. Nếu chẳng chiếu theo lý Tứ Đế thì Kiến Hoặc và Tư Hoặc sẽ xâm hại tâm vương, hủy tổn cảnh giới. Tâm vương mất thì cảnh quốc bại, nhân dân tâm số sẽ tứ tán, cảnh và trí đều bị quý thân não hại. Có thể quán Khổ và Tập, chế ngự Kiến Tư, ắt nước yên, dân ổn. Có thể vì kẻ khác mà nói Tứ Đế, chính là hộ trì quốc độ của họ. Ngăn che Kiến Tư, khiến cho họ an lạc thì chính là Quán Tâm Hộ Thế Tứ Thiên Vương”.*

Nếu chẳng phải như vậy, làm sao có thể khiến cho chúng sanh chẳng bị nghiệp mê hoặc cho được? Ương Quật nói: “*Hộ trì pháp chân thật thì gọi là Hộ Thế*” chính là nói đến ý này.

**3.2.2.2.2.2.3. Thiên vương văn dĩ bi thoái (thiên vương nghe xong, xót xa lui ra)**

**(Kinh) Tứ thiên vương văn dĩ, thế lệ bi thán, hiệp chưởng nhi thoái.**

**(經)四天王聞已，涕淚悲歎，合掌而退。**

*(Kinh: Tứ thiên vương nghe xong, ứa nước mắt, xót xa thở than, chấp tay, lui ra).*

Đây là do nghe những tướng nghiệp cảm sai biệt như trên, lọt vào tâm, ngầm khế hợp, hiểu rõ chúng vốn không tịch, nghe chính là chẳng

**Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú**

nghe thì gọi là “nghe bằng tâm”. Vì thế nói “văn dĩ” (nghe xong). Hiềm rằng chúng sanh chẳng hiểu rõ, làm lạc tạo tác, làm lạc hứng chịu. Vì thế, úa nước mắt. Ba đời chẳng có thời, mười phương không có giới hạn, lục đạo chẳng biết, [cứ luân hồi trong sanh tử] trải qua nhiều kiếp, cho nên xót xa than thở. Do vậy, tự tâm hiệp nhất, chẳng lưu động xằng bậy. Lui về gìn giữ bí mật, tĩnh lặng đợi pháp âm, cho nên “chấp tay, lui ra”. Do vậy, có thể dùng lực, dùng pháp tự hộ trì, hộ trì người khác thì được gọi là Hộ Thế Tứ Thiên Vương vậy.

**Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú  
Quyển Trung**

**3.2.2.3. Thị nghiệp báo sai biệt (chỉ dạy nghiệp báo sai biệt)**

**3.2.2.3.1. Phẩm đề (tên gọi của phẩm kinh này)**

*(Kinh) Địa ngục danh hiệu, phẩm đệ ngũ.*

**(經)地獄名號，品第五。**

*(Kinh: Phẩm thứ năm: Danh hiệu của địa ngục).*

**3.2.2.3.2. Phẩm văn (kinh văn trong phẩm này)**

**3.2.2.3.2.1. Phổ Hiền thỉnh thuyết (ngài Phổ Hiền xin nói [danh hiệu của địa ngục])**

*(Kinh) Nhĩ thời, Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Địa Tạng Bồ Tát ngôn: - Nhân giả! Nguyên vị thiên long tứ chúng, cập vị lai, hiện tại nhất thiết chúng sanh, thuyết Sa Bà thế giới cập Diêm Phù Đề tội khổ chúng sanh, sở thọ báo xứ, địa ngục danh hiệu, cập ác báo đấng sự.*

**(經)爾時，普賢菩薩摩訶薩白地藏菩薩言：仁者！願為天龍四眾，及未來現在一切眾生，說娑婆世界及閻浮提罪苦眾生，所受報處，地獄名號，及惡報等事。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát bạch cùng Địa Tạng Bồ Tát rằng: - Thưa nhân giả! Xin hãy vì trời, rồng, tứ chúng, và hết thấy chúng sanh trong đời vị lai nói danh hiệu của địa ngục là chỗ thọ báo của chúng sanh tội khổ trong thế giới Sa Bà và Diêm Phù Đề, và những chuyện ác báo v.v...)*

Kể đó, sau phần nghiệp duyên và nghiệp cảm, bèn hỏi tướng nghiệp báo sai biệt trong địa ngục; vì thế nói là “*nhĩ thời*” (lúc bấy giờ). Trong tiếng Phạn, danh xưng Bát Thân Bạt Tha (Viśva-bhadra), hoặc Tam Mạn Bạt Đà (Samantabhadra), dịch sang tiếng Hán là Phổ Hiền. Theo kinh Bi Hoa (Karunā-pundarīka-sūtra), Ngài chính là vương tử thứ năm của vua Vô Tránh Niệm (Araṇasmṛti) trong quá khứ, tên là Vô Sở Úy (Vaiśāradyāni). Do hạnh thù thắng hơn các vị Bồ Tát khác, nên được Phật Bảo Tạng (Ratnagarbha) đổi tên thành Phổ Hiền. Sách Pháp Hoa Văn Cú viết: “*Đạt tột đỉnh của phục đạo<sup>118</sup>, do nhân trọn khắp, nên gọi là Phổ. Sau khi đoạn đạo, gần với bậc cực thánh, nên nói là Hiền*”. Kim Quang Minh Kinh Sớ viết: “*Địa vị tương tự Chân, mỗi địa vị đều thuận theo, không địa vị nào chẳng có. Như ngài Phổ Hiền tu trọn vẹn hạnh Phổ Hiền, địa vị gần với đẳng tôn quý tột bậc, địa vị tương tự ấy cao lắm*”. Pháp Hoa Văn Cú Ký viết: “*Đã chứng thì gọi là Chân, chưa chứng thì gọi là Tự (tương tự)*”. Đức Phổ Hiền là bậc Đẳng Giác, do so với địa vị cực thánh (Phật) mà gọi là Tự, cho nên đặt tên là Hiền.

Phẩm này nhờ ngài Phổ Hiền phát khởi, vì kiến hạnh đã trọn khắp pháp giới thì bi nguyện mới có thể đặc biệt to lớn. Do ngài Phổ Hiền tin tưởng Như Lai Tạng, lại còn biểu thị đã chứng Xuất Triền Pháp Thân (Pháp Thân hiển lộ sau khi lìa khỏi phiền não), vì khiến cho hết thảy chúng sanh thấu đạt “*toàn thể y báo và chánh báo của A Tỳ ở ngay trong tự tâm của bậc cực thánh. Thân và cõi của đức Tỳ Lô Giá Na chẳng vượt khỏi một niệm của phàm phu hạ căn*” thì mới thấu hiểu bản nguyên, thành tựu cực trí (trí của bậc cực thánh, Phật trí). Quán chiếu ngược lại Phật trí, sẽ thấy chẳng khác sơ tâm. Nhưng phẩm đức và địa vị của hai vị Đại Sĩ (Địa Tạng và Phổ Hiền) ngang nhau, trí hạnh bình đẳng, lẽ đâu [đức Phổ Hiền] chẳng biết danh hiệu và chuyện trong địa ngục hay sao? Ấy là vì đức Địa Tạng phân thân trong cõi âm, giáo hóa Nê Lê, Ngài nêu bày [những sự thật về địa ngục] trước mặt mọi người, chẳng ai không tin nhận. Do vậy, [đức Phổ Hiền] đặc biệt nêu câu hỏi.

“*Nhân giả*” (仁者) [là từ ngữ] tôn xưng đáng Từ Dục (慈育, nuôi nấng chúng sanh bằng lòng Từ). Nhân từ chính là tổng thể của tâm đức (các phẩm đức của tâm), do đức to lớn của trời đất là Sanh. Con người

---

<sup>118</sup> Phục đạo (伏道), còn gọi là Năng Phục Đạo, là địa vị có thể chế ngự hữu lậu hiện hành gây chướng ngại. Đoạn Đạo (斷道) đã hoàn toàn đoạn trừ các nghiệp chướng hữu lậu, vô lậu, cũng như tập khí.



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

do coi trọng sự sống, tự nhiên sẽ có lòng trắc ẩn, từ ái, đối với mọi loài sẽ đều là mùa Xuân. Vì thế, xét theo ý nghĩa, chữ Nhân (仁) do Nhân (人) và Nhị (二) ghép thành. “*Nhị*” biểu thị trời trên, đất dưới. Con người có thể chế ngự những dục vọng của chính mình, sẽ hòa lẫn thành một Thể với trời đất, rộng rang, tốt bậc công chánh. Trời tượng trưng cho chư Phật, đất tượng trưng cho chúng sanh. Tâm con người xen lẫn, kết hợp vào đó, thăng thăng khiến cho chúng sanh và Phật có cùng một Thể. Vì thế, gọi là “*nhân giả*” (đang có lòng nhân).

“*Nguyện vị thiên, long đặng*” (Xin hãy vì hàng trời, rồng v.v...): Do nghe nói chẳng cần biết là nam, nữ v.v... hễ đã tạo tội, sẽ cảm nghiệp, sẽ đều cùng hứng chịu [khổ quả] như nhau. Vì thế, [địa ngục ấy] được gọi là Vô Gian. Sau đó, lại nghe nói “*nhất thiết chúng sanh vị giải thoát đặng*” (hết thầy chúng sanh chưa giải thoát...), cho nên nguyện xin đức Địa Tạng hãy vì những kẻ như thế mà nói. “*Chúng sanh tội khổ*” chính là những kẻ thọ báo. Chỗ để thọ báo nói chung là lục đạo, nói riêng thì chỉ có địa ngục. Những chuyện ác báo chính là cảnh phải trải qua khi thọ báo. Nói đại lược, có chín loại:

- Nếu nghe pháp mà nói lưỡi đôi chiều, gây rối người khác, sẽ đọa làm loài chó cụp tai.

- Nghe pháp mà tâm không suy ngẫm pháp vị, đọa làm con lừa tai dài.

- Keo tham, ăn một mình (không chia sẻ với người khác), đọa trong ngạ quỷ. Sanh làm người, sẽ là kẻ nghèo đói.

- Cho người khác ăn những thứ dơ bẩn, sẽ đọa làm lợn, bọ hung.

- Cướp đoạt đồ vật của người khác, sẽ đọa làm dê, bị người ta lột da, ăn thịt.

- Thích trộm đồ vật của người khác, sẽ đọa làm trâu, ngựa; sanh làm người thì làm tôi tớ.

- Thích bịa chuyện, đồn đãi chuyện xấu của người khác, sẽ đọa địa ngục, bị nước đồng sôi rót vào miệng, bị kéo lưỡi ra để cày bừa.

- Thích uống rượu say sưa, sẽ đọa trong Phí Thi (沸屎, phân sôi) Nê Lê, thoát khỏi địa ngục sẽ làm con tinh tinh (chimpanzee), làm người thì là kẻ ương bướng, ngu xuẩn.

- Làm người trên mà đánh đập kẻ dưới, khiến họ không kêu vào đâu được, sẽ đọa vào địa ngục. Thoát ra bèn làm trâu cày, bị xô mũi, chở nặng, hòng đền trả tội ương.

Nếu nói rộng ra, sẽ là vô lượng!

*(Kinh) Sử vị lai thế Mạt Pháp chúng sanh, tri thị quả báo.*

**(經)使未來世末法眾生，知是果報。**

*(Kinh: Khiến cho chúng sanh đời Mạt Pháp trong thuở mai sau biết những quả báo ấy).*

Từ chữ “sử vị lai” (khiến cho đời mai sau) trở đi, nói rõ ý nghĩa chánh yếu của [việc thưa hỏi danh hiệu] địa ngục: Sở dĩ chúng sanh chịu khổ là vì họ chẳng biết quả báo. Phàm “không, vô sở hữu, vô tướng, vô nguyện” là trí huệ trọng yếu trong đạo, nhưng chẳng thể nói với kẻ mới học! Họ nghe nói “vô sở hữu” bèn buông tuồng cái tâm, chẳng còn tu giới nữa. Đã nói “hết thấy đều không”, cần gì phải làm [lành, tránh ác] chi nữa? Phàm là bậc thiện tri thức muốn dạy kẻ mới học, phải nói dần dần về ma sự để tạo nhân duyên ngăn ngừa ma; [cũng như nói] chuyện tội khổ trong đường sanh tử, năm đường rành rành, khiến cho họ tin tội phước. Đã hiểu rõ mọi chuyện thì mới có thể nói [không, vô tướng, vô tác v.v...] Do đó, phải khiến cho vị lai chúng sanh biết quả báo!

**3.2.2.3.2.2. Địa Tạng thừa đáp** (ngài Địa Tạng vâng theo lời hỏi mà giải đáp)

**3.2.2.3.2.2.1. Khiêm cung hứa thuyết** (khiêm cung, hứa sẽ trả lời)

*(Kinh) Địa Tạng đáp ngôn: - Nhân giả! Ngã kim thừa Phật oai thân, cập Đại Sĩ chi lực, lược thuyết địa ngục danh hiệu, cập tội báo, ác báo chi sự.*

**(經)地藏答言：仁者！我今承佛威神，及大士之力，略說地獄名號，及罪報，惡報之事。**

*(Kinh: Địa Tạng đáp rằng: “Thừa nhân giả! Tôi nay nương vào oai thân của đức Phật và sức của Đại Sĩ, nói đại lược danh hiệu của địa ngục và các chuyện tội báo, ác báo”).*

“Thừa Phật oai thân” (Nương vào oai thân của đức Phật): Đáng giáo chủ cực thánh, nương nhờ vào Ngài là chuyện đương nhiên, nhưng nói “và sức của Đại Sĩ” là vì lẽ nào? Ngài Phổ Hiền là đích tử của Phật, tôn quý không ai bằng, sức hạnh nguyện sâu xa; do vậy, tôn xưng Ngài là Đại Sĩ. Truyện (phần chú giải kinh Dịch) viết: “*Thông cổ kim, nhiên*

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*biện phủ? Vị chi Sĩ*” (Thông hiểu xưa nay, biện định đúng sai thì gọi là Sĩ). “Sĩ” (士) là sự, do chữ Thập (+), biểu thị “có nhiều sự việc, mọi chuyện trong vũ trụ đều thuộc về phận sự của ta”, [ghép với] chữ Nhất (一), hàm nghĩa “một và khác đều quán thông”. Vì thế, Khổng Tử nói: “*Thôi nhất hợp thập vi Sĩ*” (Sĩ là người có thể từ một mà suy ra mười). Nay vạn hạnh của ngài Phổ Hiền cũng thế, do một mà thành mười, cho đến do ngàn mà thành vạn, hiểu rõ vạn hạnh có cùng một tánh, độ chúng sanh bằng nhất tâm. Do có thể kiến lập chuyện cực đại, cho nên gọi là Đại Sĩ. “*Lược thuyết*” (nói đại lược) là từ ngữ khiêm tốn.

**3.2.2.3.2.2.2. Đáp thích ngục báo** (trả lời, giải thích về những báo ứng trong địa ngục)

**3.2.2.3.2.2.2.1. Đáp địa ngục danh hiệu** (trả lời về danh hiệu địa ngục)

**3.2.2.3.2.2.2.1.1. Tổng thị ngục xứ** (nói chung về nơi chốn của địa ngục)

*(Kinh) Nhân giả! Diêm Phù Đề Đông phương hữu sơn, hiệu viết Thiết Vi. Kỳ sơn hắc thúy, vô nhật nguyệt quang.*

**(經)仁者! 閻浮提東方有山, 號曰鐵圍。其山黑邃, 無  
日月光。**

*(Kinh: Thưa nhân giả! Phía Đông Diêm Phù Đề có núi tên là Thiết Vi (Cakravāda). Núi ấy tối tăm, không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng).*

Trong phẩm Địa Ngục của kinh Thế Ký thuộc quyển mười chín của Trường A Hàm, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “*Thử tứ thiên hạ hữu bát thiên thiên hạ vi nhiều. Kỳ ngoại, phục hữu đại hải thủy, châu biến vi nhiều bát thiên thiên hạ. Phục hữu Đại Kim Cang sơn, nhiều đại hải thủy. Kim Cang sơn ngoại, phục hữu đệ nhị Đại Kim Cang sơn. Nhị sơn trung gian, yếu yếu minh minh. Nhật, nguyệt, thần, thiên hữu đại oai lực, bất năng dĩ quang chiếu cập ư bỉ bát đại địa ngục, cố vân hắc thúy*” (Trong tứ thiên hạ này, có tám ngàn thiên hạ vây quanh. Phía ngoài lại có biển nước lớn, vây quanh trọn khắp tám ngàn thiên hạ. Lại có núi Đại Kim Cang (Vajra-parvata) vây quanh biển cả. Ngoài núi Kim Cang, lại có rặng núi Đại Kim Cang thứ hai. Khoảng giữa hai núi, tối tăm mờ mịt.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Mặt trời, mặt trăng, thần hoặc trời có đại oai lực chẳng thể dùng quang minh chiếu thấu tám đại địa ngục trong ấy. Vì thế nói là “tối tăm”).

“*Thúy*” (邃) là sâu thăm. Đã tối tăm, lại còn sâu thăm thăm. Do vậy, luận Lập Thế A Tỳ Đàm nói: “*Đức Thế Tôn nói có đại địa ngục tên là Hắc Ám. Ở phía ngoài mỗi thế giới đều có [địa ngục ấy], đều là không che phủ. Chúng sanh trong ấy tự giơ tay lên, nhưng mắt chẳng thể thấy. Dẫu cho mặt trời, mặt trăng, và các vị có oai thân to lớn, tất cả quang minh đều chẳng thể chiếu thấu nơi đó. Chư Phật xuất thế thì đại quang minh chiếu trọn khắp. Do quang minh ấy, họ mới trông thấy nhau. Phần thế giới ở giữa hai rặng núi đó và ở ngoài núi Thiết Vi được gọi là Giới Ngoại*”. Do ở phía Đông Diêm Phù Đề, nên nói là “*Đông phương hữu sơn*” (phía Đông có núi) v.v...

**3.2.2.3.2.2.2.1.2. Biệt khai ngục danh** (nêu tên từng địa ngục riêng biệt)

**3.2.2.3.2.2.2.1.2.1. Chánh chủ địa ngục** (địa ngục chánh yếu)

**(Kinh) Hữu đại địa ngục, hiệu Cực Vô Gián. Hựu hữu địa ngục, danh Đại A Tỳ.**

**(經)有大地獄，號極無間。又有地獄，名大阿鼻。**

**(Kinh: Có đại địa ngục tên là Cực Vô Gián. Lại có địa ngục, tên là Đại A Tỳ).**

Hai đại địa ngục Vô Gián và A Tỳ, [được các kinh luận] nói gộp lại, hoặc nói tách ra, từ xưa đã khó biện định. Theo kinh Trường A Hàm và kinh Quán Phật Tam Muội, thì nói gộp thành một ngục. Kinh tự hỏi đáp: “*Vì sao tên là địa ngục A Tỳ?*” Phương này dịch là địa ngục Vô Gián. Kinh này và kinh Lăng Nghiêm coi đó là hai ngục. Kinh [Lăng Nghiêm] nói: “*Cửu tình nhất tướng, hạ đồng hỏa luân. Thân nhập phong hỏa nhị giao quá địa, khinh sanh hữu gián, trọng sanh Vô Gián. Thuần tình, tức trầm nhập A Tỳ ngục*” (Chín phần tình, một phần tướng, bèn trầm luân, lọt qua hỏa luân. Thân đi vào chỗ lửa và gió giao xen, tội nhẹ thì sanh vào ngục có gián đoạn, tội nặng thì sanh vào địa ngục Vô Gián. Thuần tình thì chìm xuống, vào trong địa ngục A Tỳ). Chuyện này do kinh nói khác biệt, các vị dịch sư mỗi người dịch mỗi khác, khiến cho hai ngục được gộp lại hay tách ra khác nhau. Riêng tôi cho rằng: Ví như hai họ cùng sống trong một căn nhà, ra vào cùng bằng một cửa. Mỗi họ có quyền thuộc riêng. Người ngoài nhìn vào, không ai chẳng cho là

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

giống nhau hay khác nhau. Cùng ra bằng một cửa, nói là một thì có trở ngại gì? Đã là hai họ, chẳng ngại nói là hai! Do hai ngục cùng ở một chỗ, chịu tội đại lượng như nhau, cho nên là một hay hai không nhất định.

A là Vô, Tỳ (Vici) là Giá (遮, ngăn che), hoặc là Cứu. Nói gộp lại là Vô Giá, Vô Cứu (không ngăn trở, không cứu giúp). Theo kinh Thập Luân, tội Ngũ Nghịch là cực ác nhất. Lại có bốn loại tội lớn, giống như bốn tội nghịch, phạm tội căn bản v.v... Nếu kẻ nào phạm một tội [trong các tội] đó, sau khi thân hoại, mạng hết, đều đọa vào địa ngục A Tỳ. Đức Phật bảo Tăng Hộ: “*Hữu cửu chủng nhân thường xử A Tỳ đại địa ngục trung: Nhất, thực Tăng vật; nhị, Phật vật; tam, sát phụ; tứ, sát mẫu; ngũ, sát A La Hán; lục, phá hòa hợp Tăng; thất, phá tỳ-kheo tịnh giới; bát, phá phạm tịnh hạnh ni; cửu, tác Nhất Xiển Đề. Thị cửu chủng nhân hằng tại địa ngục*” (Có chín loại người thường ở trong đại địa ngục A Tỳ: Một, ăn đồ của Tăng; hai, ăn vật cúng Phật; ba, giết cha; bốn, giết mẹ; năm, giết A La Hán; sáu, phá hòa hợp Tăng; bảy, phá tịnh giới của tỳ-kheo; tám, phá tỳ-kheo-ni tịnh hạnh; chín, là kẻ Nhất Xiển Đề. Chín loại người ấy thường ở trong địa ngục).

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói sự khổ trong địa ngục A Tỳ hơn ngàn lần mười đại địa ngục trước đó, thọ mạng cả một kiếp. Kinh Quán Phật Tam Muội Hải lại nói: “*A Tỳ địa ngục tung quảng bát thiên do-tuần, thất trùng thiết thành, thất tầng thiết võng, đao lâm, kiếm lâm đặng, các các thất trùng, các hữu thập bát Hàn Băng đặng ngục*” (Địa ngục A Tỳ có kích thước mỗi bề là tám ngàn do-tuần, bảy lớp thành sắt, bảy tầng lưới sắt, rừng đao, rừng gươm v.v... mỗi thứ đều có bảy tầng. Mỗi mỗi đều có mười tám ngục như Hàn Băng v.v...) Đây chính là các ngục như Tứ Giác, Phi Dao v.v... trong phần kinh văn tiếp theo, đều là quyền thuộc của A Tỳ. Vì thế, trong bộ luận Lập Thế A Tỳ Đàm, sau khi giảng giải chuyện sanh vào tám địa ngục xong, phẩm thứ chín bèn nói tới các địa ngục ở rìa ngoài, như Nhiệt Hôi (熱灰, tro nóng), Phân Thi (糞屎, phân tiêu) v.v... đều ở nơi đó, tức là như trong phần sau, sẽ đặt ra một khoa riêng cho các địa ngục quyền thuộc. Đó là cách biện định mẫu mực, các hậu hiền chớ nên không biết!

***3.2.2.3.2.2.2.1.2.2. Quyển thuộc đặng ngục (các địa ngục quyền thuộc)***

***3.2.2.3.2.2.2.1.2.2.1. Ngục số vô hạn (số lượng địa ngục vô hạn)***

***3.2.2.3.2.2.2.1.2.2.1.1. Liệt danh (kể tên)***

*(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Tứ Giác.*

**(經)復有地獄，名曰四角。**

*(Kinh: Lại có địa ngục, tên là Bốn Cạnh).*

[Trong các đoạn kế tiếp] đều nói “*phục hữu*” (lại có), do các ngục ấy đều là quyền thuộc của đại địa ngục A Tỳ. Loại này rất nhiều, cho nên dùng hai chữ ấy để chỉ ra. Tứ Giác là như kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Hữu nhân thật phi sa-môn, tự vị sa-môn. Nhược văn phụ nữ ca, vũ, hý, tiếu, trang nghiêm cụ thanh, bất thiện quan sát, tâm sanh ái nhiễm, lậu thất bất tịnh, thân hoại, mạng chung, đọa u Hợp đại địa ngục thiết mật hỏa xứ (thị Hợp địa ngục đệ thập lục xứ). Sở vị nhiệt thiết Tứ Giác địa ngục, châu vi thiết bích ngũ bách do-tuần, từng thượng vũ hỏa, vũ thiết. Nhất thiết thân phần phân tán vi mật, thường chủ, thường thiêu*” (Có người thật sự chẳng phải là sa-môn mà tự cho là sa-môn. Nếu nghe âm thanh ca, múa, vui cười, hoặc [tiếng va chạm từ] các vật trang sức... của phụ nữ mà chẳng khéo quan sát, tâm sanh ái nhiễm, rò rỉ chất bất tịnh (xuất tinh) thì khi thân hoại, mạng hết, sẽ đọa trong Hợp đại địa ngục (địa ngục ép lại) ở chỗ Vụn Sắt Bốc Lửa (tức là chỗ thứ mười sáu trong Hợp địa ngục). Đó gọi là địa ngục Bốn Cạnh Sắt Nóng, chung quanh toàn là vách sắt, rộng đến năm trăm do-tuần. Từ trên tuôn xuống lửa và sắt, hết thấy thân thể [của tội nhân] tan nát thành vụn, thường bị nấu, thường bị đốt).

Theo Lập Thế A Tỳ Đàm Luận, trong địa ngục Hắc Thằng (黑繩, dây đen) hết thấy đều bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt. Tội nhân trong ấy bị ngục tốt truy bắt, quăng cho nằm sóng soài trên mặt đất. [Ngục tốt] căn theo chỗ những sợi dây màu đen giăng mắc để chặt [thân thể tội nhân] bằng búa to, hoặc thành hình bát giác, hoặc thành lục giác, hoặc thành bốn đoạn. Lại có khi chặt vụn từ đầu đến chân như từng đốt mía. Đây là do khi xưa làm người, [những tội nhân đó] đã tự tay hoặc bảo kẻ khác chặt, xẻo tay, chân, mũi, tai, chặt ngang lưng, xẻo thịt v.v... [người khác] nên thọ sanh trong đó!

*(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Phi Dao.*

**(經)復有地獄，名曰飛刀。**

*(Kinh: Lại có địa ngục tên là Dao Bay).*

***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Phi Dao (đao bay) là địa ngục Dao Luân (刀輪, vàng đao). Kinh Quán Phật Tam Muội Hải quyền năm nói: “*Dao Luân địa ngục giả, tứ diện đao sơn. Ư chúng sơn trung, tích đao như chuyên. Hư không trung hữu bát bách vạn ức cực đại đao luân, tùy thứ nhi hạ, do như vũ trích*” (Địa ngục Dao Luân bốn phía là núi đao. Trong các quả núi, chứa đao như ngói. Trong hư không, có tám trăm vạn ức vàng đao hết sức to, lần lượt rơi xuống giống như giọt mưa). Luân Lập Thế gọi chúng là “*mưa gươm, mưa búa rìu*” v.v... Chúng rơi xuống chỗ nào, các phần thân thể bị chặt đứt, đầu đứt rời như chẻ củi, tung tóe, hỗn độn. Đó là do xưa kia làm người, [các tội nhân ấy] theo đuổi việc chiến đấu, hoặc cho kẻ khác vũ khí, sai họ chiến đấu, tụ tập nhiều người, tùy ý sát hại. Do nghiệp căn ấy, bèn sanh trong đó.

***(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Hỏa Tiễn.***

**(經)復有地獄，名曰火箭。**

***(Kinh: Lại có địa ngục tên là Tên Lửa).***

Theo kinh Quán Phật Tam Muội, Hỏa Tiễn (tên lửa) chính là năm trăm ức địa ngục Thiệt Cơ (鐵機, máy sắt): Có một cái giường sắt, kích thước mỗi bề vừa đúng bốn trăm do-tuần; trên đó, cắm đầy kim tua tua. Giữa các mũi kim, đều có vạn ức nổ sắt. Trên cái lẫy của nổ sắt, có trăm ức lưỡi đao bén nhọn. Tội nhân sanh [vào địa ngục này, sẽ nằm] trên cái máy sắt đó, vạn ức cây kim sắt từ dưới đưa lên, các mũi kim đều ngửa lên, hay cắm xuống. Vô lượng nổ sắt đồng thời đều kéo căng, mỗi mũi nổ sắt đều bắn vào tim tội nhân. Một ngày, một đêm, sáu trăm ức lần sống chết. Luân Lập Thế nói: “*Chúng sanh ngu si trong thế giới, vì tham dục mà bất hiếu với cha mẹ, chẳng kính trọng sư trưởng, chẳng vâng theo sự dạy dỗ tốt lành, giết hại chúng sanh, nuôi nấng những kẻ gian trá, cho nên hứng chịu báo này*”.

***(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Giáp Sơn.***

**(經)復有地獄，名曰夾山。**

***(Kinh: Lại có địa ngục tên là Núi Kẹp).***

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Giáp Sơn (núi kẹp lại): Luận Tam Pháp Độ<sup>119</sup> viết: “Địa ngục Chúng Hợp: Chúng sanh mắc tội, do sợ hãi ngục tốt, vô lượng trăm ngàn người chạy vào giữa núi. Đã vào rồi, tự nhiên trước sau bốc lửa ngăn chặn họ, hai bên núi tự ép lại như cối xay. Máu tuôn như sông, xương, thịt tan nát hết sạch. Những kẻ sanh trong ấy là do thích cầm đầu giày vò chúng sanh”. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “Nhị sơn kiên tiên, thiết diễm hỏa nhiên, lưỡng sương tác thế, nhất thời câu lai, tạt địa ngục nhân. Tạt dĩ, ma chi, kỳ thân tán tận, vô vật khả kiến. Như thị ma dĩ, nhi phục hoàn sanh. Phục dĩ nhị sơn, như tiền tạt ma. Như thị phục tạt, phục ma, vô lượng bách thiên niên tuế. Thử do chúng nghiệp sở trí” (Hai quả núi ép cứng ngắc, lửa sắt nóng cháy bùng. Hai vách núi hình thành thế gong kìm, cùng lúc ép lại, kẹp tội nhân trong địa ngục. Kẹp rồi chà xát, thân họ vỡ tan, chẳng còn vật gì để thấy. Chà như thế xong, họ sống lại [thân thể hồi phục]. Lại bị hai quả núi kẹp chặt, chà xát như trước. Cứ kẹp chặt, xay xát như thế trong vô lượng trăm ngàn năm. Đó là do các nghiệp mà ra).

**(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Thông Thương.**

**(經)復有地獄，名曰通槍。**

**(Kinh: Lại có địa ngục tên là Thương Đâm).**

“Thông thương” (giáo đâm): Thương (槍) là cái giáo dài. Lại nữa, vót nhọn gỗ để tổn thương bọn trộm cắp thì gọi là Thương. Luận Lập Thế nói: “Tội nhân đã qua địa ngục Phần Thi, thấy địa ngục Kiếm Diệp (lá gươm) bèn dấy lòng yêu dẫm. Như rừng cây Am La chính là con đường rừng gươm, có những mũi gai nhọn hoắt, dao găm, dao cạo, đao, gươm, lưỡi dao bén ngót trải khắp mặt đất. Tội nhân đi vào con đường rừng ấy, chịu đủ mọi nỗi khổ đâm thọc, xuyên qua v.v... Do nghiệp báo sát sanh tăng thượng và cầm đầu chiến đấu mà cảm vờ”.

**(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Thiết Xa. Phục hữu địa ngục, danh viết Thiết Sàng.**

**(經)復有地獄，名曰鐵車。復有地獄，名曰鐵牀。**

---

<sup>119</sup> Tam Pháp Độ Luận là bộ luận của phái Khả Trụ Tử Bộ (còn gọi là Độc Tử Bộ, Vātsīputriya, một bộ phái Phật giáo của Thượng Tọa Bộ). Bộ luận này được ngài Cù Đàm Tăng Già Đề Bà dịch sang tiếng Hán vào thời Đông Tấn.



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Lại có địa ngục tên là Xe Sắt. Lại có địa ngục tên là Giường Sắt).*

“*Thiết Xa*” (xe sắt): Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Tư báo kết tức, tắc vi hỏa xa*” (Quả báo của Tư [tâm sở pháp] là thừa dịp hơi thở ra vào kết thúc, bèn thành xe bốc lửa). Theo kinh Hiền Ngu, đức Phật Thích Ca bắt đầu khởi từ tâm là lúc Ngài đang ở trong địa ngục [bị phạt kéo xe bốc lửa].

“*Thiết Sàng*” (giường sắt): Theo kinh Lăng Nghiêm, “*dâm tập, tắc hữu thiết sàng, đồng trụ*” (do tập khí dâm dục mà có giường sắt, trụ đồng). Kinh Tạp Tạng nói: “*Kim thân dâm dật, tử nhập địa ngục, ngọa chi thiết sàng, hoặc bảo đồng trụ. Ngục quỷ nhiên hỏa, dĩ thiêu kỳ thân*” (Thân hiện tại dâm dật thì lúc chết, sẽ đọa vào địa ngục, nằm trên giường sắt, hoặc ôm cột đồng. Quỷ canh ngục đốt lửa thiêu thân kẻ đó). Vì thế, kinh Quán Phật Tam Muội nói: “*Tội nhân mạng chung, tọa thiết sàng thượng. Như nhận vương tường, lạc hắc ám xứ. Dao luân thượng hạ, trảm tóa kỳ thân*” (Tội nhân chết đi, nằm trên giường sắt. Như nhận chúa bay lượn, rơi vào chỗ tối tăm. Các vàng đao trên dưới chặt chém thân kẻ đó).

*(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Thiết Ngưu. Phục hữu địa ngục, danh viết Thiết Y.*

**(經)復有地獄，名曰鐵牛。復有地獄，名曰鐵衣。**

*(Kinh: Lại có địa ngục, tên là Trâu Sắt. Lại có địa ngục, tên là Áo Sắt).*

“*Thiết Ngưu*” (trâu sắt) sẽ nói tường tận trong phần sau. “*Thiết Y*” (áo sắt): Theo luận Lập Thế, có lúc ngục tốt chửi bới, đe dọa người chịu tội. Kẻ ác đứng lên, tuy đứng, nhưng chẳng thể cử động. Khi đó, vô lượng tội nhân hết sức hoảng hốt, run rẩy dựa dẫm, [cả đám người tội chao đảo] giống như rừng phan. Lúc ấy, vô số ngàn vạn áo ca-sa bằng sắt nóng đỏ và áo sắt nóng đỏ từ trên hư không rơi xuống. Tội nhân kêu gào: “Áo đến rồi, áo đến rồi!” Các tấm áo ấy rơi đến nơi, mỗi tấm quần phủ [tội nhân], da, thịt, gân, xương đều cháy nát xong, áo sắt tự biến mất.

Đó là do khi xưa làm người, đánh đập, đâm đá chúng sanh có sanh mạng. Lại có kẻ xuất gia phá giới, hưởng dụng y phục và dây thắt

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

lưng<sup>120</sup> của quốc gia. Do nghiệp báo ấy, phải thọ sanh trong đó. Cổ đức nói: “*Hiện kiến ca-sa ly thể, tương lai thiết điệp triền thân*” (Nay thấy có [những tỳ-kheo] áo ca-sa lia thân, trong tương lai áo sắt quấn thân) chính là nói về chuyện này.

**(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Thiên Nhộn.**

**(經)復有地獄，名曰千刃。**

**(Kinh: Lại có địa ngục tên là Ngàn Mũi Nhọn).**

Thiên Nhộn (một ngàn mũi nhọn): Kinh Quán Phật Tam Muội nói: “*Tự hữu chúng sanh, bất thuận sư giáo, hưng ác nghịch tâm, bất tri ân dưỡng, đạo sư, hại sư, ô sư tịnh thực, tọa sư sàng tòa, tróc sư bát vu, mạ sư, báng sư, đả sư, sát sư, dĩ chư độc dược, trì dĩ ẩm sư. Nhược sa-môn, Bà-la-môn, tác chư phi pháp, vô hữu tâm quý, bác tượng, phá tháp, kiếp pháp bảo vật, sát bá, thúc, phụ mẫu, huynh, đệ, tử, muội. Như thị tội nhân, mạng chung tọa u đại kiếm sàng thượng, bách ức kiếm nhận. Nhận giai xuất hỏa, thiêu thích kỳ thân. Không trung hỏa luân, từng thượng nhi hạ, trực phách kỳ đánh, kỳ thân toái liệt, vi số thiên đoạn*” (Có chúng sanh chẳng nghe theo lời thầy dạy, dấy lòng ác nghịch, chẳng biết ơn dưỡng dục, trộm cắp của thầy, hại thầy, làm bần thức ăn thanh tịnh của thầy, ngồi lên giường, tòa của thầy, đoạt bát của thầy, chửi thầy, hủy báng thầy, đánh thầy, giết thầy, lấy các thứ thuốc độc đưa cho thầy uống. Nếu sa-môn, Bà-la-môn làm những chuyện phi pháp, chẳng có tâm hổ thẹn, bóc [vàng, bạc, hay các bảo thạch khảm] tượng, phá tháp, cướp bảo vật trong tháp, giết bác, chú, cha, mẹ, anh em trai, chị em gái, kẻ tội nhân như thế mạng chung, sẽ ngồi trên giường gươm to lớn. Trăm ức mũi gươm bén, mỗi mũi gươm đều bốc lửa, đốt, đâm thân kẻ đó. Trong hư không, có từng vàng lửa từ trên rơi xuống, bửa thẳng vào đỉnh đầu kẻ đó. Thân kẻ đó vỡ vụn thành mấy ngàn mảnh).

**(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Thiết Lư.**

---

<sup>120</sup> Đây là nói y phục thời đức Phật tại thế: Chư Tăng sau khi đã đắp y, dùng một mảnh vải dài hẹp làm đai lưng bó chặt cho y khỏi tuột, gọi là Kushalaka. Ngoài ra còn có đai lưng giữ cho chiếc xà rồng ở phía dưới khỏi tuột, gọi là Samakaksika. Hiện thời, khi không đắp y theo kiểu hờ vai phải, chư Tăng các nước theo Phật giáo Nam Truyền như Thái, Miến, Lào v.v... vẫn thường thắt đai lưng Kushalaka ra ngoài y ca-sa.

**(經)復有地獄，名曰鐵驢。**

*(Kinh: Lại có địa ngục tên là Lò Sắt).*

Thiệt Lư (lò sắt) sẽ được giải thích trong phần sau.

*(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Dương Đồng. Phục hữu địa ngục, danh viết Bão Trụ.*

**(經)復有地獄，名曰烱銅。復有地獄，名曰抱柱。**

*(Kinh: Lại có địa ngục tên là Nước Đồng Sôi. Lại có địa ngục tên là Ôm Cột).*

“Dương Đồng” (nước đồng sôi) như đã nói trong phần trên. “Bão Trụ” (ôm cột): Kinh Quán Phật Tam Muội nói: “*Thế gian ngu si chúng sanh, nhiễm ái tà dâm, mạng chung sanh đồng trụ đầu, mãnh hỏa diễm xí, phần thiêu kỳ thân. Kinh bố hạ thị, kiến thiết sàng thượng, hữu đoan chánh nữ. Nhược thị nữ nhân, kiến đoan chánh nam, tâm sanh ái trước, từng đồng trụ thượng, đục đầu u địa. Đồng trụ quán thân, thiết vông lạc cảnh. Thiết tử chur trùng, thiếp thực kỳ khu. Lạc thiết sàng thượng, nam nữ câu thời lục căn hỏa khởi. Hữu thiết chủy trùng, từng nhân nhi nhập, từng nam căn xuất. Nhược ô giới giả, biệt hữu vạn ức chur tiểu trùng bối, như tiểu thư trùng. Trùng hữu thập nhị chủy, chủy đầu xuất hỏa, thiếp thực kỳ khu. Thủ tà dâm báo, nhất nhật, nhất dạ, cửu bách sanh tử*” (Chúng sanh ngu si trong thế gian, yêu đắm tà dâm, mạng hết bèn sanh nơi đầu cột đồng, lửa mạnh cháy hừng hực, thiêu đốt thân họ. Họ sợ hãi nhìn xuống, thấy trên giường sắt có người nữ đoan chánh. Nếu là nữ nhân thì thấy người nam đoan chánh. Tâm sanh yêu đắm, bèn từ trên cột đồng, muốn buông mình xuống đất. Cột đồng xuyên qua thân, lưới sắt thít chặt cổ. Các con trùng có mỏ bằng sắt đục khoét thân họ. Rơi xuống giường sắt, nam nữ đều sáu căn bốc lửa. Có trùng mỏ sắt từ mắt chui vào, từ nam căn chui ra. Nếu là kẻ làm ô uế người giữ giới, sẽ riêng có vạn ức các con trùng nhỏ giống như loài giòi. Mỗi con trùng có mười hai cái mỏ, đầu mỏ bốc lửa, đục khoét thân kẻ đó. Quả báo tà dâm ấy trong một ngày, một đêm, chín trăm lần chết đi, sống lại).

*(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Lưu Hỏa.*

**(經)復有地獄，名曰流火。**

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

**(Kinh: Lại có địa ngục, tên là Lửa Trôi Nổi).**

Theo Tam Pháp Độ Luận, Lửa Hỏa (tung lửa, lửa trôi nổi thành từng vầng) chính là địa ngục Đại Khiếu (大哭, gào khóc to lớn), tức là trong núi sắt lớn, lửa cháy khắp nơi, chặn đường bốn phía, không có chỗ đi. Ngục tốt ác độc, chẳng nhân từ, giận dữ hỏi: “Người muốn đi đâu?” Vô duyên, vô cớ dùng lửa nung chày sắt, phang vỡ đầu tội nhân. Những kẻ trong cõi này làm cho muôn dân khốn khổ, sẽ sanh vào đó. Theo kinh Thủ Lăng Nghiêm, trong hai tướng của vị báo (quả báo do Vị), tướng thứ hai là phun khí thành lửa dữ bay lơ lửng, đốt tan xương, tủy [tội nhân], chính là ngục này vậy.

**(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Canh Thiệt. Phục hữu địa ngục, danh viết Tỏa Thủ.**

**(經)復有地獄，名曰耕舌。復有地獄，名曰剝首。**

**(Kinh: Lại có địa ngục tên là Cày Lưỡi. Lại có địa ngục tên là Chặt Đầu).**

Canh Thiệt (cày lưỡi) như trong phần sau sẽ giải thích. Tỏa Thủ (chặt đầu): Tam Pháp Độ Luận nói: “Hoạt địa ngục là ngục tốt dùng đao hay búa bén để mổ xẻ, chặt, chém chúng sanh thọ tội như chặt, chém đầu dê, tách rời da thịt”. Luận Lập Thế nói: “Xưa kia, khi họ làm người đã bừa vỡ toang đầu chúng sanh có mạng sống, hoặc [bỏ vỡ đầu] loài cá, rắn, rết v.v... đủ mọi nghiệp, nên bị quả báo vỡ toang đầu”.

**(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Thiêu Cước.**

**(經)復有地獄，名曰燒腳。**

**(Kinh: Lại có địa ngục tên là Đốt Chân).**

Theo luận Lập Thế, Thiêu Cước (đốt chân) chính là địa ngục Nhiệt Hôi (熱灰, tro nóng). Tội nhân từ đại địa ngục thoát ra, thấy phía ngoài của Nhiệt Hôi như chỗ đất trống bằng phẳng. Do thấy hình tướng ấy bèn nghĩ: “Ta nên đến đó”. Do vậy, tội nhân đến nơi đó rồi, chân giẫm lên tro nóng, da thịt liền nứt nẻ ví như khối sáp rơi vào trong lửa mạnh. Hễ giở chân lên, da thịt trở lại như cũ. Hoặc là lún đến gối, đến eo, đến cổ, hoặc chìm lìm, chẳng hiện. Đó là do xưa kia làm người, bắt chúng sanh có sanh mạng bỏ vào lửa, hoặc trong tro nóng, hay trong cát

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

nóng. Hoặc là tà dâm vợ người khác, coi thường phép tắc thế gian, hoặc là xuất gia mà phá giới, đi, đứng, nằm, ngồi trong chốn già-lam, hoặc giẫm đạp cảnh giới Tứ Chi Đè (Caitiya)<sup>121</sup>, hoặc giẫm lên bóng của Chi Đè. Do nghiệp báo ấy, thọ sanh trong đó.

*(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Đạm Nhãn. Phục hữu địa ngục, danh viết Thiết Hoàn.*

**(經)復有地獄，名曰啗眼。復有地獄，名曰鐵丸。**

*(Kinh: Lại có địa ngục tên là Ăn Mắt. Lại có địa ngục tên là Hòn Sắt).*

Đạm Nhãn (ăn mắt): Kinh Khởi Thê nói: “*Đao diệp lâm tiểu địa ngục trung, dĩ vô lượng chư bất thiện nghiệp quả báo, cố hữu thiết chủy ô, hốt nhiên sanh xuất, phi hướng địa ngục chúng sanh lưỡng bác chi thượng. An lập cước dĩ, tức dĩ thiết tủy trác bỉ tội nhân lưỡng nhãn nhi khứ*” (Trong tiểu địa ngục rừng lá đao, do quả báo của vô lượng nghiệp bất thiện, cho nên có quạ mỏ sắt bỗng dung sanh ra. Chúng nó bay tới hai vai của chúng sanh trong địa ngục, đã đặt chân vững rồi, liền dùng mỏ sắt khoét hai mắt của tội nhân mà bay đi). Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Tội nhân nhập đại kiếm thụ thiết lâm chi trung, hữu thiết thứu điều, trác phá kỳ nhãn, nhi ẩm kỳ tráp. Thị bốn dữ tửu ác nghiệp quả báo*” (Tội nhân vào trong rừng sắt có cây cối đầy gươm to, có chim ung sắt mổ vỡ mắt họ để uống chất dịch. Đây là do quả báo của ác nghiệp đem rượu cho cho người khác). Thiết Hoàn như trong phần trước đã nói.

*(Kinh) Phục hữu địa ngục, danh viết Trách Luân. Phục hữu địa ngục, danh viết Thiết Phu. Phục hữu địa ngục, danh viết Đa Sân.*

---

<sup>121</sup> Chi Đè (Caitya) còn được phiên âm là Chi Đê, Chi Đà, Chi Đé, Ché Đa, Ché Đê, Ché Đê Da, có nghĩa đen là “*tích tập*”. Lúc đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, các đệ tử chắt gỗ thơm thành đồng lớn để trà-tỳ (hỏa thiêu), gọi là Chi Đè. Do vậy về sau, các tháp miếu hoặc gò đồng để thờ phụng, kỷ niệm Phật, đều được gọi là Chi Đè; cho đến các loại khám thờ đục vào đá để thờ Phật cũng gọi là Chi Đè. Luật Ma Ha Tăng Kỳ quy định, hễ có xá-lợi thờ trong ấy thì gọi là Tháp (Stūpa), không có thì gọi là Chi Đè. Nhưng về sau, hai danh từ này được sử dụng lẫn lộn. Tứ Chi Đè chính là bốn nơi có tháp miếu kỷ niệm nơi đức Phật giáng sanh, thành đạo, chuyển pháp luân, và nhập Niết Bàn.

**(經)復有地獄，名曰諍論。復有地獄，名曰鐵鉢。復有地獄，名曰多嗔。**

*(Kinh: Lại có địa ngục tên là Tranh Cãi. Lại có địa ngục tên là Rìu Sắt. Lại có địa ngục tên là Nhiều Sân Hận).*

*“Thiết Phu” (rìu sắt): Kinh Trường A Hàm nói: “Xuất Thiết Hoàn địa thiết, chương hoảng trì tẩu, cầu tự cứu hộ, túc đối sở khiên, bất giác hốt chí Cân Phủ địa ngục, tung quảng ngũ bách do-tuần. Ngục tốt nộ tróc tội nhân, phác nhiệt thiết thương. Dĩ nhiệt thiết cân phủ, chước kỳ thủ, túc, nhĩ, ty, thân thể, khổ độc, tân toan, bi hào khiểu hoán” (Ra khỏi thành sắt của địa ngục Thiết Hoàn (viên sắt), tội nhân kinh hoảng rảo chạy, cầu được cứu giúp, che chở. Do oán đối đời trước dẫn dắt, bất giác bỗng tới địa ngục Búa Rìu, kích thích mỗi bề năm trăm do-tuần. Ngục tốt giận dữ, bắt tội nhân quăng lên sắt nóng, dùng búa rìu bằng sắt nung nóng, búa vỡ toang chân, tay, tai, mũi, thân thể. Khổ sở, cay đắng, kêu khóc, gào thét). Kệ rằng: “Phù sĩ chi sanh, phủ tại khẩu trung, sở dĩ trảm thân, do kỳ ác ngôn. Ứng hủy giả dự, ưng dự giả hủy, khẩu vi ác nghiệp, thân thọ kỳ tội” (Phàm người sanh ra, búa rìu nơi miệng! Sở dĩ chém thân, do vì nói ác. Đáng chê lại khen, đáng khen lại chê, miệng tạo ác nghiệp, thân hứng tội ấy).*

Tranh Luận (tranh cãi) và Đa Sân (nhiều sân hận) tuy chia thành hai ngục, nhưng do cùng một nhân mà thành. Tranh cãi do tham lam, ghen ghét mà ra. Do vì tham lam, ganh ghét, bèn lăm nôi nóng giận. Do nhân cảm quả, nên sanh trong ấy. Tam Pháp Độ Luận nói: *“Lại do tội ác, tay tự nhiên sanh ra móc sắt, sắc bén như lưỡi đao, có hình dạng như nửa vàng trắng. Ai nấy đều sanh ý kết oán: ‘Gã kia từng áp bức ta, ta nay chèn ép hẳn lại’. Do vậy, sanh lòng nóng giận, vô chạp, cấu xé nhau như cắt đốn tre, lau. Đó là những kẻ ở trong thế gian này, tâm kết oán hận mà chết, nên sanh trong đó”*. Cần phải biết hết thấy đều là hư huyền, lừa dối. Chúng sanh ngu si, sân hận chửi bới, làm hại, thậm chí đoạt mạng. Ngũ Âm đều là Không, không ta, không người, [thế mà cứ] đầu đá lẫn nhau, ngang ngược độc hại. Do khởi lên tội nặng ấy, đọa trong tam đồ, chịu vô lượng khổ. Vì thế, Bồ Tát bảo chúng sanh rằng: *“Các người đừng nên đấu đá nơi những cái xét về căn bản là rỗng không. Thân người còn chẳng thể được, huống hồ gặp gỡ Phật! Nay đã đọa địa ngục, hối hận thì đã trễ rồi!”*

**3.2.2.3.2.2.2.1.2.2.1.2. Chỉ quảng (nói rộng)**

*(Kinh) Địa Tạng bạch ngôn: “Nhân giả! Thiết Vi chi nội, hữu như thị đẵng địa ngục, kỳ số vô hạn”.*

**(經)地藏白言: 仁者! 鐵圍之內, 有如是等地獄, 其數無限。**

*(Kinh: Ngài Địa Tạng bạch rằng: “Thưa nhân giả! Trong Thiết Vi, có những địa ngục như thế, số đến vô hạn”).*

“*Như thị đẵng*” (như thế đó) là nói các địa ngục trong Thiết Vi như vừa thuật trong phần trên. “*Số vô hạn*”: Trong mỗi ngục đều có các tiểu ngục chẳng thể kê trọn. Nói là “*có*” vì phạm phu hư vọng dấy lên ái thủ (yêu mến, nắm giữ), chấp có cảnh. Vì thế, có nhân, có quả, có khổ, có lạc. Do đó, Duy Thức Luận nói: “*Hết thấy [những cảnh tượng] như địa ngục, thấy giống như có ngục tốt v.v... có thể làm chuyện bức bách, đều là do cái tâm ác nghiệp của tội nhân hiện ra, trọn chẳng phải là ngoài tâm thật sự có những chuyện như chó đờng, rắn sắt v.v...*” Hết thấy sự và pháp trong thế gian cũng đều giống như thế.

**3.2.2.3.2.2.2.1.2.2.2. Ngục danh bất đồng (tên địa ngục khác nhau)**

**3.2.2.3.2.2.2.1.2.2.2.1. Liệt danh (kể tên)**

*(Kinh) Cánh hữu Khiếu Hoán địa ngục, Bạt Thiết địa ngục, Phần Niệm địa ngục.*

**(經)更有叫喚地獄, 拔舌地獄, 糞尿地獄。**

*(Kinh: Cũng có địa ngục kêu gào, địa ngục kéo lưỡi, địa ngục phân tiểu).*

Theo Trường A Hàm, Khiếu Hoán (kêu gào) được xếp vào tám đại địa ngục nóng. Ngục thứ tư trong số ấy là Khiếu Hoán, thứ năm là Đại Khiếu Hoán, mỗi ngục đều có mười sáu du tăng (các địa ngục phụ ở bốn phía địa ngục chính). Do ngục tốt bắt lấy tội nhân, quăng vào chảo to, đun sôi sùng sục. Lại quăng lên vỉ sắt nướng to, lăn qua, lăn lại nung, nướng. Vì thế, tội nhân kêu rú, gào thét. Lại còn có ngục Đại Hào Đào Khiếu Hoán (ngục kêu rú, gào thét lớn). Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Hắc Thằng địa ngục, hữu xứ danh Đẵng Hoán, bỉ xứ ác thiêu, thọ khổ*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

vô gián. Cử tại hiểm nạn, vô lượng do-tuần. Nhiệt viêm hắc thừng, thúc phục hệ dĩ, hậu thôi đọa thiết đao, nhiệt địa chi thượng, thiết câu đạm thực. Nhất thiết thân phần, phần phần phân ly, xương thanh hồng hoán” (Địa ngục Hắc Thừng có chỗ tên là Đẳng Hoán. Chỗ đó bị đốt dữ dội, chịu khổ chẳng gián đoạn. Toàn thể chỗ ấy ở nơi bờ dốc hiểm trở vô lượng do-tuần. Sợi dây màu đen nung đỏ chẳng trói [tội nhân] chặt chẽ. Sau đó, [ngục tốt] đẩy tội nhân té xuống cuộc đất nóng rực có đao sắt, chó sắt ăn nuốt. Hết thấy các phần trên thân thể, từng phần chia lìa, rỗng thét, gào rú). Theo đó, hai ngục Khiếu Hoán chỉ ở trong ngục [nóng] thứ hai là Hắc Thừng (dây đen). Nói chung, tám ngục liên tiếp, cho nên nói gộp chung như vậy. Kinh Trường A Hàm nói: “Do sân khuể, hoài độc, tạo chư ác hạnh, cố đọa Khiếu Hoán địa ngục. Do tập chúng tà kiến, vị ái vông sở khiên, tạo dị lậu hạnh, đọa Đại Khiếu Hoán địa ngục” (Do sân hận, ôm lòng độc dữ, tạo các hạnh ác, cho nên đọa vào địa ngục Khiếu Hoán. Do quen theo các tà kiến, bị lưới ái lôi kéo, tạo các hạnh khác lạ, thô tháo, sẽ đọa vào địa ngục Đại Khiếu Hoán). Bạt Thiệt và Phần Niệm như trong phần sau [sẽ giải thích].

**(Kinh) Đồng Tỏa địa ngục, Hỏa Tượng địa ngục.**

**(經)銅鎖地獄, 火象地獄。**

**(Kinh: Địa ngục xiềng đồng, địa ngục voi lửa).**

“Đồng Tỏa” (xiềng xích bằng đồng): Kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Hắc Thừng địa ngục giả, bát bách thiết tỏa, bát bách thiết sơn, thụ đại thiết tràng, lưỡng đầu hệ cảnh. Ngục tốt, La Sát, khu hơi tội nhân, linh phụ thiết sơn, thiết thừng thượng tẩu, bất thắng lạc địa, đọa hoạch thang trung, La Sát khu khởi. Khát cấp, ẩm thiết, thôn thạch. Nhất nhật, nhất dạ, kinh lịch thị khổ cửu thập vạn biến. Thử do ngu si chúng sanh, thất chúng đệ tử, cửu thập lục chủng Phạm Chí đẳng, pháp thuyết phi pháp, phi pháp thuyết pháp, hoặc phạm khinh giới, cửu bất sám hối sở trí nhĩ” (Địa ngục Hắc Thừng: Tám trăm xiềng sắt, tám trăm núi sắt, dựng tràng sắt lớn, hai đầu buộc vào cổ [tội nhân]. Ngục tốt, La Sát xua đuổi, quát tháo tội nhân, bắt họ vác núi sắt đi trên dây sắt. Tội nhân không tránh khỏi rơi xuống đất, ngã vào vạc đang đun sôi. La Sát lừa họ đứng dậy. Do quá khát, bèn uống nước sắt, nuốt đá. Một ngày, một đêm, trải qua nỗi khô ấy chín mươi vạn lần. Đây là do chúng sanh ngu si, bảy chúng đệ tử, và chín mươi sáu loại Phạm Chí v.v... đối với pháp bèn nói



## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

là phi pháp, bảo phi pháp là pháp, hoặc phạm giới nhẹ, lâu ngày chẳng sám hối mà ra!)

Hỏa Tượng (voi lửa) là như Tăng Hộ<sup>122</sup> tiến về phía trước, thấy một con voi trắng bị lửa rừng rực đốt thân. Đức Phật bảo: “*Nhữ kiến tượng giả, thị địa ngục nhân. Ca Diếp Phật thời, thị xuất gia nhân, vị tăng đương trụ. Chư đàn-việt đặng, tương chư cúng dường, hương tự thí tăng, hoặc thực hậu lai. Đàn-việt bạch ngôn: ‘Đại đức! Nhật do vị cố, khả đã kiên chùy, tập tăng thí thực’. Tỳ-kheo ác khẩu, đáp bạch y ngôn: ‘Chư tỳ-kheo đặng do như bạch tượng, thực bất năng bão. Hương thực dĩ cánh, đình lưu nhật hậu’. Dĩ thị nhân duyên, nhập u địa ngục, thọ bạch tượng thân. Hỏa thiêu thọ khổ, chí kim bất tuyệt*” (Người thấy con voi ấy chính là kẻ ở trong địa ngục. Thời đức Phật Ca Diếp, kẻ đó là người xuất gia, trông coi bếp núc cho tăng chúng. Các vị thí chủ đem các thứ cúng dường đến chùa để cúng thí chư tăng, có khi đến sau bữa ăn. Thí chủ thưa rằng: “Thưa đại đức! Ngày chưa qua hết, có thể đánh kiên chùy nhóm tăng để dâng cúng thức ăn hay không?”. Vị tỳ-kheo ấy ác khẩu, trả lời những người tại gia: “Lũ tỳ-kheo giống như voi trắng, ăn chẳng thể no được! Nay giờ ăn đã qua rồi, để lại đó cho ngày hôm sau!” Do nhân duyên ấy, vào trong địa ngục, thọ thân voi trắng. Lửa đốt chịu khổ tới nay chẳng dứt).

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ lại nói: “*Nhược nhân tác như thị tâm, tượng nhược túy thời, năng đa sát nhân, ngã tắc đắc thắng. Vi lệnh tượng đầu, dữ tửu linh ẩm; đọa Khiếu Hoán ngục trung, hữu đại tượng sanh, thân giai diễm nhiên, nhất thiết thân phần giai năng đã xúc, thủ bỉ nhân dĩ, xúc phá thân phần, phá toái đọa lạc, xướng thanh đại hoán, cố sanh hỏa tượng dã*” (Nếu có kẻ nghĩ như thế này: “Nếu khi voi say, sẽ có thể giết nhiều người, ta sẽ thắng lợi”. Bèn cho voi ra đầu, cho nó uống rượu, kẻ ấy sẽ đọa vào ngục Khiếu Hoán, có con voi lớn sanh ra, thân toàn là lửa cháy rực. Hết thấy các phần trên thân thể của nó đều có thể húc chạm. Nó bắt lấy kẻ ấy rồi húc vỡ thân thể, [tội nhân] tan nát rơi rớt, kêu gào, rú thét. Vì thế, sanh làm con voi lửa).

---

<sup>122</sup> Tăng Hộ (Saṃgharakṣita) là một đệ tử của ngài Xá Lợi Phất. Theo kinh Nhân Duyên Tăng Hộ, trước khi xuất gia, Tăng Hộ từng cùng năm trăm thương nhân vào biên cả. Trên đường trở về, bị lạc mất đồng bạn, bèn đi một mình. Ở bờ biển, ông từng trông thấy năm trăm cảnh địa ngục, bèn thưa hỏi đức Phật. Đức Phật giải đáp từng cảnh và nêu rõ nhân duyên vì sao chúng sanh thọ khổ trong ấy.

*(Kinh) Hỏa Cầu địa ngục, Hỏa Mã địa ngục, Hỏa Ngưu địa ngục.*

**(經)火狗地獄, 火馬地獄, 火牛地獄。**

*(Kinh: Địa ngục chó lửa, địa ngục ngựa lửa, địa ngục trâu lửa).*

Hỏa Cầu (chó lửa): Kinh Khởi Thế nói: “*Nhiệt phí hôi hà lưỡng ngạn, sở hữu chư cầu, thân hắc tử sắc, cầu nị khả úy, đạm bỉ địa ngục chúng sanh thân nhục, luyến luyến giáo thực*” (Hai bên bờ sông tro sôi sùng sục, tất cả những con chó thân có màu tím đen, bản thủ đáng sợ, ăn thịt nơi thân của chúng sanh trong địa ngục, cắn xé, nuốt từng miếng một). Tam Pháp Độ Luận nói: “[*Ngục tốt*] *xua chúng sanh phạm tội vào chỗ đất bằng sắt có lửa thiêu đốt để quay cho họ chín rục. Đã chín rồi, lại đui ra cho chó ác ăn. Chó ăn hết sạch thịt xong, gió thổi qua khiến cho [tội nhân] sống lại, [thân thể] trở lại như cũ. Do trong cõi này (ở trong nhân gian) đã nuôi tằm, nấu, nướng, cho nên sanh vào nơi ấy*”.

Hỏa Ngưu, Hỏa Mã (trâu lửa, ngựa lửa): Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, có kể nào nếu trông thấy âm hộ của trâu cái, ngựa cái v.v... sanh tâm phân biệt: “*Chỗ ấy chẳng khác gì phụ nữ*”, bèn làm chuyện dâm dục với chúng. Do vậy, đọa vào Hợp đại địa ngục, sanh trong chỗ tròn xoe, trông thấy những con trâu, ngựa, sẽ giống như trước mà nghĩ nhớ, tưởng như phụ nữ trong loài người, dục tâm lòng lầy, chạy đến chỗ trâu, ngựa. Người đó đã đến gần âm hộ của trâu, ngựa, do nghiệp nhân ác, đi vào trong âm hộ của chúng, lọt vào bụng của chúng, lửa nóng đầy đầy, chịu khổ trong ấy.

*(Kinh) Hỏa Sơn địa ngục, Hỏa Thạch địa ngục.*

**(經)火山地獄, 火石地獄。**

*(Kinh: Địa ngục núi lửa, địa ngục đá lửa).*

Hỏa Sơn, Hỏa Thạch (núi lửa, đá lửa): Theo kinh Khởi Thế, địa ngục tên là Chúng Hợp. Chúng sanh sống giữa hai núi tên là Bạch Dương, miệng ăn những ngọn lửa rục cháy cực mạnh. Bọn họ vào trong núi ấy, hai quả núi cùng nghiền, cùng ép, cùng chà sát vào nhau. Chập lại, nghiền, ép, chà sát như thế xong, [những quả núi ấy] trở về chỗ cũ, ví như Tỳ Khư Nậu và Ra Tỳ Khư Nậu (đây là tên của của hai thứ sét) chập vào nhau, cùng nghiền, cùng chà sát, cùng ép xong, đều trở về chỗ

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

cũ. Đã thế, kẻ giữ ngục dùng tảng đá to bằng sắt bốc lửa mạnh cháy rực quăng vào chúng sanh trong địa ngục, khiến cho họ té ngửa trên đá sắt nóng, rồi lấy tảng đá khác chặn bên trên. Giống như cối xay trong thế gian, [hai tảng đá ấy] nghiền tới, nghiền lui như cối xay. Cối xay to đã vụn rồi, lại dùng cối xay nhuyễn hơn, nghiền lần nữa thành bụi. Chỉ thấy máu mủ tuôn ra, chẳng có vụn xương, tùy sót lại!

**(Kinh) Hỏa Sàng địa ngục, Hỏa Lương địa ngục.**

**(經)火牀地獄, 火梁地獄。**

**(Kinh: Địa ngục giường lửa, địa ngục kèo lửa).**

Hỏa Sàng (giường lửa) giống như Thiết Sàng (giường sắt) trong phần trước. Hỏa Lương (kèo rường lửa): Trong địa ngục có kèo sắt, cột sắt, không gì chẳng phải là lửa. Hoặc bắt tội nhân treo lên rường để đốt, hoặc dùng kèo sắt đè thân để thiêu.

**(Kinh) Hỏa Ưng địa ngục, Cự Nha địa ngục.**

**(經)火鷹地獄, 鋸牙地獄。**

**(Kinh: Địa ngục ưng sắt, địa ngục cửa răng).**

Hỏa Ưng giống như Thiết Ưng trong phần trước. Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, [nơi ấy] tên là Ô Khâu Sơn. Núi ấy bốc lửa, ngọn lửa cao năm ngàn do-tuần. Nơi đó có cây bằng sắt, trên cây có quạ sắt. Thân con quạ tóe lửa khắp cả cây ấy. Tội nhân đến đó, con quạ lửa mổ vỡ toang đầu người, ăn óc, ăn mắt, ăn mũi, ăn má, ăn tim, ăn phổi, ăn ruột non, ruột già. Những con quạ ấy ăn người trong địa ngục, phần thân thể nào cũng đều ăn. Do nghiệp lực của tội lỗi, [tội nhân] đã bị ăn hết bèn sống lại. Chuyện chim ưng và quạ [hành hạ tội nhân] giống như nhau.

Cự Nha (cửa răng): Kinh Khởi Thế nói: “*Thủ ngục giả, thủ bỉ chúng sanh, phác trước nhiệt thiết địa thượng. Dĩ thiết hắc thặng, biên độ kỳ thân, tức dĩ thiết cú, cú bỉ thân phá. Phá dĩ phục phá, nãi chí đại phá*” (Kẻ giữ ngục bắt chúng sanh đó quăng lên chỗ đất bằng sắt nóng. Dùng dây đen bằng sắt, đo đạc thân họ, liền dùng cửa sắt, cửa xẻ thân họ. Đã cửa rồi lại cửa nát hơn, cho đến nát vụn). Đã cửa thân thể họ, lẽ nào chẳng cửa răng họ? Ngục này là do bốn ác nghiệp nơi miệng cảm vôi.

**(Kinh) Bác Bì địa ngục, Âm Huyết địa ngục.**

**(經)剥皮地獄，飲血地獄。**

**(Kinh: Địa ngục lột da, địa ngục uống máu).**

Bác Bì (lột da): Luận Lập Thế nói: “Ở giữa hai ngục Cánh Sanh (sống lại, tức Đẳng Hoạt) và Hắc Thành, có địa ngục tên là Đại Hạng (ngõ lớn). Nếu có tội nhân, bị lột da trên đất, lại còn xẻo thịt kẻ ấy, chắt lên trên da. Xưa kia làm người, tội nhân đã làm nghề mổ, chặt, giết dê, lợn, trâu, nai để tự nuôi thân, hoặc săn bắt cá, chim v.v... Do nghiệp báo ấy, sẽ thọ sanh trong đó”.

Âm Huyết (uống máu): Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, có một chỗ riêng biệt thứ tám trong Hợp địa ngục, tên là Châu Tru Châu Tru. Nếu kẻ nào trộm cắp, tà hạnh, hoặc do không có người nữ, bèn hành dâm với dê, hoặc lừa. Hoặc [hành dâm] nơi phù-đồ (tháp thờ Phật), hoặc gần phù-đồ. Do ác nghiệp ấy, đọa vào chôn ác, thường có ác trùng tên là Châu Tru Châu Tru ăn nuốt thịt, uống máu kẻ ấy. Đã uống huyết xong, lại làm đứt gân để uống tủy; hoặc bắt tội nhân tự uống máu mình. Như kinh đã nói địa ngục vọng ngữ có mười tám chỗ, ngục thứ mười bảy tên là Huyết Tủy Âm (骨髓飲, uống máu và tủy). Chỗ ấy có sông tên là Nhiệt Huyết Dương Thủy. Sông ấy nóng sôi lên, dùng nước đồng nóng, nước sáp trắng cùng tích tụ trong đó (kinh Trường A Hàm gọi nó là địa ngục Nùng Huyết (膿血, máu mủ). Tự nhiên máu mủ nóng sôi sùng sục, trào ra. Tội nhân chạy đuổi theo để tự ăn những thứ đó).

**(Kinh) Thiêu Thủ địa ngục, Thiêu Cước địa ngục, Đảo Thích địa ngục.**

**(經)燒手地獄，燒腳地獄，倒刺地獄。**

**(Kinh: Địa ngục đốt tay, địa ngục đốt chân, địa ngục đâm ngược).**

Thiêu Thủ (đốt tay) và Thiêu Cước (đốt chân) cùng một loại. Trong tám nhiệt ngục, ngục thứ sáu là Thiêu Chá (燒炙, đốt, nướng), ngục thứ bảy là Đại Thiêu Chá, [tội nhân trong ấy] toàn thân đều bị đốt, da, thịt cháy tan nát. Nay do biệt nghiệp, chỉ thiêu tay chân. Đây là do đã mổ giết sanh linh, chặt tay, chặt chân, đun, nấu, nung, nướng. Vì thế, đọa vào trong ngục này.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Đào Thích (đâm ngược): Kinh Lâu Thán nói: “*Nã Lao Hà, tung quảng nhị vạn lý, hà lương biên hữu thiết thụ*” (Sông Khuây Nhiêu có kích thước mỗi bề hai vạn dặm. Hai bên bờ sông có cây cối bằng sắt). Luận Lập Thế nói: “*Cây Diêm Phù Lê có gai ngược, hết thảy đều bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt. Cây cao một do-tuần, gai dài mười sáu tấc. Ngục tốt nắm lấy cánh tay tội nhân, kéo lên cây đầy gai, rồi lại kéo xuống. Kéo lên phía trên thì gai [từ phía trên] đâm xuống dưới, kéo xuống dưới thì gai đâm ngược lên trên. Bụng [tội nhân] vướng vào cây, da, thịt toạc hết, lưng, eo cũng thế. Chịu đựng sự tàn hại ấy là vì xưa kia làm người, đã tà dâm phụ nữ, hoặc vợ lừa dối chồng. Lại có đủ mọi nghiệp báo tăng thượng, bèn sanh trong ấy”.*

**(Kinh) Hỏa Ốc địa ngục, Thiết Ốc địa ngục, Hỏa Lang địa ngục.**

**(經)火屋地獄, 鐵屋地獄, 火狼地獄。**

**(Kinh: Địa ngục nhà lửa, địa ngục nhà sắt, địa ngục sói lửa).**

Hỏa Ốc (nhà lửa) và Thiết Ốc (nhà sắt) hai ngục giống nhau, mỗi ngục được đặt tên theo điều coi trọng. Hỏa Ốc thuần bằng sắt tạo thành; còn Thiết Ốc lửa dữ cháy bùng bùng. Kinh Khởi Thế nói: “*Thời ngục tốt thủ bỉ chúng sanh, trích trí thiết ốc thất trung, xí nhiên đại nhiệt, bức thiết nan nhẫn, chúng nã hòa hợp, toại đại khiểu hoán. Bỉ trung cánh hữu thiết phòng, thiết liên, thiết các, thiết lâu. Kỳ trung thán hỏa, phí dũng doanh dật*” (Khi ấy, ngục tốt tóm các chúng sanh đó, quăng vào trong nhà sắt đang cháy bùng bùng hết sức nóng bức, bức bách khó thể chịu nổi. Các thứ nã hại xen lẫn, [tội nhân] bèn kêu gào thật to. Trong ấy, lại có phòng sắt, xe sắt, gác sắt, lầu sắt. Đốt than lửa trong đó, sôi sục tràn đầy). Kinh Trường A Hàm gọi ngục này là Thiêu Chá, chuyện [hành hạ trong ngục ấy] đại để tương đồng.

Hỏa Lang (sói lửa): Kinh Lâu Thán nói: “*Tùng Nã Lao Hà đắ xuất, nhập lang, dã can, tung quảng nhị vạn lý*” (Từ sông Quây Nhiêu thoát ra, vào trong bầy sói, dã can<sup>123</sup>, kích thước mỗi bề hai vạn dặm).

---

<sup>123</sup> Dã can (野干): Theo kinh Phật, dã can là loài cáo hoang hoặc chó rừng, hình dáng xấu xí, thân thể hôi thối, hình dáng giống cáo, màu lông xanh lẫn vàng, thường kéo thành bầy như chó rừng, tối đến tru như chó sói, ăn các loài thịt thối rữa. Đa số các nhà nghiên cứu cho rằng Dã Can là một loại Hyena (linh cẩu đốm). Loài này rất hung bạo, không chỉ ăn xác chết, mà còn săn bắt mồi, hung bạo, đôi khi bắt nạt cả sư

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Kinh Khởi Thế nói: “*Dĩ chư bất thiện nghiệp quả báo, cố u bỉ ngục xuất sanh hồ, lang, thô ác khả úy. Bỉ địa ngục chúng sanh thân nhục, cước đạp, khẩu xé, luyến luyến nhi thực*” (Do quả báo của các nghiệp bất thiện, cho nên trong ngục ấy sanh cáo, sói thô ác đáng sợ. Chúng nó chân giẫm, miệng xé thịt nơi thân của chúng sanh trong địa ngục ấy thành từng miếng để ăn).

#### **3.2.2.3.2.2.2.1.2.2.2.2. Chỉ quảng (nói rộng)**

*(Kinh) Như thị đẳng địa ngục, kỳ trung các các phục hữu chư tiểu địa ngục, hoặc nhất, hoặc nhị, hoặc tam, hoặc tứ, nãi chí bách thiên. Kỳ trung danh hiệu, các các bất đồng.*

**(經)如是等地獄，其中各各復有諸小地獄，或一或二，或三或四，乃至百千。其中名號，各各不同。**

*(Kinh: Các địa ngục như thế, mỗi ngục trong ấy lại có các tiểu địa ngục, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, cho đến trăm ngàn. Danh hiệu trong ấy, mỗi ngục mỗi khác).*

Câu đầu tiên tổng kết các ngục trên đây. Từ chữ “*kỳ trung*” (trong ấy) trở đi, cho biết: Trong những ngục như thế đó, mỗi ngục lại đều tự có các tiểu địa ngục để làm quyến thuộc, hoặc là một, hai, ba [tiểu địa ngục], hoặc đến trăm ngàn, danh hiệu sai biệt, chẳng thể chỉ bày trọn hết được!

#### **3.2.2.3.2.2.2.2.2. Đáp tội báo ác sự (trả lời về những sự ác do tội báo)**

**3.2.2.3.2.2.2.2.2.1. Chánh thị ác nghiệp cảm báo (dạy thẳng vào những quả báo do ác nghiệp cảm vờ)**

**3.2.2.3.2.2.2.2.2.1.1. Dạng thị nghiệp cảm (chỉ bày nghiệp cảm)**

*(Kinh) Địa Tạng Bồ Tát cáo Phổ Hiền Bồ Tát ngôn: “Nhân giả! Thử giả giai thị Nam Diêm Phù Đề hành ác chúng sanh, nghiệp cảm như thị”.*

---

tử nếu chúng đông hơn về số lượng. Tiếng kêu của chúng nghe như tiếng người cười cuồng loạn, nên người Anh thường gọi chúng là Laughing Hyena.

**(經)地藏菩薩告普賢菩薩言：仁者！此者皆是南閻浮提行惡眾生，業感如是。**

*(Kinh: Địa Tạng Bồ Tát bảo Phổ Hiền Bồ Tát rằng: “Thưa nhân giả! Đây đều là những chúng sanh làm ác trong Nam Diêm Phù Đề nghiệp cảm như thế đó”).*

Chỉ nói về chúng sanh trong Diêm Phù Đề, do họ chí tánh vô định, quen tạo nghiệp ác, cảm vờ những địa ngục ấy. Kinh Na Tiên Tỳ Kheo nói: “*Như thế gian hỏa nhiệt, bất như Nê Lê trung hỏa nhiệt. Như trì tiểu thạch, trước thế gian hỏa trung, chí mộ bất tiêu. Thủ đại thạch trước Nê Lê hỏa trung, tức tiêu. Diệc như hữu nhân tác ác, tử tại Nê Lê trung, số thiên vạn tuế, kỳ nhân bất tử*” (Như độ nóng của lửa trong thế gian, chẳng bằng độ nóng của lửa trong địa ngục. Như cầm hòn đá nhỏ, bỏ vào trong lửa thế gian, [nung từ sáng] cho đến tối, đá chẳng tiêu. Bỏ tảng đá to vào trong lửa Nê Lê, lập tức tiêu mất. Cũng như có kẻ làm ác, chết đi vào trong Nê Lê, mấy ngàn vạn năm, người ấy chẳng chết). Đây hoàn toàn là do nghiệp lực thiện hay ác mà đến nổi tiêu hay chẳng tiêu. Vì thế nói là “*ng nghiệp cảm như thế đó*”.

**3.2.2.3.2.2.2.1.2. Thích nghiệp lực đại** (giải thích về nghiệp lực to lớn)

**3.2.2.3.2.2.2.1.2.1. Chánh cử** (nêu ra)

*(Kinh) Nghiệp lực thậm đại, năng địch Tu Di, năng thâm cự hải, năng chướng thánh đạo.*

**(經)業力甚大，能敵須彌，能深巨海，能障聖道。**

*(Kinh: Nghiệp lực rất lớn có thể to hơn Tu Di, có thể sâu hơn biển cả, có thể chướng ngại thánh đạo).*

Đây là giải thích về cội nguồn của nghiệp cảm. Sách Ma Ha Chi Quán viết: “*Cái chước lấy quả là nhân, cũng gọi là nghiệp. Nghiệp của mười pháp giới dấy lên trong tự tâm. Chỉ cần có tâm, các nghiệp đều trọn đủ*”. “*Lực*” là lực dụng có thể kham thực hiện. Đức Phật dạy: “*Nhất thiết tráng, vô quá tâm. Tâm thị oán gia, thường khi ngộ nhân. Tâm thủ địa ngục, tâm thủ ngạ quỷ, tâm thủ súc sanh, tâm thủ nhân thiên. Tác hình mạo giả, giai tâm sở vi*” (Hết thấy các thứ mạnh mẽ,

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

không gì hơn nổi tâm! Tâm là kẻ oán, thường lừa dối, khiến người ta lầm lẫn. Do tâm mà giữ lấy địa ngục, do tâm mà giữ lấy ngọc quý, do tâm mà giữ lấy súc sanh, do tâm mà giữ lấy người, trời. Tạo tác hình dạng, tướng mạo, đều do tâm làm ra). Sức của nó to lớn nhất. Có thể lấy sự cao rộng của núi Tu Di để sánh ví với nó. Đại dương mênh mông, sâu thẳm, có thể dùng để sánh ví sự thẳm sâu của nó. Thánh đạo rộng rang, thông suốt, có thể bị nó chướng ngại. Đấy đều là do nghiệp lực của chúng sanh khiến thành ra như vậy, nó chẳng phải là quá to thì là gì đây? Hai câu “*núi, biển*” nhằm nêu thí dụ. “*Năng chướng thánh đạo*” (Có thể chướng ngại thánh đạo): Nghiệp hữu lậu có thể chướng ngại thánh đạo tam thừa; nghiệp vô lậu có thể chướng ngại Trung Đạo nơi Phật Tánh. Sách Kim Quang Minh Kinh Văn Cú viết: “*Ba thứ chướng gây chướng ngại Phật, bỏ lìa Đệ Nhất Nghĩa Thiên*”. Vì thế biết nghiệp lực sâu rộng và to lớn!

#### **3.2.2.3.2.2.2.1.2.2. Giới khuyến (khuyên răn)**

**(Kinh) Thị cố chúng sanh, mạn khinh tiểu ác, dĩ vi vô tội. Tử hậu hữu báo, tiêm hào thọ chi. Phụ tử chí thân, kỳ lộ các biệt, tưng nhiên tương phùng, vô khăng đại thọ.**

**(經)是故眾生，莫輕小惡，以為無罪。死後有報，纖毫受之。父子至親，歧路各別，縱然相逢，無肯代受。**

**(Kinh: Vì thế, chúng sanh đừng coi thường điều ác nhỏ, cho là vô tội. Sau khi chết, sẽ có báo ứng. Tội dẫu mây may, đều phải hứng chịu. Cha con chí thân, đường nẻo khác biệt, dẫu gặp gỡ nhau, chẳng bằng lòng chịu khổ thế cho nhau).**

Dựa theo lý do [nghiệp lực] có thể chướng ngại thánh đạo [như vừa mới nói] trên đây để khuyên răn. Trong thế gian, con người thường nghĩ như thế này: “*Những lỗi nhỏ nhặt ai mà tính đến?*” Trong kinh Duy Vô Tam Muội, đức Phật đã bảo ngài A Nan: “*Nhân sanh thế gian, sở dĩ bất đắc đạo giả, dẫn tọa tư duy uế niệm đa cố. Nhất niệm lai, nhất niệm khứ, nhất nhật, nhất tức, hữu bát ức tứ thiên vạn niệm, niệm niệm bất tức. Nhất niệm thiện giả, đắc thiện quả báo. Nhất niệm ác giả, đắc ác quả báo. Thị hưởng ứng thanh, như ảnh tùy hình. Thị cố thiện ác, tội phước các biệt. Như Diêm La vương cáo tội nhân vân: - Nhân sanh tại thế gian thời, tội quá tiểu tả khinh, tử tại địa hạ Nê Lê, đại tả trọng*” (Người sống trong thế gian, sở dĩ chẳng đắc đạo chỉ vì suy nghĩ có nhiều



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

ý niệm như uế. Một niệm đến, một niệm đi; một ngày, một đêm, có tám ức bốn ngàn vạn niệm, các niệm chẳng ngừng. Một niệm thiện bèn đạt được quả báo thiện. Một niệm ác bèn đạt được quả báo ác. Đó là do tiếng vang ứng theo âm thanh, như bóng theo hình. Do vậy, thiện ác, tội phước mỗi điều mỗi khác. Như vua Diêm La bảo tội nhân: “Khi con người sống trong thế gian, tội lỗi đã nhỏ lại nhẹ, chết đi, sanh trong ngục Nê Lê dưới đất, [quả báo] đã to lớn lại nặng nề”).

Vì thế, kinh Niết Bàn dạy: “*Mạc khinh tiểu ác, dĩ vi vô ương. Thủy trích tuy vi, tiệm doanh đại khí. Lương dĩ tiêm giới chi ác, lịch kiếp bất vong. Hào ly chi thiện, tích thế trường tồn*” (Đừng coi thường điều ác nhỏ, cho là chẳng có ương họa gì! Giọt nước tuy nhỏ, dần dần chứa đầy đồ đựng lớn. Đó là vì điều ác nhỏ nhặt, trải bao kiếp chẳng mất. Điều thiện mảy may, trải bao đời còn mãi). Phước đã thành, ắt thiên đường tự đến. Tội tích tụ, ắt địa ngục tự vào! Đây chính là lẽ tất nhiên, chẳng thể nghi hoặc gì nữa!

Cha con thiên tánh tương quan, thân thiết tột bậc; nhưng cha tu thiện mà con làm ác, thì cha sanh lên trời, con đọa trong cảnh khổ. Đường lối đã khác, tất nhiên khó thể gặp gỡ. Dẫu ngẫu nhiên gặp gỡ, há cha chịu đem niềm vui nơi thiên đường đổi lấy sự khổ trong địa ngục của con ư? Con lành, cha ác, tình lý cũng thế! Như trong kinh Lại Trá Hòa La đã dạy: “*Thiện ác tùy nhân, như ảnh tùy thân. Nhân sanh độc sanh, tử diệt độc tử. Thân tác thiện ác, thân độc đương chi, vô hữu đại nhân giả*” (Thiện ác theo người, như bóng theo thân. Con người sanh ra một mình, chết thì cũng chết trơ trọi một mình. Thân làm chuyện thiện ác, chỉ riêng thân mình gánh chịu, chẳng có ai thay thế). Vì thế, Phật Thuyết Tứ Tạng Tâm Kinh có dạy: “*Bất kể vô thường, nhi phản tham ái, ngôn hữu phụ mẫu, huynh đệ, thê tử, trung ngoại thân tộc, lão, bệnh, tử lai, thiện, ác, khổ, lạc, độc tự đương chi, vô hữu đại giả*” (Chẳng xét đến vô thường, ngược ngạo tham ái, nói có cha, mẹ, anh, em, vợ con, thân tộc trong ngoài, [thế nhưng] già, bệnh, chết xảy đến, thiện, ác, khổ, vui, riêng mình hứng chịu, chẳng có ai thay cho). Vì thế, khuyên chớ vì điều ác nhỏ mà coi thường để rồi có ý gây tạo.

**3.2.2.3.2.2.2.1.3. Nguyên nhân thính ngôn (xin nhân giả nghe tôi nói)**  
**3.2.2.3.2.2.2.1.3.1. Địa Tạng khuyến thính (Địa Tạng khuyến nghe)**

***(Kinh) Ngã kim thừa Phật oai lực, lược thuyết địa ngục tội báo chi sự. Duy nguyện nhân giả, tạm thính thị ngôn.***

**(經)我今承佛威力，略說地獄罪報之事。唯願仁者，暫聽是言。**

*(Kinh: Tôi nay nương vào oai lực của Phật, nói đại lược chuyện tội báo trong địa ngục. Kính mong nhân giả tạm nghe lời ấy).*

Ý nghĩa dễ hiểu.

**3.2.2.3.2.2.2.1.3.2. Phổ Hiền thích ý** (ngài Phổ Hiền giải thích dụng ý thưa hỏi)

*(Kinh) Phổ Hiền đáp ngôn: “Ngô dĩ cứu tri tam ác đạo báo. Vọng nhân giả thuyết, linh hậu thế Mạt Pháp nhất thiết ác hạnh chúng sanh, văn nhân giả thuyết, sử linh quy Phật”.*

**(經)普賢答言：吾已久知三惡道報。望仁者說，令後世末法一切惡行眾生，聞仁者說，使令歸佛。**

*(Kinh: Phổ Hiền đáp rằng: “Tôi biết sự báo ứng trong ba đường ác đã lâu. Vẫn mong nhân giả nói ra, khiến cho hết thấy chúng sanh ác hạnh thời Mạt Pháp mai sau nghe nhân giả nói sẽ quy hướng Phật”).*

Đức Phổ Hiền nói: “Ngài Địa Tạng mong tôi tạm nghe nói tội báo đại lược như vậy, há tôi chẳng biết chuyện khổ sở trong ác đạo ư? Chỉ vì nhân giả giáo hóa trong chốn tối tăm ẩn kín đã lâu, làm giáo chủ cõi địa ngục, Ngài đối trước đại chúng tuyên nói, mọi người ất tin tưởng, mới có thể khiến cho họ quy hướng đức Phật được!” Vô Thường Kệ có đoạn: “Có sanh ất đều chết, tạo nghiệp khổ bức thân, chỉ có Phật Bồ Đề, là chỗ thật nương về”. Khuyến chúng sanh quy hướng Phật chính là dụng ý chánh yếu để thưa hỏi về địa ngục.

**3.2.2.3.2.2.2.2.2. Biệt minh ngục báo sai biệt** (nói riêng về quả báo sai khác trong các ngục)

**3.2.2.3.2.2.2.2.1. Tổng thị** (dạy chung)

*(Kinh) Địa Tạng bạch ngôn: “Nhân giả! Địa ngục tội báo, kỳ sự như thị”.*

**(經)地藏白言：仁者！地獄罪報，其事如是。**

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Địa Tạng bạch rằng: “Thưa nhân giả! Chuyện tội báo trong địa ngục như sau...”)

Đoạn kinh văn này có thể hiểu theo hai cách:

- Nhằm tiêu kết phần trên, tức danh hiệu của các địa ngục trong phần trên là như thế đó.

- Mở đầu cho phần sau, tức là nói sẽ có những địa ngục này nọ v.v... như thế này, như thế nọ. Nay hiểu câu này nhằm chỉ chung những điều kế tiếp, sẽ càng ớn thỏa hơn!

#### **3.2.2.3.2.2.2.2.2. Biệt minh (nói riêng)**

(**Kinh**) **Hoặc hữu địa ngục, thủ tội nhân thiệt, sử ngu canh chi.**

**(經)或有地獄，取罪人舌，使牛耕之。**

(**Kinh:** Hoặc có địa ngục, kéo lưỡi tội nhân ra cho trâu cày).

Ngục thứ nhất, như kinh Bát Sư nói: “Lưỡn thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ, trảm nhân vô tội, báng hủy tam tôn, tử nhập địa ngục. Ngục trung quỷ thần, bạt xuất kỳ thiệt, dĩ ngu lê chi, dương đồng quán khẩu, câu tử bất đắc” (Nói đôi chiều, nói lời thối ác, nói dối, nói thêu dệt, gièm pha người vô tội, hủy báng Tam Bảo, chết sẽ đọa vào địa ngục. Quỷ tốt trong ngục kéo lưỡi kẻ đó ra cho trâu cày, nước đồng sôi rót vào miệng, mong chết mà chẳng được).

(**Kinh**) **Hoặc hữu địa ngục, thủ tội nhân tâm, Dạ-xoa thực chi.**

**(經)或有地獄，取罪人心，夜叉食之。**

(**Kinh:** Hoặc có địa ngục moi tim tội nhân cho Dạ-xoa ăn).

“Thủ tâm, Dạ-xoa thực” (Moi tim cho quỷ Dạ-xoa ăn): Kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Chư tội nhân sanh hôi hà trung, chư kiếm thụ gian, hữu nhất La Sát, dĩ xoa, xoa kỳ tâm xuất, dĩ Dạ-xoa thực. Dĩ tích thời thâu đạo sư trưởng, phụ mẫu tội nhân duyên cố, nhất nhật, nhật dạ, ngũ bách ức sanh tử, thọ khổ vô lượng” (Các tội nhân sanh trong sông tro, giữa các cây đầy gươm, có một La Sát dùng chĩa ba móc tim tội nhân ra cho Dạ-xoa ăn. Do nhân duyên xưa kia phạm tội trộm cắp sư

trường, cha mẹ, trong một ngày một đêm có năm trăm ức lần sống chết, chịu khổ vô lượng).

*(Kinh) Hoạch hữu địa ngục, hoạch thang thịnh phí, chủ tội nhân thân.*

**(經)或有地獄，鑊湯盛沸，煮罪人身。**

*(Kinh: Hoạch có địa ngục, vạc sôi sùng sục, nấu thân tội nhân).*

“Hoạch thang chủ thân” (vạc sôi nấu thân): Trong kinh trên đây có nói: “Hoạch Thang địa ngục hữu thập bát hoạch. Nhất nhất hoạch tung quảng tứ thập do-tuần, mãn trung phí thiết. Ngũ bách La Sát cổ đại thạch thán, thiêu kỳ đồng hoạch. Hỏa diễm tương thừa, lục thập nhật bất diệt. Diêm Phù Đề nhật mãn thập tam vạn tuế. Hoạch phí như tinh, hóa thành hỏa luân. Thử do hủy Phật cấm giới, sát sanh từ tự, vi phạm nhục huyết, phần thiêu sơn dã, sanh tâm chúng sanh, dĩ hỏa phần thiêu, sanh hoạch thang trung, tốc tạt tiêu lạn, duy dư cốt tại. Thiết xoa liêu xuất, thiết cầu thực chi, ấu thổ tại địa, tâm phục hoàn hoạt. Ngục tốt khu hơi, hoàn linh nhập hoạch” (Địa ngục Vạc Sôi có mười tám cái vạc. Mỗi cái vạc có kích thước mỗi bề bốn mươi do-tuần, chứa đầy nước sắt lỏng sôi sùng sục. Năm trăm La Sát dồn những tảng than đá lớn để đun những vạc đồng đó. Ngọn lửa cháy liên tục suốt sáu mươi ngày chẳng tắt; tính theo thời gian trong Diêm Phù Đề thì tròn mười ba vạn năm. Vạc sôi [bốc hơi lên] như các ngôi sao [chi chít], hóa thành vàng lửa. Đây là do hủy hoại cấm giới của Phật, sát sanh để cúng tế, ăn thịt, uống máu [những sanh vật]; thiêu đốt núi non, đồng rẫy, nướng sống chúng sanh. Do dùng lửa thiêu đốt, nên sanh trong vạc sôi, nhanh chóng bị tiêu nát, chỉ còn lại xương. [Quý tốt] dùng chĩa ba sắt vót ra, cho chó sắt ăn. Nó ói ra đất, [tội nhân] ngay lập tức sống lại. Ngục tốt xua đuôi, quất mắng, lại trở vào trong vạc).

*(Kinh) Hoạch hữu địa ngục, xích thiêu đồng trụ, sử tội nhân bāo.*

**(經)或有地獄，赤燒銅柱，使罪人抱。**

*(Kinh: Hoạch có địa ngục, nung đỏ cột đồng, bắt tội nhân ôm).*

“Nung đỏ cột đồng” như đã giải thích trong phần trước.

*(Kinh) Hoặc hữu địa ngục, sử chư hỏa thiêu, sấn cập tội nhân.*

**(經)或有地獄，使諸火燒，趁及罪人。**

*(Kinh: Hoặc có địa ngục, khiến cho các thứ lửa đốt, bay tấp vào thân tội nhân).*

“Hỏa thiêu sấn cập tội nhân” (lửa đốt bay tấp vào thân tội nhân): Chữ Sấn (趁) (đọc là Sấn, khứ thanh), có nghĩa là “đuổi theo, theo sát”. Kinh Khởi Thế nói: “A Tỳ đại ngục chư chúng sanh bói, dĩ bất thiện nghiệp quả báo, kinh vô lượng thời, kiến ngục Đông môn hốt khai. Ngục chúng kiến văn khai môn, tẩu hướng bỉ xứ. Tẩu dĩ phục tẩu, đại tốc tạt tẩu, ngã đẳng kim giả, quyết ưng đắc thoát. Như thị tẩu thời, thân chư chi tiết, chuyển phục xí nhiên! Nam, Tây, Bắc môn, diệc phục như thị” (Các chúng sanh trong đại ngục A Tỳ do quả báo của nghiệp bất thiện [mà bị giam trong đó] đã vô lượng thời, thấy cửa phía Đông của ngục bỗng mở ra. Mọi người trong ngục thấy, nghe cửa mở, bèn chạy đến đó, chạy miết, càng chạy nhanh chóng hơn, [tự nhủ]: “Chúng ta nay sẽ chắc chắn thoát nạn”. Khi họ chạy như thế, các lông đốt trên thân lại chuyển thành lửa cháy bùng bùng. Cửa Nam, Tây, Bắc cũng giống như thế).

*(Kinh) Hoặc hữu địa ngục, nhất hướng hàn băng.*

**(經)或有地獄，一向寒冰。**

*(Kinh: Hoặc có địa ngục, thuần là băng lạnh).*

“Nhất hướng hàn băng” (thuần là băng lạnh): Kinh Lôu Thán dạy: “Tùng Lang Dã Can xuất, tẩu nhập Hàn Băng, tung quảng nhị vạn lý. Nhân tất nhập kỳ trung, phong tứ diện khởi hàn băng (Trường A Hàm vân: “Nhị Kim Cang sơn gian, hữu đại phong khởi, danh viết Tăng Khư”). Phong xuy nhân cơ phu, bì, nhục, cân, cốt, nhập tủy trung tiện tử. Dĩ chư bất thiện nghiệp quả báo, nhi sanh kỳ trung” (Từ ngục Lang Dã Can thoát ra, bèn đi vào ngục Hàn Băng. Ngục ấy có kích thước mỗi bề hai vạn dặm (kinh Trường A Hàm nói: “Giữa hai núi Kim Cang có gió to nổi lên, tên là Tăng Khư (Sāmkhya)”). Gió thổi qua da, thịt, gân, xương của con người, lọt vào đến tủy bèn chết. Do quả báo của nghiệp bất thiện mà sanh trong ấy).

*(Kinh) Hoặc hữu địa ngục, vô hạn phần niệu.*

**(經)或有地獄，無限糞尿。**

*(Kinh: Hoặc có địa ngục, vô hạn phân, tiêu).*

“*Vô hạn phân niêu*” (vô hạn phân, nước tiêu): Kinh Địa Ngục dạy: “*Phí Thi ngục, hữu thập bát cách, các bát thiên do-tuần. Thập bát thiết thành, nhất nhất hữu thập bát cách. Cách trung tứ bích, bách vạn ức kiếm thụ, giai sanh thiết trùng, khẩu thổ nhiệt thi. Hữu tình ẩm thi, thử trùng sáp thiết, đạm tâm. Dĩ tiền thế phá Bát Trai Giới, cập bất tịnh ác nghiệp cố*” (Ngục Phân Sôi có mười tám ngăn, mỗi ngăn rộng tám ngàn do-tuần. Mười tám thành sắt, mỗi thành có mười tám ngăn. Bốn vách của mỗi ngăn là tám vạn ức cây cối đầy gươm, đều sanh ra trùng sắt. Miệng chúng nó phun ra phân nóng. Hữu tình uống phân, con trùng ấy bèn mút chặt lưỡi họ, ăn tim. Do đời trước phá Bát Quan Trai Giới, và do ác nghiệp bất tịnh).

*(Kinh) Hoặc hữu địa ngục, thuần phi tặc lê.*

**(經)或有地獄，純飛鏃鏃。**

*(Kinh: Hoặc có địa ngục, thuần là vuốt sắt bay).*

“*Thuần phi tặc lê*”<sup>124</sup>: Kinh Quán Phật Tam Muội nói: “*Tội nhân lạc hắc ám xứ, hữu thiết ô, tùy cự, trường lợi, từng sơn phi lai, trảo, trác tội nhân, thông cấp tặc tẩu. Túc hạ tặc lê, xuyên cốt triệt tủy, kinh ngũ bách vạn ức tuế*” (Tội nhân rơi vào chỗ tối tăm, có quạ sắt, mỏ to, dài, sắc, từ núi bay đến, quặp, mổ tội nhân. Tội nhân đau đớn, vội vàng chạy lẹ. Dưới chân có chông sắt xuyên thấu xương, xuyên vào tủy, trải qua năm trăm vạn ức năm). Nay nói “*thuần phi*” (đều là [vuốt sắt] bay), tức khắp ngục đều [có những thứ xuyên móc] như thế. Đây là do binh gia gài bẫy, bốn phía đều chôn chông sắt, lao sắt để hại người, cho nên sanh trong ngục này.

*(Kinh) Hoặc hữu địa ngục, đa toán hỏa thương.*

---

<sup>124</sup> Từ điển Khang Hy giải thích Tặc Lê là Thiết Qua (鐵撾). Qua là một loại vũ khí có cán, đầu cán gắn móc như vuốt chim, hoặc như hình bàn tay người, đúc bằng sắt luyện, có các ngón quặp xuống, vừa có tác dụng tấn công (móc, đập), vừa để chụp bắt, khóa kín vũ khí của đối phương, nhất là đối với các loại vũ khí dài như thương, giáo, kích v.v...

**(經)或有地獄，多攢火槍。**

*(Kinh: Hoặc có địa ngục, đâm nhiều giáo lửa).*

“Đa toàn hỏa thương” (đâm nhiều giáo lửa) giống như ngục Thông Thương, chỉ [có điểm khác biệt] là có nhiều lửa!

*(Kinh) Hoặc hữu địa ngục, duy chàng hung bối.*

**(經)或有地獄，唯撞胸背。**

*(Kinh: Hoặc có địa ngục, chỉ đập ngực, lưng).*

“Duy chàng hung bối” (chỉ đập ngực, lưng): Theo kinh Lăng Nghiêm, trong phần Lịch Thính thuộc quả báo của Xúc, tức là có thể va đập, do Xúc làm nhân mà thành cái quả này.

*(Kinh) Hoặc hữu địa ngục, đản thiêu thủ, túc.*

**(經)或有地獄，但燒手足。**

*(Kinh: Hoặc có địa ngục chỉ đốt tay, chân).*

“Đản thiêu thủ túc” (chỉ đốt tay, chân): Kinh Khởi Thế dạy: “Tùng Ngại Điệp tiểu địa ngục xuất, nghệ hương học lượng ngũ bách do-tuần tiểu địa ngục trung. Thủ ngục giả thủ địa ngục bối, dĩ nhiệt thiết học, khiến kỳ lượng hỏa, thiêu thủ, thiêu cước, nhĩ, tỵ, chi tiết. Kim tùng biệt nghiệp, biệt báo, cố đản thiêu thủ, túc” (Từ tiểu địa ngục Ngại Điệp (Cối Xay chồng chất) thoát ra, vào trong tiểu địa ngục to bằng cái học rộng năm trăm do-tuần. Kẻ giữ ngục bắt lấy bọn tội nhân, dùng học sắt nóng để đong lửa thiêu tay, đốt chân, tai, mũi, chi thể. Nay [có hình phạt như vậy] là do từ biệt nghiệp mà có biệt báo, cho nên chỉ đốt chân, tay).

*(Kinh) Hoặc hữu địa ngục, bàn kiểu thiết xà. Hoặc hữu địa ngục, khu trục thiết cẩu.*

**(經)或有地獄，盤繳鐵蛇。或有地獄，驅逐鐵狗。**

*(Kinh: Hoặc có địa ngục cho rắn sắt quấn trời. Hoặc có địa ngục, xua đuổi chó sắt [cắn xé tội nhân]).*

Rắn sắt, chó sắt giống như trong những phần trước.

*(Kinh) Hoặc hữu địa ngục, tận giá thiết loa.*

**(經)或有地獄，盡駕鐵驪。**

*(Kinh: Hoặc có địa ngục, đều bị bắt cưỡi trên con la sắt).*

“Tận giá thiết loa” (tội nhân đều bị bắt cưỡi con la<sup>125</sup> sắt): Như tỳ-kheo Tăng Hộ thấy một con lừa bị lửa dữ thiêu thân. Đức Phật bảo: “*Thật phi thị lư, Ca Diếp Phật thời xuất gia nhân, đương trừ phân tăng ẩm thực, hằng tự trưởng thọ nhị, tam nhân phần. Trì luật tỳ-kheo như pháp ha trách, đáp ngôn: ‘Ngã đương tăng trừ, thậm đại lao khổ, như bất tri ân, tráng tự như lư, dẫn dưỡng nhất thân, hà bất mặc nhiên?’ Dĩ thị nhập địa ngục trung, lư thân thọ khổ*” (Thật sự chẳng phải là lừa! Ông ta là người xuất gia thời đức Phật Ca Diếp, trông nom nhà bếp, [đảm nhiệm việc] chia thức ăn cho tăng chúng, luôn tự chia cho mình nhiều gấp đôi, gấp ba người khác. Vị tỳ-kheo giữ luật bèn theo đúng pháp quả trách, ông ta trả lời: “*Tao lo bếp núc cho tăng chúng, hết sức vất vả. Mà chẳng biết ơn, khỏe mạnh như lừa mà chỉ biết nuôi béo cái thân, sao không câm miệng đi?*” Do vậy, vào trong địa ngục, làm thân lừa chịu khổ). Nay nói “*tận giá*” (đều cưỡi hết), đại khái là tội nhân cưỡi trên lừa sắt, lừa đốt thân họ.

**3.2.2.3.2.2.2.3. Kết nghiệp hiển cảm khổ khí** (tổng kết về nghiệp, nêu rõ đó là nguyên do cảm vùi các dụng cụ hành hình)

*(Kinh) Nhân giả! Như thị đẳng báo, các các ngục trung, hữu bách thiên chủng nghiệp đạo chi khí. Vô phi thị đồng, thị thiết, thị thạch, thị hỏa. Thử tứ chủng vật, chúng nghiệp hạnh cảm.*

**(經)仁者！如是等報，各各獄中，有百千種業道之器。**

**無非是銅是鐵，是石是火。此四種物，眾業行感。**

*(Kinh: Thừa nhân giả! Những quả báo như thế, trong mỗi ngục đều có trăm ngàn thứ khí cụ để hành hình theo từng nghiệp, không gì chẳng phải là bằng đồng, bằng sắt, bằng đá, hay bằng lửa. Bốn thứ vật ấy đều do các nghiệp hạnh [bất thiện] cảm vùi).*

---

<sup>125</sup> La là con vật lai giữa lừa và ngựa.



### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

“*Như thị đặng báo*” (những thứ báo ứng như thế) chỉ chung những chuyện trên đây. Do hết thấy chúng sanh luôn sanh khởi ba loại tư duy bất thiện, ngẫm nghĩ ngũ dục, nghĩ chuyện giận dữ, tàn hại, nghĩ cách dối gạt, đều do vô minh làm nhân khiến cho chúng sanh khởi. Thân hoại, mạng hết, sẽ đọa vào đường ác. “*Khí*” (器) chính là những vật dụng thường dùng hằng ngày. Nay đồng, sắt, đá, lửa là [chất liệu] của những dụng cụ hành hình trong địa ngục, đều do nghiệp hạnh của tội nhân cảm vơi, chẳng phải do trời ban hay người tặng! Nghiệp hạnh tuy nhiều, Thập Ác bao hàm trọn hết, Tam Độc làm nhân, Thất Chi làm duyên, thực hiện ác nghiệp, tạo tác khí cụ hành hình, để rồi chính mình hứng chịu, chẳng thể tránh né! Vì thế, Kim Quang Minh Kinh Ký chép: “*Tâm phá giới đã thành thì có thể tạo ra địa ngục, các thứ dụng cụ hành hình nghiêm ngặt. Chẳng có một vật nào từ bên ngoài mà có*”. Vì thế, luận Duy Thức nói: “*Như trong địa ngục, chẳng có người làm chủ địa ngục, nhưng chúng sanh trong địa ngục, do nghiệp tự nhiên, thấy vị chủ của địa ngục và đủ mọi thứ khổ, khởi tâm trông thấy: Đây là chốn địa ngục, đây là lúc ban đêm hoặc ban ngày. Do ác nghiệp, nên thấy chó, thấy quạ, hoặc thấy núi ép lại*”.

Dùng đoạn văn ấy làm chứng, [sẽ biết]: Do điều thiện, lẽ ác huân tập cái tâm, khiến cho tâm dễ thấy, chứ thật sự chẳng có địa ngục! Nhưng ngoài tâm tuy chẳng có địa ngục, khi ác nghiệp đã thành, sẽ cưỡng ép khiến tội nhân hư vọng thấy là có. Vì thế, kinh Quyết Định Tỷ Ni dạy: “*Ngã thuyết địa ngục chư khổ sự, thật vô ác thú khả lai vãng. Dao, trượng, tật lê chúng khổ cụ, diệc vô hữu năng tạo tác giả, do phân biệt cố nhi kiến hữu. Vô lượng khổ độc bức kỳ thân. Do như phân biệt chư huyễn diễm. Ư thử phân biệt tất giai không*” (Ta nói các chuyện khổ trong địa ngục, nhưng thật ra chẳng có các đường ác để qua lại. Các thứ dụng cụ hành hình như đao, gậy, chông sắt, cũng chẳng có ai là người có thể tạo tác. Do phân biệt mà thấy có vô lượng khổ độc bức bách cái thân. Ví như phân biệt các ngọn lửa hư huyễn, đối với sự phân biệt ấy, đều là không) có phải là nói về chuyện này đấy chẳng?

#### **3.2.2.3.2.2.3. Kết thị chỉ quảng (tổng kết phân chỉ dạy rộng rãi)**

**(Kinh) Nhược quảng thuyết địa ngục tội báo đặng sự, nhất nhất ngục trung, cánh hữu bách thiên chủng khổ sở, hà hướng đa ngục.**

*Ngã kim thừa Phật oai thần, cập nhân giả vấn, lược thuyết như thị. Nhược quảng giải thuyết, cùng kiếp bất tận.*

**(經)若廣說地獄罪報等事，一一獄中，更有百千種苦楚，何況多獄。我今承佛威神，及仁者問，略說如是。若廣解說，窮劫不盡。**

*(Kinh: Nếu nói rộng những chuyện tội báo trong địa ngục, trong mỗi ngục lại có trăm ngàn thứ khổ sở, hưởng hồ nhiều ngục! Nay tôi nương theo oai thần của đức Phật và lời hỏi của nhân giả, nói đại lược như thế. Nếu giải thích cặn kẽ, dầu hết cả kiếp vẫn chẳng hết).*

“Tội báo trăm ngàn khổ sở” đều do một niệm tạo thành. Như kinh Chánh Pháp Niệm Xứ dạy: “Vân hà ác nghiệp vô lượng chủng chủng, giai nhân u tâm, tương tục lưu chuyển. Như hà sám lưu, phiêu chư chúng sanh, linh đọa ác nghiệp quả báo chi địa? Tại u địa ngục, thọ cực khổ não. Thử chư chúng sanh, vân hà như thị vị tâm sở cuồng, vị ái sở cuồng. Cố cảm bách thiên chủng báo, sở độc kỳ thân dã?” (Cớ sao vô lượng các thứ ác nghiệp như thế đều do nơi tâm, lưu chuyển liên tục như sông chảy xiết, trôi giạt chúng sanh, khiến cho họ đọa vào chốn quả báo của ác nghiệp? Ở trong địa ngục, chịu khổ não cùng cực. Các chúng sanh ấy cớ sao lại bị tâm, bị ái mê hoặc dường ấy, đến nỗi cảm vùi trăm ngàn loại quả báo hành hạ cái thân?)

“Hà hưởng đa ngục” (hưởng hồ nhiều ngục): Chỉ nói một ngục A Tỳ, đã có đủ mọi chuyện khổ sở do tội báo, hưởng hồ nhiều ngục? Tôi nay nương vào oai thần của đức Phật, kính cần đáp lời hỏi của nhân giả, bất quá nói đại lược những chuyện như vậy thôi. Nếu muốn hiểu cặn kẽ tên của các địa ngục và mỗi thứ dụng cụ hành hình, dầu thọ mạng trọn cả một kiếp, vẫn chẳng thể nói hết! Vì sao? Nghiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn! Ấy là vì tâm nghiệp giống như thợ vẽ, do nghiệp của chính mình mà vẽ thành các nơi hứng chịu cái quả do nghiệp đã gây tạo. Do tâm có đủ loại khác nhau, cho nên chịu khổ ở những chỗ khác nhau, có trăm ngàn ức na-do-tha ác sự đáng sợ, chẳng có chuyện nào giống nhau, chẳng thể sánh ví được! Chỉ do chúng sanh thuở trước, do tiếp xúc cảnh mà sanh lòng chấp trước, dây lòng yêu mến, nay phải chịu khổ trong xúc cảnh dơ xấu. Do đó, quả báo đau khổ, chuyện đau khổ, dụng cụ hành hình, rất khó nêu trọn được! Phần nói về căn cơ được giáo hóa đã xong.

**3.2.3. Minh độ thoát duyên (nói về các duyên để được cứu độ giải thoát)**

Phần này được chia thành hai đoạn:

- Hóa chủ phóng quang tán thán.
- Các vua Diêm La thưa hỏi và tán thán.

Kinh Bảo Vũ nói: “*Vân hà Bồ Tát năng linh xưng thán? Thiện nam tử, như nguyệt xuất hiện, năng sử nhân gian thành, áp, tụ lạc, chư Sát-đế-lợi, Bà-la-môn đấng, nhược nam, nhược nữ, tất giai xưng tán. Bồ Tát như thị, như nguyệt xuất hiện, vị nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A-tổ-lạc, Kiện-đạt-phước đấng, tất giai xưng tán*” (Vì sao Bồ Tát được ca ngợi? Đây thiện nam tử! Như mặt trăng xuất hiện, có thể khiến cho các Sát-đế-lợi, Bà-la-môn dù nam hay nữ trong các thành, ấp, xóm làng trong nhân gian thấy đều khen ngợi. Cũng vậy, Bồ Tát xuất hiện giống như vàng trắng, nên được hết thấy trời, người, A Tu La, Càn Thát Bà v.v... trong thế gian khen ngợi).

Đoạn thứ nhất lại được chia làm hai phần:

- Đức Thế Tôn tán thán công đức.
- Đức Địa Tạng tạo lợi ích cho kẻ còn lẫn người mất.

**3.2.3.1. Hóa chủ phóng quang tán thán (đức giáo hóa chủ phóng quang minh, khen ngợi)**

**3.2.3.1.1. Thế Tôn tán thán công đức (đức Thế Tôn khen ngợi công đức)**

**3.2.3.1.1.1. Phẩm đề (tên gọi của phẩm kinh)**

*(Kinh) Như Lai tán thán, phẩm đệ lục.*

**(經)如來讚歎，品第六。**

*(Kinh: Phẩm thứ sáu: Như Lai tán thán).*

**3.2.3.1.1.2. Phẩm văn (kinh văn trong phẩm này)**

**3.2.3.1.1.2.1. Như Lai tán thán từ bi sự (đức Như Lai tán thán chuyện từ bi)**

**3.2.3.1.1.2.1.1. Tự quang thanh xưng thán (trần thuật chuyện phóng quang và phát ra âm thanh ca ngợi)**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cử thân phóng đại quang minh, biến chiếu bách thiên vạn ức Hằng hà sa đẵng chư Phật thế giới.*

**(經)爾時，世尊舉身放大光明，徧照百千萬億恆河沙等諸佛世界。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn khắp thân tỏa quang minh to lớn, chiếu trọn khắp trăm ngàn vạn ức các thế giới nhiều như cát sông Hằng).*

Trong phần trên đã nói về đấng hóa chủ và căn cơ được hóa độ đã xong, đức Thế Tôn bèn thừa dịp tán thán, hồng nói rõ cái duyên độ thoát, cho nên nói là “*nhĩ thời*” (lúc bảy giờ). Toàn thân phóng quang minh, hiển thị đại địa cùng thành trí địa, thu tóm quần sanh đều nhập Vô Sanh. Như trong kinh Đại Phẩm Bát Nhã có nói: Từ tướng bánh xe ngàn cãm dưới chân, tỏa ra sáu trăm vạn ức quang minh. Từ mười ngón chân, hai mắt cá chân, đầu gối, gót chân, bắp đùi, eo, bụng, lưng, rốn, tim, ngực, vai, cánh tay, ngón tay, cổ, miệng, răng, lỗ mũi, mắt, tai, tướng bạch hào, và nhục kế, mỗi nơi đều tỏa ra sáu trăm vạn ức quang minh. Từ các luồng sáng ấy, tỏa ra các vàng quang minh to lớn chiếu trọn khắp các thế giới chư Phật trong mười phương nhiều như cát sông Hằng. Nếu chúng sanh gặp quang minh ấy, ắt đắc A Nậu Bồ Đề (Vô Thượng Chánh Giác). Nay quang minh được tỏa ra cũng giống như thế, cho nên nói “*khắp thân phóng đại quang minh, chiếu trọn khắp vạn ức các cõi nhiều như cát*”.

*(Kinh) Xuất đại âm thanh, phổ cáo chư Phật thế giới nhất thiết chư Bồ Tát Ma Ha Tát, cập thiên, long, quỷ, thần, nhân phi nhân đẵng.*

**(經)出大音聲，普告諸佛世界一切諸菩薩摩訶薩，及天龍鬼神，人非人等。**

*(Kinh: Phát ra âm thanh to lớn, báo khắp hết thảy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát và trời, rồng, quỷ, thần, người, phi nhân v.v... trong các thế giới của chư Phật).*

“*Đại âm thanh*” chính là tướng Phạm thanh trong ba mươi hai tướng. Luận Tân Tỳ Bà Sa nói: “*Phạm thanh của Như Lai: Trong cổ*

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh Khoa Chú**

họng của Phật có đại chủng mâu nhiệm, có thể nói các phạm âm hòa nhã, vui đẹp lòng người như chim Yết La Tần Già (chim Ca Lăng Tần Già), và phát ra âm thanh như sấm rền vang xa, như tiếng trống của Đệ Thích”. Đại Luận nói: “Như năm thứ tiếng của Phạm Thiên Vương, từ miệng phát ra: Một là rất sâu như sấm. Hai là trong trẻo, thấu triệt, có thể nghe được rất xa, người nghe vui sướng. Ba là nghe lọt vào tâm, [người nghe] sanh lòng kính yêu. Bốn là trọn vẹn chắc thật, dễ hiểu. Năm là người nghe muốn nghe chẳng chán”. Vì thế nói là “xuất đại âm thanh”. “Cáo chú Bồ Tát” (bảo các Bồ Tát): Nhằm lưu thông kinh này, cho nên bảo trời, rồng v.v... hãy ủng hộ kinh này.

*(Kinh) Thính ngô kim nhật xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, w thập phương thế giới, hiện đại bất khả tư nghị, oai thần từ bi chi lực, cứu hộ nhất thiết tội khổ chi sự.*

**(經)聽吾今日稱揚讚歎地藏菩薩摩訶薩，於十方世界，現大不可思議，威神慈悲之力，救護一切罪苦之事。**

*(Kinh: Nghe ta ngày nay xưng dương, tán thán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, trong mười phương thế giới, hiện sức oai thần từ bi to lớn chẳng thể nghĩ bàn để làm chuyện cứu vớt, che chở hết thầy kẻ tội khổ).*

“Thính” (nghe) là do sức của tai. Đối với loài người, sự dụ hoặc bên ngoài phần nhiều là do mắt tiếp xúc; nhưng không lọt sâu vào lòng người bằng tai nghe. “Nghe” tạo hữu ích cho mọi người cũng nhiều. Vì sao? Nhìn thì tán loạn, mà nghe thì tập trung. Cổ nhân đã khéo khéo hợp lý này, đã tạo chữ Thính (聽) do Nhĩ (耳, tai), Đĩnh (壬, tốt lành), và Đắc (惠, tâm thẳng thắn) ghép lại, hàm ý: Hễ tai nghe thì những gì được nghe là đức, tâm làm chủ. Vì thế, cần phải gom cái nhìn lại, xoay trở lại cái nghe, hãy nghe ta ngày nay xưng dương, tán thán.

Chữ Hiện (現) ở đây có nghĩa là “khởi lên”. Tuy biết các pháp vô tánh, Phật chủng vẫn do duyên khởi. Chúng sanh do nhân này mà cảm, đức Địa Tạng do duyên này mà ứng. “Đại”: Tánh ấy rộng lớn, dung nạp rất nhiều. Đại sư tử hống, lợi ích to lớn cho thánh lẫn phàm. “Bất khả tư nghị” (chẳng thể nghĩ bàn): Ba thứ Thể, Tướng, và Dụng đều chẳng thể nghĩ bàn. Toan nói về chúng thì ngôn từ chỉ tôn thương sự thật. Toan nghĩ suy thì suy nghĩ khiến sự thật bị vùi lấp. Vì sao? Đã nói “các pháp

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

vô tánh”, tức là chẳng có bốn tánh<sup>126</sup> để suy lường. Đã thế, Phật chúng là do duyên [sinh khởi] hồng đạt được lợi ích Tứ Tát Đàn. Ở đây, Dụng khởi từ Thê, Dụng còn ngầm khế hợp Lý. Thê nhờ vào Dụng để hiển lộ, mà bản thân của Thê thì không tịch. Thê chính là Dụng, Dụng chính là Thê, tùy ý ban bố, cứu bạt. “Thê, Dụng” chính là chẳng phải Thê và Dụng, ban bố và cứu bạt chẳng phải là ban bố và cứu bạt. Đây chính là lợi ích Tát Đàn chỉ riêng Viên Giác mới có, cho nên nói “*đại bất khả tư nghị oai thần chi lực*” (sức oai thần to lớn chẳng thể nghĩ bàn). Nhưng đạo từ bi, cứu bạt làm đầu, hoài bão của Bồ Tát lấy xót thương cứu tế làm Dụng, thường ứng hiện trọn khắp địa ngục, thay họ chịu khổ. Vì thế nói “*cứu hộ nhất thiết tội khổ chi sự*” (cứu vớt, che chở hết thảy các chuyện tội khổ).

**3.2.3.1.1.2.1.2. Lệnh phương tiện hộ kinh** (dạy [các vị Bồ Tát và đại chúng] hãy phương tiện hộ trì kinh này)

*(Kinh) Ngô diệt độ hậu, nữ đẳng chư Bồ Tát đại sĩ, cập thiên, long, quỷ, thần đẳng, quảng tác phương tiện, vệ hộ thị kinh, linh nhất thiết chúng sanh, chứng Niết Bàn lạc.*

**(經)吾滅度後，汝等諸菩薩大士，及天龍鬼神等，廣作方便，衛護是經，令一切眾生，證涅槃樂。**

*(Kinh: Sau khi ta diệt độ, hàng Bồ Tát đại sĩ các ông, và hết thầy trời, rồng, quỷ, thần v.v... hãy tạo phương tiện rộng rãi để bảo vệ, hộ trì kinh này, khiến cho hết thảy chúng sanh chứng niềm vui Niết Bàn).*

Kinh Đại Thừa nói Như Lai thật sự chẳng rút ráo nhập Niết Bàn, nay [đức Phật] nói “*ngô diệt độ hậu*” (sau khi ta diệt độ) là vì lẽ nào? Ấy là vì củi căn cơ đã hết, lửa ứng hóa bèn tắt, thuận theo [lời thỉnh cầu của ma vương] Ba Tuần mà thị hiện diệt độ. Đối với phương tiện mà nói là “*quảng tác*” (rộng thực hiện) vì phương tiện chính là công cụ để thực

---

<sup>126</sup> Tứ tánh của mỗi pháp:

1. Tự tánh: Như so đo một niệm tâm sanh từ các căn của chính mình.
  2. Tha tánh: So đo một niệm tâm sanh từ các trần.
  3. Cộng tánh: Chấp trước niệm tâm do căn và trần cùng sanh ra.
  4. Ly tánh: Chấp trước tâm niệm chẳng sanh từ căn và trần.
- Nói chung, đây là sự suy lường chấp trước dựa theo căn và cảnh.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

hiện nhị lợi (tự lợi và lợi tha) của bậc Bồ Tát, chẳng thể tạm lìa trong khoảnh khắc!

Do vậy, kinh Duy Ma Cật nói: “*Vô phương tiện, huệ phược. Hữu phương tiện, huệ giải*” (Không phương tiện thì huệ bị trói buộc. Có phương tiện thì huệ được cởi gỡ), ý nói: Chẳng dùng cái tâm ái kiến để trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sanh. Dùng pháp Không, Vô Tướng, Vô Tác pháp để tự điều phục mà chẳng chán, nhàm; đó gọi là “*huệ giải có phương tiện*”. Không có [phương tiện] thì bị trói buộc.

“*Khuyên bảo vệ, hộ trì kinh này*” do kinh này là thuốc tốt lành của chúng sanh. Ví như Chiên Đàn có thể trị bệnh của mọi người, hết thấy chúng sanh không ai chẳng mong có được. Có người có được nhiều cây hương Chiên Đàn, bó thành củ đem bán, chẳng có ai mua! Kinh này có thể khiến cho mọi người đắc đạo, không ai chẳng đắc độ. Sau khi ta nhập Niết Bàn, lưu lại kinh này trong thế gian, chẳng có ai nhìn tới, cũng giống như Chiên Đàn bó thành củ đem bán, chẳng có ai mua. Vì thế, đối với pháp, phải rộng tạo phương tiện, bảo vệ, hộ trì lưu thông, khiến cho hết thấy chúng sanh tội khổ sẽ lấp nguồn vô minh, nhỏ rẽ sanh tử, thoát khỏi ác đạo tam đồ, chứng Tam Đức tịch quang, ngộ hầu chẳng cô phụ sức từ bi oai thần, cũng như tấm lòng cứu vớt bảo vệ bọn tội khổ của bậc Đại Sĩ.

**3.2.3.1.1.2.2. Phổ Quảng thỉnh lợi ích sự** (*Phổ Quảng thưa hỏi về chuyện lợi ích*)

**3.2.3.1.1.2.2.1. Đương cơ thỉnh thuyết** (*bậc đương cơ thỉnh Phật dạy bảo*)

(*Kinh*) **Thuyết thị ngữ dĩ, hội trung hữu nhất Bồ Tát, danh viết Phổ Quảng, hiệp chương, cung kính, nhi bạch Phật ngôn.**

**(經)說是語已, 會中有一菩薩, 名曰普廣, 合掌恭敬, 而白佛言。**

(*Kinh*: **Nói lời ấy xong, trong hội có một vị Bồ Tát tên là Phổ Quảng, chấp tay, cung kính, mà bạch đức Phật rằng.**)

Đoạn này chia thành hai tiểu đoạn. Phần đầu là người trùng tuyên bộ kinh này trần thuật oai nghi; từ chữ “*kim kiến*” (nay thấy) trở đi là phân tán thán, xin nói về lợi ích. Có một vị Bồ Tát liền vâng mạng làm

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

người bảo vệ kinh này, tên Ngài là Phổ Quảng. Từ tâm phát khởi trí, trí trọn khắp pháp giới là Phổ. Dùng trí hướng dẫn hạnh, hạnh tròn đầy hư không là Quảng. Tâm là cảnh thể (bản thể của cảnh), Phổ Quảng là Dụng. Tâm tức là Pháp Thân, Phổ là Bát Nhã, Quảng tức Giải Thoát, do Đại Sĩ chứng Tam Đức (Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát) đã lâu, rộng cứu giúp quần sanh. Tuy Dụng chẳng lia Thể, nhưng Thể lại cậy vào Dụng để hiển lộ; do đó, dùng Dụng để đặt tên. Nếu nói rộng chuyện ấy, sẽ giống như Thập Phổ của đức Quán Âm<sup>127</sup>.

*(Kinh) Kim kiến Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát, hữu như thị bất khả tư nghị đại oai thần đức.*

**(經)今見世尊讚歎地藏菩薩，有如是不可思議大威神德**

•

*(Kinh: Nay thấy đức Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát, có công đức oai thần to lớn chẳng thể nghĩ bàn như thế).*

Từ “kim kiến” (nay thấy) trở đi, trước hết, nhắc lại lời tán thán oai đức trong phần trên. Đại Luận viết: “Hỏi: Chư Phật thoát khỏi tam giới, chẳng chấp thế gian, chẳng có Ngã và Ngã Sở, thấy ngoại đạo, kẻ ác, Bồ Tát, và A La Hán bình đẳng giống hệt như nhau, chẳng khác. Vì sao tán thán Bồ Tát? Đáp: Phật tuy chẳng có tôi, ta, chẳng có ghét, yêu, đối với hết thấy các pháp tâm chẳng chấp trước, thương xót chúng sanh, dùng tâm đại từ bi hướng dẫn hết thấy. Vì thế, phân biệt: Đối với người lành bèn tán thán, cũng là vì muốn phá những điều ác ma mong mỏi. Do đức Phật tán thán mà vô lượng chúng sanh yêu thích Bồ Tát, cung kính, cúng dường. Về sau đều thành tựu Phật đạo. Do vậy, chư Phật tán thán Bồ Tát”. Vì sao tán thán? Do Địa Tạng Bồ Tát từ kiếp lâu xa đến nay có thể quán các pháp rốt ráo là Không, mà cũng có thể khởi tâm đại từ bi đối với chúng sanh. Hành Sanh Nhẫn, chẳng thấy chúng sanh. Hành Pháp Nhẫn, chẳng chấp các pháp. Tuy biết Niết Bàn là thật pháp (pháp chân thật) vô thượng, nhưng chẳng chấp giữ chứng đắc. Tuy biết chúng sanh như huyễn, như hóa, mà có thể khởi lên thân, khẩu, ý nghiệp [cứu độ],

---

<sup>127</sup> Từ bi phổ, hoằng thệ phổ, tu hành phổ, đoạn hoặc phổ, nhập pháp môn phổ, thần thông phổ, phương tiện phổ, thuyết pháp phổ, cúng dường chư Phật phổ, thành tựu chúng sanh phổ.



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

có thể nói là chí nguyện mênh mông. Có đại bi tâm, làm chuyện như thế, thật là hiếm có!

*(Kinh) Duy nguyện Thế Tôn, vị vị lai thế Mạt Pháp chúng sanh, tuyên thuyết Địa Tạng Bồ Tát lợi ích nhân thiên nhân quả đẳng sự, sử chư thiên long bát bộ, cập vị lai thế chúng sanh, đành thọ Phật ngữ.*

**(經)唯願世尊，為未來世末法眾生，宣說地藏菩薩利益人天因果等事，使諸天龍八部，及未來世眾生，頂受佛語。**

*(Kinh: Kính mong đức Thế Tôn vì chúng sanh đời Mạt Pháp trong vị lai mà tuyên nói những chuyện nhân quả lợi ích trời, người v.v... của Địa Tạng Bồ Tát, khiến cho trời, rồng tám bộ và chúng sanh đời vị lai kính vâng lời Phật).*

Nay đã thấy đức Thế Tôn tán thán oai thần, công đức to lớn chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát, nhưng đối với những chuyện như nhân quả lợi ích trời người v.v... càng nguyện [đức Phật] rủ lòng vì đời vị lai [mà dạy bảo cho]. Vì thế, xin đức Phật tuyên nói. Đức Thế Tôn thuyết pháp, chẳng ngoài bàn luận về Thí, Giới, sanh thiên. Chánh tu gọi là Nhân, cái đã đạt được thì gọi là Quả. Những điều được nêu rõ dưới đây đều xét theo phía trời người để chỉ rõ nhân quả. Nếu dạy về Tam Hiền Thập Địa trong Biệt Giáo thì trong các kinh sách của tông này (tông Thiên Thai) đã nói tường tận.

“*Thiên, long*” là những người có thể cung kính tiếp nhận. “*Phật ngữ*” là pháp để cung kính tiếp nhận. Trong tâm lãnh nạp là Thọ (受). Trong thân người, đỉnh đầu được coi là tôn quý nhất. Nay nói “*đảnh thọ*” [nhằm biểu lộ] cung kính tột bậc, tin tưởng sâu xa. Chẳng tiếp nhận Phật ngữ, làm sao có thể nói là Thọ cho được?

**3.2.3.1.1.2.2.2. Thế Tôn thùý đáp (đức Thế Tôn rủ lòng giải đáp)**

**3.2.3.1.1.2.2.2.1. Như Lai chánh đáp (đức Như Lai trả lời thẳng vào vấn đề)**

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.1. Giới thính, hứa thuyết (răn hãy lắng nghe, chấp thuận sẽ nói)**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Phổ Quảng Bồ Tát, cập tứ chúng đặng: “Đề thính! Đề thính! Ngô đương vị nhữ, lược thuyết Địa Tạng Bồ Tát lợi ích nhân thiên phước đức chi sự”.*

**(經)爾時，世尊告普廣菩薩，及四眾等：諦聽！諦聽！吾當為汝，略說地藏菩薩利益人天福德之事。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Phổ Quảng Bồ Tát và tứ chúng rằng: “Lắng nghe! Lắng nghe! Ta nay sẽ vì ông nói đại lược những chuyện phước đức lợi ích trời, người của Địa Tạng Bồ Tát”).*

Răn bảo “lắng nghe” vì đây là chuyện từ bi oai thần chẳng thể nghĩ bàn! “Phước” là điều thiện giúp cho thiên đạo. Thiện bèn thuận theo trời, hòa khí ngày càng thâm đậm. Từ chữ Thị (示) và chữ Phúc (福) [ghép thành chữ Phước (福)], chữ này thuộc loại Hội Ý. “Đắc” (惠) chính là điều thiện vốn sẵn có. Trục tâm là Đắc (惠). Tánh mạng vốn sẵn chánh trực. Công lao dễ dàng, giản dị trong học vấn, thiên sách Hồng Phạm<sup>128</sup> trần thuật ngũ phước là “*phước thọ, phú quý, Khang Ninh (mạnh khỏe bình yên), hảo đức (đức tốt đẹp), khảo chung (chết tốt lành)*”. Sách Luận Ngữ dạy ngũ đức là ôn (ôn hòa), lương (thiện lương), cung (cung kính), kiệm (cần kiệm), nhượng (nhún nhường). Nếu xét theo giáo của chúng ta (đạo Phật) thì theo kinh Tứ Thiên Vương, trong sáu ngày trai, sớ giả, thái tử, thiên vương sẽ siêng năng tra xét chúng sanh, xem họ làm chuyện tốt lành hay xấu xa. Nếu trong những ngày đó, giữ tâm trai thanh tịnh, quy ngưỡng, kính lễ, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, chư thiên sẽ sai thiện thân canh gác, bảo vệ môn hộ. Các thứ dịch bệnh hung hiểm, các thứ tà, âm mưu sẽ bị tiêu diệt, đêm chẳng có ác mộng. Quan huyện, giặc cướp, tai biến nước, lửa trợn chẳng gây hại. Đến khi hết tuổi thọ, họ sẽ

---

<sup>128</sup> Hồng Phạm (洪範, khuôn phép lớn lao) là một thiên sách trong Thượng Thư (tức kinh Thư). Nội dung của thiên sách này là những lời khuyên dạy của Cơ Tử dành cho Châu Vũ Vương (Cơ Phát) về đại pháp trong trời đất. Về sau, sách Hán Thư đặt ra truyền thuyết: Khi Đại Vũ trị thủy, trời cao đã truyền cho vua thiên sách Hồng Phạm dùng làm cương lĩnh cai trị. Cơ Tử tên thật là Tử Tư Du, thuộc hoàng tộc nhà Thương (tức là con của Đế Văn Đinh), là chú của Đế Tân (Trụ Vương). Ông từng giữ chức Thái Sư, được phong ở đất Cơ (nay là huyện Thái Cốc tỉnh Sơn Tây), nên Sử thường gọi là ông là Cơ Tử. Ông từng khuyên can vua Trụ chăm lo triều chánh, đừng mê đắm dục lạc, nhưng bị Trụ vương cầm tù, phải giả điên để tránh họa sát thân. Khi Châu Vũ Vương phạt Trụ, Châu Vũ Vương đã đón ông về hỏi đạo trị quốc.

***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

đón hồn thân của người ấy sanh lên trời. Do phước đức nơi cõi trời, sở nguyện tự nhiên, cung điện bảy báu tùy ý cư trụ. Hết tuổi thọ [nơi cõi trời], sẽ hạ sanh trong nhà vương hầu, diện mạo rạng rỡ, người khác trông thấy sẽ hoan hỷ, gặp Phật, gặp pháp, ắt đạt đến Nê Hoàn (Niết Bàn). Đấy đều là do [tuân thủ] Ngũ Giới, Thập Thiện, thâm liễm tình cảm, không chế dục vọng. Nếu trong sáu ngày trai mà được như thế thì chính là chuyện phước đức lợi ích trời, người.

**3.2.3.1.1.2.2.1.2. Thừa chỉ nguyện văn** (vâng theo lời dạy, mong được nghe)

**(Kinh) Phổ Quảng bạch ngôn:** “**Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyện nhạo dục văn**”.

**(經)普廣白言: 唯然, 世尊! 願樂欲聞。**

**(Kinh: Phổ Quảng bạch rằng:** “**Thưa vâng đức Thế Tôn! Con nguyện ưa thích nghe**”).

Ý nghĩa dễ hiểu.

**3.2.3.1.1.2.2.1.3. Quảng minh lợi ích** (nói cặn kẽ về lợi ích)

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1. Giáo chủ thuyết lợi ích** (đức giáo chủ nói đến lợi ích)

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1. Quảng thuyết lợi ích chi sự** (rộng nói những sự lợi ích)

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.1. Thông thị văn danh đẳng ích** (dạy chung những chuyện lợi ích do nghe danh hiệu v.v...)

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.1.1. Cúng dường đắc phước** (do cúng dường mà được phước)

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.1.1.1. Văn danh tán lễ phước** (phước do nghe danh hiệu bèn tán thán, lễ bái)

**(Kinh) Phật cáo Phổ Quảng Bồ Tát: - Vị lai thế trung, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát danh giả, hoặc hiệp chưởng giả, tán thán giả, tác lễ giả, luyến mộ giả, thị nhân siêu việt tam thập kiếp tội.**

**(經)佛告普廣菩薩：未來世中，若有善男子，善女人，聞是地藏菩薩摩訶薩名者，或合掌者，讚歎者，作禮者，戀慕者，是人超越三十劫罪。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Phổ Quảng Bồ Tát: “Trong đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe danh tự của vị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát này mà hoặc là chấp tay, tán thán, làm lễ, luyến mộ, người ấy sẽ vượt thoát tội trong ba mươi kiếp”).*

Người tu thiện được gọi là thiện nam hay thiện nữ. Kẻ làm ác được gọi là ác nam hay ác nữ. Như vua Diêm La răn truyền tội nhân: “Các ngươi nay ra đi, làm con của kẻ khác, hãy nghĩ tưởng hiếu thuận, báo ơn cha mẹ. Đang lúc tuổi trẻ sung sức, hãy nhẫn nại kiên ác làm lành, dốc lòng tin tưởng Tam Bảo, giữ giới, giữ đạo, tu các công đức. Đừng làm ác nữa, kéo trở lại nơi đây”. Thiện chính là tinh túy tự nhiên trong bản tánh của con người; nó phát khởi đúng lúc, sẽ tốt đẹp không gì có thể diễn tả được, không một điều [tốt đẹp nào] chẳng phát xuất từ nó. Vì thế, [chữ Thiện (善) dùng chữ Mỹ (美) nhằm giải thích cái tâm, hòng dạy học vấn căn bản cho trời, người. Vì sao lại dùng chữ Nhị (二) và Ngôn (言) để [tạo chữ]? Ngôn là tiếng của tâm. Nói lời thiện thì người khác cũng dùng điều thiện để đáp lại. Tâm mọi người đều cư xử như nhau, có thể thấy được cái tâm của trời. Nay nói do nghe danh hiệu của đức Địa Tạng mà chấp tay v.v... là do được nghe danh hiệu tốt lành. Bởi lẽ, danh hiệu của Đại Sĩ được trang nghiêm bằng vạn hạnh, vạn đức. Từ một niệm tối sơ của tấm lòng hiếu thảo cứu mẹ, trở thành cội nguồn của chuyện phát tâm cứu khổ cho lục đạo, [tâm niệm ấy] sâu rộng không bờ bến! Tới nay đã hơn mười một đại kiếp, nếu muốn phân biệt, dẫu hết một kiếp vẫn chẳng thể trọn hết! Do đó, chấp tay, tán thán, làm lễ v.v... đều vượt thoát tội trong bao kiếp. Như [thần y] Kỳ Bà (Jivaka) nhật lấy cỏ, không gì chẳng phải là thuốc, đều có thể trị bệnh. Hết thầy trọn đủ như châu Như Ý, thỏa mãn trọn hết nguyện ấy.

“Chấp tay” biểu thị Quyền và Thật có cùng một Thể: Chín pháp giới là Quyền, Phật giới là Thật. Nay đã khai hiển “*chúng sanh và Phật cùng một Thể*”; đây là thân nghiệp cúng dường. Hoặc tán thán tướng hảo vi diệu, hoặc khen ngợi công đức mênh mông, sâu xa; đây là khẩu

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

nghiệp cúng dường. Dập đầu sát đất, ngũ luân<sup>129</sup> đều trọn, hiểu rõ tánh không tịch, cảm ứng đạo giao, chính là ba nghiệp đều cúng dường. Quyển luyến, ngưỡng mộ khắng khít, tâm niệm chẳng gián đoạn, hoặc tưởng oai đức của Bồ Tát, hoặc giải bày niềm buồn thương của chính mình; đây là ý nghiệp cúng dường. Người ấy vừa thoáng nghe danh hiệu Bồ Tát bèn chấp tay, tán thán v.v... đều có thể vượt thoát trọng tội trong ba mươi kiếp, đây chẳng phải là sức oai thần từ bi chẳng thể nghĩ bàn ư?

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.1.2. Tô họa hình tượng phước** (phước do đắp, vẽ hình tượng)

**(Kinh) Phổ Quảng! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc thái họa hình tượng, hoặc thổ, thạch, giao, tất, kim, ngân, đồng, thiết, tác thử Bồ Tát, nhất chiêm, nhất lễ giả.**

**(經)普廣! 若有善男子, 善女人, 或彩畫形像, 或土石膠漆, 金銀銅鐵, 作此菩薩, 一瞻一禮者。**

**(Kinh:)** *Này Phổ Quảng! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc vẽ vôi hình tượng, hoặc dùng đất, đá, keo, sơn, vàng, bạc, đồng, sắt làm tượng vị Bồ Tát này, một lần chiêm ngưỡng, lễ một lay).*

Trước hết là tu nhân. “Thái họa” (vẽ vôi) là như kinh Pháp Hoa dạy: “*Nhược nhân vị Phật cố, kiến lập chư hình tượng*” (Nếu có người vì Phật mà tạo dựng các hình tượng). “Thái” (彩) là màu sắc. Dùng ngũ sắc để trang hoàng, tô vẽ hình tướng trăm phước. “Thổ, thạch, giao, tất” (đất, đá, keo, sơn): Hoặc dùng đất sạch để nặn, đắp hình tượng, hoặc dùng đá cứng khéo điêu khắc thành hình tượng. Theo kinh Ưu Bà Tắc Giới thì không được dùng chất keo [ché từ động vật] (cỗ này có hai loại keo làm từ da trâu và ruột cá). [Sử dụng hai chất keo ấy để làm tượng] sẽ phạm tội thất ý (tội sơ hờ, không cẩn thận). [Chất keo] được dùng trong kinh này chính là keo từ nhựa cây (như các loại bạch cập). Có người nói nước của đại đậu (đậu nành, sách Bản Thảo [Cương Mục] bảo là đậu đen), có thể thay thế, ché thành một loại keo trong. Như Quang Trạch<sup>130</sup>

<sup>129</sup> Ngũ Luân là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, và Không (hư không). Khi đánh lễ, do năm nơi đều áp sát đất, tức trán, hai bàn tay, hai gối áp sát đất, biểu thị Ngũ Luân không tịch, tâm địa bình đẳng, nhẫn nại như đất.

<sup>130</sup> Quang Trạch (467-529) là một vị Tăng thời Nam Triều, pháp hiệu là Pháp Vân, do trụ trì chùa Quang Trạch ở Giang Tô, nên thường gọi là Quang Trạch. Sư giới

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

cho phép dùng keo làm từ da trâu, rôt cuộc [tượng vẽ ấy] là vật bất tịnh, sau này sẽ mắc quả báo bất tịnh. Ấy là do tượng vẽ mà không dùng chất keo, lâu ngày sẽ bay mất màu, chất vải trợ trụi không có keo, hình vẽ sẽ không dính chắc [nền vải]. Đây là thứ cần thiết không thể thiếu khi tạo loại tượng này.

Vàng, bạc, đồng, sắt tuy giá trị sang quý hay tầm thường khác nhau, nhưng đều là những chất cứng chắc, không thay đổi. Đồ khuôn đúc làm tượng thì vĩnh viễn trang nghiêm. Tu Bạt Noa (Suvarṇa) dịch là Kim (vàng). Theo Đại Luận, [chất vàng] tìm thấy từ cát, từ đá núi, hay từ chất đồng có màu đỏ. Sách Thuyết Văn Giải Tự nói kim loại có năm màu, hoàng kim quý nhất, do chôn lâu ngày không thay đổi, nung luyện trăm lần chẳng nhẹ bớt. A Lô Ba (Rūpya) dịch là Ngân (bạc). Theo Đại Luận, bạc có được do nung đá. Sách Nhĩ Nhã viết: “*Chất kim loại màu trắng được gọi là Bạc*”. Đồng là thứ kim loại có màu đỏ, kém hơn bạc. Kinh A Lô Lược chép: “*Đa Rị Lô Ha, chú vân tam kim, vị kim, ngân, đồng. Tùng kim, tùng đồng, sắc dữ kim tương tự, nhi đức đại hữu giáan hỹ*” (Đa Rị Lô Ha tức là ba thứ kim loại, tức vàng, bạc, đồng. Đồng (銅) là do chữ Kim (金) và chữ Đồng (同) ghép lại, [chất đồng] có màu sắc tương tự như vàng, nhưng đặc tánh thua kém vàng rất xa).

Cổ văn dựa theo ý nghĩa mà chế chữ, [đã tạo chữ Thiết nhằm] biểu thị “chẳng thể dựa theo hình mạo để xét đoán con người được”. Sắt là chất kim loại có màu đen. [Chữ Thiết (鐵, sắt) viết theo lối cổ] do Di (夷) [và Kim (金) ghép lại], thể hiện ý nghĩa “sắt là thứ tầm thường”. Sắt tầm thường, luyện lâu ngày sẽ thành tinh thuần. Tuy nung luyện trăm lần mà chẳng hao tổn, được gọi là “*chân cang*”<sup>131</sup>. Trong ngũ kim, sắt có

---

giảng kinh Pháp Hoa, có soạn bộ Pháp Hoa Kinh Nghĩa Ký, hay còn gọi là Quang Trạch Sớ. Những lời phê phán trên đây đều do ngài Linh Thừa trích từ sách Pháp Hoa Văn Cú của tổ Trí Giả.

<sup>131</sup> Chân Cang (真剛) là tên một thanh bảo kiếm thời cổ. Theo truyền thuyết, vua nước Việt là Câu Tiễn đã dùng ngựa trắng và trâu trắng tế thần núi Côn Ngô, sai người lấy sắt từ núi đó, đúc thành tám thanh kiếm báu: Yểm Nhật, Đoạn Thủy, Chuyển Phách, Huyền Tiễn, Kinh Nghệ, Diệt Hồn, Khước Tà, và Chân Cang. Về sau, từ ngữ này (Chân Cang) thường được dùng để chỉ những thứ tinh luyện, sắc bén vô song. Vì lẽ đó, khi Triệu Cao thao túng chánh quyền nhà Tần sau khi Tần Thủy Hoàng chết, đã lập ra một đội sát thủ (gọi là Lục Kiếm Nô), dùng Chân Cang để đặt tên cho một thủ lãnh của bọn sát thủ này.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

địa vị thấp nhất, nhưng được sử dụng nhiều nhất, là thứ hữu ích chẳng thể thiếu đối với dân chúng. Trên đây là nói về chuyện tạo tượng.

Theo Giới Kinh, tiền bắt tịnh chẳng nên dùng để tạo tượng, có thể đổi lấy tiền thanh tịnh đúng pháp để tạo tượng. Lại chớ nên tạc tượng bán thân, [vì tượng bán thân] chẳng thể đẩy khởi tướng tốt lành [trong tâm người chiêm ngưỡng], họ sẽ đọa lạc trong sanh tử. Người chiêm ngưỡng, lễ bái tượng Bồ Tát một lượt, [tức là] do người khác dùng các món vật [đã nói trên đây] để tạo hình tướng thù thắng của Địa Tạng Bồ Tát, mà có thiện nam, thiện nữ nào trông thấy, hoặc chỉ ngắm nhìn chẳng lễ, hoặc vừa chiêm ngưỡng vừa lễ bái, cho thấy tu nhân rất ít, nhưng đạt được quả báo cực đại!

*(Kinh) Thị nhân bách phản sanh w tam thập tam thiên, vĩnh bất đọa w ác đạo. Giả như thiên phước tận cố, hạ sanh nhân gian, do vi quốc vương, bất thất đại lợi.*

**(經)是人百返生於三十三天，永不墮於惡道。假如天福盡故，下生人間，猶為國王，不失大利。**

*(Kinh: Người ấy trăm lần sanh trong ba mươi ba tầng trời, vĩnh viễn chẳng đọa trong ác đạo. Nếu như vì phước trời đã hết, sanh xuống nhân gian, vẫn là một vị quốc vương, chẳng đánh mất lợi ích to lớn).*

“Thị nhân” (người ấy) tức là người tạo tượng, chiêm lễ, sẽ sanh một trăm lượt trong ba mươi ba tầng trời, lại còn vĩnh viễn chẳng đọa vào ác đạo, do tạo tượng vốn là nghiệp sanh thiên.

Kinh Tạo Tượng Công Đức nói: “*Nhược nhân lâm chung, phát ngôn tạo tượng, nãi chí như mạch cảnh, năng trừ tam thế bát thập ức kiếp sanh tử chi tội, hữu thập nhất công đức. Nhất, thế thế nhân mục thanh khiết. Nhị, sanh xứ vô ác. Tam, thường sanh quý gia. Tứ, thân như tử ma kim sắc. Ngũ, phong nhiêu trân ngoạn. Lục, sanh hiền thiện gia. Thất, sanh đắc vi vương. Bát, tác Kim Luân Vương. Cửu, sanh Phạm Thiên. Thập, bất đọa ác đạo. Thập nhất, hậu sanh hoàn năng kính trọng Tam Bảo*” (Nếu kẻ nào lâm chung, thốt lời tạo tượng, dầu chỉ là tượng nhỏ như một hạt lúa mì, có thể trừ tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử cả ba đời, có mười một công đức: Một, đời đời mắt thanh khiết. Hai, sanh vào chỗ không có điều ác. Ba, thường sanh trong nhà tôn quý. Bốn, thân có màu như chất vàng tía đã được giồi mài. Năm, những thứ đồ trân

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

ngoạn dư dật. Sáu, sanh trong nhà hiền thiện. Bảy, sanh ra được làm vua. Tám, làm Kim Luân Vương. Chín, sanh vào Phạm Thiên. Mười, chẳng đọa ác đạo. Mười một, đời sau vẫn có thể kính trọng Tam Bảo). Vì thế, sau đó liền nói: “*Giả như thiên phước*” (nếu như phước trời). Ngài Diệu Lạc (tổ Kinh Khê Trạm Nhiên)<sup>132</sup> nói: “[*Thiện căn do tạo tượng Bồ Tát, chiêm ngưỡng, lễ bái*] há có phải là thiện căn sanh trong nhân thiên của *Dục Giới ư?*” Vì thế, hậu hiền giảng kinh này, trọn chẳng thể chuẩn theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ đề nói Đạo Lợi Thiên là “*tam thập tam thiên*”, ắt phải dựa theo kinh Quán Đảnh Chú như tôi đã trích dẫn [trong những phần trước]. Đây chính là điều xác định ngàn đời không sai vậy.

“*Bất thất đại lợi*” (chẳng đánh mất lợi ích to lớn): Nói chung thì tuy sanh làm vua trong loài người, vẫn chẳng đánh mất lợi ích to lớn do tạo tượng, chiêm ngưỡng, lễ bái. Nếu xét sâu xa ý ấy, ắt phải coi thành Phật là đại lợi! Như kinh đã dạy “*như thị chư nhân đẳng, tiệm tiệm tích công đức, cụ túc đại bi tâm, giai dĩ thành Phật đạo*” (những người như thế ấy, dần dần tích công đức, trọn đủ tâm đại bi, đều đã thành Phật đạo) chính là nói lên ý nghĩa này. Vì thế, ngài Diệu Lạc nói: “*Kinh này (kinh Pháp Hoa) muốn gồm thâu những điều thiện nhỏ nhặt từ vô thủy vì chúng đều [là tư lương] để tiến hướng Bồ Đề. Nếu đã phát tâm, thuận theo những điều thiện mảy may đã có, không gì chẳng phải là duyên nhân [để thành Phật]*”. Nay kinh này đã giống như kinh Pháp Hoa, phước lợi tự chẳng nghĩ bàn!

***3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.1.1.3. Yém nữ cúng tượng phước (chán nhàm thân nữ, được phước do cúng dường tượng Bồ Tát)***

***3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.1.1.3.1. Yém nữ thân cúng tượng chuyển báo (chán nhàm thân nữ, do cúng dường tượng mà chuyển báo)***

***3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.1.1.3.1.1. Minh cúng tượng (nói về chuyện cúng dường tượng)***

***(Kinh) Nhược hữu nữ nhân, yém nữ nhân thân, tận tâm cúng dường Địa Tạng Bồ Tát họa tượng, cập thổ, thạch, giao, tất, đồng, thiết đẳng tượng.***

---

<sup>132</sup> Do ngài Kinh Khê Trạm Nhiên (tổ thứ sáu của tông Thiên Thai) trụ tích tại chùa Diệu Lạc ở Thường Châu để giảng kinh Pháp Hoa, nên người thời ấy gọi Ngài là Diệu Lạc đại sư. Những câu nói của Ngài khi được ghi là “*Diệu Lạc nói*” trong suốt bộ Khoa Chú này đều trích từ bộ Pháp Hoa Văn Cú Ký của Ngài.



**(經)若有女人，厭女人身，盡心供養地藏菩薩畫像，及土石膠漆，銅鐵等像。**

*(Kinh: Nếu có người nữ nhàm chán thân nữ, dốc lòng cúng dường tượng vẽ và các tượng bằng đất, đá, keo, sơn, đồng, sắt v.v... của Địa Tạng Bồ Tát).*

Hai câu đầu là nói về ý khởi tâm cúng dường vì chán nhàm thân nữ. [Điều này] giống như trong lời nguyện của Phật Dược Sư: “*Nhược hữu nữ nhân vị nữ bách ác chi sở bức não, cực sanh yếm ly, nguyện xả nữ thân*” (Nếu có nữ nhân bị trăm điều ác của thân nữ bức bách, khổ não, hết sức chán nhàm, nguyện bỏ thân nữ). Bởi lẽ, thân nữ nhân do dâm nghiệp mà có, nương theo ái tâm mà sanh, là bầy rập hãm người, là đòi gò tích tụ các thứ như uế. Kinh Siêu Nhật Nguyệt nói [thân nữ] có năm điều chướng ngại:

- Một là không được làm Phạm Thiên Vương; do thanh tịnh và cấu nhiễm bất đồng.
- Hai là không được làm Đế Thích, do thiếu dục và đa dục sai khác.
- Ba là không được làm ma vương, do cứng cõi và mềm yếu sai khác.
- Bốn là không được làm Chuyển Luân Vương, do nhân từ và ganh ghét khác biệt với vợ.
- Năm là không được làm thân Phật, do vạn đức và phiền não khác biệt.

Kinh Ngọc Da lại còn nói cặn kẽ mười điều ác nơi thân nữ:

- Một là mới sanh ra, cha mẹ chẳng vui mừng.
- Hai là tuy được chăm bẵm, nhưng không được coi trọng lắm.
- Ba là tâm thường sợ hãi kẻ khác.
- Bốn là cha mẹ lo lắng về chuyện cưới gả.
- Năm là phải lìa khỏi cha mẹ trong khi còn sống.
- Sáu là sợ sự mừng, giận của chồng.
- Bảy là mang thai, sanh nở rất gian nan.
- Tám là ít được cha mẹ quan tâm giao phó những việc trọng đại.
- Chín là bị chồng hạn chế.
- Mười là khi già cả lại bị con cháu chê trách.

Vì thế, người nữ có trí thường sanh lòng chán nhàm [thân nữ].

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Từ chữ “*tận tâm*” trở đi là nói về cách cúng dường. Kinh Tô Tát Địa đã nói chi tiết về các cách cúng dường khác biệt. Đối với chuyện cúng dường [theo kinh đó], bèn vâng theo Phổ Hiền Tỳ Thủ Yết Ma để làm. [Pháp ấy] vốn trích từ pháp Hư Không Khố Tạng<sup>133</sup>, nương vào Đại Viên Kính Trí và Thành Sở Tác Trí để thực hiện. Cần phải nghiên ngẫm hai chữ “*tận tâm*”. Những vật cúng như sẽ kể trong đoạn kế tiếp đều thuộc về Sự, là Tài Thí. Nếu chẳng lìa tự tâm, dốc cạn tác lòng để thực hiện, thì hết thấy các pháp, dấu hướng theo phương diện Pháp hay theo phương diện Tài, đều chẳng thành vấn đề, bởi toàn thể Sự chính là Lý, Tài chính là Pháp vậy. Cách tạo tượng giống như trong phần trước.

*(Kinh) Như thị nhật nhật bất thoái, thường dĩ hoa, hương, ẩm thực, y phục, tăng thái, tràng phan, tiền, bảo vật đẳng cúng dường.*

**(經)如是日日不退, 常以華香, 飲食, 衣服, 繒綵, 幢旛, 錢, 寶物等供養。**

*(Kinh: Hằng ngày chẳng thoái chuyển như thế, thường dùng hoa, hương, thức ăn, lọng lụa<sup>134</sup>, tràng phan, tiền, các thứ vật báu v.v... để cúng dường).*

Hằng ngày đều như thế chẳng thoái chuyển, có thể nói là “tâm luôn kiên cố, niệm nào cũng siêng năng, chuyên ròng”. Hoa, hương, thức ăn, y phục như đã giải thích trong phần trước. “*Tăng thái*” (繒綵) tức là loại lụa năm màu. Chữ Tăng (繒) có hai âm đọc:

---

<sup>133</sup> Hư Không Khố Tạng, tức là Hư Không Tạng Bồ Tát (Ākāśagarbha), còn được dịch là Hư Không Dụng, Hư Không Quang v.v... Mật hiệu là Khố Tạng Kim Cang, là một trong tám vị đại Bồ Tát được tôn sùng nhất trong Phật giáo Đại Thừa (Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Kim Cang Thủ (hoặc Đại Thế Chí), Hư Không Tạng, Địa Tạng, Di Lặc, và Trừ Cái Chướng). Ngài biểu thị trí huệ, công đức và của cải vô lượng như hư không. Ngài thường được tạc tượng như sau: Thân có màu chất báu, đầu đội mũ báu Ngũ Phật. Tay phải cầm huệ kiếm báu tỏa đủ màu. Tay trái đặt cạnh hông, cầm hoa sen báu. Trên hoa có Như Ý bảo châu. Trong Thai Tạng Giới Mạn Đà La, Ngài có một viện riêng gọi là Hư Không Tạng Viện, và làm tôn chủ của viện ấy. Còn trong Kim Cang Giới Mạn Đà La, Ngài được gọi là Kim Cang Tràng Bồ Tát.

<sup>134</sup> Tăng Thái chỉ có nghĩa là các loại lụa, hay the lượt năm màu, dùng dâng cúng. Do trong các tự viện, nhất là tự viện của Tây Tạng, họ thường dùng lụa thêu hoa văn có năm màu, kết thành những chiếc lọng dài, có nhiều lớp may nhún lại, mỗi lớp một màu, nên chúng tôi tạm dịch là “*lọng lụa*”.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

- Một là Tăng, cùng âm với chữ Tăng (增); có nghĩa như chữ Tăng (增) tức là sợi dây bằng tơ bện dùng buộc vào mũi tên để bắn le, nạm, [khi bắn xong, sẽ dễ lôi con mồi về, không phải chạy ra tận nơi nhặt]. Cổ thi có câu: “*Vị tất phùng tăng chước*” (chưa chắc đã gặp phải tên bắn) là nói về chuyện này.

- Hai là Tăng, âm giống như chữ Tình (情), có nghĩa là lụa. Dâng tặng cho thần thì gọi là Tăng (繒), nay [chữ “繒” ở đây phải] đọc theo âm giống như chữ Tình (tức là đọc thành Tăng).

Tràng (幢) trong tiếng Phạn là Thoát Xà (Dhvaja), Tư Trì Ký dịch là Tràng. Sách Lăng Nghiêm Kinh Huân Văn Ký dẫn sách Nhĩ Nhã cho rằng: “*Xà (闍) có nghĩa là Đài, nhưng nói là Thoát thì có nghĩa là đất chất chứa [để làm nền đài] bị lở sụp*”. Nay chẳng dùng nghĩa ấy, vì đây là [phiên âm] tiếng Phạn, thế nhưng trong [Thích Dịch] Danh Nghĩa Tập [của ngài Pháp Vân] đã coi từ ngữ này liên quan với chùa, tháp, đàn, và tràng, cho nên ý nghĩa Đài cũng chẳng sai. Nhưng sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: “*Tràng thuộc loại cờ hiệu*”. Sách Phụ Hành lại nói: “*Phan là tiếng gọi chung của các loại cờ hiệu*”. Nay do thứ để cúng dường trong Phật pháp có hình dạng giống như vậy, cho nên gọi là Phan (旛). Tức là Phan và Tràng cùng một loại; phan to thì gọi là Tràng. Tràng có nghĩa là “*ngăn che, chứa đựng*”. Cắm chỉ chít trên mũi xe hình dung sự che kín, tức là Tràng cũng tương tự như vật dùng để che phủ xe. Vì thế, đất Sở gọi nó là Trù (幬, màn hay rèm che), còn Quan Đông và Quan Tây thì gọi là Tràng. Phạm trong cách tạo phan, dùng nên [thêu, vẽ] hình tượng Phật, Bồ Tát và danh hiệu của các Ngài. [Bởi lẽ], phan là vật để dâng cúng, dâng cúng cho đáng được cúng dường, sao lại dùng hình tượng và danh hiệu của các Ngài để dâng cúng? “*Tiền, bảo vật*” v.v... là tánh mạng của chúng sanh, là vật liền khúc ruột, khó quên được. Có thể xả tài vật coi như tánh mạng, trong tâm chẳng keo tiếc, thì nội tâm ngưng dứt keo tham, sẽ đạt được vô lượng phước.

***3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.1.3.1.2. Chuyển báo quả (chuyển đổi quả báo)***

***3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.1.3.1.2.1. Minh chuyển nữ thân (nói về chuyện chuyển thân nữ thành nam)***

***(Kinh) Thị thiện nữ nhân, tận thử nhất báo nữ thân, bách thiên vạn kiếp, cánh bất sanh hữu nữ nhân thế giới, hà hưởng phước thọ!***

**(經)是善女人，盡此一報女身，百千萬劫，更不生有女人世界，何況復受！**

*(Kinh: Thiện nữ nhân ấy khi hết thân nữ trong đời này, sẽ trong trăm ngàn vạn kiếp trọn chẳng sanh trong thế giới có nữ nhân, huống hồ còn phải thọ thân nữ nữa ư!)*

Chuyện chuyển báo khó khăn, cốt yếu là lòng tinh thành. Nay đã dốt trọn tâm lòng cúng dường, lại còn ngày ngày chẳng lui sụt, cho nên khi thọ xong quả báo trong đời này, từ đây trở đi, trong trăm ngàn vạn kiếp, chẳng còn sanh vào thế giới có nữ nhân, tức là nói tới Tây Phương Cực Lạc, một mực chẳng có nữ nhân, huống hồ còn phải thọ thân nữ trong tam giới nữa ư?

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.1.3.1.2.2. Nguyên bất chuyển nữ** ([trường hợp] người nữ đó chẳng mong chuyển thân nữ)

*(Kinh) Trừ phi từ nguyện lực cố, yếu thọ nữ thân, độ thoát chúng sanh.*

**(經)除非慈願力故，要受女身，度脫眾生。**

*(Kinh: Trừ phi do nguyện lực từ bi, cần thọ thân nữ để độ thoát chúng sanh).*

Như Ma Da phu nhân, do pháp môn Đại Huyền Nguyên Trí, vĩnh viễn làm mẹ của một ngàn đức Phật. Đây là dùng pháp môn thuận ái để độ chúng sanh. Lại như cô Bà Tu Mật Đa (Vasumitrā) [trong hội Hoa Nghiêm] nói pháp môn Ly Dục Tế: “Hết thấy chúng sanh tùy theo từng loại hề thấy ta, ta sẽ khiến cho họ đắc hết thấy tam-muội”. Đây là dùng pháp môn nghịch ái để độ chúng sanh, đều là do sức thệ nguyện từ ái tam-muội mà thị hiện làm nữ nhân. “Trước là dùng dục để lôi kéo, sau đó khiến cho họ nhập Phật Trí” chính là ý nghĩa này!

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.1.3.1.2.3. Kết bất thọ nữ thân** (tiểu kết về chuyện chẳng thọ thân nữ)

*(Kinh) Thừa tư cúng dường Địa Tạng lực cố, cập công đức lực, bách thiên vạn kiếp, bất thọ nữ thân.*

**(經)承斯供養地藏力故，及功德力，百千萬劫，不受女身。**

*(Kinh: Nương vào sức cúng dường Địa Tạng và sức công đức, trong trăm ngàn vạn kiếp chẳng thọ thân nữ).*

Cúng dường đức Địa Tạng chính là hành tinh tấn trong hiện thời. “Cập công đức lực” (và sức công đức) chính là do huân tập điều thiện mà phát khởi. Chúng tử và hiện hành huân tập lẫn nhau, công nghiệp hoàn thành, cho nên trong trăm ngàn vạn kiếp, vĩnh viễn chẳng thọ thân nữ nhân.

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.1.3.2. Yếm xú bệnh lễ tượng hoạch phước**  
*(chán thân xấu xí, bệnh tật, lễ tượng được phước)*

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.1.3.2.1. Chiêm lễ** *(chiêm ngưỡng, lễ bái)*

*(Kinh) Phục thứ Phổ Quảng! Nhược hữu nữ nhân, yếm thị xú lậu, đa tật bệnh giả, dẫn u Địa Tạng tượng tiền, chí tâm chiêm lễ, thực khoảng chi gian.*

**(經)復次普廣！若有女人，厭是醜陋，多疾病者，但於地藏像前，志心瞻禮，食頃之間。**

*(Kinh: Lại này Phổ Quảng! Nếu có người nữ chán ngán tâm thân hôi hám, xấu xí, lắm bệnh tật này, chỉ đối trước tượng Địa Tạng, chí tâm chiêm ngưỡng, lễ bái trong khoảng một bữa ăn).*

“Xú” (醜) là hôi thối, dơ bẩn, Lậu (陋) là xấu xí, thô kệch. Trong cõi này (Trung Hoa), vào thời Hoàng Đế thì có Mô Mẫu<sup>135</sup>, nước Tề có

---

<sup>135</sup> Mô Mẫu (嫫母) là thứ phi của Hiên Viên Hoàng Đế. Bà là người cực xấu thời đó, Sứ chép bà trán dô, mũi gãy, béo phọc phịch, da đen như sơn, nhưng tốt bậc hiền huệ. Khi nguyên phi là Luy Tổ bệnh nặng qua đời, Hoàng Đế cử bà chường quản hậu cung, trông nom việc tế tự.

Vô Diêm Nữ là Chung Ly Xuân, còn gọi là Chung Vô Diêm (鍾無艷), quê ở Vô Diêm (無鹽, nay là thôn Vô Diêm, huyện Bình, tỉnh Sơn Đông). Sứ chép bà cực xấu xí, trán lồi, xương to, thân thể cực mịch, to lớn như đàn ông, mũi huếch, bụng phệ, hầu lộ, tóc thưa thớt, da đen kịt, bốn mươi tuổi vẫn chưa lấy chồng. Về sau, bà đến ra

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Vô Diêm Nữ, vợ của Lương Hồng là Mạnh Quang, đều là những cô gái xấu trong thiên hạ nhưng là những bậc hiền huệ. Theo kinh Nghiệp Báo Sai Biệt, do mười nghiệp mà chịu báo xấu xí:

- Một là ưa giận dữ.
- Hai là ưa ganh ghét, oán hận.
- Ba là bịa chuyện, gạt gẫm người khác.
- Bốn là nảo loạn chúng sanh.
- Năm là chẳng có lòng kính yêu cha mẹ.
- Sáu là chẳng sanh lòng cung kính đối với hiền thánh.
- Bảy là xâm phạm, chiếm đoạt vật dụng cần thiết trong cuộc sống, ruộng nương, và tài sản của bậc hiền thánh.
- Tám là dập tắt đèn thắp sáng trong tháp miếu thờ Phật.
- Chín là thấy kẻ xấu xí bèn hủy báng, chê bai, khinh miệt.
- Mười là quen hành các thói ác.

Cũng do mười nghiệp mà mắc báo ứng lắm bệnh:

- Một là thích đánh đập hết thầy chúng sanh.
- Hai là xúi người khác đánh đập.
- Ba là khen ngợi cách đánh.
- Bốn là thấy [người khác] đánh đập bèn vui vẻ.
- Năm là nảo loạn cha mẹ.
- Sáu là nảo loạn hiền thánh.
- Bảy là thấy kẻ oán khổ sở vì bệnh tật, tâm hết sức hoan hỷ.
- Tám là thấy kẻ oán khỏi bệnh, sanh tâm bực bội.
- Chín là thấy kẻ oán bị bệnh, chẳng cho họ thuốc trị đúng bệnh.
- Mười là đồ ăn cũ chưa tiêu hóa hết, lại ăn thêm.

Do hai mươi loại nghiệp ấy mà cảm thân nữ nhân xấu xí, bệnh tật. Tướng mạo xấu xí, bị chông ghét bỏ, chuốc lấy tiếng gièm chê của mọi người, thân lắm bệnh tật, đến nỗi chính mình sâu khổ, chuốc phải tình cảnh quyền thuộc lẩn hiếp. Ba điều ác cùng tụ tập, suốt một đời lắm nỗi ưu sầu, há chẳng ôm lòng chán bỏ từ lâu ư? [Đây là nói về] căn cơ có thể

---

mắt Tề Tuyên Vương (Điền Tích Cương), vạch ra bốn điều đáng lo ngại cho nước Tề, khiến Tề Tuyên Vương tỉnh ngộ, bãi bỏ nữ nhạc, đuổi bọn quan lại xua nịnh, nghe lời can gián, huấn luyện binh mã, tiết kiệm quốc khố. Vua bèn lập bà thành vương hậu, dùng bà làm cố vấn trị quốc. Đến đời Nguyên, Trịnh Quang Tổ là một nhà soạn hý khúc (tuồng hát), đã soạn tuồng Xú Nữ Tề Hậu Vô Diêm Liên Hoàn, tô vẽ bà như một người văn võ toàn tài, vốn là tiên nữ mắc đọa mà mang hình dáng xấu xí, trực tiếp cầm binh đánh dẹp các nước chư hầu đối nghịch, khiến cho Tề Tuyên Vương trở thành bá chủ chư hầu thời đó.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

cảm và nguyên do gây tạo nên tình cảnh ấy, tiếp theo là nói về chuyện tu nhân. “*Thực khoảnh*” (食頃) là thời gian một bữa ăn. Dùng ít để hiển thị nhiều, dùng ngắn để hình dung dài vậy!

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.1.1.3.2.2. Chuyển báo** (*chuyển đổi quả báo*)

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.1.1.3.2.2.1. Tướng mạo viên mãn** (*tướng mạo viên mãn*)

*(Kinh) Thị nhân thiên vạn kiếp trung, sở thọ sanh thân, tướng mạo viên mãn.*

**(經)是人千萬劫中，所受生身，相貌圓滿。**

*(Kinh: Người ấy trong ngàn vạn kiếp, nhận lãnh tám thân tướng mạo viên mãn).*

Điều này hiển lộ công năng chẳng thể nghĩ bàn của việc tạm thời chiêm ngưỡng, lễ bái. “*Viên*” (圓) là chẳng có tướng xấu ác méo mó, vẹo vọ. “*Mãn*” (滿) là không có tướng xấu xí, cong queo. Đã đạt được tướng mạo viên mãn, thân thể tự nhiên chẳng có bệnh tật.

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.1.1.3.2.2.2. Quý tánh thọ sanh** (*thọ sanh trong dòng họ cao quý*)

*(Kinh) Thị xú lậu nữ nhân, như bất yếm nữ thân, tức bách thiên vạn ức sanh trung, thường vi vương nữ, nãi cập vương phi, tể phụ, đại tánh, đại trưởng giả nữ, đoan chánh thọ sanh, chư tướng viên mãn.*

**(經)是醜陋女人，如不厭女身，即百千萬億生中，常為王女，乃及王妃，宰輔大姓，大長者女，端正受生，諸相圓滿。**

*(Kinh: Người nữ hôi hám, xấu xí ấy nếu chẳng chán thân nữ, sẽ trong trăm ngàn vạn đời thường làm vương nữ, hoặc vương phi, con gái của tể phụ, thế gia vọng tộc, hay con gái của đại trưởng giả, thọ sanh đoan chánh, các tướng viên mãn).*

### *Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

Chẳng chán thân nữ do chưa quên tình ái; nhưng công năng của chiêm ngưỡng, lễ bái, chẳng sai sót mảy may! Vì thế, trong vạn ức đời, thường làm con gái vương gia, như cô Thắng Man (Śrīmālā) con gái vua Ba Tư Nặc (Prasenajit), hoặc Thuật Đạt (Asuddharta) [con gái của] A Xà Thế (Ajātasatru).

“*Vương phi*”: Phi (妃) là “hợp”, quý hiển trong hàng phi tần ngự dụng, [địa vị] chỉ thua Hoàng Hậu. Lại nữa, trong hậu cung của thiên tử, hầu là vợ cả hay vợ lẽ, đều gọi là Phi; như các bà Mạt Lợi (Mallikā), Vi Đề Hy (Vaidehī) chẳng hạn. Tể phụ, thế gia vọng tộc chính là tay chân của thiên tử, hoặc bậc nguyên huân, a hành<sup>136</sup>. Hoặc sanh trong thế gia vọng tộc dòng Sát-đế-lợi, hoặc sanh làm con gái của trưởng giả thuộc thế gia vọng tộc trong giai cấp Bà-la-môn, như cô Tô Mạn (Sumangala) con gái ông Tu Đạt Đa (Sudatta), hoặc cô Nguyệt Thượng (Candrottarā) con ngài Duy Ma Cật (Vimalakīrti).

“*Đoan chánh*”: Tiếng Phạn là A Ba La Đề Mục Già (Apratimukha), phương này dịch là Đoan Chánh (端正). Biệt Hành Sớ viết: “*Nữ nhân đoan chánh là khởi đầu của bảy đức*”. Nhưng đoan chánh mà thiếu phước tướng thì hoặc là sớm mồ côi, hay sớm ở góa, tài lộc chẳng bền! Nay nói rõ diện mạo và tướng phù hợp, càng hiển lộ đức của người ấy. Đoan chánh ắt được chồng sủng ái, cũng như được tài lộc, kính trọng. Nếu yêu thương kèm theo khinh mạn, sao có thể gọi là đức? Yêu thương, kính trọng, cho nên gọi là “*tướng*”. Nay đã đoan chánh viên mãn, tướng càng mâu nhiệm trọn khắp vậy!

#### **3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.1.3.2.3. Kết thành** (tiểu kết phần thành tựu này)

**(Kinh) Do chí tâm cố, chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát, hoạch phước như thị.**

**(經)由志心故，瞻禮地藏菩薩，獲福如是。**

**(Kinh: Do chí tâm kiên cố, chiêm ngưỡng, lễ bái Địa Tạng Bồ Tát bền đạt được phước như thế).**

---

<sup>136</sup> Nguyên Huân (元勳) là danh từ khác để gọi các bậc khai quốc công thần, hoặc những người có công lao rất lớn đối với vương triều.

A Hành (阿衡): Vốn là một chức quan được lập ra từ đời Thương, có vai trò kiêm nhiệm cả Thái Sư lẫn Thái Bảo. Về sau, A Hành được dùng để chỉ các vị cố vấn cao cấp của nhà vua hoặc Tể Tướng.



Hai chữ “*chí tâm*” nghĩa sâu, ý trọng, xuyên suốt phần trước lẫn phần sau, chớ nên xem nhẹ. Phàm một người chuyển đổi quả báo, đúng là chuyện chẳng dễ dàng! Ví như một gã nông dân bỗng đến trước tòa vua, như kẻ sống trong nhà xí chột lên cung trời. Phước đột ngột [như sấm nổ] giữa đất bằng chẳng thể nào suy lường được! Nay đạt được phước, đúng là do chí tâm. “*Chí*” (志) là tâm đạt tới. Người nữ xấu xí ấy dùng chiêm ngưỡng, lễ bái để cảm, ngài Địa Tạng dùng từ lực để ứng, đều là tâm. Nếu đối với mỗi chuyện đều quen tánh so đo chẳng quên thì Năng lẫn Sở rạch ròi, phàm thánh khác nẻo, làm sao có thể cảm ứng đạo giao, chuyển báo, đạt phước cho nổi? Chỉ có trong lúc chiêm ngưỡng, lễ bái, hiểu rõ Năng lẫn Sở đều Không, cho nên trong khi cảm ứng, sẽ đạt đến Giả và Trung chẳng thể bàn, cho nên người đàn bà xấu xí chẳng hai, chẳng khác đức Địa Tạng, hoàn toàn do công của chí tâm. Vì thế, kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “*Nhược dục lễ Phật giả, đương lai cập quá khứ, đương quán không, vô pháp, thị danh lễ Phật nghĩa*” (Nếu kẻ muốn lễ Phật thì hãy quán tương lai và quá khứ đều là không, chẳng có pháp. Đó là ý nghĩa việc lễ Phật). Chớ nên không biết bảy loại lễ<sup>137</sup> của Lạc Na Tam Tạng!

---

<sup>137</sup> Ngài Lạc Na Tam Tạng (Ratnamati) do thấy dân chúng ở phương Bắc không có thói quen lễ Phật, bèn chỉ ra bảy loại lễ:

1. Ngã mạn lễ: Thân tuy lễ bái, chẳng có tâm cung kính, bề ngoài ra vẻ cung kính, trong tâm ngã mạn.
2. Cầu danh lễ: Muốn có được tiếng thơm là người tu hành siêng năng, giả dối hiện oai nghi lễ bái.
3. Thân tâm lễ: Miệng niệm danh hiệu Phật, tâm tưởng tượng hảo, công đức của Phật, thân cung kính hành lễ, không có niệm nào khác.
4. Trí tịnh lễ: Huệ tâm sáng suốt, nhạy bén, đạt tới cảnh giới của Phật, trong tâm thanh tịnh, rỗng rang, vô ngại. Khi lễ một vị Phật chính là lễ hết thấy chư Phật trong mười phương pháp giới.
5. Biến nhập pháp giới lễ: Các pháp như thân, tâm, đều chẳng lìa pháp giới sẵn có. Lễ một lễ bèn trọn khắp pháp giới. Tâm ta chẳng lìa Phật, tánh tướng bình đẳng, vốn chẳng có tăng hay giảm.
6. Chánh quán tu thành lễ: Tuy nhiếp tâm nơi chánh niệm, lễ thân Phật chẳng khác lễ thân chính mình, thấy hết thấy chúng sanh có Phật tánh bình đẳng với Phật. Hiểu rõ lý chúng sanh và Phật bình đẳng, chỉ do mê hay giác mà sai khác.
7. Thật Tướng bình đẳng lễ: Cách lễ trên đây còn có lễ và quán tách rời, tự và tha khác biệt; còn trong cách lễ này chẳng có tự lẫn tha, phàm và thánh như một, Thể và Dụng bất nhị v.v...

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.1.4. Kỹ nhạc, tán cúng phước (phước do dùng âm nhạc để tán thán, cúng dường)**

*(Kinh) Phục thứ Phổ Quảng! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, năng đối Bồ Tát tượng tiền, tác chư kỹ nhạc, cập ca vịnh, tán thán, hương, hoa cúng dường, nãi chí khuyến u nhất nhân, đa nhân.*

**(經)復次普廣！若有善男子，善女人，能對菩薩像前，作諸伎樂，及歌詠讚歎，香花供養，乃至勸於一人多人。**

*(Kinh: Lại này Phổ Quảng! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, có thể đối trước tượng Bồ Tát, tấu các kỹ nhạc, và ca, vịnh, dùng hương, hoa cúng dường, cho đến khuyến một người hay nhiều người).*

Đoạn kinh văn này chia thành hai tiểu đoạn:

- Đoạn đầu nói về căn cơ có thể cúng dường.

- Từ chữ “*nhu thị*” (như thế) trở đi, [nói về] phước đạt được.

“*Năng*” (người có thể cúng dường) là người tin tưởng, tốt lành, thật sự thực hiện. Lòng tin chẳng chân thật, sẽ chẳng thể làm được! Sách Thuyết Văn Giải Tự giảng chữ Kỹ (伎) nếu do Nữ (女) và Chi (支) ghép lại [tức chữ Kỹ (妓)] thì có nghĩa là “phụ nữ làm nhạc công sử dụng những nhạc khí nhỏ”. Từ Nhân (人) [và Chi (支) ghép thành Kỹ (伎)] thì có nghĩa là “*cho*”. Nhạc là chuyện trọng yếu của bậc thiên tử, có thể quan sát, khảo cứu phong tục [để chế định lễ nhạc tương ứng], khiến cho dân chúng gột sạch những thứ xấu xa, tà vạy. Vì thế, lễ nhạc chẳng thể rời thân dầu chỉ khoảnh khắc! Như Lễ Ký có nói: “*Quyè thi chế nhạc dĩ thưởng chư hầu. Tự Hoàng Đế hàm trì dĩ hạ, đại chế u nhạc*” (Quyè (tên nhạc quan của vua Thuấn) bắt đầu chế nhạc để thiên tử thưởng cho chư hầu. Từ khúc nhạc Hàm Trì<sup>138</sup> của Hoàng Đế trở đi, các đời đều chế nhạc). Bất quá, đây là dựa theo cội này mà nói như vậy đó thôi!

“*Ca vịnh*”: Sách Thượng Thư viết: “*Thi ngôn chí, ca vịnh ngôn*” (thơ nhằm diễn tả chí, ca hát để lời lẽ trong thơ được lan truyền)<sup>139</sup>.

<sup>138</sup> Hàm Trì (咸池) vốn là nơi mặt trời lặn xuống theo thần thoại cổ Trung Hoa. Do đó khi vua mất, cũng gọi là “*hàm trì*”. Nhưng Trịnh Huyền chú giải Hàm Trì ở đây là một khúc nhạc do Hoàng Đế đặt ra. Về sau, vua Nghiêu có tặng bổ thêm.

<sup>139</sup> Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của từ điển trực tuyến Baidu.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Trong phần lời tựa cho kinh Thi đã viết: “*Tình dây động bên trong, hình thành lời lẽ. Do ngôn từ chẳng đủ để diễn tả, bèn than thở. Do than thở vẫn chẳng đủ, bèn ca vịnh*”. “*Ca*” (歌) là âm thanh của nhạc, trực tiếp diễn tả đức ấy. Theo Sơn Hải Kinh, tám đứa con của Đế Tuấn<sup>140</sup> [là những người] khởi đầu ca hát. Nếu nói theo giáo của chúng ta (đạo Phật) thì là Phạm Bái. Bái (唄) của phương Tây giống như phương Đông có Tán. “*Tán*” (讚) là theo lời văn mà kết thành chương khúc; còn Bái là dùng những bài kệ ngắn để ca tụng. Hai chuyện này tuy tên gọi khác nhau, nhưng ý nghĩa thật sự đồng nhất. Nay đã tấu nhạc ngũ thanh, bát âm<sup>141</sup>, cùng ngân nga ca vịnh, tán thán, lại còn bày hương, hoa, các vật cúng dường. Không chỉ là tự mình tin tưởng thực hiện, mà lại còn khuyến khích những người khác làm theo, hoặc một người hay nhiều người, tùy duyên chuyển hóa.

---

<sup>140</sup> Đế Tuấn (帝俊) là vua cõi trời thời thượng cổ trong thần thoại Trung Hoa. Đế Tuấn và vợ là Hy Hòa (羲和) đẻ ra mười mặt trời, cùng với vợ lẽ là Thường Hy (常羲) đẻ ra mười hai mặt trăng. Mười mặt trời chính là mười con quạ vàng ba chân. Theo các nhà nghiên cứu, Đế Tuấn chính là thị tộc tổ của các sắc dân Đông Di và Bách Việt (nói cách khác, Đế Tuấn là nhân cách hóa của chim thiêng, vật tổ của các dân tộc ấy). Đế Tuấn lại còn sanh ra Hắc Xi (răng đen), U Cốc (hang tối), Đê Điều, Yên Long v.v... Những người này trở thành thị tộc của các quốc gia tương ứng.

<sup>141</sup> Ngũ Thanh là năm âm, tức năm notes nhạc cơ bản: Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ. Bát âm là âm thanh từ các nhạc khí được phân loại dựa theo chất liệu:

- Kim là các nhạc khí chế bằng kim loại như biện chung (đàn chuông), nã bạt, thanh la, cồng, chiêng, khánh, lục lạc v.v...

- Thạch là các nhạc khí bằng đá hoặc phần chính yếu để phát ra âm thanh bằng đá như biện khánh...

- Thổ: Nhạc khí làm bằng đất như huân (sáo đất, ocarina), phễu...

- Cách: Nhạc khí có màng rung bằng da như các loại trống.

- Ty: Nhạc khí dùng dây như các loại đàn nhị, đàn tranh, cổ cầm, không hầu (harp) v.v...

- Mộc: Nhạc khí bằng gỗ như mõ, phách, ngũ (có hình dáng hồ, hay kỳ lân, trên lưng có nhiều máu nổi lên, người diễn tấu dùng thanh gỗ chà lên để phát ra âm thanh soàn soạt) v.v...

- Bào: Các loại nhạc khí dùng quả bầu làm phần cộng hưởng như sênh, vu (loại sênh lớn), hồ lô ty v.v...

- Trúc: Các nhạc cụ làm bằng tre như tiêu, địch, quản, trì v.v...

*(Kinh) Như thị đẳng bồi, hiện tại thế trung, cập vị lai thế, thường đắc bách thiên quý thân, nhật dạ vệ hộ, bất linh ác sự triếp văn kỳ nhĩ, hà hưởng thân thọ chư hoạnh.*

**(經)如是等輩，現在世中，及未來世，常得百千鬼神，日夜衛護，不令惡事輒聞其耳，何況親受諸橫？**

*(Kinh: Những người như thế, trong đời hiện tại và đời mai sau, thường được trăm ngàn quý thân, ngày đêm bảo vệ, chẳng để chuyện ác đột ngột lọt vào tai họ, hưởng hồ là đích thân hứng chịu những chuyện ngang trái ư?)*

Người như thế đáng nên được phước. Vì thế nói “*như thị đẳng bồi*” (hạng người như thế). Nhưng tấu nhạc cúng dường tượng, có sao lại được quý thân bảo vệ? Lễ Ký viết: “*Lễ nhạc chi hành hồ Âm Dương, thông hồ quý thân*” (Lễ nhạc vận chuyển Âm, Dương, cảm thông quý thân). Sách Hán Thư chép: “*Nhạc là thứ thánh nhân dùng để cảm trời đất, thông quý thân*”; hưởng chi Càn Thát Bà và Khẩn Na La đều là nhạc thần của thiên đế. Nay đã dùng âm nhạc để ca vịnh đức Địa Tạng, lẽ nào chẳng cảm Đế Thích sai Càn Thát Bà và Khẩn Na La bảo vệ ư?

Nhưng “*chuyện ác chẳng nghe lọt vào tai*” lại do đâu mà đạt được như thế? Thưa: Chẳng nghe sách Lễ Ký đã nói đó ư? “*Phù nhạc, thanh minh tượng thiên, quảng đại tượng địa, chung thử tượng tứ thời, châu toàn tượng phong vũ*” (Nhạc trong sáng giống như trời, rộng lớn giống như đất, từ đầu đến cuối giống như bốn mùa, xoay chuyển trọn khắp giống như gió, mưa). Nay đã tấu nhạc cúng dường tượng, tự nhiên sẽ cảm vờ khí tượng trong sáng của trời đất, bốn mùa điều hòa, mưa gió đúng thời, làm sao có chuyện ác bỗng dưng nghe lọt vào tai cho được? Vì thế nói Nhạc có nghĩa là Lạc (vui). Quân tử vui do thấu đạt đạo, tiểu nhân vui do đạt được điều ham muốn. Hưởng chi nay đạt được phước, thật sự là do tín tâm mà có, lẽ nào còn đích thân hứng chịu các thứ ngang trái ư? Nếu dựa theo kinh Pháp Hoa nói: Dùng kỹ nhạc để ca tụng đức, mở ra nghiệp nhân thiên, tự nhiên đáng nên sớm thành Phật đạo!

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.1.2. Cơ hủy hoạch báo (do chê bai, hủy báng mà mắc phải tội báo)**

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.1.2.1. Chánh thị (chỉ dạy)**

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.1.2.1.1. Thị cơ hủy tướng** (dạy về tướng trạng gièm chê, hủy báng)

*(Kinh) Phục thứ Phổ Quảng! Vị lai thế trung, nhược hữu ác nhân, cập ác thần, ác quỷ, kiến hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, quy kính, cúng dường, tán thán, chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát hình tượng.*

**(經)復次普廣！未來世中，若有惡人，及惡神惡鬼，見有善男子，善女人，歸敬供養，讚歎瞻禮，地藏菩薩形像。**

*(Kinh: Lại này Phổ Quảng! Trong đời vị lai, nếu có người ác, và ác thần, ác quỷ, thấy có thiện nam tử, thiện nữ nhân, quy hướng, cúng kính, cúng dường, tán thán, chiêm ngưỡng, lễ bái hình tượng Địa Tạng Bồ Tát).*

Trước hết, nêu ra những thứ gièm chê, hủy báng, kể đó là nói đến tướng trạng gièm chê, hủy báng. Chữ Cưu Na La (Kunāla) trong tiếng Phạn, được coi này dịch là “*ác nhân*” (kẻ ác), còn dịch là “*bất hảo nhân*”. Ác thần, lớn là nói đến Ba Ty Dạ (Pāpīyas)<sup>142</sup>, dịch sát nghĩa là Ác, nhỏ thì là những kẻ ác trong núi to, sông cái, núi nhỏ, sông con. Ác quỷ thì loại lớn là nói đến những loài Cưu Bàn Trà (Kumbhāṇḍa, Yêm Mị Quỷ, Đông Qua Quỷ) v.v... Nhỏ thì tức là những loài nương gá vào cỏ cây, ra oai, giáng phước. Ác có ba loại: Một là ác, hai là đại ác, ba là ác trung ác (kẻ ác nhất trong những kẻ ác). Ba loại ấy (ác nhân, ác thần, ác quỷ) đều có ba loại ác.

Từ chữ “*kiến hữu*” (thấy có) trở đi, nói về nguyên do gièm báng. Đức Phật dạy: “*Thanh trước dị lưu, minh ngu dị thú, trung nịnh tương thù, tà thường tật chánh. Cố trước dục chi nhân, bất hiếu ngã vô dục chi hạnh. Ư thị, ác loại toại sanh tật tâm. Sở dĩ tật chi giả, ác nhân, khùng dĩ bỉ thiện, hình ngã chi ác dã. Ác thần, khùng kỳ xuất giới, thất ngã chi quyền thuộc dã. Ác quỷ, khùng kỳ trai giới, thất ngã chi huyết nhục dã. Hoài tư tuy dị, vi ác thị đồng*” (Trong đục khác dòng, sáng suốt, ngu si khác đường, trung nịnh khác biệt, cong vạy thường ghen ghét điều chánh. Vì thế, kẻ đắm chấp dục vọng chẳng ưa hạnh vô dục của ta. Do vậy, các loài ác bèn sanh tâm ganh ghét. Sở dĩ ganh ghét là vì kẻ ác sợ

---

<sup>142</sup> Ba Ty Dạ (Pāpīyas), hoặc còn viết là Pāpman, Pāpimant, còn phiên âm là Ba Tỳ Duyên, Ba Duyên, Ba Bệ, Ba Ty, Ba Tỳ, Ba Ty Diện, tức là thiên ma Ba Tuần, hay Ma Vương.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

người khác tốt lành sẽ bộc lộ điều ác của hắn. Ác thần sợ [người tu hành] sẽ thoát khỏi tam giới, khiến quyến thuộc của hắn bị hao hụt. Ác quỷ sợ [người tu hành vâng giữ] trai giới, sẽ chẳng được cúng tế máu thịt. Mỗi loài ác tuy ô nhiễm riêng khác nhau, nhưng đều làm ác giống như nhau).

Tăng Tử nói: “*Nhân chi hiếu thiện, phước tuy vị chí, khứ họa viễn hỹ. Nhân chi vi ác, hung tuy vị chí, khứ phước cận hỹ*” (Người ưa điều lành, tuy phước chưa đưa tới, đã cách xa họa. Kẻ làm ác tuy điều hung hiểm chưa xảy tới, nhưng đã mất phước rất gần). Sách Biện Ma viết: “*Thấy người nuôi dưỡng điều thiện như mưa, sương móc thấm đượm cây cỏ; gặp phải điều ác sẽ trừ sạch như chim ưng, chim ó đuổi chim sẻ*”. Sao mọi người chẳng nỗ lực tu thiện, mà cam tâm làm người ác, ác thần, ác quỷ vậy thay?

*(Kinh) Hoặc vọng sanh cơ hủy, báng vô công đức, cập lợi ích sự, hoặc lộ xỉ tiểu, hoặc diện bôi phi, hoặc khuyến nhân cộng phi, hoặc nhất nhân phi, hoặc đa nhân phi, nãi chí nhất niệm sanh cơ hủy giả.*

**(經)或妄生譏毀，謗無功德，及利益事，或露齒笑，或面背非，或勸人共非，或一人非，或多人非，乃至一念生譏毀者。**

*(Kinh: Hoặc làm lạc sanh lòng chê gièm, hủy báng, báng bỏ không có công đức và chuyện lợi ích, hoặc nhe răng cười, hoặc chê sau lưng, hoặc khuyến người khác cùng chê, hoặc một người chê, hoặc nhiều người chê, cho đến một niệm sanh lòng chê bai, hủy báng).*

“*Cơ*” (譏) là nói trào phúng, chê bai. “*Hủy*” (毀) là chuyện báng bỏ, phá hoại. “*Cơ*” là sanh tâm đố kỵ, ghen ghét. “*Hủy*” là khởi ý niệm tham lam, sân hận. Vì thế biết tâm chính là cội nguồn dấy lên điều ác, miệng là cái gốc chuốc họa. Toan tính báng bỏ thánh hiền, chèn ép oan uổng người lương thiện; hư vọng bịa chuyện, vô duyên vô cớ mặc tình phun độc. Thoạt đầu là chê bai, khích bác nhẹ nhàng, về sau bèn vu hãm độc địa, tự làm kẻ Nhất Xiển Đề, bài bác không có nhân quả. Họ tuyên bố: “*Những kẻ ấy chỉ trộm cái danh hiền thiện suông, chứ quy y, cung kính, tán thán, lễ bái [Địa Tạng Bồ Tát] thật ra chẳng có công đức! Phí*

***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

uồng tiền tài, há có lợi ích gì đâu!” Họ đâu có biết thánh tượng bằng đất nặn, gỗ tạc, biểu thị những pháp sâu xa! Kính cẩn, chân thành, ân cần lễ bái, được phước vô biên. Tâm khinh thường, hủy báng, chúc tội bao kiếp, ngu si, vô tri, trở ngại, thoái thất thiện căn. Hoặc nhe răng cười khinh bỉ, hoặc trước mặt bảo là đúng, sau lưng chê sai be bét! Chính mình chê bai, lại còn khuyên kẻ khác cùng đả phá. Hoặc khuyên được một người, hoặc lại khuyên nhiều kẻ cùng nhau chê trách. Đây là nói tới những kẻ lăm điều hủy báng, ghét bỏ.

“*Dẫu chỉ một niệm*” là nói những kẻ hủy báng, ghét bỏ đôi chút. Họ đâu có biết các tội đều khởi đầu từ đây! Ví như dòng sông cuồn cuộn khởi nguồn từ đầu nguồn nhỏ như miệng vò. Cây phủ rợp trời, nẩy lá từ cái mầm bé tẹo! Môi, miệng là chiếc cung, tâm suy nghĩ như dây cung, âm thanh như mũi tên, một niệm như lẫy cung. Buông suông [lời phỉ báng] trong đêm dài, chỉ nhuộm bản thân, miệng! Đoái nghĩ quả báo về sau, há chẳng cần thận ư?

***3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.2.1.2. Hiện cơ hủy báo (nêu rõ quả báo do gièm chê, hủy báng)***

***3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.2.1.2.1. Trục đọa A Tỳ (đọa thẳng vào A Tỳ)***

***(Kinh) Như thị chi nhân, Hiện Kiếp thiên Phật diệt độ, cơ hủy chi báo, thượng tại A Tỳ địa ngục, thọ cực trọng tội.***

**(經)如是之人，賢劫千佛滅度，譏毀之報，尚在阿鼻地獄，受極重罪。**

***(Kinh: Người như thế khi một ngàn đức Phật trong Hiện kiếp diệt độ cả rồi, do quả báo của tội chê gièm, hủy báng, vẫn còn thọ tội cực nặng trong địa ngục A Tỳ).***

Bộp chộp, ương bướng thành tánh, điên đảo, khinh bạc quen thói, chẳng biết Phật đạo chánh trực, chân thật, rộng sâu, lại phun ra những lời lẽ khinh bạc, thiên cận của thế gian, toan dùng cái tâm đố kỵ để hủy báng đạo căn. Hạng người như thế giống như chim gãy cánh, chẳng thể bay lượn. Hãy nên biết hạng người ấy trong đời vị lai, vĩnh viễn chẳng thể đạt tới chỗ tốt lành trong chôn nhân thiên.

Kiếp Bá (Kalpa) trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Phân Biệt Thời Tiết. Bạt Tha (Bhadra) dịch sang tiếng Hán là Hiền. Do có

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

hiều hiền nhân xuất thế, nên gọi là Hiền Kiếp. Nay đang là Hiền Kiếp, có tất cả một ngàn vị Phật xuất thế. Nay đức Phật Thích Ca mới là vị Phật thứ tư, hãy còn có chín trăm chín mươi sáu vị Phật [chưa xuất thế]. Mỗi đức Phật xuất thế rồi diệt độ, có thể nói là năm tháng lâu xa. Nay nói là “*thiên Phật diệt độ dĩ*” (một ngàn đức Phật đã diệt độ cả rồi), mà do quả báo che gièm, hủy báng, [tội nhân] vẫn còn trong đại địa ngục A Tỳ, chịu tội cực nặng, trọn chẳng có cùng tận! Kinh Hưng Khởi Hạnh dạy: “*Thế nhân sở tác hạnh, hoặc tác thiện ác sự. Thử hạnh hoàn quy thân, chung bất hủ bại vong*” (Những hành vi của người đời, hoặc làm chuyện thiện ác, hành vi ấy sẽ trở về chính thân họ, trọn chẳng hư nát, mất đi). Do kẻ báng pháp tội nghiệp cực đại nên đọa vào ba ác đạo, khó thể xuất ly, chớ nên chẳng cẩn thận!

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.1.2.1.2.2. Chuyển sanh ác đạo** (*[quả báo trong địa ngục đã hết], chuyển sanh vào đường ác*)

***(Kinh) Quá thị kiếp dĩ, phương thọ ngã quý. Hựu kinh thiên kiếp, phục thọ súc sanh. Hựu kinh thiên kiếp, phương đắc nhân thân.***

**(經)過是劫已，方受餓鬼。又經千劫，復受畜生。又經千劫，方得人身。**

***(Kinh: Qua khỏi số kiếp ấy rồi mới thọ thân ngã quý. Lại qua một ngàn kiếp lại làm thân súc sanh. Lại qua một ngàn kiếp mới được làm thân người).***

Trải bao kiếp trầm luân, vĩnh viễn đánh mất con đường sanh thiên, theo duyên mà thọ báo, trọn chẳng có lúc thoát khỏi! Do báng bỏ là “chẳng có pháp vị gì”, cảm vùi quả báo làm ngã quý đói khát, chẳng biết chánh đạo; [sau đó] thọ thân súc sanh, xương sống nằm ngang. Chữ Xà Lê Đa (Preta) trong tiếng Phạn, dịch là Ngạ Quỷ, đường này hiện diện trọn khắp trong các đường khác, [ngoại trừ thiên đạo]. Do tâm ý siểm nịnh, dối trá, tạo tác hạ phẩm Ngũ Nghịch, Thập Ác, cảm thân trong đường này. Chữ Đễ Lật Xa (Tiryagyoni) trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Súc Sanh, đường này cũng trọn khắp các chốn. Do ngu si, tham dục, tạo tác trung phẩm Ngũ Nghịch, Thập Ác mà cảm thân trong đường này. Trong hai đường ấy, trải qua kiếp số dài lâu mới được làm



*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

người. [Kinh văn] dùng chữ Phương (方) [ở đây] và chữ Túng (縱) trong câu sau, tức là từ ngữ diễn tả ý nghĩa “*cũng chẳng nhất định!*”

*(Kinh) Túng thọ nhân thân, bản cùng, hạ tiện, chư căn bất cụ, đa bị ác nghiệp, lai kết kỳ tâm, bất cứu chi gian, phục đọa ác đạo.*

**(經)縱受人身，貧窮下賤，諸根不具，多被惡業，來結其心，不久之間，復墮惡道。**

*(Kinh: Dẫu được làm người, nghèo cùng, hèn hạ, các căn chẳng đủ, có lắm ác nghiệp vương mắc trong tâm, chẳng bao lâu sau, lại đọa vào đường ác).*

Dẫu được làm thân người, dư nghiệp vẫn còn chưa hết! Do xưa kia đoạn diệt pháp tài, nay cảm quả báo bản cùng. Do xưa kia, hủy báng kẻ kính trọng tôn dung [của Bồ Tát], nay chuốc lấy thân hạ tiện, lại còn kèm thêm các căn tàn khuyết, đến nỗi cứu kết<sup>143</sup> ràng buộc cái tâm. Từ chỗ tối vào chỗ tối, từ khổ đến khổ. Trong luận Đại Thừa, Kiên Ý Bồ Tát nói: “*Phỉ báng pháp Đại Thừa, chắc chắn đọa ác đạo. Thiêu đốt thật đau khổ, là do tội của nghiệp báo. Nếu từ địa ngục thoát ra, lại chịu ác báo khác. Các căn thường khuyết thiếu, thô kệch, vĩnh viễn chẳng nghe tiếng pháp. Dẫu được nghe pháp thì lại sanh lòng báng pháp. Do nhân duyên báng pháp, lại đọa vào địa ngục*”. Ôi! Chẳng đáng nên răn dè ư?

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.1.2.2. Kết huông** (*kết lại bằng cách nói “huông hồ”*)

*(Kinh) Thị cố Phổ Quảng! Cơ hủy tha nhân cúng dường, thượng hoạch thử báo, hà huông biệt sanh ác kiến hủy diệt.*

**(經)是故普廣！譏毀他人供養，尚獲此報，何況別生惡見毀滅。**

---

<sup>143</sup> Cửu Kết (九結) là chín thứ phiền não thắt chặt, cuốn trói chúng sanh, tức là Ái, Sân, Mạn, Vô Minh, Kiến (kiến giải thiên lệch), Thủ (chấp giữ), Nghi, Tật (ghen ghét), Xan (keo kiệt).

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Vì vậy, **Phổ Quảng!** Gièm chê, hủy báng người khác cúng dường còn mắc phải quả báo ấy, huống hồ lại còn sanh ác kiến hủy diệt khác).

Hai chữ “**thị cố**” (vì vậy) thừa tiếp chặt chẽ ý “**vĩnh đọa A Tỳ, di kiếp kinh sanh nhi hướng xuất**” (vĩnh viễn đọa vào A Tỳ, trải bao kiếp nhiều đời, may ra mới thoát khỏi). Thiện nhân cúng dường, lữ ác gièm chê, hủy báng, còn mắc hại bao kiếp! Huống hồ kẻ sanh ác kiến khác, như Di Lê Xa (Mleccha)<sup>144</sup> hủy diệt Phật pháp, tội ấy còn quá hơn nữa! Vì thế, kinh Bảo Vũ nói: “**Nhược phỉ báng giả, thị danh ngu nhân, đọa u ác xứ, thọ chư khổ não. Hựu vị nhất thiết thế gian thiên, nhân, A-tổ-lạc đẳng chi sở khinh tiệt**” (Nếu là kẻ phỉ báng thì gọi là người ngu, đọa vào chỗ ác, chịu các khổ não. Lại còn bị hết thầy trời, người, A Tu La v.v... trong thế gian khinh rẻ). Vì thế biết cái tội phỉ báng đúng là đứng đầu các tội!

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.2. Biệt thị cửu bệnh đẳng ích** (riêng dạy về lợi ích như người bệnh lâu năm...)

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.2.1. Cửu bệnh ác tướng** (tướng ác của bệnh lâu năm)

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.2.1.1. Thị bệnh trung ác tướng** (chỉ bày tướng ác của bệnh tật)

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.2.1.1.1. Thị tướng** (chỉ bày tướng trạng bệnh tật)

(**Kinh**) **Phục thứ Phổ Quảng!** **Nhược vị lai thế, hữu nam tử, nữ nhân, cửu xử sàng chẩm, cầu sanh, cầu tử, liễu bất khả đắc. Hoặc dạ mộng ác quỷ, nữ cập gia thân, hoặc du hiểm đạo, hoặc đa yếm mị, cộng quỷ thân du, nhật nguyệt tuế thâm, chuyển phục uông sái. Miên trung khiêu khổ, thăm thê bất lạc giả.**

**(經)復次普廣！若未來世，有男子女人，久處牀枕，求生求死，了不可得。或夜夢惡鬼，乃及家親，或遊險道，或**

<sup>144</sup> Mleccha (còn phiên âm là Miệt Lê Xa, Di Ly Xa, Mật Lợi Xa, Tật Lật Xa, Di Lợi Xa) nghĩa gốc là “kẻ dã man, mọi rợ”, chỉ các sắc dân chưa được khai hóa, thiếu văn minh. Về sau, từ ngữ này thường được dùng để chỉ những kẻ ở biên địa tức những vùng xa xôi, không văn minh. Nghĩa thứ hai là chỉ những sắc dân man rợ xâm nhập Ấn Độ, phá hoại văn hóa tôn giáo của Ấn Độ như các sắc dân Ả Rập, Đột Quyết, hoặc những người theo Hồi giáo tàn phá, hủy hoại các chùa tháp của Ấn Độ giáo và Phật giáo, hoặc nói rộng hơn thì là những kẻ y vào sức mạnh phá hoại Phật pháp.

**多魔寐，共鬼神遊，日月歲深，轉復尪瘵。眠中叫苦，慘悽不樂者。**

*(Kinh: Lại này Phổ Quảng! Nếu trong đời vị lai, có người nam, kẻ nữ, nằm trên giường bệnh lâu ngày, mong sống, hoặc mong chết, trọn chẳng thể được! Hoặc đêm mộng thấy ác quỷ, cho đến người nhà, hoặc đi trong đường hiểm đạo, hoặc thường bị bóng đè, cùng đi với quỷ thần, lâu năm chầy tháng, chuyển thành gầy mòn, bệnh lao. Kêu khổ trong khi ngủ, thâm, chẳng vui).*

Phật Thuyết Y Kinh chép: “*Nhân thân trung bốn hữu tứ bệnh, nhất địa, nhị thủy, tam hỏa, tứ phong*” (Trong thân con người vốn có bốn bệnh, một là đất, hai là nước, ba là lửa, bốn là gió). Đại Trí Độ Luận nói: “*Tứ Đại làm thân, chúng thường xâm hại lẫn nhau. Trong mỗi đại, có một trăm lẻ một chứng bệnh dấy lên. Bệnh hàn có hai trăm lẻ hai thứ, do nước và gió dấy lên. Bệnh nhiệt có hai trăm lẻ hai loại, do đất và lửa dấy lên*”. Ấy là vì Tứ Đại khó điều hòa, lục phủ<sup>145</sup> càng khó hòa hợp. Do có báo thân, bỗng mắc phải bệnh tật lâu ngày. Nay [bệnh tình] lâu năm chầy tháng, nằm bẹp trên giường, chiếu, chẳng thể ngồi dậy được. Đây chính là dư ương do giết chóc, đến nỗi khổ não vì bệnh tật bức bách lâu ngày. Muốn sống mà lâm vào tình thế chẳng sống nổi, mong chết mà lâm vào tình thế chẳng chết được!

“*Mộng thấy ác quỷ*” v.v... do bệnh tật bức bách cái tâm, tinh thần rối loạn, đêm gặp nhiều ác mộng, kinh hoảng càng nặng hơn. Luận Duy Thức nói bốn loại mộng: Một là tập khí vô minh, hai là điềm báo trước thiện ác, ba là [một hay nhiều món trong] Tứ Đại tăng nhiều, bốn là những điều đã hay biết cũ nay diễn lại trong tâm. Nay [mộng thấy] đi cùng ác quỷ, chính là điềm báo trước của ác tướng; và mộng thấy người nhà, chính là những điều đã hay biết cũ, nay diễn lại trong tâm. “*Đi trong đường hiểm*” tức là một hay nhiều món trong Tứ Đại tăng mạnh. “*Đi cùng quỷ thần*” chính là tập khí vô minh.

Chữ Ô Tô Mạn [trong tiếng Phạn], cõi này dịch là Yểm (bóng đè), tức là điềm chẳng cát tường [mộng thấy] trong khi ngủ, ngầm phù hợp

---

<sup>145</sup> Lục phủ: Còn gọi là Lục Tạng, tức ruột già, ruột non, bao tử, bàng quang, tam tiêu, và mật, tương ứng với ngũ tạng (gan, tim, tỳ (lá lách), phổi, và thận). Theo Trung Y, ngũ tạng là Âm, lục phủ là Dương; ngũ tạng tương ứng ngũ hành, còn lục phủ tương ứng với lục tình (mừng, giận, thích, ghét, buồn, vui).

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

với cái tâm [của người bệnh]. Luận Hành<sup>146</sup> nói: “*Nằm thêm thiếp mà chẳng ngủ được, nên gọi là yểm寐*”. Nằm thêm thiếp lâu ngày chẳng tỉnh, [mơ thấy] đi cùng quỷ thần, triền miên lâu năm, hình hài suy kém. Ôn (尫) là yếu đuối, tức là bệnh gầy mòn. Sái (瘵) là lao sái (lao phổi), thuộc loại ngũ lao thất thương<sup>147</sup> v.v... Trong giấc ngủ kêu khổ v.v... do thân là thứ gây khổ, các Âm là bình gồm mới nặn còn chưa nung, Tứ Đại rỗng tuếch, chống trái lẫn nhau. Mang thân trong cõi người, gặp phải lúc uế trước, nhận lãnh tám thân có thể chất hư nguy, ở trong cảnh kinh hải. Vô lượng quỷ thần trong chốn u minh, cùng với người nhà, quyền thuộc, nương giá nhà cửa, nương giá miếu mạo, nương giá núi, gò, hễ có linh thức thấy đều có ảnh hưởng [tới bệnh nhân], khiến cho [bệnh nhân] tâm thần mê muội, thân thức mịt mờ, đến nỗi trong khi mơ màng, gặp nhiều nỗi kinh hoàng. Vì thế, ngủ không yên giấc, sáng tối kêu khổ, nội tâm bút rút, động tĩnh sâu thẳm; đây đều là những dáng vẻ khổ sở trong cơn bệnh tật.

#### **3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.2.1.1.2. Thích ý (giải thích ý nghĩa [của tình trạng khổ sở ấy])**

**(Kinh) Thử giai thị nghiệp đạo luận đối, vị định khinh trọng, hoặc nan xả thọ, hoặc bất đắc dĩ. Nam nữ tục nhãn, bất biện thị sự.**

**(經)此皆是業道論對，未定輕重，或難捨壽，或不得愈。男女俗眼，不辯是事。**

---

<sup>146</sup> Luận Hành (論衡) là trước tác trọng yếu của tư tưởng gia Vương Sung thời Đông Hán, gồm mười ba quyển, tám mươi lăm thiên, chủ yếu diễn thuật quan điểm vô thần luận của tác giả, nhằm phản đối sự sùng bái đối với các thể loại sâm y (sách tiên đoán, sâm giảng) và các thứ phương thuật thần bí bói toán, bùa chú, cầu khẩn quỷ thần đương thời.

<sup>147</sup> Theo Trung Y, Ngũ Lao là năm chứng tổn thương do mệt nhọc quá sức: Nhìn quá lâu sẽ tổn thương huyết, nằm quá lâu sẽ tổn thương khí, ngồi quá lâu sẽ tổn thương thịt, đứng quá lâu sẽ tổn thương xương, đi quá lâu sẽ tổn thương gân. Thất Thương là ăn quá no sẽ tổn thương tỳ (lá lách), giận dữ sẽ tổn thương gan, nâng vật nặng quá sức hoặc ngồi quá lâu nơi ẩm thấp sẽ tổn thương thận, uống đồ lạnh sẽ tổn thương phổi, ưu sầu sẽ tổn thương tim, dầm mưa dãi gió, nhiễm nóng lạnh sẽ tổn thương thân hình, hoảng sợ sẽ tổn thương chí. Nói tổng quát, ngũ lao thất thương là từ ngữ phiếm chỉ tất cả các tác nhân gây bệnh.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*(Kinh: Đầy đều là do còn tranh biện về oán đối trong nghiệp đạo, chưa thể định tội nặng nhẹ, cho nên khó xả thọ mạng, hoặc chẳng được lành bệnh. Mắt tục của kẻ nam người nữ chẳng thể biện định chuyện này).*

Đây là giải thích: Ác tướng của bệnh tật lâu ngày là do oán đối trong nghiệp đạo. Vì thế, đức Phật bảo vua A Xà Thế: “*Nhất thiết chư pháp giai vi duyên đối. Thế nhân sở vi tác, các tự kiến kỳ hạnh. Hành thiện đắc thiện báo, hành ác đắc ác báo. Thị cố đại vương đương xả ác tùng thiện*” (Hết thảy các pháp đều đối ứng với duyên. Đối với những gì người đời đã làm, mỗi mỗi đều tự thấy hậu quả của nó. Làm lành được báo lành, làm ác mắc ác báo. Do vậy, đại vương hãy bỏ ác theo thiện). Nay đã do nghiệp duyên oán đối đưa đến, nếu chẳng giao tánh mạng ra, chẳng có cách nào tránh né! Nhưng do chưa quyết định tội ấy nặng hay nhẹ, sao có thể phán định sự sống chết của người ấy cho được! Vì thế, kẻ đáng lẽ phải chết, nhưng chưa thể xả thọ ngay lập tức; kẻ chưa đáng phải chết, vẫn còn phải chịu bệnh tật rề rề khó lành. Sợ là ngũ âm chú trớ<sup>148</sup>, có thể chuốc lấy nỗi oán hờn ba đời, hờn lẫn quần chồn âm ty, cõi trần đã nẩy sanh tai nạn. Mắt phàm tục thô lậu của nhân gian, làm sao có thể biện định những chuyện oán đối do nghiệp báo cho được?

***3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.1.2. Minh tu phước thoát tội (nói rõ: Do tu phước mà thoát tội)***

***3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.1.1. Chánh thị phương quĩ (chỉ dạy phương cách)***

***3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.1.1.1. Đối tượng độc kinh (đối trước tượng, độc kinh)***

***(Kinh) Dẫn đương đối chư Phật, Bồ Tát tượng tiền, cao thanh chuyển độc thử kinh nhất biến.***

---

<sup>148</sup> Ngũ Âm Chú Trớ là một thuyết trong Đạo giáo, theo đó, kẻ ác ở nơi miếu thờ tà thần, dùng giấy vàng và châu sa viết tên họ năm, tháng, ngày, giờ của người hấn tính nguyên rửa, rồi nguyên rửa độc địa, phun nước lên, sau đó giẫm đạp dưới chân, nguyên cho người ấy mắc đủ loại tai ương. Do tính theo ngũ phương nên gọi là Ngũ Âm Chú Trớ (nguyên rửa theo năm âm thanh). Do đó, trong Đạo giáo có riêng một bộ kinh là Thái Thượng Lão Quân Thuyết Giải Thích Chú Trớ Kinh để dạy cách hóa giải tà thuật này. Ở đây, ngài Linh Thừa chỉ mượn cách nói này để sánh ví bệnh nhân đang bị cừu gia oán đối kiện cáo trong âm ty.

**(經)但當對諸佛菩薩像前，高聲轉讀此經一遍。**

*(Kinh: Chỉ nên đối trước tượng chư Phật, Bồ Tát, lớn tiếng chuyển đọc kinh này một lượt).*

Phàm là người do chẳng giữ chừng mực cẩn thận, bị cảm nhiễm các chứng bệnh hàn, nhiệt v.v... thì thuốc thang trong cõi đời có thể chữa trị. Nay là bệnh tật do quả báo của ác nghiệp, cần phải cậy vào pháp lực thì mới hết bệnh được. Ấy là vì tâm của chư Phật lấy từ bi làm Thể, có thể làm y vương, khéo chữa các bệnh nơi thân, tâm của chúng sanh. Kinh là pháp dược, Bồ Tát là thầy thuốc khám bệnh, cho nên cần phải đối trước tượng đọc kinh. Thế nhưng, chỉ chuyển đọc một lượt, một hạt kim đan điểm sắt thành vàng! Một lời tốt lý, chuyển phàm thành thánh, há đợi phải chuyển đọc nhiều lượt ư?

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.1.2. Vị bệnh xả vật (vì bệnh nhân mà thí xả vật dụng)**

*(Kinh) Hoặc thủ bệnh nhân khả ái chi vật, hoặc y phục, bảo bối, trang viên, xá trạch.*

**(經)或取病人可愛之物，或衣服寶貝，莊園舍宅。**

*(Kinh: Hoặc lấy những vật mà bệnh nhân yêu mến như quần áo, vật quý báu, trang trại, vườn tược, nhà cửa).*

Bệnh của người đời có hai loại: Bệnh do Tứ Đại, tức là thân bệnh; và bệnh do Tam Độc là tâm bệnh. Thân bệnh có thể dùng thuốc, tâm bệnh ắt cần phải tu phước. Kinh Pháp Cú dạy: “*Nhân tác thiện ác, ương phước tùy nhân, tuy cánh sanh tử, bất khả đắc miễn*” (Người làm điều thiện, ác, ương họa hay phước báo sẽ theo người ấy, dầu trải qua sống chết, chẳng thể tránh khỏi được). Vì thế, cần phải tu phước do tụng kinh để giải trừ. Đối với vật đáng yêu mến, đẹp đẽ, choáng lộn, quý trọng mà nay có thể cất bỏ lòng yêu đắm, đoạn trừ gốc bệnh. Quần áo mặc vào để làm đẹp thân thể. Vật quý báu là thứ chất chứa để làm giàu. Trang trại, vườn tược là thứ để du ngoạn. Nhà cửa là chỗ cho con cháu yên thân, toàn là những thứ để ta hưởng thụ, chẳng thể khuyết thiếu được. Đây là nói đến những vật đem thí xả.

*(Kinh) Đồi bệnh nhân tiền, cao thanh xướng ngôn: “Ngã mô giáp đẳng, vị thị bệnh nhân, đồi kinh tượng tiền, xả chư đẳng vật. Hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo Phật, Bồ Tát hình tượng, hoặc tạo tháp tự, hoặc nhiên du đẳng, hoặc thí thường trụ”.*

**(經)對病人前，高聲唱言：我某甲等，為是病人，對經像前，捨諸等物。或供養經像，或造佛菩薩形像，或造塔寺，或然油燈，或施常住。**

*(Kinh: Đồi trước bệnh nhân, lớn tiếng xướng rằng: “Tôi tên là... vì người bệnh này, đồi trước kinh, tụng, bỏ những vật này, hoặc để cúng dường kinh tượng, hoặc tạo hình tượng của Phật, Bồ Tát, hoặc tạo chùa, tháp, hoặc thắp đèn dầu, hoặc cúng thí thường trụ”).*

Từ chữ “*đồi bệnh nhân*” (đồi trước người bệnh) trở đi, tuyên xướng thí xả vật dụng. Đồi trước người bệnh lớn tiếng xướng, chính là để cho người ấy biết công đức của việc thí xả to lớn, trong tâm ghi nhớ chẳng quên. Kinh dạy: “*Nhất thiết chư vật, tất giai phân tán, duy thử nguyện vương, bất tương xả ly*” (Hết thảy các vật thảy đều phân tán, chỉ có nguyện vương này chẳng hề lìa bỏ) là nói đến chuyện này. Chữ Na Mãng trong tiếng Phạn, Hán dịch là “*mô giáp*” (某甲, tên này nọ). Giáp đứng đầu Thiên Can, là số đầu tiên, chẳng ngại liệt kê Ất, Bính... theo thứ tự.

Từ chữ “*cúng*” trở đi là phương pháp tu phước. “*Cúng dường kinh tượng*”: Pháp là Phật mẫu, Phật sanh từ pháp. Tam thế Như Lai đều cúng dường pháp. Tượng là di dung (遺容, dung nhan, hình ảnh để lại) của đức Thế Tôn; tuy là đất nặn, gỗ khắc, nhưng có thể khiến cho mọi người đều nghĩ đến Phật, chẳng khác đức Phật thật. Vì thế, thờ phụng sẽ được phước. Tạo hình tượng của Phật, Bồ Tát, hãy chuẩn theo kinh Tạo Tượng Phước Báo, công đức rất nhiều, nay nêu đại lược một đôi điều. Kinh dạy: “*Thiên hạ nhân dân, năng tác Phật hình tượng giả, thể thể sở sanh chi xứ, nhĩn mục tịnh khiết, diện mạo đoan chánh, thân thể, thủ, túc, thường hảo nhu nhuyễn, sanh u thiên thượng, diệc phục tịnh khiết, chư thiên trung thắng. Tử ma kim sắc, đoan chánh vô tỷ. Tác Bồ Tát tượng, công đức diệc nhĩ*” (Nhân dân trong thiên hạ, có thể tạo hình tượng Phật, đời đời sanh ở nơi đâu, mắt trong sạch, diện mạo đoan chánh, thân thể, tay, chân thường tốt đẹp mềm mại. Sanh lên cõi trời,

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

cũng lại tịnh khiết, thù thắng nhất trong chư thiên. Thân có màu như vàng tía giới mài, đoan chánh khôn sánh. Công đức tạo tượng Bồ Tát cũng như thế).

Tháp, chùa như trong phần trên [đã giải thích]. Kinh Tạng Bảo Tạng nói: “*Tạo lập tháp tự, mạng chung sanh Đạo Lợi thiên*” (Tạo lập chùa, tháp. khi mạng chung, sanh lên trời Đạo Lợi). “*Nhiên du đặng*” (thắp đèn dầu): Kinh Thí Đãng chép: “*Phật cáo Xá Lợi Phát: - Hữu nhân u tháp, miếu, hình tượng, phụng thí đặng mình, nãi chí dĩ thiếu đặng, tự, như thử phước đức, duy Phật năng tri*” (Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phát: - Có người ở nơi tháp, miếu, hình tượng, cúng thí đèn chiếu sáng, cho đến chút ít đèn, đuốc, phước đức như thế chỉ Phật có thể biết). Hoặc đem những vật mà người bệnh yêu mến thí hết cho Chiêu Đê<sup>149</sup>, cúng dường chúng tăng. Đây là nói tùy ý hành một thứ, liền cảm quả báo thù thắng, chẳng phải là mỗi sự đều phải làm hết.

#### **3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.2.1.2.1.3. Thoát tội tri mạng (thoát tội, biết túc mạng)**

*(Kinh) Như thị tam bạch bệnh nhân, khiển linh văn tri. Giả linh chư thức phân tán, chí khí tận giả, nãi chí nhất nhật, nhị nhật, tam nhật, tứ nhật, chí thất nhật dĩ lai, dẫn cao thanh bạch, cao thanh đọc kinh.*

**(經)如是三白病人，遣令聞知。假令諸識分散，至氣盡者，乃至一日二日，三日四日，至七日已來，但高聲白，高聲讀經。**

*(Kinh: Ba lượt thưa với bệnh nhân như thế, khiến cho người ấy nghe biết. Nếu như các thức đã phân tán cho đến khi người ấy tắt hơi, cho đến một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, cho đến bảy ngày trở lại, chỉ lớn tiếng xưng bạch, lớn tiếng đọc kinh).*

Thay người bệnh xả vật, ất bạch ba lượt để người bệnh nghe biết, muốn khiến cho người bệnh trong tâm nhận biết, biết rõ “ta có công đức

---

<sup>149</sup> Chiêu Đê (Caturdeśa) có nghĩa gốc là “*bốn phương*”. Vật cúng thí cho tứ phương Tăng được gọi là Chiêu Đê Tăng Vật. Ở đây, Chiêu Đê được dùng với nghĩa Chiêu Đê Tăng (chư tăng bốn phương).



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

như thế đó”. “*Giả linh*” (nếu như), ý nói: Nhờ vào phước thí ấy, bệnh hết, thân an, tốt lành chi bằng? Giả sử đại nạn khó thoát, vĩnh viễn dứt tuyệt duyên trong cõi đời, sẽ ngay trong lúc [người bệnh] các thức phân tán, tắt hơi, vẫn nên trong bảy ngày, lớn tiếng xưng bạch, đọc kinh, người ấy ắt giải thoát trọng tội, siêu thăng.

“*Chư thức phân tán*” (các thức chia lìa): Kinh Xử Thai chép: “*Nhĩ thời Thế Tôn, tương dục thị hiện thức sở thú hương, đạo thức, tục thức, hữu vi thức, vô vi thức, hữu lậu thức, vô lậu thức, hoa thức, quả thức, báo thức, vô báo thức, thiên thức, long thức, nãi chí nhân phi nhân thức. Thượng chí nhị thập bát thiên thức, hạ chí Vô Cứu địa ngục thức*” (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn sắp muốn thị hiện chỗ thức hương về, tức đạo thức, tục thức, hữu vi thức, vô vi thức, hữu lậu thức, vô lậu thức, hoa thức, quả thức, báo thức, vô báo thức, thiên thức, long thức, cho đến nhân phi nhân thức. Trên là đến thức của [chư thiên trong] hai mươi tám tầng trời, dưới là đến thức [của chúng sanh] trong địa ngục A Tỳ). Ở đây, [kinh này chỉ nói “*chư thức*”] là nói chung. Nếu xét theo một người, sẽ gọi tám thức thân là “*chư thức*”.

“*Khí tận*” (tắt hơi) thì chính là như thường nói: “*Phong trước, Hỏa sau, hồn thân rời đi*”. Thân hư nhược, xác lạnh ngắt, hình hài cứng đờ! Sách Tông Kính Lục có đoạn viết: “*Hỏi: Đến ngày các căn tan tác, hư hoại, lúc thức rời đi, bỏ tám thân cũ này, để thọ hình chất khác, cái thức đến đi có tướng trạng như thế nào? Đáp: Kinh Hiền Thức dạy: ‘Phật cáo Hiền Hộ: - Thức chi vận chuyển, thiên, diệt, vãng, lai, do như Phong Đại, vô sắc, vô hình, bất khả hiển hiện, nhi năng phát động vạn vật, thị chúng hình trạng’ (Đức Phật bảo ngài Hiền Hộ: - Sự vận chuyển, đổi dời, diệt mất, đến đi của Thức giống như Phong Đại, vô sắc, vô hình, chẳng thể hiển hiện, mà có thể phát động muôn vật. Đó là các hình dạng của nó)*”.

(*Kinh*) **Thị nhân mạng chung chi hậu, tức vương trọng tội, chí u Ngũ Vô Giác tội, vĩnh đắc giải thoát. Sở thọ sanh xứ, thường tri túc mạng.**

**(經)是人命終之後，宿殃重罪，至於五無間罪，永得解脫。所受生處，常知宿命。**

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Người ấy sau khi mạng chung, vĩnh viễn giải thoát túc ương, tội nặng, cho đến tội ngũ Vô Gián. Sinh ra ở nơi đâu, cũng đều thường biết túc mạng).

Từ “*thị nhân*” (người ấy) trở đi, nói rõ chuyển chương, thác sanh, vĩnh viễn giải thoát khỏi túc ương, trọng tội, tội ngũ Vô Gián, chính là để hiển thị phước bố thí thù thắng. Công đức Tam Bảo sâu dày, không chỉ [tội nhân] được thoát tội, thọ sanh, mà còn có thể thường biết Túc Mạng, tự nhiên biết rõ nhân quả, tội phước phân minh, từ chỗ sáng vào chỗ sáng, ắt đạt đến Phật quả!

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.2.1.2.2. Huống hiển lợi ích** (nêu rõ lợi ích của kẻ không có túc ương, trọng tội)

(**Kinh**) *Hà huống thiện nam tử, thiện nữ nhân, tự thư thử kinh, hoặc giáo nhân thư, hoặc tự tổ họa Bồ Tát hình tượng, nãi chí giáo nhân tổ họa, sở thọ quả báo, tất hoạch đại lợi.*

**(經)何況善男子，善女人，自書此經，或教人書。或自塑畫菩薩形像，乃至教人塑畫，所受果報，必獲大利。**

(**Kinh:** Huống chi thiện nam tử, thiện nữ nhân tự chép kinh này, hoặc dạy người khác chép, hoặc chính mình đắp, vẽ hình tượng Bồ Tát, cho đến dạy người khác đắp, vẽ, sẽ đạt được quả báo, ắt đạt được lợi ích to lớn).

“*Huống*” (況) là hãy thử suy xét, ý nói: Thay kẻ đó xả thí mà còn đạt được phước như thế. Suy ra tự làm, há có thể sánh được ư? Luận Trung Biên Phân Biệt nói tu hành trong Đại Thừa có mười điều, điều thứ nhất là biên chép. Kinh Niết Bàn dạy: “*Ư ác thế trung thư tả kinh quyển, diệc khuyến tha nhân linh đắc thư tả, cụ túc năng giải, tận kỳ nghĩa vị*” (Trong đời ác, biên chép kinh quyển, cũng khuyến người khác biên chép, sẽ có thể thấu hiểu đầy đủ trọn hết nghĩa vị [của kinh]).

“*Tổ họa hình tượng*” (đắp, vẽ hình tượng): Kinh Tạo Tượng dạy: “*Tác Phật, Bồ Tát hình tượng, kỳ phước vô lượng, vô cùng tận thời, bất khả xưng số. Như thị tứ thiên hạ giang, hà, hải thủy, thượng khả thăng lượng. Tác Phật hình tượng, kỳ phước thậm đa, đa tứ thiên hạ giang, hà, hải thủy quá xuất thập bội. Hậu thế sở sanh, thường hộ Phật đạo. Tác*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*Phật hình tượng, tử hậu bất phục nhập u địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chư ác đạo trung*” (Tạo hình tượng Phật, Bồ Tát, phước ấy vô lượng, chẳng có lúc cùng tận, chẳng thể tính kể số lượng. Như nước của sông cái, sông con, biển trong tứ thiên hạ này còn có thể đong lường được, chứ phước do tạo hình tượng Phật rất nhiều, nhiều hơn cả mười lần lượng nước nơi sông cái, sông con, biển cả trong tứ thiên hạ. Sanh vào đời sau, thường hộ trì Phật đạo. Tạo hình tượng Phật, sau khi chết chẳng còn vào trong các đường ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Vì thế, do quả báo đạt được, ắt có lợi ích to lớn!

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.1.3. Kết khuyến tu công đức** (tiểu kết, khuyên tu công đức)

*(Kinh) Thị cố, Phổ Quảng! Nhược kiến hữu nhân độc tụng thị kinh, nãi chí nhất niệm tán thán thị kinh, hoặc cung kính giả.*

**(經)是故普廣！若見有人讀誦是經，乃至一念讚歎是經，或恭敬者。**

*(Kinh: Do vậy này Phổ Quảng! Nếu thấy có người đọc tụng kinh này, cho đến một niệm tán thán, hoặc cung kính kinh này).*

Tiếp nối công đức trong phần trên, nên nói “*thị cố*” (do vậy). Trước kinh thì là “*độc*” (讀, đọc) vì chưa thuộc. Đọc thuộc thì gọi là Tụng (誦) do đã thông thuộc kinh văn. Căn có lợi, độn, thời có lâu, mau. “*Thị kinh*” (kinh này) tức là kinh Địa Tạng. Nói là “*thị*” thì “toàn thể đều là”, chẳng có hai! Tông này (tông Thiên Thai) dùng Lục Tức để hiển lộ Thị. Do toàn thể tâm là kinh, ngoài kinh chẳng có tâm, nên nói “*thị kinh*” (kinh này). “*Nhất niệm tán thán*”: Trong phần trên thì do một niệm gièm báng người cúng dường, còn mắc tội ương bao kiếp. Một niệm tán thán kinh này, ắt cảm phước trong nhiều đời. Người cung kính đọc tụng đạt được phước có cùng công năng với tán thán.

*(Kinh) Nhữ tu bách thiên phương tiện, khuyến thị đẳng nhân, cần tâm mạc thoái, năng đắc vị lai, hiện tại, thiên vạn ức bất khả tư nghị công đức.*

**(經)汝須百千方便，勸是等人，勤心莫退，能得未來現在，千萬億不可思議功德。**

*(Kinh: Ông hãy nên dùng trăm ngàn phương tiện, khuyên những người ấy dốc lòng siêng gắng, đừng lui sụt, sẽ có thể đạt được ngàn vạn ức công đức chẳng thể nghĩ bàn trong đời vị lai và hiện tại).*

Từ “*nhữ tu*” (ông hãy nên) trở đi, đức Phật khuyên răn ngài Phổ Quang hãy nên dùng trăm ngàn phương tiện để khuyên bảo những người đọc tụng, tán thán, cung kính ấy, như kinh Đại Phương Quang Tông Trì đã dạy: “*Phật diệt độ hậu, nhược hữu pháp sư thiện tùy nhạo dục, vị nhân thuyết pháp, năng linh Bồ Tát học Đại Thừa giả, cập chư đại chúng, hữu phát nhất mao hoan hỷ chi tâm, nãi chí tam hạ nhất trích lệ giả, đương tri giai thị Phật chi thần lực*” (Sau khi đức Phật diệt độ, nếu có pháp sư khéo thuận theo lòng vui thích, mong muốn để thuyết pháp cho người khác, có thể khiến cho Bồ Tát học Đại Thừa, và các đại chúng có tâm hoan hỷ chừng bằng mấy lông, thậm chí tam rơi một giọt lệ, hãy nên biết đây đều là do thần lực của đức Phật). Do điều này mà chúng biết: Người đọc, tụng, tán thán, cung kính, không gì chẳng phải là do thần lực của Phật, cho nên cần phải dùng phương tiện để khuyên lơn.

“*Cần tâm mạc thoái*” (tâm siêng gắng, đừng lui sụt): Như trong kinh Kiên Ý, đức Phật bảo ngài A Nan: “*Kỳ hữu hảo tâm thiện ý chi nhân, văn Phật minh pháp, nhất tâm nhi thính, năng nhất nhật khả, bất năng nhất nhật, bán nhật khả. Bất năng bán nhật, nhất thời khả, bất năng nhất thời, bán thời khả, bất năng bán thời, tu du khả, kỳ phước bất khả lượng, bất khả tư dã. Nhữ đương quảng vị chư tỳ-kheo tăng, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, bạch y nhân dân thuyết chi*” (Nếu có kẻ hảo tâm, thiện ý, nghe đức Phật thuyết pháp bèn nhất tâm lắng nghe, có thể trong vòng một ngày, hoặc chẳng thể một ngày thì nửa ngày cũng được. Nửa ngày chẳng được, một giờ cũng được. Một giờ chẳng thể thì nửa giờ cũng được. Nửa giờ chẳng được thì trong khoảnh khắc cũng được, phước ấy chẳng thể lường, chẳng thể ca ngợi được! Ông hãy nên rộng nói cho các vị tỳ-kheo tăng, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nhân dân tại gia [hay biết]). Tạm nghe mà còn như thế, huống là cung kính, tán thán, đọc tụng ư? Vì thế, khuyên lơn [chúng sanh] tâm phải siêng gắng, đừng lui sụt, sẽ có thể đạt được công đức chẳng thể nghĩ bàn trong vị lai và hiện tại.

- 3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.2. *Mộng寐 kiến quỷ* (mộng寐 thấy quỷ)  
3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.2.1. *Mộng kiến ác cảnh* (mộng thấy cảnh ác)  
3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.2.1.1. *Thị tướng* (chỉ bày tướng trạng)

*(Kinh) Phục thứ Phổ Quảng! Nhược vị lai thế chư chúng sanh đẳng, hoặc mộng, hoặc寐, kiến chư quỷ thần, nãi cập chư hình, hoặc bi, hoặc đê, hoặc sầu, hoặc thán, hoặc khủng, hoặc bố.*

**(經)復次普廣！若未來世諸眾生等，或夢或寐，見諸鬼神，乃及諸形，或悲或啼，或愁或歎，或恐或怖。**

*(Kinh: Lại này, Phổ Quảng! Nếu các chúng sanh trong đời vị lai, hoặc trong mộng, hoặc trong khi mơ màng, thấy các quỷ thần, cho đến các hình tướng buồn bã, hoặc khóc lóc, hoặc sầu muộn, hoặc than thở, hoặc hãi hùng, hoặc sợ sệt).*

Mộng trong đoạn này khác với mộng trong đoạn trước. Trong đoạn trước là do oán đối của chính mình, còn đoạn này là quyền thuộc xa xưa ngấm ngấm quán quít, đều là chiêm bao thật. Tôn Chân Nhân<sup>150</sup> nói: “Mộng đều là hồn nhờ vào mộng để tác động lên các vật. Do tâm thức [trong ban ngày] bị hạn cuộc nơi thân thể, chẳng thể lưu thông. Ban đêm, trong mộng thì hồn rỗng rang, tĩnh lặng, sẽ dùng những cảnh tượng tốt lành trong mộng để báo trước điều tốt lành, dùng những điều hung hiểm trong giấc mộng để báo trước chuyện xấu”. Vì thế, Đông Lai Lữ Thị<sup>151</sup> nói: “Thân có thể tiếp xúc thì là Sự, tinh thần gặp gỡ thì là

<sup>150</sup> Tôn Chân Nhân là Tôn Tư Mạo (541-682) là một đạo sĩ kiêm thầy thuốc trứ danh đời Đường, có mỹ hiệu là Dược Vương. Về sau, ông được Đạo giáo tôn làm thần chủ quản y dược với thánh hiệu là Thiên Y Diệu Ứng Quảng Viện Thiện Tế Chân Quân. Ông tinh thông học thuyết của Bách Gia Chư Tử, kiêm cả hai nhà Đạo và Phật. Các đời vua Châu Tuyên Đế, Châu Tĩnh Đế, Tùy Văn Đế, Đường Cao Tông đều dùng chức tước, tiền bạc khuyến dụ ông làm ngự y, nhưng ông đều uyển chuyển từ chối. Chỉ riêng Đường Thái Tông được ông làm ngự y một thời gian ngắn rồi cáo bệnh về ẩn cư.

<sup>151</sup> Đông Lai Lữ Thị là Lữ Tô Khiêm (1137-1181), tự là Bá Cung. Do họ Lữ là một danh gia vọng tộc ở quận Đông Lai (nay thuộc vùng Yên Đài và Oai Hải tỉnh Sơn Đông), nên ông thường được gọi là Đông Lai tiên sinh. Ông là một triết gia và giáo dục gia nổi tiếng đời Nam Tống, là cháu tám đời của danh thần Lữ Mộng Chánh. Tư tưởng của ông tạo nên học phái Lữ Học (còn gọi là Vụ Học vì quê ông ở Vụ Châu). Ông được coi là nhân vật đại biểu cho Kim Hoa học phái thời ấy.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*mộng*”. Nay do thân tiếp xúc, thần thức gặp gỡ, cho nên có những chuyện trong mộng. Sách Châu Lễ phân tích sáu loại mộng, phân tích mộng là cát hay hung: Thông thường, kinh ngạc, nghĩ nhớ, tỉnh giấc kể lại, vui sướng, và kinh hãi.

“*Mị*” (寐) là mê mệt, mắt nhắm, tinh thần âm tàng. Trang Tử nói: “*Mị là giao tiếp bằng hồn*” chính là nói về ý này. Thấy các quỷ thần, các quỷ thần ấy chính là thân thuộc nhiều đời, nương vào giấc mộng để hiện hình. Đây chính là mộng thuộc loại bình thường. “*Chư hình*” (các hình trạng): Nam, nữ, già, trẻ bất đồng, người hay quỷ diện mạo chẳng đồng nhất. “*Bi đê*” (悲啼, buồn bã, khóc lóc) thì thuộc loại mộng kinh ngạc và sợ hãi. Theo sách thuốc, do nương theo khí Âm, cho nên thấy quỷ thần. Khí nơi phổi mà thịnh sẽ mộng thấy khóc lóc, bay lên, vẫy vùng. Khí nơi tim mà thịnh, sẽ mộng thấy vui cười, hay hãi hùng, sợ sệt. Ở đây là do thân thuộc cơ cảm, chẳng do Âm, Dương, hư hay thực<sup>152</sup>. “*Buồn bã, khóc lóc, sâu thâm, than thở*” là nói đến tình trạng quỷ xin [người thân còn sống hãy] thương xót.

#### ***3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.2.1.2. Thích ý (giải thích ý nghĩa)***

***(Kinh) Thử giai thị nhất sanh, thập sanh, bách sanh, thiên sanh, quá khứ phụ mẫu, nam, nữ, đê, muội, phu thê, quyền thuộc, tại ư ác thú, vị đắc xuất ly.***

***(經)此皆是一生十生, 百生千生, 過去父母, 男女弟妹, 夫妻眷屬, 在於惡趣, 未得出離。***

---

<sup>152</sup> “*Hư thực*” là danh từ Trung Y dùng để phân loại bệnh tật. “*Âm Dương, hàn nhiệt, hư thực, biểu lý*” được gọi là “*trị bệnh bát tự*” (tám chữ để trị bệnh). Hư là chánh khí trong thân thể quá yếu, không đủ, còn Thực là tà khí quá nhiều, quá thịnh. Nói cách khác, khi các hoạt động sinh lý bình thường của mỗi bộ phận trong thân thể suy giảm, trực trặc thì gọi là hư chứng. Khi tà khí quá thịnh hoặc chánh khí không hiển lộ rõ rệt thì gọi là thực chứng. Biểu hiện thường thấy của hư chứng là sắc mặt xanh xao, trắng bệch, thân thể mỏi mệt, ủ rũ, đổ mồ hôi trộm, tay chân lạnh, vô lực, hơi thở ngắn, yếu ớt, phân lỏng, bí tiểu tiện, mạch yếu v.v... Thực chứng ho ra đàm, huyết đọng dưới da, nóng nảy, bứt rứt, bụng trướng, cầu kinh, thờ phì phò, đàm dãi quá nhiều, lưỡi đầy bọt v.v...

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Đầy đều là cha mẹ, con trai, con gái, em trai, em gái, chồng, vợ, quyến thuộc một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời trong quá khứ đang ở trong đường ác chưa được thoát khỏi).*

Do là quyến thuộc nhiều đời, nên hiện các thân hình. Do chưa được tiếp xúc lúc họ còn sống, làm sao có thể nghĩ đến họ cho được? Cha, mẹ, con trai, con gái như đã giải thích trong phần trước. “Đệ” (弟, em trai) là “đệ” (弟, thứ tự), [hàm nghĩa] do theo thứ tự mà [anh] ở trước em. “Muội” (妹, em gái) là “muội” (昧, tối tăm), ví như mặt trời vừa mới mọc, mới mọc được một chốc, vẫn còn tối tăm [tức là em gái còn non nớt so với anh, chị]. “Phu thê” (chồng vợ) hàm nghĩa “sánh đôi”. [Dân chúng bình phàm là] những người có địa vị kém hơn kẻ sĩ (người có quan chức, có học thức) thì được gọi là Thê, Thê (妻) có nghĩa là Tề (齊, mấp mé, ngang bằng). Phàm là kẻ thấp kém, chẳng đáng để tôn xưng bèn nói là “tề đẳng” (kẻ ngang hàng). Họ (những thân quyến nhiều đời ấy) ở trong các đường ác hoặc trầm luân nơi địa phủ, hoặc đọa làm quỷ đã lâu ngày, thiếu người giúp đỡ thoát khỏi.

*(Kinh) Vô xứ hy vọng phước lực cứu bạt, đương cáo túc thể cốt nhục, sử tác phương tiện, nguyện ly ác đạo.*

**(經)無處希望福力救拔，當告宿世骨肉，使作方便，願離惡道。**

*(Kinh: Không có chỗ để mong mỏi phước lực cứu bạt, bèn nói với người ruột thịt trong những đời trước để mong họ tạo phương tiện hòng thoát khỏi đường ác).*

Đã không có chỗ để mong mỏi phước lực cứu vớt, bèn nói với người thân trong nhiều đời xa xưa. Những quỷ thần ấy đã nghĩ nát nước mà không có cách nào, đang ở trong cảnh khổ mong cầu cứu, [nên đành phải nói với người thân nhiều đời]. Vì thế biết: Vì cha mẹ v.v... trong quá khứ làm phước, sẽ như cấp lương cho người từ xa đến. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ dạy: “Nhược vị vong nhân tu phước, hành bố thí, sanh quý đạo giả, quý dung đắc phước. Dĩ quý tri hối, tiền thân xan tham, cố vị thí thời, bỉ tác hoan hỷ. Nhược sanh dư đạo, đa vô đắc lực” (Nếu vì người đã mất tu phước, làm chuyện bố thí, thì nếu người [đã mất] sanh

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

vào quỹ đạo, sẽ được hưởng phước. Do quý biết hồi hận đời trước đã trót keo, tham, cho nên khi được bố thí, họ sẽ hoan hỷ. Nếu [người đã mất] sanh trong các đường khác thì phần nhiều chẳng đắc lực). Nay những người ấy mong [người thân còn sống] tạo phương tiện để họ được lìa khỏi ác đạo thì sợ rằng họ thuộc loại ngạ quỷ đầy chằng?

#### **3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.2.2.2. Sắc khiến đọc kinh (truyền dạy hãy đọc kinh)**

**(Kinh) Phổ Quảng! Nhữ dĩ thần lực, khiến thị quyến thuộc, linh đối chư Phật, Bồ Tát tượng tiền, chí tâm tự đọc thử kinh, hoặc thỉnh nhân đọc. Kỳ số tam biến, hoặc thất biến.**

**(經)普廣！汝以神力，遣是眷屬，令對諸佛菩薩像前，志心自讀此經，或請人讀。其數三徧，或七徧。**

**(Kinh:)** *Này Phổ Quảng! Ông dùng thần lực khiến cho những quyến thuộc ấy đối trước tượng của chư Phật, Bồ Tát, chí tâm tự đọc kinh này, hoặc thỉnh người khác đọc. Số đến ba lần hoặc bảy lần).*

Vì sao [đức Phật] lại bảo ngài Phổ Quảng dùng thần lực khiến cho quyến thuộc đọc kinh? Do kẻ ngu trong thế gian ít người biết ơn. Lục thân đang sống sờ sờ, họ còn chẳng hề đoái hoài, hưởng hồ người thân đã cách mấy đời! Dầu có người nghĩ tưởng, do chưa biết mặt, dầu [người đã khuất] hiện hình trong mộng寐, họ vẫn chẳng nghĩ tới. Vì thế, ngài Phổ Quảng dùng thần lực ngấm ngấm giúp đỡ, khiến cho họ mau chóng nghĩ nhớ, khiến cho họ cung kính đối trước tượng Phật, Bồ Tát, hoặc tự đọc kinh, hoặc thỉnh người khác đọc.

Vì sao tụng kinh này tới ba lượt hay bảy lượt? Do chúng đều là những con số Dương [trong Dịch học]. “Ba” là con số của thiên, địa, nhân. Từ một mà lại gấp bội lên thì Tam Tài được trọn đủ. Một thành hai là Dương sanh Âm; hai sanh ra ba là Âm và Dương hòa hợp. Ba sanh ra vạn vật, sanh sôi vô cùng. Bảy là con số thuộc về Thiếu Dương. Đây cũng là biến thể của hai và ba, hai thêm năm thành bảy, [bảy] cộng thêm hai thành chín, tức là Lão Dương. Chuyển ngục quỷ nơi âm ty sanh vào dương thế thuộc cõi trời. Vì thế, chỉ lấy con số ba và bảy, chẳng nêu ra con số sáu và tám, bởi số âm khuyết hãm, chẳng phải là đạo siêu thoát lên cõi sáng.



**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.2.3. Tôn vong đắc ích** (kẻ còn lần người mất được lợi ích)

*(Kinh) Như thị ác đạo quyền thuộc, kinh thanh tất thị biến số, đương đắc giải thoát, nãi chí mộng寐 chi trung, vĩnh bất phục kiến.*

**(經)如是惡道眷屬，經聲畢是徧數，當得解脫，乃至夢寐之中，永不復見。**

*(Kinh: Khi tiếng tụng kinh trọn đủ số ấy thì các quyền thuộc trong ác đạo như thế sẽ được giải thoát, thậm chí trong khi mộng寐, sẽ vĩnh viễn chẳng thấy họ nữa).*

“Giải thoát” là lìa khỏi ác đạo; hoặc sanh lên cõi trời, hoặc tiến nhập tam thừa thánh đạo. Người thân đã mất được siêu thăng, sẽ chẳng còn hiện hình trong mộng寐 nữa.

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.3. Hạ tiện cầu hối** (kẻ hèn hạ cầu sám hối)

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.3.1. Tiêu năng sám nhân** (nêu ra người có thể sám hối)

*(Kinh) Phục thứ Phổ Quang! Nhược vị lai thế, hữu chư hạ tiện đẵng nhân, hoặc nô, hoặc tỳ, nãi chí chư bất tự do chi nhân, giác tri túc nghiệp, yếu sám hối giả.*

**(經)復次普廣！若未來世，有諸下賤等人，或奴或婢，乃至諸不自由之人，覺知宿業，要懺悔者。**

*(Kinh: Lại này Phổ Quang! Nếu trong đời vị lai có những kẻ hạ tiện, hoặc là tớ trai, hoặc là tớ gái, cho đến những kẻ chẳng được tự do, nhận biết là do nghiệp đời trước, cần phải sám hối).*

“Hạ tiện”: Theo kinh Biện Ý, có năm sự [khiến cho một người] thường sanh làm kẻ ty tiện (kém hèn), làm nô tỳ cho kẻ khác:

- Một là kiêu mạn, chẳng kính trọng cha mẹ.
- Hai là ương ngạnh, chẳng có tâm cần trọng.
- Ba là buông lung, chẳng lễ kính Tam Bảo.
- Bốn là sống bằng nghề trộm cắp.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

- Năm là mắc nợ mà trốn tránh, chẳng đền trả.

Nhưng hạ tiện là nói tương phản với tôn quý, nô tỳ là nói tương phản những người thuộc thế gia vọng tộc, mỗi nơi đều có sự khác biệt. Nếu nói theo bốn phương, châu Bắc Uất Đan Việt không có kẻ nào được coi là tội tở, cho nên chẳng có sang, hèn. Ba châu kia mới có sang, hèn, do có vua, quan, dân chúng khác biệt. Do có thế gia vọng tộc và tội tở sai khác, cho nên mới có các loại sang, hèn khác nhau. Nói gộp chung về sang hèn thì có sáu bậc:

- Một là tôn quý nhất trong những kẻ tôn quý, như Luân Vương v.v...

- Hai là loại kém hơn trong những bậc tôn quý, tức là các vị Túc Tán Vương.

- Ba là bậc hạ trong những người tôn quý, tức bá quan.

- Bốn là kẻ hèn kém nhất trong những kẻ hèn kém, tức nô tỳ, tội tở sai vật...

- Năm là những kẻ đỡ hèn kém hơn, tức kẻ hầu thân cận, nông nô...

- Sáu là những kẻ đỡ hèn kém nhất, tức bọn vợ lẽ, hầu thiếp v.v...

Nói gộp chung thô lược như thế, chứ tách ra cận kề, sẽ chẳng thể cùng tận. “*Những kẻ chẳng được tự do*” tức là những kẻ chẳng thuộc vào hàng nô tỳ hèn kém, tức là bọn sai dịch nơi công môn, nha lại v.v... Hằng tháng được trả lương để hằng ngày có cái mà sống, nghe lệnh đòi bèn đến, phải biết đón ý chủ nhân, nghe theo lệnh sai khiến mà làm, tuân theo oai thế của chủ nhân, thân chẳng được tự tại, chẳng phải là bậc trượng phu.

“*Túc nghiệp*”: Đức Phật bảo vua Ba Tư Nặc: “*Phàm nhân xử thế, tôn ty quý tiện, bản phú khổ lạc, giai do túc hạnh nhi trí tư quả. Nhược thế chi ngu ngoan vô giác tri giả, ức khởi cam chi, thả vị đắc chi. Nhược sảo hiệt huệ, hữu giác tri giả, khởi duy ai chi, thành dục thoát chi. Nhược dục ly thoát, tất tu sám-ma địch đặng, hối quá khiên vu*” (Phàm là người sống trong cõi đời, sang cả, thấp hèn, giàu, nghèo, khổ, vui, đều do những hành vi đời trước dẫn đến cái quả ấy. Nếu là kẻ ngu độn, ương nướng, chẳng hiểu biết trong cõi đời, có lẽ sẽ cam chịu, lại còn cho đó là chuyện đương nhiên. Nếu là có đầu óc đôi chút, có hiểu biết, há chẳng buồn sao, thật sự mong thoát khỏi. Nếu muốn thoát lìa, ắt cần phải sám hối để gột sạch, hối hận tội lỗi và oan trái trong quá khứ). Kinh Kim Quang Minh nói: “*Hệ thuộc ư tha, thường hữu bố úy, bất đắc tự tại, nhi tạo chư ác, cố tu hành sám hối dã*” (Phụ thuộc vào người khác, sẽ

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

thường bị lo sợ, chẳng được tự tại, do tạo các ác, cho nên phải tu hành sám hối). Chữ Sám-ma (Kṣama) trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Hối Quá (悔過, hối lỗi). [Nói “sám hối”] là dùng cả tiếng Phạn lẫn tiếng Hán ghép lại. Sách Phụ Hành viết: “Sám hối chỉ là [sửa đổi sao cho] ba nghiệp tốt lành”.

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.2.3.2. Thích sở hồi pháp (giảng về phương pháp sám hối)**

*(Kinh) Chí tâm chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, nãi chí nhất thất nhật trung, niệm Bồ Tát danh, khả mãn vạn biến.*

**(經)志心瞻禮地藏菩薩形像，乃至一七日中，念菩薩名，可滿萬徧。**

*(Kinh: Chí tâm chiêm ngưỡng, lễ bái hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, cho đến trong vòng bảy ngày có thể niệm danh hiệu Bồ Tát trọn một vạn lần).*

“Bảy ngày”: Con số cùng tột trong thế gian là bảy. Nếu niệm một ngày chưa cảm ứng thì niệm suốt bảy ngày, ắt sở cầu sẽ được toại nguyện. Vì thế, kinh Thập Luân dạy: “Nhất nhật xưng Địa Tạng, công đức đại danh văn, thắng câu-chi kiếp trung, xưng dư trí giả đức, năng giải chư chúng sanh, nhất thiết phiền não phược” (Xưng niệm đức Địa Tạng một ngày thì công đức sẽ lừng lẫy, hơn công đức xưng niệm những bậc trí khác trong câu-chi kiếp; [công đức ấy] có thể tháo gỡ hết thảy những phiền não trói buộc chúng sanh). Vì thế, cần phải xưng niệm danh hiệu của Ngài đủ một vạn lần, biểu thị “trừ khử muôn điều ác, tu tập muôn điều thiện”.

**3.2.3.1.1.2.2.1.3.1.1.2.3.3. Kết chuyển báo ích (tiểu kết phần lợi ích chuyển đổi quả báo)**

*(Kinh) Như thị đẳng nhân, tận thử báo hậu, thiên vạn sanh trung, thường sanh tôn quý, cánh bất kinh tam ác đạo khổ.*

**(經)如是等人，盡此報後，千萬生中，常生尊貴，更不經三惡道苦。**

## **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Những người như thế sau khi hết báo thân này, trong ngàn vạn đời, thường sanh làm người tôn quý, trọn chẳng chịu nổi khổ trong ba đường ác nữa).*

Điều này hiển thị sức đại oai thần của đức Địa Tạng. Như đức Phật bảo ngài Biện Ý: “*Hữu ngũ sự đắc vi tôn quý, chúng nhân sở kính. Nhất, thí huệ phổ quảng. Nhị, lễ kính Tam Bảo cập chúng trưởng giả. Tam, nhẫn nhục, vô hữu sân khuể. Tứ, nhu hòa khiêm hạ. Ngũ, bác văn kinh giới*” (Có năm sự khiến cho [người nào vâng làm theo], sẽ được tôn quý, mọi người kính trọng: Một là bố thí rộng rãi. Hai là lễ kính Tam Bảo và các vị trưởng thượng. Ba là nhẫn nhục, chẳng nóng giận. Bốn là nhu hòa, khiêm tốn, nhún nhường. Năm là rộng nghe kinh giới). Nay bảy ngày xưng danh, há chỉ là tôn quý trong ngàn vạn đời, mà còn chẳng trải qua ác đạo, tức là Phật quả ắt sẽ đạt được!

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.4. Tân sản hoạch phước** (người mới sanh nở được phước)

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.4.1. Cử chủng loại tân sản** (nêu ra các loại người mới sanh nở)

*(Kinh) Phục thứ Phổ Quảng! Nhược vị lai thế trung, Diêm Phù Đề nội, Sát-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, nhất thiết nhân đẳng, cập dị tánh chủng tộc, hữu tân sản giả, hoặc nam, hoặc nữ.*

**(經)復次普廣! 若未來世中, 閻浮提內, 刹利, 婆羅門, 長者, 居士, 一切人等, 及異姓種族, 有新產者, 或男或女。**

*(Kinh: Lại này, Phổ Quảng! Nếu trong đời vị lai, trong Diêm Phù Đề, Sát-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, hết thấy mọi người, và những chủng tộc khác, có người mới sanh nở, dù sanh con trai, hay sanh con gái).*

Chỉ nói về Nam Châu vì Bắc Châu sanh con dưới gốc cây<sup>153</sup>, cũng chẳng trần trụi, dơ bẩn, khổ não! Hai châu Đông và Tây dục sự đã ít,

---

<sup>153</sup> Trong A Di Đà Kinh Sớ Sao, tổ Liên Trì có nói: Ở Bắc Câu Lô Châu (Uất Đan Việt), mẹ thọ thai xong bèn sanh con dưới gốc cây. Sanh xong, bỏ đi không nhìn tới nữa. Người qua đường giơ ngón tay liền phun ra sữa nuôi cho đứa trẻ lớn lên.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

sinh nở đương nhiên cũng ít. Chỉ có nữ nhân ở Nam Châu sinh nở nhiều, chịu khổ nhiều, do hết thấy chúng sanh, khi mẹ sắp sanh con, toàn thân đau đớn, hứng chịu khổ não to lớn. Thoạt đứng, thoạt ngồi, chẳng thể tự yên. Vì thế, đặc biệt nói về người trong Diêm Phù Đề. “*Sát-lợi v.v...*”: Người tuy sang hèn chẳng bình đẳng, nhưng lúc sanh ra thì thiện, ác ai biết? Ba mươi tám thất trọn đủ (tròn đủ chín tháng mười ngày hoài thai), ắt phải chuyển dạ sanh trai hay gái. Đây là do túc nghiệp nhân duyên, thuận theo sự biến hóa của Âm Dương. Vì thế, trong Bát Quái của Châu Dịch, Càn thuộc Dương là cha, Khôn thuộc Âm là mẹ, sanh ba trai là Chấn, Khảm, Cấn, ba gái là Tốn, Ly, Đoài, hóa sanh vạn vật. Theo kinh Tăng Nhất A Hàm, nếu là con gái, thai nhi sẽ ở bên hông trái của mẹ, nương vào xương sống, hướng đầu về phía bụng mà trụ. Nếu là con trai, sẽ ở bên hông phải của mẹ, nương vào bụng, hướng đầu về xương sống mà trụ. Do vậy biết là trai hay gái cũng đều do ái mà sanh, do dâm dục mà có tánh mạng.

***3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.4.2. Thị kinh danh lợi ích*** (chỉ bày lợi ích của kinh này và danh hiệu của đức Địa Tạng)

***3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.4.2.1. Tụng kinh, niệm danh*** (tụng kinh này, niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát)

***(Kinh) Thất nhật chi trung, tảo dữ độc tụng thử bất tư nghị kinh điển, cánh vị niệm Bồ Tát danh, khả mãn vạn biến.***

***(經)七日之中，早與讀誦此不思議經典，更為念菩薩名，可滿萬徧。***

***(Kinh: Trong vòng bảy ngày, hãy sớm đọc tụng kinh điển chẳng thể nghĩ bàn này và có thể niệm danh hiệu Bồ Tát cho người ấy đủ số một vạn lần).***

Vì sao hãy nên sớm đọc kinh và xưng danh hiệu? Theo kinh Hộ Chư Đồng Tử Chú, lúc đức Như Lai mới thành Chánh Giác, có một Đại Phạm Thiên Vương đến chỗ đức Phật, làm lễ, nói kệ rằng: “*Hữu Dạ Xoa, La Sát, thường hỷ đạ nhân thai, năng linh nhân vô tử, thương hại u bào thai. Nam nữ giao hội thời, sử kỳ ý mê loạn, hoài nhâm bất thành tựu, cập sanh thời đoạt thai, giai thị chư ác quỷ, vị kỳ tác nhiều hại. Ngã kim thuyết bỉ danh, nguyện Phật thính ngã thuyết. Đệ nhất danh Di Thù*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*Ca, nữ chí đệ thập ngũ danh Lam Bà. Thứ thập ngũ quý thân, thường du hành thế gian, vị anh hài, tiểu nhi, tác u khủng bố, cập thuyết khủng bố hình tướng”* (Có Dạ Xoa, La Sát thường thích ăn thai người, khiến cho người ta không có con, gây tổn hại cho bào thai. Khi trai gái giao hợp, chúng nó khiến cho tâm ý họ mê loạn, chẳng đậu thai được, và đến lúc sanh nở bèn đoạt thai, đều là do các ác quỷ ấy gây hại. Con nay nói tên chúng nó, thứ nhất tên là Di Thù Ca (Mañjuka), cho đến quý thứ mười lăm tên là Lam Bà (Ālambā). Mười lăm quý thân ấy<sup>154</sup> thường du hành trong thế gian, gây kinh hoảng, hãi hùng cho con thơ, trẻ nhỏ, và nói hình tướng kinh khiếp của chúng). Nay vì đã sớm đọc kinh Bản Nguyên và niệm danh hiệu đức Địa Tạng, khiến cho các vị thiện thần ủng hộ, bảo vệ môn hộ, ác quỷ tự trốn xa!

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.4.2.2. Thoát ương, tăng thọ** (thoát họa hại, tăng tuổi thọ)

*(Kinh) Thị tân sanh tử, hoặc nam, hoặc nữ, túc hữu ương báo, tiện đắc giải thoát, an lạc, dị dưỡng, thọ mạng tăng trưởng.*

**(經)是新生子, 或男或女, 宿有殃報, 便得解脫, 安樂易養, 壽命增長。**

*(Kinh: Đứa trẻ mới sanh đó dù trai hay gái, nếu đời trước có ương báo liền được giải thoát, yên vui, dễ nuôi, thọ mạng tăng thêm).*

Đoạn này chia làm hai tiểu đoạn. Thứ nhất là chuyên biên túc báo. “*Túc ương báo*”: Luận Du Già Sư Địa nói: “*Lại nữa, ở trong thai tạng (bào thai), hoặc là do nghiệp lực từ trước, hoặc do mẹ chẳng tránh khỏi sức bất bình đẳng mà sanh ra loại gió tùy thuận, khiến cho nơi thai tạng, hoặc tóc, hoặc lông, hoặc da, và các chi thể khác sanh ra biến đổi khác lạ*”. Nay đã tụng kinh, xưng danh, sẽ khiến cho đứa bé dù trai hay gái mới sanh đều thoát khỏi trọn hết quả báo do túc ương. “*Yên vui, dễ*

---

<sup>154</sup> Mười lăm quý thân nã loạn trẻ con thường du hành trong thế gian theo kinh Thủ Hộ Chư Đồng Tử và kinh Thủ Hộ Đại Thiên Quốc Độ là: Di Thù Ca (Mañjuka), Di Ca Vương (Mrgarāja), Khiên Đà (Skanda), A Ba Tát Ma La (Apasmāra), Mâu Trí Ca (Mustikā), Ma Trí Ca (Mātrikā), Diêm Di Ca (Jāmikā), Ca Di Ni (Kāminī), Lê Bà Đê (Revatī), Phú Đa Na (Pūtana), Mạn Đa Nan Đề (Mātrnāndā), Xá Cứu Ni (Śakunī), Càn Trá Bà Ni (Kanthapaninī), Mục Khư Mạn Trà (Mukhamanditikā), và Lam Bà (Ālambā).

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*nuôi*”: Khi thai tạng đã hình thành tốt cùng viên mãn, người mẹ không chịu nổi cái thai nặng nề ấy, vào ngày thứ tư, Nội Phong liền phát khởi, sanh ra đại khổ não. Thai tạng ấy lại do Phần Phong phát sanh từ nghiệp báo khiến cho đầu [thai nhi] chúc xuống dưới, chân hướng lên trên, nhau thai quấn cuộn, hướng đến sản môn. Đúng lúc lọt lòng, nhau thai bèn nứt tách ra, bám vào hai bên nách [đứa bé]. Khi ra khỏi sản môn thì gọi là Chánh Sanh Vị. Sanh xong thì gọi là Xúc, nghĩa là mắt tiếp xúc [cảnh vật bên ngoài] v.v... Nhưng khi sanh có nhiều loại khác nhau, hoặc là sanh thuận, hoặc là đẻ ngược. Thậm chí có đứa một chân ra trước, được gọi là “*đạp liên sanh*” (sanh ra theo kiểu đạp hoa sen). Nếu ruột của mẹ cũng lọt theo ra thì gọi là “*bàn tràng sanh*” (quấn ruột mà sanh). Trường hợp này hiểm ác nhất, mạng trong khoảnh khắc. Nay đã tụng kinh, niệm danh, ắt bình yên, vui sướng, sanh nở, nuôi nấng rất dễ dàng.

“*Thọ mạng tăng trưởng*”: [Trong Phật Thuyết Hộ Chư Đồng Tử Đà La Ni Kinh], Đại Phạm lại bạch với đức Phật: “*Thử chư nữ đẳng, dục cầu tử tức bảo mạng trường thọ giả, thường đương hệ niệm tu hành thiện pháp. Ư nguyệt bát nhật, thập ngũ nhật, thọ trì bát giới, thanh tịnh tẩy mộc, tụng ngã sở thuyết đà-la-ni chú giả, sở sanh đồng tử an ổn vô hoạn, tận kỳ hình, thọ mạng bất trung yếu*” (Những người nữ ấy muốn cầu cho con cái giữ yên tánh mạng, sống lâu, hãy nên thường hệ niệm, tu hành thiện pháp. Trong ngày mùng Tám và ngày Rằm mỗi tháng, thọ trì tám giới, tắm gội thanh tịnh, tụng chú đà-la-ni do con đã nói thì đứa trẻ được sanh ra ấy sẽ an ổn, không hoạn nạn, cho đến hết đời chẳng bị chết yếu). Nay đã tụng kinh, xưng danh, sẽ không bị ác quỷ nào hại, cho nên thọ mạng tăng trưởng.

***(Kinh) Nhược thị thừa phước sanh giả, chuyển tăng an lạc, cập dĩ thọ mạng.***

***(經)若是承福生者，轉增安樂，及與壽命。***

***(Kinh: Nếu là đứa trẻ nương theo phước mà sanh, sẽ tăng thêm an lạc và thọ mạng).***

Từ chữ “*nhược thị*” (nếu là) trở đi, ý nói: Tăng phước trong hiện tại. “*Thừa phước sanh*” (nương theo phước mà sanh): Kinh Tu Hành Đạo Địa nói: “*Nhân hạnh bất thuận, hoặc thiện, hoặc ác, chí tam thập bát thất nhật, tại mẫu phúc trung, tùy kỳ bốn hạnh, tự nhiên phong khởi, tức hành thiện giả, tiện hữu hương phong, khả kỳ thân ý, nhu nhuyễn vô*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*hà, chánh kỳ cốt tiết, linh kỳ đoan chánh, mạc bất ái kính. Hựu mẫu phúc phong khởi, hoặc thương, hoặc hạ, chuyển kỳ nhi thân, nhi linh đảo huyền, đầu hướng sản môn. Kỳ hữu phước giả, thời tâm niệm ngôn, ngã đầu dục trì, thủy trung du hý, như đọa cao sàng, hoa, hương chi xứ dã. Ác giả, phản thị”* (Do hạnh của mỗi người khác nhau, hoặc thiện, hoặc ác, cho đến ba mươi tám thát (chín tháng mười ngày), ở trong bụng mẹ, tùy theo hạnh của chính mình, tự nhiên gió nổi lên, kể xưa kia đã làm lạnh bèn có gió thơm, sượng thân vừa ý, mềm mại, không khuyết điểm, khiến cho các đốt xương ngay ngắn, khiến cho [thân thể] đoan chánh, không ai chẳng yêu mến. Trong bụng mẹ, gió lại nổi lên, hoặc phía trên, hoặc phía dưới, xoay chuyển thân thai nhi, khiến cho nó chúc đầu xuống, đầu hướng đến sản môn. Kể có phước thì khi ấy, tâm sẽ nghĩ rằng: “Ta gieo mình vào ao tắm, vui chơi trong nước, như té vào giường cao, vào chỗ hương, hoa”. Kể ác thì trái lại). Nay lại sớm vì đứa trẻ ấy tụng kinh, xưng danh, nó lại nương vào phước xưa kia mà sanh, cho nên đương nhiên phải an vui, tăng thêm an lạc. Thọ mạng đương nhiên phải tăng thêm nhiều!

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.5. Trai tụng cảm báo** (ngày thập trai tụng kinh cảm báo)

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.5.1. Tiêu trai nhật ý** (nói về ý nghĩa của các ngày trai)

*(Kinh) Phục thứ Phổ Quảng! Nhược vị lai thế chúng sanh, u nguyệt nhất nhật, bát nhật, thập tứ nhật, thập ngũ nhật, thập bát nhật, nhị thập tam, nhị thập tứ, nhị thập bát, nhị thập cửu, nãi chí tam thập nhật.*

**(經)復次普廣! 若未來世眾生, 於月一日, 八日, 十四日, 十五日, 十八日, 二十三, 二十四, 二十八, 二十九日, 乃至三十日。**

*(Kinh: Lại này Phổ Quảng! Nếu chúng sanh trong đời vị lai, mỗi tháng vào ngày mồng Một, mồng Tám, Mười Bốn, Rằm, Mười Tám, Hai Mươi Ba, Hai Mươi Bốn, Hai Mươi Tám, Hai Mươi Chín, cho đến ngày Ba Mươi).*

Trì trai trong cõi đời có ba loại: Trường trai (ăn chay trường), ăn chay mỗi tháng sáu ngày, và mười ngày khác nhau. Nay trước hết ăn



***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

định số ngày trai [trong mỗi tháng]. Theo kinh Văn Thù Bồ Tát Thiện Ác Tú Diệu, vào ngày mùng Một mỗi tháng, tiếng Phạn là Bát Xà Đê Hạ (Hán dịch là Phạm Vương), là ngày Kiến Danh, hãy nên làm chuyện thuộc về thiện nghiệp, khắc khổ tu hành, bố thí v.v... thì sẽ tốt lành. Ngày mùng Tám và Hai Mươi Ba, là ngày Lục Chiến, thiện thần Bà Sa giáng hạ, hãy nên tận lực tu tập. Ngày Mười Bốn và ngày Hai Mươi Chín là ngày Dũng Mãnh, thần Dược Sô giáng hạ. Ngày Hai Mươi Bốn là ngày Hung Mãnh, thần Rô Đạt Ra Ni (Rudrani) giáng hạ. Ngày Hai Mươi Tám là ngày Tội Thặng, thần Bát Chiết Đê (tiếng Hán là thần thiên ma) giáng hạ. Ngày Rằm và Ba Mươi là ngày Cát Tướng (tướng trạng tốt đẹp), thần Tát Đa Lô (Hán dịch là Hồn Linh Thần) giáng hạ. Hãy nên cúng tế người đã khuất và bố thí, cúng dường cha mẹ, bậc đáng tôn kính, chư thiên, giữ gìn trai giới, thí thực, và cúng bái các thứ thì sẽ tốt lành. Do vậy, lấy mười ngày ấy làm trai nhật.

Nhưng hai chữ “*nãi chí*” (cho đến) từ xưa đến nay đều giảng là từ ngữ hàm ý giản lược. Nay số ngày đã đến hai mươi chín rồi, mà lại còn nói lược qua đến ngày ba mươi, [nếu cho rằng] là vị pháp sư dịch kinh hành văn không suông sẻ cho lắm thì chẳng đúng, [viết như vậy] hàm súc ý nghĩa sâu xa mà không ai biết! Tôi suy xét chữ Nãi (乃), thấy cổ nhân giải thích chữ Nãi có nghĩa là “*khó khăn*”, nhưng dùng theo ý nghĩa của chữ Nan trong từ ngữ “*nan tâm*” (trong tâm ngại khó) thì khác hẳn. Vì thế, [chữ Nãi viết theo lối cổ] hình dung ngữ điệu do dự, diễn tả ý “*đã khó khăn lại càng khó khăn hơn*”. Do vậy, [vị pháp sư dịch kinh] dùng chữ Nãi ở đây với dụng ý dạy người nghe: Nay nói từ ngày mùng Một đến ngày Ba Mươi, mười ngày chẳng gián đoạn như thế, tội bậc khó, hết sức khó! Nếu chẳng chấp nhận cách hiểu này, hai chữ [Nãi Chí] ấy làm sao có thể giải thích cho suông sẻ được?

***(Kinh) Thị chư nhật đẳng, chư tội kết tập, định kỳ khinh trọng.***

**(經)是諸日等，諸罪結集，定其輕重。**

*(Kinh: Trong những ngày ấy, các tội kết tập, phán định nặng, nhẹ).*

Ba câu kể từ “*thị chư*” (trong những ngày ấy) trở đi, giải thích ý nghĩa của những ngày ấy. Theo sách Phật Tổ Thông Kỳ, trích dẫn kinh Đề Vị dạy về ba tháng ăn chay trường. Đức Phật bảo trưởng giả Đề Vị rằng: “*Tứ thời giao đại, tuế chung tam phúc dĩ giáo, nhất nguyệt lục tấu,*

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*chư thiên, Đế Thích, thái tử, sứ giả, Diêm La quỷ thần, câu tụng chánh nguyệt, ngũ nguyệt, cửu nguyệt đán nhật, án hành vương, dân, long, quý, điều, thú, vi thiên ác giả, dữ tứ vương nhất nguyệt lục tấu, sử vô uổng thác, phúc giáo chúng sanh tội phước đa thiếu. Phước đa giả, sắc tư mạng hạ Diêm La ngũ quan trừ tội, tăng lộc*” (Bốn mùa đắp đổi, cuối năm có ba lượt phúc thăm, so sánh. Cứ mỗi tháng, [tứ thiên vương] tấu trình sáu lượt. Chư thiên, Đế Thích, thái tử, sứ giả, Diêm La, quỷ thần đều dùng ngày mồng Một của tháng Giêng, tháng Năm, và tháng Chín để tra xét chuyện thiện ác của vua, dân, rồng, quý, chim, thú [trong thế gian], so sánh với lời tâu sáu lần mỗi tháng của tứ thiên vương để [xét xử] không bị oan uổng, sai lạc, phúc thăm tội phước của chúng sanh nhiều hay ít. Đối với người nhiều phước, liền sắc truyền năm vị quan Diêm La dưới quyền vị đặc trách đề trừ tội hay tăng lộc cho kẻ đó). Vì thế, dạy hãy giữ ba tháng trường trai ấy.

[Sách ấy] lại dẫn kinh Tứ Thiên Vương để giảng về sáu ngày trai: “*Đế Thích sắc tứ vương, các trị nhất phương, bạch nguyệt bát nhật, khiến sứ giả án sát chúng sanh thiện ác. Thập Tứ nhật, khiến thái tử. Thập ngũ nhật, vương thân lâm. Hắc nguyệt tam nhật, diệt như thị. Nhược vương thân hạ, tinh tú, quý thần câu thời tùy tùng. Như ngô tu hành, trai giới, chư thiên tương khánh, tức vi chú lộc, tăng toán*” (Đế Thích sắc truyền bốn vị thiên vương, mỗi vị cai quản một phương. Vào ngày mồng Tám của bạch nguyệt<sup>155</sup>, sai sứ giả tra xét thiện ác của chúng sanh. Ngày Mười Bốn, sai thái tử [làm việc ấy]. Ngày Rằm, thiên vương đích thân làm. Ba ngày (Hai Mươi Ba, Hai Mươi Chín, Ba Mươi) trong hắc nguyệt cũng như vậy. Nếu thiên vương đích thân giáng hạ, tinh tú, quý thần đều cùng đi theo. Nếu gặp người tu hành, trai giới, chư thiên vui mừng, tăng lộc, tăng thọ cho người ấy).

Lại dẫn kinh Thập Trai để nói về mười ngày trai: “*Mỗi nguyệt thập trai nhật, trì Phật, Bồ Tát hiệu, khát phước, diệt tội*” (Mỗi tháng mười ngày trai, trì danh hiệu Phật, Bồ Tát, cầu phước, diệt tội) (đối với sáu ngày trai [như vừa nêu trên đây], thêm vào bốn ngày trong tháng nữa, như trong kinh Địa Tạng nói). Nay theo phép nước, hạ lệnh cho các

---

<sup>155</sup> Bạch Nguyệt (Śuklapakṣa) là cách tính lịch của Ấn Độ, từ ngày mồng Một (trăng non) cho đến ngày Rằm trăng tròn gọi là Bạch Nguyệt. Từ ngày Mười Sáu trở đi cho đến ngày cuối tháng (không có trăng) gọi là Hắc Nguyệt (Kṛṣṇapakṣa).

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

châu trong Thập Trục Nhật<sup>156</sup>, không được hành hình chính là vì ý nghĩa này.

Kinh Tịnh Độ Tam Muội lại nói: Trong tám vương nhật (tức Lập Xuân, Xuân Phân, cho đến Lập Đông, Đông Chí), chư thiên, Đế Thích, trần thần gồm ba mươi hai vị, tứ trấn đại vương (tứ thiên vương), tư mạng, tư lộc, ngũ Diêm La đại vương, tám vương sứ giả, đều đi khắp bốn phương để tra xét. Lại nữa, bốn vị vua trục nhật sẽ tấu lên [Đế Thích] vào ngày Rằm và Ba Mươi, tra xét nhân dân lập hạnh thiện ác. Vua cõi địa ngục cũng sai các vị quan phụ tá, các tiểu vương cùng lúc đi tra xét, hễ ai có tội bèn ghi chép. Phạm lỗi trong tám ngày trai thuộc vương nhật (tám ngày tiết như Lập Xuân, Xuân Phân...) trên đây mà phước mạnh thì có thể bỏ cứu, an ổn, không có chuyện gì khác, do phước mà được xá tội. Sau đó, do phạm lỗi nặng trong mười ngày trai, số lượng tội nhiều, xét theo từng điều tội mà giảm thọ, ấn định ngày, tháng, năm sẽ chết, giao cho địa ngục. Địa ngục nhận được văn thư, liền sai ngục tốt ghi chép tên họ. Quỷ trong địa ngục chẳng có lòng Từ, [kẻ phạm tội đó] chưa đến ngày chết, họ đã thôi thúc kẻ đó làm ác, khiến cho mạng hẵn bị rút ngắn. Kẻ nhiều phước, sẽ tăng thêm tuổi thọ. Trời sai thiện thần che chở người ấy, truyền địa ngục dẹp trừ tội danh, tăng thêm thọ mạng, về sau, sanh lên cõi trời. Những cách trì trai trên đây đều phát xuất từ kinh Phật, đều nên tuân phụng, sẽ hưởng phước mãi mãi. Đừng nên cố ý vi phạm, để rồi tự gánh họa ương. Vì thế, tôi ghi chép tường tận ở đây.

***3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.5.2. Thích độc kinh chi ích (nói về lợi ích do đọc kinh)***

***3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.5.2.1. Cử Diêm Phù tội trạng (nêu ra tội trạng của người trong châu Diêm Phù)***

***(Kinh) Nam Diêm Phù Đề chúng sanh, cử chỉ động niệm, vô bất thị nghiệp, vô bất thị tội. Hà hưởng tứ tình sát hại, thiết đạo, tà dâm, vọng ngữ, bách thiên tội trạng.***

***(經)南閻浮提眾生，舉止動念，無不是業，無不是罪。***

---

<sup>156</sup> Thập Trục Nhật chính là Thập Trai Nhật vừa nói. Kể từ đời Đường, chính quyền đã hạ lệnh: Trong mười trai nhật, nghiêm cấm tử hình tội nhân, giết mổ động vật, và đánh bắt cá. Ngoài ra, trong ba tháng trường trai (tháng Giêng, tháng Năm, và tháng Chín) cấm các hành vi giết chóc như tử hình, giết mổ động vật.

## 何況恣情殺害，竊盜，邪淫，妄語，百千罪狀。

(*Kinh*: Chúng sanh trong Nam Diêm Phù Đề cư xử, dấy lên ý niệm, không gì chẳng phải là nghiệp, không gì chẳng phải là tội. Huống chi mặc sức giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, trăm ngàn tội trạng).

Người Nam Châu tâm thức vô định; huống hồ trong ý căn, theo pháp tắc sanh thành có ba tánh thiện, ác, vô ký (không thiện không ác); nhưng phạm phu nhiều lúc dấy lên ác niệm. “Cử” (舉, hành động) là động, Chi (止, không hành động) là tĩnh. Dù động hay tĩnh, dấy lên ý niệm chẳng đồng nhất. Kinh An Ban Thủ Ý dạy: “Nhất đàn chỉ khoảnh, tâm hữu cửu bách lục thập chuyển” (Trong khoảng thời gian một cái khảy ngón tay, tâm chuyển đổi ý niệm chín trăm sáu mươi lần). Kinh Nhân Vương dạy: “Nhất niệm hữu cửu thập sát-na, nhất sát-na trung, phục hữu cửu bách sanh diệt” (Trong một niệm có chín mươi sát-na, trong mỗi sát-na có chín trăm lần sanh diệt). Kinh Bồ Tát Xử Thai dạy: “Nhất đàn chỉ khoảnh, hữu tam thập nhị ức bách thiên niệm, niệm niệm thành hình, hình hình hữu thức. Nhất niệm thiện, hữu vô lượng thiện quả báo. Nhất niệm ác, hữu vô lượng ác quả báo” (Trong khoảng một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, mỗi hình đều có thức. Một niệm thiện, có vô lượng thiện quả báo. Một niệm ác, có vô lượng ác quả báo). Vì thế nói: “Cử chỉ động niệm, vô phi thị nghiệp” (Hành động hay tĩnh lặng, dấy lên ý niệm, không gì chẳng phải là nghiệp).

Nhưng phạm phu tạo nghiệp, hễ thân, khẩu dấy động, đều do cái tâm sai khiến. Nếu tâm bất thiện thì mới có thể tổn hại chúng sanh. Nếu trong tâm tốt lành thì mới có thể tương ứng với phước. Tuy là tổn hại hay lợi ích khác nhau, nhưng cái gốc của ba nghiệp đều bắt nguồn từ tâm. Vì thế, hễ dấy động ý niệm bèn thành nghiệp. Niệm thiện là phước, niệm ác thành tội. Nhưng kiểm điểm tự tâm thì trong mười hai thời, nói chung là tội nhiều hơn phước; huống hồ còn buông lung sáu tình thức, mặc sức tạo tác ba nghiệp ư? Kinh Di Giáo dạy: “Túng thử tâm giả, táng nhân thiện sự. Thí chi nô mã, cực lực không chế, thượng nan điều phục. Nhược túng kỳ bồn dật, tổn vật vô nghi” (Buông lung cái tâm này sẽ chôn vùi thiện sự của mỗi người. Ví như ngựa hèn, cực lực không chế nó, mà còn khó điều phục. Nếu để mặc cho nó chạy lung tung, sẽ tổn hại muôn vật chẳng ngờ chi). Giết hại, trộm cắp, tà dâm là ba ác nghiệp nơi

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

thân. Nói dối v.v... bao gồm bốn nghiệp nơi miệng như đã nói trong phần trước. “*Trăm ngàn tội trạng*” tức là một sát nghiệp có thượng, trung, hạ, cho đến tham, sân, si cũng có thượng, trung, hạ. Nói chi tiết, sẽ chẳng thể nêu trọn hết được! Vì thế, chỉ nói tổng quát là “*trăm ngàn*”. Cần biết: Kết tội do xét theo cái tâm mà nghiệp có nặng, hay nhẹ; như sân nặng nề thì tội nặng nề, sân nhẹ thì tội nhẹ. Thành Thật Luận viết: “*Hoặc do sự việc nặng nề, bèn có quả báo cố định. Hoặc do tâm coi trọng mà có quả báo cố định. Như người do phiền não sâu dày mà giết hại trùng, kiến, tội sẽ nặng hơn kẻ do cấu tha mà giết người. Nếu tâm chẳng có sân, dẫu giết bề trên, cho đến giết cha, mẹ, cũng chẳng thành tội nghịch*”. Vì thế biết các nghiệp theo lẽ, sẽ có nhẹ hay nặng. Tuy chia thành nặng và nhẹ, nhưng thọ báo chẳng sai sót mảy may, há có nên mặc sức buông lung ư?

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.5.2.2. Thị trai nhật độc kinh (dạy đọc kinh trong ngày trai)**

***(Kinh) Năng u thị thập trai nhật, đối Phật, Bồ Tát, chư hiền thánh tượng tiền, độc thị kinh nhất biến.***

**(經)能於是十齋日，對佛菩薩，諸賢聖像前，讀是經一遍。**

***(Kinh: Có thể trong mười ngày trai ấy, đối trước tượng của Phật, Bồ Tát, và các vị hiền thánh đọc kinh này một lượt).***

Lục trai và thập trai tăng giảm khác nhau. Đại Luận quyển sáu mươi lăm chép: “*Vào sáu ngày trai, chư thiên đến quan sát lòng người. Ngày Rằm và Ba Mươi, bạch lên chư thiên. Sáu ngày trai lại là ngày xấu, tạo hung suy cho con người. Nếu có ai trong những ngày ấy thọ tám giới, trì trai, bố thí, nghe pháp, khi đó, chư thiên hoan hỷ, tiểu quỷ chẳng thừa dịp làm hại, hành giả được lợi ích*”. Vì thế, sách Ma Ha Chỉ Quán xếp việc tuân giữ trai nhật vào hàng đầu là có lý do vậy, nhưng cách trì trai hơi khác biệt. Sách [Thỉnh Quán Âm Kinh Sớ] Xiển Nghĩa Sao trích dẫn thiên Tế Thống [trong Lễ Ký]: “*Trai (齋) có nghĩa là Tế (齊, san bằng), tức là san bằng những chỗ bất bình đẳng, hòng đạt đến bình đẳng, cũng như làm cho thanh tịnh, ngăn ngừa tà vật, dứt các ham muốn, tai chẳng nghe nhạc*”.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Nay trong đạo Thích coi “*chẳng ăn quá no*” là Trai, cũng do dựa theo ý nghĩa “*ngăn tà, dứt dục, san bằng những thứ bất bình đẳng*”. Vì thế, sách Thịnh Quán Âm Sớ viết: “*Trai chỉ là Trung Đạo. Sau giữa trưa, chẳng được ăn nữa, biểu thị ngoài Trung Đạo pháp giới, chẳng có pháp nào khác nữa!*” Do lẽ này, trong đạo Thích, tăng lần tục đều coi “*sau giữa trưa không ăn nữa*” là Trai. Gần đây, có quan niệm thông tục “*kẻ bạch y (tại gia) không ăn mặn, uống rượu*” thì Trai (tức là coi ăn chay là Trai), cho nên khác biệt. Kinh Pháp Cú dạy: “*Từ tự chủng họa căn, nhật dạ trường chi điều, đường khổ bại thân bốn, pháp trai độ thế tiên*” (Cúng tế [quý thần] là gieo cái gốc họa, ngày đêm [cái gốc họa] ấy càng tăng trưởng cành nhánh, khổ công vô ích mà chỉ có hại cho thân tâm. Chỉ có Bát Trai Giới là pháp lợi ích hơn hết để vượt thoát tam giới)<sup>157</sup>. Vì thế, trong các ngày Lục Trai hay Thập Trai, hãy nên trì trai, bố thí, đọc tụng kinh Bản Nguyên. Đây là nói rõ chuyện đọc kinh.

**(Kinh) Đông, Tây, Nam, Bắc, bách do-tuần nội, vô chư tai nạn. Đương thử cư gia, nhược trưởng, nhược ấu, hiện tại, vị lai, bách thiên tuế trung, vĩnh ly ác thú.**

**(經)東西南北，百由旬內，無諸災難。當此居家，若長若幼，現在未來百千歲中，永離惡趣。**

**(Kinh: Đông, Tây, Nam, Bắc, trong một trăm do-tuần, không có các tai nạn. Những người sống trong nhà ấy, dù lớn hay bé, trong hiện tại và vị lai, trong trăm ngàn năm, vĩnh viễn lìa khỏi đường ác).**

Tiếp đó là nói đến lợi ích. Trước hết nói rõ: Do đọc kinh, các phương không có tai nạn. Nếu có một người có thể trong các ngày trai, đều đọc kinh một lượt, sẽ khiến cho bốn phương trong vòng một trăm do-tuần, trọn chẳng có tai nạn. Thứ ngỗ nghịch nơi đất là Yêu (禊), điều trái thời nơi trời thì gọi là Tai (災). Nói “*quyên trừ yêu tai*” (trừ sạch các thứ yêu quái, tai nạn) là nói về chuyện này.

Kê đến là nói “*người trong nhà lìa khỏi đường ác*”. Vì sao chỉ đọc kinh một lượt mà lại đạt được quả báo thù thắng? Điều này tỏ rõ chuyện lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của đức Địa Tạng. Nhưng nay có

---

<sup>157</sup> Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích của Kiều Chánh Nhất trong bản bạch thoại của bộ Pháp Cú Thí Dụ Kinh, phẩm Đạo Trượng.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

trường hợp chẳng phải là không đọc kinh, thế mà chẳng đạt được báo ứng tốt đẹp là vì lẽ nào? Thưa rằng, chuyện này có hai ý:

- Người ở trong vùng ấy và quyến thuộc sống trong nhà đòi trước tội ác sâu nặng, cho nên khó trốn khỏi định nghiệp.

- Hai, có thể là do tâm người đọc kinh khác nhau. Người chí tâm tụng kinh đặc lực, cho nên có thể chuyển biến túc ương. Kẻ chẳng chí tâm, do sức cạn cợt, phước chẳng thể thắng nổi tội, cho nên khó chuyển!

#### **3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.1.2.5.2.3. Thích hiện thế phước lợi (giải thích về phước báo và lợi ích trong đời hiện tại)**

*(Kinh) Năng u thập trai nhật, mỗi chuyển nhất biến, hiện thế linh thử cư gia, vô chư hoạnh bệnh, y thực phong dật.*

**(經)能於十齋日，每轉一遍，現世令此居家，無諸橫病，衣食豐溢。**

*(Kinh: Có thể trong mười ngày trai, thường tụng một lượt, thì trong đời này sẽ khiến cho người sống trong nhà chẳng có các bệnh ngang trái, áo cơm sung túc).*

“Hoạnh bệnh” (bệnh ngang trái) chính là dịch bệnh đang lưu hành, do phước suy mà bỗng dưng nhiễm bệnh. Tuy do ác quỷ xằng bậy giáng họa, ban phước, nhưng chính là do bản thân ta không có thiện lực nên phải chuốc lấy [tai họa]. Nay đã tụng kinh, vĩnh viễn dứt bật các thứ bệnh ngang trái. Áo cơm sung túc là chuyện quan trọng nhất. Kinh Kim Quang Minh dạy: “Y nhân y thực, chư kết não nhiệt” (Do vì cơm áo mà vẫn vít lo nghĩ, khổ não). Kinh Dược Sư dạy: “Vị y thực cố, tạo chư ác nghiệp” (Vì cơm áo mà tạo các ác nghiệp). Nay do đọc kinh trong ngày trai, cho nên cảm vời quả báo dư dật. Không chỉ là chẳng có nghiệp, mà còn tăng phước. Dẫu là kẻ nghèo nàn không có cơm áo, cũng sẽ đạt được quả báo sung túc, dư dả. Lợi ích của kinh há nghĩ bàn được ư? Nói về chuyện lợi ích đã xong.

#### **3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.2. Tổng kết oai thân chi lực (tổng kết về sức oai thân của Bồ Tát)**

#### **3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.2.1. Chánh kết Địa Tạng lợi ích (kết lại sự lợi ích của đức Địa Tạng)**

*(Kinh) Thị cố Phổ Quảng! Đương tri Địa Tạng Bồ Tát, hữu như thị đẳng bất khả thuyết bách thiên vạn ức đại oai thần lực, lợi ích chi sự.*

**(經)是故普廣！當知地藏菩薩，有如是等不可說百千萬億大威神力，利益之事。**

*(Kinh: Vì thế, Phổ Quảng! Hãy nên biết Địa Tạng Bồ Tát có trăm ngàn vạn ức sức đại oai thần và chuyện lợi ích chẳng thể diễn tả như thế đó).*

Kết lại bằng một câu “*như thị đẳng*” (như thế đó) nhằm chỉ rõ những điều đã nói trên đây chỉ là nêu đại khái, như hai kinh Địa Tạng Thập Luân và Chiêm Sát Thiện Ác đã nói cặn kẽ chuyện này.

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.2.2. Biệt thị Diêm Phù hữu duyên** (đặc biệt chỉ ra chúng sanh trong Diêm Phù có duyên với đức Địa Tạng)

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.2.2.1. Lược thị hữu duyên** (chỉ bày đại lược sự hữu duyên)

*(Kinh) Diêm Phù chúng sanh, u thử Đại Sĩ, hữu đại nhân duyên.*

**(經)閻浮眾生，於此大士，有大因緣。**

*(Kinh: Chúng sanh Diêm Phù có nhân duyên to lớn với vị Đại Sĩ này)*

“*Nhân duyên*” chỉ là tên gọi khác của “*cảm ứng*”. [Nói là] “*đại*”, hàm ý: Đây là đại sự nhân duyên muốn cho chúng sanh đều khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật. Vì thế, đích thân kim khẩu của Đại Sĩ đã nói: “*Chỉ cần làm thiện sự trong Phật pháp, [dẫu chỉ bằng] một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi, ta sẽ dần dần độ thoát, khiến cho [kẻ ấy] đạt được lợi ích to lớn*”. “*Lợi ích to lớn*” chính là “*vô lượng trân bảo chẳng cầu mà tự đạt được*” như kinh Pháp Hoa đã nói, tức Bồ Đề Niết Bàn. Đại nhân duyên như thế, không phải chỉ là mới ngày nay, mà trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp đến nay, Ngài luôn ở trong Diêm Phù Đề, tùy theo căn cơ mà hóa độ chúng sanh. Luôn luôn chẳng buông bỏ việc gieo căn lành, làm cho cơ duyên chín muồi hồng thoát khỏi tam đồ.



*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

Ví như con rơi vào nơi nước lửa, cha mẹ lảng xãng cứu vớt. Con bị bệnh tật, cha mẹ chấy lòng lo âu. Do chúng sanh trong Nam Diêm Phù Đề tội nghiệp đặc biệt nặng nề, cho nên chúng sanh trong Nam châu cũng đặc biệt tin tưởng Đại Sĩ chẳng bỏ rơi. Do vậy, cao, thấp, sang, hèn, tăng, tục, nam, nữ, không một ai chẳng nương theo Địa Tạng Bồ Tát, cầu Ngài cứu bạt nước, lửa, chữa trị bệnh tật. Ví như nam châm hút sắt, ứng cảm đồng thời! Do có đại nhân duyên, hãy nên tinh ngộ sâu xa!

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.1.2.2.2. Quảng minh văn ích** (nói rộng về lợi ích do nghe danh hiệu của Ngài)

*(Kinh) Thị chư chúng sanh, văn Bồ Tát danh, kiến Bồ Tát tượng, nãi chí văn thị kinh tam tự, ngũ tự, hoặc nhất kệ, nhất cú giả, hiện tại thù diệu an lạc, vị lai chi thế, bách thiên vạn sanh, thường đắc đoan chánh, sanh tôn quý gia.*

**(經)是諸眾生，聞菩薩名，見菩薩像，乃至聞是經三字五字，或一偈一句者，現在殊妙安樂，未來之世，百千萬生，常得端正，生尊貴家。**

*(Kinh: Các chúng sanh ấy nghe danh hiệu của Bồ Tát, thấy tượng Bồ Tát, cho đến nghe kinh này ba chữ, năm chữ, hoặc một bài kệ, một câu, hiện tại được an lạc thù thắng nhiệm mầu, trong trăm ngàn vạn đời tương lai, thường được đoan chánh, sanh trong nhà tôn quý).*

Đây là nói về chuyện “nghe danh, thấy tượng”, nhắc đi, nhắc lại công đức của Bồ Tát. Do chúng sanh và Phật vốn có cùng một giác thể, tánh của biển giác là lắng trong, viên mãn. Giác vốn trong lặng, viên mãn màu nhiệm; do gió vô minh bắt giác dậy lên, hư vọng chia ra thành thấy, nghe, hay, biết, hạn cuộc trong cảnh giới, tự cách biệt thành chướng ngại. Do vậy, cái thấy không vượt ra ngoài sắc được, cái nghe không thoát khỏi thanh được! Nay xoay chuyển cái Nghe hư vọng ấy để nghe danh hiệu Bồ Tát, xoay chuyển cái Thấy hư vọng ấy để thấy tượng Bồ Tát, khiến cho danh hiệu được nghe khế nhập cảnh chân không, danh cũng là vô danh. Tượng được thấy sẽ giống như Pháp Tánh Thân, có tượng nào để có thể đạt được? Danh mà vô danh thì cái Nghe chân thật rành rành. Tượng mà chẳng có tượng thì cái Thấy chân thật rạng ngời. Như thế thì tùy tiện lấy ba chữ trong kinh, sẽ ngay lập tức phá Tam Hoặc, tiêu ba chướng, thành tựu ba trí, chứng ba đức, hiển lộ ba thân.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Hoặc lấy năm chữ, ở nơi đâu cũng đều phá Ngũ Trụ, thoát năm đường, lập Ngũ Căn, tăng trưởng Ngũ Lực, thành tựu Ngũ Phần Pháp Thân. Do một bài kệ bèn vượt thoát một môn. Do một câu bèn [chứng nhập] một tánh viên minh. Hai, bốn, sáu, tám như thế, tùy theo mỗi hạnh mà tăng con số lên. Trong hiện tại bèn đạt được sự an lạc, thù thắng nhiệm màu, niệm niệm cùng đồng với bản nguyên, tâm tâm cùng hiện với Bồ Tát. Trong đời vị lai, thường đạt được tướng hảo đoan nghiêm, thanh tịnh, chánh đáng, ở nơi đâu cũng đều sanh trong gia đình tôn quý.

Như đức Phật bảo vua Ba Tư Nặc: “*Nhân từ khiêm thuận, kính trọng, ái tiểu, tặc vi quý nhân. Hung ác cường lương, kiêu tú tự đại, tặc vi tiện nhân*” (Nhân từ, khiêm nhường, thuận thảo, kính trọng bậc trưởng thượng, yêu mến kẻ nhỏ hơn, thì là bậc quý nhân. Hung ác, ương bướng, kiêu căng, phóng túng, tự cao tự đại thì là kẻ hèn hạ). Lại nói: “*Tam giới luân chuyển, vô hữu định phẩm. Tích thiện nhân hòa, sanh u hào tôn. Tập ác phóng tú, tiện sanh ty tiện*” (Luân chuyển trong ba cõi không có phẩm loại nhất định. Tích tụ điều thiện, nhân từ, ôn hòa, sẽ sanh trong gia đình có thể lực, tôn quý. Làm ác buông lung bừa bãi, sẽ sanh làm kẻ hèn hạ). Dùng những điều ấy để xem xét, [sẽ biết]: Con người chớ nên làm ác, hãy nên tu tập. Đức Thế Tôn nói về lợi ích đã xong.

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.2. Phổ Quảng thỉnh kinh danh (Phổ Quảng thưa hỏi tên kinh)**

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.2.1. Kết hiển thỉnh ý (tổng kết những điều đã được dạy, nêu ý nghĩa vì sao thưa hỏi)**

**(Kinh) Nhĩ thời, Phổ Quảng Bồ Tát văn Phật Như Lai, xưng dương, tán thán Địa Tạng Bồ Tát dĩ, hồ quỳ, hiệp chưởng.**

**(經)爾時，普廣菩薩聞佛如來，稱揚讚歎地藏菩薩已，胡跪合掌。**

**(Kinh: Lúc bấy giờ, Phổ Quảng Bồ Tát nghe Phật Như Lai xưng dương, tán thán Địa Tạng Bồ Tát xong, hồ quỳ, chấp tay).**

Trước hết là người trùng tuyên kinh tường thuật, kế đó, trần thuật ý nghĩa vì sao [Phổ Quảng Bồ Tát] khai thỉnh. “*Hồ quỳ*”: Sách Âm Nghĩa Chỉ Quy nói: “*Đáng lẽ không nên nói là Hồ Quỳ, vì hậu duệ của*

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Phạm Thiên sống tại năm xứ Thiên Trúc, còn các chủng tộc Nhung, Khương, Hồ sống tại phía Bắc Thông Lãn. Nay kinh, luật phần nhiều dịch thành Hồ Quỳ (互跪), vì ba chỗ dựng thẳng lên<sup>158</sup>, nên gọi là Hồ Quỳ. Tức là gói phải đặt sát đất. Do gói phải có sức, có thể quỳ lâu, [đang quỳ] đứng lên rất tiện, nên đặt nó sát đất bền vững vàng”. Nếu nữ ni (tỳ-kheo-ni) thể chất yếu ớt, đức Phật cho phép trường quỳ.

**(Kinh) Phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã cứu tri thị Đại Sĩ, hữu như thử bất khả tư nghị thần lực, cập đại thệ nguyện lực. Vị vị lai chúng sanh, khiến tri lợi ích, cố vấn Như Lai. Dụ nhiên đảnh thọ”.**

**(經)復白佛言：世尊！我久知是大士，有如此不可思議神力，及大誓願力。為未來眾生，遣知利益，故問如來。唯然頂受。**

*(Kinh: Lại bạch đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con biết vị Đại Sĩ này đã lâu, có thần lực và đại thệ nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn như thế. Con muốn cho chúng sanh trong đời vị lai biết lợi ích, cho nên thưa hỏi Như Lai. Thưa vâng, con xin cung kính lãnh nhận”).*

Nói “*cứu tri*” (biết đã lâu) tức Phổ Quang cũng cùng một loại với ngài Địa Tạng. Do Ngài tự có thần lực và đại thệ nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn, cho nên có thể biết. Đã biết mà lại hỏi, chính là do mong đức Như Lai tuyên dương trong đại hội, khiến cho chúng sanh trong đời vị lai biết Địa Tạng Bồ Tát tạo lợi ích như thế, cho nên Ngài thưa hỏi. “*Dụ nhiên*” là lời đáp ứng nhanh nhẹn, thể hiện ý nghĩa chẳng nghĩ. Gần là nói đến những câu ngay trước đó, xa là chỉ những đoạn văn trước kia: “*Nhữ đẳng chư Bồ Tát, đương ký thị kinh, quảng tuyên lưu bố*” (Hàng Bồ Tát các ông hãy nên ghi nhớ kinh này, tuyên dương, lưu thông rộng rãi). Nhưng lúc đó, ngài Định Tự Tại Vương chỉ vâng mạng lưu thông, chẳng thưa hỏi tên kinh, suy ra thì biết chuyện thần lực của đức Địa Tạng còn chưa nói xong, đó là một lý do. Suy ngược lại thì biết ngài Phổ Quang thưa hỏi, [đã được dạy] tường tận về chuyện lợi ích. Đó là lý do thứ hai.

---

<sup>158</sup> Tức là quỳ một chân, ngẩng thẳng đầu, thẳng lưng, đầu gối trái dựng thẳng lên, lòng bàn chân trái áp đất. Cách quỳ này biểu thị ý tuân phục, sẵn sàng đứng lên thực hiện việc được giao phó.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Vì thế biết: Chủ khách xướng họa, phát khởi, tuyên dương lẫn nhau, ví như đe và búa đập vào nhau, cao thấp tương ứng. Từ chữ “*cố vấn*” (vì thế thưa hỏi) trở đi là lời kính vâng, cung kính tiếp nhận.

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.2.2. Chánh thỉnh kinh danh** (hỏi thẳng tên kinh)

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.2.2.1. Thỉnh** (thưa hỏi)

**(Kinh) Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh, sử ngã vân hà lưu bố?**

**(經)世尊! 當何名此經, 使我云何流布?**

**(Kinh: Bạch Thế Tôn! Nên đặt tên kinh này như thế nào, khiến cho con lưu truyền như thế nào?)**

“*Đương hà, vân hà*” đều là những từ ngữ nghi vấn. Từ lúc nói kinh cho đến nay, [đức Thế Tôn] tán thán ngài Địa Tạng có công đức trừ một mình đức Phật ra, không ai có thể sánh bằng. Danh sở dĩ gọi là danh, vì nó có thể triệu vời cái thật. Nay đã nói “*thật đức của ngài Địa Tạng chẳng thể nghĩ bàn*”, tức là chẳng dùng tên để gọi tên vậy, cho nên nói “*đương hà danh thử kinh*” (nên đặt tên kinh này là gì). Danh đã chẳng lập, khiến cho chúng con sẽ lại dựa vào pháp môn nào để truyền bá? Theo Châu Lễ, suối chảy gọi là Bố (布). Ý nói: Tiên trong thế gian lưu thông giống như nước suối tuôn chảy. Kinh được lưu truyền, lan rộng cũng giống như vậy.

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.2.2.2. Đáp** (trả lời)

**3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.2.2.2.1. Đáp kinh danh** (đáp tên kinh)

**(Kinh) Phật cáo Phổ Quang: “Thử kinh hữu tam danh, nhất danh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, diệc danh Địa Tạng Bồ Tát Hạnh, diệc danh Địa Tạng Bồ Tát Thệ Lực Kinh”.**

**(經)佛告普廣: 此經有三名, 一名地藏本願, 亦名地藏本行, 亦名地藏本誓力經。**

**(Kinh: Đức Phật bảo ngài Phổ Quang: “Kinh này có ba tên, một là Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, còn gọi là Địa Tạng Bồ Tát Hạnh, cũng gọi là Địa Tạng Bồ Tát Thệ Lực Kinh”.**

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Ý nghĩa của tên kinh như đã giải thích trong phần Luân Quán. Lại giải thích chữ Bản Nguyên: Tâm mong muốn thì gọi là Nguyên. Lòng mong muốn vừa sâu vừa chuyên. Nguyên hướng ra ngoài thì toàn là nhân dục (những ham muốn của con người), chỉ có thiên lý là lòng ham muốn thuộc về tánh, chính là cái tâm căn bản của con người. [Chữ Nguyên (願) được ghép] từ chữ Nguyên (原), nhằm dạy mọi người hãy quay ngược lại cầu mong nơi cái gốc ấy, mong mỗi điều thiện đáng mong mỗi ấy. [Chữ Nguyên] lại được ghép thêm chữ Hiệt (頁, cái đầu) là vì lẽ nào? Do tâm cầu được, bèn cúi đầu để lắng lòng suy nghĩ. Vậy thì tham cũng đã dứt, mà si cũng đã dứt. Đây tuy là cách giải thích [chữ Nguyên] theo đạo Nho, nhưng bản nguyện của đức Địa Tạng há cũng ra ngoài những điều ấy ư? Không gì chẳng nhằm mong cho con người khôi phục giác tánh vốn sẵn có, cùng trở về bí tạng; đây chính là nguyện của Đại Sĩ khi đó (khi Ngài phát nguyện).

Bản Hạnh tức là hạnh nơi Bản và Tích, cho nên tôi dựa theo ý nghĩa ấy, căn cứ theo phần Thập Diệu thuộc Bản Môn trong sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa để minh thị bản địa có mười thứ chẳng thể nghĩ bàn thì văn nghĩa mới được thông suốt, mới tỏ rõ: Các chuyện chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát được thành tựu trong lúc ấy và sau này, đều là do nguyện hạnh thuộc về Tích môn vậy.

Bản Thệ Lực, tiếng Phạn là Tăng Na (Samnāha), dịch sang tiếng Hán là Hoàng Thệ. Có thuyết nói Tăng Na là Đại Thệ, còn Tăng Niết (Samaddha) là Tự Thệ. Tăng Na là Khải (鎧, áo giáp), Tăng Niết là Trước (著), [nói gộp lại thì] có nghĩa là “*mặc áo giáp to*”. Chữ Phạn này đọc âm đúng phải là San Na Ha (dịch là Giáp) San Nại Đà (dịch là Bị (被), tức đeo, khoác, hoặc là Y, tức áo), hàm nghĩa “*khoác, mặc áo giáp*”. Trong Mật Bộ nói đến ba mươi hai loại giáp trụ v.v... tức là đại thệ trang nghiêm trong Đại Phẩm Bát Nhã. Chữ Sa La trong tiếng Phạn, cõi này dịch là Lực. Kinh Âm Trì Nhập dạy: “*Bỉ lực, ung dĩ hà vi nghĩa? Đáp: Vô năng hoại vi lực nghĩa. Hữu sở ích vi lực nghĩa. Hữu đảm vi lực nghĩa. Năng đắc y vi lực nghĩa*” (Lực ấy nên có những ý nghĩa nào? Đáp: Chẳng thể hoại là ý nghĩa của Lực. Có lợi ích là ý nghĩa của Lực. Có can đảm là ý nghĩa của Lực. Có thể nương cậy được là ý nghĩa của Lực). Nay Địa Tạng từ lúc phát tâm ban đầu cho tới nay, chẳng bị thiên ma ngăn trở, phá hoại, đó là một lực. Luôn lợi ích chúng sanh, đây là hai lực. Có tâm can đảm riêng giáo hóa địa ngục, đây là ba

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

lục. Có thể làm nơi nương tựa cho lục đạo, đó là bốn lục. Đấy chính là sức thệ nguyện vốn có của đức Địa Tạng, cho nên gọi là Bản Thệ Lục Kinh.

#### **3.2.3.1.1.2.2.2.1.3.2.2.2.2. Kết lưu bố (kết lại phần lưu thông, truyền bá)**

*(Kinh) Duyên thữ Bồ Tát, cứu viễn kiếp lai, phát đại trọng nguyện, lợi ích chúng sanh. Thị cố nhữ đẳng, y nguyện lưu bố.*

**(經)緣此菩薩，久遠劫來，發大重願，利益眾生。是故汝等，依願流布。**

*(Kinh: Do vị Bồ Tát này từ kiếp lâu xa đến nay, đã phát đại trọng nguyện lợi ích chúng sanh. Vì thế các ông hãy nên nương theo ý nguyện mà lưu thông, truyền bá).*

Điều này cho thấy danh hiệu Địa Tạng cũng do bốn nguyện mà lập. Do vì đại nguyện, cho nên lợi ích chúng sanh. Vì thế, các ông cũng nên nương theo bốn nguyện ấy mà lưu thông, truyền bá. Do đó, người kết tập kinh chỉ dùng Bốn Nguyên để đặt tựa đề kinh cũng là có thâm ý vậy!

#### **3.2.3.1.1.2.2.2.2. Phổ Quảng lễ thoái (ngài Phổ Quảng làm lễ, lui ra)**

*(Kinh) Phổ Quảng văn dĩ, hiệp chưởng, cung kính, tác lễ nhi thoái.*

**(經)普廣聞已，合掌恭敬，作禮而退。**

*(Kinh: Ngài Phổ Quảng nghe xong, chấp tay, cung kính làm lễ, lui ra).*

Đối với hai chữ “cung kính”, thường thấy những vị giảng kinh không giảng tới, khiến cho những kẻ mặt học trong đời sau chẳng biết phải hiểu theo ý nghĩa nào! Nay tôi nêu đại lược cội gốc chế tạo chữ ấy, hòng [độc giả] thấy được trong ấy bao hàm ý nghĩa “tâm học”. Chữ Cung (viết theo lối cổ) thể hiện dáng vẻ của đức tách Kính. Tay và vẻ mặt chủ yếu nhằm thể hiện sự cung kính. Vì thế, chữ Cung [viết theo lối cổ] thể hiện ý nghĩa hai tay giao nhau. Do mọi người trong lúc thông thường, tay buông lỏng, tâm lơ đãng, thể hiện dáng vẻ lười nhác. Chấp

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

tay lại, tâm ắt thâm liễm, thể hiện dáng vẻ trang trọng, trong ngoài ứng hợp. Chữ Cung viết theo lối thông tục do không biết chữ ấy đã chính là Tâm, lại còn thêm chữ Tâm (心) vào thành Cung (恭), tức là tâm có trong ngoài!

Chữ Kính (敬) viết theo lối cổ, thể hiện sự duy nhất. Cổ nhân tập trung tinh thần để học. Chỉ kính cần bề ngoài thì dầu gương ép bề ngoài, do trong tâm lén lút đầy động [ý bất kính], sẽ chẳng thể duy trì được. Miệng nói kính trọng [mà tâm thật sự chẳng kính], hành vi ắt lười nhác, nói suông làm sao có thể chế ngự điều ác thật sự cho được! [Nếu hỏi] phải dốc sức như thế nào [để kính] ư? Thừa rằng, đừng quên, đừng giúp cho [ý bất kính] tăng trưởng. [Chữ Kính] do Cấp (敬, hành vi cực nghiêm túc) nhằm dạy [mọi người] đừng quên bằng. Hễ lơ lửng, sẽ chẳng có công dụng gì! Vừa mới cảm thấy hôn trầm, hãy nhanh chóng tự lay tỉnh. Vừa mới cảm thấy tán loạn, hãy nhanh chóng tự đoạn dứt. [Kế đó], chữ Cửu (久) nhằm dạy chớ giúp cho nó (tán loạn, hôn trầm) tăng trưởng. Hễ gấp rút, ắt sẽ bị bức bối, trong ngực như có vật gì gây nhen, huyết khí chẳng thoải mái, làm sao có thể duy trì lâu dài được? Tâm là chủ thể trong thân ta. Kính mà không yên định thì tâm ta tự làm chủ, cần gì phải mượn thêm một chữ Tâm nữa để đối trị cái tâm này. Dầu đáng sợ, hãy chớ sợ; dầu thông dong, chớ lơ là! Hãy giữ cho tâm miên mật, thiên đức lan truyền trọn khắp, tâm thường linh hoạt, chẳng chết cứng. Run sợ là dây lòng kính, răn dè là giữ lòng kính, nề sợ là kính cần thận trọng, nghiêm túc là kính cần nghiêm nghị, hòa thuận là kính trọng sâu thẳm, khâm phục là kính trọng bậc thánh. Một đức tánh Kính mà có [các mức độ] sống sít, chín muồi, sâu, cạn; đây chính là duyên nguyên của thánh học, xét suy tâm họa (cách viết chữ theo ý nghĩa của tâm) của cổ nhân, bèn biết đây là tâm học. Há có nên coi đó là cái học văn tự suông, chường ngại tánh linh, bế tắc ngộ môn, rốt cuộc chẳng thấu đạt cái tâm! Nào có biết Tự Học (môn học nghiên cứu về chữ) quả thật đã bao hàm cả tánh linh, mở toang cửa ngộ. Vì thế, tôi nêu ra đại lược, đừng chê là tôi ưa chuộng boi móc những thứ ngấm ngấm, ẩn kín để khoe khoang khác lạ vậy!

***3.2.3.1.2. Lợi ích tồn vong (lợi ích cho kẻ còn lẫn người mất)***

***3.2.3.1.2.1. Phẩm đề (tên gọi của phẩm này)***

***(Kinh) Lợi ích tồn vong, phẩm đề thất.***

**(經)利益存亡，品第七。**

*(Kinh: Phẩm thứ bảy: Lợi ích kẻ còn lẫn người mất).*

3.2.3.1.2.2. *Phẩm văn* (kinh văn trong phẩm này)

3.2.3.1.2.2.1. *Địa Tạng chánh minh* (ngài Địa Tạng nói rõ)

3.2.3.1.2.2.1.1. *Thông thị chúng sanh thiện thoái, ác tăng* (chỉ ra: Thông thường, chúng sanh lui sụt điều lành, tăng trưởng điều ác)

3.2.3.1.2.2.1.1.1. *Pháp thị* (chỉ dạy về pháp)

*(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã quán thị Diêm Phù chúng sanh, cử tâm động niệm, vô phi thị tội. Thoát hoạch thiện lợi, đa thoái sơ tâm. Nhược ngộ ác duyên, niệm niệm tăng ích”.*

**(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩白佛言：世尊！我觀是閻浮眾生，舉心動念，無非是罪。脫獲善利，多退初心。若遇惡緣，念念增益。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con thấy chúng sanh trong cõi Diêm Phù này, khởi tâm dấy niệm, không gì chẳng phải là tội. Nếu đạt được điều thiện lợi, phần nhiều lui sụt cái tâm ban đầu. Nếu gặp ác duyên, niệm niệm tăng thêm”).*

“Tâm niệm” chỉ sáu thức. “Cử động” là công năng. Do thức thứ sáu và thức thứ bảy hòa hợp, nhuốm bản, rồi loạn vị chủ nhân là thức thứ tám. Thức thứ tám lại khiến cho năm thức trước (nhãn thức, nhĩ thức...) tham tiếng, chấp sắc, nếm vị, ngửi hương, thân đụng chạm các thứ mềm mịn, duyên theo các chỗ, nên nói “vô phi thị tội” (không gì chẳng phải là tội)!

Hai câu “thoát hoạch thiện lợi” (nếu đạt được điều lợi lành) ý nói: Chẳng thể giữ nổi cái tâm kiên cố. Kinh Tăng Hộ chép: “Diêm Phù Đề nhân, vi tánh nan tín. Do hành thiện nhi hoạch lợi ích, tự nghi tán công vô gián, nãi nhân hoạch lợi, phản thoái sơ tâm” (Chúng sanh trong Diêm Phù Đề tánh tình khó thể tin tưởng được! Do làm lành mà đạt được lợi ích, đáng lẽ phải nên đổ công dốc sức chẳng gián đoạn, lại ngược ngạo lui sụt cái tâm ban đầu). Vì thế, Phật Thuyết Bảo Vũ Kinh



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

chép: “*Bồ Tát kiến nhất thiết hữu tình thọ chư khổ não, tuy phục thành tựu vì thiếu thiện căn, tạm thời phi cứu*” (Bồ Tát thấy hết thấy hữu tình chịu các khổ não, dần thành tựu chút ít thiện căn thì chỉ là tạm thời, chẳng lâu dài) chính là nói đến chuyện này!

“*Nhược ngộ ác duyên*” (nếu gặp ác duyên), ý nói: [Tâm thân] Tứ Đại là vật dụng chứa chất độc, có uế ác đầy đầy trong đó. Sáu tên giặc (nhân thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức) khiến chủ (thức thứ tám) phát cuồng, tức là đối với cảnh đều chấp trước, chẳng còn có thở ngược dòng được, chỉ đành xuôi theo dòng luân chuyển, trôi nổi vật vờ trong sanh tử, chấp chặt hữu vi! Vì lẽ này, chư Phật nhú mày; bởi đó, Bồ Tát khóc ra máu mắt! Đây là do cái tâm chấp trước bất định đến nỗi có chuyện ác ấy. Vì thế, đại sư nói: “*Hãy nên biết các thân đều do tâm tạo. Ví như đại địa là một, mà có thể sanh ra các thứ mầm*” là nói về điều này.

Kinh Tịnh Độ Tam Muội dạy: “*Tội phước tương lụy, trùng số phân minh. Hậu đương thọ tội phước chi báo, nhất nhất bất thất. Nhất niệm thọ nhất thân, thiện niệm thọ thiên thượng nhân trung thân, ác niệm thọ tam ác đạo thân. Bách niệm thọ bách thân, thiên niệm thiên thân. Nhất nhật, nhất dạ, chủng sanh tử căn, hậu đương thọ bát ức ngũ thập vạn tạp loại chi thân. Bách niên chi trung, chủng hậu thế tài, thậm vi nan số. Hồn thần trực chủng thọ hình, biến tam thiên đại thiên sát độ. Thể cốt bì mao biến đại thiên sát độ địa, gián vô không xứ*” (Tội và phước liên quan với nhau theo tầng lớp và số lượng phân minh. Về sau, sẽ thọ quả báo của tội hay phước, mỗi mỗi đều chẳng mất. Một niệm thọ một thân. Do thiện niệm thọ thân trên trời hay trong loài người; ác niệm thọ thân trong ba đường ác. Trăm niệm thọ trăm thân, ngàn niệm thọ ngàn thân. Gieo căn cội sanh tử trong một ngày một đêm; sau đó, sẽ thọ tám ức năm mươi vạn thân các loại. Trong một trăm năm, gieo uơm chủng tử cho đời sau, [sẽ thọ thân] rất nhiều, khó thể tính trọn! Hồn thần theo chủng tử mà thọ thân, trọn khắp các cõi nước trong tam thiên đại thiên thế giới. Xương, da, lông nơi thân trọn khắp cõi đất của các cõi trong đại thiên, chẳng có chỗ trống hở, gián đoạn nào).

Kinh Xứ Thai lại nói: “*Ngô tùng vô số kiếp, vãng lai sanh tử đạo, xả thân, phục thọ thân, bất ly bào thai pháp. Thuần tác bạch cầu hình, tích cốt ức Tu Di. Hà hướng tạp sắc cầu, kỳ số bất khả lượng*” (Tôi từ vô số kiếp qua lại trong đường sanh tử, xả thân rồi lại thọ thân, chẳng lìa bào thai. Thuần làm thân chó trắng, xương chất như một ức núi Tu Di, hướng hò làm thân những con chó có màu sắc khác, số ấy chẳng thể tính

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

toán được). Vì thế, kinh Hiền Ngu nói: “*Nhân thân nan đắc, ngộ ác nhân duyên, tắc tiện dị thất. Dĩ ác đa, thiện thiếu, nhất nhật chi trung, tội niệm bách thiên, thiện niệm vô nhất*” (Thân người khó được, gặp nhân duyên ác liền dễ mất đi. Do ác nhiều, thiện ít, trong một ngày, ý niệm gây tội cả trăm ngàn, thiện niệm chẳng được một). Vì thế biết: Người có thể chế phục cái tâm, hành đạo, sẽ có sức mạnh nhiều nhất. Hiền rằng chúng sanh trong cõi Diêm Phù ý niệm xen tạp toi bời, chẳng thể giữ vững! Thiện sụt, ác tăng, chẳng phải là đã quen thói ư?

#### **3.2.3.1.2.2.1.1.2. Dụ hiển (dùng thí dụ để chỉ rõ)**

*(Kinh) Thị đẳng bói nhân, như lý nê đồ, phụ u trọng thạch, tiệm khốn, tiệm trọng, túc bộ thâm thúy.*

**(經)是等輩人，如履泥塗，負於重石，漸困漸重，足步深遽。**

*(Kinh: Những kẻ như thế như đi trên đường bùn lầy, vác đá nặng, càng lúc càng khốn đốn, càng lúc càng nặng hơn, bước chân càng lún sâu).*

Trước hết, sánh ví chúng sanh trong Nam Châu lui sụt thiện, tăng trưởng ác; như đi trên đường bùn lầy, thường ở trong cõi sanh tử. Bùn đã sâu, đường còn xa thăm thẳm, mong thoát ra khó lắm!

#### **3.2.3.1.2.2.1.1.3. Sự minh (dùng sự để chỉ rõ)**

*(Kinh) Nhược đắc ngộ tri thức, thế dữ giảm phụ, hoặc toàn dữ phụ. Thị tri thức hữu đại lực cố, phục tương phù trợ, khuyến linh lao cước. Nhược đạt bình địa, tu tỉnh ác lộ, vô tái kinh lịch.*

**(經)若得遇知識，替與減負，或全與負。是知識有大力故，復相扶助，勸令牢腳。若達平地，須省惡路，無再經歷**

•

*(Kinh: Nếu được gặp bậc tri thức, vác bớt giùm cho, hoặc vác cả cho. Vị tri thức ấy có sức mạnh to lớn, lại còn nâng đỡ, khuyên người ấy hãy vững chân. Nếu đến được chỗ đất bằng, bèn khuyên người ấy hãy tỉnh ngộ, biết đó là con đường ác hiểm, đừng đi vào nữa).*

“*Nhược đắc*” (nếu được) chứa đựng hai ý nghĩa may mắn và bất hạnh, tức là nếu người ấy có điều thiện nhỏ nhoi, liền gặp tri thức, may mắn chi bằng? Nếu chẳng có thiện duyên, trọn chẳng gặp một ai, bất hạnh quá đỗi! Tri thức có gần và xa. “*Gần*” là nói đến cha mẹ, quyến thuộc chính là những người vì ta làm các phước sự. “*Xa*” là Phật, Bồ Tát v.v... là những vị tiêu diệt tội. “*Thế*” (替) là thay cho. “*Phụ*” (負) là mang vác đồ vật. “*Giảm phụ, toàn phụ*” (vác bớt cho, vác hết cả): Luận định về công năng của chuyện làm phước thì có bán phần và toàn phần. Khiến cho người đã mất giảm tội chính là “*giảm phụ*” (vác bớt giùm cho). Nếu toàn thể tội đều tiêu thì là “*toàn phụ*” (vác hết cho). Kế đó, giải thích ý nghĩa “*nặng phụ*” (có thể mang vác), tức là bậc tri thức có sức mạnh to lớn. Kinh Tăng Nhất A Hàm nói do người có năm lực (Tín, Tấn, Niệm v.v... ngũ lực) mà Phật quả có mười lực. Theo Đại Luận, Bồ Tát cũng có đủ mười lực. Do có sức mạnh ấy, không chỉ là vác giùm cho, mà còn có thể nâng, dìu, giúp đỡ, khiến cho người ấy vững chân. Nếu té nhào xuống đường bùn lầy, sẽ khó thể đứng dậy được! Lại khuyên người ấy nếu đến được chỗ bình ổn, hãy nên hồi tỉnh trước đó đã sa chân vào đường ác, chớ nên lại đi vào đó nữa! “*Nâng đỡ*” ví như dạy Thập Thiện. “*Vững chân*” ví như tâm chẳng lui sụt. “*Đường bằng phẳng*” ví như thoát ra, thăng lên đường trời, người. “*Tỉnh ngộ đường ác*” ví như nghĩ tới nỗi khổ trong tam đồ. “*Lại đi vào đó*” ví như lại bước vào đường khổ!

**3.2.3.1.2.2.1.2. Chánh thị tập ác, nghi vi thiết phước** (chỉ dạy: Do [chúng sanh] quen thói ác, hãy nên làm phước)

**3.2.3.1.2.2.1.2.1. Tổng thị** (chỉ chung)

(*Kinh*) **Thế Tôn! Tập ác chúng sanh, từng tiêm hào gian, tiện chí vô lượng.**

(*經*) **世尊! 習惡眾生, 從纖毫間, 便至無量。**

(*Kinh*: *Bạch Thế Tôn! Chúng sanh tập quen thói ác từ những điều vụn vặt dần dần đến vô lượng.*)

Đoạn này nhằm ứng hợp với đoạn văn “*cử tâm động niệm*” trong phần trước, ý nói: Vì sao mà khởi tâm động niệm cho đến gặp điều ác

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

bền tăng thêm? Do đã quen thói ác! “Ác tập” (惡習, tập khí ác) chỉ chủng tử, còn “tập ác” (習惡, những điều ác đã quen làm) chỉ hiện hành. Do có chủng tử của ác tập, khiến cho tập ác hiện hành, từ nhỏ tí tẹo cho đến vô lượng.

Kinh Chiêm Sát dạy: “Cầu tâm hình trạng, vô nhất khu phân, nhi khả đắc giả, dẫn dĩ chúng sanh vô minh si ám huân tập nhân duyên, hiện vọng cảnh giới, linh tâm niệm trước. Ư chủng chủng pháp thượng, vọng sanh chủng chủng pháp tướng. Vị hữu, vị vô, vị bỉ, vị thử, vị thị, vị phi, vị hảo, vị ác, nãi chí vọng sanh vô lượng vô biên pháp tướng” (Cầu hình dạng của tâm thì không có một hình dạng riêng biệt nào để có thể đạt được, chỉ vì chúng sanh do nhân duyên vô minh si ám huân tập, hiện ra cảnh giới hư vọng, khiến cho cái tâm nghĩ nhớ, chấp trước. Đối với các pháp, làm lạc sanh ra đủ mọi pháp tướng, cho là có, cho là không, cho là kia, cho là đây, cho là đúng, cho là sai, cho là tốt, cho là xấu, cho đến làm lạc sanh ra vô lượng vô biên pháp tướng).

Vì thế, Kim Quang Minh Huyền Nghĩa viết: “Lên cao thì khó, rơi xuống dễ dàng, phần nhiều là do duyên theo các thân ác”. Quang Minh Ký viết: “Ấy là vì chúng sanh đã huân tập từ vô thủy, ác nhiều, thiện ít, khiến cho tâm niệm hay duyên theo các thân ác. Chưa ngồi trên xe năm thừa, mà đã vào bốn ngõ trước. Lên cao thì khó, rơi xuống dễ dàng, có ai mà chẳng như vậy! Hành giả tu Quán đối với các tâm trong mười pháp giới, phải thường nên cảnh tỉnh, chớ nên không biết. Vì thế, Chỉ Quán loại trừ những cái chẳng thuộc vào chân tâm”.

### **3.2.3.1.2.2.1.2.2. Biệt thích (giải thích riêng)**

**3.2.3.1.2.2.1.2.2.1. Thiết phước, tổn vong lợi ích (làm phước, lợi ích cho kẻ còn lẫn người mất)**

**3.2.3.1.2.2.1.2.2.1.1. Lâm chung thiết phước (lâm chung làm phước)**

**3.2.3.1.2.2.1.2.2.1.1.1. Thị ý (chỉ bày ý nghĩa)**

*(Kinh) Thị chư chúng sanh, hữu như thử tập, lâm mạng chung thời, phụ mẫu, quyến thuộc nghi vị thiết phước, dĩ tư tiền lộ.*

**(經)是諸眾生，有如此習，臨命終時，父母眷屬宜為設福，以資前路。**

*(Kinh: Những chúng sanh ấy có thói quen như thế, khi lâm chung, cha mẹ, quyến thuộc hãy tạo phước để giúp cho tương lai của người ấy).*

Hai câu đầu nhằm nói lên ý nghĩa “*tu phước, kiêng giết*”. Do chúng sanh có thói quen xấu ác như thế, chúng tử và hiện hành huân tập lẫn nhau, nhân và quả tương cảm. Nếu quyên thuộc chẳng vì kẻ đó làm phước, sẽ nhờ vào đâu để giúp đỡ cho con đường phía trước (tương lai)? Bài kệ Vô Thường có nói: “*Thường cầu chư dục cảnh, bất hành u thiện sự, tử vương thôi tứ mạng, thân thuộc đồ tương thủ, chư thức giai hôn muội, hành nhập hiểm thành trung. Tương chí Diêm Ma vương, tùy nghiệp nhi thọ báo. Thắng nhân sanh thiện đạo, ác nghiệp đọa Nê Lê. Duy hữu Phật Bồ Đề, thị chân quy trọng xứ*” (Thường tìm cầu cảnh dục, chẳng làm một chuyện lành. Thân chết đòi bắt mạng, thân thuộc khó chớ che. Các thức đều tẩm tối, đi vào trong hiểm thành, đến chỗ vua Diêm Ma, theo nghiệp mà thọ báo. Nhân tốt sanh đường lành, ác nghiệp đọa địa ngục. Chỉ có Phật Bồ Đề, chốn nương về chân thật). Vì thế, hãy nên tạo phước lành để giúp cho tương lai của kẻ mắt.

**3.2.3.1.2.2.1.2.2.1.1.2. Thiết phước (làm phước)**

*(Kinh) Hoặc huyền phan cái, cập nhiên du dăng. Hoặc chuyển đọc tôn kinh. Hoặc cúng dường Phật tượng, cập chư thánh tượng. Nãi chí niệm Phật, Bồ Tát, cập Bích Chi Phật danh tự, nhất danh, nhất hiệu, lịch lâm chung nhân nhĩ căn, hoặc văn tại bản thức.*

**(經)或懸旛蓋，及然油燈。或轉讀尊經。或供養佛像，及諸聖像。乃至念佛菩薩，及辟支佛名字，一名一號，歷臨終人耳根，或聞在本識。**

*(Kinh: Hoặc treo phan, lọng, và thắp đèn dầu. Hoặc chuyển đọc tôn kinh. Hoặc cúng dường tượng Phật, và các thánh tượng. Cho đến niệm danh hiệu của Phật, Bồ Tát, và Bích Chi Phật, sao cho một danh, một hiệu lọt vào tai của người lâm chung, hoặc khiến cho thần thức của người ấy nghe được).*

Tu phước ở đây, sẽ vun bồi hai loại quả: Một là cái quả do tu phước theo mặt Sự, như treo phan, bày lọng, thắp đèn; hai là cái quả do tôn kính Tam Bảo, tức đọc kinh, cúng dường tượng, xưng danh hiệu. Kinh Phổ Quảng có chép: “*Nhược tứ bối nam nữ, nhược lâm chung thời, nhược dĩ quá mạng, ư kỳ vong nhật, tạo tác hoàng phan, huyền trước sát*

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*thượng, sử hoạch phước đức, ly bát nạn khổ, đắc sanh thập phương chư Phật Tịnh Độ. Phan cái cúng dường, tùy tâm sở nguyện, chí thành Bồ Đề. Phan tùy phong chuyển, phá toái đô tận, chí thành vi trần. Phan nhất chuyển thời, Chuyển Luân Vương vị. Nãi chí xuy trần, tiểu vương chi vị. Kỳ báo vô lượng. Nhiên đặng cúng dường, chiếu chư u minh khổ thống chúng sanh, mông thử quang minh, đắc hõ tương kiến. Duyên thử phước đức, bạt bỉ chúng sanh, tất đắc hưu tức”* (Nếu tứ chúng nam nữ, vào lúc lâm chung, hoặc đã qua đời, mà trong ngày mất, [thân quyến vì người ấy] tạo tác lá phan màu vàng, treo ở trên chùa, sẽ khiến cho người ấy đạt được phước đức, lìa khổ tám nạn, được sanh vào Tịnh Độ của mười phương chư Phật. Phan, lọng cúng dường, tùy theo tâm nguyện, cho tới khi thành Bồ Đề. Phan theo gió lay, tan nát hết sạch, đến mức nát thành bụi nhỏ. Khi phan lay động một cái, [người ấy] sẽ đạt địa vị Chuyển Luân Vương. Cho đến thời tung bụi, liền thành ngôi vị tiểu vương. Quả báo ấy vô lượng. Thắp đèn cúng dường, chiếu các chúng sanh đang đau khổ trong u minh, khiến cho họ do quang minh ấy mà trông thấy lẫn nhau. Nhờ phước đức ấy, cứu bạt những chúng sanh đều được ngồi nghỉ). Do có phước lợi này, cho nên treo phan, thắp đèn.

“*Cúng tượng*” (thờ phụng, hoặc cúng dường tượng) như đã giải thích trong phần trước. “*Niệm Phật*” như sẽ giải thích trong phần sau. Trong kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, Dạ Ma Thiên Vương đã vì chư thiên nói kệ như sau: “*Nhược nhân tâm niệm Phật, thị danh thiện mạng nhân, bất ly niệm Phật cố, thị vi mạng trung mạng*” (Nếu ai tâm niệm Phật, thì là người mạng lành. Do chẳng lìa niệm Phật, nên mạng trường thọ nhất). Niệm Pháp, niệm Tăng cũng như thế, khiến cho danh hiệu ấy lọt qua tai, nập vào trong thức thứ tám, trọn chẳng bị hủy hoại. Ví như kim cang lọt vào bụng, lâu ngày chẳng tan, ắt sẽ xuyên ruột lọt ra. Vì thế, cần phải huân văn Phật chủng (dùng lắng nghe để huân tập chủng tử Phật). Đó gọi là “*pháp âm lọt qua tai, công đức, phước báo trải nhiều kiếp; một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn thành hạt giống đạo*”. A Lê Đa Thức chính là bản thức. Do nó là cái gốc cho sự sanh tử, nên gọi là “*bản*”.

#### ***3.2.3.1.2.2.1.2.2.1.1.3. Đắc ích (được lợi ích)***

***(Kinh) Thị chư chúng sanh, sở tạo ác nghiệp, kế kỳ cảm quả, tất đọa ác thú. Duyên thị quyến thuộc, vị lâm chung nhân tu thử thánh nhân, như thị chúng tội, tất giai tiêu diệt.***

**(經)是諸眾生，所造惡業，計其感果，必墮惡趣。緣是眷屬，為臨終人修此聖因，如是眾罪，悉皆銷滅。**

*(Kinh: Các chúng sanh ấy do ác nghiệp đã tạo, xét theo quả báo cảm vùi, ắt đọa trong đường ác. Do nhờ quyến thuộc đã vì người lâm chung tu nhân duyên thánh đạo ấy, các tội như thế thảy đều tiêu diệt).*

Điều này ứng hợp với ý nghĩa “*gặp thiện tri thức vác giùm hết cho*” trong đoạn trước. Người chết đã quen thói làm nhiều điều ác, chẳng thể không bị nghiệp quán trối. Nhân quả chẳng sai sót, làm ác ắt mắc ương họa. Nếu chẳng có cái nhân “*tu thánh phước*”, sao có thể tránh khỏi cái quả trong tương lai? Luận A Tỳ Đàm nói: “*Thú (趣) là đạt đến, cũng gọi là Đạo, nghĩa là do con đường nghiệp nhân thiện hay ác ấy mà bị chuyển đến chỗ thọ sanh, cũng có thể nhờ vào nghiệp đã tạo để tiến hướng chỗ thọ sanh. Thú (趣) lại có nghĩa là quy hướng (hướng về), nghĩa là do nghiệp đã tạo, sẽ hướng về cõi trời hay đi vào địa ngục*”. Như trong kinh Đại Thừa Đồng Tánh, vua Lăng Già (Lankāvatāra) bạch cùng đức Phật: “*Vì sao chúng sanh bỏ thọ mạng này, nhận lấy thọ mạng kia? Bỏ thân cũ này, nhận lấy thân mới kia?*” Đức Phật dạy: “*Chúng sanh xả thủ thân dĩ, nghiệp phong lực xuy, di thức tương khứ, tự sở thọ nghiệp, nhi thọ kỳ quả*” (Chúng sanh bỏ thân này xong, do sức của gió nghiệp thổi, dời thức đi, theo nghiệp đã thọ mà nhận lấy cái quả). Vì thế, Khuê Phong đại sư nói: “*Muốn kiểm nghiệm lâm chung thọ sanh tự tại hay không, chỉ cần kiểm nghiệm trong những việc làm thường ngày, tâm có tự do hay không. Trong mười hai thời, hãy thường nên tự kiểm điểm bản thân*”. Ngài dạy đúng lắm thay! Đã tạo ác nghiệp, ắt đọa trong đường ác. Nay được thoát khỏi, do nhờ quyến thuộc tu đủ mọi thứ nhân duyên thánh đạo, khiến cho các tội như thế giống như gió mạnh thổi tan mây trôi, giống như nước lũ dập tắt lửa nhỏ. Vì thế biết: Các tội tiêu diệt chính là nhờ bậc tri thức rất mạnh gánh vác toàn bộ cho!

**3.2.3.1.2.2.1.2.2.1.2. Tử hậu tạo thiện (làm lành sau khi người ấy đã chết)**

*(Kinh) Nhược năng cánh vị thân tử chi hậu, thất thất nhật nội, quảng tạo chúng thiện, năng sử thị chư chúng sanh, vĩnh ly ác thú,*

*đắc sanh nhân thiên, thọ thắng diệu lạc. Hiện tại quyền thuộc, lợi ích vô lượng.*

**(經)若能更為身死之後，七七日內，廣造眾善，能使是諸眾生，永離惡趣，得生人天，受勝妙樂。現在眷屬，利益無量。**

*(Kinh: Nếu sau khi những người ấy đã chết, lại có thể trong bốn mươi chín ngày vì người ấy rộng làm các điều thiện, sẽ có thể khiến cho những chúng sanh ấy vĩnh viễn lìa khỏi đường ác, được sanh trong cõi trời, người, hưởng sự vui thù thắng, mâu nhiệm. Quyền thuộc trong hiện tại sẽ được lợi ích vô lượng).*

Điều này ứng hợp với năm câu “*lại còn nâng đỡ, giúp đỡ*” [trong đoạn trước]; tức là vị trí thức có sức mạnh không chỉ vác giùm toàn bộ đá nặng, lại còn có thể nâng đỡ người ấy đến chỗ đất bằng phẳng. Đoạn này chỉ dạy thẳng thừng: Sau khi người ấy đã chết, hãy tu phước cho người ấy. Chữ Mạt Lạt Năm (Marāṇa) trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Tử (chết). Như kinh Thập Nhị Phẩm Sanh Tử nói, người chết đi có mười hai phẩm loại. Vì thế, kinh Pháp Cú dạy: “*Phù thân giả, chúng khổ chi bốn, hoạn họa chi nguyên. Ngô ngã phước trước, sanh tử bất tức, giai do thân dư?*” (Thân là gốc của các khổ, là cội nguồn của họa hoạn. Cái Tôi trôi buộc, sanh tử chẳng ngơi, đều do cái thân đây chăng?) Nay muốn lìa cội khổ trong thế gian, hãy nên vì người ấy tạo tác thiện sự. “*Bốn mươi chín ngày*” sẽ giải thích trong phần sau.

Ví như nắng hạn đã lâu, ắt mong được mưa ngọt nhuần thấm. Nếu lâm tai ương, bệnh tật, ắt mong đợi thuốc của bậc lương y. Bệnh mà có thuốc để an thân, nắng hạn được mưa dầm để đất nhuần thấm. Vì thế, vĩnh viễn lìa khỏi đường ác, được sanh làm trời, người, giống như đến được chỗ đất bằng. Đã sanh lên trời, mãi mãi hưởng phước; hoặc ở trong nhân gian, hưởng quyền quý, giàu có dài lâu. Lúc hưởng niềm vui thù thắng, nhiệm mâu, cũng cần phải nhớ lại đường ác ấy. Vì thế, gìn giữ cái tâm kiên cố, sao cho chẳng lui sụt, chẳng đánh mất thiện niệm, kéo lại sa vào nẻo ác ấy!

Kinh Ưu Bà Tắc Giới dạy: “*Vị vong truy phước, thí dĩ mạng chung, thị nhân phước đức, tùy sở thí vật, nhậm dụng cứu cận, phước đức thường sanh. Thị phước truy nhân, như ảnh tùy hình*” (Vì người đã mất làm phước để thí cho người đã mạng chung, phước đức của kẻ [làm



***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

phước ấy] tùy theo những vật đã cúng thí mà sẽ tùy ý hưởng dụng lâu hay mau, phước đức thường sanh. Phước ấy theo sát con người, như bóng theo hình).

Chắc là có kẻ nói: “Chết rồi là hết!” Nghĩa ấy chẳng đúng, vì có sao? Vật (tức xác thân) đã hư hoại, chẳng dùng được! [Xác thân] mất đi là mất giữa hai lúc (lúc còn sống và lúc tái sanh trong đời sau), chứ không phải là mạng đã mất hết! Vì thế, [người đã mất] được giúp đỡ bèn sanh lên trời hay làm người, hưởng sự vui thù thắng nhiệm màu! Không chỉ là người chết được hưởng sự vui sướng siêu thăng, mà ngay cả người còn sống cũng đạt được lợi ích vô lượng!

**3.2.3.1.2.2.1.2.2.2. Tạo ác, vong nhân tăng tội** (*tạo ác thì người đã mất càng thêm tội*)

**3.2.3.1.2.2.1.2.2.2.1. Pháp thí** (*dạy về pháp*)

**3.2.3.1.2.2.1.2.2.2.1.1. Nhiếp tiền chánh khuyến** (*gộp chung ý nghĩa trong phần trước để khuyên bảo*)

*(Kinh) Thị cố ngã kim đối Phật Thế Tôn, cập thiên long bát bộ, nhân, phi nhân đẳng, khuyến u Diêm Phù Đề chúng sanh, lâm chung chi nhật, thận vật sát hại, cập tạo ác duyên, bái tế quý thần, cầu chư vông lượng.*

**(經)是故我今對佛世尊，及天龍八部，人非人等，勸於閻浮提眾生，臨終之日，慎勿殺害，及造惡緣，拜祭鬼神，求諸魍魎。**

*(Kinh: Vì thế, con nay đối trước đức Phật Thế Tôn và trời rồng tám bộ, cùng với nhân, phi nhân v.v... khuyên chúng sanh trong Diêm Phù Đề, trong ngày lâm chung, hãy cẩn thận đừng giết hại, và tạo các ác duyên, cúng tế quý thần, cầu các loài quý quái<sup>159</sup>).*

Đây là nhờ khi lâm chung tu phước, người mất lần kẻ còn đều được lợi ích, nên bèn khuyên nhủ. Nói “ngã kim” (con nay) thể hiện ý nghĩa: Một tay gánh vác chuyện lợi ích kẻ còn lẫn người mất. Đối với ngày lâm chung, kinh Tứ Tụ Xâm dạy: “Ngũ dục chi lạc, bất khả

---

<sup>159</sup> Vông Lượng (魍魎) vốn là loài yêu quái trong nước, có hình dáng như đứa trẻ ba tuổi, da đen pha đỏ, mắt đỏ, tai dài, tóc rậm, thích ăn gan người chết.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*thường đắc. Bệnh trước sàng thời, nhiều động bất an. Tử mạng hốt chí, thân đương bại hoại, an đắc cứu hộ?” (Niềm vui ngũ dục chẳng thể thường đạt được. Bệnh nằm mọp trên giường, vật vã, bất an. Số chết bỗng đến, thân sẽ hư nát, há giữ lâu dài ư?)*

“*Thận vật*” (hãy cẩn thận, đừng nên): “*Thận*” (慎) là luôn cẩn trọng. Lòng người giả dối, [bề ngoài] rành rành là tu hành, [nhưng thật ra] ngấm ngấm phóng đăng. Chỉ có Thận (thận trọng) là chân tâm; vì thế [chữ Thận] do Tâm (心) và Chân (真) ghép lại. “*Vật*” (勿, đừng), hàm ý răn cấm. Đã cẩn thận, lại răn cấm, kiên quyết thì chẳng sát hại! “*Ác duyên*” là những chuyện giúp cho sát hại được thành. “*Bái tế quỷ thần*”: “*Bái*” (拜) là phủ phục, tỏ lòng tôn kính. Người ta bái bèn khom mình, [chữ Bái] riêng chỉ hai tay của người hành lễ (chữ Bái do hai chữ Thủ (手) ghép lại), vì tay và vẻ mặt thể hiện sự cung kính, là điều tốt đẹp trong lễ nghi. Sách Thuyết Uyển<sup>160</sup> nói: “*Tế* (祭) là Tác (索). Tác là trọn hết, tức là đưa con hiếu trọn hết tâm lòng đối với cha mẹ”. Tế phát sanh từ cái tâm muốn báo đền nguồn cội; lòng xót xa, lo làm sao có thể thực hiện? Do vậy, bèn dùng cỗ bàn để hiến dâng, mong sao [người đã khuất] có thể hưởng, do lòng tinh thành mà ra. Nay bái tế quỷ thần, vãng lượng, điều này đã được nói tường tận trong bộ [Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yêu Hương] Nhữ Ký (trong kinh Phổ Diệu, ngài Ca Diếp nói: “*Tự niệm từ từ lai, dĩ lịch bát thập niên, phụng phong, thủy, hỏa thân, nhật, nguyệt, chư sơn, xuyên, tức dạ bất giải phé, tâm trung vô tha niệm, chí cánh vô sở hoạch, trị Phật nãi an ninh*” (Con tự nghĩ từ lúc cúng bái đến nay đã suốt tám mươi năm, thờ phụng các thần gió, nước, lửa, mặt trời, mặt trăng, các núi sông, ngày đêm chẳng lười nhác, sơ sót. Trong tâm không có ý niệm nào khác, rốt cuộc, vẫn không đạt được gì, [thế nhưng] gặp Phật bèn yên ổn) là nói về chuyện này).

***3.2.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2. Chuyển thích sở dĩ (giải thích nguyên do)***

***3.2.3.1.2.1.1.2.2.2.1.2.1. Trục thích (giải thích thẳng vào vấn đề)***

---

<sup>160</sup> Thuyết Uyển còn gọi là Tân Uyển, do Lưu Hướng soạn dưới đời Tây Hán. Đến đời Tống, Tăng Cung giáo chánh, bổ khuyết soạn thành bộ sách gồm hai mươi quyển. Sách ghi chép những truyền thuyết và những mẫu chuyện lịch sử từ thời Tiên Tần (trước khi Tần Thủy Hoàng diệt lục quốc) cho đến thời Tây Hán, thể hiện quan điểm và tư tưởng của Nho gia.

*(Kinh) Hà dĩ cố? Nhĩ sở sát hại, nãi chí bái tế, vô tiêm hào chi lực, lợi ích vong nhân, đản kết tội duyên, chuyển tăng thâm trọng.*

**(經)何以故? 爾所殺害, 乃至拜祭, 無纖毫之力, 利益亡人, 但結罪緣, 轉增深重。**

*(Kinh: Vì sao vậy? Vì giết hại, cho đến cúng lễ quỷ thần đó, chẳng có mấy may sức lợi ích nào cho người chết, chỉ kết thành tội duyên tăng thêm sâu nặng hơn).*

Kinh Thập Phương Thí Dụ nói: “*Thiên thượng, thiên hạ quỷ thần, tri nhân thọ mạng, tội phước, đương chí, vị chí, bất năng hoạt nhân, bất năng sát nhân, bất năng sử nhân phú quý, bản tiện, đản dục sử nhân tác ác, phạm sát, nhân nhân suy hao nhi vãng loạn chi, ngữ kỳ họa phước, linh nhân thiết từ tự nhĩ*” (Quỷ thần trên trời, dưới đất biết thọ mạng, tội phước của con người sẽ xảy ra, hay chưa xảy đến, nhưng chẳng thể khiến cho con người sống sót, chẳng thể giết người, chẳng thể khiến cho con người phú quý, nghèo hèn, chỉ có thể mong cho con người làm ác, phạm tội giết chóc, rồi do con người bị suy sụp, hao tán, mà đến quấy nhiễu, nói chuyện họa phước của họ, ép họ cúng bái). Vì thế biết, cúng bái quỷ thần vô ích, chẳng có mấy may tác dụng gì lợi ích cho người đã mất!

Kinh Quán Đảnh cũng dạy: “*Tạp vật chi tinh, phù du nhân thôn, ký kỳ vô thực, tác chư biến quái, phiến động nhân tâm. Hoặc hữu bạt mị tà sư, dĩ y vi phước, mịch chư phước hựu, dục đắc trường sanh. Ngu si, tà kiến, sát sanh từ tự. Tử nhập địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, vô hữu xuất thời, khả bất thận chi?*” (Tinh linh nơi các vật dật dờ trong các thôn làng. Do chúng không có cái ăn, bèn biến hiện các thứ quái đản, khiến cho lòng người xao động [phải cúng bái chúng]. Hoặc có những tà sư thờ phụng yêu quái, cho là chúng có thể tạo phước, mong chúng ban phước, mong được trường sanh. Do ngu si, tà kiến, họ bèn sát sanh để cúng tế. Họ chết đi bèn vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chẳng có lúc thoát ra, há chẳng cẩn thận ư?) Vì thế, chỉ kết tội duyên tăng thêm sâu nặng hơn! Do vậy, kinh Tứ Tụ Xâm dạy: “*Hữu sự thiên, địa, thủy, hỏa, nhật, nguyệt, sơn, xuyên chư quỷ thần giả, vĩnh vô sở ích. Cố tại châu toàn sanh tử chi lý, bất năng thoát xuất la vãng lao ngục*” (Có những kẻ thờ trời, đất, nước, lửa, mặt trời, mặt trăng, các quỷ thần nơi sông núi, vĩnh viễn vô ích! Vì thế, tuần hoàn trong vòng sanh tử, chẳng thể thoát

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

khỏi lưới rập, lao ngục). Các kinh đã nói cặn kẽ chuyện này, tiếc là người đời chẳng tin tưởng!

**3.2.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2.2. Phức số** (giải thích cặn kẽ)

**3.2.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2.2.1. Ứng báo thiện giả, phân đắc ác** (người đáng lẽ được hưởng quả báo lành đâm ra mắc phải quả báo ác)

*(Kinh) Giả sử lai thế, hoặc hiện tại sanh, đắc hoạch thánh phần, sanh nhân thiên trung, duyên thị lâm chung, bị chư quyền thuộc tạo thị ác nhân, diệc linh thị mạng chung nhân, ương lụy đối biện, văn sanh thiện xứ.*

**(經)假使來世，或現在生，得獲聖分，生人天中，緣是臨終，被諸眷屬造是惡因，亦令是命終人，殃累對辯，晚生善處。**

*(Kinh: Giả sử đời sau, hoặc trong đời hiện tại, người đó có phần đắc thánh quả, sẽ sanh vào cõi trời hay cõi người, nhưng do lúc lâm chung, bị các quyền thuộc tạo cái nhân ác ấy, cũng khiến cho người mạng chung bị phiền lụy phải đối chất, chạp sanh vào chốn lành).*

Đoạn kinh văn này chia làm hai tiểu đoạn:

- Đoạn thứ nhất, [nói đến chuyện người mất] đáng lẽ sanh vào chốn lành.

- Đoạn thứ hai, do điều ác lỗi kéo mà chẳng thể sanh!

“*Thánh phần*” tức Thất Bồ Đề Phần, hoặc Bát Thánh Đạo Phần, Bồ Tát quả phần, hoặc là cũng giống như chữ Phần trong kinh Pháp Hoa, [ngài A Nan, La Hầu La v.v... nói] “*ngã đẳng diệc ưng hữu phần*” (chúng con cũng nên có phần) [khi cầu đức Phật thọ ký cho hàng hữu học Thanh Văn]. Tức là người chết lúc bình nhật đã có thiện nhân, đáng nên có phần đạt được thiện quả, và sanh làm trời, người. Chỉ vì lúc lâm chung, bị quyền thuộc gây tạo nghiệp nhân giết chóc, do những chúng sanh đã bị giết đời mạng, [người mất] ắt phải trải qua sự đối chất, tranh biện trong âm ty. Tuy ương lụy [cuối cùng] cũng được giải quyết ổn thỏa, nhưng duyên sanh về [chốn tốt lành] đã bị chạp trễ. Sư Đạo Thế nói: “*Cha mẹ khuất núi, [con cái] giết nhiều sanh mạng [để cúng bái], cha chìm ngập trong nỗi khổ nặng nề, mẹ riêng hứng chịu vạc sôi, than hồng tăng thêm. Vì thế, trôi lăn trong tam giới, dằng dai mãi trong lục*

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

đạo, bốn đường dễ về, vạn kiếp khó thoát. U linh mẹ hiền đau đớn vì sự độc dữ do con cái ngộ nghịch gây ra” chính là nói về chuyện này, chẳng đáng xót xa lắm ư?

**3.2.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2.2.2. Ung thọ ác giả, cánh tăng nghiệp** (người đáng phải chịu ác, sẽ tăng thêm nghiệp)

*(Kinh) Hà hưởng lâm mạng chung nhân, tại sanh vị tăng hữu thiếu thiện căn, các cứ bốn nghiệp, tự thọ ác thú. Hà nhân quyến thuộc, cánh vi tăng nghiệp?*

**(經)何況臨命終人，在生未曾有少善根，各據本業，自受惡趣。何忍眷屬，更為增業？**

*(Kinh: Hưởng chi người sắp mạng chung, lúc sống chưa hề có chút thiện căn nào, xét theo nghiệp của người ấy, sẽ tự thọ thân trong đường ác, quyến thuộc sao nhân tâm tăng thêm nghiệp cho người ấy?)*

Ý “hà hưởng” trong đoạn này là: Trong phần trên là nói những người có thiện nghiệp, đáng sanh về chôn tốt lành, mà còn bị ác nghiệp lôi kéo, chậm sanh về chôn tốt lành. Hưởng hò những kẻ bản thân chẳng có thiện căn, đáng thọ thân trong đường ác! Nay lại tăng thêm nghiệp sát hại, há người chết chẳng bị tăng thêm ác nghiệp nặng nề ư? Ví như ôm đá chìm sâu dưới vực, người khác lại ném thêm nhiều vật để chìm xuống, mong thoát ra, khó khăn lắm thay! Vì thế, kinh Ưu Bà Tắc Giới dạy: “Nhược phụ táng dĩ, đọa ngạ quỷ trung, tử vi truy phước, đương tri tức đắc. Nhược thuyết sát sanh từ tự đắc phước, thị nghĩa bất nhiên! Hà dĩ cố? Bất kiến thể nhân chủng Y Lan tử, sanh Chiên Đàn thụ! Đoạn chúng sanh mạng, nhi đắc phước đức. Nhược dụng tự giả, đương dụng hương, hoa, nhũ, lạc, tô, quả, vị vong truy phước” (Nếu cha đã mất, đọa trong ngạ quỷ, con vì cha làm phước truy tiến, hãy nên biết cha sẽ hưởng được. Nếu nói sát sanh cúng quả mà được phước, nghĩa ấy chẳng phải đúng! Vì sao vậy? Chẳng thấy người đời gieo hạt Y Lan<sup>161</sup> mà được cây

---

<sup>161</sup> Y Lan (Erāvaṇa) là một loại hoa có màu đỏ rất đẹp, nhưng mùi hết sức hôi thối. Mùi thối lan tỏa rất xa. Kinh thường dùng hoa Y Lan để sánh ví thân người chỉ đẹp bề ngoài, bên trong toàn là bất tịnh. Loại hoa này khác với hoa Ylang Ylang (còn gọi là Cananga, hoặc Perfume tree, cũng được dịch là hoa Y Lan trong tiếng Hán).

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Chiên Đàn; đoạn mạng chúng sanh mà được phước đức ư? Nếu muốn cúng quả, hãy nên dùng hương, hoa, sữa, bơ, kem, trái cây để làm phước truy tiến cho người đã khuất). Vì thế, hai chữ “hà nhân” (sao lại nhân tâm) trở đi có ý “nhân tâm quá đổi, tăng thêm nghiệp [cho người chết]”!

#### **3.2.3.1.2.2.1.2.2.2. Dụ hợp (nêu thí dụ để làm rõ nghĩa)**

*(Kinh) Thí như hữu nhân, tòng viễn địa lai, tuyết lương tam nhật, sở phụ đảm vật, cường quá bách cân, hốt ngộ lân nhân, cánh phụ thiếu vật. Dĩ thị chi cố, chuyển phục khốn trọng.*

**(經)譬如有人，從遠地來，絕糧三日，所負擔物，強過百觔，忽遇隣人，更附少物。以是之故，轉復困重。**

*(Kinh: Ví như có người từ nơi xa đến, cạn hết lương thực đã ba ngày, mang vác đồ vật nặng hơn trăm cân, bỗng gặp kẻ hàng xóm nhờ mang thêm chút vật. Do bởi lẽ đó, người ấy càng khốn khổ, nặng nề hơn).*

“Hữu nhân” (có người) ví như chúng sanh trong Diêm Phù. “Tòng viễn địa lai” (từ xứ xa đến): Ví như sanh tử bao nhiêu đại kiếp kể từ vô thủy đến nay, thiếu sót tư lương ba thiện căn đã lâu, có thể biết là bụng rỗng, sức mòn! Lại mang vác gánh nặng Ngũ Âm nặng hơn trăm cân. Đây là nói chẳng biết pháp Ngũ Âm vốn là Không, làm lạc so đo “ta, người”, tạo đủ Thập Ác. Mỗi thứ đều trọn đủ như gánh nặng trăm cân. Chuyện này giống hệt như bản thân người sắp mạng chung chẳng có thiện căn. Từ chữ “hốt ngộ” (bỗng gặp) trở đi, ứng với câu “xét theo nghiệp của kẻ đó”, “lân nhân” (kẻ hàng xóm) ứng với quyên thuộc. “Thấu hiểu tâm” là thân hữu. Không thấu hiểu tâm thì là “lân nhân”. “Cánh phụ thiếu vật” (nhờ mang thêm chút vật), ví như lâm chung, [quyên thuộc] lại còn sát hại. “Chuyển phục khốn trọng” (trở thành khốn khổ, nặng nề hơn): Ứng với chuyện càng tăng thêm nghiệp.

#### **3.2.3.1.2.2.1.3. Kết hiển tu thiện đa thiếu tự đắc (tiểu kết và chỉ rõ tu thiện nhiều hay ít thì chính mình đều tự đạt được)**

---

Hoa Ylang Ylang vàng tươi, cánh cong dài, thường được chiết xuất tinh dầu để chế nước hoa.

*(Kinh) Thế Tôn! Ngã quán Diêm Phù chúng sanh, dẫn năng ư chư Phật giáo trung, nãi chí thiện sự, nhất mao, nhất đế, nhất sa, nhất trần, như thị lợi ích tất giai tự đắc.*

**(經)世尊！我觀閻浮眾生，但能於諸佛教中，乃至善事，一毛一滂，一沙一塵，如是利益悉皆自得。**

*(Kinh: Bạch đức Thế Tôn! Con thấy chúng sanh Diêm Phù chỉ có thể ở trong giáo pháp của chư Phật mà làm thiện sự, dẫn chỉ bằng một mảy lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi, sẽ đều tự đạt được lợi ích như thế).*

Đây là nói tu tập thiện sự trong Phật pháp, dẫn chỉ bằng một sợi lông, một giọt nước v.v... cũng đều tự đạt được lợi ích. Kinh Đại Bi dạy: “Nhược hữu chúng sanh, ư chư Phật sở, nhất phát tín tâm, như thị thiện căn, chung bất bại vong. Như nhân tích nhất mao vi bách phân, thủ nhất phân mao, triêm nhất trích thủy, trì ký ngã sở, ngôn ‘mạc linh thử thủy nhi hữu tăng giảm’. Như Lai tức thọ bĩ ký, trí Hằng hà trung. Như thị thủy trích bất tăng, bất giảm, cộng đại thủy tụ, tiêm nhập đại hải. Giả sử thị nhân trụ thế nhất kiếp, ngã diệc đắc trụ nhất kiếp. Bĩ nhân chí kiếp tận thời, nhi lai ngã sở, tác như thị ngôn: ‘Ngã bĩ ký thủy, kim hữu vô da?’ Như Lai nhĩ thời, tri bĩ thủy trích tại đại hải trung, kiến tri trụ xứ, bất tăng, bất giảm, bình đẳng như cố, trì hoàn bĩ nhân. A Nan! Như Lai hữu đại thần thông, ư thọ ký nhân trung tối tôn, tối thắng. Nhược ư Phật sở ký phó như thị vi tế thủy trích, kinh ư cửu viễn, nhi bất khuỵ tổn. Tế mao, dụ tâm ý thức. Hằng hà, dụ sanh tử lưu. Nhất trích thủy, dụ nhất phát tâm vi thiếu thiện căn. Đại hải dụ Như Lai. Sở ký nhân dụ thanh tín đẳng. Trụ nhất kiếp, dụ Như Lai thọ bĩ ký thủy, chung bất khuỵ tổn. Như thị A Nan! Nhược ư Phật sở, nhất phát tín tâm, thiện căn bất thất. Hà hướng chư dư thắng diệu thiện căn? Ngã thuyết thị nhân, nhất thiết tất thị thú Niết Bàn quả” (Nếu có chúng sanh ở nơi chư Phật vừa phát tín tâm, thiện căn như thế trọn chẳng hư mất. Như người chẻ một sợi lông làm trăm phần; lấy một phần lông ấy, thấm một giọt nước, cầm đến gờ ta, nói “đừng để cho lượng nước này có tăng hay giảm”. Như Lai liền nhận lấy, đặt nó trong sông Hằng. Giọt nước như thế chẳng tăng, chẳng giảm, ở chung với lượng nước to [của sông Hằng], dần dần vào trong biển cả. Giả sử người ấy sống một kiếp, ta cũng trụ thế một kiếp. Người

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

ấy cho đến khi kiếp tận, đến chỗ ta, nói như thế này: “Nước tôi vốn gởi đó, nay có hay không?” Lúc bấy giờ, Như Lai biết giọt nước ấy ở trong biển cả, biết chỗ ở của nó, chẳng tăng, chẳng giảm, bình đẳng như cũ, đem trả cho người ấy. Nay A Nan! Như Lai có đại thần thông, là bậc tối tôn tối thắng trong những người nhận lời gởi gắm. Nếu ở nơi Phật, gởi gắm giọt nước vì tế như thế, trải qua thời gian lâu xa mà chẳng hao hụt. Sợi lông nhỏ ví như tâm ý thức. Sông Hằng ví như dòng sanh tử. Một giọt nước ví như thiện căn phát tâm nhỏ bé. Biển cả ví như Như Lai. Người gởi gắm ví như hàng thanh tín nam, nữ. Trụ một kiếp ví như Như Lai nhận nước gởi gắm ấy, trọn chẳng hao hụt. Như thế đó A Nan, nếu phát tín tâm nơi Phật, thiện căn chẳng mất. Huống hồ các thiện căn thù thắng nhiệm màu khác! Ta nói người ấy hết thấy đều hướng đến qua Niết Bàn).

**3.2.3.1.2.2.2. Đại Biện trợ hiển** (*trưởng giả Đại Biện giúp hiển thị giáo pháp*)

**3.2.3.1.2.2.2.1. Đại Biện hưng vấn** (*Đại Biện nêu câu hỏi*)

**(Kinh) Thuyết thị ngữ thời, hội trung hữu nhất trưởng giả, danh viết Đại Biện. Thị trưởng giả cứu chứng Vô Sanh, hóa độ thập phương, hiện trưởng giả thân.**

**(經)說是語時，會中有一長者，名曰大辯。是長者久證無生，化度十方，現長者身。**

**(Kinh: Khi nói lời ấy, trong hội có một vị trưởng giả, tên là Đại Biện. Vị trưởng giả này chứng Vô Sanh từ lâu, hóa độ mười phương, hiện thân trưởng giả).**

Trước hết, người trùng tuyên kinh trần thuật lời tán thán, kẻ đó là trưởng giả thưa hỏi. “*Trưởng giả*” (Śreṣṭhin) như trong phần trước đã giải thích. Chữ Bát Đê Bà (Vākpaṭutva) trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Biện Tài. Biện (辯) là nói. Xoay chuyển không vương mắc, biện định rõ ràng, cho nên nói là “*biện tài vô ngại*”. Có bốn loại: Một là Nghĩa, hai là Pháp, ba là Từ, bốn là Nhạo Thuyết. Trưởng giả trọn đủ bốn đức ấy, nên tên là Đại Biện. Biện mà nói là Đại thì là: Từ trong một nghĩa mà diễn giải vô lượng nghĩa, từ trong một pháp diễn thành vô lượng pháp, từ trong một từ ngữ diễn thành vô lượng từ ngữ, cho đến tột



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

cùng đời vị lai thích nói ba pháp môn này, cho nên có danh xưng tốt lành ấy. Đây là nêu danh, kế tiếp là ca ngợi phẩm đức. “*Cửu chứng Vô Sanh*” (chứng Vô Sanh đã lâu): “*Vô*” nghĩa là không. Thường nói là các pháp chẳng sanh, Bát Nhã chẳng sanh, “*bát sanh*” chẳng sanh, thì gọi là Đại Niết Bàn. Vị này đã chứng đắc Niết Bàn như thế từ lâu. Địa vị cao rộng, thuộc hàng Đẳng Giác, vì muốn hóa độ mười phương, cho nên hiện thân trưởng giả.

*(Kinh) Hiệp chưởng cung kính, vấn Địa Tạng Bồ Tát ngôn: “Đại sĩ! Thị Nam Diêm Phù Đề chúng sanh mạng chung chi hậu, tiểu đại quyền thuộc vị tu công đức, nãi chí thiết trai, tạo chúng thiện nhân”.*

**(經)合掌恭敬，問地藏菩薩言：大士！是南閻浮提眾生  
命終之後，小大眷屬為修功德，乃至設齋，造眾善因。**

*(Kinh: Chắp tay, cung kính, hỏi Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Thưa đại sĩ! Chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề này sau khi mạng chung, các quyền thuộc lớn nhỏ vì người ấy tu các công đức, cho đến sắp đặt cỗ chay, tạo các nhân lành”).*

Trong lời hỏi, [ông Đại Biện hỏi] “*thị Nam Diêm Phù Đề*” (cõi Nam Diêm Phù Đề này) vì phần kinh văn trước đó đã nói cặn kẽ: Khi lâm chung và sau khi đã mất, hãy nên tu phước, cho nên ông dùng ngay ý ấy để hỏi. “*Công đức*” là những việc như treo phan v.v... “*Thiết trai*” (sắp đặt cỗ chay) tức là dâng cơm cho chư Tăng. “*Thiện nhân*” (nhân lành) là như bố thí, tạo tượng v.v...

*(Kinh) Thị mạng chung nhân, đắc đại lợi ích, cập giải thoát phủ?*

**(經)是命終人，得大利益，及解脫不？**

*(Kinh: Người mạng chung có được lợi ích to lớn và giải thoát hay chăng?)*

Từ “*mạng chung*” trở đi là phần nghi vấn chánh yếu. “*Mạng*” [theo quan niệm thông thường của Nho gia và Đạo giáo] là “sự tốt lành do trời ban”, là cội rễ tự nhiên nơi tánh, người học cần phải nắm vững. Khí chất bẩm thọ từ trời, cũng được gọi là Mạng. Do “trong, đục, đầy,

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

mỏng” sai khác, mà “trí, ngu, hiền, chẳng ra gì” tách biệt. Khí số (vận mạng) nơi trời cũng gọi là Mạng. Hễ cái gì có sanh thì “thọ, yểu, giàu, nghèo, sang, hèn” đều đã định sẵn. Đây đều là những ý nghĩa vay mượn của Mạng. Vua hạ lệnh cũng gọi là Mạng. Chữ Mạng (命) được ghép từ chữ Lệnh (令) và Khẩu (口), thuộc loại Hội Ý. Vua được tôn trọng như trời, vạn vật nghe theo mạng trời, vạn sự tuân theo lệnh vua. Vì thế nói là Mạng. Do vậy, Châu Văn Công nói: “*Mạng giống như lệnh*”. Đây là những ý nghĩa tinh diệu về Mạng trong đạo Nho.

Nhưng họ chẳng biết cội nguồn của Mạng chính là do nhân duyên của nghiệp từ đời trước. Khi Trung Hữu (Trung Âm) nương gá vào thai, thức thứ tám gieo vào trong ấy, mỗi hơi thở đều theo mẹ hít ra thở vào, vận mạng được thành lập ngay trong lúc đó. Do vậy, hễ thức còn nương gá thì thân còn tồn tại, mạng ở trong ấy. Cho nên nói “*sắc và tâm duy trì lẫn nhau chẳng dứt thì gọi là Mạng*”. Nếu một hơi thở không hít vào được nữa, sắc chất hư nát, hồn thần sẽ rời đi, gọi là “*mạng chung*”. Như vậy thì Sanh chẳng phải là do mạng trời mà sanh, kết thúc cũng chẳng do trời đoạt mà chấm dứt; mà là “*duyên hội tụ bèn sanh, duyên hết bèn chết*”. “*Tạo*” là tạo tác. Phạm làm các thiện sự, ắt phải cậy vào bảy chi nơi thân và miệng để tạo tác, lo toan, nhưng ắt cần phải do cái tâm dấy lên. “*Được lợi ích và giải thoát*” tức là [thắc mắc] người nơi dương trần tu phước, có thể khiến cho người chết thật sự đạt được lợi ích, giải thoát sanh tử hay không? Hay là chẳng được lợi ích, mà cũng chẳng thoát khỏi sanh tử?

**3.2.3.1.2.2.2.2. Địa Tạng thù đáp** (ngài Địa Tạng rủ lòng trả lời)

**3.2.3.1.2.2.2.2.1. Hứa thuyết** (hứa nói)

***(Kinh) Địa Tạng đáp ngôn: “Trưởng giả! Ngã kim vị vị lai, hiện tại nhất thiết chúng sanh, thừa Phật oai lực, lược thuyết thị sự”.***

**(經)地藏答言：長者！我今為未來現在一切眾生，承佛威力，略說是事。**

***(Kinh: Ngài Địa Tạng đáp rằng: “Này trưởng giả! Tôi nay vì hết thảy chúng sanh trong đời vị lai và hiện tại, nương theo oai lực của Phật mà nói đại lược chuyện ấy”.***

Ý nghĩa dễ hiểu.

**3.2.3.1.2.2.2.2.2. ĐÁP THỊ** (trả lời, chỉ dạy)

**3.2.3.1.2.2.2.2.2.1. LÂM CHUNG VĂN DANH TẮT THOÁT** (lâm chung nghe danh hiệu [chư Phật, Bồ Tát, Bích Chi Phật] đều được giải thoát)

*(Kinh) Trưởng giả! Vị lai, hiện tại chư chúng sanh đấng, lâm mạng chung nhất, đắc văn nhất Phật danh, nhất Bồ Tát danh, nhất Bích Chi Phật danh, bất vấn hữu tội, vô tội, tất đắc giải thoát.*

**(經)長者! 未來現在諸眾生等, 臨命終日, 得聞一佛名, 一菩薩名, 一辟支佛名, 不問有罪無罪, 悉得解脫。**

*(Kinh: Này trưởng giả! Các chúng sanh trong đời vị lai và hiện tại, vào ngày sắp mạng chung, được nghe danh hiệu của một vị Phật, một vị Bồ Tát, hoặc một vị Bích Chi Phật, chẳng cần biết là có tội hay vô tội, đều được giải thoát).*

Đã nói “lâm chung được nghe”, có thể biết là người ấy lúc thường nhật không niệm. Đã nói “văn nhất danh” (được nghe một danh hiệu), chẳng nói đến những chuyện khác, thì lại có thể biết [người ấy vốn chẳng nghe Phật pháp]. Nhưng chẳng luận có tội hay vô tội, đều được giải thoát; vì sao công lực lại thần diệu dường ấy? Ấy là vì sự cấp bách mà tâm chuyên chú. Như người bị đưa đi tử hình, hoặc bị giam chặt trong lao ngục, hoặc bị oán tặc truy bắt, hoặc bị nước lửa bức bách, một lòng cầu thoát khỏi nỗi khổ ấy; cho nên chỗ mong tưởng liền thành tựu. Niệm vào lúc bình thường thì lời nói và hành vi không tương xứng, hoặc tín lực nhẹ, ít, tâm chẳng liên tục, ý có gián đoạn. Vì thế, công phu thường nhật đâm ra lơ là, còn ý niệm lúc lâm chung chóng thành tựu. Như trước kia, quốc vương hỏi sa-môn Na Tiên (Nāgasenā) rằng: “Người trong thế gian làm ác, tới lúc trăm tuổi, lâm chung niệm Phật. Sau khi chết, được sanh về nước Phật, ta không tin lời ấy!” Ngài Na Tiên nói: “*Như chát một trăm khối đá to lên thuyền, nhờ thuyền nên đá chẳng bị chìm. Người tuy vốn ác, niệm Phật nhất thời, chẳng vào trong Nê Lê. Đá nhỏ bị chìm, như người làm ác, chẳng biết niệm Phật, liền vào Nê Lê*”. Há chẳng phải là do sự cấp bách, tâm chuyên, cho nên công năng vượt xa lúc bình thường ư? Như người vào trận, chẳng tiếc thân mạng, thì được gọi là “*kiện nhân*” (健人, người mạnh mẽ). Vì thế biết thiện, ác không nhất định, bản thể của nhân duyên là Không. Xét theo hình tích thì có thẳng, trầm, nhìn theo Sự bèn có hơn, kém. Một lạng vàng quý

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

hơn trăm lượng bông gòn. Ánh sáng yếu ớt của một bó đuốc, hơn hẳn cỏ chất cao vạn nhận<sup>162</sup>. Hãy xem chuyện lâm chung của ông Trương Chung (tức Trương Thiện Hòa, còn có tên là Quỳ), liền tin lời giải thoát như kinh này đã dạy!

**3.2.3.1.2.2.2.2.2.2. Thị chung hậu tạo phước hoạch nhất** (dạy sau khi đã mất mà tạo phước thì người chết hưởng một phần)

**3.2.3.1.2.2.2.2.2.2.1. Lược mình** (nêu đại lược)

**3.2.3.1.2.2.2.2.2.2.1.1. Trục mình chung hậu hoạch nhất** (nói thẳng: Sau khi mất, người chết hưởng một phần phước)

*(Kinh) Nhược hữu nam tử, nữ nhân, tại sanh bất tu thiện nhân, đa tạo chúng tội. Mạng chung chi hậu, quyền thuộc tiểu, đại, vị tạo phước lợi. Nhất thiết thánh sự, thất phần chi trung, nhi nãi hoạch nhất. Lục phần công đức, sanh giả tự lợi.*

**(經)若有男子女人，在生不修善因，多造眾罪。命終之後，眷屬小大，為造福利。一切聖事，七分之一。六分功德，生者自利。**

*(Kinh: Nếu có nam tử, nữ nhân, lúc sống chẳng tu nhân lành, tạo nhiều các tội. Sau khi mạng chung, quyền thuộc lớn nhỏ vì người ấy tạo phước để làm lợi. Trong hết thấy các thánh sự, bảy phần thì người mất hưởng một phần. Sáu phần công đức người sống tự hưởng).*

Đức Phật vì đại chúng thế tục thuyết pháp, ắt trước hết sẽ bàn về giới, bàn về bố thí, bàn về sanh thiên. Do Thí và Giới chính là thiện nhân để sanh lên trời. Hiềm rằng hết thấy chúng sanh chẳng hiểu “tất cả những gì có trong thế gian rốt cuộc đều là không”, chẳng có gì cả! Lúc an ổn, muôn sự vạn môi, chẳng vì thân toan tính mà đã chuốc lấy muôn tội. Ương họa ứng theo [ngiệp nhân đã tạo] như tiếng vang ứng theo âm thanh, vô thường đưa tới, trôi buộc lôi theo, chẳng lìa tù ngục Ngũ Âm, Lục Suy<sup>163</sup>. Vì thế nói “*bất tu thiện nhân, đa tạo chúng tội*” (chẳng tu

<sup>162</sup> Nhận (仞) là đơn vị đo dài thời cổ. Thời Châu, một Nhận là tám thước. Sang thời Hán, một Nhận chỉ còn bảy thước.

<sup>163</sup> Lục Suy chính là Lục Trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp), vì chúng có thể khiến cho con người suy hao chân tánh, ví như sáu tên giặc, nên còn gọi là Lục Tặc.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

nhân lành, tạo nhiều các tội). Từ “*mạng chung*” trở đi, [chánh kinh nói đến chuyện] vì người đã mất tu phước tạo lợi ích. Treo phan, bày lọng, thắp đèn, đều là phước nghiệp. Hồi hướng phước nghiệp ấy để giúp [người mất] sanh lên trời hưởng phước, hoặc sanh vào chỗ có phước trong nhân gian. Vì thế nói là “*phước lợi*”.

“*Thánh sự*”: “*Thánh*” có nghĩa là Chánh. Tụng kinh, cúng dường tượng, niệm Phật v.v... đều là những việc chánh đáng trong pháp môn, có thể giúp xuất thế, đạt được thánh quả trong tam thừa. Vì thế nói là “*thánh sự*”. “*Bảy phần được một*” là [người chết] được hưởng rất ít, nhưng chẳng uổng phí công lao! Người sống tự được hưởng sáu phần! Vì thế, kinh Vãng Sanh dạy: “*Vong hậu tác phước, tử giả thất phần hoạch nhất, dư giả thuộc hiện tại giả*” (Chết rồi làm phước thì người chết được một phần [công đức], những phần còn lại thuộc về người còn sống). Hai kinh dạy giống nhau.

**3.2.3.1.2.2.2.2.2.1.2. *Phản hiển tự tu tất đắc*** (*chỉ ngược lại: Tự tu tập thì [những công đức đã làm] đều đạt được*)

***(Kinh) Dĩ thị chi cố, vị lai, hiện tại thiện nam nữ đẳng, văn kiện tự tu, phần phần kỷ hoạch.***

**(經)以是之故，未來現在善男女等，聞健自修，分分己獲。**

***(Kinh: Do vì lẽ ấy, các thiện nam thiện nữ trong vị lai và hiện tại, [đang trong lúc] tai nghe thông tỏ, thân thể mạnh mẽ, hãy tự tu thì mỗi phần [công đức, phước đức đã tu] chính mình đều được hưởng.***

Nói tiếp ý câu trên, nói ngược lại nhằm dạy rõ: Nếu chính mình tự tu thì sẽ đạt được toàn bộ lợi ích. “*Văn kiện*” (聞健) là trong lúc tai nghe thông tỏ, thân thể mạnh mẽ. “*Kiến*” (健) là “*kiến*” (建, tạo dựng), hàm ý có thể tạo dựng. Đây là khuyên mọi người hãy tu hành thật sớm. Bởi lẽ, [theo kinh Dịch] Kiến là phẩm đức của quẻ Càn, là tinh túy của thuần dương. [Chữ Kiến (健)] do Nhân (人) và Kiến (建) ghép lại, tức là phỏng theo đạo trời mà lập chí. Chí đã lập, khí sẽ thuận theo. Kinh Dịch chép: “*Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức*” (Đạo trời vận hành mạnh mẽ, [do đó], quân tử cũng tự phải không ngừng gắng sức trau luyện cho mình tốt đẹp hơn) là nói đến ý này.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú**

Vì thế, trong kinh Tùy Nguyên Vãng Sanh, Phổ Quảng Bồ Tát bạch cùng đức Phật: “*Nhược thiện nam nữ, vị chung chi thời, nghịch tu sanh thất, nhiên đặng, huyền phan, thỉnh tăng chuyển kinh, đắc phước đa phủ?*” (Nếu thiện nam nữ, lúc chưa mất, đã lo tu sanh thất, [tức là] thấp đèn, treo phan, thỉnh tăng đọc kinh [trong khi còn sống suốt bảy ngày] thì có được phước nhiều hay không?) Đức Phật dạy: “*Kỳ phước vô lượng*” (Phước ấy vô lượng). Bồ Tát lại hỏi: “*Phụ mẫu, thân tộc mạng chung thọ khổ, vị kỳ tu phước, đắc phước đa phủ?*” (Cha mẹ, thân tộc mạng chung chịu khổ, vì họ tu phước, có được phước nhiều hay chăng?)

Đức Phật dạy: “*Thất phần hoạch nhất, duyên tiền sanh bất tín đạo đức cố. Nhược dĩ vong giả nghiêm thân chi cụ, ốc trạch, viên lâm, dĩ thí Tam Bảo, khả bạt địa ngục chi khổ*” (Bảy phần phước [thì người chết] được hưởng một phần, do họ lúc còn sống chẳng tin theo đạo đức. Nếu dùng những món trang sức, nhà cửa, vườn, rừng của người chết để cúng thí Tam Bảo, sẽ có thể dẹp trừ nỗi khổ trong địa ngục). Như trong Di Kiên Chí<sup>164</sup> có chép truyện Vương Ôn ở Ngạc Chủ gửi kho, sai đầy tớ là Lý Đại viết rồi điếm chỉ. Tự tu trong lúc tai nghe thông suốt, thân thể khỏe mạnh, chớ nên không làm! Người đời có kẻ làm “*sanh thất*” (cúng thất trong khi còn sống), có kẻ gửi kho sẵn, đừng cho là chuyện vọng tưởng của mấy bà già quê mùa, si dại, để rồi khinh thường vậy!

### **3.2.3.1.2.2.2.2.2.2.2.2.2. Tường thị (dạy cận kề)**

**3.2.3.1.2.2.2.2.2.2.2.2.2.1. Thị vong nhân vọng cứu (cho biết người đã mất mong được cứu giúp)**

**3.2.3.1.2.2.2.2.2.2.2.2.2.1.1. Tội phước vị định (tội phước chưa quyết định)**

**3.2.3.1.2.2.2.2.2.2.2.2.2.1.1.1. Cầu cứu chi ý (người chết có ý mong được cứu)**

**(Kinh) Vô thường đại quý, bất kỳ nhi đáo, minh minh du thần, vị tri tội phước, thất thất nhật nội, như si, như lung.**

---

<sup>164</sup> Di Kiên Chí là tác phẩm thuộc thể loại bút ký chép về cuộc sống, nhân văn, những chuyện lạ lùng, quái dị mà tác giả được nghe biết, do Hồng Mai soạn vào đời Nam Tống. Nguyên tác đến bốn trăm hai mươi quyển, hiện thời không còn được một nửa!

**(經)無常大鬼，不期而到，冥冥遊神，未知罪福。七七  
日內，如癡如聾。**

*(Kinh: Quỷ lớn vô thường đến bất ngờ, hồn thơ thần trong chốn  
tối tăm, chưa biết tội phước. Trong bốn mươi chín ngày, như si, như  
điếc).*

Từ ngữ Tát Ca Da Tát trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Vô Thường. Đại Luận nói: “*Hết thầy các pháp hữu vi đều thuộc về nhân duyên, luôn sanh diệt đổi mới, cho nên nói là Vô Thường. Một là vô thường vì pháp liên tục hư hoại. Hai là vô thường vì sanh diệt trong mỗi niệm*”. Tông Kính Lục chia [vô thường] thành hai loại và bốn tướng:

- Một là nói theo quả báo thô, tức sanh, lão, bệnh, tử.
- Hai là nói theo Hoặc Nghiệp vi tế, tức sanh, trụ, dị, diệt.

Hai thứ này giống như hai thứ vô thường trong Đại Luận.

“*Đại quỷ*”: Theo sách Hiếu Kinh Viện Thần Khế đã nói, thần Thái Sơn là cháu nội của Thiên Đế, chủ trì việc triệu hồn người (phủ Đông Nhạc (Thái Sơn) có Thái Bảo chuyên trách truy nhiếp hồn người sống là Ngạc nguyên soái, truy nhiếp hồn người chết là Mạnh nguyên soái, Phong Đô Cửu Khúc truy hồn trăm quỷ Vi nguyên soái. Do vậy, kinh Thanh Linh nói: “*Người và vật chết rồi, đều có hồn*”. Như Minh Báo Ký chép Lý Sơn Long ở Phùng Dục giữ chức Hiệu Úy đời Đường. Trong niên hiệu Vũ Đức<sup>165</sup>, bỗng chết đột ngột, nhưng tim chẳng lạnh, nên người nhà chưa khâm liệm. Bảy ngày sau, ông ta sống lại, tự nói mình bị cõi âm bắt đi. Ông được dẫn tới trước bệ của nhà vua (Diêm vương), vua truyền ông hãy lên tòa tụng kinh Pháp Hoa. Sơn Long vừa tụng tựa đề kinh, một ngàn người cùng tội nhờ phước ấy mà đều thoát tội. Vua sai sứ đưa về. Có ba người nói với Sơn Long: “*Vua đã thả ngài, có thể cho chúng tôi chút ít được hay không?*” Họ nói: “*Sứ giả đi bắt ngài khi trước thì một là Thằng Chủ (người quản lý dây trời), dùng dây đỏ trời ngài. Một là Bồng Chủ, dùng gậy đánh vào đầu ngài. Người nữa là Đại Chủ, dùng cái dây râu hơi thở của ngài. Nay thấy ngài được trở về, cho nên xin lại những vật ấy*”).

Vì thế, kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Nhân dục chung thời, kiến Trung Âm tướng, nhược hành ác nghiệp giả, kiến Diêm La trì chư binh tượng, từ chấp tương khứ*” (Người sắp lâm chung, thấy tướng Trung Âm. Nếu

<sup>165</sup> Vũ Đức là niên hiệu của Đường Cao Tổ (Lý Uyên) từ năm 618-626.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

là kẻ làm ác, sẽ thấy Diêm La cầm các vũ khí, bắt giữ lôi đi). Vì thế nói là “*vô thường đại quý*”. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Hữu u thai trung tử, hữu sanh thời mạng chung, hữu tài hành tiện vong, hữu năng tẩu hốt tốt*” (Có kẻ chết trong thai, có kẻ sanh ra liền chết, có kẻ vừa mới biết đi liền chết. Có kẻ đã đi được bỗng chết). Vì thế nói “*bất kỳ nhi đáo*” (bất ngờ mà đến). Nội Đức Luận<sup>166</sup> viết: “*Trăm tuổi dễ hết, năm phước khó thường hằng. Dòng sông mạng trôi như ánh chớp qua đi. Đất nghiệp lâu dài như trời cao*” là nói về ý này!

“*Thần*” (thần thức, thần hồn): Đại Luận nói: “*Phàm phu do nhớ nghĩ, phân biệt, tùy theo cái tâm ta chấp tướng, cho nên so đo là có thần thức, tức Trung Ấm Thân*”. Như vị trời tên là Lục Huyền Sướng đã nói [với ngài Đạo Tuyên luật sư]: “*Con người nắm thọ bảy thức, mỗi thức đều có thần, tâm thức làm chủ. Trong chốn tối tăm, du hành trong hư không, đó gọi là tam đồ tội bậc truân chiên, mù mịt. Bốn dòng mệnh môn không ngăn mé*”. Vì thế nói là “*minh minh du thần*” (thần hồn tho thần trong chỗ tối tăm). “*Tội phước*” tức là Thập Ác, Thập Thiện. Hồn thần đã chẳng biết chính mình tội phước như thế nào, cho nên trong bốn mươi chín ngày như si cuồng, vô tri, như kẻ tai điếc chẳng nghe. Đây là lúc mới chết.

***(Kinh) Hoặc tại chư ty, biện luận nghiệp quả. Thẩm định chi hậu, cử nghiệp thọ sanh. Vị trách chi gian, thiên vạn sâu khổ. Hà huống đọa u chư ác thú đẳng.***

**(經)或在諸司，辯論業果。審定之後，據業受生。未測之間，千萬愁苦。何況墮於諸惡趣等。**

*(Kinh: Hoặc ở tại các ty, biện luận nghiệp quả. Sau khi thẩm định, căn cứ theo nghiệp mà thọ sanh. Trong khi chưa quyết định, đã là ngàn vạn sâu khổ; huống hồ khi đọa vào các đường ác).*

Từ “*hoặc tại*” (hoặc ở trong) trở đi, nói đến sự tra xét sau khi chết. Theo Địa Tạng, “*chư ty*” có nhiếp phách, truy hồn, tróc sanh (bắt kẻ sống), lạc tử (bắt người chết), thưởng thiện, phạt ác, sát quá (phán xét lỗi lầm), củ phi (uốn nắn những sai trái). Hiền Ứng Thái Bảo Nhiếp Hồn thuộc Nhạc phủ (Đông Nhạc phủ của thần núi Hoa Sơn, tức Đông Nhạc

<sup>166</sup> Nội Đức Luận là một bài viết của Lý Sư Chánh vào đời Đường, luận định về đạo đức theo quan điểm nhà Phật, đã phá kiến chấp của Nho sĩ đương thời.



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Đế Quân) là Châu Tướng Quân. Cũng có phán quan lo việc tróc nã, áp tải, truy án, có các vị án chủ trông coi việc quản thúc, bắt giữ tội nhân đối chiếu với các chứng cứ. Theo kinh Tịnh Độ Tam Muội, dưới vua Diêm La có năm vị quan. Một là Tiễn Quan cầm sát, hai là Thủy Quan cầm đao (nghiêm cầm trộm cắp), ba là Thiết Quan cầm dâm, bốn là Thổ Quan cầm lưỡng thiết, năm là Thiên Quan cầm rượu. Đầy đều là các ty trong cõi âm.

“*Biện luận nghiệp quả*”: Thiên ác mỗi loại đều có ba phẩm. Khi tạo thì tâm cảnh khác nhau, tùy theo từng việc đã làm mà nhận được quả báo. Trời chẳng phán định oan uổng quá mức, bình đẳng, chánh trực bất nhị. Dựa theo việc đã làm mà mà lưới trời xử trị. Vì thế, cần phải biện luận. Nếu sau khi thẩm định, căn cứ theo nghiệp mà thọ sanh, như Luận nói: “*Hết thấy những điều bất thiện đều là cái nhân của địa ngục. Ngoài những điều bất thiện ấy, sanh vào súc sanh, ngạ quỷ v.v...*” Theo Minh Tường Ký, Triệu Thái sau khi chết, được phủ quân (Đông Nhạc Đế Quân) sai làm Thủy Quan Đô Đốc trông coi các chuyện trong địa ngục. Ông ta thấy một cái thành vuông vắn hơn hai trăm dặm, gọi là Thọ Biến Hình Thành (thành thọ thân biến hình).

Những kẻ đã chịu tra khảo, trừng trị trong địa ngục xong, sẽ ở trong thành này chịu quả báo biến đổi. Triệu Thái vào trong thành ấy, thấy mấy trăm nha lại thuộc các ty cục đang so sánh đối chiếu văn thư, nói kẻ sát sanh sẽ làm con phù du, sáng sanh, tối chết. Kẻ trộm cướp sẽ làm lợn, dê, bị người ta mổ, xẻ. Kẻ dâm dật sẽ làm chim hạc, cò, cheo, hoẵng. Kẻ nói dối chiều, sẽ làm điều, cú vọ, cú mèo. Kẻ trốn nợ sẽ làm lừa, la, trâu, ngựa. Vì thế nói là “*cứ nghiệp thọ sanh*” (căn cứ theo nghiệp mà thọ sanh).

Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ và luận Câu Xá, đúng là do tội nhân vì ác nghiệp hun đúc cái tâm, khiến cho tâm đổi khác, từ trong Không mà làm lạc thấy có. Thật ra không có Diêm La trong ấy phán xét các tội nhân; nhưng đã do nghiệp huân tập, liền hư vọng thấy những cảnh ấy, tội nhân cho là thật, chẳng hư huyền. Vì thế, sau khi người ấy mới chết, trước lúc thẩm định, chẳng suy lường được tội phước của chính mình nhiều ít ra sao, đã ngàn muôn lo lắng, ưu sầu, khổ sở lắm nỗi, đã là chẳng thể nói nỗi! Huống hồ đọa vào các đường ác, nỗi khổ sở ấy càng quá hơn nữa!

### ***3.2.3.1.2.2.2.2.2.1.1.2. Cầu cứu chi thời (đấy là lúc cầu cứu)***

***(Kinh) Thị mạng chung nhân, vị đắc thọ sanh, tại thất thất nhật nội, niệm niệm chỉ gian, vọng chư cốt nhục quyến thuộc, dữ tạo phước lực cứu bạt.***

**(經)是命終人，未得受生，在七七日內，念念之間，望諸骨肉眷屬，與造福力救拔。**

*(Kinh: Người mạng chung ấy chưa được thọ sanh, trong vòng bốn mươi chín ngày, trong mỗi niệm đều mong ngóng các quyến thuộc ruột thịt giúp tạo phước lực để cứu vớt).*

Sách Phật Tổ Thông Kỳ nói cúng trai trong bốn mươi chín ngày. Du Già Sư Địa Luận nói người chết đi, thân Trung Hữu nếu chưa có duyên được thọ sanh, sẽ tồn tại nhiều nhất là bảy ngày bèn chết đi, rồi lại sanh. Lần lượt sống chết như thế cho tới bốn mươi chín ngày, quyết định được thọ sanh.

Nếu có duyên để thọ sanh [sớm hơn] thì không nhất định. Kinh nói những kẻ cực thiện hoặc cực ác, không có thân Trung Hữu (Trung Hữu (Antarābhava) còn gọi là Trung Âm. Cực thiện liền sanh Tịnh Độ, kém hơn thì sanh làm trời, người. Cực ác liền đọa địa ngục ngay trong ngày tử vong, không trải qua giai đoạn Trung Âm). Sách lại dẫn Thích Thị Yếu Lãm<sup>167</sup> nói: Nay người đã chết, cứ mỗi bảy ngày, ắt phải sắp đặt cỗ chay làm phước truy tiến, gọi là “*trai thất*”, khiến cho Trung Hữu có chủng tử, chẳng chuyển sanh vào đường ác. Nay người đời trong bốn mươi chín ngày làm công đức, chính là để an ủi lòng mong mỏi được cứu vớt của người đã mất.

**3.2.3.1.2.2.2.2.2.1.2. Thăm định thọ báo (thăm định, hứng chịu báo ứng)**

***(Kinh) Quá thị nhật hậu, tùy nghiệp thọ báo. Nhược thị tội nhân, động kinh thiên bách tuế trung, vô giải thoát nhật. Nhược thị***

---

<sup>167</sup> Thích Thị Yếu Lãm do ngài Đạo Thành biên soạn vào năm Thiên Hỷ thứ ba (1019) đời Bắc Tống, nhằm giúp cho các tăng ni biết những kiến thức thông thường về Phật giáo. Sách viết về những khái niệm cơ bản trong Phật học, các quy tắc, pháp quy trong tự viện, cũng như giải thích một số từ ngữ Phật học, chia thành 679 mục. Sách dẫn chứng khá rộng các sách vở Phật giáo, là một tài liệu tham khảo rất hữu ích cho Phật giáo.



*(Kinh) Phục thứ trưởng giả! Như thị tội nghiệp chúng sanh, mạng chung chi hậu, quyền thuộc cốt nhục vị tu doanh trai, tư trợ nghiệp đạo. Vị trai thực cánh, cập doanh trai chi thứ, mẽ cam, thái diệp, bất khí u địa. Nãi chí chư thực, vị hiển Phật, Tăng, vật đắc tiên thực.*

**(經)復次長者！如是罪業眾生，命終之後，眷屬骨肉為修營齋，資助業道。未齋食竟，及營齋之次，米泔菜葉不棄於地。乃至諸食，未獻佛僧，勿得先食。**

*(Kinh: Lại này ông trưởng giả! Chúng sanh tội nghiệp như thế, sau khi mạng chung, quyền thuộc cốt nhục vì người ấy sắp đặt cơm chay cúng dường, để giúp cho nghiệp đạo của người đó. Lúc chư tăng chưa thọ trai xong, và sau khi nấu xong cỗ chay, nước gạo, lá rau, đừng vứt bỏ nơi đất. Thậm chí các món ăn nếu chưa dâng lên Phật và Tăng, đừng nên ăn trước).*

Đầu tiên là khuyên nên làm cỗ chay dâng cúng [Tam Bảo]. Đây là nói rõ dâng cơm lên Tam Bảo, chẳng phải là “không ăn quá Ngọ thì gọi là Trai”. Nước gạo, lá rau đừng vứt bỏ nơi đất, hãy nên chứa trong đồ đựng. Sau khi cúng trai tăng xong, sẽ thí cho súc sanh. Theo Phật Thuyết Hộ Tịnh Kinh, cần phải giữ cho tay sạch sẽ khi vo gạo, rửa rau, cũng đừng nên dùng tay bất tịnh chạm vào đồ ăn thanh tịnh. “Vị hiển” (lúc chưa dâng cúng) là dạy về cách trai tăng. Đại Luận dẫn kinh nói: Phật là thân kim cang, không cần phải ăn uống, nhưng vì độ chúng sanh, hiện có ăn uống, chứ Ngài thật sự không ăn. Dâng thức ăn lên Phật, mà Phật chưa dùng, người khác sẽ chẳng thể tiêu. Vì thế, chưa dâng cúng lên Phật, Tăng, đừng ăn trước! Kinh Hộ Tịnh nói: “Nhất thiết hiển giả thí thiết phước hội, u tiên thường xuyên, thử thực đồ tác tàn thực. Đường tác thử hội, bất như bất tác. Hà cố? Chư thiên bất hoan, quý thần bất hỷ. Thử nhân u tiên thường giả, ngũ bách thế trung, thọ ngã quý khổ, cố giới đoạn vật tiên thực dã” (Hết thầy các vị hiển giả làm pháp hội trai tăng cầu phước, mà ăn hoặc ném đồ ăn trước, những món ăn ấy đều thành đồ thừa. Uống công làm pháp hội ấy, chẳng bằng không làm. Vì sao vậy? Chư thiên chẳng vui, quý thần chẳng mừng. Người ném trước ấy sẽ trong năm trăm đời chịu khổ làm ngã quý. Vì thế, răn dạy đừng ăn trước).



### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Vì thế, này ông trưởng giả! Chúng sanh trong Diêm Phù nếu có thể vì cha mẹ, cho đến quyến thuộc, sau khi họ mạng chung, sắp đặt cỗ chay cúng dường [Tam Bảo], chí tâm siêng năng, khẩn thiết. Người như thế thì kẻ còn lẫn người mất đều được lợi).*

“Chí tâm cần khẩn” tức là siêng gắng, chuyên ròng, gìn giữ thanh tịnh. Chỉ tinh thành thì mới có thể chí tâm. “Tinh” là công phu đạt đến tốt đỉnh. Chữ Tinh (精) do Mễ (米) và Thanh (青) ghép lại. Gạo vừa thoát khỏi vỏ trấu hãy còn vàng, còn thô. Gạo giã tróc cám, sẽ có màu gần hơi xanh. Đây là ý nghĩa được bao hàm trong chữ này: Cái tinh túy nhất của thiên chân. Ân cần, thành khẩn như thế, sẽ tự đạt “người mất lẫn kẻ còn đều được lợi ích”. Phần trưởng giả Đại Biện giúp hiển phát ý nghĩa đã xong.

#### **3.2.3.1.2.2.3. *Quỷ thần phát tâm (quỷ thần phát tâm)***

*(Kinh) Thuyết thị ngữ thời, Đạo Lợi thiên cung, hữu thiên vạn ức na-do-tha Diêm Phù quỷ thần, tất phát vô lượng Bồ Đề chi tâm.*

**(經)說是語時，忉利天宮，有千萬億那由他閻浮鬼神，悉發無量菩提之心。**

*(Kinh: Lúc nói lời ấy, trên cung trời Đạo Lợi có ngàn vạn ức na-do-tha quỷ thần trong cõi Diêm Phù đều phát tâm Bồ Đề vô lượng).*

Vì sao đến đây quỷ thần mới phát tâm? Trong phần trên đã nói rõ “tế lễ quỷ thần vô ích, chỉ khiến cho người ta tạo nghiệp”. Quỷ cũng có lương tâm, há chẳng hổ thẹn ư? Vì thế, phát tâm làm quỷ thần hộ pháp. Hỏi: Quỷ thần tự phát tâm, hay là do đức Phật và ngài Địa Tạng dạy họ phát tâm? Đáp: Tự, tha, cộng, ly<sup>168</sup> đều chẳng thể được, nhưng do cảm ứng đạo giao bèn luận định về phát tâm đó thôi!

#### **3.2.3.1.2.2.3. *Trưởng giả lễ thoái (trưởng giả làm lễ lui ra)***

*(Kinh) Đại Biện trưởng giả, tác lễ nhi thoái.*

---

<sup>168</sup> Đây là bốn tướng để biện định sự việc: Tự là do chính mình làm, Tha là do người khác làm, Cộng là đôi bên cùng làm, Ly là ta lẫn người đều chẳng làm.

**(經)大辯長者，作禮而退。**

*(Kinh: Trưởng giả Đại Biện làm lễ lui ra).*

Đã là cùng một hội, lui về nơi nào? Do lúc hỏi pháp, ra khỏi chỗ ngồi, tiến đến trước làm lễ. Hỏi đáp đã xong, làm lễ, lui về chỗ ngồi, tức là biểu thị ai nấy tự trụ trong Tam Ma Địa.

**3.2.3.2. Diêm La hưng văn, tán thán** (*Diêm La thưa hỏi, tán thán*)

**3.2.3.2.1. Phẩm đề** (*tên gọi của phẩm này*)

*(Kinh) Diêm La Vương chúng tán thán, phẩm đệ bát.*

**(經)閻羅王眾讚歎，品第八。**

*(Kinh: Phẩm thứ tám: Các vua Diêm La tán thán).*

**3.2.3.2.2. Phẩm văn** (*kinh văn của phẩm này*)

**3.2.3.2.2.1. Kinh gia tự** (*người trùng tuyên kinh trần thuật*)

**3.2.3.2.2.1.1. Chủ bạn lai nghi** (*chủ và bạn cùng đến dự*)

*(Kinh) Nhĩ thời, Thiết Vi sơn nội, hữu vô lượng quý vương, dữ Diêm La thiên tử, câu nghệ Dao Lợi, lai đáo Phật sở.*

**(經)爾時，鐵圍山內，有無量鬼王，與閻羅天子，俱詣  
切利，來到佛所。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, trong núi Thiết Vi, có vô lượng quý vương và Diêm La thiên tử cùng đến Dao Lợi, đi đến chỗ đức Phật).*

Trụ xứ của cung thành vua Diêm La (Yamarāja) đã được nói rõ trong phần trước. Diêm La là vị tổng lãnh các quý quan, vô lượng quý vương đều thống thuộc vị này. Vua đã đi, ắt quần thần đi theo; chủ đã đến, ắt bạn theo hộ vệ. Vì thế, cùng đến Dao Lợi, cùng đến chỗ đức Phật. Đây là họ nương theo quang minh, âm thanh của đức Thế Tôn, và oai thần của đức Địa Tạng (Theo Đại Trí Độ Luận, hết thảy quý thần nơi hết thảy núi, sông, rừng, cây cối, đất đai, thành quách đều do Tứ Thiên Vương cai quản. Vì thế, họ đều theo đến).

**3.2.3.2.2.1.2. Liệt quý vương hiệu** (*nêu danh hiệu các quý vương*)

**(Kinh) Sở vị: Ác Độc quỷ vương.**

**(經)所謂：惡毒鬼王。**

**(Kinh: Như là: Ác Độc quỷ vương).**

Ác Độc chính là vị đứng đầu các quỷ vương, cho nên được nêu tên đầu tiên. Ác Độc tức là Thập Ác, Tam Độc. Đã ác, lại còn độc, đặt danh xưng xấu xí như vậy. Tam Độc thuộc về Ý, là cội gốc của bảy điều ác nơi thân và miệng (tức ba điều ác nơi thân (giết, trộm, dâm), và bốn điều ác nơi miệng: Ác khẩu, nói dối v.v...) Gốc lẫn ngọn đều nêu rõ, nên gọi là Ác Độc. Nhưng những vị quỷ vương này đều là hàng Bồ Tát đại quyền ứng hóa chẳng thể nghĩ bàn; dùng ác để tấn công ác, lấy độc trị độc! Dụng ý nhằm làm cho ai nấy đều hiểu: “Tu ác chính là tánh ác, thấu hiểu sự độc chính là lý độc”. Vì thế, dùng ác độc làm pháp môn để giáo hóa. Tức là có ý nghĩa như thí dụ cái trống bôi thuốc độc trong kinh Đại Thừa, mà cũng như “đình độc” trong sách thế gian. Liệt Tử<sup>169</sup> nói: “*Sanh chi, dục chi, đình chi, độc chi*” (sanh thành, nuôi nấng, chăm chút hình dáng, thành tựu thể chất). Người đời chỉ biết “độc” là đại bất thiện, nào có biết nó còn có nghĩa là “đốc” (篤, đốc thúc, chữ Độc (毒) đọc theo Khứ Thanh thành Đốc, cùng nghĩa với chữ Đốc - 篤), chính là đại thiện vậy.

**(Kinh) Đa Ác quỷ vương, Đại Tránh quỷ vương.**

**(經)多惡鬼王，大諍鬼王。**

**(Kinh: Đa Ác quỷ vương, Đại Tránh quỷ vương).**

“*Đa Ác*”: Một niệm có trọn đủ các điều ác; nói rộng ra, sẽ là nhiều vô lượng. Ngoài hiện tượng ác phần nộ, giận dữ, trong thì dấy lên thiện tâm từ bi.

---

<sup>169</sup> Liệt Tử là tác phẩm do Liệt Ngự Khẩu người nước Trịnh sáng tác. Ông được coi là một trong những người đi tiên phong của Đạo gia, triển khai tư tưởng của Lão Tử dưới thời Xuân Thu. Ông ra đời trước Trang Tử, chủ trương thanh tĩnh vô vi. Tác phẩm Liệt Tử của ông được Đạo gia tôn là Xung Hư Kinh, cùng với Đạo Đức Kinh, Trang Tử (Nam Hoa Kinh), và Văn Tử (Thông Huyền Kinh) được coi là “*Đạo gia tứ bảo điển*”. Trong đó, có nhiều câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng như người nước Kỳ lo trời sập, lằm ngổ rề không tìm được con dê đã mất, Ngu Công dời núi v.v...



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

“*Đại Tránh*”: Tránh là đấu tránh (鬪諍, đấu đá, tranh cãi). Trong kinh Trường A Hàm, đức Phật bảo Đê Thích: “*Oán kết chi sanh giai do tham, tật, cố sử chúng sanh đảng đao trượng tương gia*” (Oán kết đều do tham lam, ghen ghét sanh ra, cho nên khiến cho chúng sanh dùng đao, trượng đánh nhau). Đê Thích bạch rằng: “*Thật nhĩ! Tham tật chi sanh, hà do nhi khởi?*” (Đúng vậy! Sanh ra tham lam, ghen ghét, do đâu mà dấy lên?) Đức Phật dạy: “*Tham tật chi sanh, giai do ái tăng*” (Sanh ra tham lam, ganh ghét, đều do yêu, ghét). Vì thế, tổ sư dạy: “*Chỉ cần là yêu, ghét, sẽ hiểu rõ rỗng rang*”. Nhưng người đời chẳng hiểu “*Ngũ Uẩn vốn là Không*”, cho nên ganh đua miệng lưỡi để thỏa giận bởi những chuyện không đáng. Trang Tử gọi đó là “*phụ cô bột hễ*” (婦姑勃谿, mẹ chồng, con dâu cãi lộn). Đây là do tâm là chủ của sự độc địa, miệng là dụng cụ gây họa. Chẳng có hình dạng tranh cãi, thua kiện, chống trái, lòng luôn tâm niệm giáo hóa lớn lao. Do vậy, quý vương dùng pháp môn Đại Tránh (tranh cãi dữ dội) để giáo hóa mọi người đừng tranh cãi.

**(Kinh) Bạch Hồ quỷ vương, Huyết Hồ quỷ vương, Xích Hồ quỷ vương.**

**(經)白虎鬼王，血虎鬼王，赤虎鬼王。**

**(Kinh: Bạch Hồ quỷ vương, Huyết Hồ quỷ vương, Xích Hồ quỷ vương).**

Bạch Hồ, Huyết Hồ, Xích Hồ: Hồ là loài thú trong núi, còn gọi là Đại Trùng (大蟲), dững mãnh, có oai, chậm rãi, nhưng hung bạo. Bạch Hồ là thú ở phương Tây. Huyết Hồ miệng như châu máu. Xích Hồ lông đỏ như lửa. Đầu quỷ như hổ, cho nên mỗi vị đều dùng chữ Hồ để đặt tên.

**(Kinh) Tán Ương quỷ vương, Phi Thân quỷ vương.**

**(經)散殃鬼王，飛身鬼王。**

**(Kinh: Tán Ương quỷ vương, Phi Thân quỷ vương).**

Tán Ương: Ương (殃) là lỗi lầm, tai họa. Kinh Đông Nhạc nói: “*Thế gian chúng sanh bất tín nhân duyên, thiện ác quả báo, bất kính thiên địa, bất hiểu phụ mẫu, bất tôn sư trưởng, khi phụ thần lý, bói tiên,*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

diện hậu, khẩu thị, tâm phi, dĩ bị Nhạc Phủ tào quan thánh chúng, thần tịch khảo giáo, kỷ lục tội cữu, trí linh tai họa hoành sanh, quan tư lao ngục, lũy tuế kinh niên, bất năng an thái, gia môn thu tức, mỗi ngộ hung suy, đạo tặc xâm khi, hy kiến thái bình” (Chúng sanh trong thế gian chẳng tin nhân duyên, quả báo thiện ác, chẳng kính trời đất, chẳng hiếu thảo cha mẹ, chẳng tôn trọng sư trưởng, lừa dối thần thánh, vâng dạ trước mặt, chống trái sai lưng, miệng đúng, tâm sai, đã bị tào quan thánh chúng của Nhạc Phủ sớm tối tra xét, so lường, ghi chép tội lỗi, đến nỗi tai họa nảy sanh đột ngột, bị quan lại tra vấn, tống giam lâu năm chày thán, chẳng thể yên vui, cửa nhà điêu hiu, thường gặp chuyện hung hiểm, suy bại, giặc cướp xâm lấn, hiếp đáp, ít có lúc được bình yên). Vì thế, khiến cho quý vương phải đến gia đình ấy, cho nên có những chuyện ương họa. Phi Thân thuộc loại Dạ Xoa phi hành.

**(Kinh) Điện Quang quỷ vương, Lang Nha quỷ vương.**

**(經)電光鬼王，狼牙鬼王。**

**(Kinh: Điện Quang quỷ vương, Lang Nha quỷ vương).**

Điện Quang là mắt như tia chớp chói lòa, khiến cho người khác trông thấy hoảng hốt. Lang Nha (nanh sói): Sói to như chó, lông xanh, giỏi săn thú. Cách thức chế tạo [lang nha bông] thời cổ là dùng các khối gỗ bằng gốc hòe hay bông táo, cắm răng sói chung quanh. Do thể hiện ý nghĩa linh trí của loài sói, cho nên [cổ nhân chế ra chữ Lang (狼, sói) từ chữ Lương (良) [và Khuyển (兪) ] ghép lại]. Quỷ này răng nhọn hoắt, chìa ra ngoài như nanh sói. Theo Bạch Trạch Đồ<sup>170</sup>, tinh linh nơi mồ mả có tên là Lang Quỷ (quỷ sói), thích chiến đấu với con người. Lấy mũi tên bằng gỗ đào gắn đuôi tên bằng lông chim điều hậu bắn nó, nó sẽ hóa thành gió bay đi. Cởi guốc đuổi nó, nó sẽ chẳng thể biến hóa được.

---

<sup>170</sup> Bạch Trạch Đồ có tên gọi đầy đủ là Bạch Trạch Tinh Quái Đồ, không rõ ai là tác giả. Tương truyền, thời Hoàng Đế, có một thần thú tên là Bạch Trạch biết nói tiếng người, thông thạo các loài tinh mị, quỷ quái trên thế gian. Bạch Trạch thường được mô tả như con thú có bốn chân, chín mắt, sáu sừng, mặt người. Nó được coi là một con thú cát tường vì quỷ mị thấy nó đều phải lánh xa. Khi Hoàng Đế tuần du, đến bên biển Đông đã gặp Bạch Trạch, thỉnh giáo về chuyện quỷ thần. Bạch Trạch đã kể ra 11.520 câu chuyện quỷ thần, mô tả cặn kẽ các loài quỷ mị, cũng như cách thức xua đuổi chúng, và được chép lại thành sách Bạch Trạch Tinh Quái Đồ. Bản lưu hành hiện thời của sách này kể tên 199 loại quỷ, và hai mươi bức hình.

*(Kinh) Thiên Nhãn quỷ vương, Đạm Thú quỷ vương, Phụ Thạch quỷ vương.*

**(經)千眼鬼王，啖獸鬼王，負石鬼王。**

*(Kinh: Thiên Nhãn quỷ vương, Đạm Thú quỷ vương, Phụ Thạch quỷ vương).*

Thiên Nhãn (ngàn mắt): Quán Âm tay có ngàn mắt, ngực tốt có sáu mươi bốn con mắt nơi sừng. Quỷ này ngàn mắt, chẳng biết xếp đặt như thế nào!

Đạm Thú (ăn các loài thú): Do quỷ này ăn thịt các loài thú, nhưng quỷ cũng là thú. Tỳ Bà Sa Luận nói hình dạng trong đòng quỷ phần nhiều giống như con người, cũng có quỷ mặt giống như lợn, hoặc giống như các loài cầm thú ác khác.

Phụ Thạch chính là vác đá, gánh cát, lấp sông, lấp biển v.v...

*(Kinh) Chủ Hao quỷ vương, Chủ Họa quỷ vương.*

**(經)主耗鬼王，主禍鬼王。**

*(Kinh: Chủ Hao quỷ vương, Chủ Họa quỷ vương).*

Chủ Hao và Chủ Họa, hai sự tướng có cùng một cái nhân. Vì thế, Thái Thượng nói: “Trong trời đất có thần trông coi tội lỗi, tùy theo con người phạm lỗi nặng hay nhẹ mà giảm bớt tuổi thọ. Tuổi thọ bị giảm, sẽ bần cùng, hao tán, hay gặp chuyện phải lo lắng, ai nấy đều ghét, hình phạt, tai họa theo đến, chuyện tốt lành, vui mừng tránh xa, ác tình gieo tai ương” là nói đến ý này (Xưa kia, quan đô úy xứ Lịch Dương là Quách Tầm làm quan mà không được thăng chức, đương làm quan trắc trở, truân chiên, lận đận. Đụng tới chuyện gì cũng bị chống trái, ngay cả thân thích, bạn bè thân thiết cũng dần dần lợt lạt, chê trách. Thường có hai con vật, hình dáng giống như vượn hay khỉ, nhảy nhót quần quanh, thường theo ông ta ra vào. Một tối, ông đang nằm mơ màng, rầu rĩ, bỗng chúng nó đến cáo biệt, bảo: “Chúng tôi chính là quỷ chủ trì sự hư hao trong cõi đời. Ông do ngấm ngấm phạm lỗi, mắc tội, nên thần sai chúng tôi đến gây tai ách cho ông. Nay hạn số đã mãn, sẽ phải ra đi, ông có thể hưởng yên vui rồi”).

*(Kinh) Chủ Thực quỷ vương, Chủ Tài quỷ vương.*

**(經)主食鬼王, 主財鬼王。**

*(Kinh: Chủ Thực quỷ vương, Chủ Tài quỷ vương).*

Chủ Thực: “Thực” ở đây chính là lộc trong đời người. Người lành được hưởng, người ác bị giảm bớt. Vì thế, kẻ vứt bỏ ngũ cốc bừa bãi, Thái Thượng ghét bỏ, thâu lại hoa lợi, cuộc đời kẻ ấy sẽ gặp nhiều cảnh đói kém. Cũng như kẻ tàn sát bừa bãi các sanh vật, thường chết vì đói rét.

Chủ Tài: Tại Nhạc Phủ có án chủ trông coi tài vật. Phù Đà Ma Ni Bát<sup>171</sup> chuyên bảo vệ tài vật của con người. Vì thế, kẻ có tiền của mà chẳng bố thí, quý ở bên cạnh trông thấy bèn ghen ghét; nhưng Thái Thượng nghiêm cấm tước đoạt ngang xương tài vật của người khác; cho nên vợ con, người nhà của kẻ đó sẽ dần dần lâm vào cảnh chết chóc. Nếu chẳng chết chóc, ắt có những chuyện như nước, lửa, giặc cướp, đồ đạc mất mát, bệnh tật, thua kiện [khiến cho tài vật của kẻ đó suy hao. Làm như vậy] để ngăn ngừa chuyện đoạt lấy bừa bãi. Mỗi thứ tài vật đều có chủ.

*(Kinh) Chủ Súc quỷ vương, Chủ Cầm quỷ vương, Chủ Thú quỷ vương.*

**(經)主畜鬼王, 主禽鬼王, 主獸鬼王。**

*(Kinh: Chủ Súc quỷ vương, Chủ Cầm quỷ vương, Chủ Thú quỷ vương).*

Chủ Súc: Súc sanh có bốn cách sanh (noãn, thai, thấp, hóa), chỗ ở thì có ba chỗ (dưới nước, trên đất, trên hư không). Nhạc Phủ có thần cai quản thai, noãn, thấp, hóa, và thủy tộc.

Chủ Cầm và Chủ Thú đều là thần của Nhạc Phủ. Biết bay thì gọi là Cầm (禽), Cầm là tên gọi chung của loài có lông vũ; ý nói do chúng bị loài người giam cầm, chế ngự, nên gọi là Cầm. Loài động vật chạy [trên mặt đất] thì gọi là Thú, Thú (獸) là tên gọi chung của những loài có lông. Nhằm diễn tả ý tổn sức nhiều mà khó bắt giữ được, phải vây giữ mới bắt

---

<sup>171</sup> Theo Phật Thuyết Quỷ Tử Mẫu Kinh, em gái Quỷ Tử Mẫu tên là Phù Đà Ma Ni Bát, chuyên quản trị tài vật trong thế gian.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

được, cho nên gọi là Thú. Các loài cầm thú ấy đều có các quý vương chủ quản. Như sách Ma Ha Chỉ Quán trích dẫn mười hai loại thời thú (mười hai con giáp) được nói trong kinh Đại Tập. Sách Phụ Hành viết: “*Trong Ngũ Hành, kể tên mười hai tiểu (con vật làm biểu tượng)*”. Tiểu (肖) là tương tự, do mười hai biểu tượng ấy giống như những con vật tương ứng. Theo Đại Tập, [mười hai tiểu được kể như sau]: Trong núi Lưu Ly ở biển Đông có hổ, thỏ<sup>172</sup>, rồng. Núi Pha Lê ở biển Nam có rắn, ngựa, dê. Núi Bạch Ngân ở biển Tây có khí, gà, chó. Núi Hoàng Kim ở biển Bắc có lợn, chuột, trâu (đôi với hang nơi chúng sống, kinh đều có kể tên). Mỗi một phương đều có hai La Sát nữ cúng dường ba vị thần (tức các tiểu ấy). Hang của chúng ở đều là trụ xứ của Bồ Tát. Mỗi con thú đều tu lòng Từ của Thanh Văn, từng phát nguyện nơi quá khứ Phật. Mỗi con thú [lân lượt] trong một ngày đêm dạo khắp Diêm Phù Đề, những con thú khác thì ở yên, tu lòng Từ. Từ ngày mồng Một tháng Bảy, chuột khởi đầu. Ngày mồng Hai là trâu, cho đến ngày thứ mười ba, lại bắt đầu từ chuột. Đây chính là thú vương Bồ Tát, cho nên họ được các phương khác cung kính.

***(Kinh) Chủ Mị quý vương, Chủ Sản quý vương.***

**(經)主魅鬼王，主產鬼王。**

***(Kinh: Chủ Mị quý vương, Chủ Sản quý vương).***

Chủ Mị: Mị (魅) là Ly Mị (魘魅, yêu quái trong rừng núi), là những vật thành tinh đã lâu, được chép tường tận trong bộ Hương Nhũ Ký<sup>173</sup>.

Chủ Sản: Trong Đông Nhạc Sám có đoạn viết: “*Kết điều tốt đẹp thành thai, bảm thọ lưỡng nghi tạo hóa, giúp cho sanh thành, bảo vệ sanh nở, chính là giềng mối của hai vị thánh, phổ độ, cứu giúp trọn khắp. Cửu Thiên Giám Sanh Minh Tổ Chân Quân, đông con trai, lắm*

---

<sup>172</sup> Trong “*thập nhị tiểu*” (mười hai con giáp) vốn không có mèo. Mão (Meo) là Thỏ, nhưng không hiểu sao, qua Việt Nam ta bèn trở thành mèo.

<sup>173</sup> Tên gọi đầy đủ của bộ sách này là Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu Hương Nhũ Ký, do ngài Từ Vân Quán Đánh Tục Pháp biên soạn. Theo truyền thuyết, Ly và Mị đều là các loài sơn tinh quỷ quái, hoặc tinh linh dựa vào đất đá trong núi rừng, đặc trưng của chúng là mặt người mình thú; riêng Ly là mãnh thú giống như rồng, không có sừng.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

con gái. Cửu Thiên Vệ Phòng Thánh Mẫu Nguyên Quân”. Lại nữa, chị của Quỷ Mẫu tên là Chá Nặc cũng chủ trì việc sanh nở của nhân loại.

**(Kinh) Chủ Mạng quỷ vương, Chủ Tật quỷ vương, Chủ Hiểm quỷ vương.**

**(經)主命鬼王，主疾鬼王，主險鬼王。**

**(Kinh: Chủ Mạng quỷ vương, Chủ Tật quỷ vương, Chủ Hiểm quỷ vương).**

Chủ Mạng: Theo kinh Phật, Tỳ Sa Môn (Vaiśravaṇa, Đa Văn thiên vương) chuyên trách bảo vệ mạng người trong tứ thiên hạ. Nhạc Phủ có phán quan cai quản hồ sơ sanh tử trong thiên hạ, lại có Bảo Sanh Chân Nhân<sup>174</sup>, Bích Hà Nguyên Quân.

Chủ Tật như đã giải thích trong phần trên.

Chủ Hiểm: Núi cao chót vót, biển cả sâu thăm thẳm, là những chỗ hiểm nạn đối với thân mạng. Người đáng chết thì ghi chép, người chưa đáng chết thì che chở. Đây vẫn là chỗ hiểm nạn nhỏ nhất. Theo Đại Luận, địa ngục có hai bộ: Một là hàn băng (寒冰, băng lạnh), hai là viêm hỏa (炎火, lửa nóng), đều do Thân Xúc mà thọ tội. Nơi đây gọi là chỗ đại hắc ám, đường hiểm nguy nan chính là nơi chủ quản của quỷ này vậy.

**(Kinh) Tam Mục quỷ vương, Tứ Mục quỷ vương, Ngũ Mục quỷ vương.**

---

<sup>174</sup> Bảo Sanh Chân Nhân còn gọi là Bảo Sanh Đại Đế có tên là Ngô Đào. Ông này là một vị lương y nổi tiếng đời Tống, có tên tự là Hoa Cơ, hiệu là Ngô Chân và Vân Trung, quê ở huyện Đồng An thuộc Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến. Do khi ông mười ba tuổi, cha ông qua đời vì bị bệnh mà không có tiền lo thang thuốc; không lâu sau, mẹ ông cũng qua đời, ông phần chí, thề nguyện dốc chí học y cứu đời. Sau khi mất, ông được tôn làm thần. Có thuyết nói Bảo Sanh Chân Nhân thật ra là ba vị Ngô Đào, Tôn Tư Mạo, và Hứa Tôn, tức là ba vị thầy thuốc nổi danh thời cổ.

Bích Hà Nguyên Quân là nữ thần núi Thái Sơn. Bà còn được biết đến với các danh xưng Đông Nhạc Thái Sơn Thiên Tiên Ngọc Nữ Bích Hà Nguyên Quân, Thái Sơn Thánh Mẫu, Thái Sơn Lão Mẫu, Thái Sơn Lão Nãi Nãi... Đạo giáo có nhiều cách giải thích nguồn gốc của vị thần này, hoặc nói bà là em gái của Ngọc Hoàng, hoặc con gái của Đông Nhạc Đại Đế, hoặc là một trong các nữ thần phù tá của Hoàng Đế. Theo Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành, Hoàng Đế có các vị nữ thần phù tá là Tây Vương Mẫu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Thái Sơn Ngọc Nữ (tức Bích Hà Nguyên Quân), Tổ Nữ, Nữ Bạt, Hậu Thổ, và Vân Hoa phu nhân.

**(經)三目鬼王，四目鬼王，五目鬼王。**

*(Kinh: Tam Mục quỷ vương, Tứ Mục quỷ vương, Ngũ Mục quỷ vương).*

Tam Mục: Giữa hai mắt có một một con mắt xếp dọc, như hình dạng của Ma Hê Thủ La Thiên (Mahesvara). Tứ Mục: Trên trán lại có hai mắt nằm ngang, giống như Thương Hiệt. Ngũ Mục: Trên, dưới, chính giữa đều sanh một con mắt nằm dọc.

*(Kinh) Kỳ Lợi Thất Vương, Đại Kỳ Lợi Thất Vương, Kỳ Lợi Xoa Vương, Đại Kỳ Lợi Xoa Vương.*

**(經)祁利失王，大祁利失王，祁利叉王，大祁利叉王。**

*(Kinh: Kỳ Lợi Thất Vương, Đại Kỳ Lợi Thất Vương, Kỳ Lợi Xoa Vương, Đại Kỳ Lợi Xoa Vương).*

Kỳ Lợi Thất Vương v.v... chưa thấy phiên dịch [từ chữ Phạn nào]. Kinh Kim Quang Minh có nói về Tát Đa Kỳ Lê, dịch nghĩa là Đại Lực Thiên. Bộ Danh Nghĩa Tập có chép danh hiệu Ác Kỳ Ni (Agni), cõi này dịch là Hỏa Thần. Nhưng xét theo Lập Thế A Tỳ Đàm thì là tên núi. Phẩm Dạ Xoa trong luận ấy chép: “*Khi ấy, trong Diêm Phù Đề, có hai rặng núi. Núi ở phía Nam sông Hằng, tên là núi Bà Đa Kỳ Lợi. Núi ở phía Bắc sông Hằng tên là núi Hê Ma Bạt Đa (Himavanta). Hết thấy các thần sống ở phía Nam sông đều có tên là Bà Đa Kỳ Lợi. Những vị sống ở núi phía Bắc sông Hằng đều tên là Hê Ma Bạt Đa. Hết thấy các thần sống trong rặng Bà Đa Kỳ Lợi ở phía Nam sông Hằng và hết thấy các thần sống trong rặng Ma Hê Bạt Đa ở phía Bắc sông Hằng, đều được gọi là Vương*”. Nay cõi của Diêm Vương đã ở phía Nam của Diêm Phù, núi Kỳ Lợi lại ở phía Nam sông Hằng. Nam thuộc quẻ Ly là Hỏa. Vì thế, Kỳ Ni Kỳ Lợi được dịch thành Đại Lực Hỏa Thần, đều thuộc về Hỏa Thiên. Chữ Thất chưa rõ nghĩa. Chữ Xoa nói đầy đủ là Xoa Da (Kṣaya), dịch sang tiếng Hán là Tận, tức là Đại Lực Tận Vương, thống lãnh các tiểu vương quỷ thần.

*(Kinh) A Na Trá vương, Đại A Na Trá vương.*

**(經)阿那吒王，大阿那吒王。**

*(Kinh: A Na Trá vương, Đại A Na Trá vương).*

Theo kinh Đại Thừa, A Na Trá có phải là Na Trá (Nata)<sup>175</sup> tám tay, tức lực sĩ trên cõi trời hay không, chưa thể nói đích xác được, nhưng đã cùng tên, cho nên cũng chưa biết [có phải là cùng một vị hay không] (Na Trá tức là trưởng tử của Đa Văn Thiên Vương).

**3.2.3.2.1.3. Thừa lực câu lai (nuơng theo thần lực đều cùng đến)**

*(Kinh) Như thị đẳng đại quỷ vương, các các dữ bách thiên chư tiểu quỷ vương, tận cư Diêm Phù Đề, các hữu sở chấp, các hữu sở chủ.*

**(經)如是等大鬼王，各各與百千諸小鬼王，盡居閻浮提，各有所執，各有所主。**

*(Kinh: Các vị đại quỷ vương như thế, mỗi vị đều có trăm ngàn các tiểu quỷ vương, đều trong Diêm Phù Đề, ai nấy đều có chức trách, đều có sự vụ phải quản trị).*

Ba mươi bốn vị trên đây đều là đại quỷ vương. Dưới mỗi một vị vương, đều có các tiểu vương làm quyền thuộc, số đến trăm ngàn. Họ chẳng phải là quỷ ở phương khác, đều sống trong Nam Châu. “*Các hữu chấp giả*”: Chấp (執) là “*tuân thủ pháp tắc*”, tức là nói đến chuyện “bắt những kẻ có tội, xử trị công chánh, mẫu mực theo đúng luật pháp”. Trong thiên văn có các [tinh quan] chấp pháp<sup>176</sup>, thay trời thảo phạt kẻ có tội, há dung túng lẽ riêng tư ư? [*“Các hữu sở chấp”*] là nói những vị

---

<sup>175</sup> Na Trá là thái tử của Tỳ Sa Môn thiên vương (Đa Văn Thiên Vương), là đại lực quỷ vương, ba mặt, tám tay. Vị này từng thị hiện dâng xá-lợi rằng Phật cho ngài Đạo Tuyên lập tháp thờ phụng khi Sư đang ẩn tu tại chùa Tây Minh. Vị này không liên quan gì đến truyền thuyết tam thái tử Na Tra là con của Thác Thập Thiên Vương Lý Tĩnh trong Đạo giáo.

<sup>176</sup> “*Thiên văn*” ở đây là thiên văn thời cổ Trung Hoa, chuyên nghiên cứu các tinh tú, không phải là Astronomy của phương Tây. Triều đình có cơ quan Khâm Thiên Giám chuyên nghiên cứu thiên văn để soạn lịch pháp, cũng như dự đoán những điềm báo nguy cơ cho quốc gia, cũng như chọn ngày tốt cho các đại điển như ngày đăng quang, ngày tế Nam Giao, ngày phong Thái Tử, phong nguyên soái, ngày mở khoa thi Đình v.v... Họ quan niệm mỗi tinh tóa có một chủ tinh như đế vương, các ngôi sao khác sẽ được phân định như các quan cận thần có tả chấp pháp, hữu chấp pháp v.v...



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

có những chức trách duy trì pháp luật. Thái Thượng cũng nói: “*Trong trời đất có thần coi sóc tội lỗi, tùy thuộc mỗi người phạm lỗi nặng hay nhẹ mà tước giảm tuổi thọ của họ*” chính là nói về chuyện này. Nói là “*chủ*” (主) thì trong cách chế tạo chữ thời cổ, chữ Chủ (、) hàm ý sự sáng suốt thần diệu làm chủ cái tâm, đây chính là vị chủ nhân thật sự của cái thân ta. [Chữ Vương (王)] ở trong ấy, bất động mà ứng với vạn vật, giống như hình thể vị vua trời ngồi yên trong điện. Chữ Chủ (、) trên đầu chữ Vương chính là thần, chẳng có hình thể, sẽ chẳng hiển lộ. Vì thế, phải phối hợp với chữ khác để thành hình. Do đó, đem Chủ (、) ghép với Vương [thành chữ Chủ (主)]. Vương là vua. Vạn vật trong trời đất, đều gom về một. Tâm của vua mà chẳng có Chủ (、), ngay cả thân cũng không thể trị, lấy gì để trị vì thiên hạ cho được? Nay các vị quý vương, trong tâm đều có Chủ, cho nên có thể làm chủ vạn vật, như quý bắt người đem công xiềng, điều động quý thần, truy hồn, trăm phách, bắt người sống, truy người chết, và các vị xét án, các vị tư pháp, lục sự (thư ký) v.v... Cho nên nói là “*các hữu sở chấp, các hữu sở chủ*” (đều có chức trách, đều có sự vụ phải quản trị).

***(Kinh) Thị chư quỷ vương dữ Diêm La thiên tử, thừa Phật oai thần, cập Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lực, câu nghệ Dao Lợi, tại nhất điện lập.***

**(經)是諸鬼王與閻羅天子, 承佛威神, 及地藏菩薩摩訶薩力, 俱詣忉利, 在一面立。**

***(Kinh: Các vị quý vương ấy cùng với Diêm La thiên tử, nương theo oai thần của đức Phật và sức của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, đều đến trời Dao Lợi, đứng qua một phía).***

Từ “*thị chư*” (các vị ấy) trở đi, nêu rõ ý nghĩa vì sao họ có thể đến. Quý vương chôn u minh vì sao có thể thăng lên Dao Lợi? Đây là nhờ vào sức oai thần của đức Phật và ngài Địa Tạng. “*Tại nhất điện lập*” (đứng qua một phía): Đứng là Lập. Con người kể từ khi sanh ra, hề đứng bèn đội trời đạp đất, có dáng vẻ nghiêm nhiên chánh trực. Vì thế, thể hiện ý nghĩa “*trụ vững trên đại địa mà kính Phật, tôn quân*”, cho nên đứng chứ không ngồi!

**3.2.3.2.2. Chánh hưng vấn (thưa hỏi)**

**3.2.3.2.2.1. Diêm La hưng vấn chánh thán (Diêm La thưa hỏi, tán thán)**

**3.2.3.2.2.1.1. Kinh gia đề khởi (người trùng tuyên kinh dẫn khởi)**

*(Kinh) Nhĩ thời, Diêm La thiên tử, hồ quỳ, hiệp chưởng.*

**(經)爾時，閻羅天子，胡跪合掌。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Diêm La thiên tử, hồ quỳ, chấp tay).*

Dựa theo [danh sách] Thập Điện Diêm Vương do hòa thượng Đạo Minh<sup>177</sup> truyền lại, Diêm La thiên tử thuộc ngũ điện. Sách Phật Tổ Thống Kỷ chép: “*Danh tự của mười vua từ trong kinh tạng, truyền, ký, có thể khảo chứng sáu vị, tức Diêm La, Ngũ Quan (hai danh hiệu này có thể thấy trong mục Tam Trường Trai (ba tháng ăn chay trường), trích từ kinh Đề Vị), Bình Đẳng (từ Hoa Nghiêm Cảm Ứng Truyện: Quách Thần Lượng bị sứ giả bắt tới chỗ Bình Đẳng Vương. Do ông ta tụng bài kệ “nhược nhân dục liễu tri” (nếu ai muốn hiểu rõ)<sup>178</sup>, liền được thả về).*

---

<sup>177</sup> Khi ngài Kim Kiều Giác (hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát) đến Cửu Hoa Sơn, mang theo một con chó trắng (có tên là Đê Thính). Ngài ẩn tu tại một sơn cốc hoang vắng của Cửu Hoa Sơn. Khi đói thì dùng đất sét mịn trộn với lúa mạch nặn thành bánh để ăn, chưa từng nấu nướng. Về sau, các vị cư sĩ vô tình tìm thấy Ngài, muốn xây dựng đạo tràng cho Ngài. Lúc bấy giờ, núi Cửu Hoa thuộc quyền sở hữu của Mẫn Công. Mẫn Công hoan hỷ hỏi tỳ-kheo Kim Kiều Giác cần bao nhiêu đất để ông quyền tặng. Tỳ-kheo nói: “Ta chỉ cần khoảnh đất vừa bằng chiếc ca-sa”. Mẫn Công đồng ý ngay. Khi ngài Kim Kiều Giác trải ca-sa ra thì y ca-sa phủ trọn Cửu Hoa Sơn, Mẫn Công hết sức khâm phục đạo lực của Kim tỳ-kheo, bèn hoan hỷ hiến cúng toàn bộ Cửu Hoa Sơn. Con trai của ông ta cũng xin xuất gia với ngài Kim Kiều Giác, tức là hòa thượng Đạo Minh. Do vậy, trong các tranh vẽ theo lối cổ, bên cạnh đức Địa Tạng Bồ Tát, thường có một ông già râu tóc bạc phơ, đó là Mẫn Công và một vị tăng trẻ tuổi chấp tay (hoặc cầm tích trượng đứng hầu); đó là hòa thượng Đạo Minh. Đê Thính về sau thường được vẽ như một con sư tử có sừng, làm tọa kỵ của đức Địa Tạng.

<sup>178</sup> Tức bài kệ “*nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (nếu ai muốn hiểu rõ, ba đời hết thảy Phật, hãy quán tánh pháp giới, hết thảy do tâm tạo). Có lẽ do câu chuyện cảm ứng này mà bài kệ này được dùng để mở đầu nghi thức Mông Sơn Thí Thực, cũng như hai câu kệ đầu thường được dùng để nhớ cách điếm trống, khởi mõ, đánh dẫn khánh khi mở đầu bất cứ nghi thức tụng niệm nào trong các tự viện Trung Hoa.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Thái Sơn (theo Dịch Kinh Đồ Kỷ<sup>179</sup>, ngài Pháp Cự dịch bộ Kim Cống Thái Sơn Thục Tội Kinh), Sơ Giang<sup>180</sup> (theo Di Kiên Chí, Quách Sanh mộng thấy vào cõi âm, vua vái chào, mời ngồi, bảo: “Ta là Vương Lang ở Tây Môn, cõi âm xét thấy ta trung hiếu, chánh trực, chẳng hại muôn vật, được làm Sơ Giang Vương một kỷ<sup>181</sup>”), Tần Quảng (theo Di Kiên Chí, Trần Sanh ở Nam Kiếm đã chết. Con gái của em trai ông ta thấy hai con quỷ dẫn tới một cung điện, [biển ngạch] đề là Tần Quảng Vương. Vua bảo: “Người muốn cứu bác người, hãy nên tụng kinh Bát Su”. Cô gái tỉnh giấc, bảo người nhà tìm được kinh, thỉnh Tăng tụng một ngàn lượt. Anh ông ta mộng thấy em trai đến cảm tạ: “Đã được sanh lên trời”). Nay chỉ có mình vua Diêm La thừa hỏi, đại khái là vị vua cai quản điện thứ năm, thống nhiếp các vua, cho nên đặc biệt thêm vào hai chữ “*thiên tử*” [sau danh xưng]. Do Đế Thích Thiên là phụ vương, sai Diêm La làm thiên tử, chủ trì, thống nhiếp minh ty. Vị này thường được gọi là “*địa hạ Phục La Hư Thiên*”.

#### **3.2.3.2.2.1.2. Thiên tử thuật ý (thiên tử trần thuật tâm ý)**

(Kinh) Bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã đẳng kim giả, dữ chư quỷ vương, thừa Phật oai thần, cập Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lực, phương đắc nghệ thử Đao Lợi đại hội, diệc thị ngã đẳng hoạch thiện lợi cố”.

**(經)白佛言：世尊！我等今者，與諸鬼王，承佛威神，及地藏菩薩摩訶薩力，方得詣此忉利大會，亦是我等獲善利故。**

(Kinh: Bạch đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nay chúng con và các vị quỷ vương nương vào oai thần của đức Phật và sức của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát mới đến được đại hội trên cung Đao Lợi này, cũng tức là chúng con được thiện lợi to lớn vậy”).

<sup>179</sup> Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Cổ Kim Dịch Kinh Đồ Kỷ, gồm bốn quyển do sa môn Tĩnh Mai soạn vào đời Đường, ghi chép các kinh luận đã được phiên dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán từ thời ngài Ca Diếp Ma Đằng dưới thời Hán Minh Đế cho đến thời ngài Huyền Trang đời Đường Thái Tông.

<sup>180</sup> Thông thường, khi nói đến Thập Điện Diêm Vương thì vị này phải có tên là Sơ Giang (楚江), nhưng sách Phật Tổ Thống Kỷ lại chép là Sơ Giang (初江).

<sup>181</sup> Một kỷ là mười hai năm.

Trước hết, trần thuật ý nghĩa vì sao đến [tham dự pháp hội]. “*Đẳng*” có nghĩa là không chỉ có các vị ngục vương thuộc chín điện khác. Theo kinh Trường A Hàm, tiểu thiên thế giới có một ngàn vua Diêm La, hưởng hồ tam thiên đại thiên, hưởng hồ là các vị Diêm La trong các tam thiên đại thiên nhiều như cát sông Hằng trong mười phương ư? Nhưng đức Phật xuất thế trong Nam Châu, cho nên minh vương (冥王, vua cõi âm) trong cõi này đóng vai trò chánh yếu. Từ “*diệc thị*” (cũng là) trở đi, chính là lời lẽ diễn tả sự vui mừng. Do Diêm La, quý vương v.v... đều do nghiệp duyên mà cảm báo, chịu khổ suốt ba thời. Như trong kinh Đệ Tử Tử Phục Sanh (đệ tử chết rồi sống lại), sứ giả tâu với vua: “Đại vương phụng trì tịnh giới của Phật ư?” Vua đáp: “Do ta không kính phụng Phật, phải theo tội mới đến làm vua trong địa ngục này”. Nay họ tới cung trời thấy Phật, nghe pháp, tự nhiên đạt được thiện lợi tăng thượng. Vì thế, thốt lời vui mừng ấy.

*(Kinh) Ngã kim hữu tiểu nghi sự, cảm vấn Thế Tôn. Duy nguyện Thế Tôn, từ bi tuyên thuyết.*

**(經)我今有小疑事, 敢問世尊。唯願世尊, 慈悲宣說。**

*(Kinh: Con nay có chuyện nghi ngờ nhỏ, dám xin hỏi đức Thế Tôn. Kính mong đức Thế Tôn từ bi tuyên nói).*

Từ “*ngã kim*” (con nay) trở đi, là lời thỉnh cầu. Tuy nói là “*tiểu nghi*”, nó sẽ chướng ngại tín tâm rất lớn. Vì thế, cần phải hỏi rõ. Chỉ mong do lòng đại từ bi, đức Phật sẽ tuyên thuyết ý chỉ ấy cho con, hồng tạo nhân duyên “ban vui, dẹp khổ”.

**3.2.3.2.2.1.3. Hứa vấn vị thuyết** (chấp thuận giải đáp câu hỏi)

*(Kinh) Phật cáo Diêm La thiên tử: “Tứ như sở vấn, ngô vị như thuyết”.*

**(經)佛告閻羅天子: 恣汝所問, 吾為汝說。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Diêm La thiên tử: “Cho phép ông hỏi, ta sẽ nói cho ông”).*

“*Tứ*” (恣) là hãy buông lỏng, ý nói: Phàm có điều ngờ vực nào, chẳng cần phải ả giấu. Cứ mặc sức mà hỏi, ta không điều gì chẳng nói

**Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú**

cho ông! Như hồng chung treo trên giá, hễ gõ bèn kêu, biểu thị tâm Phật từ bi chẳng có ngăn hạn!

**3.2.3.2.2.2.1.4. Thân nghi trí thỉnh** (giải bày điều nghi cần hỏi)

**3.2.3.2.2.2.1.4.1. Tự nghi** (trần thuật lễ nghi thưa thỉnh)

*(Kinh) Thị thời, Diêm La thiên tử, chiêm lễ Thế Tôn, cập hồi thị Địa Tạng Bồ Tát.*

**(經)是時，閻羅天子，瞻禮世尊，及迴視地藏菩薩。**

*(Kinh: Khi ấy, Diêm La thiên tử chiêm ngưỡng, lễ bái đức Thế Tôn, và quay sang nhìn Địa Tạng Bồ Tát).*

Chiêm ngưỡng, lễ bái là nghi thức biểu thị kính Phật, cầu pháp. “Hồi thị” (quay sang nhìn): Sự việc có chỗ chuyên chú. Do vì lễ nào mà quay lại nhìn? Theo lễ nghi thưa hỏi pháp, ắt phải đối trước đức Phật làm lễ. Đang đứng tại chính giữa, như vậy là Bồ Tát ở bên cạnh; do đó, quay đầu nhìn Ngài.

**3.2.3.2.2.2.1.4.2. Thân thỉnh** (thưa bày sự thỉnh cầu)

**3.2.3.2.2.2.1.4.2.1. Trực thán thần thông** (trực tiếp ca ngợi thần thông)

*(Kinh) Nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã quán Địa Tạng Bồ Tát, tại lục đạo trung, bách thiên phương tiện độ tội khổ chúng sanh, bất từ bì quyện. Thị đại Bồ Tát, hữu như thị bất khả tư nghi thần thông chi sự”.*

**(經)而白佛言：世尊！我觀地藏菩薩，在六道中，百千方便而度罪苦眾生，不辭疲倦。是大菩薩，有如是不可思議神通之事。**

*(Kinh: Bèn bạch đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con thấy Địa Tạng Bồ Tát ở trong lục đạo, trăm ngàn phương tiện để độ chúng sanh tội khổ, chẳng ngại mệt nhọc. Vị đại Bồ Tát này có những chuyện thần thông chẳng thể nghĩ bàn như thế”).*

“Tại lục đạo trung” (ở trong lục đạo): Kinh Chiêm Sát dạy: “Y bốn nguyện tự tại lực cố, quyền xảo hiện hóa, ảnh ứng thập phương, nhi

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

ư ngũ trước ác thế, hóa ích thiên hậu, xảo diễn thuyết pháp, năng thiện khai đạo. Thủ giai phương tiện lực dã. Đại yếu hiện Phạm Thiên, linh trừ kiêu mạn. Hóa nhân đạo, linh tu Thí, Giới. Địa ngục đại kỳ thọ khổ, ngạ quỷ linh kỳ bảo mãn, Tu La điều phục ác tâm, súc sanh sử đắc trí huệ. Tịnh linh câu xuất khổ luân, đồng đảo trí địa. Vô lượng kiếp lai, bắt từ bì quỵện” (Nương vào sức bản nguyên tự tại, quyền biến khéo hiện hóa, ứng hiện phân thân trong mười phương, ở trong đời ác năm trước, giáo hóa, tạo lợi ích càng thêm sâu dày. Khéo diễn nói pháp, khéo có thể khơi gợi, hướng dẫn. Đây đều là sức phương tiện. Nói chung là hiện thân Phạm Thiên để trừ kiêu mạn, hóa hiện thân người để dạy tu bố thí, giữ giới. Chịu khổ thay cho chúng sanh trong địa ngục, khiến cho ngạ quỷ được no đủ, điều phục tâm ác của Tu La, khiến cho súc sanh đạt được trí huệ, cũng như khiến cho họ đều thoát khỏi khổ sở, cùng đạt đến trí địa. Từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng nề hà mệt nhọc). Đây chính là trí huệ dũng mãnh, thần thông chẳng thể nghĩ bàn.

Nói “*sự*” (叟) [tức là chữ Sự (事) viết theo lối cổ], tức là việc làm của con người. [Chữ Sự theo lối cổ] trên là Chi (亼) dưới là Hữu (又, tức chữ Hữu (右) viết theo lối xưa), nắm giữ chữ Trung (中) ở chính giữa, có ý nghĩa gì? Ý nói vạn sự trong thiên hạ đều vốn phát xuất từ lòng người, chẳng có gì khác! Lòng người chính là khuôn phép tự nhiên. Sự việc đưa đến, cứ dùng tấm lòng của ta mà đối đãi, nhất quán muôn điều như một, không thái quá, mà cũng chẳng bất cập, đó gọi là “*thiên tắc*” (天則, khuôn phép của trời). Nay đức Địa Tạng dùng trăm ngàn phương tiện, hiện đủ loại thần thông, đều vốn là dùng Trung Đạo nhất tâm để ứng với mọi chuyện thuộc muôn mối. Độ chúng sanh khổ sở đều quy vào Trung Đạo. Đây là đại sự nhân duyên có thể nghĩ bàn nổi chẳng?

**3.2.3.2.2.2.1.4.2.2. Chuyển thân nghi sự (trình bày sự việc nghi hoặc)**

**3.2.3.2.2.2.1.4.2.2.1. Chánh trần nghi bản (nêu thẳng nguyên do sinh nghi)**

**(Kinh) *Nhiên chư chúng sanh, thoát hoạch tội báo, vị cửu chi gian, hựu đạo ác đạo.***

**(經)然諸眾生，脫獲罪報，未久之間，又墮惡道。**

**(Kinh: *Nhưng các chúng sanh vừa thoát tội báo, không lâu sau lại đạo vào đường ác.***

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Nói “*vị cứu*” (chưa lâu) là nói so sánh với tuổi thọ trong địa ngục Đẳng Hoạt, hoặc tuổi thọ của Tứ Thiên Vương. Năm mươi năm trong nhân gian bằng một ngày một đêm trên trời. Dầu [trong nhân gian] đã qua một trăm năm, nơi cõi âm chỉ mới là hai ngày, há chẳng phải là [tội nhân] vừa mới thoát ra liền trở lại ngay, [cõi âm] rất chán ngán họ chẳng ngại phiền!

#### **3.2.3.2.2.2.1.4.2.2.2. Phú thân nghi sự (nêu bày chuyện nghi ngờ)**

**(Kinh) Thế Tôn! Thị Địa Tạng Bồ Tát ký hữu như thị bất khả tư nghị thần lực. Vân hà chúng sanh nhi bất y chỉ thiện đạo, vĩnh thủ giải thoát?**

**(經)世尊! 是地藏菩薩既有如是不可思議神力。云何眾生而不依止善道，永取解脫?**

**(Kinh: Bạch Thế Tôn! Vị Địa Tạng Bồ Tát này đã có thần lực chẳng thể nghĩ bàn như vậy. Có sao chúng sanh chẳng nương cậy thiện đạo để được giải thoát vĩnh viễn?)**

Trong ý thừa hỏi ở đây, có hai tầng nghi vấn được nêu lên:

- Một là Bồ Tát đã có thần lực như vậy, đáng lẽ phải khiến cho họ nương theo thiện đạo, mãi mãi được giải thoát.

- Hai, chúng sanh trong lục đạo đã được Đại Sĩ giáo hóa, cũng phải nên an trụ trong thiện đạo để được giải thoát mãi mãi.

Nay chẳng phải như vậy, có phải là do thần lực của đức Địa Tạng chưa đủ mức? Hay là do tâm lực của chúng sanh chẳng tương xứng? Chữ Nị Địa (Nidhi) trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Y (依, nương cậy). Kinh Duy Ma dạy: “*Thập Thiện thị Bồ Tát Tịnh Độ, chúng sanh năng y Thập Thiện, tự nhiên giải thoát sanh tử*” (Thập Thiện là Tịnh Độ của Bồ Tát, chúng sanh có thể nương theo Thập Thiện, tự nhiên giải thoát sanh tử).

#### **3.2.3.2.2.2.1.4.3. Nguyên thuyết (xin hãy nói)**

**(Kinh) Duy nguyện Thế Tôn, vị ngã giải thuyết.**

**(經)唯願世尊，為我解說。**

*(Kinh: Kính mong đức Thế Tôn hãy giải nói cho con).*

3.2.3.2.2.1.5. **Đáp thị hiển đức** (trả lời, chỉ dạy, nêu rõ đức)

3.2.3.2.2.1.5.1. **Tổng thị nan hóa** (nêu tổng quát: Chúng sanh khó hóa độ)

*(Kinh) Phật cáo Diêm La thiên tử: “Nam Diêm Phù Đề chúng sanh, kỳ tánh cương, nan điều, nan phục”.*

**(經)佛告閻羅天子：南閻浮提眾生，其性剛強，難調難伏。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Diêm La thiên tử: “Chúng sanh Nam Diêm Phù Đề, tánh khí ương ngạnh, khó điều phục”.*

“Kỳ tánh” (tánh của họ) tức là tập tánh, cho nên nói là “cương cường” (ương ngạnh). Nếu là pháp tánh thì vốn sẵn nhu hòa. “Cang” (剛) là cứng cõi. Đây chẳng phải là sự cứng cõi (cương nghị) trung chánh, thuần túy, mà là sự cứng đầu, táo bạo do bám tánh nóng nảy. Ví như voi ác, ngựa hèn, khó thể điều phục!

3.2.3.2.2.1.5.2. **Biệt tán phương tiện** (riêng tán thán phương tiện)

3.2.3.2.2.1.5.2.1. **Dĩ pháp trực thị** (dùng pháp để chỉ thẳng)

3.2.3.2.2.1.5.2.1.1. **Ước Địa Tạng phương tiện cứu bạt** (xét theo phương tiện cứu vớt của ngài Địa Tạng)

*(Kinh) Thị đại Bồ Tát w bách thiên kiếp, đầu đầu cứu bạt như thị chúng sanh, tảo linh giải thoát. Thị tội báo nhân, nãi chí đọa đại ác thú. Bồ Tát dĩ phương tiện lực, bạt xuất căn bản nghiệp duyên, nhi khiển ngộ tức thể chi sự.*

**(經)是大菩薩於百千劫，頭頭救拔如是眾生，早令解脫。是罪報人，乃至墮大惡趣。菩薩以方便力，拔出根本業緣，而遣悟宿世之事。**



## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Vị đại Bồ Tát ấy trong trăm ngàn kiếp đã luôn luôn cứu vớt chúng sanh như thế, khiến cho họ sớm giải thoát. Những kẻ tội báo ấy, thậm chí đọa vào trong đường ác lớn, Bồ Tát dùng sức phương tiện dẹp trừ nghiệp duyên căn bản, khiến cho họ ngộ những chuyện thuộc đời trước).*

Chúng sanh tánh tuy ương ngạnh, khó thể điều phục, nhưng Địa Tạng Bồ Tát chẳng xả lòng đại từ, mà luôn luôn cứu vớt. “Đầu đầu” còn nói là “xứ xứ”, ý nói “ngàn chốn, vạn nơi”. Câu “*như thị chúng sanh*” (chúng sanh như thế) chỉ rõ kẻ khó điều phục. Đối với kẻ ương bướng thì dùng mềm mỏng để dạy, khiến cho kẻ khó điều phục sẽ điều phục. Như Vương Lương và Tào Phụ<sup>182</sup> khéo điều phục tánh ngựa, ắt khiến cho chúng nó đi vào khuôn khổ mới thôi! Nay đối với Tam Bảo, Thích, Giới, ắt đều làm cho họ tu trì. Giới thanh tịnh đã sanh, bèn đạt được giải thoát thanh tịnh. Vì thế, đối với kẻ tội báo nhẹ, nhỏ, bèn lập tức cứu vớt. Nếu phạm tội nặng, đáng đọa vào A Tỳ là chốn đường ác to lớn, Ngài cũng dùng sức phương tiện khéo léo để dẹp trừ nghiệp duyên căn bản của họ.

Từ ngữ A Phù Ha Na (Apattivuttānaṃ) trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Bạt Trừ Tội Căn. Căn biết các điều ác, theo nghiệp thọ báo đều lấy Tam Độc làm gốc. Trong Tam Độc, tham ái là cội rễ. Như nắm lấy một đầu tấm vải, những phần còn lại đều xuôi theo. Đại Trí Độ Luận nói: “*Nếu chẳng đoạn ái, ái bèn sanh trưởng tươi tốt. Vì thế, từ sanh đều do ái khởi*”. Do vậy, Thành Thật Luận viết: “*Như chẳng nhổ rễ cây, cây vẫn còn sống. Rễ tham chẳng nhổ, cây khổ thường còn đó*”. Vì thế biết tham ái là cái gốc của sanh tử. Nếu diệt tham dục thì gọi là Đệ Tam Đế (tức Diệt Đế). Kinh Thập Luân dạy: “*Diệt trừ nhất thiết*

---

<sup>182</sup> Vương Lương không được ghi chép nhiều trong sử liệu. Ông chỉ được biết đến như một phu xe tài năng, khéo điều khiển và thuần hóa ngựa của Triệu Tương Tử (công khanh của nước Tấn).

Tào Phụ nổi tiếng về tài thuần hóa ngựa. Ông họ Doanh, là cháu năm đời của Phi Liêm, tức hậu duệ của các vua Chuyên Húc và Thiệu Hạo. Ông đem các con ngựa quý Đạo Lý, Hoa Lưu, Lục Nhĩ v.v... sang tiến cống Châu Mục Vương. Về sau, khi Từ Yên Vương phản nghịch, vua cưới thiên lý mã trở về, phá tan quân Từ Yên Vương. Do vậy, để thưởng công, vua đem Triệu Thành ban cho Tào Phụ. Về sau, con cháu Tào Phụ sống ở đó đổi sang họ Triệu. Dần dần, họ Triệu trở thành một dòng họ lớn của nước Tấn, nắm nhiều quyền hành. Sau này, họ Triệu cùng với họ Hàn và họ Ngụy chia nước Tấn thành ba nước Triệu, Hàn, Ngụy. Do vậy, Tào Phụ được tôn là tổ tiên của nước Triệu.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Hoặc chường tập khí, do như liệt nhật tiêu thích khinh băng” (Diệt trừ hết thủy Hoặc chường, tập khí, ví như mặt trời chói rục làm tan ngay băng mỏng). Vì thế, bài kệ Vô Thường có đoạn viết: “*Minh nhân, vô quá huệ, hắc ám, bất quá si*” (Mắt sáng chẳng hơn huệ; tối tăm chẳng hơn si). Nay nghiệp duyên căn bản đã nhỏ trừ, tự ngộ những chuyện thuộc về đời trước. Ví như lau đi lau lại gương cổ, ánh sáng thường hằng của nó sẽ tự hiện.

#### **3.2.3.2.2.1.5.2.1.2. Ước chúng sanh ác tập nan thoát (nói theo phía chúng sanh khó thoát tập khí ác)**

**(Kinh) Tự thị Diêm Phù chúng sanh kết ác tập trọng, toàn xuất, toàn nhập, lao tư Bồ Tát cứu kinh kiếp số, nhi tác độ thoát.**

**(經)自是閻浮眾生結惡習重，旋出旋入，勞斯菩薩久經劫數，而作度脫。**

**(Kinh: Chính vì chúng sanh trong cõi Diêm Phù kết sử và tập khí ác nặng nề, vừa mới thoát ra, lập tức trở vào, nhọc nhằn Bồ Tát trải qua kiếp số lâu xa độ thoát họ).**

Chữ “*Tự*” hàm ý: Phương tiện cứu vớt như thế, đáng lẽ họ phải là nơi nào cũng đều được giải thoát. Nay không thể như thế là vì chúng sanh tự tạo ác nghiệp, tự mình trói mình, chẳng phải là lỗi của Bồ Tát! “*Kết ác tập trọng*” (kết sử và tập khí ác nặng nề) chính là từ ngữ khẩn yếu: Cội nguồn sanh tử nói đại lược là Tam Kết, tức Thân Kiến, Giới Thủ, và Nghi, nói rộng là tám mươi tám Sử v.v... Do Kết Ác mà tạo mười tập nhân, tức tập, tham, mạn, sân, trá (dối trá), cuống (lừa dối), oán, kiến (chấp vào kiến giải, có thành kiến), uồng (làm chuyện oan uồng), tụng tập (quen thói thừa kiệ, tranh chấp), thọ sáu giao báo<sup>183</sup>. Do vậy, họ vừa mới ra khỏi tam đồ, lại lập tức trở vào chỗ khổ sở cùng cực,

<sup>183</sup> Lục Giao Báo, gọi gọn là Lục Báo, tức là quả báo do sáu thức tạo nghiệp chiêu cảm, bao gồm kiến báo (quả báo do thấy), văn báo (quả báo do nghe), khứu báo (quả báo do ngửi), vị báo (quả báo do nếm vị), xúc báo (quả báo do tiếp xúc), và tư báo (quả báo do suy nghĩ). Những quả báo này được nói chi tiết trong kinh Lăng Nghiêm. Chẳng hạn như Kiến Báo thì khi lâm chung trước hết thấy lửa dữ đầy khắp mười phương, thần thức người chết rơi vào trong khói lửa, trước khi vào Vô Gián địa ngục. Văn Báo thì khi lâm chung thấy sóng trào cuộn tung ngất trời, thần thức người chết trôi hụp trong sóng cả, trước khi vào địa ngục Vô Gián v.v...

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

đến nỗi nhọc công ngài Địa Tạng trải qua nhiều kiếp đã lâu như số vi trần, khởi vô lượng phương tiện để tạo nhân duyên độ thoát. Há chẳng phải là do tập khí ác của chúng sanh lôi kéo, vương vất đến nỗi Bồ Tát nhọc nhằn giáo hóa đã lâu mà chẳng thể kết thúc ư?

**3.2.3.2.2.1.5.2.2. Dĩ dụ thích minh** (dùng thí dụ để giải thích rõ)

**3.2.3.2.2.1.5.2.2.1. Mê nhập hiểm đạo** (mê muội đi vào đường hiểm)

*(Kinh) Thí như hữu nhân, mê thất bản gia, ngộ nhập hiểm đạo.*

**(經)譬如有人，迷失本家，誤入險道。**

*(Kinh: Ví như có kẻ mê mất nhà mình, đi lầm vào đường hiểm).*

Đoạn này chia làm ba tiểu đoạn. Đầu tiên là do mê cội gốc mà vào đường hiểm. “*Hữu nhân*” (có kẻ): Ví như chúng sanh trong ác đạo. “*Nhân quả chẳng quên*” là Có. “*Kẻ*” [ở đây] chính là người chịu đựng, tức chịu đựng nỗi khổ ngũ trược. Cõi Thường Tịch Quang là “*bản gia*” (nhà của chính mình). Chúng sanh Thập Ác vốn là con của Như Lai; chỗ khổ sở trong tam đồ, không gì chẳng phải là “*nhà thường tịch*”! Do chẳng biết pháp Chân Như là một, gió bất giác vô minh thổi lên, phiêu bạt nơi nước lạ, đọa lạc chốn quê người! Đã quên quê hương, bèn mê mất lối về. Mãi mê đuổi theo cảnh, dẫn thân vào đường hiểm. Sách Pháp Hoa Văn Cú giải thích câu “*hiểm nạn ác đạo*” (đường ác hiểm nạn) trong kinh Pháp Hoa là cách nói sánh ví tổng quát về nhân quả sanh tử trong chín pháp giới. Vì thế nói là Phần Đoạn và Biến Dịch, tức là sự hiểm nạn nơi cái quả. Kiến Tư ngũ trụ chính là sự hiểm nạn nơi cái nhân. Do nhân duyên ấy, cho nên nói là “*ác đạo*”. Nay dựa theo câu kinh văn trong phần tiếp theo, tức câu “*sanh nhân thiên trung, linh thọ diệu lạc*” (khiên cho họ sanh trong cõi trời, người, hưởng niềm vui mâu nhiệm), sẽ thấy: Tam đồ được coi là “*đường hiểm*” là vì chẳng nương theo lời dạy hành Thí, Giới để sanh thiện, đến nỗi lầm lạc đọa vào ba ác đạo!

*(Kinh) Kỳ hiểm đạo trung, đa chư Dạ Xoa, cập hổ, lang, sư tử, nguyền, xà, phúc, yết.*

**(經)其險道中，多諸夜叉，及虎狼師子，蜃蛇蝮蠍。**

*(Kinh: Trong đường hiểm ấy, có nhiều Dạ Xoa, và cọp, sói, sư tử, các kẻ, rắn, độc trùng, bò cạp).*

Đoạn thứ hai là đường hiểm có nhiều sự ác, do có nhiều Dạ Xoa v.v... Dạ Xoa, có trí, có thần thông, bay đi nhanh chóng; ví như Lợi Sứ, tà kiến, báng bỏ vô nhân quả, có trí biện tài nhanh chóng. Chánh Tâm Địa Quán nói: “*Tâm như Dạ Xoa vì có thể ăn các thứ pháp công đức*”. “*Hổ, sói*”: Súc sanh ngu độn, ương bướng, ví như Độn Sứ. Theo Câu Xá Luận, do kiêu mạn lòng lẫy, sẽ sanh trong loài sư tử, hổ, sói. Do sân khuê lòng lẫy, sanh trong loài nguyên, xà, phúc, yết. Như vậy thì hổ, sói, sư tử đều ví như Mạn Sứ. Nay xét ra, Tam Độc là cái gốc của thân, khẩu, cho nên hổ được sánh ví như Mạn Sứ. Như kinh Phân Biệt Thiện Ác đã dạy: “*Kiêu ngạo thường mạn nhân, hậu sanh vi mãnh hổ cố dã*” (Kẻ kiêu ngạo, thường khinh mạn, về sau, sanh làm cọp dữ). Sói ví như Tham Sứ, do sói mong cầu thức ăn, không no bụng sẽ không ngừng; cho nên nói là “*tham lang*” (貪狼, tham lam, hung tàn). Sư tử biểu thị Si Sứ, do xưa kia trì giới tuy nghiêm ngặt, nhưng chẳng có huệ thanh tịnh, chấp vào giới mà khinh mạn kẻ khác, cho nên đọa làm súc sanh. Do sức của giới mà làm vua các loài thú. Không có huệ tức là si, cho nên dùng sư tử để sánh ví Si Sứ.

Nguyên, xà, phúc, yết ví như Sân Sứ. “*Nguyên*” (蜃) là Thủ Cung (守宮, các kè), loài sống trên tường thì gọi là Yển Đình (蝮蜓, các kè đóm), sống nơi bãi sông gọi là Tích Dịch (蜥蜴, thằn lằn cát, hoặc con giông). Do loài này sẵn có rất nhiều chất độc, không đụng đến nó vẫn cắn, cho nên sánh ví như giận dữ phi lý. Dương Tử nói: “*Các kè không nể nang ai*”. Phúc (蝮) là Đào Diên (蝮蟻), [tức một loại độc trùng], hễ nó chích vào tay thì phải chặt tay, chích vào chân thì phải chặt chân; có hại cho thân. Yết hổ (蠍虎, bò cạp) là một loại độc trùng chích người. Nhưng đụng vào nó thì nó mới chích, nên ví như kẻ chấp vào lý mà sân. Chẳng dùng rét để sánh ví sự sân hận vì hý luận, do trong tam đồ không có hý luận.

*(Kinh) Như thị mê nhân, tại hiểm đạo trung, tu du chi gian, tức tao chư độc.*

**(經)如是迷人，在險道中，須臾之間，即遭諸毒。**

*(Kinh: Kẻ mê như thế, ở trong đường hiểm, trong khoảnh khắc sẽ bị các thứ độc làm hại).*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Đoạn thứ ba là ở trong đường hiểm đặng phải các thứ độc. “*Như thị mê nhân*” (Kẻ mê như thế): Ý nói kẻ mê muội thật nặng, chẳng biết Tứ Đế, đến nỗi lưu lạc trong đường hiểm Thập Sử.

“*Tu du tao độc*” (Trong khoảnh khắc, sẽ gặp phải các thứ độc): Do một niệm có chín mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Giảm tồn trong mỗi niệm, chẳng hề tăng trưởng, ví như thác nước trên núi, [cứ tuôn chảy] chẳng thể ngưng dứt; cũng như sương sớm, chẳng tồn tại lâu dài! Vì thế, nói là “*trong khoảnh khắc, sẽ gặp gỡ các thứ độc*”.

“*Các thứ độc*”: Theo kinh Niết Bàn, rắn có bốn thứ độc là kiến độc (trông thấy nó liền bị trúng độc), xúc độc (chạm vào nó liền bị trúng độc), khiết độc (bị nó cắn mà trúng độc), thích độc (bị nó mổ mà trúng độc). Hồ, sói, sư tử, gấu nâu, gấu ngựa, mèo, chồn, chim ưng, điều hâu, có đủ các thứ độc hại, nếu chẳng phải là đường hiểm thì là gì vậy?

#### **3.2.3.2.2.1.5.2.2.2. Tri thức chỉ mê (tri thức chỉ điểm kẻ mê)**

(*Kinh*) *Hữu nhất tri thức, đa giải đại thuật, thiện cấm thị độc, nữ cập Dạ Xoa, chư ác độc đẳng.*

**(經)有一知識，多解大術，善禁是毒，乃及夜叉諸惡毒等。**

(*Kinh*: Có một vị tri thức hiểu nhiều phương tiện rộng lớn, khéo ngăn cấm các độc ấy và Dạ Xoa, các thứ ác độc v.v...)

“*Tri thức*” chỉ đức Địa Tạng, thường nói là “chỉ có mình ta là có thể cứu vớt, che chở”, cho nên nói là “*nhất*”. Kinh Tư Ích nói: “*Ư đọa tà đạo chúng sanh, sanh đại bi tâm, linh nhập chánh đạo, bất cầu ân báo, thị danh đạo sư*” (Đối với chúng sanh đọa vào đường tà, bèn sanh tâm đại bi, khiến cho họ nhập chánh đạo, chẳng cầu báo ân, nên gọi là đạo sư), đây chính là tri thức. Do “*đa giải đại thuật, thiện cấm thị độc*” (hiểu nhiều phương tiện rộng lớn, khéo ngăn cấm các thứ độc) cho nên gọi là tri thức. Dùng phương tiện nhiệm màu để tùy cơ gọi mở, hướng dẫn, rộng nói các luận thuyết Thí, Giới, sanh thiên, chỉ dạy rộng khắp các môn Đế, duyên, đạo phẩm. Trí huệ rộng sâu thì gọi là “*đa giải*” (hiểu nhiều). Phương tiện xảo diệu gọi là “*đại thuật*”. “*Thiện cấm độc*” (khéo cấm chế các thứ độc) là nói Đạo phẩm để đối trị các chất độc của

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Tập Đế, như đối với kẻ tham nhiều, liền dạy họ quán bất tịnh v.v... (Theo kinh Thiện Tín, có một vị thần cây thuốc, tên là Ma La Đà Kỳ, chuyên khắc chế vạn độc trong thiên hạ. Có con rắn thần, thân dài một trăm hai mươi thước, bò đi kiếm ăn. Có con trùng đầu đen, thân dài một trượng năm thước, chạm mặt rắn, rắn liền ngóc đầu mổ trùng. Nghe mùi thuốc, rắn liền gục đầu muốn bò đi. Thân nó vướng vào cây thuốc, đứt ra làm hai đoạn. Phần đầu sống sót, bò mất, phần đuôi thối nát. Các loài độc vật nghe mùi thối của rắn, các thứ khí độc ác thấy đều tiêu diệt).

**(Kinh) Hốt phùng mê nhân, dục tấn hiểm đạo, nhi ngữ chi ngôn: “Đốt tai nam tử! Vị hà sự cố, nhi nhập thử lộ? Hữu hà dị thuật, năng chế chư độc?”**

**(經)忽逢迷人，欲進險道，而語之言：咄哉，男子！為何事故，而入此路？有何異術，能制諸毒？**

**(Kinh: Chợt gặp kẻ mê muốn vào con đường hiểm, bèn bảo rằng: “Ô hay ông kia! Vì duyên sự gì mà vào đường này? Ông có pháp thuật lạ có thể ngăn trừ các thứ độc hay chăng?”)**

Từ “hốt phùng” (chợt gặp) trở đi, nói rõ Đại Sĩ chỉ ra phương cách thoát khỏi tam đồ. Không quen biết mà gặp gỡ thì gọi là “hốt phùng” (忽逢). Sắp vào nhưng chưa vào thì bảo là “dục tấn” (欲進), tương phản với “ngoa nhập” (謫入, đã lầm lạc tiến vào). “Ngữ chi” (語之) là bảo ban. Ấy là vì xưa kia đã hóa độ khiến cho kẻ ấy thoát khổ, hiềm rằng [kẻ ấy] chí tánh bất định, lại tạo ác nghiệp, lại vào tam đồ. Vì thế, lo sầu, kinh hãi mà bảo ban. “Đốt tai” (咄哉) là từ ngữ cảnh tỉnh. “Nam tử” hàm ý cảnh giác. Nam tử là trượng phu, kinh Đại Thừa nói: “Có thể thấy Phật tánh thì gọi là trượng phu”. Nay đã mê Phật tánh, cho nên dùng từ ngữ “nam tử” để cảnh tỉnh người ấy nhận biết [Phật tánh] vốn sẵn có.

Kinh Thập Luân nói: “Nhu mê phương giả, sở phùng thị đạo” (Nhu kẻ mê phương hướng, gặp người chỉ đường) là nói về chuyện này. “Hà sự” (chuyện gì) là kinh ngạc hỏi han. “Thử lộ” (đường này) chỉ tam đồ. Đức Phật dạy: “Chúng sanh dĩ tam ác đạo vi gia” (chúng sanh lấy ba ác đạo làm nhà), cho nên nói “thử lộ”. Do có hai hạng người sẽ vào con đường ấy, tức là người có oai thần, hay người theo nghiệp lực.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Chẳng phải là hai chuyện ấy, sẽ trọn chẳng thể đến được! Vì thế, kinh ngạc hỏi: “Là do thần thông cứu khổ mà vào? Hay là do nghiệp cảm báo mà đến?” “*Hữu hà dị thuật?*” (Có pháp thuật lạ gì) là lời căn vặn, ý nói: Ông có pháp thuật lạ lùng nào, có sức có thể chế ngự các thứ độc hay chăng? Chữ “*dị thuật*” biểu thị phương tiện lạ, đối trị các pháp môn ác, trợ hiển Đệ Nhất Nghĩa Đế.

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.2.3. Mê cầu xuất lộ** (người mê cầu thoát khỏi đường hiểm)

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.2.3.1. Mê vẫn thoái bộ cầu lộ** (người mê nghe nói bèn lùi bước, cầu thoát khỏi đường ấy)

*(Kinh) Thị mê lộ nhân, hốt vẫn thị ngữ, phương tri ác đạo, tức tiện thoái bộ, cầu xuất thử lộ.*

**(經)是迷路入，忽聞是語，方知惡道，即便退步，求出此路。**

*(Kinh: Người lạc đường ấy bỗng nghe lời đó, mới biết là ác đạo, liền lùi bước, mong thoát khỏi đường ấy).*

“*Hốt vẫn*” (bỗng nghe) là nghe Tứ Đế. Do trước kia chưa nghe, nay bỗng được nghe! Điều này giống như ông Tu Đạt (trưởng giả Cấp Cô Độc) lúc mới được nghe chữ Phật, toàn thân rợn da gà, bỗng thấy quang minh. “*Tri ác đạo*” (biết là ác đạo), tức là sợ Khổ Tập. Sách Phụ Hành viết: “*Trong mỗi niệm đều luôn biện định đúng, sai. Nếu dấy lên cái tâm sai trái, phải nên làm cho cái tâm ấy diệt mất, vì tâm sai trái chính là đường hiểm*”. Kinh Bảo Vũ dạy: “*Vị chư hữu tình an trụ thế gian, cụ túc điên đảo, trụ hiểm ác lộ, đọa u phi xứ. Ngã kim linh bỉ chư hữu tình đẳng, nhập chân thật lộ. Do thị Như Lai vị chư hữu tình khởi u đại bi*” (Tức là các hữu tình an trụ trong thế gian, trọn đủ điên đảo, rơi vào đường hiểm ác, đọa vào chốn sai trái. Ta nay sẽ làm cho các hữu tình ấy vào trong đường chân thật. Do vậy, Như Lai vì các hữu tình mà dấy lòng đại bi) chính là nói đến ý này. “*Tiện thoái bộ*” (liền lùi bước) tức là ngừng dứt Thập Ác, tu Thập Thiện. “*Cầu xuất lộ*” (mong ra khỏi đường ấy) chính là cầu sanh trong trời, người.

**3.2.3.2.2.1.5.2.2.3.2. Tri thức tiếp dẫn, cáo ngữ** (tri thức tiếp dẫn, bảo ban)

**3.2.3.2.2.1.5.2.2.3.2.1. Tiếp dẫn** (tiếp dẫn)

*(Kinh) Thị thiện tri thức, đề huề tiếp thủ, dẫn xuất hiểm đạo, miễn chư ác độc, chí u hảo đạo, linh đắc an lạc.*

**(經)是善知識，提携接手，引出險道，免諸惡毒，至於好道，令得安樂。**

*(Kinh: Vị thiện tri thức ấy nắm tay dìu dắt, dẫn ra khỏi đường hiểm, thoát khỏi các thứ ác độc, đến con đường tốt, khiến được an lạc).*

Theo kinh Niết Bàn, người trọn đủ các phạm hạnh, tự tu các thứ thiện pháp, khiến cho các học nhân dần dần xa lánh ác pháp, tăng trưởng thiện pháp thì gọi là “*thiện tri thức*”. “*Đề huề tiếp thủ*” (nắm tay dìu dắt): Giống như “*phục tương phù trợ*” (lại còn nâng đỡ) trong phần trước. Nâng, dắt, nắm tay kéo đi, dẫn ra khỏi đường hiểm, lìa khỏi chuyện khổ trong tam đồ. Thoát khỏi các thứ ác độc, đoạn kết sử quen thói làm ác, sanh trong đường lành trời, người, đạt được Niết Bàn an lạc. Kinh Thập Luân dạy: “*Thí như minh nguyệt, u dạ phần trung, năng thị nhất thiết tất đạo chúng sanh bình đẳng chánh lộ, tùy kỳ dục vãng, giai linh đắc chí. Thử thiện nam tử, diệc phục như thị, u vô minh dạ, năng thị nhất thiết mê tam thừa đạo, trì sinh sanh tử khoáng dã chúng sanh, tam thừa chánh lộ, tùy kỳ sở ưng, phương tiện an lập, linh đắc xuất ly*” (Ví như trăng sáng trong ban đêm có thể soi chỉ con đường ngay ngắn, phẳng phiu cho hết thấy chúng sanh lạc đường, tùy theo họ muốn tới đâu đều được tới đích. Vị thiện nam tử này cũng giống như vậy, trong đêm tối vô minh, có thể dạy con đường tam thừa chánh đáng cho hết thấy những kẻ mê mất đạo tam thừa đang chạy quàng trong đồng hoang sanh tử, tùy theo căn tánh đáng nên đắc đạo quả nào của mỗi người mà dùng phương tiện an lập họ, khiến cho họ được thoát lìa). Dựa theo đó, cũng nên xét theo nhân quả trong chín pháp giới để giảng về đường hiểm, [cũng giống như trong phẩm Hóa Thành Dụ của kinh Pháp Hoa, vị đạo sư dẫn mọi người] vượt qua năm trăm do-tuần đến được chỗ có của báu Niết Bàn thì mới là an ổn. Nay chỉ xét theo tam đồ, trời, người để luận định khít khao, vì hóa độ những kẻ đang mê muội trong ngũ trược là chuyện trọng yếu. Trước hết, dùng tiêu pháp để tiếp dẫn; kế đó, làm cho



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

họ nhập Đại Thừa. [Phải hiểu đây là] phương tiện hay khéo, thích hợp và sự hóa độ hay khéo thuận theo cơ nghi, chớ nói kinh này chỉ [giúp cho chúng sanh] được sanh trong đường trời, người! Hãy chú trọng điều này, những điều trước và sau đó đều phỏng theo lệ này.

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.2.3.2.2. Cáo ngữ (bảo ban)**

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.2.3.2.2.1. Chánh cáo mê nhân (dạy bảo kẻ mê)**

*(Kinh) Nhi ngữ chi ngôn: “Đốt tai! Mê nhân! Tự kim dĩ hậu, vật lý thị đạo. Thử lộ nhập giả, tốt nan đắc xuất, phục tổn tánh mạng”. Thị mê lộ nhân, diệc sanh cảm trọng.*

**(經)而語之言：咄哉！迷人！自今已後，勿履是道。此路入者，卒難得出，復損性命。是迷路者，亦生感重。**

*(Kinh: Mà nói như thế này: “Ôi chao! Đây kẻ lạc đường! Từ nay trở đi, đừng bước vào con đường ấy nữa. Vào con đường ấy, rất khó thoát ra, lại còn tổn hại tánh mạng”. Người lạc đường ấy cũng sanh tâm cảm kích sâu nặng).*

“Ngữ ngôn” (bảo ban) nhằm khuyên tu đạo tốt lành. “Đốt tai” (ô hay, ôi chao) ngụ ý cảnh tỉnh lần nữa. Ta phải dùng hết sạch sức phương tiện mới khiến cho ông thoát khỏi ác đạo; vì thế, cảnh tỉnh lần nữa: “Ông hãy nên nghĩ sâu xa nỗi khổ này, đừng nên tạo ác nghiệp lần nữa, để rồi lại phải vào tam đồ!” Do vậy, bèn khuyên cáo: “Than ôi! Ác huệ tà tu, tự cam tâm ở trong đường hiểm!” Gặp cảnh giới ấy, há có thể lặng câm? Nghĩ kẻ đó ngu si, há đành điềm nhiên ngồi nhìn? Huống hồ đức Thế Tôn bi tâm phó chúc, lưu lại đại nguyện cứu tế trọn khắp nơi bến mê. Bồ Tát y giáo phụng hành, thị hiện hạnh Đồng Sự để hóa độ họ đều cùng thành Phật. Nếu thấy kẻ lạc lối mà chẳng chỉ nẻo chánh, từ bi ở chỗ nào? Ngó kẻ đắm chìm mà chẳng nghĩ cách cứu vớt, phương tiện còn đâu? Vì thế, bảo ban như thế này: “Con đường sanh tử này, hễ lọt vào sẽ khó thoát ra, lại còn tổn hại Pháp Thân huệ mạng, đúng là chỗ hiểm nguy!” Kẻ mê cũng cảm kích sâu nặng, vì trót chẳng biết, làm lẫn vào chỗ sanh tử nguy hiểm, nay bỗng được nhắc nhở, lại được lên chón quê nhà an lạc. Như kẻ lênh đênh, bỗng chốc trở về nhà; như kẻ đang chìm dưới vực thẳm, bỗng được lên bờ, há chẳng cảm kích sâu đậm, tốt bậc trân trọng ư? Đại Luận nói: “Trước hết, hãy nên dùng mắt để thấy đạo rồi sau đó

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

mới hành. Khi hành, hãy nên siêng năng, chuyên ròng. Khi hành siêng năng, chuyên ròng, thường nghĩ đúng như vị đạo sư đã dạy. Nghĩ rồi, nhất tâm lên đường, chẳng thuận theo phi đạo” chính là nói về chuyện này.

#### **3.2.3.2.2.2.1.5.2.2.3.2.2.2. Chúc linh chuyển cáo (dặn nói lại với người khác)**

**(Kinh) Lâm biệt chi thời, tri thức hựu ngôn: “Nhược kiến thân tri, cập chư lộ nhân, nhược nam, nhược nữ, ngôn ư thử lộ đa chư độc ác, táng thất tánh mạng, vô linh thị chúng, tự thủ kỳ tử”.**

**(經)臨別之時，知識又言：若見親知，及諸路人，若男若女，言於此路多諸毒惡，喪失性命，無令是眾，自取其死**

。

**(Kinh: Lúc chia tay, tri thức lại nói: “Nếu thấy người thân, kẻ quen biết, và những người đi đường, dù nam hay nữ, hãy nói với họ: Trong con đường này có nhiều thứ độc ác khiến cho tánh mạng bị chôn vùi, đừng để cho họ tự rước lấy cái chết”).**

Khi chia tay bên dạy kẻ ấy giáo hóa người khác, dạy hãy khuyên người khác, mong sao họ sẽ lần lượt truyền đạt, giáo hóa mãi chẳng dứt. “*Thân tri*” (người thân, kẻ quen biết) là những người đã tiếp nhận đạo nhưng chưa giải thoát. “*Lộ nhân*” (người qua đường) là những người chưa tiếp nhận đạo, còn đang sanh tử. Nói “*nam, nữ*” biểu thị truyền trao Định, Huệ. Nói “*thử lộ*” (con đường này), nghĩa là lại dùng Khổ Tập dạy lại những người trên đây. Do con đường có nhiều thứ ác độc, [lầm đi vào đó], ắt sẽ đánh mất tánh mạng. Vì thế, cần biết Khổ đoạn Tập, hâm mộ Diệt, tu Đạo, chẳng tự đánh mất Pháp Thân huệ mạng. Trên đây là vị tri thức dạy [kẻ lạc đường] hãy nói lại với người khác, kẻ đó nêu ra dụng ý [vì sao] phải nói lại. Nói “*thị chúng*” (những chúng sanh ấy), có nghĩa là: Họ khác gì người ruột thịt của ta? Nói “*thủ tử*” (rước lấy cái chết) chính là hãy thiết thực nghĩ họ giống như ta, nhân mạnh ý nghĩa trong câu “*thủ tử*”! Như kinh Ngũ Khổ Chương Cú có nói: “*Tích Diêm La vương hữu hoàng phổ chi Từ, chư đạo địa ngục giả, hiện thân vấn chi: ‘Nhữ đẳng hà vi thị gian?’ Tội nhân đối viết: ‘Ngã đẳng tử thời, bất tri hành chư ác, tự nhiên truy trục, tổng ngã lai đảo thị*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

gian'. Vương viết: - Tự nhữ sở tác, kim đương thọ chi, ngô bất uổng nhữ” (Xưa kia, vua Diêm La có lòng Từ rộng lớn trọn khắp, đối với những kẻ đọa địa ngục, vua bèn hiện thân hỏi han: “Vì sao các người đến nơi đây?” Tội nhân thưa: “Khi chúng tôi chết, chẳng biết kẻ nào làm các điều ác, tự nhiên xua đuổi, đẩy chúng tôi đến nơi này”. Vua nói: “Do các người tự làm, nay phải hứng chịu, ta chẳng oan uổng các người”). Há chẳng phải là tự rước lấy cái chết ư? Ví như ôm đá gieo mình xuống vực, tự chìm, tự rơi. Con thiêu thân gieo mình vào lửa, tự đốt, tự tan nát, chẳng phải do người hay trời gây ra!

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.3. Dĩ pháp hợp hiển** (phối ứng thí dụ với pháp để làm rõ nghĩa)

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.3.1. Phương tiện cứu bạt** (phương tiện cứu vớt)

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.3.1.1. Trục dĩ pháp hợp** (trực tiếp kết hợp thí dụ với pháp)

*(Kinh) Thị cố, Địa Tạng Bồ Tát cụ đại từ bi, cứu bạt tội khổ chúng sanh, sanh nhân thiên trung, linh thọ diệu lạc. Thị chư tội chúng, tri nghiệp đạo khổ, thoát đắc xuất ly, vĩnh bất tái lịch.*

**(經)是故，地藏菩薩具大慈悲，救拔罪苦眾生，生人天中，令受妙樂。是諸罪眾，知業道苦，脫得出離，永不再歷**

•

*(Kinh: Vì thế, Địa Tạng Bồ Tát trọn đủ lòng đại từ bi cứu vớt chúng sanh tội khổ, khiến cho họ được sanh làm trời, người, được hưởng sự vui sướng mẫu nhiệm. Các chúng sanh mắc tội ấy biết nghiệp đạo là khổ, đã được thoát lìa rồi bèn vĩnh viễn chẳng trở vào nữa).*

Đây là dựa trên thí dụ về con đường hiểm để phối ứng với pháp, hòng giảng rõ ý nghĩa. “Cụ đại từ bi” (trọn đủ lòng đại từ bi): Do đồng thể nên nói là “cụ” (具, trọn đủ). Ban vui tức là đẹp khổ, đẹp khổ chính là ban vui, cho nên nói là Đại. Từ cái Thể trọn đủ nơi Lý, khởi ra thần thông tạo tác nơi Sự để cứu bạt. “Sanh trong trời, người”: Hiển lộ tác dụng thật sự của lòng từ bi. “Trời, người” chính là căn khí để tiếp nhận đạo. Vì thế, trước hết cần phải sanh trong trời, người, hưởng các sự vui sướng. Điều này phối ứng với phần trước thì chính là đoạn kinh văn

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

“*thiện tri thức nắm tay dìu dắt*”, cho đến “*khiến cho được an vui*” trong phần trước. Từ “*thị chư*” (các chúng sanh ấy) trở đi, nói tới những chúng sanh có tội biết hối. Các chúng sanh có tội chính là căn cơ được hóa độ, biết nghiệp khổ do đã đích thân trải qua. Vì thế, nguyện được thoát lìa, vĩnh viễn chẳng trải qua chuyện ấy nữa.

Theo kinh Khởi Thế, vua Diêm La sau khi chịu nỗi khổ bị nước đồng sôi rót vào miệng, tự phát nguyện rằng: “*Nguyện từ nay xả thân này xong, khi thọ thân khác, chỉ thọ sanh trong nhân gian, tin hiểu pháp của Như Lai, cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa. Đã xuất gia, nguyện chứng đắc đạo, chẳng còn thọ sanh trong đời sau nữa*”. Diêm Vương còn như thế, huống hồ những kẻ khác ư? Vì thế, trong kinh Quán Phật Tam Muội, các vị Bồ Tát quả trách nạ quý: “*Nhữ ư tiền thân vô lượng thế thời, tác vô hạn tội, phỉ báng, bất tín, đọa A Tỳ ngục, thọ chư khổ não, bất khả cụ thuyết. Nhữ kim ưng đương phát từ bi tâm*” (Các người trong những thân thuộc vô lượng đời trước, đã tạo vô hạn tội, phỉ báng, bất tín, đọa vào ngục A Tỳ, chịu các khổ não, chẳng thể nói trọn! Nay các người hãy nên phát tâm từ bi). Các nạ quý nghe xong, xưng “*Nam-mô Phật*”, ngay lập tức mạng chung, sanh về chỗ Tứ Thiên Vương. Hối lỗi, tự trách, phát Bồ Đề tâm; tâm quang của chư Phật chẳng bỏ những kẻ ấy. Nhiếp thọ những kẻ ấy như La Hầu La, dạy họ tránh khỏi địa ngục, như yêu mắt, tai. Nay ngài Địa Tạng cũng thế, cho nên những chúng sanh tội khổ phát tâm hối hận ấy hoàn toàn phù hợp với đoạn kinh văn “*đốt tai mê nhân*” (ô hay! Đây người mê) cho đến “*tự thủ kỳ tử*” (tự rước lấy cái chết).

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.3.1.2. Pháp dụ hợp thích** (gộp chung pháp và thí dụ để giải thích)

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.3.1.2.1. Hợp mê nhân nhập hiểm** (kết hợp với thí dụ người lạc lối đi vào đường hiểm)

**(Kinh) Như mê lộ nhân, ngộ nhập hiểm đạo.**

**(經)如迷路入，誤入險道。**

**(Kinh: Như kẻ lạc đường, đi lầm vào đường hiểm).**

Ứng hợp với đoạn văn từ “*thí như hữu nhân*” (ví như có người) cho đến “*tức tạo chư độc*” (sẽ bị các thứ độc làm hại) trong phần trên.

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.3.1.2.2. Hợp tri thức chỉ mê** (đối ứng với phần tri thức chỉ bảo kẻ mê)

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.3.1.2.2.1. Mê nhân tự xuất** (người mê tự ra khỏi)

*(Kinh) Ngộ thiện tri thức, dẫn tiếp linh xuất, vĩnh bất phục nhập.*

**(經)遇善知識，引接令出，永不復入。**

*(Kinh: Gặp thiện tri thức dẫn dắt ra khỏi, vĩnh viễn chẳng còn vào trong đó nữa).*

Tương ứng với đoạn kinh văn từ “*hữu nhất tri thức*” (có một vị tri thức) cho đến “*diệc sanh cảm trọng*” (cũng sanh lòng cảm kích sâu nặng).

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.3.1.2.2.2. Chuyển cáo tha nhân** (nói lại với người khác)

*(Kinh) Phùng kiến tha nhân, phục khuyến mạc nhập, tự ngôn nhân thị mê cố, đắc giải thoát cánh, cánh bất phục nhập.*

**(經)逢見他人，復勸莫入，自言因是迷故，得解脫竟，更不復入。**

*(Kinh: Gặp người khác, lại khuyên họ đừng vào, tự nói chính mình do mê muội [nên vào đó, nay] đã được giải thoát rồi, chẳng còn vào nữa).*

Tương ứng với đoạn kinh văn “*lâm biệt chi thời*” (khi sắp chia tay) cho đến “*tự thủ kỳ tử*” (tự rước lấy cái chết). Phần kết hợp với phương tiện cứu bạt đã xong.

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.3.2. Hợp ác tập nan thoát** (kết hợp phần kinh văn nói về chuyện khó thoát khỏi tập khí ác)

**3.2.3.2.2.2.1.5.2.3.2.1. Dụ hợp** (kết hợp với phần thí dụ)

*(Kinh) Nhược tái lý tiền, do thượng mê ngộ, bất giác cữu tăng sở lạc hiểm đạo, hoặc trí thất mạng, như đọa ác thú.*

**(經)若再履踐，猶尚迷誤，不覺舊曾所落險道，或致失命，如墮惡趣。**

*(Kinh: Nếu lại đi vào, tức là vẫn còn mê lầm, chẳng biết trước kia đã từng rơi vào đường hiểm, hoặc đến nỗi phải mất mạng, như đọa trong đường ác).*

Tương ứng với đoạn kinh văn [chúng sanh] “*nan điều, nan phục, kết ác tập trọng, toàn xuất, toàn nhập*” (khó điều phục, kết sử, tập khí ác nặng nề, vừa mới thoát ra lại trở vào ngay) trong phần trước. Ý nói: Đã thoát khỏi tam đồ, đã sanh làm trời, người, đáng lẽ nên tự chuyên rông, siêng năng tu tập. Hiềm rằng tập khí ác chưa trừ, lại tạo ác nghiệp, lại vào trong tam đồ. Do vẫn mê cái gốc, lầm lạc vào đường hiểm, chẳng biết xưa kia đã từng lăn lóc trong đường ác hiểm nạn. Hoặc có kẻ rơi vào cảnh hiểm, nhưng chẳng mất mạng, do có chút điều lành thuở trước, thoát hiểm cũng nhanh chóng. Hoặc có lúc rơi vào cảnh hiểm đến nỗi mất mạng, giống như đọa trong đường ác. Không chỉ là chẳng dẹp trừ nghiệp duyên căn bản, mà còn mê muội chuyện trong đời trước!

### **3.2.3.2.2.1.5.2.3.2.2. Pháp hợp** (*kết hợp với pháp*)

*(Kinh) Địa Tạng Bồ Tát phương tiện lực cố, sử linh giải thoát, sanh nhân thiên trung, toàn hựu tái nhập. Nhược nghiệp kết trọng, vĩnh xử địa ngục, vô giải thoát thời.*

**(經)地藏菩薩方便力故，使令解脫，生人天中，旋又再入。若業結重，永處地獄，無解脫時。**

*(Kinh: Địa Tạng Bồ Tát dùng sức phương tiện khiến cho họ được giải thoát, sanh làm trời, người, nhưng rồi họ lại đọa vào. Nếu nghiệp kết nặng nề, sẽ ở mãi trong địa ngục, chẳng có lúc giải thoát).*

Ba câu từ “*Địa Tạng*” trở đi, xa là ứng hợp với phần kinh văn từ “*Bồ Tát dĩ phương tiện lực*” (Bồ Tát dùng sức phương tiện) cho đến “*khiển ngộ túc thế chi sự*” (khiến cho người ấy ngộ chuyện thuộc đời trước); gần thì ứng hợp với đoạn kinh văn từ “*Địa Tạng Bồ Tát cụ đại từ bi*” (Địa Tạng Bồ Tát trọn đủ lòng đại từ bi) cho đến “*linh thọ diệu lạc*” (khiến cho họ hưởng sự vui sướng màu nhiệm). Câu “*toàn hựu tái*

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

nhập” (nhưng rồi họ lại đọa vào), tương ứng với đoạn kinh văn từ “*tự thị chúng sanh kết ác tập trọng*” (các chúng sanh ấy kết sử, tập khí ác nặng nề) cho đến “*nhĩ tác độ thoát*” (làm cho họ độ thoát). Vì thế, kinh Ương Quật chép: “*Ngã diệc bất vi phụ trái chi nhân, như Thân Đầu La, tốc vãng tốc phản*” (Ta cũng chẳng phải là kẻ mắc nợ, giống như Thân Đầu La, đi nhanh rồi trở lại cũng nhanh), phù hợp khít khao với đoạn kinh văn ở đây (Thân Đầu La (Sindūra) là người ảo thuật của ngoại quốc. Họ diễn trò người bay, có thể bay tới bay lui trên hư không, qua lại rất nhanh). Đó là loại người nghiệp kết nặng nề, tạo thượng phẩm Thập Ác; đã kết nghiệp ấy, há mong chi giải thoát ư? Bởi lẽ, trong pháp vô ngã, họ lại chấp hữu, tạo nghiệp, đã mê Chân Đế, tự trái nghịch lý không tịch. Vì thế nói: “*Trói do ta tự trói, cởi do ta tự cởi*”. Nếu đối với mỗi pháp đều cầu Không, tự nhiên môn nào cũng đều giải thoát. Phần kinh văn Diêm La tán thán đã xong.

**3.2.3.2.2.2.2. Quỷ vương hộ trợ (quỷ vương giúp hộ trì)**

**3.2.3.2.2.2.2.1. Ác Độc ủng hộ (Ác Độc quỷ vương ủng hộ)**

**3.2.3.2.2.2.2.1.1. Quỷ vương hộ thế (quỷ vương hộ trì thế gian)**

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.1. Tự kỷ hành xứ (trần thuật chỗ du hành của chính mình)**

(*Kinh*) *Nhĩ thời, Ác Độc quỷ vương hiệp chưởng, cung kính bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng chư quỷ vương, kỳ số vô lượng, tại Diêm Phù Đề.*

**(經)爾時，惡毒鬼王合掌，恭敬白佛言：世尊！我等諸  
鬼王，其數無量，在閻浮提。**

(*Kinh*: *Lúc bấy giờ, Ác Độc quỷ vương chấp tay, cung kính, bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Hàng quỷ vương chúng con số nhiều vô lượng ở trong Diêm Phù Đề.*)

Ác Độc là thủ lĩnh của các quỷ vương, cho nên đứng ra thừa bày trước tiên. Trước hết, trần thuật số lượng và trụ xứ của các quỷ. “*Số vô lượng*”: Bao gồm các tinh linh thuộc các nhà, miếu trong chín châu, vạn quốc, hoặc là thủy phủ sơn tinh (các loài tinh quái ở dưới nước hoặc núi non), là thần gió, thần mưa, ba ngàn quyển thuộc, năm trăm đề đảng. Đó là số lượng, chẳng thể tính đếm. Nếu bàn đến trụ xứ thì có chánh và phụ

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

khác nhau. Chánh xứ (trụ xứ chánh yếu) thì ở năm trăm do-tuần phía dưới Diêm Phù Đề, do Diêm La thống lãnh, còn những trụ xứ phụ thì bất định. Quỷ có oai đức thì ở trong hang núi, trên hư không, bờ biển, đều có cung điện. Kẻ chẳng có oai đức bèn nương vào chỗ bất tịnh, phân nhơ, cỏ cây, mồ mả, nhà tiêu, gò mộ cũ, họ đều chẳng có nhà cửa, đều ở trong Diêm Phù Đề.

***(Kinh) Hoặc lợi ích nhân, hoặc tổn hại nhân, các các bất đồng.***

**(經)或利益人，或損害人，各各不同。**

***(Kinh: Hoặc tạo lợi ích, hoặc tổn hại con người, mỗi mỗi khác nhau).***

Từ “*hoặc lợi ích*” trở đi, nói rõ hạnh nghiệp của quỷ. Trong kinh Trường A Hàm, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “*Nhất thiết nam nữ sanh thời, giai quý thân tùy trụ thủ hộ. Kim nhân hà cố hữu vị quý thân sở xúc nhiều giả, hữu bất vị quý thân sở xúc nhiều giả? Dĩ thế nhân vi phi pháp, hành tà kiến, tác Thập Ác nghiệp, như thị bách thiên nhân, nãi hữu nhất thân hộ nhĩ. Nhược tu thiện pháp, kiến chánh tín, tu Thập Thiện nghiệp, như thị nhất nhân hữu bách thiên thân hộ. Cố hữu vị quý thân xúc nhiều, hữu bất vị xúc nhiều*” (Hết thầy nam nữ lúc sanh ra, đều có quý thân theo sát thủ hộ. Nay con người vì sao có kẻ bị quý thân quấy nhiễu? Có kẻ chẳng bị quý thân quấy nhiễu? Là do người đời làm điều phi pháp, hành tà kiến, tạo nghiệp Thập Ác. Trăm ngàn người như thế mới có một vị hộ thân bảo vệ. Nếu tu thiện pháp, kiến giải chánh tín, tu Thập Thiện nghiệp, người như thế được trăm ngàn vị thân bảo vệ. Do vậy, có kẻ bị quý thân quấy nhiễu, có người chẳng bị quấy nhiễu). Vì thế, thiện quý thân lợi ích người rất nhiều, ác quý thân tổn hại người rất nhiều.

Phàm bàn đến phương cách của quỷ thân thì họ đặc biệt yêu thích chỗ yêu mị, tà vạy, tối tăm, kín đáo, hoặc ở trong vách đá tối tăm, hoặc nương vào gò cao, hoặc ở trong suối vắng, rừng sâu, chốn đồng hoang, bãi vắng. Họ có âm thanh khác lạ, hình thể đặc biệt lạ lùng, khiến cho thần thức của phàm ngu xáo động, sanh lòng sợ hãi. Nếu họ có oai quang, sẽ giả dối hiện tướng quái lạ, tự tiện ra oai, giáng họa, xằng bậy làm chuyện tổn hại hay tăng ích, làm ngàn vạn những chuyện khác biệt.



*(Kinh) Nhiên thị nghiệp báo, sử ngã quyền thuộc, du hành thế giới, đa ác, thiểu thiện.*

**(經)然是業報，使我眷屬，遊行世界，多惡少善。**

*(Kinh: Nhưng do nghiệp báo, khiến cho quyền thuộc của con du hành trong thế giới, ác nhiều, thiện ít).*

Từ “*nhiên thị*” (nhưng do) trở đi, nói đến quả báo cảm vờl bởi loài quỷ. Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, nhân hạnh của quỷ là do tham lam, ghen ghét, tà nịnh, siểm khúc, lừa dối, gạt gẫm, tích góp tài vật chẳng bố thí. Nương vào nghiệp nhân ấy, quả báo là sanh trong quỷ đạo. Ác tâm huân tập, tạo thành chúng tử, rất khó ăn năn, sửa đổi. Vì thế, quyền thuộc của quỷ vương du hành trong thế gian, ác nhiều, thiện ít. Sách thế gian nói quỷ thần chính là sự chứng nghiệm nhằm tỏ rõ họa phúc trong cõi đời (Đạo Tuyên luật sư hỏi vị trời Lục Huyền Sướng về dấu vết xưa của chùa Trương Tư ở Phù Châu. Đáp: “Vào thời đức Phật Ca Diếp, sơn thần La Tử Minh là đệ tử đức Phật, sanh lòng căm ghét những kẻ phá giới, bèn phát nguyện làm ác quỷ ăn thịt những kẻ phá giới. Do lời nguyện, bèn thọ thân làm thần núi ấy. Cuộc đất do ông cai quản rộng hơn bảy ngàn dặm, trong mỗi năm ăn thịt hơn một vạn người. Đức Phật Ca Diếp giáo hóa, điều phục, ông ta bèn thọ Ngũ Giới. Do vậy, chẳng ăn thịt người nữa. Do sợ về sau ông ta sẽ biến đổi cái tâm, cho nên Phật để lại dấu tích ấy. Lại nữa, tại Bắc Sơn thuộc Tuần Châu ở Nam Hải, có chùa Linh Khám tại ranh giới huyện Hưng Ninh, có nhiều chuyện linh ứng. Đây là do đệ tử của ngài Văn Thù làm thần núi ấy. Thần tạo nhiều ác nghiệp. Ngài Văn Thù xót thương, giáo hóa, sơn thần liền biết tức mạng, thỉnh Bồ Tát lưu lại dấu tích để ông ta lễ bái, phụng sự hồng lia các ác. Ngài Văn Thù liền thị hiện, đến nay vẫn còn. Vào năm Trinh Quán thứ ba (629), sơn thần mạng chung, sanh lên trời Đâu Suất. Có một quỷ khác đến sống ở đó, tức là người nhà của vị thần cũ, tạo ác lớn lao. Vị thần cũ xót thương, thỉnh ngài Văn Thù hiện dấu tích nhỏ. Vị thần sau lại noi theo chánh pháp. Vì thế, có dấu tích thị hiện lớn nhỏ tại đó).

**3.2.3.2.2.2.1.1.2. Hộ nhân tu vi (hộ vệ người tu hành)**

**3.2.3.2.2.2.1.1.2.1. Sở lịch thiện xứ (đi qua chỗ tốt lành)**

*(Kinh) Quá nhân gia đình, hoặc thành, ấp, tụ lạc, trang viên, phòng xá.*

**(經)過人家庭, 或城邑聚落, 莊園房舍。**

*(Kinh: Đi qua nhà của người ta, hoặc thành, ấp, xóm làng, trang viên, nhà cửa).*

Trước hết, nói về chỗ quỷ thần đi qua. Tôi trộm cho rằng: Người đời làm lành kín đáo, được báo rõ rệt, người đời gọi đó là Âm Đức, ai nấy đều tin tưởng. Làm ác rõ rệt, bị quả báo ngấm ngấm, lý ấy rành rành, sao chẳng chịu tin? Vì thế, thánh nhân phơi bày phước để khuyên thiện, chỉ bày họa để răn ác. Phàm họa phước vốn có căn cội, chẳng thể không có nhân mà xằng bậy xảy đến được! Do thiện hay ác mà sẽ đạt được quả báo, ắt chẳng phải là “không đáng có mà bỗng dưng hứng chịu”. Trong quyển hai mươi của kinh Trường A Hàm, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “*Nhất thiết nhân dân sở cư xá trạch, giai hữu quỷ thần, vô hữu không giả*” (Nơi nhà cửa của hết thảy nhân dân đều có quỷ thần, chẳng chỗ nào không có). Huống hồ còn có chư thiên đi trên không trung và các loài quỷ đạo trong thế gian!

Theo Minh Tường Ký ghi chép, đời Tấn, Triệu Thái (tự là Văn Hòa, người xứ Bối Khưu, Thanh Hà) bị đau tim chết đi. Có hai người dẫn ông ta tới Thái Sơn, theo phía Nam vào một cái cửa đen. Có người mặc áo đỏ chót, ngồi trong một căn nhà to. [Các người hầu] theo thứ tự gọi tên, tra hỏi tội phước lúc còn sống, [răn đe]: “Các người hãy nói thật. Chốn này luôn sai sứ giả thuộc lục bộ thường ở trong nhân gian, ghi chép căn kẽ thiện, ác đầy đủ từng điều một. Chẳng thể dối trá được đâu!” Vì thế, Thái Thượng nói: “*Thiên địa hữu tư quá chi thần. Hựu hữu Tam Thai, Bắc Đẩu thần quân, Tam Thi thần, Táo thần. Phàm nhân hữu quá, đại tắc đoạt kỳ, tiểu tắc đoạt toán*” (Trong trời đất có thần chuyên soi xét tội lỗi. Lại có Tam Thai, Bắc Đẩu thần quân, thần Tam Thi, Táo thần. Hễ kẻ nào có lỗi, lớn thì giảm thọ mười hai năm, nhỏ thì giảm bớt tuổi thọ). Vì thế, chẳng thể không cẩn thận!

*(Kinh) Hoặc hữu nam tử, nữ nhân, tu mao phát thiện sự, nữ chí huyền nhất phan, nhất cái, thiếu hương, thiếu hoa, cúng dường Phật tượng, cập Bồ Tát tượng. Hoặc chuyển độc tôn kinh, thiêu hương, cúng dường nhất cú, nhất kệ.*

**(經)或有男子女人，修毛髮善事，乃至懸一旛一蓋，少香少華，供養佛像，及菩薩像。或轉讀尊經，燒香供養一句一偈。**

*(Kinh: Hoặc có nam tử, nữ nhân tu thiện sự bằng mảy lông tóc, thậm chí treo một lá phan, một cái lọng, dùng chút hương, chút hoa cúng dường tượng Phật và tượng Bồ Tát, hoặc đọc tụng tôn kinh, thắp hương cúng dường một câu, một bài kệ).*

Kể đó, nói đến những việc thiện đã tu tập. Bất luận nhiều hay ít, thậm chí việc thiện cực nhỏ như sợi lông, cực bé như cái tóc. Lại còn bất luận là lo liệu kiến tạo chón già-lam trang nghiêm, trang hoàng, tô đắp thánh tượng, thậm chí treo một lá phan hay một cái lọng, thắp chút hương, rải chút hoa để cúng dường tượng Phật, Bồ Tát. Như Triệu Thái đi vào địa ngục, ra khỏi cửa ngục, thấy có hai người cầm văn thư đến, bảo với viên nha lại coi ngục: “Có ba người mà nhà của họ đã treo phan, thắp hương nơi chùa, thắp đèn giải cứu tội cho họ, họ có thể ra khỏi ngục, đến phước xá”. Trong khoảnh khắc, ông ta thấy có ba người từ trong ngục ra, tự nhiên đã có y phục hoàn chỉnh nơi thân, đi về phía Nam, đến một tòa nhà lớn sáng bừng, ông Thái cũng theo vào. Trên giường vàng ngọc, thấy một vị thần, phi thường đẹp đẽ. Phủ Quân (Đông Nhạc đại đế) cung kính làm lễ. Ông Thái hỏi: “Ai thế?” Nha lại bảo: “Danh hiệu của Ngài là Thế Tôn, là vị thầy độ người. Ngài có nguyện khiến cho người trong ác đạo đều được thoát ra, nghe kinh”. Khi ấy, có một trăm vạn chín ngàn người đều ra khỏi địa ngục.

Vì thế, kinh Đại Phẩm Bát Nhã dạy: “*Nhất hoa tán không, nãi chí tất khổ, kỳ phước bất tận*” (Rải một đóa hoa lên không trung [để cúng dường Tam Bảo], cho đến khi hết khổ, phước ấy bất tận). Luận rằng: “*Nói ‘chí tất khổ’ (cho đến khi hết sạch khổ) tức là khi hai thứ tử (Phân Đoạn và Biến Dịch) đều hết sạch. Ấy là nói: Cho đến khi đã thành Phật, phước do rải hoa ấy vẫn còn chưa tận!*” Chuyện về phước do thắp hương rất nhiều. Hoặc tụng đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát này, và các kinh Đại Thừa, thắp hương, cúng dường, bất luận đọc hết một bộ, hay hết một quyển, thậm chí một câu, một bài kệ! Ngài Kinh Khê nói “*nhất cú, nhất kệ, tăng tán Bồ Đề, nhất sắc, nhất hương, vĩnh vô thoái chuyển*” (một câu, một kệ, tăng tán Bồ Đề. Một sắc, một hương, vĩnh viễn chẳng lui sụt) chính là nói về điều này đây chẳng?

**3.2.3.2.2.2.1.1.2.2. Lệnh hộ ác sự** (truyền lệnh bảo vệ đừng để chuyện ác xảy đến cho nhà đó)

*(Kinh) Ngã đẳng quý vương, kính lễ thị nhân, như quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật; sắc chư tiểu quý, các hữu đại lực, cập thổ địa phần, tiện linh vệ hộ.*

**(經)我等鬼王，敬禮是人，如過去，現在，未來諸佛。**

**敕諸小鬼，各有大力，及土地分，便令衛護。**

*(Kinh: Hàng quý vương chúng con kính lễ người ấy như quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật; sắc truyền các tiểu quý, mỗi quý đều có oai lực lớn và các thần trực thuộc cuộc đất ấy hộ trì, bảo vệ người ấy).*

Câu “ngã đẳng” (chúng con) cho thấy quý vương kính trọng điều thiện. Từ “sắc chư...” (sắc truyền các tiểu quý) trở đi, chỉ rõ [quý vương] sai khiến thuộc hạ hộ trì, trừ ác. Hỏi: Quý là loài ác, sao lại có thể trông thấy người làm lành bèn kính lễ như tam thế Phật vậy? Đáp: Nói tới Phật thì Ngài là đáng tu hết thủy thiện pháp mà chúng đắc. Nay các nam nữ tu các thiện sự, đó là họ đang vun bồi Phật quả, cho nên quý thần tôn kính. Họ có cùng một Thể chẳng hai với một ngàn vị Phật trong Quá Khứ Trang Nghiêm Kiếp, một ngàn vị Phật trong Hiện Tại Hiền Kiếp, và một ngàn vị Phật trong Vị Lai Tinh Tú Kiếp, há chẳng kính lễ như Phật ư? Nay họ có thể trừ bỏ các điều ác, là do các quý vương liền sai các tiểu quý, quý nào cũng có sức mạnh to lớn và các “thổ địa phần” ủng hộ, bảo vệ môn hộ. Vùng đất trực thuộc quyền cai quản của các ty sở [trong cõi âm] được gọi là “thổ địa phần”, tức là các vị thần quản trị địa phương vậy.

*(Kinh) Bất linh ác sự, hoạnh sự, ác bệnh, hoạnh bệnh, nãi chí bất như ý sự, cận u thử xá đẳng xứ, hà hướng nhập môn!*

**(經)不令惡事橫事，惡病橫病，乃至不如意事，近於此舍等處，何況入門!**

*(Kinh: Chẳng để cho những chuyện ác, chuyện ngang trái, bệnh ác, bệnh ngang trái, cho đến những chuyện chẳng như ý đến gần nhà cửa thuộc chốn ấy, hướng hồ là vào cửa!)*

“*Ác sự, hoạn sự*” như kinh La Vân Nhân Nhục có nói: “*Nguyên dữ phước vi, dạ thường ác mộng, yêu quái thủ vĩ, phi họa tung hoành*” (Điều ước nguyện mà trái nghịch với phước thì đêm thường gặp ác mộng, yêu quái lộn đầu trở đuôi, bay lượn tung hoành gieo họa). Nay đã tu phước, chẳng có chuyện ác ngang trái, cuộc sống thường an ổn, các họa tiêu diệt. “*Ác bệnh, hoạn bệnh*”: Tiếng Phạn là Ca Ma La (Kāmalā), cõi này dịch là Hoàng Bệnh (黃病), còn dịch là Ác Cấu (惡垢), hoặc Lại Bệnh (癩病, bệnh cùi). San Nhược Bà, cõi này dịch là Phế Phong Bệnh, hễ phát ra sẽ không đứng dậy nổi. A Tát Xà (Asādhya), cõi này dịch là Bất Khả Trị Bệnh (bệnh không thể chữa được). Hoàng Minh Tập<sup>184</sup> viết: “*Bệnh ắt phải chết thì dù thánh cũng chẳng thể trừ hết được. Bệnh có thể chữa trị sẽ do thuốc men mà lành*”. Trên đây đều là những chứng bệnh dữ, không thể trị được.

Cũng có bệnh do ôn tai, tật dịch tiêm nhiễm, xâm nhập, khiến cho hao tài, hoặc đến nỗi mất mạng. Như đời Tống, Tư Mã Văn Tuyên khá tin tưởng Phật pháp. Em trai ông ta chết hơn một tháng, bỗng có một con quỷ dựa vào linh tòa. Khi ấy, có tăng chúng thuộc hai chùa Nam Lâm và Linh Vị đàm luận cạnh kề với quý. Quý nói: “Xưa kia, tôi là người tôn quý, do phạm các điều ác, phải làm thân quỷ này. Từ năm Dần, có bốn trăm bộ quỷ gây tật dịch to lớn. Tai họa giáng xuống, theo đúng lẽ, chẳng gây phiền lụy cho người tu hành. Nhưng có những quỷ thừa cơ làm xằng rất đông, phần nhiều những lạm phước thiện, nên sai ta đến giám sát”. Như vậy thì những kẻ bị bệnh ngang trái đều là do không tu thiện mà ra. Nay đã tu phước, thân mạnh khỏe, ít bệnh, tài phước đều vinh hiển, tôn quý. “*Chẳng như ý*” là như gia nghiệp suy đồi, hao tán, mọi sự chẳng hài hòa, chỗ ở không yên ổn, tâm thường sợ hãi. Nay đã tu phước, quý thân hộ vệ, lại còn chẳng để cho các điều ác đến gần chỗ ở, huống còn vào tận cửa ư?

### ***3.2.3.2.2.2.1.2. Như Lai tán hỷ (Như Lai tán thán, hoan hỷ)***

---

<sup>184</sup> Hoàng Minh Tập là bộ sách do ngài Tăng Hựu soạn vào đời Lương, gồm 14 quyển, chép các sự kiện Phật giáo trong ba trăm năm kể từ cuối đời Hán đến thời Lục Triều đời Ngụy - Tấn. Đây là một sử liệu rất quý vì có rất nhiều tác phẩm được trích dẫn trong khi nguyên tác của chúng đã thất truyền.

*(Kinh) Phật tán quý vương: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng cấp dữ Diêm La, năng như thị ủng hộ thiện nam nữ đẳng, ngô diệc cáo Phạm Vương, Đế Thích, linh vệ hộ nhữ”.*

**(經)佛讚鬼王：善哉！善哉！汝等及與閻羅，能如是擁護善男女等，吾亦告梵王帝釋，令衛護汝。**

*(Kinh: Đức Phật khen ngợi quý vương: “Lành thay! Lành thay! Các ông và Diêm La có thể ủng hộ hàng thiện nam nữ như thế, ta cũng bảo Phạm Vương, Đế Thích hộ trì, bảo vệ các ông”).*

Vì sao đức Như Lai tán thán, hoan hỷ? Bởi quý vương đa số hung ác, như một ngàn đứa con của Quỷ Tử Mẫu, năm trăm đứa ở trên trời nhiều hại chư thiên, năm trăm đứa ở trong nhân gian, nhiều hại các nhân dân, tội bậc ghen ghét, ác hại, khiến cho người khác phải giết chóc, nấu nướng cúng tế chúng, khiến cho họ phải vào địa ngục. Nay các quý vương và Diêm La thiên tử đã có thể ủng hộ nam nữ tu thiện như thế, khiến cho chẳng có ác sự, chuyện ngang trái, bệnh ác, và chuyện chẳng như ý đến gần nhà họ, có thể nói là tốt lành tội bậc! Vì một điều tốt lành là họ cải ác hộ trì cõi đời; điều thiện thứ hai là họ trừ tai ương ngang trái để tăng thêm điều tốt lành, cho nên đức Phật khen ngợi hai lần. [Đức Phật bảo] ta nay cũng sai người thống lãnh tiểu thiên thế giới là Đại Phạm, người chủ trì Dục Giới là Thích Đề Hoàn Nhân (Đế Thích) cùng nhau dùng sức trời để bảo vệ, gìn giữ các ông, chuyển đổi giường sắt, nước đồng sôi là những thứ tai ách trong hiện tại, [khiến cho các ông] thoát khỏi tức duyên chủ trì cõi u minh. [Những báo ứng tốt lành ấy] hoàn toàn do hộ pháp, bảo vệ điều thiện mà ra!

**3.2.3.2.2.2.2.2. Chủ Mạng trợ tu (Chủ Mạng giúp tu tập)**

**3.2.3.2.2.2.2.2.1. Đương cơ bạch sự (bậc đương cơ thưa bày sự việc)**

**3.2.3.2.2.2.2.2.1.1. Chủ Mạng thuật ý (Chủ Mạng trần thuật tâm ý)**

**3.2.3.2.2.2.2.2.1.1.1. Trần ngã nghiệp duyên chủ mạng (trần thuật nghiệp duyên của tôi là trông coi về sanh mạng)**

**3.2.3.2.2.2.2.2.1.1.1.1. Kinh gia tự danh (người trùng tuyên kinh trần thuật danh hiệu)**

*(Kinh) Thuyết thị ngữ thời, hội trung hữu nhất quý vương, danh viết Chủ Mạng.*

**(經)說是語時，會中有一鬼王，名曰主命。**

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Khi nói lời ấy, trong hội có một quý vương tên là Chủ Mạng).

Ác Độc quý vương thưa chuyện đã xong, Chủ Mạng lại ra khỏi chỗ thưa trình chuyện của chính mình, vì sao vậy? Do cuộc sống của người đời có mạng mà thôi! Người tu thiện thì gọi là “vệ sanh” (衛生, bảo vệ sanh mạng); kẻ làm ác thì gọi là “tường sanh” (戕生, tàn hại sanh mạng). Thiên sách Thành Công<sup>185</sup> trong kinh Xuân Thu có nói: “*Dân thọ thiên địa chi trung dĩ sanh, sở vị mạng dã*” (Dân được sống trong vòng trời đất, đó gọi là Mạng). Do vậy, có khuôn phép về động tác, lễ nghĩa, oai nghi để định mạng. Người có thể tuân thủ những quy tắc ấy bèn dưỡng mạng, được phước; kẻ chẳng thể tuân thủ bèn bại mạng, mắc họa. Người đời nay chẳng hiểu ý quý vương bảo vệ con người, chỉ noi theo lễ thói ác độc, có thể nói là tự tàn sát sanh mạng, nghịch thiên quá đỗi! Nhưng mạng trọng yếu ở trong lúc sanh tử; sống là mạng còn, chết là mạng tuyệt. Kinh Bảo Vũ dạy: “*Như nhân phong lực, hữu xuất nhập tức, năng linh nhất thiết hữu tình hoạt mạng*” (Như do sức gió mà có thổi ra, hít vào, có thể khiến cho hết thảy hữu tình sống sót). Nhưng sự sanh tử của cái mạng như mặt trời, mặt trăng mọc, lặn, nghiệp thiện và nghiệp ác như bóng theo sát hình. Vì thế, trong lúc sanh tử, ắt cần phải tu thiện để bảo vệ sanh mạng. Chủ Mạng thưa bày sự việc, dụng ý ở tại chỗ này. Nhưng nói là Chủ, bất quá là ông ta trông coi mạng còn hay mất, há có thể ban cho hay đoạt mạng người ta, khiến cho họ được sống hay chết ư? Chức trách của những vị coi sóc án tử sanh tử trong địa ngục là như vậy đây!

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.1.2. Quý vương trần sự** (quý vương trình bày sự việc)  
**3.2.3.2.2.2.2.1.1.1.2.1. Trần kỹ sở chủ sự** (thưa trình sự việc do chính mình cai quản)

(**Kinh**) **Bạch Phật ngôn:** “**Thế Tôn! Ngã bổn nghiệp duyên, chủ Diêm Phù nhân mạng, sanh thời, tử thời, ngã giai chủ chi**”.

---

<sup>185</sup> Thiên Thành Công trong kinh Xuân Thu chép những chuyện xảy ra trong thời Lỗ Thành Công (Cơ Hắc Quảng) từ lúc ông ta lên ngôi đến khi mất tức là 590 trước Công Nguyên cho đến năm 573 trước Công Nguyên.

**(經)白佛言：世尊！我本業緣，主閻浮人命，生時死時，我皆主之。**

*(Kinh: Bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nghiệp duyên của con vốn là chủ trì sanh mạng của Diêm Phù Đề, lúc sanh ra, lúc chết đi, con đều làm chủ”).*

Trước hết, nêu ra nghiệp duyên, do hết thảy chúng sanh bị chuyển theo nghiệp của chính mình. Nếu tạo tác ác hạnh keo kiệt, tham lam tăng thượng nơi thân, ngữ, ý, sẽ sanh vào cõi Diêm Ma (琰摩, cõi của vua Diêm La), cảm vùi nghiệp đói khát trải qua trăm ngàn năm, chẳng nghe tên nước, há có thể trông thấy, huống hồ còn được chạm vào ư? Đây là ngã quỷ thuộc loại hèn kém nhất. Nếu là kẻ trong khi làm ác, lại kiêm hành cái nhân bố thí, sẽ sanh vào đường quý, rất có oai đức, làm các quý vương. Tuy làm một vị vua oai đức, nhưng luôn bị chư thiên sai khiến, giữ cửa, tuần phòng, dẫn đường, hầu hạ, vẫn là bị trói buộc bởi nghiệp. Chức trách của vị Chủ Mạng này cũng là theo nghiệp mà làm, vì thế nói “ngã bốn nghiệp duyên chủ Nam Châu nhân mạng” (nghiệp duyên của con vốn là chủ trì sanh mạng loài người trong Nam châu). Lúc sống, lúc chết của họ trực thuộc chức trách coi sóc của con, chẳng thể trái nghịch được!

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.1.2.2. Minh nhân bất hội ý (nói rõ: Người đời chẳng hiểu ý)**

*(Kinh) Tại ngã bốn nguyện, thậm dục lợi ích, tự thị chúng sanh, bất hội ngã ý, trí linh sanh tử câu bất đắc an.*

**(經)在我本願，甚欲利益，自是眾生，不會我意，致令生死俱不得安。**

*(Kinh: Bốn nguyện của con là muốn cho họ đạt được lợi ích rất lớn, nhưng do chúng sanh chẳng hiểu ý con, đến nỗi khi sanh cùng tử đều chẳng được an ổn).*

“Ý” là nói đến sự suy lường, nghĩa là tâm con vốn suy tính mong [lợi ích chúng sanh] như thế, hiềm rằng người đời chẳng thấu hiểu tâm con, chông trái ý con. Đã trái phạm tâm con, khiến cho con chẳng thể



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

che chở cho họ được. Vì thế đến nỗi kẻ sanh nở hoặc người chết đi đều chẳng được an lạc! Đây chính là con người tự chuốc lấy ương họa, chẳng phải là tội lỗi của con!

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2. Chuyển thích nhân bất hội ý** (giải thích người đời không hiểu ý quý vương như thế nào)

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.1. Cấm sanh thời sát hại** (răn cấm lúc sanh nở đừng giết hại)

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.1.1. Tu thiện đắc lạc** (tu thiện được an vui)

*(Kinh) Hà dĩ cố? Thị Diêm Phù Đề nhân, sơ sanh chi thời, bất vấn nam nữ, hoặc dục sanh thời, dẫn tác thiện sự, tăng ích xá trạch, tự linh thổ địa vô lượng hoan hỷ, ủng hộ tử mẫu, đắc đại an lạc, lợi ích quyền thuộc.*

**(經)何以故? 是閻浮提人, 初生之時, 不問男女, 或欲生時, 但作善事, 增益舍宅, 自令土地無量歡喜, 擁護子母, 得大安樂, 利益眷屬。**

*(Kinh: Vì sao vậy? Người trong cõi Diêm Phù Đề này, lúc mới sanh ra, chẳng cần biết là trai hay gái, hoặc lúc sắp sanh, chỉ nên làm chuyện lành để tăng thêm ích lợi cho nhà cửa, sẽ khiến cho thổ địa hoan hỷ vô lượng, ủng hộ mẹ lẫn con đều được an lạc to lớn, lợi ích quyền thuộc).*

Lần lượt giải thích “ý” [của Chủ Mạng quý vương] là như thế nào? Phàm con người đầu thai, đều do nương theo túc nghiệp. Kinh Tu Hành Đạo Địa dạy: “*Nhân hạnh bất thuần, hoặc thiện, hoặc ác. Đương chí nhân đạo phụ mẫu hợp hội, tinh bất thất thời, tử lai ứng sanh. Kỳ mẫu thai thông, vô sở câu ngại. Tâm hoài hoan hỷ, phụ thời tinh hạ, tức thất Trung Âm, tắc nhập bào thai*” (Con người do hạnh chẳng thuần là thiện hay ác, đến khi cha mẹ trong loài người giao hợp, tinh chẳng bị rò rỉ mất, con bèn đến sanh vào đó. Thai mẹ thông suốt, không bị trở ngại gì. [Người đầu thai] ôm lòng hoan hỷ, khi cha xuất tinh, [thần thức của con] sẽ mất đi thân Trung Âm, liền gá vào trong bào thai). Vì thế, khuyên trong lúc ấy, chỉ nên làm chuyện lành, sẽ tăng thêm oai quang cho nhà cửa, tăng niềm hoan hỷ cho thổ địa.

## *Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

“Xá” (舍) [theo nghĩa gốc] là có thể thở ra thoải mái trong ấy, Trạch (宅) là “*trạch*” (擇, chọn lựa), tức là chọn nơi tốt lành để kiến tạo. “Thổ” (土) là Thở (吐, phun ra), hàm ý sanh ra vạn vật. Địa (地) là Đế (諦, chắc chắn). Do năm loại đất<sup>186</sup> sanh ra thì không ai chẳng tin chắc thật!

Theo kinh Trường A Hàm, lúc con người mới sanh [trên đại địa], tranh cãi đúng sai, lớp đất cứng [trên mặt đất] chưa hiện ra, họ cùng nhau lấy gạo tẻ ăn vào, thân thể trở nên thô xấu, biến thành có hình dạng nam, nữ. Nhìn ngó lẫn nhau, bèn sanh dục tưởng, cùng ở chỗ kín đáo, làm chuyện bất tịnh. [Nam nhân] bị người khác quở trách, tự hối lỗi nói: “Ta đã làm sai”, liền gieo mình xuống đất. Nữ nhân thấy người nam đó gieo mình xuống đất, chẳng đứng dậy, liền đưa thức ăn cho. Vì vậy, thế gian bèn có danh xưng bất thiện “*chồng làm chủ*”, gọi kẻ đưa thức ăn cho chồng là vợ. Sau đây, chúng sanh bèn làm chuyện dâm dật, nhằm để tự che chắn, bèn tạo nhà cửa. Do nhân duyên ấy, mới có danh xưng “*xá*” (nhà). Dâm dật càng mạnh hơn, bèn thành vợ chồng. Có những chúng sanh khác, do tuổi thọ đã hết, phước đã tận, từ Quang Âm Thiên (Ābhāsvara) mạng chung, sanh vào thế gian này, ở trong thai mẹ. Do vậy, thế gian mới có danh xưng “*xử thai*” (ở trong thai mẹ). Đây là nguồn gốc của vợ chồng, nhà cửa, thai sản. Thổ địa là người chủ trì việc bảo vệ nhà cửa, bảo vệ con người. Họ đã hoan hỷ, sẽ tự đến ủng hộ, khiến cho mẹ lẫn con đều được đại an lạc, lại còn lợi ích quyền thuộc. Lợi ích có hai điều:

- Lúc sanh nở, mẹ không bị tai biến gì, trước hết là khiến cho cả nhà hoan hỷ.

- Con đã được tăng thêm nhiều phước thiện, sau này, sẽ có thể khiến cho gia đình vẻ vang, thịnh vượng.

Kẻ trước kia đã làm việc lành, càng tăng thêm phước thọ. Kẻ xưa kia làm ác, cũng tiêu tội ấy.

---

<sup>186</sup> Năm loại đất (ngũ thổ) là đất nơi núi rừng, đất do phù sa bồi đắp, đất nơi gò, đồi, đất nơi ven sông, suối, và đất thấp trũng. Có thuyết nói Ngũ Thổ là năm loại đất có màu sắc khác nhau (xanh, đỏ, trắng, đen, vàng). Thái Ung lại cho rằng nói “ngũ sắc thổ” chẳng qua chỉ là ứng với màu sắc của ngũ hành mà gọi đó thôi, chẳng hạn, đất vàng ở tại trung ương, tương ứng với hành Thổ, đất trắng tương ứng với hành Kim ở phương Tây v.v... Nói cách khác, theo Thái Ung, ngũ thổ chỉ là danh từ phiếm chỉ đất ở khắp các phương.

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.1.2. Tác ác thọ hại (làm ác mắc hại)**

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.1.2.1. Trục thị vật sát (dạy thẳng thừng đừng giết chóc)**

*(Kinh) Hoặc dĩ sanh hạ, thận vật sát hại, thủ chư tiền vị, cung cấp sản mẫu, cấp quang tự quyển thuộc, ẩm tửu, thực nhục, ca nhạc huyền quản, năng linh tử mẫu, bất đắc an lạc.*

**(經)或已生下，慎勿殺害，取諸鮮味，供給產母，及廣聚眷屬，飲酒食肉，歌樂絃管，能令子母，不得安樂。**

*(Kinh: Hoặc nếu đã sanh xong, hãy cẩn thận đừng sát hại để lấy vị tươi cung cấp cho người mẹ, và tự hội quyển thuộc đông đảo, uống rượu, ăn thịt, ca nhạc, đàn sáo, khiến cho mẹ lẫn con đều chẳng được an lạc).*

Đối với chuyện sát hại, xưa nay đều cùng thương xót. Không gì chẳng phải là thấu hiểu tâm lòng hiếu sanh của thiên đạo, giữ gìn sanh mạng rất khó có của con người. Há có nên vì sướng miệng và thân ta, do đái đàng mừng sanh con mà thương tổn sanh vật, đoạn mạng của chúng, mổ bụng, lóc vảy, trái nghịch lòng nhân của trời, chọc thần giận dữ ư? Vì thế, Vân Thê đại sư (tổ Liên Trì) nói: “Sanh con chớ nên sát sanh. Người không con thì buồn, có con ắt vui. Chẳng nghĩ hết thấy cảm thú cũng đều yêu thương con của chúng nó. Mừng con ta sanh ra, khiến con chúng nó bị chết, tâm há yên chẳng? Phàm trẻ thơ mới sanh, chẳng vì nó tích tụ phước, mà lại ngược ngạo sát sanh tạo nghiệp, cũng ngu quá đổi thay! Xưa kia, học sĩ Châu Dự đã từng nấu lươn, thấy nó cong thân hướng lên trên, còn đầu đuôi đều bị ngập trong nước nóng. Mổ ra, thấy trong bụng nó có lươn con, mới biết lươn con mình tránh canh nóng vì yêu thương con. Than ôi! Tuy người và loài vật bất đồng, tấm lòng yêu con như một. Sao nữ mừng nhà ta mẹ vừa sanh con, khiến cho mẹ con nó ôm đau khổ mà chết, ôm lòng bi thương mà thác! Đã bị mổ, chặt, lại bị nấu, đun, đau khổ khó thể nói được! Thấu xương, lột tủy! Ngay trong lúc ấy, lòng nhân bé tí của ta mất sạch, oán khí vô cùng của chúng trường tồn. Muốn đời sau chúng nó chẳng truy tìm đòi trả báo, tôi chẳng tin!”

“Quảng tự quyển thuộc” (tự tập quyển thuộc đông đảo) là để mừng con mới sanh. Chủ Mạng răn cấm “đừng giết chóc”, bởi lẽ [không sát sanh] sẽ tăng thêm phước thọ cho con. Cổ nhân nói: “Rượu là thuốc để hòa dịu tâm thần, thịt là thức ăn để khởi đời”. Xưa nay cùng một lẽ,

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

nay sao lại coi thường? Ấy là vì thịt do sát hại sanh mạng mà có, rượu có thể làm loạn tâm thần. Chẳng ăn là lý, há nên làm càn! Trong kinh Ương Quạt, đức Phật dạy: “*Nhất thiết chúng sanh, sanh tử luân chuyển, vô phi phụ, mẫu, huynh, đệ, tỷ, muội, do như kỹ nhi, biến dịch vô thường*” (Hết thấy chúng sanh trôi lăn sanh tử, không ai chẳng phải là cha, mẹ, anh em trai, chị em gái của nhau, giống như đào kép đổi vai chẳng thường hằng). Thịt ta hay thịt chúng nó, đều cùng là thịt. Vì thế, chư Phật đều chẳng ăn thịt. Hơn nữa, uống rượu đoạn chủng tử trí huệ, ăn thịt đoạn chủng tử từ bi. Chủng tử trong tương lai còn bị đoạn mất, sao bảo đảm chủng tử hiện tại chẳng bị đoạn dứt ư? Nếu tuân theo lời giáo huấn của Chủ Mạng, không chỉ là tiêu tai, hết lỗi, mà còn có thể gom góp phước, kéo dài tuổi thọ. Xin hãy suy nghĩ kỹ lưỡng, đừng câu nệ thói tục!

“*Ca nhạc*” như đã giải thích trong phần trước. “*Huyền quản*” là tiếng tơ, tiếng trúc. Ngay cả những thứ ấy (ca nhạc, đàn địch) cũng phải kiêng, bởi lẽ, uống rượu, ăn thịt đã loạn tánh, lại còn tổn thương lòng Từ; ca nhạc đàn sáo khiến cho tình thức phóng đảng, ý chí buông lung. Đã trái nghịch lòng nhân đức của trời đất, lại trái nghịch rất lớn lòng Từ của Chủ Mạng, khiến cho nhà cửa bị giảm oai quang, xúc phạm ý hộ trì của thổ địa, mẹ con chẳng được an lạc, lỗi ấy quy về ai đây?

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.1.2.2. Chuyển thích kỳ ý (giải thích ý ấy)**

**3.2.3.2.2.2.2.2.1.1.2.1.2.2.1. Sản thời ác quỷ đạh huyết (khi sanh nở, ác quỷ ăn máu)**

*(Kinh) Hà dĩ cố? Thị sản nạn thời, hữu vô số ác quỷ, cập vông lượng tinh mị, dục thực tinh huyết.*

**(經)何以故? 是產難時, 有無數惡鬼, 及魍魎精魅, 欲食腥血。**

*(Kinh: Vì sao vậy? Do lúc sản nạn, có vô số ác quỷ và vông lượng tinh mị muốn ăn tinh huyết).*

Giải thích thêm ý nghĩa, tức là có ác quỷ muốn ăn tinh huyết. Do lúc sanh nở, quỷ mị đen vây quanh nơi máu rơi trên đất và chỗ hôi thối bộc lộ. Các loài tà vạy gây điên khùng, đùng chạm tử thi, các loài quỷ gây điên đảo do cổ độc đều đến ngấm ghé, toan xâm phạm. Như các mẫu thịt rơi nơi ngã tư đường, chim, điều hâu, ung, sói đều cùng tranh giành. Các loài yêu quỷ tà vạy muốn ăn chất bài tiết của trẻ vầy đầy

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

chung quanh cũng giống như thế. Kinh Hộ Tịnh dạy: “*Nga quý thường thủ bộ phụ nữ sản tạng huyết bất tịnh dĩ vi ẩm thực*” (Các loài quỷ đói thường cướp lấy máu và các chất bất tịnh nơi tử cung của phụ nữ mới sanh nở để làm thức ăn). Bài kệ trong kinh Phân Biệt Thiện Ác chép: “*Hiếu điều nhiều lão thiếu, khát nhi dữ bệnh nhân. Hậu vi tao nga quý, thực sản nữ ác lộ*” (Thích quấy nhiễu già, trẻ, ăn mày, và bệnh nhân. Chết đi thành nga quý, ăn chất dơ bà đẻ). Ác nghiệp của quỷ thật quá đáng thương!

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.1.2.2.2. Ngã lệnh thổ địa hà hộ** (con ra lệnh cho thổ địa che chở)

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.1.2.2.2.1. Hộ linh an lạc** (che chở cho họ được an vui)

*(Kinh) Thị ngã tảo linh xá trạch thổ địa, linh kỳ, hà hộ tử mẫu, sử linh an lạc, nhi đắc lợi ích.*

**(經)是我早令舍宅土地靈祇，荷護子母，使令安樂，而得利益。**

*(Kinh: Con đã sớm sai thổ địa và thần kỳ chủ quản nhà cửa ấy bảo vệ mẹ lẫn con, khiến cho họ được an vui, đạt được lợi ích).*

Chủ Mạng tự nói: “Con đã chủ quản sanh mạng, người sắp sanh có can hệ đến con. Vì thế, trước đó đã sai thổ địa che chở mẹ con họ”. Đây chính là giống như [thí dụ] đội vác giùm vật nặng trong phần trước, khiến cho người ấy chẳng bị vấp té. Cho nên nói là “hà hộ” (荷護, gánh vác, bảo vệ). Hê Ma Bạt Đà (Haimavata) dịch là Xá Chủ (舍主, chủ nhà) e rằng là tên của vị thần bảo hộ nhà cửa. “*An lạc, lợi ích*”: Khiến cho họ được sanh nở an ổn. Nghe tiếng con khóc lọt lòng, cha mừng nhà có thêm con, chẳng phải lo dòng dõi đoạn tuyệt. Vì thế, thổ địa bảo vệ, thật ra là do Chủ Mạng hạ lệnh. Theo Đạo Tạng, khi nhân gian sanh con cái, Cửu Thiên Huyền Nữ<sup>187</sup> sai thiên thần ở trong hư không xưng danh về

<sup>187</sup> Cửu Thiên Huyền Nữ (còn gọi là Cửu Thiên Huyền Mẫu, Cửu Thiên Nương Nương, Huyền Tần Thị, Cửu Thiên Huyền Mẫu Thiên Tôn, hay Cửu Thiên Huyền Dương Nguyên Nữ Thánh Mẫu Đại Đê Huyền Tần Thị) là một vị nữ thần tối cổ trong thần thoại Trung Hoa. Bà được coi là một vị thần chủ trì thuật số, sáng tạo Thái Ất Độn Giáp Kỳ Môn, cũng như các phù chú nổi tiếng của Đạo giáo như Âm Phù,

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

những điều kính phụng. Sanh con trai thì xướng lên một ngàn sáu trăm câu như: “Mong cho đứa trẻ này ở nhà thì phụng dưỡng cha mẹ, ra làm quan sẽ phụng sự vua”. Sanh con gái cũng xướng lời cung chúc một ngàn sáu trăm câu, khiến cho khi nó về nhà chồng, sẽ kính phụng bố mẹ chồng và chồng. Khi [các thiên thần] sắp xướng lên lời chúc tụng, cát hung chỉ ngay trong khoảnh khắc ấy. Chuyện ấy được nói ở đây vậy.

#### ***3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.1.2.2.2.2. Bất tri thiết phước (chẳng biết làm phước)***

***(Kinh) Như thị chi nhân, kiến an lạc cố, tiện hợp thiết phước, đáp chư thổ địa, phiên vi sát hại, tập tụ quyền thuộc.***

**(經)如是之人，見安樂故，便合設福，答諸土地，翻為殺害，集聚眷屬。**

***(Kinh: Người như thế, do thấy [mẹ con sanh nở] an lạc, lẽ ra phải nên làm phước để đáp tạ các thổ địa, lại ngược ngạo giết hại, tụ họp quyền thuộc).***

Câu đầu tiên chỉ ra: Gia đình vừa mới sanh con trai hay con gái, đã thấy sanh nở an vui, hãy nên nghĩ: Được an vui là do công của thổ địa, đáng phải nên làm chuyện phước thiện để đền đáp ơn trạch chủ. Nay lại ngược ngạo sát hại sanh linh, tụ tập quyền thuộc, uống rượu, ăn thịt, ca nhạc, đàn sáo, chọc giận thần thánh, thiếu suy nghĩ quá đáng! Xưa kia, vào năm Vạn Lịch 33 (1605) nhà Minh, ông Thái Hòa Đình (húy Thừa Thực) làm thái thú ở Gia Hưng, đã hạ lệnh cấm sát sanh cúng thần. Ở đây, tôi trích đại lược lời phủ dụ như sau: “*Quý thần hưởng dụng khác với nhân gian. Con người chuộng rượu, thịt, liền dùng rượu, thịt để cúng*

---

Linh Bảo Ngũ Phù. Chữ Huyền trong danh hiệu của bà thể hiện ý nghĩa trời cao, như kinh Dịch phần viết về quẻ Khôn đã ghi “*thiên huyền, địa hoàng*” (trời đen, đất vàng). Do trời xa thẳm, nhìn lên chỉ thấy một màu đen kịt khi trời tối, nên Huyền còn có nghĩa là huyền diệu, khó thấu hiểu. Địa vị của bà trong thần miếu Đạo Giáo được coi là chỉ kém Tây Vương Mẫu. Theo truyền thuyết, bà từng là thầy của Hoàng Đế, bản lãnh quân sự cao tột, giúp vua đánh bại Xi Vu. Truyền thuyết cũng cho rằng Cửu Thiên Huyền Nữ hóa thân thành cô gái ẩn danh xứ Việt giúp Việt Vương Câu Tiễn huấn luyện quân sĩ hùng mạnh đánh bại Ngô Vương Phù Sai, khôi phục nước Việt. Tương truyền, ngay cả quân sư Lưu Bá Ôn của nhà Minh sở dĩ tinh thông Kỳ Môn Độn Giáp là do được Cửu Thiên Huyền Nữ truyền dạy.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

thần. Ví như giò ăn phân, liền dâng phân cho người, há chẳng mắc tội với người ư? Do thần mình thanh tịnh, gửi mùi rượu, thịt ô uế của nhân gian, ghét bỏ còn chẳng xuể, há chịu xét soi hưởng dụng ư? Vì thế, tể Nam Giao<sup>188</sup> chỉ dùng rượu nhạt, người đứng tể kiêng rượu, ăn chay, có thể suy ra mà hiểu ý ấy! Còn như ngọc quý chẳng thể uống nước, sao có thể ăn thịt cho được? Ngài Mục Liên cứu mẹ, có thể theo đó mà xét soi. Phàm cúng tế thần mình, hãy nên dâng hương, sửa soạn cỗ chay, và tụng một quyển kinh Kim Cang, thần sẽ tự xét soi, thấu nhận. Âm ty hết sức coi trọng kinh ấy. Nếu vẫn như cũ, sát sanh làm ô uế thần, không chỉ vô ích, lại còn bị trách tội!” Tôi cho ông Thái Minh Phủ đúng là [bậc Bồ Tát] hiện thân tể quan, vì vạn quý, vạn dân mà thuyết pháp. Tiếc rằng người đời chẳng biết tín phụng, tự chuốc lấy tội lỗi, biết làm sao được nữa!

#### **3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.1.2.2.2.2. Kết thị hại tổn (kết lại lời dạy về sự tổn hại)**

**(Kinh) Dĩ thị chi cố, phạm vương tự thọ, tử mẫu câu tổn.**

**(經)以是之故，犯殃自受，子母俱損。**

**(Kinh:** Do bởi lẽ ấy, đã phạm lỗi phải tự chịu tai ương, mẹ lẫn con đều bị tổn hại).

“Phạm vương tự thọ” (phạm lỗi, tự gánh chịu họa ương): Kinh dạy: “Hữu Dạ Xoa, La Sát, thường hỷ đạm nhân thai, năng linh nhân vô tử, thương hại ư bào thai, cập sanh thời đoạt mạng, vị kỳ tác nhiều hại” (Có Dạ Xoa, La Sát, thường thích ăn thai người, khiến cho người không con, tổn hại đến bào thai. Lúc sanh thì đoạt mạng, quấy nhiễu và làm hại). Như vậy thì sanh con ra mà con bị chết yếu là do người ta sát hại tự gây nên, chẳng phải là vì thổ địa không che chở!

#### **3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2. Khuyên tử thời tu thiện (khuyên lúc chết nên tu thiện)**

##### **3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.1. Trần kỷ bản ý (trần thuật ý mình)**

---

<sup>188</sup> Nguyên văn là Giao Tự (郊祀) là một nghi lễ trọng đại thời cổ. Vào một ngày tốt do Khâm Thiên Giám chọn lựa kỹ càng, thường là trong khoảng từ tháng Giêng đến tháng Ba, vua dẫn các quan đại thần lớn nhỏ ra ngoài kinh thành, thường là đến một khu lễ đàn đã lập sẵn ở nơi thanh vắng, thường gọi là đàn Nam Giao, dâng lễ trời đất, cảm tạ hoàng thiên hậu thổ che chở đất nước, cũng như cầu quốc thái dân an.

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.1.1. Thị thiện ác câu siêu (thiện hay ác đều được siêu thoát)**

*(Kinh) Hựu Diêm Phù Đề lâm mạng chung nhân, bất vấn thiện ác, ngã dục linh thị mạng chung chi nhân, bất lạc ác đạo, hà huống tự tu thiện căn, tăng ngã lực cố.*

**(經)又閻浮提臨命終人，不問善惡，我欲令是命終之人，不落惡道，何況自修善根，增我力故。**

*(Kinh: Lại nữa, người Diêm Phù Đề lúc sắp mạng chung, bất luận thiện hay ác, con đều muốn cho người mạng chung ấy chẳng rơi vào ác đạo, huống hồ là người tự tu thiện căn sẽ tăng thêm sức cho con).*

Kinh Pháp Cú dạy: “Mạng như hoa quả thực, thường khùng hội linh lạc. Dĩ sanh giai hữu khổ, thực năng trí bất tử” (Mạng như hoa quả chín, thường sợ sẽ rơi rụng. Đã sanh đều có khổ, có ai được bất tử?) Vì thế nói: “Sanh thì tám thức nâng đỡ, tử thì Tứ Đại tan lìa. Trăm tuổi thoáng chốc, rút cuộc đều mòn diệt! Xoay vần trong ba cõi, lưu chuyển chẳng hề ngừng”. Do vậy, kinh dạy: “Hữu thi, hữu chung, ký sanh tắc diệt, thù năng cảm kỳ bất tử da?” (Có khởi đầu thì có kết thúc, đã có sanh thì có diệt, ai có thể ngăn cảm khiến cho chính mình chẳng chết ư?) Nhưng lúc lâm chung, cái nghiệp thiện ác đã tạo lúc bình thời sẽ cùng lúc nhanh chóng hiện ra, [người chết phải] theo nghiệp mà thọ sanh. Kinh Pháp Cú dạy: “Nhân tác thiện ác, ương phước tùy nhân, tuy cánh sanh tử, bất khả đắc miễn” (Người làm thiện ác, họa phước theo người. Dầu qua sanh tử, chẳng thể tránh khỏi). Nhưng trong ý con (Chủ Mạng), chẳng cần biết người ấy thường nhật làm lành hay làm ác, con đều làm cho người ấy sanh vào chốn lành, chẳng để cho người ấy rơi vào đường ác. Huống hồ người ấy vốn chẳng làm ác, tự tu Thí, Giới; do thiện căn đã tu thành của người ấy sẽ khiến cho oai đức của con cũng tăng thêm mạnh mẽ. Khi người ấy cảm báo, ắt sanh lên cõi trời, hoặc sanh trong nhân gian.

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.1.2. Quỷ thần biến ác (quỷ thần biến hiện chuyện ác)**

*(Kinh) Thị Diêm Phù Đề hành thiện chi nhân, lâm mạng chung thời, diệc hữu bách thiên ác đạo quỷ thần, hoặc biến tác phụ mẫu, nãi*



*chí chư quyển thuộc, dẫn tiếp vong nhân, linh lạc ác đạo, hà hưởng bản tạo ác giả.*

**(經)是閻浮提行善之人，臨命終時，亦有百千惡道鬼神，或變作父母，乃至諸眷屬，引接亡人，令落惡道，何況本造惡者。**

*(Kinh: Người làm lành trong Diêm Phù Đề, khi sắp mạng chung, cũng có trăm ngàn quỷ thần trong đường ác, hoặc biến thành cha mẹ, cho đến các quyển thuộc, tiếp dẫn người mất, khiến họ rơi vào ác đạo, hưởng hồ kẻ vốn làm ác).*

Kinh Tịnh Độ Tam Muội nói: “*Nhược nhân tạo thiện ác nghiệp, sanh thiên, đọa ngục, các hữu nghênh nhân. Bệnh dục tử thời, nhãn tự kiến lai nghênh. Ứng sanh thiên thượng giả, thiên thân trì thiên y, kỹ nhạc lai nghênh. Ứng sanh tha phương giả, nhãn kiến tôn nhân vị thuyết diệu ngôn. Nhược vi ác, đọa địa ngục giả, nhãn kiến binh sĩ, trì đao, thuẫn, mâu, kích, sách vi nhiều. Sở kiến bất đồng, khẩu bất năng ngôn, các tùy sở tác, các đắc kỳ quả*” (Nếu ai tạo nghiệp thiện, ác, sanh lên trời, hay đọa vào địa ngục, đều có người đến đón tiếp. Khi người bệnh sắp chết, mắt tự thấy có người đến đón. Người đáng sanh lên trời, thiên thân cầm áo trời, kỹ nhạc đến đón. Người đáng sanh vào phương khác, mắt sẽ thấy người tôn quý vì người ấy nói lời mâu nhiệm. Nếu là kẻ làm ác đọa địa ngục, mắt thấy binh sĩ cầm đao, thuẫn, mâu, kích, dây trói vây quanh. Mỗi người thấy khác nhau, miệng chẳng thể nói được, mỗi người đều thuận theo những gì đã làm mà tự đạt được cái quả). Vì thế, khi lâm chung, quả thật có ác quỷ nhiều loạn. Dẫn cho người một mực làm lành, vẫn khó tránh khỏi bị quấy nhiễu. Hoặc là [ác quỷ thần] biến thành cha, mẹ, anh, em, chú, bác, cô, dì, khiến cho tâm người ấy (người sắp chết) yêu mến, tinh thần nhiều loạn. Quỷ liền dùng thân giống như cha mẹ v.v... dẫn người ấy vào đường ác, hưởng hồ chính người ấy tạo ác. Bởi lẽ, người sắp chết, Thiên Đế truyền văn thư xuống. Người ấy chưa đến lúc chết, quỷ thần Thái Sơn bèn xúi giục kẻ ấy tạo tội, khiến cho người ấy rơi vào ác đạo. Hãy nên biết là những quỷ thần đó giở trò, chứ còn ai nữa?

Vì thế, Đại Luận dẫn kinh Phân Biệt Nghiệp như sau: “*Phật cáo A Nan: ‘Hành ác nhân, hảo xứ sanh; hành thiện nhân, ác xứ sanh’*. A Nan viết: “*Thị sự vân hà?*” Phật ngôn: - *Ác nhân kim thế tội nghiệp vị thực,*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

túc thể thiện nghiệp dĩ thực, cố kim tuy vi ác, nhi sanh hảo xứ. Hoặc lâm tử thời, thiện tâm tâm số pháp sanh, diệc sanh hảo xứ. Hành thiện nhân sanh ác xứ giả, kim thể thiện vị thực, quá khứ ác dĩ thực. Cố kim tuy vi thiện, nhi sanh ác xứ. Hoặc lâm tử thời, bất thiện tâm tâm số pháp sanh, diệc sanh ác xứ” (Đức Phật bảo A Nan: “Người làm ác sanh về chỗ tốt đẹp, người làm lành sanh về chỗ ác”. Ngài A Nan hỏi: “Chuyện ấy là như thế nào?” Đức Phật dạy: “Kẻ ác do tội nghiệp đời này chưa chín muồi, thiện nghiệp đời trước đã chín muồi, cho nên nay tuy làm ác mà sanh về chốn tốt đẹp. Hoặc khi sắp chết, các tâm số pháp của thiện tâm sanh khởi, cũng sanh về chỗ tốt đẹp. Kẻ làm lành mà sanh về chỗ ác, là vì điều thiện đời này chưa chín muồi, điều ác trong quá khứ đã chín muồi, cho nên nay tuy làm lành mà sanh vào chốn ác. Hoặc lúc sắp chết, các pháp tâm số của tâm bất thiện sanh khởi, cho nên cũng sanh vào chỗ ác). Vì thế, luận Câu Xá nói: “Nếu người lâm chung dấy lên tâm tà kiến, là do các điều bất thiện trước kia làm duyên, cho nên đọa địa ngục”. Vậy thì dầu không có quỷ dẫn dắt, vẫn khó đảm bảo “làm lành sẽ sanh về chốn lành”. Huống hồ kẻ vốn tạo ác, tự nhiên sẽ bị dẫn vào ác đạo!

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2. Thệ nhân bất hội** (người lâm chung không hiểu biết)

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.1. Vong giả thần thức hôn muội** (người mất thần thức tối tăm, mê muội)

**(Kinh) Thế Tôn! Như thị Diêm Phù Đề nam tử, nữ nhân, lâm mạng chung thời, thần thức hôn muội, bất biện thiện ác, nãi chí nhãn, nhĩ, cánh vô kiến văn.**

**(經)世尊! 如是閻浮提男子女人, 臨命終時, 神識昏昧, 不辯善惡, 乃至眼耳, 更無見聞。**

**(Kinh: Bạch đức Thế Tôn! Nam tử, nữ nhân trong cõi Diêm Phù Đề như thế, khi sắp mạng chung, thần thức tối tăm, mê muội, chẳng phân biệt thiện, ác, cho đến mắt, tai, trọn chẳng thấy nghe).**

“Lâm chung thần thức tối tăm”: Thần thức trong thân có lúc rời đi ngay, có khi rời đi theo thứ tự trước sau. Chỉ có thức thứ tám rời đi cuối cùng, cũng nào có biết?

Kinh Niết Bàn dạy: “Như nhân xả mạng, thọ đại khổ thời, tông thân vi nhiều, hào khóc áo não. Kỳ nhân hoảng bố, mạc tri y cứu. Tuy

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*hữu ngũ tình, vô sở tri giác. Chi tiết chiến động, bất năng tự tri. Thân thể hư lãnh, noãn khí dục tận. Kiến tiên sở tu thiện ác báo tướng, như nhật thù một, sơn, lãng, đôi, phụ ảnh hiện đông di, lý vô Tây thế. Chúng sanh nghiệp quả, diệc phục như thị. Cố lâm chung thời, chư căn ảm nhiên, thức bất năng biện. Nhãn, nhĩ tuy tại, hà năng kiến văn?” (Như người lúc xả mạng, chịu đại khổ, họ hàng vây quanh, gào khóc áo não. Người ấy hoảng sợ, chẳng biết nương vào ai để cầu cứu. Tuy có năm tình thức, nhưng chẳng hay biết. Chi thể và các lông đốt rúng động, chẳng thể tự không chế được. Thân thể hư nhược, lạnh lẽo, hơi ẩm gần dứt. Thấy các báo tướng do điều thiện lẽ ác đã làm trước kia, như mặt trời sắp lặn, núi, gheñh, đôi, gò đều hiện bóng chiếu sang Đông, chẳng có lẽ nào ngã về Tây. Nghiệp quả của chúng sanh cũng giống như thế; cho nên khi lâm chung, các căn ảm đạm, thức chẳng thể biện định. Tai, mắt tuy hã còn, sao có thể thấy, nghe?)*

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2. Quyển thuộc đưong vị tu phước** (*quyển thuộc hã nên vì người ấy tu phước*)

**3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.1. Đa thiện duyên, ly ác đạo khổ** (*do nhiều thiện duyên, sẽ lìa nỗi khổ trong đưong ác*)

*(Kinh) Thị chư quyển thuộc, đưong tu thiết đại cúng đưong, chuyển độc tôn kinh, niệm Phật Bồ Tát danh hiệu. Như thị thiện duyên, năng linh vong giả ly chư ác đạo, chư ma, quỷ, thần tất giai thoái tán.*

**(經)是諸眷屬，當須設大供養，轉讀尊經，念佛菩薩名號。如是善緣，能令亡者離諸惡道，諸魔鬼神悉皆退散。**

*(Kinh: Các quyển thuộc ấy hã nên sắm sửa cúng đưong to lớn, tụng niệm tôn kinh, niệm danh hiệu của Phật, Bồ Tát. Thiện duyên như thế có thể khiến cho người mất lìa khỏi các ác đạo, các ma, quỷ, thần sẽ đều lui tan).*

“Đưong tu thiết đại cúng đưong” (Hã nên sắm sửa cúng đưong) là chuyện cần phải lo liệu. Ví như thuyền đi vào chỗ hiểm, cần phải gấp gãng sức. Hễ có chút nào sơ sễnh, người lẫn thuyền đều bị chìm. Ấy là vì Tiền Âm (thân thể trong đời hiện tại của người sắp chết) sắp chấm dứt, thân Trung Âm sanh khởi. Trung Âm có hai loại: Một là thiện

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

nghiệp quả, hai là ác nghiệp quả. Do thiện nghiệp, nên đắc thiện giác quán. Do ác nghiệp, nên đắc ác giác quán. [Thần thức người chết] theo nghiệp nhân duyên, hướng đến chỗ thọ sanh. Kinh Ngũ Giới dạy: “*Sanh tử hiểm nạn, thật khả kinh bố*” (sanh tử hiểm nạn, thật đáng kinh sợ). Vì thế, cần phải sắp đặt cúng dường to lớn, đọc kinh, xưng danh. Cúng mà nói là “*đại*”, ý nói dốc cạn tài lực của chính mình, kiệt lực lo liệu. Nhưng trong lúc cúng dường, cần phải lìa cái tâm cho rằng những thứ [vật phẩm cúng dường] đó thật sự [chỉ có chừng ấy. Phải biết rằng]: Dù hương, hay hoa, Thẻ của chúng là pháp giới, tánh của người dâng cúng và đáng được cúng vốn là chân không. Do đó, những vật cúng ấy sẽ sanh khởi xứng với tâm lượng, thuận theo tánh mà thường trụ. Cúng dường trọn khắp Tam Bảo giống như cúng khắp mười phương. Tuy nói là “*thí tài*”, thật sự là pháp cúng dường, cho nên nói là *Đại*.

Niệm Phật, Bồ Tát thì như Kim Quang Minh Kinh Sớ viết: “*Quán tâm đã là như vậy. Quán Phật cũng thế, cho nên nói là niệm Phật*”. Đây là nói về Lý Quán, nay chỉ xưng danh. Kinh Đại Phẩm Bát Nhã dạy: “*Nhược hữu nhất nhân xưng Nam-mô Phật, nãi chí tất khổ, kỳ phước bất tận*” (Nếu có người xưng Nam Mô Phật một tiếng, cho đến hết sạch khổ, phước ấy chẳng hết). Đại Luận viết: “*Hỏi: Vì sao chỉ xưng niệm sông danh tự, liền được hết khổ, phước ấy bất tận? Đáp: Từng nghe công đức của Phật có thể độ người thoát khỏi nỗi khổ già, bệnh, chết. Cúng dường dù nhiều hay ít, và xưng danh hiệu Phật, sẽ được vô lượng phước*”. Vì thế, kinh Đại Bi dạy: “*Nhược năng chí thành tâm, niệm Phật công đức, nãi chí nhất hoa, tán ư không trung. Ư vị lai thế, tác thiên Phạm Vương, kỳ phước bất tận. Dĩ kỳ bất tận, chung chí Niết Bàn*” (Nếu tâm có thể chí thành thì do công đức niệm Phật, cho đến [do công đức] dùng một đóa hoa rải lên không trung, trong đời vị lai, sẽ làm Phạm Vương trên cõi trời. Phước ấy bất tận, cuối cùng đạt đến Niết Bàn). Nay đã do thiện duyên cúng dường, tụng kinh, xưng danh, sẽ tự có thể làm người chết lìa khỏi tam đồ ác đạo, chẳng cần trừ khử các ma quỷ biến hình (biến thành hình dạng người thân) mà chúng nó tự lui tan.

***3.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2.2.2.2. Thiểu thiện duyên, trừ vô gián tội (do chút thiện duyên, trừ tội Vô Gián)***

***(Kinh) Thẻ Tôn! Nhất thiết chúng sanh lâm mạng chung thời, nhược đắc văn nhất Phật danh, nhất Bồ Tát danh, hoặc Đại Thừa***

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

*kinh điển, nhất cú, nhất kệ, ngã quán như thị bối nhân, trừ Ngũ Vô Gian sát hại chi tội, tiểu tiểu ác nghiệp, hợp đọa ác thú giả, tâm tức giải thoát.*

**(經)世尊! 一切眾生臨命終時, 若得聞一佛名, 一菩薩名, 或大乘經典, 一句一偈, 我觀如是輩人, 除五無間殺害之罪, 小小惡業, 合墮惡趣者, 尋即解脫。**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Hết thân chúng sanh khi mạng sắp chấm dứt, nếu được nghe danh hiệu một vị Phật, danh hiệu một vị Bồ Tát, hoặc kinh điển Đại Thừa, một câu, một kệ, con thấy những người như thế được trừ tội Ngũ Vô Gian và sát hại, các ác nghiệp nho nhỏ đáng đọa vào trong đường ác sẽ liền được giải thoát).*

Phân trên đã nói ba thứ công đức “sắp đặt cúng dường, đọc kinh, xưng danh” để giúp phước cho người trong cõi âm lìa ác đạo, đày lùì quỷ thần [quấy nhiễu]. Đó là công năng của nhiều phước. Nhưng nay [trong đoạn này, khẳng định] đối với danh hiệu của Phật Bồ Tát, chỉ một danh hiệu mà thôi, đối với kinh điển, chỉ một câu, một kệ mà thôi, sẽ liền có thể trừ khử tội Ngũ Vô Gian cực nặng.

“*Một kệ*”: Xứ Thiên Trúc chỉ cần đếm đủ ba mươi hai chữ thì gọi là một kệ, thường gọi là A Nậu Tốt Đồ Bà (Anuṣṭubh), hoặc Thâu Lô Ca Ba (Śloka). Chuyện này cũng là do có đại nhân duyên, cho nên lâm chung được nghe. Đại tội thượng phẩm đã trừ, những ác nghiệp nho nhỏ trung hạ, đáng đọa vào các biên tiểu ngục (các tiểu địa ngục phụ), sẽ lập tức giải thoát siêu thăng, như mặt trời rạng rỡ tan sương, há có tội khiên thừa sót ư? Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: “*Ninh thọ địa ngục khổ, đắc văn chư Phật danh. Bất thọ vô lượng lạc, nhi bất văn Phật danh*” (Thà chịu khổ địa ngục, được nghe danh chư Phật. Chẳng hưởng vô lượng vui, mà chẳng nghe tên Phật). Do vì xưa kia, trong vô số kiếp chịu khổ, trôi lăn trong sanh tử do chẳng được nghe danh hiệu Phật. Hỏi: Vì sao chỉ nghe danh hiệu Phật liền đắc đạo? Đáp: Có chúng sanh phước đức thuần thực, tâm kết sử mỏng manh, nếu nghe danh hiệu Phật, sẽ lập tức đắc đạo; như vải len trắng mới sạch, dễ nhuộm màu. Nghe danh hiệu Phật, công sức của phước ấy há lường nổi ư? Chủ Mạng trần thuật tâm ý đã xong.

**3.2.3.2.2.2.2.1.2. Thế Tôn tán khuyến** (*đức Thế Tôn tán thán, khuyên răn*)

*(Kinh) Phật cáo Chủ Mạng quý vương: “Nhữ đại từ cố, năng phát như thị đại nguyện, u sanh tử trung hộ chư chúng sanh. Nhược vị lai thế trung, hữu nam tử, nữ nhân, chí sanh tử thời, nhữ mạc thoái thị nguyện, tổng linh giải thoát, vĩnh đắc an lạc”.*

**(經)佛告主命鬼王：汝大慈故，能發如是大願，於生死中護諸眾生。若未來世中，有男子女人，至生死時，汝莫退是願，總令解脫，永得安樂。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Chủ Mạng quý vương: “Ông do đại từ nên có thể phát đại nguyện như thế, ở trong sanh tử bảo vệ các chúng sanh. Nếu trong đời vị lai, có nam tử, nữ nhân đến lúc sanh tử, ông đừng lui sụt tâm nguyện cứu giúp, che chở. Bất luận có tội hay vô tội, đại ác hay tiểu ác, ông đều làm cho họ giải thoát tam đồ, được hưởng niềm yên vui trong cõi trời, người, thật sự chẳng phụ lời ta căn dặn ngày nay!”.*

Đây là phần kinh văn chép lời tán thán, khuyên răn của đức Như Lai. Nói “đại từ” tức là có cái tâm giống như Phật. Phát đại nguyện tức là giống như tâm niệm của Bồ Tát. Nay đã lấy tâm Phật làm tâm của chính mình, có thể phát đại nguyện như thế, tức là Phật, Bồ Tát rồi. Vì thế, nay ta khuyên ông: Trong đời vị lai, hễ nam nữ gặp lúc sanh tử, ông đừng lui sụt tâm nguyện cứu giúp, che chở. Bất luận có tội hay vô tội, đại ác hay tiểu ác, ông đều làm cho họ giải thoát tam đồ, được hưởng niềm yên vui trong cõi trời, người, thật sự chẳng phụ lời ta căn dặn ngày nay!

**3.2.3.2.2.2.2.1.3. Quý vương thọ mạng** (*quý vương vâng mạng*)

**3.2.3.2.2.2.2.1.3.1. Minh kỹ ủng hộ** (*nói rõ chính mình sẽ ủng hộ*)

*(Kinh) Quý vương bạch Phật ngôn: “Nguyện bất hữu lự! Ngã tất thị hình, niệm niệm ủng hộ Diêm Phù chúng sanh, sanh thời, tử thời, cầu đắc an lạc”.*

**(經)鬼王白佛言：願不有慮！我畢是形，念念擁護閻浮眾生，生時死時，俱得安樂。**

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** *Quý vương bạch Phật rằng: “Xin Ngài chớ lo! Cho đến hết mạng này, con trong mỗi niệm đều ủng hộ chúng sanh Diêm Phù lúc sanh, lúc tử, đều được yên vui”*).

Ý nghĩa dễ hiểu.

#### **3.2.3.2.2.2.2.1.3.2. Nguyên sanh tín thọ (mong chúng sanh tin nhận)**

(**Kinh**) *Đản nguyện chư chúng sanh, u sanh tử thời, tín thọ ngã ngữ, vô bất giải thoát, hoạch đại lợi ích.*

**(經)但願諸眾生，於生死時，信受我語，無不解脫，獲大利益。**

(**Kinh:** *Chỉ mong các chúng sanh trong lúc sanh tử, tin nhận lời con thì không ai chẳng được giải thoát, đạt lợi ích to lớn*).

Kinh Thế Ký chép: “Phật ngôn: - Nhất thiết nam tử, nữ nhân, sở thị sanh thời, giai hữu quý thân tùy trục ủng hộ. Nhược kỳ tử thời, bỉ thủ hộ quý nhiếp kỳ tinh khí, kỳ nhân tắc tử” (Đức Phật dạy: “Hết thầy nam tử, nữ nhân, lúc mới sanh, đều có quý thân theo sát ủng hộ. Nếu đến lúc người ấy chết, các quý thân ấy sẽ thu nhiếp tinh khí, người ấy liền chết”). Vì thế, Chủ Mạng mong mọi người lúc sanh, lúc tử, hãy cẩn thận đừng sát hại, hãy nên tu thiện duyên. Kinh Đại Tập dạy: “*Nhược tu Từ giả, đương xả thân mạng thời, kiến thập phương Phật, thủ ma kỳ đánh. Mông thủ xúc cổ, tâm an khoái lạc, tầm đắc vãng sanh thanh tịnh Phật độ*” (Nếu là người tu lòng Từ, khi sắp xả thân mạng, sẽ thấy mười phương Phật đưa tay xoa đỉnh đầu. Do được tay Phật chạm vào, tâm an vui sướng, liền được sanh về cõi Phật thanh tịnh). Vì thế, ngài Vân Thê (tổ Liên Trì) đã răn: “*Cúng tế tổ tiên, chớ nên sát sanh để ngầm giúp phước cho người thân trong cõi âm. Phàm món ăn ngon quý bày la liệt trước mặt [linh vị], sao có thể khiến cho di cốt từ nơi chín suối sống dậy để ăn được u? Đã vô ích lại còn tai hại, kẻ trí chẳng làm!*”

#### **3.2.3.2.2.2.2.2.2. Như Lai phát bản (Như Lai nêu rõ bốn nhân của quý vương)**

##### **3.2.3.2.2.2.2.2.1. Phát viễn bản (nêu rõ bốn hạnh lâu xa)**

(**Kinh**) *Nhĩ thời, Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát: “Thị đại quý vương Chủ Mạng giả, dĩ tăng kinh bách thiên sanh, tác đại quý vương, u*

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

*sanh tử trung, ủng hộ chúng sanh. Thị đại sĩ từ bi nguyện cố, hiện đại quý thân, thật phi quý dã.*

**(經)爾時，佛告地藏菩薩：是大鬼王主命者，已曾經百千生，作大鬼王，於生死中，擁護眾生。是大士慈悲願故，現大鬼身，實非鬼也。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: “Vị đại quý vương Chủ Mạng này đã từng trải qua trăm ngàn đời làm đại quý vương, ở trong sanh tử, ủng hộ chúng sanh. Vị đại sĩ này do nguyện đại từ bi mà hiện thân đại quý, chứ thật sự chẳng phải là quý”).*

Phàm luận về Bản và Tích, Bản đồng mà Tích khác. Ấy là từ Bản mà hiện Tích, Tích chẳng khác Bản, do Tích mà hiển lộ Bản. Bản chẳng lìa Tích. Bản và Tích tuy khác, nhưng đều là chẳng nghĩ bàn như nhau. Vì thế, nêu ra Bản từ trăm ngàn kiếp trước, đạo chẳng hai với Phật. Nay làm thân quý này chính là do nguyện từ bi biến hiện. Ví như một vàng trắng trên bầu trời, bóng in xuống các chỗ có nước. Nếu chấp bóng trắng là thật, tức là đã đánh mất cái gốc. Vì thế nói: “*Hiện thân đại quý, chứ thật sự chẳng phải là quý*”.

Xưa kia, ngài Đạo Sanh thuyết pháp ở Hồ Khâu, có một quý hiện thân, hằng ngày đến nghe pháp. Ngài Đạo Sanh khuyên quý nên thác sanh. Quý dùng thơ để trả lời: “*Tổ quý kinh kim ngũ bách thu, dã vô phiền não, dã vô sầu, Sanh công khuyến ngã vi nhân khứ. Chỉ khùng vi nhân bất đáo đầu*” (Năm trăm năm làm quý, chẳng phiền não, ưu sầu. Nay thầy khuyên làm người. Chỉ sợ trót làm người. Nẻo về lại lạc mất). Nay vị đại quý vương này đã trải qua trăm ngàn đời, há chẳng phải là do nương theo nguyện lực mà đến, hiện thân quý để thuyết pháp đây ư?

**3.2.3.2.2.2.2.2.2. Ký kiếp, quốc (thọ ký kiếp số và quốc độ)**

*(Kinh) Khước hậu quá nhất bách thất thập kiếp, đương đắc thành Phật, hiệu viết Vô Tướng Như Lai, kiếp danh An Lạc, thế giới danh Tịnh Trụ. Kỳ Phật thọ mạng, bất khả kể kiếp.*

**(經)卻後過一百七十劫，當得成佛，號曰無相如來，劫名安樂，世界名淨住。其佛壽命，不可計劫。**



### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Qua một trăm bảy mươi kiếp sau, sẽ được thành Phật, hiệu là Vô Tướng Như Lai, kiếp tên là An Lạc, thế giới tên là Tịnh Trụ. Vị Phật ấy thọ mạng chẳng tính nổi kiếp).*

“Sẽ được thành Phật”: Bạc Sơ Trụ làm Phật trong trăm cõi. “Vô Tướng”: Không chỉ là chẳng có tướng sanh, trụ, di, diệt, mà vô tướng cũng chẳng có. Do vậy gọi là Vô Tướng. Nhưng dùng quý tướng để thành vô tướng, chẳng phải là trơ trơ như hư không. Hư không chẳng có một vật, còn vô tướng chính là tướng. Dem Vô Tướng ngày sau để quán quý tướng, [sẽ thấu hiểu quý tướng] chẳng phải là nhe nanh hung ác, mà nhằm thị hiện [sanh tử trong lục đạo] có các sự sợ hãi, tướng chính là vô tướng. Tướng quý ngày nay chính là Diệu Hữu chẳng thể nghĩ bàn. Vô tướng trong đời sau chính là Chân Không chẳng thể nghĩ bàn. Do Hữu chính là Không, Hữu đã chẳng thể được. Do Không chính là Hữu, Không chẳng thể gọi tên! Không lẫn Hữu đã mất, Trung Đạo chẳng lập. Dù quý hay Phật, danh ấy gọi vào đâu? Dù tướng hay vô tướng, Thể của chúng há tồn tại? Danh hiệu đã là như thế, kiếp và thế giới cũng vậy. Sao có thể nói quý thần luôn bị sai khiến, chẳng được an lạc ư? Kiếp nào cũng vốn tự an lạc, ai nói quý thần thuộc về cõi âm, trong chốn bất tịnh ư? Cõi nào cũng vốn sẵn tịnh trụ, sao có thể nói là tất cả năm tháng tuổi thọ của quý chỉ có năm trăm năm ư? Phật thọ chẳng thể tính kiếp; do vậy biết: Dùng Bản để nghiệm Tích, Tích vẫn đồng Bản. Dùng nhân để đối ứng với quả, quả chẳng khác nhân. Dụng ý nêu rõ Bản hay khéo ở chỗ này!

#### **3.2.3.2.2.2.2.2.3. Kết độ nhân (kết lại chuyện hóa độ người)**

*(Kinh) Địa Tạng! Thị đại quý vương, kỳ sự như thị bất khả tư nghị, sở độ thiên nhân, diệc bất khả hạn lượng.*

**(經)地藏! 是大鬼王, 其事如是不可思議, 所度天人, 亦不可限量。**

*(Kinh: Này Địa Tạng! Vị đại quý vương này có chuyện chẳng thể nghĩ bàn như thế đó, Ngài độ trời, người cũng chẳng thể hạn lượng).*

“Kỳ sự bất khả tư nghị” (chuyện chẳng thể nghĩ bàn): Ước theo Bản để tán thán Tích. Như kinh A Nan Cứu Diệm Khẩu có nói: “Kỳ

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*trung vị chủ tể, thống lãnh thượng thủ chi giả, giai thị trụ bất khả tư nghị giải thoát Bồ Tát, từ bi thế nguyện, phân hình bố ảnh, thị hiện hóa thân, tại lục đạo trung, đồng loại thọ khổ. Thiết ư phương tiện, vi thiện tri thức. Thành thực lợi lạc nhất thiết hữu tình chứng đại Niết Bàn”* (Những vị làm chủ tể, thống lãnh, thượng thủ trong ấy đều là hàng Bồ Tát trụ giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, do từ bi thế nguyện, phân thân hiện hình, thị hiện hóa thân làm đồng loại ở trong sáu đường thọ khổ, lập bày phương tiện, làm thiện tri thức để thành thực, lợi lạc hết thảy hữu tình chứng đại Niết Bàn). Như vậy thì những vị như Chủ Mạng quý vương v.v... và Diêm La thiên tử há cũng thật sự là do nghiệp thọ sanh, ba thời đều chịu khổ ư? Lại hãy nên biết: Hết thảy đều là các tướng huyễn hóa phù trần, từ ngay nơi ấy sanh ra, sẽ ở chính ngay nơi đó mà diệt mất. Huyễn vọng gọi là tướng, nhưng tánh của nó thật sự là cái Thể giác ngộ sáng suốt màu nhiệm. Nếu thấu hiểu ý này, thì đối với hóa môn Quyền Thật của chư thánh đã biết hơn một nửa!

#### **3.2.4. Minh thành Phật nhân (chỉ rõ cái nhân thành Phật)**

##### **3.2.4.1. Thị thành Phật chánh hạnh (chỉ rõ chánh hạnh thành Phật)**

###### **3.2.4.1.1. Phẩm đề (tựa đề của phẩm này)**

*(Kinh) Xưng Phật danh hiệu, phẩm đệ cửu.*

**(經)稱佛名號，品第九。**

*(Kinh: Phẩm thứ chín: Xưng dương danh hiệu Phật).*

###### **3.2.4.1.2. Phẩm văn (kinh văn trong phẩm này)**

###### **3.2.4.1.2.1. Địa Tạng vị thuyết lợi ích (ngài Địa Tạng vì chúng sanh nói ra lợi ích)**

*(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim vị vị lai chúng sanh, diễn lợi ích sự, ư sanh tử trung, đắc đại lợi ích. Duy nguyện Thế Tôn, thỉnh ngã thuyết chi”.*

**(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩白佛言：世尊！我今為未來眾生，演利益事，於生死中，得大利益。唯願世尊，聽我說之。**

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** *Lúc bảy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nay vì chúng sanh trong đời vị lai, diễn nói chuyện lợi ích, [để họ] ở trong sanh tử, đạt được lợi ích to lớn. Kính mong đức Thế Tôn nghe con nói”*).

Đại Sĩ đặc biệt nói phẩm danh hiệu của chư Phật này là do từ trước Ngài đã nhiều lượt nói: *“Xưng niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát, bất luận có tội hay vô tội, thấy đều tiêu diệt, được sanh làm trời, người, cho đến hết khổ”*. Vì thế, nay Ngài nêu đại lược mười danh hiệu để làm mục tiêu [cho người nghe] hướng đến. Kế đó, Ngài nói ra nhiều vị Phật số đến hằng sa.

Câu *“vị vị lai chúng sanh”* (vì chúng sanh đời vị lai) có hai ý:

- Một là thấu hiểu tâm lòng phó chúc của đức Phật trên cung trời.
- Hai là nêu rõ ý niệm cứu bạt Nam Châu của chính mình.

Lòng Từ của Phật chẳng dứt, nguyện của con vô cùng. Ấy là do [chúng sanh trong] quá khứ đã được thoát khỏi trầm luân, người hiện tại thì nay đã được thấm đượm sự giáo hóa tốt cùng; chỉ có chúng sanh đời vị lai, chẳng biết đạo xuất yếu (đạo trọng yếu để thoát khổ), thường cứ tạo ác duyên. Nếu chẳng để lại phương pháp siêu thoát, họ sẽ cam chịu nỗi khổ đắm chìm ấy. Như để lại mưu lược hay khéo cho đời sau, suy nghĩ sâu sắc, cho nên nói *“vị vị lai chúng sanh diễn lợi ích sự”* (vì chúng sanh đời vị lai diễn nói chuyện lợi ích).

Lợi ích có thể gian và xuất thế gian khác nhau, cũng như Tạng, Thông, Biệt, Viên sai khác. Nay, [lợi ích được nói ở đây] là xuất thế thượng lợi, là lợi ích chúng quả trong Viên Giáo. Nhưng nói *“đạt được lợi ích to lớn trong sanh tử”*, phạm luận về sanh tử, đây là nỗi họa hại to lớn của chúng sanh. Như trong Phật Thuyết Tứ Bất Khả Đắc Kinh, đức Phật dạy: *“Thế hữu tứ sự, bất khả dĩ hoạch trí. Nhất viết niên ấu, nhan sắc vĩ diệp, chúng nhân ái kính. Nhất đán hốt mạo, đầu bạch, xỉ lạc. Dục sử thường thiếu, bất lão giả, chung bất khả đắc. Nhị vị thân thể cường kiện, vị vi hào cường, tật bệnh tốt chí, chúng hoạn nan dụ. Giả sử dục miễn, thường an vô bệnh, chung bất khả đắc. Tam vị dục cầu trường thọ, ngũ dục vĩnh tồn, phi thường đối chí, như phong xuy vân. Ký niệm trường sanh, chung bất khả đắc. Tứ vị phụ mẫu, huynh đệ, ân ái vinh lạc. Túc đối tốt chí, như thang tiêu tuyết. Dục cầu bất tử, chung bất khả đắc. Cổ kim dĩ lai, thiên địa thành lập, vô miễn tứ nạn chi hoạn. Dĩ tư tư khổ, Phật hưng u thế”* (Cuộc đời có bốn chuyện chẳng thể nào đạt được: Một là tuổi trẻ, nhan sắc rạng rỡ, mọi người yêu kính. Một mai bỗng già

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

cả, đầu bạc, răng rụng. Muốn cho thường trẻ mãi không già, trọn chẳng thể được! Hai là thân thể mạnh khỏe, được coi là kẻ hào hùng, mạnh mẽ, bỗng bệnh tật xảy tới, các điều hoạn nạn khó thể sánh ví được. Giả sử muốn tránh khỏi, thường bình yên, không bệnh tật, trọn chẳng thể được! Ba là mong trường thọ, ngũ dục còn mãi, chuyện vô thường xảy tới, như gió thổi tan mây. Mong được trường sanh, trọn chẳng thể được! Bốn là cha mẹ, anh em, ân ái, vinh hoa, vui sướng. Oán gia thuở trước bỗng tìm tới, như nước nóng tiêu tan tuyết. Muốn cầu chẳng chết, trọn chẳng thể được! Từ xưa đến nay, trời đất thành lập, chẳng tránh khỏi bốn thứ hoạn nạn ấy. Vì để giúp chúng sanh thoát khỏi bốn nỗi khổ ấy, đức Phật xuất hiện nơi đời). Nay muốn thoát nỗi khổ ấy, không gì lợi ích bằng xưng niệm danh hiệu Phật.

Kinh Đại Thừa dạy: *“Giả sử nhất nguyệt, thường dĩ y thực cúng dường nhất thiết chúng sanh, bất như hữu nhân, nhất niệm niệm Phật sở đắc công đức thập lục phần chi nhất. Giả sử đoàn kim vi nhân, xa mã vận tải, nãi chí chúng bảo, các mãn bách số, dĩ dụng bố thí, bất như phát tâm hướng Phật, cử túc nhất bộ, sở đắc công đức, vô lượng vô biên”* (Giả sử trong suốt một tháng, thường dùng cơm áo cúng dường hết thảy chúng sanh, chẳng bằng một phần mười sáu công đức của người niệm Phật một niệm. Giả sử đúc vàng làm người, dùng xe hay ngựa chuyên chở, cho đến các thứ báu đều đủ số lượng trọn cả trăm thứ dùng để bố thí, chẳng bằng công đức vô lượng vô biên của người phát tâm hướng về Phật, nhấc chân bước một bước).

Do vậy, [pháp môn Tịnh Độ] được khởi xướng ở Đông Độ bởi ngài Huệ Viễn, [niệm Phật] hết sức hưng thịnh ở Tây Kinh (Trường An) nhờ ngài Thiện Đạo. Tổ sư của chúng ta (Trí Giả đại sư) sớm giải Quán Kinh, viết Tịnh Độ Thập Nghi Luận. Ngài Tứ Minh soạn Quán Kinh Sơ Diệu Tông Sao, tu Đại Bi sám pháp. Ngài Vĩnh Minh soạn Vạn Thiện Đồng Quy Tập. Ngài Từ Vân soạn Nhị Môn Yếu Hạnh, [đại chúng] lần lượt tu tập theo, đời nào cũng chẳng thiếu người. Cho đến niên hiệu Vạn Lịch, hòa thượng Vân Thê (Liên Trì đại sư) xuất thế, đức hạnh lẫn đạo nghiệp đều sung mãn, tương xứng, thanh danh rộng khắp. Ngài thuần đề xướng Tịnh Độ, [khiến cho] nhà nào, gia đình nào cũng đều thấu hiểu, lưu truyền. Bởi lẽ, pháp môn ấy có thể cắt ngang ác đạo, tạo thẳng cội nguồn. Vì thế, Tây Thiên lẫn Đông Độ đều xưng tụng [pháp môn Tịnh Độ] là phương tiện lạ lùng, mẫu nhiệm, thuận tiện, công đức chẳng thể nghĩ bàn, các hạnh khác đều chẳng thể sánh bằng. Nhưng cần phải tin chắc, chẳng nghi ngờ, chuyên ròng, siêng năng, không gián đoạn. Đi,

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

đứng, nằm, ngồi, suốt Xuân, Hạ, Thu, Đông, gột sạch tâm như uế, tịnh niệm miên mật. Nếu có kẻ nào chẳng thoát khổ, siêu thăng, thì Phật lẫn Tổ đều trở thành nói dối! Vì thế, nay đức Địa Tạng nói ra diệu pháp cứu đời này, khiến cho chúng sanh trong vị lai đều có phương cách thoát khổ.

**3.2.4.1.2.2. Như Lai hứa cứu tội khổ** (đức Như Lai hứa cứu những kẻ tội khổ)

**3.2.4.1.2.2.1. Đôn bức tốc thuyết** (đốc thúc ngài Địa Tạng hãy mau nói ra)

*(Kinh) Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát: “Nhữ kim dục hưng từ bi, cứu bạt nhất thiết tội khổ lục đạo chúng sanh, diễn bất tư nghị sự. Kim chánh thị thời, duy đương tốc thuyết”.*

**(經)佛告地藏菩薩：汝今欲興慈悲，救拔一切罪苦六道眾生，演不思議事。今正是時，唯當速說。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: “Ông nay vì muốn hưng khởi lòng từ bi, cứu vớt hết thảy chúng sanh tội khổ trong sáu đường mà diễn nói chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Nay đúng là phải lúc, hãy mau nói ra”).*

Trước hết, trần thuật chuyện sẽ được nói ra, tức là: Ông muốn cứu chúng sanh trong sáu đường, bèn dấy lòng từ bi vô duyên đồng thể, [xung dương danh hiệu chư Phật] đúng là một môn trọng yếu để cứu khổ, là thuật mầu nhiệm để lợi sanh. Thần đan điểm sắt [thành vàng], lý tội bậc cải biến thói phạm, công đức vôi vọi, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Ông muốn nói thì nay chính là đúng lúc, duyên hóa độ của Như Lai sắp chấm dứt, sẽ diệt độ, chẳng thường trụ. Chẳng giải bày cách cứu vớt ấy, còn đợi khi nào nữa? Vì thế, thúc giục [Địa Tạng Bồ Tát] hãy mau nói ra.

**3.2.4.1.2.2.2. Tán ủy vô ưu** (tán thán, an ủi đừng lo âu)

*(Kinh) Ngô tức Niết Bàn, sử nhữ tảo tất thị nguyện, ngô diệt vô ưu hiện tại, vị lai nhất thiết chúng sanh.*

**(經)吾即涅槃，使汝早畢是願，吾亦無憂現在，未來一切眾生。**

*(Kinh: Dẫn ta nhập Niết Bàn, và ông đã sớm hoàn tất nguyện ấy, ta cũng chẳng lo âu cho hết thấy chúng sanh trong hiện tại và tương lai).*

Đây là ý thức giục. Ngài Huyền Trang Tam Tạng dịch Niết Bàn thành Viên Tịch. Đức không gì chẳng trọn là Viên (圓), không chương nào chẳng tận là Tịch (寂). Ngài Tăng Triệu bảo: “Xét theo Tận Đế của Nê Hoàn (Niết Bàn), há có phải là chỉ hết sạch các kết sử mà thôi; phải là sanh tử vĩnh viễn tịch diệt thì mới gọi là Tận”. Nhưng câu “ngô tức Niết Bàn” (dẫn ta nhập Niết Bàn) mọi người chẳng nghe. Như trong kinh Du Hành, các hàng trời, người đều than thở: “Nhu Lai diệt độ, hà kỳ sử tai! Thế Tôn diệt độ, hà kỳ tạt tai! Đại pháp luân ế, hà kỳ tốc tai! Quần sanh trường suy, thế gian nhĩn diệt. Thí như đại thụ căn bạt, chi điều tồi chiết. Hựu như trăm xà, uyển chuyển hồi hoàng, mạc tri sở thẩu. Thị thời chư thiên, diệc phục giai ư không trung, bồi hồi tao nhiều, bi hào tích dững” (“Nhu Lai diệt độ sao nhanh chóng vậy! Thế Tôn diệt độ, sao mau chóng vậy! Đại pháp chìm lấp, sao mau quá vậy! Quần sanh suy sụp vì con mắt của thế gian đã mất. Ví như cây to tróc gốc, cành nhánh đều gãy nát. Lại như rắn bị chém đứt, vụn vẹo, uốn éo, chẳng biết làm thế nào để nối lại được!” Khi ấy chư thiên cũng bồi hồi, nhón nháo trên hư không, buồn khóc, nghiêng ngã) là nói về chuyện này. Nhưng củi căn cơ [căn phải hóa độ] đã hết, ai có thể giữ cho lửa ứng hiện chẳng tắt?

“Sử như tảo tất thị nguyện” (Nếu ông sớm hoàn tất nguyện ấy) cũng là nói giả sử. Nguyện của Đại Sĩ làm sao có thể hoàn tất cho được? [Nói như vậy], nhằm diễn tả tốt bậc sự hay khéo của pháp này: Dẫn ta nhập Niết Bàn ngay lập tức, và dù ông đã sớm hoàn tất nguyện ấy, ta cũng không lo cho hết thấy chúng sanh trong hiện tại và tương lai. Vì sao? Đã có pháp xưng danh này, ai nấy sẽ đều chẳng đọa khổ, đều cùng tiến nhập đường nhân thiên để tu hành, cho đến cuối cùng sẽ đều thành Phật, chẳng ngờ chi nữa! Có thể thấu hiểu Phật tâm, thấu đạt Phật ý, khéo kế tục chí hướng để tiếp nối sự nghiệp, chẳng ai hơn được đức Địa Tạng từ tôn! Vì thế, đức Phật hứa khả, giục Bồ Tát hãy mau nói, lại còn tán dương, an ủi.

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

**3.2.4.1.2.3. Đại Sĩ chánh xưng Phật danh** (Đại Sĩ xưng dương danh hiệu Phật)

**3.2.4.1.2.3.1. Xưng danh** (kể tên chư Phật)

**3.2.4.1.2.3.1.1. Biệt xuất thập danh** (nêu riêng mười danh hiệu)

**3.2.4.1.2.3.1.1.1. Vô Biên Thân Phật**

**3.2.4.1.2.3.1.1.1.1. Xưng danh** (nêu ra danh hiệu)

(Kinh) *Địa Tạng Bồ Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, hữu Phật xuất thế, hiệu Vô Biên Thân Như Lai”.*

**(經)地藏菩薩白佛言：世尊！過去無量阿僧祇劫，有佛出世，號無邊身如來。**

(Kinh: *Địa Tạng Bồ Tát bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp trong đời quá khứ, có Phật xuất thế, hiệu là Vô Biên Thân Như Lai.*)

Đối với mỗi vị Phật trong phần này, đều nói là quá khứ, tức là các vị Phật mà ngài Địa Tạng đã gặp gỡ kể từ khi phát tâm đến nay. Mỗi danh hiệu Phật được nêu ra đều là càng về sau càng xa hơn vị Phật trước đó, hiển thị chính Ngài phát tâm đã lâu xa lại càng lâu xa hơn. Bốn chữ “hữu Phật xuất thế” chính là lời thể hiện ý vui mừng. Quán Kinh Sớ viết: “*Nếu Phật xuất thế thì mới có thể xiển dương mặt trời trí huệ, mới biết quang minh của Tam Bảo, mở cửa cam lộ, biết diệu vị của mười hiệu*”. Do nói ra, mà [người nghe] sanh hiểu biết, vui thích của báu ấy. Vì thế, ví như hoa Ưu Đàm, rất lâu mới xuất hiện một lần.

Vô Biên Thân: Cả ba thân đều có ý nghĩa này. Duy Thức Luận nói: “*Một là Tự Tánh Thân, tức là pháp giới chân tịnh của các đức Như Lai, trọn đủ công đức chân thật không ngăn mé, là thật tánh hết thảy bình đẳng, tức Tự Tánh Thân, còn gọi là Pháp Thân. Pháp Thân ấy vô biên*”. Lại nói: “*Tự Thọ Dụng Thân là các đức Như Lai trong ba vô số kiếp, tu tập vô lượng tư lương phước đức, khởi lên vô biên công đức chân thật. Báo Thân ấy vô biên*”. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Thanh tịnh diệu Pháp Thân, trạm nhiên ứng nhất thiết*” (Pháp Thân diệu thanh tịnh, lặng lẽ ứng hết thảy), “*ứng*” tức là Ứng Thân. “*Nhất thiết*” là vô biên. Ứng Thân ấy vô biên, vì thế biết: Tam thân chính là một, một chính là tam thân. Dưới đây là phần nói về lợi ích.

**3.2.4.1.2.3.1.1.1.2. *Hiện ích (nêu lợi ích)***

*(Kinh) Nhược hữu nam tử, nữ nhân, văn thị Phật danh, tạm sanh cung kính, tức đắc siêu việt tứ thập kiếp sanh tử trọng tội. Hà hưởng tổ, họa hình tượng, cúng dường, tán thán, kỳ nhân hoạch phước, vô lượng, vô biên.*

**(經)若有男子女人，聞是佛名，暫生恭敬，即得超越四十劫生死重罪。何況塑畫形像，供養讚歎，其人獲福，無量無邊。**

*(Kinh: Nếu có nam tử, nữ nhân, nghe danh hiệu đức Phật ấy, tạm sanh lòng cung kính, liền được vượt thoát trọng tội trong bốn mươi kiếp sanh tử. Hưởng hồ đắp, vẽ hình tượng, cúng dường, tán thán, người ấy đạt được phước vô lượng vô biên).*

“*Nam tử, nữ nhân*” là nói đến những căn cơ có thể nghe. Thoạt tiên, nghe danh hiệu Phật, tạm sanh lòng cung kính. “*Tạm*” (暫) có nghĩa là thời gian trải qua chẳng lâu. “*Sanh*” (生) có nghĩa là lập tức phát tâm. “*Cung*” (恭) là khom mình tỏ vẻ ngưỡng mộ, “*kính*” (敬) là tâm chẳng duyên chuyện khác. Dẫn cho một niệm hơi hiểu biết, không gì chẳng phải là Phật pháp trong bản tánh. Vì thế, trong tâm tạm sanh lòng cung kính, đã sớm thành danh tự Phật. “*Siêu việt tứ thập kiếp sanh tử trọng tội*” (Vượt thoát trọng tội trong bốn mươi kiếp sanh tử) há còn ngờ chẳng? Nhưng do “*nghe danh hiệu, tạm sanh lòng kính*”, chỉ cần lý tánh vừa hé mở, đã có thể thoát tội cực nặng! Hưởng hồ lại còn đắp, vẽ hình tượng, trang nghiêm, bày la liệt hương, hoa để cúng dường, dùng phạm bái để tán thán công đức. Phước người ấy đạt được tự nhiên là chẳng thể lường được, chẳng cùng tận ngàn mé, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấy biết mà thôi!

**3.2.4.1.2.3.1.1.2. *Bảo Tánh Như Lai***

*(Kinh) Hựu ư quá khứ Hằng hà sa kiếp, hữu Phật xuất thế, hiệu Bảo Tánh Như Lai.*



**(經)又於過去恆河沙劫，有佛出世，號寶性如來。**

*(Kinh: Lại trong Hằng hà sa kiếp trong đời quá khứ, có Phật xuất thế, hiệu là Bảo Tánh (Ratna-gotra) Như Lai).*

“Hằng hà sa kiếp”: So với vị Phật trên đây còn xa hơn nữa. Bảo Tánh: Kinh Liên Hoa Diện dạy: “Chư Phật Như Lai, thị chúng sanh bảo” (Chư Phật Như Lai là vật báu của chúng sanh). “Bảo” (寶, Ratna) có bảy loại, vàng đứng đầu. Ngài Chân Đế<sup>189</sup> giải thích vàng có bốn nghĩa: Một là màu sắc không thay đổi; hai là Thể vô nhiễm, ba là làm thành các vật dụng vô ngại, bốn là khiến cho người ta giàu có. Ngài dùng vàng để sánh ví bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Pháp Thân; đây là sự quý báu của tánh vậy.

*(Kinh) Nhược hữu nam tử, nữ nhân, văn thị Phật danh, nhất đàn chỉ khoảnh, phát tâm quy y. Thị nhân ư vô thượng đạo, vĩnh bất thoái chuyển.*

**(經)若有男子女人，聞是佛名，一彈指頃，發心歸依。**

**是人於無上道，永不退轉。**

*(Kinh: Nếu có nam tử, nữ nhân, nghe danh hiệu đức Phật này, trong khoảng khảy ngón tay, phát tâm quy y. Người ấy sẽ vĩnh viễn chẳng thoái chuyển đạo vô thượng).*

---

<sup>189</sup> Chân Đế (Paramārtha, 499-569) là vị cao tăng dịch kinh vào thời Lương của Nam Triều. Ngài xuất thân từ xứ Ưu Thiên Ni (Ujjani) của Bắc Ấn, thuộc dòng dõi Bà La Môn, thông minh, nhớ dai, biện tài mẫn tiệp. Ngài thông thạo ngoại điển Vệ Đà lẫn diệu lý Đại Thừa. Vào năm Đại Đồng nguyên niên (546) đời Lương, Ngài mang theo kinh điển, ngồi thuyền đến Trung Hoa. Cuộc hải hành phải mất hai năm mới đến được Kiến Nghiệp (Nam Kinh) vào năm Thái Thanh thứ hai (548), yết kiến Lương Vũ Đế. Lúc đó, loạn Hầu Cảnh nổ ra, Ngài phải lánh nạn về phương Nam, phải sống tại nhiều nơi của Hoa Nam như Tô, Chiết, Cám (An Huy), Mân (Phước Kiến), Quảng v.v... nhưng vẫn dịch kinh chẳng bỏ lỡ. Cho đến khi mất, Ngài đã dịch được sáu trăm mười bốn bộ kinh sách, nay chỉ còn lại ba mươi bộ. Dịch phẩm chủ yếu là các kinh luận về Duy Thức, ngoài ra còn có kinh Kim Quang Minh, Nhiếp Đại Thừa Luận, Trung Biên Phân Biệt Luận, Thập Thất Địa Luận, Câu Xá Luận Thích, Đại Thừa Khởi Tín Luận v.v... Trong số đó, Nhiếp Đại Thừa Luận và Nhiếp Đại Thừa Luận Thích tạo ảnh hưởng lớn lao cho giới học thuật Phật giáo bấy giờ, nên Ngài được tôn là tổ của Nhiếp Luận Tông.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Trong phần Hiền Ích (nêu rõ lợi ích), [kinh dạy] “*nghe danh hiệu đức Phật ấy trong khoảng khảy ngón tay*”: Những người thuộc tam thừa đã trải qua A-tăng-kỳ kiếp mà công hạnh chẳng thành. [Thế mà] pháp môn Niệm Phật trong khoảng khảy ngón tay, đều đạt đến địa vị Bất Thoái. Công năng ấy lạ lùng thay! “*Phát tâm quy y*” thì như kinh Hy Hữu đã so sánh cặn kẽ công đức của Tam Quy như sau: “*Giáo Từ Thiên Hạ cấp Lục Dục Thiên đắc Từ Quả, bất như Tam Quy Y công đức đa*” (Dạy từ Tứ Thiên Hạ (nhân gian) cho đến trời Lục Dục đạt được Từ Quả, công đức chẳng nhiều bằng Tam Quy Y). Vì thế, trong kinh Tăng Nhất A Hàm, đức Phật đã nói kệ rằng: “*Chư hữu quy y Phật, bất đọa tam ác thú, tận lậu xử nhân thiên, tiền đương chí Niết Bàn*” (Các cõi quy y Phật, chẳng đọa ba đường ác, lậu hết, làm trời, người, sẽ đạt đến Niết Bàn). Chuyện này nhờ vào Tự Tánh Phật Bảo; do quy y Bảo Tánh (tự tánh quý báu) mà vĩnh viễn chẳng thoái chuyển đọa vô thượng. Chuyện này chỉ xét theo Viên Giáo, vừa mới nghe danh hiệu của Phật, do lợi căn mà có thể vượt lên, dựa vào Thập Tín, sáu căn liền thanh tịnh; hoặc nhanh chóng nhập Sơ Trụ, khai tri kiến của Phật.

Vì thế, Vị Bất Thoái là từ Sơ Tín cho tới Thất Tín, thô cấu (phiền não thô nặng) Kiến Tư tùy ý rơi rụng trước, thấy lý Chân Đế trong Viên Giáo. Hạnh Bất Thoái thuộc Bát Tín, Cửu Tín, và Thập Tín, từ địa vị Giả nhập Trung, khởi các hạnh thuộc bốn môn, đoạn Trần Sa trong ngoài, trọn đủ lý Tục Đế. Niệm Bất Thoái là từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên, niệm nào cũng tiến hướng biển quả, tùy ý lưu nhập chân nguyên. Vì thế, Đại Trí Độ Luận viết: “*Vô Sanh Nhân Pháp chính là địa vị A Duy Việt Trí. Nếu xét theo sự lãnh hội ý nghĩa để nói thì là Danh Tự Tức Phật, trọn đủ ba thứ Bất Thoái theo chiều ngang*”.

Hỏi: Mới nghe danh hiệu đức Phật Bảo Tánh, phát tâm quy y trong khoảng khảy ngón tay, vì sao có thể vĩnh viễn chẳng thoái chuyển vô thượng đọa?

Đáp: Ngài Bắc Tề [Huệ Văn] ngộ Trung Luận, bèn nhanh chóng nhập Sơ Trụ, ngài Nam Nhạc [Huệ Tư] chứng Pháp Hoa, đạt lên địa vị Thập Tín. Phỏng theo đó liền biết, há còn ngờ chi? Như Quán Kinh Sớ trích dẫn [các thí dụ trong] kinh Niết Bàn: “*Hết thấy chúng sanh chính là Phật. Như cô gái nghèo bỏ của báu, nhưng các vật đều trọn đủ, viên châu ở trên trán của lực sĩ vẫn tròn sáng y nguyên*”. Nhưng nếu chưa được tổ Trí Giả chỉ điểm chỗ này, hằng ngày chịu ách nạn bản cùng, mang nổi râu đánh mất viên châu. Vừa mới nghe lời chỉ dạy, biết ngay cái vốn có; cô gái nghèo phát hiện kho tàng, thọ dụng khôn cùng! Lực sĩ

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

thấy châu [trên trán vẫn còn y nguyên], hoan hỷ vô lượng<sup>190</sup>. Vì thế biết: Chúng sanh sau khi đã giải ngộ, chẳng hề thua kém Phật mấy may! Vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, đáng tự nên tin tưởng, ngưỡng mộ vậy!

#### ***3.2.4.1.2.3.1.1.3. Ba Đầu Ma Thắng Như Lai***

***(Kinh) Hựu ư quá khứ hữu Phật xuất thế, hiệu Ba Đầu Ma Thắng Như Lai.***

**(經)又於過去有佛出世，號波頭摩勝如來。**

***(Kinh: Lại trong quá khứ, có Phật xuất thế, hiệu là Ba Đầu Ma Thắng Như Lai).***

Ba Đầu Ma (Padma), còn phiên âm là Bát Đặc Ma, dịch sang tiếng Hán là Hồng Liên Hoa. “Thắng” (勝): Phật Địa Luận viết: “Trong bốn loại hoa sen, hoa sen hồng được coi là thù thắng nhất”. Vì thế, kinh Ương Quật Ma La chép: “Đệ nhất, Bát Đàm Ma, thanh tịnh nhu nhuyễn túc, trần thủy sở bất ô, thị cố khể thủ lễ” (Hoa sen hồng bậc nhất, thanh tịnh, trọn mềm mại, nước, bụi chẳng nhuộm bẩn. Vì thế, dập đầu lễ).

***(Kinh) Nhược hữu nam tử, nữ nhân, văn thị Phật danh, lịch ư nhĩ căn, thị nhân đương đắc thiên phần sanh ư Lục Dục Thiên trung, hà huống chí tâm xưng niệm!***

**(經)若有男子女人，聞是佛名，歷於耳根，是人當得  
干返生於六欲天中，何況志心稱念。**

---

<sup>190</sup> Đây là hai thí dụ trong kinh Niết Bàn:

1. Trong quyển thứ bảy, khi giảng về Ngã đức của Như Lai, đã nêu thí dụ: Trong nhà cô gái nghèo có kho tàng chứa rất nhiều vàng ròng, nhưng cả nhà đều không biết ở chỗ nào. Khi ấy có bậc đệ nhân chỉ cho cô nơi kho tàng, cô hoan hỷ, kính ngưỡng người ấy.

2. Cũng trong quyển bảy của kinh Niết Bàn, có nêu một thí dụ: Ví như đại lực sĩ của nhà vua, giữa hai chân mày có một viên kim cương châu. Ông ta đánh vật cùng các lực sĩ khác. Do bị đâm vào trán, viên châu lún sâu vào trong da, chẳng biết châu ở chỗ nào. Chỗ ấy thành ghẻ, phải cầu lương y chữa trị. Lương y bảo ghẻ do châu lún vào da, nhưng lực sĩ không tin: “Trong chỗ máu mủ bất tịnh làm sao có châu được?” Lương y đưa gương cho soi, lực sĩ thấy châu giữa trán, chiếu sáng ngời. Điều này ví như chúng sanh sẵn có Phật tánh, nhưng do chẳng thân cận thiện tri thức, dấu có Phật tánh mà đều chẳng thấy.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Nếu có nam tử, nữ nhân, nghe danh hiệu đức Phật ấy thoảng qua tai, người ấy sẽ được một ngàn lần sanh vào Lục Dục Thiên, hưởng hồ chí tâm xưng niệm).*

Trong phần Hiển Ích, “ngàn lần sanh trong Lục Dục Thiên” nghĩa là sao? Do hoa sen ở trong bùn mà chẳng bị nhuộm bẩn, nhô lên khỏi mặt nước, thường tỏa ngát hương, biểu thị “do nghe danh hiệu Phật, dẫn sanh trong Dục Thiên, thật sự chẳng chấp trước ngũ trần thô tế. Do đã hiểu là tánh Nghe vốn là Không, sanh lên trời vẫn là Tịch. Do ở trong Không chính là Giả, quyền biến thị hiện thân trời, hòng độ những kẻ thật sự sanh lòng chấp trước các dục”. Chỉ nghe tiếng mà còn như thế, hưởng hồ chí tâm xưng niệm ư? Mai sau, ắt chúng hoa sen ngàn cánh của Ba Đầu Ma Thắng Phật. Vì thế nói là “thiên phản” (千返, ngàn lần).

#### **3.2.4.1.2.3.1.1.4. Sư Tử Hống Phật**

*(Kinh) Hựu ư quá khứ, bất khả thuyết bất khả thuyết A-tăng-kỳ kiếp, hữu Phật xuất thế, hiệu Sư Tử Hống Như Lai.*

**(經)又於過去，不可說不可說阿僧祇劫，有佛出世，號師子吼如來。**

*(Kinh: Lại trong quá khứ bất khả thuyết bất khả thuyết A-tăng-kỳ kiếp, có Phật xuất thế, hiệu là Sư Tử Hống (Simhanāda) Như Lai).*

Trong kinh Trường A Hàm, quyển thứ mười sáu, đức Phật bảo Bà-la-môn Ca Diếp rằng: “Sở vị Sư Tử giả, thị Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, ư đại chúng trung, quảng thuyết pháp thời, tự tại vô úy, có hiệu Sư Tử. Nhữ vị Như Lai sư tử hống thời, bất dừng hãn da? Vật tạo tư quán! Như Lai sư tử hống, dừng hãn vô úy, cố vân: - Thí như sư tử hống, nhuễn động giai bố úy. Như Lai chấn pháp âm, hàng phục chư ngoại đạo” (Gọi là Sư Tử thì chính là đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, khi ở trong đại chúng rộng thuyết pháp, tự tại vô úy, cho nên gọi là Sư Tử. Ông cho rằng khi Như Lai sư tử hống, chẳng dừng mãnh ư? Đừng thấy như thế! Như Lai sư tử hống, dừng mãnh vô úy, cho nên nói: “Vị như sư tử rống. Trùng, thú đều kinh sợ. Như Lai rền pháp âm, hàng phục các ngoại đạo”). Vậy thì Phật hiệu là Sư Tử Hống, tức là nói theo tương trạng khi Ngài thuyết pháp.

*(Kinh) Nhược hữu nam tử, nữ nhân, văn thị Phật danh, nhất niệm quy y, thị nhân đắc ngộ vô lượng chư Phật, ma đắc thọ ký.*

**(經)若有男子女人，聞是佛名，一念歸依，是人得遇無量諸佛，摩頂授記。**

*(Kinh: Nếu có nam tử, nữ nhân nghe danh hiệu đức Phật này, một niệm quy y, người ấy sẽ gặp vô lượng chư Phật xoa đầu thọ ký).*

Vì thế, nay nhất niệm quy y, sẽ được gặp vô lượng chư Phật, mỗi vị đều xoa đầu [người ấy], thọ ký: “Trong tương lai, người nhất định đạt được Chứng Trí, thuyết pháp như sư tử rống”. Những chúng sanh nghe tiếng, hoặc là hoan hỷ, hoặc là kinh sợ. Chúng sanh ở trong hang hốc, sẽ co rúc, ẩn thân. Loài sống dưới nước sẽ lặn sâu. Loài sống trong núi sẽ núp kín. Voi sẽ đứt tung xiềng xích, điên cuồng chạy tán loạn. Chim bay tốt lên không, vỗ cánh vội vàng trốn xa!

### **3.2.4.1.2.3.1.1.5. Câu Lưu Tôn Phật**

*(Kinh) Hựu w quá khứ, hữu Phật xuất thế, hiệu Câu Lưu Tôn Phật.*

**(經)又於過去，有佛出世，號拘留孫佛。**

*(Kinh: Lại trong quá khứ, có Phật xuất thế, hiệu là Câu Lưu Tôn Phật).*

Câu Lưu Tôn (Krakucchanda) là tiếng Phạn, cõi này dịch là Sở Ứng Đoạn (所應斷, những điều đáng nên đoạn trừ). Đây là xét theo sự đoạn trừ ngũ trụ và nhị tử (Phân Đoạn và Biến Dịch sanh tử) để lập danh hiệu. Lại còn dịch là Dụng Trang Nghiêm (用莊嚴), đây là xét theo sự tu nhân chứng quả để đặt tên. Vị này [cùng tên], chẳng phải là vị Phật trong Hiền Kiếp thứ chín xuất thế [khi còn người tuổi thọ] sáu vạn năm. Theo kinh Vạn Phật Danh, có vô lượng danh hiệu thất Phật. Nếu sau danh xưng [Câu Lưu Tôn Phật] mà có nói Hiền Kiếp thì Ngài là vị đứng đầu trong [một ngàn vị Phật] của Hiền Kiếp. [Nếu coi vị Phật Câu Lưu Tôn ở đây thuộc về Hiền Kiếp] thì trên là nói đến quá khứ đã có trở ngại, dưới là nói đến Hằng sa kiếp cũng bị trở ngại.

*(Kinh) Nhược hữu nam tử, nữ nhân, văn thị Phật danh, chí tâm chiêm lễ, hoặc phục tán thán. Thị nhân ư Hiền Kiếp thiên Phật hội trung, vi Đại Phạm Vương, đắc thọ thượng ký.*

**(經)若有男子女人，聞是佛名，志心瞻禮，或復讚歎。**

**是人於賢劫干佛會中，為大梵王，得授上記。**

*(Kinh: Nếu có nam tử, nữ nhân nghe danh hiệu đức Phật ấy, chí tâm chiêm ngưỡng, lễ bái, hoặc là tán thán. Người ấy sẽ ở trong pháp hội của một ngàn đức Phật thuộc Hiền Kiếp, làm Đại Phạm Vương, được thọ ký bậc thượng).*

Trong phần Hiền Ích, “nghe danh hiệu Phật” thuộc về Ý, hiển lộ chánh nhân Phật tánh. “Chiêm ngưỡng, lễ bái” thuộc về thân, hiển thị duyên nhân Phật tánh. Tán thán thuộc khẩu, hiển thị liễu nhân Phật tánh. Do ba thứ nhân duyên ấy, cho nên ở trong hội của một ngàn vị Phật thuộc Hiền Kiếp, đều làm Đại Phạm Vương, tu tứ đẳng tâm (từ, bi, hỷ, xả), hạnh nghiệp thanh tịnh; khắp vì tam hữu (ba cõi), thỉnh chuyển pháp luân. Vì thế, ở dưới tòa mỗi đức Phật, đích thân được thọ ký thượng diệu; tức là dùng thân Phạm Thiên để thành cái quả Đại Giác. Sách Pháp Uyển Châu Lâm viết: “Nay xét đến Hiền Kiếp, một đại kiếp chia thành hoại, không, thành, trụ, nay đang thuộc trụ kiếp (gồm hai mươi tiểu kiếp), có một ngàn vị Phật xuất hiện. Ba vị Phật đã qua, nay là vị thứ tư (tức Thích Ca Mâu Ni Phật)”. Theo luận Lập Thế A Tỳ Đàm: Mười một kiếp thuộc vị lai, tám kiếp thuộc quá khứ, nay đức Phật Thích Ca thành Phật trong kiếp thứ chín.

Hỏi: Trong Hiền Kiếp này, trong các giai đoạn thành, hoại và không, Phật chẳng xuất thế, chỉ có trụ kiếp. Trong trụ kiếp, đời vị lai chỉ có mười một kiếp, có sao có đến chín trăm chín mươi sáu vị Phật cùng lúc xuất thế vậy?

Đáp: Đúng như lời cật vấn, ý nghĩa hơi khó hiểu. Nay dựa theo hai kinh, có thể biết được những nét chánh yếu. Trong kinh Dược Vương Dược Thượng, đức Phật dạy: “Ngã tăng vãng tích vô số kiếp thời, ư Diệu Quang Phật mật pháp chi trung, xuất gia học đạo, văn thị ngũ thập tam Phật danh, tâm sanh hoan hỷ, phục giáo tha nhân, linh đắc văn trì. Triển chuyển tương giáo, nãi chí tam thiên nhân, dị khẩu đồng âm, nhất tâm kính lễ, tức đắc siêu việt vô số ức kiếp sanh tử chi tội. Kỳ tiền thiên

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*nhân giả, Hoa Quang Phật vi thủ, hạ chí Tỳ Xá Phù Phật, u Trang Nghiêm Kiếp đăc thành vi Phật, quá khứ thiên Phật thị dã. Thủ trung thiên Phật giả, Câu Lưu Tôn Phật vi thủ, hạ chí Lâu Chí Như Lai, u Hiền Kiếp trung thứ đệ thành Phật. Hậu thiên Phật giả, Nhật Quang Như Lai vi thủ, nãi chí Tu Di Tướng Phật, u Tinh Tú Kiếp trung đưong đăc thành Phật”* (Ta đã từng trong vô số kiếp đời quá khứ, xuất gia học đạo trong đời Mạt Pháp của Phật Diệu Quang (Varaprabha), nghe được danh hiệu của năm mươi ba vị Phật này, tâm sanh hoan hỷ, lại dạy cho người khác nghe và trì niệm. Lần lượt dạy nhau cho đến ba ngàn người, khác miệng cùng tiếng, nhất tâm kính lễ, liền được vượt thoát tội trong vô số ức kiếp sanh tử. Một ngàn người đầu tiên, Hoa Quang Phật làm đầu cho đến người cuối cùng là Tỳ Xá Phù Phật, được thành Phật trong Trang Nghiêm Kiếp; đây là một ngàn vị Phật trong quá khứ. Một ngàn vị Phật chính giữa, Câu Lưu Tôn Phật làm đầu, cho đến vị cuối cùng là Lâu Chí (Rucika) Như Lai, theo thứ tự thành Phật trong Hiền Kiếp. Một ngàn vị Phật cuối, Nhật Quang Như Lai làm đầu, cho đến vị cuối cùng là Tu Di Tướng Phật sẽ được thành Phật trong Tinh Tú Kiếp).

Nếu dựa theo kinh Phật Danh, chín mươi một kiếp trong quá khứ có Phật hiệu là Tỳ Bà Thi (Vipasyin) Như Lai, ba mươi kiếp trong quá khứ có Phật xuất thế, tên là Thi Khí (Śikhin) Như Lai. Tức là trong kiếp này, lại có Phật xuất thế tên là Tỳ Xá Phù (Viśvabhū) Như Lai.

Hỏi: Chín mươi một kiếp ấy là đại kiếp hay tiểu kiếp? Đáp: Là đại kiếp. Vì sao biết như vậy? Theo Cự Tỳ Bà Sa Luận, Thích Ca Bồ Tát tu nhân từ thời Tỳ Bà Thi Phật cho tới nay, đã gieo nghiệp tướng hảo. Tới nay, trong trụ kiếp thứ chín, đã trải qua chín mươi một đại kiếp. Vì thế, Cự Câu Xá Luận nói: *“Do lễ Để Sa Phật (Tiṣya), do sức tinh tấn, liền vượt thoát chín đại kiếp, rốt ráo thành Phật”*. Vì vậy, đã biết chín kiếp đã là đại kiếp thì chín mươi một kiếp kia há chẳng phải cũng là đại kiếp ư? Đã là đại kiếp thì một ngàn vị Phật xuất thế, chẳng có gì đáng nghi! Lại dựa theo Lập Thế A Tỳ Đàm, trong vòng hai mươi trụ kiếp, trong tám kiếp quá khứ đã có Phật xuất thế, Phật Thích Ca xuất thế trong kiếp thứ chín của hiện tại, tức là trong chín kiếp đầu, đã có bốn vị Phật xuất thế. Vị lai hãy còn mười một kiếp, làm sao biết sẽ chẳng có nhiều vị Phật xuất thế? Xét theo ý nghĩa này, dẫu là tiểu kiếp, nhiều vị Phật xuất thế cũng chẳng trở ngại gì! Đó là vì căn cơ của chúng sanh có mạnh hay yếu, cho nên cảm vòì thấy Phật khác nhau. Chỉ sợ hậu hiền sanh nghi, nên tôi trình bày đại lược như thế!

**3.2.4.1.2.3.1.1.6. Tỳ Bà Thi Phật**

*(Kinh) Hữu u quá khứ, hữu Phật xuất thế, hiệu Tỳ Bà Thi.*

**(經)又於過去，有佛出世，號毘婆尸。**

*(Kinh: Lại trong quá khứ, có Phật xuất thế, hiệu là Tỳ Bà Thi).*

Tỳ Bà Thi còn gọi là Duy Vệ (維衛)<sup>191</sup>, cõi này dịch là Thắng Quán (勝觀). Luận Câu Xá nói: “Trọn ba vô số kiếp, theo thứ tự ngược, sẽ gặp Thắng Quán”. Đây là do Phật Thích Ca đã gieo nhân tướng hảo đầu tiên nơi Thắng Quán Phật. Nhưng nếu coi vị Phật này là một trong ba vị Phật cuối cùng của Trang Nghiêm Kiếp thì Câu Lưu Tôn Phật là vị Phật đầu tiên trong Hiền Kiếp, càng chẳng ngờ chi nữa! Cần nên biết: Ứng theo luận định trong phần trên, chẳng thể nói [danh hiệu Tỳ Bà Thi Phật ở đây] là nói đến vị Phật gần (tức Tỳ Bà Thi Phật trong Hiền Kiếp). Do [những vị Phật có cùng danh hiệu là] Tỳ Bà Thi Phật rất nhiều, sao có thể nói [đoạn quyết danh hiệu Tỳ Bà Thi ở đây] chuyên chỉ vị Phật Thắng Quán mà Phật Thích Ca đã gặp gỡ, gieo nhân thành tựu tướng hảo cho được?

*(Kinh) Nhược hữu nam tử, nữ nhân, văn thị Phật danh, vĩnh bất đọa ác đạo, thường sanh nhân, thiên, thọ thắng diệu lạc.*

**(經)若有男子女人，聞是佛名，永不墮惡道，常生人天，受勝妙樂。**

*(Kinh: Nếu có nam tử, nữ nhân nghe danh hiệu đức Phật này, vĩnh viễn chẳng đọa vào đường ác, thường sanh làm trời, người, hưởng sự vui thù thắng nhiệm mầu).*

Trong phần Hiền Ích, [kinh văn dạy] “văn thị Phật danh, tức bất đọa tam ác đạo” (nghe danh hiệu đức Phật này, liền chẳng đọa trong ba ác đạo), chuyện này chẳng dễ dàng! Theo luận, trong A-tăng-kỳ đầu tiên, Thích Ca Thế Tôn từ đây trở đi thường lia thân nữ nhân và bốn đường ác. Theo sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa Thích Thiêm,

<sup>191</sup> Duy Vệ chỉ là cách phiên âm khác của danh xưng Vipasyin.



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

trong A-tăng-kỳ thứ ba, Ngài mới bắt đầu lia năm chương<sup>192</sup>, mới chẳng bị đọa. “*Thường sanh làm trời, người*”: Theo Giới Sớ<sup>193</sup>, trong A-tăng-kỳ đầu tiên, Ngài đắc năm thứ công đức: Một là sanh trong trời, người; hai là sanh trong gia đình cao quý, ba là làm thân nam, bốn là các căn trọn đủ, năm là biết túc mạng. Sách Pháp Hoa Văn Cú nói: “*Chẳng sanh vào ba đường ác là Vị Bất Thoái. Chẳng sanh vào biên địa, các căn đầy đủ, chẳng thọ thân nữ, tức là Hạnh Bất Thoái. Thường biết Túc Mạng, tức là Niệm Bất Thoái*”. Vì thế biết chẳng đọa vào ác đạo, thường sanh làm trời, người, đúng là chẳng dễ dàng! Nay căn cơ viên đốn nhạy bén nhất, cho nên vừa mới nghe danh hiệu Phật, liền hiểu tự tánh, cho nên có thể nhanh chóng đạt được.

“*Nhân thiên thắng diệu lạc*” (sự vui sướng thù thắng nhiệm màu trong đường trời, người) đã được nói cặn kẽ trong kinh Thế Ký của Trường A Hàm. Tuy sanh làm trời, người, chỉ coi Pháp Hỷ và Thiên Duyệt là vui. Như trong Đại Trang Nghiêm Luận, đức Phật đã nói kệ như sau: “*Vô bệnh đệ nhất lợi, tri túc đệ nhất phú, thiện hữu đệ nhất thân, Niết Bàn đệ nhất lạc*” (Không bệnh: Lợi bậc nhất. Biết đủ: Giàu bậc nhất. Bạn lành: Thân thiết nhất. Niết Bàn: Vui bậc nhất). Đây chính là hưởng mà chẳng hưởng, không hưởng chính là hưởng.

#### ***3.2.4.1.2.3.1.1.7. Bảo Thắng Như Lai***

(*Kinh*) *Hựu u quá khứ vô lượng vô số Hằng hà sa kiếp, hữu Phật xuất thế, hiệu Bảo Thắng Như Lai.*

(經)又於過去無量無數恆河沙劫，有佛出世，號寶勝如來。

(*Kinh*: *Lại trong vô lượng vô số Hằng hà sa kiếp trong quá khứ, có Phật xuất thế, hiệu là Bảo Thắng Như Lai.*)

---

<sup>192</sup> Ngũ Chương: Phiền Nã Chương, Nghiệp Chương, Sanh Chương (chỗ sanh về bị quyết định bởi nghiệp chương của chính mình), Pháp Chương (chương ngại nghe pháp, học pháp, tu trì), và Sở Tri Chương.

<sup>193</sup> Giới Sớ là tên gọi tắt của bộ Thiên Thai Bồ Tát Giới Kinh Nghĩa Sớ, tức tác phẩm chú giải Phạm Võng Bồ Tát Giới Kinh, do tổ Trí Giả giảng, ngài Quán Đảnh ghi thành sách. Tác phẩm này về sau lại được chú giải lần nữa như Bồ Tát Giới Nghĩa Sớ San Bồ của ngài Minh Khoáng, Bồ Tát Giới Nghĩa Sớ Sao của ngài Đạo Hy, Bồ Tát Giới Nghĩa Sớ Ký của ngài Uẩn Tế, Bồ Tát Giới Kinh Nghĩa Sớ Phát Ân của tổ Liên Trì, Bồ Tát Giới Nghĩa Sớ Kiến Văn của ngài Đạo Quang v.v...

Danh hiệu của Ngài trong tiếng Phạn là Ra Đát Năng Tỳ Bà (Ratna-shikhaye). Ra Đát Năng dịch là Bảo; Tỳ Bà dịch là Thắng. Chất báu thù thắng ấy là vật gì vậy? Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Như hải trung hữu tứ châu, nhất thiết chúng bảo giai tùng chi sanh. Nhược vô thử tứ châu, nhất thiết bảo vật tiệm tận diệt tận. Chư tiểu long thần bất năng đắc kiến, duy Sa Kiệt La long vương, mật trí thâm bảo tạng trung. Thử thâm bảo tạng hữu tứ chủng danh. Nhất danh Chúng Bảo Tích Tụ, nhị danh Vô Tận Bảo Tạng, tam danh Viễn Xí Nhiên, tứ danh Nhất Thiết Trang Nghiêm Tụ. Thử tuy bảo trung chi thắng, nhiên thị thể bảo, thứ đệ dĩ đôi Thường, Lạc, Ngã, Tịnh xuất thế chi bảo. Thử chi tứ đức, duy Phật dữ Phật nữ năng chứng đắc, như Sa Kiệt La long vương mật trí bảo tạng thị dã. Dư nhân vị chứng, như tiểu long thần bất năng đắc kiến thị dã. Thử tứ đức xuất sanh vô tỷ, như nhất thiết chúng bảo giai tùng chi sanh thị dã*” (Như trong biển có bốn viên châu, hết thảy các thứ báu đều sanh từ chúng. Nếu không có bốn viên châu ấy, hết thảy các vật báu sẽ dần dần diệt mất, các tiểu long thần sẽ chẳng thể thấy, chỉ trừ long vương Sa Kiệt La (Sāgara-nāgarāja). Chúng được cất kín trong kho báu. Kho báu sâu kín ấy có bốn thứ tên: Một là Chúng Bảo Tích Tụ, hai là Vô Tận Bảo Tạng, ba là Viễn Xí Nhiên, bốn là Nhất Thiết Trang Nghiêm Tụ. Những viên châu ấy tuy thù thắng nhất trong các thứ báu, nhưng chúng là vật báu thế gian, theo thứ tự dùng để đối ứng với của báu xuất thế Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Bốn đức ấy chỉ có Phật và Phật mới chứng đắc, như long vương Sa Kiệt La giấu kín trong kho báu. Những người khác chưa chứng, giống như các tiểu long thần, chẳng thể trông thấy. Bốn đức ấy xuất sanh [các công đức] chẳng tỳ vết, như hết thảy các thứ báu đều sanh từ những viên châu ấy). Vì thế, sách Kim Quang Minh Kinh Huyền Nghĩa viết: “*Như trân bảo trong cõi đời được phàm tình quý trọng*”. Vậy thì của báu như lý rất ráo đáng quý, đáng là của báu được phàm tình quý trọng, cho nên Phật hiệu là Bảo Thắng.

*(Kinh) Nhược hữu nam tử, nữ nhân, văn thị Phật danh, tất cánh bất đọa ác đạo, thường tại thiên thượng, thọ thắng diệu lạc.*

**(經)若有男子女人，聞是佛名，畢竟不墮惡道，常在上，受勝妙樂。**

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Nếu có nam tử, nữ nhân nghe danh hiệu đức Phật ấy, rất ráo chẳng đọa vào ác đạo, thường ở trên cõi trời, hưởng sự vui thù thắng, nhiệm mầu).*

Đại ý của phần Hiền Ích giống như trong phần trên. Trong phẩm Lưu Thủy của kinh Kim Quang Minh [có chép]: Mười ngàn con cá được nghe danh hiệu Phật Bảo Thắng, đều sanh hết lên trời Đao Lợi, hưởng hồ nam nữ nghe tên Ngài mà không được hưởng diệu lạc thù thắng ư?

#### **3.2.4.1.2.3.1.1.8. Bảo Tướng Phật**

*(Kinh) Hựu ư quá khứ, hữu Phật xuất thế, hiệu Bảo Tướng Như Lai.*

**(經)又於過去，有佛出世，號寶相如來。**

*(Kinh: Lại nữa, trong quá khứ, có Phật xuất thế, hiệu là Bảo Tướng Như Lai).*

Phật có danh hiệu là Bảo Tướng (Ratnaketu), cũng là dùng chất báu về mặt hình tướng để sánh ví của báu nơi tánh. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Hựu đại hải trung, hữu tứ xỉ nhiên quang minh đại bảo. Nhất danh Nhật Tạng, nhị danh Ly Nhuận, tam danh Hỏa Châu, tứ danh Cứu Cánh Vô Dur. Nhược đại hải vô thủ tứ bảo, tứ thiên hạ, Kim Cang, Vi sơn, nãi chí Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, giai tất phiêu một*” (Trong biển cả lại có bốn thứ báu lớn tỏa quang minh chói lợi, một là Nhật Tạng, hai là Ly Nhuận, ba là Hỏa Châu, bốn là Cứu Cánh Vô Dur. Nếu biển cả không có bốn báu ấy, tứ thiên hạ, núi Kim Cang, núi Thiết Vi, cho đến trời Phi Tướng Phi Phi Tướng thấy đều chìm ngập). Đại Luận gọi chúng là Tiêu Thủy Châu. Nhật Tạng biểu thị Đại Viên Kính Trí. Ly Nhuận biểu thị Diệu Quan Sát Trí. Hỏa Châu biểu thị Bình Đẳng Tánh Trí. Cứu Cánh Vô Dur biểu thị Thành Sở Tác Trí. Nếu biển pháp của Như Lai không có bốn trí ấy lợi lạc chúng sanh, tam giới lục đạo thấy đều chìm đắm. Vì thế, đại sư nói: “*Chẳng đi, chẳng đến, Thật Tướng pháp tánh, Thật Tướng tôn quý*”. Do vậy, gọi là Bảo Tánh.

*(Kinh) Nhược hữu nam tử, nữ nhân, văn thị Phật danh, sanh cung kính tâm, thị nhân bất cứu, đắc A La Hán quả.*

**(經)若有男子女人，聞是佛名，生恭敬心，是人不久，得阿羅漢果。**

*(Kinh: Nếu có nam tử, nữ nhân nghe danh hiệu đức Phật ấy, sanh lòng cung kính, người ấy chẳng lâu sau sẽ đắc quả A La Hán).*

Trong phần Hiền Ích, kinh văn nói “*văn Phật danh dĩ, sanh cung kính tâm*” (nghe danh hiệu đức Phật rồi bèn sanh tâm cung kính), tức là thân chẳng chiêm lễ, miệng chẳng tán thán đã rõ rệt rồi! Nhưng những người nam, kẻ nữ ấy, không lâu sau sẽ đắc quả A La Hán, công đức sâu lắm! Nếu luận định theo Tam Tạng thì như kinh dạy:

- “*Quang minh của Nhật Tạng có thể biến nước biển thành chất lặc*”: Nay nói đến Thế Độ Nhất, mười lăm tâm kiến đạo, mười sáu tâm nhập Tu Đà Hoàn quả, chuyển hiền thành thánh, đúng là như biến nước thành lặc.

- “*Quang minh của Ly Nhuận có thể biến chất lặc trong biển thành tô*”: Nay nói sau khi kiến đạo, khởi sự tu đạo, đoạn hết sáu phẩm đầu của chín phẩm Tư Hoặc trong Dục Giới, nhập Tu Đà Hàm, đúng là như biến lặc thành tô.

- “*Quang minh của Hỏa Châu có thể đốt cháy chất tô trong biển*”: Do Tam Quả đoạn hết ba phẩm sau của Tư Hoặc trong Dục Giới, vĩnh viễn chẳng thọ sanh trong Dục Giới nữa, đúng là giống như đốt cháy chất tô trong biển.

- “*Quang minh của Cứu Cánh Vô Dư có thể đốt cháy chất tô trong biển vĩnh viễn hết sạch chẳng còn thừa sót*”: Do Tứ Quả thì năm phần cao thấp đều đoạn sạch, chẳng còn Tư Hoặc nào thừa sót, vĩnh viễn chẳng thọ sanh trong đời sau, đúng là giống như đốt sạch vĩnh viễn chất tô trong biển, chẳng còn thừa sót.

Nay xét theo Tạng Giáo đối ứng với các địa vị trong Viên Giáo thì từ Sơ Tín cho tới Thất Tín, tùy ý đoạn hết Kiến Tư trong tam giới, bằng với đệ tứ quả A La Hán trong Tạng Giáo. Do đó, sách Diệu Pháp Liên Hoa Huyền Nghĩa nói: “*Đồng trụ và tứ trụ, ở chỗ này bằng nhau. Nếu chỉ chế phục vô minh thì Tam Tạng còn kém*”, chính là nói về chuyện này. Nay vốn coi Viên Giáo là chánh, cho nên trước hết xét theo Tam Tạng Tiểu Quả, vì muốn khơi gợi cho A La Hán trong Tạng Giáo thành tựu quả A La Hán nơi quả vị Phật trong Viên Giáo vậy.

**3.2.4.1.2.3.1.1.9. Ca Sa Tràng Phật**

*(Kinh) Hữu u quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, hữu Phật xuất thế, hiệu Ca Sa Tràng Như Lai.*

**(經)又於過去無量阿僧祇劫，有佛出世，號袈裟幢如來**

◦

*(Kinh: Lại trong quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, có Phật xuất thế, hiệu là Ca Sa Tràng (Kaṣāyadhvaṃsa) Như Lai).*

Đây là dựa theo sự trang nghiêm đề nêu ra tướng trạng, nhằm phô rõ Phật đức hồng danh. Tâm Địa Quán viết: “Ca-sa chính là tướng tràng báu của Như Lai, vì khi đắp ca-sa, sanh ý tưởng như tràng báu, có thể diệt các tội, sanh các phước đức. Ví như ruộng tốt, vì có thể khéo tăng trưởng Bồ Tát đạo. Ví như giáp trụ, các mũi tên độc phiền não chẳng thể làm hại được”. Do Như Lai khi tu nhân đã tu vạn hạnh, nên thành tựu quả đức trang nghiêm.

*(Kinh) Nhược hữu nam tử, nữ nhân, văn thị Phật danh giả, siêu nhất bách đại kiếp sanh tử chi tội.*

**(經)若有男子女人，聞是佛名者，超一百大劫生死之罪**

◦

*(Kinh: Nếu có nam tử, nữ nhân nghe danh hiệu đức Phật này, sẽ thoát khỏi tội trong một trăm đại kiếp sanh tử).*

Vì thế, nam nữ nghe danh hiệu của Ngài, sẽ nhanh chóng thoát khỏi tội trong một trăm đại kiếp sanh tử.

**3.2.4.1.2.3.1.1.10. Đại Thông Sơn Vương Phật**

*(Kinh) Hữu u quá khứ hữu Phật xuất thế, hiệu Đại Thông Sơn Vương Như Lai.*

**(經)又於過去有佛出世，號大通山王如來。**

*(Kinh: Trong quá khứ, lại có Phật xuất thế, hiệu là Đại Thông Sơn Vương Như Lai).*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Sơn Vương tức là núi Tu Di, bầy rằng kim sơn vây quanh, cao chót vót giữa biển; vì thế, đặc biệt gọi là Vương. “Đại”: Núi cao tám vạn bốn ngàn do-tuần. “Thông” (通): Quang minh chiếu sáng ngời bốn phía. Điều này ví như Báo Thân Phật. Kinh Tiểu Bát Nhã chép: “*Thí như hữu nhân, thân như Tu Di sơn vương, thị thân vi đại phủ? Tu Bồ Đề ngôn: - Thập đại*” (“Ví như có người thân như núi chúa Tu Di, thân ấy có lớn hay chẳng?” Tu Bồ Đề thưa: “Rất lớn”). Đại sư nói: “*Đây chính là chẳng phải quả mà là quả, do nhân to nên quả to. Đắc pháp Ngũ Âm, thành tựu Pháp Thân. Vì thế nói ‘to như núi Tu Di’ để sánh ví tánh sắc. Do sắc to nên Bát Nhã to. Như núi to nên thân cũng to. Tập quả đã viên mãn, báo quả cũng trọn vẹn. Vì thế nói là thân to*”. Như vậy thì Đại Thông là cái nhân Bát Nhã, Sơn Vương là cái quả Báo Thân, Tứ Trí rất ráo trang nghiêm.

**(Kinh) Nhược hữu nam tử, nữ nhân, văn thị Phật danh giả, thị nhân đắc ngộ Hằng hà sa Phật, quảng vị thuyết pháp, tất thành Bồ Đề.**

**(經)若有男子女人，聞是佛名者，是人得遇恆河沙佛，廣為說法，必成菩提。**

**(Kinh: Nếu có nam tử, nữ nhân, nghe danh hiệu đức Phật ấy, người đó sẽ được gặp chư Phật nhiều như cát sông Hằng, vì người ấy rộng nói pháp, tất thành Bồ Đề).**

Trong phần Hiền Ích, [kinh văn có nói] phàm những ai nghe danh hiệu của đức Phật này, sẽ được gặp chư Phật nhiều như cát sông Hằng vì người đó nói pháp. Do nghe Đại Thông Bát Nhã, cho nên cảm chư Phật vì người ấy nói Bát Nhã, khiến cho toàn tánh khởi tu. Đã nghe quả thể (bản thể của cái quả) nơi Sơn Vương, bèn cảm chư Phật thọ ký, khiến cho từ nhân mà đạt đến quả. Nghe danh hiệu một vị Phật, bèn thấu hiểu tánh và tu như một. Nhân quả thành tựu, Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn.

#### **3.2.4.1.2.3.1.2. Tổng chỉ chư Phật (nói chung về chư Phật)**

**(Kinh) Hựu ư quá khứ, hữu Tịnh Nguyệt Phật, Sơn Vương Phật, Trí Thắng Phật.**

**(經)又於過去，有淨月佛，山王佛，智勝佛。**

*(Kinh: Trong quá khứ lại có Tịnh Nguyệt Phật, Sơn Vương Phật, Trí Thắng Phật).*

Tịnh Nguyệt (淨月): Chân Pháp Thân của Phật ví như hư không, ứng vật (ứng theo sự cơ cảm của chúng sanh) mà hiện hình, như bóng trăng trong nước. Trăng ví như thân Phật, Pháp Thân như hư không. Tâm quang sáng sạch, từ Chân mà ứng hiện, hiện bóng trong nước. Điều này minh thị “*tam thân nhất thể*”.

Sơn Vương trong tiếng Phạn là Thế Lẽ Nại Ra Nha (Śailanrāja), cõi này dịch là Sơn Vương. Trong kinh Đại Phương Đẳng Đà La Ni, Hoa Tụ Bồ Tát tán thán đức Phật: “*Thế Tôn thân sắc như kim sơn, do như nhật quang chiếu thế gian. Năng bạt nhất thiết chư khổ não, ngã kim khể thủ đại pháp vương*” (Thế Tôn thân sắc như núi vàng, như ánh mặt trời soi thế gian, dẹp trừ hết thảy các khổ não, con nay kính lễ đại pháp vương) có ý nghĩa tương đồng.

Trí Thắng, tức là Nhất Thiết Chủng Trí. Kinh Đại Phẩm Bát Nhã dạy: “*Tát Bà Nhã (Tần ngôn nhất thiết trí tướng), thị Thanh Văn, Bích Chi Phật trí. Đạo Chủng Trí thị Bồ Tát trí. Nhất Thiết Chủng Trí thị chư Phật trí*” (Tát Bà Nhã, Hán dịch là Nhất Thiết Trí Tướng, là trí của Thanh Văn và Bích Chi Phật. Đạo Chủng Trí là trí của Bồ Tát. Nhất Thiết Chủng Trí là trí của chư Phật). Do hết thảy chủng loại, tướng mạo đều biết, nên gọi là thù thắng trong các trí.

*(Kinh) Tịnh Danh Vương Phật, Trí Thành Tựu Phật, Vô Thượng Phật.*

**(經)淨名王佛，智成就佛，無上佛。**

*(Kinh: Tịnh Danh Vương Phật, Trí Thành Tựu Phật, Vô Thượng Phật).*

Tịnh Danh Vương: Ngũ trụ và nhị tử đều hết sạch, vì hết sạch tự tại, nên có danh xưng thù thắng này. Theo kinh Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam Muội, ở phương Đông cách nơi đây ba mươi hai cõi Phật, có quốc độ tên là Phổ Vô Cấu, Phật hiệu là Tịnh Danh Vương. Trong A-tăng-kỳ kiếp lâu xa, đức Phật Thích Ca là một tiên nhân tên Tối Thắng,

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

do nghe đức Phật ấy giảng Tập Nhất Thiết Phước Đức tam-muội mà về sau sanh vào nước ấy, nay được thành Phật.

Trí Thành Tựu: Do dùng hai trí Quyền và Thật để thành tựu.

Vô Thượng là danh hiệu tôn quý cùng cực. Hễ có gì cần phải đoạn trừ thì gọi là Hữu Thượng Sĩ. Đã chẳng có gì phải đoạn trừ thì gọi là Vô Thượng. Như Phật Thuyết Vô Thượng Xứ Kinh đã dạy: “*Nhược chúng sanh u Phật vô thượng xứ, khởi tín hướng tâm giả, u thiên nhân trung, đắc vô thượng quả*” (Nếu chúng sanh đôi với chỗ vô thượng của Phật mà khởi tâm tin tưởng, hướng về, sẽ ở trong trời, người mà đắc quả vô thượng).

**(Kinh) Diệu Thanh Phật, Mãn Nguyệt Phật, Nguyệt Diện Phật.**

**(經)妙聲佛，滿月佛，月面佛。**

**(Kinh: Diệu Thanh Phật, Mãn Nguyệt Phật, Nguyệt Diện Phật).**

Diệu Thanh: Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Sơn cốc, khoáng dã, kỳ trung đa hữu Ca-lăng-tần-già xuất diệu âm thanh. Như thị mỹ âm, nhược thiên, nhân, Khẩn Na La đặng, vô năng cập giả, duy trừ Như Lai âm thanh, cố viết Diệu Thanh*” (Trong hang núi, đồng hoang, có nhiều chim Ca-lăng-tần-già hót tiếng vi diệu. Âm thanh đẹp đẽ như thế, dù là trời, người, hay Khẩn Na La v.v... đều chẳng thể sánh bằng, chỉ trừ âm thanh của Như Lai, nên nói là Diệu Thanh).

Hai vị Phật Mãn Nguyệt và Nguyệt Diện ý nghĩa đại để tương đồng. Như kinh dạy: “*Như thập ngũ nhật nguyệt, viên mãn cụ túc, chúng tinh trung vương, tối thượng, tối thắng, Phật diện thanh tịnh viên mãn, diệc như nguyệt nhĩ*” (Như trăng ngày Rằm, trọn đủ viên mãn, là vua trong các ngôi sao, tối thượng, tối thắng. Mặt Phật thanh tịnh viên mãn cũng giống như mặt trăng).

**(Kinh) Hữu như thị đặng, bất khả thuyết Phật.**

**(經)有如是等，不可說佛。**

**(Kinh: Có bất khả thuyết Phật như thế đó).**

Có bất khả thuyết Phật như thế đó, chẳng thể nói trọn hết kiếp số và lợi ích do nghe danh hiệu của các Ngài, vì thế bèn tổng kết, biết là ngài Địa Tạng từ thuở phát tâm đến nay, đã gặp gỡ các vị như Phật



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Thích Ca, đều được mỗi vị phó chúc độ thoát, cũng như ngày nay trên thiên cung, chẳng thể nghĩ bàn được! Phần Xung Danh đã xong.

**3.2.4.1.2.3.2. Kết ích (tổng kết lợi ích)**

**3.2.4.1.2.3.2.1. Sanh thời xưng danh ích (lợi ích khi xưng danh trong khi còn sống)**

**3.2.4.1.2.3.2.1.1. Ước nhất đa hưởng ích (xét theo một danh hiệu để luận lợi ích do nghe nhiều danh hiệu)**

*(Kinh) Thế Tôn! Hiện tại, vị lai nhất thiết chúng sanh, nhược thiên, nhược nhân, nhược nam, nhược nữ, đản niệm đắc nhất Phật danh hiệu, công đức vô lượng, hà hưởng đa danh?*

**(經)世尊! 現在未來一切眾生, 若天若人, 若男若女, 但念得一佛名號, 功德無量, 何況多名?**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Hết thấy chúng sanh trong hiện tại và vị lai, dù trời hay người, dù nam hay nữ, chỉ niệm danh hiệu của một vị Phật thì công đức đã là vô lượng, hưởng hồ nhiều danh hiệu?)*

Đạo và tục tương phản, danh và thật trái nghịch. Năm được ý thú này, khéo thấu hiểu lý thâm u. Vì sao vậy? Như thế tục, đối với cha, ông, chẳng được nhắc đến tên gọi. Nhưng trong pháp môn Phật danh, xưng dương [danh hiệu Phật] bèn được phước vô lượng. Ấy là vì chư Phật Như Lai đại từ thương xót muôn loài, giáng hạ cõi tục, lấy việc tế độ làm đầu. Kẻ có tâm mong mỏi, ngưỡng mộ [chư Phật], chẳng có ai không được lợi ích. Hoặc dùng miệng xưng niệm, hoặc dùng tâm niệm, hoặc dùng thân lễ, ba nghiệp tôn kính, tam độc thanh lương, dần dần dẹp trừ hữu căn, thoát khỏi sự ràng buộc của ba cõi. Do có đức to lớn ấy, người xưng danh hiệu Phật sẽ được phước. Những kẻ thuận theo thói tục lại trái nghịch những điều trên đây. Kinh Thập Luân dạy: “*Nhược niệm nhất Phật, tắc kiến nhất Phật. Nhược niệm đa Phật, tắc kiến đa Phật. Nhược niệm tiểu thân Phật, tắc kiến tiểu thân Phật. Nhược niệm đại thân Phật, tắc kiến đại thân Phật. Nhược niệm vô lượng thân Phật, tắc kiến vô lượng thân Phật đẵng*” (Nếu niệm một vị Phật, sẽ thấy một vị Phật. Nếu niệm nhiều vị Phật, sẽ thấy nhiều vị Phật. Nếu niệm Phật thân nhỏ, sẽ thấy Phật thân nhỏ. Nếu niệm Phật thân lớn, sẽ thấy Phật thân lớn.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Nếu niệm vô lượng thân Phật, sẽ thấy vô lượng thân Phật v.v...) Vì thế, dùng một vị Phật để từ so sánh mà biết nhiều vị Phật.

#### ***3.2.4.1.2.3.2.1.2. Ước sanh tử đắc lợi (xét theo lợi ích khi sanh tử)***

***(Kinh) Thị chúng sanh đẳng, sanh thời, tử thời, tự đắc đại lợi, chung bất đọa ác đạo.***

**(經)是眾生等，生時死時，自得大利，終不墮惡道。**

***(Kinh: Các chúng sanh ấy lúc sanh, lúc tử, tự đạt được lợi ích to lớn, trọn chẳng đọa vào ác đạo).***

Pháp sư Viên Trùng<sup>194</sup> nói: “*Lục đạo phàm phu, tam thừa hiền thánh, tánh giác bảo quang ai nấy đều viên mãn, vốn chẳng gọi là chư Phật, mà cũng chẳng gọi là chúng sanh. Chỉ vì cái tâm này chẳng giữ lấy tự tánh, thuận theo cái duyên mê ngộ, tạo nghiệp, thọ khổ, nên gọi là chúng sanh. Tu đạo chứng chân, bèn gọi là chư Phật*”. Đức Phật thương xót chúng sanh, do vọng tưởng, chấp trước mà chẳng chúng đắc; nhưng vẫn là xứng pháp giới tánh, [do vậy, đức Phật] nói ra pháp môn Niệm Phật. Nếu có được pháp môn ấy, sẽ có một ngày bằng với chư Phật. Nếu chẳng được môn ấy, uổng công tu bao kiếp dài lâu! Vì thế, chúng sanh khi sanh, lúc tử, nếu thật sự có thể niệm Phật, hoặc một vị Phật, hoặc nhiều vị Phật, ai nấy đều tự đạt được các lợi ích to lớn, trọn chẳng đọa vào ác đạo. Nhưng đây là các vị Phật mà Đại Sĩ đã đích thân gặp gỡ, đích thân thừa sự, cúng dường, nên đạt được lợi ích. Tuy vậy, các kinh luận chỉ tán dương Tây Phương A Di Đà Phật, [vì Ngài có] nguyện lực

---

<sup>194</sup> Ngài Trạng Nguyên Viên Trùng (1561-1626) là một vị cao tăng đời Minh, quê ở Cối Kê thuộc Thiệu Hưng Phủ, tỉnh Chiết Giang, họ ngoài đời là Hạ, pháp tự Trạng Nguyên, biệt hiệu là Tấn Thủy Đạo Nhân. Ngài mắt to, mũi to, môi hớt, lộ răng, tướng mạo kỳ dị, nhưng thiên tư thông minh mẫn tiệp, biện tài thù thắng. Ngài đắc giới với tổ Liên Trì, ngộ đạo lúc ba mươi tuổi. Ngài y chỉ pháp sư Ngọc Phong, cầu học văn tự. Một hôm, Sư vào phương trượng, xin ngài Ngọc Phong dạy kinh. Ngài Ngọc Phong hỏi: “Chữ Đinh không biết, chẳng tu khổ hạnh, cầu kinh gì đây?” Viên Trùng thưa: “Cầu đạo tham ngộ là đại sự, sao lại khư khư văn tự?” Ngài Ngọc Phong lấy làm lạ, bèn lấy kinh Pháp Hoa trao cho, dặn dò: “Đây là cốt tủy của chư Phật, trân trọng đọc kỹ, sẽ có sở đắc”. Về sau, do nghe ngài Ân Phong hỏi: “Chỉ xem người niệm Phật là ai?” Sư bỗng ngộ đạo. Ngài để lại các tác phẩm Lăng Nghiêm Úc Thuyết, Pháp Hoa Ý Ngữ, Kim Cang Tam Muội Kinh Chú, Niết Bàn Hội Sớ, Khái Cổ Lục, Tông Mông Hoặc Văn...

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

đặc biệt thiên trọng tiếp dẫn Sa Bà. Do đó, trong hạnh nguyện của đức Phổ Hiền, chỉ tột bậc xưng tán Di Đà. Nếu ai ngay trong lúc sanh tử, thật sự có thể chân thành xưng niệm [A Di Đà Phật], cảm ứng càng nhiều hơn. Đó gọi là “*chẳng giở chân mà về Tịnh Độ an trụ. Chẳng phải suy lường mà chứng Di Đà*”, há còn phải nói năng, suy nghĩ gì nữa? Ngộ hay mê chỉ tại tự tâm, siêu thăng hay chìm đắm há do pháp nào khác? Hãy tin chắc, tận lực hành trì, sẽ tự thấy kết quả của công sức.

**3.2.4.1.2.3.2.2. Lâm chung xưng danh ích (lợi ích do xưng danh lúc lâm chung)**

**3.2.4.1.2.3.2.2.1. Thị xưng danh diệt tội (chỉ ra: Do xưng danh mà diệt tội)**

*(Kinh) Nhược hữu lâm mạng chung nhân, gia trung quyền thuộc, nữ chí nhất nhân, vị thị bệnh nhân, cao thanh niệm nhất Phật danh, thị mạng chung nhân, trừ Ngũ Vô Gian tội, dư nghiệp báo đẳng, tất đắc tiêu diệt.*

**(經)若有臨命終人，家中眷屬，乃至一人，為是病人，高聲念一佛名，是命終人，除五無間罪，餘業報等，悉得銷滅。**

*(Kinh: Nếu có kẻ sắp mạng chung, quyền thuộc trong nhà, dẫu chỉ một người, vì bệnh nhân ấy, lớn tiếng niệm danh hiệu một vị Phật, người mạng chung ấy, trừ diệt tội Ngũ Vô Gian, các nghiệp báo khác đều được tiêu diệt).*

“Nữ chí nhất niệm nhất Phật danh” (thậm chí niệm danh hiệu một vị Phật): Từ nhiều người, nhiều Phật, cho đến cực ít. Kinh Đại Bi dạy: “*Nhất xưng Nam-mô Phật danh giả, dĩ thị thiện căn, nhập Niết Bàn giới, bất khả tận dã*” (Xưng Nam-mô Phật một tiếng, do thiện căn ấy cho tới khi nhập Niết Bàn giới, [thiện căn ấy] chẳng thể cùng tận); còn ngờ tội ngũ Vô Gian chẳng tiêu diệt chi nữa! Tội nghịch cực trọng đã tiêu, các nghiệp báo thấp hơn khác há chẳng đều diệt ư? (Trong chánh kinh, “trừ” có nghĩa là “trừ khử”, chẳng phải là “loại trừ”, chẳng tiêu). Xưa kia, Đại Trí luật sư phát nguyện thường sanh Sa Bà, làm đại đạo sư. Lại thấy pháp sư Huệ Thị nói: “*Cõi Cực Lạc tuy tịnh, chẳng phải là chỗ ta mong mỏi*”. Do vậy, Sư coi thường pháp môn Tịnh Độ chẳng quy

## *Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú*

hướng. Thấy người tu Tịnh nghiệp, lại còn sanh lòng khinh rẻ, báng bổ. Về sau, Sư bị bệnh nặng, thần thức mê muội, mờ mịt, nhanh chóng cảm nhận trước kia mình đã sai trái, tự trách sâu xa. Sư lại đọc Thập Nghi Luận của tổ Thiên Thai, thấy Sơ Tâm Bồ Tát chưa đắc Vô Sanh Nhẫn, cần phải thường chẳng lìa Phật.

Hơn nữa, Đại Trí Độ Luận nói: *“Phàm phu trọn đủ triền phược, có tâm đại bi, nguyện sanh trong đời ác để cứu chúng sanh đang đau khổ, chẳng có lẽ ấy! Ví như trẻ thơ, chẳng được lìa mẹ. Lại như [chim non] lông vũ yếu ớt, chỉ nên chuyên càn”*. Từ đấy, Sư vút sạch sở học trước kia, chuyên theo đuổi giáo môn Tịnh Độ, suốt mười mấy năm, chưa từng tạm bỏ.

Lại như Pháp Chiếu đại sư đời Đường, vào Trúc Lâm Tự ở Ngũ Đài, thấy ngài Văn Thù ở phía Tây, ngài Phổ Hiền ở phía Đông, vì đại chúng thuyết pháp. Pháp Chiếu làm lễ, hỏi rằng: *“Phàm phu đời Mạt trí thức nông cạn, kém cỏi, Phật tánh tâm địa chẳng nhờ đâu mà hiển hiện được! Chẳng rõ tu pháp môn gì là trọng yếu nhất?”* Ngài Văn Thù dạy: *“Trong các môn tu hành, không gì bằng niệm Phật! Ta do niệm Phật mà đắc Nhất Thiết Chứng Trí”*.

Sư lại hỏi: *“Nên niệm như thế nào?”* Ngài Văn Thù bảo: *“Phía Tây thế giới này có A Di Đà Phật, nguyện lực khó nghĩ tưởng. Ông hãy nên hệ niệm, đừng để gián đoạn, mạng chung quyết định vãng sanh”*. Nói xong, xoa đầu ngài Pháp Chiếu, bảo lui ra. Pháp sư Huệ Nhật cầu hắc Quán Âm<sup>195</sup>, cảm hiện tướng quang minh, những điều Bồ Tát dạy

---

<sup>195</sup> Hắc Quán Âm là một pho tượng ở xứ Kiện Đà La tại Ấn Độ. Pháp sư Huệ Nhật quê ở Đông Lai (tỉnh Sơn Đông), xuất gia dưới thời Đường Trung Tông. Do hâm mộ pháp sư Nghĩa Tịnh sang Thiên Trúc cầu đạo, Sư cũng phát nguyện sang Ấn Độ tham bái, cầu học. Sư ngồi thuyền vượt Nam Hải, mất ba năm mới đến được Ấn Độ. Sư chiêm bái các thánh tích và tìm kiếm nguyên bản bằng tiếng Phạn của các bộ kinh Đại Thừa. Ngài tham phỏng các bậc tôn túc tại Thiên Trúc thời đó, đều được khuyên nên học pháp môn Tịnh Độ, cầu sanh thế giới Cực Lạc. Nghe nói ở Đông Bắc vương thành Kiện Đà La tại Bắc Ấn có một quả núi to, trên núi có thánh tượng Quán Thế Âm Bồ Tát cực linh ứng. Ngài bèn tìm đến đó, trèo lên núi, khấu đầu suốt bảy ngày, cầu Bồ Tát chỉ điểm. Đến tối ngày thứ bảy, Quán Thế Âm Bồ Tát từ hư không hiện ra, ngồi trên hoa sen bảy báu, đưa tay phải xoa đầu Huệ Nhật dạy: *“Nếu con muốn hoằng truyền Phật pháp, tự lợi, lợi tha, hãy nên chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, chí thành phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ. Sau khi thấy Phật và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ Tát, sẽ được vô thượng lợi ích. Hãy nên biết công đức của pháp môn Tịnh Độ thù thắng vượt xa các pháp môn khác”*.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

dỗ, đại lược tương đồng. Vì thế, nhất quyết chớ nên không tin tưởng pháp môn Niệm Phật!

**3.2.4.1.2.3.2.2. Thích diệt Vô Gian nghi (giải trừ mối nghi về niệm Phật có thể diệt tội Vô Gian)**

*(Kinh) Thị Ngũ Vô Gian tội, tuy chí cực trọng, động kinh ức kiếp liễu bất đắc xuất, thừa tư lâm mạng chung thời, tha nhân vị kỳ xưng niệm Phật danh, ư thị tội trung diệt tiệt.*

**(經)是五無間罪，雖至極重，動經億劫了不得出，承斯臨命終時，他人為其稱念佛名，於是罪中亦漸銷滅。**

*(Kinh: Tội Ngũ Vô Gian tuy nặng nề nhất, trải qua ức kiếp trọn chẳng thoát ra, nhờ vào lúc sắp mạng chung, người khác vì kẻ ấy xưng niệm danh hiệu Phật, do đó, tội cũng dần dần tiêu diệt).*

Nghi rằng: Nghiệp Vô Gian nặng nề, sao lại do một người xưng một danh hiệu Phật liền có thể tiêu diệt ư? Như kinh Tăng Nhất A Hàm dạy: “Chúng sanh tam nghiệp tạo ác, lâm chung ức niệm Như Lai công đức giả, tất ly ác đạo thú, đắc sanh thiên thượng. Chánh sử cực ác chi nhân, dĩ niệm Phật cố, diệt đắc sanh thiên” (Chúng sanh ba nghiệp tạo ác, lâm chung nghĩ nhớ công đức của Như Lai, ắt lìa khỏi đường ác, được sanh lên trời. Dầu là kẻ cực ác, do niệm Phật, cũng được sanh lên trời). Vì thế biết: Tội nghiệp Vô Gian tuy nặng, trải nhiều kiếp khó thoát, nhưng nhờ vào sức niệm Phật khi lâm chung mà điên đảo, mê hoặc chẳng dấy lên, pháp tánh hiện tiền. Vì thế, có thể diệt tội. Do đó, kinh Hoa Nghiêm dạy: “Thiết văn Như Lai danh, cập dữ sở thuyết pháp, bất sanh tín giải, diệt năng thành chủng” (Nếu nghe danh hiệu của Như Lai và được Ngài thuyết pháp, dầu chẳng sanh tin hiểu, cũng có thể trở thành đạo chủng). Huống chi nay được quyền thuộc tín tâm vì người ấy xưng Phật danh, há lẽ nào chẳng diệt trừ ư? Ví như dùng gân sư tử làm dây đàn, vừa tấu lên, hết thấy các sợi dây đàn khác đều đứt. Cũng như các thứ sữa bò, dê, lừa, ngựa cùng đựng trong một bát, nếu lấy một giọt sữa sư tử nhỏ vào, các thứ sữa ấy đều hóa thành nước. Nay đã hành Bồ Đề tâm, vì người ấy niệm Phật, tiêu diệt trọng tội, còn nghi chi nữa!

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

**3.2.4.1.2.3.2.2.3. Huống hồ tự xưng phước tội (huống hồ tự xưng sẽ diệt tội, được phước)**

**(Kinh) Hà huống chúng sanh tự xưng, tự niệm, hoạch phước vô lượng, diệt vô lượng tội.**

**(經)何況眾生，自稱自念，獲福無量，滅無量罪。**

**(Kinh: Huống hồ chúng sanh tự xưng, tự niệm, đạt phước vô lượng, diệt vô lượng tội).**

Đây là tổng kết bằng cách so sánh “huống hồ”, nhằm khuyên mọi người tự niệm là thù thắng nhất. Do người khác niệm thay cho mà còn có thể diệt tội như thế, huống hồ chính mình tự niệm ư? Vì thế, Đại Luận, quyển thứ hai mươi bốn chép: “*Hỏi: Khi lâm chung, cái tâm ngắn ngủi trong lúc ấy vì sao có thể hơn hẳn hạnh lực suốt đời? Đáp: Tâm ấy tuy ít, nhưng sức mạnh mẽ, nhạy bén. Như lửa hoặc chất độc tuy ít, mà có thể thành đại sự. Cái tâm lúc sắp chết quyết định mạnh mẽ, cho nên hơn hẳn hạnh lực cả trăm năm. Đó là hậu tâm, là đại tâm, do bỏ thân và các căn là chuyện cấp bách, cho nên khi niệm Phật, tội đều trở thành phước. Như Kỳ Bà nhật lấy cỏ, không gì chẳng đều là thuốc, đều có thể trị lành bệnh. Thích Ma Nam<sup>196</sup> hễ cầm lấy hết thấy cát, sỏi, chúng đều biến thành chất báu, khắp tâm, đầy mắt, không gì chẳng phải là Phật cảnh. Thấy tội phước chính là Thật Tướng*”. Đã thuận là Thật Tướng, tìm tội phước còn chẳng thể được, còn bàn hữu lượng hay vô lượng chi nữa? Nay do thuận theo thế tục, cho nên nói là tự xưng, tự niệm, đạt được phước, diệt tội vượt xa trường hợp trước nhiều lần!

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú  
Quyển Hạ**

“*Nêu rõ trợ đạo để thành Phật*”: Đã xưng niệm danh hiệu Phật, chánh hạnh đã thành, cần gì lại phải nói bố thí là trợ đạo? Theo Đại Luận, nghiệp tạo lợi ích để chuyển biến sanh tử luân chuyển không gì hơn bố thí! Vì lẽ nào vậy? Người thích bố thí tiếng thơm lưu truyền, tám

---

<sup>196</sup> Thích Ma Nam chính là ngài Ma Ha Nam (Mahānāma-koliya), dịch nghĩa là Đại Hiệu, hay Đại Danh. Ngài là một trong năm vị đệ tử đầu tiên của đức Phật. Cha Ngài là chú của đức Phật.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

phương tin yêu, không ai chẳng yêu kính. Ở trong đại chúng, chẳng sợ hãi, hay gặp khó khăn. Khi chết không hối tiếc: “Ta đã dùng tài vật để gieo trồng ruộng phước tốt lành, ta nhất định sẽ đạt được niềm vui sướng trong cõi trời người, ta ắt đạt được Niết Bàn môn”. Không chỉ là có thể mở ra ba niềm vui mà thôi, lại còn là chỗ để có thể mở ra vô lượng Phật đạo.

Do Lục Ba La Mật là Phật đạo, Đản (Bồ Thí) là môn đầu tiên, các hạnh khác đều tùy thuận. Bồ thí như thế có vô lượng công đức; vì thế, đức Phật bảo: “*Bồ thí là nhân duyên trợ đạo đầu tiên*”. Bởi lẽ, mạng người vô thường, tài vật như ánh chớp. Nếu kẻ khác chẳng xin, còn nên cho họ, huống hồ đã xin mà chẳng thí! Dùng sự ứng thí (bồ thí thuận theo lời thỉnh cầu) ấy làm nhân duyên trợ đạo; do vậy, cần phải so sánh cái duyên bồ thí, hòng giúp khơi mở Phật đạo.

#### ***3.2.4.2. Hiển trợ đạo thành Phật (nêu rõ trợ đạo để thành Phật)***

##### ***3.2.4.2.1. Phẩm đề (tựa đề của phẩm kinh này)***

***(Kinh) Giáo lượng bồ thí công đức duyên, phẩm đệ thập.***

***(經)較量布施功德緣，品第十。***

***(Kinh: Phẩm thứ mười: So sánh duyên công đức bồ thí).***

##### ***3.2.4.2.2. Phẩm văn (kinh văn trong phẩm này)***

##### ***3.2.4.2.2.1. Địa Tạng thỉnh giáo thí phước (ngài Địa Tạng thỉnh Phật so sánh phước bồ thí)***

##### ***3.2.4.2.2.1.1. Kinh gia tự nghi (người trùng tuyên kinh trần thuật)***

***(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, thừa Phật oai thần, tùng tòa nhi khởi, hồ quỳ, hiệp chưởng.***

***(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩，承佛威神，從座而起，胡跪合掌。***

***(Kinh: Lúc bấy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nương vào oai thần của đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, hồ quỳ, chấp tay).***

Ý nghĩa dễ hiểu.

##### ***3.2.4.2.2.1.2. Địa Tạng nghi thỉnh (ngài Địa Tạng thưa hỏi điều nghi)***

*(Kinh) Bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã quán nghiệp đạo chúng sanh, giáo lượng bố thí, hữu khinh, hữu trọng, hữu nhất sanh thọ phước, hữu thập sanh thọ phước, hữu bách sanh, thiên sanh thọ đại phước lợi giả, thị sự vân hà? Duy nguyện Thế Tôn, vị ngã thuyết chi”.*

**(經)白佛言：世尊！我觀業道眾生，校量布施，有輕有重，有一生受福，有十生受福，有百生千生受大福利者，是事云何？唯願世尊，為我說之。**

*(Kinh: Bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con quán nghiệp đạo chúng sanh, so sánh sự bố thí thì có nhẹ, có nặng, có người một đời hưởng phước, có người mười đời hưởng phước, có người trăm đời, ngàn đời hưởng đại phước lợi, chuyện ấy là như thế nào? Kính mong đức Phật hãy nói cho con).*

“*Nghiệp đạo*”: Các hạnh gây tội như sát sanh v.v... được gọi là Hắc Hắc Nghiệp (黑黑業) và Bất Thiện Nghiệp. Các hạnh tạo phước như bố thí v.v... được gọi là Bạch Bạch Nghiệp (白白業) và Thiện Nghiệp. Nay trong các thiện nghiệp, giảng rõ chuyện “*thí phước*” (phước do bố thí), cho nên nói “*ngã quán*” (con thấy). Bố Thí có nhiều loại: Tài Thí, Pháp Thí, Tục Thí, Đạo Thí. “*Khinh trọng giáo lượng*” (so sánh nặng nhẹ) như đã giải thích trong phần Luân Quán. Hai chữ “*thọ phước*” (受福, hưởng phước) chính là chuyện trọng yếu nhất trong thế gian và xuất thế gian, đều do bố thí mà đạt được. Lời hỏi này của Đại Sĩ thật là toa thuốc hay để thoát khổ, là pháp căn để thành Phật. Câu “*thị sự vân hà*” (chuyện ấy là như thế nào) chính là nghi vấn: Cái nhân bố thí như nhau, có sao hưởng phước khác nhau?

Hỏi: Ngài Địa Tạng thật sự không hiểu ư? Hay là vì chúng sanh [mà thưa hỏi]?

Đáp: Ngài thật sự biết, hay thật sự chẳng biết, phàm tình chẳng thể suy lường được! Nếu xét theo kinh Tạp Tạng, xưa kia có người đến chùa Ba La Đề Mộc Xoa, nhặt được hoa của cây Am La (Āmra, còn gọi là Am Ba La, tức hoa xoài), có màu như chất vàng. Cầm hoa ấy vào tháp Phật, thấy tướng hảo của tượng Thích Ca Mâu Ni Phật, liên tục nghĩ đến công đức của Phật, tâm sót sáng, rón cả lông tóc, liền đem hoa dâng lên



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Phật. Người ấy bước ra, hỏi một đạo nhân: “Dùng một đóa hoa rải lên Phật, được phước cỡ nào?” Đáp: “Chuyện sâu thẳm như vậy, tôi chẳng thể biết. Hãy nên hỏi người đọc kinh”. Người ấy liền đi hỏi, được trả lời: “Tôi không có thần thông Thiên Nhân, chẳng thể thấy biết quả báo. Ông hãy nên hỏi bậc La Hán tọa Thiên có sáu môn thần thông”. Người ấy liền đến hỏi, A La Hán bèn vì người ấy quán tướng, thấy người ấy xả thân này, sẽ lần lượt thọ thân phước đức trên trời và trong loài người, cho đến tám vạn đại kiếp, phước vẫn chưa hết. Qua khỏi số ấy, lại chẳng thể biết. Liền sai hóa nhân đến chỗ đức Di Lạc, hỏi người ấy đắc quả báo cỡ nào? Đức Di Lạc bảo: “*Không thể biết! Dầu hàng Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát nhiều như cát sông Hằng còn chẳng thể biết, huống hồ một mình ta! Đức Phật có vô lượng công đức, phước điền hết sức tốt lành, đủ mọi quả báo vô tận. Đợi cho đến khi ta thành Phật trong tương lai thì mới có thể biết được!*” Theo đó, dầu đức Địa Tạng thật sự chẳng biết, ai dám nói “chẳng phải vậy”. Vì thế, Ngài ngưỡng mong đức Thế Tôn hãy vì Ngài nói ra, khiến cho đời sau biết phước bố thí là như thế nào!

***3.2.4.2.2.2. Như Lai đối chúng giáo lượng (Như Lai đối trước đại chúng so sánh)***

***3.2.4.2.2.2.1. Giới thính hứa thuyết (răn dạy hãy nghe, hứa nói)***

***(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát: - Ngô kim ư Đao Lợi thiên cung, nhất thiết chúng hội, thuyết Diêm Phù Đề bố thí, giáo lượng công đức khinh trọng. Nhữ đương đế thính, ngô vị nhữ thuyết.***

***(經)爾時佛告地藏菩薩：吾今於忉利天宮，一切眾會，說閻浮提布施，較量功德輕重。汝當諦聽，吾為汝說。***

***(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: - Ta nay ở trong hết thảy đại chúng tụ hội trên cung trời Đao Lợi, nói so sánh công đức nặng nhẹ của bố thí trong Diêm Phù Đề. Ông nên lắng nghe, ta sẽ vì ông nói).***

Đây là đáp thẳng vào lời hỏi. Do người Diêm Phù Đề có thể hành bố thí, ắt được quả báo sanh lên trời, cho nên đức Phật đối trước đại chúng nơi thiên cung, nói công đức bố thí nặng hay nhẹ. “*Đương đế thính*” (hãy nên lắng nghe): Nghiệp bố thí chính là nguồn cội của các

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

hạnh. Hơn nữa, tài vật vô thường, năm nhà<sup>197</sup> tranh đoạt. Phàm ngu keo kiệt, chẳng có tâm xả, khiến cho vợ con trừng mắt, anh em bất hòa, quyến thuộc chống đối, xa lìa, thân bằng xa cách, tuyệt giao. Tội khiên dường ấy quả thật là do keo tham làm gốc. Vì thế, cần phải chắc thật nghe ta tuyên nói phước bố thí.

#### ***3.2.4.2.2.2.2. Nhân nghi nguyện văn (do nghi mà mong nghe nói)***

***(Kinh) Địa Tạng bạch Phật ngôn: “Ngã nghi thị sự, nguyện nhạo dục văn”.***

**(經)地藏白佛言：我疑是事，願樂欲聞。**

***(Kinh: Ngài Địa Tạng bạch cùng đức Phật: “Con nghi chuyện ấy, mong thích được nghe”).***

#### ***3.2.4.2.2.2.3. Chánh thân giáo lượng (giảng rõ sự so lường)***

##### ***3.2.4.2.2.2.3.1. Chánh giáo (phân so lường)***

##### ***3.2.4.2.2.2.3.1.1. Vương thần thí phước (phước bố thí của vua quan)***

##### ***3.2.4.2.2.2.3.1.1.1. Chánh giáo đa thiếu (so sánh nhiều ít)***

##### ***3.2.4.2.2.2.3.1.1.1.1. Thí ty liệt căn khuyết phước (phước do thí cho kẻ hèn kém, tàn tật)***

##### ***3.2.4.2.2.2.3.1.1.1.1.1. Minh thí nhân tôn (nói rõ sự tôn quý của người thí)***

##### ***3.2.4.2.2.2.3.1.1.1.1.1.1. Năng thí chủ (vị thí chủ có thể bố thí)***

***(Kinh) Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát: - Nam Diêm Phù Đề, hữu chư quốc vương, tể phụ, đại thần, đại trưởng giả, đại Sát-lợi, đại Bà-la-môn đẳng.***

**(經)佛告地藏菩薩：南閻浮提，有諸國王，宰輔大臣，大長者，大刹利，大婆羅門等。**

***(Kinh: Đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: - Nam Diêm Phù Đề có các quốc vương, tể phụ, đại thần, đại trưởng giả, đại Sát-lợi, đại Bà-la-môn v.v...)***

---

<sup>197</sup> “Năm nhà” là vua chúa, đạo tặc, nước, lửa và con cái hư hỏng. Các tài vật, gia sản dễ dàng bị vua chúa, đạo tặc cướp đoạt, bị tàn phá, hủy hoại bởi tai nạn nước hay lửa, hoặc bị phá tán bởi con cái hư hỏng.



### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

suy nhược, già bệnh). Lại nữa, lưng gù là Lung, như Châu Công gù lưng. Lại nữa, bàng quang chẳng hoạt động đúng cách (bí tiểu), cũng gọi là Lung. “Tàn” (殘) là các chi thể chẳng đầy đủ. “Ám á” (瘡痍, rứt lười, câm) là miệng chẳng thể nói. “Lung” (聾, điếc) là chẳng nghe được. “Si” (癡) thì chẳng phân biệt. “Vô mục” (không có mắt) sẽ chẳng thấy vật. Họ là những kẻ đáng thương nhất trong loài người. Đây là do đời trước thấy người đến xin bèn nhăn nhó, cau có, ác khẩu chửi bới, hoặc có lúc roi, vọt, hoặc tự mình chẳng tin bố thí, thấy người khác bố thí chẳng thể tùy hỷ, ngược ngạo sanh lòng hủy báng, chê gièm, khiến cho kẻ ấy chẳng tin vào bố thí. Hoặc tài vật trong nhà là do vợ con cùng cảm vời, nhiều người có phần, chính mình phạm lỗi keo kiệt, độc chiếm để sử dụng, chẳng chịu bố thí rộng rãi, chướng ngại người khác tu phước, ác sâu, tội nặng, cho nên cảm quả báo này. Kinh dạy: “*Yếu quán tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Yếu tri hậu thế quả, kim sanh tác giả thị*” (Muốn thấy cái nhân trong đời trước thì những gì phải hứng chịu trong đời này chính là nó. Muốn biết cái quả trong đời sau, những gì đã làm trong đời này chính là nó). Phước báo như ảnh [theo hình], như tiếng vang [ứng theo âm thanh], chớ nên không biết!

**3.2.4.2.2.3.1.1.1.2. *Hiện thí phước thắng*** (nêu rõ phước thù thắng do bố thí)

**3.2.4.2.2.3.1.1.1.2.1. *Chánh minh năng thí từ bi*** (nói rõ do lòng từ bi có thể bố thí)

*(Kinh) Thị đại quốc vương đẳng, dục bố thí thời, nhược năng cụ đại từ bi, hạ tâm hàm tiểu, thân thủ biến bố thí, hoặc sử nhân thí, nhuyển ngôn ủy dụ. Thị quốc vương đẳng sở hoạch phước lợi, như bố thí bách Hằng hà sa Phật công đức chi lợi.*

**(經)是大國王等，欲布施時，若能具大慈悲，下心含笑，親手徧布施，或使人施，輒言慰喻。是國王等所獲福利，如布施百恆河沙佛功德之利。**

---

(Điền Văn) nước Tề, Bình Nguyên Quân (Triệu Thắng) nước Triệu, Tín Lăng Quân (Ngụy Vô Kỵ) nước Ngụy, và Xuân Thân Quân (Hoàng Yết) nước Sở.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Hàng đại quốc vương, đại thân v.v... ấy khi muốn bố thí, nếu có lòng đại từ bi, rủ lòng mỉm cười, tự tay bố thí trọn khắp, hoặc sai người khác thí, dùng lời mềm mỏng an ủi, phủ dụ, thì hàng quốc vương, đại thân v.v... ấy đạt được phước lợi như lợi ích do công đức bố thí một trăm Hằng hà sa Phật).

“*Cụ đại từ bi*” (có lòng đại từ bi): Nêu ra cái gốc của bố thí. Dùng cái vốn sẵn có để ban vui, dẹp khổ thì là Cụ (具, sẵn đủ). Hướng đến chuyện làm lành, bố thí là Năng (能, có thể). Chẳng chọn lựa cao, thấp là Đại. Kinh Tu Đạt Đa dạy: “*Nãi chí u nhất chúng sanh hành u từ bi, chí cấu ngưu khoảnh, thử đắc phước đa*” (Cho đến đối với một chúng sanh mà thể hiện lòng từ bi, dầu chỉ trong khoảng thời gian chừng bằng vắt sữa bò, sẽ đạt được nhiều phước). Đây là có thể điều phục cái tâm, từ bi xót thương chúng sanh, làm bất cứ điều gì cũng đều thành đại thiện. Nếu chấp tướng để tu phước thì trong tâm thô thấp, bề ngoài vi tế, chỉ thành tạp nghiệp (các nghiệp xen tạp, chẳng phải là thuần thiện nghiệp)!

Từ chữ “*hạ tâm*” (rủ lòng) trở đi hiển thị chỗ thể hiện lòng từ bi. “*Hạ tâm*” tức là chẳng màng thân phận tôn quý đến chỗ kẻ kém hèn. “*Hàm tiếu*” (mỉm cười): Thể hiện hỷ xả, không có lòng keo tiếc. Kinh Địa Trì nói: “*Nhược thí hạ lưu, bất khởi khinh tướng*” (Nếu thí cho kẻ thấp kém, chẳng dấy lên ý tưởng khinh thường) là nói đến chuyện này. “*Thân thủ*” (tự tay trao cho): Quên mình phú quý, thương xót những kẻ bần tiện mà bố thí. Như đức Phật bảo ông Tu Đạt: “*Ứng chí tâm thí, tín tâm thí, tùy thời thí, tự thủ thí, như pháp thí*” (Hãy nên chí tâm bố thí, do tín tâm mà bố thí, thí bất cứ lúc nào, đích thân bố thí, thí đúng pháp).

“*Nhuyễn ngôn ủy dụ*” (dùng lời lẽ mềm mỏng an ủi, phủ dụ) bao gồm hai ý:

- Một là khi sai kẻ khác thay mình bố thí, bèn dùng lời lẽ mềm mỏng an ủi, khuyên dụ: “*Hãy vì ta mà bố thí cho khéo, đừng khinh mạn*”. Hai là tự mình thí, hay sai người khác thí, đều dùng lời lẽ mềm mỏng để an ủi, khuyên dụ người trước. Đó gọi là “*chỉ mong nhân giả, đừng sanh tâm oán hận*”.

Kinh Xứ Thai dạy: “*Cúng dường chư phước điền, bất tuyền tất hiển thánh, hành thí tác phước nghiệp, bất tuyền trạch cao hạ. Thử phước thánh sở thí, tối tôn vi đệ nhất*” (Cúng dường các phước điền, chẳng cần phải chọn đối tượng được thí phải là bậc hiển thánh. Bố thí, tạo phước nghiệp, chẳng lựa chọn cao, thấp. Phước ấy ví như bố thí cho

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

bậc thánh, là tôn quý bậc nhất). Vì thế, đạt được lợi ích giống như công đức bố thí một trăm Hằng hà sa Phật, do cái tâm bình đẳng không phân biệt. Như cư sĩ Duy Ma bảo trưởng giả Thiện Đức: “*Nhược thí chủ đẳng tâm thí nhất tối hạ khát nhân, do như Như Lai phước điền chi tướng, vô sở phân biệt, đẳng u đại bi, bất cầu quả báo. Thị tắc danh viết cụ túc pháp thí*” (Nếu thí chủ dùng cái tâm bình đẳng thí cho một kẻ ăn mày hèn kém nhất giống hết như tướng phước điền của Như Lai, chẳng hề phân biệt, đại bi bình đẳng, chẳng cầu quả báo. Đó gọi là “trọn đủ pháp thí”), phù hợp khít khao với đoạn kinh văn này.

**3.2.4.2.2.3.1.1.1.2.2. Chuyển thích sở thí ty liệt** (giải thích sự hèn kém của người được thí)

*(Kinh) Hà dĩ cố? Duyên thị quốc vương đẳng, u thị tối bản tiện bối, cập bất hoàn cụ giả, phát đại từ tâm. Thị cố phước lợi hữu như thử báo, bách thiên sanh trung, thường đắc thất bảo cụ túc, hà hưởng y thực, thọ dụng?*

**(經)何以故？緣是國王等，於是最貧賤輩，及不完具者，發大慈心。是故福利有如此報，百千生中，常得七寶具足，何況衣食受用？**

*(Kinh: Vì sao vậy? Vì những vị quốc vương ấy, đối với kẻ bản tiện nhất, và những người tàn khuyết, đã phát tâm đại từ. Vì thế, có phước lợi báo ứng như thế, trong trăm ngàn đời, thường được bảy báu trọn đủ, hưởng hồ là áo cơm, các sự hưởng thụ u?)*

Phần đầu của đoạn kinh văn này chỉ rõ: Bố thí đúng pháp. Từ chữ “*thị cố*” (vì thế) trở đi, chỉ rõ: Đạt được quả báo thù thắng. Kinh Địa Trì nói: “*Bồ Tát tự lượng tài vật đa thiếu, tùy kỳ sở ưng, nhi hành huệ thí. Kiến lai cầu giả, hữu nhị chủng nhân: Nhất giả, phi thị bản hạ, cô độc, vô sở y hỗ. Nhị giả, bản khổ, cô quỳnh, hạ tiện, vô sở y hỗ. Tác thị niệm ngôn, nhược ngã tài đa, đương linh câu túc. Nhược tài thiếu giả, tiên đương châu cấp bản khổ hạ tiện vô y thị giả*” (Bồ Tát tự cân nhắc tài vật nhiều hay ít, thuận theo lẽ thích đáng để bố thí rộng rãi. Thấy những người đến xin có hai hạng người: Một, chẳng phải là kẻ nghèo túng, hèn kém, cô độc, không nơi nương tựa. Hai là kẻ nghèo khổ, trợ trợ, hèn kém, không nơi nương tựa. Nghĩ như thế này: “Nếu ta có nhiều tài vật,

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

sẽ làm cho ai nấy đều được trọn đủ. Nếu tài vật ít, trước hết hãy nên châu cấp cho kẻ nghèo khổ, hèn kém, không nơi nương tựa”). Đây là lòng Từ riêng hướng về chúng sanh khổ não để bố thí, châu cấp. Vì thế, đạt được phước báo trong trăm ngàn đời, bảy báu tôn quý còn có thể thường được trọn đủ, huống hồ những thứ thọ dụng cơm áo tầm thường ư?

Ấy là vì người hành bố thí có trí hay ngu sai khác, cảnh bố thí có bi và kính khác biệt. “*Bi*” là nghèo khổ, “*kính*” là Tam Bảo. Bi thì ruộng phước kém, nhưng tâm thù thắng. Kính thì ruộng phước thù thắng, nhưng tâm kém hơn. Nếu xét theo tâm thù thắng, thì thí Phật (cúng dường Phật) không bằng thí cho người nghèo. Vì thế, kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: “*Hữu chư chúng sanh, kiến tha tụ tập, tác chư phước nghiệp, dẫn cầu danh văn, khuynh gia tài vật, dĩ dụng bố thí, cấp kiến bản khổ, cô cùng, ha mạ, khu xuất, bất tế nhất hào, danh vi điền đảo tác thiện, bất chánh tác phước. Như thử nhân đẳng, thậm khả lân mãn, dụng tài thậm đa, hoạch phước thậm thiếu*” (Có các chúng sanh, thấy họ tụ tập, làm các phước nghiệp, chỉ mong được tiếng, dóc sạch tài vật trong nhà để bố thí, và thấy kẻ nghèo, khổ, cô độc, cùng quẫn, bèn chửi mắng, xua đuổi, chẳng giúp đỡ mảy may. Đó gọi là làm lành điền đảo, làm phước bất chánh. Những kẻ như thế, rất đáng thương xót, dùng tài vật thật nhiều, được phước cực ít). Nay đã sanh lòng thương xót đối với bi điền, tự nhiên phước báo do bố thí sẽ kéo dài trong nhiều đời sau!

***3.2.4.2.2.3.1.1.1.2. Thí tháp tự, thánh tượng phước (phước do bố thí nơi chùa tháp, thánh tượng)***

***3.2.4.2.2.3.1.1.1.2.1. Năng sở thí (người thí và đối tượng được thí)***

***(Kinh) Phục thứ Địa Tạng! Nhược vị lai thế, hữu chư quốc vương chí Bà-la-môn đẳng, ngộ Phật tháp tự, hoặc Phật hình tượng, nữ chí Bồ Tát, thanh văn, Bích Chi Phật tượng, cung tự doanh biện, cúng dường, bố thí.***

**(經)復次地藏! 若未來世, 有諸國王至婆羅門等, 遇佛塔寺, 或佛形像, 乃至菩薩, 聲聞, 辟支佛像, 躬自營辦, 供養布施。**

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** *Lại này Địa Tạng! Nếu trong đời vị lai, có các quốc vương cho đến Bà-la-môn v.v... gặp tháp, chùa thờ Phật, hoặc hình tượng Phật, cho đến tượng Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật, cung kính tự lo liệu cúng dường, bố thí*).

Trước tiên, [kinh văn nói về] người hành bố thí. Từ “ngộ Phật tháp” (gặp tháp thờ Phật) trở đi, chính là “thí điền” (ruộng thí, tức đối tượng để bố thí). Tháp chứa xá-lợi, chùa thờ thánh tượng. Phước báo do trang hoàng hay tạc tượng đã được nói cặn kẽ trong các kinh luận. Nay gặp tượng bèn cúng dường, vun bồi phước nơi kính điền (đời Đông Tấn, một viên quan nổi danh là Đào Khản, tự Sĩ Hành, trấn nhậm Nam Hải. Có người đánh cá mỗi tối thấy bãi biển tỏa sáng; do vậy, bèn bảm báo với Đào Khản, xin cho người đi tìm. Bỗng thấy tượng vàng dập dềnh bên bờ. Kiểm bài minh khắc trên lưng tượng, thì ra là tượng Văn Thù Bồ Tát do A Dục Vương tạo. Xưa kia, vua A Dục thống lãnh châu này, học theo Quỷ Vương đặt ra tù ngục, tàn khốc quá sức. Ngài Văn Thù bèn hiện thân trong vạc, lửa bốc bùng bùng, nước trong vát, sanh ra hoa sen xanh. Tâm vua lãnh ngộ, ngay hôm ấy, hủy các ngục, tạo tám vạn bốn ngàn tháp, tạo lập hình tượng. Đó là lần thứ nhất [Bồ Tát ứng hiện]. Samôn Huệ Viễn cung thỉnh tượng về thờ trên gác tại chùa Đông Lâm. Cuối đời Tùy, giặc giã nổi lên. Một vị lão tăng [tính đi lánh nạn], đến bái biệt tượng, tượng nói: “Ông tuổi đã già, cứ ở lại”. Khi ấy, giặc vào núi sục sạo tìm vàng. Ông Tăng nói: “Không có”. Giặc bèn lấy lửa nung. Ông Tăng nói: “Tăng bị nung chết, hôi thối bắn thủ chôn già-lam, sao bằng lôi ra ngoài chùa?” Giặc lôi ra ngoài, toan giết, ông Tăng nói: “Tuổi đã bảy mươi, chẳng phụ lời Phật dạy”, bèn giữ chánh niệm, duỗi cổ, chờ chúng xuống đao. Giặc thấy sư duỗi cổ, liền chém xuống. Đao văng ngược lên, đâm vào tim thẳng giặc, mũi đao ló ra đằng lưng. Bọn giặc rùng rùng bỏ chạy, tới chỗ mộ ngài Huệ Viễn, khi ấy, trời đang sáng sủa, bỗng có mây đen kịt phủ xuống, sấm sét bủa bốn bề, đánh trúng sáu thẳng giặc. Do vậy, bọn giặc chẳng dám vào núi. Thụy tượng linh ứng, sao mà vôi vọi đến thế).

Theo Đại Trí Độ Luận chép, một vị tỳ-kheo hỏi đức Phật về chuyện xuất gia chứng quả của ngài Tôn Đà La Nan Đà (Sundarananda)<sup>199</sup>. Đức Phật bảo tỳ-kheo: “Sau khi Tỳ Bà Thi Phật nhập Niết

---

<sup>199</sup> Vị này chỉ có tên là Nan Đà, dịch nghĩa là Diễm Hỷ. Do thời ấy, trong các vị đệ tử đức Phật, có nhiều vị cùng có tên là Nan Đà, nên gọi theo tên vợ Ngài là Tôn Đà



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*Bàn, khi đó, Nan Đà làm một vị đại trưởng giả. Ở trong tháp miếu của một vị Bích Chi Phật, đã dùng màu xanh và phân đen tô tường, vẽ hình tượng Bích Chi Phật. Do vậy, phát nguyện đời đời sanh trong nhà tôn quý, thân tướng kim sắc, gặp Phật, đắc đạo. Từ đây, suốt chín mươi một kiếp, chẳng đọa ác đạo. Ở trên cõi trời, hay trong loài người, thân thể đoan chánh, có ba mươi tướng, tôn quý, quyền thế, phú quý. Ngày nay, sanh cùng thời với ta, xuất gia, đắc đạo”. Cúng thí Bích Chi Phật như thế, công đức còn được như vậy, huống hồ [cúng dường] tượng Bồ Tát ư? Huống hồ [cúng dường] tượng Như Lai ư? Sừng tê giác được ánh trăng chiếu vào còn sanh ra hoa văn, voi bị tiếng sấm kinh động, ngà sẽ nổi đóm. Đạo cảm ứng lẽ thường như thế, nếu gặp phước điền, há chịu để luống qua?*

**3.2.4.2.2.2.3.1.1.1.2.2. *Hiển sở thí phước (nêu rõ phước do bố thí)***

**3.2.4.2.2.2.3.1.1.1.2.2.1. *Tam kiếp thọ Đế Thích lạc (ba kiếp hưởng niềm vui làm Đế Thích)***

***(Kinh) Thị quốc vương đẳng, đương đắc tam kiếp vi Đế Thích thân, thọ thắng diệu lạc.***

***(經)是國王等，當得三劫為帝釋身，受勝妙樂。***

***(Kinh: Hàng quốc vương, đại thân v.v... ấy sẽ ba kiếp làm thân Đế Thích, hưởng sự vui sướng mâu nhiệm thù thắng).***

*“Các hàng quốc vương, đại thân v.v... gặp chùa, tháp, tượng Phật v.v... bèn cúng dường, cảm phước báo sanh làm Đế Thích, Phạm Vương”: Như đối với câu kinh văn Pháp Hoa “nhược nhân ư tháp miếu, họa tượng” (nếu có ai đối với tháp, miếu, tượng vẽ), [Trí Giả] đại sư đã dựa theo chuyện dùng các trần cúng dường để giảng rõ nghiệp sanh thiên. Vì thế, cảm báo sanh làm Đế Thích, Phạm Vương. Theo kinh Trung A Hàm, tỳ-kheo bạch Phật: “Do nhân duyên gì mà tên là Thích Đề Hoàn Nhân?” Đức Phật bảo tỳ-kheo: “Bốn vi nhân thời, Sa-môn, Bà-la-môn bản cùng khốn khổ, thí dĩ ẩm thực, tiền tài, đặng minh đặng.*

---

La, thành ra Tôn Đà La Nan Đà để dễ phân biệt. Vị này là con thứ hai của vua Tịnh Phạn, là em cùng cha khác mẹ của đức Phật. Thân Ngài cao một trượng năm thước bốn tấc (đức Phật cao một trượng sáu thước), hình dung đoan chánh, có ba mươi tướng, chỉ thiếu tướng bạch hào và trái tai rủ xuống vai. Sau khi Phật thành đạo, đã độ vị này xuất gia, đắc quả A La Hán.

### *Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

*Dĩ kham năng cố, danh Thích Đệ Hoàn Nhân*” (Do lúc ông ta làm người, đối với các Sa-môn và Bà-la-môn nghèo túng, khốn khổ, đã thí thức ăn, tiền tài, đèn chiếu sáng v.v... Do có thể kham làm chuyện ấy, nên tên là Thích Đệ Hoàn Nhân). Nay đã cúng thí hình tượng Phật v.v... ắt sẽ cảm báo sanh [làm Đệ Thích] chẳng nghi!

“*Tam kiếp*” là ba tiểu kiếp. Dựa theo nhân để cảm, chỉ có đức Phật có thể biết! “*Thọ thắng diệu lạc*” được chép tường tận trong phẩm Đạo Lợi Thiên của kinh Thê Ký. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Tam thập tam thiên thọ ngũ dục lạc, dụ như Kim Luân Vương sở thọ chi lạc, tỷ u thiên lạc, thập lục phần trung bất cập nhất*” (Tam Thập Tam Thiên (trời Đạo Lợi) hưởng sự vui sướng ngũ dục, ví như đem sự vui sướng mà Kim Luân Vương được hưởng so với niềm vui trên cõi trời thì chẳng bằng một phần mười sáu).

#### **3.2.4.2.2.3.1.1.2.2.2. Thập kiếp vi Đại Phạm Vương (mười kiếp làm Đại Phạm Vương)**

*(Kinh) Nhược năng dĩ thử bố thí phước lợi, hồi hướng pháp giới.*

**(經)若能以此布施福利，迴向法界。**

*(Kinh: Nếu có thể đem phước lợi bố thí ấy hồi hướng pháp giới).*

Hễ tu hành, ắt phải hồi hướng, như tiếng vọng từ [tù và làm bằng] sừng [trâu, bò] sẽ lớn, chén nước đổ vào biển sẽ chẳng cạn khô, vật nhỏ dâng lên vua sẽ được báo đáp nhiều. Vì thế, cần phải hồi hướng. Có ba ý:

- Một là hồi Sự hướng Lý; bởi lẽ, Lý trọn đủ thì mới có Sự dụng (khởi tác dụng nơi Sự). Nay hồi cái tâm này hướng đến Thật Tế.

- Hai là hồi Tự hướng Tha. Xưa kia đối với “Lý trọn khắp” bèn mê muội, chỉ dùng điều thiện để trang nghiêm bản thân. Nay thuận theo bản tánh, hồi hướng chúng sanh.

- Ba là hồi Nhân hướng Quả. Điều thiện mảy may nơi ba nghiệp đều thành duyên nhân và liễu nhân. Nhân ắt hiển quả, đồng quy Tam Đức rốt ráo.

Từ ngữ Đạt Ma Đà Đô (Dharmadhātu) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Pháp Giới. Nay xoay chuyển những gì ta đã tu hướng về pháp giới, như kinh dạy: “*Thiết duy ngã sở tu, thí đẳng chư thiện căn,*

***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*giai y pháp giới lưu. Thị chư Phật sở hành”* (Chỉ đem thiện căn của những gì ta đã tu như Thí, Giới v.v... đều lưu nhập pháp giới, thì là sở hành của chư Phật). Theo Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa, đó chính là mười pháp giới, Thể của chúng là Tam Đế. Do con số Mười đều y theo pháp giới, ngoài pháp giới chẳng còn có pháp nào nữa. Gộp gộp chung Năng và Sở lại, cho nên nói là “*mười pháp giới*”. Hồi Sự hướng Lý tức là Chân Đế Không giới, vì mười pháp giới đều là Không. Hồi Tự hướng Tha, tức là Tục Đế Giả giới, vì mười pháp giới đều là Giả. Hồi Nhân hướng Quả, tức là Trung Đế Trung giới, vì mười pháp giới đều là Trung. Do vậy biết “*mười*” đều chính là pháp giới, gồm thâu hết thảy các pháp. Ngài Thanh Lương nói “*pháp giới chính là bản thể nơi thân tâm của hết thảy chúng sanh*”. Không tức là Giả và Trung, chẳng phải là một, hai, ba, thống nhiếp vạn hữu, chính là nhất tâm. Vì thế, cần phải hồi hướng pháp giới.

***(Kinh) Thị đại quốc vương đẳng u thập kiếp trung, thường vi Đại Phạm thiên vương.***

**(經)是大國王等於十劫中，常為大梵天王。**

***(Kinh: Những người như vị đại quốc vương ấy trong mười kiếp thường làm Đại Phạm thiên vương).***

Tiếp đó là nói tới quả báo cảm vời. “*Đại quốc vương đẳng*” (những người như vị đại quốc vương v.v...) là nói đến người thí. Do khéo tu bố thí, chẳng tham chấp chuyện ấy. Vì thế, chuyện bố thí tuy giống nhau, nhưng quả báo do bố thí khác nhau, vì hồi hướng và không hồi hướng [khác biệt]. “*Mười kiếp làm Đại Phạm thiên vương*”: Theo A Tỳ Đàm Luận, trời Sơ Phạm thọ nửa kiếp, Phạm Phước Lôu Thiên thọ một kiếp. Đại Phạm thọ một kiếp rưỡi. Theo Pháp Uyển Châu Lâm, trong Dục Giới thọ một kiếp, tức là tiểu kiếp. Thọ kiếp của ba tầng trời thuộc Sơ Thiên là trung kiếp. Thọ kiếp từ Nhị Thiên trở lên là một đại kiếp. Theo đó, mười kiếp [trong đoạn kinh văn] này là trung kiếp, lần lượt hưởng phước trong Phạm Thiên của Sắc Giới Thiên. Đại Luận nói: “*Tâm thanh tịnh bậc nhất, cho nên sanh trong Đại Phạm Thiên*”. Trung A Hàm nói bốn thứ phạm phước (phước báo nơi các tầng trời có chư Phạm Chúng, Phạm Phụ, Đại Phạm v.v...) Nếu có ai tin tưởng, có thể

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

dựng thâu-bà (Stūpa, tháp)<sup>200</sup>, sẽ là loại phước thứ nhất sanh trong Phạm Thiên. Nếu có ai tu bồ chùa cũ, sẽ là loại phước thứ hai sanh trong Phạm Thiên. Nếu ai có thể hòa hợp thánh chúng, sẽ là loại phước thứ ba sanh trong Phạm Thiên. Nếu đức Phật chuyển pháp luân đầu tiên, chư thiên hoặc người đời khuyến thỉnh, sẽ là loại phước thứ tư sanh trong Phạm Thiên. Tỳ-kheo bạch rằng: “Phước trong Phạm Thiên rốt cuộc là bao nhiêu?” Đức Phật dạy: “*Tất cả công đức của chúng sanh trong cõi Diêm Phù, tính lần lượt như thế, từ phước của Tứ Thiên Hạ (nhân gian) cho đến Tha Hóa Tự Tại Thiên đều chẳng bằng phước của một vị Phạm Thiên*”. Do vậy, biết là bố thí hồi hướng khác xa những loại bố thí trước đó. Nếu có thể tam luân (người bố thí, người nhận bố thí, và vật được bố thí) vốn vắng lặng, tứ tướng<sup>201</sup> vốn là Không, vô trụ sanh tâm, sanh tâm vô trụ, sẽ tương ứng với Bát Nhã, có thể trọn đủ Đản Ba La Mật. Vì thế nói: “*Không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất, không gì chẳng trở về pháp giới này*”, ắt thành Phật chẳng ngờ chi nữa!

**3.2.4.2.2.3.1.1.1.3. Thí tu bồ kinh tượng phước** (phước do bố thí để tu bồ kinh tượng)

**3.2.4.2.2.3.1.1.1.3.1. Minh tu nhân** (nói về tu nhân)

**3.2.4.2.2.3.1.1.1.3.1.1. Tự tu bồ kinh tượng** (tự tu sửa kinh tượng)

*(Kinh) Phục thứ Địa Tạng! Nhược vị lai thế, hữu chư quốc vương, chí Bà-la-môn đẳng, ngộ tiên Phật tháp miếu, hoặc chí kinh tượng, hủy hoại, phá lạc, nãi năng phát tâm tu bồ.*

**(經)復次地藏! 若未來世, 有諸國王, 至婆羅門等, 遇先佛塔廟, 或至經像, 毀壞破落, 乃能發心修補。**

*(Kinh: Lại này Địa Tạng! Nếu đời vị lai có các quốc vương, cho đến hàng Bà-la-môn v.v... gặp tháp miếu thờ Phật từ trước, cho đến kinh tượng bị hủy hoại, hư nát, rơi rớt, bèn có thể phát tâm tu bồ).*

---

<sup>200</sup> Tùy theo cách phiên âm theo từng thời đại mà chữ này có các âm đọc như Thâu Bà, Thâu Bà, Tháp Bà, Đâu Bà, Phù Đồ, Tốt Đồ Ba, Tổ Đồ Ba, Số Đẩu Bà, Số Thâu Bà, Tô Thâu Bà, Tư Thâu Bà v.v...

<sup>201</sup> Tứ tướng: Tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

Tốt Đồ Ba (Stūpa) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Miếu. Miếu (廟) có nghĩa là Mạo (貌), ý nói “phảng phất tướng mạo của Phật, Bồ Tát v.v...” Xét ra, tháp miếu có ba ý:

- Một là biểu thị sự thù thắng trong loài người.
- Hai là khiến cho người khác sanh lòng tin.
- Ba là để báo ân.

Vì thế, bảo tháp ản chứa quang minh, tinh xá tô vẽ hình tượng, tạo dựng thuyền bè trong biển khổ, là cội chánh cho tín căn, khiến người ta nhìn vào sẽ phát tâm, những kiến chấp liên quên bằng. Tăng phước, sanh thiện, chỉ có tháp miếu là hơn hết. Nay [tháp, miếu] bị hủy hoại, hư sụp, do năm tháng lâu xa, pháp giáo suy vi. Chùa, tượng tuy lập, phước do tôn kính hiềm thấy. Nếu không sửa sang, lâu ngày sẽ bị sụp đổ. Vì thế, cần phải phát tâm, dốc hết lòng thành tu bổ. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi dạy: “*Tạo tân bất như tu cố, tác phước bất như tỵ họa. Nhiên dục tu tạo, lý tu như pháp. Tạo tác tuy thiếu, đắc phước vô lượng. Nhược bất y pháp, túng đả vô ích*” (Tạo mới chẳng bằng sửa cũ. Làm phước chẳng bằng tránh họa. Nhưng muốn tu bổ hay tạo dựng, theo lý cần phải đúng pháp. Tạo tác tuy ít, được phước vô lượng. Nếu chẳng theo đúng pháp, dẫu làm nhiều, vô ích).

Kinh Bách Duyên chép một vị trưởng giả giàu to, sanh con đoạn chánh, đẹp đẽ đặc biệt, được người lẫn trời đều yêu kính. [Đứa con ấy] dần dần khôn lớn, thấy Phật, đắc A La Hán. [Đức Phật dạy]: “*Thử nhân quá khứ Tỳ Bà Thi Phật xá-lợi tháp tiểu hủy. Hữu đồng tử nhập tháp, kiến thử phá xứ, hòa nhan duyệt sắc, tập hoán chúng nhân, cộng đồ trị tháp, phát nguyện nhi khứ. Duyên thị công đức, cứu thập nhất kiếp bất đọa tam đồ, thiên thượng, nhân trung thọ phước vô cực. Kim trị ư ngã, xuất gia, đắc đạo*” (Đây là do trong đời quá khứ, tháp thờ xá-lợi của Tỳ Bà Thi Phật bị hư hoại đôi chút. Có một bé trai vào tháp, trông thấy chỗ hư nát ấy, vẻ mặt vui vẻ, kêu gọi mọi người cùng tô trát, sửa sang tháp, phát nguyện rời rời đi. Do công đức ấy, chín mươi một kiếp chẳng đọa vào tam đồ, thọ phước vô cực trên cõi trời và nhân gian. Nay gặp gỡ ta, xuất gia, đắc đạo).

Theo Tăng Kỳ Luật, đức Phật du hành đến nước Câu Tát La (Kosala), khi ấy, một Bà-la-môn đang cày, thấy đức Thế Tôn đi qua, bèn cầm roi trâu chống xuống đất, lễ Phật. Đức Phật trông thấy liền cười, tỳ-kheo bạch Phật: “*Vì sao Ngài cười?*” Đức Phật nói: “*Thị nhân kim lễ nhị Phật, lễ ngã, trượng hạ hữu Ca Diếp Phật tháp*” (Người này nay lễ hai

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

đức Phật, khi lễ ta, dưới cái roi ấy có tháp của Phật Ca Diếp). Các vị tỳ-kheo mong được trông thấy. Đức Phật bảo Bà-la-môn moi đất lên, đưa cho Ngài. Đức Phật liền hiện ra tháp bảy báu, cao một do-diên (yojana, do-tuần). Bà-la-môn trông thấy, liền bạch đức Phật: “Con họ Ca Diếp, là tháp Ca Diếp của con”. Ở ngay nơi ấy, đức Phật lập tháp Ca Diếp. Các tỳ-kheo bạch Phật: “Chúng con có được phép vun đất hay không?” Đức Phật bảo: “Hãy vun!” Ngài liền nói kệ rằng: “*Chân kim bách thiên đảm, trì dụng hành bố thí, bất như nhất đoàn nê, kính tâm trị Phật tháp*” (Trăm ngàn gánh vàng ròng, đem dùng để bố thí, chẳng bằng một viên bùn, tâm kính sửa tháp Phật). Khi ấy, đức Thế Tôn do tôn kính quá khứ Phật, liền tự làm lễ. Các tỳ-kheo cũng lễ. Đức Phật dạy: “*Nhân đẳng bách thiên kim, trì dụng hành bố thí, bất như nhất thiện tâm, cung kính lễ Phật tháp*” (Người lấy trăm ngàn vàng, đem dùng để bố thí, chẳng bằng một thiện tâm, cung kính lễ tháp Phật). Kinh Hoa Thủ chép: “*Nhược kiến tháp miếu hủy hoại, đương gia tu trị. Nhược nê, nhược khối, nãi chí nhất chuyên, chung bất thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề*” (Nếu thấy tháp, miếu hủy hoại, hãy nên tu sửa. Dù bùn, hay đất, cho đến một viên gạch, trọn chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề). Vì thế biết công đức tu bố tháp Phật và kính tượng chẳng thể nghĩ bàn!

#### **3.2.4.2.2.3.1.1.3.1.2. Khuyên bố thí kết duyên (khuyên bố thí kết duyên)**

*(Kinh) Thị quốc vương đẳng, hoặc tự doanh biện, hoặc khuyến tha nhân, nãi chí bách thiên nhân đẳng, bố thí kết duyên.*

**(經)是國王等，或自營辦，或勸他人，乃至百千人等，布施結緣。**

*(Kinh: Các vị quốc vương ấy, hoặc tự lo liệu thực hiện, hoặc khuyến người khác, cho đến trăm ngàn người cùng bố thí kết duyên).*

Quốc vương tự tu, khuyến người khác, có thể nói là “*biết tội phước sâu xa*”. Như trong Phật Thuyết Tự Ái Kinh, đức Phật bảo vua nước Xá Vệ rằng: “*Phù vi quốc vương, nghi hữu minh đạo, suất dân dĩ đạo, thỉnh cầu lai phước*” (Phàm là quốc vương, hãy nên có cách hướng dẫn sáng suốt, dùng đạo để hướng dẫn dân, thỉnh cầu phước cho mai sau). Vua bạch: “*Thành như Phật giáo, phù bất chủng tài, vô duyên*

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*hoạch kỳ quả” (Đúng như đức Phật đã dạy, nếu chẳng gieo bồi, chẳng có duyên để đạt được cái quả). Vì thế, kinh Chánh Pháp Niệm Xứ dạy: “Nhược hữu chúng sanh thức u phước điền, kiến hữu Phật tháp phong vũ sở hoại, nhược tăng phòng xá, dĩ phước đức tâm, đồ sức trị bổ. Phục giáo tha nhân, linh trị cố tháp. Mạng chung sanh Bạch Thân Thiên. Kỳ thân tiền bạch, nhập san hô lâm, dĩ chư thiên nữ ngũ dục tự ngu. Nghiệp tận thoái hoàn, nhược sanh nhân trung, kỳ thân tiền bạch” (Nếu có chúng sanh biết phước điền, thấy có tháp Phật bị gió mưa hư hoại, hoặc phòng ốc của Tăng [bị hư hoại], do cái tâm phước đức, bèn tô đắp, sửa sang. Lại dạy người khác sửa sang tháp cũ. Mạng chung sanh lên Bạch Thân Thiên, sắc thân trắng tươi, vào rừng san hô, cùng với các thiên nữ tự hưởng niềm vui ngũ dục. Nghiệp hết, lui xuống, nếu sanh trong loài người, sắc thân sẽ trắng tươi). Thành Thật Luận nói giống như vậy. Sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa, quyển thứ tư chép: “Tầng trời thứ tư là Không Hầu Thiên, có mười trụ xứ, trụ xứ thứ năm là Bạch Thân”. Sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa Thích Thiêm viết: “Phước [xây dựng, tu bổ] tháp nhiều nhất”. Màu trắng là màu gốc. Nay các vị như quốc vương v.v... là người bề trên tu hành thiện nghiệp, gió đức thổi khiến cỏ [phàm dân] đều rạp theo. Vua và dân cùng tu Thập Thiện, ta và người cùng cảm báo trong ngàn đời. Vì thế biết phước báo do bố thí giống như cầm bằng khoán nhận vật, chẳng sai lệch chùng bằng mảy tóc!*

***3.2.4.2.2.3.1.1.1.3.2. Hiện thí phước (nêu rõ phước do bố thí)***

***3.2.4.2.2.3.1.1.1.3.2.1. Tự tha thiên sanh vi vương (ta và người đều làm vua trong ngàn đời)***

***(Kinh) Thị quốc vương đẳng, bách thiên sanh trung thường vi Chuyển Luân Vương thân. Như thị tha nhân đồng bố thí giả, bách thiên sanh trung, thường vi tiểu quốc vương thân.***

***(經)是國王等，百千生中常為轉輪王身。如是他人同布施者，百千生中，常為小國王身。***

***(Kinh: Hàng quốc vương ấy trong trăm ngàn đời thường làm thân Chuyển Luân Vương. Những người khác cùng bố thí như thế, trong trăm ngàn đời thường làm thân tiểu vương).***

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Những người như quốc vương v.v... hành bồ thí, đáng lẽ phải tiền cao hơn, có sao lại cảm báo làm nhân vương? Như kinh Ngũ Đạo Tội Phước dạy: “*Nhân nhi hào quý, quốc vương, trưởng giả, tòng lễ sự Tam Bảo trung lai. Vì nhân đại phú, tài vật vô hạn, tòng bố thí trung lai. Có tri nhược bất u Phật pháp trung tu hành bồ thí, chung bất năng hoạch tư thắng báo*” (Người tôn quý hiển hách, quốc vương, trưởng giả là do lễ kính, phụng sự Tam Bảo mà ra. Làm người giàu to, tài vật vô hạn là do bố thí mà ra. Vì thế biết: Nếu chẳng tu hành bồ thí trong Phật pháp, sẽ trọn chẳng thể đạt được quả báo thù thắng ấy). Nay từ [thân phận] tiểu vương [trong hiện tại] mà cảm báo Chuyển Luân Thánh Vương [trong tương lai], từ thân dân chuyển thành thân tiểu quốc vương, địa vị đã cao sâu, phước cũng sâu dày vậy.

Sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa chép: “*Đều là do tán tâm trì giới, và do Từ tâm khuyên người khác làm phước. Vì thế, cảm báo làm bậc nhân chúa (vua, đế vương), phi hành hoàng đế<sup>202</sup>, bốn phương ngưỡng mộ đức, thân bảo (các báu vật của Chuyển Luân Vương) tự nhiên ứng hiện*”. Sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa Thích Thiêm viết: “*Luân Vương trước hết hành bảy pháp: Một là bố thí kẻ nghèo thiếu, hai là kính trọng những người dân hiếu thảo, nuôi nấng cha mẹ, ba là tứ thời bát tiết<sup>203</sup> đều tế lễ khắp bốn biển, bốn là luôn tu nhẫn nhục. Điều năm, sáu, bảy là trì tam độc. Sau đó là tám giới, trai giới, phát thệ thì thân bảo sẽ tự ứng hiện*”. Đại Luận chép: “*Trong hết thấy mọi người, Chuyển Luân Thánh Vương cao quý bậc nhất*”. Tiểu quốc vương như gạo rải khắp bốn phương, đều thuộc quyền thống trị của Kim Luân Vương. Vì thế, người có thể khuyên bảo người khác sẽ làm đại vương, những người được khuyên bảo sẽ làm tiểu vương. Hạnh xưa theo thân, phước báo như hình bóng, tiếng vang.

#### **3.2.4.2.2.3.1.1.3.2.2. Hồi hướng tận thành Phật đạo (hồi hướng trọn hết đều thành Phật đạo)**

---

<sup>202</sup> “Phi hành hoàng đế”: Theo Đinh Phước Bảo, Phi Hành Hoàng Đế là danh xưng khác của Chuyển Luân Thánh Vương, do nhà vua có thể dùng Luân Bảo để bay trên hư không.

<sup>203</sup> Tứ thời là Xuân, Hạ, Thu, Đông. Bát tiết là tám tiết khí trong Âm Lịch tức Lập Xuân, Xuân Phân, Lập Hạ, Hạ Chí, Lập Thu, Thu Phân, Lập Đông, và Đông Chí.



*(Kinh) Cánh năng ư tháp miếu tiền, phát hồi hướng tâm, như thị quốc vương, nữ cập chư nhân, tận thành Phật đạo, dĩ thử quả báo vô lượng, vô biên.*

**(經)更能於塔廟前，發迴向心，如是國王，乃及諸人，盡成佛道，以此果報無量無邊。**

*(Kinh: Lại có thể đối trước tháp, miếu, phát tâm hồi hướng thì quốc vương và những người như thế đều trọn Phật đạo, do quả báo ấy vô lượng vô biên).*

Quyên tặng tài vật để tu bổ tháp, chùa, lại nên hồi hướng là vì lẽ nào? Cần biết những việc đã làm trên đây đều là Sự Thí (bố thí về mặt Sự), cảm vơi quả báo nhân thiên, chẳng phải là cái nhân của Niết Bàn. Như Đạt Ma đại sư lúc đầu tới Đại Lương, Lương Vũ Đế hỏi: “Trẫm từ khi tức vị (lên ngôi) đến nay, đã dựng chùa, độ tăng, có công đức như thế nào?” Tổ Đạt Ma đáp: “*Thật sự chẳng có công đức gì! Đây là tiểu quả trong cõi trời, cõi người, là cái nhân hữu lậu*”. Vua hỏi: “Như thế nào mới là công đức chân thật?” Tổ Đạt Ma đáp: “*Tịnh trí diệu viên, Thế tự không tịch, công đức như thế, chẳng cầu nơi thế gian*”. Theo thâm ý ấy, ắt cần phải hồi Sự hướng Lý thì mới tương ứng với Thật Trí Bát Nhã. Vì thế biết tu bổ tháp, chùa, lại còn hồi hướng, cảm quả vượt thoát tam hữu (ba cõi), thành trọn ngũ trí. Do hồi hướng sẽ cảm quả báo chẳng thể lường, chẳng có ngần mé. Hồi hướng là đại lợi chính vì lẽ này vậy!

**3.2.4.2.2.3.1.1.1.4. Thí lão, bệnh, sản phụ phước (phước do bố thí người già, bệnh, và sản phụ)**

**3.2.4.2.2.3.1.1.1.4.1. Năng sở thí nhân (người bố thí và người nhận bố thí)**

*(Kinh) Phục thứ Địa Tạng! Vị lai thế trung, hữu chư quốc vương, cập Bà-la-môn đẳng, kiến chư lão bệnh, cập sanh sản phụ nữ.*

**(經)復次地藏！未來世中，有諸國王，及婆羅門等，見諸老病，及生產婦女。**

*(Kinh: Lại này Địa Tạng! Trong đời vị lai, có các quốc vương và hàng Bà-la-môn thấy những người già bệnh và phụ nữ sanh sản).*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Trong kinh Vô Thường, đức Phật bảo các bật-sô (tỳ-kheo): “*Hữu tam chủng pháp, u chư thế gian thị bất khả ái, thị bất quang trạch, thị bất khả niệm, thị bất xứng ý. Hà giả vi tam? Vị lão, bệnh, tử. Nhược lão, bệnh, tử thế gian vô giả, Như Lai bất xuất u thế, vị chư chúng sanh, thuyết sở chứng pháp, cập điều phục sự*” (Đối với các thế gian, có ba thứ pháp chẳng đáng yêu mến, chẳng tươi nhuận, chẳng đáng nghĩ tưởng, chẳng vừa ý. Những gì là ba? Chính là già, bệnh, chết. Nếu thế gian chẳng có già, bệnh, chết, Như Lai sẽ chẳng xuất thế vì các chúng sanh nói pháp đã chứng và thực hiện những chuyện điều phục). Vì thế, người già, bệnh, người sanh nở là bi điền đáng để gieo phước nhất. Già thì các căn đã rệu rã, hơi thở khò khè, ăn uống cần phải có người giúp. Già mà không con thì gọi là “*độc phu*” (獨夫, người đàn ông trơ trọi). Cõi Tây Thiên, ông [A Na] Bán Kỳ (Anāthapiṇḍada, trưởng giả Cấp Cô Độc) châu cấp họ trước tiên, Đông Độ thì Văn Vương thương xót họ trước hết, do họ không có chỗ nương tựa. Bệnh thì trăm lóng đốt đau buốt, mạng như chỉ mảnh treo chuông. Nếu không có người chăm sóc, tránh sao khỏi cái chết? Vì thế, đức Phật răn truyền: “*Khán bệnh vi đệ nhất phước điền*” (Chăm sóc người bệnh là phước điền bậc nhất). Lúc tại thế, Ngài cũng tự tuần hành các liêu phòng của Tăng chúng để chăm sóc người bệnh vì họ đáng thương xót. Sản phụ vừa mới sanh nở, chất bản đầy thân; nếu chẳng đúng thời cho họ ăn uống, mẹ lẫn con đều chết, khổ sở cùng cực! Vì vậy, đối với ba loại này, người có lòng nhân càng phải nên dầy lòng châu cấp.

#### **3.2.4.2.2.2.3.1.1.1.4.2. Sở thí nhân quả (nhân quả của sự bố thí)**

##### **3.2.4.2.2.2.3.1.1.1.4.2.1. Tu nhân**

(*Kinh*) *Nhược nhất niệm gian, cụ đại từ tâm, bố thí y dược, ẩm thực, ngọa cụ, sử linh an lạc.*

**(經)若一念間，具大慈心，布施醫藥，飲食，臥具，使令安樂。**

(*Kinh*: *Nếu trong một niệm trọn đủ lòng đại từ, bố thí thuốc men, thức ăn, đồ trải nằm, khiến cho họ yên vui*).

A Tỳ Đàm Luận giảng về thời khắc, bèn nói có mười hai tầng: Thứ nhất là sát-na (Kṣana), dịch sang tiếng Hán là “*nhất niệm*”, có thể

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

gọi là thời gian ngắn nhất. “*U thử cụ đại từ*” (trọn đủ lòng đại từ đối với những người ấy): Nếu luận định theo phương diện ban vui, thì lạc là điều hết thảy chúng sanh yêu mến, coi trọng, nhưng đã gặp bi phiền, hãy nên sanh lòng đại bi, có sao nói là “*đại từ*”? Như Đại Luận nói: “*Nếu nói đến Từ là đã nói đến bi, hỷ, và xả*”. Hơn nữa, Từ là vô lượng thật sự. Từ giống như vua, những điều còn lại như nhân dân. Vì sao vậy? Trước hết, do từ tâm, muốn cho chúng sanh được vui sướng. Thấy người khác chẳng được vui sướng, cho nên sanh bi tâm. Do Từ mà có thể trọn lòng bi, cho nên nói là Đại. Đã nói là “*nhất niệm*”, tức là “*đồng thể Từ*”. “*Y dược đẳng*” (thuốc men v.v...) là bốn thứ cần thiết trong cuộc sống của nhân dân, là nhu cầu cấp bách hằng ngày. Kẻ bệnh không có thuốc men, sẽ chẳng thể lành. Thân mạng mà không có thức ăn, sẽ chẳng thể duy trì được. “*Ngọa cụ*” là như mền, khăn trải giường, gối, đệm v.v... càng là những thứ người già bệnh hoặc sản phụ cần thiết. Y phục nên gộp trong ngọa cụ. Bồ thí như thế mới có thể khiến cho [những người ấy] thân an tâm vui. Do đó, Đại Luận nói: “*Nếu có ai đói khát, cho thức ăn đầy đủ, họ sẽ cảm ơn sâu đậm*”. Đức Phật nói bồ thí cho người đi đường xa, hoặc người từ xa đến, người bệnh, người chăm sóc bệnh nhân. Bồ thí đúng lúc [người khác] gặp các nạn trúng gió, cảm lạnh thì là “*thời thí*” (bồ thí đúng thời). Thí thuốc cho người bệnh, thí thức ăn cho người đói khát, sẽ dấy lên nhân duyên ít bị bệnh nghiệp. Vì thế, đạt được tướng “*lưỡng dịch hạ mãn*” (dưới hai nách đều vun đầy), được tướng “*tối thượng vị*” (ăn gì cũng trở thành vị ngon lành nhất). Do thí quần áo đẹp, ngọa cụ, vàng, bạc, trân bảo mà được thân tướng kim sắc, tướng da mỏng. Vì thế biết tướng nghiệp của Như Lai đều do bồ thí mà đạt được.

#### ***3.2.4.2.2.3.1.1.1.4.2.2. Hoạch quả (đạt được cái quả)***

***(Kinh) Như thị phước lợi, tối bất tư nghị. Nhất bách kiếp trung, thường vi Tịnh Cư thiên chúa, nhị bách kiếp trung, thường vi Lục Dục thiên chúa, tất cánh thành Phật, vĩnh bất đọa ác đạo, nãi chí bách thiên sanh trung, nhĩ bất văn khổ thanh.***

**(經)如是福利，最不思議。一百劫中，常為淨居天主，二百劫中，常為六欲天主，畢竟成佛，永不墮惡道，乃至百千生中，耳不聞苦聲。**

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Phước lợi như thể chẳng nghĩ bàn nhất. Trong một trăm kiếp, thường làm Tịnh Cư thiên chúa, trong hai trăm kiếp thường làm Lục Dục thiên chúa, rốt ráo thành Phật, vĩnh viễn chẳng đọa ác đạo, cho đến trong trăm ngàn đời, tai chẳng nghe tiếng khổ).

Bồ thí là phước, ắt đạt được ba điều lợi; vì thế nói là “*phước lợi*”. “*Tối bất tư nghị*” (chẳng nghĩ bàn nhất): Quân binh đi đầu là Tối, tức là người đầu tiên của tiền quân. Đây là nói trong những điều chẳng thể nghĩ bàn, điều này chẳng thể nghĩ bàn nhất. Nhưng Tát Bà Đa Luận<sup>204</sup> viết: “*Nhà cửa, ngoại cụ, thứ ăn, thuốc thang là pháp thế gian, chẳng phải là pháp là thế gian khó đạt được*”. Nay vì sao là chẳng thể nghĩ bàn nhất? Chính là do ngay trong lúc bồ thí, một niệm trọn đủ tâm đại từ, sẽ là căn bản để thành Phật, biết là sanh vào Dục Giới Thiên hay Sắc Giới Thiên, trước hết là hưởng báo vui sướng trong thế gian, rốt cuộc thành Phật thì phước do bồ thí mới kết thúc. Vì thế biết là chẳng thể nghĩ bàn nhất. Điều chánh yếu chính là câu “*tất cánh thành Phật*” (rốt ráo thành Phật). “*Trăm kiếp làm Tịnh Cư Thiên*”: Đại Luận nói: “*Từ tâm, tu tốt đẹp, khéo tu, phước tốt bậc là Biến Tịnh Thiên*”. Trong tam giới, trời Biến Tịnh là nơi vui sướng nhất, nên nói “*cực Biến Tịnh*” (Biến Tịnh Thiên là tốt bậc). Theo đó, đáng phải nên sanh trong ba cõi trời có chữ Tịnh (Thiếu Tịnh, Vô Lượng Tịnh, và Biến Tịnh) trong Sắc Giới Thiên, nay làm chúa trời cõi Tịnh Cư là vì lẽ nào? Do từ tâm, do thanh tịnh tâm mà bồ thí. Một trăm kiếp ở đây là nói đến đại kiếp.

“*Nhi bách kiếp vì Lục Dục thiên chúa*” (Hai trăm kiếp làm chúa trời Lục Dục): Theo Đại Luận, Chúng Sinh Duyên Từ là hữu lậu, chỉ duyên theo Dục Giới, cho nên cảm báo sanh trong Lục Dục Thiên. Nói “*hai trăm kiếp*” là nói theo tiểu kiếp.

Hỏi: Dục Giới Thiên nhiều lần gặp phải kiếp hỏa, sao có thể vĩnh viễn hưởng phước trong Lục Thiên cho được? Đáp: Theo kinh Trường A Hàm, tam tai hoại thế giới, nhưng chẳng hoại người. Theo thứ tự tu Thiên, sẽ sanh lên Sắc Giới. Khi Dục Giới Thiên đã hình thành, bèn trở lại lần lượt hưởng vui sướng trong ấy.

---

<sup>204</sup> Tát Bà Đa Luận có tên gọi đầy đủ là Tát Bà Đa Tỳ Ni Tỳ Bà Sa (Sarvāstivāda-Vinayavibhāṣā) là tác phẩm chú giải Thập tụng Luận theo quan điểm của phái Nhất Thiết Hữu Bộ. Tác phẩm này dịch sang tiếng Hán thành chín quyển, đã mất tên người dịch.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Hỏi: Cùng là một Từ tâm hành bồ thí, vì sao cảm báo khác biệt vời vợi như thế? Đáp: Khi hành bồ thí, lòng Từ có thù thắng và chẳng thù thắng, tâm có tịnh và bất tịnh. Vì thế, cảm Dục Giới hay Sắc Giới khác nhau, thọ mạng dài hay ngắn khác biệt! Như Đại Luận quyển ba mươi ba chép: “*Chưa lìa dục mà bồ thí, sanh làm kẻ phú quý trong loài người và trong Lục Dục Thiên. Nếu lìa dục tâm mà bồ thí, sanh lên Phạm Thế Thiên, cho đến trời Quảng Quả. Nếu lìa sắc tâm mà bồ thí, sanh trong Vô Sắc Thiên. Lìa tam giới để bồ thí, do vì Niết Bàn, bèn đắc Thanh Văn đạo. Khi bồ thí, chán ghét ồn ào, náo nhiệt, ưa chuộng nhàn tĩnh, sẽ đắc Bích Chi Phật. Khi bồ thí, khởi tâm đại bi, muốn độ hết thảy, trí huệ rất sâu, rốt ráo thanh tịnh bậc nhất, sẽ được thành Phật đạo*”. Pháp của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, tùy theo chúng sanh đáng độ [như thế nào] mà nói như thế ấy. Như thế núi [hùng vĩ] của ngàn quả núi chẳng sánh bằng ngũ nhạc, tiếng của muôn dòng chảy đều khuát lấp trong tiếng sóng biển. Chánh ý là “*rốt ráo thành Phật*” mà thôi! Trong khi bồ thí, chưa thành Phật, vĩnh viễn chẳng đọa trong tam ác đạo, thường hưởng phước trong đường trời, người. Trong trăm ngàn năm, tai chẳng nghe tiếng khổ, hưởng hồ thân phải trải qua ác đạo hay sao?

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “*Nhược kiến bệnh khốn, dư mạng vị tận, thí kỳ tương ảm, hoặc thí kỳ tài, dĩ tục bị mạng. Mạng chung, sanh Thâm Thủy Thiên, như Đế Thích khoái lạc. Tùng thiên mạng chung, bất đọa tam đồ, đắc thọ nhân thân. Tùng sanh chí sanh, bất tạo bệnh khổ, vô hữu não loạn*” (Nếu thấy người khốn khổ vì bệnh, mà mạng hãy còn chưa hết, bèn bồ thí nước trái cây, thức uống, hoặc bồ thí tiền bạc để duy trì tánh mạng kẻ đó. [Người bồ thí] mạng chung, sẽ sanh vào Thâm Thủy Thiên, vui sướng như Đế Thích. Từ cõi trời mạng chung, chẳng đọa vào tam đồ, được làm thân người. Từ đời này sang đời khác, chẳng mắc bệnh khổ, chẳng bị não loạn).

***3.2.4.2.2.3.1.1.2. Kết hướng thành Phật (tổng kết chuyện hồi hướng thành Phật)***

***3.2.4.2.2.3.1.1.2.1. Kết hồi thí báo (tổng kết quả báo do hồi hướng bồ thí)***

***(Kinh) Phục thứ Địa Tạng! Nhược vị lai thế trung, hữu chư quốc vương, cập Bà-la-môn đẳng, năng tác như thị bồ thí, hoạch phước vô lượng. Cánh năng hồi hướng, bất vấn đa thiểu, tất cánh thành Phật, hà huống Thích, Phạm, Chuyển Luân chi báo!***

**(經)復次地藏！若未來世中，有諸國，及婆羅門等，  
能作如是布施，獲福無量。更能迴向，不問多少，畢竟成佛  
，何況釋梵轉輪之報！**

*(Kinh: Lại này Địa Tạng! Nếu trong đời vị lai, có các quốc vương và Bà-la-môn v.v... có thể bố thí như thế, sẽ được phước vô lượng. Lại còn có thể hồi hướng, bất luận nhiều hay ít, sẽ đều rốt ráo thành Phật, huống hồ quả báo làm Đế Thích, Phạm Vương, Chuyển Luân Vương!)*

Kinh văn chia làm hai phần. Phần đầu tổng kết phước bố thí trên đây; từ chữ “*cánh năng*” (lại còn có thể) trở đi, tổng kết phần hồi hướng trước đó. “*Năng tác*” (có thể làm) ngụ ý: Chẳng thể không hành bố thí. Như trong kinh Hiền Ngu, trưởng giả Tu Đạt cùng ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) giảng dây đo đất để kiến tạo tinh xá, ngài Thân Tử hoan hỷ mỉm cười. Tu Đạt hỏi cười vì lẽ gì? Đáp: “*Nay ông mới bắt đầu đo đất ở đây, cung điện của ông trên Lục Dục Thiên đã hoàn thành*”. Ngài liền cho ông ta mượn đạo nhãn, liền thấy rành rành cung điện nghiêm tịnh trên Lục Dục Thiên. Lúc chuyển dây đo sang nơi khác, ngài Thân Tử lộ vẻ buồn thảm, ưu sầu. Hỏi: “*Vì sao lộ vẻ ưu sầu?*” Đáp: “*Ông có thấy những con kiến nơi đất này hay chăng?*” Thưa: “*Đã thấy*”. Ngài Thân Tử nói: “*Trong thời quá khứ, thuở Tỳ Bà Thi Phật, ông cũng tạo dựng tinh xá ở nơi đây, những con kiến ấy cũng sanh ở đây. Cho đến bảy vị Phật đã qua, ông đều vì mỗi vị Phật tạo dựng tinh xá, mà những con kiến ấy cũng sanh trong đó. Tới nay là chín mươi một kiếp, chúng nó cứ thọ một loại thân, chẳng được giải thoát!*” Sanh tử dài lâu, chỉ có phước là trọng yếu, chẳng thể không gieo! Đây chỉ là phước nhân thiên, vẫn ở trong vòng sanh tử. Nếu chẳng vì cầu phước báo nhân thiên cho chính mình, mà đều hồi hướng hết cho pháp giới chúng sanh, sẽ chẳng cần biết thí nhiều hay ít, đều rốt ráo thành Phật!

Câu “*hà huống*” nhằm nói rõ sự tương phản, tức là: Quả Phật mà còn có thể chắc chắn được thành, huống hồ những quả nhỏ nhất trong đường trời người như Đế Thích, Phạm Vương, Chuyển Luân mà chẳng thành tựu ư? Trong phần hạ của quyển bốn sách Diệu Pháp Liên Hoa Huyền Nghĩa có viết: “*Luân Vương là địa vị chúa tể của loài người, Đế Thích, Phạm Vương là địa vị thiên chúa, đều ước theo quả báo để nói rõ địa vị. Mỗi quả đã mang ý nghĩa hơn kém, tức là tu nhân ắt có cạn hay sâu!*”

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Kinh Ngũ Đạo Tội Phước nói: “Hiền giả hiếu bố thí, thiên thần tự phù tương. Thí nhất đắc vạn bội, an lạc thọ mạng trường. Kim nhật đại bố thí, kỳ phước bất khả lượng, giai đương đắc Phật đạo, độ thoát vô thập phương” (Người hiền chuộng bố thí, thiên thần ắt giúp cho. Thí một, báo vạn lần, an vui, thọ mạng dài. Nay bố thí rộng lớn, phước ấy chẳng thể lường, sẽ đều thành Phật đạo, độ thoát khắp mười phương). Quả báo chẳng thể nghĩ bàn!

**3.2.4.2.2.3.1.1.2.2. Sắc phổ khuyến học** (sắc truyền khuyên rộng khắp mọi người hãy học theo)

**(Kinh) Thị cố, Địa Tạng! Phổ khuyến chúng sanh, đương như thị học.**

**(經)是故地藏! 普勸眾生, 當如是學。**

**(Kinh: Vì thế, này Địa Tạng! Khuyên khắp chúng sanh hãy nên học như thế).**

“Đương như thị học” (hãy nên học như thế) mang ý nghĩa răn dạy, khích lệ, khuyên răn, ý nói: Ất phải nên khuyên trọn khắp chúng sanh hãy nên học theo cách bố thí hồi hướng trên đây. Như trong kinh Kiên Ý, đức Phật bảo ngài A Nan: “Quảng vị thuyết bố thí, chủng sanh tử lương. Thí như chủng cốc, tùy chủng nhi sanh. Vị hữu bất chủng nhi hoạch quả thật, chủng thiện đắc phước, phước tự quy thân” (Hãy vì mọi người mà rộng nói bố thí, hòng gieo tư lương cho sanh tử. Ví như trồng lúa, do gieo mà sanh ra gạo. Chưa hề có chuyện không gieo trồng mà thu hoạch quả hạt. Gieo thiện được phước, phước tự hợp về thân). Vì thế, đức Phật sắc truyền ngài Địa Tạng hãy khuyên trọn khắp chúng sanh: “Hãy nên học theo như thế”. Phần so sánh phước bố thí của vua, quan đã xong.

**3.2.4.2.2.3.1.2. Nam nữ thí phước** (phước bố thí của nam nữ)

**3.2.4.2.2.3.1.2.1. Tiêu Phật pháp trung phước lợi** (nêu ra phước lợi trong Phật pháp)

**(Kinh) Phục thứ Địa Tạng! Vị lai thế trung, nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, u Phật pháp trung, chủng thiểu thiện căn, mao, phát, sa, trần đẳng hứa, sở thọ phước lợi, bất khả vi dụ.**

**(經)復次地藏！未來世中，若善男子，善女人，於佛法中，種少善根，毛髮沙塵等許，所受福利，不可為喻。**

*(Kinh: Lại này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân gieo chút thiện căn trong Phật pháp, dẫu bằng mây lông, mây tóc, hạt cát, hạt bụi v.v... sẽ hưởng phước lợi chẳng thể sánh ví được).*

Vì sao trong Phật pháp, gieo [thiện căn] ít mà phước nhiều? Đại Luận nói: “Tuy có các thứ phước điền, Phật là phước điền bậc nhất, do vô lượng Phật pháp trọn đủ. Vì thế chỉ nói gieo [thiện căn] nơi Phật điền”. Do Phật điền mà có thể đạt được vô lượng quả báo, những ruộng phước khác tuy nói là vô lượng, nhưng đều kém hơn. Trong kinh Trường A Hàm, đức Phật bảo Bà-la-môn Cứu La Đàn Đầu (Kūṭadanta): “Thiên cấp thế gian nhân, duy Phật vi tối thượng, dục cầu đại phước giả, đương cúng dường Tam Phật” (Trong trời, người, thế gian, chỉ Phật là tối thượng, muốn cầu phước to lớn, nên cúng dường Chánh Giác). Ấy là vì chúng sanh trong vô thị thế giới, chẳng biết bố thí Tam Bảo; vì thế, đều tận diệt. Tam Bảo có vô lượng pháp, cho nên bố thí cũng bất tận, ắt đạt được Niết Bàn. Do vậy, kinh Đại Thừa nói: “Nhược u Phật, Pháp, Tăng, cúng dường nhất hương đặng, nữ chí hiến nhất hoa, tắc sanh Bất Động quốc” (Nếu nơi Phật, Pháp, Tăng, cúng dường một đèn, hương, thậm chí dâng một hoa, liền sanh cõi Bất Động). Cõi ấy thường trang nghiêm, không bị tam tai lay động. Ngài Diệu Lạc (tổ Kinh Khê Trạm Nhiên) nói: “Điều lành trong trời người đều có thể tạo thành nhân duyên”. Nay kinh này muốn thâm nhiếp những điều thiện bé tí từ vô thị đều hướng đến Bồ Đề. Nếu đã phát tâm, hễ có mây may điều thiện, không gì chẳng phải là duyên nhân (緣因). Nay bản nguyện của đức Địa Tạng nhằm khơi mở “điều thiện dẫu nhỏ nhoi cũng đều được phước” cho đời vị lai. “Bất khả dụ” (chẳng thể sánh ví): Chư Phật thành tựu vô tận công đức, cho nên gieo phước nơi các Ngài, phước cũng vô tận. Đại Luận viết: “Phật điền thanh tịnh, nhổ trừ những cỏ xấu phiền não như Ái v.v... Tịnh giới là đất bằng, đại từ bi là gạo tốt, trừ bỏ các cuộc đất mặn ác tà, ba mươi bảy phẩm là vương ngọc. Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, Tứ Vô Ngại Trí là tường vây quanh, có thể sanh ra quả báo tam thừa Niết Bàn, gieo trồng nơi ruộng vô thượng khôn sánh ấy, phước sẽ vô tận”. Vì thế, hưởng dụng phước lợi chẳng thể sánh ví được!



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

**3.2.4.2.2.3.1.2.2. Giáo Phật pháp trung phước lợi (so sánh phước lợi trong Phật pháp)**

**3.2.4.2.2.3.1.2.2.1. Thí cúng thánh tượng phước (phước do bố thí cúng dường thánh tượng)**

**3.2.4.2.2.3.1.2.2.1.1. Trục minh thí phước (dạy thẳng về phước do bố thí)**

*(Kinh) Phục thứ Địa Tạng! Vị lai thế trung, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, ngộ Phật hình tượng, Bồ Tát hình tượng, Bích Chi Phật hình tượng, Chuyển Luân Vương hình tượng, bố thí cúng dường, đắc vô lượng phước, thường tại nhân thiên, thọ thắng diệu lạc.*

**(經)復次地藏！未來世中，若有善男子，善女人，遇佛形像，菩薩形像，辟支佛形像，轉輪王形像，布施供養，得無量福，常在人天，受勝妙樂。**

*(Kinh: Lại này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân gặp hình tượng Phật, hình tượng Bồ Tát, hình tượng Bích Chi Phật, hình tượng Chuyển Luân Vương, bèn bố thí, cúng dường, sẽ được vô lượng phước, thường sanh làm trời, người, hưởng sự vui thù thắng mẫu nhiệm).*

Trước hết, nêu ra người bố thí; kê đó, nói đến thí điền. Bố thí, cúng dường là tu cái nhân thù thắng. “*Thường tại nhân thiên*” là cái quả vi diệu. Do Phật, Bồ Tát, Thanh Văn v.v... dạy mọi người thoát khổ, là kính điền của chúng sanh. Luân Vương tuy chưa thoát sanh tử, nhưng dùng Thập Thiện giáo hóa cõi đời, lại còn [bảo vệ] đất nước, chính là ân điền của lê dân. Vì thế, bố thí, cúng dường [Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật, Chuyển Luân Vương], đều được phước vô lượng. Đại Luận nói: “*Tài vật là nhân duyên của ác tâm, hãy thường nên thí xả. Huống chi bố thí sẽ được đại phước, sao chẳng bố thí? Keo kiệt là tướng hung, suy, là điều lo âu, kinh sợ của chúng sanh. Dùng nước bố thí để rửa, ắt sẽ tạo phước lợi cho chúng sanh*”. Vì thế, đạt được phước vô lượng. “*Thường tại nhân thiên*” chính là chỗ được phước. Vì sao kinh văn trước sau cứ nhắc mãi chuyện hưởng vui trong cõi trời và nhân gian? Theo Đại Luận, do trong cõi người kết sử nhẹ mỏng, tâm chán nhàm dễ sanh; trong thiên giới thì trí huệ nhạy bén. Vì thế, ở hai nơi ấy dễ đắc đạo, những đường khác không được như vậy!

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Hơn nữa, nói đến Thiên thì bao gồm hết cả các cõi trời, nói “người” thì bao gồm hết cả những chúng sanh trên mặt đất. Vì sao vậy? Trên trời thì chư thiên là lớn, dưới đất thì con người là lớn. Do vậy, trước sau chỉ nói đến trời, người. “Một mực ở trong cõi trời, cõi người hưởng vui” rốt cuộc là nói đến niềm vui tịch diệt của giác pháp Bồ Đề Niết Bàn. Vì thế, Kim Quang Minh Kinh Sớ viết: “Dùng Nhân (người) để biểu thị ba mươi hiền vị (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hưởng), dùng Thiên để biểu thị địa vị thánh nhân Thập Địa, hưởng niềm vui của Đệ Nhất Nghĩa Thiên”. Đại Luận nói: “Người tu bố thí, tiếng tăm vang dội mười phương, được người trí kính yêu, mọi người chẳng sợ hãi, mạng chung sanh lên trời, lâu sau ắt đắc Niết Bàn” là nói đến chuyện này!

#### **3.2.4.2.2.2.3.1.2.2.1.2. Hồi hướng phả dụ (hồi hướng có phước đức chẳng thể thí dụ được)**

**(Kinh) Nhược năng hồi hướng pháp giới, thị nhân phước lợi bất khả vi dụ.**

**(經)若能迴向法界，是人福利不可為喻。**

**(Kinh: Nếu có thể hồi hướng pháp giới thì người ấy phước lợi chẳng thể thí dụ được).**

Đại Luận viết: “Đức Phật dạy trong hai loại bố thí, Pháp Thí là bậc nhất. Do quả báo của Tài Thí có hạn lượng, còn quả báo của Pháp Thí thì vô lượng. Quả báo của Tài Thí là Dục Giới, Quả báo của Pháp Thí là trong tam giới, mà cũng là quả báo xuất tam giới. Nếu chẳng cầu tiếng tăm, tài lợi, thế lực, chỉ vì học Phật đạo, tâm từ bi rộng lớn, độ chúng sanh thoát khỏi nỗi khổ già, bệnh, chết, thì gọi là Pháp Thí thanh tịnh. Nếu chẳng phải như vậy thì là cách đổi chác ngoài chợ. Lại nữa, Bồ Tát biết Thật Tướng của các pháp như Niết Bàn bất tận, phước đức nhập vào Thật Tướng của các pháp, cho nên cũng bất tận”. Vì thế, phước lợi chẳng thể thí dụ được!

#### **3.2.4.2.2.2.3.1.2.2.2. Thí cúng Đại Thừa phước (phước do bố thí, cúng dường Đại Thừa)**

##### **3.2.4.2.2.2.3.1.2.2.2.1. Trục minh thí phước (giảng ngay vào phước do bố thí)**

*(Kinh) Phục thứ Địa Tạng! Vị lai thể trung, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, ngộ Đại Thừa kinh điển, hoặc thính văn nhất kệ, nhất cú, phát ân trọng tâm, tán thán, cung kính, bố thí, cúng dường; thị nhân hoạch đại quả báo, vô lượng, vô biên.*

**(經)復次地藏！未來世中，若有善男子，善女人，遇大乘經典，或聽聞一偈一句，發殷重心，讚歎恭敬，布施供養；是人獲大果報，無量無邊。**

*(Kinh: Lại này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân gặp kinh điển Đại Thừa, hoặc nghe một bài kệ, một câu, phát tâm trân trọng, tán thán, bố thí, cúng dường; người ấy đạt được phước báo vô lượng, vô biên).*

“Ngộ” (遇) là gặp gỡ, là lời lẽ diễn tả sự vui mừng. Do Phật pháp khó nghe, khó ngộ, nay có dịp gặp gỡ, như kẻ đói gặp cỗ vua, vỗ bụng mà ca hát. Lúa sớm gặp mưa ngọt, bùng bùng mọc vót cao hơn! Nỗi vui mừng ấy làm sao diễn tả cho nổi! Đại Thừa tức là các kinh Phương Đẳng. Theo Khởi Tín Luận, có ba điều:

1. Một là Thể đại, tức là hết thấy các pháp Chân Như bình đẳng vì chẳng tăng giảm.
2. Hai là Tướng đại, tức là Như Lai Tạng trọn đủ vô lượng công đức nơi tánh.
3. Ba là Dụng đại, có thể sanh ra hết thấy các thiện nhân quả thế gian và xuất thế gian.

[Đại Thừa] vốn được hết thấy chư Phật ngự dụng; hết thấy các vị Bồ Tát đều ngồi xe pháp này để đạt đến địa vị Như Lai. Do là cỗ xe của bậc đại nhân xuất thế, nên gọi là Đại Thừa. “*Người lắng nghe*”: Kinh Đại Bát Niết Bàn dạy: “*Thính pháp nhân duyên, tắc đắc cận u Đại Bát Niết Bàn, dĩ khai pháp nhĩn cố*” (Do nhân duyên nghe pháp, sẽ được gần với Đại Bát Niết Bàn, do pháp nhĩn đã được mở mang). Cõi đời có ba hạng người:

- Một là không có mắt. Ví như kẻ phàm phu thường chẳng nghe pháp.
- Hai là một mắt. Ví như Thanh Văn, tuy tạm thời nghe pháp, nhưng tâm chẳng trụ.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

- Ba là hai mắt. Ví như Bồ Tát, chuyên tâm nghe pháp, hành đúng như pháp được nghe.

Do nghe pháp mà biết thế gian có ba hạng người như thế. Nay đã nghe chương cú ấy, tín tâm thanh tịnh, bèn sanh Thật Tướng pháp nhãn. Dầu chỉ một kệ, một câu, vẫn tăng tấn Bồ Đề. Vì thế, cần phải phát tâm ân cần, tôn trọng, tán thán “*nhân (người giảng nói, trùng tuyên), pháp*”, cung kính, cúng dường, bổ thí “*nhân, pháp*”. Vì thế, khéo cung kính kính.

Đức Phật bảo ngài A Nan: “*Nhược hữu tùng tha văn nhất tứ cú kệ, hoặc thư chi trúc bạch, sở hữu danh tự, u nhược can kiếp, thủ bỉ hòa thượng, a-xà-lê đấng, hà đảm kiên thượng, hoặc bối phụ, đánh đối, thường tương nhất thiết âm nhạc chi cụ, cúng dường thị sư, thượng bất năng cụ báo sư ân. Nhược u hòa thượng sở, khởi bất kính tâm, hằng thuyết u quá, ngã thuyết ngu si, cực thọ đa khổ. Ư đương lai thế, tất đọa ác đạo. Thị cố, ngã giáo nhữ đấng, thường hành cung kính tôn trọng chi tâm, ái trọng Tam Bảo thậm thâm chi pháp, tất hoạch vô lượng vô biên chi đại quả hỷ*” (Nếu có người từ kẻ khác nghe một bài kệ bốn câu, hoặc viết trên tre, lụa, tất cả danh tự trong bao nhiêu kiếp đó, gánh vác hòa thượng, a-xà-lê v.v... của họ trên vai, hoặc công, đội trên đầu, thường dùng hết thầy các nhạc cụ cúng dường những vị thầy ấy, vẫn chẳng thể báo trọn ân thầy. Nếu đối với hòa thượng dấy lòng bất kính, thường nói lỗi của các vị đó, ta nói kẻ ấy ngu si, sẽ hứng chịu nhiều nỗi khổ tội cùng. Trong đời tương lai, ắt đọa ác đạo. Vì thế, ta dạy các ông hãy thường hành cái tâm cung kính, tôn trọng, yêu mến, trân trọng pháp rất sâu của Tam Bảo, ắt sẽ đạt được vô lượng vô biên đại quả).

#### **3.2.4.2.2.3.1.2.2.2.2. Hồi hướng phả dụ (hồi hướng thì phước đức chẳng thể thí dụ)**

(*Kinh*) *Nhược năng hồi hướng pháp giới, kỳ phước bất khả vi dụ.*

**(經)若能迴向法界，其福不可為喻。**

(*Kinh*: *Nếu có thể hồi hướng pháp giới, phước ấy chẳng thể sánh ví được*).

Kinh Phó Pháp Tạng dạy: “*Nhất thiết chúng sanh dục xuất tam giới sanh tử đại hải, tất giả pháp thuyền, phương đắc độ thoát*” (Hết

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

thầy chúng sanh muốn thoát biển cả sanh tử trong tam giới, ắt phải cậy vào pháp thuyền thì mới được độ thoát). Pháp là thiện tri thức thật sự của chúng sanh, tạo đại lợi ích, cứu vớt các khổ não. Do vì lẽ nào? Hết thầy chúng sanh chí tánh vô định, tùy theo tập khí tiêm nhiễm, gần thiện thì thiện, gần ác bèn ác. Nếu thân cận bạn ác, sẽ tạo ác nghiệp, lưu chuyển sanh tử, chẳng có ngàn mé. Nếu thân cận bạn lành, sẽ đẩy lên các thứ tâm kính trọng, nghe nhận diệu pháp, ắt có thể khiến cho người ấy lìa khỏi tam đồ khổ não. Do công đức ấy, hưởng sự vui tối thắng.

Như xưa kia, Bà-la-môn đến thành Hoa Thị (Pāṭaliputra)<sup>205</sup>, khoác lác, bán đầu lâu. Các vị ưu-bà-tắc dùng sợi dây đồng xuyên tai. Nếu xuyên qua thông suốt thì định giá cao, xuyên được một nửa thì định giá thấp hơn. Không xuyên qua được thì chẳng thêm định giá. Bà-la-môn hỏi nguyên cớ. Họ đáp: “Xuyên qua thông suốt là do người này lúc còn sống nghe pháp, trí huệ cao vời, thù thắng, nên trả giá cao. Xuyên qua một nửa thì tuy nghe kinh pháp, nhưng chưa khéo phân biệt, cho nên trả giá thấp hơn. Hoàn toàn không xuyên qua được, tức là trọn chẳng nghe pháp, cho nên không thêm trả giá”. Đem những đầu lâu xuyên suốt hoàn toàn về, dựng tháp cúng dường, còn được sanh thiên, huống là người có thể chí tâm nghe, nhận kinh pháp, cúng dường, cung kính trì kinh u? Phước báo ấy thật khó cùng tận, trong vị lai ắt thành vô thượng đạo.

Vì thế, trong Phật Thuyết Kiên Ý Kinh, đức Phật bảo ngài A Nan: “*Kỳ hữu hảo tâm thiện ý chi nhân, văn Phật minh pháp, nhất tâm nhi thính. Năng nhất nhật khả, bất năng nhất nhật, bán nhật khả. Bất năng bán nhật, nhất thời khả. Bất năng nhất thời, bán thời khả. Bất năng bán thời, tu du khả. Kỳ phước bất khả lượng, bất khả tư dã*” (Nếu có kẻ hảo tâm, thiện ý, nghe Phật giảng pháp, một lòng nghe giảng. Có thể nghe suốt một ngày; chẳng thể nghe một ngày thì nghe nửa ngày cũng được. Chẳng thể nghe nửa ngày thì nghe trong một thời cũng được. Chẳng thể nghe một thời, nửa thời cũng được. Chẳng thể nửa thời, thì trong khoảnh khắc cũng được. Phước ấy chẳng thể lường, chẳng thể chê gièm được). Vì thế, người có trí muốn được an ổn, vui sướng vô thượng, hãy nên chí tâm siêng năng nghe kinh pháp. Nay chính mình đã nghe kinh điển Đại Thừa, lại còn tán thán, cung kính, cúng dường nhân và pháp Đại Thừa,

---

<sup>205</sup> Đây là một thành thị trọng yếu tại Ấn Độ vào thời cổ (còn được phiên âm là Ba Trá Thành, hoặc Ba Liên Phát Áp), do vua Udayin của vương quốc Ma Kiệt Đà (Maghada) kiến tạo khoảng 490 năm trước Công Nguyên bên bờ sông Hằng (gần thành phố Patna hiện thời). Đây cũng chính là kinh đô của vương triều Không Tước (Maurya).

### *Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

hồi hướng chung cho khắp pháp giới, phước đạt được sẽ có lượng bằng với mười phương hư không, cho nên không thể thí dụ được!

**3.2.4.2.2.3.1.2.2.3. Thí tu kinh điển phước** (phước do bố thí để tu bố kinh điển)

**3.2.4.2.2.3.1.2.2.3.1. Tự tha tu phước** (mình và người tu phước)

*(Kinh) Phục thứ Địa Tạng! Nhược vị lai thế trung, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, ngộ Phật tháp tự, Đại Thừa kinh điển, tân giả, bố thí cúng dường, chiêm lễ, tán thán, cung kính hiệp chưởng. Nhược ngộ cổ giả, hoặc hủy hoại giả, tu bổ doanh lý. Hoặc độc phát tâm, hoặc khuyến đa nhân đồng cộng phát tâm.*

**(經)復次地藏! 若未來世中, 有善男子, 善女人, 遇佛塔寺, 大乘經典, 新者, 布施供養, 瞻禮讚歎, 恭敬合掌。若遇故者, 或毀壞者, 修補營理。或獨發心, 或勸多人同共發心。**

*(Kinh: Lại này Địa Tạng! Nếu trong đời vị lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân, gặp chùa tháp thờ Phật, hoặc kinh điển Đại Thừa, mới thì bố thí, cúng dường, chiêm lễ, tán thán, cung kính chấp tay. Nếu gặp thứ cũ kỹ hoặc hư hoại thì tu bổ, chỉnh trang. Hoặc một mình phát tâm, hoặc khuyến nhiều người cùng nhau phát tâm).*

Kinh điển Đại Thừa tức là quyển vàng trực đở, rương báu, hộp đựng kinh<sup>206</sup>. Nếu là thứ mới tạo tác thì sẽ bố thí cho người khác cúng dường, khiến cho người ấy chiêm ngưỡng, lễ bái, tán thán, cung kính chấp tay, thì gọi là Pháp Thí. Nếu gặp thứ đã bị hủy hoại, hư rách, sẽ liền toan tính lo liệu sửa chữa, bổ sung cho hoàn bị. Bạc hiền nhân thời cổ có

---

<sup>206</sup> Thời cổ, kinh Phật thường in trên một tấm giấy dài, giấy nhuộm bằng một chất nhựa cây có màu vàng để tránh mối mọt, hai đầu gắn trực gỗ sơn đỏ để tiện cuộn lại hay mở ra, mà không làm rách giấy. Mãi về sau này mới đóng thành sách (gọi là “*phương sách*”). Có thuyết nói là cho đến đời Minh, mới thật sự đóng thành sách. Do vậy, cổ nhân dùng chữ “*hoàng quyển xích trực*” để chỉ kinh Phật. Các bộ kinh lớn gồm nhiều quyển, để tránh thất lạc, thường làm thêm một cái hộp bằng gỗ hay giấy cứng để đặt các quyển sách vào chung một hộp. Cái hộp đó được gọi là Lang Hàm (琅函).

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

nói: “Nếu mở rương, tráp ra, thấy [kinh sách] bị trùng, mốc làm hư nát, hoặc bị sứt bìa, mất trang, mất chữ, sai chữ, giấy mực rách nát, mà tự mình chẳng tu bổ, chẳng chịu lưu truyền, chẳng tránh khỏi mắc tội với Pháp Bảo, trái nghịch pháp chế định của Phật. Nếu chẳng thể sửa chữa, chớ nên đốt đi”.

Theo Ngũ Bách Vấn: “Hỏi: Theo giới luật, nếu [kinh sách] chẳng dùng tới, bị rách nát, mất trang, có thể đốt đi hay không? Đáp: Không được! Chẳng biết là mắc tội! Thiêu thì phạm tội Xả Đọa<sup>207</sup>. Nếu đã biết thiêu là phạm tội, mà cố ý thiêu, phạm tội Quyết Đoạn, giống như phương tiện phá Tăng, cũng giống như thiêu cha mẹ”. Vì thế, Mục Đắc Ca<sup>208</sup> nói: “Đối với các trang giấy kinh sót lại, mà nếu [trang nào] kinh Phật đã bị mòn diệt [không còn trông thấy chữ nữa], hãy nên bỏ những trang cũ đi, chép lại kinh mới”. Kinh văn đã nói rõ ràng, chớ nên vương vào tội khiên nặng nề. Ở đây là nói về người tự phát tâm tu bổ, kẻ đó, khuyên người khác cùng phát tâm. Nếu làm như thế, chính là cái nhân của Bồ Tát vậy.

#### ***3.2.4.2.2.3.1.2.2.3.2. Tự tha hoạch báo (ta và người đạt được phước báo)***

*(Kinh) Như thị đẳng bối, tam thập sanh trung, thường vi chư tiểu quốc vương. Đản-việt chi nhân thường vi Luân Vương, hoàn dĩ thiện pháp, giáo hóa chư tiểu quốc vương.*

**(經)如是等輩，三十生中，常為諸小國王。檀越之人常為輪王，還以善法，教化諸小國王。**

---

<sup>207</sup> Theo Giới Luật Cương Yếu, Xả Đọa là dịch nghĩa của chữ Ni Tát Kỳ Ba Dật Đê (Naihsargika-prāyaścittika), Ni Tát Kỳ có nghĩa là Tận Xả (bỏ hết sạch), còn Ba Dật Đê là Đọa Lạc. Do vậy, dịch gộp lại là Xả Đọa. Kết tội này chủ yếu là do tăng sĩ tích chứa những thứ không đáng chứa (chẳng hạn rượu, nha phiến, các loại ma túy, các thứ thuốc kích thích gây nghiện, mỹ phẩm, đồ trang sức, các vật dụng đánh bạc, các thứ thuốc hoặc vật dụng khiêu dâm, các thứ vật dụng hưởng thụ của thế gian), hoặc đối với những vật dụng đáng nhận lấy, hoặc những vật dụng tùy thân của tăng sĩ như y, bát, kinh sách... mà lại bỏ quên, hoặc bỏ mặc cho hư hoại.

<sup>208</sup> Mục Đắc Ca là tên gọi tắt của bộ sách Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Ni Đà Ni Mục Đắc Ca (Mūlasarvāstivāda-Nidānamāṭṛka).

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Những người như thế trong ba mươi đời thường làm các tiểu quốc vương. Vị đàn-việt thường làm Luân Vương, lại còn dùng thiện pháp giáo hóa các tiểu quốc vương).

Những người tiếp nhận lời khuyên sẽ làm tiểu vương để giúp [Luân Vương] giáo hóa; người đứng ra khuyên sẽ làm Luân Vương thống ngự. Kinh Tứ Tụ Xâm dạy: “*Năng thí dữ giả, kim thể, hậu thể, trường đắc an ổn, vi sanh tử lương, thể thể hào phú, giai mông đắc an. Hữu bố thí giả, biên nhân trợ hỷ, đắc phước vô lượng, hưởng kỳ thí chủ thủ tự chiêm chước. Hậu thể sở sanh, phước tùy thân báo, nhược ảnh tùy hình, hưởng chi ứng thanh hỷ*” (Người có thể bố thí, thì đời này, đời sau, sẽ được an ổn dài lâu, dùng đó làm tư lương cho sanh tử, đời đời sanh trong nhà giàu có, tôn quý, luôn được an ổn. Có người bố thí, mà người bên cạnh vui theo, [kẻ tùy hỷ ấy] được phước vô lượng, hưởng hồ vị thí chủ tự tay cân nhắc thực hiện! Sanh trong đời sau, phước theo thân cảm báo, như bóng theo hình, như tiếng vọng ứng theo âm thanh vậy).

“Đàn-việt”: Sách Nội Truyện viết: “*Tiếng Phạn là Đà Na Bát Đế (Dānapati), dịch là Thí Chủ. Đà Na là Thí, Bát Đế là Chủ*”. Nhưng nói là Đàn Việt thì không phải là phiên âm sát với âm gốc. [Sở dĩ có chữ Đàn Việt] là đã bỏ đi chữ Na, lấy chữ Đà trước đó, chuyển âm thành Đàn, thêm vào chữ Việt, ngụ ý: Do hành Đàn Xả (bố thí, thí xả), sẽ tự có thể vượt khỏi bàn cùng. Tuy cách giải thích hay khéo, rốt cuộc vẫn trái nghịch âm gốc. Theo Đại Luận, Đàn có nhiều danh xưng:

- Thê gian đàn (hàng phàm phu bố thí, hoặc thánh nhân bố thí bằng cái tâm hữu lậu).

- Xuất thể gian đàn (thánh nhân tuy dùng tâm hữu lậu để thí, nhưng vì đoạn kết sử, nên là xuất thể).

- Thánh nhân sở xưng dự đàn (bố thí được thánh nhân ca ngợi, tức xuất thể tịnh đàn).

- Thánh nhân sở bất xưng dự đàn (tức thê gian đàn).

- Phật Bồ Tát đàn (do biết Thật Tướng của các pháp nên bố thí).

- Thanh Văn đàn (công đức chẳng trọn đủ, nhưng đã đạt được chút phần).

Trong ấy, lại có tịnh, bất tịnh. Lại còn dùng thiện pháp giáo hóa các tiểu quốc vương, Kim Luân giáo hóa cõi đời, ắt đều cùng hành Thập Thiện làm gốc. Chẳng hạn như xưa kia có năm vị vua, giao du rất thân với nhau. Người lớn nhất là vua Phổ An, tu tập Bồ Tát hạnh. Bốn tiểu vương kia, thường làm những hành vi bất chánh. Đại vương muốn độ họ,



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

bèn gọi họ lên điện, vui chơi suốt bảy ngày. Bốn vua cáo biệt. Đại vương xót thương, bảo các tiểu vương: “Mỗi người hãy kể về sự vui sướng đáng yêu thích trong tâm tình của chính mình”. Một vua nói: “Mong vinh hoa như ánh trăng và cây cối trong tiết Xuân, vui chơi nơi đồng bằng, rừng rậm làm vui”. Một vua coi “thường làm quốc vương, ra vào, lui tới” là vui. Một vua coi vợ con đolan chánh, hết sức sướng lòng đẹp dạ [nhà vua] là vui. Một vua mong cho cha mẹ, quyến thuộc thường cùng nhau ăn ngon, đàn hát là vui. Đại vương bảo: “Những điều ấy đều chẳng phải là niềm vui lâu dài”. Bốn vua hỏi: “Niềm vui của nhà vua là gì?” Đại vương đáp: “Niềm vui của ta chẳng sanh, chẳng tử, chẳng khổ, chẳng vui, chẳng đói, chẳng khát, chẳng lạnh, chẳng nóng, tồn vong tự tại. Đây là niềm vui của ta”. Bốn vua hỏi: “Niềm vui ấy ở nơi đâu?” Đại vương nói: “Thầy của ta hiệu là Phật, ở Kỳ Hoàn (Jetavana, Kỳ Viên) gần đây”. Các vua hoan hỷ, cùng đến chỗ đức Phật, làm lễ, lui ra ngồi một bên. Đại vương quỳ bạch: “Chúng con nay được làm người, ám độn, vô tri, chấp trước sâu đậm niềm vui trong cõi đời, chẳng biết tội phước. Xin hãy vì chúng con, nói ra Khổ Đế”. Đức Phật bèn vì họ nói cặn kẽ tám nỗi khổ. Bốn vị vua nghe xong, tâm khai ý ngộ, liền đăc đạo Tu Đà Hoàn, bạch cùng vua Phổ An: “Đại vương! Ngài đúng là bậc đại quyền Bồ Tát hóa đạo chúng tôi, khiến cho chúng tôi đạt được đạo tích. Nhờ ơn của đại vương, chúng tôi vốn nhìn các cung điện, tâm tánh bèn yêu đắm, chẳng thể xa lìa. Nay thấy cung điện như nhìn chuồng xí dơ bẩn, chẳng đáng yêu thích!” Liên giao ngôi vua cho em, mỗi vị đều xuất gia tu đạo. Câu chuyện Luân Vương giáo hóa tiểu vương này được chép cặn kẽ trong kinh Trường A Hàm. Kim Luân Vương thống ngự, giáo hóa bốn châu bằng Thập Thiện.

***3.2.4.2.2.3.1.2.3. Kết hướng pháp giới công đức (tổng kết công đức do hồi hướng pháp giới)***

***3.2.4.2.2.3.1.2.3.1. Chỉ tu thiện sự (dạy tu thiện sự)***

***(Kinh) Phục thứ Địa Tạng! Vị lai thể trung, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, u Phật pháp trung sở chủng thiện căn, hoặc bố thí cúng dường, hoặc tu bổ tháp tự, hoặc trang lý kinh điển, nãi chí nhất mao, nhất trần, nhất sa, nhất đễ.***

**(經)復次地藏！未來世中，若有善男子，善女人，於佛法中所種善根，或布施供養，或修補塔寺，或裝理經典，乃至一毛一塵，一沙一涕。**

*(Kinh: Lại này Địa Tạng! Trong đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân gieo thiện căn trong Phật pháp, hoặc bố thí cúng dường, hoặc tu bổ tháp, chùa, hoặc sửa sang kinh điển, cho đến [làm lành] chừng bằng một sợi lông, một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước).*

Những câu này đều nhằm tổng kết những đoạn văn trước đó. Nhưng đối với mỗi điều đều nói là “*Phật pháp trung*” (trong Phật pháp), vì nếu phụng sự những đạo khác, sẽ chẳng thoát khỏi sanh tử, uổng công siêng khổ, chẳng phải là cái nhân của Niết Bàn. Vì thế, trong kinh Phước Điền, đức Phật bảo thiên đế: “*Cửu thập lục chủng đạo trung, Phật đạo tối tôn. Cửu thập lục chủng pháp trung, Phật pháp tối chân. Cửu thập lục chủng tăng trung, Phật tăng tối chánh. Sở dĩ giả hà? Do Như Lai từng A-tăng-kỳ kiếp, phát nguyện thành đế, xả mạng tích đức, thệ vị chúng sanh. Lục Độ, Tứ Đẳng, chúng thiện phổ bị, đắc huệ thành mãn. Tam giới thiên tôn, vô năng cập giả. Kỳ hữu chúng sanh, phát nhất kính tâm, hướng Như Lai giả, thắng hoạch đại thiên thế giới trân bảo thí hỷ*” (Trong chín mươi sáu thứ đạo, Phật đạo tôn quý nhất. Trong chín mươi sáu thứ pháp, Phật pháp chân thật nhất. Trong chín mươi sáu thứ Tăng, Phật tăng chân chánh nhất. Vì có sao vậy? Do Như Lai đã từ A-tăng-kỳ kiếp phát nguyện chân thành, chắc thật, xả mạng, tích đức, thệ vì chúng sanh. Lục Độ, Tứ Đẳng, các điều thiện đầy đủ trọn khắp, đạt được trí huệ thành tựu viên mãn. Là đáng được các vị trời tôn quý trong tam giới, không ai sánh bằng. Nếu có chúng sanh, phát một tâm niệm cung kính hướng về Như Lai, sẽ đạt được công đức nhiều hơn dùng trân bảo thí khắp tam thiên đại thiên thế giới). Do là đạo tối tôn vô thượng, cho nên dạy các thiện nam nữ ắt cần phải gieo thiện căn trong Phật pháp.

Theo Đại Luận, có ba thứ thiện căn là vô tham, vô sân, và vô si. Hết thấy các thiện pháp đều sanh khởi và tăng trưởng từ ba thiện căn. Nay nói đến nhân duyên thiện căn, các vật cúng dường như là hoa, hương, đèn soi sáng, và pháp cúng dường, tức trì giới, tụng kinh v.v... Do dùng thiện tâm cúng dường, cho nên gọi là thiện căn. Bản thân bố thí chẳng phải là phước, nó chỉ có thể phá trừ keo tham, mở ra thiện pháp môn. Thiện căn mới là phước. Do vậy, bất luận là [phước ấy nhỏ nhoi

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện Kinh Khoa Chú***

như] sợi lông, hạt bụi, hạt cát, giọt nước, đều xét theo cái tâm: Tâm to, ắt phước to; tâm nhỏ, ắt phước nhỏ. Nếu tâm ngầm hợp pháp giới, tức là phước bằng với hư không. Như Đại Luận chép: Đức Phật cùng với ngài A Nan đến thành Xá Bà Đề (Śrāvastī, còn phiên âm là Thi La Phật Đề, tức thành Xá Vệ) khát thực. Khi ấy, vua Bà-la-môn hạ lệnh: “Nếu cho Phật thức ăn hay nói chuyện với Phật, sẽ bị phạt tiền năm trăm đồng”. Đức Phật và A Nan ôm bát rỗng ra khỏi thành, thấy một bà đầy tớ già, cầm cái vò sứ, đựng cơm cặn, nước gạo hôi thối ra khỏi cửa đem đồ, thấy Phật bát rỗng, tâm niệm muốn thí. Đức Phật biết, liền giơ bát ra xin. Bà đầy tớ bèn tịnh tâm dâng thí đức Phật. Đức Phật bảo A Nan: “Người tớ gái này do bố thí, trong mười lăm kiếp, sẽ hưởng phước vui sướng trên cõi trời và nhân gian, chẳng đọa ác đạo. Về sau, thành thân nam tử, xuất gia, thành Bích Chi Phật”.

Khi đó, có một Bà-la-môn ở bên cạnh đức Phật bèn nói: “Người là Thái Tử của vua Tịnh Phạn, có sao vì đồ ăn mà nói dối vậy?” Đức Phật liền thè lưỡi che mặt đến tận mí tóc, nói như thế này: “Ông có thấy người có tướng lưỡi như thế mà nói dối hay chẳng?” Người đó liền sanh tín tâm, thưa: “Con chẳng hiểu vì sao bố thí chút ít mà phước nhiều?” Đức Phật dạy: “Ông đã từng thấy chuyện gì hy hữu hay chẳng?” Đáp: “Con từng thấy cây Ni-câu-đà (Nyagrodha), che rợp năm trăm cỗ xe”. Đức Phật nói: “Hạt cây ấy lớn hay nhỏ?” Thưa: “To bằng một phần ba hạt cải”. Đức Phật bảo: “Ai tin lời ông?” Người đó nói: “Thật đấy!” Đức Phật dạy: “Ta thấy bà này tịnh tâm cúng thí Phật, đạt được quả báo to lớn; cũng như cái cây ấy, nhân ít mà báo nhiều”. Khi ấy, Bà-la-môn tâm khai ý giải, hướng về đức Phật sám hối. Đức Phật vì người ấy thuyết pháp, [người ấy] đắc quả Tu Đà Hoàn, liền lớn tiếng xưng rằng: “Này hết thảy đại chúng! Cửa cam lộ đã mở, sao chẳng thoát ra?” Mọi người nghe xong, đều nộp năm trăm đồng cho vua, thỉnh Phật cúng dường. Vua và quần thần cũng quy y Phật. Đức Phật thuyết pháp cho họ, họ đều đắc đạo quả. Vì thế, kinh dạy: “*Khả dĩ vi thí, bất hạn đa thiểu*” (Hễ có thể thì bố thí, chẳng hạn lượng nhiều hay ít) là nói về chuyện này.

#### ***3.2.4.2.2.3.1.2.3.2. Hồi hướng pháp giới***

##### ***3.2.4.2.2.3.1.2.3.2.1. Thiên sanh thọ lạc (ngàn đời hưởng vui)***

***(Kinh) Như thị thiện sự, dẫn năng hồi hướng pháp giới, thị nhân công đức, bách thiên sanh trung, thọ thượng diệu lạc.***

**(經)如是善事，但能迴向法界，是人功德，百千生中，受上妙樂。**

*(Kinh: Thiện sự như thế, chỉ nên hồi hướng pháp giới, do công đức, người ấy trong trăm ngàn đời hưởng diệu lạc bậc thượng).*

Câu đầu tiên chỉ chung những thiện sự đã tu tập trên đây. Tuy có thượng, trung, hạ sai khác, nếu đã hồi hướng pháp giới, cũng chẳng cần biết là lớn hay nhỏ, đều là trong trăm ngàn đời, cái nhân đã tu chẳng mất, phước bố thí thường còn mãi, giúp cho Pháp Thân, năm thứ quả đều thường hằng, tăng huệ mạng, Tứ Đức cùng hiển lộ, hưởng dụng pháp lạc thượng diệu chẳng cùng tận.

Như kinh Tạp Tạng có chép, ngài Mục Liên thấy một thiên nữ, ngồi trên một đóa sen, kích thước mỗi bề là một trăm do-tuần. Hoa ấy đẹp đẽ khôn sánh, hơn hẳn những hoa khác. Những vật mong muốn, cần dùng cho cuộc sống, cung điện, thức ăn, hễ lòng mong tưởng, sẽ đều từ hoa sen hiện ra, [cô ta] đi đứng, [hoa sen] đều theo sát thân cô ta. Ngài Mục Liên hỏi rằng: “Cô đã làm thiện hạnh gì mà được hưởng báo như thế?” Đáp: “Sau khi đức Phật Ca Diếp diệt độ, để lại xá-lợi. Các hàng đệ tử dựng tháp bảy báu, cao rộng bốn mươi dặm. Khi đó, ta là nữ nhân, đi ra, trông thấy tháp và tượng Phật, lòng tin kính phát khởi, nghĩ đến công đức của Phật, bèn tháo hoa trên đầu, dâng lên tượng Phật. Do nhân duyên ấy, cho nên thọ báo độc diệu như thế”. Cái nhân dâng cúng hoa là điều thiện nhỏ nhoi, được báo như thế, vậy thì tu bỏ chùa, tháp, hồi hướng pháp giới, đáng phải nên trong trăm ngàn đời hưởng diệu lạc bậc thượng vậy!

**3.2.4.2.2.3.1.2.3.2.2. Hướng kỹ tam sanh thọ phước (chỉ hồi hướng cho chính mình thì hưởng phước trong ba đời)**

*(Kinh) Như dân hồi hướng tự gia quyến thuộc, hoặc tự thân lợi ích, như thị chi quả, tức tam sanh thọ lạc, xả nhất, đắc vạn báo.*

**(經)如但迴向自家眷屬，或自身利益，如是之果，即三生受樂，捨一得萬報。**

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

***(Kinh: Nếu chỉ hồi hướng cho quyến thuộc người nhà của chính mình, hoặc nhằm lợi ích tự thân, cái quả như thế sẽ là hưởng vui trong ba đời, xả một mà được báo ứng cả vạn).***

Hai câu đầu ý nói: [Người bồ thí] ngược lại chẳng thể có tâm hồi hướng, khiến cho phước quả hạn cuộc, có cùng tận. “*Quyến thuộc*” là những người mà bầm tánh của ta vốn sẵn yêu thương, càng thêm mến thuận. Vừa mới nói đến “*tự gia*” (nhà của chính mình), sẽ không thể nghĩ tới người khác, trái nghịch ý nghĩa “*bào dử*” (mọi người là ruột thịt của chính mình, chúng sanh có cùng một thể tánh như ta). Đối với gia đình, quyến thuộc của chính mình, kinh Ngũ Khổ Chương Cú nói: “*Phụ tử, phu phụ, huynh đệ, gia thất, tri thức, nô tỳ, hữu ngũ nhân duyên: Nhất, oán gia (phụ tử hổ tương sát hại). Nhị, trái chủ (phụ mẫu tài tử tán dụng). Tam, thường trái (tử tài cung cấp phụ mẫu). Tứ, bốn nguyện (tiên thế phát nguyện, thiện tâm hoan hỷ). Ngũ, chân hữu (tiên thế dĩ đạo cộng tương thừa sự)*” (Cha con, vợ chồng, anh em, gia đình, người quen biết, nô tỳ, có năm nhân duyên: Một là oán gia (cha con giết hại lẫn nhau). Hai là chủ nợ (con tiêu xài hết sạch tiền tài của cha mẹ). Ba là đền nợ (tiền tài của con cung phụng cho cha mẹ). Bốn là bốn nguyện (tổ tiên phát nguyện, thiện tâm hoan hỷ). Năm là bạn bè thật sự (đời trước dùng đạo để cùng nhau phụng sự). Nay phàm phu trọn chẳng biết nguồn cội, chẳng màng tới vô thường, ngược ngạo tham ái, nói “có cha mẹ, anh em, vợ con, thân tộc trong ngoài”. Tật bệnh bỗng xảy tới, khốn khổ, suy yếu nằm bẹp trên giường, dặn dò thân tộc “hãy chia sẻ nỗi đau đớn của tôi”, họ đều nói “chẳng thể”. Người bệnh bèn cảm nhận: “Năm loại thân thích đều ích kỷ! Ta vì giúp các người mà cần cù, vất vả kiếm sống, tùy thời cung cấp đầy đủ cho các người, khiến cho cái thân chạy theo lòng tham, tự trói buộc, tự xâm đoạt. Chỉ vì lo nghĩ cho chín họ<sup>209</sup>, tự gây trở ngại, phế trừ thiện hạnh, hoại loạn thiện tâm. Già, bệnh xảy đến, thiện, ác,

---

<sup>209</sup> Chín họ (cửu tộc) là từ ngữ dùng để chỉ các mối thân thuộc liên quan đến chính mình. Có rất nhiều cách giải thích, cách hiểu thông thường nhất là bốn họ bên cha, ba họ bên mẹ, và hai họ bên vợ. Theo đó, bốn họ bên cha thì ông bà nội là một, anh chị em của cha và con cái của họ là hai, anh chị em và con cái của họ là ba, con cái của chính mình và cháu chất nội ngoại của chính mình là bốn. Hai họ bên mẹ là ông bà ngoại là một, các anh em trai của mẹ là hai, các chị em của mẹ là ba. Hai họ bên vợ là bố và mẹ vợ. Đôi khi từ ngữ “cửu tộc” lại được hiểu theo nghĩa những người cùng họ trong suốt chín thế hệ, hoặc chỉ là từ ngữ phiếm chỉ tất cả họ hàng, thân thích của chính mình.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

khô, lạc, riêng mình tự gánh vác, chẳng có ai thay thế!” Kẻ chưa đắc đạo đều có ý niệm này, chẳng thể bỏ thí, giữ gìn đạo đức. Than ôi! Người đời nay đến lúc chết, vẫn cứ vẩn vương, chẳng suy xét. Đức Như Lai thương xót sâu xa, cho nên đặc biệt nhân mạnh lời này, khiến cho mọi người biết hồi hướng bồ thí. Do vậy, Ngài nói: “*Nếu vì quyến thuộc, hoặc bản thân, chỉ được hưởng phước quả nhân thiên trong ba đời, phước hết vẩn đọa*”. Vì thế, ngài Vĩnh Gia nói: “*Phước sanh lên trời do trụ tướng bồ thí giống như hương lên hư không bản tên. Nếu thể tên bản đã hết, vẫn rơi xuống đất, chúc vùi đời sau chẳng như ý*”. Kinh nói trụ tướng bồ thí thì gọi là “*đệ tam oán*” (oán đời thứ ba), chính là nói đến chuyện này.

“*Xả nhất đắc vạn báo*” (xả một, được báo cả vạn), như kinh Cựu Tạng Thí Dụ đã nói: “*Tích Xá Vệ thành ngoại, hữu phụ nhân thanh tín, Phật tự chí môn khát thực. Phụ dĩ phạn trước Phật bát trung, khước hành tác lễ. Phật ngôn: ‘Chúng nhất sanh thập, chúng thập sanh bách, chúng bách sanh thiên, chúng thiên sanh vạn, chúng vạn sanh ức, đắc kiến đế đạo’.* Kỳ phu bất tín, mặc u hậu, thỉnh Phật chú nguyện. Phu viết: ‘*Hà ngôn quá thậm? Thí nhất bát phạn, nãi đắc nhĩ phước, phục kiến đế đạo*’. Phật ngôn: - *Nhữ kiến Ni Câu Đà thụ cao kỷ hứa da?*’ Đáp: ‘*Cao tứ thập lý, tuế hạ sở vạn học*’. Ván: ‘*Kỳ hạch đại tiểu?*’ Đáp: ‘*Như giới tử*’. Phật ngôn: ‘*Nhữ ngữ quá thậm, hà hữu chúng nhất giới tử, nãi cao tứ thập lý, hạ sở thập vạn tử*’. Đáp: ‘*Thật như thị*’. Phật ngôn: ‘*Địa thị vô tri, kỳ báo lực thượng nhĩ. Hà hướng nhân thị hữu tình, hoan hỷ dĩ nhất bát phạn thượng Phật, kỳ phước thậm đại*’. Phu phụ tâm khai ý giải, tức đắc Tu Đà Hoàn đạo” (Xưa kia, ở ngoài thành Xá Vệ, có người đàn bà tín tâm trong sạch. Đức Phật tự đến cửa nhà bà ta khát thực. Người vợ đặt cơm trong bát của đức Phật, rồi làm lễ. Đức Phật nói: “Gieo một sẽ sanh mười, gieo mười sanh trăm, gieo trăm sanh ngàn, gieo ngàn sanh vạn, gieo vạn sanh ức, được thấy đế đạo (đạo chắc thật)”. Chồng bà ta chẳng tin, đứng im lặng đằng sau, nghe đức Phật chú nguyện. Người chồng nói: “Sao mà nói quá đáng? Thí một bát cơm bèn được phước như thế, lại còn thấy đế đạo”. Đức Phật nói: “Ông thấy cây Ni-câu-đà cao cỡ nào?” Đáp: “Caο bốn mươi dặm, mỗi năm sanh ra mấy vạn học hạt”. Hỏi: “Hạt nó to hay nhỏ?” Đáp: “Như hạt cải”. Đức Phật dạy: “Ông nói quá đáng, sao lại có chuyện trồng cái hạt to bằng hạt cải, mà cây cao bốn mươi dặm, sanh ra mấy chục vạn hạt”. Đáp: “Thật sự là như thế”. Đức Phật dạy: “Đất là vô tri, mà sức báo ứng của nó còn như thế. Hướng hồ con người là hữu tình, hoan hỷ dùng một bát cơm này

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

dâng lên Phật, phước ấy rất lớn”. Vợ chồng tâm khai ý giải, liền đắc đạo Tu Đà Hoàn). Điều này phát ra từ kim khâu của đức Như Lai, há chẳng đáng tin ư? Vậy thì chưa hồi hướng pháp giới, đắc quả chỉ là ba đời và vạn báo thôi! Phần so lường phước đức đã xong!

#### ***3.2.4.2.2.3.2. Kết thị (kết lại lời dạy)***

***(Kinh) Thị cố Địa Tạng! Bồ thí nhân duyên, kỳ sự như thị.***

**(經)是故地藏! 布施因緣, 其事如是。**

***(Kinh: Do vậy Địa Tạng! Chuyện nhân duyên bố thí là như thế đó).***

Đây là kết lại phần dạy về nhân quả, nói chung là tán thán chẳng cùng tận, để kết thúc lời hỏi của đức Địa Tạng về so sánh nghiệp đạo của phước bố thí. Vì thế, dạy chung về cái nhân đã tu của vua, quan, nam, nữ v.v... sẽ đạt được cái quả. Vì thế nói “*kỳ sự như thị*” (chuyện ấy là như thế). Hiềm rằng người đời kẻ tin thì chẳng tận lực thí, kẻ chẳng tin bèn hoàn toàn chẳng thể thực hiện.

Nay nêu ra sự thật để làm chứng. Kinh Thí Dụ nói: “*Tích hữu nhị tỳ-kheo, câu đắc Tu Đà Hoàn quả. Nhất nhân thường hành giáo hóa khát cái, dĩ dụng tác phước. Nhất nhân đản trực tọa Thiên, tự tu, bất nhạo tác phước, ngữ khát giả ngôn: ‘Hà bất tọa Thiên, không tự cần khổ?’ Tu phước giả ngôn: ‘Phật thường thuyết tỳ-kheo đương hành bố thí’.* Hậu câu mạng chung, sanh trưởng giả gia. Tác phước giả, vi trưởng giả tử, nô tỳ thừa cấp, y thực tự nhiên, khoái lạc vô cực. Tọa Thiên giả, sanh vi tỳ tử, tại địa độc tọa, cơ khát đề khóc; câu tri túc mạng. Thời trưởng giả tử ngữ tỳ tử ngôn: ‘Ngã bổn ngữ nhữ đương bố thí, bất khả dụng ngữ, thị nhữ tự quá, hà vi đề khóc?’ Hậu câu cầu xuất gia, đắc A La Hán. Trưởng giả tử thường trực đoan tọa, nhân giai cạnh tổng y thực lai dĩ. Kỳ tỳ tử giả, tại ngoại khát cầu, nhân vô dĩ giả, thường thọ cơ khát. Dĩ thị nhân duyên, hành đạo chi nhân, bất đản trì giới, Thiên tụng, diệc đương bố thí tác phước” (Xưa kia có hai vị tỳ-kheo đều đắc quả Tu Đà Hoàn. Một người thường giáo hóa, đi xin rồi dùng [những vật xin được] để làm phước. Một người chỉ thẳng thừng ngồi Thiên tự tu, chẳng thích làm phước, bảo người xin rằng: “Sao không tọa Thiên, tự siêng khổ vô ích!” Người tu phước nói: “Đức Phật thường nói tỳ-kheo hãy nên hành bố thí”. Về sau, họ đều mạng chung,

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

sinh vào nhà trưởng giả. Người làm phước trở thành con trai của ông trưởng giả, có nô tỳ hầu hạ, cơm áo tự nhiên, vui sướng tột bậc. Người toạ Thiên sanh làm con của đứu tứ gái, ngồi một mình trên mặt đất, đói khát gào khóc. Họ đều biết Túc Mạng. Khi ấy, con trai ông trưởng giả bảo đứu con của người tứ gái: “Tôi vốn khuyên ông nên bỏ thí, nhưng ông chẳng chịu nghe lời tôi. Đây là ông tự phạm lỗi, sao còn gào khóc?” Về sau, họ đều xuất gia, đắc quả A La Hán. Con ông trưởng giả thường ngồi ngay ngắn, mọi người đều tranh nhau đem cơm áo đến dâng. Con đứu tứ gái phải xin xỏ bên ngoài, người ta chẳng cho, thường chịu đói khát. Do nhân duyên ấy, người hành đạo không chỉ trì giới, Thiền Tụng, mà cũng nên bỏ thí làm phước).

Kinh Đại Ai Đạo chép: “Kim thế diệt tội, hậu thế đắc thân. Hữu tài bất thí, thế thế thọ bản” (Đời này diệt tội, đời sau được thông dong. Có tài vật mà chẳng bỏ thí, đời đời chịu nghèo). Vì thế, nhập đạo ắt lấy trí huệ làm gốc, trí huệ ắt lấy phước đức làm nền tảng. Ví như chim đủ hai cánh, có thể chao liệng muôn thước; xe đủ hai bánh, rong ruổi ngàn dặm. Duyên giúp chánh nhân thành tựu, dùng Sự độ để giúp khai hiển Phật tánh, chẳng thể không tin tưởng! Phần Chánh Thuyết (Chánh Tông) đã xong!

### **3.3. Lưu thông phần**

#### **3.3.1. Biệt lưu thông (các phần lưu thông chuyên biệt)**

##### **3.3.1.1. Địa thần hộ pháp lưu thông**

“Lưu” (流) là tuôn chảy. “Thông” (通) là chẳng bị ngưng trệ. [Lưu thông là] muốn cho nước chánh pháp từ hiện thời chảy đến mai sau, [ngõ hầu] khôn phép để lãnh hội thánh giáo chẳng bị úng tắc trong đời sau. Bởi lẽ, đức Như Lai thuyết pháp chỉ lợi ích cho các căn cơ đang hiện diện, ắt phải nhờ vào kết tập, lưu truyền, khiến cho quần sanh [trong đời mai sau] nắm được khôn phép tu hành như chính tai nghe, mắt thấy, chứng quả chẳng sót. Do lòng Từ của đức Phật nồng hậu trong cõi đời hiện tại, xót thương đến tận những kiếp mai sau, cho nên cần phải lưu thông. Nay trước hết bàn về chuyện hộ pháp lưu thông.

##### **3.3.1.1.1. Phẩm đề (tựa đề của phẩm này)**

**(Kinh) Địa thần hộ pháp, phẩm đệ thập nhất.**

**(經)地神護法, 品第十一。**



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Phẩm thứ mười một: Địa thần hộ pháp).*

**3.3.1.1.2. Phẩm văn** (kinh văn trong phẩm này)

**3.3.1.1.2.1. Kiên Lao tán thán đức** (Kiên Lao tán thán công đức)

**3.3.1.1.2.1.1. Thông minh tích ngộ** (nói tổng quát về những vị đại Bồ Tát mà chính mình đã được gặp gỡ xưa kia)

*(Kinh) Nhĩ thời, Kiên Lao địa thần bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã từng tích lai, chiêm thị đánh lễ vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát, giai thị đại bất khả tư nghị thần thông, trí huệ, quảng độ chúng sanh.*

**(經)爾時，堅牢地神白佛言：世尊！我從昔來，瞻視頂禮無量菩薩摩訶薩，皆是大不可思議神通智慧，廣度眾生。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Kiên Lao địa thần bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con từ xưa tới nay đã chiêm ngưỡng, đánh lễ vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát, đều là những bậc thần thông và trí huệ to lớn chẳng thể nghĩ bàn, rộng độ chúng sanh).*

“*Nhĩ thời*” (lúc bấy giờ) là lúc vừa nói xong bốn chương. Từ ngữ Niết Rị Sừ (涅槃鋤, Drdhā-prthivī-devatā) trong tiếng Phạn, cõi này dịch là Kiên Lao, có hai nghĩa:

- Xét theo Sự, tức là xét theo phương diện “có năng lực chuyên chở, phát sanh, làm cho đất đai phì nhiêu, nuôi nấng muôn dân, khiến cho muôn loài được an định”.

- Xét theo pháp, do pháp môn Trí Độ thường hằng chẳng biến đổi; đó là Thường. Có thể chuyên chở núi sông, đó là Lạc. Có thể sanh ra muôn vật, đó là Tịnh. Sức đất tự tại, đó là Ngã. Có đủ bốn đức ấy, nên gọi là Thần (thiên sách Vũ Công<sup>210</sup> viết: “*Để tích giả giai địa nhĩ*”

---

<sup>210</sup> Vũ Công (禹貢) là một thiên sách trong Thượng Thư, nói về địa lý, sản vật, và thuế khóa của cổ Trung Hoa. Thiên sách này thường được coi là do chính vua Đại Vũ biên soạn, nhưng các nhà nghiên cứu cho rằng thiên sách này được viết vào thời sau, sớm nhất là vào thời Chiến Quốc, không rõ ai là tác giả. Sách chia vùng Trung Nguyên (lưu vực giữa sông Hoàng Hà và Trường Giang) thành chín châu, ghi chép giản yếu về cương vực mỗi châu, các mạch núi, lưu vực các sông, đất đai, sản vật, thuế khóa, các dân tộc thiểu số, và các hiện tượng địa lý tự nhiên. Thiên sách này được coi là mẫu mực cho cách ghi chép về địa lý (hoặc thể loại phương chí) về sau này. Đàm Hoài là nay thuộc vùng Ôn Huyện tỉnh Hà Nam, tức là quận Hà Nội đời

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(Vùng Đê Tích toàn là đất), tức là nói đến vùng đất thấp (Đê Tích) ở Đàm Hoài).

Do có đủ hai ý nghĩa Sự và Pháp, cho nên có tên là Kiên Lao địa thần.

Hỏi: Địa thần là nam hay nữ?

Đáp: Là nữ. Trong quyển hai mươi của kinh Trường A Hàm, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “*Hữu tứ đại thiên thần, nhất, địa thần, nhị, thủy thần, tam, phong thần, tứ, hỏa thần. Tích giả, địa thần ác kiến, ngôn ‘địa trung vô thủy, hỏa, phong’.* Phật ngôn: ‘*Địa trung hữu thủy, hỏa, phong, dẫn địa đại đa cố, địa đại đắc danh’.* Thứ đệ thuyết pháp, địa thần hoan hỷ. Phật vị thuyết Tứ Đê, địa thần tức viễn trần, ly cấu, đắc pháp nhĩ tịnh, bạch ngôn: ‘*Ngã kim quy y Phật, Pháp, Tăng, tận hình thọ bất sát, nãi chí bất ẩm tửu, thính ngã u chánh pháp trung vi ưu-bà-di’.* Thủy, hỏa, phong thần diệc nhiên” (Có bốn đại thiên thần, một là thần đất, hai là thần nước, ba là thần gió, bốn là thần lửa. Xưa kia, thần đất ác kiến, nói “trong đất chẳng có nước, lửa, gió”. Đức Phật dạy: “Trong nước có nước, lửa, gió, chỉ vì địa đại nhiều, nên địa đại được xếp đứng đầu”. Đức Phật theo thứ tự nói pháp, thần đất hoan hỷ. Đức Phật vì vị thần ấy nói Tứ Đê. Thần đất bèn xa lìa trần cấu, đắc pháp nhĩ tịnh, bạch rằng: “Con nay quy y Phật, Pháp, Tăng, cho đến hết thọ mạng chẳng giết, cho đến chẳng uống rượu, xin cho con làm ưu-bà-di trong chánh pháp”. Các thần nước, lửa, gió cũng thế). Do vậy, biết [địa thần] là nữ thần. Trong phần giải thích tựa đề, đã đem Khôn là mẹ phối ứng với vua trời là Càn, tức là cha, chẳng phải là nói đoán mò đâu nhé!

“*Bạch Phật*”, ý nói: “Hoàng dương kinh Phật, ắt phải cấy vào đất; để chuyên pháp, phải nhờ đến cái ăn. Đất có nhiên do con (Kiên Lao địa thần) làm chủ, thức ăn cũng do con sanh ra. Nếu con chẳng hộ trì, dùng điều gì để lưu thông vậy thay?” Do đó, đối trước đại hội trên cung trời, trong số vô lượng địa thần, vị này quả quyết đảm nhiệm trọng trách hộ pháp. Vì vậy, Ngài bước ra khỏi chỗ ngồi để thưa trình. Trước hết, Ngài nói “*ngã từng tích lai*” (con từ xưa tới nay), nêu rõ: “Con đã phát tâm, chẳng phải là trong một sáng, một chiều”.

“*Chiêm thị đánh lễ*” (chiêm ngưỡng, đánh lễ): Nêu rõ Ngài đã gặp nhiều bậc thánh, [các vị ấy] đều chẳng phải là hạng vật vãnh. “*Đại bát khả tư nghị*” (to lớn chẳng thể nghĩ bàn): Ca ngợi sự tốt đẹp về thần

---

Tần, đời Đường đổi thành Hoài Châu. Đê Tích là vùng đất thấp nhất của Đàm Hoài, tức là thôn Bình Cao của Ôn Huyện hiện thời.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

thông, trí huệ [của các vị thánh ấy]. Thần thông và trí huệ chính là phương tiện để độ sanh, tức là tam mật diêu luân. Như đại tướng Tán Chi<sup>211</sup> nói: “*Ngã hiện kiến bất khả tư nghị trí cảnh*” (nay ta thấy cảnh trí huệ chẳng thể nghĩ bàn). Kim Quang Minh Kinh Sớ viết: “*Nếu cảnh mà có thể dùng trí để biết, có thể dùng miệng để diễn tả, cảnh sẽ chẳng phải là bí mật. Chẳng thể dùng trí để biết, chẳng thể dùng thức để nhận biết, chẳng thể gọi tên, chẳng thể nói, thì gọi là cảnh bí mật chẳng thể nghĩ bàn!*” Nay các vị Bồ Tát đều dùng Tam Mật (thân mật, ngữ mật, ý mật) để rộng độ chúng sanh, cho nên đều là thần thông và trí huệ to lớn chẳng thể nghĩ bàn!

***3.3.1.1.2.1.2. Biệt tán kim văn (riêng tán thán vị được nghe nói trong hiện thời)***

***3.3.1.1.2.1.2.1. Tán Địa Tạng đức (tán dương công đức của ngài Địa Tạng)***

***3.3.1.1.2.1.2.1.1. Thán thệ nguyện thâm trọng (tán thán thệ nguyện sâu nặng)***

***(Kinh) Thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, u chư Bồ Tát, thệ nguyện thâm trọng. Thế Tôn! Thị Địa Tạng Bồ Tát u Diêm Phù Đề hữu đại nhân duyên.***

***(經)是地藏菩薩摩訶薩，於諸菩薩，誓願深重。世尊！***

***是地藏菩薩於閻浮提有大因緣。***

***(Kinh: Trong các vị Bồ Tát, vị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát này thệ nguyện sâu nặng. Bạch Thế Tôn! Vị Địa Tạng Bồ Tát này có đại nhân duyên với Diêm Phù Đề).***

---

<sup>211</sup> Tán Chi (Pañcika), còn phiên âm là Tán Chi Ca, hay Tán Chi Tu Ma (có nghĩa là Mật Thần). Sau thời ngài Huyền Trang, tên vị này được phiên âm là Bán Chi Ca, hoặc Bán Chi Ca. Có thuyết nói vị này chính là con của Quỷ Tử Mẫu; nhưng theo kinh Ha Rị Đế Mẫu thì Bán Chi Ca phải là chồng. Vị này là một trong tám vị đại tướng dưới quyền cai quản của Bắc Phương Tỳ Sa Môn thiên vương. Ngài quản lãnh hai mươi tám bộ chúng quỷ thần tuần hành thế gian, thưởng thiện, phạt ác. Trong kinh Kim Quang Minh có riêng một phẩm, tức phẩm Tán Chi Quỷ Thần trần thuật lời phát nguyện của vị này.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Nêu chung thể nguyện của đức Địa Tạng, Ngài đặc biệt hữu duyên với Diêm Phù. [Những điều này đều được nói rõ] trong đoạn kinh văn kế tiếp.

#### **3.3.1.1.2.1.2. Cử Đại Sĩ lệ hiện (nêu ra một vài vị Đại Sĩ để chỉ rõ)**

*(Kinh) Như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc, diệp hóa bách thiên thân hình, độ u lục đạo, kỳ nguyện thượng hữu tất cánh.*

**(經)如文殊，普賢，觀音，彌勒，亦化百千身形，度於六道，其願尚有畢竟。**

*(Kinh: Như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc cũng hóa hiện trăm ngàn thân hình độ thoát lục đạo, nguyện của các vị ấy còn có lúc hoàn mãn).*

Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc như đã giải thích trong các phần trước. Quán Âm sẽ được giải thích trong phần sau. Theo kinh Thập Luân, ngoại trừ Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm v.v... các vị đại Bồ Tát đều chẳng sánh bằng ngài Địa Tạng. Nay địa thần còn nói các vị như Văn Thù v.v... vẫn thua kém một bậc, chẳng phải là nói “công đức có hơn, kém”, mà là do thể nguyện có hoàn mãn hay không!

“Diệp hóa” (cũng hóa hiện): Như Đại Luận viết: “*Mỗi lỗ chân lông của Biến Cát Bồ Tát thường hiện ra các thế giới Phật và chư Phật, Bồ Tát trọn khắp mười phương để hóa độ chúng sanh*”. Ngài Văn Thù phân thân biến hóa vào trong năm đường, hoặc làm Thanh Văn, Duyên Giác, hoặc hiện thân Phật. Như kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có nói: Ngài Văn Thù trong quá khứ là Long Chủng Tôn Phật (Nagesvararaja). Bảy mươi hai ức đời làm Bích Chi Ca Phật (Bích Chi Phật, Pratyekabuddha).

Trong kinh Văn Thù Sư Lợi Bát Niết Bàn, đức Phật bảo ngài Bạt Đà La: “*Thử Văn Thù Sư Lợi hữu đại từ bi, sanh u thử quốc Đa La tụ lạc, Phạm Đức Bà-la-môn gia. Sanh thời, trạch hóa liên hoa. Tùng mẫu hữu hiệp xuất, thân tử kim sắc, đọa địa năng ngữ, bảo cái tùy phú. Ư Phật sở xuất gia, trụ Thủ Lăng Nghiêm Định. Phật Niết Bàn hậu, tứ bách ngũ thập tuế, đương chí Tuyết Sơn, vị ngũ bách tiên nhân, tuyên dương thập nhị bộ kinh, hóa linh trụ Bất Thoái dĩ, chí Bản Sanh không dã trạch, Ni Câu Lô Đà thụ hạ, nhập Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, mao*

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*không xuất kim sắc quang, biến chiếu thập phương thế giới, độ hữu duyên giả. Thân như tử kim sơn, chánh trường trường lục, viên quang nghiêm hiển, diện các nhất tâm. Viên quang nội, ngũ bách hóa Phật. Nhất nhất hóa Phật, hữu ngũ Bồ Tát, dĩ vi thị giả. Thị Văn Thù Sư Lợi, hữu vô lượng thần thông biến hiện, bất khả cụ thuyết”* (Ông Văn Thù Sư Lợi có tâm đại từ bi, sanh trong nhà Bà-la-môn Phạm Đức thuộc thôn làng Đa La của nước này. Khi ông ta sanh ra, nhà hóa sanh hoa sen. Từ hông phải của mẹ xuất sanh, thân sắc tử kim. Vừa rơi xuống đất, đã biết nói, lọng báu theo che phủ. Ông xuất gia nơi Phật, trụ trong Thủ Lăng Nghiêm Định. Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn bốn trăm năm mươi năm, ông ta sẽ tới Tuyết Sơn, vì năm trăm tiên nhân tuyên dương mười hai bộ kinh, hóa độ họ trụ Bất Thoái xong, bèn tới vùng đầm nước nơi đồng trống Bồn Sanh, ở dưới cội Ni Câu Lô Đà, nhập Thủ Lăng Nghiêm tam-muội. Lỗ chân lông tỏa quang minh kim sắc, chiếu trọn khắp mười phương thế giới, độ kẻ hữu duyên. Thân như núi vàng tía, cao đúng một trượng sáu thước. Viên quang trang nghiêm, rõ rệt, chiếu mỗi phía xa một tâm. Trong viên quang, có năm trăm hóa Phật. Mỗi vị hóa Phật, có năm vị hóa Bồ Tát làm thị giả. Ông Văn Thù Sư Lợi này có vô lượng thần thông biến hiện, chẳng thể nói trọn).

Lại nữa, sư Biện Thông từ Ngũ Đài lên kinh đô, có vị lão tăng nhờ tìm Bột Hà ở phía Bắc kinh thành để đưa giùm thư. Sư tới bên sông Quảng Từ, nghe trẻ nhỏ gọi [một con lợn] là Bột Hà, bèn đưa thư cho nó. Lợn vội ăn ngay, bỗng đứng thẳng như người mà thác. Mới biết vị lão tăng chính là Văn Thù, còn Bột Hà chính là Phổ Hiền. Gã đồ tể họ Triệu đã nuôi con lợn ấy mười lăm năm. Do nó chỉ ăn cây bột hà (bạc hà), nên gọi tên như vậy. Hàn Sơn, Thập Đắc cũng [do hai vị Bồ Tát này hóa hiện] tương tự như vậy.

Quán Âm thì như phẩm Phổ Môn đã nói ba mươi hai ứng thân, và các truyện ký ghi chép càng nhiều. Di Lạc [hóa thân] thì như Phó Đại Sĩ, Bồ Đại tăng v.v... Đó là nói theo chuyện gần đây, kinh Huệ Thượng Bồ Tát chép: *“Tích Câu Lô Tân Phật thời, hữu tỳ-kheo danh Vô Cấu, nhàn cư sơn quật, cận hữu ngũ thần tiên. Hữu nhất nữ nhân, ngộ vũ nhập quật, vũ tình xuất khứ. Ngũ tiên kiến chi, các ngôn bỉ tỳ-kheo gian uế. Vô Cấu văn chi, tức dừng thân hư không, ngũ tiên đầu địa phục tội, tức thị Từ Thị”* (Xưa kia, vào thời Câu Lô Tân Phật (Câu Lưu Tôn Phật), có một tỳ-kheo tên là Vô Cấu, ẩn cư trong hang núi. Gần đó, có năm vị thần tiên. Có một nữ nhân gặp mưa, bèn lánh vào hang; mưa tạnh liền đi ra. Năm vị tiên trông thấy, đều nói tỳ-kheo ấy gian dâm, bản thiu. Vô Cấu

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

nghe nói, liền tung mình lên hư không, năm vị tiên gieo mình xuống đất chịu tội. Đây chính là ngài Từ Thị). Do các vị Đại Sĩ ứng hiện chẳng có ngần mé, cho nên nói tổng quát là “*diệt hóa bách thiên thân hình*” (cũng hóa hiện trăm ngàn thân hình). Nhưng các nguyện niệm ấy đều có lúc cùng tận, chẳng phải là không hoàn mãn!

#### **3.3.1.1.2.1.2.1.3. Hiện giáo hóa nan lượng (chỉ rõ Bồ Tát giáo hóa khó lường)**

*(Kinh) Thị Địa Tạng Bồ Tát, giáo hóa lục đạo nhất thiết chúng sanh, số phát thệ nguyện kiếp số như thiên bách ức Hằng hà sa.*

**(經)是地藏菩薩，教化六道一切眾生，所發誓願劫數，如千百億恆河沙。**

*(Kinh: Vị Địa Tạng Bồ Tát này giáo hóa hết thảy chúng sanh trong sáu đường, đã phát ra thệ nguyện trong số kiếp nhiều như số cát trong trăm ngàn sông Hằng).*

Như đã giải thích trong các phần trước.

#### **3.3.1.1.2.1.2.2. Hộ cúng dường nhân (hộ trì người cúng dường)**

**3.3.1.1.2.1.2.2.1. Tổ tượng, cúng tán đắc lợi ích (đắp tượng, cúng dường, tán thán, sẽ đạt được lợi ích)**

##### **3.3.1.1.2.1.2.2.1.1. Tu nhân**

*(Kinh) Thế Tôn! Ngã quán vị lai cập hiện tại chúng sanh, u sở trụ xứ, u Nam phương thanh khiết chi địa, dĩ thổ, thạch, trúc, mộc, tác kỳ khám thất. Thị trung năng tố, họa, nãi chí kim, ngân, đồng, thiết, tác Địa Tạng hình tượng, thiêu hương, cúng dường, chiêm lễ, tán thán.*

**(經)世尊！我觀未來及現在眾生，於所住處，於南方清潔之地，以土石竹木·作其龕室。是中能塑畫，乃至金銀銅鐵，作地藏形像，燒香供養，瞻禮讚歎。**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Con thấy chúng sanh trong vị lai và hiện tại, tại chỗ họ ở, nơi cuộc đất thanh khiết ở phương Nam, dùng đất, đá,*

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*tre, gỗ, làm thành cái khám thờ. Trong ấy có thể đắp, vẽ, cho đến dùng vàng, bạc, đồng, sắt, tạo hình tượng Địa Tạng, thấp hương, cúng dường, chiêm lễ, tán thán).*

Chân trí không ngăn mé, chẳng hạn cuộc Đông, Tây, Nam, Bắc; Pháp Thân không có hình tượng, há phải cậy vào đồng, sắt, vàng, bạc? Nhưng đất chính là chỗ để thờ tượng, tượng là cửa ngõ để khởi lòng cung kính. Do thuận theo cơ nghi thế tục, chẳng hoại giả danh để luận đàm Thật Tướng. Pháp để xiển dương Tánh, ắt nhờ vào giả tướng để ngộ chân dung (dung mạo thật sự). Vì thế, nương theo nơi chốn để tạo hình tượng. Nhưng nói “*ư sở trụ xứ*” (tại chỗ họ ở) cũng là địa thần nói theo phương diện hình tích. Nếu luận theo Bản, há có nơi nào để luận? Tứ Trí chẳng thể biện định đầu mối này, Ngũ Nhãn sao có thể thấy chỗ sâu thẳm ấy? Như trong kinh Thập Luân, Hảo Nghi Vấn Bồ Tát bạch cùng đức Phật rằng: “*Thử thiện nam tử tùng hà nhi lai? Sở cư Phật quốc khứ thử viễn cận?*” (Vị thiện nam tử này từ đâu mà đến? Ở trong cõi Phật cách đây gần hay xa?) Đức Phật dạy: “*Như thị Đại Sĩ, tùy sở chỉ trụ, chư Phật quốc độ, tùy sở an trụ, chư tam-ma-địa*” (vị Đại Sĩ như thế tùy ý cư trụ trong các cõi Phật, tùy ý an trụ trong các chánh định). Theo đó, há Ngài hạn cuộc trong một phương, một chỗ ư?

Nay nói làm cái thất ở phương Nam, xét theo kinh Khởi Thế, sẽ là phía Nam của châu Diêm Phù, ở ngoài hai núi Thiết Vi, có trụ xứ của cung điện vua Diêm Ma. Ngài Địa Tạng đặc biệt hiện thân trong địa ngục, làm U Minh giáo chủ; do vậy, thuận theo chỗ Ngài hiện thân mà làm cái thất ở phía Nam. Đây chính là ý nghĩa trong pháp hội Đại Tập, Ngài đã hiện mưa hương, mây hoa từ thế giới phương Nam đến dự. Đây là vì coi Ngộ là Trung Đạo, quẻ Ly ở phía Nam là chánh, là mặt trời, là sáng rực. Do quẻ Ly rộng rang ở giữa<sup>212</sup>, cho nên sáng ngời, giống như “*do các pháp là Không*”, cho nên mặt trời trí huệ rạng ngời nơi Dương, chiếu trọn khắp thiên hạ. Vì thế, xét theo nơi chốn thuộc về Tích mà tạo tác cái thất thờ tượng, chính là vì muốn cho ai nấy đều thoát khỏi con đường tối tăm đầy hầm bẫy, thăng lên cuộc đất thuộc về Dương, nơi quẻ Ly sáng ngời. Bởi lẽ, Âm chủ tử, mà Dương chủ sanh vậy.

“*Thanh khiết chi địa*” (cuộc đất thanh khiết): Theo cách tạo đàn tràng trong Mật Bộ, ắt cần phải đào bỏ đất dơ, thay bằng đất sạch. Phải làm đàn tràng ở chỗ rừng sâu thanh vắng, hoặc chỗ đất sạch bên sông, thì

---

<sup>212</sup> Quẻ Ly có gồm hai hào Dương (hai vạch liền) bên ngoài và một hào Âm (vạch đứt) ở giữa.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

mới gọi là “*đúng pháp*”. Vì thế, nay cũng nói “*ư thanh khiết địa*” (ở chỗ đất thanh khiết).

“*Khám*” (龕) [theo nghĩa gốc] có nghĩa là “*hang rỗng*”. Chữ Khám ghép từ chữ Hợp (合) [và Long (龍)], [chữ Hợp] hàm nghĩa [khi khí hậu chuyển sang giữa Thu, trời bắt đầu lạnh], các loài sâu bọ bèn phong kín hang hốc của chúng, tức là ý nghĩa “*tĩnh đến cùng cực*”. Long là tinh túy của thuần dương, trọn đủ sự biến hóa của thiên đạo. Dương (quẻ Càn) được khởi đầu bằng Tiềm Long (rồng ẩn)<sup>213</sup>, chính là vì chưa thấy đức thành tựu. Vì sao vậy? Chính là vì thấy thiên đạo còn mờ mịt, không tiếng động, không mùi. Rỗng ẩn mà chẳng ẩn, xuyên qua hỗn độn, mọi người sẽ thấy nó hiện mà chẳng hiện, ẩn mà chẳng ẩn. Hội tụ Âm Dương nhất trí, dứt bật Tánh và Tu cùng nguồn. Đây chính là Đế và Quán chẳng khác biệt, là pháp môn tuyệt học vậy<sup>214</sup>. Những điều khác dễ hiểu!

### **3.3.1.1.2.1.2.2.1.2. Đắc ích (đạt được lợi ích)**

#### **3.3.1.1.2.1.2.2.1.2.1. Tiêu thị thập lợi (nêu bày mười điều lợi)**

**(Kinh) Thị nhân cư xứ, tức đắc thập chủng lợi ích.**

**(經)是人居處，即得十種利益。**

**(Kinh: Nơi người ấy ở, liền được mười thứ lợi ích).**

Điều này hiển thị “*người tôn quý, nơi chốn thù thắng*”. Đây là do đã nghe thệ nguyện và oai thần chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát,

---

<sup>213</sup> Đây là cách giải thích trong Châu Dịch về quẻ Càn. Quẻ Càn có ba vạch, mỗi vạch được gọi là Cửu. Sách lại giải thích về ý nghĩa của vạch đầu tiên (sơ cửu) là “*tiềm long vật dụng*” (rồng ẩn chưa dùng được), và giải thích điều này giống như dương khí còn tiềm tàng, chưa thể hiện công năng to lớn của nó.

<sup>214</sup> Thoạt nhìn, cả một đoạn dài này nhằm giải thích chữ Long trong chữ Khám, dường như chẳng ăn nhập gì với đoạn kinh văn này. Theo ngu ý, pháp sư Linh Thừa dùng những lời lẽ để giải thích chữ Long nhằm nói lên ý nghĩa ẩn tàng trong Khám Thất. Cái khám thờ có đặt hình tượng của Bồ Tát bên trong, ví như “*tiềm long*” nhằm nhắc nhở chúng sanh ai nấy sẵn có Như Lai Tạng Tánh ẩn tàng trong vọng tâm, giống như rồng tiềm ẩn chưa phát khởi công năng bay lượn, tuôn mưa. Khi rồng hiện, khó thể thấy được toàn thân nó, nên nói là “*hiện mà chẳng phải hiện, ẩn mà chẳng phải ẩn*”. Cũng thế, Pháp Thân chẳng phải là Có, chẳng phải là Không, khởi tác dụng vô biên, nhưng chẳng thể chấp trước là Pháp Thân khởi tác dụng hay không.



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

bền có thể tin hiểu, lại còn tạo thất, tạc tượng, cúng dường, lễ bái, tán thán. Thoạt đầu là một niệm tín giải; sau đó, kiêm hành Lục Độ. Do đã là chốn cư ngụ của một đệ tử tôn trọng [Bồ Tát nói riêng và Tam Bảo nói chung], dù ở bất cứ nơi đâu, cũng đều là cát tường. Vì vậy, điềm lành thường chen nhau đưa tới, [cho nên] có mười thứ lợi ích.

#### ***3.3.1.1.2.1.2.2. Trung liệt thập danh (liệt kê mười thứ)***

***(Kinh) Hà đẳng vi thập? Nhất giả, thổ địa phong nhượng. Nhị giả, gia trạch vĩnh an.***

**(經)何等為十? 一者, 土地豐壤。二者, 家宅永安。**

***(Kinh: Những gì là mười? Một là đất đai phì nhiêu. Hai là nhà cửa mãi mãi an ổn).***

Câu đầu tiên là gạn hỏi, từ chữ “nhất giả” (một là) trở đi, liệt kê. [Các thứ lợi ích] theo thứ tự sanh ra nhau, có mười điều lợi. Trước hết, nêu ra đất đai, do kiến lập chỗ ở. Kế đó, nói đến nhà cửa để an thân, cho đến “quỷ thần bảo vệ, giúp đỡ”; kết thúc bằng “[tạo thành cái] nhân gặp gỡ thánh hiền”.

“Phong nhượng” (豐壤): “Phong” (豐) là thịnh vượng, to lớn. Hề sung túc thì cúng tế sẽ trọn đủ các món vật, cho nên dùng chữ Đậu (豆) to mập để tạo chữ Phong. Phía trên của chữ Phong (豐), có ba chữ Phong (丰, lợi lộc tràn đầy), ngụ ý: Đã thịnh vượng lại càng thịnh vượng hơn. Thiên sách Vũ Cống có câu: “Quyết thổ duy bạch nhượng” (cuộc đất này chỉ là đất mịn màu trắng). Câu này được chú giải như sau: “Đất mềm mịn, không vón cục, gọi là Nhưỡng. Nói là Bạch (trắng) vì thấy màu sắc của nó tinh thuần. Nói là Nhưỡng vì thấy đặc tánh đẹp đẽ của nó”. Quan Đại Tư Đồ đời Châu biện định có mười hai loại Nhưỡng (壤) để nhận biết các loại đất, hòng dạy [dân chúng] canh tác, trồng trọt. Nhưng biện định về đất đai, hãy nên xét theo hai khía cạnh, tức là màu sắc và tánh chất. Đại khái, đất tốt năm màu, đều là loại đất tốt phì nhiêu để trồng trọt; như nói “quyết thổ hắc phần, quyết thổ xích phần” (cuộc đất này là loại đất gò màu đen, cuộc đất kia là loại đất gò màu đỏ) v.v... Do vậy, trong phần chú giải về chương Địa Quan trong sách Châu Lễ, có chép: “Nhưỡng xích thổ, dĩ vạn vật tự sanh, tắc ngôn Thổ. Dĩ nhân sở canh nghệ, tắc viết Nhưỡng” (“Nhưỡng xích thổ”: Để vạn vật tự sanh

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

trường thì gọi là Thổ. Để cho mọi người cày cấy, trồng trọt, thì gọi là Nhưỡng).

“*Nhưỡng*” (壤) là hài hòa. Sách Dật Nhã giảng Nhưỡng có nghĩa là “*phì nhiều, không khô khan*”. Kinh Thế Ký dạy: “*Diêm Phù Đề sở hữu quốc, danh viết Ốc Nhưỡng Phong Lạc, đã xuất trần bảo, lâm thủy thanh tịnh*” (Diêm Phù Đề có quốc gia tên là Ốc Nhưỡng Phong Lạc, sanh ra nhiều thứ quý báu, rừng và nước thanh tịnh) là nói đến chuyện này. Theo kinh Trường A Hàm, cuộc đất Diêm Phù Đề phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, kích thước mỗi bề là bảy ngàn do-tuần. Mặt con người [trong châu ấy] giống như hình thế của đất.

Đã có được cuộc đất phì nhiêu, ắt nhà cửa sẽ mãi mãi an ổn. Chữ Gia (家) do Miên (宀) và Chúng (豕) ghép lại, tức là cha con, anh em, vợ chồng, ở chung với nhau hòa hợp, vui vẻ. Chữ Trạch (宅) do Miên (宀) và Thác (毛) ghép lại, hàm nghĩa: Chọn chỗ tốt lành để gọi thân, [ngõ hầu] điềm lành đưa tới, tai ương diệt mất.

***(Kinh) Tam giả, tiên vong sanh thiên. Tứ giả, hiện tồn ích thọ.***

***(經)三者, 先亡生天。四者, 現存益壽。***

***(Kinh: Ba là người đã khuất sanh lên trời. Bốn là người còn sống tăng thêm tuổi thọ).***

Người sống đã yên ổn, tổ tiên cũng được phước, cũng được hưởng thiện nghiệp, và được sanh lên trời. Người đã mất còn như thế, hưởng hồ là [người tự tay] tạo thât, trang nghiêm tượng ư? Ví như kinh Kim Quang Minh có dạy: “*Nhược hữu chúng sanh, vị cúng dường kinh điển cố, trang nghiêm ốc trạch. Nãi chí trương huyền nhất phan, nhất cái, cập dĩ nhất y, Dục Giới Lạc Thiên dĩ hữu tự nhiên thât bảo cung điện. Thị nhân mạng chung, tức đắc sanh bỉ, các các tự nhiên hữu thât thiên nữ, cộng tương ngu lạc. Nhật dạ thường thọ bất khả tư nghị vi diệu khoái lạc*” (Nếu có chúng sanh vì cúng dường kinh điển mà trang nghiêm nhà cửa, cho đến căng, treo một lá phan, một cái lọng, và dùng một cái y [để cúng dường]. Trên tầng trời thứ sáu của Dục Giới tự nhiên đã có cung điện bảy báu [chờ sẵn người ấy]. Người ấy mạng chung, liền được sanh về đó, ai nấy đều tự nhiên có bảy thiên nữ cùng nhau vui sướng. Ngày đêm thường hưởng sự vui sướng vi diệu chẳng thể nghĩ bàn). Nay kinh này cũng nói như thế, không chỉ là người đã khuất sanh

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

thiên, mà cũng khiến cho người đang còn sống tăng thêm tuổi thọ. Kinh Kim Quang Minh dạy: “*Diêm Phù Đề nội, dược thảo thụ mộc, căn, hành, chi, diệp, hoa, quả tư mậu, mỹ sắc, hương vị, giai tất cụ túc. Chúng sanh thực dĩ, tăng trưởng thọ, sắc, lực, biện, an, lục tình chư căn, cụ túc thông lợi*” (Trong Diêm Phù Đề, cỏ thuốc, cây cối, rễ, thân, cành, lá, hoa, quả sum xuê, đẹp đẽ, thơm, ngon, thấy đều trọn đủ. Chúng sanh ăn xong, sẽ tăng trưởng tuổi thọ, sắc diện, thể lực, biện tài, an ôn, sáu căn trọn đủ, nhạy bén) là nói về ý này.

***(Kinh) Ngũ giả, sở cầu toại ý. Lục giả, vô thủy hỏa tai.***

***(經)五者, 所求遂意。六者, 無水火災。***

***(Kinh: Năm là điều mong cầu được vừa ý. Sáu là không có tai nạn nước, lửa).***

Đã sống thọ mà mọi việc chẳng hài hòa, há đáng quý ư? Nay phàm mọi chuyện mong cầu, không gì chẳng toại nguyện. Thuận theo chí mình là Toại (遂), cũng là Xưng (稱, vừa ý), thường gọi là “*tùy ý sử dụng, hưởng thụ vui sướng*”. Các thứ thức ăn, quần áo, ngọc cụ (đồ trái nạm như chiếu, mền, đệm...), cung điện, nhà cửa, cây cối, rừng, vườn, sông, ao, giếng, suối, thấy đều trọn đủ, không gì chẳng toại ý. Toại ý ở bên trong, còn tai nạn hay cát tường ở bên ngoài. Nếu nói đến nước, lửa thì đời người chẳng thể nào thiếu chúng một ngày. Vì nước chảy làm ẩm ướt, nhuần thấm vạn vật; do vậy, nó ở vào vị trí của quẻ Khảm ở phương Bắc. Lửa thì khô nóng, khiến cho vạn vật khô khan, cho nên nó ở vị trí của quẻ Ly thuộc phương Nam. “*Thủy hỏa ký tế*” (nước lửa giúp sức cho nhau)<sup>215</sup> thì vạn vật sanh thành. Nếu nước và lửa chẳng đúng thời, vạn vật sẽ cháy khô, hoặc hư nát, huống hồ chim Thương Dương<sup>216</sup> hiện

<sup>215</sup> Thủy hỏa ký tế (水火既濟) là quẻ thứ sáu mươi ba trong sáu mươi tư quẻ Dịch, biểu thị Âm Dương điều hòa, bình an, hài hòa an lạc.

<sup>216</sup> Thương Dương (商羊) là một loại chim thần trong thần thoại Trung Hoa. Hễ nó xuất hiện, sẽ có mưa. Trước khi mưa to, nó sẽ nhảy múa trên một chân. Do đó, khi chim này xuất hiện, thường sẽ có lũ lụt. Hối Lộc là thần lửa. Theo Đạo Giáo, Hối Lộc (回祿) là tên gọi khác của thần lửa Chúc Dung (祝融). Có người nói Hối Lộc thật ra là tên của Ngô Hối và Lộc Chung ghép lại. Cả hai đều là thần lửa. Dân gian hay dùng chữ Hối Lộc để chỉ hỏa tai. Chúc Dung hiệu là Xích Đế, cũng là thần mùa Hạ, vốn là vị thần phù tá của Thần Nông Thị, tên thật là Trọng Lê, là cháu nội của Chuyên Húc. Theo các nhà nghiên cứu, Chúc Dung vốn là tên một bộ lạc khéo sử

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

ra nhảy múa, Hồi Lộc ngằm đến, ắt tai họa chẳng cạn! (Theo Bạch Trạch Đồ, tinh linh của lửa tên là Tất Phương (必方), hình dáng như chim, một chân. Gọi tên nó, nó sẽ bỏ đi. Tinh linh của nước tên là Vĩng Tượng (罔象), hình dạng như đứa bé, mắt đỏ, da đen, tai to, móng vuốt dài. Dùng thùng trối nó thì sẽ bắt được. Đem nấu, sẽ tốt lành).

**(Kinh) Thất giả, hư hao tịch trừ. Bát giả, dĩ tuyệt ác mộng.**

**(經)七者，虛耗辟除。八者，杜絕惡夢。**

**(Kinh: Bảy là trừ sạch hư hao. Tám là dứt bật ác mộng).**

Trong lần ngoài tuy đạt được an ninh, lại cần phải trừ khử hư hao. Sách Thuyết Văn Giải Tự giảng Hao (耗) là một loại lúa. Sách Lữ Thị Xuân Thu<sup>217</sup> chép: “Phạn chi mỹ giả, Huyền Sơn chi hòa, Nam Hải chi hao” (cơm ngon là giống lúa ở Huyền Sơn, là gạo hao ở Nam Hải) là nói về điều này. Như Tuân Tử nói: “Nhiều mà rối loạn thì gọi là Hao”, tức là [Hao hiểu theo nghĩa] “giảm tổn, hư hao”. Trong bài Đối Sách<sup>218</sup> của Đông Trọng Thư có câu: “Sát thiên hạ nhi tức hao” (xét sao cho thiên hạ sanh điều thiện, giảm bớt điều ác) là nói đến chuyện này (Chú thích: “Tức” (息) là sanh trưởng. “Hao” (耗) là hư rỗng. Thế tục gọi ngày Mười Sáu tháng Giêng là Hao Ma Nhật (耗磨日), các cơ quan công quyền chẳng mở kho thóc trong ngày ấy).

Kinh Kim Quang Minh dạy: “Nhược thử quốc độ, hữu chư suy hao, chủng chủng gian nan, dĩ ngã đẳng lực cố, linh như thị chủng

---

dụng và duy trì lửa, cho nên có hẳn một chức quan trông coi về lửa, gọi là Chức Dung.

<sup>217</sup> Lữ Thị Xuân Thu còn gọi là Lữ Lãm, là một bộ sách tập hợp những bài văn xuôi luận định về chính trị thời Xuân Thu Chiến Quốc, gồm hai mươi sáu quyển, chia thành một trăm sáu mươi thiên, do tể tướng Lữ Bất Vi và các môn hạ biên soạn. Sách hoàn tất vào năm thứ sáu đời Tần Vương Chánh (tức Tần Thủy Hoàng trước khi xưng đế, Tần Thủy Hoàng tên thật là Doanh Chánh).

<sup>218</sup> Đối sách (對策) là những bài viết của thí sinh nhằm trả lời những câu hỏi trong các trường thi thuở trước. Thường là vị chủ khảo sẽ lấy một câu trong kinh điển của Nho gia để ra đề thi, hoặc nêu một vấn đề, các thí sinh sẽ viết một bài văn trình bày kiến giải và cách giải quyết vấn đề. Bài viết ấy được gọi là Đối Sách. Câu trích dẫn trên đây trích từ bài Hiền Lương Sách (đối sách về cách chọn lựa bậc hiền lương) của Đông Trọng Thư.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*chủng bách thiên suy hao chi sự, tất giai diệt tận”* (Nếu cõi nước này có các thứ suy bại, hao tổn, đủ mọi thứ gian nan, do sức của chúng tôi, sẽ khiến cho trăm ngàn chuyện suy hao như vậy đều bị diệt sạch) là nói về chuyện này. Ban ngày các duyên đã thuận thảo, thích đáng, đêm thì cần phải ngủ nghỉ, nằm mộng an tường. Nay trăm thứ ác mộng bình phàm giống như vỏ rễ cây bị vùi kín chẳng lộ ra được, như đầu mối của bó sợi gai bị cắt đứt, không thể nối tiếp được nữa!

**(Kinh) Cứu giả, xuất nhập thần hộ. Thập giả, đa ngộ thánh nhân.**

**(經)九者，出入神護。十者，多遇聖因。**

*(Kinh: Chín là ra vào có thần bảo vệ. Mười là, thường gặp gỡ những cái nhân giúp tăng tấn thánh đạo).*

Ngày qua, tháng lại, ngòi hưởng sự tốt lành thuần mỹ. Ngày ra, đêm vào, càng mong được yên ổn. Nay do tu phước thiện, ra vào có thần bảo vệ. Kinh Kim Quang Minh chép: “*Ngã đẳng tứ vương, nhị thập bát bộ chư quý thần đẳng, cập vô lượng bách thiên quý thần, dĩ tịnh thiên nhãn, quá ư nhân nhãn, thường quán ủng hộ thử Diêm Phù Đề*” (Bốn vua chúng con, hai mươi tám bộ các quý thần, và vô lượng trăm ngàn quý thần, dùng thiên nhãn trong sạch hơn hẳn mắt của loài người để thường nhìn xem, ủng hộ cõi Diêm Phù Đề này) là nói về chuyện này. Chín loại trước đều là lợi ích thế gian. Loại thứ mười là cái nhân của quả thánh, chính là lợi ích xuất thế. “*Thánh*” (聖) là chánh đáng, tức là cái nhân tu tập của bậc thánh chân chánh xuất thế. Như nghe pháp, ngộ đạo, trai tăng, bố thí, tạo tượng, sửa tháp, tu bổ kinh điển và thánh tượng [bị hư hoại] v.v... Kinh Niết Bàn dạy: “*Thiện tri thức giả, linh nhân tiệm viễn ác pháp, tăng trưởng thiện pháp, bốn vị hữu Định, Huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, tức tiện hữu chi. Vị cụ túc giả, tức đắc tăng quang*” (Thiện tri thức là bậc khiến cho mọi người dần dần xa lìa pháp ác, tăng trưởng pháp lành. Kẻ vốn chưa có Định, Huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sẽ liền có. Kẻ chưa đầy đủ, sẽ được tăng trưởng rộng hơn). Thường được nhiều lượt gặp gỡ cái nhân của thánh đạo như thế! Nếu chẳng do tu cúng dường Đại Sĩ, sao có thể đạt được mười thứ lợi ích ấy?

#### **3.3.1.1.2.1.2.2.1.3. Kết thành (kết lại phần thành tựu)**

*(Kinh) Thế Tôn! Vị lai thế trung, cập hiện tại chúng sanh, nhược năng ư sở trụ xứ phương diện, tác như thị cúng dường, đắc như thị lợi ích.*

**(經)世尊！未來世中，及現在眾生，若能於所住處方面，作如是供養，得如是利益。**

*(Kinh: Bạch Thế Tôn! Chúng sanh trong đời vị lai và hiện tại, nếu có thể ở nơi cư trụ của chính mình, thực hiện sự cúng dường như thế, sẽ đạt được lợi ích như vậy).*

Tổng kết chung cả hai phần kinh văn nói về tu nhân và đạt được lợi ích. Kinh Thập Luân dạy: “*Thiện nam tử! Giả sử hữu nhân, ư kỳ Di Lặc, cập Diệu Cát Tường, tịnh Quán Tự Tại, Phổ Hiền chi loại, nhi vi thượng thủ, Căng-già sa đấng, chư đại Bồ Tát sở, ư bách kiếp trung, chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường, cầu chư sở nguyện, bất như hữu nhân ư nhất thực khoảnh, chí tâm quy y Địa Tạng Bồ Tát, linh chư hữu tình sở nguyện mãn túc. Như như ý bảo, diệc như phục tạng. Như thị Đại Sĩ, vị dục thành thực chư hữu tình cố, cửu tu kiên cố đại nguyện, đại bi, dũng mãnh tinh tấn, quá chư Bồ Tát. Thị cố như đấng, ưng đương cúng dường*” (Này thiện nam tử! Giả sử có người đối với các bậc thượng thủ của hàng đại Bồ Tát như Di Lặc, Diệu Cát Tường, cùng Quán Tự Tại, Phổ Hiền, số lượng nhiều như cát sông Hằng, trong trăm kiếp chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường, cầu thỏa các điều nguyện, chẳng bằng người trong khoảng một bữa ăn, chí tâm quy y Địa Tạng Bồ Tát, khiến cho các hữu tình được thỏa mãn điều nguyện, như báu như ý, cũng như kho tàng. Vị Đại Sĩ như thế, vì muốn thành thực các hữu tình, đã tu đại nguyện, đại bi kiên cố từ lâu, dũng mãnh, tinh tấn vượt xa các vị Bồ Tát. Vì thế, các ông hãy nên cúng dường). Kê rằng: “*Giả sử bách kiếp trung, tán thuyết kỳ công đức, do thượng bất năng tận, cố giai đương cúng dường*” (Giả sử trong trăm kiếp, khen nói công đức Ngài, vẫn còn chẳng thể hết, hãy đều nên cúng dường). Sở dĩ cúng dường là vì đạt được lợi ích như thế đó!

**3.3.1.1.2.1.2.2.2. Độc kinh, cúng tượng, tiêu hoại sự** (đọc kinh, thờ phụng tượng, sẽ tiêu trừ các chuyện ngang trái)

*(Kinh) Phục bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Vị lai thế trung, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, ư sở trụ xứ, hữu thử kinh*

*điển, cập Bồ Tát tượng, thị nhân cánh năng chuyển đọc kinh điển, cúng dường Bồ Tát, ngã thường nhật dạ, dĩ bản thần lực vệ hộ thị nhân, nãi chí thủy, hỏa, đao tặc, đại hoạnh, tiểu hoạnh, nhất thiết ác sự, tất giai tiêu diệt.*

**(經)復白佛言：世尊！未來世中，若有善男子，善女人，於所住處有此經典，及菩薩像，是人更能轉讀經典，供養菩薩，我常日夜，以本神力衛護是人，乃至水火盜賊，大橫小橫，一切惡事，悉皆銷滅。**

*(Kinh: Lại bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Trong đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nơi chỗ mình ở, có kinh điển này và tượng Bồ Tát, người ấy lại có thể chuyển đọc kinh điển, cúng dường Bồ Tát, con sẽ thường suốt ngày đêm dùng thần lực của mình bảo vệ người ấy, cho đến các tai nạn nước, lửa, giặc cướp, chuyện ngang trái lớn, nhỏ, hết thảy các chuyện ác, thảy đều tiêu diệt).*

Trước hết, nói đến kinh, tượng ở chỗ cư trú. Tiếp đó, nói đến thần lực hộ trì, diệt ác. Ta thấy tâm hộ pháp của địa thần trong kinh này giống như khi Ngài phát nguyện hộ trì kinh trong hội Kim Quang Minh. Ngài nói: “*Nhược tùy thị kinh điển sở lưu bố xứ, ngã đương tại trung, thường tác túc vệ*” (Nếu kinh điển này được lưu truyền đến chỗ nào, tôi sẽ thường canh giữ, bảo vệ nơi đó). Tiêu diệt nạn nước lửa, tức là chuyện thuộc các điều lợi ích sáu, bảy, và tám trên đây. “*Đại hoạnh*” là như chín thứ “*hoạnh tử*” (chết ngang xương) trong kinh Dược Sư. “*Tiểu hoạnh*” là như các chuyện ngang trái nói trong kinh Cửu Hoạnh.

“*Nhất thiết ác sự*” (hết thảy chuyện ác) là như kinh Kim Quang Minh dạy: “*Dĩ thị kinh cổ, ác mộng, cổ đạo, ngũ tinh, chư tú, biến dị tai họa, nhất thiết ác sự, tiêu diệt vô dư. Vô lượng quý thân, cập chư Đại Sĩ, trú dạ tinh cần, ủng hộ tứ phương, linh vô tai họa, vĩnh ly chư khổ. Ứng tâm thích ý, tùy kỳ sở nhạo*” (Do vì kinh này, ác mộng, cổ thuật, ngũ tinh<sup>219</sup>, các ngôi sao, tai họa biến đổi lạ lùng, hết thảy chuyện ác tiêu diệt chẳng còn sót. Vô lượng quý thân và các Đại Sĩ ngày đêm chuyên rờn, siêng năng ủng hộ bốn phương, khiến cho chẳng có tai họa, vĩnh viễn là

---

<sup>219</sup> Ngũ Tinh là năm ngôi sao chính tương ứng với Ngũ Hành, tức Thủy Tinh, Kim Tinh, Hỏa Tinh, Mộc Tinh, và Thổ Tinh, thường được biết đến dưới các danh xưng Thần Tinh, Thái Bạch, Huỳnh Hoạch, Tuế Tinh, và Trần Tinh.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

khỏi các khổ. Vừa lòng thích ý, tùy theo lòng ưa thích). Há chẳng phải là ác sự tiêu diệt, điều thiện đông đầy, tai họa ngang trái tiêu diệt, điềm lành tụ tập ư?

Trong đời có kẻ chẳng tin tưởng, cho đó là những lời lẽ dẫn dụ tiến nhập Phật môn, há chẳng nghe: “*Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương*” (Nhà chất chứa điều thiện, vui mừng có thừa. Nhà chứa điều bất thiện, tai ương có thừa). Lại chẳng nghe “*xuất ngôn thiện, thiên lý chi ngoại ứng chi. Xuất bất thiện ngôn, thiên lý chi ngoại vi chi*” (thốt lời tốt lành, ngoài ngàn dặm hưởng ứng. Thốt lời bất thiện, ngoài ngàn dặm chống đối). Lời nói và việc làm chính là then chốt của bậc quân tử, động thiên địa, cảm quý thần, há có nên chẳng tôn kính, thậm trọng ư?

**3.3.1.1.2.2. *Giáo chủ thuật thành*** (đánh giáo chủ kể lại những thành tựu của địa thần)

**3.3.1.1.2.2.1. *Tán đức*** (khen ngợi đức)

**3.3.1.1.2.2.1.1. *Trực tán thần lực*** (trực tiếp tán dương thần lực)

(*Kinh*) ***Phật cáo Kiên Lao địa thần: “Nhữ đại thần lực, chư thần thiếu cập”.***

**(經)佛告堅牢地神：汝大神力，諸神少及。**

(*Kinh: Đức Phật bảo Kiên Lao địa thần: “Thần lực to lớn của bà, các vị thần khác ít có ai bằng”.*)

“*Đại thần lực*” là những điều sẽ được nói trong phần sau. “*Chư thần*” là những người đồng loại [với địa thần], như khi Thiện Tài tham học với địa thần An Trụ, có trăm vạn địa thần, mỗi vị đều tỏa ra quang minh. Ý nói: Những vị thần như thế, hiếm có vị nào có thần lực sánh bằng bà ta!

**3.3.1.1.2.2.1.2. *Chuyển thích chủ vật*** (nói đến những vật do địa thần cai quản)

(*Kinh*) ***Hà dĩ cố? Diêm Phù thổ địa, tất môn nhữ hộ. Nãi chí thảo, mộc, sa, thạch, đạo, ma, trúc, vi, cốc, mẽ, bảo bối, tùng địa nhi hữu, giai nhân nhữ lực.***



**(經)何以故？閻浮土地，悉蒙汝護。乃至草木沙石，稻麻竹葦，穀米寶貝，從地而有，皆因汝力。**

*(Kinh: Vì sao vậy? Đất đai trong Diêm Phù Đều nhờ bà hộ trì. Cho đến cỏ cây, cát, đá, lúa, mè, tre, lau, gạo, thóc, bảo bối, đều từ đất mà có, đều do sức của bà).*

Hai câu đầu là giải thích chung. Từ chữ “*nāi chí*” (cho đến) trở đi, giải thích từng điều riêng biệt. Trong hội Kim Quang Minh, địa thần tự nói:

*“Nhi thử đại địa, thâm thập lục vạn bát thiên do-tuần, tòng Kim Cang tế, chí hải địa thượng, tất đắc chúng vị, tăng trưởng cụ túc, phong nhưỡng phì nùng, quá ư kim nhật”* (Nhưng đại địa này sâu mười sáu vạn tám ngàn do-tuần từ Kim Cang Tế<sup>220</sup> cho đến đất trên mặt biển, đều có được các thứ vị, tăng trưởng trọn đủ. Đất đai phì nhiêu, phong phú hơn hẳn ngày nay).

*“Thảo, mộc”* (cỏ cây): Sau khi thế giới mới thành lập, các hạt giống cỏ, cây, lúa, mè, tre, lau v.v... do đâu mà có? Theo kinh Trường A Hàm, có đại loạn phong từ thế giới Bất Bại thổi các hạt giống đến sanh trưởng trong thế gian này: Một là hạt cây có rễ, hai là hạt cây có củ, ba là hạt các loài cây có đốt, bốn là hạt cây có trái, năm là hạt của loại thực vật sanh ra hạt, tức là năm loại hạt. Cố nhiên là do oai lực của địa thần, mà cũng do nghiệp cảm của chúng sanh. Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt dạy: *“Phục hữu thập nghiệp, năng linh chúng sanh đắc ngoại ác báo. Nhược hữu chúng sanh ư thập bất thiện nghiệp đa tu tập cố, cảm chư ngoại vật tất bất cụ túc”* (Lại có mười nghiệp có thể khiến cho chúng sanh bị ác báo bên ngoài. Nếu có chúng sanh thường hay tu tập mười nghiệp chẳng lành, sẽ cảm các vật bên ngoài chẳng đầy đủ). Nếu tu Thập Thiện nghiệp, sẽ tương phản với tình hình trên đây. Đây là do chúng sanh ác nghiệp lừng lẫy, đến nỗi địa thần chẳng bảo vệ, muôn vật tổn giảm. Nếu tu đức nhiều, sẽ tăng thêm oai lực của địa thần, vạn vật tốt đẹp hơn.

Vì thế, địa thần nói: *“Thị Kim Quang Minh, nhược quảng thuyết thời, ngã cập quyến thuộc sở đắc công đức, bội quá ư thường, tăng*

---

<sup>220</sup> Kim Cang Tế: Theo luận Câu Xá, thế giới được hình thành dựa trên ngũ luân, lớp dưới cùng là hư không luân, trên đó là phong luân, rồi đến thủy luân. Trên thủy luân là kim cang luân, tức kim cang tế, là nền tảng của đại địa.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*trưởng thân lực, tâm tấn, dũng nhuệ. Thế Tôn! Ngã phục cam lộ vô thượng pháp vị dĩ, Diêm Phù Đề địa phong nhượng bội thường. Như thử đại địa, chúng sanh sở y, tất năng tăng trưởng nhất thiết sở tu chi vật, linh chư chúng sanh tùy ý sử dụng, thọ ư khoái lạc”* (Nếu lúc kinh Kim Quang Minh này được rộng nói, con và quyến thuộc sẽ đạt được công đức gấp bội lúc thường, tăng trưởng thân lực, tâm tinh tấn, dũng mãnh, nhạy bén. Bạch Thế Tôn! Con uống cam lộ pháp vị vô thượng xong, đất Diêm Phù Đề sẽ phì nhiêu gấp mấy lần bình thường. Đại địa như thế là chỗ nương tựa của chúng sanh, luôn có thể tăng trưởng hết thảy những vật cần thiết, khiến cho các chúng sanh tùy ý sử dụng, hưởng vui sướng”).

Do vậy, nay khen ngợi rằng: “*Đất đai trong Diêm Phù, cho đến các thứ bảo bối, phàm những gì có từ đất đều do sức của bà mà ra*”. “*Bối*” (貝, sò, ốc biển), là loài có vỏ cứng trong biển. Vật này có nhiều nếp xoắn cuộn, thể chất tự nhiên có đường vân. Lưng khum khum, tượng trưng cho trời thuộc Dương. Bụng nó phẳng, mở ra (miệng ốc), tức là đất thuộc Âm, giống như bò đi bằng bụng. Dân chúng thời cổ chất phác, dùng vỏ sò, ốc để đổi lấy rùa báu, cho nên chế thành chữ (tức “*bảo bối*”). Từ nguyên mẫu là vỏ sò, ốc, nhằm thuận tiện cho dân, đời sau mới bắt đầu đúc tiền. Tiền được lưu hành thì vỏ sò, ốc bị bỏ đi, quyền đúc tiền gom về vua chúa. Nhưng tiện lợi cho dân chúng sử dụng, đúc ngay thẳng lại bị suy đồi; tạo tiền giấy để ép uổng dân<sup>221</sup>, trọn chẳng thể thực hiện được!

#### **3.3.1.1.2.2.2. Thuật sự (trần thuật những chuyện lợi ích)**

##### **3.3.1.1.2.2.2.1. Thuật thành xưng dương lợi ích sự (trần thuật những thành tựu do xưng dương lợi ích của đức Địa Tạng)**

**(Kinh) Hựu thường xưng dương Địa Tạng Bồ Tát lợi ích chi sự, nhữ chi công đức, cập dĩ thần thông, bách thiên bội ư thường phần địa thân.**

---

<sup>221</sup> Đây là nói về thời cổ, khi triều đình phát hành tiền giấy, do chất liệu kém, dễ bị giả mạo, lại in tùy tiện không có quý kim để bảo chứng giá trị, cho nên đồng tiền giấy nhiều khi hoàn toàn vô giá trị, gây khó khăn rất lớn cho cuộc sống của nhân dân.

**(經)又常稱揚地藏菩薩利益之事，汝之功德，及以神通，百千倍於常分地神。**

*(Kinh: Lại thường xưng tụng, tán dương những chuyện lợi ích của Địa Tạng Bồ Tát, công đức và thần thông của bà gấp trăm ngàn lần những địa thần thông thường).*

“Xưng dương, tán thán” chính là môn thứ hai trong mười nguyện của đức Phật; bởi một niệm xưng dương, vạn đức tự trọn đủ. Vì thế, các Phật tử hễ đến pháp hội, vừa mới thấy, hoặc nghe đã lâu, đều tuyên dương phạm bái. Nay địa thần không chỉ có thể làm chủ mọi vật trong Diêm Phù Đề, lại còn tán dương những chuyện lợi ích của đức Địa Tạng, cho nên vị địa thần làm hộ pháp này có phước nghiệp và huệ nghiệp tự nhiên sâu rộng, công đức và thần thông cũng chẳng nghĩ bàn! So sánh với các vị địa thần khác, bà ta vượt xa vạn lần, vì lẽ nào? Ấy là do oai đức và thần thông chẳng thể nghĩ bàn của Đại Sĩ. Ví như cam lộ của chư thiên, bất luận sang, hèn, lớn, bé, nếu ai đã nếm, không ai chẳng trường sanh bất tử!

**3.3.1.1.2.2.2. Thuật thành độc cúng ủng hộ sự** (trần thuật thành tựu do việc đọc tụng, cúng dường, ủng hộ)

**3.3.1.1.2.2.2.1. Nam nữ cúng tượng, đọc kinh** (nam nữ thờ phụng tượng, đọc kinh)

*(Kinh) Nhược vị lai thế trung, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, cúng dường Bồ Tát, cập chuyển độc thị kinh, dẫn y Địa Tạng Bản Nguyên Kinh, nhất sự tu hành giả.*

**(經)若未來世中，有善男子，善女人，供養菩薩，及轉讀是經，但依地藏本願經，一事修行者。**

*(Kinh: Nếu trong đời vị lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân, cúng dường Bồ Tát, và chuyển đọc kinh này, chỉ nương theo một chuyện được nói trong kinh Địa Tạng Bản Nguyên Kinh để tu hành).*

Trước hết, nói về nhân và pháp. Từ chữ “dẫn y” (chỉ nương theo) trở đi, chính là dạy hãy chuyên tu, tức là “ché tâm nhất xứ, vô sự bất biện” (ché ngự tâm tại một chỗ, không chuyện gì chẳng hoàn thành). Ni

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Địa (Nidhi) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Y (依), tức là nương dựa. Dựa theo công năng của kinh này để thoát lìa biển khổ! Kinh Niết Bàn nói Tứ Y<sup>222</sup>, tức là ý chỉ “y kinh liễu nghĩa, chẳng y kinh bất liễu nghĩa”. Cổ nhân bảo: “Thiên dương chi bì, bất như nhất hồ chi dịch” (da của ngàn con dê chẳng bằng cái rách của một con cáo). Vì thế biết, các kinh khác chẳng sánh bằng kinh này! Do người thì có thể nghĩ bàn và chẳng thể nghĩ bàn, kinh thì có khai hiển và chưa khai hiển. Nay chuyên đọc kinh khai hiển chẳng thể nghĩ bàn, tội nhanh chóng tiêu trừ, mà công cũng mau thành, cần gì phải cầu nhiều, tạp loạn tâm chí! Đây tức là hạnh hữu tướng an lạc của ngài Nam Nhạc [Huệ Tu] vậy. Nói “tu hành” tức là “tu hành đúng như lời dạy”. Nếu nghe mà chẳng hành, sẽ như “kể chuyện ăn, đếm của báu”, sao khỏi đói, nghèo? Ngạn ngữ nói: “Thuyết đắc nhất trọng, bất như hành đắc nhất thốn” (Nói một trọng, chẳng bằng làm được một tấc); đây chính là lời răn dạy chân thật dành cho cõi đời vậy!

**3.3.1.1.2.2.2.2. Ủng hộ trừ tai chứng quả** (ủng hộ [hành giả] trừ tai ương, chứng quả)

**3.3.1.1.2.2.2.2.1. Địa thần ủng hộ trừ tai** (địa thần ủng hộ trừ tai chướng)

(*Kinh*) **Nhữ dĩ bản thần lực nhi ủng hộ chi, vật linh nhất thiết tai hại, cập bất như ý sự, triếp văn ư nhĩ, hà hướng linh thọ.**

**(經)汝以本神力而擁護之，勿令一切災害，及不如意事，輒聞於耳，何況令受。**

(*Kinh*: Bà hãy dùng thần lực của chính mình để ủng hộ, đừng để cho hết thấy các tai hại, và chuyện chẳng như ý lọt vào tai kẻ đó, hướng hồ là phải hứng chịu).

[Đức Phật] sắc truyền địa thần ủng hộ là vì lòng tin tốt lành ấy nếu Phật còn đang tại thế, sẽ đáng gọi là [địa vị] Tứ Tín. Nay sau khi đức Phật diệt độ, có thể coi là Ngũ Phẩm, bởi đọc kinh chính là phẩm thứ hai, cúng dường chính là phẩm thứ tư, tức Kiêm Hành Lục Độ Phẩm. Khởi đầu do một niệm tín giải cho đến khi thâm tín đã quán thành. Hãy

<sup>222</sup> Tứ Y (Catvāri Pratisaranāni) là: Y pháp bất y nhân, y nghĩa bất y ngữ, y trí bất y thức, và y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

nên biết Ngũ Phạm Quán Hạnh giống như Phật, cho nên [đức Phật] dạy [địa thần] hãy ủng hộ.

“*Bốn thần lực*”: Xét theo Sự, [địa thần] chủ quản đất đai là Bản. Xét theo pháp, Tứ Đức (Thường, Lạc, Ngã, Tịnh) là Bản. Do vì cái Bản như thế, thần lực bội phần vượt hơn những vị ủng hộ khác. Như trong kinh Kim Quang Minh, Kiên Lao bạch cùng đức Phật rằng: “*Thuyết pháp tỳ-kheo tọa pháp tòa thời, ngã thường trú dạ vệ hộ bất ly, ẩn tế kỳ hình, tại pháp tòa hạ, đánh đỏi kỳ túc. Nhất thiết tai hại đẳng, sở vị ngã đẳng chư vương, cập chư quý thần, ký xả ly dĩ, kỳ quốc đương hữu chủng chủng tai dị, tuệ tinh hiện quái, lưu tinh băng lạc, ngũ tinh thất độ, lưỡng nhật tinh hiện, nhật nguyệt bạc thực, ác hồng sở hiện, đại địa chấn động, bạo phong, ác vũ. Thử tai ký khởi, xâm hại nhân dân, cố vân tai hại*” (Khi vị tỳ-kheo thuyết pháp ngồi nơi pháp tòa, con thường ngày đêm hộ vệ chẳng lìa, ẩn giấu thân hình, ở dưới pháp tòa, đầu đội chân người ấy. “Hết thầy các tai hại” như là các vua và các quý thần chúng con đã lìa bỏ thì nước ấy sẽ có các thứ tai họa khác lạ: Sao chổi biến hiện quái dị, sao băng rơi rụng, ngũ tinh không vận hành đúng mực, hai mặt trời cùng hiện ra, nhật thực, nguyệt thực, cầu vồng xấu nhiều lần hiện ra, đại địa chấn động, gió lốc, mưa cuồng. Các tai nạn ấy đã dậy lên, xâm hại nhân dân, cho nên nói là “tai hại”).

Lại nói: “*Cốc mễ dừng quý, cơ cần đóng nga, oán tặc xâm lược, nhân dân đa khổ, kỳ địa vô hữu khả ái nhạo xứ. Thử bất như ý sự dã*” (Gạo thóc đất đỏ tăng vọt, đói kém, rét lạnh, oán tặc xâm lược, nhân dân chịu nhiều nỗi khổ, cõi đất ấy không có nơi nào đáng yêu mến. Đây là những chuyện chẳng như ý). Nay đã thờ phụng tượng, đọc kinh, chỉ nên nương theo bốn nguyên [của Địa Tạng Bồ Tát] để tu hành, những thứ tai hại và chuyện chẳng như ý ấy còn chẳng lọt vào tai, huống hồ là mắt thấy, thân hứng chịu ư?

***3.3.1.1.2.2.2.2.2. Chư thiên ủng hộ chứng lạc (chư thiên ủng hộ, chứng yên vui)***

***3.3.1.1.2.2.2.2.2.1. Thị ủng hộ nhân (chỉ ra người ủng hộ)***

***(Kinh) Phi dân nhữ độc hộ thị nhân cố, diệc hữu Thích Phạm quyền thuộc, chư thiên quyền thuộc, ủng hộ thị nhân.***

**(經)非但汝獨護是人故，亦有釋梵眷屬，諸天眷屬，擁護是人。**

*(Kinh: Không chỉ có mình bà ủng hộ người ấy, mà còn có quyền thuộc của Đế Thích, Phạm Vương, và quyền thuộc của chư thiên ủng hộ người ấy).*

Câu đầu tiên ý nói: Không chỉ riêng mình Kiên Lao địa thần ủng hộ. Nếu có ai thật sự tu hành như vừa nói trên đây, cũng có Phạm Vương, Đế Thích, chư thiên quyền thuộc đều tới ủng hộ. Như tứ thiên vương bạch với đức Phật rằng: “*Thị nhân nhược đắc văn thị kinh điển, năng đắc vị lai, hiện tại chủng chủng vô lượng công đức, ngã đương ản tế, bất hiện kỳ thân. Vị thính pháp cố, đương chí sở chỉ giảng pháp chi xứ. Đại Phạm thiên vương, Thích Đề Hoàn Nhân, Đại Biện Thiên Thần, Công Đức Tôn Thiên, Tán Chi quý thần, đại tướng quân đẳng, nhị thập bát bộ quý thần đại tướng, Ma Hê Thủ La, Ma Ni Bát Đà quý thần đại tướng, Quý Mẫu, cập ngũ bách quý tử, vô lượng bách thiên vạn ức na-do-tha quý thần chư thiên, như thị đẳng chúng, vị thính pháp cố, tất tị ản tế, bất hiện kỳ thân, chí thị nhân sở chỉ giảng pháp chi xứ*” (Người ấy nếu được nghe kinh điển này, sẽ có thể đạt được vô lượng công đức trong hiện tại và vị lai. Chúng con sẽ ẩn giấu, chẳng hiện thân mình, vì nghe pháp mà sẽ đến chỗ giảng pháp. Đại Phạm thiên vương, Thích Đề Hoàn Nhân, Đại Biện Thiên Thần<sup>223</sup>, Công Đức Tôn Thiên<sup>224</sup>, Tán Chi

---

<sup>223</sup> Đại Biện Thiên Thần chính là Biện Tài Thiên Nữ (Sarasvatī), còn gọi là Diệu Âm Thiên Nữ, hay Mỹ Âm Thiên. Vị thiên nữ này có công năng tăng trưởng trí huệ và phước đức, có biện tài lưu loát nhất. Bà được coi là một trong mười tám vị tôn thần chủ trì tài bảo trong Tạng Truyền Phật giáo, và là một trong bảy vị phước thần của Phật giáo Nhật Bản. Bà thường được tạc tượng có hình nữ Bồ Tát, tám tay, trong đó sáu tay cầm pháp khí lần lượt là hỏa luân, kiếm, cung, mũi tên, búa, dây thừng. Hai tay còn lại chấp trước ngực.

<sup>224</sup> Công Đức Tôn Thiên (Mahāsri, Sridevi), còn gọi là Cát Tường Thiên Nữ, hoặc Bảo Tạng Thiên Nữ. Có thuyết nói bà là con gái của long vương Đức Xoa Ca (Takṣaka, Đa Thiệt, Thị Độc) và Quý Tử Mẫu, và là vợ của Tỳ Sa Môn thiên vương. Trong kinh Niết Bàn có nói Công Đức Thiên có một người em gái là Hắc Âm Thiên. Hai chị em luôn đi chung với nhau, chưa hề tách rời. Công Đức Thiên đem lại tốt lành, may mắn, tài sản, danh vọng cho mọi người, còn Hắc Âm Thiên đem lại suy hao, tai nạn, chết chóc, tiếng xấu... Do đó, người trí chẳng tham trước tài sản, vật chất thế gian, vì biết những điều ấy luôn chứa đựng suy hao, tai nạn... Công Đức

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

quỷ thần, đại tướng quân v.v... các đại tướng thuộc hai mươi tám bộ quỷ thần<sup>225</sup>, Ma Hê Thủ La, Ma Ni Bạt Đà<sup>226</sup> quỷ thần đại tướng, Quỷ Tử Mẫu và năm trăm quỷ con, vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha quỷ thần, chư thiên, đại chúng như thế, vì nghe pháp đều tự ân mình, chẳng hiện thân hình, đến chỗ giảng pháp). Các kinh viên mãn như Kim Quang Minh, Phương Đăng v.v... đều được trời, rồng, thần, quỷ ủng hộ như thế đó. Huống hồ đối với kinh điển khai hiển tối thượng này thì sức ủng hộ của Phạm Vương, Đế Thích há có thể diễn tả nổi ư?

#### ***3.3.1.1.2.2.2.2.2.2. Thích ủng hộ ý (giải thích ý nghĩa vì sao ủng hộ)***

***(Kinh) Hà cố đắc như thị thánh hiền ủng hộ? Giai do chiêm lễ Địa Tạng hình tượng, cập chuyển đọc thị Bốn Nguyên kinh cổ, tự nhiên tất cánh xuất ly khổ hải, chứng Niết Bàn lạc. Dĩ thị chi cố, đắc đại ủng hộ.***

**(經)何故得如是聖賢擁護？皆由瞻禮地藏形像，及轉讀是本願經故，自然畢竟出離苦海，證涅槃樂。以是之故，得大擁護。**

***(Kinh: Vì sao được thánh hiền ủng hộ như thế? Đều do chiêm ngưỡng, lễ bái hình tượng đức Địa Tạng và chuyển đọc kinh Bốn***

---

Tôn Thiên đặc biệt được tôn sùng trong Tạng Truyền Phật giáo và được coi là thần bảo hộ riêng của Đại Lai Lạt Ma.

<sup>225</sup> Hai mươi tám bộ quỷ thần tức là các vị quỷ thần trong bốn phương chính, phương trên và dưới (mỗi phương có bốn bộ) và bốn phương bàng (mỗi phương có một bộ), cộng thành hai mươi tám bộ. Có người cho rằng hai mươi tám vị quỷ thần đại tướng chính là hai mươi tám vị quỷ thần được nói trong kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đà La Ni khi Quán Thế Âm Bồ Tát nói kệ sắc truyền các vị quỷ thần đại tướng ủng hộ người thọ trì chú Đại Bi, tức là Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ, Ô Sô Quân Trà Uyên Câu Thi, Ma Hê Na La Diên, Kim Cang La Đà Ca Tỷ La...

<sup>226</sup> Ma Ni Bạt Đà (Mañibhadra) là một trong tám vị đại tướng Dạ Xoa, dịch nghĩa là Bảo Hiền, hoặc Mãn Hiền, là thuộc hạ của Tỳ Sa Môn thiên vương (Đa Văn thiên vương). Tám vị đại tướng Dạ Xoa là Bảo Hiền Dạ Xoa (tức Ma Ni Bạt Đà), Mãn Nguyên Dạ Xoa (Bố Lô Na Bạt Đà La, Pūrṇabhadra), Tán Chi Dạ Xoa (Bán Chi Ca, Pāñcika), Chúng Đức Dạ Xoa (Sa Đa Kỳ Lý, Śatagiri), Ứng Niệm Dạ Xoa (Hê Ma Phạ Đa, Himavanta), Đại Mãn Dạ Xoa (Tỳ Sái Ca, Viśakha), Vô Tỷ Lực Dạ Xoa (A Trá Phạ Ca, Ātavaka), và Mật Nghiêm Dạ Xoa (Bán Giá La, Pañcala). Các vị này đều là hộ pháp thần.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*Nguyên này, tự nhiên được rốt ráo thoát lìa biển khổ, chứng niềm vui Niết Bàn. Do bởi lẽ ấy, được ủng hộ to lớn).*

Câu đầu tiên là gạn hỏi. “*Thánh*” có nghĩa là chân chánh, “*hiền*” là tốt lành, ngay thẳng. Thêm nữa, vị chủ yếu thì gọi là Thánh, quyền thuộc [của vị chủ ấy] gọi là Hiền, do bậc chánh trực là thiên hay thần. Từ “*giai do*” (đều do) trở đi là phần giải thích. Trong phần giải thích, có ba ý:

1) Hai câu đầu là phần giải thích chánh yếu.

2) Hai câu kể từ chữ “*tự nhiên*” trở đi, nêu ra lợi ích sẽ đạt được. Nói đến “*khổ hải*” (biển khổ) thì theo kinh Trường A Hàm, nước trong bốn đại hải “*hàm khổ*” (鹹苦, mặn chát) do ba nhân duyên:

a. Một là tự nhiên có mây phủ đầy khắp hư không cho đến tận trời Quang Âm, mây đều tuôn mưa trồn khắp, gột rửa cung trời, gột sạch thiên hạ. Từ cung trời Phạm Ca Di (Brahma-kāyika) cho đến tám vạn các núi dưới gầm trời, núi chúa Tu Di, mây đều được gột rửa. Những thứ mặn chát như ác trong đó, các thứ dịch bất tịnh đều tuôn chảy xuống biển, hợp thành một vị.

b. Hai là xưa kia có đại tiên nhân cảm chú nước biển, khiến cho nó luôn mặn chát, con người không uống được.

c. Ba là đủ loại chúng sanh khác nhau sống trong ấy. Thân thể của chúng to lớn, hoặc một trăm do-tuần cho đến bảy trăm do-tuần, hô hấp, phun ra, hít vào, đại tiểu tiện trong đó, cho nên nước biển mặn chát.

Nay nói tới “*ngiệp hải*” khổ sở muôn mối. Đã do lẽ bái, đợc tụng, sẽ thoát ly chẳng khó. Nói “*tự nhiên*”, tức là chẳng miễn cưỡng. Nói “*tất cánh*” (rốt ráo) tức là rốt cuộc chẳng hư dối. Do vậy, hành giả hãy nên chí tâm. Nếu chí tâm, sẽ đạt được điều mong cầu, thoát khổ, chứng vui. Đây chính là tâm ý phước chúc trên cung trời của đấng giáo chủ, mà cũng là ý niệm hóa độ mọi người trong u đồ của đức Địa Tạng. Điều thiết yếu là hạnh chuyên ròng. Nhân quả chẳng sai chạy, dầu chùng bằng lông tóc!

3) Hai câu từ chữ “*thị dĩ*” (do vậy) trở đi, nhằm tổng kết ý nghĩa ủng hộ, lời văn dễ hiểu.

**3.3.1.2. Kiến văn lợi ích lưu thông** (*phần lưu thông nói về lợi ích do thấy, nghe*)



### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Thấy tượng đức Địa Tạng, nghe danh hiệu đức Địa Tạng, không ai chẳng đạt được lợi ích to lớn. Cũng giống như đức Quán Âm, nghe danh hiệu Ngài, thấy thân tướng của Ngài, trong tâm niệm Ngài, đều có thể diệt khổ. Thấy thân kính lễ, tức là cơ duyên nơi thân nghiệp. Nghe danh hiệu bèn xưng niệm, tức là cơ duyên nơi khẩu nghiệp. Thân và miệng do tâm, tức là cơ duyên nơi ý nghiệp. Cơ cảm đã thành, sẽ tự ứng ngầm ngầm hay rõ rệt. Như thảo mộc trên đất, một trận mưa cùng tưới, không gì chẳng được thấm nhuần. Lợi ích do lưu thông, công năng há thể lường!

#### **3.3.1.2.1. Phẩm đề (tựa đề của phẩm kinh này)**

**(Kinh) Kiến văn lợi ích, phẩm đệ thập nhị.**

**(經)見聞利益, 品第十二。**

**(Kinh: Phẩm thứ mười hai: Lợi ích do thấy nghe).**

#### **3.3.1.2.2. Phẩm văn (kinh văn trong phẩm này)**

**3.3.1.2.2.1. Thích Ca hiện tướng thán đức sự (đức Thích Ca hiện tướng để tán thán những chuyện công đức)**

**3.3.1.2.2.1.1. Đánh môn phóng quang chứng sự (đức Phật phóng quang từ đỉnh đầu để ấn chứng những sự ấy)**

**(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tùng đánh môn thượng, phóng bách thiên vạn ức đại hào tướng quang.**

**(經)爾時, 世尊從頂門上, 放百千萬億大毫相光。**

**(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn từ trên đỉnh đầu, phóng ra trăm ngàn vạn ức đại hào tướng quang).**

Từ chữ “nhĩ thời” (lúc bảy giờ) cho đến “cáo chư đại chúng” (bảo các đại chúng) đều là những lời văn trần thuật của người trùng tuyên kinh ở ngay sau phẩm Địa Thần Hộ Pháp. “Phóng quang” nhằm chứng minh phần trước, phát khởi phần sau, khiến cho các chúng sanh thấy tướng, ngộ tâm, ai nấy đều tự biết thường quang chẳng thể nghĩ bàn vốn sẵn có [của đức Phật]. Hai câu từ chữ “tùng đánh” (từ đỉnh đầu) trở đi là lời nêu chung [các thứ quang minh].

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Danh từ Ô Sắt Nị Sa (Uṣṇīṣa) trong tiếng Phạn, được cõi này dịch là Phật Đảnh (佛頂). Đỉnh đầu được nói là Môn (門) thì như kinh Thiên Bí Yêu dạy: “*Nhân thân tam phần, tế vi trung nguyên, đầu vi điện đường, đánh vi thiên môn, cố viết đánh môn*” (Thân người có ba phần, rón là cội nguồn ở chính giữa. Đầu là điện đường, đỉnh đầu là cổng trời. Cho nên gọi là “đánh môn”). Vì đầu làm chủ cả thân, đỉnh đầu là chỗ tôn quý nhất trên đầu. Do vậy, trong Đại Luận, A Tư tiên nhân nói: “*Tướng đỉnh đầu [của Phật] không ai có thể thấy được. Dù trời hay người, chẳng có ai hơn được*”, biểu thị Nhất Thiết Chứng Trí, tức là cái nhân siêu việt, là cái quả tốt bậc. “*Môn*” có hai ý nghĩa “có thể thông suốt” và “bản thể”. Do vậy, đối với hình tượng và danh hiệu màu nhiệm của đức Địa Tạng mà chiêm ngưỡng, lễ bái, xưng niệm, sẽ có công năng tiến hướng, thông đến cực quả. Mỗi người sẵn có cái “*đánh*” ấy, trọn chẳng phải vay mượn, vậy thì sáu đường và đức Địa Tạng, nói chung là một thân. Chúng sanh và Như Lai vốn chẳng phải là hai Thể, lập tức chính là lẫn nhau, há còn phải nhờ vào cửa để vào ư? Đó là ý nghĩa của bản thể!

“*Thượng*”: Từ đỉnh đầu phóng quang, biểu thị từ nơi cái Thể của cực trí, khởi lên tác dụng đại quang minh ấy. Thể vốn là một, chúng sanh và Phật cùng sẵn có, nhưng Dụng thì khác biệt, do tùy theo căn cơ mà lập bày. Đây tức là lý tốt bậc “*một niệm trọn đủ tam thiên, tam thiên gồm trong một niệm, một niệm biến thành tam thiên, tam thiên biến thành một niệm*”. Vì thế, có trăm ngàn vạn ức.

“*Đại hào tướng quang*” biểu thị tam đức: Đại chính là Pháp Thân, do trọn khắp. “*Hào tướng*” (tướng bạch hào) tức là Giải Thoát; do bề ngoài [bạch hào] là chắc thật, nhưng bên trong là Không. “*Quang*” chính là Bát Nhã, do chiếu thấu suốt vạn pháp. Do thân to, hào quang cũng to. Do bạch hào là Không, cho nên đại quang cũng là Không. Vì quang minh chiếu soi, cho nên đại hào cũng chiếu soi. “*Ba*” và “*một*” chẳng tách lìa, “*một*” và “*ba*” chẳng thể lẫn lộn, chẳng hề có tương đồng, khác biệt, ngang, dọc, chúng sanh và Phật cùng chứng trọn vẹn. Đã nêu chung xong, dưới đây, sẽ nói riêng từng loại.

**(Kinh) Sở vị bạch hào tướng quang, đại bạch hào tướng quang.**

**(經)所謂白毫相光, 大白毫相光。**

**(Kinh: Như là hào quang màu trắng, hào quang màu trắng lớn).**

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

“Hào tướng” (Ūrna-laksana) là một, tức là Thể (bản thể) của Dụng. Màu sắc của quang minh khác nhau, tức là Dụng của Thể. Sách Pháp Hoa Văn Cú dùng ngũ sắc để sánh ví năm đường. Màu xanh ví như nhân quả của địa ngục. Màu vàng ví như ngọc quý. Màu đỏ ví như súc sanh. Màu trắng ví như trời, người (Tu La được gộp chung vào bốn đường, vẫn thiếu màu đen). Màu sắc và hình dạng nhỏ ví như Nhị Thừa. Màu sắc và hình tượng lớn ví như Bồ Tát thuộc Thông Giáo. Hình sắc ngắn ví như Bồ Tát thuộc Biệt Giáo. Hình sắc dài ví như nhân quả của Phật. Các kinh văn tách ra hay gộp vào tùy ý. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ còn thêm tướng trường đoản (dài, ngắn) v.v... Nay do trong hội Pháp Hoa, chín pháp giới đồng quy, tam thừa đều được gom thành một, cho nên sách Văn Cú trích dẫn để sử dụng như thế.

Nay đức Địa Tạng đặc biệt thương xót tam đồ trong lục đạo, cho nên lại sánh ví năm đường, và có sự chuyên biệt về mặt Sự. “Bạch hào tướng quang” là một trong ba mươi hai tướng. Từ ngữ Thúc Ly (Śukriṇi) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Bạch Sắc (màu trắng), là chánh sắc của phương Tây. Về bản chất, màu trắng đứng đầu các màu. Những thứ màu trắng có thể nhuộm màu, khởi hiện màu của các quang minh. Những gì để có thể dựa vào đó mà nhận biết thì gọi là Tướng, chói rực như ngọn lửa thì gọi là Quang.

Đại Luận viết: “Tướng bạch hào ngự chót vót giữa hai mày, tỏa ánh sáng trắng vượt xa lưu ly. Trong lúc tu nhân đã hành bố thí thỏa ý người nhận, dấy lên nghiệp nhân duyên tự tại. Lại còn nấc nôm ca tụng đức hạnh nhàn cư, cho nên có tướng bạch hào giữa hai mày, phía ngoài đủ tám cạnh, chính giữa rộng, xoay theo chiều phải. Công đức của ba mươi hai tướng tăng lên gấp ngàn lần thì mới thành tướng bạch hào trên trán. Công đức của một ngàn tướng bạch hào tăng gấp lên trăm lần mới thành một tướng đánh cốt (tướng nhục kế)”. Vì thế, đức Như Lai tôn thắng bậc nhất. Nay từ trên đỉnh đầu cao tột, phóng hào tướng quang, phô bày toàn vẹn sự chẳng thể nghĩ bàn. Nói là “đại” vì so với những điều trước đó, sẽ càng thù thắng, nhiệm mầu hơn! Những điều sau đây đều phỏng theo cách giải thích này.

**(Kinh) Thụy hào tướng quang, đại thụy hào tướng quang.**

**(經)瑞毫相光, 大瑞毫相光。**

**(Kinh: Hào quang tốt lành, hào quang tốt lành lớn).**

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

“Thụy hào tướng quang”: Dùng ngọc làm tín vật thì gọi là Thụy (瑞). “Thụy” lại có nghĩa là điềm lành. Do vua trong nhân gian có đức, trời bèn ban điềm lành trải nhiều năm. Ban thưởng ngũ phước, trước hết, đưa ra vật này làm tin. Ở đây, [hai loại quang minh này] biểu thị sáu đường đều nương theo sức của đức Địa Tạng, tam đồ đều thanh thân siêu thăng, trời, người đều cùng thành Phật đạo. Vì thế, hiện hào tướng quang minh tốt lành này.

**(Kinh) Ngọc hào tướng quang, đại ngọc hào tướng quang.**

**(經)玉毫相光，大玉毫相光。**

**(Kinh: Hào quang ngọc, hào quang ngọc lớn).**

“Ngọc hào tướng quang”: Ngọc chính là tinh anh của trời đất, có phẩm đức ôn nhuận (Văn Phú<sup>227</sup> có câu: “*Sơn hữu ngọc nhi tắng nhuận*” (núi có ngọc càng thêm tươi đẹp). Ngọc mài giữa có thể chế thành vật dụng, biểu thị năm đường đều lìa khỏi nỗi nóng bức trong nhà lửa, tăng trưởng sự tươi nhuận của núi Tánh. Chẳng phải là khí cụ để thoát khỏi tam đồ, thì cũng là vật dụng tôn quý<sup>228</sup> để dựa vào tứ thánh.

**(Kinh) Tử hào tướng quang, đại tử hào tướng quang.**

**(經)玉毫相光，大玉毫相光。**

**(Kinh: Hào quang màu tím, hào quang màu tím lớn).**

---

<sup>227</sup> Văn Phú (文賦) là tác phẩm lý luận về văn nghệ của Lục Cơ (陸機) đời Tấn. Qua tác phẩm này, Lục Cơ chủ yếu đề xuất những cơ sở triết học và các biện pháp tu từ trong thi ca và các thể loại văn học thường dùng của Trung Hoa như phú, bi, minh, châm, tụng, luận, thuyết v.v... Tác phẩm này đã được dịch nhiều lần sang tiếng Anh với tựa đề Essay on Literature, Rhymeprose on Literature, The Art of Writing...

<sup>228</sup> Nguyên văn là “*hồ liễn*” (瑚璉). Hồ và Liễn vốn là hai thứ dụng cụ dùng trong tế lễ để chứa các loại ngũ cốc, chỉ có tông miếu của thiên tử và chư hầu mới được phép sử dụng. Chúng thường được trang trí, điêu khắc tinh xảo, hoa lệ. Cổ nhân dùng chữ Hồ Liễn để chỉ nhân tài, hoặc những phương tiện siêu việt. Điển tích này phát xuất từ một đoạn vấn đáp giữa Khổng Tử và Tử Cống được chép trong thiên Công Dã Trường của sách Luận Ngữ: “*Tử Cống vấn viết: Tử dã hà như? Tử viết: Nhữ, khí dã. Viết: Hà khí dã? Viết: Hồ liễn dã*” (Tử Cống hỏi: “Thầy thấy Tử là người như thế nào?” (Tử Cống tên thật là Đoan Mộc Tử). Khổng Tử đáp: “Người là vật dụng”. Thưa: “Vật dụng gì ạ?” Đáp: “Hồ liễn”). Các nhà chú giải giảng: Do hồ liễn là vật dụng tôn quý, nên lời đánh giá của Khổng Tử cho thấy Ngài rất coi trọng Tử Cống, coi ông ta là người có tài năng to lớn đối với quốc gia.

“*Tử hào tướng quang*”: Tiếng Phạn là La Sai, hoặc còn phiên âm là Lạc Xoa (Lakṣā), cõi này dịch là Tử Sắc (màu tím), tức là màu xen kẽ giữa đỏ và đen, biểu thị các loài chúng sanh khác nhau đều đạt được lợi ích. Sách Ma Ha Chỉ Quán viết: “*Chúng sanh được lợi ích khác nhau, hoặc là nhiều thứ lợi ích khác loại, hay là các thứ lợi ích thuần một loại*” chính là nói đến điều này.

***(Kinh) Thanh hào tướng quang, đại thanh hào tướng quang.***

**(經)青毫相光，大青毫相光。**

***(Kinh: Hào quang màu xanh, hào quang màu xanh lớn).***

“*Thanh hào tướng quang*”: Từ ngữ Ni La (Nila) trong tiếng Phạn, cõi này dịch là Thanh (màu xanh da trời đậm, xanh dương). Phương Đông thuộc Mộc, sanh từ Thủy. [Màu xanh] giống như đen mà nhạt hơn, màu sắc tươi hơn. Dùng điều này biểu thị hắc nghiệp trong địa ngục, do sanh khí tràn trề mà phát khởi cành nhánh của cõi Bồ Đề.

***(Kinh) Bích hào tướng quang, đại bích hào tướng quang.***

**(經)碧毫相光，大碧毫相光。**

***(Kinh: Hào quang màu biếc, hào quang màu biếc lớn).***

“*Bích hào tướng quang*”: Thuyết Văn Giải TỰ giảng [Bích] là sắc xanh đẹp của đá. Sách Tăng Vận<sup>229</sup> giảng “*Bích là màu xanh đậm*”. Điều này biểu thị hàng lợi căn trong địa ngục, tức là những người như Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa) ở trong địa ngục mà vui sướng như trong Đệ Tam Thiên Thiên, vua A Xà Thế vào địa ngục Phách Cúc, tạm vào liền thoát ra.

***(Kinh) Hồng hào tướng quang, đại hồng hào tướng quang.***

**(經)紅毫相光，大紅毫相光。**

---

<sup>229</sup> Tăng Vận có tên gọi đầy đủ là Tăng Tu Hồ Chú Lễ Bộ Vận Lược, là tác phẩm chú giải, bổ sung cho tác phẩm Lễ Bộ Vận Lược của Mao Hoàng đời Tống. Sau đó, tác phẩm này lại được con ông là Mao Cư Chánh hiệu đính, tăng bổ lần nữa. Đây là một loại từ điển giải thích các chữ Hán, cách viết chánh xác, âm đọc và giải thích ý nghĩa.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Hào quang màu đỏ, hào quang màu đỏ lớn).*

“*Hồng hào tướng quang*”: Từ ngữ A Lô Na (Aruna) trong tiếng Phạn, được cõi này dịch là Xích Sắc (màu đỏ). Phương Nam thuộc Hỏa, khí thịnh sáng tỏ, xuất phát từ ý nghĩa của “lửa lớn”. Thế nhưng Hồng thì trông hơi tối [so với Xích]; vì thế, đặc biệt nói là Hồng. Chữ Hồng (紅) do bộ Mịch (糸, sợi tơ) và Công (工) ghép lại, tức là công sức “kéo guồng, xe tơ, dệt cửi” thuộc về nữ công. Điều này biểu thị súc sanh, do nghe danh hiệu, thấy tượng [của Địa Tạng Bồ Tát] liền phát tâm, gia hạnh, chánh nhân đã mê do vậy mà được hiển lộ, giống như chuyện đồ công dốt sức [trong hàm nghĩa] của chữ Hồng.

*(Kinh) Lục hào tướng quang, đại lục hào tướng quang.*

**(經)綠毫相光，大綠毫相光。**

*(Kinh: Hào quang màu xanh lá cây, hào quang màu xanh lá cây lớn).*

“*Lục hào tướng quang*”: “*Lục*” (綠) là trong xanh. Nhìn phía trên, nước suối trong treo, có sắc xanh, tức là màu pha lẫn giữa xanh dương và vàng, biểu thị địa ngục cùng đổ vào dòng pháp.

*(Kinh) Kim hào tướng quang, đại kim hào tướng quang.*

**(經)金毫相光，大金毫相光。**

*(Kinh: Hào quang màu vàng, hào quang màu vàng lớn).*

“*Kim hào tướng quang*”: Tiếng Phạn là Y Ni Diên (Aṇeya), cõi này là “*kim sắc*”. Kim loại có năm màu, hoàng kim đứng đầu, do chôn lâu ngày chẳng biến đổi, trăm lần nung luyện chẳng bị nhẹ bớt. Dùng điều này biểu thị ngọc quý, tuy mai một trong đường ác lâu ngày, nhưng Phật tánh chẳng mất. Kho tàng Trung Đạo vừa mở, nhanh chóng lìa khỏi cảnh bụng rỗng.

*(Kinh) Khánh vân hào tướng quang, đại khánh vân hào tướng quang.*

**(經)慶雲毫相光，大慶雲毫相光。**

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

**(Kinh: Hào quang mây lành, hào quang mây lành lớn).**

“*Khánh vân hào tướng quang*”: Sách Tây Kinh Tạp Ký<sup>230</sup> chép: “*Mây lành gọi là khánh vân, hoặc cảnh vân (景雲). Mây năm màu gọi là Khánh (慶), hoặc là Khanh (卿)*”. Điều này biểu thị lia ngũ trụ phiên não, hiển thị điềm lành Ngũ Phần Pháp Thân.

**(Kinh) Thiên luân hào quang, đại thiên luân hào quang.**

**(經) 千輪毫光, 大千輪毫光。**

**(Kinh: Hào quang ngàn vàng, hào quang ngàn vàng lớn).**

“*Thiên luân hào quang*”: Những loại luân quang (輪光, quang minh kết thành vàng) kể từ đây trở đi càng thù thắng hơn các loại tán quang (散光, quang minh tủa bốn phía). Ấy là vì [luân quang] biểu thị viên pháp, thích hợp viên căn, nhập viên môn, đạt được lợi ích viên mãn. Do vậy, kinh Thập Luân dạy: “*Luân giả, như mãn nguyệt quang, thanh lương vô ngại, biến chư hư không, chiếu xúc nhất thiết vô chướng cảnh giới*” (Luân là như ánh sáng của trăng tròn, thanh lương vô ngại, trọn khắp hư không, chiếu chạm hết thấy cảnh giới chẳng chướng ngại). Sách Dật Nhã giảng Luân là “*giáp vòng trọn khắp*”. Sách Tinh Uẩn viết: “*Sở dĩ xe có thể vận chuyển là do bánh của nó có hình tròn, điểm kỳ diệu nhất là ở giữa bánh xe lại trống rỗng*”. Nói “ngàn” tức là “bánh xe ngàn căm”, biểu thị lục đạo nhất niệm thiên như, đến đây càng tỏ rõ: Chuyển biến viên mãn vô ngại!

**(Kinh) Bảo luân hào quang, đại bảo luân hào quang.**

**(經) 寶輪毫光, 大寶輪毫光。**

**(Kinh: Hào quang vàng báu, hào quang vàng báu lớn).**

“*Bảo luân hào quang*” giống như trong phần trên, ở đây chú trọng chữ Bảo (寶). Như Khế Kinh dạy: “*Nhược Sát-đế-lợi chủng, thiệu quán*

---

<sup>230</sup> Tây Kinh Tạp Ký là tác phẩm ghi chép những câu chuyện được lưu truyền từ thời Tây Hán, tác giả không rõ là ai, có thuyết nói là Cát Hồng, hoặc Lưu Hâm. Tây Kinh chính là kinh đô Trường An. Trong tác phẩm này có những câu chuyện nổi tiếng như Chiêu Quân công Hồ, cô gái góa Trác Văn Quân nghe khúc nhạc Phụng Cầu Hoàng do Tư Mã Tương Như gảy đàn bèn trốn theo anh ta v.v...

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*đảnh vị, u thập ngũ nhật, trai mộc thặng điện. Đông phương hốt hữu kim luân bảo hiện. Kỳ luân thiên bích, cụ túc cốc võng, thư diệu quang minh, lai ứng vương sở, định thị Kim Luân Vương”* (Nếu ai thuộc dòng dõi Sát-đê-lợi, nôi ngôi quán đảnh, vào ngày Rằm, trai giới, tắm gội, lên điện. Phương Đông bỗng có bánh xe báu bằng vàng hiện ra. Bánh xe ấy có ngàn cãm, vành, niềng tròn đủ, tỏa quang minh màu nhiệm chiếu đến chỗ nhà vua, thì vị vua ấy chắc chắn là Kim Luân Vương). Điều này biểu thị người căn cơ viên mãn trong năm đường, do được đức Địa Tạng dùng nước pháp quán đảnh, sẽ vượt lên, dự vào Viên Giáo, hướng đến kim luân, kế tục ngôi vị của đấng Pháp Vương. Trong đó, hoặc là dự vào địa vị Thiết Luân, cho đến Ma Ni Luân, chẳng thể phán quyết nhất định được!

**(Kinh) Nhật luân hào quang, đại nhật luân hào quang.**

**(經)日輪毫光，大日輪毫光。**

**(Kinh: Hào quang vàng mặt trời, hào quang vàng mặt trời lớn).**

“*Nhật luân hào quang*”: Hiện ra cung điện của Nhật thiên tử. “*Nhật*” là đây ấy, [bởi lẽ, mặt trời có] quang minh tràn trề, biểu thị trí quang của Bồ Tát chiếu soi vô tư. Đại Luận chép: “*Như nhật thiên tử thương xót chúng sanh, có cung điện bảy báu đi theo, đi vòng quanh tứ thiên hạ từ đầu tới cuối, thường chẳng biếng nhác, ngưng dứt. Ánh sáng mặt trời chiếu trọn khắp, không ghét, không yêu, dù cao, dù thấp, dù sâu, dù cạn đều chiếu tới. Bồ Tát cũng giống như thế, từ sơ phát tâm, vì độ chúng sanh, chẳng hề lười nhác, ngưng nghỉ, xuất hiện trong thế gian, trụ trong năm thân thông, ở trên hư không, tỏa quang minh trí huệ, diệt tà kiến và hí luận. Ví như sương mai thấy mặt trời bèn tiêu mất*” là nói đến chuyện này.

**(Kinh) Nguyệt luân hào quang, đại nguyệt luân hào quang.**

**(經)月輪毫光，大月輪毫光。**

**(Kinh: Hào quang vàng trăng, hào quang vàng trăng lớn).**

“*Nguyệt luân hào quang*”: Hiện cung điện của Nguyệt thiên tử. “*Nguyệt*” là khuyết, [ý nói] trăng tròn rồi khuyết. Điều này biểu thị Đại Sĩ trọn đủ Trí Đức và Đoạn Đức; vì thế, có thể trừ khử sự nhiệt não



**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

trong năm đường, tăng thêm sự thanh lương cho tứ chúng. Nhưng hai luân ấy (nhật luân và nguyệt luân) biểu thị Quyền Trí và Thật Trí của Đại Sĩ, chiếu theo Lý mà soi xét các căn cơ.

**(Kinh) Cung điện hào quang, đại cung điện hào quang.**

**(經) 宮殿毫光，大宮殿毫光。**

**(Kinh: Hào quang cung điện, hào quang đại cung điện).**

“Cung điện hào quang”: Trong quang minh, hiện bóng cung điện. Chữ Cung đã được giải thích trong phần giảng về tựa đề [của phẩm Đào Lợi Thiên Cung]. “Điện” (殿) là tòa nhà cao, to, có dáng vẻ lạ lùng chói vót, cao tột, đẹp đẽ rạng ngời, rõ ràng, biểu thị từ tam đồ vượt thoát lên nhân thiên, hiện thị năm đường cùng quy vào Phật quả; cho nên có tướng trạng cao rạng.

**(Kinh) Hải vân hào quang, đại hải vân hào quang.**

**(經) 海雲毫光，大海雲毫光。**

**(Kinh: Hào quang mây biển, hào quang mây biển lớn).**

“Hải vân hào quang”: Do mây quang minh phủ trọn khắp như biển, chẳng có ngăn hạn. Điều này biểu thị chúng sanh và Phật như một, y báo và chánh báo như một, nhiễm và tịnh cùng một nguồn, khổ và lạc chẳng khác. Như biển khó lường bờ mé, như mây chẳng phân biệt nguồn. Do vậy biết: Tình sanh phân biệt, mỗi pháp rành rành, Trí nhập “nhất, vô”, chuyện nào cũng đều bình đẳng. [Các thứ quang minh được] kết thúc bằng hải vân là có duyên do vậy.

**3.3.1.2.2.1.2. Khẩu luân xuất âm thán sự (miệng phát ra âm thanh tán thán)**

**(Kinh) Ư danh môn thượng, phóng như thị đẳng hào tướng quang dĩ, xuất vi diệu âm, cáo chư đại chúng, thiên long bát bộ, nhân phi nhân đẳng: “Thính ngã kim nhật, u Đào Lợi thiên cung, xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát”.**

**(經)於頂門上，放如是等毫相光已，出微妙音，告諸大眾，天龍八部，人非人等：聽我今日，於忉利天宮，稱揚讚歎地藏菩薩。**

*(Kinh: Từ trên đỉnh môn, phóng các hào tướng quang như thế xong, phát ra âm thanh vi diệu, bảo các đại chúng, trời rồng tám bộ, nhân, phi nhân v.v... rằng: “Hãy lắng nghe ta ngày nay ở trên cung trời Đao Lợi, xưng dương, khen ngợi Địa Tạng Bồ Tát”).*

Hai câu đầu nhằm tiêu kết phần trước. Từ chữ “xuất vi diệu” (thốt ra [âm thanh] vi diệu) trở đi, trần thuật lời bảo ban. Chữ “*như thị*” (như thế) là từ ngữ dùng để chỉ bày hồng khen ngợi, [tức là] do hào quang từ đỉnh đầu đức Phật thù thắng, nhiệm màu bậc nhất, cho nên bèn chỉ ra [sự vi diệu, thù thắng ấy] để tán thán: “Có phải là [tuyệt diệu] như thế đấy chẳng?” Nhưng Như là “chẳng khác”, Thị là “chẳng sai”, tức là chúng sanh và Phật đều cùng do Thật Tướng, đúng hay sai đều khế hợp Chân Như. Đấy chính là bản tâm phổ chúc của đức Phật, cũng là tâm ý Đại Sĩ vâng lãnh lời dạy, tịnh và uế cùng nhập vào một ánh sáng, y báo và chánh báo đều thành một sắc. Vì thế, người trùng tuyên kinh trần thuật cảnh chẳng thể nghĩ bàn, thốt lời tán thán như thế.

Do vậy biết: Thoạt tiên, [mở đầu pháp hội] bèn phóng quang, biểu thị Tam Mật của bậc cực thánh, trong đó thuyết pháp là trọng yếu, cho nên quang minh từ miệng phát ra. Đến đây, nhằm biểu thị “lục đạo chắc chắn đạt được cái nhân viên mãn, sẽ tiến hướng cực quả”, mà chúng nhập là điều trọng yếu, cho nên quang minh phóng ra từ đỉnh đầu. Quang tướng dường như giống nhau, nhưng dụng ý mỗi quang minh mỗi khác. Đại chúng là Tổng, “trời, rồng” là Biệt, đều là những căn cơ để đức Phật bảo ban. “*Thính ngã*” (nghe ta): Không chỉ là liên quan sâu xa nơi mặt Sự, mà còn liên quan đến sự hóa độ từ đầu đến cuối. Đức Phật lại còn căn dặn chúng trời người trong đời vị lai: Tuyệt đối chẳng phải là chuyện vật vãnh, tầm thường, ắt cần phải chuyên tâm lắng nghe, mới hiểu oai thần [của Địa Tạng Bồ Tát] chẳng thể suy lường!

***(Kinh) Ư nhân thiên trung lợi ích đẳng sự, bất tư nghị sự, siêu thánh nhân sự, chúng Thập Địa sự, tất cánh bất thoái A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề sự.***

**(經)於人天中利益等事，不思議事，超聖因事，證十地事，畢竟不退阿耨多羅三藐三菩提事。**

*(Kinh: Những chuyện lợi ích trời, người, chuyện chẳng thể nghĩ bàn, chuyện thuộc về cái nhân siêu lên bậc thánh, chuyện chứng Thập Địa, chuyện rốt ráo chẳng thoái chuyển Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Từ “*u nhân thiên*” (trong trời người) trở đi, là lời tán thán tổng kết bao gồm bốn phương diện:

1) “*Lợi ích đẳng sự*” (những chuyện lợi ích) nhằm tổng kết về việc xưng danh. Do xưng danh, đọc kinh, trời người đều được giải thoát.

2) “*Bất tư nghị sự*” (chuyện chẳng thể nghĩ bàn): Tổng kết về Thể, nhưng Thể thuộc về Lý, nay có sao lại nói là Sự? Hãy nên biết: [Lý là cái để Sự] nương vào từ đầu đến cuối. Dù mê hay ngộ, đều có sẵn Lý, [cho nên] Lý chính là Sự. Vì thế, phải là “*bất tư nghị sự*”.

3) Hai câu từ “*siêu thánh nhân*” (cái nhân siêu lên bậc thánh) trở đi nhằm tổng kết về Tông. Tông ắt phải là nhân và quả cùng thành.

4) “*Bất thoái Bồ Đề*”: Tổng kết về Dụng.

Đức Địa Tạng khéo thực hiện phương tiện, khiến cho [chúng sanh] thành tựu Bồ Đề. Nếu xét theo Tứ Nhất của kinh Pháp Hoa:

1) Câu đầu tiên nhằm tán thán “*giáo nhất*” vì trời người đều được lợi ích.

2) Câu kế tiếp nhằm tán thán “*lý nhất*” vì Lý sẵn đủ thì Sự mới khởi tác dụng được.

3) Hai câu ba và bốn tán thán “*hạnh nhất*”, do hạnh ắt vượt thoát cái nhân, sẽ có thể chứng quả.

4) Câu thứ năm nhằm tán thán “*nhân nhất*”: Do đã đắc rốt ráo Bồ Đề, là người bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian.

Đều nói là Sự vì giống như “*Như Lai do một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong thế gian*” của kinh Pháp Hoa. Bởi lẽ, thế gian, xuất thế gian, trong, ngoài, thiện, ác, lớn, nhỏ, thánh, phàm, không điều gì chẳng phải là các sự, chỉ là tác dụng khác nhau. Ví như đàn cầm, đàn sắt, không hầu, âm vận như nhau, nhưng thổi hoặc khảy khác nhau. Xét theo ý của phần tổng kết tán thán, dường như đều nhằm nói đến những điều sau đó. Vì lẽ nào vậy? Ấy là vì những điều ngài Quán Âm thưa hỏi rất khác với những điều trước đó, đặc biệt nêu tỏ sự mầu nhiệm của bốn

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

phương diện trên đây, xuyên suốt nhất quán trước lẫn sau. Dùng phần sau để nêu bày cụ thể phần trước, càng phô bày sâu xa hơn. Chớ nên nghĩ phần trước là kém cỏi, phần sau thù thắng, để rồi lạc mất trong mạch văn, đánh mất ý chỉ vậy!

**3.3.1.2.2.2. Quán Âm thỉnh thuyết vị lưu thông** (đức Quán Âm xin Phật nói [những chuyện ấy] để lưu thông)

**3.3.1.2.2.2.1. Đương cơ thuật thỉnh** (bậc đương cơ trần thuật, câu thỉnh)

**3.3.1.2.2.2.1.1. Kinh gia đề danh tự nghi** (người trùng tuyên kinh trần thuật danh tự và lễ nghi thỉnh pháp của bậc đương cơ)

*(Kinh) Thuyết thị ngữ thời, hội trung hữu nhất Bồ Tát Ma Ha Tát, danh Quán Thế Âm, tùng tòa nhi khởi, hồ quỳ, hiệp chưởng.*

**(經)說是語時，會中有一菩薩摩訶薩名觀世音，從座而起，胡跪合掌。**

*(Kinh: Nói lời ấy xong, trong hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Quán Thế Âm, từ chỗ ngồi đứng dậy, hồ quỳ, chấp tay).*

Điều này cho thấy sự khế hợp màu nhiệm trong việc phát khởi, tuyên dương giữa chủ và khách, sự xướng họa tương ứng giữa thầy và trò. Đức Thế Tôn sở dĩ đối trước đại chúng tổng kết những lời tán thán, dụng ý nhằm khơi gợi ngài Quán Âm hãy thừa dịp đức Phật tán thán để níu lấy ngay ý ấy mà thưa hỏi. Vì thế, ngay sau khi đức Phật nói lời ấy xong, đức Quán Âm liền đứng dậy bạch Phật. “*Thối trác đồng thời*” (gà con trong trứng cựa quậy cho vỏ trứng vỡ, gà mẹ bèn cùng lúc mổ vỏ trứng cho gà con thoát ra) chính là nói đến chuyện này đây!

Tiếng Tây Trúc là A Na Bà Lô Cát Đê Thâu (Avalokitesvara), cõi này dịch là Quán Thế Âm. “*Quán*” là trí năng quán, dùng Tam Trí<sup>231</sup> chiếu chánh tánh, xem xét từ nguyên nhân đến kết quả. “*Thế Âm*” (âm thanh của thế gian) là cảnh được quán. Muôn hình tượng khác biệt, đủ mọi âm thanh xướng lên sai khác, Bồ Tát do lòng Từ rộng lớn, đều khiến cho họ thoát khổ. Nên gộp chung cảnh và trí, nên có tên là Quán Thế

<sup>231</sup> Tam Trí: Nhất Thiết Trí, Đạo Chung Trí, Nhất Thiết Chung Trí. Nếu chỉ xét theo địa vị Bồ Tát thì Tam Trí là thanh tịnh trí, nhất thiết trí, và vô ngại trí.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Âm (nước Mạt La Củ Trá (Malakūta)<sup>232</sup> ở bờ biển cực Nam của Ấn Độ. Trong đại hải ở phương Nam nước ấy, có quả núi tên là Bồ Đà Lạc Ca Potalaka)<sup>233</sup>, [trong núi] có cung trời bằng đá, là nơi chốn thường ngự của Quán Tự Tại Bồ Tát).

**3.3.1.2.2.1.2. Đại Sĩ thuật tán, thỉnh thuyết** (Đại Sĩ trần thuật, tán thán, xin đức Phật hãy nói)

**3.3.1.2.2.1.2.1. Thuật tiền sở thán công đức** (trần thuật lời tán thán công đức đã nói trước đó)

**3.3.1.2.2.1.2.1.1. Thuật Địa Tạng oai thần** (trần thuật oai thần của đức Địa Tạng)

*(Kinh) Bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, cụ đại từ bi, lân mẫn tội khổ chúng sanh, u thiên vạn ức thế giới, hóa thiên vạn ức thân, sở hữu công đức, cập bất tư nghị oai thần chi lực”.*

**(經)白佛言：世尊！是地藏菩薩摩訶薩，具大慈悲，憐愍罪苦眾生，於千萬億世界，化千萬億身，所有功德，及不思議威神之力。**

*(Kinh: Bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Vị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát này sẵn lòng đại từ bi, xót thương chúng sanh tội khổ, trong ngàn vạn ức thế giới, hóa hiện ngàn vạn ức thân, có công đức và sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn).*

---

<sup>232</sup> Malakūta là một quốc gia cổ của Ấn Độ, nằm ở cực Nam bán đảo Ấn Độ, là lãnh thổ của cổ vương triều Pāndya, thuộc địa bàn hai thành phố Madura và Tinnevely hiện thời. Vương quốc này rộng hơn năm ngàn dặm, đất đai cằn cỗi, gập ghềnh, nhưng vùng biển này có rất nhiều báu vật. Tánh tình dân chúng cứng cỏi, mạnh bạo, tà chánh xen lẫn, thích trục lợi. Ngoại đạo rất đông, đa phần là tu sĩ khổ hạnh lửa thề. Nơi bờ biển phía Nam nước này có núi cao Mạt Lạt Da (Malaya) sanh ra các loại Bạch Đàn Hương và Chiên Đàn rất nổi tiếng.

<sup>233</sup> Bồ Đà Lạc Ca còn được phiên âm là Bồ Đạt Lạc Ca, Bồ Đà Lạc Già, Phổ Đà Lạc Ca, Phổ Đà Lạc Già, Bộ Đa La, Bồ Đạt Lạp v.v... thường gọi là Phổ Đà Sơn, hoặc dịch nghĩa thành Quang Minh Sơn, Hải Đảo Sơn, Tiểu Hoa Thụ Sơn, Tiểu Bạch Hoa Thụ Sơn. Thông thường, các nhà nghiên cứu cho rằng Bồ Đà Lạc Ca nay chính là núi Bạc Bạc Nạp Tát Mẫu (Papanasam) thuộc huyện Tirunelveli, tiểu bang Tamil Nadu của Ấn Độ. Có thuyết nói núi Bồ Đà Lạc Ca phải thuộc đảo Sri Lanka (xét ra, thuyết sau hợp lý hơn vì kinh thường nói Phổ Đà Sơn ở ngoài biển).

Đức Thế Tôn muốn xưng dương các sự, ngài Quán Âm bèn hỏi ngay duyên do. Vì thế, chúng ta biết những gì được hỏi đáp sẽ đều chẳng ra ngoài những điều ấy. Thế nhưng, ắt phải nhờ Quán Âm [thưa thỉnh] là vì [Ngài và đức Địa Tạng] chí đồng đạo hợp, đều có đại nhân duyên với Diêm Phù Đề. Như Ngài tán dương đức Địa Tạng sẵn lòng đại từ bi, cho đến thần lực chẳng thể nghĩ bàn; đấy cũng là những điều đức Quán Âm vốn có. Theo kinh Bi Hoa, trong quá khứ, Ngài là thái tử thứ nhất của vua Vô Tránh Niệm (無諍念, không có ý niệm tranh cãi), tên là Bất Thuần (不眴). Do được phạm-chí Bảo Hải khuyên bảo, bèn phát hoàng thệ. Vì thế, đức Phật Bảo Tạng dạy: “*Nhữ quán thiên nhân cập tam ác đạo nhất thiết chúng sanh, sanh đại bi tâm, dục đoạn chúng sanh chư khổ não cố, dục đoạn chúng sanh chư phiền não cố, dục linh chúng sanh trụ an lạc cố, kim đương tự nhữ vi Quán Thế Âm. Nhữ hành Bồ Tát đạo thời, dĩ hữu bách thiên vô lượng ức na-do-tha chúng sanh đắc ly khổ não. Nhữ vi Bồ Tát thời, dĩ năng đại tác Phật sự*” (Ông thấy trời, người và hết thấy chúng sanh trong ba đường ác bèn sanh tâm đại bi, vì muốn đoạn các khổ não của chúng sanh, vì muốn đoạn các phiền não của chúng sanh, vì muốn khiến cho chúng sanh trụ trong an lạc, nay ta sẽ đặt tên cho ông là Quán Thế Âm. Khi ông hành đạo Bồ Tát, đã có trăm ngàn vô lượng ức na-do-tha chúng sanh được lìa khổ não. Lúc ông làm Bồ Tát, đã có thể làm Phật sự lớn lao). Do đức nghiệp ngang nhau thì mới có thể phát khởi; vì thế, nhờ Đại Sĩ thừa dịp thỉnh vấn.

**3.3.1.2.2.1.2.1.2. Thuật chư Phật tán đức (trần thuật chư Phật đều khen ngợi công đức của Địa Tạng Bồ Tát)**

*(Kinh) Ngã văn Thế Tôn dữ thập phương vô lượng chư Phật, dị khẩu đồng âm, tán thán Địa Tạng Bồ Tát vân: “Chánh sử quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật, thuyết kỳ công đức, do bất năng tận”.*

**(經)我聞世尊與十方無量諸佛，異口同音，讚歎地藏菩薩云：正使過去現在未來諸佛，說其功德，猶不能盡。**

*(Kinh: Con nghe đức Thế Tôn và mười phương vô lượng chư Phật khác miệng cùng tiếng tán thán Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Nếu như quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật nói công đức của ông, vẫn chẳng thể hết được”).*

Lời tán thán của chư Phật có ý nghĩa như thế, nhưng không có kinh văn. Ở đây, có hai ý: Xa là nói đến đức Phật ở tại núi Già La Đề Da (Kharādīya)<sup>234</sup>, là chỗ nương nấu của các vị Mâu-ni tiên (ẩn cư tiên nhân), trong hội Đại Tập (tức trong kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân) đã rộng tán thán, đó là một ý. Gần thì như đức Phật ở trên cung trời Đao Lợi, mười phương chư Phật cùng nhóm đến, phân thân của đức Địa Tạng đều cùng tới. Ngay trong lúc đức Phật Thích Ca tán thán mọi việc của đức Địa Tạng, há có biết chư Phật chẳng cùng tán thán ư? Đó là ý thứ hai. Vì sao [lại nói] “*nếu như tam thế chư Phật nói công đức của ngài Địa Tạng vẫn chẳng thể cùng tận?*” Do núi hạnh của đức Địa Tạng cao hơn Tu Di, biển nguyện sâu thăm thẳm, huông hồ trí huệ và thần thông đều chẳng thể nghĩ bàn, há có thể tính kể nổi ư?

**3.3.1.2.2.2.1.2.2. Thuật kim dục tán ích sự** (trần thuật hiện thời [đức Phật] muốn tán thán những chuyện lợi ích)

**(Kinh) Hướng giả, hựu môn Thệ Tôn phổ cáo đại chúng, dục xưng dương Địa Tạng lợi ích đẳng sự.**

**(經)向者，又蒙世尊普告大眾，欲稱揚地藏利益等事。**

**(Kinh: Vừa rồi, lại được đức Thệ Tôn bảo khắp đại chúng rằng, Ngài muốn xưng dương những chuyện lợi ích của đức Địa Tạng).**

Nói “vừa rồi” thì cũng có xa và gần. Xa là như những phần kinh văn trong phẩm Như Lai Tán Thán, gần thì như những chuyện bảo ban đại chúng sau khi đức Phật phóng quang.

**3.3.1.2.2.2.1.2.3. Chánh thỉnh vị chúng dương đức** (chánh thức thỉnh Phật hãy vì đại chúng xưng dương công đức của ngài Địa Tạng)

**(Kinh) Duy nguyện Thệ Tôn, vị hiện tại, vị lai nhất thiết chúng sanh, xưng dương Địa Tạng bất tư nghị sự, linh thiên long bát bộ, chiêm lễ hoạch phước.**

---

<sup>234</sup> Núi Già La Đề Da còn được phiên âm là Khur La Đề Da, Khur La Đà, Già La Đà, dịch nghĩa là Loa Lâm Sơn, chính là đạo tràng của đức Địa Tạng. Đức Phật đã nói kinh Địa Tạng Thập Luân tại nơi đây. Theo Huệ Lâm Âm Nghĩa, núi này là một trong bảy ngọn kim sơn bao quanh núi Tu Di, cao bốn vạn do-tuần.

**(經)唯願世尊，為現在未來一切眾生，稱揚地藏不思議事，今天龍八部，瞻禮獲福。**

*(Kinh: Kính mong đức Thế Tôn vì hết thảy chúng sanh trong hiện tại và tương lai xưng dương chuyện chẳng thể nghĩ bàn của đức Địa Tạng, khiến cho trời rồng tám bộ chiêm ngưỡng, lễ bái, được phước).*

Ở đây, nêu rõ dụng ý xưng dương đức Địa Tạng chính là vì để cho trời rồng tám bộ chiêm ngưỡng, lễ bái, sẽ được phước. Đây là do hết thảy chúng sanh hư vọng chấp trước “ta, người”, quen thói lười nhác, ngã mạn, bị bực kín trong mê muội bao kiếp, chẳng biết Tam Bảo, thuận theo thói ngu xuẩn, ít khi gặp được bậc thập thánh, nào có biết mạng như đuốc [chập chờn] trước gió, khó thể giữ lâu được! Thân hình khác nào lửa xẹt từ đá, há tồn tại lâu dài! Huống hồ lại còn ngũ trược chen nhau xâm phạm, bốn con rắn<sup>235</sup> thường bực bách. Chẳng lẽ Tam Bảo, sẽ khó thoát khỏi bốn dòng (kiến lưu, dục lưu, hữu lưu, vô minh lưu)! Do vậy, hành giả phải thường nên tác ý, chớ nên tự đọa! Sợ vô thường bỗng ập tới, không cách nào chiêm ngưỡng, lễ bái được! Ví như con chuột chui vào cái sừng [trâu, bò], đường cùng, sẽ tiến đến đâu? Vì thế, đức Phật đã dạy bài kệ rằng: “*Mạng như phong trung dăng, bất tri diệt thời tiết, kim nhật phục minh nhật, bất giác tử luân chí. Minh minh từng nghiệp duyên. Bất tri sanh hà đạo?*” (Mạng như đèn trước gió, chẳng biết tắt lúc nào. Hôm nay lại ngày mai, chẳng ngờ bỗng chết mất. Mù mờ theo nghiệp duyên, chẳng biết sanh đường nào). Khi chiêm ngưỡng, lễ bái Phật, Bồ Tát, sẽ diệt trừ tội trong vô lượng sanh tử, tích tập trăm ngàn phước thiện duyên. Như kinh Tăng Nhất A Hàm đã dạy: “*Lễ Phật hữu ngũ công đức: Nhất, đoan chánh; nhị, đắc diệu thanh; tam, đa nhiều tài; tứ, sanh xứ cao quý; ngũ, sanh thiên thượng*” (Lễ Phật có năm công đức: Một là đoan chánh, hai là được âm thanh tốt đẹp, ba là nhiều tài vật dư dật, bốn là sanh vào chỗ cao quý, năm là sanh lên trời). Vì thế, dạy trời người chiêm ngưỡng, lễ bái đức Địa Tạng, tự nhiên được phước.

**3.3.1.2.2.2.2. Như Lai tán hứa (đức Như Lai tán thán, hứa khả)**

**3.3.1.2.2.2.2.1. Tán đức (tán thán công đức của ngài Quán Thế Âm)**

---

<sup>235</sup> Bốn con rắn chính là Tứ Đại. Kinh Đại Thừa thường tỷ dụ Tứ Đại (Địa, Thủy, Hỏa, Phong) như bốn con rắn bỏ chung một ruộng. Khi chúng chẳng hòa hợp (Tứ Đại bất điều), sẽ sanh ra các thứ bệnh tật.



**3.3.1.2.2.2.1.1. Tán Sa Bà hữu duyên công đức (tán thán công đức hữu duyên với Sa Bà)**

*(Kinh) Phật cáo Quán Thế Âm Bồ Tát: - Nhữ u Sa Bà thế giới, hữu đại nhân duyên.*

**(經)佛告觀世音菩薩：汝於娑婆世界，有大因緣。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: - Ông có nhân duyên lớn với thế giới Sa Bà).*

Trước hết là Tổng Tán (tán thán chung). Từ “*nhược thiên*” (nếu trời) [trong đoạn kế tiếp] trở đi là phần Biệt Tán. [Đoạn này] vạch rõ: Ngài có duyên với Sa Bà, tức là cơ cảm đặc biệt thích hợp; nhưng Đại Sĩ hóa duyên, không côi nào chẳng hiện thân. “*Đại nhân duyên*” nghĩa là có công năng sanh khởi, giúp cho thành tựu cực lớn chẳng thể nghĩ bàn! Sách Ma Ha Chỉ Quán viết: “*Thiện tri thức là đại nhân duyên. Nói ‘hóa đạo’ tức là làm cho [người được] hóa độ thấy Phật. Như Vô Tận Ý hỏi: ‘Do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?’ Đức Phật dùng bảy nạn, hai điều cầu mong để trả lời chuyện ấy*”. Sách Biệt Hành Sớ viết: “*Nhân duyên rất nhiều, nói đại lược thì là cảnh và trí. Nếu xét theo phía chúng sanh, thì lấy hai căn cơ thiện và ác làm nhân, lấy linh trí từ bi của thánh nhân làm duyên. Nếu nói theo phía thánh nhân, quán trí từ bi làm nhân, chúng sanh cơ cảm làm duyên. Đây chính là do thánh mà duyên phạm, do phạm mà duyên thánh, đại khái chẳng ra ngoài Tứ Tắt Đàn*”.

*(Kinh) Nhược thiên, nhược long, nhược nam, nhược nữ, nhược thần, nhược quý, nãi chí lục đạo tội khổ chúng sanh, văn nhữ danh giả, kiến nhữ hình giả, luyến mộ nhữ giả, tán thán nhữ giả.*

**(經)若天若龍，若男若女，若神若鬼，乃至六道罪苦眾生，聞汝名者，見汝形者，戀慕汝者，讚歎汝者。**

*(Kinh: Dù trời hay rồng, hoặc nam, hoặc nữ, hoặc thần, hoặc quý, cho đến chúng sanh tội khổ trong lục đạo, được nghe tên ông, thấy hình tượng của ông, luyến mộ ông, tán thán ông).*

Trong phần Biệt Tán, đã dùng ba cặp gồm sáu việc để nói về căn cơ, cũng như cảm ứng về tội phước trong lục đạo nhằm hiển thị đại nhân duyên. “*Thiên, long*” là một cặp trên, dưới. “*Nam nữ*” là một cặp trong,

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

ngoài. “*Thần quý*” là một cặp u, hiền. Trong đó đã giản lược Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, và hai chúng xuất gia, tại gia, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, cho nên nói là “*nãi chí*” (cho đến). Nhưng đặc biệt nêu ra trời, rồng v.v... là do họ cũng có sanh, lão, bệnh tử. “*Văn danh*” (nghe tên) là như trong phẩm Phổ Môn [đã nói] nghe tên và thấy thân [Quán Thế Âm Bồ Tát], có thể diệt khổ trong các Hữu. “*Luyện mộ*” (quyển luyện, ngưỡng mộ) là do oai thần của Đại Sĩ, trọn đủ đại bi Thí Vô Úy, khiến cho quần sanh quyển luyện, nghĩ nhớ, ngưỡng mộ. Kinh Trường A Hàm chép: “*Hoan hỷ dục kiến, ức niệm bất vong, sanh luyện mộ tâm*” (hoan hỷ muốn thấy, nghĩ nhớ chẳng quên, sanh tâm luyện mộ) là nói về chuyện này. Luyện mộ chẳng thôi tức là sự tán thán được mở rộng; nhưng sức oai thần chẳng thể tán thán trọn hết được, [những chuyện ấy đã] được nói cặn kẽ trong phẩm Phổ Môn.

*(Kinh) Thị chư chúng sanh, ư vô thượng đạo, tất bất thoái chuyển, thường sanh nhân thiên, cụ thọ diệu lạc. Nhân quả tương thực, ngộ Phật thọ ký.*

**(經)是諸眾生，於無上道，必不退轉，常生人天，具受妙樂。因果將熟，遇佛授記。**

*(Kinh: Các chúng sanh ấy ắt chẳng thoái chuyển nơi đạo vô thượng, thường sanh trong trời người, hưởng trọn đủ niềm vui mãn nhiệm. Khi nhân quả chín muồi, sẽ gặp Phật thọ ký).*

Từ chữ “*thị chư*” (các chúng sanh ấy) trở đi, nói về sự hiệu nghiệm. Đã được hưởng lợi ích, sẽ rốt ráo thành Phật. Tuy [Bồ Tát] hiện thân ứng theo tâm nguyện của chúng sanh, kể ra có ba mươi hai thân khác biệt; thuyết pháp ứng hợp căn cơ, bèn chia thành mười chín loại sai khác. Nhưng bốn ý Đại Sĩ là nơi A Nậu Bồ Đề (Vô Thượng Chánh Giác). “*Thường sanh nhân thiên*” nghĩa là: Khi chưa thành tựu Phật đạo, rốt ráo chẳng đọa vào đường ác. “*Nhân thiên thọ lạc*” (hưởng vui trong đường trời, người): Tu tập nhân lành, nhân tròn, quả chín, gặp Phật thọ ký. Đấy đều là đại sự nhân duyên. Vì vậy, kinh Đại Phẩm Bát Nhã dạy: “*Bồ Tát Ma Ha Tát, dục tri chư pháp nhân duyên, đương học Bát Nhã Ba La Mật, tắc tuy phổ độ chúng sanh nhập Niết Bàn giới, thí như huyễn sư độ huyễn đệ tử, bỉ thử ly tình tuyệt kiến hỷ*” (Bồ Tát Ma Ha Tát muốn biết các pháp nhân duyên, hãy nên học Bát Nhã Ba La Mật, tuy độ chúng

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

sanh nhập Niết Bàn giới, mà ví như thầy huyền độ trò huyền, đôi bên đều ly tình, dứt bật kiến chấp).

#### **3.3.1.2.2.2.1.2. Tán thính, tuyên Địa Tạng công đức (khen ngợi việc nghe dạy, nói ra công đức của ngài Địa Tạng)**

*(Kinh) Nhữ kim cụ đại từ bi, lân mẫn chúng sanh, cập thiên long bát bộ, thính ngô tuyên thuyết Địa Tạng Bồ Tát bất tư nghị lợi ích chi sự.*

**(經)汝今具大慈悲，憐愍眾生，及天龍八部，聽吾宣說地藏菩薩不思議利益之事。**

*(Kinh: Nay ông trọn đủ lòng đại từ bi, thương xót chúng sanh và trời rồng tám bộ, nghe ta tuyên nói chuyện lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát).*

Ba câu đầu trực tiếp chỉ ra người có thể nghe đức Phật tuyên nói sự lợi ích. Ở đây, hãy nên trích dẫn đầy đủ đoạn văn nói về “từ bi phổ” trong sách Biệt Hành Sớ: “Do Đại Sĩ hể trông thấy hết thấy chúng sanh khổ não, liền dấy lòng đại từ bi, khiến cho mầm Bồ Đề nảy nở. Vì thế nói: Đốc trọn ba nghiệp tịnh cầu, tạo thành cái mầm mong được thoát khổ. Lấy Tứ Hoằng làm thế nguyện, khiến cho [hành nhân] được thấm đẫm niềm vui bậc thượng. Tức là chân thân đẹp khổ, ứng thân ban vui”. Nay sao nói là “cụ” (具, trọn đủ)? Chỉ vì thương xót chúng sanh trong vị lai, khiến cho ai nấy đều được nghe nói sự lợi ích của đức Địa Tạng. Do vậy, nhấn mạnh bằng hai chữ “nhữ kim” (nay ông).

#### **3.3.1.2.2.2.2.2. Giới thính (răn truyền hãy nghe)**

*(Kinh) Nhữ đương đế thính, ngô kim thuyết chi.*

**(經)汝當諦聽，吾今說之。**

*(Kinh: Ông hãy nên lắng nghe, nay ta sẽ nói).*

#### **3.3.1.2.2.2.2.3. Nguyện văn (mong được nghe)**

*(Kinh) Quán Thế Âm ngôn: “Dụy nhiên, Thế Tôn! Nguyên nhạo dục vẫn”.*

**(經)觀世音言：唯然，世尊！願樂欲聞。**

*(Kinh: Quán Thế Âm thưa: “Bạch Thế Tôn! Vâng ạ! Con mong muốn được nghe”).*

Những câu này đều dễ hiểu.

**3.3.1.2.2.2.2.4. Chánh cáo (phần bảo ban chánh yếu)**

**3.3.1.2.2.2.2.4.1. Trường Hàng (lời dạy bảo theo thể loại Trường Hàng)**

**3.3.1.2.2.2.2.4.1.1. Biệt thị bất tư nghị sự (dạy riêng từng chuyện chẳng thể nghĩ bàn)**

Phần này gồm tám đoạn, từ đoạn thứ nhất là “*chuyển thiên nhân suy tướng*” (chuyên đổi tướng suy hao của trời người) cho đến đoạn thứ tám “*an thủy lục hiểm đạo*” (đi đường hiểm trở dù đường bộ hay đường thủy đều bình an). Mỗi chuyện đều nói là “*chẳng thể nghĩ bàn*”, vì đều là hành xử rất sâu của Đại Sĩ, lưu xuất từ tự tánh.

**3.3.1.2.2.2.2.4.1.1.1. Chuyển thiên nhân suy tướng (chuyên đổi tướng suy hao của trời, người)**

**3.3.1.2.2.2.2.4.1.1.1.1. Ngũ suy tướng hiện (năm tướng suy hiện ra)**

*(Kinh) Phật cáo Quán Thế Âm Bồ Tát: - Vị lai, hiện tại chư thế giới trung, hữu thiên nhân thọ thiên phước tận, hữu ngũ suy tướng hiện, hoặc hữu đọa u ác đạo chi giả.*

**(經)佛告觀世音菩薩：未來現在諸世界中，有天人受天福盡，有五衰相現，或有墮於惡道之者。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: - Trong các thế giới nơi đời vị lai hay hiện tại, có vị trời nào hưởng hết phước trời, có năm tướng suy hiện ra, hoặc là có người đọa vào đường ác).*

Chư thiên trong tam giới, mỗi vị đều nương theo túc nghiệp. Túc phước sâu dày, sẽ tăng tấn thánh luân; phước xưa kém mỏng, sẽ bị ác nghiệp lôi đi. Kinh Niết Bàn dạy: “*Thiên thượng tuy vô đại khổ não sự, nhiên kỳ thân thể nhu nhuyễn, tế hoạt, kiến ngũ tướng thời, cực thọ đại*

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*khô, như địa ngục khô, đặng vô sai biệt. Như mật hòa độc dược, sơ mỹ hậu khô”* (Trên trời, tuy không có chuyện đại khô nào; nhưng thân thể họ mềm mại, trơn mịn, khi thấy năm tướng suy, sẽ chịu đựng nổi khổ to lớn cùng cực giống hết như nổi khổ trong địa ngục, chẳng có sai biệt. Như mật hòa với thuốc độc, thoát đầu là ngon ngọt, sau là đắng). Theo Tân Tỳ Bà Sa Luận, chư thiên mạng chung thì trước đó có hai loại ngũ suy tướng hiện ra, một là tiêu, hai là đại.

Tiêu ngũ suy:

- Một là thân phát ra âm thanh ác.
- Hai là quang minh nơi thân yếu ớt, tối tăm.
- Ba là nước tắm gội dính vào thân.
- Bốn là chấp cảnh, chẳng xả được.
- Năm là thân hư nhược, mắt nháy lia lịa.

Đại ngũ suy:

- Y phục nay bị nhơ ւế.
- Hai là mào hoa bị héo hết.
- Ba là hai nách toát mồ hôi.
- Bốn là thân thể sanh mùi hôi.
- Năm là không thích chỗ ngồi của chính mình.

Tiêu ngũ tướng hiện, nếu chẳng quy y, cầu cứu, đại ngũ suy sẽ hiện ra, ắt sẽ từ cõi trời chết đi, đọa xuống. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ dạy: *“Nghịệp tận hoại ưu não, xả ly chư thiên nữ, thoái thời đại khổ não, bất khả đắc thí dụ”* (Nghịệp hết sẽ ôm lòng lo sầu, lìa bỏ các thiên nữ. Khi thoái đọa sẽ khổ não to lớn, chẳng thể sánh ví được). Vì thế, cần phải cầu cứu.

*“Hoặc hữu đọa ác đạo”* (hoặc cũng có kẻ đọa vào đường ác): Tùy theo nghịệp lực mà đọa vào trong ba đường, như kinh Chiết Phục La Hán đã dạy: *“Tích Dao Lợi thiên, hữu nhất thiên, thọ thù tận, hữu thất chủng thụ hiện: Quang diệt, hoa ւỷ, sắc biến, y trần, dịch hãn, thân sáu, cập ly bốn tọa. Tức tự tư duy, thọ chung sanh Cưu Di Na Kiệt quốc, giới lại mẫu trụ phúc trung tác đôn”* (Xưa kia, cõi trời Dao Lợi có một vị trời tuổi thọ sắp hết, có bảy điềm hiện ra: Quang minh mất đi, hoa héo, sắc biến đổi, áo dính bụi, nách rịn mồ hôi, thân gầy còm, và rời khỏi tòa của chính mình. Vị ấy liền tự tư duy, biết sau khi chết, sẽ thọ sanh làm lợn con trong bụng lợn xề ghẻ lác tại nước Kushinagar) tức là một trường hợp vậy.

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.1.2. Kiến văn chuyển báo** (do thấy, nghe mà chuyển đổi quả báo)

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.1.2.1. Thị tăng thiên phước** (nêu rõ: Tăng thêm phước trời)

*(Kinh) Như thị thiên nhân, nhược nam, nhược nữ, đương hiện tướng thời, hoặc kiến Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, hoặc văn Địa Tạng Bồ Tát danh, nhất chiêm, nhất lễ. Thị chư thiên nhân chuyển tăng thiên phước, thọ đại khoái lạc, vĩnh bất đọa tam ác đạo báo.*

**(經)如是天人，若男若女，當現相時，或見地藏菩薩形像，或聞地藏菩薩名，一瞻一禮。是諸天人轉增天福，受大快樂，永不墮三惡道報。**

*(Kinh: Vị trời như thế dù nam hay nữ, nếu trong khi tướng suy hiện, hoặc thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, hoặc nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, một lần chiêm ngưỡng, lễ một lễ. Các vị trời ấy sẽ chuyển thành tăng thêm phước trời, hưởng sự vui sướng to lớn, vĩnh viễn chẳng mắc phải quả báo đọa vào ba ác đạo).*

Trước hết, dạy cái nhân tu tập hồng đời đời đáng sợ. Nếu chư thiên nam, nữ nhằm lúc tướng suy đại hay tiêu hiện ra, hoặc thấy hình tượng của Địa Tạng, và nghe danh hiệu của Ngài, bèn vận dụng cả thân lẫn tâm, chiêm ngưỡng và lễ bái. Do đã tu phước thù thắng, tướng suy bèn diệt. Từ “*thị chư*” (các vị ấy) trở đi, chỉ rõ: Chuyển báo, tăng phước. Như Thiên Đế Thích khi đại tiêu suy tướng bỗng hiện ra, lòng sanh sợ hãi, nghĩ như thế này: “Ai có thể cứu sự suy ách như vậy cho ta, ta sẽ quy y”. Ông ta tự biết rõ: “Trừ đức Phật Thế Tôn ra, không ai có thể cứu vớt, che chở”. Liền đến chỗ Phật, xót xa cầu thỉnh cứu giúp. Đức Phật thuyết pháp cho Đế Thích. Ông ta liền thấy lẽ chân thật, khiến cho các tướng suy ấy ngay lập tức đều bị tiêu diệt.

Ông ta hoan hỷ, hớn hờ, nói bài kệ Ái Ngữ: “*Đại tiên ưng đương tri, ngã tức u thử tòa, hoàn đắc thiên thọ mạng, duy nguyện tôn ức trì*” (Đấng đại tiên nên biết, con ở nơi tòa này, được có lại mạng trời, xin tôn kính, nghĩ nhớ). Nay người chiêm ngưỡng, lễ bái đức Địa Tạng, chuyển biến suy tướng, tăng phước cũng giống như thế. Kinh Trường A Hàm dạy: “*Sử bỉ chư thiên tăng ích ngũ phước: Nhất thiên thọ, nhị thiên sắc, tam thiên danh xưng, tứ thiên lạc, ngũ thiên oai đức*” (Khiến cho các vị trời ấy tăng thêm năm phước: Một là tuổi thọ cõi trời, hai là sắc thân cõi

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

trời, ba là danh xưng trong cõi trời, bốn là niềm vui sướng trong cõi trời, năm là oai đức trong cõi trời).

“*Vĩnh bất đọa ác đạo*” (vĩnh viễn chẳng đọa vào đường ác): Như vị trời sẽ đọa làm lợn trong phần trước, sâu khổ, không biết tìm cách nào. Các vị trời khác bảo: “*Chỉ có đức Phật mới có thể giúp ông thoát tội*”. Ông ta bèn đến chỗ đức Phật, làm lễ, thưa hỏi. Đức Phật dạy: “*Muốn thoát thân lợn sữa, hãy thường tụng Tam Tự Quy*”. Vị trời ấy liền quy y. Bảy ngày sau, ông ta hạ sanh trong thành Duy Da Ly (Vaisāli), làm con của ông trưởng giả. Lúc mới sanh ra, rơi xuống đất, cũng quỳ gối tam quy. Đến lúc bảy tuổi, chơi giỡn bên đường, gặp các vị Thân Tử (Xá Lợi Phất) và Mục Liên, đưa trẻ làm lễ, thỉnh đức Phật về nhà. Đức Phật vì gia đình ấy thuyết kinh, đưa trẻ và cha mẹ, thân thuộc đều đắc A Duy Việt Trí (bất thoái chuyển). Nhìn từ chuyện này, [sẽ thấy] nếu chiêm ngưỡng, lễ bái đức Địa Tạng, há chỉ có vĩnh viễn chẳng đọa vào đường ác, mà còn có thể nhanh chóng dự vào địa vị thánh. Do vậy biết: Do công đức sám hối, thân lẫn tâm đều vui sướng.

#### ***3.3.1.2.2.2.4.1.1.1.2.2. Huống thí cúng lợi (huống hồ lợi ích do bố thí, cúng dường)***

***(Kinh) Hà huống kiến văn Bồ Tát, dĩ chư hương, hoa, y phục, ẩm thực, bảo bối, anh lạc, bố thí cúng dường, sở hoạch công đức, phước lợi, vô lượng vô biên.***

**(經)何況見聞菩薩，以諸香華，衣服，飲食，寶貝，瓔珞，布施供養，所獲功德福利，無量無邊。**

***(Kinh: Huống hồ được thấy nghe Bồ Tát, bèn dùng hương, hoa, quần áo, thức ăn, vật báu, chuỗi anh lạc để bố thí, cúng dường, sẽ đạt được công đức và phước lợi vô lượng, vô biên).***

Trên đây là thấy tượng, nghe danh, chỉ chiêm ngưỡng, lễ bái, mà đã tăng phước, hưởng vui, chẳng đọa vào đường ác; huống hồ thấy nghe rồi lại còn ra sức cúng dường ư? Vì thế, đạt được công đức và phước lợi vô lượng vô biên. Như Di Lạc Bồ Tát Sở Vấn Kinh Luận có chép: “*Vấn: Văn hà bố thí quả báo? Đáp: Bố thí hữu nhất chủng quả, sở vị Thọ Dụng Quả. Phục hữu nhị chủng quả, sở vị hiện tại thọ quả, vị lai thọ quả. Phục hữu tam chủng quả, tức thử nhị chủng, phục gia Bát Nhã*” (Hỏi: Quả báo của bố thí là như thế nào? Đáp: Bố thí có một loại quả,

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

tức là Thọ Dụng Quả. Lại có hai loại quả, tức là quả sẽ hưởng trong hiện tại, và quả sẽ hưởng trong tương lai. Lại có ba loại quả, tức là hai loại ấy cộng thêm Bát Nhã. Nay công đức và phước lợi đạt được tương ứng với Bát Nhã, cho nên chẳng có ngăn mé và số lượng như hư không.

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.2. Chuyển lâm chung ác nghiệp** (*chuyển biến nghiệp ác khi lâm chung*)

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.2.1. Lâm chung vẫn danh ly khổ** (*lúc lâm chung, nghe danh hiệu sẽ là khổ*)

*(Kinh) Phục thứ Quán Thế Âm! Nhược vị lai, hiện tại, chư thế giới trung lục đạo chúng sanh, lâm mạng chung thời, đắc văn Địa Tạng Bồ Tát danh, nhất thanh lịch nhĩ căn giả, thị chư chúng sanh, vĩnh bất lịch tam ác đạo khổ.*

**(經)復次觀世音！若未來現在，諸世界中六道眾生，臨命終時，得聞地藏菩薩名，一聲歷耳根者，是諸眾生，永不歷三惡道苦。**

*(Kinh: Lại này Quán Thế Âm! Nếu vị lai, hiện tại, lục đạo chúng sanh trong các thế giới khi sắp mạng chung, được nghe danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát một tiếng thoảng qua tai, các chúng sanh ấy vĩnh viễn chẳng phải chịu khổ trong ba đường ác).*

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.2.2. Quyển thuộc tổ tượng chuyển báo** (*quyển thuộc tác tượng, chuyển báo*)

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.2.2.1. Tu tổ tượng nhân** (*tu nhân tác tượng*)

*(Kinh) Hà huống lâm mạng chung thời, phụ mẫu, quyển thuộc tương thị mạng chung nhân xá trạch, tài vật, bảo bối, y phục, tổ họa Địa Tạng hình tượng.*

**(經)何況臨命終時，父母眷屬將是命終人舍宅財物，寶貝衣服，塑畫地藏形像。**

*(Kinh: Huống hồ khi sắp mạng chung, cha mẹ, quyển thuộc dùng nhà cửa, tài vật, của báu, quần áo của người mạng chung ấy để đắp, vẽ hình tượng Địa Tạng).*



**3.3.1.2.2.2.4.1.1.2.2.2. Chuyễn hiện báo, vị báo** (*chuyễn biến quả báo trong hiện tại và tương lai*)

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.2.2.2.1. Bệnh nhân tri nhân** (*người bệnh biết cái nhân*)

*(Kinh) Hoặc sử bệnh nhân vị chung chi thời, nhãn, nhĩ kiến văn, tri đạo quyền thuộc tương xá trách, bảo bồi đẳng, vị kỳ tự thân, tổ họa Địa Tạng Bồ Tát hình tượng.*

**(經)或使病人未終之時，眼耳見聞，知道眷屬將舍宅寶貝等，為其自身，塑畫地藏菩薩形像。**

*(Kinh: Hoặc là khiến cho bệnh nhân lúc chưa mất, mắt thấy, tai nghe, biết quyền thuộc đem những thứ như nhà cửa, vật báu v.v... vì chính mình mà đắp, vẽ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát).*

Đều giống như trước.

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.2.2.2.2. Thừa công chuyễn báo** (*nhờ vào công đức để chuyễn đổi quả báo*)

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.2.2.2.2.1. Trọng bệnh tầm dữ, tăng thọ** (*bệnh nặng sẽ liền khỏi, tăng tuổi thọ*)

*(Kinh) Thị nhân nhược thị nghiệp báo, hợp thọ trọng bệnh giả, thừa tư công đức, tầm tức trừ dữ, thọ mạng tăng ích.*

**(經)是人若是業報，合受重病者，承斯功德，尋即除愈，壽命增益。**

*(Kinh: Người ấy nếu do nghiệp báo đáng phải bị bệnh nặng, sẽ nhờ vào công đức ấy mà liền lành bệnh, thọ mạng tăng thêm).*

Vì sao cần phải vì người bệnh tu cúng dường, tạc tượng đức Địa Tạng thì mới có thể lành bệnh, tăng thọ? Sách Ma Ha Chi Quán viết: “Đường ác đáng sợ hãi, mạng người vô thường, một hơi thở ra không hít vào được nữa, đường dài ngàn năm biên biệt trên nẻo tối, chẳng có tư lương. Biển khổ càng sâu, thuyền bè há gởi vào đâu? Năm tháng hao hụt dần, phong đao chẳng còn được mấy, há có thể an lòng ngồi đợi

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*chua xót, khổ sở? Ví như chó hoang mất sạch, tai, đuôi, nanh, giả vờ ngủ vùi mong thoát khổ ư?”* Vì thế, vì người ấy tu phước để lập tức trừ uơng họa, không chỉ là được lành bệnh mà còn tăng thọ. Ví như uống ngũ thạch<sup>236</sup>, không chỉ lành bệnh, mà thân còn được sung mãn.

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.2.2.2.2.2. Mạng tận, diệt chướng, sanh thiên (nếu mạng đã hết, sẽ được diệt tội chướng, sanh lên trời)**

*(Kinh) Thị nhân nhược thị nghiệp báo mạng tận, ưng hữu nhất thiết tội chướng, nghiệp chướng, hợp đọa ác thú giả, thừa tư công đức, mạng chung chi hậu, tức sanh nhân thiên, thọ thắng diệu lạc. Nhất thiết tội chướng tất giai tiêu diệt.*

**(經)是人若是業報命盡，應有一切罪障業障，合墮惡趣者，承斯功德，命終之後，即生人天，受勝妙樂。一切罪障，悉皆銷滅。**

*(Kinh: Nếu người ấy do nghiệp báo mà mạng hết, lại vì hết thấy tội chướng và nghiệp chướng, đáng đọa vào trong đường ác, nhưng nhờ công đức ấy, sau khi mạng chung, liền sanh làm trời, người, hưởng sự vui thù thắng, nhiệm màu. Hết thấy tội chướng thấy đều tiêu diệt).*

“Nghiệp báo mạng tận” tức là phước lẫn mạng đều đã hết. Tuy phước lẫn mạng đều hết, công đức và phước lợi đã tu tập chẳng sai chạy. Vì thế, kẻ đáng có tội chướng Ngũ Nghịch, nghiệp chướng Thập Ác, đáng đọa trong đường ác chịu khổ, do nhờ vào công đức bán nhà tạo tượng, liền sanh làm trời, người, hưởng vui sướng; cả hai thứ tội chướng

---

<sup>236</sup> Toa thuốc Ngũ Thạch gọi tên đầy đủ là Ngũ Thạch Tán, hoặc Hàn Thực Tán, xuất hiện vào thời Ngụy - Tấn. Sau đời Đường thì rất ít người dùng; vì đây là một loại thuốc có chất độc, gây nên những biến động đáng kể về tâm lý và cảm xúc như hoang tưởng, căng thẳng, nhưng cho đến đời Thanh, qua sự ngoa truyền trong dân gian, nhiều người vẫn tưởng lầm đây là một loại thuốc tốt để chữa chứng bệnh trầm cảm, và thậm chí dùng nó như xuân dược. Người uống vào sẽ cảm thấy thân thể khô nóng, bức rức, bồn chồn, cần phải ăn đồ lạnh, tắm nước lạnh ngay trong mùa Đông mới cảm thấy dễ chịu (vì thế gọi là Hàn Thực Tán). Ngoài ra, nó còn gây nên những phản ứng phụ như tiêu chảy, ăn mất ngon, tiểu gắt, ho, khó thở, lở loét da. Sở dĩ gọi là Ngũ Thạch vì nó bao gồm năm thứ đá nghiền chung lại: Đá thạch nữ, tử thạch anh (fluorite), bạch thạch anh (quartz), thạch lưu huỳnh (sulphur), và xích thạch chi (red bole clay, còn gọi là Armenian clay, là đất sét chứa oxide sắt và silicate nhôm).

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

và nghiệp chướng trước đó đều tiêu diệt, chẳng thừa sót! Như trong kinh Đại Thừa, Kỳ Bà nói với vua A Xà Thế: “*Tu nhất thiện tâm, năng phá bách vạn chủng ác. Như thiếu Kim Cang, năng hoại Tu Di. Diệt như tiểu hỏa, năng thiêu nhất thiết. Như thiếu độc dược, năng hại chúng sanh. Tiểu thiện diệt nhĩ, năng hoại đại ác*” (Tu một thiện tâm có thể phá trăm vạn thứ ác. Như một chút kim cương có thể hư hoại núi Tu Di. Cũng như chút lửa, có thể đốt hết thảy. Như chút thuốc độc, có thể hại chúng sanh. Điều thiện nhỏ cũng thế, có thể phá hoại điều ác to lớn). Tuy gọi là tiểu thiện, thật ra là lớn. Do vì nghĩa này, phải nên tu sám hối. Người có thể làm như vậy, ắt điều thiện có thể giúp phước trong cõi âm vậy.

***3.3.1.2.2.2.4.1.1.3. Thị tiên vong sanh giới (chỉ dạy cõi người đã khuất sanh về)***

***3.3.1.2.2.2.4.1.1.3.1. Thuật tư ức chi sự (nói đến những chuyện nghĩ nhớ)***

***(Kinh) Phục thứ Quán Thế Âm Bồ Tát! Nhược vị lai thế, hữu nam tử, nữ nhân, hoặc nhũ bộ thời, hoặc tam tuế, ngũ tuế, thập tuế dĩ hạ, vong thất phụ mẫu, nãi chí vong thất huynh, đệ, tỷ, muội. Thị nhân niên ký trưởng đại, tư ức phụ mẫu, cập chư quyến thuộc, bất tri lạc tại hà thú, sanh hà thế giới, sanh hà thiên trung?***

**(經)復次觀世音菩薩! 若未來世, 有男子女人, 或乳哺時, 或三歲五歲, 十歲已下, 亡失父母, 乃至亡失兄弟姊妹。是人年既長大, 思憶父母, 及諸眷屬, 不知落在何趣, 生何世界, 生何天中?**

***(Kinh: Lại này Quán Thế Âm Bồ Tát! Nếu trong đời vị lai, có nam tử, nữ nhân, hoặc lúc còn đang bú mớm, hoặc ba tuổi, năm tuổi, mười tuổi trở xuống, mà cha mẹ đã mất, cho đến anh, em trai, chị, em gái đã mất. Người ấy đã khôn lớn, nghĩ nhớ cha mẹ và các quyến thuộc, chẳng biết họ sanh vào đường nào, sanh trong thế giới nào, sanh trong cõi trời nào?)***

“*Nhũ bộ thời*” là lúc trẻ thơ còn quán tã. “*Nhũ*” (乳, vú) là bầu thịt trước ngực. Sữa con bú do máu mẹ hóa thành. Con chưa sanh, ở

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

trong thân mẹ, [chất nuôi dưỡng thai nhi] là máu [của mẹ]. Con đã sanh, máu biến thành sữa. Kinh Ngũ Đạo Thọ Sanh dạy: “*Nhi sanh tam tuế, phàm ẩm nhất bách bát thập học nhũ (cổ tam thăng, đương kim nhất thăng), trừ kỳ thai trung thực huyết phần*” (Con sống đến ba tuổi, uống một trăm tám mươi học<sup>237</sup> sữa (ba thăng thời cổ bằng một thăng hiện thời), trừ lúc ở trong thai ăn máu mẹ). Sách Thuyết Văn Giải Tự viết: “*Bộ là nhám, nuốt*”. Chữ Bộ (哺) từ Khẩu (口) và Phủ (甫) hợp thành, chính là lúc mẹ nhai nhỏ [cơm hoặc thức ăn], mớm cho con. Như sách Dịch Lâm<sup>238</sup> viết: “Chim chóc ăn hạt thóc, mớm cho [chim con đang] há miệng chờ mớm”. Sách Dật Nhã viết: “*Trẻ nhỏ bị đầy hơi gọi là Bộ. Bộ có nghĩa sưng móm. Khi sưng lạnh, bú sữa chẳng tiêu, sanh ra chứng bệnh này*”. Nay người trưởng thành ăn nhiều thứ quá lạnh, ngực và miệng có mùi hôi như thức ăn rữa nát là do lẽ này. Từ lứa tuổi còn bú mớm cho tới lúc ba tuổi, tuy người thân mát trước hay sau khác nhau, nhưng do [tuổi thơ] vô tri, nên cảm thấy lớn hay nhỏ đều chẳng khác gì! Tới khi đã khôn lớn, bèn nghĩ nhớ, đây chính là lương tâm của đấng con hiếu thảo, sao nữ cam lòng! Kinh Phạm Động<sup>239</sup> dạy: “*Ngã thân Tứ Đại, Lục Nhập, từng phụ mẫu sanh. Nhũ bộ dưỡng dục, y thực thành trưởng, ma môn ủng hộ*” (Tứ Đại, Lục Nhập nơi thân ta do cha mẹ sanh ra. Bú mớm, nuôi nấng, cơm áo trưởng thành, vuốt ve, nâng niu, gìn giữ). Nhưng có kẻ cho đến hết đời chẳng hề nghĩ thân mình do đâu mà có! Đối với công nuôi nấng, bồng bế nhọc nhằn, sao chẳng nghĩ tới con dê non khụy chân cho [cha mẹ đã già] bú sữa của nó, con quạ có lòng Từ mớm mỗi ngược lại cho cha mẹ già, chim sẻ non trộm thóc bị bắt, nghĩ nhớ mẹ phải nhin đói, chẳng lẽ người không bằng cầm thú ư? Nay sở dĩ nghĩ nhớ là do chẳng biết quyền thuộc rơi vào đường nào, thăng trầm khó lường! Chẳng biết sanh trong thế giới nào, ở chính giữa đất nước hay nơi biên địa khó đoán định. Chẳng biết sanh trong tầng trời nào, là định hay tán chẳng thể am tường! Vì thế, thức, ngủ nghĩ nhớ, muốn biết nơi chốn của họ!

---

<sup>237</sup> Một học là mười thạch, một thạch là mười đấu, một đấu là mười thăng (thăng).

<sup>238</sup> Dịch Lâm có tên gọi đầy đủ là Tiêu Thị Dịch Lâm do Tiêu Cám soạn dưới đời Tây Hán, là tác phẩm triển khai kinh Dịch, do phức hợp 64 quẻ của kinh Dịch mà thành  $64 \times 64 = 4.096$  quẻ Dịch.

<sup>239</sup> Phạm Động Kinh chính là bản dịch khác của kinh Phạm Võng (Brahmājāla Sūtra) trong Trường A Hàm.

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

**3.3.1.2.2.2.2.4.1.1.3.2. Thị tu kính chi công** (chỉ bày công đức do tu cung kính)

**3.3.1.2.2.2.2.4.1.1.3.2.1. Tiên vong giải thoát** (người đã khuất được giải thoát)

**3.3.1.2.2.2.2.4.1.1.3.2.1.1. Tu thắng nhân** (tu cái nhân thù thắng)

**(Kinh) Thị nhân nhược năng tổ họa Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, nãi chí văn danh, nhất chiêm, nhất lễ, nhất nhật chí thất nhật, mạc thoái sơ tâm, văn danh, kiến hình, chiêm lễ cúng dường.**

**(經)是人若能塑畫地藏菩薩形像，乃至聞名，一瞻一禮，一日至七日，莫退初心，聞名見形，瞻禮供養。**

**(Kinh: Người ấy nếu có thể đắp, vẽ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, cho đến nghe tiếng, chiêm ngưỡng một lần, lễ một lễ, từ một ngày cho đến bảy ngày, đừng lui sụt cái tâm ban đầu, nghe tên, thấy hình tượng, chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường).**

Câu “mạc thoái sơ tâm” (đừng lui sụt cái tâm ban đầu) là lời răn quan trọng nhất. Người đời nay kiên quyết chọn lựa giữ vững điều thiện hằng ngày từ sáng đến tối, tôi chưa hề gặp! Như kẻ lo liệu làm phước, thoát đau thì muốn làm nhiều, chưa làm xong mà đã giảm bớt. Kẻ học đạo thoát đau quyết chí tinh tấn, về sau lười nhác, mệt mỏi. Đó gọi là “mị bất hữu thi, tiền khắc hữu chung” (không ai chẳng sót sáng khởi đầu tiến hành, nhưng rốt cuộc hiếm ai làm đến cùng). Người khởi sự rồi hoàn tất, chỉ có bậc thánh nhân đầy chăng? Vì thế kinh dạy: “Ngư tử, Am-la hoa, Bồ Tát sơ phát tâm, tam sự nhân trung đa, cập kỳ kết quả thiểu” (Cá con và hoa xoài, Bồ Tát sơ phát tâm, ba chuyện nhân thì nhiều, đạt kết quả ít ỏi). Răn nhắc đừng lui sụt cái tâm ban đầu là có dụng ý sâu xa vậy!

**3.3.1.2.2.2.2.4.1.1.3.2.1.2. Đắc lạc báo** (được quả báo an vui)

**3.3.1.2.2.2.2.4.1.1.3.2.1.2.1. Đọa ác thú giả giải thoát** (người đọa trong đường ác được giải thoát)

**(Kinh) Thị nhân quyền thuộc, giả nhân nghiệp cố, đọa ác thú giả, kế đương kiếp số, thừa tư nam, nữ, huynh, đệ, tử, muội, tổ họa**

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

*Địa Tạng hình tượng, chiêm lễ công đức, tâm tức giải thoát, sanh nhân thiên trung, thọ thắng diệu lạc.*

**(經)是人眷屬，假因業故，墮惡趣者，計當劫數，承斯男女，兄弟姊妹，塑畫地藏形像，瞻禮功德，尋即解脫，生人天中，受勝妙樂。**

*(Kinh: Quyển thuộc của người ấy do vì nghiệp nhân, đọa vào đường ác tính ra phải chịu nhiều kiếp, do nhờ công đức của con cái, anh, em trai, chị, em gái đắp vẽ hình tượng đức Địa Tạng, chiêm ngưỡng, lễ bái, liền được giải thoát, sanh trong trời, người, hưởng sự vui thù thắng, mẫu nhiệm).*

“Giả nhân nghiệp”: “Giả” (假) tức là ba thứ Giả: Do cái nhân mà thành, tiếp nối, và đối đãi. Do chúng hư vọng chẳng thật, nên gọi là Giả. Sách Ma Ha Chỉ Quán viết: “Do nhân mà thành, tức là xét theo ngoại trần và nội căn. Tiếp nối: Tức là chỉ xét theo nội căn. Đối đãi: Đối đãi xét theo chiều dọc, thì là cái Vô do đã diệt vô; đối đãi xét theo chiều ngang thì là vô tâm vô vi”. Hết thấy phàm phu chưa dự vào thánh đạo, hễ khởi lên mây may so đo, thấy đều là kiến chấp! Do vì có kiến chấp, các khổ thuộc ba thứ Giả bèn nhóm họp. Phiền não bèn dấy theo, kết nghiệp tràn lan, sanh tử cuồn cuộn. Vì thế nói là “đọa ác thú trung, kế đương kiếp số” (đọa trong đường ác, tính ra phải chịu nhiều kiếp). Đây là nói quyển thuộc do nghiệp mà thọ sanh. Từ “thừa tư” (nhờ [phước đức] ấy) trở đi, ý nói nhờ phước mà siêu thắng. “Tâm tức giải thoát” (liền được giải thoát): Do căn cơ nhanh chóng, ứng hiện nhanh chóng, cho nên lợi ích nhanh chóng. Ví như cha mẹ tâm nghĩ đến con sâu nặng, lại còn lắm trí, nhiều tài, có thể lực lớn, các con mắc nạn, [cha mẹ] có thể lập tức cứu giúp. Nay Địa Tạng Bồ Tát tâm từ bi sâu nặng, Quyền Trí và Thật Trí sâu xa, thánh tài sung túc, thần lực tự tại, hễ quyển thuộc bị đọa ác thú, [do nhờ Bồ Tát tế độ], sẽ lập tức giải thoát.

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.3.2.1.2.2. Sanh nhân thiên giả tăng nhân** (người đã sanh trong đường trời, người sẽ tăng thêm cái nhân thánh đạo)

*(Kinh) Thị nhân quyền thuộc như hữu phước lực, dĩ sanh nhân thiên, thọ thắng diệu lạc giả, tức thừa tư công đức, chuyển tăng thánh nhân, thọ vô lượng lạc.*

**(經)是人眷屬如有福力，已生人天，受勝妙樂者，即承斯功德，轉增聖因，受無量樂。**

*(Kinh: Quyền thuộc của người ấy nếu có phước lực, đã sanh làm trời người, hưởng sự vui thù thắng, mâu nhiệm, sẽ nương vào công đức ấy, tăng thêm cái nhân thánh đạo, hưởng vô lượng sự vui).*

Cô đức nói: “Đã sanh vào đường lành, công huân sẽ được tăng thêm. Kẻ chưa thoát khổ luân, sẽ sớm sanh về Tịnh Độ” chính là ý nghĩa của hai đoạn văn trên đây. “Chuyển tăng thánh nhân” (tăng thêm cái nhân của thánh đạo): Sẽ dự vào các địa vị thuộc tam thừa, hưởng niềm vui xuất thế. Như trong kinh Tăng Nhất A Hàm, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Phàm phu chi nhân bất tác công đức, bất đắc tứ sự cúng dường, phục bất miễn tam ác đạo khổ, thị vị thân tâm câu bất lạc. Tác công đức A La Hán, tứ sự cúng dường, vô sở phạp đoản, phục miễn tam ác đạo khổ, thị vị thân tâm câu lạc” (Kẻ phàm phu chẳng làm công đức, chẳng được tứ sự cúng dường, lại chẳng tránh khỏi nỗi khổ trong ba ác đạo. Đó gọi là thân lẫn tâm đều chẳng vui sướng. Bạc A La Hán tạo công đức, được tứ sự cúng dường chẳng bị thiếu hụt, lại tránh khỏi sự khổ trong ba đường ác. Đó gọi là thân lẫn tâm đều vui sướng). Nay đã tăng thêm cái nhân thánh đạo, tức là thân lẫn tâm đều vui sướng vậy!

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.3.2.2. Cự cáo sanh giới (nói đầy đủ chỗ đã sanh về)**

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.3.2.2.1. Niệm danh Bồ Tát hiện thân (niệm danh hiệu, Bồ Tát hiện thân)**

*(Kinh) Thị nhân cánh năng tam thất nhật trung, nhất tâm chiêm lễ Địa Tạng hình tượng, niệm kỳ danh tự, mãn u vạn biến, đương đắc Bồ Tát hiện vô biên thân, cự cáo thị nhân quyền thuộc sanh giới.*

**(經)是人更能三七日中，一心瞻禮地藏形像，念其名字，滿於萬徧，當得菩薩現無邊身，具告是人眷屬生界。**

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Người ấy lại có thể trong hai mươi một ngày, nhất tâm chiêm ngưỡng, lễ bái hình tượng đức Địa Tạng, niệm danh tự của Ngài trọn một vạn lần, sẽ được Bồ Tát hiện vô biên thân, bảo cận kề chỗ quyền thuộc đã sanh về).

“*Tổ tượng, chiêm lễ*” (Tạc tượng, chiêm ngưỡng, lễ bái) là đóc cạn lòng ân cần được biểu hiện ra ngoài. Nhất tâm xưng danh là trong tâm siêng năng cung kính. Cơ và cảm đóc trọn lòng thành, [Bồ Tát] bèn nhanh chóng ứng hiện thân hình. Đó gọi là “*Bồ Tát thanh lương nguyệt, thường du tất cánh không, chúng sanh tâm thủy tịnh, Bồ Đề ảnh hiện trung*” (Bồ Tát trắng trong mát, thường dạo rớt ráo không, nước tâm chúng sanh tịnh, Bồ Đề hiện bóng soi), cảm ứng chẳng sai chạy!

Hỏi: Nay có người đã bao năm [ân cần xưng niệm, lễ bái như thế], nhưng chẳng được truyền dạy chút nào, vì sao vậy? Đáp: Cần biết nhất tâm có Sự và Lý. Nếu cả hai đằng đều thiếu sót, sao có thể cảm thánh cho được! Ví như đến trước gương mà xoay lưng lại, đối trước hang động mà lặng im, làm sao có thể thấy được bóng dáng và tiếng vọng?

“*Vô biên thân*” xét theo Sự thì vô biên chính là hữu biên; xét theo Lý thì hữu biên chính là vô biên. Nay dùng lễ tượng, xưng danh, đó là Sự nhất tâm, để khế nhập Lý nhất tâm như hư không vô biên, như hang trống dội lại tiếng vọng, như gương sáng hiện hình. Vì thế, [Bồ Tát] hiện vô biên thân bảo cận kề chỗ đã sanh về!

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.3.2.2.2. Mộng thần lãnh kiến quyền thuộc** (trong mộng thấy Bồ Tát dùng oai thần cho thấy người thân)

(**Kinh**) *Hoặc ư mộng trung, Bồ Tát hiện đại thần lực, thân lãnh thị nhân, ư chư thế giới kiến chư quyền thuộc.*

**(經)或於夢中，菩薩現大神力，親領是人，於諸世界見諸眷屬。**

(**Kinh:** Hoặc là trong mộng, Bồ Tát hiện đại thần lực, đích thân dẫn dắt người ấy thấy các quyền thuộc trong các thế giới).

Trong phần trước là hiển cơ hiển ứng. Vì thế nói: Trong lúc xưng niệm, lễ bái, Bồ Tát hiện thân bảo ban, dạy cho biết quyền thuộc đã sanh về cõi nào. [Còn trong đoạn này] quyền thuộc là minh cơ minh ứng



### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(冥機冥應, cơ và ứng ngầm ngầm), cho nên bảo ban trong giấc mộng. Tức là giống như “*chư thiên hiện mộng*” trong luật Thiện Kiến, đây chính là giấc mộng thật sự. Nhưng cần phải hiểu rõ: Chuyện thiện, ác, phàm, thánh, không gì chẳng phải là mộng! Thoạt đầu do người nằm mộng, chẳng biết quyền thuộc đã sanh về cõi nào, cho nên tạc Địa Tạng mộng tượng<sup>240</sup>, trong mộng chiêm lễ, xưng danh, cho nên [Bồ Tát] hiện thân trong mộng răn dạy. Vì thế nói: Nếu càng thêm tinh tấn trong mộng thì những điên đảo về danh xưng sông sẽ dứt bật. Quay lại quán thế gian, [sẽ thấy] đều là chuyện trong mộng, chỉ có đại giác rạng ngời, được gọi là “*đại mộng giác*”.

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.3.2.3. Hiện hoạch diệu báo (đạt được quả báo mẫu nhiệm trong hiện tại)**

*(Kinh) Cánh năng mỗi nhật, niệm Bồ Tát danh thiên biến, chí u thiên nhật, thị nhân đương đắc Bồ Tát khiển sở tại thổ địa quý thần, chung thân vệ hộ. Hiện thế, y thực phong dật, vô chư tật khổ, nãi chí hoạnh sự bất nhập kỳ môn, hà huống cập thân! Thị nhân tất cánh đắc Bồ Tát ma đánh thọ ký.*

**(經)更能每日，念菩薩名千遍，至於千日，是人當得菩薩遣所在土地鬼神，終身衛護。現世衣食豐溢，無諸疾苦，乃至橫事不入其門，何況及身。是人畢竟得菩薩摩頂授記。**

*(Kinh: Nếu lại có thể mỗi ngày niệm danh hiệu Bồ Tát một ngàn lần cho đến một ngàn ngày, người ấy sẽ được Bồ Tát sai thổ địa, quý thần nơi đó bảo vệ suốt đời, đời này được cơm áo dư dật, không bị các bệnh khổ. Cho đến các chuyện ngang trái chẳng lọt qua cửa nhà ấy, huống hồ thân phải hứng chịu. Người ấy rốt cuộc được Bồ Tát xoa đầu thọ ký).*

Ở đây, tu nhân đã thù thắng, cảm quả cũng thù thắng, so với phần trước càng khác biệt vời vợi! “*Thổ địa, quý thần*” tức là những vị trông

---

<sup>240</sup> Do xét theo Lý, tất cả thế gian đều là mộng huyễn, huyễn cảnh. Người hành trì là mộng nhân (người trong mộng), chiêm lễ, xưng danh đều là hành vi trong mộng, tạc tượng Địa Tạng Bồ Tát thì tượng ấy cũng là tượng trong mộng vì là hữu hình, là sự tướng.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú***

coi về đất đai, thóc lúa, hộ trì nhân dân, mà cũng là những vị hộ trạch, hộ thân. Nay họ đều vĩnh viễn hộ trì người ấy. Hiện tại hưởng ba điều vui sướng, về sau được diêu ký (thọ ký màu nhiệm). Một là áo cơm dư dật, tức lớn bé đều an hưởng. Hai là không có các tật bệnh, tức thân lẫn tâm đều điều hòa, thư thái. Ba là dứt bật các chuyện ngang trái, tức các việc ăn ở đều yên bình. Đó là báo ứng trong kiếp người hiện tại, vẫn là chuyện nhỏ. Còn như người ấy rốt cuộc được Bồ Tát xoa đầu an ủi, đích thân thọ ký, tức là cái nhân chân chánh quyết được thành tựu, đạt được diêu quả. Thế gian và xuất thế gian, không gì chẳng thành tựu! Oai thần lợi ích là như thế đó!

***3.3.1.2.2.2.4.1.1.4. Thành độ sanh chứng quả (thành tựu chuyện độ sanh, chứng quả)***

***3.3.1.2.2.2.4.1.1.4.1. Thuật phát tâm độ nhân (phát tâm độ người khác)***

***(Kinh) Phục thứ Quán Thế Âm Bồ Tát! Nhược vị lai thế, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dục phát quảng đại từ tâm, cứu độ nhất thiết chúng sanh giả, dục tu Vô Thượng Bồ Đề giả, dục xuất ly tam giới giả.***

**(經)復次觀世音菩薩！若未來世，有善男子，善女人，欲發廣大慈心，救度一切眾生者，欲修無上菩提者，欲出離三界者。**

***(Kinh: Lại này Quán Thế Âm! Nếu trong đời vị lai có thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn phát tâm đại từ rộng lớn cứu độ hết thảy chúng sanh, muốn tu Vô Thượng Bồ Đề, muốn thoát lìa tam giới).***

Đây là tâm đại Bồ Tát, tu tập Bát Nhã Ba La Mật, cho nên có thể phát khởi cái tâm độ người khác. Nhưng từ bi vốn sẵn đủ, chỉ vì từ trước đã chấp “ta, người”, cho nên phân biệt đây, kia. Nay đã biết là đồng thể, cho nên phát tâm bình đẳng. Do đại từ, mong cho chúng sanh được vui sướng, cũng như ban bố sự vui. Do đại bi, thương xót chúng sanh đang chịu khổ, cũng mong họ thoát khỏi cảnh khổ, cho nên cứu độ hết thảy chúng sanh. Duyên trọn khắp pháp giới là Quảng, phổ độ quần mê là Đại.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

“*Muốn tu Vô Thượng Bồ Đề*”: Cho thấy người ấy tự cầu Phật quả, chính là như Ma Ha Chi Quán đã đề ra Vô Tác Tứ Đế: Hiểu rõ pháp tánh của chính mình và hết thấy các pháp chẳng hai, chẳng khác, thượng cầu hạ hóa, phát Bồ Đề tâm. “*Xuất ly tam giới*” chính là từ Sơ Tín cho tới Thất Tín của Viên Giáo. Trước hết là trừ khử Kiến Tư hoặc, già biệt mãi mãi nổi khổ trong tam giới.

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.4.2. Minh tu nhân thành nguyện (nói về sự tu nhân, thành tựu sở nguyện)**

*(Kinh) Thị chư nhân đấng, kiến Địa Tạng hình tượng, cập văn danh giả, chí tâm quy y. Hoặc dĩ hương, hoa, y phục, bảo bối, ẩm thực, cúng dường, chiêm lễ. Thị thiện nam nữ đấng, sở nguyện tốc thành, vĩnh vô chướng ngại.*

**(經)是諸人等，見地藏形像，及聞名者，至心歸依。或以香華衣服，寶貝飲食，供養瞻禮。是善男女等，所願速成，永無障礙。**

*(Kinh: Những người ấy thấy hình tượng Địa Tạng và nghe danh hiệu của Ngài, chí tâm quy y. Hoặc dùng hương, hoa, y phục, vật báu, thức ăn để cúng dường, chiêm ngưỡng, lễ bái. Các thiện nam nữ ấy sở nguyện mau chóng thành tựu, vĩnh viễn chẳng có chướng ngại).*

Kinh văn chia làm ba tiêu đoạn:

- Thứ nhất là thấy, nghe quy y.
- Thứ hai, từ “*hoặc dĩ*” trở đi là dốc cạn lòng thành cúng dường.
- Thứ ba là từ “*thị thiện*” trở đi, chuyện mong muốn được thành tựu.

Dựa theo “*phát Bồ Đề tâm*” trong đoạn văn trên đây, đây chính là chuyện thành tựu thượng phẩm. Như kinh Tô Tát Địa dạy: “*Năng linh chủng chủng Tát Địa thành tựu, tăng ích phước đức, nãi chí thành mãn Pháp Vương Tử pháp, hướng dư thế sự?*” (Có thể thành tựu các thứ Tát Địa, tăng thêm phước đức, cho đến thành tựu viên mãn pháp của Pháp Vương Tử, hướng hồ những chuyện thế gian khác ư?) Vì thế, không chỉ là sở nguyện mau chóng thành tựu, mà còn vĩnh viễn chẳng bị chướng duyên trở ngại!

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.5. Thành dục cầu nguyện sự** (thành tựu những chuyện mong cầu)

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.5.1. Thuật sở cầu nguyện sự** (trần thuật những chuyện mong cầu)

*(Kinh) Phục thứ Quán Thế Âm! Nhược vị lai thế, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dục cầu hiện tại, vị lai bách thiên vạn ức đẳng nguyện, bách thiên vạn ức đẳng sự.*

**(經)復次觀世音！若未來世，有善男子，善女人，欲求現在未來百千萬億等願，百千萬億等事。**

*(Kinh: Lại này Quán Thế Âm! Nếu trong đời vị lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân mong cầu trăm ngàn vạn ức nguyện, trăm ngàn vạn ức sự).*

Nguyện niệm ở bên trong, sự tướng thể hiện ở bên ngoài. Xét theo thể gian và xuất thể gian, bèn có trăm ngàn vạn ức: Hoặc cầu được thỏa nguyện trong đời hiện tại, hoặc mong đời khác xứng lòng. Như kinh Thập Luân đã dạy: “*Thử thiện nam tử, tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, hoặc vị đa văn, tịnh tín, tịnh giới, tịnh lực, thân thông, Bát Nhã, giải thoát, diệu sắc, thanh, hương, vị, xúc, lợi dưỡng, danh văn, công đức, hoa quả, thụ lâm, sàng phu, xá trạch đẳng*” (Thiện nam tử này ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình hoặc vì đa văn, tịnh tín, tịnh giới, tịnh lực, thân thông, Bát Nhã, giải thoát, sắc, thanh, hương, vị, xúc màu nhiệm, lợi dưỡng, tiếng tăm, công đức, hoa quả, rừng cây, giường đệm, nhà cửa v.v...) là nói về ý này.

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.5.2. Minh nhân tu thành tựu** (nói về cái nhân để tu hòng đạt thành tựu)

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.5.2.1. Nguyện cầu thành tựu**

*(Kinh) Dẫn đương quy y, chiêm lễ, cúng dường, tán thán Địa Tạng Bồ Tát hình tượng; như thị sở nguyện, sở cầu, tất giai thành tựu.*

**(經)但當歸依，瞻禮供養，讚歎地藏菩薩形像；如是所願所求，悉皆成就。**

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*(Kinh: Chỉ nên quy y, chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường, tán thán hình tượng Địa Tạng Bồ Tát thì sở nguyện, sở cầu như thể thấy đều thành tựu).*

Theo như các nghi quỹ trong Mật Bộ, đều nói có ba phẩm hay năm phẩm Tát Địa (Siddhi, thành tựu). Nay xét ra, kinh Thập Luân dạy “*hoặc vì chúng chúng thế xuất thế gian chư lợi lạc sự, u truy cầu thời, vị chư ưu khổ chỉ sở bức thiết, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, thử thiện nam tử công đức diêu định oai thần lực cố, linh bỉ nhất thiết giai ly ưu khổ, ý nguyện mãn túc*” (Hoặc vì trong lúc truy cầu các thứ chuyện lợi lạc thế gian và xuất thế gian, bị các thứ lo sầu, khổ não bức bách, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, thì do sức công đức và oai thần diêu định của vị thiện nam tử ấy, sẽ khiến cho hết thấy đều lìa khỏi ưu khổ, ý nguyện được thỏa mãn) chính là nói về chuyện này.

#### **3.3.1.2.2.2.4.1.1.5.2.2. Mộng cảm ma đảnh (mộng thấy cảm vời Bồ Tát xoa đầu)**

*(Kinh) Phục nguyện Địa Tạng Bồ Tát cụ đại từ bi, vĩnh ủng hộ ngã, thị nhân u thụy mộng trung, tức đắc Bồ Tát ma đảnh thọ ký.*

**(經)復願地藏菩薩具大慈悲，永擁護我，是人於睡夢中，即得菩薩摩頂授記。**

*(Kinh: Lại nguyện “Địa Tạng Bồ Tát sẵn lòng đại từ bi, vĩnh viễn ủng hộ con”. Người ấy sẽ trong khi nằm mộng, liền được Bồ Tát xoa đầu, thọ ký).*

Quy y, cúng dường đúng pháp, tâm cầu khẩn đúng lẽ, cho nên cảm Đại Sĩ thọ ký trong mộng. Đấy chính là thọ ký tương ứng với sự phát tâm. Xoa đầu nhằm tỏ ý an ủi, chỉ dạy hành nhân sẽ đạt cực quả, thọ ký hành nhân sẽ chứng viên nhân. Nếu chẳng có tín lực kiên cố, làm sao có thụy tướng như thế được?

#### **3.3.1.2.2.2.4.1.1.6. Phát hiện sanh trí huệ (phát khởi trí huệ trong đời hiện tại)**

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.6.1. Thuật túc chương căn độn** (thuật bày hành nhân do túc chương mà căn tánh chậm lụt)

**(Kinh) Phục thứ Quán Thế Âm Bồ Tát! Nhược vị lai thế, thiện nam tử, thiện nữ nhân, u Đại Thừa kinh điển thâm sanh trân trọng, phát bất tư nghị tâm, dục đọc, dục tụng.**

**(經)復次觀世音菩薩！若未來世，善男子，善女人，於大乘經典深生珍重，發不思議心，欲讀欲誦。**

**(Kinh: Lại này Quán Thế Âm Bồ Tát! Nếu trong đời vị lai, thiện nam tử, thiện nữ nhân đối với kinh điển Đại Thừa, sanh lòng trân trọng sâu xa, phát tâm chẳng thể nghĩ bàn, muốn đọc, muốn tụng).**

Nói đến hai chúng nam nữ, nhằm nêu ra căn cơ tiếp nhận pháp. Kinh điển Đại Thừa chính là pháp Phương Đẳng. Đạo của đế vương được ghi chép thành sách, sách ấy được gọi là Điển (典). Vì thế, sách của Ngũ Đế được gọi là Ngũ Điển, chính là kỹ cương thường hằng của đất nước. Chữ Điển được ghép từ chữ Sách (冊) và chữ Kỳ (其), thể hiện ý nghĩa “tôn sùng”. Kính trọng [kinh điển] như là lẽ tự nhiên, sẽ có ngày khai ngộ. Trong Phật pháp của chúng ta, cũng có thể khai ngộ Đệ Nhất Nghĩa Thiên.

“Thâm sanh trân trọng” (sanh lòng trân trọng sâu xa): Do Phật pháp như châu Như Ý, có thể sanh ra các thứ báu; vì thế, trân trọng, kính ngưỡng, yêu chuộng. Nói “*phát bất tư nghị tâm*” (phát tâm chẳng thể nghĩ bàn) thì có nghĩa là gì? Kinh La Văn Nhẫn Nhục dạy: “*Phật chi minh pháp, dữ tặc tương bôi. Tặc chi sở trân, đạo nhân sở tiện. Cổ trước dục chi nhân bất hiếu ngã vô dục chi hạnh*” (Pháp do đức Phật đã dạy tương phản thế tục. Những gì thế tục coi là trân quý, người tu đạo coi rẻ. Vì thế, kẻ chấp dục sẽ chẳng ưa hạnh vô dục của ta). Nay đã trân trọng, phát tâm đọc tụng, vậy thì tâm và pháp là một Thể, ai có thể suy nghĩ, bàn luận cái tâm ấy là sâu hay cạn cho được? Đây chính là nói về chuyện phát tâm thù thắng!

**(Kinh) Túng ngộ minh sư, giáo thị linh thực, toàn đắc, toàn vong, động kinh niên nguyệt, bất năng đọc tụng.**

**(經)縱遇明師，教視令熟，旋得旋忘，動經年月，不能讀誦。**

*(Kinh: Dầu gặp bậc minh sư dạy cho đọc thuộc, nhưng vừa học được lại quên mất ngay, trải bao năm tháng, chẳng thể đọc tụng).*

Kế tiếp, nói rõ căn độn. “*Minh sư*” là vị thầy có thể hiểu rõ trọn vẹn “tánh, tướng, hạnh, vị, nhân, quả”, kham làm khuôn phép cho mọi người. Vị này ngàn đời vạn kiếp khó gặp gỡ, nay may mắn gặp gỡ; nhưng dạy kẻ đó xem đọc kinh điển, bảo kẻ đó đọc thuộc, tụng thuộc. Hiềm rằng căn tánh ngu độn, vừa mới thuộc lại quên bẵng! Quanh năm suốt tháng, chẳng thể đối trước kinh bản đọc cho suông sẻ, chẳng thể tụng thuộc lòng được!

*(Kinh) Thị thiện nam tử đẳng, hữu túc nghiệp chướng, vị đắc tiêu trừ, cố ư Đại Thừa kinh điển, vô độc tụng tánh.*

**(經)是善男子等，有宿業障，未得消除，故於大乘經典，無讀誦性。**

*(Kinh: Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy do có nghiệp chướng xưa, chưa tiêu trừ được, cho nên đối với kinh điển Đại Thừa, chẳng có khả năng đọc tụng).*

Tiếp đó, chỉ ra họ là phường độn căn. Do túc nghiệp chướng chưa tiêu, nên chẳng có khả năng đọc tụng kinh điển. “*Căn độn*” như đã giải thích trong phần trước. “*Túc nghiệp chướng*” có nhiều nhân duyên. Bởi lẽ, đọc tụng kinh điển là gieo liễu nhân. Do đời trước chẳng có thói quen đọc tụng, tức là chẳng gieo liễu nhân. Ngài Quy Sơn nói: “*Đời này để luống qua, đời sau bé tấc*” là nói về chuyện này. Hoặc do xưa kia chẳng thể thân cận Phật pháp, chẳng kính trọng sa-môn, Bà-la-môn, chướng ngại người khác thuyết pháp, chướng ngại kẻ khác học kinh, chướng ngại người khác đọc tụng, chướng ngại kẻ khác biên chép, cho đến đấm đuổi, say sưa bét nhè, đánh mất chủng tử trí huệ. Vì thế, đời này dầu gặp minh sư dạy dỗ, vẫn chẳng thể đọc tụng!

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.6.2. Thị tu nhân phát huệ (dạy tu cái nhân để phát sanh trí huệ)**

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.6.2.1. Tu nhân**

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.6.2.1.1. Đối tượng trần tâm (đối trước tượng, giải bày tâm lòng)**

*(Kinh) Như thị chi nhân, văn Địa Tạng Bồ Tát danh, kiến Địa Tạng Bồ Tát tượng, cụ dĩ bản tâm, cung kính trần bạch.*

**(經)如是之人，聞地藏菩薩名，見地藏菩薩像，具以本心，恭敬陳白。**

*(Kinh: Người như thế nghe danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, thấy tượng Địa Tạng Bồ Tát, dốc trọn tâm lòng, cung kính giải bày).*

“Nghe danh hiệu, thấy tượng, giải bày tâm lòng”: Do danh hiệu Địa Tạng sanh từ trí huệ, còn tượng Đại Sĩ do công đức mà lập. Vì thế, xưng danh, thờ tượng, sẽ phát sanh huệ tánh. Nhưng cần phải cung kính thì mới có thể cảm động. Do lòng thành có thể cảm động muôn vật; chẳng chân thành, sẽ chẳng thể cảm động; hướng hô đối với Đại Sĩ ư?

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.6.2.1.2. Cầu huệ phương quĩ (phương cách, khuôn khổ để cầu trí huệ)**

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.6.2.1.2.1. Tu kính pháp (cách tu cung kính)**

*(Kinh) Cánh dĩ hương, hoa, y phục, ẩm thực, nhất thiết ngoạn cụ, cúng dường Bồ Tát.*

**(經)更以香華，衣服，飲食，一切玩具，供養菩薩。**

*(Kinh: Lại dùng hương, hoa, y phục, thức ăn, hết thảy các thứ trên ngoạn<sup>241</sup> cúng dường Bồ Tát).*

Cây vào vật dụng để biểu thị ý; nhờ vào sự, hòng hiển lộ cái tâm. Hương biểu thị “trong sạch, ngấm ngấm thông thấu sâu xa”. Hoa biểu thị “viên mãn, vui đẹp”. Y phục biểu thị “thấy Tịch Nhãn chẳng xả”. Thức ăn biểu thị “huệ mạng thường còn”. Các món trên ngoạn biểu thị “du hy

---

<sup>241</sup> “Ngọa cụ” ở đây không thể hiểu là “các món đồ chơi” theo nghĩa thông thường, mà là các thứ trên ngoạn như các tảng đá, hoặc những khối gỗ, khối ngọc có hình thù lạ lùng, kỳ bí tự nhiên, hay các vật phẩm mỹ thuật được điêu khắc chế tác tinh xảo, trên kỳ, khiến cho người sở hữu sướng mắt, thỏa lòng khi nhìn ngắm.



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh Khoa Chú***

thần thông”. Vì thế, nhờ vào những phương cách ấy hòng biểu thị lòng chí thành của ta.

#### ***3.3.1.2.2.2.4.1.1.6.2.1.2.2. Phục thủy pháp (cách uống nước)***

***(Kinh) Dĩ tịnh thủy nhất trản, kinh nhất nhật, nhất dạ, an Bồ Tát tiền; hậu, hiệp chưởng thỉnh phục, hồi thủ hướng Nam, lâm nhập khẩu thời, chí tâm trịnh trọng.***

**(經)以淨水一盞，經一日一夜，安菩薩前；後，合掌請服，迴首向南，臨入口時，至心鄭重。**

***(Kinh: Dùng một chén nước sạch, đặt trước tượng Bồ Tát một ngày, một đêm; sau đấy, chắp tay thỉnh nước ấy để uống, quay đầu hướng về phía Nam, khi nước lọt vào miệng bèn chí tâm trịnh trọng).***

Dùng tịnh thủy là nhờ vào duyên để phát huệ. Do người trí thích nước, nước có tác dụng lưu thông, gột rửa như uế, có công năng khiến cho mọi vật tươi nhuận. Nay cấy vào đó để gột sạch túc chướng, nhuần thấm sự ngu độn khô khan, tài bồi tánh năng đọc tụng, khiến cho huệ môn thông thoáng. Vì thế, kinh Thần Thủy dạy: “*Thủy tại hà trung vi hà thủy, thủy tại tỉnh trung vi tỉnh thủy, thủy nhập Phật bát vi Phật thủy, nhập phúc trung vi chân thủy. Dĩ thanh trị trực, dĩ chánh trị tà, chúng tà đoạn tuyệt*” (Nước ở trong sông là nước sông, nước ở nơi giếng là nước giếng. Nước vào trong bát của Phật là Phật thủy. Vào trong bụng là chân thủy. Dùng trong để trị đục, dùng chánh để trị tà, các thứ tà đoạn diệt). Do biết nước là chân thật, nên nay sử dụng. Một chén biểu thị “nhất đạo thanh tịnh”. Một ngày đêm biểu thị “ché tâm nhất xứ”. Ngày biểu thị trí sáng suốt, đêm biểu thị sự ngu ám. Đặt trước tượng Bồ Tát, cầu gia bị để đạt tiên bộ. Chắp tay thỉnh lấy nước ấy để uống, biểu thị “nhất tâm kính cẩn vâng nhận”. Quay đầu hướng về phía Nam biểu thị “trái nghịch quẻ Khảm, hướng đến quẻ Ly”. Sách Dật Nhã viết: “*Trịnh, đình dã. Kỳ địa đa bình, đình đình nhiên dã*” ([sở dĩ gọi là nước] Trịnh, hàm nghĩa “bằng phẳng”, vì đất đai nước ấy phần lớn ngang bằng, phẳng phiu), tức là biểu thị “ngâm khế nhập bình đẳng”, đó là đại trí huệ.

#### ***3.3.1.2.2.2.4.1.1.6.2.1.2.3. Giới thận pháp (cách kiêng tránh, thận trọng)***

*(Kinh) Phục thủy ký tất, thân ngũ tân, tửu, nhục, tà dâm, vọng ngữ, cập chư sát hại, nhất thất nhật, hoặc tam thất nhật.*

**(經)服水既畢，慎五辛酒肉，邪淫妄語，及諸殺害，一七日，或三七日。**

*(Kinh: Uống nước xong, hãy kiêng năm thứ cay nồng, rượu, thịt, tà dâm, nói dối, và các thứ sát hại trong vòng bảy ngày, hoặc hai mươi một ngày).*

Đây là dạy cách giúp mở mang huệ tánh; vì thế, cần phải kiêng ngũ tân v.v... Trong kinh Lăng Già, Đại Huệ Bồ Tát hỏi: “*Bỉ chư Bồ Tát đấng, chí cầu Phật đạo giả, tửu, nhục cập dữ thông, ẩm thực vi vân hà?*” (Các vị Bồ Tát ấy, chí tâm cầu Phật đạo, rượu, thịt, cùng với hành, ăn dùng sẽ ra sao?) Đức Phật đáp: “*Nhất thiết nhục dữ thông, cập chư cứu, toán đấng, chủng chủng phóng dật tửu, tu hành thường viễn ly*” (hết thấy thịt và hành, cùng các thứ hẹ, tỏi... các thứ rượu buông lung, tu hành thường xa lìa). “*Ngũ Tân*”<sup>242</sup>: Theo kinh Phạm Võng, thì là Đại Toán (大蒜, tỏi, sách Quảng Vận nói là Hồ Tuy (胡荽), tức ngò rí), Cách Thông (茗蔥, một loại hành núi), Từ Thông (慈蔥, hành thông thường), Lan Thông (蘭蔥, kiệu), và Hưng Cừ (興渠, còn gọi là Tứ Tật (荳蒳), tức cây A Ngụ). “*Huân tân*” (葷辛) có hai nghĩa (hôi thối và cay gắt). Hôi thối nhưng không cay là A Ngụ. Cay nhưng không hôi là hạt cải, gừng. Vừa hôi thối vừa cay gắt là Ngũ Tân.

---

<sup>242</sup> Theo phần lớn các kinh Đại Thừa, Ngũ Tân (Pañca Parivyaya), còn gọi là Ngũ Huân, tức là năm thứ thực vật có mùi hôi nồng: Đại Toán (Lasuna, 大蒜, tỏi), Thông (Latārka, 蔥, hành), Giói (Palāṇḍu, 薤, kiệu, còn gọi là Tiểu Toán), Cửu Thái (Grījana, 韭菜, hẹ), và Hưng Cừ (Hiṅgu, 興渠). Hưng Cừ là một loại thực vật, còn có tên gọi khác là A Ngụ (hoặc còn phiên âm là A Ngu, Huân Cừ, Cáp Tích Ni, hoặc đọc trại thành A Ngụ), có tên khoa học là *Ferula Assafoetida*, mọc phổ biến tại Ấn Độ, Trung Á, Trung Đông. Loại rau này có mùi hăng còn hơn tỏi, gần như thành mùi hăng thum thum (nên người Anh thường gọi nó là Devil’s dung), hoa mọc thành chùm, bé li ty màu vàng, hình như cái dù xòe ra. Mỗi hoa có hình trứng, bên trong có hạt. Khi nấu lên thì lại có vị hơi ngọt. Chất nhựa của loại rau này dùng làm vị thuốc gọi là A Ngụ, vị cay, có chất độc, dùng làm thuốc sát trùng, tan máu bầm, tiêu thực.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Chữ Ma Thâu hoặc Tô Rị trong tiếng Phạn đều dịch là Rượu, có cốc tửu (rượu chế từ ngũ cốc), quả tửu (rượu làm từ trái cây), dược tửu (rượu thuốc) khác nhau. Nếu đối với người thể tục, thì rượu là thứ ắt phải dùng. Như Hán Thư chép: “*Tửu giả, thiên chi mỹ lộc, sở dĩ di dưỡng thiên hạ, hưởng tự, kỳ phước, phù suy dưỡng tật*” (Rượu là thứ lộc đẹp để do trời ban, do nó có thể di dưỡng thiên hạ, hưởng dụng trong tế lễ để cầu phước, giúp kẻ yếu ớt dưỡng bệnh). Đối với pháp chúng (người tu hành theo Phật pháp), rượu là vật ắt phải kiêng, Như luận Đại Trang Nghiêm viết: “*Đức Phật nói thân, miệng, ý, ác hạnh nơi ba nghiệp, chỉ có rượu là căn bản, lại đọa vào ác hạnh*”. Kiêng thịt thì như đã giải thích trong phần trước [về sát sanh].

“*Tà dâm*”: Trong các ác nghiệp, chỉ có dâm nghiệp là nặng nhất. Tà niệm vừa manh nha, tà duyên sẽ tụ tập, các thứ thiện nguyện bởi đó mà tiêu sạch, các thứ mầm mống ác nghiệp từ đó mà dậy lên. Vì thế, tám bảng sắt nơi điện Diêm La ắt coi dâm đứng đầu muôn điều ác. Trọn chẳng nghĩ sự vui thú dưới trăng, bên hoa là hữu hạn, nào có biết giường sắt, trụ đồng, chịu khổ vô cùng! Nhưng phùng phạm phu tục tử hiển nhiên lại noi theo đường sáng, [thế mà] bọn văn nhân học thức đọc sách nói chuyện đạo đức, lại cứ hay nói chuyện tình ái lả lơi, há có thể bấm tay tính đếm được ư? “*Nói dối*” và “*sát hại*” như trong phần trước đã giải thích.

“*Bảy ngày*” và “*hai mươi một ngày*” là kỳ hạn kiêng tránh cần phải có để chuyển độn căn thành lợi căn, khử ngu thành trí. Bảy ngày chẳng phát, hai mươi một ngày chẳng được cảm ứng, chỉ vì hồ nghi chẳng tin, và kẻ chẳng chí thành. Đây là ý nghĩa lập kỳ hạn để cầu cảm ứng vậy!

#### ***3.3.1.2.2.2.4.1.1.6.2.2. Phát huệ (phát sanh trí huệ)***

(*Kinh*) *Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, u thụy mộng trung, cụ kiến Địa Tạng Bồ Tát hiện vô biên thân, u thị nhân xứ, thọ quán đánh thủy.*

**(經)是善男子，善女人，於睡夢中，具見地藏菩薩現無邊身，於是人處，授灌頂水。**

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Người thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, trong khi ngủ mộng thấy rõ ràng Địa Tạng Bồ Tát hiện vô biên thân, ở chỗ người ấy dùng nước rưới lên đỉnh đầu).

Tướng phát huệ chẳng dễ dàng xảy tới. Nếu không có lòng tinh thành để cảm, sẽ do đâu mà ngầm ứng với căn cơ? Nói đến “*thụy mộng*” (trong khi ngủ mộng thấy) là vì có khi ngủ mà chẳng mộng. Ngủ mà nằm mộng thì như trong bài luận của ngài Ca Chiên Diên có nói: “*Tâm chẳng ô nhiễm mà ngủ nằm mộng, tức là ngủ mà chẳng mê mệt. Tâm nhiễm ô ngủ nằm mộng, tức là ngủ mê mệt*”. “*Cụ kiến*” (thấy trọn vẹn): Biểu thị thân thù thắng ứng với căn cơ viên mãn. Nếu chẳng có thành tựu quán hạnh sâu, sao có thể thấy vô biên thân? Do vậy, đại sư (Trí Giả đại sư) nói: “*Nhập quán như mộng, xuất quán như tỉnh giấc*”. Ngài Tứ Minh phán định chuyện này thuộc địa vị Tương Tự, hoặc là tương tự như đã gần với cực quả. Nay dùng quán hạnh để thấy vô biên thân, tức là địa vị tương tự gần với chân quả, biểu thị tám tướng thành đạo của Sơ Trụ, phân thân trong trăm cõi v.v...

“*Thọ quán đánh thủy*” (dùng nước rưới đánh) chính là địa vị tương tự gần với cực thánh (Phật quả). Dùng nước pháp để rưới lên đỉnh đầu, kế thừa ngôi vị của đấng Pháp Vương. Điều này tuy là do cái tâm mà cảm quả, từ sơ tâm ắt đạt đến rốt cùng, trong mộng được thọ ký, quyết chứng chẳng khó, cho nên là tương tự gần với địa vị cực quả. Chữ Tỳ Sái Ca (Abhiṣeka) trong tiếng Phạn, cõi này dịch là Quán Đánh (灌頂): Dùng nước Ngũ Trí Như Lai để rưới lên đỉnh đầu người ấy, như Sát-đế-lợi vẩy nước lên đầu vương tử, [vương tử] ấy ắt nối ngôi đại bảo. Đây là nói về thụy tướng trong mộng vậy.

(**Kinh**) *Kỳ nhân mộng giác, tức hoạch thông minh. Ung thị kinh điển, nhất lịch nhĩ căn, tức đương vĩnh ký, cánh bất vong thất nhất cú, nhất kệ.*

**(經)其人夢覺，即獲聰明。應是經典，一歷耳根，即當永記，更不忘失一句一偈。**

(**Kinh:** Người ấy tỉnh mộng, liền được thông minh. Đối với các kinh điển ấy, hễ một phen thoảng qua tai, sẽ liền nhớ mãi, lại chẳng quên mất một câu, một kệ).

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Tiếp đó, nói về sự phát huệ. “*Kỳ nhân*” (người đó) là người nam hoặc kẻ nữ độn căn cầu huệ đã nói trên đây sau khi tỉnh mộng. Mộng là pháp vô minh, điên đảo. Quán là pháp giác trí ngộ lý, nơi mê có thể hiểu, vì thế nói là “*mộng giác*”. Cần biết danh hiệu Phật như đại mộng giác (tỉnh giác mộng lớn). Nay quán hạnh như Phật, nói theo ý nghĩa sẽ là “*mộng giác*”. Hoặc là phát khởi tự giải (sự hiểu biết tương tự), hoặc “*nhập Phần Chân*”, đều có ý nghĩa “*mộng giác*”.

“*Tức hoạch thông minh*” (liền được thông minh): Chẳng giống như sự thông minh của người đời, chẳng hạn như Vương Sung qua chợ đọc sách, nhớ ngay nội dung<sup>243</sup>, Dương Hùng vừa đọc liền thông suốt, mà là sau khi đã cảm Bồ Tát hiện thân, tỉnh giác mộng, sẽ do cái tai thịt do cha mẹ sanh ra mà nghe thấu suốt các thứ âm thanh trong tam thiên đại thiên thế giới, từ ngay nơi con mắt thịt do cha mẹ sanh ra, mà thấy thấu suốt các thứ hình sắc trong tam thiên đại thiên thế giới. Do lòng tin sâu đậm, quán thành tựu, cho nên phát sanh huệ thù thắng, thuộc ngay vào địa vị “*sáu căn thanh tịnh*”. Đại Luận viết: “*Như kinh dạy hết thầy chúng sanh không có ai biết Phật tâm. Nếu đức Phật dùng thần lực khiến cho họ biết thì thậm chí côn trùng cũng có thể biết*”. Nay Địa Tạng Đại Sĩ dùng thần lực khiến cho người ấy biết, lẽ nào chẳng hiểu biết? Bởi thế, hết thầy kinh điển thoảng qua tai bèn nhớ mãi, lại còn chẳng quên mất một câu, một kệ. Đây chính là chuyển biến tức chướng “*vừa mới thuộc bèn quên ngay*”.

Hỏi: Kinh do một đức Phật thuyết đã có tám vạn bốn ngàn quyển, làm sao có thể nhớ trọn hết chẳng quên mất được? Đáp: Bồ Tát ban cho sức Văn Trì Đà La Ni, cho nên có thể tiếp nhận. Do sức ức niệm đà-la-ni kiên cố cho nên chẳng quên. Đại Luận viết: “*Mưa thuyết pháp của đức Phật phát xuất từ miệng Phật. Trừ hàng Bồ Tát hành Bát Nhã Ba La Mật ra, chẳng ai có thể tiếp nhận!*” Nay đã có thể tiếp nhận, há chẳng phải là do sức Bát Nhã của Đại Sĩ ư?

***3.3.1.2.2.2.4.1.1.7. Chuyển ác tướng toại cầu (chuyển tướng ác, mong cầu được toại nguyện)***

***3.3.1.2.2.2.4.1.1.7.1. Thuật kỳ trú dạ ác sự (thuật chuyện ác trong ngày đêm)***

---

<sup>243</sup> Vương Sung tự là Trọng Nhậm, người xứ Thượng Ngưu, huyện Cối Kê, là một văn gia nổi tiếng thời Đông Hán. Thuở bé, nhà nghèo không có tiền mua sách, ông ra chợ sách, đọc lướt qua quyển nào bèn nhớ như in nội dung cuốn sách ấy.

*(Kinh) Phục thứ Quán Thế Âm Bồ Tát! Nhược vị lai thế, hữu chư nhân đặng, y thực bất túc, cầu giả quai nguyện, hoặc đa bệnh tật, hoặc đa hung suy, gia trạch bất an, quyến thuộc phân tán, hoặc chư hoạnh sự, đa lai ngô thân, thụy mộng chi gian, đa hữu kinh bố.*

**(經)復次觀世音菩薩！若未來世，有諸人等，衣食不足，求者乖願，或多病疾，或多凶衰，家宅不安，眷屬分散。或諸橫事，多來忤身，睡夢之間，多有驚怖。**

*(Kinh: Lại này Quán Thế Âm Bồ Tát! Nếu trong đời vị lai có những kẻ áo cơm chẳng đủ, cầu mong chẳng được toại nguyện, hoặc lắm bệnh tật, hoặc nhiều chuyện hung hiểm, suy bại, nhà cửa chẳng yên, quyến thuộc chia lìa, hoặc các sự ngang trái thường đến quá nhiều, trong khi ngủ nghỉ hay bị kinh sợ).*

“Y thực bất túc” (áo cơm chẳng đủ) là chuyện khổ sở nhất trong đời người. Như trường giả Đãng Chi ở thành Vương Xá (ông này lúc sanh ra ngón tay tỏa sáng như đèn, nên đặt tên như vậy. Do xưa kia dùng vàng thếp một ngón tay của tượng đất trong tháp mà được quả báo ấy), nhà giàu to như Tỳ Sa Môn. Về sau, do bị lũ giặc cướp bóc, tài vật khánh tận. Vợ con vứt bỏ, tôi tớ bỏ trốn. Người vốn thân thiết nhất, trở mặt như oán thù. Cực chẳng đã, phải đi khát thực, liên chuốc lấy sự khinh miệt. Do vậy, ông ta than thở: “*Những kẻ bần cùng đến, đi, lui, tới, nói năng, cúi, ngửa, đều là làm lỗi! Kẻ bần cùng như quỷ nhập tràng, như người mắc bệnh sẽ phải chết, khó thể chữa lành. Nghèo cũng như thế, lắm nỗi gian nan*”. Nghèo lại còn có thể sanh ra đói rét, oán ghét, khật khùng, hẹp hòi, ưu sầu, thâm hiểm, dằn vặt, bị chê trách, đổ tội. Các nỗi khổ như thế đều do bần cùng sanh ra. Than ôi! Lạ lùng thay! Nghèo có sức mạnh to lớn, có thể khiến cho người thân lìa bỏ ta cực nhanh. Vì thế, Lục Cơ nói: “*Người thân rơi rụng, ngày một hiếm hoi, bạn bè thưa thớt càng khó tìm*”. Từ Văn Trường<sup>244</sup> nói: “*Hết của, người*

<sup>244</sup> Từ Văn Trường tức là Từ Vị (1521-1593), tên tự là Văn Trường, hiệu Thanh Đẳng Lão Nhân, là người huyện Sơn Âm, tỉnh Chiết Giang. Ông là một nhà văn học, thư họa, quân sự nổi tiếng đời Minh, được tôn xưng là Tam Đại Tài Tử đời Minh. Ông thông minh, văn chương trác tuyệt, nhưng suốt hai mươi một năm, thi Hương tám lần vẫn không đậu. Ông trở thành mặc liêu của Hồ Tông Hiến, chuyên làm mưu sĩ, có công giúp Hồ Tông Hiến dẹp tan giặc lùn (cướp biển Nhật Bản), nhưng rồi

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*nhà bỏ. Nhà nghèo, út bạn chơi!”* Vì thế, so sánh giữa khi giàu và lúc nghèo, có thể thấy được tình bạn. Do kiếp trước keo kiệt, tham lam, đến nỗi tạo thành họa hoạn trong đời này.

“*Hoạn sự ngộ thân*” (chuyện ngang trái (tai vạ bất ngờ) quấy nhiễu cái thân): Ngỗ (忤) là trái nghịch, chống đối ngang ngược, tức là “*hoạn lý kỳ ương*” (bỗng dưng mắc phải ương họa) như kinh Pháp Hoa đã dạy. “*Thụy mộng kinh bố*” (ngủ nghề có nhiều nỗi sợ hãi): Như giấc mộng kỳ quái được nói trong Châu Lễ, như giấc mộng đáng sợ của Liệt Tử. Kinh Kim Quang Minh dạy: “*Ác tinh tai dị, chúng tà cổ đạo, biến quái tương tục, ngoạ kiến ác mộng, trú tắc ưu sầu*” (Sao xấu báo tai ương lạ lùng, các thứ cổ độc tà vạy, biến hiện quái lạ liên tiếp, đêm nằm thấy ác mộng, ngày thì lo sầu). Sách Pháp Hoa Văn Cú viết: “*Ác mộng là điều ngấm ngấm, ẩn kín trong tâm linh, nghiệp hiện trong đó, mộng thấy những chuyện chẳng vừa ý*”. Vì thế, có nhiều nỗi kinh hãi!

**3.3.1.2.2.2.4.1.1.7.2. Tu thiện tiêu diệt an lạc** (do tu thiện mà tiêu diệt các điều xấu, được yên vui)

*(Kinh) Như thị nhân đặng, văn Địa Tạng danh, kiến Địa Tạng hình, chí tâm cung kính, niệm mãn vạn biến. Thị chư bất như ý sự, tiệm tiệm tiêu diệt, tức đắc an lạc, y thực phong dật, nãi chí u thụy mộng trung, tất giai an lạc.*

**(經)如是人等，聞地藏名，見地藏形，至心恭敬，念滿萬遍。是諸不如意事，漸漸消滅，即得安樂，衣食豐溢，乃至於睡夢中，悉皆安樂。**

*(Kinh: Những người như thế nghe danh hiệu của ngài Địa Tạng, thấy hình tượng đức Địa Tạng, chí tâm cung kính, niệm trọn một vạn lần. Các chuyện chẳng như ý ấy dần dần tiêu diệt, liền được an vui, áo cơm dư dật, cho đến trong khi ngủ nghề, đều được yên vui).*

Chí tâm cung kính, thấu triệt nguồn cội. Nghe danh mà chẳng bị danh mê hoặc, thấy tướng mà chẳng chấp tướng, ngấm khế hợp nền tảng chân thật thì mới nói là “*chí tâm*”. Nếu dùng cái tâm như thế để niệm

---

quan trường lận đận, suốt đời nghèo khổ. Ông là một nhân vật đặc biệt vì nổi danh trên cả bốn lãnh vực thơ pháp, thơ ca, văn chương và hội họa.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

trợn một vạn lần, thì muôn Hoặc (phiền não) bị trừ khử toàn bộ, vạn đức hiển lộ trọn vẹn. Vì thế, phàm những chuyện chẳng như ý sẽ dần dần tiêu diệt, liền đạt được an ổn, vui sướng. Xưa kia áo cơm chẳng đủ, nay ngược lại dư dật, sung túc. Cho đến những nỗi kinh sợ trong giấc mộng [cũng đều chẳng còn], cũng đều được thân tâm an Khang, vui sướng. Chuyển họa hại thành tốt lành như dùi vừa gõ xuống, trống liền kêu vang, đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

#### **3.3.1.2.2.2.4.1.1.8. An thủy lục hiểm đạo (đi đường hiểm dù bộ hay thủy đều an toàn)**

Phàm mọi người ra vào, đi lại, chẳng thể nào không vương phải nỗi gian nan, hiểm trở. Đường bộ thì ngồi xe, cưỡi ngựa, đường thủy thì ngồi thuyền, đạp bè, chẳng thoát khỏi các nạn cá, rồng, hổ, báo, há ngăn được nỗi lo vào chốn rừng sâu, bước trên băng mỏng? Nếu có thể xung danh đức Địa Tạng, sẽ có thể tránh khỏi tai nạn bất ngờ hoặc chìm đắm. Kinh văn chia thành hai phần.

#### **3.3.1.2.2.2.4.1.1.8.1. Thuật kinh lịch ác sự (thuật những chuyện ác phải trải qua)**

*(Kinh) Phục thứ Quán Thế Âm Bồ Tát! Nhược vị lai thế, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc nhân trị sanh, hoặc nhân công tư, hoặc nhân sanh tử, hoặc nhân cấp sự, nhập sơn lâm trung, quá độ hà hải, nãi cập đại thủy, hoặc kinh hiểm đạo.*

**(經)復次觀世音菩薩! 若未來世, 有善男子, 善女人, 或因治生, 或因公私, 或因生死, 或因急事, 入山林中, 過渡河海, 乃及大水, 或經險道。**

*(Kinh: Lại này Quán Thế Âm Bồ Tát! Nếu trong đời vị lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân hoặc do kiếm sống, hoặc do chuyện công, việc tư, hoặc vì sanh tử, hoặc vì chuyện gấp mà vào rừng núi, vượt sông, vượt biển, và chỗ nước lớn, hoặc đi qua đường hiểm).*

Thoạt đầu nêu ra những người từng trải những chuyện này. Kế đó, nói về những cảnh phải trải qua. “*Trị sanh*”: Tuân Tử nói: “*Thiếu nhi lý viết trị*” (nói là Thiếu tức là nêu ra những chỗ trọng yếu, những điều ấy



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

hợp lý, rành mạch thì gọi là Trị). Kinh Dịch nói: “*Đức to lớn của trời gọi là Sanh*”. [Trị sanh] nghĩa là những chuyện cần phải lo liệu hồng kiếm sống. “*Công tư*”: Hoặc làm cho các cơ quan công quyền, hay là tư doanh. “*Công*” là ngay thẳng. “*Tư*” (𠄎) là tự bươn chải kiếm sống; nhưng xét ra đều giống như cầm thú đuối theo sự ham muốn. Chữ Công (𠄎) do Bát (八) và Khư (𠄎, tức chữ Tư (𠄎) thời cổ) ghép lại, [hàm nghĩa] “bỏ đi sự khác biệt, vạn vật trong trời đất mệnh mông có cùng một Thể”. “*Khư*” là tự lo toan. Cổ nhân thấy rõ điều kín nhiệm nơi tâm thuật, cho nên đã đặc biệt dùng hình dạng chẳng tròn hay vuông với dụng ý chỉ dạy mọi người.

Hình tròn (○) là thiên đạo, hình vuông là địa đạo. Nay [chữ Tư] tương phản, [ngụ ý]: Đấy chẳng phải là tình kiến chánh đáng, to lớn của trời đất, nó bắt nguồn từ chính bản thân ta. “*Doanh*” (營) là ta lo liệu sắp đặt. Trừ bỏ [những toan tính riêng tư] thì phải do chính mình trừ bỏ. [Vun bồi] lòng nhân là do chính mình [thực hiện], có phải là do ai khác ư? “*Hoặc nhân sanh tử*” (hoặc vì sanh tử): Hoặc phải báo đáp chuyện sanh nở, tử vong, chẳng thể không dấn thân vào những chốn ấy! “*Cấp sự*” là chuyện nguy nan, cấp bách, hoặc bị quan phủ truy nã, hoặc bị đạo tặc cướp đoạt, hoặc do tai ương nước lửa bất ngờ xảy tới, hoặc bỗng dưng gặp phải kẻ oán. Phạm những chuyện thảng thốt cấp bách, hoặc hoạn nạn xảy đến bất ngờ đều là “*cấp sự*”. Ngay trong lúc ấy, bắt buộc phải lên núi cao, vào rừng rậm, ắt cần phải vượt sông sâu biển cả, hoặc vào đại dương mệnh mông, hoặc do vâng theo việc công sai khiến, hoặc vì cầu chuyện kinh doanh riêng tư, chẳng tránh khỏi đi qua những con đường hiểm nạn. Nếu luận theo tư doanh, thì chính là làm kinh thương, buôn bán, vượt biển tìm những thứ quý giá. Như kinh Hiền Ngu nói: “*Điền thực bách bội, thương cố thiên bội, sĩ hoạn vạn bội, nhập hải cát hoàn đắc vô lượng bội*” (Cày cấy, trồng trọt được lời trăm lần, buôn bán được lời ngàn lần, làm quan được lợi vạn lần. Vào biển mà thành công trở về thì được lời gấp vô lượng lần). Do vậy bèn vào biển.

#### ***3.3.1.2.2.2.4.1.1.8.2. Xưng danh lợi ích***

***(Kinh) Thị nhân tiên đương niệm Địa Tạng Bồ Tát danh vạn biển, sở quá thổ địa, quý thần vệ hộ, hành, trụ, tọa, ngọa, vĩnh bảo an lạc, nãi chí phùng w hổ, lang, sư tử, nhất thiết độc hại, bất năng tổn chi.***

**(經)是人先當念地藏菩薩名萬遍，所過土地，鬼神衛護，行住坐臥，永保安樂，乃至逢於虎狼師子，一切毒害，不能損之。**

*(Kinh: Người ấy trước hết hãy niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát một vạn lần thì nơi các cuộc đất đi qua, quỷ thần bảo vệ, đi, đứng, ngồi, nằm, vĩnh viễn đảm bảo yên vui, thậm chí dẫu gặp cọp, sói, sư tử, hết thấy các loài độc hại, đều chẳng thể tổn hại).*

Đoạn này hiển thị lợi ích do xưng danh. “Thị nhân” (người ấy) chỉ chung chín pháp giới. Do Sơ Địa Bồ Tát còn chẳng tránh khỏi nạn cọp, sói, huống hồ những người thuộc các địa vị thấp hơn ư? Ất phải niệm đủ một vạn lần là nêu ra con số tốt cùng hồng biểu thị lòng chí thành. Vì thế, nơi những cuộc đất người ấy đi qua, sẽ tự được vô lượng đại quý, thiện thần ủng hộ, bảo vệ, trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, vĩnh viễn đảm bảo yên vui, không lo lắng gì. Gặp phải cọp, sói v.v... như kinh Thập Luân nói: “*Nhược chư hữu tình, vị chư độc xà, độc trùng sở thích, hoặc bị chủng chủng độc dược sở trúng, cập chư hổ, lang, sư tử, hữu năng chí tâm xưng danh, nhất thiết giai đắc ly chư bố úy, bảo toàn thân mạng*” (Nếu các hữu tình bị các thứ rắn độc, trùng độc cắn, hoặc bị trúng phải các thứ thuốc độc, và các loài cọp, sói, sư tử, mà có kẻ có thể chí tâm xưng danh, hết thấy đều được lìa khỏi các sự kinh sợ, bảo toàn thân mạng). Đây là do Địa Tạng Bồ Tát khéo nhập sức Đăng Cự Minh Định của chư Phật, khiến cho hết thấy các thứ tà vạy, cỏ độc, các ác trùng, ác thú trong các cõi Phật thấy đều tiêu diệt. Vì thế gọi là “*chuyện chẳng thể nghĩ bàn*”.

**3.3.1.2.2.2.4.1.2. Tổng thuyết lợi ích vô tận** (nói chung là lợi ích vô tận)

*(Kinh) Phật cáo Quán Thế Âm Bồ Tát: “Thị Địa Tạng Bồ Tát ư Diêm Phù Đề hữu đại nhân duyên. Nhược thuyết ư chư chúng sanh kiến văn lợi ích đẳng sự, bách thiên kiếp trung, thuyết bất năng tận”.*

**(經)佛告觀世音菩薩：是地藏菩薩於閻浮提有大因緣。若說於諸眾生見聞利益等事，百千劫中，說不能盡。**

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

(**Kinh:** Đức Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: - Vị Địa Tạng Bồ Tát này có nhân duyên lớn với Diêm Phù Đề. Nếu nói những chuyện lợi ích đối với các chúng sanh do thấy, nghe Ngài thì trong trăm ngàn kiếp, vẫn chẳng thể nói hết được).

Đoạn này tổng kết ý nghĩa ngài Địa Tạng đặc biệt thiên trọng Diêm Phù Đề. Kinh Thập Luân dạy: “*Quy kính Địa Tạng giả, sở cầu giai mãn túc, cụ túc thí công đức, bi mãn chư chúng sanh. Giả sử bách kiếp trung, tán thuyết kỳ công đức, do thượng bất năng tận. Cố giai đương cúng dường*” (Quy kính đức Địa Tạng, sở cầu đều thỏa mãn, trọn đủ công đức thí, thương xót các chúng sanh. Giả sử trong trăm kiếp, khen nói công đức Ngài, vẫn chẳng thể trọn hết. Vì thế, nên cúng dường), [có ý nghĩa] hoàn toàn giống như đoạn kinh văn này. Do vậy, nói đại lược thì có tám loại bất khả tư nghị sự!

#### **3.3.1.2.2.2.4.1.3. Kết khuyến Đại Sĩ lưu bố**

(**Kinh**) *Thị cố Quán Thế Âm! Nhữ dĩ thần lực lưu bố thị kinh, linh Sa Bà thế giới chúng sanh, bách thiên vạn kiếp, vĩnh thọ an lạc.*

**(經)是故觀世音! 汝以神力流布是經, 令娑婆世界眾生, 百千萬劫, 永受安樂。**

(**Kinh:** Vì thế, này Quán Thế Âm! Ông hãy dùng thần lực lưu thông, truyền bá kinh này, khiến cho chúng sanh nơi thế giới Sa Bà trong trăm ngàn vạn kiếp vĩnh viễn hưởng yên vui).

Hai vị Đại Sĩ này đều cùng có đại nhân duyên với Nam châu, cho nên nhờ đức Quán Âm lưu thông. Có thể nói là “*đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*”, cho nên chúng sanh trong sáu đường nơi Diêm Phù Đề lo gì tội chướng chẳng tiêu, công đức, phước lợi chẳng tràn trề? Tự nhiên trong trăm ngàn vạn kiếp, vĩnh viễn hưởng sự yên vui nơi tam thừa trong đường trời, người. Kinh Thập Luân có bài kệ: “*Địa Tạng chân Đại Sĩ, thí chư chúng sanh lạc, cứu thoát tam hữu khổ, vũ vô lượng chủng vũ*” (Địa Tạng chân Đại Sĩ, thí chúng sanh an lạc, cứu thoát khổ ba cõi, tuôn vô lượng loại mưa). Chân kinh vô thượng như thế, đúng là tròng mắt của chúng sanh, là đèn sáng trong nhà tối, là kho báu cho kẻ

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

nghèo cùng, là lương y cho kẻ bệnh tật. Há chẳng gấp lưu thông ư? Phần Trường Hàng đã xong.

#### **3.3.1.2.2.2.4.2. Trùng Tụng**

Vì sao có phần kệ tụng? Luận Tỳ Bà Sa của ngài Long Thọ có đoạn văn [giải thích tác dụng của Kệ Tụng] như sau: “*Một là thuận theo quốc độ. Thiên Trúc có cách nói rải hoa và xâu hoa. Như nơi đây, sau phần Tự bèn có bài minh. Hai là thuận theo sự ưa thích: Có kẻ thích nghe nói theo lối văn xuôi, có kẻ thích nghe chương cú (kệ tụng). Ba là thuận theo sự hiểu biết của chúng sanh, có kẻ do nói theo lối văn xuôi mà hiểu, hoặc có kẻ nhờ kệ tụng mà hiểu. Bốn là thuận theo căn tánh lợi căn hay độn căn. Kẻ lợi căn vừa nghe liền ngộ; phùng độn căn phải nghe nói lần nữa mới ngộ*”. Đây là thuận theo bốn thứ lợi ích Tát Đàn, cho nên có phần Trùng Tụng. Phần này được chia thành ba tiểu đoạn:

##### **3.3.1.2.2.2.4.2.1. Tổng thuyết thần lực nan tận (nói tổng quát thần lực khó thể trọn hết)**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn: - Ngô quán Địa Tạng oai thần lực, Hằng hà sa kiếp thuyết nan tận. Kiến, văn, chiêm lễ nhất niệm gian, lợi ích nhân thiên vô lượng sự.*

**(經)爾時，世尊而說偈言：吾觀地藏威神力，恆河沙劫說難盡。見聞瞻禮一念間，利益人天無量事。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng: - Ta quán Địa Tạng sức oai thần, Hằng hà sa kiếp nói khó tận. Thấy, nghe, chiêm lễ trong một niệm, vô lượng sự lợi ích trời, người).*

Mắt của Như Lai như một ngàn mặt trời, soi thấu suốt xưa nay, giống như nhìn vào một trái cây đặt trong lòng bàn tay. Vì thế nói là “ngô quán” (ta thấy). Như đức Phật bảo Thiên Đế Thích rằng: “*Thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát hữu vô lượng vô số bất khả tư nghị thù thắng công đức chi sở trang nghiêm, nhất thiết thế gian Thanh Văn, Độc Giác sở bất năng trác. Thủ đại Bồ Tát như Như Ý Châu, vũ chúng tài bảo, tùy sở hy cầu, giai linh mãn túc*” (Vị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát này có vô lượng vô số công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn để trang nghiêm, hết

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

thầy Thanh Văn và Độc Giác trong thế gian chẳng thể lường được. Vị đại Bồ Tát này như Như Ý Châu tuôn ra các thứ của cải, báu vật, tùy theo lòng mong cầu mà đều khiến cho chúng sanh được thỏa mãn). Vì thế, thấy, nghe, chiêm ngưỡng, lễ bái, tạm sanh một niệm, có vô lượng chuyện lợi ích trời, người. Do đó, dầu nói trong hàng sa kiếp, cũng khó trọn hết sức oai thần của Ngài được.

#### ***3.3.1.2.2.2.4.2.2. Biệt tụng bất tư nghị sự (trùng tụng riêng từng chuyện chẳng thể nghĩ bàn)***

Phần Trường Hàng gồm tám chương, nay lược đi phần thứ hai và thứ năm, nên [Trùng Tụng] chỉ có sáu chương.

##### ***3.3.1.2.2.2.4.2.2.1. Tụng chuyển suy tướng (trùng tụng về chuyển suy tướng)***

***(Kinh) Nhược nam, nhược nữ, nhược long, thần. Báo tận ưng đương đọa ác đạo. Chí tâm quy y Đại Sĩ thân, thọ mạng chuyển tăng, trừ tội chướng.***

**(經)若男若女若龍神。報盡應當墮惡道。至心歸依大士身，壽命轉增，除罪障。**

***(Kinh: Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc rồng, thần. Báo hết đáng đọa vào đường ác. Chí tâm quy y tượng Đại Sĩ, thọ mạng tăng thêm, trừ tội chướng).***

Kinh Thích Đề Hoàn Nhân Văn chép: “Thích Đề Hoàn Nhân cập Đạo Lợi chư thiên, khiến nhạc thần Bàn Giá Dực vắn tắt Thế Tôn. Phật báo ngôn: “Sử nữ Đế Thích cập Đạo Lợi Thiên thọ mạng diên trường, khoái lạc vô hoạn. Sở dĩ nhiên giả? Chư thiên thế nhân, cập A-tu-luân chư chúng sanh đẳng, giai tham thọ mạng, an lạc, vô hoạn” (Thích Đề Hoàn Nhân và chư thiên trời Đạo Lợi sai nhạc thần Bàn Giá Dực đến thăm hỏi đức Thế Tôn. Đức Phật bảo: “Khiến cho Đế Thích của ông và chư thiên Đạo Lợi thọ mạng tăng thêm, vui sướng, không họa hoạn. Vì lẽ nào vậy? Chư thiên, người đời, A-tu-luân (A Tu La), và các chúng sanh v.v... đều tham thọ mạng, an vui, không họa hoạn”). Vì thế nay cũng nói thọ mạng tăng thêm và trừ tội chướng.

3.3.1.2.2.2.4.2.2.2. **Tụng thị sanh giới** (trùng tụng về chuyện dạy cho biết chỗ người đã mất sanh về)

*(Kinh) Thiếu thất phụ mẫu ân ái giả, vị tri hồn thân tại hà thú? Huynh, đệ, tử, muội, cập chư thân, sanh trưởng dĩ lai giai bất thức. Hoặc tố, hoặc họa Đại Sĩ thân, bi luyến chiêm lễ bất tạm xả. Tam thất nhật trung niệm kỳ danh. Bồ Tát đương hiện vô biên thể, thị kỳ quyền thuộc sở sanh giới. Túng đọa ác thú tầm xuất ly. Nhược năng bất thoái thị sơ tâm, tức hoạch ma danh, thọ thánh ký.*

**(經)少失父母恩愛者，未知魂神在何趣？兄弟姊妹及諸親，生長以來皆不識。或塑或畫大士身，悲戀瞻禮不暫捨。三七日中念其名。菩薩當現無邊體，示其眷屬所生界。縱墮惡趣尋出離。若能不退是初心，即獲摩頂，受聖記。**

*(Kinh: Tuổi thơ đã mất mẹ cùng cha, chẳng biết hồn thân tại đường nào? Anh, chị, em ruột cùng quyền thuộc, đến nay khôn lớn đều chẳng biết. Hoặc tạc, hoặc vẽ hình Đại Sĩ, xót, luyến, chiêm lễ, chẳng tạm rời. Hai mươi một ngày niệm danh hiệu. Bồ Tát sẽ hiện vô biên thân, dạy nơi quyền thuộc đã sanh về. Dầu đọa đường ác liền thoát lia. Nếu chẳng lui sụt tâm thuở đầu, liền được xoa đầu, thọ thánh ký).*

Đoạn kinh văn này gồm ba tiểu đoạn: Hai hàng đầu, trùng tụng chuyện nghĩ nhớ. Ba hàng kế đó, trùng tụng chuyện bảo ban chỗ sẽ sanh về, ý nghĩa đều dễ hiểu. Tiểu đoạn thứ ba gồm hàng cuối cùng, trùng tụng chuyện đạt được quả báo trong hiện tại, được thọ ký. Theo kinh Thủ Lăng Nghiêm, có bốn loại thọ ký, tức là chưa phát tâm, vừa mới phát tâm, hiện tiền và vô sanh, đều được thọ ký. Ở đây là phát tâm ký (thọ ký cho hành nhân phát tâm). Đây là nói theo Thế Đế. Nếu nói theo kinh Tịnh Danh: “*Tùng như sanh đắc ký, tùng như diệt đắc ký, như vô sanh diệt, tức tri vô ký*” (Từ như sanh mà được thọ ký, từ như diệt mà được thọ ký. Nếu không có sanh diệt, thì biết là vô ký). Kinh Tư Ích dạy: “*Nguyện bất văn ký danh*” (nguyện chẳng nghe danh tự thọ ký). Đại Phẩm Bát Nhã dạy: “*Thọ ký thị hý luận*” (thọ ký là hý luận). Đây đều là nói theo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Nhưng những kinh khác thọ ký thiện, chẳng

*Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú*

thọ ký ác, thọ ký nam, chẳng thọ ký nữ, còn kinh này đều thọ ký cả, giống như kinh Pháp Hoa khai hiển vậy.

**3.3.1.2.2.2.4.2.2.3. Tụng thành độ sanh** (trùng tụng thành tựu chuyện độ sanh)

*(Kinh) Dục tu Vô Thượng Bồ Đề giả, nãi chí xuất ly tam giới khổ. Thị nhân ký phát đại bi tâm, tiên đương chiêm lễ Đại Sĩ tượng, nhất thiết chư nguyện tức thành tựu. Vĩnh vô nghiệp chướng năng ngại chỉ.*

**(經)欲修無上菩提者，乃至出離三界苦。是人既發大  
心，先當瞻禮大士像，一切諸願速成就。永無業障能遮止。**

*(Kinh: Ai muốn tu Vô Thượng Bồ Đề, cho đến thoát lìa khổ tam giới. Người ấy đã phát tâm đại bi, trước nên chiêm lễ tượng Đại Sĩ, hết thảy các nguyện mau thành tựu. Nghiệp chướng vĩnh viễn chẳng ngăn trở).*

“Chư nguyện thành tựu” (các nguyện thành tựu) giống như trong phần trước [đã giải thích]. Nếu bị nghiệp chướng ngăn trở tức là các địa vị xuất Giả thuộc Biệt Giáo và Viên Giáo, giáo hóa chúng sanh, chẳng bị Trần Sa Hoặc và vô lậu nghiệp chướng ngại sự giáo hóa, chỉ dạy.

**3.3.1.2.2.2.4.2.2.4. Tụng phát hiện trí** (trùng tụng về chuyện phát hiện trí huệ)

**3.3.1.2.2.2.4.2.2.4.1. Tụng túc chướng căn độn** (trùng tụng túc chướng độn căn)

*(Kinh) Hữu nhân phát tâm niệm kinh điển, dục độ quần mê siêu bỉ ngạn. Tuy lập thị nguyện bất tư nghị, toàn độc, toàn vong đa phệ thất. Tư nhân hữu nghiệp chướng hoặc cố, ư Đại Thừa kinh bất năng ký.*

**(經)有人發心念經典，欲度群迷超彼岸。雖立是願不思  
議，旋讀旋忘多廢失。斯人有業障惑故，於大乘經不能記。**

*(Kinh: Có người phát tâm niệm kinh điển, muốn độ quần mê vượt bờ kia. Tuy lập nguyện ấy chẳng nghĩ bàn, vừa đọc liền quên, nhiều mất*

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

mát. Người ấy do có nghiệp chướng hoặc, chẳng thể ghi nhớ kinh Đại Thừa).

Từ ngữ Đa La (Tāla) trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Ngạn (岸, bờ). Đại Luận viết: “Nếu nghe nhiều chữ, liền biết hết thảy các pháp bờ này hay bờ kia đều chẳng thể được, tức là đã đạt đến bờ kia Ba La Mật”. “Nghiệp, chướng, hoặc” chính là tam đạo. Căn tánh có lợi hay độn, hạnh có tinh tấn hay giải đãi. Nay đã phát tâm niệm kinh hồng độ quần mê cùng lên bờ kia; người ấy cũng thuộc loại tinh tấn, cố nhiên chẳng phải là hạng giải đãi. Nhưng lập nguyện tuy hay khéo, nếu như căn tánh của người ấy thật sự chậm lụt, sẽ vừa học được liền quên ngay, lại còn nhiều lần bị bỏ lửng, quên mất. Đây là do cái nhân tu tập chẳng sâu, tức nghiệp chướng nặng nề, thiếu công năng đa văn tụng tập. Vì thế, chẳng có trí nhớ mạnh mẽ được.

**3.3.1.2.2.2.4.2.2.4.2. Tụng tu nhân phát huệ** (trùng tụng về cái nhân tu tập để phát huệ)

**3.3.1.2.2.2.4.2.2.4.2.1. Tụng tu nhân** (trùng tụng về tu nhân)

*(Kinh) Cúng dường Địa Tạng dĩ hương hoa, y phục, ẩm thực, chư ngoạn cụ.*

**(經)供養地藏以香華，衣服飲食諸玩具。**

*(Kinh: Cúng dường Địa Tạng bằng hương, hoa, y phục, thức ăn, các trân ngoạn).*

**3.3.1.2.2.2.4.2.2.4.2.2. Tụng phục thủy** (trùng tụng về chuyện uống nước)

*(Kinh) Dĩ tịnh thủy an Đại Sĩ tiền, nhất nhật nhất dạ cầu phục chi.*

**(經)以淨水安大士前，一日一夜求服之。**

*(Kinh: Đặt nước sạch trước tượng Đại Sĩ, cách một ngày đêm xin uống lấy).*

Ý nghĩa đều rõ ràng.



**3.3.1.2.2.2.2.4.2.2.4.2.3. Tụng giới thận** (trùng tụng về những thứ cần kiêng tránh)

*(Kinh) Phát ân trọng tâm, thận ngũ tân. Tửu, nhục, tà dâm, cập vọng ngữ. Tam thất nhật nội vật sát hại, chí tâm tư niệm Đại Sĩ danh.*

**(經)發殷重心，慎五辛。酒肉邪婬及妄語。三七日內勿殺害，至心思念大士名。**

*(Kinh: Phát tâm trân trọng, kiêng ngũ tân. Rượu, thịt, tà dâm, và nói dối. Hai mươi mốt ngày đừng sát hại, chí tâm nghĩ nhớ Đại Sĩ danh).*

Hỏi: Ngũ Tân tuy hôi thối, nhưng chẳng tổn hại sanh mạng loài vật, vì sao ăn vào có thể chướng ngại thánh đạo, liền đọa vào Vô Gián? Đáp: Chúng có tánh chất đặc biệt uế trược, có thể sanh ra nhiều lầm lỗi. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *“Thực thực phát dâm, sanh đạm tăng khuể. Thập phương thiên tiên hiềm xú viễn ly. Nga quý thí vẫn, thường dữ quý trụ. Phước đức nhật tiêu, trường vô lợi ích”* (Ăn chín sẽ sanh khởi dâm, ăn sống tăng thêm nóng giận. Mười phương thiên tiên ghét hôi thối bèn tránh xa, nga quý liếm mép, thường ở chung với quý. Phước đức ngày một tiêu, trọn chẳng có lợi ích). Vì thế, kinh Tạp A Hàm dạy: *“Thực ngũ tân nhân, xúc uế Tam Bảo, tử đọa Phần Thi địa ngục, xuất tác dã can, trư, cầu. Nhược đắc nhân thân, kỳ thể tinh xú”* (Kẻ ăn ngũ tân làm ô uế Tam Bảo, chết đọa vào địa ngục Phần Thi. Thoát ra, sẽ làm linh cầu, lợn, chó. Nếu được làm thân người, thân thể hôi tanh). Vì thế, vị sa-môn ở Thiên Trúc là Giác Xung bảo: *“Ở nước ta, kẻ ăn thịt và ngũ tân bị đuổi ra khỏi thành”*. Sách Tăng Kinh Lục chép: *“Ngài Đàm Du xú Thiên Trúc đến lễ thạch lương tại Thiên Thai, gặp một vị thánh tăng bảo: - Khi mẹ ông hoài thai, đã đi qua vườn hành, thai khí bị phạm uế, không thể ở trong chùa được”*. Tiên Truyện chép: *“Lạc Tử Trường cả nhà uống rượu tiên đều thăng thiên, chỉ riêng có một đứa con rơi xuống đất. Thiên thân nói: - Gã này ăn tối, cho nên không đến [cõi tiên] được”*. Do đó, Đạo Tạng có nói: *“Tụng kinh Hoàng Đình, kiêng ăn ngũ tân. Đạo sĩ thọ pháp, kỵ lấm bẩn bởi ngũ tân”*. Nay các vị sư phần nhiều coi thường chuyện này, cho nên tôi phải chép ra tường tận.

**3.3.1.2.2.2.2.4.2.2.4.2.4. Tụng phát huệ** (trùng tụng về chuyện phát huệ)

*(Kinh) Tức w mộng trung kiến vô biên, giác lai tiện đắc lợi căn nhĩ. Ứng thị kinh giáo lịch nhĩ văn, thiên vạn sanh trung vĩnh bất vong. Dĩ thị Đại Sĩ bất tư nghị, năng sử tư nhân hoạch thử huệ.*

**(經)即於夢中見無邊，覺來便得利根耳。應是經教歷耳聞，千萬生中永不忘。以是大士不思議，能使斯人獲此慧。**

*(Kinh: Liên trong mộng thấy vô biên thân, tỉnh giác liền được tai nhạy bén. Từ đây, kinh giáo thoảng qua tai, ngàn vạn đời sau mãi chẳng quên. Chính vì Đại Sĩ chẳng nghĩ bàn, khiến cho người ấy đắc huệ này).*

Trước hết là phần Trùng Tụng, sau đó, kết lại lời dạy. Đây là sức tổng trì sâu rộng của Đại Sĩ, có thể khiến cho kẻ độn căn trở thành lợi căn, kẻ ngu thành trí huệ. Vì thế gọi là “*chẳng thể nghĩ bàn*” (Đường Cao Tăng Truyện chép: Vào đời Tùy, ở chùa Cảnh Không tại Tương Châu, có Sầm xà-lê, họ Dương, người xứ Lâm Nguyên. Sư dựng gian nhà tụng kinh bên suối nơi núi Tán Cái ở phía Tây của chùa. Mỗi lần sư tụng kinh Kim Quang Minh, cảm tứ thiên vương đến nghe. Về sau, sư đọc kinh tụng, đều chẳng hề quên mất. Nay há chẳng đúng như vậy ư?)

**3.3.1.2.2.2.4.2.2.5. Tụng chuyển ác tướng (trùng tụng về chuyện chuyển tướng ác)**

**3.3.1.2.2.2.4.2.2.5.1. Tụng trú dạ ác sự (trùng tụng về chuyện ác suốt ngày đêm)**

*(Kinh) Bản cùng chúng sanh cập tật bệnh, gia trạch hung suy, quyền thuộc ly. Thụy mộng chi trung tất bất an. Cầu giả quai vi, vô xứng toại.*

**(經)貧窮眾生及疾病，家宅凶衰，眷屬離。睡夢之中悉不安。求者乖違，無稱遂。**

*(Kinh: Chúng sanh bản cùng và bệnh tật, nhà cửa hung suy, quyền thuộc lìa. Ngủ nghĩ luôn bị chẳng an lành. Cầu mong trái ý, chẳng thỏa lòng).*

Ý nghĩa dễ hiểu.

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

**3.3.1.2.2.2.4.2.2.5.2. Tụng tu nhân an lạc** (trùng tụng về chuyện tu cái nhân để đạt được an lạc)

*(Kinh) Chí tâm chiêm lễ Địa Tạng tượng, nhất thiết ác sự giai tiêu diệt, chí u mộng trung tận đắc an, y thực phong nhiêu, thần quý hộ.*

**(經)至心瞻禮地藏像，一切惡事皆消滅，至於夢中盡得安，衣食豐饒，神鬼護。**

*(Kinh: Chí tâm chiêm lễ tượng Địa Tạng, hết thấy chuyện ác đều tiêu diệt, thậm chí trong mộng đều được yên, cơm áo dư dật, thần quý hộ).*

“Y thực phong nhiêu” (áo cơm dư dật) là do quỷ thần làm chủ. Như sách thế gian viết: “*Thiên Bình Lại chủ trì sự sung túc, Lạp Phán Quan chủ trì sự tiết kiệm*”. Do nay chí tâm chiêm ngưỡng, lễ bái thánh tượng Địa Tạng thì áo cơm tăng nhiều, khiến cho người eo hẹp được dư dật, người thiếu khuyết được dồi dào.

**3.3.1.2.2.2.4.2.2.6. Tụng an thủy lục** (trùng tụng chuyện đi đường bộ lẫn đường thủy đều an ổn)

**3.3.1.2.2.2.4.2.2.6.1. Tụng kinh lịch ác sự** (trùng tụng những chuyện ác phải trải qua)

*(Kinh) Dục nhập sơn lâm cập độ hải, độc ác cầm thú, cập ác nhân. Ác thần, ác quỷ, tịnh ác phong, nhất thiết chư nạn, chư khổ nã.*

**(經)欲入山林及渡海，毒惡禽獸，及惡人。惡神惡鬼，並惡風，一切諸難，諸苦惱。**

*(Kinh: Muốn vào núi, rừng, và vượt biển, cầm thú độc ác, và người ác. Ác thần, ác quỷ, cùng gió dữ, hết thấy các nạn, các khổ nã).*

Kinh Diệu Tý nói về rắn độc, có một nanh, hai nanh, ba nanh, và bốn nanh khác nhau. Gặp rắn một, hai nanh thì nọc độc còn có thể trị được. Nếu ba nanh, chết nhiều, sống ít. Bốn nanh, chắc chắn chết, chẳng cứu được. “Ác nhân” là bọn trộm cướp, lục lâm, là lũ chặn đường cướp

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

bóc. “*Ác thần*” tức hết thấy các vị thần ở núi non, sông ngòi, rừng sâu, tùy tiện ra oai tác quái. “*Ác quỷ*” tức loài quỷ La Sát ăn thịt người. “*Ác phong*” là gió lốc, sóng thần như trong kinh Thỉnh Quán Âm đã nói. Theo kinh Nhân Vương Bát Nhã, có sáu loại gió: Đen, đỏ, xanh, trời, đất, và lửa.

Biệt Hành Sớ giảng: “*Gió được gọi là đen vì rất đáng sợ*”. Kinh Tăng Hộ chép: “*Tật phong, mãnh lãng, một nịch, phá hoại, nga quỷ sở đam, hiểm chi thậm hỹ!*” (Gió mạnh, sóng dữ, chìm đắm, phá hoại, nga quỷ ăn nuốt, hiểm ác cùng cực). Những điều khác dễ hiểu!

**3.3.1.2.2.2.4.2.2.6.2. Tụng xưng danh lợi ích (trùng tụng lợi ích do xưng danh)**

**(Kinh) Dẫn đương chiêm lễ cật cúng dường, Địa Tạng Bồ Tát Đại Sĩ tượng, như thị sơn, lâm, đại hải trung, ưng thị chư ác giai tiêu diệt.**

**(經)但當瞻禮及供養，地藏菩薩大士像，如是山林大海中，應是諸惡皆消滅。**

**(Kinh: Chỉ nên chiêm lễ và cúng dường, tượng Địa Tạng Bồ Tát Đại Sĩ, như thế núi, rừng, và biển cả, các điều tai ác đều tiêu diệt).**

Kinh Bảo Vũ chép: “*Vân hà Bồ Tát như sư tử hống? Thí như sư tử hao hống chi thời, ác thú, dã can các u phương xứ kinh hãi trì tẩu, nhất thiết ác thú vô năng tổn hoại*” (Bồ Tát như sư tử rống là như thế nào? Ví như lúc sư tử gầm rống, hết thấy ác thú, linh cầu ở các nơi đều kinh hãi, rảo chạy, hết thấy ác thú chẳng thể tổn hoại) là nói về chuyện này. Ứng Nghiệm Truyện chép: “*Hơn năm trăm người từ ngoại quốc đến nước Sư Tử, giong thuyền sang Phù Nam*<sup>245</sup>. Bỗng gặp gió lốc, đọa

---

<sup>245</sup> Phù Nam (Nokor Phnom, nghĩa là “thành đô trên núi”) là một quốc gia cổ ở Đông Nam Á, thuộc địa bàn của Nam Việt Nam, phía Nam Cao Miên. Thời cực thịnh, vương quốc này bao gồm cả phần lớn phía Nam Thái Lan. Quốc gia này tồn tại từ thế kỷ thứ nhất đến thế kỷ thứ sáu, kinh đô là Vyādhapura, tôn Bà La Môn giáo làm quốc giáo. Sử Trung Hoa chép Phù Nam có nền thương mại rất phồn thịnh và giao thương với các xứ Ấn Độ, do có nhiều sản vật quý như vàng, bạc, đồng, sắt, trầm hương, ngà voi, chim kết năm màu, đậu khấu v.v... Di chỉ Óc Eo tại Việt Nam cho thấy Phù Nam đã giao thương với nhiều nước, vì trong số các cổ vật, có cả tiền cổ của La Mã. Sử Trung Hoa chép nữ vương khai quốc tên là Liễu Diệp (Neang Nak Soma). Về sau, có một người tên là Hồn Điền (Kaundinya Preah Thong) người xứ

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

vào nước quỷ, sắp bị ăn sạch. Mọi người trong thuyền hoảng sợ, niệm Quán Âm. Trong đó có một sa-môn Tiểu Thừa chẳng chịu xưng danh. Quỷ chụp lấy sa-môn ấy, ông ta run rẩy, bắt chước mọi người xưng niệm, cũng được thoát nạn”. Quán Âm đã ứng nghiệm như thế, ngài Địa Tạng cũng lợi ích như thế. Vì thế, xưng danh, chiêm ngưỡng, lễ bái, các điều ác tiêu diệt.

**3.3.1.2.2.2.2.4.2.3. Kết tụng, phổ cáo lưu bố** (kết lại lời trùng tụng, bảo khắp mọi người lưu thông, truyền bá)

**3.3.1.2.2.2.2.4.2.3.1. Khuyến thỉnh Địa Tạng thần lực** (khuyên hãy nghe thần lực của Địa Tạng)

*(Kinh) Quán Âm chí tâm thỉnh ngô thuyết. Địa Tạng vô tận bất tư nghị. Bách thiên vạn kiếp thuyết bất châu, quảng tuyên Đại Sĩ như thị lực.*

**(經)觀音至心聽吾說。地藏無盡不思議。百千萬劫說不周，廣宣大士如是力。**

*(Kinh: Quán Âm chí tâm nghe ta nói. Địa Tạng vô tận chẳng nghĩ bàn. Trăm ngàn vạn kiếp nói chẳng trọn, rộng tuyên Đại Sĩ sức như thế).*

“Chí tâm” như đã giải thích trong phần trước. Do vậy, khuyên chí tâm lắng nghe là vì: Sự đã là vô tận chẳng thể nghĩ bàn, nếu chẳng ngầm khế hợp Tam Đế đến tột cùng, há có thể thấu triệt cùng tột để hiểu cùng tận tạng sâu mầu của Đại Sĩ ư? “Vô tận” tức là Tam Đế trong Viên Giác. Nếu nói “Sắc tức Không”, chẳng phải là Sắc diệt Không, mà là vô tận thuộc về Không của Viên Giác. Nếu nói “hết thấy các pháp nhân duyên quả báo vô tận”, cho đến “thấy đều có thể dung chứa hết thấy Phật pháp, cho nên gọi là vô tận”; đây là vô tận thuộc về Giả của Viên

---

Kiều Quốc đem binh thuyền tấn công. Liễu Diệp đem thủy quân nghênh chiến, Hồn Điền dùng cung tên bắn xuyên qua thuyền của nữ vương. Nữ vương thua trận, phải lấy Hồn Điền làm chồng. Hồn Điền trở thành quốc vương thứ hai. Theo sử Trung Hoa, đến thế kỷ thứ sáu, quốc vương Chân Lạp (Chenla, vốn là một thuộc quốc của Phù Nam) là Ba Phạt Bạt Nam (Bhavavarman) dấy binh, đánh bại Phù Nam, biến Phù Nam thành thuộc quốc của Chân Lạp. Thái tử xứ Phù Nam phải lưu vong, chạy sang Java, lập ra vương triều Sơn Đế (Śailendra). Tuy thế, các nhà nghiên cứu bác bỏ thuyết này, cho rằng vương triều Sơn Đế có cùng danh xưng với các vua Phù Nam chỉ là chuyện trùng hợp.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Giáo. Nếu nói “*pháp dù tận hay bất tận đều là tướng vô tận*”, tướng vô tận chính là Không. Không chính là chẳng có tận và bất tận. Vì thế biết “*chẳng phải là tận, chẳng phải là vô tận*” chính là ý nghĩa của vô tận thật sự; đây là vô tận thuộc về Trung trong Viên Giáo. Vô tận như thế há có thể nghĩ bàn ư? Do đó, trăm ngàn vạn kiếp, vi trần nói, cõi nước nói, hăm hở nói, vẫn chẳng thể nói trọn hết chuyện ấy. Vì vậy, ta nay trong đại hội trời, rồng, vì họ rộng tuyên dương sức oai thần của ngài Địa Tạng như thế. Hai chữ “*như thị*” (như thế) cũng là nói về Tam Đế. Nếu không, làm sao có thể hiển lộ các thứ nhân duyên của Địa Tạng Bồ Tát, không gì chẳng phải chính là Không, Giả, Trung. Vì thế, chẳng đáng gọi là “*sức chẳng thể nghĩ bàn như thế*” ư?

**3.3.1.2.2.2.4.2.3.2. Tổng tụng văn chiêm lợi lạc (trùng tụng chung về chuyện thấy nghe được lợi lạc)**

**(Kinh) Địa Tạng danh tự nhân nhược văn, nữ chí kiến tượng chiêm lễ giả, hương, hoa, y phục, ẩm thực phụng, cúng dường bách thiên thọ diệu lạc. Nhược năng dĩ thử hồi pháp giới, tất cánh thành Phật siêu sanh tử.**

**(經)地藏名字人若聞，乃至見像瞻禮者，香華衣服飲食奉，供養百千受妙樂。若能以此迴法界，畢竟成佛超生死。**

**(Kinh: Nếu ai được nghe danh Địa Tạng, cho đến thấy tượng bèn chiêm lễ, cúng hương, hoa, y phục, thức ăn, sẽ hưởng diệu lạc trăm ngàn kiếp. Công đức nếu hồi hướng pháp giới, rốt ráo thành Phật, thoát sanh tử).**

Bốn câu đầu nhằm tổng kết những chuyện như nghe danh hiệu, chiêm ngưỡng tượng v.v... ắt được hưởng trọn sự vui mâu nhiệm trong đường trời, người. Hai câu sau, kết lại “nếu đem [công đức của] những điều trên đây hồi hướng pháp giới, ắt sẽ siêu sanh tử thành Phật, do trọn đủ bốn lợi ích Tát Đàn”. Vì có gì vậy? Do danh hiệu Địa Tạng v.v... là vì thế giới mà nói phân biệt, có thể khiến cho chúng sanh được lợi ích Hoan Hỷ. Nếu ai nầy đều vì người khác mà nói danh tướng v.v... sẽ có thể khiến cho mọi người được lợi ích Sanh Trưởng Điều Thiện. Nếu năm tướng suy của chư thiên hiện ra, cho đến kẻ bôn ba nơi đường hiểm mà xưng danh, lễ tượng, sẽ chuyển tai họa thành cát tường, [tức là] có thể

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

khuyến cho mọi người đạt được lợi ích Pháp Ác. Nếu dùng những chuyện trên đây để hồi hướng Đệ Nhất Nghĩa Đế, sẽ có thể khiến cho người khác được lợi ích Nhập Lý.

Nhưng mỗi điều đều hồi hướng cho pháp giới, ấy là vì Địa Tạng chỉ có danh tự. Tánh của danh tự là Không, chẳng trụ trong, ngoài, chẳng giữa, nhưng hóa hiện hình bóng. Tánh của hình tượng cũng là lìa, giống như hình tượng trong gương, hay hoa đốm trên hư không. Cúng dường những thứ như hương, hoa v.v... thì Thể của chúng là nhân duyên, chẳng lìa Trung Đạo Phật Tánh. Hương diệu lạc trong trăm ngàn kiếp, Thọ Âm rộng tuếch, rốt cuộc chẳng có người thọ, đều là do sức của hồi hướng pháp giới. Vì thế, sách Ma Ha Chỉ Quán nói: “*Nếu suy lường một pháp, liền hiểu thấu pháp giới, thấu đạt tột cùng, rốt ráo theo chiều dọc lẫn chiều ngang, Lý Sự trọn đủ, thượng cầu, hạ hóa đều trọn đủ trong ấy, thì mới gọi là phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề là Đạo, Đạo có thể thông đạt bờ kia theo chiều ngang lẫn chiều dọc, gọi là Phát Tâm Ba La Mật*”. Vì thế, rốt ráo được thành tựu Pháp Thân Phật của Viên Giáo, vĩnh viễn vượt thoát Phần Đoạn và Biến Dịch Sanh Tử. Do đó, cần phải mỗi mỗi đều hồi hướng pháp giới!

### ***3.3.1.2.2.2.4.2.3.3. Kết khuyến Quán Âm cáo bố (kết lại, khuyên Quán Âm bảo ban, lưu truyền)***

***(Kinh) Thị cố, Quán Âm nữ đương tri. Phổ cáo Hằng sa chư quốc độ.***

***(經)是故，觀音汝當知。普告恆沙諸國土。***

***(Kinh: Vì thế, Quán Âm hãy nên biết. Bảo khắp Hằng sa các quốc độ).***

“*Thị cố*” (vì thế): Thừa tiếp ý nghĩa của tám sự việc được nói trên đây, ý nói: Vô tận chuyện chẳng thể nghĩ bàn như thế, nếu chẳng phải do chính bản thân ông, Quán Âm, thì [người khác] làm sao có thể biết được? Sao có thể nói được? Vì thế, khuyên ông hãy nên bảo ban trọn khắp. Nói “*phổ cáo*” (bảo ban trọn khắp) tức là hãy nên lưu truyền khắp chín pháp giới. Nói “*chư quốc*” tức là há hạn cuộc trong cõi Đồng Cư u? Do vậy biết: Pháp môn Địa Tạng bao trùm pháp giới, không gì ra ngoài, tột cùng chiều dọc, trọn khắp chiều ngang, đều cùng quy hướng.

**3.3.1.3. Chúc lụy nhân thiên lưu thông** (phần lưu thông Dặn Dò trời người)

Những phần [Lưu Thông] trên đây được gọi là Biệt vì dành riêng cho kinh này. Ở đây, [phần lưu thông này] được gọi là Thông, vì kinh nào cũng chúc lụy. Tuy vậy, do nó thuộc vào kinh này, nên tuy thông mà vẫn là biệt. Phần này lại được chia thành hai phần:

**3.3.1.3.1 Phẩm đề** (tựa đề của phẩm này)

**(Kinh) Chúc lụy nhân thiên, phẩm đệ thập tam.**

**(經)囑累人天，品第十三。**

**(Kinh: Phẩm thứ mười ba: Dặn dò trời người).**

**3.3.1.3.2. Phẩm văn** (kinh văn trong phẩm này)

**3.3.1.3.2.1. Hóa chủ ưu thiên nhân chúc lụy** (đấng hóa chủ lo lắng cho trời người nên căn dặn)

**3.3.1.3.2.1.1. Thế Tôn ma đánh phó chúc** (đức Thế Tôn xoa đầu, căn dặn)

**3.3.1.3.2.1.1.1. Hô danh đại tán công đức** (gọi tên, nồng nhiệt khen ngợi công đức)

**3.3.1.3.2.1.1.1.1. Tự cử tý ma đánh** (trần thuật chuyện đức Phật giơ tay xoa đầu [Địa Tạng Bồ Tát])

**(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cử kim sắc tý, hựu ma Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đánh.**

**(經)爾時，世尊舉金色臂，又摩地藏菩薩摩訶薩頂。**

**(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại giơ cánh tay sắc vàng xoa đỉnh đầu Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát).**

“Nhĩ” (爾) ở đây có nghĩa là “tức” (ngay lập tức); tức là ngay sau khi đức Phật giảng cho ngài Quán Âm về lợi ích do thấy nghe [Địa Tạng Bồ Tát] đã xong, chính là lúc sẽ đem trời, người giao phó cho Địa Tạng (đấy chính là Thế Giới Tát Đàn). Hơn nữa, đại hội đã nghe hai lượt lưu thông của địa thần và Quán Âm, đã được hoan hỷ rồi, đúng là lúc hãy nên nghe [đức Phật] dặn dò [Bồ Tát giúp cho] trời người sanh trưởng



### **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú**

điều lành (đấy chính là Vị Nhân Tát Đàn). Lại nghe những chuyện lợi ích chẳng thể nghĩ bàn trên đây, chính là cái duyên để phá trừ các pháp ác đọa khổ; khi ấy, chính là lúc đại chúng càng muốn nghe [đức Phật] dặn dò ngài Địa Tạng cứu bạt, hồng vĩnh viễn đối trị các điều ác (đấy là Đối Trị Tát Đàn). Lại do đã nghe hai phen nói về những chuyện chẳng thể nghĩ bàn trên đây mà đắc đạo đã xong, nay là lúc nên nghe phó chúc giúp cho đại chúng trong pháp hội không ai chẳng ngộ lý (đấy là Đệ Nhất Nghĩa Tát Đàn). Do có bốn nhân duyên Tát Đàn để tuyên nói sự phó chúc lần nữa, cho nên nói là “*nhĩ thời*” (lúc bấy giờ).

“*Cử kim sắc tỳ*” (giơ cánh tay sắc vàng): Kim sắc vốn có màu vàng, biểu thị Trung Đạo. Cánh tay có công năng nâng đỡ, biểu thị điu dắt lục đạo đều cùng về Trung Đạo nhất tánh, cho nên lại giơ lên. Trong những phần trước, [đức Phật] xoa đỉnh đầu nhằm ủy lạo Bồ Tát độ sanh vất vả; nay xoa đỉnh đầu [với dụng ý]: Chúc lụy Bồ Tát hãy nhọc công cứu bạt. Một tay xoa đầu của vô lượng Bồ Tát trong phần trước biểu thị “*một, nhiều tự tại*”. Nay tay xoa một đỉnh đầu, biểu thị “*vốn cùng một đạo*”, tức là lục đạo và chín pháp giới trọn chẳng phải là hai đạo!

#### **3.3.1.3.2.1.1.2. Thán chúng đức phả tư (tán thán các công đức chẳng thể nghĩ)**

**(Kinh) Nhi tác thị ngôn: - Địa Tạng! Địa Tạng! Nhữ chi thân lực bất khả tư nghị. Nhữ chi từ bi bất khả tư nghị. Nhữ chi trí huệ bất khả tư nghị. Nhữ chi biện tài bất khả tư nghị.**

**(經)而作是言：地藏！地藏！汝之神力不可思議。汝之慈悲不可思議。汝之智慧不可思議。汝之辯才不可思議。**

**(Kinh: Mà nói như thế này: - Địa Tạng! Địa Tạng! Thân lực của ông chẳng thể nghĩ bàn. Lòng từ bi của ông chẳng thể nghĩ bàn. Trí huệ của ông chẳng thể nghĩ bàn. Biện tài của ông chẳng thể nghĩ bàn).**

Đức Thế Tôn đặc biệt đối trước đại hội trời, người, liên tiếp gọi tên của đức Địa Tạng, đúng là yêu mến sâu đậm, gọi gắm sâu nặng. Như đại vương của một nước sắp băng hà, trữ quân (儲君, người nối ngôi, tức Thái Tử) non nớt, ngu hèn, muốn ký thác con cô cho bậc đại thần phò tá, ắt nắm tay, nhiều lần gọi “*ái khanh*”. Do con thơ ấu mà đất nước to rộng, ngày tháng dài lâu, tâm vơi vợi, đầy ấp trong dạ nỗi niềm chẳng

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

thể nói trọn hết được. Vì thế, đức Phật giơ cánh tay xoa đầu, gọi tên Bồ Tát hai lượt. Từ “*nhữ chi thân lực*” (thần lực của ông) trở đi, đức Phật tán thán công đức của Bồ Tát. Như quốc vương phó thác sự việc, trước hết cũng tán thán phẩm đức của vị lão thần. Nay chúng sanh trong cõi Diêm Phù chí tánh vô định, nếu không cậy vào bậc tài năng siêu quần, sao có thể cứu cõi âm lẫn cõi dương trong các quốc độ số nhiều như cát?

Vì thế, các đức được tán thán tiếp đó, chẳng ra ngoài “*năng hóa tam luân*”<sup>246</sup>. Câu đầu tiên, tán thán thân luân hiện thân thông. Các thánh chẳng thể lường được thì gọi là Thần. Bát tự tại ngã<sup>247</sup> thì gọi là Lực. “*Bất khả tư nghị*” (chẳng thể nghĩ bàn): Theo Đại Luận, có năm sự chẳng thể nghĩ bàn, tức là: Chúng sanh số lượng nhiều hay ít, quả báo của nghiệp, sức của người tọa Thiền, sức của các con rồng, và sức của chư Phật. Phật lực chẳng thể nghĩ bàn nhất! Bồ Tát nhập Thiền Định, sanh ra thân thông chẳng thể nghĩ bàn (tức thân thông nhanh chóng trọn khắp như ý). Vì thế, trong một niệm, đều có thể đến các thế giới Phật trong mười phương, hiện vô lượng thân. Hết thấy hiện thánh chẳng thể hành, chẳng thể đạt đến, cho nên chẳng thể nghĩ bàn!

Nhưng thân luân hiện thân thông, ắt do ý luân soi xét căn cơ mà khởi. Ý luân chính là từ bi ban vui, đẹp khổ. Nếu muốn ban vui và đẹp khổ, ắt phải hiện thân thông, cho nên nói “*thân luân do ý*”. Đây chính là Địa Tạng đại từ, đại bi, thật sự có thể trong cùng một lúc mà thực hiện ban vui và đẹp khổ trọn khắp, cho nên chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng tuy nói là “*nội giám, ngoại hiện*” (trong tâm xét soi, ngoài hiện thân thông), mà nếu chẳng có trí huệ, biện tài, sao có thể thuyết pháp phù hợp căn

---

<sup>246</sup> “*Năng hóa tam luân*” tức là thân luân, khẩu luân, và ý luân, dùng ba luân ấy để giáo hóa.

<sup>247</sup> Ngã là một trong Tứ Đức của Niết Bàn (Thường, Lạc, Ngã, Tịnh) hàm nghĩa tự tại vô ngại. Đại Ngã chính là Pháp Thân của Như Lai, có tám loại đại tự tại, nên gọi là Bát Đại Tự Tại Ngã:

1. Có thể thị hiện một thân thành nhiều thân.
2. Có thể thị hiện một thân nhỏ như vi trần đầy khắp cõi đại thiên.
3. Thân to lớn mà nhẹ nhàng nâng thân lên đến tận những nơi xa nhất.
4. Hiện vô lượng loại thân để thường cư trụ trong thế giới.
5. Các căn có thể sử dụng lẫn cho nhau, chẳng hạn như có thể dùng mắt để nghe hay ngửi.
6. Đạt được hết thấy pháp nhưng chẳng có ý tưởng là đã đạt được.
7. Nói ý nghĩa của một bài kệ trong vô lượng kiếp.
8. Thân trọn khắp các nơi ví như hư không.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

ơ? Vì thế biết: “Trí huệ biện tài” chính là tán thán khẩu luân. Bởi lẽ, thần thông nơi thân nếu chẳng phải do trí huệ thì sẽ chẳng thể chuyển!

Vì vậy, Long Thọ Bồ Tát nói: “Do vì sức trí huệ, có thể chuyển hết thảy các pháp. Tức là nhỏ có thể biến thành lớn, lớn có thể biến thành nhỏ. Có thể coi ngàn vạn vô lượng kiếp như một ngày, lại có thể biến một ngày thành ngàn vạn kiếp. Vị Bồ Tát ấy là chủ của thế gian, mong muốn tự tại, có nguyện nào chẳng thỏa. Do nhân duyên ấy, Bồ Tát nương vào sức thần thông, có thể nhanh chóng vượt thoát mười phương thế giới”. Há chẳng phải trí huệ chính là cội gốc của thần thông ư? Kinh Thập Luân dạy: “Trí huệ thâm quảng, do như đại hải, biện tài vô trệ, như thủy kích luân, cố bất khả tư nghị” (Trí huệ sâu rộng, ví như biển cả; biện tài không úng trệ, như nước đầy guồng quay nước. Cho nên chẳng thể nghĩ bàn). Đây là do Đại Sĩ trọn đủ tam luân bí mật, cho nên có thể hiện thân trong các cõi nhiều như cát. Đức Phật tán thán công đức của Địa Tạng, há có phải là uổng công ư?

**(Kinh) Chánh sử thập phương chư Phật, tán thán tuyên thuyết nữ chi bất tư nghị sự, thiên vạn kiếp trung bất năng đắc tận.**

**(經)正使十方諸佛，讚歎宣說汝之不思議事，千萬劫中不能得盡。**

**(Kinh: Dẫu mười phương chư Phật tán thán, tuyên nói những chuyện chẳng thể nghĩ bàn của ông trong ngàn kiếp, vẫn chẳng thể trọn hết được).**

Từ chữ “chánh sử” (dầu cho, giả sử) trở đi, tuyên thuyết chư Phật cũng [tán thán] giống như thế. “Chánh” là nói đối ứng với “giả”. Nếu nói là “giả sử” thì vẫn có phần nào mang ý nghĩa phù phiếm, cho nên nói “chánh sử” thì mới là lời lẽ biểu lộ sự chân thật; nhưng vì sao Địa Tạng Đại Sĩ lại có thể khiến cho mười phương chư Phật tán thán? Như Đại Luận có nói: “Nếu có vị Bồ Tát nào trọn đủ vô lượng Phật pháp thanh tịnh như Lục Ba La Mật, Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, Tứ Vô Ngại Trí, Thập Bát Bất Cộng v.v... nơi Thập Địa, do vì chúng sanh mà trụ dài lâu trong sanh tử, chẳng giữ lấy A Nậu Bồ Đề để rộng độ chúng sanh, thì vị Bồ Tát như thế sẽ được chư Phật tán thán”. Chính vì lẽ này, chư Phật đồng thanh tán thán. Nhưng lại vì lẽ nào mà tán thán, điển nói chuyện ấy trong ngàn vạn kiếp vẫn chẳng thể trọn hết? Cũng như luận đã nói: “Bồ

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Tát thoát khỏi tam giới, biến hóa vô ương số<sup>248</sup> thân, vào trong sanh tử giáo hóa chúng sanh. Chuyện hy hữu như thế đều sanh từ trí huệ Bát Nhã Ba La Mật rất sâu”. Đây chính là ý nghĩa tán thán chẳng thể trọn hết ở đây!

**3.3.1.3.2.1.1.2. Hô danh tái chúc nhân thiên** (gọi tên, phó chúc nhân thiên lần nữa)

**3.3.1.3.2.1.1.2.1. Trường Hàng**

**3.3.1.3.2.1.1.2.1.1. Hỏa trạch chúng sanh vật linh đọa khổ** (đừng để chúng sanh trong nhà lửa đọa khổ)

**3.3.1.3.2.1.1.2.1.1.1. Chánh dĩ tam giới thiên nhân phó chúc** (phó chúc trời, người trong tam giới)

*(Kinh) Địa Tạng! Địa Tạng! Ký ngô kim nhật tại Dao Lợi thiên trung, v bách thiên vạn ức bất khả thuyết bất khả thuyết nhất thiết chư Phật, Bồ Tát, thiên, long bát bộ, đại hội chi trung.*

**(經)地藏! 地藏! 記吾今日在忉利天中, 於百千萬億不可說不可說一切諸佛菩薩, 天龍八部, 大會之中。**

*(Kinh: Địa Tạng! Địa Tạng! Hãy nhớ ta hôm nay, ở trên trời Dao Lợi, giữa đại hội của trăm ngàn vạn ức bất khả thuyết bất khả thuyết hết thảy chư Phật, Bồ Tát, trời rồng tám bộ).*

Gọi tên lần trước là tiếng vui mừng ái ngữ; còn gọi tên trong đoạn này là tiếng buồn thương, đau khổ. Trong phần trên là tán thán công đức, còn nay là phó chúc sự việc. Từ chữ “kỷ ngô” (hãy nhớ ta) trở đi là lời dặn dò mai sau đừng quên; như di mạng của cha, hiếu tử hãy khắc cốt chớ quên! Nói “đại hội” là nhờ đại chúng chứng minh, nêu rõ đây là đại sự, chẳng phải là chuyện vặt vãnh! Chuyện này khác với chuyện trong hội Pháp Hoa, ông trưởng giả tự tập thân tộc để tuyên bố giao gia nghiệp cho con. Vì sao? [Trong hội Pháp Hoa, đứa con] là căn cơ đã được [ông trưởng giả] giáo hóa lâu ngày. Tới lúc ấy, đại công đã thành tựu, tự tập đại chúng giao phó gia nghiệp là chuyện thuận theo tình thế đã đi vào khuôn khổ, có khó khăn gì? Trong hội này, giao phó những chúng sanh chưa được điều phục, ngõ hầu Phật chủng chẳng bị gián đoạn, giống như

---

<sup>248</sup> Vô Ương số (無央數) là từ ngữ dịch nghĩa của chữ A-tăng-kỳ.

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

cứu con rơi vào nước lửa, trọn chẳng biết kết cục sẽ như thế nào? Vì thế khác nhau!

*(Kinh) Tái dĩ nhân thiên chư chúng sanh đẳng, vị xuất tam giới, tại hỏa trạch trung giả, phó chúc ư nhữ, vô linh thị chư chúng sanh đọa ác thú trung, nhất nhật, nhất dạ, hà hưởng cánh lạc Ngũ Vô Giác, cập A Tỳ địa ngục động kinh thiên vạn ức kiếp, vô hữu xuất kỳ.*

**(經)再以人天諸眾生等，未出三界，在火宅中者，付囑於汝，無令是諸眾生墮惡趣中，一日一夜，何況更落五無間，及阿鼻地獄動經千萬億劫，無有出期。**

*(Kinh: Lại đem trời, người, các chúng sanh v.v... là những kẻ chưa thoát khỏi ba cõi, đang ở trong nhà lửa, giao phó cho ông, đừng để cho các chúng sanh ấy đọa vào đường ác đâu chỉ một ngày một đêm, hưởng hồ còn rơi vào Ngũ Vô Giác và địa ngục A Tỳ trải qua ngàn vạn ức kiếp, chẳng có thuở thoát ra!)*

Nói “tái dĩ” (再以, lại đem), “dĩ” (以) hàm nghĩa “sẽ”. Trước đó, [đức Phật] đã đem trời, người giao phó, nay lại đem những người ấy làm phiền [Bồ Tát] lần nữa. “Vị xuất” (chưa thoát khỏi): Kể từ sau khi đức Phật nhập diệt cho tới khi ngài Di Lặc thành đạo, trong khoảng thời gian đó, phàm những ai đang ở trong nhà lửa ngũ dục nơi tam giới, nay ta đều dặn dò, phó thác cho ông, đừng để cho những kẻ ấy đọa vào ba ác đạo, đâu chỉ tối thiểu trong thời gian một ngày một đêm, hưởng hồ chẳng vội vã cứu giúp, khiến cho họ lại đọa lạc vào đại địa ngục Vô Giác A Tỳ đau khổ cùng cực ngàn vạn ức kiếp, khó có lúc thoát khỏi! Mong sao các vị hiền nhân, đừng cô phụ ơn Phật, hãy sớm cầu thoát khổ, gấp vượt lên bờ yên vui, hãy gắng lên!

**3.3.1.3.2.1.1.2. Phục minh sanh tánh vô định phân hình (lại nói rõ chúng sanh chí tánh vô định, Phật phải phân thân hóa độ)**

*(Kinh) Địa Tạng! Thị Nam Diêm Phù Đề chúng sanh, chí tánh vô định, tập ác giả đa. Túng phát thiện tâm, tu du tức thoái. Nhược ngộ ác duyên, niệm niệm tăng trưởng. Dĩ thị chi cố, ngô phân thị hình, bách thiên ức hóa độ, tùy kỳ căn tánh nhi độ thoát chi.*

**(經)地藏！是南閻浮提眾生，志性無定，習惡者多。縱發善心，須臾即退。若遇惡緣，念念增長。以是之故，吾分是形，百千億化度，隨其根性而度脫之。**

*(Kinh: Nay Địa Tạng! Chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề này chí tánh vô định, phần nhiều quen theo thói ác. Dẫu phát khởi thiện tâm, trong khoảnh khắc liền lui sụt. Nếu gặp ác duyên, sẽ niệm niệm tăng trưởng. Do bởi có ấy, ta phân thân hình, trăm ngàn ức hóa độ, tùy theo căn tánh của họ để độ thoát).*

Đoạn kinh văn này bắt quá nhắc lại chuyện trong phần trước, nhằm nói rõ dụng ý phó chúc của đức Phật. “*Thị Nam Diêm*” (cõi Nam Diêm này): Xa là nhắc đến đoạn kinh văn nói “*hết thấy chúng sanh chưa giải thoát, tánh thức vô định*” trong phẩm Diêm Phù Chúng Sanh Nghiệp Cảm, gần là như trong phẩm Lợi Ích Tồn Vong, ngài Địa Tạng đã bạch: “*Ngã quán thị Diêm Phù chúng sanh*” (Con quán chúng sanh trong cõi Diêm Phù này).

Từ chữ “*dĩ thị*” (do vì có ấy) trở đi, nói rõ đức Phật tự phân thân, ngầm phản ánh hai đoạn kinh văn nói về chuyện ngài Địa Tạng hóa thân. Chuyện này giống như kinh Phó Pháp Tạng đã nói: “*Nhất thiết chúng sanh, chí tánh vô định, tùy sở nhiễm tập. Nhược cận ác hữu, tiện tạo ác nghiệp, lưu chuyển sanh tử, vô hữu biên tế. Nhược cận thiện hữu, kính tâm thính pháp, tất ly tam đồ, thọ tối thắng lạc*” (Hết thấy chúng sanh chí tánh vô định, tùy theo tập khí nhiễm [mà làm lành hay làm ác]. Nếu thân cận bạn ác, sẽ tạo ác nghiệp, lưu chuyển sanh tử, chẳng có ngăn mé. Nếu gần gũi bạn lành, tâm cung kính nghe pháp, ắt lìa tam đồ, hưởng sự vui tối thắng). Như con voi trắng ở nước Hoa Thi, nghe pháp bèn sanh lòng Từ, thấy giết chóc bèn tăng thêm sự họa hại. Huống chi con người mà chẳng bị ảnh hưởng bởi tập khí nhiễm u? Nhưng làm lành giống như trèo núi, đương nhiên là khó thể lên cao hơn. Ác giống như sụp lở, rất dễ chuyển dời! Đấy chính là cung trời rộng mênh mông, ít kẻ đạt tới; lòng giam địa ngục, người ta cứ tranh nhau chen vào. Do vậy, hãy nhận biết nguyên do vì sao ta phân thân hóa độ!

**3.3.1.3.2.1.1.2. *Thiểu thiện chúng sanh vật linh thoái thất* (đừng để cho chúng sanh ít điều thiện bị lui sụt)**

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

**3.3.1.3.2.1.1.2.1.2.1. Chủng thiểu thiện ủng hộ vật thoái** (hãy ủng hộ khiến cho những người ít gieo thiện căn đừng lui sụt)

*(Kinh) Địa Tạng! Ngô kim ân cần dĩ thiên nhân chúng, phó chúc w như.*

**(經)地藏! 吾今殷勤以天人眾, 付囑於汝。**

*(Kinh: Đây Địa Tạng! Ta nay ân cần phó chúc chúng trời người cho ông).*

Hai câu đầu nhắc lại chuyện trên đây, nhưng thấy hai chữ “ân cần”, bất giác tuôn lệ! “Ân” (殷) là tràn trề. “Cần” (勤) là nhọc nhằn, tâm phải khéo léo suy xét sao cho thích ứng căn cơ, tức là cái tâm lo lắng cho những chuyện được kể sau đó. Thân hết sức vất vả, tâm phải xét suy cặn kẽ, khăng khăng vâng giữ chu toàn, chẳng dám lơ lỏng chút nào! Nay đức Phật vì chúng sanh trong đời vị lai, khuất thân cao quý, [thị hiện] kém cõi [giống như chúng sanh], khuất phần cao thượng để hòa đồng với những căn cơ bậc hạ, chẳng biết phải diễn tả như thế nào [lòng cảm kích của ta]?

*(Kinh) Vị lai chi thế, nhược hữu hữu thiên nhân, cập thiện nam tử, thiện nữ nhân, w Phật pháp trung chủng thiểu thiện căn, nhất mao, nhất trần, nhất sa, nhất đế, như dĩ đạo lực, ủng hộ thị nhân, tiêm tu vô thượng, vật linh thoái thất.*

**(經)未來之世, 若有天人, 及善男子, 善女人, 於佛法中種少善根, 一毛一塵, 一沙一滄, 汝以道力, 擁護是人, 漸修無上, 勿令退失。**

*(Kinh: Trong đời vị lai, nếu có trời, người, và thiện nam tử, thiện nữ nhân, gieo chút ít thiện căn trong Phật pháp, dẫu chỉ bằng một sợi lông, một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước, ông hãy dùng đạo lực ủng hộ người ấy, dần dần tu đạo vô thượng, đừng để lui sụt).*

Từ “vị lai” trở đi, nêu rõ ý phó chúc, tức là: Hết thấy chúng sanh đều cùng có Phật tánh. Xiển Đề tuy ác, tánh thiện vẫn trọn đủ. Nếu trong đời vị lai, có các vị trời, thiện nam nữ v.v... chẳng mê muội ý niệm nguyên sơ, có thể gieo chút ít duyên nhỏ nhất nơi ruộng phước vô

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

thượng trong Phật pháp đề tạo lập thiện căn, bất luận nhỏ nhặt chùng bằng sợi lông, hạt bụi, hạt cát, giọt nước, ông hãy nên dùng Quyền Trí đạo lực, ủng hộ những người ít thiện sự ấy, khiến cho họ dần dần tu tập A Nậu Bồ Đề (Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Như kinh Bồ Tát Bản Hạnh đã dạy: “*Nhược hữu nhân năng ư Phật pháp, thiểu tác vi thiện như mao phát hứa, sở sanh chi xứ, thọ báo hoằng đại, vô hữu cùng tận*” (nếu có người có thể làm điều thiện nhỏ nhặt trong Phật pháp chùng bằng sợi lông, mày tóc, sẽ thọ báo to rộng nơi chỗ thọ sanh, chẳng có cùng tận). Vì thế biết: Phước bố thí do cái tâm, há liên quan vật dùng để bố thí là lớn hay nhỏ! Do vậy, ta dặn dò ông hãy ủng hộ, chớ để họ thoái thất giữa chùng.

Như kinh Xử Thai đã dạy: “*Manh quy phù mộc không, thời thời do khả trị. Nhân nhất thất mạng căn, ức kiếp phục nan thị. Hải thủy thâm quảng đại, tam bách tam thập lục, nhất châm đầu hải trung, cầu chi thượng khả đắc. Nhất thất nhân thân mạng, nan đắc quá ư thị*” (Con rùa mù gặp được bông cây nổi, vẫn là chuyện có thể thường gặp, chứ người một khi đã đánh mất mạng căn, ức kiếp khó có lại được. Nước biển sâu rộng lớn cả ba trăm ba mươi sáu dặm, gieo một cái kim vào biển, vẫn còn có thể tìm được. Vừa đánh mất thân người, tìm lại khó hơn thế!) Vì thế biết: Hễ lui sụt, sẽ mất mát chẳng nhỏ. Nay nguyện Địa Tạng hãy như mẹ hiền nuôi nấng con thơ, ắt khiến cho con được trưởng thành, chẳng lười nhác tí nào để đến nỗi con chết yểu! Do vậy, đó là nỗi khổ tâm ta nay trong đại hội trên cung trời Đao Lợi, ân cần đem đại chúng trời người phó chúc cho ông.

**3.3.1.3.2.1.1.2.1.2.2. Niệm Phật kinh toái ngục sanh thiên** (do niệm kinh Phật mà địa ngục tan vỡ, sanh lên trời)

**3.3.1.3.2.1.1.2.1.2.2.1. Tùy nghiệp đọa lạc ác thú** (theo nghiệp mà phải đọa lạc trong đường ác)

**(Kinh) Phục thứ Địa Tạng! Vị lai thế trung, nhược thiên, nhược nhân, tùy nghiệp báo ứng, lạc tại ác thú.**

**(經)復次地藏! 未來世中, 若天若人, 隨業報應, 落在惡趣。**

**(Kinh: Lại này Địa Tạng! Trong đời vị lai, dù trời hay người, theo nghiệp báo ứng rơi vào trong đường ác).**



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Kinh dạy: “Giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ” (Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp đã tạo chẳng mất, khi nhân duyên hội ngộ, vẫn tự chịu quả báo). Vì thế biết: Như bóng theo hình, ai có thể trốn tránh? Xưa kia có người chết đi, tới chỗ Diêm Vương, tra xét tội ác của kẻ đó, đáng đọa vào thiết thành. Chị của người ấy chính là chánh phi của vua, bèn năn nỉ vua: “Hãy nghĩ tưởng tôi là em vua, chớ trị tội ấy”. Vua dặn người ấy: “Hãy ở trong cung của ta, đừng ra ngoài, kéo bị ngục lại (獄吏, những kẻ chấp pháp trong địa ngục) bắt đi. Kẻ đó bất giác tự đến thiết thành, vua chẳng thể cứu được! Theo nghiệp thọ báo, chẳng hề miễn cưỡng may may! Theo kinh Nghiệp Báo Sai Biệt, đọa vào bốn đường ác, mỗi đường có mười nghiệp.

#### ***3.3.1.3.2.1.1.2.1.2.2. Thần lực phương tiện cứu bạt (dùng thần lực để tạo phương tiện cứu vớt)***

***(Kinh) Lâm đọa thú trung, hoặc chí môn thủ, thị chư chúng sanh nhược năng niệm đắc nhất Phật danh, nhất Bồ Tát danh, nhất cú, nhất kệ Đại Thừa kinh điển. Thị chư chúng sanh, nhữ dĩ thần lực phương tiện cứu bạt. Ư thị nhân sở, hiện vô biên thân, vị toái địa ngục, khiến linh sanh thiên, thọ thắng diệu lạc.***

**(經)臨墮趣中，或至門首，是諸眾生若能念得一佛名，一菩薩名，一句一偈大乘經典。是諸眾生，汝以神力方便救拔。於是人所，現無邊身，為碎地獄，遣令生天，受勝妙樂**

。

***(Kinh: Ở trong đường ác, hoặc đến cửa ngõ, các chúng sanh ấy nếu có thể niệm một danh hiệu Phật, một danh hiệu Bồ Tát, một câu một kệ kinh điển Đại Thừa, ông hãy dùng thần lực tạo phương tiện cứu bạt các chúng sanh ấy. Ở chỗ người ấy, hiện vô biên thân, vì họ phá nát địa ngục, khiến cho người ấy sanh lên trời, hưởng vui sướng thù thắng, nhiệm mầu).***

“Lâm đọa, chí môn thủ” (đã bị đọa, đến cửa ngõ): Nếu đã đến địa ngục, rất khó thoát ra. Vì thế, lúc sắp vào đó, liền dạy họ niệm Phật để tránh khổ. Như kinh Thí Dụ có dạy: “Tích hữu quốc vương, thí phụ tự

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

*lập. Hữu A La Hán, tri vương dư mạng, bất quá thất nhật. Mạng chung, tất đọa A Tỳ nhất kiếp thọ khổ, tâm vãng hóa chi, giáo chí tâm xưng nam-mô Phật, thất nhật mạc tuyệt. Lâm khứ, trùng cáo: ‘Thận vật vong thử’. Vương tiện xoa thủ, nhất tâm xưng thuyết, trú dạ bất phế. Chí thất nhật mạng chung, hồn thần cánh chí A Tỳ. Thừa tiền niệm Phật, tri thị địa ngục, tức tiện đại thanh xưng Nam-mô Phật. Ngục trung tội nhân, vãn xưng Phật thanh, nhất thời đồng xưng, mãnh hỏa tức diệt, giai đắc giải thoát, xuất sanh nhân trung. Hậu A La Hán trùng vị thuyết pháp, đắc Tu Đà Hoàn”* (Xưa kia có quốc vương, giết cha để tự làm vua. Có một vị A La Hán biết vua còn sống chẳng quá bảy ngày; sau khi chết, ắt đọa vào A Tỳ chịu khổ một kiếp, liền đến giáo hóa. Dạy vua hãy chí tâm xưng “nam-mô Phật” trong suốt bảy ngày, đừng để dứt tuyệt. Lúc sắp ra đi, Ngài lại căn dặn: “Hãy cẩn thận, đừng quên chuyện này”. Vua bèn chấp tay, nhất tâm xưng nói, ngày đêm chẳng bỏ. Tới hết ngày thứ bảy, vua mạng chung, hồn thần bèn đến A Tỳ. Do sức niệm Phật trước kia, biết đó là địa ngục, liền lớn tiếng xưng Nam-mô Phật. Tội nhân trong ngục nghe tiếng niệm Phật, đồng thời cùng xưng. Lửa dữ liền tắt, họ đều được sanh trong loài người. Về sau, họ lại được A La Hán thuyết pháp, đắc quả Tu Đà Hoàn).

Kinh Quán Phật Tam Muội lại chép: Đức Phật bảo các tỳ-kheo: “*Ngã diệt độ hậu, nhược xưng ngã danh, nam-mô chư Phật, sở hoạch phước đức, vô lượng vô biên*” (Sau khi ta diệt độ, nếu xưng danh ta, hoặc Nam-mô chư Phật, sẽ đạt được phước đức vô lượng vô biên). Trong kinh Đại Từ, đức Phật bảo A Nan: “*Nam-mô Phật giả, thử thị quyết định chư Phật Thế Tôn danh hiệu âm thanh. Cố xưng ngôn nam-mô chư Phật*” (Nam-mô Phật, đây chính là âm thanh danh hiệu quyết định của chư Phật Thế Tôn. Vì thế, xưng “nam-mô chư Phật”). Kinh Tăng Nhất A Hàm dạy: “*Chúng sanh tam nghiệp tạo ác, lâm chung ỨC NIỆM NHƯ LAI công đức giả, tất ly ác đạo thú, đắc sanh thiên thượng. Chánh sử cực ác chi nhân, dĩ niệm Phật cố, diệt đắc sanh thiên*” (Chúng sanh ba nghiệp làm ác, lâm chung nghĩ nhớ công đức của Như Lai, ắt lìa khỏi đường ác, được sanh lên trời. Dẫu là kẻ cực ác, nhưng do niệm Phật, cũng được sanh lên trời).

“*Nhất Bồ Tát danh*” (danh hiệu của một vị Bồ Tát) như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí v.v... liền được độ thoát, chẳng thể nêu trọn. “*Nhất cú, nhất kệ*” (một câu, một bài kệ): Phổ Hiền Quán Kinh dạy: “*Nhược tụng Đại Thừa kinh, tư Đệ Nhất Nghĩa, thậm thâm không pháp. Ư nhất đàn chỉ khoảnh, trừ bách vạn ỨC NA-DO-THA HẰNG HÀ SA*

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*kiếp sanh tử chi tội”* (Nếu tụng kinh Đại Thừa, nghĩ pháp Không rất sâu thuộc Đệ Nhất Nghĩa, trong khoảng khảy ngón tay, trừ tội trong trăm vạn ức na-do-tha Hằng hà sa kiếp sanh tử). Minh Báo Ký chép: Một người họ Vương sắp đọa địa ngục, bỗng gặp một vị Tăng, xưng là Địa Tạng Bồ Tát, dạy ông ta tụng thuộc bài kệ “*nhược nhân dục liễu tri*” (nếu ai muốn biết rõ), sẽ có thể tránh khỏi địa ngục. Trong chốc lát, ông ta bị gọi đến trước Diêm Vương. Vua hỏi: “Có công đức gì không?” Thưa: “Tôi chỉ trì một bài kệ”. Vua bảo tụng ra, tiếng tụng vang khắp địa ngục. Tội nhân nghe tiếng, đều được giải thoát. Vua liền sai thả về. Chàng họ Vương bèn gắng sức tu thiện. Đấy chẳng phải là điều chứng nghiệm đức Địa Tạng hiện thần lực làm tan địa ngục, sanh thiên, hưởng vui ư? Vì thế biết: Niệm danh hiệu Phật, danh hiệu Bồ Tát, và tụng kinh kệ, đều được siêu thoát, hưởng niềm vui nhiệm màu, thù thắng!

#### **3.3.1.3.2.1.1.2.2. Kệ tụng**

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn: “Hiện tại, vị lai thiên nhân chúng, ngô kim ân cần phó chúc nhữ. Dĩ đại thần thông phương tiện độ, vật linh đọa tại chư ác thú”.*

**(經)爾時，世尊而說偈言：現在未來天人眾，吾今殷勤付囑汝。以大神通方便度，勿令墮在諸惡趣。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ như sau: “Chúng trời người hiện tại, vị lai, ta nay ân cần phó chúc ông. Dùng đại thần thông, phương tiện độ, đừng để đọa vào các đường ác”).*

Trời người trong hiện tại và vị lai tánh đã vô định, có thể sẽ tạo ác nghiệp, lại rơi vào tam đồ, đều trông cậy ngài Địa Tạng thi triển thần thông to lớn, dùng phương tiện lạ, khiến cho họ đều được độ thoát, chẳng bị lưu chuyển nữa!

#### **3.3.1.3.2.1.2. Địa Tạng hõ quỳ<sup>249</sup> thừa chỉ (ngài Địa Tạng quỳ lạy, vâng lãnh chỉ dụ)**

---

<sup>249</sup> Ở đây, ngài Linh Thừa dùng chữ Hõ Quỳ (互跪) vì cho rằng viết “hõ quỳ” (胡跪) là không chính xác. Theo Ngài, Hõ Quỳ là cách quỳ một gối áp sát đất, gối kia dựng thẳng, lưng và cổ giữ thẳng, thể hiện ý sẵn sàng đứng lên ngay nếu được sai phái, còn Hồ Quỳ là cách quỳ của người Hồ (nhưng chữ Hồ là danh từ để chỉ chung các

**3.3.1.3.2.1.2.1. Kinh sơ tự nghi (người trùng tuyên trần thuật)**

*(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát hồ quỳ, hiệp chưởng.*

**(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩，胡跪合掌。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát hồ quỳ, chấp tay).*

**3.3.1.3.2.1.2.2. Đại Sĩ lãnh mạng (Đại Sĩ nhận lệnh)**

**3.3.1.3.2.1.2.2.1. An ửy Thế Tôn (an ủi đức Thế Tôn)**

*(Kinh) Bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Duy nguyện Thế Tôn, bất dĩ vi lự”.*

**(經)白佛言：世尊！唯願世尊，不以為慮。**

*(Kinh: Bạch cùng Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Kính xin đức Thế Tôn đừng lo lắng”).*

Những câu này đều dễ hiểu.

**3.3.1.3.2.1.2.2.2. Độ thoát chúng sanh**

**3.3.1.3.2.1.2.2.2.1. Thiểu thiện giải thoát sanh tử ([hứa sẽ] giải thoát sanh tử cho những kẻ ít thiện căn)**

*(Kinh) Vị lai thế trung, nhược hữu hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, ư Phật pháp trung, nhất niệm cung kính, ngã diệc bách thiên phương tiệ độ thoát thị nhân, ư sanh tử trung, tốc đắc giải thoát.*

**(經)未來世中，若有善男子，善女人，於佛法中，一念恭敬，我亦百千方便度脫是人，於生死中，速得解脫。**

*(Kinh: Trong đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân đối với Phật pháp một niệm cung kính, con cũng dùng trăm ngàn phương*

---

sắc dân ở phía Tây Trung Hoa, như người Khương, người An Tức, Đại Hạ v... không phải chỉ riêng người Ấn), trong khi Hồ Quý là cách quỳ lạy riêng biệt của Thiên Trúc.

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

tiện độ thoát người ấy, khiến cho họ trong đường sanh tử mau được giải thoát).

Cái tâm nhỏ bé trong hiện tiền, quá nhỏ, quá mỏng manh; vì thế nói là “nhất niệm”. Phật Thuyết Tứ Tụ Tâm Kinh chép: “Vị kiến quần loại, cầu hoài nhất giới, chí bất chuyển dịch. Giả sử hữu nhân, chí tâm dục độ, đương đế tư kế, nhất tâm hành đạo, đương tri vô thường. Giả tá thị thân, vạn vật quy không, giai phi ngã sở. Hiểu tri vô giả, tắc độ thiên hạ thập phương nhân dân. Cố tri thiên niệm, vạn niệm, thử hồ sơ niệm” (Chưa thấy các loài, nếu ôm ấp một niệm nhỏ nhoi, chí chẳng chuyển đổi. Giả sử có người, chí tâm muốn cứu độ, hãy nên suy tính kỹ càng, nhất tâm hành đạo. Hãy nên biết là vô thường. Hư giả cậy vào tâm thân này, vạn vật đều là Không, chẳng phải là cái thuộc về ta. Đã hiểu biết là Không, bèn độ nhân dân trong mười phương khắp thiên hạ. Vì thế biết: Ngàn niệm hay vạn niệm, đều bắt nguồn từ một niệm ban đầu). Chỉ do một niệm ấy liền cảm lòng từ bi thích che chở của đức Địa Tạng và xót thương muôn loài quần sanh, Ngài sẽ khiến cho họ mau chóng được giải thoát khỏi sanh tử, há còn ngờ chi!

**3.3.1.3.2.1.2.2.2. Tâm tu bất thoái đạo quả (tu đạo quả bất thoái sâu xa)**

*(Kinh) Hà hướng văn chư thiện sự, niệm niệm tu hành, tự nhiên vô thượng đạo, vĩnh bất thoái chuyển.*

**(經)何況聞諸善事，念念修行，自然於無上道，永不退轉。**

*(Kinh: Hà hướng những người nghe nói các thiện sự, niệm niệm tu hành, tự nhiên sẽ vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi vô thượng đạo).*

“Hà hướng” trong đoạn kinh văn này có nghĩa là: Do một niệm cung kính rất bé còn được giải thoát sanh tử, hướng hồ những ai nghe các điều thiện, niệm niệm tu hành chẳng gián đoạn ư? Kinh Tứ Tụ Tâm dạy: “Đạo nhân quán sát khả phủ chi sự. Nội tự tịnh thân, thí như mộng huyễn. Dụ như quân chinh, bách vạn chi chúng, thị hồ danh tướng, dĩ khước oán địch. Đạo nhân phục tâm chế ý, tu pháp, phụng đạo, thuận hành giới cấm, thân ý thanh bạch, bố ân, thí đức, trừ khí phần nộ, kiêu,

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*xa, tránh tụng, chuyên tinh hành đạo, vô đắc, vô ngại, chí tại quĩ tích. Nhược tướng soái chúng dã, tiên tự chánh tâm, nhĩ nãi thân hành. Thân tâm câu chánh, tắc vô sở thất. Dĩ vô sở thất, đắc đạo tuyệt khứ”* (Người tu đạo xem xét chuyện có thể thực hiện hay không. Trong là tự xét lại bản thân ví như mộng huyễn. Giống như đi đánh trận, trăm vạn người cậy nhờ vị danh tướng để chống lại oán địch. Người tu đạo chế phục tâm ý, tu pháp, vâng theo đạo, vâng giữ giới cấm, thân ý trong sạch, ban ân, thí đức, trừ bỏ phần nộ, kiêu căng, xa xỉ, tranh cãi, chuyên ròng hành đạo, không thấy có gì để đạt được, không có gì trở ngại, dốc chí noi theo đường lối tu tập. Như vị tướng thống lãnh đại chúng, trước hết tự chánh cái tâm của mình. Do vậy, cái thân sẽ tuân theo. Thân lẫn tâm đều chánh, cho nên chẳng có làm lỗi. Do không có làm lỗi, chắc chắn đạt đạo). Do vậy, kinh Thập Luân dạy: “*Chiếu hành thiện giả, do như lãng nhật”* (Chiếu soi người làm lành giống như mặt trời rạng rỡ). Vì thế, có thể khiến cho hành nhân vĩnh viễn chẳng thoái chuyển vô thượng đạo!

**3.3.1.3.2.2. Không Tạng vẫn chiêm lễ phước lợi** (ngài Hư Không Tạng hỏi về phước lợi do chiêm ngưỡng, lễ bái)

**3.3.1.3.2.2.1. Thuật tán vẫn phước lợi** (trần thuật chuyện tán thán, thưa hỏi phước lợi)

**3.3.1.3.2.2.1.1. Kinh gia đề danh** (người trùng tuyên kinh nêu ra danh hiệu của vị thỉnh vấn)

**(Kinh) Thuyết thị ngữ thời, hội trung hữu nhất Bồ Tát, danh Hư Không Tạng.**

**(經)說是語時，會中有一菩薩，名虛空藏。**

**(Kinh: Khi nói lời ấy, trong hội có một vị Bồ Tát tên là Hư Không Tạng).**

Tiếng Phạn là Nga Nga Nãng Hiên Nhạ (Gaganagañja)<sup>250</sup>, phương này dịch là Hư Không Tạng. Kinh này khởi đầu bằng lời thưa hỏi của đức Văn Thù, hàm ý: Chẳng phải là bậc đại trí, sẽ chẳng thể biết nỗi đầu mối của đức Địa Tạng. Kết thúc bằng ngài Hư Không Tạng tổng kết kinh, hàm ý: Chẳng phải là thái hư, sao có thể ẩn mất dấu tích hóa hiện

---

<sup>250</sup> Đúng ra, Hư Không Tạng phải là Ākāśagarbha, còn dịch là Hư Không Dựng, hay Không Tạng Kim Cang, còn Gaganagañja nên dịch là Hư Không Bảo.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

của Đại Sĩ! Đây chính là ý nghĩa “gom Hữu về Không, toàn thể Giả chính là Không” vậy. Ngài Hư Không Tạng hỏi về phước lợi, tức là ý nghĩa “từ Không mà bàn luận Hữu, toàn thể Không chính là Giả”. Không và Giả bất nhị, bản thể của chúng là Trung, viên dung diệu hạnh, đồng quy bí tạng. Vì thế, kết thúc bằng ngài Hư Không Tạng.

Theo kinh Hư Không Tạng Bồ Tát, ở phía Tây của Sa Bà, qua khỏi tám mươi Hằng hà sa thế giới, có cõi Phật tên là Nhất Thiết Hương Tập Y, chúng sanh trong ấy thành tựu Ngũ Trược. Đức Phật tên là Thắng Hoa Phu Tạng Như Lai. Cõi ấy có Bồ Tát tên là Hư Không Tạng; trên đỉnh đầu có bảo châu Như Ý, vô lượng báu Thích Ca Tỳ Lăng Già vây quanh. Quang minh của châu ấy che lấp những quang minh khác, khiến chúng đều ẩn mất chẳng sót. Tất cả công đức của Ngài, chỉ trừ Như Lai, không ai sánh bằng. Theo Mật Bộ, Ngài chính là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận Tỳ Lô Như Lai, từ Bảo Ba La Mật lưu xuất Nam phương Bảo Sanh Bộ. Đây chính là vị Bồ Tát đang được nói trong kinh này.

**3.3.1.3.2.2.1.2. Đương cơ phát vấn** (bậc đương cơ thưa hỏi)

**3.3.1.3.2.2.1.2.1. Văn tán thán trí thỉnh** (nghe tán thán bèn thưa hỏi)

**3.3.1.3.2.2.1.2.1.1. Thuật văn thần lực phả tư** (trần thuật chuyện nghe thần lực chẳng thể nghĩ [của Địa Tạng Bồ Tát])

**(Kinh) Bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã tự chí Đạo Lợi, văn ư Như Lai tán thán Địa Tạng Bồ Tát oai thần thế lực bất khả tư nghì.**

**(經)白佛言：世尊！我自至切利，聞於如來讚歎地藏菩薩威神勢力，不可思議。**

**(Kinh: Bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch đức Thế Tôn! Con từ lúc tới trời Đạo Lợi, được nghe đức Như Lai tán thán oai thần và thế lực chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát).**

Mở đầu kinh, khi [đức Phật] phóng quang minh và phát ra âm thanh trọn khắp, ngài Hư Không Tạng liền đến thiên cung. Do vậy, nghe trọn vẹn từ đầu đến cuối những chuyện Như Lai tán thán ngài Địa Tạng. “Thế lực” là như kinh Tư Ích nói: “Ngã đầu túc chi xứ, chân động tam thiên đại thiên thế giới cập ma cung điện” (Chỗ ta đặt chân chân động tam thiên đại thiên thế giới và cung điện của ma). Quán Kinh nói: “Dĩ trí

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*huệ quang, phổ chiếu nhất thiết, linh ly tam đồ, đặc vô thượng lực”* (Dùng quang minh trí huệ chiếu trọn khắp hết thấy, khiến cho họ lìa tam đồ, đạt được sức vô thượng). Vì thế nói là “*thế lực*”. “*Bất khả tư nghị*” (Chẳng thể nghĩ bàn): Đây là hành xử rất sâu của Bồ Tát. Tuy thí cho vạn hữu, khiến cho chúng sanh được lợi ích, đều đạt được cái vốn sẵn có, nhưng chẳng có thật pháp, giống như hóa nhân hóa hiện các sự biến hóa, bất quá khiến cho người khác được vui sướng. Ngài Hư Không Tạng kết thúc kinh là do dụng ý này.

#### **3.3.1.3.2.2.1.2.1.2. Nhân vấn phước lợi kỹ chủng (nhân đó, hỏi có mấy loại phước lợi)**

*(Kinh) Vị lai thế trung, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, nãi cập nhất thiết thiên long, văn thử kinh điển, cập Địa Tạng danh tự, hoặc chiêm lễ hình tượng, đắc kỹ chủng phước lợi?*

**(經)未來世中，若有善男子，善女人，乃及一切天龍，聞此經典，及地藏名字，或瞻禮形像，得幾種福利？**

*(Kinh: Trong đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, và hết thấy trời, rồng nghe kinh điển này và danh tự Địa Tạng, hoặc chiêm ngưỡng, lễ bái hình tượng, sẽ được mấy loại phước lợi?)*

Theo kinh Địa Trì, phước chính là bố thí, trì giới, và nhẫn nhục. Nương theo Thiên và Tinh Tấn để tu hành bốn thứ vô lượng như Thí, Giới... thì gọi là “*phước phần*”. Bởi lẽ, điều thiện được gọi là “*phước lợi*”, cảm báo vui sướng. Nay đã đọc kinh, nghe danh hiệu, chiêm ngưỡng, lễ bái hình tượng, ắt đạt được phước lợi, chẳng biết có mấy loại? Cần biết: Phước lợi do tâm, tâm có thể tạo phước, nhưng tâm còn chẳng thể được, phước lợi há còn? Nhưng trong phương tiện giáo hóa, nhằm dẫn dắt chúng sanh mong cầu, hướng về, thì phước lợi là điều trọng yếu! Huống hồ trong Mật Bộ, phạm các pháp cúng dường đều thuộc về Hư Không Khô Tạng, cho nên chuyện phước lợi càng là chuyện ngài Hư Không Tạng chuyên trách, đáng nên thưa hỏi.

#### **3.3.1.3.2.2.1.2.2. Nguyên vị chúng lược thuyết (mong hãy vì đại chúng nói đại lược)**



*(Kinh) Duy nguyện Thế Tôn, vị vị lai, hiện tại nhất thiết chúng đấng, lược nhi thuyết chi.*

**(經)唯願世尊，為未來現在一切眾等，略而說之。**

*(Kinh: Kính mong đức Thế Tôn hãy vì hết thảy chúng sanh trong vị lai và hiện tại, nói đại lược cho).*

Ắt cầu [đức Phật] nói đại lược, hướng dẫn cửa ngõ trọng yếu để sanh ra những điều tốt lành cho chúng sanh. Kinh Thư có lời giáo huấn “*tác thiện giáng tường*” (làm lành thì cát tường sẽ giáng xuống), kinh Dịch dạy rõ “*tích thiện dư khánh*” (chất chứa điều lành thì niềm vui có thừa). Nếu chẳng trăn thuật cặn kẽ phước lợi, chẳng khỏi ngăn trở, cách tuyệt thiện môn, cho nên mong [đức Phật] dạy đại lược. Còn như nghiêm ngặt cầu khẩn, cúng bái để mong quý thần giáng phước; theo lẽ nhân quả, sợ rằng sẽ phải chịu quả báo trong chốn âm ty. Đây chính là cái tâm cầu lợi, mong cầu tà vạy, há có thể nói là cùng một loại [với những điều phước lợi ở đây] ư?

**3.3.1.3.2.2.2. Hứa thuyết thị lợi ích (hứa sẽ nói, dạy lợi ích)**

**3.3.1.3.2.2.2.1. Giới thính, hứa thuyết (răn dạy lắng nghe, hứa sẽ nói)**

*(Kinh) Phật cáo Hư Không Tạng Bồ Tát: - Để thính! Để thính! Ngô đương vị nhữ, phân biệt thuyết chi.*

**(經)佛告虛空藏菩薩：諦聽！諦聽！吾當為汝，分別說之。**

*(Kinh: Đức Phật bảo Hư Không Tạng Bồ Tát: - Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà phân biệt nói).*

Phàm là người khéo thuyết pháp, sẽ là “không nói, không dạy”; người khéo nghe pháp sẽ là “không đạt được, không nghe”. Há có phân biệt dạy riêng “hãy lắng nghe” ư? Nhưng nếu cứ một mực ngầm ứng hợp lẽ Chân, sợ sẽ trở thành Đoạn Kiến. Nếu luôn luôn thuận theo Hữu, sợ sẽ thành Thường Kiến! Đoạn lẫn Thường đều là lệch lạc, tà vạy, cách xa Trung Đạo! Phải ngay trong lúc nêu ra Không mà Phi Không, nhằm lúc bàn Hữu mà Bất Hữu, chẳng dính dáng đến ngôn từ diễn tả mà lưỡi thường chuyển, chẳng lìa âm hưởng tánh Nghe vốn là Không! Đó gọi là “*khéo có thể phân biệt các pháp tướng, bất động nơi Đệ Nhất Nghĩa*”

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Đế”. Đây chính là ý chỉ phân biệt của Như Lai, và là dụng ý lắng nghe của ngài Hư Không Tạng.

**3.3.1.3.2.2.2.2. Biệt phân lợi ích (phân chia từng loại lợi ích riêng biệt)**

**3.3.1.3.2.2.2.2.1. Kiến tượng văn kinh cung tán lợi ích (lợi ích do thấy tượng, nghe kinh, cúng dường, tán thán)**

**3.3.1.3.2.2.2.2.1.1. Tổng thị tu nhân (dạy chung về cách tu nhân)**

*(Kinh) Nhược vị lai thế, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, kiến Địa Tạng hình tượng, cập văn thử kinh, nãi chí độc tụng, hương, hoa, ẩm thực, y phục, trân bảo, bố thí, cúng dường, tán thán, chiêm lễ.*

**(經)若未來世，有善男子，善女人，見地藏形像，及聞此經，乃至讀誦，香華飲食，衣服珍寶，布施供養，讚歎瞻禮。**

*(Kinh: Nếu trong đời vị lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân thấy hình tượng Địa Tạng và nghe kinh này, cho đến đọc tụng, dùng hương, hoa, thức ăn, y phục, những vật quý báu để bố thí, cúng dường, tán thán, chiêm ngưỡng, lễ bái).*

Ý nghĩa dễ hiểu.

**3.3.1.3.2.2.2.2.1.2. Biệt liệt ích số (kể riêng từng loại lợi ích)**

*(Kinh) Đắc nhị thập bát chủng lợi ích: Nhất giả, thiên long hộ niệm.*

**(經)得二十八種利益：一者，天龍護念。**

*(Kinh: Đạt được hai mươi tám thứ lợi ích: Một là trời rồng hộ niệm).*

Câu đầu tiên là nêu tổng quát, sau đó, liệt kê từng điều riêng biệt. “Thiên long” nắm cán cân tạo hóa, cai quản âm dương. Nước nhà nhờ ân đức bảo vệ bình an của họ, lê dân ngưỡng mộ công sức chở che. Nay đã đọc kinh, trì danh, chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường, cho nên cảm trời rồng chở che, nghĩ nhớ, khiến cho thiện quả, thánh nhân (cái nhân của thánh quả) do đầy mà tăng trưởng. Gia duyên, thế sự, do vậy mà

*Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện Kinh Khoa Chú*

được hài hòa. Vì thế, nêu ra đầu tiên nhằm chỉ bày cái gốc của phước lợi.

*(Kinh) Nhị giả, thiện quả nhật tăng. Tam giả, tập thánh thượng nhân. Tứ giả, Bồ Đề bất thoái.*

**(經)二者，善果日增。三者，集聖上因。四者，菩提不退。**

*(Kinh: Hai là thiện quả ngày một tăng. Ba là nhóm họp cái nhân bậc thượng của thánh nhân. Bốn là chẳng thoái thất Bồ Đề).*

Các sự lợi ích hai, ba, và bốn có liên quan với nhau nơi dấu tích thuộc về Sự. Quả do nhân mà tăng tấn, nhân nhờ quả mà tích tập. Nhân quả giúp đỡ lẫn nhau, tự nhiên chẳng lui sụt Bồ Đề. Như trong kinh Thập Luân, Địa Tạng bạch Phật rằng: “Ngô đương tế độ thử tứ châu chư Thế Tôn đệ tử, nhất thiết bát-sô, cập bát-sô-ni, ỏ-ba-sách-ca, ỏ-ba-tư-ca, linh kỳ tăng trưởng giác phần, Thánh Đế quang minh, tăng trưởng thú nhập Đại Thừa thánh đạo, tăng trưởng thành thực hữu tình đại từ đại bi, tăng trưởng ngũ nhãn, quán đánh, sanh thiên, Niết Bàn. Như thị thiện quả, nhật nhật tăng trưởng” (Con sẽ tế độ các đệ tử của đức Thế Tôn trong bốn châu lục này, hết thấy các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, khiến cho họ tăng trưởng giác phần và quang minh của Tứ Thánh Đế, tăng trưởng tiến nhập Đại Thừa thánh đạo, tăng trưởng thành thực đại từ đại bi cho hữu tình, tăng trưởng ngũ nhãn, quán đánh, sanh lên trời, chứng Niết Bàn. Thiện quả như vậy tăng trưởng hằng ngày).

“Tập” (集) là tụ tập. Đại Luận viết: “Gặp gỡ kinh pháp, tu thiện, trì giới, bố thí, lễ kính v.v... chính là gieo nhân duyên Niết Bàn”. Cái nhân thánh thượng như thế, ai cũng tích tập. Cái nhân thuộc về thánh đạo thiện quả, đã tăng trưởng mỗi ngày, tự nhiên đạo tâm kiên cường, thế lực mạnh mẽ. Tự nhiên chẳng thoái chuyển Vị, Hạnh, Niệm. “Tăng” là từ nhỏ nhiệm đạt tới hiển nhiên, mong sao trọn đủ. “Tập” là từ ít đến nhiều, những điều mong mỗi được thành tựu. Trong khoảng giữa ấy (trong lúc còn đang tu nhân), chẳng thoái thất Bồ Đề.

*(Kinh) Ngũ giả, y thực phong túc. Lục giả, tật dịch bất lâm.*

**(經)五者，衣食豐足。六者，疾疫不臨。**

*(Kinh: Năm là cơm áo dư dật. Sáu là chẳng bị bệnh dịch).*

Điều thứ năm là cơm áo dư dật, pháp trợ đạo được trọn đủ. Áo để che thân, thức ăn để duy trì tánh mạng. Thân được yên, đạo sẽ hưng thịnh, nhờ vào cơm áo! Điều này tuy là tiểu duyên, nhưng có thể thành tựu đại sự. Đói rét bất an, làm sao duy trì đạo pháp cho nổi? Vì thế, kinh Thập Luân dạy: “*Nhất thiết giai đắc như pháp sở cầu, y phục, bảo bối, y dược, sàng phu, cập chư tư cụ, vô bất bị túc*” (Hết thấy đều đạt được như lòng mong cầu đúng pháp: Quần áo, vật báu, thuốc men, giường nệm, và các thứ vật cần dùng cho cuộc sống, không gì chẳng đầy đủ).

Điều thứ sáu “*chẳng mắc bệnh dịch*” chính là chuyện trọng yếu trong tu đạo. Bệnh chính là cái duyên khiến cho đạo bị tụt lùi, có thể khiến cho sắc lực tổn giảm. Theo kinh Trường A Hàm, [tật dịch] là do từ thế giới ở phương khác có quỷ thần đến nơi đây. Quỷ thần ở trong cõi này buông lung, dâm loạn, chẳng thể bảo vệ con người. Quỷ thần từ phương khác xâm lấn, quấy nhiễu người trong thế gian này, đánh đập, đập quất, cướp lấy tinh khí [của con người], khiến cho lòng người rối loạn. Vì thế, có tai họa dịch bệnh. Kinh Thập Luân dạy: “*Nhược chư hữu tình, ác quỷ sở trì, thành chư bệnh giả, hữu năng cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, nhất thiết giai đắc giải thoát vô úy, thân tâm an thích*” (Nếu các hữu tình bị ác quỷ không chế, thành ra các thứ bệnh, mà nếu có người cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, thì hết thấy đều được giải thoát, không sợ hãi, thân tâm an ổn, thoải mái). Vì thế, ắt cần phải “*chẳng mắc bệnh dịch*”.

*(Kinh) Thất giả, ly thủy hỏa tai. Bát giả, vô đạo tặc ách.*

**(經)七者，離水火災。八者，無盜賊厄。**

*(Kinh: Bảy là lìa khỏi tai nạn nước lửa. Tám là không bị tai ác trộm cướp).*

Điều thứ bảy là lìa khỏi tai nạn nước và lửa. Bệnh tật là nội chướng, tai họa là ngoại chướng. Tả Truyện coi “*nhân hỏa*” (lửa do con người đốt) là Hỏa, coi “*thiên hỏa*” (lửa do thiên nhiên gây ra) là Tai (trong cách viết theo lối chữ Triện, chữ Xuyên (𠄎) thêm chữ Nhất ở dưới, Xuyên (𠄎) và Xuyên (川) giống nhau), [hàm ý] sông bị úng tắc là Tai (tai họa). Sách Thuyết Văn Giải Tự ghép chữ Miên (宀), có nghĩa là nhà với Hỏa (火) tạo thành chữ Tai (灾), [hàm ý] lửa gây tai họa cho nhà

### **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

cửa. Ở đây là nói nước bất ngờ tràn ngập, lửa đốt rục cánh đồng, tổn hại muôn vật, thương vong chúng sanh, đều là thiên tai. Kinh Thập Luân dạy: “*Nhược chư hữu tình, vị hỏa sở phân, vị thủy sở nịch, hữu năng cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, nhất thiết giai đắc ly chư nguy nạn, an ổn vô tổn*” (Nếu các hữu tình bị lửa thiêu đốt, bị nước nhấn chìm, mà có thể cúng dường Địa Tạng Bồ Tát thì hết thảy đều được lìa các nỗi nguy hiểm, tai nạn, an ổn, chẳng bị tổn hại). Ở đây, chẳng cần phải nói đến nước lửa trong Đại Tam Tai.

Điều thứ tám là không bị tai ách vì đạo tặc, [tức là] lìa khỏi chuyện oán đối đời trước. Kinh Thập Luân dạy: “*Nhược chư hữu tình vị chư oán tặc, quân trận, cập dư chủng chủng chư bố úy sự chi sở triền nhiều, thân tâm chương hoàng, cụ thất thân mạng, hữu năng cúng dường, cung kính Địa Tạng Bồ Tát, nhất thiết giai đắc ly chư bố úy, bảo toàn thân mạng*” (Nếu các hữu tình bị các thứ oán tặc, chiến tranh, và đủ mọi sự sợ hãi vây quanh, thân tâm hoảng hốt, kinh hãi, sợ mất thân mạng, mà có thể cúng dường, cung kính Địa Tạng Bồ Tát, hết thảy sẽ đều được lìa các nỗi sợ hãi, giữ toàn vẹn thân mạng).

*(Kinh) Cứu giả, nhân kiến khâm kính. Thập giả, thân quỷ trợ trì.*

**(經)九者，人見欽敬。十者，神鬼助持。**

*(Kinh: Chín là người khác trông thấy sẽ kính trọng. Mười là thân, quỷ đều giúp đỡ, bảo vệ).*

Điều thứ chín là người khác trông thấy khâm phục, kính trọng. Kinh Địa Trì dạy: “*Bồ Tát chủng tánh cụ túc cố, chúng sở kính trọng, cúng dường, tán thán, ngôn tất thọ hành, vô sở vi phạm*” (Do chủng tánh của Bồ Tát trọn đủ, nên được mọi người kính trọng, cúng dường, tán thán. Lời lẽ nói ra họ đều tiếp nhận, làm theo, chẳng trái phạm). Nay đã cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, cho nên đạt được phước lợi ấy.

Điều thứ mười là “*thần, quỷ giúp đỡ, hộ trì*”; càng là điều lợi tốt đẹp cho việc tu hành trong đời Mạt Pháp. Kinh Trường A Hàm, quyển thứ hai mươi chép: “*Nhược hữu tu hành thiện pháp, kiến chánh tín hạnh, tu Thập Thiện nghiệp. Như thị nhất nhân, hữu bách thiên thân hộ*” (Nếu có người tu hành thiện pháp, kiến giải [chân chánh], có hạnh chánh tín, tu Thập Thiện nghiệp, thì người như thế sẽ có trăm ngàn vị thần hộ

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

trì). Nay đã cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, cho nên được quỷ thần giúp đỡ, hộ trì, tu hành chẳng bị chướng ngại!

*(Kinh) Thập nhất giả, nữ chuyển nam thân. Thập nhị giả, vi vương thân nữ. Thập tam giả, đoan chánh tướng hảo.*

**(經)十一者，女轉男身。十二者，為王臣女。十三者，端正相好。**

*(Kinh: Mười một là nữ chuyển thành nam. Mười hai là làm con gái của vua hay quan. Mười ba là tướng hảo đoan chánh).*

Điều thứ mười một là nữ chuyển thành nam, điều thứ mười hai là làm con gái của vua, quan; điều thứ mười ba là tướng hảo đoan chánh, ý nghĩa đều như trong các phần trước (tức là như đã giảng cặn kẽ trong phẩm thứ sáu, tức phẩm Như Lai Tán Thán).

*(Kinh) Thập tứ giả, đa sanh thiên thượng. Thập ngũ giả, hoặc vi đế vương. Thập lục giả, túc trí mạng thông.*

**(經)十四者，多生天上。十五者，或為帝王。十六者，宿智命通。**

*(Kinh: Mười bốn là phần nhiều sanh lên trời. Mười lăm là hoặc làm đế vương. Mười sáu là túc trí mạng thông).*

Điều thứ mười bốn là phần nhiều sanh lên trời. Theo kinh Biện Ý, có năm sự sanh thiên (tức Ngũ Giới). Kinh Thập Luân dạy: “Tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo” (Tùy theo căn cơ thích đáng, mà xếp đặt cho họ được sanh lên trời, hay an trụ trong đạo Niết Bàn). Điều thứ mười lăm là làm đế vương (Ở Tây Vực thì như Thắng Quân (tức vua Ba Tư Nặc, Prasenajit), Ưu Điền (Udayana) v.v... Đông Độ thì như ngũ đế, tam vương v.v...) Điều thứ mười sáu là Túc Trí Mạng Thông, tức là thấu đạt nguyên do của vận mạng. Kẻ sĩ có trăm hạnh, trí này làm đầu. Do đọc kinh và xưng danh làm sức liễu nhân vậy!

*(Kinh) Thập thất giả, hữu cầu giai tòng. Thập bát giả, quyền thuộc hoan lạc.*

**(經)十七者，有求皆從。十八者，眷屬歡樂。**

*(Kinh: Mười bảy là có điều gì nguyện cầu cũng đều được thỏa. Mười tám là quyến thuộc vui sướng).*

Điều thứ mười bảy là có điều gì mong cầu đều được thỏa. Kinh Thập Luân dạy: “*Nhược chư hữu tình hoặc vị chúng chúng thể xuất thế gian chư lợi lạc sự, ư tán cầu thời, nhược năng cung kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, ý nguyện mãn túc*” (Nếu các hữu tình vì muốn làm các thứ chuyện lợi lạc thuộc thế gian hay xuất thế gian, khi sắp làm mà nếu có thể cung kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, ý nguyện sẽ được thỏa mãn). Điều thứ mười tám “*quyến thuộc vui sướng*” tức là tri thức ngoại hộ trong sự tu hành. Kinh Thập Luân dạy: “*Nhược chư hữu tình, ái nhạo biệt ly, oán tắng hợp hội, hữu năng cung kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, nhất thiết giai đắc ái nhạo hợp hội, oán tắng biệt ly*” (Nếu các hữu tình [gặp cảnh] người yêu thích phải biệt ly, kẻ oán ghét cứ tụ họp, mà có thể cung kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, thì hết thảy đều được người yêu thích sẽ tụ họp, xa lìa kẻ oán ghét).

*(Kinh) Thập cửu giả, chư hoạnh tiêu diệt. Nhị thập giả, nghiệp đạo vĩnh trừ.*

**(經)十九者，諸橫消滅。二十者，業道永除。**

*(Kinh: Mười chín là các sự ngang trái tiêu diệt. Hai mươi là nghiệp đạo vĩnh viễn trừ diệt).*

Điều thứ mười chín là “*các sự ngang trái tiêu diệt*” như đã giải thích trong những phần trước. Điều thứ hai mươi, “*ng nghiệp đạo vĩnh viễn trừ diệt*”, do tu tập các nghiệp vô lậu như đọc kinh v.v... cho nên các nghiệp đạo hữu lậu trong tam giới đều nhất loạt trừ diệt.

*(Kinh) Nhị thập nhất giả, khứ xứ tận thông. Nhị thập nhị giả, dạ mộng an lạc.*

**(經)二十一者，去處盡通。二十二者，夜夢安樂。**

*(Kinh: Hai mươi một là đi đến đâu đều thông suốt. Hai mươi hai là đêm mộng yên vui).*

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Điều thứ hai mươi một là đi đến đâu đều thông suốt. Kinh Địa Trì dạy: “*Nhân cụ túc cố, nam tướng thành tựu, kham vi nhất thiết công đức pháp khí, u nhất thiết thời, tự tại du hý, nhất thiết chúng sanh, vãng lai đồng sự. Nhân gian khoáng dã, tùy ý vô ngại*” (Do con người trọn đủ, thành tựu tướng nam tử, kham làm pháp khí cho hết thảy công đức. Trong hết thảy thời, vui chơi tự tại. Lui tới đồng sự với hết thảy chúng sanh. Nơi đồng trống trong nhân gian, tùy ý vô ngại). Nay đã tu cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, cho nên được đi lại, ra vào, đến khắp nơi đều thông đạt. Điều thứ hai mươi là “*đêm ngủ, nằm mộng an lạc*” đã được giải thích trong phần trước. Những điều trên đây đều là phước lợi đối với bản thân.

**(Kinh) Nhị thập tam giả, tiên vong ly khổ. Nhị thập tứ giả, túc phước thọ sanh.**

**(經)二十三者，先亡離苦。二十四者，宿福受生。**

**(Kinh: Hai mươi ba là người đã mất thoát khổ. Hai mươi bốn là do túc phước mà thọ sanh).**

Điều thứ hai mươi ba là người đã khuất thoát khổ, chính là có thể giúp tổ tiên như đã nói trong phần trước. Điều kế đó là phước lợi trong tương lai. Điều thứ hai mươi bốn là “*túc phước thọ sanh*”. Kinh Tư Ích dạy: “*Bồ Tát hữu tứ pháp, đắc tiên nhân lực, bất thất thiện căn, nhất kiến tha nhân khuyết, bất dĩ vi quá. Nhị, u nộ nhân thường tu từ tâm. Tam, đương thuyết chư pháp nhân duyên. Tứ, thường niệm Bồ Đề*” (Bồ Tát có bốn pháp khiến cho túc nhân đắc lực, chẳng mất thiện căn: Một là thấy khuyết điểm của kẻ khác, chẳng coi đó là lầm lỗi. Hai, đối với kẻ nóng giận, thường tu từ tâm. Ba, sẽ nói các pháp nhân duyên. Bốn, thường niệm Bồ Đề). Nay nhờ phước trì tụng, cúng dường đức Địa Tạng từ đời trước, sẽ thọ sanh trên cõi trời, hay trong nhân gian, lại còn hưởng phước lạc như ý.

**(Kinh) Nhị thập ngũ giả, chư thánh tán tán. Nhị thập lục giả, thông minh, lợi căn.**

**(經)二十五者，諸聖讚歎。二十六者，聰明利根。**

**(Kinh: Hai mươi lăm, chư thánh tán tán. Hai mươi sáu, thông minh, căn tánh nhạy bén).**



## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Điều thứ hai mươi lăm là “*chư thánh tán thán*”. Do tu phước thù thắng, tiếng thơm truyền xa. Đại Luận viết: “*Bồ Tát nghe Phật pháp rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, có thể định tâm tin ưa, chẳng sanh nghi ngờ, hối hận. Vị Bồ Tát như thế được chư Phật ca ngợi*”. Nay đã tin nhận chuyện chẳng thể nghĩ bàn của đức Địa Tạng, cho nên cảm vui chư thánh tán thán. Điều thứ hai mươi sáu là “*thông minh, căn tánh nhạy bén*”: Như Tuân Tử nói: “*Mắt chẳng nhìn hai lần mà biết rõ, tai chẳng nghe hai lượt mà thông suốt*”. Nay do nhất tâm đọc kinh, thành tựu căn cơ hành pháp (tu tập giáo pháp). Do vậy, nghĩa lý lọt vào tai, chẳng cần nghe lần nữa! Kinh sách lướt qua mắt, há phải đọc thêm một lần! Tâm ngầm hiểu biết, thông suốt, căn tánh hơn hẳn người khác!

**(Kinh) Nhị thập thất giả, nhiều từ mãn tâm. Nhị thập bát giả, tất cánh thành Phật.**

**(經)二十七者，饒慈愍心。二十八者，畢竟成佛。**

**(Kinh: Hai mươi bảy, giàu lòng từ mãn. Hai mươi tám, rốt ráo thành Phật).**

Điều thứ hai mươi bảy “*giàu lòng từ mãn*”; đây chính là hạnh trọng yếu để lợi sanh. Do lòng Từ có năm điều lợi: Đao chẳng gây thương tổn được, độc chẳng hại được, lửa chẳng đốt được, nước không nhấn chìm được, kẻ sân ác trông thấy bèn vui mừng. Kinh Địa Trì dạy: “*Bồ Tát dĩ an ổn lạc, nhiều ích chúng sanh. Phi an ổn lạc, giáo linh trừ đoạn*” (Bồ Tát dùng sự vui an ổn để lợi ích chúng sanh. Dạy họ đoạn trừ những sự vui nếu chúng chẳng an ổn) là nói về chuyện này.

Điều thứ hai mươi tám “*rốt ráo thành Phật*”; đây là lợi ích rốt ráo. Gom Trường Giang, Hoàng Hà, Hoài Thủy, Tế Thủy đều đổ vào biển, cùng có một vị mặn, cùng nung chảy bình, mâm, thoa, xuyên trong lò, đều thành vàng ròng cả! Đây chính là cái tâm phó chúc của đức Phật, là ý chỉ ngài Địa Tạng vâng mạng. Đó gọi là “*chỉ có một sự thật này, những thứ khác hễ có hai thì đều chẳng thật*”. Vì thế, hai đoạn văn [lưu thông] trước đó đều được kết thúc bằng phần này.

**3.3.1.3.2.2.2.2. Văn kinh, lễ hình, tán thán lợi ích (lợi ích do nghe kinh, lễ hình tượng, tán thán)**

**3.3.1.3.2.2.2.2.2.1. Tổng thị tu nhân (dạy chung về cái nhân tu tập)**

*(Kinh) Phục thứ Hư Không Tạng Bồ Tát! Nhược hiện tại, vị lai, thiên, long, quỷ, thần, văn Địa Tạng danh, lễ Địa Tạng hình, hoặc văn Địa Tạng bổn nguyện sự hạnh, tán thán, chiêm lễ.*

**(經)復次虛空藏菩薩！若現在未來，天龍鬼神，聞地藏名，禮地藏形，或聞地藏本願事行，讚歎瞻禮。**

*(Kinh: Lại này Hư Không Tạng Bồ Tát! Nếu trời, rồng, quỷ, thần trong hiện tại và vị lai, nghe danh hiệu Địa Tạng, lễ hình tượng Địa Tạng, hoặc nghe bổn nguyện và sự hạnh của Địa Tạng mà tán thán, chiêm ngưỡng, lễ bái).*

Tu nhân ở đây gần tương tự với phần trên, vì sao tách ra thành hai phần kinh văn? Cần biết: Trong phần trên còn có thêm cúng dường các thứ, tức là duyên nhân và liễu nhân đều cùng tu. Phần này chỉ là nghe danh hiệu, lễ bái, tán thán, [tức là] chỉ thực hiện liễu nhân. Do chỗ sai khác đôi chút này, cho nên liệt kê riêng biệt, nhằm nêu rõ: Do nghe danh hiệu mà còn được lợi ích như thế, hưởng hồ kèm thêm tu duy, tu tập ư?

### 3.3.1.3.2.2.2.2.2.2. **Biệt liệt ích số** (liệt kê từng điều lợi ích riêng biệt)

*(Kinh) Đắc thất chủng lợi ích: Nhất giả, tốc siêu thánh địa.*

**(經)得七種利益：一者，速超聖地。**

*(Kinh: Được bảy thứ lợi ích: Một là mau vượt lên địa vị thánh).*

Lợi ích trước sau đều luận theo Viên giáo. Một là mau vượt lên địa vị thánh, tức là thánh chủng tánh của Thập Địa trong Viên Giáo. Do người căn cơ viên đốn nhạy bén, mạnh mẽ, cho nên từ các địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, sẽ mau chóng vượt lên, dự vào địa vị thánh (Thập Địa).

*(Kinh) Nhị giả, ác nghiệp tiêu diệt.*

**(經)二者，惡業消滅。**

*(Kinh: Hai là ác nghiệp tiêu diệt).*

Điều thứ hai là ác nghiệp tiêu diệt; ác nghiệp là nói đối ứng với thiện nghiệp. Đã nghe chuyện chẳng thể nghĩ bàn của đức Địa Tạng, sẽ

***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

hiểu rõ “*tu nhiễm, tu ác, toàn thể chính là tánh nhiễm, tánh ác*”. Vì thế, trong Ngũ Phẩm Quán Hạnh, chế phục trọn vẹn Ngũ Trụ, tiến nhập Tín vị, Kiến Tư Hoặc mất trước, sẽ là từ đây vĩnh viễn lìa khỏi Phần Đoạn sanh tử. Vì thế biết: Tuy nói là [tiêu diệt] ác nghiệp, nhưng [thật ra], tự đạt được cả ba chướng đều tiêu trừ trọn vẹn.

***(Kinh) Tam giả, chư Phật hộ lâm.***

**(經)三者, 諸佛護臨。**

***(Kinh: Ba là chư Phật đến hộ trì).***

Điều thứ ba là chư Phật đến hộ trì. Đã thuộc địa vị Tương Tự, đã gần với cái nhân chân thật, đã có khí phận của Phật pháp, bèn cảm chư Phật đến hộ trì. “*Lâm*” là đến, có cùng nghĩa với “*Thượng Đế lâm nhữ*” (Thượng Đế giáng lâm chỗ của người). Chữ Lâm (臨) ghép bởi chữ Phẩm (品), [ngụ ý] “đông nhiều” và chữ Ngọa (臥), [hàm ý] vô vi. Từ trên giáng lâm, chẳng tự vận dụng mà dùng người khác. Vì thế, có thể cho phép đối tượng thực hiện, còn chính mình chẳng làm. Nay chư Phật giáng lâm, đúng như vàng trắng in bóng trên sông, cố nhiên chẳng phải nhọc lòng trong ấy.

***(Kinh) Tứ giả, Bồ Đề bất thoái.***

**(經)四者, 菩提不退。**

***(Kinh: Bốn là chẳng thoái thất Bồ Đề).***

Điều thứ tư là chẳng thoái thất Bồ Đề như đã giải thích trong phần trên.

***(Kinh) Ngũ giả, tăng trưởng bản lực.***

**(經)五者, 增長本力。**

***(Kinh: Năm là tăng trưởng sức mình).***

Điều thứ năm, “*tăng trưởng bản lực*” tức là ngoài tu nhân ra, còn huân tập, tăng trưởng Chân Như bản lực, do hàng Bồ Tát hạnh sâu đều được tăng trưởng trọn đủ cả Bi lẫn Trí, cho nên bản lực càng được tăng nhiều.

*(Kinh) Lục giả, túc mạng giai thông.*

**(經)六者, 宿命皆通。**

*(Kinh: Sáu là đều biết túc mạng).*

Điều thứ sáu là đối với Túc Mạng đều thông hiểu. Theo các bộ luận, điều đó có nghĩa là đối với chỗ đã sanh về, tự tánh có thể biết quá khứ, Túc Mạng và Tha Tâm. Nếu các hữu tình thí cho người ấy các thứ thức ăn ngon quý, do nghiệp lực đó, có thể dẫn khởi trí này. Như kinh A Ma Trú dạy:

*“Vô minh vĩnh diệt, đại minh pháp sanh. Âm minh tiêu diệt, quang diệu pháp sanh”* (Vô minh vĩnh viễn diệt, pháp đại minh sanh ra. Tối tăm tiêu diệt, pháp sáng ngời sanh ra). Vì thế có thể biết chuyện thuộc túc mạng trong vô số kiếp.

*(Kinh) Thất giả, tất cánh thành Phật.*

**(經)七者, 畢竟成佛。**

*(Kinh: Bảy là rốt ráo thành Phật).*

Điều thứ bảy là “rốt ráo thành Phật”. Kinh Địa Trì nói: “*Bồ Tát y trí cố, nhiếp thọ chánh phước chủng chủng xảo tiện, vị chư chúng sanh, nãi chí Vô Thượng Bồ Đề. Nhược báo, nhược báo nhân, nhược báo quả, nhất thiết y phước khởi, phước y trí khởi. Thử nhị cụ túc, tối thắng vô thượng, đắc Vô Thượng Bồ Đề. Nhược phước trí bất cụ, chung bất năng đắc*” (Do Bồ Tát nương vào trí mà nhiếp thọ các thứ phước tiện thiện xảo thuộc về chánh phước, vì các chúng sanh cho đến Vô Thượng Bồ Đề. Dù là quả báo, dù là báo nhân hay báo quả, hết thảy đều nương vào phước mà dấy lên, phước nương vào trí mà dấy lên. Hai thứ đó trọn đủ, tối thắng vô thượng, đắc Vô Thượng Bồ Đề. Nếu phước và trí chẳng đủ, sẽ trọn chẳng thể đạt được). Nay do tu tập cái trí bằng cách đọc kinh và trì danh, cũng như do phước chiêm ngưỡng, lễ bái hình tượng, cho nên được thành Phật. Đây gọi là lợi ích bao gồm nhân, quả, tự, tha. Phần Biệt Lưu Thông đã xong.

### **3.3.2. Tổng Lưu Thông (phần lưu thông chung)**

**3.3.2.1. Nhân quả thánh phàm văn tán trí thán (nhân, quả, thánh phàm, nghe xưng dương đều tán thán)**

*(Kinh) Nhĩ thời, thập phương nhất thiết chư lai bất khả thuyết bất khả thuyết chư Phật Như Lai cập đại Bồ Tát, thiên long bát bộ, văn Thích Ca Mâu Ni Phật, xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát, đại oai thần lực bất khả tư nghị, thán vị tăng hữu.*

**(經)爾時，十方一切諸來不可說不可說諸佛如來及大菩薩，天龍八部，聞釋迦牟尼佛，稱揚讚歎地藏菩薩，大威神力不可思議，歎未曾有。**

*(Kinh: Lúc bảy giờ, mười phương hết thấy bất khả thuyết bất khả thuyết chư Phật Như Lai và đại Bồ Tát, thiên long bát bộ đến dự hội, nghe Thích Ca Mâu Ni Phật xưng dương tán thán sức oai thần to lớn chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát, đều khen là chưa từng có).*

Từ “mười phương” cho đến “bát bộ”, tổng kết đại chúng vân tập trên đây. Chư Phật, Bồ Tát đã nhóm họp trước khi Phật Thích Ca phóng quang, đó chính là căn nguyên phát khởi. Trời rồng tám bộ nhóm họp sau khi Phật Thích Ca phóng quang, là đại chúng chánh yếu để phát khởi. Từ “nghe Phật Thích Ca” trở đi, tổng kết những chuyện chẳng thể nghĩ bàn đã được tán thán trước đó. Nhưng người khác cũng tán thán, mà nay chỉ nói mình đức Phật Thích Ca tán thán là do có hai ý:

- Một, nêu ra chủ đề gồm thân bạn, như lời lẽ của quần thần đều phát xuất từ mạng lệnh của vua, đều nói là “*ương luân*” (王綸, ý chỉ của vua).

- Hai là quy công đức về bậc hóa chủ, như tam công mưu tính sách lược. Sau khi thành công, sẽ quy kết những điều tốt đẹp về thiên tử. Những điều khác dễ hiểu.

**3.3.2.2. Thiên chúa, chúng hội cúng dường, lễ thoái** (các vị chúa trời, đại chúng trong hội cúng dường, làm lễ, lui ra)

*(Kinh) Thị thời, Đạo Lợi Thiên vũ vô lượng hương, hoa, thiên y, châu anh, cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, cập Địa Tạng Bồ Tát dĩ.*

**(經)是時，忉利天雨無量香華，天衣珠瓔，供養釋迦牟尼佛，及地藏菩薩已。**

*(Kinh: Khi ấy, Đao Lợi Thiên mưa vô lượng hương, hoa, áo trời, chuỗi bảo châu, cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật và Địa Tạng Bồ Tát xong).*

Riêng mình Đao Lợi thiên vương cúng dường là vì ông ta đã là đàn-việt (thí chủ), pháp hội lại ở trong cung của ông ta, cho nên được chuyên trách. Hương biểu thị “nhân thông thấu biến quả, thành tựu Ngũ Phần Pháp Thân”. Hoa biểu thị “cái nhân viên mãn, ắt đạt được quả, trọn đủ bốn mươi một địa vị”. Áo trời từ cây sanh ra, nhẹ, mịn tự nhiên, biểu thị “chúng Tịch Diệt Nhân”. Đối với “châu anh”, Biệt Hành Sớ giảng: “Hoặc là các chuỗi báu, hoặc là chuỗi bảo châu”. Nay chuỗi ở đây do bảo châu kết thành, nên gọi là “châu anh” (珠瓔), biểu thị “đắc bốn pháp thù thắng”. Kinh Đại Tập nói “Giới, Định, Huệ, Đà La Ni, dĩ vi anh lạc, trang nghiêm Pháp Thân” (dùng Giới, Định, Huệ, Đà La Ni làm chuỗi anh lạc để trang nghiêm Pháp Thân) là nói tới chuyện này. Nhưng chuỗi bảo châu đeo ở cổ, cổ là chỗ được trang nghiêm, biểu thị tánh đức Trung Đạo. Hạnh này xứng tánh, như chuỗi anh lạc đeo ở cổ mà có thể trang nghiêm. Đều nói là “vũ” (mưa, tuôn xuống) tức là từ chánh không Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Thiên mà pháp phối rơi xuống.

“Vô lượng”: Pháp nhân quả hoàn toàn do nhất tâm. Liều đạt cái tâm ấy vốn trọn đủ Hằng sa pháp tánh công đức, há có hạn lượng! Dùng vô lượng các pháp ấy để cúng dường Phật Thích Ca là đáng giáo chủ thuyết pháp, và ngài Địa Tạng là bậc nguyện vương có thể hành. Do tâm có điều chuyên chú, cho nên không nói đến những vị khác. “Dĩ” (đã), ý nói: Những vật có thể cúng dường đều ngậm hợp Thật Tế, đáng được cúng dường vốn trụ trong Tam-ma-địa (chánh định). Năng và Sở đã là không, cảm ứng do vậy cũng mất. Chủ và khách hòa quyện với nhau thành một, tài và pháp đều dứt bật tung tích, chẳng còn dấu vết, cho nên nói là “dĩ”. Trên đây là nói về chuyện cúng dường.

*(Kinh) Nhất thiết chúng hội, câu phục chiêm lễ, hiệp chưởng nhi thoái.*

**(經)一切眾會，俱復瞻禮，合掌而退。**

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

(***Kinh***: *Hết thấy đại chúng trong hội đều chiêm ngưỡng, lễ bái lần nữa, chấp tay, lui ra*).

Sau đây là “*lễ thoái*” (lễ tạ, lui ra). “*Nhất thiết chúng hội*” (hết thấy đại chúng trong hội) tức là các đại chúng đã nhóm họp trước đó, nay ai nấy đều trở về chỗ mình cư trụ. “*Câu phục chiêm ngưỡng*” (lại đều chiêm ngưỡng): Tôn sư trọng đạo, quyền uy chẳng quên. Lễ bái lần nữa, tấm lòng tôn kính pháp chẳng hề gián đoạn. “*Hiệp chưởng*” (chấp tay) biểu thị mười pháp giới đều có cùng một Thể. “*Nhi thoái*” (liền lui ra) hiển lộ vạn loại đồng quy, nhưng chẳng giống những kinh khác kết thúc bằng câu “*giai đại hoan hỷ*” (đều hoan hỷ to lớn), vì từ đại chúng trong đại hội, ta thấy họ từ đây tăng thêm cái tâm thù thắng phông theo hoàng thế của đức Địa Tạng cứu vớt tam đồ chẳng ngại, tuân theo lời chúc lụy của đức Thích Ca Văn Phật, hoàng dương kinh này vô cùng. Trên là đã có cùng nỗi ưu sầu với thánh mẫu, hoặc buồn bã than thở như thiên vương, nay nghe pháp bèn hết sức hoan hỷ, cho nên trong tâm uẩn tàng hoài bão, càng lo cứu thế ân cần. Do những điều này đã bộc lộ rõ ràng, vị trùng tuyên kinh chẳng cần phải trần thuật những lời ấy để biểu lộ ý kiến thông qua ngôn ngữ nữa.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*** ***Chung***

\* ***Hậu bạt*** (lời bạt cuối sách)

Vốn do bi nguyện mà Đại Sĩ phân thân trong vô lượng kiếp chẳng thể lường, Nay Cửu Hoa chính là một hạt thóc trong kho lương to lớn<sup>251</sup>, tôi thường lo nghĩ vì những chỗ chưa được tra cứu, khảo chứng trong bộ [Cửu Hoa] Sơn Chí khiến cho những chuyện ứng tích của Bồ Tát chưa được truyền tụng. Ngài vốn là Thái Tử của vua nước Tân La. Lúc hai mươi bốn tuổi, dẫn theo con chó trắng Thiện Thính, vượt biển đến đây, trụ trong thạch động của núi Cửu Tử nhiều năm. Khi ấy, có vị các lão<sup>252</sup>

---

<sup>251</sup> Nguyên văn là Thái Thương (太倉). Thái Thương là kho trữ lúa tại các quận huyện để lúc thóc cao gạo kém sẽ phát ra, nhằm bình ổn giá gạo, hay để phát chẩn, hoặc dùng trong trường hợp cần thiết khi quân lương thiếu hụt. Quy chế này đã có từ đời Hán.

<sup>252</sup> Các lão (閻老): Đời Đường, các vị quan như Trung Thư Xá Nhân và Môn Hạ Thị Lang được gọi là Các Lão. Từ đời Minh - Thanh trở đi, các vị đại học sĩ cũng thường gọi là Các Lão. Do ngài Kim Kiều Giác là vương tử xứ Tân La (Silla), mà vương

### *Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

là Mẫn Công, luôn ôm ấp thiện niệm. Mỗi lần trai tăng, đều thỉnh một trăm vị, [lần ấy cúng trai tăng], bị thiếu một vị. Do vậy bèn thỉnh vị Tăng ở trong động tham dự cho đủ số. Sư bèn xin một mảnh đất rộng bằng tám áo ca-sa, ông chấp thuận. Y phủ khắp chín ngọn núi, ông hoan hỷ thí hết. Con trai ông xin xuất gia, tức là hòa thượng Đạo Minh. Về sau, ông cũng xả tục, lại thỉnh con trai làm thầy của mình. Do vậy, nay đắp tượng [Địa Tạng Bồ Tát], bên trái là Đạo Minh, bên phải là Mẫn Công để nêu rõ nguyên do. Chẳng rõ quê quán, dòng họ, tên húy của Mẫn Công. Trong bộ Đường Thi Tuyển Danh Anh Hoa Tập được lưu hành trong cõi đời, có bài thơ Kim Địa Tạng Tống Đồng Tử Hoàn Gia (Kim Địa Tạng tiền đứa trẻ về nhà) như sau:

*Không môn tịch tịch, nhữ tư gia,  
Lễ biệt vân phòng, hạ Cửu Hoa.  
Ái hướng trúc lan kỳ trúc mã,  
Lãn u kim địa bố kim sa.  
Thiền bình giản để hưu chiêu nguyệt,  
Chỉ minh âu trung bãi lộng hoa.  
Hảo khứ, bất tu tần hạ lệ,  
Lão tăng tương bạn hữu yên hà.  
(Cửa không vắng lặng, con nhớ nhà,  
Giã biệt phòng mây, rời Cửu Hoa.  
Con chuộng cưới tre<sup>253</sup> bên rào trúc,  
Đất vàng lười nhác rải kim sa.  
Đáy suối quăng vò<sup>254</sup> mặc trắng rọi,  
Nấu trà bỏ đó, giỡn cùng hoa.  
Hãy chóng về nhà, đừng nhỏ lệ,  
Bạn cùng khói ráng lão quen rồi).*

---

quốc Tân La tồn tại từ năm 57 trước Công Nguyên cho đến năm 935 công nguyên (tương ứng với thời gian nhà Đường trị vì Trung Hoa), nên Các Lão chỉ có thể hiểu là tiếng tôn xưng một vị quan từng giữ chức Xá Nhân của Trung Thư Tỉnh hoặc Môn Hạ Thị Lang.

<sup>253</sup> “Kỳ trúc mã” (cưỡi ngựa bằng cành tre) là trò chơi đùa của trẻ con. Ý nói: Đứa bé còn ham chơi không thích hợp cho việc tu hành. Đây là trò chơi phổ biến của trẻ nhỏ thời đó, cho nên có thành ngữ “*thanh mai trúc mã*” để chỉ bạn chơi với nhau từ thời tóc còn để chỏm.

<sup>254</sup> Vò ở đây là “*thiền bình*” (添瓶) tức cái vò có eo cổ thắt, miệng loe, hoặc loại vò có quai để tiện xách ra suối lấy nước về dùng. Đứa trẻ ham chơi đến nỗi bỏ luôn cái vò lấy nước chìm xuống đáy dòng suối.



Chép thêm vào đây để tặng cho những người cùng yêu thích.

**\* Ghi thêm những bài kệ tán thán kinh này**

*Quyển thứ nhất:*

*Phật thăng Đạo Lợi, vị báo từ thân, phóng quang Địa Tạng tập  
phân thân, duyên cảm nghiệp tuyên trần, quảng thuyết hoàng nhân,  
lịch kiếp độ trầm luân.*

**佛升忉利。為報慈親。放光地藏集分身。緣感業宣陳。  
。廣說弘因。歷劫度沈淪。**

*(Phật lên trời Đạo Lợi, nhằm báo đáp từ ân, phóng quang Địa  
Tạng hội phân thân, duyên cảm nghiệp tuyên bày, rộng nói nhân sâu,  
bao kiếp độ trầm luân).*

*Quyển thứ hai:*

*Ngục danh khải vãn, khổ sở kham ai, Như Lai tán thán phước  
môn khai, quỷ chủ tất giai lai, Phật hiệu kỳ tai, tồn một ly trần ai.*

**獄名啟問。苦楚堪哀。如來讚歎福門開。鬼主悉皆來。  
。佛號奇哉。存沒離塵埃。**

*(Thưa hỏi tên địa ngục, khổ sở buồn khôn kham, Như Lai tán thán  
mở cửa phước, chúa quỷ đều đến ngay, Phật hiệu kỳ diệu thay, sống thác  
là trần ai).*

*Quyển thứ ba:*

*Địa Tạng thỉnh giáo, bố thí nhân duyên, Kiên Lao hộ pháp tán  
công huyền, văn kiến lợi vô biên, chúc lụy nhân thiên, thể thể quảng  
lưu truyền.*

**地藏請較。布施因緣。堅牢護法歎功玄。聞見利無邊。  
。囑累人天。世世廣流傳。**

*(Địa Tạng thỉnh so lường, phước nhân duyên bố thí, Kiên Lao hộ  
pháp tán công mầu, thấy nghe lợi vô biên, chúc lụy khắp trời người, đời  
đời rộng lưu truyền).*

**\* Lời bạt**

Bậc thiên đức là Bảo Trì Chân Thường ngẫu nhiên có được bản Khoa Chú này, hoan hỷ, hớn hờ, liền muốn truyền bá rộng rãi trong cõi đời, chẳng ngại nổi nguy hiểm nơi sóng cả, rừng sâu, nhanh chóng từ Khi Dương (Nagasaki)<sup>255</sup> vượt đường xa đến kinh thành. Khi ấy, Sư vừa mới khỏi cơn bệnh trầm kha, thân thể vẫn chưa khỏe hẳn, nhưng dũng mãnh phát khởi quyết chí như thế, có thể gọi là “*hoằng pháp lợi sanh, sẵn sàng hy sinh thân mạng*”. Do vậy, Sư sai tôi lo việc chấm câu, chú thích, ấn hành. Tôi vốn trọn một bề quy hướng Địa Tạng Bồ Tát, hễ rảnh rang lại đọc tụng kinh này, thường buồn lo vì kinh này thiếu chú sớ đã lâu, nay may mắn gặp duyên thù thắng hy hữu này. Đúng là như trong tối tăm có đèn, như kẻ nghèo được của báu, vui mừng cảm kích chen lẫn, bất giác tay múa, chân nhảy, chỉ mong bản chú giải này sớm được lưu hành, hồng thành tựu chí nguyện của ngài Chân Thường, khiến cho khắp chúng sanh cùng được lợi lạc. Do vậy, chẳng nài bản thân nông cạn, thô lậu, công cuồng khuyên điểm bản này rồi đem khắc in.

Năm Nguyên Lộc<sup>256</sup> thứ ba (1690), tức năm Canh Ngọ, đầu tháng Mười Hai, sa-môn Diệu Tràng Tịnh Huệ kính cẩn viết lời Bạt

*Phụ Lục 1:*

*Phật Thuyết Diên Mạng Địa Tạng Bồ Tát Kinh*

**佛說延命地藏菩薩經**

*Bất Không Tam Tạng phụng chiếu dịch*

**不空三藏奉詔譯**

---

<sup>255</sup> Khi Dương (Kiyō) là tên gọi cổ của Nagasaki (Trường Khi, 長崎) dưới thời Giang Hộ (Edo).

<sup>256</sup> Nguyên Lộc (Genroku) là niên hiệu của Đông Sơn Thiên Hoàng (Higashiyama-tenno) từ năm 1688 đến năm 1704. Đây là thời kỳ được coi là văn hóa đạt đến đỉnh cao nhất trong thời đại Edo (Giang Hộ thời đại), dưới quyền cai trị của tướng quân Đức Xuyên (Tokugawa) trước thời cải cách Minh Trị Duy Tân. Edo chính là tên cũ của Tokyo. Đông Sơn Thiên Hoàng (tên thật là Asahito, Triều Nhân) là tổ tiên tám đời của Minh Trị (Meiji) Thiên Hoàng. Tướng quân (Shogun, tên gọi đầy đủ là Chinh Di Đại Tướng Quân, tức Sei-I Taishogun) là lãnh chúa quân sự được bổ nhiệm bởi Thiên Hoàng (thật ra, họ mới là lãnh tụ thật sự của vương triều, Thiên Hoàng bổ nhiệm chỉ là hình thức vì vua không có quyền lực thật sự), giống như kiêu chúa Trịnh vua Lê ở Việt Nam. Hệ thống quản trị của Tướng Quân được gọi là Mạc Phủ (Bakufu) và các quan lại thuộc Mạc Phủ mới là nhân viên điều hành đất nước thật sự thời đó, các quan của Thiên Hoàng chỉ là bù nhìn.

*(Kinh) Như thị ngã văn: Nhất thời, Phật tại Khur La Đà sơn, dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu, Bồ Tát tam vạn lục thiên nhân câu. Nhất thiết chư thiên cập long, Dạ Xoa, nhân, phi nhân đẳng, Kim Luân, Ngân Luân, chư Luân Vương đẳng, tòng thập phương lai. Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thị Đại Thừa Vô Y Hạnh dĩ, thời hữu Đế Thích danh Vô Cấu Sanh, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã dục hộ thế, nhược Phật diệt hậu, pháp mạng chúng sanh, đương hà bạt tế?*

**(經)如是我聞：一時，佛在佉羅陀山，與大比丘眾萬二千人俱，菩薩三萬六千人俱。一切諸天及龍、夜叉、人、非人等，金輪、銀輪、諸輪王等，從十方來。爾時，世尊說是大乘無依行已，時有帝釋名無垢生，白佛言：「世尊！我欲護世，若佛滅後，法末眾生，當何拔濟？」**

*(Kinh: Tôi nghe như thế này: Một thời, đức Phật ngự tại núi Khur La Đà, cùng với một vạn hai ngàn vị tỳ-kheo và ba vạn sáu ngàn vị Bồ Tát cùng nhóm họp. Hết thấy chư thiên và rồng, Dạ Xoa, nhân, phi nhân v.v... Kim Luân, Ngân Luân, các Luân Vương v.v... từ mười phương đến. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói hạnh Vô Y của Đại Thừa xong, khi đó, có Đế Thích tên là Vô Cấu Sanh, bạch cùng đức Phật rằng:*

*- Bạch Thế Tôn! Con muốn hộ trì thế gian, nếu sau khi Phật diệt độ, hãy nên cứu giúp chúng sanh trong đời pháp mạng như thế nào?)*

*(Kinh) Phật cáo Đế Thích: - Hữu nhất Bồ Tát, danh viết Diên Mạng Địa Tạng Bồ Tát, mỗi nhật thần triêu, nhập u chư Định, du hóa lục đạo, bạt khổ dữ lạc. Nhược tại tam đồ, u thử Bồ Tát kiến thế, văn danh, sanh u nhân thiên, hoặc sanh Tịnh Độ. Tại tam thiện đạo, văn kỳ danh giả, đắc hiện quả báo, hậu sanh Phật độ, hà hưởng ức niệm, tâm nhĩn đắc khai, quyết định thành tựu. Ưc thị Bồ Tát, đắc thập chủng phước: Nhất giả, nữ nhân thái sản. Nhị giả, thân căn cụ túc. Tam giả, chúng bệnh tất trừ. Tứ giả, thọ mạng trường viễn. Ngũ giả, thông minh trí huệ. Lục giả, tài bảo doanh dật. Thất giả, chúng nhân ái kính. Bát giả, cốc mễ thành thực. Cửu giả, thần minh gia hộ. Thập giả, chúng đại Bồ Đề. Diệt trừ bát đại bố: Nhất giả, phong vũ tùy thời.*

*Nhị giả, tha quốc bất khởi. Tam giả, tự giới bất bạn. Tứ giả, nhật nguyệt bất thực. Ngũ giả, tinh tú bất biến. Lục giả, quý thân bất lai. Thất giả, cơ khát bất phát. Bát giả, nhân dân vô bệnh.*

**(經)佛告帝釋：「有一菩薩，名曰延命地藏菩薩，每日晨朝入於諸定，遊化六道拔苦與樂。若在三途，於此菩薩見體聞名，生於人天或生淨土。在三善道聞其名者，得現果報，後生佛土。何況憶念，心眼得開決定成就。憶是菩薩得十種福：一者，女人泰產。二者，身根具足。三者，眾病悉除。四者，壽命長遠。五者，聰明智慧。六者，財寶盈溢。七者，眾人愛敬。八者，穀米成熟。九者，神明加護。十者，證大菩提。亦除八大怖：一者，風雨隨時。二者，他國不起。三者，自界不叛。四者，日月不蝕。五者，星宿不變。六者，鬼神不來。七者，饑渴不發。八者，人民無病。」**

*(Kinh: Đức Phật bảo Đế Thích:*

*- Có một vị Bồ Tát tên là Diên Mạng Địa Tạng Bồ Tát. Sáng sớm mỗi ngày, Ngài nhập các Định, du hóa trong sáu đường dẹp khô, ban vui. Nếu kẻ nào trong tam đồ mà thấy thân Ngài, nghe danh hiệu Ngài, sẽ sanh trong trời, người, hoặc sanh về Tịnh Độ. Người trong ba đường lành nghe danh hiệu của Ngài, sẽ được quả báo trong hiện tại. Về sau, sanh vào cõi Phật, hà hưởng ức niệm thì tâm nhãn được mở mang, quyết định thành tựu.*

*Nghĩ nhớ vị Bồ Tát ấy, sẽ được mười loại phước: Một là nữ nhân sanh nở yên vui. Hai là các căn nơi thân đầy đủ. Ba là các bệnh đều trừ. Bốn là thọ mạng lâu dài. Năm là thông minh trí huệ. Sáu là tài vật, của báu dồi dào. Bảy là mọi người yêu kính. Tám là lúa gạo chín rộ. Chín là thần minh gia hộ. Mười là chúng đại Bồ Đề.*

*Cũng trừ tám nỗi sợ hãi lớn: Một là gió mưa đúng thời. Hai là nước khác chẳng xâm lấn. Ba là trong nước mình chẳng dấy loạn. Bốn là chẳng có nhật thực và nguyệt thực. Năm là tinh tú chẳng biến đổi. Sáu là quý thân chẳng đến. Bảy là chẳng xảy ra nạn đói khát. Tám là nhân dân không bệnh tật).*

*(Kinh) Phật cáo Đế Thích: - U vị lai thế, nhược hữu chúng sanh thọ trì thử kinh, cung kính cúng dường thị Bồ Tát giả, bách do-tuần nội, vô chư tai hoạn, ác mộng, ác tướng, chư bất cát tường, vãng lượng, quý thân, Cựu Bàn Trà đẳng vĩnh bất đắc tiện. Thiên cầu, thổ công, Thái Tuế thần cung, sơn thần, mộc thần, giang hải thần, thủy thần, hỏa thần, cần nạ thần, trủng thần, xà thần, chú trớ thần, linh thần, lộ thần, táo trạch thần đẳng, nhược văn thử kinh, thị Bồ Tát danh, thổ chư tà khí, tự ngộ bốn không, tốc chứng Bồ Đề.*

**(經)佛告帝釋：「於未來世，若有眾生受持此經，恭敬供養是菩薩者，百由旬內無諸災患、惡夢、惡相、諸不吉祥，魍魎、鬼神、鳩槃荼等永不得便。天狗土公、太歲神宮、山神、木神、江海神、水神、火神、饑餓神、塚神、蛇神、咒詛神、靈神、路神、灶宅神等，若聞此經是菩薩名，吐諸邪氣，自悟本空，速證菩提。」**

*(Kinh: Đức Phật bảo Đế Thích:*

*- Trong đời vị lai, nếu có chúng sanh thọ trì kinh này, cung kính cúng dường vị Bồ Tát ấy, thì trong vòng một trăm do-tuần, không có các tai ương, họa hoạn, ác mộng, ác tướng. Các thứ chẳng tốt lành, vãng lượng, quý thân, Cựu Bàn Trà v.v... vĩnh viễn chẳng thể thừa dịp làm hại. Thiên cầu, thổ công<sup>257</sup>, Thái Tuế thần cung, thần núi, thần cây, thần sông biển, thần nước, thần lửa, thần đói kém, thần mồ mả, thần rắn, thần nguyên rùa, linh thần, thần đường sá, thần bếp núc nhà cửa v.v... nếu nghe kinh này và danh hiệu Bồ Tát ấy, sẽ trừ các tà khí, tự ngộ vốn là không, nhanh chóng chứng Bồ Đề).*

---

<sup>257</sup> Thiên Cầu là một loài dị thú. Theo Sơn Hải Kinh, đây là một loại thần thú vừa thiện vừa ác. Hình dạng thiện thì giống như một con chó lớn, đầu cáo trắng, thân có vằn, đuôi giống đuôi mèo. Dạng ác thì giống như con chó to màu đen, có thể nuốt mặt trăng. Đôi khi Thiên Cầu được hiểu như là sao chổi hay sao băng.

Thổ Công là tinh tâu được tin là có tác dụng chủ trì thổ mộc, ruộng vườn theo thuật chiêm tinh xưa. Thổ Công thuộc về tinh cung Bích Tú trong Nhị Thập Bát Tú, gồm mười một ngôi sao. Thổ Công chính là tinh tâu Song Ngư (Pisces) nếu xét theo cách phân định các tinh tú hiện thời.

(Kinh) Nhĩ thời, Đế Thích bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Diên Mạng Bồ Tát hà hóa lục đạo đắc độ chúng sanh?” Phật cáo Đế Thích: - Thiện nam tử! Chư pháp không tịch, bất trụ sanh diệt, tùy duyên sanh cố, sắc thân bất đồng, tánh dục vô lượng. Phổ vị đắc độ, Diên Mạng Bồ Tát hoặc hiện Phật thân, hoặc hiện Bồ Tát thân, hoặc hiện Bích Chi Phật thân, hoặc hiện Thanh Văn thân, hoặc hiện Phạm Vương thân, hoặc hiện Đế Thích thân, hoặc hiện Diêm Ma Vương thân, hoặc hiện Tỳ Sa-môn thân, hoặc hiện nhật nguyệt thân, hoặc hiện ngũ tinh thân, hoặc hiện thất tinh thân, hoặc hiện cửu tinh thân, hoặc hiện Chuyển Luân Thánh Vương thân, hoặc hiện chư tiểu vương thân, hoặc hiện trưởng giả thân, hoặc hiện cư sĩ thân, hoặc tế quan thân, hoặc hiện phụ nữ thân, hoặc hiện tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ru-bà-tắc, ru-bà-di thân, hoặc hiện thiên, long, Dạ Xoa, nhân, phi nhân đẳng thân. Hoặc hiện y vương thân, hoặc hiện dược thảo thân, hoặc hiện thương nhân thân, hoặc hiện nông nhân thân, hoặc hiện tượng vương thân, hoặc hiện sư tử vương thân, hoặc hiện ngư vương thân, hoặc hiện mã hình thân, hoặc hiện đại địa hình, hoặc hiện sơn vương hình, hoặc hiện đại hải hình, tam giới sở hữu tứ sanh ngũ hình, vô sở bất biến. Diên Mạng Bồ Tát như thị Pháp Thân, tự thể biến cố, hiện chủng chủng thân, du hóa lục đạo, độ thoát chúng sanh, năng dĩ nhất thiện phá tam giới hữu, tất dĩ tâm thiện. Vị lai chúng sanh bất năng phát tâm, dẫn đương nhất tâm lễ bái cúng dường Diên Mạng Bồ Tát, đao trượng bất gia, độc bất năng hại, yếm mị, chú trớ, khởi thi quỷ đẳng hoàn trước bổn nhân như thiên thổ thóa, hương phong dầu hôi, hoàn phận kỳ thân!

(經)爾時，帝釋白佛言：「世尊！延命菩薩何化六道得度眾生？」佛告帝釋：「善男子！諸法空寂不住生滅，隨緣生故色身不同，性慾無量普為得度。延命菩薩或現佛身，或現菩薩身，或現辟支佛身，或現聲聞身，或現梵王身，或現帝釋身，或現琰魔王身，或現毘沙門身，或現日月身，或現五星身，或現七星身，或現九星身，或現轉輪聖王身，或現諸小王身，或現長者身，或現居士身，或宰官身，或現婦女



身，或現比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷身，或現天、龍、夜叉、人、非人等身，或現醫王身，或現藥草身，或現商人身，或現農人身，或現象王身，或現獅子王身，或現牛王身，或現馬形身，或現大地形，或現山王形，或現大海形，三界所有四生五形，無所不變。延命菩薩如是法身，自體遍故現種種身，遊化六道度脫眾生。能以一善破三界有，悉以心善。未來眾生不能發心，但當一心禮拜供養延命菩薩，刀杖不加，毒不能害，厭魅、咒詛、起屍鬼等還著本人如天吐唾，向風投灰還坩其身。

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Đế Thích bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Diên Mạng Bồ Tát hóa hiện trong lục đạo như thế nào để độ chúng sanh?”*

*Đức Phật bảo Đế Thích:*

*- Nay thiện nam tử! Các pháp không tịch, chẳng trụ trong sanh diệt. Do thuận theo duyên sanh mà có sắc thân khác nhau, tánh chất và ưa muốn vô lượng. Để độ trọn khắp, Diên Mạng Bồ Tát hoặc hiện thân Phật, hoặc hiện thân Bồ Tát, hoặc hiện thân Bích Chi Phật, hoặc hiện thân Thanh Văn, hoặc hiện thân Phạm Vương, hoặc hiện thân Đế Thích, hoặc hiện thân Diêm Ma Vương, hoặc hiện thân Tỳ Sa-môn, hoặc hiện thân mặt trời, mặt trăng, hoặc hiện thân ngũ tinh, hoặc hiện thân thất tinh, hoặc hiện thân cửu tinh, hoặc hiện thân Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc hiện thân các tiểu vương, hoặc hiện thân trưởng giả, hoặc hiện thân cư sĩ, hoặc thân tế quan, hoặc hiện thân phụ nữ, hoặc hiện thân tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hoặc hiện các thân trời, rồng, Dạ Xoa, nhân, phi nhân v.v... Hoặc hiện thân y vương, hoặc hiện thân dược thảo, hoặc hiện thân thương nhân, hoặc hiện thân nông dân, hoặc hiện thân voi chúa, hoặc hiện thân sư tử vương, hoặc hiện thân trâu chúa, hoặc hiện thân hình ngựa, hoặc hiện thân đại địa, hoặc hiện hình núi chúa, hoặc hiện hình biển cả, tất cả hình thể của chúng sanh trong năm đường thuộc bốn cách sanh trong ba cõi, không gì chẳng biến ra.*

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Pháp Thân của Diên Mạng Bồ Tát như thế, do tự thể biến ra, nên có thể hiện đủ mọi thân, du hóa trong sáu đường độ thoát chúng sanh, có thể khéo phá các cõi trong tam giới đều bằng thiện tâm. Chúng sanh trong đời vị lai chẳng thể phát tâm thì chỉ nên nhất tâm lễ bái, cúng dường Diên Mạng Bồ Tát, sẽ chẳng bị đao, trượng làm hại, độc chẳng hại được. [Các thứ] trù ếm, nguyên rửa, quỷ nhập tràng v.v... sẽ quay trở lại quấy nhiễu kẻ sai khiến chúng, giống như ngựa mặt phun nhô lên trời, hoặc ngược gió tung tro, sẽ làm bán kẻ đó).

(Kinh) Nhĩ thời, Đế Thích bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Hà cố danh viết Diên Mạng Bồ Tát? Kỳ tướng vân hà?” Phật cáo Thiên Đế: “Thiện nam tử! Chân thiện Bồ Tát tâm minh viên, cố danh Như Ý Luân. Tâm vô quái ngại, cố danh Quán Tự Tại. Tâm vô sanh diệt, cố danh Diên Mạng. Tâm vô tội phá, cố danh Địa Tạng. Tâm vô biên tế, cố danh Đại Bồ Tát. Tâm vô sắc tướng, cố danh Ma Ha Tát. Nhữ đẳng tín thọ, tâm vô sở biệt, mạc linh vong thất”. Nhĩ thời, đại địa lục chủng chân động, Diên Mạng Bồ Tát từng địa xuất hiện, hữu tất khúc lập, tỷ chương thừa nhĩ, tả tất thân hạ, thủ trì tích trượng, bạch Phật ngôn: “Ngã mỗi nhật thân triệu nhập chư định, nhập chư địa ngục linh ly khô, vô Phật thế giới độ chúng sanh. Kim thế, hậu thế, năng dẫn đạo. Nhược Phật diệt hậu, nhất thiết nam nữ dục đắc ngã phước, bất vấn nhật hung, bất luận bất tịnh, hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, ngôn sắc thường hòa, bất uổng nhân dân, bất đoạn sanh mạng, bất phạm tà dâm, nhược lục trai nhật, nhược thập trai nhật, nhược thập bát nhật, nhược nhị thập tứ nhật, dẫn tự tâm chánh, chuyển độc thử kinh, xưng ngã danh giả, ngã dĩ pháp nhãn oai thần lực cố, tức chuyển nghiệp báo linh đắc hiện quả, trừ vô gián tội, đương đắc Bồ Đề. Ngã từng quá khứ vô lượng kiếp lai, kiến chư lục đạo nhất thiết chúng sanh, pháp tánh đồng thể, vô tử, vô chung, vô dị, vô biệt, vô tướng, dị tướng, sanh, trụ, dị, diệt, thị đắc, thị thất, khởi bất thiện niệm, tạo chư ác nghiệp, luân hồi lục thú, sanh sanh phụ mẫu, thế thế huynh đệ, tất thành Phật đạo. Hậu ngã thành Phật, nhược tàn nhất nhân, ngã bất thành Phật. Nhược tri thử nguyện, nhị thế sở cầu, tất bất thành giả, bất thủ Chánh Giác”.

(經)爾時，帝釋白佛言：「世尊！何故名曰延命菩薩？

其相云何？」佛告天帝：「善男子！真善菩薩心明圓，故名



如意輪；心無罣礙故名觀自在；心無生滅故名延命；心無摧破故名地藏；心無邊際故名大菩薩；心無色相故名摩訶薩。汝等信受，心無所別，莫令忘失。」爾時，大地六種震動，延命菩薩從地出現，右膝曲立，臂掌承耳，左膝申下，手持錫杖，白佛言：「我每日晨朝入諸定，入諸地獄令離苦，無佛世界度眾生，今世後世能引導。若佛滅後，一切男女欲得我福，不問日兇，不論不淨，孝養父母，奉事師長，言色常和，不枉人民，不斷生命，不犯邪淫，若六齋日，若十齋日，若十八日，若二十四日，但自心正轉讀此經稱我名者，我以法眼威神力故，即轉業報令得現果，除無間罪當得菩提。我從過去無量劫來，見諸六道一切眾生，法性同體，無始無終，無異無別，無相異相，生住異滅，是得是失，起不善念，造諸惡業，輪回六趣，生生父母、世世兄弟，悉成佛道，後我成佛，若殘一人，我不成佛。若知此願，二世所求，悉不成者，不取正覺。」

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Đệ Thích bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi là Diên Mạng Bồ Tát? Tướng trạng ấy như thế nào?”*

*Đức Phật bảo Thiên Đế: - Này thiện nam tử! Bậc chân thiện Bồ Tát, tâm tròn sáng, nên gọi là Như Ý Luân. Do tâm chẳng vướng mắc, nên tên là Quán Tự Tại. Do tâm chẳng sanh diệt, nên tên là Diên Mạng. Do tâm chẳng bị phá dẹp, nên tên là Địa Tạng. Do tâm chẳng có ngăn mé, nên tên là Đại Bồ Tát. Do tâm không có sắc tướng, nên gọi là Ma Ha Tát. Các ông hãy tin nhận, tâm đừng nghĩ gì khác, đừng để quên mất.*

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

Lúc bấy giờ, đại địa chấn động sáu cách, Diên Mạng Bồ Tát từ dưới đất xuất hiện, gập đầu gối phải, bàn tay đỡ tai, gối trái duỗi thẳng sát đất, tay cầm tích trượng, bạch với đức Phật:

- Con vào lúc sáng sớm mỗi ngày, nhập các Định, vào trong các địa ngục khiến họ lìa khổ, và độ chúng sanh trong thế giới không có Phật. Đời này, đời sau, có thể hướng dẫn họ. Như sau khi đức Phật nhập diệt, hết thầy nam nữ muốn được hưởng phước từ con, chẳng cần biết là ngày xấu, chẳng luận bất tịnh, [chỉ cần] hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, lời lẽ và sắc mặt thường hòa dịu, chẳng khiến người khác bị oan uổng, chẳng dứt sanh mạng [của chúng sanh], chẳng phạm tà dâm, hoặc trong sáu ngày trai, hoặc trong mười ngày trai, hoặc vào ngày Mười Tám, hoặc ngày Hai Mươi Bốn, chỉ nên tự chánh tâm, chuyển đọc kinh này, xưng danh hiệu của con, do sức oai thần pháp nhân của con, [người ấy] liền chuyển nghiệp báo, đạt được cái quả trong hiện tại, trừ diệt tội Vô Gian, sẽ đắc Bồ Đề. Con từ quá khứ vô lượng kiếp đến nay, thấy hết thầy chúng sanh trong sáu đường, pháp tánh có cùng một Thể, chẳng khởi đầu, không kết thúc, không khác, chẳng riêng biệt, chẳng có tướng, hay tướng khác biệt, sanh, trụ, di, diệt, là được, hay là mất, dấy lên ý niệm bất thiện, tạo các ác nghiệp, luân hồi trong sáu đường, cha mẹ trong mỗi đời, anh em trong mỗi kiếp đều thành Phật đạo. Sau này, con thành Phật mà nếu còn sót một người, con sẽ chẳng thành Phật. Nếu ai biết nguyện này mà sự mong cầu trong đời này và đời sau đều chẳng thành tựu, con chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”).

**(Kinh) Nhĩ thời, Phật tán Diên Mạng Bồ Tát: “Thiện tai! Thiện tai! Chân thiện nam tử! Ngã diệt độ hậu, vị lai ác thế, tội khổ chúng sanh, phó chúc ư nhữ. Kim thế, hậu thế, thiện năng dẫn đạo, đàn chỉ chi khoảnh, bất đọa ác thú, hướng đọa Vô Gian A Tỳ địa ngục”. Diên Mạng Bồ Tát nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn bất lực! Ngã đương bạt tế lục đạo chúng sanh, nhược hữu trọng khổ, ngã đại thọ khổ. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác”. Thời Thế Tôn trùng dĩ kệ tán viết: “Thiện tai, thiện tại! Diên Mạng Bồ Tát, hữu tình thân hữu, chúng sanh sanh thời, vị kỳ thân mạng, diệt vi đạo sư, chúng sanh bất tri, đoãn mạng vô phước. Ngã diệt độ hậu, ư Mạt Pháp trung, quốc độ tai khởi, nhân vương chánh loạn, tha phương tặc lai, đao binh kiếp khởi, dẫn đương ức tướng, Diên Mạng Bồ Tát, kim thế, hậu thế, sở cầu bất mãn, ngã sở thuyết pháp, vô hữu thị xứ”.**

**(經)爾時，佛讚延命菩薩：「善哉！善哉！真善男子！我滅度後，未來惡世，罪苦眾生，付囑於汝。今世後世善能引導，彈指之頃不墮惡趣，況墮無間阿鼻地獄。」延命菩薩而白佛言：「世尊不慮！我當拔濟六道眾生，若有重苦，我代受苦。若不爾者，不取正覺。」時世尊重以偈讚曰：「善哉！善哉！延命菩薩，有情親友，眾生生時，為其身命，滅為導師，眾生不知，短命無福。我滅度後，於末法中，國土災起，人王政亂，他方賊來，刀兵劫起，但當憶想，延命菩薩，今世後世，所求不滿，我所說法，無有是處。」**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật khen ngợi Diên Mạng Bồ Tát: “Lành thay! Lành thay! Chân thiện nam tử! Sau khi ta diệt độ, phó chúc chúng sanh tội khổ trong đời mai sau cho ông. Đời này, đời sau, hãy khéo dẫn dắt, đừng để họ đọa vào đường ác trong khoảng khảy ngón tay, hướng hồ đọa vào địa ngục Vô Gian A Tỳ”.*

*Diên Mạng Bồ Tát liền bạch với đức Phật: “Đức Thế Tôn đừng lo. Con sẽ cứu bạt, giúp đỡ chúng sanh trong sáu đường. Nếu có kẻ nào khổ sở nặng nề, con sẽ chịu khổ thay. Nếu chẳng như vậy, con chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”.*

*Khi đó, đức Thế Tôn lại dùng kệ tán thán: “Lành thay! Lành thay! Diên Mạng Bồ Tát, ông là bạn thân của các hữu tình, chúng sanh lúc sống, vì thân mạng họ, dùng Diệt hướng dẫn. Chúng sanh chẳng biết, đoán mạng, vô phước. Ta diệt độ rồi, trong thời Mạt Pháp, nước dấy tai ương, vua không sáng suốt, giặc ngoài xâm lấn, chiến sự nổi lên, chỉ nên nhớ tưởng, Diên Mạng Bồ Tát, đời này, đời sau, sở cầu chẳng thỏa, ta sẽ nói ngay: Chẳng có lẽ ấy!”)*

*(Kinh) Nhĩ thời, tam thiên đại thiên thế giới lục biến chấn động, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đảnh, dị khẩu đồng âm, nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Vị lai chúng sanh, nhược văn thử kinh, thị Bồ Tát danh, ngã đẳng giai đương tùy thuận*

*thị nhân, tác tâm nhân minh, hiện kỳ nhân tiền, sở cầu viên mãn. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác”. Nhĩ thời, Phạm Vương, Đế Thích, tứ đại thiên vương vũ chư thiên hoa, cúng dường Như Lai, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Vị lai chúng sanh, nhược tự tâm chánh, bất uổng thị phi, bất xả thưởng phạt, trì thị kinh giả, niệm thứ Bồ Tát, ngã đẳng quyền thuộc ủng hộ thị nhân, bất ly nhật dạ, linh kỳ quốc độ bách do-tuần nội, vô chư tai nạn. Kỳ quốc nhân dân linh đắc an ổn, cốc giá thành thực, sở cầu mãn túc. Nhược bất nhĩ giả, bất danh hộ thế, bất hoàn Bản Giác”.*

**(經)爾時，三千大千世界六變震動，文殊師利菩薩、普賢菩薩、金剛藏菩薩、虛空藏菩薩、聖觀自在菩薩摩訶薩等，異口同音而白佛言：世尊！未來眾生若聞此經是菩薩名，我等皆當隨順是人，作心眼明，現其人前，所求圓滿。若不爾者，不取正覺。」爾時，梵王、帝釋、四大天王雨諸天華，供養如來，白佛言：「世尊！未來眾生若自心正，不枉是非，不捨賞罰，持是經者念此菩薩，我等眷屬擁護是人，不離日夜，令其國土百由旬內，無諸災難。其國人民令得安穩，穀稼成熟，所求滿足。若不爾者，不名護世，不還本覺。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, tam thiên đại thiên thế giới sáu lượt chấn động. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát v.v... khác miệng cùng tiếng bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chúng sanh đời vị lai nếu nghe kinh này, và danh hiệu vị Bồ Tát này, chúng con sẽ đều tùy thuận người ấy, làm cho tâm và mắt người ấy sáng tỏ, hiện ra trước người ấy, [khiến cho] những điều mong cầu của người ấy viên mãn. Nếu chẳng như vậy, chẳng giữ lấy Chánh Giác”.*

*Lúc bấy giờ, Phạm Vương, Đế Thích, tứ đại thiên vương mưa các hoa trời cúng dường Như Lai, bạch với Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chúng sanh trong đời vị lai nếu tự chánh cái tâm, chẳng bẻ cong phải trái, chẳng bỏ thưởng phạt, trì kinh này, niệm vị Bồ Tát này, hàng quyền thuộc chúng con sẽ ủng hộ người ấy ngày đêm chẳng lìa, khiến cho quốc*

**Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

độ ấy trong vòng một trăm do-tuần không có các tai nạn. Nhân dân trong cõi ấy được an ổn, hoa màu chín rộ, mong cầu được thỏa mãn. Nếu chẳng được vậy, chúng con chẳng được gọi là Hộ Thế, chẳng chứng Bản Giác”).

*(Kinh) Thời nhị đồng tử thị lập tả hữu, nhất danh Chưởng Thiện, tại tả, bạch sắc, trì bạch liên hoa, điều ngự pháp tánh. Nhất danh Chưởng Ác, tại hữu, xích sắc, trì kim cang xử, hàng phục vô minh. Phật cáo đại chúng: “Nhữ đẳng đương tri! Thị nhị đồng tử pháp tánh, vô minh, lưỡng thủ, lưỡng túc, Diên Mạng Bồ Tát trung tâm bất động, A tự bản thể. Nhược hữu chúng sanh tri thị tâm giả, quyết định thành tựu, tức diệt tam độc đắc tự tại lực. Nguyên sanh Phật độ, tùy nguyện đắc sanh. Nhược vị lai thể nhất thiết chúng sanh, cung kính cúng dường Diên Mạng Bồ Tát, bất sanh nghi hoặc, hiện thể sở cầu giai linh mãn túc. Hậu sanh Tịnh Độ, đắc Vô Sanh Nhân”. Phật thuyết thử kinh dĩ, nhất thiết đại hội, tâm đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành. Phật Thuyết Diên Mạng Địa Tạng Bồ Tát Kinh.*

**(經)時二童子侍立左右，一名掌善，在左，白色，持白蓮華，調御法性。一名掌惡，在右，赤色，持金剛杵，降伏無明。佛告大眾：「汝等當知！是二童子法性無明，兩手兩足，延命菩薩中心不動，阿字本體。若有眾生知是心者，決定成就，即滅三毒得自在力。願生佛土隨願得生。若未來世一切眾生，恭敬供養延命菩薩，不生疑惑，現世所求皆令滿足。後生淨土得無生忍。」佛說此經已，一切大會，心大歡喜，信受奉行。佛說延命地藏菩薩經。**

*(Kinh: Khi ấy, hai đồng tử đứng hầu hai bên. Một tên là Chưởng Thiện ở bên trái, màu trắng, cầm hoa sen trắng, điều ngự pháp tánh. Người kia tên là Chưởng Ác, ở bên phải, màu đỏ, cầm chày kim cang, hàng phục vô minh. Đức Phật bảo đại chúng:*

*- Các ông nên biết: Hai đồng tử này là pháp tánh và vô minh, [ví như] hai chân và hai tay, Diên Mạng Bồ Tát ở chính giữa bất động là bản thể của chữ A. Nếu có chúng sanh biết cái tâm này, sẽ quyết định*

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*thành tựu, liền diệt tam độc, đắc sức tự tại. Nguyên sanh về cõi Phật, sẽ tùy theo nguyện được sanh. Nếu hết thấy chúng sanh trong vị lai cung kính cúng dường Diên Mạng Bồ Tát, chẳng sanh ngờ vực, những điều mong cầu trong đời này sẽ đều được thỏa mãn. Về sau, sanh vào Tịnh Độ, đắc Vô Sanh Nhân.*

*Đức Phật nói kinh này xong, hết thấy đại hội, tâm hết sức hoan hỷ, tin nhận, vâng làm theo. Phật Thuyết Diên Mạng Địa Tạng Bồ Tát Kinh hết).*

### **Phụ lục 2:**

#### **Khuyến khắp các đạo lữ Tịnh Tông trì tụng thêm kinh Địa Tạng**

Hoàng Nhất đại sư giảng thuật vào ngày khánh đản đức Địa Tạng năm Canh Thìn (1940) tại Vĩnh Xuân<sup>258</sup>

Vương Mộng Tỉnh ghi

Tôi đến Vĩnh Xuân tới nay đã một năm rưỡi. Mùa Hạ năm trước, cư sĩ Vương Mộng Tỉnh gửi thư đến, nói tính cùng các vị như cư sĩ Lâm Tử Kiên v.v... đến chùa Phổ Tế, thỉnh tôi giảng kinh. Khi đó, tôi từng gửi thư trả lời: “Đợi đến lúc trời sang tiết Thu mát mẻ, sẽ vào thành giảng đại ý kinh Kim Cang ba ngày”. Tới tháng Bảy mùa Thu, tôi do bận quan tu Thiền, chẳng đến được. Hôm qua, cư sĩ Mộng Tỉnh và các vị nhân giả vào núi thăm viếng, do bị mưa, ở lại tự viện vài ngày. Hôm nay nhằm đúng dịp khánh đản Địa Tạng Bồ Tát, nên tôi nương theo cái duyên thù thắng này, nói về ý chỉ trọng yếu “các đạo lữ Tịnh Tông nên trì tụng thêm kinh Địa Tạng” để làm kỷ niệm.

Pháp tu trì của các đạo lữ Tịnh Tông cố nhiên lấy ba kinh Tịnh Độ làm chủ. Ngoài ba kinh ra, có lẽ nên tụng thêm kinh Địa Tạng làm trợ hạnh, vì Địa Tạng Bồ Tát có đại nhân duyên với chúng sanh cõi này, kinh Địa Tạng Bản Nguyên lại càng khế hợp sâu xa với căn khí của bọn thường nhân chúng ta. Do vậy, nay tôi khuyến khắp các đạo lữ Tịnh Tông hãy nên trì tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên kèm thêm. Tôi kính cẩn trần thuật chỉ thú như sau để các đạo lữ Tịnh Tông chọn lựa.

1) Từ xưa tới nay, Tịnh Tông có nhân duyên sâu nhất đối với đức Địa Tạng. Vị tổ thứ tám của chúng ta là Liên Trì đại sư viết bài tựa cho

---

<sup>258</sup> Vĩnh Xuân là một huyện ở phía Đông Nam tỉnh Phước Kiến, là huyện lỵ của thành phố Tuyên Châu.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

kinh Địa Tạng Bản Nguyên, ca ngợi, khuyên lơn lưu thông. Đến vị tổ thứ chín là Ngẫu Ích đại sư, Ngài suốt đời phụng sự Địa Tạng Bồ Tát, càng tận lực tán thán, hoàng dương. Ngài sống tại núi Cửu Hoa rất lâu, tự xưng là “*Địa Tạng chi cô thân*” (bây tôi cô út của đức Địa Tạng), cũng như suốt cả đời siêng năng lễ Địa Tạng Sám Nghi, thường trì Địa Tạng chân ngôn hồng sám trừ nghiệp chướng, cầu sanh Cực Lạc. Hơn nữa, vị Thái Sơn Bắc Đẩu đương thời của Tịnh Độ Tông là pháp sư Ấn Quang tận lực hoàng truyền, lưu thông Địa Tạng Bản Nguyên Kinh, cho khắc in mấy vạn bản để học nhân Tịnh nghiệp chí tâm đọc tụng, y giáo hành trì. Nay tôi trộm tuân theo quy củ đã thành lập của chư Tổ Tịnh Tông, khuyên khắp các đồng nhân hãy tu tập kèm thêm. Duyên thù thắng tập hợp, vốn chẳng phải là ngẫu nhiên!

2) Pháp môn Địa Tạng lấy ba kinh làm chủ. Ba kinh là Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh, Địa Tạng Bồ Tát Thập Luân Kinh, và Địa Tạng Nhị Thừa Chiêm Sát Thiệt Ác Nghiệp Báo Kinh. Tuy kinh Bản Nguyên chưa nói rõ nghĩa lý vãng sanh, nhưng hai kinh kia đều có. Kinh Thập Luân dạy: “*Đương sanh tịnh Phật quốc, đạo sư chi sở cư*” (Sẽ sanh cõi Phật tịnh, là chỗ đạo sư ngự). Kinh Chiêm Sát dạy: “*Nhược nhân dục sanh tha phương hiện tại tịnh quốc giả, ưng đương tùy bỉ thế giới Phật chi danh tự, chuyên ý niệm tụng, nhất tâm bất loạn, như thượng quán sát giả, quyết định đắc sanh bỉ Phật tịnh quốc*” (Nếu ai muốn sanh vào cõi tịnh trong hiện tại ở phương khác, hãy nên chuyên tâm niệm tụng danh tự của vị Phật trong thế giới ấy, nhất tâm bất loạn, quán sát như trên, chắc chắn sẽ được sanh vào Phật tịnh quốc ấy). Vì thế, vị tổ thứ chín của Liên Tông chúng ta trong bài văn phát nguyện khi lễ Địa Tạng Bồ Tát Chiêm Sát Sám đã viết: “*Xả thân tha thế, sanh tại Phật tiền, diện phụng Di Đà, lịch sự chư Phật, thân môn thọ ký, hồi nhập trần lao, phổ hội quần mê, đồng quy bí tạng*” (Bỏ thân sanh sang đời khác, ở trước đức Phật, tận mặt phụng sự đức Di Đà, lần lượt phụng sự chư Phật, đích thân được thọ ký, trở vào trần lao, khiến cho khắp các quần mê đều về kho tàng bí mật). Nhìn từ chỗ này, pháp môn Địa Tạng có quan hệ rất sâu với Tịnh Tông, há chỉ là khác lối nhưng cùng về một chỗ, mà còn là phát khởi và hướng đến đều nhất trí.

3) Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật coi tu ba phước là chánh nhân của Tịnh nghiệp. Điều đầu tiên trong ba phước là “*hiếu dưỡng phụ mẫu*”, mà trong kinh Địa Tạng Bản Nguyên đã trần thuật cặn kẽ lòng hiếu thảo trong đời trước của đức Địa Tạng. Vì thế, cổ đức gọi kinh Địa Tạng là “*hiếu kinh của Phật môn*” rất hữu lý! Phàm những vị đồng nhân



## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

với tôi, hãy nên thường đọc tụng kinh Địa Tạng Bản Nguyên hòng tương ứng với ý chỉ hiếu dưỡng của Quán Kinh, cũng như vâng theo lời dạy tận lực thực hiện, đặc biệt tôn sùng hiếu đạo để báo ân cha mẹ, tu phước thù thắng.

4) Trong hiện thời, pháp sư Ân Quang dạy mọi người trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, ắt khuyên mọi người trước hết hãy tin nhân quả báo ứng, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, sau đấy mới nói: “*Cậy vào từ lực của Phật, đời nghiệp vãng sanh*”. Nhưng trong kinh Địa Tạng Bản Nguyên, đã nói rộng về nhân quả báo ứng tốt bậc tường tận. Phạm những vị đồng nhân, hãy nên thường đọc kinh Địa Tạng Bản Nguyên, y giáo phụng hành để giúp cho Tịnh nghiệp. Nếu chưa thể tin sâu nhân quả báo ứng, chẳng chú trọng thiết tha giữ gìn luân thường đạo đức, há không chỉ là chưa thể sanh Tây, mà còn cũng có phần trong tam đồ! Nay tôi trộm dựa theo ý ấy, khuyên khắp những ai tu Tịnh nghiệp, ắt cần phải tin sâu nhân quả, thường kiểm điểm những chuyện đã làm trong thường nhật, chân thành sám hối, nỗ lực sửa lỗi. Lại còn tiến cao hơn là tu trì Ngũ Giới, Thập Thiện v.v... để làm trợ hạnh cho niệm Phật, hòng làm tư lương sanh Tây.

5) Người tu Tịnh nghiệp chúng ta, nếu có thể trong hoàn cảnh hiện tại, đối với khổ, vui, thuận, nghịch hết thấy đều buông xuống, chẳng vương mắc, dùng khổ cảnh để tiêu trừ Thân Kiến, dùng nghịch duyên để kiên cố tịnh nguyện thì đúng là rất tốt. Nhưng người như thế, trong ngàn vạn người, hiếm được một, hai. Vì chúng ta thuộc địa vị phàm phu, tuy biết tùy phần tùy sức tu tập Tịnh nghiệp, nhưng vẫn chưa thể triệt để thấy thấu suốt thân, tâm, thế giới, chưa thể chẳng cần thiết áo cơm, chỗ ở v.v..., cũng chẳng thể không lo nghĩ vì thiên tai nhân họa như nước, lửa, đao binh, đói kém v.v... Nếu cuộc sống khó khăn, tai họa liên tiếp dấy lên, sẽ lập tức trở thành chướng ngại to lớn cho tu hành. Nay nếu có thể quy y, tin tưởng Địa Tạng Bồ Tát, sẽ không có những nỗi lo ấy. Dựa theo những điều ghi chép trong kinh Địa Tạng, sẽ có thể khiến cho chúng ta áo cơm sung túc, bệnh dịch không xảy đến, nhà cửa mãi mãi yên ổn, điều mong cầu được toại ý, thọ mạng gia tăng, trừ sạch hư hao, ra vào có thần minh bảo vệ, lìa khỏi các tai nạn v.v... Cổ đức nói: “*Thân yên rồi đạo mới hưng thịnh*” tức là nói về chuyện này! Đây là yếu chỉ khuyên người tu Tịnh nghiệp hãy nên quy hướng, tin tưởng đức Địa Tạng vậy.

Trên đây, tôi đã lược thuật chỉ thú trì tụng kinh Địa Tạng, tuy nghĩa lý chưa thể tường tận, cũng có thể thấy được đại khái. Chỉ mong



***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

các đạo lữ Tịnh Tông hãy lưu truyền rộng rãi, chí tâm trì tụng kinh Địa Tạng, do công sức ấy, sẽ đạt được lợi ích thù thắng!

*(Trích từ Hoàng Nhất Đại Sư Diễn Giảng Tập)*

***Phụ lục 3:  
Địa Tạng Bồ Tát Chân Ngôn***

Thông thường, trong các khóa tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên đang lưu hành, khi kết kinh, sẽ có hai bài chú. Một là Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn và Địa Tạng Bồ Tát Tâm Chú. Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn vốn trích từ quyển thứ sáu của Đà La Ni Tập Kinh (thuộc tập thứ mười tám, kinh số chín trăm lẻ một của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh), tên gọi chánh yếu là Địa Tạng Bồ Tát Pháp Thân Chú.

Đà La Ni Tập Kinh (Dhāraṇī-samuccaya) được ngài A Địa Cù Đa (Atikūṭa) xứ Thiên Trúc dịch ra tiếng Hán vào đời Đường, nội dung toàn là nói về các ấn chú và nghi quỹ của nhiều vị tôn thánh như Thích Ca Mâu Ni Phật, Tỳ Lô Giá Na Phật, A Di Đà Phật, Dược Sư Phật v.v... Còn Địa Tạng Tâm Chú phát xuất từ phẩm Mật Ấn của kinh Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thần Biến Gia Trì (kinh Đại Nhật, tức kinh số tám trăm bốn mươi tám trong tập mười tám của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh).

***\* Chú Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn:***

***Om pramardane svāhā.***

(Án, bát la mật lân đà ninh, sa bà ha,

Hoặc: Án, ba ra mật đà nễ, sa ha).

***\* Địa Tạng Bồ Tát Tâm Chú:***

***Om hahaha vismaye svāhā.***

(Án, ha ha ha tỳ xã duệ, sa ha).

Hoặc:

***Namaḥ samanta-buddhānāṃ hahaha vismaye svāhā.***

(Nam mô tam mãn da bôṭ đà nẫm, ha ha ha, vi sa ma duệ sa ha).

Đại sư Ngẫu Ích đặc biệt coi trọng chú Diệt Định Nghiệp, đã viết bài Bồ Tổng Trì Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn Sớ, mở đầu bằng lời tán

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

thán: “*Kính lễ Từ Tôn Địa Tạng Vương, thân chú khéo trừ diệt định nghiệp. Cứu khắp vô biên ngũ trước khổ, tiếp dòng Tam Bảo hưng thịnh chẳng đoạn tuyệt*”. Đại sư tự nói chính mình và chúng sanh “*mê cái tâm vốn tịnh, đã tạo định nghiệp*” cho nên cùng chịu khổ báo. Nếu chúng sanh cùng kính niệm Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn, “*chắc chắn có thể dẹp trừ tam chướng khổ, thí tam đức lạc*” (bài viết này đã được đưa vào Cửu Hoa Sơn Chí trong tổng tập Trung Quốc Phật Tự Sử Chí Vựng San, tập số bảy mươi hai).

Ngoại trừ kiên định và chuyên tâm trì tụng chú này, nếu mong trừ diệt định nghiệp, cần phải có chánh tri chánh kiến. Do đó, đại sư đặc biệt nhấn mạnh: Chúng sanh phải “*biết rõ đúng sai, thấu đạt tà chánh, tin sâu nhân quả, hiểu Đệ Nhất Nghĩa*”. Đại sư nói: “*Dùng nguyện làm trông mắt của chúng sanh, lấy thân làm tường thành cho Phật pháp*”, “*thường vì người khác nói cái nhân xa là Pháp Tạng, cái quả hiện tại là Di Đà, khiến cho các hữu tình đều thoát khổ luân, rút cuộc đạt an lạc*”. Đại sư dạy rõ: Người trì chú này, không chỉ vì chính mình, mà còn phải vì chúng sanh thì mới tương ứng, mới mong đạt được hiệu quả. Tức là dù Hiền hay Mật, dù tu bất cứ pháp môn nào, đều phải lấy Bồ Đề tâm làm căn bản.

Đã nói là Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn, ắt sẽ có người vặn: “*Đã là định nghiệp, lẽ đâu có thể tiêu trừ? Thường nói là ‘nhân như thế nào, quả như thế ấy’, hễ có nhân tạo ác nghiệp như vậy, dĩ nhiên sẽ hứng chịu ác quả, làm sao có ngoại lệ cho được?*” Hãy xem đức Phật khai thị trong phẩm Nghiệp của Ưu Bà Tắc Giới Kinh: “*Hà nhân duyên cố danh quả báo định? Thường tác vô hối cố, chuyên tâm tác cố, hỷ nhạo tác cố, lập thệ nguyện cố, tác dĩ hoan hỷ cố, thị cố thị nghiệp đắc quả báo định. Trì thị dĩ ngoại, tất danh bất định*” (Do nhân duyên nào mà gọi là quả báo nhất định? Do thường làm mà chẳng hối hận, do chuyên tâm làm, do ưa thích làm, do lập thệ nguyện mà làm, do làm xong hoan hỷ. Do đó, nghiệp ấy sẽ đạt được quả báo cố định. Trì những điều ấy ra, đều gọi là bất định). Nhìn từ đây, hành nhân tịnh nghiệp thường tu tập pháp môn Niệm Phật với năm tâm thái ấy, chắc chắn sẽ đạt được cái quả nơi Tây Phương Cực Lạc.

Trở lại với vấn đề ác nghiệp, chủng tử của những ác nghiệp đã tạo sẽ tồn trữ trong Tạng Thức. Trước khi chết, những chủng tử ấy chưa chuyển thành chủng tử Di Thức thì vẫn còn có cơ hội để chuyển biến chúng. Chẳng hạn như phát lộ sám hối, nỗ lực gieo thiện nhân và thiện duyên, ngõ hầu chuyển biến ác quả trong tương lai. Cũng trong phẩm

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

Nghiệp của kinh Ưu Bà Tắc Giới, đức Phật dạy: *“Nhuộc quả báo định, ung hậu thọ giả, thị nghiệp khả chuyển hiện tại thọ chi, hà dĩ cố? Thiện tâm trí huệ nhân duyên lực cố, ác quả định giả diệt khả chuyển khinh”* (Nếu đối với quả nhất định, đáng phải hứng chịu cái quả sau này, nghiệp ấy có thể chuyển thành cái quả phải thọ trong hiện tại. Vì lẽ nào? Do sức nhân duyên của thiện tâm và trí huệ, ác quả nhất định cũng có thể chuyển thành nhẹ). Nghĩa là dùng nhân duyên của thiện tâm và trí huệ, sẽ có thể chuyển biến định nghiệp thành bất định nghiệp. Nhờ đó, cũng có thể chuyển ác quả nặng nề thành nhẹ nhàng hơn.

Trong phẩm Sư Tử Hống của kinh Đại Bát Niết Bàn, Sư Tử Hống Bồ Tát đã từng hỏi đức Phật: *“Nếu quả báo trở thành định nghiệp, chẳng thể chuyển đổi, vậy thì kẻ hủy báng kinh điển Đại Thừa, phạm tội Ngũ Nghịch, cho đến kẻ Nhất Xiển Đề chẳng tin quả báo, hoàn toàn không có tâm hối hận, hổ thẹn, sẽ hoàn toàn chẳng thể chứng Bồ Đề, trọn chẳng thể thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ư?”* Đức Phật đã dạy rõ: Trong quá khứ, Ngài nói định nghiệp là vì quá nhiều chúng sanh không tin vào nghiệp duyên quả báo, khinh mạn đối đãi. Vì đoạn trừ tà kiến này, đức Phật mới phương tiện nói *“hết thảy các nghiệp đã làm, không gì chẳng có quả báo nhất định”*. Tới hội Niết Bàn, đức Phật mới chỉ rõ nghiệp bất định và quyết định. Do vậy có thể nói: Nghiệp trở thành định nghiệp vì người tạo nghiệp không biết sửa đổi, chẳng biết sám hối, chẳng biết bỏ cứu. Thật ra, ngay trong kinh Ưu Bà Tắc Giới, đức Phật đã khai thị rõ ràng: *“Nhu hữu tu thân, tu Giới, tu tâm, tu Huệ, định tri thiện ác nghiệp đương hữu quả báo, thị nhân năng chuyển trọng nghiệp vi khinh, khinh giả bất thọ. Nhuộc tao phước điền, ngộ thiện tri thức, tu đạo, tu thiện, thị nhân năng chuyển hậu thế trọng tội, hiện thế khinh thọ”* (Nếu có kẻ tu thân, tu Giới, tu tâm, tu Huệ, biết chán do nghiệp thiện ác sẽ có quả báo, người ấy có thể chuyển nghiệp nặng thành nhẹ, chẳng hứng chịu quả báo do nghiệp nhẹ. Nếu gặp phước điền, gặp thiện tri thức, tu đạo, tu thiện, người ấy có thể chuyển trọng tội trong đời sau thành quả báo nhẹ trong đời này). Đấy chẳng phải là đức Phật đã dạy rất rõ: Có thể chuyển biến định nghiệp đây sao?

Ngoài ra, điều chủ yếu là tâm phải chân thật sám hối. Nếu chỉ trì tụng chân ngôn suông, không hề có tâm sám hối, không thực sự sửa đổi, dẫu tụng chân ngôn bao nhiêu đi nữa, hay tụng toàn bộ kinh tạng, định nghiệp vẫn chẳng thể sửa đổi được. Trong kinh Phật Vị Thủ Ca Trưởng Giả Thuyết Nghiệp Báo Sai Biệt, đức Phật cũng dạy rõ: *“Nhuộc nhân tạo trọng tội, tác dĩ thâm tự trách, sám hối cánh bất tạo, năng bạt căn*

## **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú**

*bản nghiệp*” (Nếu ai tạo trọng tội, đã làm rồi bèn tự trách sâu xa, sám hối, chẳng làm nữa, sẽ có thể nhỏ trừ nghiệp căn bản). Nghiệp căn bản chính là định nghiệp!

Ngoài ra, từ các vị tôn thánh trong Địa Tạng Viện của Thai Tạng Mạn Đà La, ta thấy có sáu vị Địa Tạng tương ứng với lục đạo, tức là các phân thân của Địa Tạng Bồ Tát để giáo hóa chúng sanh trong sáu đường:

1) *Đàn Đà Địa Tạng: Đàn Đà (Daṇḍa) còn dịch là Độc Lâu Trượng, tức là một loại gậy có hình đầu lâu. Ngài tay trái cầm trượng này, tay phải kết Cam Lộ Ấn, chuyên cứu giúp chúng sanh trong địa ngục.*

2) *Bảo Châu Địa Tạng: Tay trái cầm bảo châu, tay phải kết Cam Lộ Ấn, chuyên cứu độ chúng sanh trong ngã quỷ đạo.*

3) *Bảo Ấn Địa Tạng: Tay trái cầm tích trượng, tay phải kết Như Ý Bảo Ấn, chuyên cứu tế chúng sanh trong súc sanh đạo.*

4) *Trì Địa Địa Tạng: Tay trái cầm kim cương tràng, tay phải kết Thí Vô Úy Ấn, chuyên tế độ A Tu La đạo.*

5) *Trì Cái Chương Địa Tạng: Tay trái cầm tích trượng, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn, chuyên tế độ loài người.*

6) *Nhật Quang Địa Tạng: Tay trái cầm Như Ý châu, tay phải Thuyết Pháp Ấn, chuyên tế độ chư thiên.*

Hơn nữa, trong Mật Tông, Ngài còn có mật hiệu là Bi Nguyên Kim Cang, Dữ Nguyên Kim Cang, và Bi Phồn Kim Cang. Trong Kim Cang Giới Mạn Đà La, Ngài được biết dưới danh xưng là Tràng Bồ Tát, là thị giả của Bảo Sanh Như Lai ở phương Nam. Sách Dữ Nguyên Kim Cang Địa Bồ Tát Bí Ký trích dẫn kinh Liên Hoa Tam Muội Kinh cho biết Pháp Thân của Ngài chính là Bảo Sanh Như Lai (Ratna-sambhava, còn có các danh xưng khác là Bảo Tướng Như Lai, Bảo Thắng Như Lai, Khai Phu Hoa Vương Như Lai).

Về hình tượng của Ngài, trước thời Đường, Địa Tạng Bồ Tát thường được tạc tượng, hoặc vẽ (nhất là các tượng tạc tại Đôn Hoàng, hoặc Long Môn Thạch Quật) dưới dạng một vị Bồ Tát có dáng vóc một vị trời đoan nghiêm, đeo anh lạc, đội bảo quan như các vị Bồ Tát khác. Tiêu chí để nhận biết là tay Ngài cầm bảo châu. Các bức thangka vẽ Địa Tạng Bồ Tát trong Tạng Truyền Phật giáo cũng vẽ theo hình thức này. Từ đời Đường trở đi, sau khi hòa thượng Kim Kiều Giác viên tịch, do Ngài được coi là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát, cũng như do căn cứ theo sự mô tả trong kinh Thập Luân, hình tượng Địa Tạng Bồ Tát từ đó trở về sau luôn được vẽ dưới hình tướng tỳ-kheo, đắp y ca-sa, đầu trần, tay cầm

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

tích tượng và bảo châu. Đôi khi vẽ Ngài đội Ngũ Phạt Bảo Quan hay mũ Tỳ Lô. Càng về sau, tượng Ngài dưới hình dạng tỳ-kheo đội mũ Ngũ Phạt phổ biến hơn. Trong các tranh vẽ, ngoài hai vị thị giả là Đạo Minh và Mân Công, có lúc hai vị này thường được thay thế bằng Mục Liên tôn giả và Kiên Lao Địa Thần. Tại Đài Loan, có nơi vẽ thị giả là Vô Độc quý vương và Diên Nhiên quý vương, hoặc thị giả là Dẫn Hòn Bồ Tát và Mục Liên tôn giả. Có khi còn vẽ phức tạp hơn, Bồ Tát có đến sáu vị thị giả là Diễm Ma sứ giả (hóa độ địa ngục), Trì Bảo đồng tử (hóa độ ngạ quỷ), Đại Lực sứ giả (hóa độ súc sanh đạo), Đại Từ thiên nữ (hóa độ Tu La), Bảo Tạng thiên nữ (hóa độ loài người), và Nhiếp Thiên sứ giả (hóa độ thiên chúng); hoặc vẽ Địa Tạng Bồ Tát có ba mươi bốn vị quý vương (tức Ác Độc quý vương, Đa Ác quý vương... nói trong phẩm thứ chín) làm thị giả. Phật giáo Nhật Bản lại có hai hình tượng Địa Tạng Bồ Tát đặc biệt là:

1) Diên Mạng Bồ Tát có hình tướng tỳ-kheo, hai thị giả là Chương Thiện (Căng Gia La, Kimkara) và Chương Ác đồng tử (Chế Đa Ca, Cetaka).

2) Thiên Thai Tông Nhật Bản lại có hình tượng Thắng Quân Địa Tạng đầu đội mũ đầu mâu, mặc áo giáo, lưng giắt đao, tay cầm tràng phan và bảo kiếm, biểu thị đại nhẫn nhục và tinh tấn, đoạn trừ phiền não.

Hiện thời, các kinh điển nói về Địa Tạng Bồ Tát có các bộ sau đây:

1) Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh (do ngài Pháp Đăng dịch. Một bản dịch khác của ngài Thật Xoa Nan Đà).

2) Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh (do ngài Bồ Đề Đăng xứ Thiên Trúc dịch).

3) Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh (do ngài Huyền Trang dịch)

4) Đại Phương Quảng Thập Luân Kinh (mất tên người dịch).

5) Địa Tạng Bồ Tát Nghi Quỹ (do ngài Thâu Bà Ca La dịch).

6) Phật Thuyết Địa Tạng Bồ Tát Đà La Ni Kinh (mất tên người dịch).

7) Kim Cang Tam Muội Kinh (phẩm Tổng Trì - mất tên người dịch).

8) Bách Thiên Tụng Đại Tập Kinh Địa Tạng Bồ Tát Thịnh Vãn Pháp Thân Tán (do ngài Bất Không dịch).

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

9) Phật Thuyết Diên Mạng Bồ Tát Kinh (Đại Chánh Tạng ghi là “không rõ người dịch”, nhưng theo truyền thống, Phật giáo Trung Hoa ghi là bản này do ngài Bất Không dịch).

### ***Phụ lục 4:***

### ***Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục***

Pháp sư Tâm Nhiên biên thuật

## ***1. Vẽ phông theo hình tượng bèn được thoát nạn***

Đời Lương, tại chùa Thiện Tịch ở huyện Đức Dương, Hán Châu, nơi vách của đông lang, có tượng Địa Tạng Bồ Tát do Trương Tăng Diêu<sup>259</sup> vẽ, hình dạng giống như một vị Tăng ngồi nghiêm nghị. Khi ấy, có ánh sáng lạ chói ngời. Trong năm đầu của niên hiệu Lân Đức<sup>260</sup> đời Đường, tăng sĩ trong chùa vẽ phông theo, lại thấy tỏa sáng. Năm Lân Đức thứ ba (665), khi Vương Ký đến làm Tư Châu Thứ Sử, thường tình thành cúng dường bức tranh vẽ phông theo. Có mười chiếc thuyền cùng đi, giữa đường bỗng gặp gió bão, chín chiếc đều chìm lìm, chỉ có thuyền của Vương Ký chẳng bị sợ hãi mây may, liền biết là do Bồ Tát từ bi gia bị. Năm Thùy Cung thứ ba (687), thiên hậu (Vũ Tắc Thiên) nghe chuyện ấy, liền sắc truyền họa sĩ vẽ phông theo, tranh lại tỏa sáng như trước. Tới năm Đại Lịch nguyên niên (766), có vị đại đức tại chùa Bảo Thọ ở trong đạo tràng, lại thấy tướng lạ phóng quang, liền viết biểu tâu lên. Vua bèn kiên thành đánh lễ, tán thán cùng cực! Ngay trong lúc Bồ Tát hiện quang, đất nước thường an khang, càng thêm cát tường.

---

<sup>259</sup> Trương Tăng Diêu (479-?) là họa sĩ nổi tiếng đời Lương, từng được phong làm Vũ Lăng Vương Quốc Thị Lang, chuyên quản trị các họa phẩm trong cung đình. Ông sở trường vẽ tranh Phật giáo, nhất là tranh vẽ trên tường. Cách vẽ chân dung Phật, Bồ Tát, thánh chúng của ông đã hình thành một trường phái riêng được gọi là Trương Gia Dạng, được coi là khuôn mẫu tiêu chuẩn cho tranh họa Phật giáo. Ông vẽ rồng, chim, hoa cỏ, sơn thủy cũng rất nổi tiếng. Ông vẽ rồng sống động đến nỗi có truyền thuyết: Ông vẽ bốn con rồng trên vách chùa An Lạc ở Kim Lăng, khi điếm nhân (vẽ mắt rồng), hai con bay vụt lên trời. Hai người con ông là Thiện Quả và Nhu Đồng theo học vẽ với ông cũng là những họa sư lỗi lạc thời ấy.

<sup>260</sup> Lân Đức là niên hiệu của Đường Cao Tông. Đường Cao Tông là người sử dụng nhiều niên hiệu nhất trong đời Đường: Vĩnh Huy, Hiền Khánh, Long Sóc, Lân Đức, Càn Phong, Tổng Chương, Hàm Hanh, Thượng Nguyên, Nghi Phụng, Điều Lộ, Vĩnh Long, Khai Diệu, Vĩnh Thuần, và Hoằng Đạo.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú***

Lại có vợ của một thương nhân, có thai đã hai mươi tám tháng chẳng sanh. Một hôm, bỗng thấy quang minh của Bồ Tát, bà ta liền nhất tâm phát nguyện sẽ vẽ mô phỏng hình tượng. Ngay trong đêm ấy, sanh một trai tướng hảo đoan nghiêm, ai trông thấy cũng đều hoan hỷ. Do vậy, cả cõi đời gọi [tượng ấy] là Phóng Quang Bồ Tát.

### ***2. Tượng vẽ phóng quang***

Vào đời Đường, chùa Pháp Tự tại Quách Hạ thuộc Ích Châu có tượng vẽ Địa Tạng Bồ Tát ngồi trên giường dây<sup>261</sup>, thông chân xuống, cao tám hay chín tấc. Tượng ấy vốn do Trương Tăng Diêu vẽ. Tới tháng Bảy năm Tân Đức thứ hai, Tăng sĩ trong chùa vẽ phỏng theo một bản, tượng liền tỏa sáng giống như vòng vàng, chợt tỏa ra, chợt ẩn mất, gần như là quang minh nơi bản vẽ gốc. Lần lượt vẽ nhiều bản sao như thế, cũng đều phóng quang y hệt. Tháng Tám năm ấy, được lệnh dâng lên một bản đưa vào cung để cúng dường. Phàm tăng tục trong ngoài kinh thành, vẽ lại để cúng dường, cũng đều thấy phóng quang, tin biết là Phật lực chẳng thể suy lường.

### ***3. Nghe tiếng, thoát khỏi gông cùm***

Đời Đường, tại huyện Hộ ở Ung Châu, có người con gái họ Lý, chuyên ăn chay thờ Phật, rất có tín tâm. Trong nhà, thờ phụng tượng Địa Tạng Bồ Tát tạc bằng gỗ, cao một thước sáu tấc khá linh dị. Cô Lý có mục đầy tứ tuổi ngoài năm mươi, tà kiến, chẳng tin chánh pháp. Một hôm, mục chờ Lý Thị đi nơi khác, dờn tượng vớt ra ngoài đồng hoang xa khỏi khu nhà. Lý Thị trở về nhà, khóc lóc đi tìm. Bỗng dung thấy tượng phóng quang ngoài đồng hoang, hoan hỷ đón về, chẳng biết do mục đầy tứ đã làm. Hôm sau, mục đầy tứ bỗng chết ngất đi, bất tỉnh nhân sự. Kế

---

<sup>261</sup> “*Thằng sàng*” (繩床) là chõng hay ghé dài, không dùng vải căng trên khung, mà dùng dây thừng, dùng để dựa vào mà ngủ hay ngồi. Loại giường này bắt nguồn từ Ấn Độ, phổ biến trong các tự viện vào đời Đường. Loại giường này có khung gỗ đóng chéo chân, có thể xếp lại được, giống như ghé bố, để tiện mang theo khi cần ngồi hay ngủ nghỉ khi đi du cước. Loại thằng sàng này khác với loại dùng trong dân chúng, cũng gọi là “*thằng sàng*” nhưng là một thứ ghé có lưng dựa, mặt ghé và lưng ghé dùng dây vải hay dây mây đan thành ô vuông xen kẽ để ngồi cho mát. Có lẽ “*thằng sàng*” được nói ở đây chính là loại ghé này.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú***

đó, bỗng tỉnh dậy, khóc lóc sám hối, tự kể chuyện trong chốn u đồ như sau:

- Khi tôi chết, thấy hai viên quan cưỡi ngựa, đọc quan điệp bảo: “Mụ đầy tớ hủy nhục thánh tượng, đã phạm tội lớn”. Trối lại, giải đến chỗ Diêm Vương, bị vua giận dữ, quở trách, phán tội đáng vào địa ngục chịu khổ. Khi ấy, có một vị sa-môn đến sảnh đường. Vua liền xuống khỏi bệ, cung nghênh, hỏi nguyên do. Sa-môn nói: “Người này là tớ gái trong nhà thí chủ của ta. Tuy ghét tượng của ta, ta chẳng bỏ bà ta. Mong nhà vua rủ lòng thương, ban cho thọ mạng”. Vua thưa: “Xin nghe theo lệnh thầy”. Khi ấy, tôi nghe xong, tâm sám hối, bất giác xưng rằng: “*Nam-mô Địa Tạng đại Bồ Tát*”. Ngay lập tức, các tội nhân đang hiện diện trong sảnh đường, tiếng niệm truyền tới đâu, gông cùm đều tự thoát. Vị sa-môn liền nắm tay tôi, dẫn ra khỏi sảnh đường. Do vậy, tôi liền sống lại.

Lý Thị nghe nói, càng thêm kính trọng tượng ấy. Do vậy, trong cả một huyện, không ai chẳng đều sanh lòng tin tưởng, ngưỡng mộ.

### ***4. Giúp cha sanh lên trời***

Đời Đường, vợ của thứ sử<sup>262</sup> Phủ Châu là Tô Thị quy kính Địa Tạng Đại Sĩ, tín tâm chân thật, thiết tha, chỉ có cha mẹ ruột của bà ta vẫn chưa sanh lòng tin. Tô Thị bèn vì cha mẹ xuất tiền và lụa, tạo một bức tượng Địa Tạng Bồ Tát kim sắc cao ba thước, đúc hết lòng thành, cung kính thờ phụng. Khi ấy, cha bà do có chuyện phải đi xa, mẹ bà ở nhà một mình. Ban đêm, có kẻ ác tặc lén dòm qua khe cửa, toan ăn trộm quần áo, thấy Địa Tạng Bồ Tát ngồi ngay ngắn, nên chẳng dám tiến vào. Hôm sau, gã giặc thay đổi quần áo đến nhà ấy, thấy bà cụp quần áo chỉnh tề ngồi đó, trợn chẳng thấy thánh tượng, tâm trộm lầy làm lạ, bèn tự thố lộ tội lỗi, hòng biểu lộ lòng hổ thẹn, hối lỗi, kể lại điều đã thấy trong đêm.

Về sau, cha bà ta sang Phủ Châu, giữa đường gặp oán gia rút đao xông đến chém. Bỗng có một sa-môn kim sắc dùng tay ngăn mũi đao,

---

<sup>262</sup> Thoạt đầu, chức Thứ Sử vốn là cấp quan thuộc Ngự Sử Đài. Về sau, đặt ra Thứ Sử tại các châu, tức là chức quan Giám Sát tại các châu, quận. Dần dần, Thứ Sử trở thành quan đứng đầu một châu. Dưới đời Đường, khi các Tiết Độ Sứ trở thành thống lĩnh quân sự địa phương thì Thứ Sử trở thành thuộc hạ của Tiết Độ Sứ. Từ đời Minh trở đi, Thứ Sử trở thành danh xưng để gọi các vị Tri Châu (quan đứng đầu một châu).



## ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú***

dùng đầu nhận lấy mũi nhọn, bị hại ngã lăn ra đất. Khi đó, kẻ oán tưởng là mình đã giết hại, bèn bỏ chạy. Cha bà ta tránh khỏi bị giết hại, cảm thấy rất kỳ lạ! Đến nhà con gái, kể đầy đủ chuyện trên đây, sanh lòng hy hữu. Cùng nhau đến chỗ thờ tượng lễ bái, thấy trên đầu tượng có ba vết đao, màu vàng biến đổi chút ít, dường như bị chảy máu. Tổ Thị liền biết là Địa Tạng Bồ Tát đã chịu đao thay, cứu cha mình thoát nạn. Cha bà ta liền sanh chánh tín, lại đón mẹ sang nhà, ba người ngày đêm lễ cúng. Cha bà ta đến bảy mươi chín tuổi mới mất.

Suốt ba mươi lăm ngày, Tổ Thị mộng thấy cha mình thân có quang minh, bay trên không trung tự tại, phi hành tới lui. Bà ta sanh tâm hy hữu, vọng bái hỏi cha sanh về đâu? Đáp: *“Ta sanh lên tầng trời thứ tư, cùng phụng sự đấng Bồ Xứ. Người sanh về cõi trời ấy, đã số được Địa Tạng Đại Sĩ dẫn dắt. Mười ba năm sau, mẹ con hết tuổi thọ, sẽ sanh về đó. Còn chính con thì hai mươi lăm năm sau mới sanh. Chồng con thì hai mươi tám năm sau mới sanh”*. Nói xong ầm mất. Về sau, mẹ và vợ chồng Tổ Thị đều đúng như lời cha nói. Từ đấy về sau, trong cả một châu, người tạo tượng, vẽ tượng, lễ bái, cúng dường rất đông, rất nhiều người được cảm ứng.

### ***5. Tụng kệ phá ngục***

Đời Tống, Thích Tăng Tuấn, họ ngoài đời là Vương, người ở kinh đô. Sau khi xuất gia, chẳng tuân thủ giới luật, chưa từng tu điều lành, mắc bệnh nhẹ, chết đi. Ba ngày sau sống lại, khóc lóc sám hối. Tự nói khi sắp chết, có hai viên quan từ cõi âm bắt tới trước cửa một tòa thành lớn. Bỗng có một vị Tăng nói: *“Ta là Địa Tạng Bồ Tát. Người ở kinh thành đã từng vẽ phông theo một bức họa của ta. Dầu chưa từng lễ bái, cúng dường, bỏ ở sau chùa, ta vẫn báo đáp công đức người vẽ lại tượng”*. Bèn dạy một bài kệ rằng: *“Nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng tác như thị quán, tâm tạo chư Như Lai (nếu ai muốn biết rõ, ba đời hết thấy Phật, hãy nên quán thế này: Tâm tạo các Như Lai). Tụng bài kệ ấy, có thể đóng cửa địa ngục, có thể mở đường Tịnh Độ, có thể thông với sanh mạng đạt được do quả báo”*. Nói xong liền ầm mất.

Tăng Tuấn bèn vào trong thành, gặp vua Diêm Ma. Vua hỏi: *“Người gặp gỡ pháp trong đời này, có công đức gì không?”* Đáp: *“Chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu”*. Vua nói: *“Nay người tụng được không?”* Thưa: *“Tôi nhớ nằm lòng”*, bèn tụng bài kệ trên đây. Khi ấy, những chỗ

## **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú**

tiếng tụng vang đến, người chịu khổ đều được giải thoát. Vua nói: “Thôi! Thôi! Chẳng cần nói nữa”, thả ông ta về nhân gian. Do vậy, ông ta sống lại. Tra duyệt, tìm tòi thì mới biết bài kệ ấy được nói trong kinh Hoa Nghiêm khi vô lượng Bồ Tát vân tập trên cung trời Dạ Ma, tức là bài kệ do Giác Lâm Bồ Tát nói. Tăng Tuân kể lại với các vị Tăng trong chùa. Người nghe đều phát tâm, tin nhận kinh Hoa Nghiêm.

### **6. Khuyến phát Bồ Đề**

Đời Tống, sư Thích Định Pháp chùa Không Quán cùng với Tăng Tuân chuyên dốc lòng thành quy mạng Địa Tạng Bồ Tát. Vào ngày trai mỗi tháng, Sư vẽ mô phỏng tượng Địa Tạng, nhất tâm lễ bái, cúng dường, cầu thỉnh Bồ Tát ứng hiện. Tròn ba năm, [một hôm] có một tiểu sa-môn xin ngủ trọ nơi hành lang của chùa. Định Pháp nghe chuyện, cung kính ra khỏi phòng chào hỏi, nói chuyện một đôi câu, bỗng chẳng thấy [tiểu sa-môn] đâu nữa. Mọi người lấy làm lạ, hỏi Định Pháp: “Sa-môn nói gì thế?” Đáp: “Sa-môn bảo: Diệu nguyện đã mãn, sao ý khí ngán ngủi như thế?” Người nghe đều nói: “Ông cầu thấy đức Địa Tạng, nhưng chẳng niệm lễ xuất yếu, cho nên Bồ Tát hiện thân nói sao mà ý khí ngán ngủi như thế?” Định Pháp nói: “Đã được ứng hiện, tôi sẽ phát Bồ Đề tâm, vui sướng cầu đạo quả vô thượng”.

Sư nằm mộng, thấy Bồ Tát nói: “*Vị sa-môn đó chính là Địa Tạng Bồ Tát. Người cầu thấy ta hiện thân, nhưng chẳng phát Bồ Đề tâm. Vì thế ta đến cảnh tỉnh người. Người vẽ mô phỏng tượng ta khá nhiều, vĩnh viễn chẳng đọa trong ba ác đạo. Xả thọ, sẽ sanh lên Đâu Suất Thiên, lúc đức Từ Tôn (Di Lạc) hạ sanh, người sẽ được thọ ký thành Phật. Ta tùy thuận người như bóng theo hình, như nước tùy theo hình dạng của đồ đựng mà có hình dáng khác nhau*”. Sư tỉnh giấc, cảm kích, tuôn lệ như mưa, liền bỏ y, bát, tiền riêng, tạo tượng Bồ Tát cao bằng thân người, điêu khắc thân tượng đẹp đẽ, lại còn thâu thập những tượng mình đã vẽ mô phỏng nhiều năm để lễ bái, cúng dường. Tượng phóng quang minh, linh nghiệm rõ rệt.

### **7. Đuổi ma trừ bệnh**

Đời Đường, cư sĩ Lý Tín Tư người xứ Lô Thủy. Nhà ông ta nam nữ ba mươi mấy người đều bị ác quỷ quấy nhiễu, lần lượt bị bệnh, hoặc học ra máu tươi, hoặc đến nỗi chết ngất. Khi ấy, Tín Tư lo lắng, sầu não,

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

hỏi Tăng cách giải cứu. Sa-môn tư duy hồi lâu rồi bảo: “*Xưa kia, thuở đức Như Lai tại thế, dưới chân núi Tỳ Phú La (Vipula) nước Ma Yết Đề (Magadha), trong nhà trưởng giả Kiều Đề cũng bị ác quỷ gây phiền não. Cả năm trăm người trong nhà ấy đều chết ngất, mười ngày chẳng tỉnh. Khi ấy, Địa Tạng Bồ Tát du hóa các nước, tới nhà trưởng giả, sanh tâm đại bi, nói chú để cứu. Trong chốc lát, hết thấy đều được trờ sạch. Ông nên làm theo cách ấy, quy y Địa Tạng Đại Sĩ, nhất tâm xưng danh*”. Tín Tư hoan hỷ làm theo, vẽ tượng Bồ Tát. Từ đấy, huyện Lô Thủy suốt năm mươi năm thoát khỏi nỗi sợ bệnh tật.

### ***8. Vãng hành pháp, sống lại***

Đời Đường, chùa Khai Thiện ở Chung Sơn có tượng Địa Tạng Bồ Tát cao ba thước, quang minh quanh thân to bốn thước năm tấc, do đã nhiều năm, chẳng biết do ai tạo. Về sau, Đô Đốc xứ Dương Châu là Đặng Tông, lúc sáu mươi một tuổi, mắc bệnh nhẹ, chết đi. Do nơi tim vẫn còn ấm, nên [người nhà] chưa nhập liệm. Sau một ngày đêm, ông sống lại, buồn khóc không nói gì, sai con cháu đi đến chùa Khai Thiện, thưa cùng tăng chúng: “Trong chùa này có tượng Địa Tạng Bồ Tát cao khoảng ba thước, thông quang<sup>263</sup> to bốn thước năm tấc hay không? Tôi muốn lễ bái, cúng dường”. Chư Tăng chẳng biết ở chỗ nào, cứ theo lời mà tìm, rốt cuộc tìm được. Đặng Tông lễ kính, lại muốn thỉnh tượng. Tăng hỏi ông điều ông ấp ủ, ông đáp:

- Lúc tôi chết, thấy một vị quan tứ phẩm bắt lôi đến trước vua. Vua nói: “Ngươi không thể chết. Lại vì ngươi lấy việc phụng sự Phật pháp làm gia nghiệp, hãy nên sớm trở về nhân gian, nhưng cõi âm đáng sợ, người ta chẳng hay biết. Ngươi có muốn thầy địa ngục hay không?” Đáp: “Tôi muốn thầy”. Vua liền sai một viên quan mặc áo xanh dẫn đi xem. Tôi theo người ấy ra khỏi thành, đi chừng năm sáu dặm về phía Đông Bắc, có một tòa thành lớn bằng sắt, cửa sắt đóng kín. Dần dần, tôi thấy trong thành lửa dữ sáng lò, ngọn lửa như thiêu đốt. Trăm ngàn tội nhân chịu khổ trong ấy. Khi đó, có một vị sa-môn vào trong ngục, chế ngự lửa dữ, giáo hóa tội nhân, ngọn lửa bèn tạm tắt.

Tiến lên trước, lại thấy một cái thành bằng sắt, mười tám địa ngục ở trong đó. Tướng trạng chịu khổ chẳng thể nói trọn. Lại thấy sa-môn răn dạy tội nhân giống như trước. Tôi đến xem mỗi nơi xong hết rồi mới

---

<sup>263</sup> Thông quang: Quang minh bao quanh thân.

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

trở về. Sa-môn từ địa ngục trở ra, hỏi: “Ông có biết tôi là ai hay không?”  
Thưa: “Không biết”. Sa-môn nói: “Tôi là Địa Tạng Bồ Tát ở chùa Khai Thiện. Xưa kia có sa-môn Trí Tạng pháp sư. Đệ tử của Sư là pháp sư Trí Mãn, vì muốn cứu chúng sanh thọ khổ trong tam đồ, cho nên chạm khắc tượng của tôi. Tôi thuận theo lời thỉnh của Sư, mỗi ngày một thời, vào mười tám địa ngục và vô lượng tiểu địa ngục, răn dạy, chỉ bảo. Những kẻ do xưa kia đã gieo thiện căn, thiện lực khá mạnh, hẳn phát tâm liền được thoát khổ. Kẻ đó, những kẻ thiện lực yếu hơn, chỉ gieo cái nhân thoát khổ. Kẻ đoạn thiện căn tà kiến đã sâu, sẽ chẳng hay, chẳng biết, trọn chẳng có tâm thoát khổ. Nếu ở trong nhân gian, kẻ thiện căn mỏng manh còn dễ hóa độ. Nếu vừa vào ác đạo, thánh lực chẳng thể cứu bạt, vì họ trợ ra như gỗ, đá. Những kẻ chẳng giác ngộ ấy, chờ cho đến khi thoát ra, do chủng tử trước kia hơi mạnh hơn, sẽ có thể phát tâm sám hối. Ông do sức vâng phụng pháp, thoát khỏi nỗi khổ địa ngục, hãy sớm trở về nhân gian, tuyên cáo với đại chúng”. Do vậy, tôi ngược mắt chiêm ngưỡng sa-môn, [thấy Ngài] thân cao ba thước, quang minh quanh thân bị hư nát. Sa-môn liền trao cho hai bài kệ như sau:

*Nhược tại nhân gian khả tu đạo,  
Xiển Đề hữu tâm thượng khả phát,  
Nhược nhập ác đạo, nghiệp dĩ thực,  
Tâm vô phân biệt, bất khả cứu.  
Nhu suy lão nhân dục hành lộ,  
Nhược động kỳ túc, phù dị tấn,  
Thảng ngộ bất động, lực bất cập,  
Chúng sanh định nghiệp diệc phục nhiên.*

(Nếu trong nhân gian dễ tu đạo,  
Xiển Đề vẫn có thể phát tâm,  
Nếu vào đường ác, nghiệp chín muồi,  
Tâm vô phân biệt chẳng thể cứu.  
Nhu người già yếu muốn đi đường,  
Nếu chân cử động, dìu đi được,  
Nếu nằm bất động, chẳng giúp nổi,  
Chúng sanh định nghiệp cũng thế đó).

Nói kệ xong liền ẩn mất. Tôi trong khi mơ màng, nhớ kỹ chuyện ấy. Do chưa chứng thực, nên không nói với ai khác. Nay thấy tượng này, hoàn toàn giống như tôi đã thấy. Do nhân duyên ấy cho nên muốn thỉnh”. Tăng nghe nói xong, hoan hỷ tán thán: “Chỉ có thể vẽ phỏng

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

theo, không thể thỉnh được!” Ông bèn cậy thợ khéo tạc phỗng theo, để tượng cũ tại đó.

### ***9. Cả thành được xá tội***

Đời Đường, tại huyện Kim Thủy thuộc Giản Châu, có quan thị lang<sup>264</sup> họ Đặng chuyên tâm tin Phật. Một hôm ở trên đường, ông thấy có một cây gậy bị gãy, có khắc hình vị Tăng nên đem về, dựng dựa vào vách, lễ kính rồi bỏ đi, không nhớ tới nữa. Ba năm sau, bỗng bị bệnh chết, ngực vẫn còn hơi ấm, người nhà nghi ngờ, không tấn liệm. Sau một ngày đêm, ông sống lại, ứa nước mắt nói:

- Lúc mới chết, hai kẻ cưỡi ngựa lôi tôi vào trong cửa một tòa thành lớn. Tới trước sảnh đường của nhà vua, thấy trong điện có trăm ngàn vạn người bị gông cùm. Vua đang giận dữ, toan quở trách tôi. Khi ấy, có một vị sa-môn, hình dạng xấu xí, tới trước sảnh đường. Vua cung kính đứng dậy, chấp tay, hồ quỳ, bạch rằng: “Đại thánh! Vì sao Ngài bỗng tới đây?” Sa-môn nói: “Thị lang là thí chủ của tôi, Ngài hãy nên đặc xá”. Vua thưa: “Nghịệp đã quyết định, mạng lẩn lộc đều hết, e rằng khó thể xá miễn được”. Sa-môn: “Xưa kia, ở trong Thiện Pháp Đường của Tam Thập Tam Thiên, ta được đức Phật phó chúc, có thể cứu các hữu tình ác có định nghiệp, chẳng phải là nay mới làm như vậy. Huống chi thị lang chẳng phạm trọng tội, há chẳng thể cứu ư?” Vua thưa: “Đại Sĩ đại nguyện, kiên cố bất động, như núi kim cang. Con xin lập tức tuân lời, thả ông ta về nhân gian”.

Sa-môn hoan hỷ, nắm tay thị lang, dẫn vào đường sống. Lúc sắp từ biệt, thị lang thưa hỏi: “Sa-môn cứu con, là đại ân nhân, xin dạy cho biết pháp hiệu của người?” Sa-môn đáp viết: “Ta là Địa Tạng Bồ Tát. Xưa kia, ông ở nhân gian, bên đường thấy tượng của ta mà chưa từng hay biết, cầm về, dựng bên vách tường. Đây là do trẻ nhỏ giỡn chơi khắc tượng trên cây gậy, chỉ khắc đầu mặt, không có những tướng khác, cho

---

<sup>264</sup> Thị Lang là chức quan đặt ra từ đời Hán, tương đương với thứ trưởng hiện thời. Thoạt đầu, chức quan này là các quan hầu cận giúp vua xử lý mọi việc. Dần dần, do sự vụ quá nhiều, phải lập ra các Tỉnh (cơ quan hành chánh) như Thượng Thư Tỉnh, Môn Hạ Tỉnh, Trung Thư Tỉnh để đặc trách từng sự vụ. Sau đó, phát triển thành sáu bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công). Thượng Thư là quan đứng đầu mỗi bộ, viên phó quan gọi là Thị Lang. Đến đời Thanh, với mỗi bộ lại lập ra Tả Hữu Thị Lang. Tả Thị Lang địa vị cao hơn, phải là người Mãn Châu.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú***

nên hình tượng xấu xí. Ông có thể nhớ lại hay không?” Nói lời ấy xong, bỗng dung chẳng thấy đâu nữa!

Sau khi tỉnh lại, thị lang thấy tượng nơi cây gậy dựng ở góc tường trong nhà. Gậy đã gãy ở giữa, ông bèn dùng gỗ đàn hương, sửa đổi thành tượng cao năm tấc. Khi ấy, tượng phóng quang minh, chiếu sáng ngời cả nhà. Thị lang lại tạo tượng lớn, biến nhà thành chùa, đặt tên là Địa Tạng Đài, thờ phụng tượng nhỏ trong ấy. Mọi người xa gần đến chiêm ngưỡng đông như hội!

### ***10. Lỗi gỗ chế ngự hổ***

Đời Đường, vị Tăng tên Pháp Thượng chùa Huệ Nhật ở Hoa Châu xuất gia lúc ba mươi bảy tuổi. Xưa kia, lúc còn tại gia, Sư từng làm nghề săn bắn. Một hôm, thấy trong lùm cây ngoài rừng hoang có tia sáng tỏa ra, tâm hết sức hiếu kỳ! Buộc ngựa vào lục xem, chỉ thấy một khối gỗ mục, chỉ dài hơn một thước, bèn cầm về để trong nhà. Đi săn lần sau, vẫn thấy chỗ ấy tỏa sáng. Tâm lấy làm lạ, bèn đem cái lõi của khối gỗ mục đặt trên gốc cây rồi quay về. Trên đường gặp hổ, ông ta thúc ngựa đuổi theo. Dây cung đứt đoạn, chẳng thể bắn, mãnh hổ quay lại đuổi. Ông ta sợ hãi bỏ chạy, ngựa lòng lên, khiến ông té khỏi ngựa, tự nghĩ chắc sẽ bị hổ cắn, e rằng khó thể thoát nạn, thất thần như đang nằm mộng, thấy một vị sa-môn hình dạng xấu xí đến đuổi hổ dữ. Ông hỏi: “Ngài là ai?” Đáp: “Ta là Địa Tạng Bồ Tát. Khối gỗ mục trong rừng hoang chính là thân ta. Cụ cố của ông đã lập chùa, tạc tượng tại đó. Chùa đã hư nát, tượng ta bị hư mục, chỉ còn cái lõi gỗ. Ông là cháu chắt của cụ, thấy quang minh của ta, nên nay ta cứu ông”.

Hồi lâu sau, ông ta choàng tỉnh, thấy ngựa đứng hý [gần đó]. Mãnh hổ chẳng thấy tung tích đâu nữa. Ông tự hối trách sâu xa, bèn tạo dựng tinh xá tại chỗ tỏa ánh sáng trước đó. Từ khối gỗ mục dính bùn, ông tạc tượng Địa Tạng, tiếp nối đèn pháp, [xay dựng chùa] tức Huệ Nhật tinh xá. Lúc Pháp Thượng bảy mươi tám tuổi, vào ngày Hai Mươi Bốn tháng Hai năm ấy, Sư bảo các đồng bạn:

- Địa Tạng Bồ Tát đến nhà tôi, từng nói: “Ông chính là người sẽ đắc đạo trong hội thứ hai thuộc ba hội thuyết pháp của Từ Thị Như Lai. Hôm nay xả thọ, liền sanh lên Đạo Lợi”. Tôi bạch cùng Đại Sĩ: “Cảnh giới ngũ dục trên cõi trời vui sướng khôn sánh, mê mất Bồ Đề. Muốn sau này lại gặp Phật, thời gian vẫn lâu lắm, con chỉ nguyện sanh về Tây Phương An Lạc thế giới”. Bồ Tát đáp: “Thuận theo ý nguyện của ông.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

Nếu muốn vãng sanh Tịnh Độ, hãy nên niệm A Di Đà Phật một ngày một đêm, chuyên tâm, dốc chí, liền được vãng sanh”. Tôi nghe theo lời dạy ấy, bắt đầu từ ngày hôm qua, chuyên niệm A Di Đà Phật, nay vãng sanh Tịnh Độ”.

Nói xong, Sư chấp tay hướng về Tây, qua đời.

### ***11. Khắc tượng truy tiến mẫu thân***

Đời Đường, con gái út của viên đô đốc họ Trần mất mẹ từ bé, ngày đêm luyến mộ. Do chưa thể thấy, định tìm cái chết. Đô đốc an ủi: “Cha cũng là người thân của con. Mẹ con tuy mất, cha con hãy còn, vì sao không màng ăn uống, muốn tự tìm cái chết? Nếu con tưởng nhớ người mẹ đã khuất, hãy nên tạo thánh tượng Địa Tạng hồng cầu nguyện cứu khổ cho mẹ”. Cô ta liền bỏ ra năm trăm đồng, thuê thợ kính cẩn khắc tượng cao ba thước. Cô gái thưa với cha: “Con chỉ muốn đặt tượng ở chỗ mẹ đã nằm trước kia. Nếu muốn thấy mẹ, sẽ liền thấy tượng này”. Cha sanh tâm xót thương, sai đẹp bỏ phòng ngủ để đặt tôn tượng ấy.

Cô gái ngày đêm lễ bái, cúng dường, cầu cứu khổ cho mẹ. Một đêm, thấy một vị sa-môn bảo: “Khi ta mang thân nữ, cha tên là Thi La Thiên Hiện, mẹ tên là Duyệt Đế Lợi. Vì mẹ sau khi chết phải chịu khổ trong địa ngục, do vậy, ta phát Bồ Đề tâm, thề cứu bạt tội khổ của chúng sanh. Ta cảm tấm lòng hiếu thảo của con, đích thân vào địa ngục, phóng quang thuyết pháp, mẹ con đã được thoát khổ, sanh lên trời Đao Lợi”. Cô gái họ Trần thấy sa-môn xiêm y cháy lam nham, bèn hỏi nguyên cớ. Sa-môn đáp: “Khi xuống địa ngục, lửa dữ tấp cháy mà ra”. Cô gái họ Trần tỉnh giấc, khôn ngăn buồn vui lẫn lộn! Người nhà tụ lại, thấy xiêm y của tượng đổi màu như bị cháy, đều than hy hữu! Người nghe kể lại phần nhiều sao vẽ tượng ấy để cứu khổ cho cha mẹ.

### ***12. Ngạ quỷ sanh lên trời***

Đời Tống, con gái của thứ sử Trương Kiện ở Dương Châu, sau khi mẹ mất, đã được mẹ báo mộng: “Vì nuôi con mà mẹ đã mặc tình tham dục, kiêu mạn quá đáng. Do vậy, cảm báo làm ngạ quỷ, khổ chẳng thể chịu nổi!” Con gái hỏi tướng trạng khổ sở. Mẹ đáp:

- Ngạ quỷ phần nhiều ăn thịt con mình, hễ sanh ra liền ăn. Ta làm con của quỷ, ngày đêm sống chết. Trông thấy mẹ để như đại ác quỷ; nhưng trong một tháng của nhân gian, có một ngày chẳng thể ăn ta. Đó

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú***

là ngày Hai Mươi Bốn trong tháng, sáng sớm có tăng nhân vào thành, thí thực cho no đủ. Những ngày khác chẳng thể tránh khỏi nỗi khổ này. Ngày hôm ấy, vị sa-môn xưng rằng: “*Ta là Địa Tạng Bồ Tát, nay vào thành ngạ quỷ, có thể thí đại an lạc. Các người hãy nên phát Bồ Đề tâm*”. Tuy nghe lời ấy, do nghiệp báo trói buộc, chẳng thể phát tâm. Chỉ có một ngày được ăn no. Con muốn cứu khổ cho mẹ, hãy nên tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát.

Cô gái tỉnh giấc mộng, dùng hết tài sản của mẹ để tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát cao bằng thân người. Cô lại mộng thấy mẹ, thân tỏa quang minh, đứng trên hư không, bảo: “*Ta do sức công đức tu thiện của con, mau chóng được sanh lên trời. Con hãy dụng tâm cung kính lễ bái, cúng dường, mai sau sẽ cùng [hội ngộ] tại chỗ Từ Thị Bồ Tát, lại còn cùng thấy Phật, nghe pháp*”. Cô tỉnh giấc, bi cảm! Người nghe kể chuyện đều đến cúng, ai nấy đều được lợi ích!

### ***13. Không lo lắng trong khi đại dịch***

Đời Đường, thứ sử Lộ Châu là Khang Cư Thông, chánh tín, chân thành, phụng sự Địa Tạng Bồ Tát đã nhiều năm. Lại còn phát tâm vẽ tôn tượng Bồ Tát, chưa tô màu mà quang minh đã rạng rỡ. Do vậy, tín tâm càng thêm chuyên dốc. Ông ngẫu nhiên mộng thấy hai quan binh cưỡi ngựa truy đuổi. Khi ấy, chẳng thể trốn được, bèn đứng run sợ. Quan binh xuống ngựa, nói: “*Chúng tôi làm rồi! Vua của chúng tôi là đàn việt của đức Địa Tạng, dẫu người phạm lỗi nặng, cũng không vây hãm!*” Nói xong biến mất. Ông tỉnh mộng, thờ phụng càng thêm chuyên rông, kiên thành.

Năm Quảng Minh nguyên niên (880) đời Đường Hy Tông (Lý Huyền), trong nước bị bệnh dịch, yêu quái hoành hành, người chết thây chất như núi. Cư Thông mộng thấy lũ quỷ màu xanh cả trăm ngàn con đi qua cửa, nói: “*Nhà này là thất của Địa Tạng Bồ Tát. Chúng ta là thuộc hạ hãy cẩn thận, đừng bước vào cửa*”. Ông tỉnh giấc hoan hỷ, cả nhà thoát nạn.

Trong niên hiệu Trung Hòa<sup>265</sup>, ông đi xa, lạc đường trong tuyết. Do vậy bèn niệm Địa Tạng Bồ Tát, đột nhiên thấy một con kết nhảy nhót

---

<sup>265</sup> Trung Hòa là niên hiệu của Đường Hy Tông từ năm 881 đến 885. Đời vua Đường Hy Tông, Đại Đường loạn lạc rối beng với hai cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân do Hoàng Sào và Vương Tiễn Chi lãnh đạo, các Tiết Độ Sứ cát cứ, đánh phá lẫn nhau.



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú***

trên tuyệt. Ông lấy làm lạ, đi theo nó, liền tìm được đúng đường. Tới niên hiệu Quang Khải, ông bị bệnh nhẹ, chí thành cầu lành bệnh. Trong mộng, cảm một vị Tăng bảo: “Ông giết một con thanh tước<sup>266</sup>, đáng dọa địa ngục, nay để cho ông đền trả nghiệp ấy, chịu đôi chút đau khổ. Chờ đến sau ngày mai, mới được sanh vào Tịnh Độ”. Ông nghe xong liền tỉnh giấc, hoan hỷ lễ bái, bệnh đã khỏi hẳn. Quả nhiên hai hôm sau, ông chánh niệm qua đời.

### ***14. Trì danh giải ách***

Đời Đường, quan biệt giá<sup>267</sup> Kiện Khát tín tâm thanh tịnh, dốc lòng tin phụng Phật pháp. Một hôm, ông hỏi Tăng: “Tại gia cư sĩ nên thờ phụng vị Phật, Bồ Tát nào?” Chư Tăng mỗi vị nói mỗi khác. Có vị nói: “Nên thờ đức Địa Tạng vì Ngài đã vâng nhận sắc lệnh của Phật”. Kiện Khát tự nghĩ: “Đã nhận sắc lệnh của đức Phật, há bỏ chúng ta ư?” Liền tìm gỗ chiên đàn, tạo tượng cao ba tấc, nhét trong búi tóc, đi, đứng, nằm, ngồi, xưng niệm danh hiệu.

Trong niên hiệu Thiên Thành đời Đường Trang Tông, thiên hạ chiến tranh, loạn lạc. Kiện Khát bị vây, trong khoảnh khắc sẽ nhận lấy cái chết, liền niệm Địa Tạng. Gã đại tướng đang suất lĩnh kỵ binh bỗng kinh hoảng tháo chạy. Sau khi dẹp yên loạn lạc, ông kể lại nhân duyên này, người nghe đều than lạ. Trong niên hiệu Trường Hưng, khi ông đến nhiệm sở, kẻ oán nghe tin, toan hãm hại, nấp chờ sẵn bên đường. Hắn chỉ thấy một vị sa-môn đi qua, trợn chẳng thấy Kiện Khát. Về sau, nghe ông đã đi qua, bèn hối lỗi, tạ từ, cởi bỏ oán thù. Lại có lần trên đường đi,

---

Nhà vua hoàn toàn bị lệ thuộc vào sự thao túng của hoạn quan Điền Lệnh Tư. Vua đã dùng năm niên hiệu là Càn Phù, Quảng Minh, Trung Hòa, Quang Khải, và Văn Đức.

<sup>266</sup> Thanh Tước là một loài chim thuộc họ Sẻ, thường gọi là Japanese Grosbeak, hoặc Masked Hawfinch, vì mình nó hơi xám, có ánh xanh, đầu đen, mỏ vàng, trông như người đội mặt nạ trùm đầu. Loài này sống chủ yếu ở vùng sông Amur và Mãn Châu, mùa Đông thường bay thiên di xuống Bắc Kinh và Hà Bắc.

<sup>267</sup> Chức quan này có tên gọi đầy đủ là Biệt Giá Tùng Ngự Sử, hoặc còn gọi là Biệt Giá Tùng Sự, chính là quan phụ tá cấp cao nhất của Thứ Sử. Do chức quan cao, khi đi ra ngoài, không phải ngồi hầu theo xe của quan Thứ Sử, nên gọi là Biệt Giá. Có thể hiểu chức quan này giữ vai trò xử lý thường vụ trong các châu, quận. Đến đời Tùy, do bãi bỏ các quận, chỉ giữ lại châu, nên chức vị này đổi thành Trưởng Sử. Đến đời Đường, lại đổi thành Quận Thừa Biệt Giá. Sau đó, chức vụ này bị phế bỏ. Đến đời Tống, lại lập chức Thông Phán có vai trò gần giống Biệt Giá. Do vậy, dân gian vẫn quen gọi Thông Phán là Biệt Giá.

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú***

đêm ông ngủ trọ, trời đổ mưa thật to, đèn lửa đều tắt ngúm. Thánh tượng trong búi tóc tỏa sáng như ban ngày. Bồng có âm thanh khe khẽ như tiếng trẻ nhỏ bảo: “Hãy sớm rời đi, sớm rời đi!” Ông kinh dị, noi theo ánh sáng dẫn đường, đến nghỉ đêm ở chỗ khác. Hôm sau, trận lũ dâng trào, chỗ ông nghỉ trọ trước đó chìm sâu dưới nước, tự biết là Địa Tạng Bồ Tát cứu vớt, che chở. Năm Thanh Thái thứ hai (935), ông tròn bảy mươi tám tuổi mới mất. Khi lâm chung, tượng trong búi tóc phóng quang, ông chấp tay niệm Phật, an nhiên qua đời. Quang minh chiếu thẳng lên trời.

### ***15. Hồn đạo địa ngục***

Đời Tống, đô đốc Trường An Thôi Lý Hệ là em trai của thượng thư Thôi Long. Năm Khai Bảo thứ hai (969), ông ta chết hai ngày rồi sống lại. Tự thuật lúc mới chết, có hai người xách nách đưa đi. Lại thấy có quỷ tốt hình ngựa trắng đuổi chạy chẳng biết mấy dặm, đến một tòa thành lớn ở phía Đông Bắc. Ông thấy có mười mấy căn nhà ngói. Các quan đều đội mũ màu đen, đứng hai bên nhà ngói. Có nha lại ba mươi mấy người, đều nói: “Ta là [thuộc hạ của] phủ quân”. Lý Hệ đến trước phủ quân, phủ quân hỏi: “Người phụng sự gì?” Lý Hệ đáp: “Tôi phụng sự Địa Tạng Bồ Tát, cúng dường các sa-môn”. Phủ quân lại nói: “Ông đã thờ phụng đức đại thánh, đây là phước trời”. Mọi người hỏi các nha lại chức nhỏ: “Người này mạng đã hết hay chưa?”

Phủ quân liền lấy một quyển sách tự đọc rồi bảo: “Khanh mạng chưa tận, nhờ Địa Tạng Bồ Tát cứu vớt, che chở”. Lại gọi các viên nha lại cấp thấp, quát: “Bọn bay có gì đoạt mạng người của Phật gia?” Liền quở trách ngục tốt có hình dạng ngựa trắng, trói vào cột, xử phạt. Một hôm, lại hỏi: “Khanh có muốn về hay chưa?” Đáp: “Dạ muốn”. Lại hỏi: “Có muốn thấy địa phủ hay chẳng?” Thưa: “Muốn thấy”. Phủ quân truyền cho ông một thớt ngựa, và sai hai nha lại dẫn đi. Từ phía Đông Bắc đi ra, khoảng năm sáu dặm, thấy một tòa thành lớn bằng sắt, vuông vức mấy chục dặm. Có một cái nhà sắt, chứa đầy nước sắt lỏng sôi, bốc lửa hừng hực. Kế đó, đến một căn nhà lợp ngói, dùng sắt làm cánh cửa. Mở ra xem, thấy ông nội, cụ cố v.v... đều ở trong ấy, đều bị gông, cùm, xiềng xích trói buộc. Lửa dữ vờn quanh, thiêu đốt, thân thể cháy nứt nẻ. Họ trông thấy Lý Hệ bèn ứa nước mắt bảo: “Con hãy nên cứu giúp”. Lý Hệ thưa: “Hãy nên niệm Địa Tạng Bồ Tát”.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Đi tiếp, thấy trong một cái thành, có giường, tòa bằng sắt nóng. Những vị sa-môn ông được thấy khi trước ngồi đó, thân thể như than, lửa dữ chiếu sáng rực. Ông hỏi: “Thầy tu phạm hạnh, nay sao lại như thế này?” Sa-môn đáp: “Bọn ta vì tiếng tăm, lợi dưỡng mà tu phạm hạnh, do nội tâm và ngoại hạnh chẳng tương ứng, những thứ ngoại cụ, giường, tòa v.v... đã nhận xưa kia, nay biến thành các thứ khí cụ hành hình to lớn. Y phục, thức ăn v.v... biến thành áo sắt, nước đồng sôi. Thí chủ hãy cứu chúng tôi”. Ông đáp: “Thầy hãy nên niệm Địa Tạng Bồ Tát”. Ông thấy mấy chục địa ngục, mỗi ngục đều có tội nhân bị hành hạ đầy ắp trong đó, đều là những người ông đã từng gặp gỡ trong cõi đời. Lại tới ngục cát đỏ, có cây dây gươm, cột đồng trăm ngàn thứ, tội nhân ở trên đó. Họ trông thấy Lý Hệ đều chảy nước mắt, bảo: “Ông hãy cứu chúng tôi”. Đáp: “Hãy nên thường niệm Địa Tạng Bồ Tát”. Bảy ngục cát vàng, cát trắng, cát cháy v.v... như thế đều giống như đã thấy. Ông bèn trở về.

Lại thấy một căn nhà màu lục long lanh, hai bên đường có cây báu, các thứ trái xen kẽ. Viên nha lại nói: “Phụng sự Địa Tạng Bồ Tát, lại còn vẽ tượng, phân nhiều sanh vào Tịnh Độ, hoặc sanh lên trời Đâu Suất, ai nấy đều thỏa sở nguyện. Kẻ chẳng tin tưởng vẽ tượng, nhưng phụng sự thì phân nhiều trụ nơi đây”. Do vậy, ông tiến vào, thấy trong tòa thành lớn, có điện báu lớn. Trăm ngàn vạn ức nam nữ vui đùa trong đó. Lại thấy cha mẹ, lục thân v.v... hoan hỷ chào hỏi. Những người nam, kẻ nữ nói: “Trước kia, chúng tôi ở trong địa ngục, nhờ ông dạy niệm Địa Tạng Bồ Tát, thoát khổ, sanh vào nơi đây!” Ông hỏi: “Chỗ này là nơi nào?” Đáp: “Nơi đây gọi là phước xá, thọ mạng lâu dài, xa lìa các thứ khổ. Tuy sanh nơi đây, ắt gặp ba hội của Phật Di Lặc, dứt các nỗi khổ”. Lý Hệ hỏi cõi nào? Họ nói: “Xưa kia, lúc Địa Tạng Bồ Tát tại thế, vâng nhận lời phó chúc của đức Như Lai, bạch với đức Phật: ‘Nhất định chẳng để cho bốn chúng đệ tử đọa vào ác đạo’. Trong năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm trước khi Phật Di Lặc xuất thế, nếu có chúng sanh nguyện sanh về Tịnh Độ và Đệ Tứ Thiên, kẻ ít phước đều đến phước xá này, chẳng trở lại đường ác, cho đến khi thành Phật mới thôi”. Ông trở về chỗ phủ quân, vua liền sai hai người đưa ông hỏi dương.

### ***16. Tăng thọ, thỏa nguyện***

Đời Hán, thứ sử Ích Châu là Quách Từ An không tin Tam Bảo, đặc biệt coi trọng Lão Tử. Giữa tháng Năm nhuận của năm Càn Hựu thứ

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

ba (950)<sup>268</sup>, ông nhiễm bệnh, chữa trị đủ cách chẳng lành. Vợ ông thờ Phật, tìm hôm ông vui vẻ, nói: “Có thể phát nguyện tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát trong một ngày hay không?” Tâm Từ An vẫn không tin, nói: “Cần phải phát nguyện ư? Nếu có cảm thông, tôi sẽ tin ngay”. Một hôm, ông bỗng chết ngất. Bà vợ gào khóc, cầu trời. Sau ba thời (sáu tiếng đồng hồ), Từ An tỉnh lại, gieo mình xuống đất, đòi dao bén, toan cắt lưỡi. Người trông thấy đều tưởng ông là cuồng loạn. Bà vợ an ủi, ông mới yên tĩnh, bảo: “Bà là đại thiện tri thức, có thể kéo dài mạng sống của tôi, có thể trừ khổ địa ngục, có thể trao cho niềm vui cõi trời, có thể dạy đạo giải thoát”. Vợ nói: “Xin ông hãy nói đầu đuôi”. Từ An bật khóc, bảo:

- Tôi gặp bảy, tám sứ giả của Diêm Vương, mỗi người đều xưng là thần tư lộc (cai quản tài lộc), đều cưỡi ngựa xanh, ruồi vó như gió, đuổi tôi về hướng Đông Bắc, tới cửa một tòa thành lớn. Trong thành, có trăm ngàn vạn người, đứng hầu hai bên. Quan tư lộc xuống ngựa, thưa hỏi vị vua. Vua nổi cáu, mắng: “Sao lại bắt người chưa hoàn tất thiện nguyện?” Vua sai dùng gậy sắt xử phạt, quan tư lộc gào to, thân thể quần áo đầm máu. Vua ra cửa, bảo Từ An: “Ông nhờ ơn vợ, phát nguyện tạo tượng Đại Sĩ, ta vì chúng sanh đền trả tội nghiệp mà hiện thân Diêm Vương, thật ra là pháp vương. Nếu có chúng sanh quy y đức Địa Tạng, sẽ thỏa mãn điều mong cầu. Ông hãy sớm trở lại nhân gian để hoàn tất nguyện ấy”. Vua liền sai người đưa về. Nay được tỉnh ngộ. Tâm ta chẳng tin, hủy báng đại thánh, muốn cắt lưỡi để sám hối.

Vợ bảo: “Cắt lưỡi chẳng phải là sám hối. Nếu do đất mà ngã, vẫn phải do đất đứng lên. Ông hãy nên quy y Địa Tạng Bồ Tát, sám hối”. Ông liền làm theo lời vợ. Tạo tượng trong một ngày, hết sức hối hận lỗi trước. Mỗi ngày trai đều lễ bái cúng dường, siêng năng khuyên người sang, kẻ hèn phụng sự Địa Tạng Bồ Tát.

## ***17. Tạo tượng diệt nghiệp***

Đời Hậu Châu<sup>269</sup>, thượng thư Bá Duyệt rất tin Tam Bảo. Vợ ông do sanh nở mà chết, ông bèn tu phước hồi hướng, tạo tượng Địa Tạng

---

<sup>268</sup> Càn Hựu là niên hiệu của Hán Cao Tổ Lưu Tri Viễn, như vậy, nhà Hán nói ở đây là nhà Hậu Hán thuộc thời Ngũ Đại, không phải là nhà Tiền Hán do Lưu Bang sáng lập sau khi diệt nhà Tần của Tần Thủy Hoàng.

<sup>269</sup> Hậu Châu là một triều đại ngắn ngủi nhất trong thời Ngũ Đại, trước sau chỉ tồn tại chín năm! Quách Oai vốn là quyền thần của nhà Hậu Hán, lập nhiều chiến công,

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện Kinh Khoa Chú***

Bồ Tát cao bằng thân người, lập hội trai tăng, dốc cạn lòng thành lễ bái, cúng dường. Ông mộng thấy vợ mặc xiêm y mới sạch, bảo Bá Duyệt:

- Tôi trước kia là vợ người ta, chẳng sanh con. Chồng thường than thở không con. Tôi liền bảo chồng cưới thiếp. Không lâu sau, cô ta có thai. Chồng yêu kính vợ mới, tôi sanh dạ khác, làm ra vẻ thân thiết, dùng thức ăn ngon trộn lẫn thuốc độc giết mẹ con họ. Do vì lẽ ấy, đọa vào ngục Vô Gián sáu kiếp. Lại sanh trong nhân gian, vì sanh nở mà chết đã năm mươi bảy lần rồi! Đời đời thường làm vợ ông, chịu nỗi khổ to lớn ấy. Nay ông vì tôi tạo thánh tượng để giúp phước, nghiệp ấy đã diệt, sanh lên trời Đao Lợi, oai quang hơn hẳn trước kia. Sau khi sanh làm kẻ phối ngẫu của một vị trời, sẽ vĩnh viễn chẳng mang thân nữ. Nơi Thiện Pháp Đường của cõi trời ấy, cứ vào ngày Hai Mươi Bốn mỗi tháng, vô lượng vô biên hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát trong một tam thiên đại thiên thế giới nhóm họp nơi đó, đầy khắp dưới cội Vô Ưu, thuyết pháp lợi sanh. [Các hóa thân ấy] đều có hình dáng một vị Tăng kim sắc. Có một lúc, Ngài vì tôi thuyết pháp bảo: “*Vợ chồng các người tạo tượng, đúng pháp tu hành, được thoát đường khổ*”. Do ở trên trời, cho nên sanh thiện tâm, chẳng khởi tà tâm.

Bá Duyệt tỉnh giấc, vui buồn lẫn lộn!

### ***18. Được thấy mẹ đã mất***

Vào thời Ngũ Đại, cô gái họ Đặng ở Vi Châu mất mẹ từ bé, được bác nuôi nấng. Ngày đêm nhớ mẹ, cầu hỏi sa-môn: “Làm thế nào để lại thấy mặt mẹ?” Sa-môn bảo: “Địa Tạng Bồ Tát bốn nguyện đại bi. Cô nhất tâm xưng niệm, sẽ lại được thấy”. Cô ta bèn ngày đêm xưng danh. Về sau, thưa với sa-môn: “Con nhờ ơn thầy, lại được thấy từ nhan. Kính cẩn dâng cúng một bộ xiêm y”. Sa-môn gạn hỏi cận kề đầu đuôi, cô kể:

---

quyền cao, chức cả. Khi Hán chúa là Lưu Trí Viễn chết, con là Lưu Thừa Hựu nối ngôi, thấy các đại thần nắm binh quyền quá mạnh, bèn lập mưu giết các đại thần. Quách Oai bèn khởi binh chống lại, tôn Lưu Vân làm vua mới. Sau đó, đem quân lên miền Bắc đánh Khiết Đan, ngầm sai người giết chết Lưu Vân, rồi sai tay chân ủng hộ mình lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Châu, nhưng ông ta chỉ làm vua được ba năm thì chết. Ngôi vua phải truyền cho con nuôi là Sài Vinh, tức Châu Thế Tông. Do phải chinh chiến liên miên, tiền bạc thiếu hụt, Châu Thế Tông nghe lời sàm tấu của đạo sĩ, đã phé trừ đạo Phật, phá hủy chùa chiền, hạ lệnh nung chảy tượng Phật, chuông đồng để đúc tiền, tạo thành pháp nạn cho Phật giáo Trung Hoa. Chính ông ta đã hạ lệnh phá hủy 30.336 ngôi chùa và đuổi sáu vạn tăng ni về đời.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú***

“Con mộng thấy theo sau một vị sa-môn, bay lên trời. Thấy tòa điện báu ma-ni bốn mươi chín tầng, chư thiên đầy đầy trong ấy. Mẹ đang ở trong số những người bên ngoài. Con đến nơi, lễ bái, thưa hỏi. Mẹ nói: ‘Con niệm Địa Tạng Bồ Tát, đưa mẹ đến nơi này lại được gặp con’. Cảm ứng như thế, dám quên ơn thầy ư?”

### ***19. Con cháu được gia hộ tốt lành***

Vào thời Ngũ Đại, ở Kinh Châu có một người sống bằng nghề săn chim nhạn nổi tiếng khắp cõi đời, được gọi là Nhạn Hùng. Lúc năm mười một tuổi, mắc chướng khí chết đi, vợ ông ta đem bỏ xác nơi gò mả để nuôi cọp, sói. Ba ngày sau, ông ta sống lại, trở về nhà cũ. Vợ con kinh sợ, cho là đã biến thành cuồng quỷ. Nhạn Hùng kể cận kề:

- Khi ta chết, xe bốc lửa đến đón, bị lửa dữ thiêu đốt. Có một vị sa-môn dùng nước xối lên. Lửa tắt, thân được mát mẻ, sanh ý niệm hy hữu! Kế đó, tới chỗ vua. Lợn, dê, gà, trĩ, ngàn vạn cầm thú tiến đến tâu với vua: “Hắn đoạt mạng con, xin trị tội Nhạn Hùng”. Đại vương trả lời: “Các người đã tố cáo, Nhạn Hùng ắt là kẻ ác. Chỉ có điều tổ tiên của hắn quy y đức Địa Tạng, con cháu của họ được thoát khỏi nỗi khổ nung đốt”. Nhạn Hùng thấy tình hình đó, bèn nhất tâm xưng danh Địa Tạng Bồ Tát. Chim, thú trong điện đều biến thành hình người. Vua liền thả ta. Do vậy, sống lại.

Ông ta bèn bỏ nhà, phát tâm, xưng là Phật Nô (đầy tớ của Phật), du hành trong nhân gian, khuyên mọi người quy y Địa Tạng Bồ Tát.

### ***20. Chuyển yếu thành thọ***

Đời Tống, sư Thích Huệ Ôn chùa Khai Bảo có nuôi một bé trai chẳng rõ tên họ, mới vừa mười bốn tuổi. Thầy tướng Kiện Chân bảo nó sẽ đoản thọ, sống hơn một tháng nữa, ắt sẽ chẳng nuôi nổi. Sư nghe lời ấy, cho nó về nhà. Khi ấy, trời mưa to, đi lại chẳng thông thuận. Nó ngủ nhờ nhà một thợ vẽ, thấy tượng Địa Tạng Bồ Tát, bèn dùng móng tay, bắt chước ông ta vẽ vôi, vẽ ở trên vách. Khi trời tạnh bèn về nhà. Hơn một tháng sau, trở lại chùa Khai Bảo. Huệ Ôn hoan hỷ, bảo Kiện Chân nói nhảm. Liền gọi Kiện Chân đến gặp đưa bé. Ông ta kinh ngạc bảo: “Tuổi thọ tăng lên năm mươi năm. Chuyện này hiếm có, chẳng biết do đâu”. Đứa bé tự nói: “Con dùng móng tay vẽ hình tượng Địa Tạng. Đêm hôm ấy, có vị tăng bảo con trong giấc ngủ: ‘Người năm mươi, năm mươi’. Đồi ba lượt như thế rồi chẳng thấy nữa”. Huệ Ôn và thầy tướng

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện Kinh Khoa Chú***

số đều than chưa từng có! Về sau, đứa bé xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, hiệu là pháp sư Huệ Tạng.

### ***21. Phóng quang quét sạch bệnh dịch***

Đời Tống, ở vùng quê của Liêu Thành có khoảng hơn hai ngàn nhà, đều tín phụng Phật pháp và tin tưởng Quán Âm, Địa Tạng. Họ coi trọng kinh Quán Âm, kinh Địa Tạng, và kinh Thập Luân. Có một ngôi chùa cổ, ba gian bốn chái, lợp ngói xanh, vách lá. Hai bên là tượng Quán Âm và Địa Tạng, cao bảy thước năm tấc. Chính giữa thờ tượng A Di Đà Phật, cao một trượng sáu thước, thường có điềm lạnh. Trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc đời Tống Thái Tông, bệnh dịch tràn lan, người chết yếu rất nhiều. Vị thành chủ cầu đảo nơi tượng Địa Tạng Bồ Tát. Tượng phóng quang chiếu vào làng, mọi người đều được bình phục, người đã chết sống lại.

Có một bà đồng chẳng tin Phật pháp, đã mắc bệnh chết qua một ngày mới sống lại, đến tinh xá, lễ đức Địa Tạng, khóc lóc, cầu xin xuất gia. Mọi người hỏi nguyên do. Bà đồng thưa:

- Tôi bị quỷ trói, tuy gọi thần cứu, thần thấy ác quỷ được sa-môn cảm hóa bèn bỏ tôi mà đi. Có vị sa-môn bảo: “Người là nữ nhân ngu si, uổng công nương cậy thần đạo, chẳng tin Phật pháp. Ta là Địa Tạng Bồ Tát trong ngôi đại tự, do thành chủ thỉnh cầu, bèn cứu nữ nhân ngu si người. Ta trao cho người sanh mạng để kiến tạo chùa trong làng quê hòng trực tiếp bảo vệ họ”. Tôi dứt tâm ác, trọn chẳng điều khiển quỷ nữa. Vì sao vậy? Quỷ là tự nghiệp, chẳng phải do ai khác làm ra.

Bà đồng thuật lời vị sa-môn nói xong, bèn tự nói: “Nay tôi thấy nghe chuyện này, lại được sống sót, cải tà quy chánh, cho nên xin xuất gia”. Người nghe nói đều tùy hỷ, chấp thuận cho bà ta làm ni.

### ***22. Cầu thỉnh mọc răng***

Đời Tống, nơi góc Đông Bắc chùa Thiên Phước có thánh tượng Địa Tạng cao một thước sáu tấc, chẳng biết do ai tạo vào thời đại nào, chỉ tương truyền hết sức linh dị. Hễ tìm đến xin ngủ lại để lễ sám, ắt sẽ được cảm thông. Khi ấy, có một vị cư sĩ, lúc ba mươi bảy tuổi, không còn một cái răng nào. Ông ta tìm đến trước tượng, nhìn ăn, cầu thỉnh. Nửa đêm cảm mộng, thấy tượng đến xoa đầu, khắp thân nhẹ nhàng, an vui. Tỉnh giấc, đã mọc ba mươi tám cái răng. Người thấy nghe linh dị, vẽ

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

phông theo tượng để lễ bái, đều được cảm thông, trong cõi đời có nhiều người biết, chẳng thể ghi trọn.

### ***23. Vãng sanh Tịnh Độ***

Đời Tống, ni sư Trí Tạng ở Thái Nguyên đặc biệt phụng sự Địa Tạng Bồ Tát, thích cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Bà bỏ ra hai trăm đồng, vẽ tượng A Di Đà Phật, hai bên vẽ hai vị Địa Tạng và Quán Âm, đặt ở trong phòng xá, tín tâm lễ bái, cúng dường, Năm Canh Thìn (980) trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc, gió lốc thổi hư nhà, ni xá cũng bị hư. Hôm sau, tìm tượng chẳng biết mất chỗ nào, lòng sanh ưu não! Bà cầu khẩn, niệm Địa Tạng Bồ Tát, chiêm ngưỡng hư không, thấy xa xa có một vật bay lơ lửng trên không, tỏa mây luồng quang minh như ánh chớp. Lúc sau rơi xuống, chính là tượng bà mong cầu, vui mừng quá đỗi! Vẫn đặt trong phòng, ngày Hai Mươi Ba tháng Hai năm [Thái Bình Hưng Quốc] thứ bảy (982), bà bảo bạn bè: “Địa Tạng Bồ Tát hướng dẫn tôi về Tịnh Độ, ngày mai chắc chắn vãng sanh”. Bà thắp hương, rải hoa, xướng danh hiệu Tam Bảo, mỗi danh hiệu một trăm lễ tám lượt, ngồi ngay ngắn hướng về Tây, chấp tay, qua đời.

### ***24. Con ngoan được của báu***

Đời Tống, tại huyện Hải Lăng, mấy đứa trẻ chơi đùa bên bờ biển, giỡn hót vẽ tượng Địa Tạng Bồ Tát trên cát. Bỗng chốc nghe tiếng sấm, đứa nào đứa nấy kinh hãi bỏ chạy tán loạn. Khi ấy, có một vị sa-môn tiến đến cứu giúp: Đứa yếu đuối bèn nâng đỡ, đứa ngã bèn đỡ dậy, đỡ dành đứa khóc lóc. Đứa con của ông thợ vẽ X... kinh hãi chạy quàng xuống biển, Sư công nó lên bờ, cho ăn uống, lại trao cho một viên ngọc, hình dạng giống như thủy tinh, to bằng hạt sen. Cha nó đem con về nhà, bèn tạo thánh tượng. Đứa con sau khi lớn lên rất cuộc phú quý.

### ***25. Đại Sĩ hóa thân***

Đời Tống, sa-môn Trí Hựu là người ở Tây Ấn Độ, sang Trung Hoa trong niên hiệu Thiên Phước, trụ tại chùa Thanh Thái. Trong kinh tượng Sư mang theo, có tượng Địa Tạng Bồ Tát, và bản tiếng Phạn kinh Bản Nguyên Công Đức. Trong bức tượng ấy, trong vòng tròn chính giữa, vẽ tượng Bồ Tát, hai bên có mười thánh tượng đội mũ, cầm vật



## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

báu. Bên trái là năm vị: Một là Tần Quảng Vương, hai là Sở Giang Vương, ba là Tống Đế Vương, bốn là Ngũ Quan Vương, năm là Diêm La Vương. Bên phải có năm vị: Một là Biện Thành Vương, hai là Thái Sơn Vương, ba là Bình Đẳng Vương, bốn là Đô Thị Vương, năm là Ngũ Đạo Chuyên Luân Vương. Mỗi vị đều có các [thuộc hạ] như tư mạng, tư lộc, phủ quân, điển quan v.v... Sư tự nói duyên khởi như sau:

- Xưa kia, ở Tây Ấn Độ, có một Bồ Tát từ bi cứu thế, phát đại thệ nguyện, vì cứu chúng sanh đang chịu khổ trong tam đồ, cho nên vẽ tượng Địa Tạng, hướng về mười vương thành, truyền dạy: “Nay ta phát nguyện cứu khổ tam đồ, xin hãy tạo lợi ích”. Mười vị vua đều chấp tay, kính cẩn đáp ứng, bạch với tượng vẽ rằng: “Hết thấy chúng sanh đều mong được đại thánh dạy bảo. Chúng con kính cẩn làm bạn lữ phụ trợ”. Khi ấy, tôn tượng mỉm cười bảo: “Lành thay! Tội nghiệp của chúng sanh không lâu sẽ được nhẹ bớt”. Liền phóng đại quang minh, chiếu thấu tam đồ khổ não. Các chúng sanh được chiếu đều ngưng dứt các khổ. Đây chính là vị Bồ Tát tại Ấn Độ nhập Lợi Ích Chúng Sanh tam-muội, cầu thỉnh các đại vương ban cho đại lợi. Vị Bồ Tát ấy tự vẽ lại những gì đã thấy, nên vẽ thêm mười vị vua bên cạnh tôn tượng Địa Tạng.

Ngài Trí Hựu lại nói:

- Ta ở Lưu Sa, gặp phải quỷ yêu mị, bèn cầu khẩn, niệm Bồ Tát, do vậy, được Bồ Tát cầm tích trượng xua đuổi chúng. Lại trong đêm khi mưa to trút xuống, khổ vì không có đèn lửa, chẳng biết thứ gì, mãnh thú gầm rống, người lẫn ngựa đều lạc đường. Tượng này phóng quang soi sáng như ban ngày, mãnh thú bèn tan chạy, đường lối lại thông suốt. Lại gặp sông lớn, sóng cả cuộn trào, chẳng biết sâu cỡ nào. Nước ấy rất yếu, chẳng đỡ nổi chiếc lá, huống chi thuyền bè? Ta cầu nguyện thánh tượng, liền thấy một vị sa-môn và hai đồng tử, một đồng tử cầm phan, một đồng tử chèo thuyền. Sa-môn tay cầm quyền kinh tiếng Phạn, liền đưa bọn ta vượt sông. Đã đến bờ Đông, lúc sắp từ biệt, Ngài tặng ta cuốn kinh tiếng Phạn, bảo Tăng tục trong cõi này có thể sao chép lại. Do vậy, mọi người tranh nhau sao chép, cảm được nhiều điều linh dị.

Ba năm sau, chẳng biết ngài Trí Hựu và tượng ở đâu, mọi người đều ngờ Ngài quay về Ấn Độ. Chắc sa-môn Trí Hựu chính là hóa thân của đức Địa Tạng.

## ***26. Người đánh cá được hóa độ***

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

Người đánh cá ở Minh Châu, chẳng biết tên họ là gì, xuống biển bắt cá. Trong lưới, bắt được một tượng giống như một vị tỷ-kheo, chẳng biết nguyên do, bèn bỏ bên bờ. Đêm đến, mộng thấy một vị Tăng, thân có quang minh, bảo người đánh cá: “Sao ngươi bỏ ta?” Người đánh cá nói: “Thầy là ai vậy?” Đáp: “Ta là Địa Tạng Bồ Tát ở trong biển đã lâu, cứu tế thủy tộc, nửa số ấy được sanh lên trời. Nay luyện mộ các người bèn xả thân trong lưới”. Người ấy tỉnh giấc, hối lỗi, kiến tạo một tinh xá, an trí tượng ấy. Ngư dân chỗ ấy đến nay vẫn sùng phụng, lợi lạc chẳng có cùng cực!

### ***27. Chí hiếu được tăng thọ***

Trần Kiện ở Đài Châu một mục đoan chánh, chí hiếu vượt hẳn kẻ khác. Ông dựng nhà nuôi dưỡng song thân, phát tâm vì cha mẹ tạo hai bức tượng Địa Tạng và Quán Âm, mỗi tượng cao ba thước. Năm Càn Đức thứ tư (966), ông mắc bệnh nhẹ, bỗng chết ngất đi. Cha mẹ khóc lóc. Bốn tiếng sau, ông tỉnh lại, lễ bái cha mẹ, bạch rằng:

- Con chết bỏ lại cha mẹ, chưa trọn lòng hiếu thảo. Bỗng đến trước điện Diêm Vương, thấy hai bức tượng do con đã lập, đứng sẵn trong điện. Vua hướng về đó xá bái. Thấy con đến, vua bèn dặt tay, hai vị Bồ Tát đến đỡ bên hông con dẫn lên sảnh đường. Tượng phát tiếng hòa nhã: “Đàn việt chưa thỏa lòng hiếu, xin đại vương thả về nhân gian”. Vua bạch cùng tượng: “Mạng nghiệp của ông này đã tận, cha mẹ ông ta mạng dài”. Tượng nói: “Thọ mạng vô định, tùy duyên mà sửa đổi, chuyển biến. Đàn việt tu phước nghiệp, lẽ đâu chẳng trở về?” Vua kiểm trong một quyển sách rồi thưa: “Nếu ai chí hiếu, tạo tượng hay vẽ tượng, thọ mạng dài lâu. Có thể tăng thêm tuổi thọ cho ông bốn mươi năm nữa, hai mươi năm tận hiếu, hai mươi năm sau sẽ được con hiếu thảo báo đáp”. Có vị quan mặc áo màu lục mở sổ, tâu với vua: “Con của ông Kiện chỉ thọ mười năm, ai sẽ hiếu thảo?” Vua phán: “Pháp vương không hai lời. Hãy nên tăng tuổi thọ cho đứa con”. Con nghe nói lời ấy xong bèn tỉnh lại.

Người nghe kể đều than là “chưa từng có”!

### ***Phụ lục 5:***

#### ***Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Cận Văn Lục***

(Ghi chép những chuyện linh cảm gần đây của Địa Tạng Bồ Tát)

### ***1. Mộng thấy tăng tuổi thọ***

Ông Tả Lý Hòa là cháu bên vợ của người anh thứ hai của tôi. Lý Hòa là chắt của Tả Văn Tương Công, rất tin Phật pháp, lại thông hiểu khoa học rất sâu. Ông ta kể mẹ ông thường ngày dốc lòng tin tưởng Phật pháp, trì kinh Địa Tạng rất kiên thành, thường đích thân chế thuốc tặng cho người khác. Khi chế thuốc, bà thắm niệm chú Đại Bi, cho nên khá thần hiệu. Lúc bà hai mươi bốn tuổi, bệnh đã nguy ngập, trong lúc gần mê man, vẫn dặn người nhà ăn chay, thỉnh Tăng kiên thành tụng kinh Địa Tạng ba ngày. Trong mơ, bà thấy Địa Tạng Vương Bồ Tát hình dáng như một vị cao tăng, khoác áo ca-sa, tay cầm tích trượng, bảo: “Tuổi thọ của bà đã hết. Do nghĩ bà chân thành, chuyên dốc, làm nhiều chuyện lành, tăng thọ mười hai năm nữa”. Bệnh liền khỏi hẳn. Về sau, quả nhiên bà mất lúc ba mươi sáu tuổi. Lý Hòa nói: “Con thường nghe mẹ ra rả răn dạy như thế”. Nhiếp Vân Đài ghi.

### ***2. Trai giới, tụng kinh, tiêu trừ bệnh thũng***

Bà Tào Tông Thanh hiệu là Tuyết Tài, là người Ngô Huyện, tự ghi như sau:

Mẹ tôi là Phan Thị, bệnh đã hơn ba năm. Sang mùa Xuân năm Mậu Thìn (1928), càng nguy ngập hơn, toàn thân sưng thũng. Thầy thuốc bảo: “Căn bệnh này gọi là Khí Hư Trung Mãn, cần phải chờ cho nước dưới da rút hết thì mới được mạng chung, đã không có cách nào chữa trị!” Khi ấy, tôi nhậm chức ở Thân Giang, mỗi tháng về thăm một lần. Tháng Tư về thăm, thấy bệnh mẹ đã mấy lần nguy ngập. Da bóng nhẫy như gương, nước trướng lên đầy ắp gần như sắp vỡ da, kêu gào đau đớn chẳng dứt bên tai. Tôi bi sầu vạn phần. Do vậy, tìm hỏi phương cách nơi các bạn tin Phật. Họ dặn tôi hãy kiên thành trì tụng kinh Địa Tạng Bản Nguyên để cứu chữa căn bệnh của mẹ thì sẽ có thể cảm ứng nhất. Ngay hôm đó, tôi phát nguyện tụng ba mươi quyển kinh Địa Tạng, ăn chay ba tháng. Nếu mẹ già được thũng tiêu, lành bệnh, sẽ suốt đời thờ Phật, hành Địa Tạng nguyện, thề cho tới hết đời vị lai, sẽ độ chúng sanh đang khổ sở trong địa ngục.

Tới buổi sáng ngày Hai Mươi Bảy tháng Năm, tụng kinh viên mãn, mẹ tôi liền tiểu tiện, đi tả dữ dội, suốt cả nửa ngày một đêm mới

### *Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú*

dừng. Cả nhà kinh hoảng, mẹ cũng tự cho rằng ắt không qua nổi. Sau khi thầy thuốc chẩn đoán, than thở: “Lạ thật! Có sao cụ già bảy mươi ba tuổi bệnh tật đã lâu, lại có sức mạnh có thể đả thông đường tiểu tiện, bài tiết sạch nước dưới da. Căn bệnh này không bao lâu sẽ lành”. Quả nhiên, hai ba ngày sau, làn da trước kia bóng nhẫy như gương đã biến thành khô khan, nhăn nheo. Bệnh thũng toàn thân tiêu mất, bệnh xưa khỏi hẳn!

### *3. Phát nguyện cảm mộng*

Bà Tào Tông Thanh lại nói: Tôi từ lúc được Địa Tạng Bồ Tát cảm ứng cứu mẹ, tâm tin Phật càng thêm kiên thành, chuyên chú. Mùng Bốn tháng Giêng năm Kỷ Tỵ (1929), đến yết kiến pháp sư Đại Ngu. Vừa mới gặp mặt, Sư liền nói tôi có duyên với Đại Sĩ, dặn dò hãy phát thệ như đức Địa Tạng. Ngày hôm sau liền truyền đại pháp. Tôi bèn kiên thành tu pháp, đối trước Phật sáng tối phát thệ, nguyện đến tốt cùng đời vị lai, vĩnh viễn độ chúng sanh đang chịu khổ trong địa ngục. Chẳng ngờ lại vì đó mà cảm thông với chúng sanh trong địa ngục.

Đêm hôm Hai Mươi tháng ấy, tôi mơ một giấc mộng lạ, cảm thấy một mình mờ mịt đi trên đường. Dường như có người ở bên cạnh dẫn tôi đi đến chiếc cầu sắt. Đi tới trước chưa được mấy bước, liền nghe dưới cầu có tiếng khóc rền đất như là tiếng gào khóc của mấy ngàn vạn người nam, nữ, già, trẻ, lớn, bé, chen nhau rống lên. Khi đó, lòng tôi khôn ngăn đau xót! Tự nghĩ thử bé từng nghe người ta nói: “Dựng cầu, cần phải té bằng người sống”. Đây có phải là tiếng khóc của những người bị hại chết đây chăng? Tâm thật thê lương bất an, nhưng vẫn tiến lên trước. Cầu dài khoảng mấy dặm, tiếng khóc vẫn y như cũ. Đi hết cầu, thấy một cửa thành bằng sắt cực cao rộng. Đã ra khỏi, liền tỉnh mộng.

Khi ấy, tôi đã biết mình đang nằm trên giường, nhưng tiếng khóc thê thảm bất nhẫn vẫn văng vẳng bên tai, chưa hề giảm bớt, hết sức kỳ lạ! Bèn xúc lại tinh thần, dưới ánh sáng chiếu rọi của ngọn đèn điện, xét khắp các vật trong phòng, quả thật không có thứ gì có thể phát ra âm thanh. Do vậy, bèn nghĩ kỹ âm thanh ấy, dường như một mực cực đau khổ, khó thể chịu nổi trong chốc lát. Tôi bất giác đau xót, nước mắt rùng rùng! Bỗng ngộ ra: Đây ắt là tiếng khóc của chúng sanh đang chịu khổ trong địa ngục, liền mặc quần áo, ngồi xếp bằng. Tiếng ấy mới dứt.

Sáng hôm sau, tôi kể với pháp sư Đại Ngu. Theo lời thầy, đây thật sự là tiếng khóc của chúng sanh đang chịu khổ trong địa ngục. Do tôi tâm kiên thành thệ nguyện như đức Địa Tạng, nên cảm ứng bọn họ,

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú***

khiến cho tôi đích thân nghe thấy tình trạng thâm của họ, mong quyết tâm tu hành. Nếu tôi viên mãn công đức sớm hơn một ngày, chúng sanh trong địa ngục sẽ thoát ly khổ nạn sớm hơn một ngày. Tôi nghe thầy dạy, do vậy, phát thệ nguyện buông bỏ hết thảy, chuyên tâm tu hành, liền xin thôi dạy học, giữa tháng Năm vào núi tịnh tu.

#### ***4. Đắp tượng lành bệnh***

Cồ Tồn Tín là cháu ngoại của học trưởng Hứa Viên Chiếu. Khi mới lên hai, cháu bị chứng kết hạch<sup>270</sup>, bệnh rề rề suốt ba năm. Bệnh càng thêm ngặt nghèo, các thầy thuốc đều bó tay. [Cha mẹ cháu] bèn nghe theo lời khuyên của ông Hứa, đem những vật trang sức mà đứa trẻ yêu thích nhất, vâng theo ý kinh dạy, đổi trước đứa trẻ bị bệnh nói ba lượt, sau đó, đem bán được một khoản tiền là mười đồng, kính tạc một bức tượng Địa Tạng Bồ Tát, mỗi ngày kiên thành đánh lễ. Sau đấy, căn bệnh đó như mất hẳn, tới nay đã mấy năm, ngay cả những chứng cảm mạo, bệnh vặt chưa hề phát ra chút nào! Mồng Hai tháng Ba năm Dân Quốc 16 (1927), tôi đến thăm ông Viên Chiếu tại nhà họ Cồ ở đường An Nạp Kim (Rue Hennequin), Thượng Hải, đích thân thấy, nghe. Lý Viên Tịnh ghi.

#### ***5. Mẹ hiện thân sửa đường***

Cư sĩ Tào Hựu Tân ở An Huy, thuở bé lắm bệnh. Mẹ là Vi Thị đến núi Cửu Hoa dâng hương, cầu Địa Tạng Bồ Tát ngậm gia hộ, bệnh rề rề được lành. Do vậy, mẹ và con đều kiên thành thờ Phật. Tháp nhục thân là chỗ thù thắng giữ thân của Bồ Tát, là nơi hương đèn chánh yếu của cả núi. Thiện nam, tín nữ lui tới dâng hương, nối gót nhau, nhưng từ điện Thập Vương trước tháp cho đến khoảng đường Bạch Mã Đình, chùa Hóa Thành, và ao phóng sanh ở phía dưới, quanh co mấy trăm trượng, đường lối gập ghềnh, người hành hương e ngại. Bà Vi bèn phát nguyện, đợi trong nhà dư dả hơn, sẽ xây bậc thang. Lúc lâm chung, bà đem chuyện này dặn dò con chớ quên.

Nay đã mười mấy năm, Hựu Tân tuy luôn ghi khắc trong tâm, rốt cuộc công trình to lớn, chưa thể tiến hành được. Tháng Hai năm Mậu Thìn (1928), nhằm ngày thánh đản đức Quán Âm, Hựu Tân vào núi dâng

---

<sup>270</sup> Chứng kết hạch là bệnh lao, có thể là lao phổi, lao hạch, hay lao xương.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú***

huong. Lễ tháp xong, ở trước thiên đường phía trên [tháp] dạo bước, ngắm cảnh núi, bỗng thấy mẹ xen lẫn trong đám phụ nữ, thân đeo đầy hương, từ Chánh Thiên Môn bước xuống, cách ông chỉ mấy chục bước. Nhìn kỹ, dung mạo thật rõ ràng, ông vội vàng chạy tới, chớp mắt đã mất dấu.

Do vậy, ông nghĩ: “Có phải là di chí của mẹ chưa được thỏa, bèn hiện thân điềm hóa đây chăng?” Ông bèn dốc hết sức quyên mộ để thành tựu chí mẹ, hòng thấy thắng cảnh Linh Sơn, đường sá hiện vẻ trang nghiêm. Có thể nói là dùng cái tâm hiếu thuận để trên báo ân Phật, lợi lạc khắp hữu tình vậy. Hứa Chỉ Tịnh ghi.

### ***6. Mộng thấy Bồ Tát chỉ điểm để gặp con***

Triệu Quế Hình, người ở Hợp Phì, tỉnh An Huy, cày cấy, học hành. Vợ chồng tuổi đã ngoài năm mươi, chỉ có một đứa con tên là Tôn Kim, đã vào trường huyện học hành. Mùa Thu năm Kỷ Mùi (1919), Tôn Kim mắc bệnh thời khí<sup>271</sup>, được mấy ngày thì chết. Vợ chồng Quế Hình đau đớn, chẳng thiết sống nữa! Một đêm, mộng thấy Địa Tạng Bồ Tát đến an ủi, bảo: “Con ông bà đã tá thi hoàn hồn tại nhà họ X... Cuối năm, ông bà lên núi sẽ gặp”. Quế Hình tỉnh giấc, kinh hỷ chen lẫn; nhưng lại nghĩ mình tưởng nhớ chắt chừa thành si, huyền mộng khó tin! Chỉ có điều đã được chỉ dạy trong mộng, không thể bỏ lơ được, bèn vào tháng Chạp, vợ chồng dắt díu nhau, triều bái núi Cửu Hoa. Vừa mới tới Phật điện, một đứa trẻ chặn đường, hô to: “Cha ơi, mẹ ơi, đừng bỏ con”. Hỏi dò, mới biết tên họ, quê quán, chỗ ở, đem nhân duyên sanh ra và chết đi của đứa con họ Triệu đối chiếu [hoàn toàn khớp với giấc mộng]. Hơn nữa, diện mạo tuy khác, âm thanh chẳng đổi. Nó lại nói: “Bồ Tát cứu té, khiến cho con được hoàn hồn”. Vợ chồng hết sức vui mừng, dẫn về làm con như trước. Nhà cha ruột của nó nghe chuyện, tranh chấp, thưa kiện, nhưng đứa trẻ nói đích xác nó là con nhà họ Triệu hoàn hồn, chẳng muốn trở về nhà cũ. Do vậy, qua sự điều giải của mọi người, hai nhà qua lại, nó làm con cả hai bên. Đây cũng là chuyện phán quyết kiểu Trương Hợp có người nối dõi như trong Kim Sử vậy. Vào năm Dân Quốc thứ chín (1920), Quế Hình cúng tặng bức hoành phi “*Phật pháp vô biên*”

---

<sup>271</sup> Bệnh thời khí: Bệnh truyền nhiễm lan truyền nhanh chóng trong một thời gian ngắn như cúm, viêm màng não, dịch tả, dịch hạch v.v... Do bệnh thường xảy ra vào lúc giao mùa, nên cổ nhân gọi chung là “bệnh thời khí”.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

trên núi và ghi lại đầu đuôi chuyện ấy. Ông Tào Hựu Tân lên núi triều bái, trông thấy, chép đại lược chuyện ấy như thế đó. Hứa Chỉ Tịnh ghi.

### ***7. Lễ bái, sanh nở an ổn***

Trưởng nữ của cư sĩ Lương Bích Viên lấy người họ Trương. Mấy năm trước, chồng cô ta sang Hà Nam nhậm chức kỹ sư khai khoáng, nhằm lúc cô ta đang có thai. Cư sĩ lo cô không có người bầu bạn chăm sóc, bèn bảo cô dùng giấy vàng viết “*Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát*”, mỗi sáng dâng hương, lễ bái, ắt sẽ sanh nở bình yên, thuận lợi. Cô ta làm theo lời dạy. Tới khi sanh nở, làng quê không có y tá và bác sĩ, nhưng cô chẳng khổ sở mảy may. Hai năm sau, cô lại có thai, vẫn dùng cách thức trên đây. Hai đứa con, một trai, một gái, tướng mạo đoan nghiêm, đẹp đẽ, thông minh, hòa nhã, hiền lành, tôi đều trông thấy. Nhiếp Vân Đài ghi.

### ***8. Đọc kinh, mộng thấy mẹ***

Cư sĩ Ngô Khê Bi người Giang Tô. Tháng Năm năm Dân Quốc 17 (1928) mất mẹ. Hai mươi bảy ngày sau, gặp cư sĩ Triệu Vân Thiệu khuyên niệm kinh Địa Tạng Bồ Tát Nguyên, bèn bắt đầu ngay từ hôm ấy, mỗi ngày dâng hương, cung kính đọc một lần tới chung thất mới thôi. Một tháng sau, cư sĩ vừa ngủ say, bỗng nghĩ như thế này: “Phàm ai chí tâm nguyện thấy, rốt cuộc ắt được thấy, bèn niệm danh hiệu A Di Đà Phật và danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, mong cậy vào oai thần, đến được chỗ mẹ”. Liền cảm thấy có cánh tay đẩy sau cổ, bèn nương theo hướng đó, bay vọt lên không trung mà đi, xuyên qua tường vách, trợn chẳng bị chướng ngại. Hai mắt hé mở, thấy cảnh vật lò mờ. Qua một đoạn đường dài, tới một chỗ, bỗng đằng sau có người dường như cùng đi, bảo cư sĩ: “Vẫn chẳng được thấy, biết làm sao đây?”

Cư sĩ ngẩng đầu, thấy một khu rừng rậm, liền quỳ gối cầu Địa Tạng Bồ Tát, thưa bày tình trạng gần đây của mẹ. Bỗng nghe trên hư không có người đáp lời, nhưng nghe chưa rõ, hỏi người đi cùng lời đáp là như thế nào? Người ấy bảo: “Là bất thoái chuyển”. Do vậy, cư sĩ nghĩ: “Đã là bất thoái chuyển, ắt đã sanh về Tây Phương. Người trả lời ắt là Địa Tạng Bồ Tát”. Liền lễ bái, kêu lên: “Cầu Bồ Tát phát đại từ bi cho con được thấy mẹ”. Nói lời ấy xong, người cùng đi bèn chỉ lên phía trên. Cư sĩ ngẩng đầu nhìn, quả nhiên thấy lầu gác long lanh, trang nghiêm tột

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bồn Nguyễn Kinh Khoa Chú***

bạc! Lệnh về phía trái là một ghềnh đá. Trên ghềnh đá có gác, mẹ của ông ta thò đầu ra ngoài cửa sổ, như đóa hoa phù dung hàm tiếu, vẫy tay. Cư sĩ gọi mẹ, liền thấy mẹ đứng dưới chỗ đất trống, màu áo hơi vàng, hướng về ông nói gì đó, nhưng ông nghe không rõ, xin mẹ nhắc lại. Mẹ lại nói: “X... (nhũ danh của em trai cư sĩ) cũng ở đây”. Đang muốn hỏi mẹ về lúc lâm chung có cảm thấy khổ sở hay không, mẹ đã xoay mình sắp đi nơi khác, bèn vội hô lên: “Mẹ tự bảo trọng”. Trong khoảnh khắc, mẹ đã lên chỗ cao, ẩn mất. Cư sĩ chấp tay, ngửa mặt lên trời, hô cảm tạ Địa Tạng Bồ Tát rồi tỉnh giấc. Nhiếp Vân Đài nghe Ngô cư sĩ đích thân thuật tình trạng trong mộng, ghi lại sự thật như vậy!

### ***9. Thoát nạn đạo tặc***

Thích Hoàng Nhất lúc còn tại gia đã tín ngưỡng Địa Tạng Bồ Tát. Năm Đinh Mão, tức năm Dân Quốc 16 (1927), Sư ở lại một ngôi chùa nhỏ thuộc vùng quê Hàng Châu. Trong phòng thờ tượng Địa Tạng Bồ Tát, và thường chí tâm trì tụng thánh hiệu. Có một buổi sáng, Sư mở cửa phòng, tới khách đường, thấy mọi vật quăng lung tung, ngổn ngang khắp đất, hỏi chư tăng cùng ở đó: “Chuyện gì vậy?” Họ đáp: “Ban đêm có nhiều gã cường đạo vào chùa, cầm dao, gậy cường bức tăng chúng để cướp đi rất nhiều tiền bạc và vật dụng. Chúng từng muốn vào phòng ngủ của Hoàng Nhất, dùng dao, gậy phá cửa phòng, nhưng sau một lúc lâu, rốt cuộc chẳng vào được”. Còn Hoàng Nhất ban đêm chỉ nghe trên lầu có tiếng người qua lại, nói năng, ngỡ là tăng chúng trong chùa, chẳng để ý chút nào, yên giấc suốt đêm, chưa từng chịu cảnh kinh hãi, mà cũng chẳng bị tổn thất gì. Mọi người đều nói là do Bồ Tát linh cảm. Thích Vong Ngôn ghi.

### ***10. Chết rồi sống lại***

Hồ Trạch Phạm ở Dư Diêu, còn có tên tự là Thắng Nguyệt, từng biên soạn bộ Địa Tạng Bồ Tát Bồn Nguyễn Kinh Bạch Thoại Giải Thích do Phật Học Thư Cục lưu thông đến một vạn mấy ngàn bộ, công đức rất lớn. Chiều ngày Ba Mươi tháng Bảy năm Nhâm Thân, tức năm Dân Quốc 21 (1932), con gái bé của ông tên là Nguyệt Chiêu, vừa tròn bốn tuổi, bỗng nhiên mắt trợn tròn, mũi nghẹt, mặt xanh tái, môi đen bầm, thở khò khè, ứa rớt dãi rồi chết ngất. Cây rằng đồ thuốc, nó chẳng thể nuốt xuống, cả nhà hoảng loạn. Lúc ấy, Hồ Trạch Phạm bỗng ngộ ra hôm ấy là thánh đàn của Địa Tạng Bồ Tát, bèn vội đối trước thánh



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú***

tượng, xót xa cầu gia bị. Cầu nguyện vừa xong, bỗng nghe cả nhà hoan hô, bé gái đã thờ được, mừng nó sống lại. Lại cho uống thuốc, nó cũng nuốt xuống được, chẳng bao lâu liền bình phục. Thích Vong Ngôn ghi.

### ***11. Bệnh trầm kha được lành***

Tỳ-kheo-ni Quán Nguyên người xứ Hải Trưng, tỉnh Phước Kiến. Cha bà là bậc tiên liệt thời Dân Quốc, từng hy sinh vì quốc nạn tại Quảng Châu. Quán Nguyên xuất gia tại núi Cửu Hoa, về sau, sống tại Áo Môn (Macau). Năm Nhâm Thân (1932), ni sư đến Hạ Môn học tập giới luật. Năm sau, liền bị đau bao tử, ăn không nổi một bát cháo. Bệnh tật rề rề cả nửa năm, trái trọn đủ mọi nỗi thống khổ! Thuốc Bắc lẫn thuốc Tây đều vô hiệu. Một hôm do đọc bài Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Đại Quan của sa-môn Hoàng Nhất, thấy đầu cuốn sách ấy vẽ thánh tượng trang nghiêm, sanh tâm hết sức hoan hỷ. Do vậy, tùy sức sắm hương, hoa, trái cây, cúng dường thánh tượng, cung kính chiêm ngưỡng, lễ bái. Suốt bảy ngày không nói, sám hối, lấy một bình nước sạch đặt trước thánh tượng, ngày đêm thầm niệm thánh hiệu. Sáng sớm hôm sau bèn uống một chén tịnh thủy ấy. Không lâu sau, đã có thể ăn một bát cơm. Nửa tháng sau, bệnh khỏi hẳn. Thích Vong Ngôn ghi.

### ***12. Vết thương nặng mau lành***

Thích Quảng Hiệp thường ngày sùng tín Địa Tạng Bồ Tát. Tháng Sáu năm Giáp Tuất (1934), núi Cửu Hoa quyền góp để đúc đại hồng chung. Quảng Hiệp ở Hạ Môn (Amoy) tận lực bôn tẩu dưới cái nắng gay gắt của mùa Hè. Trong mấy ngày, gom được một khoản tiền sáu bảy trăm đồng. Một hôm, Sư bị ngã, mắt và trán đập vào thềm đá, tuôn máu rất nhiều, thương thế khá nặng! Quảng Hiệp nhất tâm chuyên trì thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, chẳng bao lâu bèn lành. Thích Vong Ngôn ghi.

### ***13. Lành bệnh, tăng phước***

Mùa Hạ năm Dân Quốc 18 (1929), tôi sang Lư Sơn dưỡng bệnh. Vừa đến núi thì trở bệnh nặng, nằm bẹp suốt bốn tháng, chẳng thể rời giường. Lúc ấy, cư sĩ Lương Bích Viên đang ở trên núi, kể với đứa con út chuyện linh cảm của đức Địa Tạng, và khuyên nó niệm kinh Địa Tạng để tiêu nghiệp cho tôi. Đứa con vâng lời, niệm mười mấy ngày, bệnh tôi

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú***

chuyển biến khá hơn rất nhiều, liền xuống núi, trở về đất Hồ (Thượng Hải). Cùng lúc, con dâu tôi có thai, sanh được một trai. Tôi bèn in một vạn quyển Địa Tạng Linh Cảm Lục tặng cho người khác để báo ân Phật. Ngày Hai Mươi Tám tháng Ba năm Dân Quốc 24 (1935), Nhiếp Vân Đài ghi.

#### ***14. Tai điếc mà nghe tiếng niệm Phật***

Ông Đạn Thiết Tiều mắc bệnh đã lâu. Tôi khuyên ông ta niệm Phật, nhiều phen biện luận, vẫn chưa chịu nghe theo. Mùa Thu năm Dân Quốc 23 (1934), tôi tặng ông kinh Địa Tạng. Ông ta đọc mười mấy lần, tin tưởng, ưa thích sâu xa! Một hôm, bỗng vào lúc bốn giờ sáng, ông nghe có một tiếng khánh, kể đó là tiếng niệm Phật, từng chữ rõ ràng, nhưng ông Đạn điếc đặc mười mấy năm rồi. Dầu hét to bên tai, ông không thể nghe tiếng. Nay nghe tiếng niệm Phật, liền tiếp mấy chục câu. Âm thanh hay đẹp lạ lùng, trước giờ chưa hề nghe. Thoạt đầu, ông ngỡ là vợ đang tụng niệm công khóa, nhưng bà ta vẫn còn đang ngủ chưa dậy. Ông hết sức kinh ngạc, bất giác toàn thân run rẩy. Bốn giờ sáng hôm sau, nghe tiếng như cũ, bèn niệm theo. Chiều hôm ấy, ông ở dưới lầu, nghe tiếng như trước, đều là trước hết một tiếng khánh, sau đó niệm Phật hiệu.

Một hôm, ông ăn cua, sáng hôm sau chẳng thấy tiếng khánh và tiếng niệm Phật, bèn thăm cầu nguyện: “Nguyện từ nay về sau, suốt đời chẳng ăn cua”, thuận miệng niệm Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát bảy lần, tiếng khánh ngay lập tức vang lên, tiếng niệm Phật cũng nối theo sau. Tới nay đã gần nửa năm, ông vẫn hằng ngày đều nghe. Thoạt đầu, ông tưởng là do bệnh trạng nơi đại tiểu não, nhưng không nghe thứ tiếng nào khác, bèn biết là do Địa Tạng Bồ Tát linh cảm, hướng dẫn khiến ông niệm Phật, bèn bỏ ra hai trăm đồng, đề xướng tái bản kinh Địa Tạng, cật tôi đứng ra in thay. Ngày Hai Mươi Tám tháng Ba năm Dân Quốc 24 (1935), Nhiếp Vân Đài ghi.

#### ***15. Khởi hẳn bệnh cũ***

Bạn tôi là ông Diêu Mặc Am, tuổi sáu mươi, suy yếu, bệnh hoạn, quỳ tụng kinh Địa Tạng hai năm, bèn trừ được căn bệnh rề rề, thân thể mạnh khỏe, càng tin tưởng, ngưỡng mộ hết sức. Ông dặn tôi ghi lại chuyện linh cảm này để truyền bảo cho người khác, ngõ hầu những ai bị

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú***

tai ách, đau khổ, sẽ cùng phát khởi tín tâm, quy y Địa Tạng Bồ Tát, hoặc tụng kinh Địa Tạng, hoặc niệm thánh hiệu của Bồ Tát, tự nhiên hết thảy tội chướng đều được giải thoát, cùng được hưởng lợi lạc từ Phật pháp. Ngày Hai Mươi Tám tháng Ba năm Dân Quốc 24 (1935), Nhiếp Vân Đài ghi.

### ***16. Mắt có tật lại được phục hồi***

Cư sĩ Đào Hy Tuyên từng làm huyện trưởng huyện Hàng, nay ở đường Cự Lại Đạt (Rue Ratard) tại Thượng Hải, đã tin Phật từ xưa, thờ phụng Địa Tạng Đại Sĩ càng kiên thành. Trong nhà có điện thờ Phật. Mẹ ông họ Đoan Mộc, cũng hằng ngày trì thánh hiệu Di Đà. Người đầy tớ là Thạch Văn Khanh bị bệnh mắt đã lâu, một hôm bỗng lành. Ông Đào thấy người ấy khỏi bệnh quá nhanh, lấy làm lạ, gạn hỏi. Họ Thạch đáp: “Con mộng thấy cụ bà niệm Phật trong Phật đường. Do con bị bệnh mắt đã lâu chẳng lành, dạy con lấy nước cúng trước tượng Địa Tạng Đại Sĩ rửa mắt, cảm thấy hết sức thanh lương. Tỉnh mộng, con dụi mắt thì căn bệnh đã hết rồi”. Cư sĩ than rằng: “Bồ Tát thế nguyện hoằng thâm, bi tâm cứu khổ, làm đấng đại y vương, tin chắc chẳng hư dối!” Đây là chuyện trong tháng Mười Một năm Dân Quốc 22 (1933), cư sĩ đích thân kể lại với Huệ Châu, do vậy bèn ghi ngay lại.

### ***17. Bệnh nặng trừ sạch***

Tại trấn Kiều Lâm thuộc huyện Giang Phô, có ông Ngô Tông Giám làm nghề y, tin Phật. Trong trấn có Cổ Cối Thiên Lâm, ông phát nguyện trùng tu. Do quỳên mộ không đủ số, ông lo buồn, lao lực thành bệnh nặng. Con dâu trưởng của ông là Lưu Thị cũng niệm Phật. Do vậy, bèn ước hẹn các bạn đạo cùng đến Thiên Lâm ấy, đôi trước Địa Tạng Bồ Tát khấu đầu, cầu đảo, cầu tăng tuổi thọ cho ông, và cầu cho việc trùng tu chùa được hoàn thành. Hai ngày sau, ông đang thiêm thiếp, bỗng tỉnh lại nói: “Trong mộng, cha thấy một hòa thượng an ủi, hỏi han. Do vậy, bệnh được lành”. Tháng Sáu năm Dân Quốc 22 (1933), Viên Truyền Kiệt ghi.

### ***18. Tạo tượng linh cảm***

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú***

Tiên mẫu là Lý Thái Phu Nhân, từ sau sáu mươi tuổi, mỗi tiết Đông, hai chân đều tê cứng, đau nhức, chẳng tiện đi lại, qua Xuân tự lành. Năm Dân Quốc 12 (1923), mẹ tôi sáu mươi chín tuổi, bấp chân đau càng nặng, rên rĩ nằm bẹp trên giường hơn một tháng, chữa trị chẳng thấy bớt. Viên Diệu chỉ biết hàng ngày lễ tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên để xin Ngài rủ lòng từ gia hộ. Một hôm, tụng đến phẩm Như Lai Tán Thán: “*Hoặc thủ bệnh nhân khả ái chi vật, hoặc y phục, bảo bối, trang viên, xá trạch, đối bệnh nhân tiền, cao thanh xướng ngôn, ngã mỗ giáp đẳng vị thị bệnh nhân đối kinh tượng tiền xả chư đẳng vật, hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo Phật, Bồ Tát hình tượng*” (Hoặc lấy vật mà bệnh nhân yêu thích, hoặc là quần áo, vật báu, trang trại, vườn tược, nhà cửa, đối trước bệnh nhân, lớn tiếng xướng rằng: - Tôi tên là... vì bệnh nhân này, đối trước kinh tượng, bỏ các thứ vật để cúng dường kinh, tượng, hoặc tạo hình tượng Phật, Bồ Tát), bèn dường như vỡ lẽ! Tụng xong, đối trước Phật phát nguyện, vì mẹ tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát, lại còn chạy đến thưa với mẹ. Mẹ vui mừng nói: “Bệnh không gì chẳng phải là nghiệp, cần phải cậy vào Phật từ gia bị. Nay con phát nguyện tạo tượng, thật hợp ý mẹ. Mẹ được bà ngoại con cho một viên châu tinh ròng, tròn trịa, tươi sáng. Mẹ vì nhớ bà ngoại, hết sức quý trọng. Nay đem châu ấy cúng dường Bồ Tát có được hay không?”

Tôi bèn cậy vị thầy tạc tượng nổi tiếng ở Bắc Bình là ông Cảnh Sơn theo đúng pháp tạc tượng bằng cốt đồng, thép vàng. Viên châu đem khảm vào giữa hai mày để tượng trưng cho bạch hào. Hai mươi ngày sau, tượng tạc thành. Ông Cảnh đưa tới, tướng hảo trang nghiêm, từ bi hoan hỷ. Ông Cảnh nói kể từ khi tạc tượng tới nay, đã có chuyện chưa từng có. Viên Diệu vội vàng thưa với mẹ. Mẹ nghe xong, lập tức hết đau, tự bước xuống giường, vào Phật đường, đánh lễ, quỳ lạy như kẻ chẳng bị bệnh. Đây chính là bệnh lâu ngày mà nhanh chóng dứt hẳn. Người thấy, kẻ nghe, đều than Bồ Tát từ bi cảm ứng nhanh chóng chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, tôi trước sau cậy ông Cảnh tạo tượng Bồ Tát hơn mấy chục bức. Mẹ tôi vốn ăn chay trường niệm Phật; từ đây, càng thêm tinh tấn, đi lại còn nhanh nhẹn hơn trước. Cho tới ngày Hai Mươi Một tháng Chạp năm Dân Quốc 18 (1929), lúc cụ bảy mươi lăm tuổi, bèn niệm Phật về Tây. La Viên Diệu ở huyện Bảo Tĩnh, tỉnh Hồ Nam kính ghi.

## ***19. Bụng trưởng mau hết***

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bồn Nguyễn Kinh Khoa Chú***

Vào mùa Hạ, Văn Hoán quảy trapsang Tô Châu, mắc chứng bệnh sốt rét khá nguy kịch. Sau khi lành bệnh, bụng bị căng trướng, thuốc thang vô hiệu. Do một mực tin tưởng Phật pháp, nghĩ Địa Tạng Bồ Tát có đại nguyện lực, có thể cứu bạt tội khổ, bèn chí tâm sám hối, đánh lễ, và phát nguyện kiên thành tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bồn Nguyễn ba mươi bộ, in tặng một trăm quyển Địa Tạng Bồ Tát Bồn Tích Linh Cảm Lục để báo đáp từ ân trong một phần ức. Phát nguyện ấy rồi, do ngày hôm ấy tiết trời nóng bức, bèn mặc quần ngắn nằm ngủ, bỗng thấy khắp thân sáng khoái, bèn ngủ say. Sáng sớm hôm sau, tỉnh giấc, bụng xẹp dần, lại biết đói. Chẳng đầy ba ngày, bệnh trướng hoàn toàn tiêu mất như chưa hề bị bệnh, hoan hỷ tán thán đúng là chưa từng có.

Do vậy nghĩ tới lòng từ bi của Đại Sĩ, cảm ân khôn cùng! Vì thế, gởi thư kể khắp, để chứng nghiệm sự linh dị. Chỉ mong chúng sanh trong đại thiên đều được hưởng cam lộ, cùng ngưỡng nhờ sự giáo hóa của Phật, quạt gió Từ để dứt tội nghiệp, hóa lửa bùng thành mát mẻ. Đây là điều tôi mong mỏi. Những điều được kể trong bài này toàn là những gì tôi đích thân từng trải, tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm. Tháng Sáu năm Dân Quốc 22 (1933), Châu Văn Hoán ở nhà số 8, ngõ Đông Ngôn Tử tại Thường Nhiệt kính thuật.

### ***20. Nghi nan được giải trừ***

Chồng bà Trần Cẩm Thiên là Cáo Tịnh tuổi Tân Mùi, theo Điền quân<sup>272</sup> vào đất Quế. Chồng của em gái tôi cũng theo đoàn quân. Đại quân đã quay về mà chẳng thấy họ trở lại, sống chết chẳng biết thế nào! Cả nhà nóng ruột muôn bề, hỏi ý tôi. Tôi đã chẳng có thần thông, làm sao nói quyết đoán cho được? Chẳng còn cách nào, đành cậy sức oai thần của Địa Tạng Đại Sĩ, dùng pháp Chiêm Sát để cầu. Nếu chịu dộc lòng chí thành, chắc sẽ được tương ứng. Tôi bảo họ trở về, cả nhà trai giới, kiên thành tụng thánh hiệu Địa Tạng. Ba ngày sau, mọi người tụ tập tại Phật đường, lại trì thánh hiệu mấy ngàn câu, dùng pháp Chiêm Sát, chẳng được tương ứng. Tôi nói: “Đây là do chẳng chí thành mà thành ra như vậy, mọi người hãy tĩnh tọa thâm niệm rồi sẽ xin Chiêm Sát lại”.

---

<sup>272</sup> Đây là thời loạn lạc sau khi Cách Mạng Tân Hợi (1911) thành công, nhà Thanh bị lật đổ, Trung Hoa Dân Quốc thành lập. Các tướng lãnh quân phiệt nổi lên khắp nơi, chia thành nhiều phe phái, xé nát Trung Hoa. Điền quân là phe quân phiệt ở phương Nam, chủ yếu tại các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên v.v... do Thái Ngạc, Đường Kế Nghiêu và Long Văn cầm đầu.

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyên Kinh Khoa Chú***

Trong chốc lát, hương đã cháy quá nửa, tôi đột nhiên thấy một mảnh rừng rậm, trong ấy có con đường nhỏ, trong sát-na lại ảm mắt. Do vậy, tôi xuất Định. Em gái tôi bỗng nói: “Vừa mới tỉnh tọa khi hương cháy được quá nửa, em bỗng thấy có một vị mặc áo tăng sĩ bước vào. Áo ca-sa ấy mỏng như giấy, sáng ngời trang nghiêm, khiến cho kẻ khác kính ngưỡng! Người ấy đi quanh trước bờ đoàn của anh một vòng rồi biến mất. Em bỗng thấy một mảnh rừng rậm, trong ấy có con đường nhỏ. Em đi sâu vào, bên đường có một căn nhà nhỏ, có một xác chết nằm dưới đó, em kinh hãi, tỉnh thức”. Tôi cũng thuật lại điều trông thấy, tình trạng tựa hồ chẳng tốt lành, mọi người đều buồn bã.

Địa Tạng Đại Sĩ cố nhiên hiện tướng tỳ-kheo: Đã thấy người mặc tăng phục bước vào, ắt là Đại Sĩ linh cảm chẳng ngờ! Nhưng rốt cuộc là như thế nào? Chưa đầy một ngày, có người cùng đi trong chiến dịch ấy trở về, chuyện hung hiểm được xác định! Ấy là vì họ bị địch vây bức, giết hại ở dưới một căn nhà nhỏ, đúng y như em gái tôi đã thấy. Quy Tịnh cho rằng đây là chuyện chồng cô ta đích thân trải qua, thật là hy hữu. Kính cẩn ghi lại như trên! Phạm Đại Sĩ phát tâm nơi nhân địa là do muốn thấy chỗ mẹ mình đã sanh về mà phát khởi thế nguyện. Nhân địa như thế, cho nên nơi quả vị cảm chúng sanh, đối với kẻ có nghi nan lại càng ân cần! Kinh Bổn Nguyên dạy: *“Thị nhân năng nhất tâm chiêm lễ Địa Tạng thánh tượng, niệm kỳ danh tự mãn ư vạn biến, đương đắc Bồ Tát hiện vô biên thân, cụ cáo thị nhân quyền thuộc sanh giới; hoặc ư mộng trung, Bồ Tát hiện đại thần lực, thân lãnh thị nhân, ư chư thế giới, kiến chư quyền thuộc”* (Người ấy có thể nhất tâm chiêm ngưỡng, lễ bái thánh tượng Địa Tạng, niệm danh hiệu Ngài đủ một vạn biến, sẽ được Bồ Tát hiện vô biên thân, bảo cận kề nơi quyền thuộc của người ấy sanh về, hoặc ở trong mộng, Bồ Tát hiện đại thần lực đích thân dẫn người ấy thấy các quyền thuộc trong các thế giới). Than ôi! Chúng sanh nghi nan biết được đầu mối! Quy Tịnh ghi.

### ***21. Sanh nở nguy ngập lại được giữ vẹn tánh mạng***

Mùa Xuân năm Canh Ngọ (1930), vợ tôi có thai. Ba tháng trước khi sanh, thai bỗng bất động. Cầu thần, xem bói đều vô hiệu, lại chẳng dám uống thuốc. Nhưng do bụng to, đi lại khó khăn, tâm thường lo sợ. Lại vì tôi ăn chay học Phật, nếu có chuyện bất trắc, càng khiến cho người làng biếm nhẽ! Nhớ lại mười năm trước, có một vị Tăng, tiên đoán “vào lúc ba mươi sáu tuổi, phải cẩn thận đề phòng sản nạn”, vừa

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú***

khéo đúng hết như lời thầy chiêm tinh bảo “coi chừng mắc nạn”. Do vậy, nóng ruột muôn phần, kinh hoàng, sợ hãi chẳng biết cách nào! Một đêm nọ, vợ tôi hướng về tôi khóc lóc, kể lể. Nghe lời ấy, tôi càng kinh hãi, chua xót cùng cực! Bỗng nhớ đến kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện có thể bảo vệ người gặp tai ách về sanh nở. Nếu có ai hứa nguyện, chí tâm tụng kinh, trì tụng thánh hiệu, ắt được sanh nở bình an. Vừa mới dấy lên ý niệm ấy, tôi liền cảm thấy tâm thần an vui, khỏe khoắn, như băng tan rã. Sáng sớm hôm sau, đối trước Phật tâu trình cẩn kẽ. Chẳng ngờ, ngay đêm ấy, vợ tôi lâm bồn. Thai nhi vẫn thuận chiều sanh ra, nhau thai cũng theo ra. Nhìn xem, thân thai nhi đã hư nát, sao lại có thể xoay đầu xuống để thuận chiều sanh ra? Nếu chẳng phải do sức từ bi cứu khổ của Bồ Tát, làm sao được như vậy? Vì thế, tôi thệ nguyện hành Địa Tạng hạnh để nguyện báo ân Bồ Tát. Những người đồng bệnh tương lân trong nước, chí thành trì tụng tôn kinh, phóng sanh, kiêng giết, ắt được sanh nở an Khang, lời Phật chẳng hư huyễn. Chính tôi là một minh chứng vậy! Người đất Tương ghi.

## ***22. Lạy kinh khởi bệnh***

Lòng Từ của Phật rộng lớn, cảm ứng chẳng sai chạy. Điều này những kẻ hơi có chút tri kiến đều công nhận. Gia mẫu là Trương Thị, pháp danh là Năng Tu, bảm tánh hiền thực, thông thạo văn tự, về làm vợ cha tôi, tận lực trọn đạo làm vợ, xóm giềng đều khâm phục. Đảm đang việc nhà, từng có những điều bị uất ức, bận lòng, vẫn giấu kín trong lòng chẳng lộ ra ngoài, suốt ba mươi năm đều như một ngày. Đối với chú Vãng Sanh và kinh Quán Âm, cụ hết sức thuần thực, nhưng thưở ấy chưa thể lập khóa tụng, tu trì.

Vào độ tuổi năm mươi, cụ bỗng thôi ăn thịt, có kẻ đem các tà thuyết để khuyên lon chớ nên ăn chay, cụ vẫn chẳng màng. Vài năm sau, bỗng cụ cảm thấy đi lại chẳng thoải mái. Kế đó, hai tay chẳng thể giở lên được, dần dần eo vô lực, lưng còng, hơi giống như bị gập lại, hễ động tới là đau. Do vậy, càng chẳng thể đi lại. Từ sảnh đường cho đến trong phòng, ắt phải cậy vào xe lăn để ra vào. Nhưng căn bệnh thuộc về xương khớp, sức thuốc chẳng thể thấu tới được. May là cụ được Phật từ gia bị, khiến cho Kính Am tôi gặp nhân duyên quy y Tam Bảo. Năm sau, mẹ cũng quy y; kế đó, lại thờ tượng Phật trong nhà, cũng như tạc thánh tượng hai vị Đại Sĩ Quán Âm và Địa Tạng, sáng tối kính lễ, niệm tụng.

## **Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú**

Gia mẫu tuy bị bệnh khổ quán thân, cũng niệm tụng suốt ngày. Mỗi ngày, cụ còn thắp hương, lễ bái, bảo Kính Am tôi ở bên cạnh nâng đỡ, dầu kiệt sức cũng chẳng thiếu sót. Hơn một năm như thế, Kính Am tôi chưa từng thấy mẹ đau buồn vì bệnh tật. Tôi luôn đem công đức do thọ trì kinh chú thường ngày và những thiện niệm dầu bằng máy lông, sợi tóc hồi hướng cho mẹ tiêu tai, thoát nạn. Kế đó, tôi nghĩ Địa Tạng Đại Sĩ thần lực chẳng thể nghĩ bàn, đời trước, Ngài đã độ mẹ thoát nạn. Chuyện này được nói tường tận trong kinh. Tôi bèn phát tâm cung tụng Địa Tạng Bổn Nguyện Kinh để cầu nguyện.

Xét thấy kinh văn quá dài, sanh kế bận bịu, khó thể tụng trọn, bèn thâm tưởng các sự tích trong mười ba phẩm kinh, ghi nhớ nằm lòng tựa đề của mỗi phẩm, dùng để bái kinh thay thế [cho việc tụng niệm]. Như phẩm thứ nhất là Đạo Lợi Thiên Cung Thần Thông, bèn trước hết quán tưởng tựa đề của phẩm ấy, sau đấy quán tưởng kinh nghĩa rồi lay xuống. Từ phẩm thứ hai là Phân Thân Tập Hội cho đến phẩm thứ mười ba là Chúc Lụy Nhân Thiên cũng lại như thế. Lay xong, lại niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát mấy trăm câu rồi hồi hướng. Quyền nghi như thế, rất sợ chẳng thể khế hợp Phật tâm.

Hành như vậy mấy tháng, bỗng có một hôm, gia mẫu đang ngồi ngay ngắn chợt hôn mê, bất tỉnh nhân sự. Kính Am kinh hoảng, sợ hãi muôn phần! Chạy đến bên mẹ, chấp tay xưng niệm thánh hiệu Đại Sĩ gần mấy chục tiếng, liền thấy mẹ tỉnh lại, ói ra mấy bát nước có cạnh màu đen, giống như huyết khí uất ức tích tụ nhiều năm. Tôi vội mời danh y chẩn trị, họ cho là khí huyết thiếu hụt, tổn hại, khó thể có hiệu quả, cứ kê toa uống thử xem. Kính Am lại quỳ trước Đại Sĩ, kiên thành cầu Ngài rủ lòng Từ gia hộ. Ngày đêm xưng danh, chẳng lìa trong tâm. Chỉ mới uống vào một thang thuốc, bệnh trạng dần dần thấy khởi sắc. Kính Am dốc lòng thành khẩn cầu càng thêm khẩn thiết.

Sau đấy, mẹ dần dần có thể đi lại, ra vào chỉ cần được nâng đỡ. Mấy tháng sau, hoàn toàn có thể chống gậy đi một mình. Nay thì không cần gậy, vẫn đi lại tự nhiên. Hiện thời, cụ đã sáu mươi bốn tuổi, hằng ngày lễ Phật mấy chục lay, tự đứng lên không cần ai nâng đỡ, cũng chẳng cảm thấy khổ sở. Phàm là người bị bệnh nặng, tuổi tác đã cao, không nhờ vào công năng của thuốc men mà tự nhiên lành bệnh, là chuyện ít gặp trong cõi đời! Ấy là nhờ Địa Tạng Đại Sĩ thế nguyện hoằng thâm, lợi ích cứu giúp hữu tình, không gì chẳng trọn. Chỉ cần có thể phát nguyện kiên thành, ai cũng có cảm ứng. Xét trong những sự tích trước đó đã ghi chép rành rành. Nhìn từ chuyện linh cảm tôi đích thân



### ***Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú***

đạt được, càng thêm tin đúng như thế đó! Kính cần ghi lại chuyện này, hồng khuyên người đời. Tháng Sáu năm Ất Hợi (1935), nhằm mùa Hạ, Tam Bảo đệ tử Viên Kính Am ghi chép.

### ***23. Tâm thanh cứu khổ***

Cư sĩ Hoàng Trang Huệ Châu là người ở thành phố Phước Châu. Mười chín tuổi xuất giá, hai mươi bốn tuổi bèn ăn chay, tin Phật. Năm Dân Quốc 24 (1935), nhà chồng bà thờ cúng tà thần, thường bị chúng tác quái quấy nhiễu. Cư sĩ phần uất, đem tượng đất của chúng vứt vào trong chum sành thường dùng để nuôi cá. Không lâu sau, cư sĩ có mang. Khi sanh nở, mắc chứng bệnh kinh phong, toàn thân nằm tê liệt trên giường, thuốc men đều vô hiệu. Tự nghĩ chắc là tà quái báo thù, thế gian vô thượng chỉ có Phật, Bồ Tát, cùng với Duyên Giác, Thanh Văn là có thể nương tựa. Đại Bi Quán Âm Bồ Tát, Đại Nguyện Địa Tạng Bồ Tát thường cứu độ chúng sanh trong nhân gian và địa ngục. Không gì bằng nhất tâm quy mạng, xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng để cầu trừ khổ, lại còn nghĩ sẵn lòng lâm chung. Từ đấy, mỗi ngày tụng trì mấy chục vạn câu.

Chưa được một tuần, mộng thấy đến bên bờ biển, trông thấy sóng cả cuộn cuộn vỗ tung bọt, sắc nước đen xì như sơn. Có vô số tiếng gào đau khổ, thê thảm, thê lương lan xa chẳng dứt. Đang trong lúc bà kinh ngạc, bỗng thấy một vị tỷ-kheo sa-môn bay lướt trên mặt biển. Ngài đến nơi đâu, tiếng khổ liền im bật. Cư sĩ mới biết đây là đức Địa Tạng độ sanh, lập tức hoan hỷ lễ bái. Sau khi tỉnh giấc, thân đau đớn bỗng dung khỏi hẳn. Ngày hôm sau, có thể dựa vào người khác nâng đỡ mà đi lại. Chẳng đầy nửa tháng liền bước đi như thường. Đây chính là linh tích từ bi của Bồ Tát trong thời cận đại. Tâm Nhiên kính ghi.

### ***Lời cuối sách***

Gia đình mặt nhân tuy tin Phật, theo lời bố mẹ kể, nhà ông bà nội ngoài quê dành riêng một gian nhà thờ Phật, nhưng không hiểu sao, hai cụ thân sinh của mặt nhân lại không thờ Phật. Ngoài hình đức Phật Thích Ca mà bà ngoại thờ tại nhà cụ và hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát tại nhà một người bạn, thuở bé, mặt nhân trọn chẳng biết có vị Phật, Bồ Tát nào khác, chỉ biết tên những vị thần tiên từ các bộ truyện Tàu như Phong Thần, Tây Du Ký v.v... Mãi đến năm học lớp Tám, khi bà

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

ngoại của một người bạn thân mật, lần đầu tiên được thấy tôn dung của đức Địa Tạng trong đám tang, cứ ngỡ đây là hình tượng Đường Tam Tạng trong Tây Du Ký. Khi biết đó là Địa Tạng Bồ Tát, tự nhiên hoan hỷ vô cùng, ao ước có được một bức hình như thế, nhưng vẫn chưa thỏa nguyện. Sau đây, như một cơ duyên, được thấy quyển kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên nơi nhà một người bạn, nhưng vẫn không được phép mượn về đọc trọn bộ. Vài năm sau, vô tình được đọc kinh Diên Mạng Địa Tạng, vẫn ước ao được đọc toàn bộ kinh Địa Tạng Bồ Tát do Hòa Thượng Trí Tịnh dịch. Thuở ấy, sau năm 1975, kinh sách hiếm hoi, những người có kinh, sách đều sợ bị mượn rồi không trả, hầu như không ai chia sẻ, rất khó tìm đọc kinh sách. Tại chợ sách cũ, mặt nhân tìm được một bản kinh Địa Tạng Bản Nguyên do hội Phật Giáo Bắc Kỳ dịch, thích thú đọc từng dòng. Sau đó, lại có cơ duyên đọc bản dịch của Hòa Thượng Trí Tịnh có đôi chiếu phần âm đọc Hán Việt và phần Việt Văn từ nhà một người bạn, năn nỉ mượn về, chép lại, lâu lâu lôi ra thăm tụng, cảm thấy rất thích thú, tuy chất lượng giấy tập học trò thuở ấy rất xấu, chữ viết lại nguệch ngoạc, xộc xệch vì chép vội cho xong để kịp thời trả kinh lại, kéo người cho mượn phiền lòng.

Sau này, khi một người bạn của anh mặt nhân do dọn dẹp nhà cửa, tình cờ tìm thấy ba bức hình Bản Sư, Địa Tạng và Quán Âm in trước năm 1975 đem cho, mặt nhân mới có cơ hội trân trọng thờ phụng mãi cho đến khi rời khỏi Việt Nam. Lúc ra đi, chỉ mang theo được một bức tượng Di Đà bằng gốm đỏ do chùa Trúc Lâm (Bà Chiểu) tặng, vì người nhà yêu cầu để lại ba bức hình trên. Sang hải ngoại, hết sức cảm thương những người tin Phật bên nhà, vì bên này kinh tượng quá sẵn, nhất là Tịnh Tông Học Hội thí tặng rất nhiều tranh tượng Tây Phương Tam Thánh và hình Địa Tạng, cũng như các kinh sách khác. Đã thế, trên các phương tiện truyền thông như Internet, đủ loại kinh sách, tha hồ mà tham khảo. Thế nhưng, có lẽ vì quá sẵn, quá dễ dàng, các đạo hữu dường như không trân trọng cho lắm, số người thật sự trân quý kinh sách, ảnh tượng như bên nhà hầu như hiếm thấy tại hải ngoại! Ngay chính mặt nhân, do kinh sách quá nhiều, đã quen thói tham lam “đọc ngón ngáu” kinh sách, ít có dịp lắng lòng suy ngẫm ý nghĩa sâu xa. Nhưng sâu thẳm trong lòng, mặt nhân vẫn một mực kính tin đức Địa Tạng, vẫn đọc tụng kinh Địa Tạng mỗi khi tiện dịp.

Năm 1998, từ kho sách tại Tịnh Tông Học Hội Dallas, mặt nhân tìm được hai quyển Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú và Địa Tạng Kinh Lược Thuyết của pháp sư Thánh Nhất. Tiếc là do kiến

## ***Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú***

thức lam nham, trình độ chữ Hán nhấp nhem, mặt nhân đành bỏ dở không thể đọc trọn bộ Khoa Chú vì ngài Linh Thừa dùng nhiều điển tích, thành ngữ và chữ viết theo lối cổ, khó thể tra cứu (thuở đó chưa có Unicode, nên việc tra cứu chữ Hán trên Internet khá phức tạp). Đọc bộ Lược Thuyết của ngài Thánh Nhất thì hơi thất vọng vì hầu như lời giảng chỉ là diễn giải chánh kinh thành văn Bạch Thoại, không phơi bày ý nghĩa sâu xa trong kinh văn. Gần đây, do xem một video của một vị hòa thượng tại châu Âu, mặt nhân kinh ngạc khi vị hòa thượng ấy khẳng định kinh Địa Tạng là ngụy kinh, cũng như đọc một số bài viết của một vị thượng tọa nổi danh trong nước, mặt nhân sững sờ khi vị ấy hô hào phải loại bỏ các kinh Dược Sư và Địa Tạng khỏi Đại Tạng Kinh Việt Nam vì các kinh đó mang tính chất van vái, cần xin, quy lụy!

Hết sức ngỡ ngàng, mặt nhân thỉnh ý một vị pháp sư trong Tịnh Tông Học Hội. Pháp sư cười bảo: “Anh có tin nhân quả hay không? Nếu tin, kinh Địa Tạng có nói điều gì chẳng phải là nhân quả hay không? Có điều gì sai với nhân quả hay không? Tự nghĩ đi! Đạo Phật mà không có nhân quả, chúng sanh không sợ địa ngục thì ai còn tu hành làm chi nữa cho nó mệt?” Thầy cười nói thêm: “Mấy thầy đó ăn cơm của đức Địa Tạng và Phật Di Đà, lại chửi Địa Tạng và Phật Di Đà, không biết họ nghĩ sao?” Mặt nhân thắc mắc: “Ăn cơm đức Địa Tạng và Phật Di Đà là sao ạ?” Thầy bảo: “Khi nào có tang sự, có phải là tại Việt Nam, Hoa Lục, và Đài Loan, người nhà thường thỉnh tăng sĩ hay đại chúng tụng kinh Địa Tạng cầu siêu hay không? Trong đám tang, thường niệm vị Phật nào? Cầu cho người chết sanh về đâu? Hiện thời, Tăng sĩ phải sống nhờ sự cúng dường của tín chúng. Khi nào, tín đồ sẵn lòng cúng dường? Có phải là khi có tang ma, giỗ chạp hay không? Anh nói mấy thầy đó chỉ trích đức Địa Tạng, vậy chùa mấy vị ấy có thờ đức Địa Tạng hay không? Có đeo tràng hạt hay không?” Quả nhiên, sau này, vị thầy lớn tiếng đòi bỏ kinh Địa Tạng ấy lại vận động quyên góp xây điện thờ Địa Tạng khang trang tại ngôi chùa của chính mình!

Do vậy, mặt nhân vẫn thầm mong có cơ duyên dịch quyền Khoa Chú sang tiếng Việt để phần nào giúp cho các đồng tu Tịnh Độ không bị chao đảo khi nghe những lời phỉ báng kinh Địa Tạng, đồng thời hiểu sâu hơn những lời giảng kinh Địa Tạng của lão pháp sư Tịnh Không, vì khi giảng giải, hòa thượng đã trích rất nhiều ý từ bản chú giải này. Ngay như Hoàng Nhất đại sư cũng đánh giá tác phẩm này rất cao. Đến nay, do sẵn các có các tài liệu tra cứu, tâm nguyện xưa được thỏa, thâm cảm sự gia hộ của Tam Bảo nói chung và sức từ bi phổ độ của đức Địa Tạng nói

### ***Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú***

riêng. Dầu cố gắng hết sức, nhưng do không được học Phật đến nơi đến chốn, chắc chắn phần chuyên ngữ này sẽ không thể tránh khỏi những sai sót ấu trĩ khó thể tha thứ được. Chỉ mong mai sau sẽ có bậc thức giả từ bi dịch lại hoàn chỉnh để những người con Phật có thể hiểu đúng tâm ý của pháp sư Linh Thừa, cảm nhận sâu xa lòng đại từ bi của đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, và tâm cứu độ đau đáu của đức Địa Tạng.

Nếu việc làm liều lĩnh này có chút công đức nào, xin hồi hướng trọn khắp tông thân, quyến thuộc, phụ mẫu, sư trưởng, thiện ác tri thức lịch đại oán thân trái chủ, mười phương pháp giới hữu tình đều ân triêm lợi lạc, cùng sanh về Tịnh Độ. Đặc biệt cảm tạ đạo hữu Huệ Trang và Đức Phong đã bỏ nhiều thời gian duyệt bản chuyên ngữ và góp ý sửa chữa, luôn sách tấn mặt nhân cố gắng. Đặc biệt cảm ân những Tịnh tông đạo hữu vô danh đã góp sức in bộ Khoa Chú bằng tiếng Hán, để mặt nhân có dịp được xem đọc, cũng như in nhiều bản kinh Địa Tạng và in tặng rất nhiều tranh ảnh đức Địa Tạng để mọi người đều cùng được thờ phụng, không phải khổ sở tìm kiếm như mặt nhân khi xưa. Do đọc chuyện cảm ứng của Bồ Tát trừ bệnh dịch lưu hành, mong rằng nhờ chút thiện duyên này, bệnh dịch Corona sẽ mau chóng chấm dứt để các đạo hữu lại có dịp cùng nhau cộng tu, sách tấn lẫn nhau đốc chí tu niệm, vãng sanh Tịnh Độ.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính bạch.

*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú*

*Nguyện dĩ thử công đức  
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ  
Thượng báo tứ trọng ân  
Hạ tế tam đồ khổ  
Nhược hữu kiến văn giả  
Tức phát Bồ Đề tâm  
Tận thử nhất báo thân  
Đồng sanh Cực Lạc quốc*

*Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật*

*“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”*